

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經

綸貫會義

卷一

**Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang, Diệu Âm Trịnh Lộc**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

(trang trống)

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經綸貫會義卷一

**Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
古吳後學藕益智旭述**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang**

Đôi lời giải bày

Có lẽ trong hàng Phật tử chúng ta, đối với các bộ kinh lớn, rất nhiều người chưa hề có dịp đọc hoặc nghe nói tới các kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Đại Bát Niết Bàn, Đại Bát Nhã, Lăng Già, Đại Thừa Mật Nghiêm, Giải Thâm Mật, Duy Ma Cật, Thắng Man, Đại Bảo Tích v.v..., nhưng hễ là Phật tử theo truyền thống Bắc Tông, ắt hẳn không ai chưa từng đọc tụng kinh Pháp Hoa, tối thiểu là tụng phẩm Phổ Môn. Có vị còn dùng phẩm Phổ Môn làm công khóa hằng ngày, hoặc có vị chuyên tụng Pháp Hoa. Có thể nói là “*nhà nhà tụng Pháp Hoa, chùa chùa tụng Pháp Hoa*”. Thậm chí có vị còn chuyên cần lễ bái từng chữ trong kinh Pháp Hoa. Trong đạo tràng Pháp Hoa, có vị còn thuộc nằm lòng mấy phẩm. Có các liên hữu còn dùng việc tụng trì kinh Pháp Hoa làm trợ hạnh để cầu sanh Tịnh Độ. Có thể nói là kinh Pháp Hoa được giảng giải rất rộng rãi, hầu như vị giảng sư nào cũng đã từng giảng kinh Pháp Hoa, hay một vài phẩm Pháp Hoa. Tuy vậy, có một điều rất lạ là các bản chú giải về kinh Pháp Hoa được phiên dịch sang Việt ngữ khá ít. Vì thế, khi vị đạo huynh anh cả của chúng tôi có hứng thú tìm hiểu kinh Pháp Hoa, chúng tôi đã tìm kiếm rất nhiều trên các trang mạng, nhưng không tìm được một bản chú giải kinh văn Pháp Hoa chi tiết, tường tận. Điềm qua các bài giảng, có lẽ vì thời gian hạn chế, hay vì căn cơ của đại chúng, có rất nhiều chi tiết trong kinh bị các vị giảng sư lướt qua không giảng, khiến cho chúng tôi ôm nghĩ vấn đã lâu, nhưng chưa tìm được lời giải đáp. Mang tâm tư tìm kiếm một bản chú giải gần gũi, dễ hiểu, chúng tôi đã đọc thử bản chú giải của Thái Hư đại sư thì thấy Ngài chỉ giảng đại lược những nét chánh yếu, rất nhiều chi tiết lược đi. Một số bản chú giải cận đại như Pháp Hoa Kinh Dị Giải của pháp sư Phổ Hành thì lại chuyên

giảng từ ngữ và gần như là bản Bạch Thoại của chánh kinh, chứ không hoàn toàn chú trọng nghĩa lý thâm sâu trong kinh văn. Bản dịch của Pháp Hoa Văn Cú thì dịch quá sát từng chữ, nên rất khó đọc, khó lãnh hội mật nghĩa, và khó gọi lên hứng thú cho độc giả.

Sự nhớ vào năm 2000, khi đến Tịnh Tông Học Hội Dallas, mặt nhân đã thấy bộ Pháp Hoa Luân Quán Hội Nghĩa của tổ Ngẫu Ích (gồm 1.761 trang do Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn tống, gồm hai phần là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa), dày cộp như một quyển tự điển Anh Việt cỡ lớn. Do lòng tham pháp, chúng tôi đã thỉnh về, lâu lâu lật xem vài trang mỗi khi rảnh rỗi, chứ không dám mong ước chuyển ngữ vì tác phẩm này quá dài, quá khó. Trộm nghĩ Ngẫu Ích đại sư là tổ trung hưng của tông Thiên Thai, thâm nhập tột bậc giáo nghĩa Thiên Thai. Ngài lại được suy tôn là tổ Tịnh Độ, chắc chắn những lời chú giải của Ngài sẽ càng củng cố niềm tin Tịnh Độ cho các học nhân Tịnh Độ. Tiếc rằng văn phong của Tổ uyên áo, súc tích, sâu thâm, giáo nghĩa Thiên Thai quá phức tạp, rất khó chuyển ngữ gãy gọn được. Khổ nỗi kiến thức của mặt nhân chấp vá, thế học lẫn Phật học đều lem nhem, chẳng có khả năng viết lách cho nên hồn, chẳng biết cứ liều lĩnh chuyển ngữ lời dạy của Tổ thì sẽ gieo thiện duyên hay tạo thêm tội nghiệp khiến cho người khác lầm lạc. Sư huynh Đức Phong vẫn rộng dung, luôn khuyến khích mặt nhân hãy gắng chuyển ngữ. Phần vì muốn báo đáp thâm tình sách tấn, đảm đương việc ấn tống bao năm qua của anh, phần thì mong chính mình do dịp này mà có thiện duyên hiểu sâu hơn kinh Pháp Hoa, phần vì tiếc nuôi một tác phẩm trân quý cho đến nay vẫn chưa có ai dịch, cho nên đành bịt tai trộm chuông làm càn. Trong bản chuyển ngữ này, nếu lời giảng của pháp sư Phổ Hành đối với các từ ngữ trong chánh kinh chứa đựng những kiến thức hữu ích, chúng tôi sẽ ghi thêm thành lời chú thích và ghi rõ “*pháp sư Phổ Hành chú thích*”.

Do trình độ quá hạn chế, thấp kém, bản thân mặt nhân lại hoàn toàn chẳng có sự tu dưỡng và thâm nhập nào, chỉ hiểu theo nghĩa văn tự (mà cũng chẳng dám tin tưởng là chính mình hiểu chánh xác), chắc chắn bản chuyển ngữ này chẳng tránh khỏi những sai sót không thể nào chấp nhận được, lời văn sẽ lồi thoi, rườm rà, gai mắt người đọc. Ngưỡng mong các vị thiện tri thức từ bi phủ chánh, hoặc dịch lại để một phen từ bi giảng giải của Tổ không bị mai một trong dòng thời gian vô tình.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa khấu đầu kính bạch.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán
妙法蓮華經綸貫
Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật
古吳後學藕益智旭述

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là lời đàm luận rốt ráo cùng tột của chư Phật. Vốn do Thích Ca Mâu Ni Như Lai kể từ khi thật sự thành Phật đến nay, đã trải qua chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, vì độ chúng sanh, chẳng hề ngơi nghỉ, nhiều lượt thị hiện giáng sanh, nhiều lượt thị hiện nhập diệt, khiến cho kẻ chưa gieo thiện căn bèn gieo thiện căn, kẻ đã gieo thiện căn sẽ được thành thực, khiến cho kẻ đã thành thực được giải thoát. Tất cả các pháp vị chẳng ngoài bốn loại Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tất cả các hóa nghi¹ chẳng ngoài bốn loại Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định.

¹ Hóa nghi (化儀) là phương thức giáo hóa chúng sanh của đức Phật, còn nội dung của kinh điển dùng để giáo hóa chúng sanh thì gọi là “*hóa pháp*”. Hóa pháp gồm:

1. Tam Tạng Giáo (thường gọi tắt là Tạng Giáo): Tức là Tiểu Thừa Giáo. Đức Phật vì hàng tam thừa nói kinh A Hàm, chỉ nói về Không, và tu Tích Không Quán (phép Quán Không bằng cách chia chẻ, phân tích sự vật. Phép Quán này còn gọi là Chuyết Độ Quán), nhập Vô Dư Niết Bàn, chỉ chế phục Kiến Tư phiền não, chưa hoàn toàn đoạn trừ.
2. Thông Giáo: Tức giáo pháp dạy chung cho Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát. Đây là bước đầu của Đại Thừa do thấu hiểu lý “như huyền tức không” (vạn vật do nhân duyên thành lập, giống như huyền giả).
3. Biệt Giáo: Tức giáo pháp chẳng thông với hai giáo trước, chỉ nói với hàng Bồ Tát vì Nhị Thừa chẳng thể lãnh hội được. Giáo này nương theo thứ đệ tam quán (quán Không, Giả, Trung theo thứ tự).
4. Viên Giáo: Có nghĩa là giáo pháp chẳng lệch lạc, viên dung, trọn đủ, hiển thị sở ngộ của Phật, cũng chính là giáo pháp nội chứng của Phật. Phép Quán trong giáo này là Nhất Tâm Tam Quán và Thể Không Quán (thấu hiểu trực tiếp Không, chẳng cần phải trải qua phân tích, chia chẻ các pháp).

Hóa nghi gồm:

1. Đốn: Thoạt đầu lúc mới thành đạo, đức Phật đem giáo pháp Ngài đã nội chứng trực tiếp dạy cho chúng sanh, tương đương với kinh Hoa Nghiêm.
2. Tiệm: Nội dung các giáo pháp từ cạn đến sâu, tương đương với các kinh thuộc ba thời A Hàm, Phương Đẳng và Bát Nhã.
3. Bí Mật: Tùy theo căn cơ và năng lực của chúng sanh mà đức Phật dạy các giáo pháp phù hợp. Do giáo pháp tương ứng với một loại căn cơ nhất định, chẳng phải là căn cơ ấy sẽ không thể lãnh hội, nên gọi là Bí Mật.

Lại còn dựa vào tám tướng thành đạo lần này để thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đại lược gồm năm thời:

1) Đầu tiên, [đức Phật] ngồi nơi Bồ Đề đạo tràng, vì chúng sanh đại căn mà nói pháp Đại Thừa, được gọi là thời thứ nhất, tức thời Hoa Nghiêm. Xét theo hóa nghi thì là Đốn. Ví như mặt trời mọc, chiếu vào núi cao trước. Lại như từ bò mà sanh ra sữa. Xét theo hóa pháp thì kiêm cả Biệt và Viên. Viên nhằm thích hợp hàng lợi căn thuộc giới ngoại²; Biệt nhằm thích hợp hàng độn căn thuộc giới nội. Kể căn cơ nhỏ trọn chẳng có phần nơi pháp này, chẳng thấy, chẳng nghe.

2) Do vậy, [đức Phật] chẳng lìa đạo tràng Tịch Diệt³, mà đến Lộc Uyển, vì năm vị tỷ-kheo thuyết pháp Tứ Đế, diễn nói lý sanh diệt, và nói mười hai nhân duyên, chú trọng Lục Độ v.v... Thời này được là thời thứ hai, tức thời A Hàm. Xét theo hóa nghi thì là khởi đầu của Tiệm Giáo. Ví như mặt trời chiếu xuống hang sâu, lại như từ sữa sanh ra lạc. Xét theo hóa pháp thì là Tạng, chỉ phù hợp hàng độn căn thuộc giới nội (trong tam giới), khiến cho họ chuyển phàm thành thánh.

3) Kế đó, nhờ vào các vị Đại Sĩ như Duy Ma v.v... xướng họa lẫn nhau, chê trách [các giáo nghĩa] thiên, tiểu, ca ngợi [các giáo nghĩa] đại và viên. Đó gọi là thời thứ ba, tức thời Phương Đẳng. Xét theo hóa nghi thì thuộc về chặng giữa của Tiệm, ví như đến giờ thọ thực. Lại như từ lạc trở thành sanh tô. Xét theo hóa pháp thì bàn trọn cả bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên). Đối ứng với Bán Giáo mà nêu rõ Mãn Giáo. Tạng là Bán Tự Giáo; Thông, Biệt, Viên là Mãn Tự Giáo⁴, khiến cho hàng lợi căn đạt được lợi ích viên mãn, còn độn căn thì đạt được lợi ích nửa phần.

4. Bất Định: Các căn cơ bất đồng tuy cùng hiện diện trong cùng một pháp tòa, sẽ do năng lực khác biệt, mà lãnh hội, đạt được pháp ích sai khác. Vì thế, gọi là Bất Định.

² Giới ngoại (界外): Quốc độ ở ngoài tam giới, tức Tịnh Độ của chư Phật, Bồ Tát. Tam giới được gọi là “giới nội”.

³ Tịch Diệt đạo tràng, còn gọi là A Lan Nhã Pháp Bồ Đề Tràng, tức là tòa kim cang nơi đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề thành đạo ở phía Nam thành Già Da trong nước Ma Kiệt Đà. Theo Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký, nói là Tịch Diệt thì bao hàm bốn nghĩa:

1. Chướng diệt.
2. Chứng diệt, tức chứng ngộ lý tịch diệt.
3. Hiện lộ đức tịch diệt: Thị hiện mười thân của Phật và pháp Phổ Hiền v.v...
4. Do lợi ích chúng sanh mà thành tựu Diệt.

⁴ Bán Tự: Giáo pháp chưa diễn tả trọn vẹn chân lý, mang tính chất quyền biến, ví như chữ chưa viết trọn vẹn. Bán Tự thường dùng để sánh ví giáo pháp quyền tiểu, Mãn Tự là giáo pháp diễn tả trọn vẹn chân lý, phô bày Thật Tướng.

Trước hết [là khiến cho người được giáo hóa] trở thành bậc thánh, ngầm đạt được lợi ích chung.

4) Kế đó, cùng với bốn vị đại đệ tử đồng chuyển pháp luân, dung hội hết thảy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Mahāyāna, Đại Thừa), được gọi là thời thứ tư, tức thời Bát Nhã. Xét theo hóa nghi thì là kết cục của Tiệm. Ví như gần chánh Ngọ. Lại như từ trong sanh tô mà sanh ra thực tô. Xét theo hóa pháp thì kèm theo Thông và Biệt; hoàn toàn giảng về Viên Giáo, khiến cho các căn cơ thuộc giới nội đều đạt được lợi ích “*cộng Bát Nhã*” của tam thừa trong Thông Giáo, còn các căn cơ thuộc giới ngoại sẽ đạt được lợi ích bất cộng Bát Nhã thuộc Biệt Giáo và Viên Giáo, trước hết là trở thành bậc thánh, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt.

5) Kế đó, trong hội Linh Sơn bèn khai Quyền, hiển Thật, khai cận, hiển viên⁵, được gọi là thời thứ năm, tức thời Pháp Hoa. Xét theo hóa nghi thì là dung hội Tiệm để quy vào Đốn, mà cũng có thể nói là “*chẳng phải Đốn, chẳng phải Tiệm*”. Ví như mặt trời lúc chánh Ngọ, chiếu tròn khắp đại địa, [vạn vật] tròn chẳng có bóng nghiêng. Lại như từ thực tô sanh ra đề hồ. Xét theo hóa pháp thì là thuần Viên, không một ai chẳng được làm Phật. Bốn hoài xuất thế do vậy mới được thỏa thích. Toàn thể phương tiện hóa độ chúng sanh của Như Lai, giềng mối rộng lớn lập bày giáo pháp đều được mở toang, nêu rõ trong kinh này. Vì thế, [kinh này] riêng được gọi là Diệu. Còn như kinh Niết Bàn phù luật đàm thường⁶ bất quá là uyển chuyển nhằm thích hợp kẻ độn căn trong thời Mạt, thực thi phương tiện lần nữa khiến cho họ cùng trở về chân thật.

Hai loại hóa nghi Bí Mật và Bất Định hiện diện trọn khắp trong bốn thời trước, chỉ có thời Pháp Hoa là hiển lộ, chẳng phải là bí mật, là quyết định, chẳng phải là bất định.

Kinh này được diễn thuyết tại Linh Sơn suốt tám năm, lá bói [chép kinh] được lưu truyền, gìn giữ, chất đến tám dăm. Kinh được

⁵ Khai cận, hiển viên: Tức là như trong phẩm Thọ Lượng, đức Phật chỉ ra chuyện thị hiện thành Phật nơi Bồ Đề Đạo Tràng, tu khổ hạnh sáu năm v.v... đều là thị hiện các tướng thành đạo trong thời gần đây, chứ thật ra, đức Phật đã thành đạo từ vô lượng kiếp lâu xa.

⁶ “*Phù luật đàm thường*” (扶律談常) là dụng ngữ của tông Thiên Thai mô tả giáo pháp của kinh Niết Bàn. Do đức Phật xót thương chúng sanh đời Mạt là phùng độn căn, dễ dấy lên đoạn kiến, phá hủy giới luật, quên mất giáo thừa, ngộ Như Lai là vô thường, đọc tụng, tin tưởng kinh sách ngoại đạo. Vì thế, trong kinh Niết Bàn, đức Phật ra rả nhắc nhở giới luật. Đó là “*phù luật*”. Lại chuyên nói về lý Phật tánh thường trụ, cho nên gọi là “*đàm thường*”.

truyền vào Chân Đán (Trung Hoa), gồm ba bản dịch⁷. Nay [bản kinh đang được đàm luận ở đây] chính là bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, gồm bảy quyển, hai mươi tám phẩm. Từ xưa, các vị chú giải [kinh này] gồm nhiều loại khác nhau⁸, hoặc đơn giản, hoặc rườm rà, nhưng chẳng

⁷ Theo pháp sư Phổ Hành, ba bản dịch của kinh Pháp Hoa là:

- Bản sớm nhất là kinh Chánh Pháp Hoa do sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng dịch trong niên hiệu Vĩnh Khang thời Tấn Huệ Đế tại An Thanh Môn của Trường An, gồm hai mươi tám phẩm.

- Bản dịch thứ hai tức là bản dịch Diệu Pháp Liên Hoa Kinh của ngài Cưu Ma La Thập dịch vào năm Đinh Dậu (397) trong niên hiệu Hoàng Sơ thời Văn Hoàn Đế (Diêu Hưng) nhà Hậu Tần tại vườn Tây Minh ở Trường An, gồm hai mươi bảy phẩm.

- Bản thứ ba là Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh gồm bảy quyển, hai mươi tám phẩm, do ngài Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa dịch vào năm Tân Dậu (601) thời Tùy Văn Đế trong niên hiệu Nhân Thọ. Kinh được dịch tại chùa Đại Hưng Thiện ở Trường An.

Bản của ngài La Thập thiếu mất phẩm Đề Bà Đạt Đa, và một số bài kệ (chẳng hạn phần kệ trong phẩm Phổ Môn), các phần này về sau được lấy từ bản Thiêm Phẩm ghép vào bản dịch của ngài La Thập. Theo tự điển Phật Quang Sơn, thật ra, có sáu bản dịch, nhưng ngoài ba bản vừa kể trên, ba bản kia đều bị thất lạc, chỉ còn biết tên gọi (dựa theo danh mục trong Khai Nguyên Thích Giáo Lục) là Chánh Pháp Hoa Tam Muội Kinh (sáu quyển), Tát Đàm Phân Đà Lợi Kinh (sáu quyển), và Phương Đẳng Pháp Hoa Kinh (năm quyển).

⁸ Kinh Pháp Hoa được chú giải sớm nhất bởi ngài Thế Thân qua tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá (hiện thời có hai bản dịch bằng tiếng Hán của Bồ Đề Lưu Chi và Lạc Na Ma Đề). Chú giải bộ luận này có bộ Pháp Hoa Kinh Luận Thuật Ký (do ngài Nghĩa Tịch và Nghĩa Nhất cùng biên soạn) và bộ Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Cát Tạng. Chú sớ kinh Pháp Hoa tại Trung Hoa qua các thời đại (chỉ tính đến thời ngài Ngẫu Ích) bao gồm các tác phẩm sau:

- Pháp Hoa Kinh Sớ (hai quyển) do ngài Trúc Đạo Sanh soạn vào thời Lưu Tống.
- Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký do ngài Quang Trạch viết trong thời Nam Lương.
- Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Nghĩa do ngài Nam Nhạc Huệ Tư viết vào đời Trần.
- Pháp Hoa Văn Cú và Pháp Hoa Huyền Nghĩa của ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư).
- Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Pháp Hoa Huyền Luận, Pháp Hoa Thống Lược, Pháp Hoa Du Ý của ngài Gia Tường Cát Tạng viết vào đời Tùy.
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Tán do ngài Khuy Cơ soạn vào đời Đường.
- Pháp Hoa Ngũ Bách Vấn Luận do ngài Kinh Khê Tràm Nhiên soạn vào đời Đường.
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Yếu Giải do ngài Giới Hoàn soạn vào đời Tống.
- Pháp Hoa Kinh Hợp Luận của Huệ Cung và Trương Thương Anh biên soạn vào đời Tống.
- Pháp Hoa Kinh Khoa Chú do ngài Nhất Như viết dưới đời Minh.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

đạt được lẽ chân thật, trọng yếu. Chỉ có Thiên Thai Trí Giả đại sư, thoát đầu gặp Nam Nhạc Huệ Tư đại sư tại núi Đại Tô ở Quang Châu⁹, ngài Huệ Tư truyền trao đạo tràng Phổ Hiền, dạy [ngài Trí Giả] tu Pháp Hoa tam-muội. Tụng kinh tới đoạn “*thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai*” (đó là tinh tấn thật sự, được gọi là pháp cúng dường Như Lai thật sự) trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bỏ Sự, Ngài (Trí Giả đại sư) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân trông thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, đạt được Nhất Toàn Đà La Ni. Từ đấy trở đi, hiểu thấu suốt kinh Pháp Hoa như Hy Hòa¹⁰ đối trước muôn hình tượng [trong thế gian], thấu đạt tướng của các pháp, dường gió mát lùa qua thái hư. Ngài bèn dùng năm tầng huyền nghĩa để giải thích Tổng Đề (đề mục chung, tức tên kinh Pháp Hoa). Tôn giả Chương An ghi thành bộ [Pháp Hoa] Huyền Nghĩa gồm mười quyển. [Trí Giả đại sư] lại dùng bốn ý để giải thích, quy kết ý nghĩa kinh văn.

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa Tiết Yếu, và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán của ngài Ngẫu Ích viết vào đời Minh.

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thông Nghĩa và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hệ Tiết của ngài Hám Sơn Đức Thanh.

Ngoài ra còn phải kể đến các tác phẩm chú giải của chú sớ như Pháp Hoa Văn Cú Ký (chú giải Pháp Hoa Văn Cú) và Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa Thích Thiêm của ngài Trạm Nhiên, các bộ Khoa Chú của các vị Thủ Luân (đời Tống), Từ Thiện Hành (đời Nguyên) v.v... Hoặc các sách khai triển từ giáo nghĩa của kinh Pháp Hoa như Ma Ha Chỉ Quán (của tổ Trí Khải), Chỉ Quán Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết, Chỉ Quán Suru Yếu Ký, Chỉ Quán Đại Ý, Pháp Hoa Tam Muội Bồ Trợ Hành Nghi, Thỉ Chung Tâm Yếu (các tác phẩm này đều do ngài Kinh Khê viết) v.v...

⁹ Quang Châu (光州, dùng làm với Quảng Châu) nay là huyện Quang Sơn, tỉnh Hà Nam. Núi Đại Tô cách thành phố Tín Dương 22 km. Chùa Tịnh Cư trên núi này được coi là tổ đình của tông Thiên Thai vì tổ Nam Nhạc Huệ Tư đã đến đây kết am tu hành, khai đàn truyền pháp vào năm Thiên Bảo thứ năm (554) đời Bắc Tề. Nơi đây còn nhiều cảnh đẹp được ghi vào huyện chí như Túy Chúc Phong, Bạch Liên Trì, Nhị Môn Quán Thiên, Tiên Nhân Động, Điều Ngự Đài v.v... Trong Phật giáo Trung Hoa, núi này được coi là nơi hành đạo của Nhị Thánh (tổ Huệ Tư và tổ Trí Khải, tức Trí Giả đại sư vì tổ Trí Khải đắc pháp nơi đây), Nhị Vĩ (tức luật sư Đạo Ngạn, tổ khai sơn chùa Tịnh Cư trên nền thảo am của tổ Huệ Tư. Vị kia là Giám Chân, đệ tử của ngài Đạo Ngạn. Ngài Giám Chân đã sáu lần từ Trung Hoa vượt biển sang Nhật, truyền thừa Luật Tông, được tôn là Sơ Tổ Luật Tông của Nhật Bản).

¹⁰ Hy Hòa là gọi tắt của Hy thị và Hòa thị. Theo truyền thuyết, vua Nghiêu đã sai Hy Trọng, Hy Thúc, Hòa Trọng và Hòa Thúc chia nhau ở bốn phương quan sát thiên tượng (các diễn biến trên bầu trời) để chế định lịch pháp.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Tôn giả Chương An chép thành bộ [Pháp Hoa] Văn Cú gồm mười quyển.

I. Ngũ tầng huyền nghĩa

Nói “*năm tầng huyền nghĩa*” thì:

- 1) Một là dùng pháp và dụ (thí dụ) để đặt tên.
- 2) Hai là kinh dùng Thật Tướng làm Thể.
- 3) Ba là dùng nhân quả Nhất Thừa làm Tông.
- 4) Bốn là lấy “đoạn nghi, sanh tín” làm Dụng.
- 5) Năm là dùng vô thượng đề hồ làm giáo tướng.

Nói “*dùng bốn ý để giải thích kinh văn*” thì:

- Một là nhân duyên.
- Hai là xét theo giáo [tức là dùng tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên để luận định].
- Ba là Bồn, Tích.
- Bốn là quán tâm.

Phần giải thích kinh văn rộng lớn, chưa thể nói cặn kẽ được. Nay nêu đại lược năm tầng huyền nghĩa:

1. [Tầng huyền nghĩa thứ nhất]: Dùng Pháp và Dụ để đặt tên Kinh

Hai chữ Diệu Pháp là nói đến Pháp. Hai chữ Liên Hoa là Dụ (thí dụ).

Nói đại lược, Pháp là chúng sanh pháp, Phật pháp, và tâm pháp.

1.1. Diệu

Diệu, nói đại lược thì gồm tương đãi diệu (相待妙, diệu do có sự đối đãi, so sánh) và tuyệt đãi diệu (絕待妙, diệu tuyệt đối, dứt bật đối đãi, so sánh). Kinh dạy: “*Vì linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*” (Vì khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật).

a) Nếu chúng sanh chẳng có tri kiến của Phật, làm sao bàn luận, khơi mở cho được? Hãy nên biết tri kiến của Phật uẩn tàng trong chúng sanh. Vì thế, chúng sanh pháp là Diệu.

b) Phật pháp chẳng ra ngoài Quyền và Thật. Kinh dạy: “*Thị pháp thậm thâm diệu, nan kiến, nan khả liễu, nhất thiết chúng sanh loại, vô*

năng tri Phật giả” (Pháp này rất sâu màu nhiệm, khó thấy, khó thể thấu hiểu. Hết thấy các loài chúng sanh, không ai có thể hiểu biết Phật), tức là tán thán Thật Trí màu nhiệm. Kinh lại dạy: “*Cập Phật chư dư pháp, diệc vô năng trắc giả*” (Và các pháp khác của Phật, cũng chẳng thể lường được), tức là tán thán Quyền Trí màu nhiệm. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tận Thật Tướng của các pháp. Các pháp là Quyền nơi Thật, Thật Tướng là Thật trong Quyền. Vì vậy, Phật pháp là Diệu.

c) Phẩm An Lạc Hạnh chép: “*Tu nhiếp kỳ tâm, quán nhất thiết pháp bất động, bất thoái*” (Tu tập, thâm nhiếp cái tâm, quán hết thấy các pháp bất động, chẳng lui sụt). Kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Ngã tâm tự không, tội phước vô chủ. Quán tâm vô tâm, pháp bất trụ pháp*” (Tâm ta tự không, tội phước chẳng có chủ. Quán tâm chẳng có tâm, pháp chẳng trụ vào pháp). Kinh Tịnh Danh dạy: “*Quán thân Thật Tướng, quán Phật diệc nhiên, chư Phật giải thoát, đương ư chúng sanh tâm hạnh trung cầu*” (Quán Thật Tướng của thân, quán Phật cũng thế. Hãy nên từ trong tâm hạnh của chúng sanh mà cầu sự giải thoát của chư Phật). Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, và chúng sanh, ba pháp ấy chẳng sai khác). Vì thế, tâm pháp là Diệu.

“*Tương đãi diệu*” (Sự màu nhiệm tương đối, có tánh chất đối đãi): Do pháp Bán Tự có đối đãi nên là Thô, thấu hiểu pháp Mãn Tự thì là Diệu. Trong Tam Tạng, chỉ có pháp Bán Tự thuộc về Sanh Diệt Môn, chẳng thể thông với lý viên mãn; cho nên là Thô. Pháp Mãn Tự là Bát Sanh Bát Diệt Môn; cho nên là Diệu. Lại như Phương Đẳng, Bát Nhã kèm theo phương tiện, thông với lý viên mãn, cho nên là Thô. Nay kinh này hiển thị thẳng thừng lý viên mãn, cho nên là Diệu.

“*Tuyệt đãi diệu*” (Sự màu nhiệm tuyệt đối, chẳng có đối đãi): Nói ra pháp chẳng phân biệt, biên chính là trung¹¹, không gì chẳng phải là Phật pháp, mát sạch [các tình kiến chấp trước], thanh tịnh, chẳng còn có pháp để hình dung, so sánh. Đối đãi với điều gì mà là Thô? Hình dung điều gì mà là Diệu? Chẳng có gì để đối đãi, chẳng biết gọi tên là gì, bèn cưỡng gọi là Tuyệt.

“*Diệu*” hàm ý “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chẳng vì Thô mà gọi là Diệu! Nếu nói là riêng có pháp giới rộng lớn, độc đáo, tuyệt diệu, thì sẽ là có quá nhiều thứ, sao có thể gọi là Tuyệt cho được? Nay pháp giới

¹¹ “Biên” là chấp vào một phương diện đối đãi, chẳng hạn có, không, tốt, xấu, thiện, ác v.v... thường gọi là Nhị Biên. Trung là không chấp trước vào sự đối đãi.

thanh tịnh, chẳng thể dùng đối đãi để nêu bày, chẳng thể dùng Tuyệt (dứt bất đối đãi) để nêu bày, đối đãi và tuyệt đối đều bị diệt mất. Vì thế nói là Tịch Diệt.

Dùng hai thứ Diệu ấy [để phán định] thì trong ba pháp diệu trên đây (tức chúng sanh pháp, tâm pháp, và Phật pháp), chúng sanh pháp cũng có đủ hai thứ Diệu (tức tương đãi diệu và tuyệt đãi diệu), Phật pháp và tâm pháp cũng có đủ hai thứ Diệu. Vì thế, gọi là Diệu Pháp.

Lại nữa, giải thích Diệu rộng rãi hơn thì Tích Môn¹² gồm mười thứ diệu, Bốn Môn gồm mười thứ diệu, quán tâm gồm mười thứ diệu.

1.1.1. Mười điều diệu của Tích Môn

Một là cảnh diệu. Hai là trí diệu. Ba là hạnh diệu. Bốn là vị diệu (địa vị màu nhiệm). Năm là tam pháp diệu (Giới, Định, Huệ đều diệu). Sáu là cảm ứng diệu. Bảy là thần thông diệu. Tám là thuyết pháp diệu. Chín là quyền thuộc diệu. Mười là công đức lợi ích diệu.

Cảnh Thật Tướng chẳng phải do Phật, chư thiên, hay con người tạo tác, mà vốn tự có, chẳng phải tới nay mới có. Vì thế, xếp điều này đầu tiên. Do mê lý nên dấy lên Hoặc (phiền não); do thấu hiểu lý nên sanh trí. Trí là cái gốc của hạnh. Do có con mắt trí, bèn dấy lên chân Hạnh. Mắt, chân, và cảnh, ba pháp làm thành phương tiện, ngõ hầu nương vào phương tiện ấy, vào trong ao thanh lương, đặt các địa vị. Các địa vị trụ vào đâu? Trụ trong tạng bí mật của ba pháp. Đã trụ trong pháp ấy, tịch mà thường chiếu, chiếu các căn cơ trong mười pháp giới. Hễ có căn cơ thích hợp bèn ứng. Để ứng hiện phù hợp căn cơ thì trước hết dùng thần thông nơi thân luân khiến cho họ (chúng sanh được hóa độ) kinh hãi, chấn động. Kế đến dùng khẩu luân để tuyên nói, chỉ dạy, khơi gợi, hướng dẫn. Họ đã được nhuần thấm mưa pháp, vâng nhận giáo pháp, trở thành quyền thuộc trong pháp, nhổ trừ gốc sanh tử, mở mang tri kiến của Phật, đạt được lợi ích to lớn. Năm điều diệu đầu tiên thuộc về tự hành, có đủ nhân và quả. Năm điều diệu sau đó thuộc về hóa tha (giáo hóa người khác), trọn đủ Năng và Sở (tức có người giáo hóa và đối tượng được giáo hóa).

¹² Tích Môn là những điều thuộc về sự ứng hiện, Bốn Môn là sự nội chứng, thật sự. Nói cách khác, Bốn Môn ví như vàng trắng thật sự, còn Tích Môn là bóng trắng in trong nước. Chẳng hạn như Bốn Môn là đức Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa, còn Tích Môn là Ngài thị hiện giảng sanh tại thành Ca Tỳ La Vệ, hiện tám tướng thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm v.v...

Kinh dạy: “Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Sở vị chư pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh đẳng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt cùng tột Thật Tướng của các pháp. Tức là các pháp tướng như thể, tánh như thể, lực như thể, tác như thể, nhân như thể, duyên như thể, quả như thể, báo như thể, gốc ngọn rốt ráo như thể). Đây chính là cảnh diệu.

“Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất” (Ta đạt được trí huệ, vi diệu tột bậc nhất): Dùng diệu huệ ấy để cầu vô thượng đạo, chính là trí diệu.

“Bốn tòng vô số Phật, cụ túc hành chư đạo” (Vốn từ vô số Phật, hành trọn đủ các đạo): Đã hành các đạo ấy rồi, đắc quả nơi đạo tràng. Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ thành Phật; đây là hạnh diệu. Trời tuôn xuống bốn loại hoa, biểu thị Trụ, Hạnh, Hướng, Địa. Khai thị ngộ nhập cũng có ý nghĩa [nói đến] các địa vị. “Thừa thị bảo thừa, du u tứ phương, trực chỉ đạo tràng” (Ngồi xe báu ấy, dạo khắp bốn phương, đến thẳng đạo tràng): “Bốn phương” là nhân vị (địa vị trong khi tu nhân), “đạo tràng” là quả vị (địa vị khi chứng quả). Đây chính là vị diệu.

“Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, định huệ lực trang nghiêm” (Phật tự trụ Đại Thừa, các pháp Ngài đã chứng, sức định huệ trang nghiêm): Đại Thừa chính là khuôn phép chân tánh. Định chính là khuôn phép giúp cho thành tựu. Huệ là khuôn phép để quán chiếu. Đây chính là tam pháp diệu.

“Ư tam thất nhật trung, tư duy như thị sự. Ngã dĩ Phật nhãn quán, kiến lục đạo chúng sanh” (Trong hai mươi một ngày, tư duy chuyện như thế. Ta dùng mắt Phật quán, thấy lục đạo chúng sanh). Đây chính là cảm ứng diệu.

Các chuyện như nhập định, tuôn mưa hoa, cõi đất chấn động, phóng quang v.v... chính là thần thông diệu.

[Tu tập] các pháp do Ngài đã nói, sẽ đều đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí. Đã nói, nay đang nói, sẽ nói, khó tin, khó hiểu nhất v.v... chính là thuyết pháp diệu.

“Đản giáo hóa Bồ Tát, vô Thanh Văn đệ tử” (Chỉ giáo hóa Bồ Tát, chẳng có đệ tử Thanh Văn), tức là quyền thuộc diệu.

“Hiện tại, vị lai, nhược văn nhất cú, nhất kệ, ngã giai dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Tu du văn chi, tức đắc cứu cánh Tam Bồ Đề, bất linh nhất nhân độc đắc diệt độ, giai dĩ Như Lai diệt độ nhi diệt độ chi” (Hiện tại, vị lai, nếu nghe một câu, một kệ, ta đều thọ ký

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong khoảnh khắc được nghe, liền đạt Chánh Giác rốt ráo, chẳng để cho riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để độ họ). Đó chính là công đức lợi ích diệu.

1.1.2. Mười điều diệu thuộc Bốn Môn

Một là bốn nhân diệu. Hai là bốn quả diệu. Ba là bốn quốc độ diệu. Bốn là bốn cảm ứng diệu. Năm là bốn thần thông diệu. Sáu là bốn thuyết pháp diệu. Bảy là bốn quyền thuộc diệu. Tám là bốn Niết Bàn diệu. Chín là bốn thọ mạng diệu. Mười là bốn lợi ích diệu.

Bốn nhân diệu là từ nơi Bốn, thoát đầu phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Như mười sáu vị vương tử trong thời Phật Đại Thông [Trí Thắng], hoàng truyền kinh để kết duyên, đều là những chuyện thực hiện trong thuở trung gian (tức là thời gian sau lúc đức Phật thật sự thành đạo trong quá khứ và trước lần thị hiện thành đạo trong thời hiện tại), chẳng phải là bốn nhân diệu. Trải qua số kiếp nhiều như mây bụi mà hành đạo thì gọi là bốn nhân diệu.

Bốn quả diệu là nơi Bốn, thoát đầu hành cái nhân viên diệu, khắc đắc Thường Lạc Ngã Tịnh rốt ráo. Đó là bốn quả. Chẳng giữ lấy đạo tràng Tịch Diệt; báo thân Lô Xá Na thành Phật chính là bốn quả, chỉ giữ lấy cái quả đã chứng khi thành Phật thuở đầu từ bao kiếp rất rộng lớn lâu xa đến nay. Đó là bốn quả diệu.

Bốn quốc độ diệu: Vốn đã thành tựu cái quả, ắt có cõi nước để nương vào. Nay đã thị hiện ở trong cõi Đồng Cư, hoặc trong ba cõi (Tịch Quang, Thật Báo và Phương Tiện Hữu Dư). Trong khoảng trung gian, cũng có bốn cõi. Bốn Phật (Phật nơi Bốn Môn) cũng có bốn cõi, lại ở trong cõi nào? Kinh chép: “*Từ từng thị lai, ngã thường tại thử Sa Bà thế giới thuyết pháp, giáo hóa*” (Từ đây trở đi, ta thường ở trong thế giới Sa Bà này thuyết pháp, giáo hóa): Xét theo đoạn kinh văn ấy, đúng là chẳng phải hiện thời mới thị hiện trong Sa Bà, cũng chẳng phải là nơi chốn quyền biến thị hiện trong chặng giữa, mà chính là Sa Bà trong Bốn. Đó chính là bốn quốc độ diệu!

Bốn cảm ứng diệu là đã thành tựu cái quả, liền có hai mươi lăm môn vương tam-muội đã chứng trong thuở ấy (lúc Phật Thích Ca thật sự thành Phật). Thệ nguyện từ bi, căn cơ và sự cảm vờ có liên quan với nhau, có thể từ ngay nơi Tịch mà có thể Chiếu. Do vậy, gọi là bốn cảm ứng diệu.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Bồn thần thông diệu là môn Hóa Thiên Vô Ký Hóa¹³ đã chứng đắc

xưa kia phù hợp với các môn từ bi thuộc lúc tu nhân nơi Bồn địa, thực hiện, hóa hiện các thứ thần thông, khiến cho chúng sanh kinh hãi, chấn động để độ chúng sanh. Vì thế nói là bồn thần thông diệu.

Bồn thuyết pháp diệu chính là xưa kia thoát đầu ngôi đạo tràng, thành Chánh Giác lần đầu tiên, chuyển pháp luân lần đầu tiên, dùng tứ biện tài để nói các pháp, thì gọi là bồn thuyết pháp diệu.

Bồn quyền thuộc diệu là những người được hóa độ trong khi thuyết pháp nơi Bồn địa. Như các vị [Bồ Tát] trụ ở phương dưới, ngài Di Lặc chẳng nhận biết, đây chính là bồn quyền thuộc diệu.

Bồn Niết Bàn diệu chính là đoạn đức Niết Bàn đã chứng trong bồn thời (lúc đức Phật thật sự thành đạo lần đầu tiên), mà cũng là đối với hai cõi Phương Tiện và Đồng Cư, [nơi đức Phật] đã trụ trong bồn thời, khi kẻ hữu duyên đã hết, đức Phật bèn nói là “*nhập diệt*”. Đây chính là bồn Niết Bàn diệu.

Bồn thọ mạng diệu: Đã nói “*nhập diệt*”, bèn có thọ mạng dài, ngắn, xa, gần.

Bồn lợi ích diệu là các công đức do quyền thuộc đã đạt được trong bồn thời.

1.1.3. Mười điều diệu thuộc về Quán Tâm

Tích Môn và Bồn Môn đều luận định quán tâm. Quán tâm thuộc Tích Môn được nói rải rác trong kinh văn. Quán tâm trong Bồn Môn thì là “*Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như*”. Phật đã quán tâm, đạt được bồn diệu. Vận dụng [quán tâm] trong Tích Môn thì rộng lớn, chẳng thể xưng nói. “*Ngã như, như Phật như*”: Cũng nên quán tâm lưu xuất điều lợi to lớn ấy, cũng nguyện Như của ta sẽ mau chóng giống như Như của Phật. Vì thế, kinh văn chép: “*Văn Phật thọ vô lượng, thâm tâm tu du tín, kỳ phước quá ư bỉ. Nguyên ngã ư vị lai, trường thọ độ chúng sanh, như kim nhật Thế Tôn, chư Thích trung chi vương, đạo tràng sư tử*

¹³ Hóa Thiên Vô Ký Hóa chỉ trong sự vô ngại tương ứng, tu tập Thiên Định biến hóa vô cùng. Theo Pháp Hoa Huyền Nghĩa, trong Pháp Giới Thứ Đệ Môn có chín loại đại Thiên, trong đó môn thứ sáu là Nhất Thiết Hạnh Thiên, hàm nhiếp hết thảy các hành pháp Thiên Định trong Đại Thừa. Nhất Thiết Hạnh Thiên lại được chia nhỏ thành mười ba loại, loại thứ hai trong ấy được gọi là Hóa Thiên Vô Ký Hóa, tức là môn Thiên Định tùy ý vận dụng theo ý muốn, biến hóa vô cùng, tự tại vô ngại.

hống, thuyết pháp vô sở úy. Ngã đẳng ư vị lai, nhất thiết sở tôn kính, tọa ư đạo tràng thời, thuyết thọ diệc như thị” (Nghe nói đức Phật thọ vô lượng, thâm tâm tin tưởng trong khoảnh khắc, phước ấy hơn hẳn phước trước. Nguyên con trong đời mai sau, trường thọ độ chúng sanh, giống như đức Thế Tôn trong hiện thời là vua trong các vị Thích tử, sư tử hống nơi đạo tràng, thuyết pháp chẳng sợ hãi. Chúng con trong đời mai sau, được hết thấy tôn kính, lúc ngồi nơi đạo tràng, cũng sẽ giảng nói thọ mạng giống như thế). Đây chính là bốn diệu thuộc về quán tâm, đạt được lợi ích nơi Lục Tức Tướng.

1.2. Liên Hoa

Kể đó, nói về Liên Hoa. [Hoa sen dùng để] thí dụ diệu pháp. Hoa có nhiều loại. Hoặc là chỉ chít toàn hoa, chẳng có quả, ví như ngoại đạo tu Phạm hạnh rộng tuếch, chẳng đạt được gì. Hoặc một hoa, nhiều quả, ví như phàm phu cúng dường cha mẹ, được quả báo sanh lên Phạm Thiên. Hoặc là nhiều hoa, một quả, ví như các thứ khổ hạnh của Thanh Văn, chỉ đắc Niết Bàn. Hoặc là một hoa, một quả, ví như một hạnh viên ly của Duyên Giác, cũng đắc Niết Bàn. Hoặc trước quả, sau là hoa, ví như đã đắc Tu Đà Hoàn rồi sau đó mới tu đạo. Hoặc là trước hoa, sau là quả, ví như Bồ Tát trước hết nhờ vào các duyên để tu, sau đấy sanh khởi sự chân tu. Các loại ấy đều là thô hoa, chẳng thể sánh ví Diệu Pháp được! Chỉ có hoa sen là hoa lẫn quả (hạt sen) đều nhiều, có thể sánh ví “*nhân chứa đựng vạn hạnh, quả viên mãn vạn đức*”.

Lại vì có hạt mà trở hoa, hoa lẫn hạt đều trọn đủ, có thể sánh ví “*từ ngay nơi Thật mà là Quyền*”. Hoa nở thì hạt sen hiện ra, có thể sánh ví “*từ ngay nơi Quyền mà là Thật*”. Hoa rụng, hạt sen chín, hạt sen đã chín cũng rơi mất, có thể sánh ví “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. Vì thế, dùng hoa sen để sánh ví Diệu Pháp.

Lại dùng hoa sen để sánh ví hai môn Tích và Bỏ. Đối với mỗi môn, đều có ba thí dụ.

Ba thí dụ thuộc về Tích Môn là:

a. Một là hoa sen sanh ra, trong hoa ắt có hạt sen. Đó là vì hiển lộ hạt sen mà trở hoa, nhưng chẳng thể thấy hạt sen [khi hoa chưa nở tung]. Điều này ví như “*vì Thật mà khai Quyền*”, có nghĩa là chưa thể biết Thật.

b. Hai là hoa sen nở, hạt sen lộ ra, nhưng cần phải dùng hoa sen để dưỡng hạt sen. Ví như trong Quyền có Thật. Trước nay chẳng có ai biết,

cho nên nay khai Quyền hiển Thật. Có nghĩa là cần phải do Quyền mà nhận biết rộng rãi Hằng sa Phật pháp. Chỉ vì để thành tựu Thật, mà khiến cho [chúng sanh] nhận biết sâu xa tri kiến của Phật.

c. Ba là hoa rụng, hạt sen chín, ví như phé Quyền lập Thật, chỉ có một Phật thừa, tiến thẳng đến đạo tràng. Bồ Tát do còn “*có hành*” (còn thấy có pháp để hành), cho nên chẳng thấy rõ ràng, chỉ giống như hoa sen nở, [nhưng hạt sen chưa chín]. Do chư Phật chẳng hành, nên thấy thấu suốt. Ví như hoa rụng thì hạt sen đã chín muồi.

Ba thí dụ thuộc về Bồn Môn:

a. Một là hoa sen ắt có hạt, ví như Tích ắt có Bồn, Tích chứa đựng Bồn. Có nghĩa là tuy ở ngay nơi Bồn, nhưng khó biết ý chỉ của Phật, [chẳng hạn như bậc Bồ Xứ Bồ Tát như] ngài Di Lặc chẳng biết.

b. Hai là hoa nở, hạt sen hiện ra, ví như khai Tích hiển Bồn (chỉ ra Tích để nêu bày Bồn), có nghĩa là từ ngay nơi Tích, có thể khiến cho Bồ Tát nhận biết phương tiện của Phật. Đã nhận biết Tích thì sẽ lại biết Bồn, tăng đạo, tồn sanh¹⁴.

c. Ba là hoa rụng, hạt sen chín. Ví như phé Tích, hiển Bồn: Đã biết Bồn, chẳng còn mê Tích, chỉ thuộc về địa vị tu đạo nhằm viên mãn Pháp Thân.

Trong kinh lại có bảy thí dụ đều nhằm sánh ví Quyền và Thật; nay dùng hoa sen làm thí dụ chung. Bảy thí dụ là:

- Một là thí dụ về ba loại xe và một loại xe thoát khỏi nhà lửa. Dùng ba loại xe để sánh ví Quyền, xe trâu trắng lớn nhằm sánh ví Thật.

- Hai là thí dụ về đưa con nghèo túng trong phẩm Tín Giải. Dùng chuyện làm mướn để sánh ví Quyền, [được cha] giao phó gia nghiệp ví như Thật.

- Ba là thí dụ về dược thảo. Dùng ba loại cỏ, hai loại cây để sánh ví Quyền, một cội đất để sánh ví Thật.

- Bốn là thí dụ về hóa thành (cái thành được biến hóa ra). Dùng chỗ biến hóa để sánh ví Quyền, bảo xứ (chỗ có của báu) nhằm sánh ví Thật.

- Năm là thí dụ viên châu buộc vào chéo áo trong phẩm Thọ Ký. Dùng chuyện [người có viên châu buộc trong chéo áo mà chẳng hay biết,

¹⁴ Đây là một thuật ngữ của tông Thiên Thai nhằm diễn tả lợi ích của Bồn Môn Pháp Hoa. “Đạo” là trí Trung Đạo, “sanh” là Biến Dịch Sanh Tử. “*Tăng đạo, tồn sanh*” nghĩa là trí Trung Đạo dần dần tăng tấn, Biến Dịch Sanh Tử dần dần tồn giảm. Nói cách khác, đây là quá trình tăng tấn từ Sơ Trụ tiến dần đến địa vị Đẳng Giác trong bốn mươi hai địa vị của Bồ Tát.

cứ làm thuê đắp đống qua ngày], đạt được chút ít [đã vui sướng] để sánh ví Quyền, [được thiện tri thức chỉ ra viên châu trong chéo áo bèn] dùng bảo châu đỏi chác để sánh ví Thật.

- Sáu là thí dụ về Luân Vương trong phẩm An Lạc Hạnh. Dùng [chuyện Luân Vương] tùy theo công lao mà ban thưởng [cho quân thần] để sánh ví Quyền, [vua] tháo mình châu trong búi tóc [để ban thưởng] nhằm sánh ví Thật.

Sáu thí dụ này đều là thí dụ “*khai Quyền hiển Thật*” trong Tích Môn.

- Bảy là thí dụ về lương y trong phẩm Thọ Lượng. Dùng chuyện sai người báo tin cha đã chết để sánh ví Quyền, [lương y] trở về cho [các con] trông thấy nhằm sánh ví Thật. Đây chính là thí dụ nhằm “*khai cận hiển viễn*” (nêu rõ chuyện đức Phật thành Phật tại Bồ Đề đạo tràng cách lúc giảng kinh Pháp Hoa không xa là quyền biến thị hiện, nói rõ đức Phật đã thành đạo từ bao kiếp lâu xa) thuộc Bồn Môn.

Lại còn có hai thí dụ “*cổ vua*” (như người đói trông thấy cỗ vua mà chẳng dám ăn) và “*đào giếng*” đều chẳng phải hoàn toàn thí dụ về chuyện khai hiển trong một thời. Vì thế, Trí Giả đại sư lược đi, chẳng nêu ra. Người đời sau cứ nói là “*chín thí dụ*”, có thể nói [những người chủ trương như vậy] chỉ xét theo kinh văn, chẳng xét theo ý nghĩa!

1.3. Kinh

“*Kinh*” là tên gọi chung các pháp do đức Phật đã nói. [Tên gọi của kinh này trong] tiếng Phạn là Tát Đạt Ma Phân Đà Lợi Tu Đa La (Saddharma Puṇḍarīka Sūtra). Tát Đạt Ma (Saddharma) được phương này (Trung Hoa) dịch là Diệu Pháp. Phân Đà Lợi (Puṇḍarīka, hoa sen trắng) dịch thành Liên Hoa, đã giải thích đầy đủ trong phần trước. Tên kinh này khác với các kinh; vì thế, [Diệu Pháp Liên Hoa] gọi là Biệt [Đề]. Giáo pháp trong suốt một đời đức Phật đều gọi là Tu Đa La; vì thế, [chữ Kinh] gọi là Thông [Đề].

Tu Đa La (Sūtra) hoặc dịch là Kinh (經), hoặc dịch là Khế (契, phù hợp), hoặc dịch là Pháp Bản (法本), hoặc dịch là Tuyến (線, sợi dây), hoặc dịch là Thiện Ngữ Giáo (善語教), hoặc chẳng phiên dịch [chỉ phiên âm]. Từ ngữ này bao hàm năm nghĩa:

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Một là Pháp Bản (cội gốc của pháp), còn gọi là Xuất Sanh (出生).
- Hai là Vi Phát (微發, phát khởi những điều vi tế), còn nói là Hiển Thị (顯示).
- Ba là Dũng Tuyền (湧泉, suối trào).
- Bốn là Thằng Mặc (繩墨, dây mực để đánh dấu của thợ mộc).
- Năm là Kết Man (結鬘, xâu tràng hoa).

Như vậy thì năm cách dịch, năm ý nghĩa bao hàm, mỗi mỗi đều trọn đủ ba thứ Giáo, Hạnh, Lý. Giáo chính là Thế Giới Tất Đàn. Hạnh chính là Vị Nhân và Đối Trị Tất Đàn. Lý chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn¹⁵.

Lại nữa, các điều bậc thánh phương này (Trung Hoa) nói ra thì được gọi là Kinh. Kinh là huấn pháp (訓法, pháp tắc giáo huấn), có nghĩa là dạy bảo pháp thường hằng để làm khuôn phép vâng giữ. Giáo đáng noi theo, Hạnh đáng noi theo, Lý đáng noi theo. Vì thế, gọi là Pháp. “*Thường*” có nghĩa là “chẳng thay đổi”. Thiên ma và ngoại đạo chẳng thể thay đổi, phá hoại, tức là Giáo Thường. Chân chánh chẳng xen tạp, chẳng thể vượt qua, tức là Hạnh Thường. Trong lặng, bất động, quyết chẳng hướng theo đường khác, chính là Lý Thường.

2. [Tầng huyền nghĩa thứ hai]: Dùng Thật Tướng làm Thế

¹⁵ Tất Đàn (Siddhānta) có nghĩa là “bổ thí trọn khắp”, hoặc “thành tựu”. Tứ Tất Đàn tức là dùng bốn sự thành tựu để giáo hóa chúng sanh, nhằm đối ứng với các nhu cầu của chúng sanh có căn cơ khác biệt gồm:

- Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn, còn gọi là Nhập Lý Tất Đàn, nhằm hướng dẫn chúng sanh tiến nhập thật lý. Tức là đức Phật dùng trí huệ Thật Tướng Bát Nhã của Đại Thừa, thông qua các thứ phương tiện thiện xảo để hướng dẫn chúng sanh tiến nhập trực tiếp nội chứng của Phật, chứng nhập chân lý, phá trừ nghi hoặc.
- Thế Giới Tất Đàn, còn gọi là Lạc Dục Tất Đàn, tức là tùy thuận pháp thế gian để xiển minh đạo lý nhân duyên hòa hợp.
- Các Các Vị Nhân Tất Đàn (thường gọi tắt là Vị Nhân Tất Đàn), còn gọi là Sanh Thiện Tất Đàn, ứng theo căn cơ và năng lực bất đồng của chúng sanh mà giải nói các pháp xuất thế, khiến cho chúng sanh khởi thiện căn, kiên lập tín tâm, tuân tự thẳng tắn.
- Đối Trị Tất Đàn, còn gọi là Đoạn Ác Tất Đàn, đối trị các phiền não của chúng sanh, tùy theo căn bệnh mà nói pháp dược, khiến cho chúng sanh giải thoát ác nghiệp.

Kinh dạy: “Kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa” (Nay đức Phật tỏa quang minh, để giúp phát khởi nghĩa Thật Tướng). Lại nói: “Chư pháp Thật Tướng nghĩa, dĩ vị như đẳng thuyết” (Nghĩa Thật Tướng của các pháp đã vì các ông mà nói). Lại nói: “Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng Thật Tướng của các pháp). Lại nói: “Chư Phật pháp cứu hậu, yếu đương thuyết chân thật” (Pháp của chư Phật đã lâu ngày, phải nên nói chân thật). Lại nói: “Ngã dĩ tướng nghiêm thân, vị thuyết Thật Tướng ẩn” (Ta dùng các tướng để trang nghiêm thân thể, nhằm nói ẩn Thật Tướng). Lại nói: “Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng” (Mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật). Lại nói: “Quán chư pháp Thật Tướng” (Quán Thật Tướng của các pháp). Vì thế biết chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, chỉ nhằm khiến cho chúng sanh mở mang tri kiến của Phật. Thấy lý Nhất Thật tức là lý “chẳng phải nhân, chẳng phải quả”.

3. [Tầng huyền nghĩa thứ ba]: Dùng nhân quả Nhất Thừa làm Tông

Kinh này từ phẩm Tự cho đến phẩm An Lạc Hạnh nhằm phá trừ, phế bỏ phương tiện, khai hiển tri kiến chân thật của Phật, mà cũng nhằm nói rõ “thật nhân, thật quả” của các vị đệ tử, cũng như nêu bày “quyền nhân, quyền quả” của sư môn. Văn nghĩa tuy rộng, nhưng tóm gọn lại thì chính là điều then chốt, trọng yếu này: Nhằm thành tựu “thật nhân, thật quả” cho các đệ tử, nhân là chánh, quả là phụ. Do vậy, trong phần trước của kinh bèn nói về nhân và quả thuộc Tích Môn. Từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất cho đến phẩm Khuyến Phát nhằm từ Tích mà hiển thị Bản, phế trừ phương tiện “tuổi thọ [thị hiện] gần đây” (tức tuổi thọ tám mươi năm của đức Phật Thích Ca trong thời đại chúng ta), nhằm nêu rõ thật quả dài lâu, cũng như chỉ rõ thật nhân, thật quả của các đệ tử, mà cũng nói rõ thật nhân, thật quả của sư môn. Tức là tỏ rõ thật quả của thầy, quả là chánh, nhân là phụ. Vì thế, phần sau của kinh đã nói rõ “bốn nhân, bốn quả”.

4. [Tầng huyền nghĩa thứ tư]: Lấy đoạn nghị sanh tín làm Dụng

Tích Môn dùng Phật trí và Bồ Đề trí để đoạn vô minh lớn nhất trong bảy thứ phương tiện, cùng nhập cái nhân viên mãn nơi Bản Môn, phá trừ tình kiến chấp trước cận Tích (các sự tướng thị hiện trong đời

đức Phật), sanh lòng tin sâu xa đối với Bốn địa, cho đến đối với Đẳng Giác cũng khiến cho đoạn nghi, sanh tín.

5. [Tầng huyền nghĩa thứ năm]: Vô thượng đề hồ làm giáo tướng

Các thí dụ về năm thời [giáo hóa trong một đời giáo hóa của đức Phật] đã được nói đại lược trong phần trước. Như thời Hoa Nghiêm nhằm thích ứng căn cơ thuộc Viên và Biệt, chiếu đến núi cao trước hết, nói thẳng vào công đức tu hành theo thứ tự, hoặc không theo thứ tự thuộc [các địa vị trong] Thập Địa và Thập Trụ, chẳng biện định ý nghĩa Như Lai nói Đốn Giáo. Tứ A Hàm thì nói chung về vô thường, biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, nhưng chẳng nêu rõ ý nghĩa Như Lai do khéo léo tùy thuận cơ nghi mà lập bày Tiểu pháp. Các kinh thuộc thời Phương Đẳng phá trừ Tiểu pháp, quở trách những kiến chấp thiên lệch, ca ngợi Viên, khen ngợi Đại, hạnh nguyện từ bi, sự lý thù thắng tuyệt diệu, nhưng chẳng nêu rõ ý nghĩa [vì sao] nói kèm thêm quở trách, tán thán. Thời Bát Nhã, cộng pháp thì người thuộc cả ba thừa đều cùng nhập, biệt pháp thì riêng Bồ Tát tiến nhập. [Nội dung các giáo pháp ấy] bao gồm rộng khắp Ấm, Nhập, thanh tịnh tốt cùng, dung thông rộng rang, mà cũng chẳng nêu rõ ý nghĩa Biệt và Cộng. Thời Niết Bàn sau cùng, đại lược phá trừ các pháp tu tập trong ba thời trước, dạy đại lược về ngũ vị¹⁶, cũng chẳng nói cặn kẽ ý nghĩa vì sao Như Lai lập bày giáo pháp từ khởi đầu để kết thúc bằng quy kết [các giáo pháp phương tiện về Nhất Thừa].

¹⁶ Ngũ vị là năm vị của sữa (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) được dùng làm thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Trí Giả đại sư đã dùng chuyện này để phán định năm thời giáo pháp của đức Phật: Năm thời giáo pháp được tuần tự nói ra nhằm tương ứng với căn cơ của chúng sanh tuần tự thăng tấn:

1. Vị sữa (Kṣīraṃ), như thời Hoa Nghiêm giống như sữa sanh ra từ bò. Lúc đó, căn cơ của Nhị Thừa chưa chín muối, rất nhạt mỏng giống như sữa mới vắt.
2. Vị lạc (Dadhi): Sữa biến thành lạc, giống như sau thời Hoa Nghiêm đức Phật nói kinh A Hàm, căn cơ nghe hiểu kinh A Hàm là Tiểu Thừa.
3. Vị sanh tô (Navanītaṃ): Căn cơ Tiểu Thừa chín muối, dần dần tiến nhập Đại Thừa Thông Giáo.
4. Vị thực tô (Gholaṃ): Chất tô càng được tinh chế hơn, căn cơ Thông Giáo đã chín muối, trở thành căn cơ Đại Thừa Biệt Giáo.
5. Vị đề hồ (Sarpimāṇḍa): Thực Tô được nung luyện trở thành Đề Hồ. Ví như sau thời Bát Nhã, nói kinh Pháp Hoa và Niết Bàn khiến cho căn cơ Biệt Giáo trở thành căn cơ Viên Giáo.

Các kinh ấy đều nhằm phù hợp ý của người khác, khiến cho họ đạt được lợi ích, chẳng nói đến ý Phật, ý thú của Ngài là như thế nào. Nay kinh này chẳng vậy, phạm đối với chuyện nêu ra toàn bộ cương mục của pháp môn, các pháp Quán đại, tiểu, Thập Lực, Vô Úy, các thứ quy củ, thảy đều chẳng luận, vì các kinh trước đó đã nói rồi. Kinh này chỉ luận định đại sự nhân duyên “*nguồn cội ban bố giáo pháp của Như Lai*”, [vì sao dạy chúng sanh] giữ điều này, bỏ điều kia trong thời trung gian (tức là từ thời A Hàm đến thời Bát Nhã), [giảng dạy các pháp] Tiệm hoặc Đốn nhằm thích hợp thời cơ, và kết cục rốt ráo [của cả một đời giáo hóa]. Do vậy biết kinh này chỉ luận định đại cương về sự lập bày giáo pháp, chẳng nêu bày cương mục chi tiết. Ví như người tính toán, trước là lập ra các phép toán trung gian, sau đó loại bỏ các phép toán trung gian [chỉ giữ lấy kết quả cuối cùng] để tìm ra con số chánh yếu, không giữ lại [các con số lẻ] mấy đầu, mấy học. Chỉ vì luận định thánh giáo sâu xa, khéo giảng nói thánh tâm, gần là khiến cho [chúng sanh nghe pháp sẽ] thấu hiểu cái nhân viên mãn, xa là nêu bày bốn quả (cái quả thuộc bốn địa, bốn môn). Do vậy, [bậc đương cơ trong hội này] thưa hỏi nghi vấn chẳng ngớt. Nếu có thể biết tinh tường giáo tướng, sẽ biết hai trí Quyền và Thật của Như Lai.

II. Khoa phán kinh văn

Đối với hai mươi tám phẩm của kinh văn, Trí Giả đại sư chia thành ba phần:

- Phần đầu là phẩm Tự.
- Từ phẩm Phương Tiện cho đến mười chín dòng kệ thuộc phẩm Phân Biệt Công Đức, mười lăm phẩm rưỡi ấy được gọi là Chánh Tông.
- Từ sau phần kệ ấy (phần kệ tụng trong phẩm Phân Biệt Công Đức) cho đến hết kinh, gồm mười một phẩm rưỡi, gọi là phần Lưu Thông.

Trong một thời (tức là đối với nội dung giáo pháp của kinh này), lại chia thành hai:

- Từ phẩm Tự cho tới phẩm An Lạc Hạnh gồm mười bốn phẩm, thuộc về khai Quyền hiển Thật trong Tích Môn.
- Từ phẩm Tùng Địa Dững Xuất cho đến hết kinh, gồm mười bốn phẩm, chính là các phẩm Tự, Chánh Tông, và Lưu Thông nhằm khai cận hiển viên của Bốn Môn.

[Trong Tích Môn], phẩm đầu tiên (tức phẩm Tự) là Tự Phần, từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là Chánh Tông. Từ phẩm Pháp Sư cho đến phẩm An Lạc Hạnh là Lưu Thông Phần.

[Trong Bốn Môn, trong phẩm Tùng Địa Dừng Xuất], từ lúc các vị Bồ Tát từ phương dưới vọt lên cho tới khi ngài Di Lặc thừa hỏi chuyện ấy, đức Phật giải đáp; nửa phẩm ấy là Tự Phần. Từ câu “*Phật cáo A Dật Đa*” (đức Phật bảo ngài A Dật Đa) trở đi cho đến phần kệ của phẩm Phân Biệt Công Đức thuộc về phần Chánh Tông. Từ đó cho đến hết kinh, thuộc về phần Lưu Thông.

Trước tiên, Tự thì có Thông và Biệt. Thông là bao gồm chung hai môn; Biệt là phần chánh thuyết nói về tam châu (ba tầng thuyết pháp). Sau cùng là Lưu Thông thì gồm có khuyến trì (khuyên nên thọ trì) và chúc lụy. Phần Khuyến Trì riêng thuộc về Bốn Môn. Chúc Lụy thì chung cho toàn bộ đại kinh. Năm phẩm cuối của phần Tích Môn chỉ là phần Khuyến Trì thuộc Tích Môn. Trong phần Bốn Môn, phần Tự chỉ nhằm phát khởi Bốn Môn.

1. Khoa pháp Tích Môn

* Phẩm Tự (Nidāna) đứng đầu, gồm các phần Thứ Tự (次序, phần tựa nêu bày các điều theo thứ tự), Do Tự (由序, phần tựa nêu bày nguyên do), và Thuật Tự (述序, phần tựa trần thuật). Dùng sáu nghĩa như Như Thị, Thời v.v... để chứng tín (khiến cho người nghe do thấy các điều ấy mà tin tưởng kinh này thật sự do đức Phật nói ra). Đó là Thứ Tự. Phóng quang minh hiện ra sáu loại tướng lành để làm duyên do phát khởi. Đó là Do Tự. Hỏi đáp để giải trừ nghi hoặc nhằm dẫn khởi phần chánh thuyết (Chánh Tông Phần), đó chính là phần Thuật Tự. Vì thế, phẩm này được gọi Tự Phẩm.

* Kế đó là từ phẩm Phương Tiện (Upāyakaṣālya) trở đi, có tam châu thuyết pháp:

- Nay nói đến phẩm Phương Tiện, nêu ra tam thừa để nói Nhất Thừa, được gọi là Pháp Thuyết Châu (法說週). Thượng căn đắc ngộ, [đức Phật] thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất.

- Kế đó là phẩm Thí Dụ, nói đến ba loại xe và một loại xe, được gọi là Thí Thuyết Châu (譬說週). Trung căn đắc ngộ, thọ ký cho bốn vị đại đệ tử.

- Kế đó là phẩm Hóa Thành Dụ, nói rõ chuyện kết duyên trong đời trước đã xong, lại nói đến chuyện [chỗ có của báu] cách xa ba trăm do-tuần, hoặc năm trăm do-tuần. Phần này được gọi là Nhân Duyên Thuyết Châu (因緣說週). Hạ căn đắc ngộ, thọ ký cho năm trăm và hai ngàn vị đệ tử.

Đây chính là phần Chánh Tông “*khai Quyền hiển Thật*” của Tích Môn.

Nói đến phẩm Phương Tiện thì đại lược có ba cách giải thích:

1) Phương là pháp, Tiện là sử dụng. Khéo dùng pháp thiên lệch nhằm thích ứng với căn cơ của chúng sanh thì gọi là Phương Tiện. Cách hiểu này có thể dùng để giải thích các kinh khác, chẳng phải là ý nghĩa của phẩm này.

2) Phương Tiện là Môn. Môn có nghĩa là “có thể thông qua” (xuyên suốt), thông với pháp được thông. Phương Tiện là dùng chân thật làm môn, hiển lộ chân thật. Công năng [hóa độ] do từ phương tiện. Cách hiểu này có thể dùng để giải thích kinh này, nhưng chẳng phải là ý nghĩa của phẩm này.

3) Phương là bí (祕, ẩn mật), Tiện là diệu. Khéo thông đạt phương tiện thì là bí mật chân thật. Chỉ ra hạt châu vô giá trong ché áo, cũng như viên châu duy nhất trên đỉnh đầu của vua, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ ra kẻ làm công tự coi mình là khách chính là con ông trưởng giả, cũng chẳng hai, chẳng khác. Nói như thế chính là bí mật, là diệu; đúng là ý nghĩa của phẩm này.

Phẩm này thật sự nêu rõ tam thừa là Quyền, hiển thị Nhất Thừa là Thật, trong ấy lại có đại lược và nói rộng. Nói đại lược thì hễ chấp trước bèn sanh nghi; nói rộng thì là đoạn nghi, sanh tín. Ý chỉ trọng yếu nói đại lược chẳng ngoài mấy câu “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo Thật Tướng của các pháp*”. Đó chính là giềng mối rộng lớn của cả bản kinh, là chỗ sâu thẳm của các nghĩa. Nam Nhạc đại sư (ngài Huệ Tur) đã dựa theo ba nghĩa để lần lượt giảng giải:

- Một, tướng ấy là Như, tánh ấy là Như, cho đến báo ấy là Như. Như có nghĩa là “*chẳng khác*”. Đó chính là nghĩa Không.

- Hai là như thị tướng, như thị tánh, cho đến như thị báo, chỉ bày tánh và tướng của Không, đặt ra các danh tự dằng dặc sai khác. Đó chính là nghĩa Giả.

- Ba là tướng như thế, tánh như thế, cho đến báo như thế. Như chính là Thị trong Trung Đạo Thật Tướng, tức là nghĩa Trung.

Phân biệt cho dễ giải thích, cho nên nói là Không, Giả, Trung. Hễ thấu hiểu ý, bèn nói Không chính là Giả và Trung. Dựa theo Như để giải thích Không, một thứ là không thì hết thấy đều không. Nêu ra Như để chỉ rõ tướng, một thứ giả thì hết thấy đều là giả, chính là luận định về Trung. Một thứ trung thì hết đều là trung, chẳng phải là một, hai, ba, nhưng lại là một, hai, ba, chẳng dọc, chẳng ngang, nên gọi là Thật Tướng. Chỉ có Phật và Phật thấu hiểu cùng tận rốt ráo pháp này. Mười pháp ấy thâm nhiếp hết thấy các pháp. Trí Giả đại sư lại dùng bốn lượt giải thích:

- Một là dựa theo mười pháp giới.
- Hai là dựa theo Phật giới.
- Ba là dựa theo sự tách ra hay gộp lại.
- Bốn là dựa theo địa vị.

1) Một là dựa theo mười pháp giới, [mười pháp giới] chính là lục đạo và tứ thánh (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật). Pháp tuy vô lượng, nhưng xét ra chẳng ngoài mười pháp giới ấy. Trong mỗi pháp giới, tuy lại có nhiều tiểu loại, nhưng chẳng ra ngoài Thập Như (như thị tánh, như thị tướng, như thị nhân, như thị quả v.v...) Chẳng hạn như trong địa ngục giới, trong ấy có trọn đủ tướng, tánh... [cho đến] bốn mặt [cứu cánh như thế], mà cũng có đủ tánh, tướng, bốn mặt của súc sanh giới, cho đến trọn đủ tánh, tướng, bốn mặt của Phật giới, chẳng hề khuyết, giảm! Do vậy biết trong mỗi pháp giới đều có Thập Như của chín pháp giới kia. Nếu xét Thập Như của chín pháp giới trong địa vị của chính mình thì đều gọi là Quyền. Nếu xét theo Thập Như của Phật giới trong địa vị của chính mình thì gọi là Thật. Trong một, trọn đủ vô lượng; trong vô lượng có một. Vì thế, gọi là “chẳng thể nghĩ bàn”. Phạm phu tuy trọn đủ, nhưng tuyệt lý, mê muội nơi tình. Nhị Thừa tuy trọn đủ, nhưng lại xả ly (lìa bỏ), cầu giải thoát. Bồ Tát tuy trọn đủ, nhưng chiếu chẳng trọn vẹn, cho nên gọi là “chẳng liễu giải”. Như Lai thấu hiểu trọn vẹn, ngang dọc đều trọn đủ.

2) Hai là dựa theo Phật pháp giới để giải thích. Phật giới chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng, mà nói “*như thị tướng*” tức là nói đến nhân duyên của vạn thiện. Vì thế, kinh văn trong phần sau có

chép: “*Chúng bảo trang hiệu*” (Các thứ báu trang hoàng). Phật giới chẳng phải là tánh, chẳng phải không là tánh, mà nói “*như thị tánh*”, tức là nói đến liễu nhân¹⁷ của trí huệ. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Hữu đại bạch ngưu*” (Có trâu trắng lớn). Phật giới chẳng phải là Thể, chẳng phải không là Thể, mà nói “*như thị Thể*” tức là chánh nhân của Thật Tướng. Vì thế, trong kinh văn thuộc phần sau có câu: “*Kỳ xa cao quảng*” (Xe ấy cao rộng). Phật giới chẳng phải là lực, chẳng phải không là lực, mà nói “*như thị lực*”, tức là nói tới căn, lực v.v... từ thiện của Bồ Đề đạo tâm. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Hựu ư kỳ thượng, trượng thiết hiên cái*” (Lại ở trên ấy, căng che rèm, lọng). Phật giới chẳng phải là tác, chẳng phải là bất tác, mà nói “*như thị tác*”, tức là nói vô công dụng đạo tùy ý. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Kỳ tạt như phong*” (Xe ấy chạy nhanh như gió). Phật giới chẳng phải là nhân, chẳng phải không có nhân, mà nói là “*như thị nhân*”, tức là nói đến bốn mươi một địa vị. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Thừa thị bảo thừa, du ư tứ phương*” (Ngồi xe báu ấy, dạo khắp bốn phương). Phật giới chẳng phải là duyên, chẳng phải là không có duyên, mà nói là “*như thị duyên*”, tức là nói đến hết thấy Bồ Đề trợ đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau có câu: “*Hựu đa bộc từng nhi thị vệ chi*” (Lại có nhiều người hầu theo hầu, bảo vệ). Phật giới chẳng phải là quả, chẳng phải là không có quả, mà nói “*như thị quả*”, tức là nói Diệu Giác là rạng ngời, là do cái nhân viên mãn mà đạt được. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Trục chí đạo tràng*” (Đến thẳng đạo tràng). Phật giới chẳng phải là báo, chẳng phải là không có báo, mà nói là “*như thị báo*” tức là nói đến Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Đắc vô lượng vô lậu thanh tịnh chi quả báo*” (Đạt được quả báo vô lượng thanh tịnh vô lậu). Phật giới chẳng phải ngọn, chẳng phải gốc, mà nói “gốc, ngọn”. Gốc chính là Phật tướng, ngọn chính là Phật báo, chính là Quyền nơi tự hành. Phật giới chẳng phải bình đẳng, chẳng phải bất bình đẳng, mà nói “*rót ráo bình đẳng*” chính là nói đến Thật Tướng. Đó là Thật nơi tự hành, ngay nơi Thật mà chính là Quyền, cho nên nói là “*bổn mạt*” (本末, gốc và ngọn). Do ngay nơi Quyền chính là Thật, cho nên nói là Đẳng (bình đẳng).

¹⁷ Gọi là “*liễu nhân*” vì xét theo bản thể của cái nhân. Liễu có nghĩa là làm sáng tỏ hoặc liễu ngộ. Như đèn chiếu soi khiến cho người khác có thể thấy rõ mọi vật thì đèn là liễu nhân của cái Thấy.

3) Ba là xét theo sự tách ra hay gộp vào. Như thập giới và thập như được quán nơi Phật tâm đều là vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo, chỉ là một Phật pháp giới, như biển cả gồm thấu muôn dòng, ngàn xe đi cùng một đường. Đây chính là Quyền và Thật nơi tự hành. Nếu thuận theo ý của kẻ khác thì sẽ có Thập Như tức tánh, tướng v.v... của chín pháp giới khác; đó chính là Quyền và Thật nơi hóa độ người khác. Tuy hóa độ người khác có Thật, nhưng đều gắn bó với Quyền. Tự hành tuy có Quyền, nhưng đều là Thật. Đây chính là Quyền và Thật nơi tự hành và hóa độ người khác. Thuận theo người khác là tách ra, thuận theo chính mình thì là gộp lại. Chiếu tròn vẹn theo chiều dọc lẫn chiều ngang, tách ra hay gộp lại đều tự tại.

4) Bốn là xét theo địa vị mà giải thích tướng như thế. Hết thấy chúng sanh đều có Thật Tướng, vốn tự sẵn có, đây chính là tướng mạo của Như Lai Tạng. “*Tánh như thế*” chính là Đệ Nhất Nghĩa Không nơi trí huệ thuộc về Tánh Đức. “*Thế như thế*” chính là lý pháp tánh nơi Trung Đạo. Đây là Tam Đức, mỗi địa vị trong mười pháp giới đều có. Nếu thấu suốt ba đức ấy, dự vào địa vị Thập Tín, thì gọi là “*lực như thế*” và “*tác như thế*”. Dự vào bốn mươi một địa vị [từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác] thì gọi là “*nhân như thế, duyên như thế*”. Nếu đạt tới địa vị Phật thì gọi là “*quả như thế, báo như thế*”. Ba món đầu tiên gọi là gốc, ba món sau cùng gọi là ngọn. Đầu và sau đều cùng là ba đức. Vì thế nói là “*rốt ráo bình đẳng*”.

Trong chuyện mở rộng “*khai tam, hiển nhất*” (vạch ra tam thừa nhằm hiển lộ nhất thừa), tuy dẫn tròn khắp “*mười phương ba đời, Phật Phật đạo đồng*”, đều chẳng ra ngoài “*tứ nhất*”, tức là Lý Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất, và Giáo Nhất.

1. Lý Nhất: Xét theo “*khai, thị, ngộ, nhập*” tri kiến của Phật để nói thì lại có bốn ý: Một là xét theo viên vị. Hai là xét theo viên trí. Ba là xét theo viên môn. Bốn là xét theo quán tâm.

1.1. Xét theo viên vị (các địa vị trong Viên Giáo), Khai chính là Thập Trụ. Đầu tiên là phá vô minh để mở Như Lai Tạng, thấy lý Thật Tướng. Thị chính là Thập Hạnh, đã trừ Hoặc chướng, hiển lộ cái Thể của tri kiến. Thể tròn vẹn vẹn đức, các đức trong pháp giới được hiển thị phân minh. Ngộ chính là Thập Hồi Hướng, chướng đã trừ, Thể hiển lộ, hạnh pháp giới sáng tỏ, sự lý viên dung, chẳng còn hai nẻo. Nhập chính là Thập Địa, Lý và Sự đã dung thông, tự tại vô ngại, tự tại lưu truyền,

tươi gọi, tùy lòng từ A đến Trà¹⁸, vào trong biển Tát Bà Nhã (Sarvajñā, Nhất Thiết Trí). Nhưng đối với các giai vị màu nhiệm của Viên đạo (Viên Giáo), trong mỗi địa vị đều trọn đủ công đức của bốn mươi một địa vị. Chỉ một môn Khai đã trọn đủ Thị, Ngộ, Nhập, cũng chẳng phải là tâm nào khác, chỉ là tri kiến như lý, chẳng có tướng phân biệt sâu hay cạn. Nhằm muốn tỏ rõ tri kiến như lượng, cho nên chia thành bốn giai vị (Trụ, Hạnh, Hồi Hướng, Địa).

1.2. Hai là xét theo viên trí:

- Một là đạo huệ, kiến đạo thật tánh. Trong thật tánh bèn được khai tri kiến của Phật.

- Hai là đạo chủng huệ. Biết tướng riêng biệt “giải trừ nghi hoặc” của các đạo chủng thuộc mười pháp giới, mỗi mỗi đều là “*thị tri kiến của Phật*”.

- Ba là Nhất Thiết Trí, biết hết thấy các pháp đều là nhất tướng tịch diệt. Tịch diệt tức là ngộ tri kiến của Phật.

- Bốn là Nhất Thiết Chủng Trí, biết hết thấy các pháp nhất tướng, tức tịch diệt tướng. Các thứ hạnh, loại, tướng mạo đều biết, tức là nhập tri kiến của Phật.

Lại nữa, đạo huệ đúng lý thì gọi là Khai. Đạo chủng huệ như lượng thì gọi là Thị. Nhất Thiết Trí lý và lượng chẳng hai thì gọi là Ngộ. Nhất Thiết Chủng Trí lý và lượng cùng chiếu thì gọi là Nhập. Đây cũng là xét theo thật lý, chẳng phân biệt là cạn hay sâu.

1.3. Ba là xét theo bốn môn của Viên Giáo để giải thích bốn câu:

- Không môn: Một thứ là không thì hết thấy đều không, tức là Khai tri kiến của Phật.

- Hữu môn: Một thứ có thì hết thấy đều có, tức là Thị tri kiến của Phật.

- Diệc Không diệc Hữu môn (môn vừa có vừa không): Hết thấy đều là vừa không vừa có, chính là Ngộ tri kiến của Phật.

- Phi Không phi Hữu môn: Hết thấy chẳng phải có, chẳng phải không, chính là Nhập tri kiến của Phật.

¹⁸ Trong văn tự Tát Đàm (Siddhām) của tiếng Phạn cổ, gồm có bốn mươi hai chữ, khởi đầu bằng chữ A và kết thúc bằng chữ Trà (ksa). Kinh Hoa Nghiêm có một chương riêng nói về Hoa Nghiêm Tự Mẫu, tức là bốn mươi hai chữ Phạn này, mỗi chữ tương ứng với một môn giải thoát. Các kinh Mật Giáo như Kim Cang Đảnh, Văn Thù Sở Vấn đã mở rộng thành năm mươi hai tự mẫu, và coi đó là Pháp Mạn Đà La, bao gồm trọn vẹn hết thấy các pháp trong tam giới. Do vậy, nói “*từ A đến Trà*” tức là nói hết thấy các pháp từ đầu đến cuối chẳng còn thừa sót.

Chủ thể có thể thông (năng thông) gồm có bốn môn (tức bốn môn Có, Không, Cũng Có Cũng Không, Chẳng Có Chẳng Không), đối tượng được thông (sở thông) chỉ có một. Khai, Thi, Ngộ, Nhập là năng thông. Cái được biết, được thấy chính là lý sở thông.

1.4. Xét theo quán tâm để giải thích: Quán lý Tam Đế (Không, Giả, Trung) nơi tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán ấy sáng sủa là Khai. Tuy chẳng thể nghĩ bàn, nhưng có thể phân biệt tâm “Không, Giả, Trung” rành rẽ, chẳng sai lầm, thì gọi là Thi. Tâm Không, Giả, Trung tuy ba mà chính là một, tuy một mà là ba, cho nên gọi là Ngộ. Tâm Không, Giả, Trung chẳng phải là Không, Giả, Trung, nhưng cùng chiếu Không, Giả, Trung, thì gọi là Nhập. Đây là Nhất Tâm Tam Quán, mà chia thành Khai, Thi, Ngộ, Nhập sai khác.

Đối với bốn cách giải thích ấy, tùy theo từng địa vị mà thấy Lý. Mỗi địa vị lại do trí mà lập. Trí phát sanh từ các môn. Mỗi môn được thành lập do quán [khác biệt]. Do quán nên thông với các môn. Do các môn được thông mà thành trí. Do trí được thành lập mà các địa vị được kiến lập. Do các địa vị được kiến lập nên thấy lý. Do thấy Lý nên là Lý Nhất.

Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa hàng Bồ Tát, tức là Nhân Nhất.

Các việc được thực hiện thường vì một sự, tức là Hạnh Nhất.

Chỉ vì một Phật Thừa mà vì chúng sanh thuyết pháp, tức là Giáo Nhất.

Bốn môn Nhất ấy (Lý Nhất, Nhân Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất) dung hội trọn khắp quyền lý, quyền nhân, quyền hạnh, quyền giáo xưa kia, trở thành thật lý, thật nhân, thật hạnh, thật giáo trong hiện thời. Vì thế, gọi là “*khai Quyền, hiển Thật*”, khéo thông đạt các phương pháp, tức là “*chân bí*” vậy.

* Phẩm thứ ba là phẩm Thí Dụ (Aupamya). Do sánh ví với tình huống thật sự, nên gọi là Thí. Răn dạy hồng thấu hiểu thì gọi là Dụ. Mượn điều này để sánh ví điều kia, nhờ vào chuyện nông cạn để huấn thị điều sâu xa. Trong phần Pháp Thuyết Châu thuộc kinh văn trong phẩm trước, bậc thượng căn đắc ngộ, hàng trung hạ căn vẫn chưa dứt mê muội. [Đức Phật] đại bi không ngại, trí xảo mâu nhiệm vô biên, mượn chuyện cha con trong thế gian để sánh ví thầy trò nơi đạo xuất thế. Mượn nhà lửa để sánh ví tam giới; nhờ vào ba loại xe và một loại xe để thí dụ tam thừa và nhất thừa. Vì thế, gọi là phẩm Thí Dụ.

* Phẩm thứ tư là phẩm Tín Giải (Adhimukti). Hàng trung hạ căn nghe Thí Thuyết Châu, phát khởi tín tâm, sanh khởi giải ngộ, trừ nghi,

hiểu rõ lý, bèn tự trần thuật thí dụ về đứa con nghèo túng, lãnh ngộ ý chỉ của Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu trên đây.

* Phẩm thứ năm là phẩm Dược Thảo Dụ (Oṣadhī). Đất đai có thể sanh thành, mây mưa có thể nhuần tưới. Thảo mộc là cái được sanh thành, cái được nhuần tưới. Cái được sanh, được nhuần đều hữu dụng, mà dược thảo có tác dụng mạnh mẽ ví như các điều thiện hữu lậu đều có thể trừ ác, nhưng vô lậu là tối thắng. Bốn vị đại đệ tử trong đại chúng vô lậu dùng thí dụ để lãnh hội thí dụ của Phật, thấu hiểu sâu xa thánh tâm. Vì thế, đức Phật trần thuật sự thành tựu của họ để mở rộng thêm.

* Phẩm thứ sáu là phẩm Thọ Ký (Vyākaraṇa). [Thọ Ký trong tiếng Phạn là Hòa Già La (Vyākaraṇa), phương này dịch là Thọ Ký (授記), lại còn nói là Thọ Ký (受記), hoặc Thọ Quyết (受決), Thọ Bôn (受儼). Thọ (授) có nghĩa là trao cho, còn Thọ (受) nghĩa là “nhận được”. Ký (記) là ghi nhớ sự việc. Quyết (決) là quyết định. Bôn (儼)¹⁹ là đã hết ngu muội. Đây chính là thọ ký cho bốn người thuộc trung căn sẽ thành Phật.

* Phẩm thứ bảy là phẩm Hóa Thành Dụ (Pūrvayoga). Tuy không có mà hiện hữu trong thoáng chốc thì gọi là Hóa. Ngăn ngừa kẻ sai trái, chống lại kẻ đối địch, thì gọi là Thành. Dùng điều này để sánh ví Niết Bàn của Nhị Thừa, [Niết Bàn] ấy do Quyền Trí của Như Lai thiết lập. Do sức của Quyền Trí, tuy là không mà nói là có. Dùng giáo để hóa hiện, phòng ngự Kiến Tư, gọi là Niết Bàn. Đối với hai thừa Tạng và Thông, sanh ý tưởng “an ổn, diệt độ”, chẳng biết đó là hóa hiện. Thông Giáo Bồ Tát vào rồi lại ra, cũng chẳng biết đó là hóa hiện. Biệt Giáo từ cửa thành mà đi qua, chẳng coi đó là cùng cực, cũng chẳng nói đó là hóa hiện. Chỉ có Viên Giáo hiểu biết không làm lẫn, cũng chẳng cần thành nữa. Vì thế nói là “*hóa thành*”. Đây chính là vì kẻ hạ căn mà nói ra một phen nhân duyên trong đời trước.

* Phẩm thứ tám là phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký (Pañcabhikṣu-śatavyākaraṇa).

* Phẩm thứ chín là phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký (Vyākaraṇa), tức là thọ ký trọn khắp kẻ hạ căn sẽ thành Phật. Phần Chánh Tông của Tích Môn đến đây là hết, năm phẩm sau đó thuộc phần Lưu Thông.

Hai phẩm Pháp Sư và Hiện Bảo Tháp nói rõ: Hoàng dương kinh sẽ có công phước sâu nặng. Phần Lưu Thông [nhằm giảng rõ cho kẻ]

¹⁹ Bôn ở đây là cách viết lồi chữ cổ của Bôn (笨, ngu muội). Vì thế, Tổ giải thích Bôn là “*liễu bôn*” (đã hết ngu muội).

chưa nghe [sẽ được biết kinh này có] lợi ích rất lớn. Phẩm Đề Bà Đạt Đa dẫn chuyện hoàng dương kinh trong quá khứ, ta và người đều được lợi ích. Dùng điều đó để chứng tỏ công đức sâu nặng. Phẩm Trì [nhằm nói] tám vạn Đại Sĩ thành tựu nhẫn lực, hoàng dương kinh trong cõi này, những người vừa mới được thọ ký sẽ hoàng dương kinh trong cõi khác. Phẩm An Lạc Hạnh là vì kẻ ngoại phàm²⁰ sơ tâm ham thích phước thù thắng, do thấy hàng Thanh Văn sợ hãi, Bồ Tát bị quở trách, tự xét chính mình sức yếu ớt, vô ích cho chính mình lẫn người, liền sanh tâm thoái thất. Đức Phật vì kẻ như thế bèn nói các hạnh An Lạc. Nương theo các hạnh ấy để hoàng pháp, sẽ chẳng lo nguy hiểm, khổ sở. Lại nữa, trong phẩm Pháp Sư, đức Thích Ca tự nói công đức và phước báo do hoàng dương kinh, truyền nói lưu thông. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp, Phật Đa Bảo và phân thân của Phật đều cùng chứng minh, phụ trợ, khuyên nhủ lưu thông.

* Phẩm thứ mười là phẩm Pháp Sư (Dharmabhāṇaka). Pháp là quỹ tắc (軌則, quy tắc, chuẩn mực). Sư là bậc thầy răn dạy. Pháp tuy có thể noi theo, nhưng nó chẳng thể tự hoàng truyền, phải do có người thực hiện. Năm hạng người thông hiểu kinh đều có thể gọi là Sư. Nêu ra pháp để thành tựu sự tự hành, đều lấy diệu pháp làm thầy. Tôn diệu pháp làm thầy thì tự hành sẽ được thành tựu. Vì thế nói là “*pháp sư*”. Lại dùng diệu pháp để dạy bảo người khác; vì thế, nêu ra pháp, gọi pháp ấy là thầy. Do đó, gọi là pháp sư. Kinh văn [trong phẩm này] trước là tán thán năm loại pháp sư có thể trì pháp: Một là thọ trì. Hai là đọc. Ba là tụng. Bốn là giải nói. Năm là biên chép.

Sau đó, khen ngợi pháp được trì, và dạy khuôn phép để lưu thông kinh, tức là “*nhập Như Lai thất, trước Như Lai y, tọa Như Lai tòa*” (vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa của Như Lai). “*Nhà Như Lai*” là đại từ bi. Nếu là đồng thể [đại bi] thì sẽ là Pháp Thân. Nếu hóa độ chúng sanh thì là giải thoát. Có thể khiến cho chúng sanh quy về đồng thể thì là Bát Nhã. “*Áo Như Lai*”: Nếu xét theo phương diện “được che phủ” thì là Pháp Thân. Nếu xét theo phương diện “che phủ, trang nghiêm thân”

²⁰ Ngoại phàm chính là địa vị phàm phu trong sự tu hành, thấp hơn nội phàm. Nói cụ thể, địa vị Ngũ Đình Tâm trong Thanh Văn, Niệm Trụ trong Biệt Giáo, Thập Tín Phục Nhẫn trong Viên Giáo được gọi là ngoại phàm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Ngoại phàm là kẻ hướng ra ngoài cầu lý, chưa thể dứt tướng để nội duyên chân tánh, cho nên gọi là ngoại phàm. Chưa xả phàm thân Phần Đoạn trong lục đạo, nên gọi là Phàm*”.

thì là Tịch Diệt Nhân. Nếu hòa quang đồng trần nhằm lợi lạc chúng sanh thì chính là giải thoát. “*Tòa Như Lai*”: Nếu xét theo chủ thể có thể ngồi thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo cái bị ngồi thì là Pháp Thân. Thân và tòa ngằm xứng hợp, chính là giải thoát. Tuy mỗi thứ đều có đủ [tam đức tức Pháp Thân, Bát Nhã và giải thoát], chỉ là một mà thành ba, dầu là ba mà vẫn chẳng phải là ba, há tách lìa để thành chín đức ư? Do vậy, Bồ Tát thường quán Niết Bàn. Vì thế, khuyên người hoằng dương kinh hãy thường quán. Chẳng quán cái tâm hoằng truyền, sao có thể hiểu cái lý được hoằng dương? Vì thế, đức Phật dạy “*vào nhà của ta, mặc áo của ta, ngồi tòa của ta*”. Nếu chẳng có ba pháp ấy, lấy gì để hoằng truyền kinh?

* Phẩm thứ mười một là phẩm Hiện Bảo Tháp (Stūpasamdarśana). Tháp của Đa Bảo Phật (Prabhūtaratna) từ trong lòng đất vọt ra, đại chúng đều trông thấy. [Từ trong tháp], phát ra âm thanh to lớn để chứng phần trước, phát khởi phần sau: Nhóm hợp [phân thân của] Phật để mở tháp, hòng phát khởi cho phần sau.

* Phẩm thứ mười hai là Đề Bà Đạt Đa (Devadatta). Đề Bà Đạt Đa được phương này dịch là Thiên Nhiệt (天熱), vì khi ông ta sanh ra, trời lẫn người đều cảm thấy nóng bức; do vậy, đặt tên như thế. [Đề Bà Đạt Đa] thị hiện dấu tích hành nghịch hạnh, nhưng vốn là thầy của đức Phật. Chúng sanh bị phiền não thiêu đốt nóng bức, cho nên Bồ Tát thị hiện mắc cùng bệnh để độ thoát. Kinh văn [trong phẩm này] trước là nói thuở xưa Đề Bà Đạt Đa truyền dạy kinh điển, [nhờ đó], đức Thích Ca thành đạo. Phần kinh văn tiếp đó nói hiện thời ngài Văn Thù giảng kinh, long nữ thành Phật.

* Phẩm thứ mười ba là phẩm Trì (Utsāha), có thọ trì và khuyến trì.

* Phẩm thứ mười bốn là phẩm An Lạc Hạnh (Sukhavihāra). Do thân chẳng có nguy hiểm, nên an. Do tâm chẳng có ưu não, nên lạc. Do thân tâm an lạc, cho nên có thể thực hiện. Đó là dựa theo Sự để giải thích. Mặc áo Như Lai thì Pháp Thân an. Vào nhà Như Lai thì tâm giải thoát vui sướng. Ngồi tòa của Như Lai thì đạo hạnh Bát Nhã tăng tấn. Đây là kèm thêm kinh văn của phẩm trước để giải thích. Trụ nơi địa vị nhẫn nhục, cho nên thân an; do không nóng vội, cho nên tâm lạc. Quán Thật Tướng của các pháp, nên có thể tăng tấn. Đây là dựa theo kinh văn trong phẩm này để giải thích.

“An” là bất động, tức lục đạo sanh tử lần Niết Bàn của thánh nhân Nhị Thừa đều chẳng thể động. “Lạc” là chẳng thọ (tiếp nhận). Chẳng tiếp nhận tác dụng rộng lớn của tam-muội, chẳng lãnh thọ năm thứ thọ²¹ của phàm phu, cho đến năm thứ thọ (cảm nhận) sanh kiến giải trong Viên Giáo cũng đều chẳng thọ. Hễ có thọ, sẽ có khổ. Chẳng có thọ, sẽ không có khổ. Chẳng khổ, chẳng lạc, bèn gọi là đại lạc. Hạnh là chẳng hành, tức chẳng hành hạnh phàm phu, chẳng hành hạnh của hiền thánh. Vì thế nói là “*chẳng hành*”, mà hành Trung Đạo. Do đó, gọi là Hạnh. Đây là giải thích theo pháp môn này.

Kinh văn chia thành bốn đoạn, tức là dùng Chỉ, Quán, và từ bi để hướng dẫn tam nghiệp và thế nguyện. Thân nghiệp có Chỉ; vì thế, là thô nghiệp nơi thân. Do có Quán, nên chẳng đạt được thân, chẳng đạt được thân nghiệp, chẳng đạt được chủ thể có thể là (năng ly). Do không có gì để đạt được, chẳng đoạ phàm phu. Do có từ bi, siêng tu thân nghiệp, lợi ích rộng rãi hết thảy, chẳng đoạ vào các địa vị thuộc Nhị Thừa. Do có Chỉ hạnh, bèn mặc áo Nhẫn Nhục. Do có Quán hạnh, ngồi tòa của Như Lai. Do có từ bi, vào nhà của Như Lai. Hạnh Chỉ là lỗi, liền thành Đoạn Đức. Quán hạnh chẳng chấp trước, liền thành Trí Đức. Từ bi lợi lạc người khác, liền thành Ân Đức. Ân Đức giúp cho Trí Đức thành tựu, Trí Đức có thể thông đạt Đoạn Đức. Đó gọi là an lạc hạnh nơi thân nghiệp. Các thế nguyện nơi khẩu và ý cũng giống như thế.

Tới đây, phần Lưu Thông của Tích Môn đã xong.

2. Khoa pháp Bốn Môn

* Phẩm thứ mười lăm là phẩm Tỳ Lụ Già Đẳng Xuất (Bodhisattva-prthivivivara-samudgama). Các vị Pháp Thân từ trong hư không thuộc phương dưới, chính là các đệ tử của đức Thích Ca trong bốn thời. Nay họ phụng mạng vọt lên để hoằng dương kinh. Ngài Di Lặc còn chẳng nhận biết. Do chuyện này mà phát khởi Đại giáo “*khai cận, hiển viễn*”.

* Phẩm thứ mười sáu là phẩm Như Lai Thọ Lượng (Tathāgatāyuspramāṇa), thật sự chỉ ra cận tích (dấu tích thị hiện trong thời gần đây, tức sự thị hiện thành Phật trong thế giới Sa Bà) để hiển lộ đức Phật đã vốn thành Phật từ thời lâu xa. Như Lai (Tathāgata) là hiệu chung của mười phương tam thế chư Phật, hai Phật, ba Phật, Bốn Phật,

²¹ Ngũ Thọ của phàm phu là năm thứ cảm nhận, tức ưu thọ, hỷ thọ, khổ thọ, lạc thọ, và xả thọ.

Tích Phật. Thọ (壽) là thọ (受, lãnh nhận). Lượng (量) là nói đến hạn lượng. Phẩm này nói thẳng vào công đức của Báo Thân nơi bốn địa, nhưng trí huệ của Báo Thân ngầm khế hợp cả trên lẫn dưới, tam thân rành rành trọn đủ. Vì thế, gọi là phẩm Như Lai Thọ Lượng.

* Phẩm thứ mười bảy là phẩm Phân Biệt Công Đức (Punṇyaparyāya). Đức Phật nói thọ lượng, các đệ tử cả ba đời đều đạt được các thứ lợi ích. Do nói ra công đức cạn hay sâu khác nhau, nên bảo là Phân Biệt. Trong phẩm này, có phần thọ ký, [đại chúng nghe giảng] bèn lãnh ngộ, thông hiểu, và lưu thông. Đức Phật nói phần Trường Hàng nhằm thọ ký chung về Pháp Thân. Ngài Di Lặc nói kệ để trình bày sự tiếp nhận, giải ngộ chung.

Từ đây trở đi là phần Lưu Thông. Trong phần này, trước hết nói đến Tứ Tín trong hiện tại, kế đó nói về ngũ phẩm sau khi diệt độ.

Tứ Tín là:

- Một là mỗi niệm đều tín giải, nhưng chưa thể diễn nói.
- Hai là giải thích đại lược về tông thú [của kinh này].
- Ba là rộng vì người khác giảng nói.
- Bốn là tin sâu, quán thành tựu.

Ngũ phẩm là:

- Một là trực tiếp phát khởi cái tâm tùy hỷ.
- Hai là [đã có tâm tùy hỷ], lại còn tự thọ trì, đọc tụng.
- Ba là khuyên người khác thọ trì, đọc tụng.
- Bốn là còn thêm kiêm hành Lục Độ.
- Năm là lại còn chánh hành Lục Độ.

* Phẩm mười tám là phẩm Tùy Hỷ Công Đức (Anumodanāpuṇya-nirdeśa), nói về công đức do cái nhân thuộc sơ phẩm để khuyên lưu thông. “Tùy” là tùy thuận sự lý chẳng hai, chẳng khác. Hỷ là mừng cho mình, mừng cho người. “Thuận lý” là nghe bốn địa hết sức lâu xa của Phật, tín thuận chẳng trái nghịch, chẳng hề vướng mắc mảy may ngò vực. “Thuận sự” là nghe nói đức Phật lợi ích chúng sanh khắp ba đời, theo chiều dọc lẫn chiều ngang (tức là xét theo không gian và thời gian) đều gồm trọn, trọn khắp hết thảy mọi nơi, cũng chẳng có mảy may vướng mắc ngò vực. Thuận lý sẽ có công đức chân thật. Thuận sự bèn có quyền công đức. Vui mừng vì chính mình tức là có trí huệ. Vui mừng vì người khác là có từ bi. Gộp chung Quyền Trí Đoạn và Thật Trí Đoạn để nói; vì vậy, nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

* Phẩm thứ mười chín là phẩm Pháp Sư Công Đức (Dharmabhāṇa-kānuśamsā), nêu ra công đức của cái quả thuộc sơ phẩm để khuyên bảo lưu thông. [Cái quả ấy] chính là sáu căn thanh tịnh.

* Phẩm thứ hai mươi là phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát (Sadāparibhūta), dẫn giải tội phước do tin tưởng hay hủy báng, nhằm làm chứng để khuyên lưu thông. Trong tâm gìn giữ sự giải ngộ chẳng khinh, ngoài là tôn kính chẳng khinh cảnh. Thân lập hạnh Bất Khinh, miệng tuyên dương giáo nghĩa bất khinh. Người ta gọi Ngài là Bất Khinh. Vì thế, có tên là Thường Bất Khinh.

Kinh văn thuộc ba phẩm rưỡi trên đây chính là phần Khuyên Trì Lưu Thông đã xong. Kế đó, kinh văn gồm tám phẩm, nói về sự phó chúc lưu thông, lại chia thành ba phần:

- Hai phẩm Như Lai Thần Lực và Chúc Lụy giảng về chúc lụy lưu thông.

- Năm phẩm từ phẩm Dược Vương trở đi, xét theo sự hóa độ người khác mà khuyên lưu thông.

- Một phẩm Phổ Hiền là xét theo tự hành để khuyên lưu thông.

* Phẩm thứ hai mươi một là phẩm Như Lai Thần Lực (Tathāgatarddhy-abhisamskāra). “*Thần*” là chẳng thể lường. “*Lực*” là vận dụng. “*Chẳng thể lường*” tức là cái Thể tự nhiên sâu xa; vận dụng thì sức chuyển biến to lớn. Trong phẩm này, phó chúc pháp sâu, hiện mười thứ đại lực. Vì thế, gọi là phẩm Thần Lực.

* Phẩm thứ hai mươi hai là phẩm Chúc Lụy (Anuparīdana). Chúc (囑) là đức Phật giao phó, căn dặn. Lụy (累) là làm phiền các vị tuyên truyền. Đây là do xét theo thánh chỉ (ý chỉ của Phật) mà đặt tên như vậy. Lại nữa, Chúc là cung kính tiếp nhận lời căn dặn, Lụy là cam tâm [thực hiện] chẳng nhọc nhằn. Đây là sự đặt tên phẩm dựa theo lòng kính thuận của Bồ Tát. Chúc lại là miệng vàng của Như Lai căn dặn, Lụy là Bồ Tát sắt son cung kính lãnh nhận, gánh vác. Đó là luận định xét theo sự truyền trao và tiếp nhận gộp chung lại. Vì thế, Như Lai vươn mình từ tòa đứng dậy, duỗi tay xoa đỉnh đầu [đại chúng], truyền trao pháp khó được. Đại chúng khom mình, chấp tay, đúng như lời sắc truyền của đức Thế Tôn mà phụng hành trọn vẹn, ân cần trao nhận; vì thế gọi là Chúc Lụy.

* Phẩm thứ hai mươi ba là phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự (Bhaisajyarāja-pūrvayoga), nhằm đôn đốc bậc thầy hoằng pháp hãy nên đốc càn thân lực, trọn hết thân mạng để hoằng dương Đại pháp.

* Phẩm thứ hai mươi bốn là phẩm Diệu Âm (Gadgadasvara).

* Phẩm thứ hai mươi lăm là phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn (Samantamukha) đều nhằm khuyên hàng đệ tử thọ pháp hãy nên biết các vị Đại Sĩ ở phương khác tuân phụng mạng lệnh mà hoằng dương kinh, hiện trọn khắp các sắc thân, chẳng có hình tướng nhất định. Chớ nên dùng con mắt của trâu, dê để nhìn, đừng nên dùng sự hiểu biết phàm tục để suy lường! Đối với các điều được nghe, chớ nên sanh ý tưởng coi thường. Sanh ý tưởng coi thường thì tâm sẽ chẳng nhiếp pháp.

* Phẩm thứ hai mươi sáu là phẩm Đà La Ni (Dhāraṇī). Hoằng dương kinh trong đời ác, thường gặp nhiều não hại, nguy nan. Vì thế, dùng chú để bảo vệ, khiến cho đạo được lưu thông.

* Phẩm thứ hai mươi bảy là phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự (Śubhavyūharājapūrvayoga), nói duyên trước của bốn vị thánh, hiển lộ công đức của người hộ trì.

* Phẩm thứ hai mươi tám là phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyên Phát (Samantabhadrotsāhana). Tiếng Phạn là Bất Thâu Tung Đà²², cội này dịch là Phổ Hiền, còn dịch là Biện Cát (徧吉, tốt lành trọn khắp). Đạo hàng phục trọn khắp là Phổ (普), gần với địa vị tột cùng gọi là Hiền (賢). Khuyên Phát (勸發) là từ ngữ nói về sự quuyến luyến pháp. Ngài ở cõi xa, nghe trọn vẹn kinh này, từ đầu đến cuối đã trọn vẹn, muốn khiến cho [đại chúng trong hiện tại và tương lai] đều cùng tự hành, giáo hóa người khác, vĩnh viễn chẳng ngớt. Do vậy, từ phương Đông đến [Sa Bà] để khuyến phát.

Lại xét chung đối với sự sanh khởi theo thứ tự trong phần Lưu Thông thuộc mười một phẩm rười này, hiện thời nghe kinh sẽ đạt được hai thứ lợi ích chân thật và tương tự. Như trong phần trước đã nói: Nếu được trực tiếp nghe một câu mà sanh lòng tùy hỷ, sẽ có công đức còn hơn tứ tín trong hiện tại. Đời vị lai chẳng có Phật, sợ có kẻ sẽ sanh lòng nghi ít phước, cho nên nói ngữ phẩm công đức sau khi đức Phật diệt độ. Do công đức nơi nhân vi diệu, bí mật, chẳng rõ ràng, lộ lộ như công đức

²² Phổ Hiền Bồ Tát còn có danh xưng khác là Vishvabhadra (thường dịch là Biện Cát), và thường được phiên âm là Bất Thâu Bạt Đà. Có lẽ chữ Tung Đà ở đây là Bạt Đà bị chép sai.

nơi quả, cho nên nói phẩm Pháp Sư Công Đức. Nhân và quả cùng nêu, không gì bằng dẫn chứng phân minh. Vì thế nói phẩm Thường Bất Khinh. Tuy nêu ra chuyện của người trong quá khứ, chẳng bằng biến hóa trong hiện tại. Vì thế nói phẩm Như Lai Thần Lực. Tuy tỏ bày thần lực, chẳng bằng xoa đỉnh đầu phó chúc. Vì thế, nói phẩm Chúc Lụy. Tuy đã chúc lụy theo lối thông thường, chẳng bằng nêu bày trọn đủ thuật trọng yếu xả thân giữ đạo. Vì thế, nói phẩm Dược Vương. Tuy có thể giáo hóa bằng rắn dạy, chẳng bằng rắn dạy kẻ được giáo hóa “hãy nên thuận theo pháp được nghe mà sanh ý tưởng coi đó như là Phật”. Vì thế nói phẩm Diệu Âm và Quán Âm. Sơ tâm hoảng dương kinh, đã chẳng có thần lực, hãy nên nương vào sự chế ngự bên trong. Vì thế, nói phẩm Đà La Ni. Lại cần phải có ngoại hộ (sự hộ trì từ bên ngoài), nên nói các phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương và Phổ Hiền, liên miên trùng điệp khiến cho đại pháp được phổ biến rộng khắp.

Lại nữa, Phổ Hiền lại thỉnh đức Phật chánh thuyết, khuyến phát [người nghe] tự hành, rồi lại xin lưu thông để khuyến phát, giáo hóa người khác. Đức Phật dùng bốn pháp để đáp chung: Một là được chư Phật hộ niệm. Hai là gieo trồng các cội đức. Ba là nhập Chánh Định Tụ. Bốn là phát tâm cứu hết thảy chúng sanh. Đó chính là ý chỉ chánh yếu để giải đáp [thắc mắc] về chánh thuyết và lưu thông. Vì sao vậy? Tuy Phật chẳng thiên lệch, nhưng nếu có thể tránh xa ác, hướng theo thiện, bỏ mê hướng về chánh, khai quyền tri kiến, hiển lộ Phật tri kiến, thì sẽ xứng hợp thánh tâm, được chư Phật hộ niệm. Nếu tri kiến của Phật đã khơi mở, ắt Bát Nhã chiếu sáng. Đó là “*gieo trồng các cội đức*”, mà cũng là “*nhập Chánh Định Tụ*”, chẳng loạn, chẳng mê muội, chẳng lầy, chẳng bỏ, đó cũng là “*phát tâm cứu chúng sanh*”. Hãy nên biết bốn điều ấy và “*khai Quyền hiển Thật*” tuy tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một Thể, chẳng hai, chẳng khác. Hơn nữa, “*Phật hộ niệm*” là Khai tri kiến của Phật. “*Gieo trồng các cội đức*” là Thị tri kiến của Phật. “*Phát tâm cứu chúng sanh*” là Ngộ tri kiến của Phật. “*Nhập Chánh Định Tụ*” là Nhập tri kiến của Phật. Lễ trọng yếu trong Tích Môn được gồm thâu trong bốn điều ấy.

Lại nữa, Tích ắt có Bốn, từ Bốn mà khai, thị, ngộ, nhập. Vì thế, trong Tích có khai, thị, ngộ, nhập. Nay khai Tích bèn hiển Bốn. Bốn và Tích chẳng hai, chẳng khác. Dùng bốn pháp ấy để giải đáp lời thỉnh về chánh thuyết, ý nghĩa đã rõ ràng. Dùng bốn pháp ấy để đáp lời thưa hỏi về Lưu Thông, phương pháp để lưu thông thì có ba hoặc bốn. Phát tâm cứu chúng sanh là “*vào nhà Như Lai*”. Nhập Chánh Định Tụ và được

Phật hộ niệm là “*mặc áo của Như Lai*”. Gieo trồng các cội đức là “*ngồi tòa của Như Lai*”. Đó là lễ trọng yếu trong chuyện hoàng dương, tuyên nói, tuy có bốn pháp mà là ba. Lại nữa, phát tâm cứu chúng sanh là thệ nguyện an lạc hạnh. Nhập Chánh Định Tự là ý an lạc hạnh. Gieo trồng các cội đức là khẩu an lạc hạnh. Chư Phật hộ niệm là thân an lạc hạnh. Hãy nên biết bốn điều sau chính là bốn điều trước. Một lời đáp tương ứng với hai lời thừa hỏi, nêu lên bốn điều để gồm trọn một bộ kinh. Trùng tuyên Pháp Hoa há chẳng vừa hay khéo, vừa màu nhiệm ư?

Ngưỡng mong một câu thẩm đượm tâm thần, đều giúp lên bờ kia. Tư duy, tu tập, vĩnh viễn dùng làm tàu thuyền. Tùy hỷ thấy nghe, luôn làm chủ và bạn. Dù lấy hay bỏ, hễ lọt qua tai đều trở thành duyên. [Người thấy nghe] dù thuận tùng hay chống trái, rốt cuộc đều nhờ đây mà giải thoát. Nguyện vào lúc giải thoát thì y báo và chánh báo sẽ thường tuyên nói kinh màu nhiệm này. Một cõi nước, hay một mây trần, không gì chẳng lợi lạc chúng sanh. Chỉ nguyện chư Phật ngậm hun đúc, gia bị. Hết thấy các vị Bồ Tát đều ngậm giúp oai linh, bất cứ chỗ nào chưa nói kinh này, sẽ đều khuyến thỉnh [diễn nói]. Phàm chỗ nào có kinh này được tuyên nói, sẽ đích thân thừa sự, cúng dường. Một câu, hay một kệ [của kinh này, sẽ đều giúp cho người thấy nghe] tăng tấn Bồ Đề. Một sắc, một hương, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Phần tự sau Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán

Xưa kia, ông Lý Thanh Liên (Lý Bạch)²³ lên lầu Hoàng Hạc, thấy bài thơ do Thôi Hạo²⁴ đã viết, bèn gác bút, do biết mình chẳng thể làm thơ hay hơn được! Trí Giả đại sư đích thân chứng Pháp Hoa tam-muội,

²³ Lý Bạch (701-762), tự là Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên cư sĩ, là một đại thi nhân thuộc đời Thịnh Đường, cùng với Đỗ Phủ trở thành biểu tượng cho Đường thi.

²⁴ Thôi Hạo (?-754) là một thi nhân đời Đường, quê ở Biện Châu (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), không được ghi chép nhiều về tiểu sử. Chỉ biết ông đỗ Tiến Sĩ năm Khai Nguyên 10 (722), từng làm Giám Sát Ngự Sử, rồi làm thuộc hạ của Tiết Độ Sứ Hà Đông, huyện úy huyện Phù Câu, Thái Bộc Tự Thừa, chức quan cao nhất của ông là Tư Huân Viên Ngoại Lang, tức là quan trường lận đận. Thơ của ông hay, nhưng bị thất lạc nhiều, chỉ còn giữ được bốn mươi hai bài. Bài thơ nổi tiếng nhất của ông chính là bài thơ vịnh Hoàng Hạc Lâu. Hoàng Hạc Lâu là một tòa lầu trên núi Xà Sơn thuộc Vũ Xương, thành phố Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc), là một trong bốn ngôi lầu nổi tiếng của đất Giang Nam. Hoàng Hạc Lâu hiện thời có năm tầng, cao 50,4 mét. Tòa lầu này được xây từ năm Hoàng Vũ thứ hai (223) đời Đông Ngô do sắc lệnh của vua nước Ngô là Tôn Quyền. Tòa lầu này bị thiêu hủy và xây lại

[kiến giải của] Quang Trạch²⁵ còn bị phá, huống hồ là các vị chú giải khác! Người đời sau lại lữ lượt trình bày kiến giải, vì chưa có học thức như Thanh Liên. Tôi đã viết bộ Phật Đảnh Huyền Văn (chú giải phần Huyền Nghĩa của kinh Lăng Nghiêm), các bạn đều khuyên chú giải Pháp Hoa, tôi kiên quyết dùng ý này để từ chối. Vừa khéo diễn giảng kinh điển mẫu nhiệm tại Tử Vân, có pháp hữu Đạt Tế đứng trông coi khắc in kinh, mong tôi tóm tắt ý chỉ chánh yếu của toàn bộ bản kinh để tạo thuận tiện cho hàng sơ học. Do vậy, kính dựa theo Huyền Nghĩa và Văn Cú, trích lục những điều đại cương, đặt tên là Luân Quán, ngõ hầu người bèn mảng sẽ biết ý vị của toàn thể. Nếu có ai chê cười tôi chỉ sao lục văn từ trong các sách đã có từ trước, tôi nào dám chối cãi.

Ngẫu Ích Trí Húc kính đề.

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thai Tông Hội Nghĩa
Quyển 1**

妙法蓮華經台宗會義卷一

Đất Cổ Ngô, hậu học Ngẫu Ích Trí Húc trước thuật

古吳後學蕩益智旭述

hiều lần (riêng trong thời Minh – Thanh, ngôi lầu này đã bị bảy lần phá hủy vì chiến tranh, loạn lạc). Ngôi lầu hiện thời được xây dựng lại vào năm 1985 trên nền cũ. Theo truyền thuyết, tiên nhân Vương Tử An thích tu tiên, từng thấy trên lầu này có vị tiên cười hạc vàng giáng xuống, cùng họ Vương uống rượu. Sau đó cỡi hạc bay đi mất. Vì thế, lầu này có tên gọi là Hoàng Hạc Lâu.

Bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hạo như sau: *“Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ, thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu. Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, bạch vân thiên tải không du du, tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ, phương thảo thê thê Anh Vũ châu. Nhật mộ hương quan hà xứ thị? Yên ba giang thượng sử nhân sầu”*. Thi sĩ Tân Đà dịch như sau: *“Hạc vàng ai cưỡi đi đâu? Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ! Hạc vàng đi mất từ xưa, nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay. Hán Dương sông tạnh cây bầy, bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non. Quê hương khuất bóng hoàng hôn, trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?”*

²⁵ Quang Trạch (467-529) là vị tăng sống vào đời Nam Triều. Bảy tuổi xuất gia, có pháp hiệu là Pháp Vân. Cùng với Tăng Mân và Trí Tạng được xưng ba vị đại pháp sư đời Lương. Sư thường trụ tích tại chùa Quang Trạch ở Giang Tô, nên người đời thường gọi Sư là Quang Trạch. Sư khéo giảng Pháp Hoa, tác phẩm chú sớ kinh Pháp Hoa của Sư được gọi là Quang Trạch Sớ, có tên gọi đầy đủ là Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký.

Nếu có ai hỏi Ngẫu Ích rằng:

- Tôi nghe giảng kinh Pháp Hoa thì không ai hay hơn tông Thiên Thai. Vì thế, Trí Giả đại sư sau khi diệu ngộ, dùng tứ vô ngại biện tài chẳng thể nghĩ bàn để tuyên nói hai sách Huyền Nghĩa và Văn Cú. Tôn giả Chương An ghi lại mỗi sách gồm mười quyển, chẳng khác gì ngài A Nan kết tập. Cho tới tôn giả Kinh Khê lại dùng sách Thích Thiêm để chấp cánh cho Huyền Nghĩa, viết sách Văn Cú Ký để chấp cánh cho Văn Cú. Do vậy, Giáo Quán sáng ngời, được xưng tụng là các vị tổ trung hưng [tông Thiên Thai]. Nương theo đó để tu chứng, người đắc đạo như rừng. Dầu có thánh nhân xuất hiện lần nữa, cũng chẳng thể nói thêm một chữ thừa thãi nào! Trước kia, đã từng thấy trong lời Bạt cho phần Luân Quán của ông có nói: “Ví như bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hạo đã khiến cho Lý Bạch phải gác bút”. Tôi cũng khâm phục lời ấy. Nay sao lại vô duyên có viết lách vậy?

Ngẫu Ích thưa: - Ôi! Đây cũng là nỗi khổ tâm muôn phần bất đắc dĩ của tôi. Tôi ngụ tại Ôn Lăng, viết Luân Quán là vì muốn dẫn dụ người học Phật trong thiên hạ chẳng ai không dốc lòng nơi tam đại bộ²⁶. Nay bấm ngón tay đếm đã mười mấy năm rồi! Lưỡi đỏ, tai điếc, chưa thể khuyên được đôi ba người dốc sức nơi Giáo Quán, họ đều than thở các bộ sách ấy mênh mông, rườm rà khác nào nhìn vào biển cả bát ngát. Nếu chẳng bỏ công trích yếu đại lược đôi chút, các pháp viên đốn trong các sách Huyền Nghĩa, Thích Thiêm của ngài Diệu Lạc²⁷ sẽ đành đến nỗi cát trên gác cao!

Hỏi: - Nếu là như vậy, chỉ cần sao lục, trích yếu Văn Cú và Văn Cú Ký, phỏng theo lệ của sách Diệu Huyền Tiết Yếu là được rồi, sao lại khoa phán, đôi văn, lén trộm thêm vào ý mình, gọi thẳng thùng là Hội Nghĩa vậy?

Đáp: - Đây càng là chuyện bất đắc dĩ! Thời cổ, kinh và chú sớ đều cùng lưu hành, cho nên sớ giải ý nghĩa của kinh, đối với các điều uyên áo, chẳng ngại nêu rõ tường tận, sâu xa, còn đối với những chỗ kinh nói

²⁶ Tức là ba bộ sớ giải kinh Pháp Hoa của tổ Trí Giả, gồm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú (giải thích kinh văn), Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa (giảng về ngữ trùng huyền nghĩa của kinh Pháp Hoa), và Ma Ha Chỉ Quán (cách tu Chỉ Quán), mỗi bộ gồm mười quyển. Các tác phẩm này đều do ngài Quán Đảnh Chương An ghi lại. Ba bộ chú sớ này được tôn là điển tịch căn bản của người học giáo nghĩa Thiên Thai.

²⁷ Diệu Lạc là biệt hiệu của ngài Kinh Khê Tràm Nhiên, tổ thứ sáu của tông Thiên Thai. Do Ngài trụ tích tại chùa Diệu Lạc ở Thường Châu, chuyên giảng Pháp Hoa, người đương thời gọi Ngài là Diệu Lạc đại sư.

rõ ràng thì chỉ chia khoa, chỉ điểm đôi chút mà thôi. Người đời sau gượng ép ghép sớ vào kinh, khiến cho câu chữ trong kinh văn bị xé lẻ khi đọc. Nay muốn thuận theo kinh văn để diễn giải ý nghĩa, mà vẫn chẳng tổn thương huyết mạch của kinh văn, lẽ nào chẳng chia đại lược thành từng khoa? Trí Giả đại sư biện tài phô diễn. Sau khi đại sư thị tịch, ngài Chương An mới phỏng theo ngài A Nan kết tập. Tuy hoàn toàn phù hợp ý nghĩa của đại sư [đã dạy], chưa chắc đã một mực đều là lời văn của đại sư? Vì thế, văn phong cổ kính, chất phác, chẳng chú trọng gọt giũa bóng bẩy, chỉ có đọc lâu mới biết sự hay khéo. Kẽ sơ tâm đối trước các tác phẩm ấy đều mờ mịt, lẽ nào chẳng thay đổi lời văn đôi chút ư? Tôn giả Kinh Khê vàng ròng qua trăm lần luyện, văn lẫn nghĩa đều sâu xa, nhưng cũng vì mang hơi hướng thuở Lục Triều²⁸, hơi chẳng hợp thời

²⁸ Lục Triều là từ ngữ của người đời Đường tạo ra để gọi sáu triều đại trước thời Tùy – Đường, chủ yếu là nói đến các triều đại ở phương Nam Trung Hoa, gồm:

- Nhà Đông Ngô (còn gọi là Tôn Ngô, Tam Quốc Ngô) do Tôn Quyền sáng lập, tồn tại từ năm 229 đến năm 280, truyền được bốn đời vua, đóng đô ở Kiến Nghiệp (tức Nam Kinh hiện thời).

- Nhà Đông Tấn (317-420) do Tư Mã Duệ sáng lập (tức là tiếp nối của nhà Tây Tấn sau khi Hoa Bắc lần lượt bị các dân tộc ngoài biên ải, tức các sắc dân Nam Hung Nô, Bạch Nô, Đỉnh Linh, Thiết Phất, Lô Thủy Hồ, Thác Bạt Tiên Ty, Vũ Văn Tiên Ty, Khương, Phù Dư v.v... tràn vào chia cắt lãnh thổ, lập thành mười sáu quốc gia, sử gọi là Ngũ Hồ Thập Lục Quốc). Nhà Đông Tấn đóng đô ở Kiến Khang (Nam Kinh), truyền được mười một đời vua. Tới đời Tấn An Đế (Tư Mã Đức Tông) bị quyền thần Hoàn Huyền ép nhường ngôi. Hoàn Huyền đổi quốc hiệu thành Sở, sử thường gọi là nhà Hoàn Sở. Lưu Dụ khởi binh chinh phạt, giết chết Hoàn Huyền, khôi phục nhà Đông Tấn. Sau một thời gian, đến năm 420, Lưu Dụ phế Tấn Cung Đế (Tư Mã Đức Văn), tự lên ngôi, đổi quốc hiệu thành Tống, tức nhà Lưu Tống.

- Lưu Tống (420-479), còn gọi là nhà Tiền Tống, do Lưu Dụ sáng lập, cũng đóng đô ở Kiến Khang, truyền được chín đời vua. Vua cuối cùng Lưu Chuân (Tống Thuận Đế) là con rối trong tay quyền thần Tiêu Đạo Thành, được ông ta đưa lên ngôi năm 477 rồi bị phế thành Nhữ Âm Vương năm 479, Tiêu Đạo Thành lên làm vua, đổi quốc hiệu thành Tề. Tháng Năm năm ấy, Lưu Chuân bị giết khi mới tròn 12 tuổi.

- Nam Tề (479-502), còn gọi là Tiêu Tề, do Tiêu Đạo Thành sáng lập, cũng đóng đô tại Kiến Khang, truyền được bảy đời vua.

- Nam Lương (502-557), còn gọi là Tiêu Lương, Tiền Lương, hoặc Nam Triều Lương, do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) sáng lập, đóng đô tại Kiến Khang, truyền được sáu đời vua.

- Trần (557-589), còn gọi là Nam Trần, do Trần Bá Tiên soạn ngôi nhà Lương từ tay Lương Kính Đế (Tiêu Phương Tri), cũng đóng đô tại Kiến Khang, truyền được năm đời vua. Vua cuối cùng là Trần Hậu Chủ (Trần Thúc Bảo) si ám, ham ăn chơi, hưởng lạc, bị Tùy Văn Đế xua quân nam chinh, tiêu diệt nhà Trần, thống nhất Trung Hoa.

cơ cho lắm. Đối với chuyện xiển dương, tiết lộ ý chỉ ngoài lời của đại sư, kẻ luôn theo dòng đếm chữ sẽ trọn chẳng thể biết được, há cũng chẳng giống như lén thêm vào ý kiến của mình ư? Pháp Hoa kinh tạng sâu chắc, u viễn, Trí Giả đại sư có thể khế hội cội nguồn kinh ấy, há có thể tuyên nói trọn hết những điều uẩn tàng ư? Tôn giả Chương An ghi lại những điểm trọng yếu, há có thể chép tường tận trọn hết được ư? Ngay như tôn giả Kinh Khê có thể xiển dương yếu nghĩa, cũng có thể phân tích trọn hết các lẽ khúc chiết ư? Nay tôi dùng điều sở đắc do suy nghĩ ngàn mối của phàm phu để phù hợp thời nghi, há vì sợ bị chê gièm trái nghịch cổ nhân mà chẳng dốc cạn đôi chút hiểu biết ư? Ai biết tôi trộm lấy ý nghĩa để ghép thêm vào các khoa thì chính là người hiểu tôi. Còn ai chỉ thấy là hội nghĩa thì trách tội tôi, đó cũng chỉ hội nghĩa đó thôi! Ngày mùng Năm giữa tiết Đông năm Kỷ Sửu (1649)²⁹, cất bút viết lời tựa.

Để giải thích kinh này, lời văn được chia thành hai phần: Trước hết là [giải thích] đề mục, sau đó là nhập văn (dựa theo kinh văn để giải thích).

*** Đề mục**

Phần đề mục gồm có hai phần: Một là tựa đề của kinh. Hai là tựa đề của từng phẩm.

Tựa đề của kinh đã giải thích đầy đủ như trong sách Huyền Nghĩa và Thích Thiêm, hoặc đại lược như trong sách Diệu Huyền Tiết Yếu; ở đây chẳng nhắc lại nữa. Nay trước hết giải thích tựa đề của mỗi phẩm, sau đây mới nhập văn. Có hai mươi tám tựa đề của các phẩm, nay trước hết giải thích phẩm Tựa, các phẩm khác thì khi đến phần kinh văn [của phẩm ấy] sẽ giải thích.

1. Tựa Phẩm Độ Nhất

序品第一

Ngài Kinh Khê Tràm Nhiên (717-782) sống vào thời Đường.

²⁹ Đại sư viết bộ Hội Nghĩa này lúc Ngài 51 tuổi (tức năm Thuận Trị thứ sáu đời nhà Thanh. Nếu tính theo niên hiệu đời Minh thì là năm Vĩnh Lịch thứ ba nhà Nam Minh, năm Khánh Đức thứ nhất đời Lê Thần Tông nhà Hậu Lê của Việt Nam). Theo pháp sư Hoằng Nhất viết trong bộ Ngẫu Ích Đại Sư Niên Phổ, tổ Ngẫu Ích trụ tại Linh Phong, đang bị bệnh vẫn cất bút viết Hội Nghĩa vào tháng Chạp năm ấy, đến tháng Giêng năm sau thì hoàn thành.

Phẩm thứ nhất: Tựa

“Tự” được giải thích là “*tường tự*” (庠序, dạy bảo)³⁰, ý nói giai vị, chủ khách vẫn đáp đều được chỉ vẽ rành rẽ. Tự lại có ba nghĩa là Thứ, Do, và Thuật. Năm chuyện như thế được xếp ở đầu kinh. Đó là Thứ Tự (lời tựa trần thuật theo thứ lớp). Phóng quang, hiện sáu loại tướng lành để làm đầu mỗi khởi phát [thuyết giảng kinh này]. Đó là Do Tự (phần tựa nhằm nêu duyên do). Hỏi đáp nhằm giải trừ điều nghi, dẫn khởi phần Chánh Thuyết (Chánh Tông), chính là trần thuật (tức Thuật Tự). Do có ba nghĩa ấy, cho nên gọi [phẩm này] là Tự.

“Phẩm” trong tiếng Phạn là Bạt Cừ (Varga), phương này dịch là Phẩm. Những điều có ý nghĩa và thể loại giống nhau tụ tập trong một đoạn. Vì thế, gọi là Phẩm. Phẩm là do đức Phật tự nêu ra, như phẩm Tâm Địa trong kinh Phạm Võng; hoặc do khi kết tập mà đặt tên, như Đại Luận trần thuật Đại Phẩm Bát Nhã vốn chỉ có ba phẩm (một là Tự; hai là Ma Sự; ba là Chúc Lự), hoặc do người dịch thêm vào, như kinh Ma Ha Bát Nhã được ngài La Thập dịch thành chín mươi phẩm. Nay phẩm Dược Vương Bốn Sự là do đức Phật tự nói ra, phẩm Diệu Âm và Quán Âm là người kết tập [đặt tên phẩm]. Trong Phạn bản (nguyên văn bằng tiếng Phạn), các phẩm vốn đã có sẵn từ trước, trọn chẳng phải do người dịch thêm vào. Do [phẩm Tự] là khởi đầu của các phẩm, cho nên nói là “*đệ nhất*”.

Phân giải thích kinh văn được chia thành ba:

- 1) Trần thuật chung hai môn Bốn và Tích.
- 2) Nói riêng Tích Môn và Bốn Môn.
- 3) Lưu thông của Tích Môn và Bốn Môn.

Để giải thích kinh văn, có bốn điều: Một là nhân duyên. Hai là xét theo giáo (ước giáo). Ba là Bốn và Tích. Bốn là quán tâm. Từ khởi đầu là “*như thị*” cho đến kết thúc, đều dùng bốn ý ấy để giải thích kinh văn, nhưng nay viết đại lược, hoặc [chỉ nêu ra] ba, hai, hay một ý, cốt sao thấu hiểu ý mà thôi! Sở dĩ dùng bốn ý để giải thích là vì nói rộng thì khiến cho người trí không vui thích, nói đại lược thì ý chẳng trọn. Tôi nay nói theo cách chiết trung để dễ hiểu nghĩa.

³⁰ “*Tường tự*” trong nghĩa gốc là “trường học”. Đời Ân Thương gọi trường học là Tường, từ đời Châu thì gọi là Tự. Do vậy, trường học được gọi chung là Tường Tự; sau đó, mở rộng thành ý nghĩa “dạy bảo”.

Nhân duyên còn gọi là Cảm Ứng. Chúng sanh nếu chẳng phải là căn cơ, dầu thân cận mà chẳng thấy. Do sức của thiện căn và lòng Từ, dầu cách xa mà tự thông, cảm ứng đạo giao! Vì thế, dùng nhân duyên để giải thích. Phàm chúng sanh cầu giải thoát, căn cơ ấy đông nhiều. Thánh nhân ứng hiện, cũng ứng hiện thật nhiều. Nghĩa ấy càng rộng, chiết trung như thế nào? Đại Kinh³¹ dạy: “*Do sức thiện căn của lòng Từ có vô lượng môn, nói đại lược thì là thần thông*”. Thần thông chính là tên gọi khác của Ứng. Đối ứng với Cảm bèn gọi là Ứng. Dầu lập ra nhiều thứ ứng, chẳng ra ngoài lòng Từ. Cầu giải thoát tuy nhiều, há vượt ngoài Cảm? Vì thế, hai chữ Cảm Ứng chiết trung sẽ hiểu rõ ngay.

Mười phương cơ cảm rộng dường hư không, giáo pháp mênh mông, như thế nào là chiết trung? Nay luận theo quốc độ Sa Bà, dùng âm thanh làm Phật sự thì cửa cam lộ sẽ mở. Nương theo tiếng để giáo hóa, giải thích, hoàn toàn dùng kim khẩu làm gốc, chẳng ít, chẳng nhiều, cách nói chiết trung đã rõ ràng. Phàm ứng cơ lập giáo thì giáo có quyền, thật, cạn, sâu khác nhau.

Từ Bồn mà đối ứng với Tích thì do có nhiều căn cơ, nên giáo sai khác, Tích ắt rộng lớn, chiết trung như thế nào? Nay bỏ qua ngón tay [chỉ mặt trăng], giữ lấy vàng trắng, quên Tích, tìm Bồn. Tích tuy rộng, nhiều, luận theo Bồn thì duy nhất, chiết trung đã rõ ràng vậy! Nếu truy tầm theo Tích thì Tích rộng lớn, chỉ tự nhọc nhằn. Tìm Bồn thì Bồn cao, cao chẳng thể cùng cực. Như đếm vật báu của người khác, chính mình chẳng có nửa đồng. Chỉ quán tâm mình cao rộng, đả động sự cảm ứng vô cùng của bậc thánh (Phật, Bồ Tát). Do căn cơ mà cảm hòng chính mình được lợi. Vì thế, dùng quán tâm để giải thích.

Chúng xét theo nhân duyên là như phẩm Phương Tiện đã nói: “*Thập phương chư Phật, vị nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế*” (Mười phương chư Phật, vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Chúng mà xét theo giáo thì như phẩm Phương Tiện đã dạy: “*Dĩ chủng chủng pháp môn tuyên thị ư Phật đạo*” (Dùng các thứ pháp môn tuyên nói, chỉ bày Phật đạo). Đại Kinh nói: “*Thô ngôn, cập nhiên ngữ*,”

³¹ Đại Kinh có thể hiểu tổng quát là các kinh Đại Thừa, hoặc tùy theo tông phái mà Đại Kinh có thể hiểu khác nhau. Chẳng hạn Tịnh Độ Đại Kinh thì là kinh Vô Lượng Thọ, còn ở đây, do Tổ hoàn toàn nói theo cách giảng giải của tông Thiên Thai, thì Đại Kinh chính là kinh Ma Ha Bát Nhã.

giai quy Độ Nhất Nghĩa” (Lời thô, lời mềm mỏng, đều quy vào Độ Nhất Nghĩa).

Chúng xét theo Bốn Tích thì như phẩm Thọ Lượng đã nói: “*Kim thiên, nhân, A Tu La, giai vị ngã thiếu xuất gia, khứ Già Da thành bát viễn, đắc Tam Bồ Đề, nhiên ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dĩ tư phương tiện đạo lợi chúng sanh*” (Nay trời, người, A Tu La đều nói ta xuất gia chẳng bao lâu, cách thành Già Da chẳng xa, đắc Chánh Giác, nhưng kể từ lúc ta thật sự thành Phật đến nay đã là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dùng phương tiện ấy để hướng dẫn, lợi ích chúng sanh). Phẩm Ngũ Bách Thọ Ký nói: “*Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh Văn. Thật tự tịnh Phật độ, thị chúng hữu tam độc. Hựu hiện tà kiến tướng, ngã đệ tử như thị, phương tiện độ chúng sanh*” (Trong ân hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm Thanh Văn. Thật tịnh cõi Phật mình, thị hiện có tam độc. Lại hiện tướng tà kiến, đệ tử ta như thế, phương tiện độ chúng sanh). Đó chính là đối với thầy và trò đều nói Bốn Tích.

Chúng xét theo quán tâm thì như phẩm Thí Dụ nói: “*Nhược nhân tín nhữ sở thuyết, tức vi kiến ngã, diệt kiến ư nhữ, cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát*” (Nếu có ai tin lời ông nói thì chính là thấy ta, cũng thấy ông, và các tỳ-kheo tăng cùng với các Bồ Tát). Hãy nên biết: Đối với điều đã được nghe, tâm chắc thật quan sát, từ trong tín tâm, được thấy Tam Bảo. “*Nghe nói*” là Pháp Bảo. “*Thấy ta*” là Phật Bảo. “*Thấy các ông*” là Tăng Bảo.

Nay lại dựa theo ba đoạn (Tự Phần, Chánh Tông, Lưu Thông) để nêu bày tướng nhân duyên. Chúng sanh từ lâu xa đã được Phật thiện xảo dạy cho gieo nhân duyên nơi Phật đạo. Trong khoảng thời gian ấy, mỗi khi gặp gỡ, Ngài lại dùng phương tiện khác lạ để giúp hiển thị Độ Nhất Nghĩa hòng thành thực họ. Ngày nay tuôn mưa hoa, chấn động cõi đất, dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ họ. Lại nữa, đã gieo [cái nhân thành Phật] từ lâu xa, [cái nhân ấy] đã chín muồi trong quá khứ, đời gần đây được giải thoát, cho nên từ dưới đất vọt lên. Lại nữa, gieo nhân trong khoảng trung gian, bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) đã chín muồi, thoát khỏi thành Vương Xá, nay bèn khai, thị, ngộ, nhập.

Lại nữa, đời này gieo nhân, đời kế tiếp chín muồi, đời sau nữa được giải thoát. Đắc độ trong vị lai là dựa theo ý này để nói. Đối với mỗi đoạn, đều nói ba đời, hoặc chín đời gieo nhân, chín muồi, giải thoát. Do có các nhân duyên như thế đó, cho nên có Tự Phần. Đại chúng thấy tướng lành hy hữu, bèn ngưỡng mộ, khâm kính, khát ngưỡng, muốn

nghe đạo trọn đủ. Đức Phật bèn thừa dịp lập cách hóa độ, khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Vì thế có phần Chánh Thuyết. Không chỉ đại chúng thuở ấy đạt được lợi ích to lớn, năm trăm năm sau đều được thấm nhuần diệu đạo. Vì thế có Lưu Thông Phần. Đó chính là dựa theo ba đoạn để chỉ bày giáo tướng.

Phần Tự này chẳng vì trời, người hướng đến sự thanh cao mà tạo Tự, chẳng vì Nhị Thừa tiêu đạo mà tạo Tự, chẳng vì từ ngay nơi Không thông với Tam Đế mà tạo Tự, chẳng riêng vì pháp Bồ Tát mà tạo Tự, mà chính là vì “*chánh trực xả phương tiện, chỉ nói vô thượng Phật đạo*” mà tạo Tự. Phần Chánh Tông chẳng vì chỉ bày thế gian mà chánh thuyết, chẳng vì cái trí phân tích [leo lét] như ánh sáng đom đóm mà chánh thuyết, chẳng vì chỉ bày Thể Pháp Trí giống như đèn đuốc mà chánh thuyết, chẳng vì Đạo Chung Trí giống như tinh tú và mặt trăng mà chánh thuyết, mà vì chỉ bày Nhất Thiết Chung Trí như ánh sáng mặt trời mà chánh thuyết. Phần Lưu Thông chẳng phải do lá dương, trâu gỗ, ngựa gỗ mà lưu thông, chẳng phải lưu thông bán tự, chẳng phải lưu thông cộng tự, chẳng phải lưu thông biệt tự, mà thuần là lưu thông viên mãn pháp mãn tự trong Tu Đa La.

Kế đó, xét theo ba đoạn chỉ bày Bốn Tích. Trong kiếp lâu xa, khi hành Bồ Tát đạo, đã tuyên dương kinh Pháp Hoa của vị Phật quá khứ, cũng có ba phần thượng, trung, hạ ngữ, cũng có Bốn và Tích, nhưng Phật Phật đối ứng nhau, cho nên vô cùng. Nay riêng lấy chuyện đức Thích Ca thoát đâu thành Phật đã nói ra kinh Pháp Hoa gồm ba phần thượng, trung, hạ ngữ, chuyên gọi [kinh Pháp Hoa thuở đó] là Thượng, chuyên gọi [chuyện trong thuở đó] là Bốn. Vì lẽ nào? Do thành Phật lúc ban sơ, thuyết pháp thuở ban đầu. Trong chặng giữa, bèn tiến hành giáo hóa, giúp các vị Phật Đại Thông Trí Thắng, Nhiên Đăng v.v... tuyên dương ba phần của Pháp Hoa, chỉ gọi đó là Trung, là Tích. Vì lẽ nào? Trước đó đã có Thượng, đã có Bốn. Hiện thời, tại thành Vương Xá nói ba phần [của kinh Pháp Hoa] thì gọi là Hạ, gọi là Tích. Cho tới vị lai, vĩnh viễn nói ra ba phần, vẫn chỉ có [ba phần kinh Pháp Hoa được nói] vào lúc ban sơ là Thượng, là Bốn. Ví như cây to, tuy có ngàn cành, vạn lá, luận về căn bản thì cùng đều phát xuất từ một cội, chẳng thể nào truyền thừa cho nhau mà không chỉ về một cội ấy.

Kế đó, dựa theo ba đoạn (Tự, Chánh Tông, Lưu Thông) để nêu bày chuyện quán tâm tướng. Xét theo cái tâm của chính mình mà luận bàn ba phần Giới, Định, Huệ. Tu hành thì Giới đầu tiên, Định là chặng giữa, Huệ sau cùng. Nếu xét theo pháp môn thì Huệ là Bốn, Giới và

Định là Tích. Lại nữa, Giới, Định, Huệ, mỗi môn đều có ba phần. Ba phần của Giới thì trước hết là tiền phương tiện, chặng giữa là bạch yết-ma, cuối cùng là hoàn tất. Ba phần của Định thì thoát đầu là hai mươi lăm duyên, giữa là chánh quán, sau cùng là trải qua các duyên. Lại nữa, khéo “nhập, xuất, trụ” là ba phần của Định. Ba phần của Huệ thì Không là phần Tự, Trung là Chánh Tông, Giả là Lưu Thông. Đã dựa theo ba phần để chỉ bày bốn loại tướng thì phải nên sử dụng nghĩa này. Từ đầu là “*như thị*” cho đến rốt cuộc “*tác lễ nhi khứ*” (làm lễ rồi đi), đều dùng bốn ý (nhân duyên, xét theo giáo tướng, Bốn Tích, và quán tâm) để giải thích kinh văn. Hành giả hãy khéo suy lường. Bởi lẽ, nếu thoát đầu, chẳng dùng nhân duyên để giải thích thì vẫn chẳng khác gì kiến chấp của ngoại đạo! Dùng nhân duyên để nói thì sẽ thông suốt, thông với toàn thể sự giáo hóa trong một đời đức Phật. Cần phải biết nay [luận định về] Tứ Tất Đàn nơi đại sự [xuất thế của đức Phật], chứ chẳng phải là cảm ứng nào khác. Khai hiển Tứ Tất Đàn thì chẳng có gì ở ngoài một đạo. Tứ Tất Đàn lâu xa, các kinh khác đều chẳng có. Áp dụng Tứ Tất Đàn vào quán tâm thì một phép Quán thâm nhiếp trọn các phép Quán khác. Dùng bốn phép Tứ Tất Đàn ấy, sẽ thông suốt từ đầu đến cuối.

Đối với ba điều như xét theo giáo, Bốn Tích v.v... cũng cần phải trần thuật trọn khắp. Nếu kể đó, chẳng xét theo giáo để giải thích, sẽ chẳng thể biện định pháp nào là Thiên, Tiểu. Vì thế, dùng bốn pháp hay tám pháp để giản lược khơi mở, phế trừ v.v... Đối với các giáo pháp trước kia thì giáo pháp hiện thời (tức giáo nghĩa trong kinh Pháp Hoa) mới là chân thật; hết thảy những gì có thể diễn nói không còn danh xưng khác nữa. Vì thế, cần phải nói rõ để phô tỏ kinh điển mẫu nhiệm này.

Nếu chẳng dùng điều thứ ba là Bốn Tích để giải thích, ai biết được sự siêu xuất? Giáo pháp trong một thời bàn về thân và cõi, chặng giữa và ngày nay, không gì chẳng nhằm lập bày Tích Môn. Chỉ ra Đại Thông [Trí Thắng Phật trong nhiều kiếp lâu xa về trước] giống như [chuyện mới vừa cách đây] hai ngày, [chúng sanh] trước là đã không thấu hiểu giáo nghĩa kín mật, lại còn mê muội đối với thân nơi Tích Môn, đến nay [do nghe thọ mạng vô lượng của Như Lai] mới trừ khử [sự mê chấp ấy]. Vì họ vẫn còn mê muội ôm cây đợi thỏ, nếu chẳng dùng điều thứ tư là quán tâm để giải thích, sẽ dùng gì để biện định công năng giáo hóa do kinh điển nói, dùng gì để thực hiện cội gốc tu hành đã thành lập từ lâu? Vì thế, mỗi một câu nhập vào tâm thành quán, quán ứng hợp với kinh, chẳng phải là đếm của báu cho người khác, mới biết một bộ [Ma Ha] Chỉ Quán chính là công cụ để tu Pháp Hoa tam-muội. Gồm trọn bốn nghĩa ấy

thì mới có thể hiển thị đại lược chỗ chỉ quy của cả một bộ kinh. Hãy nên biết [chỉ dùng] hai hay ba điều [trong bốn ý ấy để giải thích] thì vẫn còn đại lược, nếu chỉ dùng một điều để giảng giải thì làm sao được nữa? Vì thế, đối với mỗi một câu đều có bốn nghĩa ấy, cho nên câu nào [trong kinh này] cũng đều khác với các giáo pháp khác!

1.1. Phần Thông Tự trần thuật Bốn Môn và Tích Môn

Gồm hai phần: Một là nơi chốn nghe pháp. Hai là đại chúng nghe giảng và phụng trì.

1.1.1. Nơi chốn nghe pháp

(Kinh) Như thị ngã văn. Nhất thời, Phật trụ Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung.

(經)如是我聞。一時，佛住王舍城，耆闍崛山中。

(Kinh: Tôi nghe như thế này. Một thời, đức Phật trụ tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật).

“*Như thị*” là nêu ra cái Thể của pháp được nghe. “*Ngã văn*” là người có thể trì. “*Nhất thời*” [là lúc] nghe và trì hòa hợp, chẳng phải là thời nào khác. “*Phật*” là nói đến lúc được nghe từ Phật. “*Vương thành Kỳ sơn*” (thành Vương Xá, núi Kỳ Xà Quật) là chỗ nghe và thọ trì, cùng với “*dữ đại tỳ-kheo*” (và các đại tỳ-kheo) là đại chúng nghe và thọ trì. Vì thế, năm chuyện ấy được đặt ở đầu các kinh.

1.1.1.1. Như Thị

1.1.1.1.1. Giải thích Như Thị theo nhân duyên

Đầu các kinh của tam thế chư Phật đều đặt chữ Như Thị. Đạo của chư Phật giống nhau, chẳng tranh chấp với cõi đời. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Đại Luận (Đại Trí Độ Luận) viết: “*Nêu lên thời và nơi chốn, khiến cho kẻ khác sanh lòng tin*”. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. Lại nhằm đối trị, phá trừ hai chữ A và Âu của ngoại đạo, [hai chữ đó] chẳng Như, [mà cũng] chẳng Thị (A là không, Âu là có. Kinh của hết thầy ngoại đạo lấy hai chữ ấy làm đầu, bởi họ chấp trước hai điều ấy là cơ bản. Những điều được diễn giảng trong kinh của họ chẳng ra ngoài hai chữ ấy). Lại nữa,

Như Thị là từ ngữ tín thuận. Tín thì sẽ lãnh hội Lý được nghe. Thuận thì đạo thầy trò được thành tựu. Đó chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

1.1.1.1.2. Giải thích Như Thị theo giáo tướng

Xét theo giáo để giải thích [Như Thị], do các kinh bất đồng, Như Thị cũng khác; chớ nên dùng một cái chìa khóa để mở các cánh cửa! Lại nữa, kinh của Phật nói ra và [kinh do] ngài A Nan trùng tuyên chẳng khác. Đó là Như. Năng thuyết (người nói kinh, tức Phật) diễn nói pháp sở thuyết (pháp được tuyên nói) là Thị. Nay A Nan truyền lại kinh văn, đức Phật nói như thế nào, Ngài sẽ diễn nói đúng như thế đó, chẳng thể dùng kinh văn thuộc Tiệm Giáo để truyền pháp chân thật thuộc Đốn Giáo, hoặc dùng kinh văn thuộc Thiên pháp để diễn nói pháp chân thật thuộc Viên Giáo. Nếu truyền lại hoặc diễn nói sai lầm, thì kinh văn sẽ chẳng phải là Như. Văn chẳng Như thì Lý chẳng Thị. Nghĩa này khó hiểu, cho nên phải xét kỹ thêm.

Nếu nói đức Phật dạy rõ Tục Đế có văn tự, Chân Đế chẳng có văn tự, A Nan truyền lại văn tự thuộc về Tục Đế, chẳng khác lời đức Phật đã nói. Vì thế, gọi là Như. Nhờ vào văn tự thuộc về Tục Đế mà lãnh hội lý Chân Đế, nên gọi là Thị. Đây chính là Như Thị được nêu ra đầu tiên trong các kinh thuộc Tam Tạng.

Nếu nói đức Phật giảng Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc Không, Không Sắc, chẳng hai, chẳng khác. “*Không và Sắc chẳng khác*” là Như. Từ ngay nơi Sự chính là Chân. Đó là Thị. A Nan truyền kinh văn của đức Phật chẳng sai khác. Đó là Như. Năng Thuyết chính là Sở Thuyết. Đó là Thị. Đó chính là ý nghĩa vì sao Như Thị được đặt ở đầu các kinh thuộc Thông Giáo.

Nếu nói đức Phật dạy sanh tử là hữu biên, Niết Bàn là vô biên, xuất sanh tử hữu biên, nhập Niết Bàn vô biên. Xuất Niết Bàn vô biên, nhập Trung Đạo. A Nan truyền pháp “*xuất Hữu, nhập Vô, xuất Vô, nhập Trung*” này chẳng khác lời Phật dạy. Đó là Như. Từ cạn tới sâu, không gì chẳng phải là Thị. Đây chính là Như Thị ở đầu các kinh thuộc Biệt Giáo.

Nếu nói đức Phật giảng sanh tử chính là Niết Bàn, cũng chính là Trung Đạo, vậy thì Niết Bàn há chẳng phải là Trung Đạo ư? Chân Như pháp giới, thật tánh, Thật Tế trọn khắp hết thấy mọi nơi, không gì chẳng phải là Phật pháp. A Nan truyền điều này chẳng khác lời Phật dạy. Vì

thế, gọi là Như. Như như bất động, cho nên gọi là Thị. Đây chính là Như Thị ở đầu các kinh thuộc Viên Giáo.

1.1.1.1.3. Giải thích Như Thị theo Bốn Tích

Xét theo Bốn Tích để giải thích Như Thị, thì ba đời mười phương, ngang dọc đều như thế. Quá khứ xa vời vợi, hiện tại chậm chậm [trôi qua], vị lai vĩnh viễn, thấy đều như thế, chỗ nào là Bốn, chỗ nào là Tích? Lại xét Như Thị lúc đức Thích Tôn tối sơ thành đạo. Đó là Bốn. Như Thị ở đầu các kinh khi Ngài thị hiện thành Phật trong chặng giữa và hiện thời đều là Tích. Lại nữa, Như Thị do A Nan truyền lại là Tích, còn Như Thị khi đức Phật nói chính là Bốn. Lại nữa, Như Thị do thầy lẫn trò cùng thông đạt, chẳng phải là khởi đầu hay hiện tại, mà cũng chẳng phải chặng giữa. Đó là Bốn, còn Như Thị trong khoảng giữa và hiện tại thì chính là Tích.

1.1.1.1.4. Giải thích Như Thị theo quán tâm

Dùng quán tâm để giải thích [Như Thị] thì quán các nghĩa Như Thị theo Tất Đàn, giáo tướng, Tích Môn v.v... như trên đều là các pháp sanh bởi nhân duyên. Duyên sanh (sanh bởi duyên) thì là Không, tức là Thông Quán. Nhân duyên chính là Không, là Giả, tức là Biệt Quán. Hai phép Quán ấy là phương tiện đạo để nhập Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, cùng chiếu hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), vừa là Thông Quán, vừa là Biệt Quán. Trên đây đều là Trung Đạo, chẳng phải Thông Quán, chẳng phải Biệt Quán.

Kinh văn dạy: “*Nhược nhân tín nhữ sở thuyết, tức đắc kiến ngã, diệc kiến ư nhữ cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát*” (Nếu ai có thể tin lời ông nói thì chính là được thấy ta, mà cũng thấy ông và tỳ-kheo tăng cùng các vị Bồ Tát); đây là phần kinh văn nói rõ về quán hạnh vậy. “*Tín*” là luận về căn cơ, còn Kiến thì chính là Ứng, tức nhân duyên. Tín lại có cạn hay sâu, Kiến có Quyền và Thật, đủ mọi thứ phân biệt bất đồng. Đây chính là xét theo giáo. Lại nữa, tin kinh văn của Pháp Hoa, sẽ thấy Bốn nơi Thật Tướng. Nếu thấy sự ứng hóa của Thân Tử (ngài Xá Lợi Phất), sẽ thấy Bốn của Ngài là Long Đà Phật (ngài Chân Đế nói ngài Tu Bồ Đề là Đông phương Thanh Long Đà Phật. Lại dẫn kinh Đại Bảo Tích nói ngài Xá Lợi Phất thành Phật, hiệu là Kim Long Đà. Chưa kiểm chứng [điều này]). Nếu thấy vị Thích Tôn mới thành Phật, cũng sẽ thấy vị Phật

đã thành đạo trước đó đã lâu. Nếu thấy một ngàn hai trăm tỷ-kheo và tám vạn Bồ Tát, cũng sẽ thấy Bôn. Lại nữa, nghe kinh, tâm tin tưởng chẳng nghi ngờ, nhận biết tín tâm ấy sáng sạch, tức là “*thấy Phật*”. Huệ số (các tâm sở thuộc về Huệ) phân minh là “*thấy ngài Thân Tử*”. Các pháp số phân minh là “*thấy các tỷ-kheo*”. Tâm từ bi thanh tịnh là “*thấy các vị Bồ Tát*”.

Bốn lượt giải thích Như Thị đã xong.

1.1.1.2. Ngã Văn

1.1.1.2.1. Giải thích Ngã Văn theo nhân duyên

Giải thích Ngã Văn theo nhân duyên thì có khi gọi điều này là Văn Như Thị vì kinh vốn bất đồng, trước sau cùng nêu³². Đại Luận chép: “*Nhĩ căn chẳng hư hoại, hễ có tiếng thì có thể nghe*”. Dây lòng muốn nghe, các duyên hòa hợp [bèn có thể nghe], cho nên nói là Ngã Văn.

Hỏi: - Phải nên nói là Nhĩ Văn (tai nghe), sao lại nói là Ngã Văn?

Đáp: - Ngã là chủ thể của tai. Nêu ra Ngã sẽ thâm nhiếp các duyên. Đây là giải thích [Ngã Văn] theo Thế Giới [Tất Đàn].

Ngài A Nan thăng tòa, nói là “*ngã văn*”, đại chúng đều buồn khóc, giống như trông thấy Như Lai, nay xưng là Ngã Văn. Lại nữa, ngài Văn Thù kết tập, trước xưng đề mục (tên gọi của bộ kinh), kế đó nói “*như thị ngã văn*”, đại chúng khi ấy đều buồn khóc. Cả hai trường hợp đều khiến cho [người nghe] sanh lòng quyến luyến, hâm mộ điều thiện. Đây là giải thích theo Vị Nhân [Tất Đàn].

Thân A Nan tương tự thân Phật, chỉ thấp hơn Phật ba ngón tay (một ngón tay là hai tấc), đại chúng ngờ là đức Thích Ca lại xuất thế, hoặc [ngờ A Nan] là Phật từ phương khác đến, hoặc [ngờ rằng] A Nan đã thành Phật. Nay Ngài xưng “*ngã văn*”, ba mối nghi đều dứt. Đó là giải thích theo Đối Trị [Tất Đàn].

A Nan là người đang học đạo, thuận theo thế tục, xưng là “*ngã văn*”. Trong Đệ Nhất Nghĩa, chẳng có Ngã, chẳng có Văn.

Các lời giải thích [“*ngã văn*”] từ xưa đến nay đều là nương theo nghĩa nhân duyên. Nương theo nhân duyên [để giải thích] thì ba nghĩa trước còn chưa trọn vẹn, hướng hồ Đệ Nhất Nghĩa. Hướng hồ xét theo giáo, Bôn Tích, quán tâm ư?

³² Ý nói tùy theo từng thời đại mà có vị dịch kinh ghi là “*như thị ngã văn*”, “*ngã văn như thị*”, hoặc “*văn như thị*”.

1.1.1.2.2. Giải thích Ngã theo giáo tướng

Kể đó, xét theo giáo [để giải thích Ngã Văn] thì Thích Luận³³ nói phạm phu do ba thứ mà xưng là Ngã, tức là ngã kiến, ngã mạn, và danh tự Ngã được lưu truyền trong cõi đời. Hàng hữu học chẳng có ngã kiến, chỉ có hai thứ sau. Hàng vô học hoàn toàn chẳng có ngã mạn, chỉ có một thứ [là danh tự Ngã]. Khi ngài A Nan nghe pháp, vẫn thuộc vào địa vị hữu học; nhưng Ngài chẳng có ngã kiến và có thể chế phục ngã mạn, chỉ thuận theo danh xưng thế tục, cho nên xưng là Ta chẳng phạm lỗi gì! Đây là dùng ý nghĩa trong Tam Tạng (Tạng Giáo) để giải thích Ngã.

Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận³⁴ viết: *“Bốn câu xưng là ngã đều đọa vào tà kiến. Trong chánh pháp của Phật, chẳng có Ngã thì ai nghe”*. Đây là dùng ý nghĩa của Thông Giáo để giải thích.

Đại Kinh chép: *“A Nan đa văn sĩ, tri ngã vô ngã nhi bất nhị, song phân biệt ngã vô ngã”* (A Nan là bậc đa văn, biết ngã và vô ngã chẳng hai, cùng phân biệt ngã và vô ngã). Đó là dùng ý nghĩa của Biệt Giáo [để giải thích Ngã] (bất nhị là đẳng địa (từ Sơ Địa trở lên), song chiếu là Địa Tiền³⁵).

³³ Thông thường, Thích Luận là tên gọi khác của Đại Trí Độ Luận, vì bộ luận này nhằm giải thích kinh Đại Phẩm Bát Nhã, cho nên thường gọi là Đại Luận hay Thích Luận. Nếu xét theo Mật Giáo thì Thích Luận chính là bộ Thích Ma Ha Diễn Luận, tức là sách chú giải bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận do Long Thọ Bồ Tát trước tác. Bộ luận này được ngài Phiệt Đề Ma Đa dịch sang tiếng Hán vào thời Diêu Tần, gồm mười quyển. Khi ngài Không Hải đem bộ luận này về Nhật Bản và hoằng dương Mật Tông, đã chủ trương bộ luận này là kinh sách căn bản phải học của tất cả các hành giả Chân Ngôn Tông. Ngu ý cho rằng ở đây phải hiểu Thích Luận theo nghĩa thứ hai, vì trong toàn bộ tác phẩm, Tổ luôn dùng chữ Đại Luận để chỉ Đại Trí Độ Luận.

³⁴ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận còn gọi là Thập Trụ Luận, do ngài Long Thọ trước tác nhằm giải thích kinh Thập Trụ (tức là bản dịch khác của phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm). Tác phẩm này được ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán gồm mười sáu quyển. Hiện thời, bộ luận này chỉ còn lại phần nói về hai địa đầu tiên trong Thập Địa (tức Hoan Hỷ Địa và Ly Cấu Địa). Có thuyết nói là Ngài chỉ dịch hai địa vị đầu tiên. Tương truyền, khi ngài Long Thọ ở trong long cung, đọc bộ Hoa Nghiêm Kinh tiểu bản gồm mười vạn bài tụng (tức 40.000 câu) đã soạn một bộ sách chú giải có tựa đề là Đại Bát Tư Nghị Luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận chỉ là một phẩm trong bộ sách ấy.

³⁵ Địa Tiền là các địa vị trước khi đạt tới Sơ Địa, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, và Thập Hồi Hướng.

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Lại nữa, ngài A Nan biết ngã và vô ngã bất nhị, nhưng phương tiện làm thị giả, truyền trì trí huệ vô ngại của Như Lai, dùng âm thanh tự tại để truyền Quyền, truyền Thật, có gì là chẳng thể? Đó là dùng ý nghĩa Viên Giáo để giải thích Ngã.

Lại nữa, kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói có ba vị A Nan:

- A Nan Đà, phương này dịch là Hoan Hỷ, trì Tiểu Thừa Tạng.

- A Nan Bạt Đà, phương này là dịch Hoan Hỷ Hiền, thọ trì Tập Tạng.

- A Nan Sa Già, phương này dịch là Hoan Hỷ Hải, trì Phật Tạng.

Kinh A Hàm còn nói ngài Diên Tạng A Nan trì Bồ Tát Tạng.

Đó là nói một người mà có trọn đủ tứ đức để truyền trì bốn pháp môn, ý nghĩa tự hiển lộ.

1.1.1.2.3. Giải thích Ngã theo Bốn Tích

Nếu chưa lãnh hội, tiến nhập, thì có thể nói “A Nan do tùy thuận thế tục mà nói là Ngã”. Nếu nêu ra Tích để hiển Bốn, thì Ngài đồng thời phát tâm [với Phật Thích Ca] ở chỗ Không Vương Phật, nhưng phương tiện thị hiện làm người truyền pháp, có gì là chẳng thể?

1.1.1.2.4. Giải thích Ngã theo Quán Tâm

Quán tâm là quán các pháp được sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung. Tức Không là Ngã mà vô ngã. Tức Giả là phân biệt Ngã và Vô Ngã. Tức Trung là chân diệu ngã.

Bốn lượt giải thích Ngã đã xong.

1.1.1.3. Giải thích chữ Văn

Kể đó, giải thích chữ Văn. Giải thích theo nhân duyên thì ngài A Nan sanh trong đêm đức Phật đắc đạo, hầu Phật chỉ hai mươi mấy năm. Lúc Ngài chưa hầu Phật, đương nhiên là chẳng nghe [các kinh do đức Phật đã nói trước đó]. Đại Luận viết: “*Khi ngài A Nan kết tập pháp, tự nói: - Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, lúc đó, tôi không thấy*”. Do lần lượt nghe [từ người khác truyền lại] như thế, nên biết không phải kinh nào Ngài cũng đều [đích thân] nghe, [mà có những kinh Ngài] lần lượt được nghe từ người khác. Do tự mình và người khác sai khác, cho nên nghe và chẳng nghe sai khác.

Kinh chưa được nghe thì ưa muốn nghe, đối với kinh đã được nghe bèn sanh hoan hỷ. Đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Cổ nhân giải rằng: “*A Nan đắc Phật Giác tam-muội lực, có thể tự nghe*”. Đây chính là Vị Nhân Tất Đàn. Kinh Báo Ân nói A Nan [khi được chư tăng khuyên làm thị giả của đức Phật, bèn] có bốn điều cầu xin, [trong đó có một điều] là “*kinh nào chưa được nghe, xin đức Phật nói lại*”. Kinh lại nói đức Phật ngậm vì ngài A Nan truyền dạy. Thái Kinh (kinh Bồ Tát Xử Thai) nói: “*Phật tùng kim quan xuất kim tý, trùng vị A Nan hiện nhập thai chi tướng*” (Từ trong kim quan, đức Phật duỗi cánh tay vàng ròng, lần nữa vì A Nan chỉ bày tướng nhập thai). Các kinh đều nghe, hưởng hồ các kinh được thuyết ở nơi khác. Đó chính là Đối Trị Tất Đàn. Nay kinh này nói ngài A Nan được thọ ký, liền nhớ lại bốn nguyện, phụng trì pháp của các vị Phật thưở trước đều như ngày nay. Đó chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Nếu xét theo giáo, Hoan Hỷ A Nan mặt như vàng trắng tròn thanh tịnh, mắt như hoa sen xanh, đích thân truyền thừa ý chỉ của đức Phật, như đồ đựng hoàn chỉnh (không bị rò rỉ, sút mẻ), truyền dạy, hóa độ người khác, như đồ từ bình này sang bình khác [chẳng rỉ sót giọt nào]. Đây là truyền thừa pháp “*đã nghe mà thấy là có nghe*”. Hoan Hỷ Hiền trụ trong địa vị Hữu Học, đắc Không, Vô Tướng nguyện, các căn mắt, tai, mũi, lưỡi vô lậu, truyền trì pháp “*tuy nghe mà như chẳng nghe*”. Diễm Tạng A Nan thọ lãnh nhiều thứ, như mây to chứa mưa; đây là truyền trì pháp “*chẳng nghe mà nghe*” vậy. A Nan Hải là bậc đa văn, tự nhiên có thể liễu giải thường và vô thường. Nếu biết Như Lai thường chẳng thuyết pháp, thì gọi là “*Bồ Tát trọn đủ đa văn*”. Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan. Đây là truyền trì pháp “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Kinh này là do A Nan Hải trì ba thứ Bốn Tích của diệu pháp “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Bốn loại Nghe trên đây đều là dẫn theo Tích, chứ nơi Bốn địa chẳng thể nghĩ bàn, do chuyện thuộc về Bốn cao vời, khó lường được. Lý nơi Bốn sâu xa khó nghĩ, do sự giáo hóa nơi Bốn và Tích chẳng thể lường!

Điều thứ tư là giải thích [chữ Văn] theo quán tâm. Quán pháp nhân duyên là quán “*nghe mà nghe*”. Quán Không là quán “*nghe mà chẳng nghe*”. Quán Giả là quán “*chẳng nghe mà nghe*”. Quán Trung tức là quán “*chẳng nghe mà chẳng nghe*”. Nhất niệm quán là diệu quán.

Bốn lượt giải thích Ngã Văn đã xong.

1.1.1.4. Nhất thời

a) Giải thích “nhất thời” theo nhân duyên, ngài Tăng Triệu nói: “[Nhất thời là] lúc đáng pháp vương mở pháp hội tốt lành”. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Luận chép: “Ca La³⁶ là cách tính thời gian trong thực tế, nhằm lúc dạy các nội đệ tử, lúc ăn, đắp y”. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. “Tam-ma-da là giả thời, nhằm phá tà kiến của ngoại đạo”. Đó là Đối Trị Tất Đàn. Nếu thời hợp với đạo thì là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Xét theo giáo, nếu từ Kiến Đế trở lên, từ Vô Học trở xuống thì gọi là “hạ nhất thời”. Nếu người thuộc tam thừa cùng nhập Đệ Nhất Nghĩa thì gọi là “trung nhất thời”. Nếu từ đẳng địa trở lên thì gọi là “thượng nhất thời”. Nếu từ Sơ Trụ trở lên thì gọi là “thượng thượng nhất thời”. Nay kinh này là “thượng thượng nhất thời”.

c) Xét theo Bốn Tích, các loại “nhất thời” trên đây đều là Tích. “Một thời” khi đức Phật thật sự đắc đạo trong kiếp lâu xa thì là Bốn.

d) Xét theo quán tâm, quán tâm thì trước là Không, kế đó là Giả, sau cùng là Trung. Đó là quán tâm theo thứ tự. Quán tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Đó là viên diệu quán tâm. Các pháp Quán ấy là thô diệu, vì đều có quán ứng hợp với cảnh, bèn gọi là “nhất thời”. Tương tức là Quán thì chính là phép Quán trong kinh này.

Bốn phen giải thích Nhất Thời đã xong.

1.1.1.5. Phật

a) Xét theo nhân duyên để giải thích Phật thì từ kiếp sơ chảng bệnh, kiếp tận lắm bệnh. Lúc trường thọ thì vui, lúc đoản thọ thì khổ. Đông thiên hạ (Đông Thắng Thần Châu) thì giàu và thọ, Tây thiên hạ (Tây Ngưu Hóa Châu) thì lắm châu báu, nhiều bò, dê. Bắc thiên hạ (Bắc Câu Lô Châu) thì chẳng có gì là của ta, chẳng có bầy tôi hay thuộc hạ. Thời và xứ như thế sẽ chẳng cảm Phật xuất thế. Lúc tám vạn tuổi, cho đến lúc [con người] thọ một trăm năm, Nam thiên hạ (Nam Diêm Phù Đề) chưa thấy quả mà đã tu nhân. Vì thế, đức Phật xuất hiện nơi ấy. Đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn. Nếu mặt trời chẳng mọc, các hoa

³⁶ Ca La (Kāla), còn phiên âm là Ca Lã, dịch nghĩa là Thật Thời. Theo Duy Thức, Thời có hai loại: Thật Thời (Ca La) và Giả Thời (Tam-ma-da). Khi luật điển nói đến các thời gian thọ trai, đắp y, chấp tác, tụng niệm, thiền quán v.v... thì đó là Thật Thời, còn như kinh nói một thời, một ngày, cho đến một kiếp thì là Giả Thời. Theo Danh Nghĩa Tập, Thật Thời tức là thời gian hiểu theo Tục Đế, còn Tam-ma-da (Giả Thời) là nói phương tiện, hay nói theo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

chưa sanh hay đã sanh trong ao đều bị héo tàn, chết rụi, chẳng còn ngò chi. Nếu Phật xuất thế, sẽ có Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, tứ thiên vương, cho đến Hữu Đảnh. Đây là giải thích theo Vị Nhân Tất Đàn. Căn tánh tam thừa cảm Phật xuất thế, các căn tánh khác chẳng thể cảm, khéo đoạn chủng tánh Hữu Đảnh, vĩnh viễn thoát khỏi dòng sanh tử. Đó là nói theo Đối Trị Tất Đàn. Đức Phật đối với pháp tánh, chẳng động, chẳng xuất, có thể cảm chúng sanh khiến cho họ thấy động và xuất, nhưng Như Lai thật sự chẳng có động xuất. Đó là nói theo Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Kế đến là xét theo giáo, Phật được gọi là Giác Giả, Tri Giác (bậc giác ngộ, bậc hiểu biết). Ở dưới cội đạo tràng (cội cây Bồ Đề), ba mươi bốn tâm đoạn tập khí Chánh Sử, nhận biết tổng tướng và biệt tướng của thế gian và xuất thế gian. Giác ngộ thế gian chính là Khổ, Tập; giác ngộ xuất thế gian thì là Đạo, Diệt, và cũng có thể giác ngộ người khác. Thân cao một trượng sáu, thọ tám mươi năm, giống như một vị lão tỳ-kheo. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Tam Tạng (Tạng Giáo), có hình tướng giống như tỳ-kheo, hiện thân tôn quý đặc thù. Một niệm tương ứng, đoạn trừ các tàn dư tập khí. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Thông Giáo. Chỉ hiện tướng tôn quý, đặc thù, ngồi trên đài hoa sen, thọ Phật chúc. Đó chính là Phật tự giác, giác tha trong Biệt Giáo. Ấn ba tướng trên đây, chỉ hiện tướng như hư không chẳng thể nghĩ bàn, tức là vị Phật tự giác, giác tha trong Viên Giáo.

Vì thế, kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: *“Hoặc kiến Như Lai, trượng lục chi thân (Tạng), hoặc kiến tiểu thân, đại thân (Thông), hoặc kiến tọa liên hoa đài, vị thiên bách ức Thích Ca thuyết tâm địa pháp môn (Biệt), hoặc kiến thân đồng hư không, biến ư pháp giới, vô hữu phân biệt (Viên)”* (Hoặc thấy Như Lai thân cao một trượng sáu (Tạng Giáo); hoặc thấy thân lớn, thân nhỏ (Thông Giáo), hoặc thấy ngồi trên đài hoa sen, vì ngàn trăm ức Thích Ca nói pháp môn tâm địa (Biệt Giáo), hoặc thấy thân giống như hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng có phân biệt. Đó là Viên Giáo), tức là nói về ý nghĩa này (Khoa Chú rằng: - Kinh này nhằm phơi bày khai hiển, chỉ ra quả đầu Phật³⁷ trong ba giáo trước chính là Pháp Thân Phật trong Viên Giáo. Vì thế, ba mươi hai tướng, tướng nào cũng vô biên. Đây chính là tướng tôn quý, đặc thù, mà cũng chính là Pháp Thân. Do vậy, long nữ tán rằng: *“Pháp Thân tịnh vi diệu, đủ ba mươi hai tướng”*).

³⁷ “Quả đầu Phật” là một thuật ngữ trong tông Thiên Thai để nói đến quả vị Phật trong mỗi giáo. Do quả vị Phật cao nhất, nên gọi là “quả đầu”.

c) Thứ ba là xét theo Bốn Tích, một Phật (Viên Giáo Phật) là Bốn, ba Phật (Phật trong Tạng, Thông, Biệt) là Tích (điều này nói theo Thể và Dụng nơi Bốn). Trong khoảng giữa, thị hiện nhiều lần xướng sanh, xướng diệt, đều là Tích. Chỉ có bốn vị Phật nơi Bốn Địa, đều là Bốn (Thể và Dụng nơi Tích thì đều là Tích, Thể và Dụng của Bốn thì đều là Bốn).

d) Thứ tư là giải thích theo quán tâm. Quán cái tâm sanh bởi nhân duyên. Trước là Không, kế đó là Giả, sau là Trung, thì đều là Biến Giác (徧覺, giác trọn khắp). Quán tâm tức Không, tức Giả, tức Trung thì là Viên Giác (Giác chỉ là trí; hãy nên dùng Lục Tức để phán định. Nếu dùng điều này để xét ba điều giải thích trước thì cảnh trí chính là nhân duyên Phật. Cách quán theo Tạng, Thông v.v... chính là tứ giáo Phật. Từ Trung mà quán Không và Giả thì chính là Bốn Tích Phật, chính là cái tâm của ta, tức là quán tâm Phật vậy).

Bốn lượt giải thích chữ Phật đã xong.

1.1.1.6. Trụ

a) Dùng nhân duyên để giải thích chữ Trụ, năng trụ (chủ thể trụ, ở đây là Phật) trụ tại chỗ để trụ. Chỗ để trụ chính là thành Vương Xá³⁸ trong Nhẫn độ (thế giới Sa Bà). “*Năng trụ*” tức là bốn oai nghi trụ thế chưa diệt. Đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong mười thiện đạo, trụ trong Tứ Thiên. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong ba tam-muội (Không tam-muội, Vô Tướng tam-muội, Vô Nguyên tam-muội). Đó chính là Đối Trị Tất Đàn. Lại nữa, Trụ là trụ trong Thủ Lăng Nghiêm, tức Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

b) Kế đó, xét theo giáo. Tam Tạng Phật từ Tích Môn (析門, phân tích, chia chẻ) phát sanh chân vô lậu, trụ Hữu Dư, Vô Dư Niết Bàn. Thông Giáo Phật từ Thể môn (thấu hiểu ngay nơi bản chất, không cần trải qua phân tích), phát sanh chân vô lậu, trụ Hữu Dư hoặc Vô Dư Niết Bàn. Biệt Giáo Phật từ thứ đệ môn (tu tập lần lượt theo các giai đoạn, địa vị) mà nhập, trụ trong bí mật tạng. Viên Giáo Phật hoàn toàn chẳng theo thứ đệ môn mà nhập, trụ trong bí mật tạng. Chỗ trụ của ba loại Phật đều

³⁸ Vương Xá (Rājagṛha), đôi khi được phiên âm là La Duyệt Kỳ, là kinh đô của nước Ma Kiệt Đà (Magādhā), tức quốc gia của vua A Xà Thế thuộc vương triều Haryanka thuộc đức Phật tại thế. Vương Xá nay là thành phố Rajgir thuộc tiểu bang Bihar của Ấn Độ.

tiên đều là Năng lẫn Sở đều thô. Loại trụ sau cùng của Phật (chỗ trụ của Viên Giáo Phật), Năng lẫn Sở đều diệu. Trong kinh này, Viên Giáo Phật trụ trong diệu trụ.

c) Thứ ba là luận theo Bốn Tích. Tam Tạng Phật đáng nên nhập Niết Bàn, do từ bi mà rủ lòng thị hiện, dùng sanh thân trụ thế. Thông Giáo Phật thệ nguyện từ bi nâng đỡ những ai còn sót thừa tập khí, do độ chúng sanh mà làm Phật sự. Biệt Giáo Phật và Viên Giáo Phật đều do từ bi hun đúc pháp tánh, vì thương xót chúng sanh mà rủ lòng ứng hiện trong pháp giới. Hãy nên biết bốn loại Phật ấy đều trụ trong chỗ trụ của Bốn Phật, nhưng vì lòng từ bi mà trụ trong thành Vương Xá của Nhân Độ. Oai nghi trụ thế thì gọi là Tích Trụ.

d) Thứ tư là quán tâm. Quán trụ trong cảnh, hoặc trụ trong cảnh vô thường, tức các cảnh Không, cảnh Giả, cảnh Trung. Dùng pháp vô trụ để trụ trong cảnh. Vì thế, gọi là Trụ (Nói “vô trụ” thông cả bốn giáo. Thô trí là thật sự chẳng trụ vào Lý. Nếu trụ nơi Viên Giáo thì sẽ thành dứt bật đối đãi).

Bốn phen giải thích về Trụ đã xong.

1.1.1.7. Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn

a) Giải thích “*Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn*” theo nhân duyên thì giống như sách Văn Cú đã giảng, không trích lục³⁹.

³⁹ Nhằm thuận tiện cho các liên hữu tham khảo, chúng tôi xin trích dịch đoạn giải thích về thành Vương Xá trong Pháp Hoa Văn Cú như sau: “*Thành Vương Xá được Thiên Trúc gọi là La Duyệt Kỳ Già La. Phương này (Trung Hoa) dịch La Duyệt Kỳ là Vương Xá. Già La được cõi này dịch là Thành. Tên nước là Ma Già Đà, phương này dịch là Bất Hại, do không có tử hình. Nước này còn gọi là Ma Kiệt Đề, phương này dịch là Thiên La. Thiên La là tên của nhà vua. Dùng tên vua để đặt tên cho nước. Vị vua ấy là cha của Bác Túc. Trong kiếp lâu xa xưa kia, vị vua ấy đứng đầu một tiểu quốc. Vua đi tuần trong núi, gặp một con sư tử cái. Mọi người bỏ chạy tán loạn, sư tử cái bèn cùng vua giao phối. Tròn một tháng sau, nó đến diện vua để sanh nở. Vua biết đó là con mình, nói dối ‘ta không có con; đây là trời ban cho’. Bèn đặt tên cho đứa bé là Thiên Tử (trời ban), nuôi làm Thái Tử. Do chân [Thái Tử] có vằn nhiều màu, nên gọi là Bác Túc (chân vằn vện). Về sau, [Bác Túc] nối ngôi vua, thích ăn thịt, dặn nhà bếp không được thiếu thịt. Có một lúc thiếu thịt, [đầu bếp] bèn lấy trẻ nhỏ mới chết ở phía Tây kinh thành làm món ăn. Vua khen rất ngon, truyền lệnh thường nấu món thịt ấy. Đầu bếp mỗi ngày bắt một người [làm thịt], toàn quốc âu sầu, sợ hãi. Một ngàn tiểu quốc dấy binh phé vua, bỏ [nhà vua] trong núi Kỳ Xà Quật. Các La Sát bắt vua làm quý vương. Do vậy, vua thề với sơn thần sẽ bắt một*

b) Xét theo Giáo thì như kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: “*Nhất thiết đại chúng sở kiến bất đồng, hoặc kiến Sa La lâm địa, tất thị thổ, sa, thảo mộc, thạch bích. Hoặc kiến thất bảo thanh tịnh trang nghiêm, hoặc kiến thử lâm thị tam thế chư Phật sở du hành xứ. Hoặc kiến thử lâm tức thị bất khả tư nghị chư Phật cảnh giới chân thật pháp thể*” (Hết thấy đại chúng thấy khác nhau, hoặc thấy cuộc đất nơi rừng Sa La đều là đất, cát, cây cỏ, vách đá. Hoặc thấy bảy báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy rừng này là chỗ du hành của ba đời chư Phật, hoặc thấy rừng này chính là pháp thể chân thật nơi cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật). Phong theo đó mà biết nghĩa ở đây, có bốn cách thấy khác nhau. Chỗ trụ đã như thế thì người trụ cũng vậy.

ngàn vị vua đem tế núi. Vua bắt được chín trăm chín mươi chín người, còn thiếu vua Phổ Minh. Về sau, vua Bác Túc tìm cách bắt được vua Phổ Minh. Vua Phổ Minh khóc ròng, tiếc hận ‘suốt đời nói thật, mà nay phải trái lời’. Bác Túc thả cho Phổ Minh về nước. Phổ Minh bèn bỏ thí to lớn, lập Thái Tử, rồi đến chịu chết, vẻ mặt vui sướng, tâm an ổn. Bác Túc hỏi duyên cớ, vua đáp: ‘Do được nghe thánh pháp’. Do vậy, Bác Túc bảo Phổ Minh nhắc lại, [giáo pháp ấy] khen ngợi rộng rãi lòng Từ, chê trách chuyện giết hại; [Phổ Minh] lại còn nói Tứ Phi Thường Kệ. Bác Túc nghe pháp, đạt đến địa vị Không Bình Đẳng, tức Sơ Địa. Bèn đổi với một ngàn vị vua, lấy mỗi người một giọt máu, ba cọng tóc cho xong lời nguyện với sơn thần. Bác Túc và một ngàn vị vua cùng lập thành quách tạo thành một đại quốc trong năm quả núi, giao các tiểu quốc cho con cháu của một ngàn vị vua. Một ngàn vị vua đều thay phiên nhau trông coi việc nước của đại quốc. Đã thế, trăm họ trong năm quả núi bảy lượt làm nhà, bảy lượt bị lửa cháy. Trăm họ bàn với nhau: ‘Do chúng ta bạc phước nên nhiều lần bị cháy sạch, vua có phước lực, cho nên nhà cửa chẳng cháy. Từ nay trở đi đều chẳng gọi là nhà của ta mà là nhà của vua’. Vì thế, gọi là thành Vương Xá. Hơn nữa, Bác Túc đắc đạo, bèn tha cho ngàn vị vua. Ngàn vị vua được ân xá ở nơi ấy, nên gọi là Vương Xá (vua xá tội). Nhưng các nhà chú giải kinh mượn âm chữ Xá trong ốc xá (nhà cửa) để ghi lại. Nhân duyên trích từ Đại Luận và các kinh... Núi Kỳ Xà Quật được cội này dịch là Linh Thứu, cũng dịch là Thứu Đầu, còn dịch là Lang Tích... Đỉnh núi giống chim Thứu (chim ưng), bèn đặt tên núi theo hình dáng đỉnh núi. Lại nói phía Nam núi có rừng Thi Đà (rừng bỏ xác người chết), chim Thứu ăn xác chết xong bèn đậu trong núi ấy. Người đương thời gọi là Thứu Sơn. Lại có người giải thích: Phật trong quá khứ và Phật hiện tại đều ngự tại núi ấy. Sau khi đức Phật diệt độ thì La Hán trụ ở đó. Lúc pháp diệt thì Bích Chi Phật trụ. Không có Bích Chi Phật thì quỷ thần ở đó. Đã là nơi ở của thánh nhân linh thiêng thì nói chung có ba chuyện, vì vậy gọi là núi Linh Thứu. [Nơi đó] có năm tinh xá: Một là Bệ Bà La Bát Thứ, phương này dịch là Chủ Huyết; hai là Tát Đa Ban Na Cầu Ha, phương này dịch là Thất Diệp; ba là Nhân Đà Thế La Cầu Ha, phương này dịch là Xà Thần Sơn; bốn là Tát Bá Thứ Hôn Trục Ca Bát Bà La, phương này dịch là Thiếu Độc Lực Sơn; năm là Kỳ Xà Quật Sơn”.

c) Xét theo Bồn Tích thì đối với Bồn, trụ trong thành tam đức (Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát) của vương tam-muội; còn Tích thì là trụ nơi thành Vương Xá trong Nhẫn độ (cõi Sa Bà). Bồn là trụ trong núi Đại Niết Bàn tam đức, còn Tích thì ngự tại núi Linh Thứu. Lại nữa, Bồn và Tích đều có núi Linh Thứu. Phẩm Thọ Lượng có nói: “*Thường tại Linh Thứu sơn*” (Thường ở tại núi Linh Thứu). Đó chính là Bồn.

d) Xét theo quán tâm thì Vương chính là tâm vương, Xá chính là Ngũ Âm. Tâm vương tạo thành ngôi nhà ấy. Nếu chia chẻ ngôi nhà Ngũ Âm, sẽ thấy nó là Không, Không chính là thành Niết Bàn. Quán kiểu này là nông cạn. Nếu thấy đất, cây cối, mà thấu hiểu ngôi nhà Ngũ Âm chính là Không, Không là thành Niết Bàn. Đó là [cách quán của] Thông Giáo. Nếu quán ngôi nhà Ngũ Âm, do diệt cái sắc ấy mà đạt được thường sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại như thế. Bồn đức ấy chính là chỗ chư Phật thường dạo chơi. Đó là Biệt Giáo. Nếu quán Ngũ Âm chính là pháp tánh. Pháp tánh chẳng có Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Hết thấy chúng sanh chính là Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa, là ngôi nhà rốt ráo không tịch. Niết Bàn như thế chính là Chân Như Thật Thể, đó chính là Viên quán (quán tâm trong Viên Giáo).

Lại nữa, Sắc Âm vô tri như núi. Thức Âm như Linh, ba âm Thọ, Tướng, Hành như Thứu. Quán núi Linh Thứu vô thường. Đó là Tích Không Quán. Quán núi Linh Thứu tức là Không. Đó là Thể Không Quán. Quán Linh tức là trí tánh. Đó là liễu nhân. Trí huệ trang nghiêm, Thứu liên tụ tập. Đó là duyên nhân. Phước đức trang nghiêm, núi tức là pháp tánh. Chánh nhân bất động, ba pháp ấy được gọi là Bí Mật Tạng. Tụ trụ trong đó, mà cũng dùng điều đó để độ người khác; đây chính là hai pháp quán Viên và Biệt; đó chính là Trung.

Đối với Trung, Phật chuộng Trung Đạo, thăng lên trung thiên (thăng lên trời Đạo Lợi thuyết pháp báo ân mẹ), giữa trưa [từ trời Đạo Lợi] giáng xuống chính giữa đất nước, diệt độ lúc nửa đêm, [những điều ấy đều nhằm] biểu thị Trung Đạo. Nay ở trong núi, nói Trung Đạo (thường chuộng Trung Đạo là Thế Giới Tất Đàn. Thăng lên trung thiên, giữa trưa giáng xuống là Vị Nhân Tất Đàn. Diệt độ giữa đêm là Đối Trị Tất Đàn. Nói Trung Đạo thì là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Các giáo đều có Trung Đạo, nhưng chia ra thành hữu thể hay vô thể sai khác. Xét theo Bồn Tích thì quán viên lý. Đó là Trung nơi Bồn. Thị hiện lia đoạn thường. Đó là Trung nơi Tích. Đối với Trung được khai hiển trong kinh này, nêu xét theo Quán, sẽ chính là Không, chính là Trung, có đủ hai loại trong ấy).

Phần thứ nhất luận về nơi chốn và thời gian nghe pháp đã xong.

1.1.2. Đại chúng nghe pháp và phụng trì

Gồm hai phần:

- Một là liệt kê đại chúng.
- Hai là tổng kết đại chúng vân tập.

1.1.2.1. Liệt kê đại chúng

Chia thành ba phần:

- Một là chúng Thanh Văn.
- Hai là chúng Bồ Tát.
- Ba là tạp chúng (nhiều loại đại chúng).

Các kinh phần nhiều là như thế. Cổ nhân nói là “*có sự, có nghĩa*”. “*Sự*” là xét theo sự thân cận về hình tích. Hình tướng của hàng Thanh Văn đã thoát khỏi lưới tục, về dấu tích thì họ thân cận Như Lai, so ra thân thiết hơn [các loại đại chúng khác] để chứng minh một bộ kinh, cho nên liệt kê đầu tiên. Trừ, người xét về hình tướng, y phục khác nhau; xét về dấu tích thì cũng chẳng phải là kẻ châu hầu, cho nên đối với việc chứng kinh, chẳng thân thiết cho lắm. Vì thế, xếp ra sau. Bồ Tát thì hình tướng chẳng ràng buộc trong khuôn khổ, về dấu tích thì không có chỗ nhất định. Đã chẳng giống như tục nhân, lại khác với tăng. Vì thế, xếp vào giữa.

Xét theo nghĩa, Thanh Văn chuộng Niết Bàn, trừ người chấp trước sanh tử, mỗi đẳng đều có chỗ thiên vị. Bồ Tát chẳng ưa chuộng, chẳng đắm chấp, ở nơi Trung Đạo cầu lấy những điều cốt lõi. Vì thế, các Ngài ở giữa hai đẳng. Thích Luận cũng nói theo ý này. Cách giải nói này giống như giải thích cả hai điều. Giải thích theo mặt Sự thì giống như [luận định theo phương diện] nhân duyên. Giải thích theo nghĩa thì giống như xét theo giáo (Sự giống như nhân duyên, cần phải có đủ bốn món Tất Đàn. Nghĩa giống như xét theo giáo, lại cần phải luận định tám pháp. Sự chính là xét theo thân thể, cho nên nói thân hay sơ. Nghĩa chính là để lý, cho nên nói Niết Bàn v.v... Hình tướng, y phục khác nhau, tức là Thế Giới Tất Đàn. Thân cận là Sanh Thiện Tất Đàn. Sơ (lợt lạt) thì là Phá Ác Tất Đàn. “*Chẳng thân, chẳng sơ*” tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Xét theo nghĩa, tức là xét theo Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế, Trung Đế), đem Đế đối ứng với Giáo thì có thể biết bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt,

Viên). Đối với bốn giáo, biện định bốn [cơ nghi để giáo hóa] thì có thể biết các nghĩa Tiệm, Đốn v.v...

Lại nữa, hai thừa thuộc Nhị Thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) đều ưa thích Niết Bàn, và bốn loại Bồ Tát (các vị Bồ Tát thuộc tứ giáo) đều chẳng ưa thích, chẳng chấp trước. Vì thế, các Ngài luôn thuộc Trung Đạo, chỉ hướng đến thật lý và lợi lạc người khác. Vì thế, ở trong Trung Đạo, cầu lấy điều cốt lõi, vượt xa phàm thánh. Nếu coi nhập Trung Đạo là Bồ Tát thì tức là nói địa vị Bồ Tát trong Biệt Giáo, Viên Giáo, Thỉ Giáo, và Chung Giáo.

Dựa theo Bốn Tích để giải thích, hàng Thanh Văn trong ẩn giấu hạnh Bồ Tát, ngoài hiện hình tướng Thanh Văn, có bao giờ chấp chặt Niết Bàn? Trừ người đều là bậc đại Bồ Tát, há còn đắm nhiễm sanh tử? Đều là từ nơi hình tích mà dẫn khởi thành hai bên (chấp Có và chấp Không), chứ nơi Bốn thì luôn là Trung Đạo.

Giải thích dựa theo quán tâm thì từ Giả nhập Không Quán, là thiên về phá sanh tử. Từ Không mà nhập Giả Quán thì chính là thiên trọng phá Niết Bàn. Trung Đạo chánh quán chẳng còn có trước sau (cũng nên xét theo nhân duyên để nói rõ về quán, khai hiển các giáo và quán theo phương diện Bốn Tích).

1.1.2.1.1. Chúng Thanh Văn

1.1.2.1.1.1. Chúng tỳ-kheo

1.1.2.1.1.1.1. [Nói về các vị được] nhiều người hay biết

1.1.2.1.1.1.1.1. Nêu bày chủng loại và số lượng

(Kinh) Dữ đại tỳ-kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu.

(經)與大比丘眾，萬二千人俱。

(Kinh: Cùng các vị đại tỳ-kheo, một vạn hai ngàn vị nhóm họp).

“Dữ đại tỳ-kheo chúng” là nêu ra căn cơ của họ. “Một vạn hai ngàn người” nhằm nói số lượng đông đảo. “Dữ” (與) là “cộng” (共, cùng với). Thích Luận dùng “thất nhất” (bảy điều “cùng một”) để giải thích chữ Cộng, tức là “nhất thời” (cùng một thời), “nhất xứ” (cùng một chỗ). Đó là Thế Giới Tất Đàn, “nhất giới” (cùng một giới luật). Đó là Vị Nhân Tất Đàn, “nhất tâm, nhất kiến” (cùng một tâm, cùng một kiến giải). Đó là Đối Trị Tất Đàn, “nhất đạo, nhất giải thoát”. Đó là Đề

Nhất Nghĩa Tất Đàn. Nếu dựa theo các giáo để nêu rõ “*thất nhất*” trong mỗi giáo thì:

- Tam Tạng (Tạng Giáo) có một loại “*thất nhất*”, tức là (cùng cảm vùi sanh trong thời có Phật, cùng ở Lộc Uyển, có cùng một biệt giải thoát giới, cùng có tâm Nhất Thiết Trí, cùng có vô lậu chánh kiến, cùng có ba mươi bảy pháp trợ đạo, cùng có Hữu Dư Niết Bàn).

- Thông Giáo có hai loại “*thất nhất*” (do chia thành lợi căn và độn căn, mà lợi ích có Viên và Biệt. Phải nên nói “*ba loại thất nhất*”, nhưng do nói tổng quát, cho nên cùng theo một lệ).

- Biệt Giáo có vô lượng “*thất nhất*” (tự hành, giáo hóa người khác, theo chiều ngang hay theo chiều dọc đều có bốn môn, mỗi môn đều có Tứ Tất Đàn, cho nên tiến nhập sai khác).

- Viên Giáo có một loại “*thất nhất*” (phát tâm và rốt ráo tuy là hai, nhưng chẳng khác biệt).

Nếu chưa thấu đạt Tích thì chính là “*thất nhất*” của Tam Tạng và Thông Giáo. Nếu đạt tới “*khai tam thừa, hiển lộ nhất thừa*” thì liền nhập “*thất nhất*” của Viên Giáo.

“*Đại*” trong tiếng Phạn là Ma Ha, cõi này dịch là Đại, cũng dịch là Đa (nhiều), và cũng dịch là Thắng. Độ lượng đáng tôn trọng, được các bậc đại nhân như thiên vương v.v... tôn kính. Vì thế, nói là Đại. Vượt xa chín mươi lăm thứ ngoại đạo, cho nên nói là Thắng. Biết trọn khắp các kinh sách trong và ngoài giáo, cho nên nói là Đa. Lại nữa, số lượng tới một vạn hai ngàn vị. Vì thế, nói là Đa. Nay nói rõ [các vị Thanh Văn ấy] có đại đạo, có đại dụng, có đại tri (大知, sự hiểu biết to lớn), cho nên nói là Đại. “*Thắng*” là đạo thù thắng, dụng thù thắng, hiểu biết thù thắng. Vì thế, nói là Thắng. “*Đa*” là đạo nhiều, dụng nhiều, hiểu biết nhiều. Vì thế, nói là Đa. Đạo chính là Tánh Niệm Xứ, lớn hơn nhất thiết trí của ngoại đạo. Dụng tức là Cộng Niệm Xứ, hơn hẳn bốn ngoại đạo có thần thông. Tri tức là Duyên Niệm Xứ, hơn hẳn Tứ Vi Đà (bốn kinh Vedas) của ngoại đạo (Đại là Thế Giới Tất Đàn, Đa là Vị Nhân và Đối Trị Tất Đàn. Thắng chính là Độ Nhất Nghĩa).

Xét theo giáo để giải thích “*Đại, Đa, Thắng*” thì:

- “Được bậc đại nhân tôn kính” là cách giải thích trong Tam Tạng.

- Đại là được bậc đại lực La Hán tôn kính. Đa là biết trọn khắp pháp sanh diệt chính là pháp vô sanh diệt. Thắng là hơn hẳn bốn môn trong Tam Tạng. Đó là cách giải thích trong Thông Giáo.

- Lại nữa, Đại là được bậc đại lực La Hán đã thấu hiểu pháp tôn kính. Đa là Hàng sa Phật pháp đều biết. Thắng là hơn hẳn hàng Nhị Thừa. Đó là cách giải thích theo Biệt Giáo.

- Lại nữa, Đại là được các vị đại Bồ Tát tôn kính. Đa là chẳng thể lường các pháp trong pháp giới đều biết. Thắng là hơn hẳn các vị Bồ Tát. Đây là cách giải thích theo Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, các vị đại đức ấy từ lâu đã được chư Phật khen ngợi. Nơi Bốn, các Ngài đã đắc Thắng Tràng tam-muội từ trước, thành tựu Chứng Trí Biện Tri siêu việt các ngoại đạo. Về Tích, các Ngài đến phù tá Phật giáo hóa, thị hiện “đại, đa, thắng” trong ái kiến, hòng dẫn khởi sữa trở thành lạc. Lại còn thị hiện “đại, đa, thắng” trong Tam Tạng, hòng dẫn khởi lạc biến thành sanh tô. Lại thị hiện “đại, đa, thắng” trong Phương Đẳng, hòng dẫn khởi sanh tô trở thành thực tô. Lại thị hiện “đại, đa, thắng” trong chuyển giáo⁴⁰ Bát Nhã, hòng dẫn khởi thực tô trở thành đề hồ. Vì thế, thị hiện “đại, đa, thắng” trong thời Pháp Hoa; nhưng nơi Bốn thì các Ngài “đại, đa, thắng” đã lâu.

Xét theo quán tâm, Không Quán là Đại, Giả Quán là Đa, Trung Quán là Thắng. Lại nữa, thắng thừa tiên nhập Trung Quán, tâm tánh rộng lớn, dường như hư không. Vì thế, gọi là Đại. Cùng ngăn che hai bên, vào biển tịch diệt. Vì thế, gọi là Thắng. Cùng chiếu cả hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), chứa đựng rất nhiều, một tâm là hết thấy các tâm. Vì thế, gọi là Đa.

“Tỳ-kheo” bao gồm ba nghĩa Bồ Ma (khiến cho ma sợ hãi), Phá Ác, và Khất Sĩ:

- Ma thích sanh tử, do người này xuất gia, lại còn giáo hóa người khác cùng lìa khỏi tam giới, trái nghịch ý ma. Ma dùng sức chế ngự,

⁴⁰ Đây là một thuật ngữ chuyên biệt của tông Thiên Thai để mô tả thời Bát Nhã. Từ ngữ này xuất phát từ bộ Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của ngài Đế Quán. Nói đầy đủ thì là “*chuyển giáo, phó tài, dung thông, đào thái*”. Trong hội Bát Nhã, do được Phật lực gia bị, ngài Tu Bồ Đề thay đức Phật diễn nói pháp môn Bát Nhã cho các hàng Bồ Tát. Đó gọi là “*chuyển giáo*”. “*Dung thông*” tức là dung hội vô ngại. Vì Bát Nhã xiển dương hết thấy các pháp đều là Đại Thừa, Đại và Tiểu dung hội, chẳng hai, chẳng khác. “*Phó tài*” (giao phó tài sản), ngụ ý kể từ trong phẩm Tín Giải, các Thanh Văn chuyển giáo hiển lộ ý Phật, tức là đã đem gia nghiệp, tài sản của Phật giao phó cho các Thanh Văn, khác nào trưởng giả giao phó tài sản cho đứa con nghèo túng. “*Đào thái*” hàm ý gột trừ cấu uế. Do các thời trước đó gây nên tình chấp có Đại, Tiểu sai biệt, đến thời Bát Nhã chỉ bày Đại Tiểu dung thông, phá chấp trước đối với nhị biên và Trung Đạo, gột sạch các cấu uế Kiến Hoặc.

đâm ra lại bị năm thứ trói buộc, chỉ đành buồn rầu, sợ hãi mà thôi. Vì thế, gọi là Bồ Ma.

- Người xuất gia ắt phá bảy điều ác nơi thân và miệng⁴¹. Vì thế, gọi là Phá Ác.

- Kẻ tại gia có ba thứ dưỡng mạng đúng như pháp. Một là ruộng đất. Hai là buôn bán. Ba là làm quan. Đức Phật chẳng cho phép kẻ xuất gia làm các điều đó, chỉ xin ăn để tự nuôi sống. Thân an, đạo còn, phước lợi thí chủ. Vì thế, gọi là Khất Sĩ.

Ba nghĩa phối hợp thì chính là ý nghĩa của “tỳ-kheo” (Bồ Ma tức Thế Giới Tất Đàn. Khất Sĩ tức Vị Nhân Tất Đàn. Phá Ác tức Đối Trị Tất Đàn. Vượt khỏi tam giới chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Vừa mới thọ giới, tu Định, tu Huệ, đã có ba nghĩa Phá Ác, Bồ Ma và Khất Sĩ, chẳng riêng hàng hậu tâm⁴². Cách giải thích của các vị chú sớ kinh, đều là tán thán các vị hậu tâm tỳ-kheo. Đó đều là [tuân theo] ý nghĩa giải thích trong Tam Tạng (Tạng Giáo). Nếu trải khắp các duyên để cầu lẽ chân thì gọi là Khất Sĩ. Phá các phiền Hoặc gây chướng ngại Lý thì gọi là Phá Ác. Tu các hạnh ấy khiến cho bốn loại ma⁴³ kinh sợ. Đó là ý nghĩa [của tỳ-kheo] theo Thông Giáo. Nếu trải khắp Tam Đế để cầu Lý thì gọi là Khất Sĩ. Trừ Thông Hoặc và Biệt Hoặc thì gọi là Phá Ác. Khiến cho tám ma, mười ma⁴⁴ kinh sợ. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Từ ngay nơi sanh tử mà cầu diệu vị Thật Tướng thì gọi là Khất Sĩ. Thấu đạt “*phiền não tức Bồ Đề*” thì gọi là Phá Ác. Ma giới chính là Phật giới. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Nếu chưa nêu ra Tích thì chỉ hiểu hai nghĩa trước. Nếu đã phô bày Bồn, sẽ có đủ các ý nghĩa sau.

⁴¹ Bảy điều ác nơi thân và miệng là giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, và ác khẩu.

⁴² “*Hậu tâm*” có nghĩa là sau khi đã sơ phát tâm, đã có thời gian tu tập lâu dài, an trụ trong pháp mà mình đang tu tập, chẳng bị thoái chuyển.

⁴³ Tứ ma: Phiền Não Ma, Uẩn Ma, Tử Ma và Thiên Ma.

⁴⁴ Tám ma tức là bốn loại ma trên đây, cộng với vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Bốn loại trước là ma của phàm phu, bốn loại sau là ma của Nhị Thừa.

Thập ma gồm Uẩn Ma (Ngũ Uẩn khiến cho chúng sanh bị chướng lấp thánh đạo), phiền não ma, nghiệp ma, tâm ma (tức cái tâm ngã mạn), tử ma (thọ mạng hữu hạn, chưa tu thành công thì đã phải chết), thiên ma, thiện căn ma (chấp trước thiện căn do mình đã làm), tam-muội ma (chấp trước cảnh giới Thiền Định mà mình đã đạt được), thiện tri thức ma (keo tiết pháp, chẳng thể chỉ bày, hướng dẫn người khác), Bồ Đề pháp trí ma (khởi trí chấp trước đối với Bồ Đề, chướng lập chánh đạo, gây hại cho huệ mạng).

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn đã lên đỉnh núi Niết Bàn, già biệt cha mẹ “vô minh si ái” và vợ con “kết nghiệp”, ra khỏi căn nhà Phần Đoạn, Biến Dịch, trừ Ngũ Trụ đã lâu, có ác nào mà chẳng phá, đạt được pháp hỷ chân thật như ăn cháo sữa, chẳng cần gì nữa! Trì Nhiếp Thủ Chúng Sanh Giới của Đạo Cộng Thi La Ba La Mật để hàng phục ma giới, tức là có thể tiếp nhận, nắm vững “Phật giới Như”. Công đức nơi Bốn Địa đã thành tựu từ lâu, vì điều phục chúng sanh bèn nơi Tích thị hiện thành “ngũ vị” tỳ-kheo (các tỳ-kheo thuộc năm vị “sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ”) để truyền dạy, dẫn dắt chúng sanh. [Nếu muốn nói tỉ mỉ] thì hãy phỏng theo lời giải thích trong phần trước.

Xét theo quán tâm, quán một niệm tâm thanh tịnh như hư không, chẳng bị gông cùm Nhị Biên trở ngại. Đại huệ bình đẳng, chẳng trụ, chẳng chấp, thì gọi là “xuất gia”. Dùng Trung Quán để tự bồi đắp, nuôi sống Pháp Thân huệ mạng thì gọi là Khất Sĩ. Quán Ngũ Trụ phiền não⁴⁵ chính là Bồ Đề, thì gọi là Phá Ác. Hết thấy điên đảo nơi các biên (tức các chấp trước đối đãi) không gì chẳng phải là Trung Đạo, tức là Bồ Ma (Trung Quán đã là như thế, đem Không, Giả, theo thứ tự, không theo thứ tự v.v... đối ứng với từng giáo sẽ có thể biết).

“Chúng” trong tiếng Phạn là Tăng Già (Samgha), cõi này dịch là Hòa Hợp Chúng. Một người, hai người, ba người, đều chẳng gọi là tăng, từ bốn người trở lên mới gọi là tăng. Hòa theo mặt Sự là không có chúng khác⁴⁶. Hòa theo mặt Pháp là không có lý khác. Đức Phật thường cùng một ngàn hai trăm năm mươi người vây quanh, các kinh có thể nói [số lượng Thường Tùy Chúng] nhiều hoặc ít hơn, không nhất định. Thích Luận nói có bốn loại tăng:

- Chẳng nương theo tịnh mạng thì gọi là phá giới tăng.
- Chẳng hiểu pháp và giới luật, gọi là ngu si tăng.

⁴⁵ Căn bản phiền não có thể sanh ra các thứ chi mạng phiền não (phiền não cảnh nhánh), thì gọi là Trụ Địa. Phiền não nơi Trụ Địa có năm thứ:

1. Kiến Nhất Xứ Trụ Địa tức các Kiến Hoặc trong tam giới như Thân Kiến v.v...
2. Dục Ái Trụ Địa tức là phiền não trong Dục Giới, ngoại trừ Kiến Hoặc và vô minh.
3. Sắc Ái Trụ Địa là phiền não thuộc Sắc Giới ngoại trừ Kiến Hoặc và Vô Minh.
4. Hữu Ái Trụ Địa là phiền não thuộc về Vô Sắc Giới, ngoại trừ Kiến Hoặc và vô minh.
5. Vô Minh Trụ Địa là hết thấy vô minh trong tam giới.

⁴⁶ Ý nói tăng chúng hòa hợp thì không xé lẻ thành từng nhóm riêng biệt hay phân chia phe phái.

- [Thông hiểu] ngũ phương tiện thì gọi là tầm quý tăng (vị tăng biết hổ thẹn).

- Nhẫn được pháp khổ sở thì gọi là chân thật tăng.

Ở đây, chỉ có các vị chân thật tăng (Tứ Niệm và tứ thiện căn, gọi là Ngũ Phương Tiện. Chúng hòa hợp là Thế Giới Tất Đàn. Thường theo Phật là Vị Nhân Tất Đàn vì sanh điều lành cho chúng sanh. Từ câu “*Thích Luận nói*” trở đi, chính là Đối Trị Tất Đàn, vì loại trừ kẻ ác. Từ chữ “ở đây” trở đi chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn vì trụ nơi chân thật).

Nếu xét theo bốn giáo, các vị tăng ấy (tăng chúng trong hội Pháp Hoa) trọn khắp năm địa vị Thiên, Viên v.v... đều cùng làm người nghe pháp. Đây chính là sự chứng tín trong Viên Giáo vậy.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì hòa hợp cùng lý Thật Tướng. Lại còn hòa hợp với cơ duyên của chúng sanh trong pháp giới. Nơi Tích thì là vị tăng bán tự sự lý (chỉ thông hiểu một phần sự lý, chưa liễu đạt trọn vẹn), gồm khắp “*ngũ vị*” nhằm dẫn khởi chúng sanh.

Xét theo quán tâm, thoát đầu học Trung Quán, dựa vào địa vị tương tự. Chưa phát khởi lẽ chân, thẹn với các vị Đệ Nhất Nghĩa Thiên, xấu hổ đối với các vị thánh nhân. Đó chính là tầm quý tăng. Nếu quán huệ đã phát thì chính là chân thật tăng. Nếu khác với điều này thì là hai loại tăng trước đó. Chẳng nương theo quán hạnh thì là phá giới tăng. Chẳng hiểu quán tướng thì gọi là ngu si tăng.

Nêu ra bộ loại đã xong, nói đến số lượng thì là một vạn hai ngàn người (số lượng khác biệt [với các kinh khác] chính là Thế Giới Tất Đàn. [Chúng sanh] do nghe số lượng [đồng đảo] ấy mà sanh khởi điều thiện thì là Vị Nhân Tất Đàn. Phá Ác (tức Đối Trị Tất Đàn) và nhập chân (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn) có thể phỏng theo đó mà biết. Chẳng luận định theo bốn giáo vì giáo khác nhau, nhưng số lượng giống nhau; cho nên chẳng giải thích khác biệt. Nếu tùy theo con số mà sanh kiến giải thì là giáo sai khác.

Hỏi: - Hễ liệt kê đại chúng và người đắc đạo, vì sao con số ấy phải là số tròn, không khuyết thiếu?

Đáp: - Phần giải thích về con số tổng quát “*năm ngàn*” trong Thích Luận đã viết: “*Dù nhiều hay ít hơn, đều tính tròn số*”.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì là một vạn hai ngàn vị Bồ Tát. Nơi Tích thì là một vạn hai ngàn vị Thanh Văn.

Xét theo quán tâm, quán mười hai Nhập, mỗi Nhập có đủ mười pháp giới. Mỗi giới lại có đủ mười giới, thành ra Bách Giới (một trăm giới). Mỗi giới đều có mười môn Như Thị (như thị tướng, như thị tánh

v.v...) thành ra Thiên Như. Mỗi Nhập đã là như thế thì mười hai Nhập sẽ thành một vạn hai ngàn pháp môn.

1.1.2.1.1.1.2. Nêu rõ địa vị và tán thán phẩm đức

(Kinh) Giai thị A La Hán, chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não, đắc đắc kỷ lợi, tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại.

(經)皆是阿羅漢，諸漏已盡，無復煩惱，逮得己利，盡諸有結，心得自在。

(Kinh: Điều là A La Hán, đã hết các lậu, chẳng còn phiền não, chính mình đã đạt được lợi ích, hết sạch các hữu kết, tâm đạt được tự tại).

“A La Hán” là nêu ra địa vị. Từ chữ “*chư lậu*” trở đi là lời tán thán phẩm đức.

A La Hán (Arhat) dịch là Ứng Chân (應真), hoặc dịch là Chân Nhân (真人), hoặc dịch là Vô Trước (無著, chẳng chấp trước), hoặc dịch là Bất Sanh (不生), hay Ứng Cúng (應供), hoặc chẳng dịch. [Danh từ này] bao gồm ba nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là Vô Sanh (無生), do chẳng thọ thân sau.
- Nghĩa thứ hai là Sát Tặc (殺賊, giết giặc) do đã đoạn sạch Kiến Tư.
- Nghĩa thứ ba là Ứng Cúng do có thể làm phước điền.

Cách giải thích này chính là ý nghĩa trong Tạng Giáo và Thông Giáo. Nếu xét theo Biệt Giáo và Viên Giáo, không chỉ sát tặc mà còn sát bất tặc! “*Bất tặc*” chính là Niết Bàn, cũng cần phải phá. Đây chính là nghĩa Sát Tặc (nói là “*bất tặc*” vì từ Nhị Thừa mà đặt tên. Nếu đối với Viên Giáo và Biệt Giáo, [Thiên Chân Niết Bàn] vẫn gọi là “*tặc*”. Vì thế, cần phải giết!) Chẳng sanh nơi sanh, mà cũng chẳng sanh nơi “chẳng sanh”. Vô lậu là bất sanh (coi Vô là chứng, sẽ sanh ở ngoài tam giới, [như vậy thì] bất sanh mà lại là sanh, cho nên chẳng cho nó sanh). Không chỉ là ứng cúng, mà còn là cúng ứng (tức cúng dường người đáng được cúng dường thì gọi là “*cúng ứng*”). Như Phật hóa hiện làm đạo nhân, đến cúng dường các tỳ-kheo trong A Lan Nhã). Đây đều là tán

thần công đức của Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn bèn chẳng nhận lấy tam-muội, đối với hai bên đều không chấp trước. Vì thế, gọi là Bất Sanh. Do đoạn Ngũ Trụ Hoặc, nên gọi là Sát Tặc. Có thể tạo phước cho chín đường, lợi ích rộng lớn chúng sanh. Vì thế, gọi là Ứng Cúng. Phương tiện độ chúng sanh trong ngũ vị lần lượt truyền dạy “Bất Sanh, Sát Tặc, Ứng Cúng” thì đều thuộc về Tích. Lại nữa, Bốn là Pháp Thân, Tích là chính mình thị hiện tự đạt được lợi ích. Nơi Bốn là Bát Nhã, còn Tích là Bất Sanh. Nơi Bốn là giải thoát, nơi Tích là Sát Tặc (Bốn là bình đẳng đại huệ. Chẳng phá, chẳng không phá thì mới có thể thị hiện dấu tích Bất Sanh nơi các giáo. Nơi Bốn đã chứng giải thoát. Chẳng tặc, chẳng bắt tặc thì mới có thể thị hiện Sát Tặc trong các địa vị. Nơi Bốn đã đắc Pháp Thân, chẳng phải là Ứng hay Bất Ứng thì mới có thể thị hiện làm Ứng Cúng).

Xét theo quán tâm, Không Quán là Bát Nhã, Giả Quán là giải thoát, Trung Quán là Pháp Thân. Lại từ Giả nhập Không Quán, cũng có ba nghĩa. Cho đến Trung Đạo Quán giết giặc vô minh, chẳng sanh tâm nhị biên. Cúng dường vị ấy sẽ giống như cúng dường đức Thế Tôn. Kinh Phương Đẳng dạy: “*Cúng Phật cập Văn Thù, bất như thí hành Phương Đẳng giả nhất thực sung khu*” (Cúng Phật và Văn Thù chẳng bằng cúng dường một bữa ăn cho người hành Phương Đẳng được no lòng). Kinh này dạy: “*Hủy tán Phật, tội phước do khinh. Hủy tán trì kinh giả, tội phước thậm trọng*” (Hủy báng hay tán thán Phật, tội phước vẫn còn nhẹ. Hủy báng hay tán thán người trì kinh, tội phước rất nặng). Vì sao vậy? Phật chẳng có ý tưởng ăn, đã lìa tám gió⁴⁷ từ lâu, chẳng bị hao tổn hay tăng ích. Thí cho người trì kinh khiến cho họ được toàn vẹn thân xác, tiếp tục mạng báo, sanh trưởng Pháp Thân, tăng huệ mạng, cho nên có ích. Nếu hủy báng, sẽ khiến cho họ ưu não, lui sụt, hồi hận. Nếu họ đã đánh mất dịp tốt thì sẽ chẳng thể cứu chữa, cho nên tổn hại to lớn.

Hai câu “*chư lậu dĩ tận, vô phục phiền não*” (các lậu đã hết, chẳng còn phiền não) nhằm tán thán phẩm đức Sát Tặc. Lậu chính là Tam Lậu⁴⁸. Câu “*đãi đắc kỳ lợi*” (chính mình đã đạt được lợi) nhằm tán

⁴⁷ “Tám gió” (bát phong) là tám thứ thái độ của người khác đối với ta, còn gọi là Thế Bát Pháp (tám pháp thế gian) bao gồm lợi (có lợi), suy (hao tổn), hủy (hủy báng), dư (đề cao), xung (ca ngợi), cơ (chê trách), khổ, lạc. Tám điều ấy đầy động phiền não bùng cháy, nên gọi là “bát phong”.

⁴⁸ Tam Lậu (Traya āsravāḥ) là Dục Lậu (Kāmāsrava, hết thấy phiền não trong Dục Giới ngoại trừ vô minh), Hữu Lậu (Bhavāsrava, các phiền não trong Sắc Giới và Vô

thán phẩm đức Ứng Cúng. Nhân quả trong tam giới đều gọi là Tha (người khác); công đức của Trí Đoạn đều gọi là “*kỷ lợi*”. Chính mình có lợi ích trọn đủ, cho nên trở thành Ứng Cúng.

Hai câu “*tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại*” (hết sạch kết phược trong tam hữu, tâm được tự tại) nhằm tán thán phẩm đức Bất Sanh. “*Chư hữu*” chính là hai mươi lăm chỗ Hữu Sanh. “*Kết*” chính là cái nhân của hai mươi lăm chỗ hữu sanh⁴⁹. Tâm tự tại, ắt huệ tự tại. Định và Huệ trọn đủ, đều là người giải thoát.

Xét theo Bốn Tích, Bất Sanh chẳng sanh là đại Niết Bàn, dòng phiền não hữu lậu đã cạn nguồn từ lâu, chẳng còn đọa lạc trong các địa vị thuộc Nhị Thừa và phàm phu. Đây chính Bất Sanh nơi Bốn. Công đức Trí Đoạn Thật Tướng của Pháp Thân thì gọi là “*kỷ lợi*” nơi Bốn. Đạt được vương tam-muội, phá hai mươi lăm hữu, hiển xuất Ngã tánh, trọn đủ tám món tự tại⁵⁰, thì gọi là Sát Tặc nơi Bốn, còn nơi Tích thì là phô bày công đức của Nhị Thừa.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán chẳng rò rỉ hai bên Không và Giả, đã diệt phiền não nhị biên. Tâm tánh có thể quán gọi là “*thượng định*”. Viên châu trong chéo áo, kho tàng bí mật chính là “*kỷ lợi*”. Chánh quán Trung Đạo thì sẽ đoạn trừ kết tặc (giặc kết sử). Do chẳng có kết sử, các hữu cũng đoạn. Nhị biên chẳng thể trói buộc cái

Sắc Giới, ngoại trừ vô minh), và Vô Minh Lậu (Avidyāsrava, vô minh trong khắp tam giới).

⁴⁹ Tức là hai mươi lăm chỗ luân hồi sanh tử trong tam giới. Vì có nhân ắt có quả, nhân quả chẳng mất nên gọi là Hữu, tức là cái quả Dị Thực của hữu tình trong tam giới, gồm: Địa ngục hữu, súc sanh hữu, ngạ quỷ hữu, A Tu La hữu, Phát Bà Đề hữu (Đông Thắng Thân Châu), Cù Da Ni hữu (Tây Nguir Hóa Châu), Uất Đan Việt hữu (Bắc Câu Lô Châu), Diêm Phù Đề hữu, Tứ Thiên Xứ hữu, Tam Thập Tam Thiên Xứ hữu, Diêm Ma Thiên hữu, Đâu Suất Thiên hữu, Hóa Lạc Thiên hữu, Tha Hóa Tự Tại Thiên hữu, Sơ Thiên hữu, Đại Phạm Thiên hữu, Nhị Thiên hữu, Tam Thiên hữu, Tứ Thiên hữu, Vô Tướng hữu, Tịnh Cư A Na Hàm hữu, Không Xứ hữu, Thức Xứ hữu, Bất Dụng Xứ hữu, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ hữu.

⁵⁰ Bát tự tại còn gọi là Bát Biến Hóa, hoặc Bát Thần Biến:

1. Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2. Có thể thị hiện thân nhỏ như vi trần mà trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.
3. Thân to lớn nhưng nhẹ nhàng cất mình lên đến chỗ rất xa.
4. Thấy vô lượng loại chúng sanh.
5. Các căn có thể sử dụng lẫn nhau, chẳng hạn mắt có thể nghe, tai có thể thấy v.v...
6. Đạt được hết thấy các pháp mà chẳng có ý tưởng là đã đắc.
7. Nói một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp.
8. Thân trọn khắp các xứ ví như hư không.

tâm, cho nên tâm tự tại. Dầu có phiền não mà như chẳng có phiền não. “Chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết Bàn” chính là ý nghĩa của đoạn kinh này.

1.1.2.1.1.1.3. Nêu tên và tổng kết

(Kinh) Kỳ danh viết: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lăng Già Bà Tha, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La. Như thị chúng sở tri thức đại A La Hán đẳng.

(經)其名曰：阿若憍陳如、摩訶迦葉、優樓頻螺迦葉、伽耶伽葉、那提迦葉、舍利弗、大目犍連、摩訶迦旃延、阿菟樓駄、劫賓那、憍梵波提、離婆多、畢陵伽婆蹉、薄拘羅、摩訶拘絺羅、難陀、孫陀羅難陀、富樓那彌多羅尼子、須菩提、阿難、羅睺羅。如是眾所知識大阿羅漢等。

(Kinh: Tên các Ngài là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lăng Già Bà Tha, Bạc Câu La, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La. Các vị đại A La Hán được mọi người hay biết như thế).

Từ “A Nhã” trở xuống là nêu tên [các vị A La Hán]. Từ “như thị” trở đi là tổng kết.

Trong phần nêu danh, nêu ra đại lược hai mươi một vị tôn giả. Các vị đệ tử của đức Phật đều có đầy đủ các hạnh, nhưng ẩn đi công năng viên mãn, mỗi vị từ một đức mà đặt tên, hòng dẫn khởi điều tốt lành trọn khắp.

* Kiều Trần Như (Kaundinya) là họ, phương này dịch là Hỏa Khí (火器, đồ vật để thắp lửa), thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Do tổ tiên Ngài thờ lửa, nên từ đó mà đặt tên dòng họ. Lửa có hai nghĩa “chiếu sáng” và “thieu đốt”. “Chiếu” thì tối tăm chẳng sanh; “đốt” thì vật chẳng sanh. Đây là dùng Bất Sanh làm họ. A Nhã (Ajñāta) là tên, phương này dịch là Dĩ Tri (已知, đã biết), hoặc Vô Tri (無知). [Danh xưng này] chẳng phải là “không biết”, mà có nghĩa là “biết Vô”. Nếu nói theo Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) thì là biết Chân, tức là dùng Vô Sanh Trí làm tên. Lại nữa, các kinh luận gọi Ngài là Liễu Bản Tế (了本際), hoặc Tri Bản Tế (知本際). Nếu xét theo Tứ Đế thì là “biết Diệt”. Hoặc còn dịch là Đắc Đạo. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: *“Ngã Phật pháp trung, khoan nhân, bác thức, sơ thọ pháp vị giả, Kiều Trần Như vi đệ nhất”* (Trong Phật pháp của ta, người khoan dung, nhân từ, hiểu rộng, thọ hưởng pháp vị đầu tiên thì Kiều Trần Như là bậc nhất). Đó là Thế Giới Tất Đàn.

Xưa kia, vào lúc cõi đời đói kém, đức Phật hóa thành con cá lớn, nín hơi, chẳng thở. Có năm người thợ mộc đến lấy thịt cá trước tiên. Đức Phật thề trong đời vị lai, sẽ độ những người ấy trước. Trước hết, nguyện ban cho họ Vô Sanh. Vì thế, nói là A Nhã. Lại nữa, vào thời Ca Diếp Phật, có chín người học đạo, năm người chưa đắc quả, thề sẽ khai ngộ đầu tiên trong pháp của Phật Thích Ca. Do bốn nguyện lôi kéo, Ngài (Kiều Trần Như) đạt Vô Sanh trước hết, nên gọi là A Nhã. Đó là Vị Nhân Tất Đàn.

Đêm sâu ngủ say, chẳng ai có thể tỉnh giấc, mặt trời chưa mọc, sao Kim hiện ra trước. Kiều Trần Như đắc Vô Sanh Trí đầu tiên, ví như sao Mai, là khởi đầu của các thứ sáng sủa. Trí sáng của hết thảy mọi người chẳng ai hơn Trần Như. Phá tối trước nhất, không gì hơn sao Mai. Hết thảy mọi người diệt tận tối, chẳng ai hơn Kiều Trần Như được. Vì thế, Ngài có tên là A Nhã. Đó là Đối Trị Tất Đàn.

Thái Tử [Tất Đạt Đa] vào núi học đạo. Phụ vương sai năm người theo hầu, hai người thuộc bên mẹ, ba người thuộc bên cha⁵¹. Hai người coi dục là tịnh, ba người dùng khổ hạnh để tịnh. Khi Thái Tử tu khổ hạnh, hai người bỏ đi. Thái Tử xả khổ hạnh, nhận lấy thức ăn, dầu bơ,

⁵¹ Sách Pháp Hoa Văn Cú chép: *“Năm vị ấy tên là Câu Lô, Át Bệ (còn gọi là Tháp Bệ, hoặc A Thuyết Thị, còn gọi là Mã Tinh), Bạt Đề (còn gọi là Ma Ha Nam), Thập Lực Ca Diếp và Câu Ly Thái Tử”*. Câu Lô nói trong sách ấy chính là ngài Kiều Trần Như.

phải là bất sanh. Nếu nói có Thức Sắc Thọ, thì Thọ là ngã, ngã tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Thức, thì Thức là thường, thường tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, thì Hành là thường, thường tức là sanh, chẳng phải là bất sanh. Ví như cầm gương soi mặt, thì mặt là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu nói có Ngũ Âm thì đều là sanh, chẳng phải là bất sanh. Nếu có thể biết Sắc chẳng phải là tịnh, cho đến Thức chẳng phải là thường. Lại có thể biết Sắc là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, cho đến Thức là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, là bất sanh, chẳng phải là sanh. Như kẻ mù cầm gương, chẳng thấy hình bóng sanh ra. Đó là bất sanh, chẳng phải là sanh. Đã biết là bất sanh, há còn ở trong ấy, so đo ngã là Sắc, so đo ngã khác Sắc, so đo ngã ở trong Sắc, so đo Sắc ở trong Ngã, cho đến Thức cũng như thế). Quán như thế thì cái nhân trong hiện tại và cái quả trong vị lai đều chẳng sanh, như kẻ mù đối trước gương, chẳng thấy hình tượng. Đó gọi là Quán trí quán Âm vô sanh.

Quán Nhập và Giới thì tuy biến sâu rộng, vẫn có bờ bên này, bờ bên kia, vì nước có chừng hạn. Như mắt đã thấy Sắc, yêu mến, chấp trước, tham luyến, dấy lên nghiệp nơi thân, miệng, ý. Đó là biến cả, chìm đắm hết thấy trời, người, A Tu La trong thế gian. Hãy nên biết mắt là biến cả, Sắc là sóng trào. Do yêu mến cái Sắc ấy mà bị vùi dập trong đó. Ở trong đó, khởi lên sự hiểu biết bất thiện. Đó là rỗng, cá ác. Dấy lên ganh ghét, hãm hại thì là nam La Sát. Dấy lên ái nhiễm thì là nữ La Sát. Dấy lên thân, miệng, ý thì là uống nước mặn, tự chết mất. Đó là vì nhãn sắc vô tri mà sanh ra vô minh ái. Do ái sanh, nên gọi là Hành. Do Hành sanh, nên gọi là Nghiệp. Nghiệp trói buộc Thức làm Trung Âm. Đó là Thức sanh. Thọ thân trong thai thì gọi là Danh Sắc sanh. Năm phần tay, chân, và đầu đã hình thành, thì gọi là Lục Nhập sanh. Lục Nhập đối ứng sáu trần, thì gọi là Xúc sanh. Đối ứng với trần, phân biệt khổ hay lạc thì gọi là Thọ sanh. Đối với trần, dấy tâm đắm nhiễm, thì gọi là Ái sanh. Rong ruổi tìm cầu bốn phương thì gọi là Thủ Sanh. Tạo [các nghiệp nơi] thân, miệng, ý thì gọi là Hữu sanh. Đáng nhận lấy Ngũ Âm của vị lai thì gọi là Sanh sanh. Ngũ Âm trong vị lai biến đổi, gọi là Lão sanh. Âm trong vị lai bị hư hoại thì gọi là Tử sanh. Sự nóng nảy trong tâm gọi là Ưu sanh. Thốt tiếng kêu to thì là Bi sanh. Thân tâm tiêu tụy thì gọi là Khổ Não sanh. Đó gọi là khi mắt thấy Sắc, liền sanh ra một đồng khổ sở to lớn gồm mười hai nhân duyên trong ba đời. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn giới, cho đến pháp giới cũng lại như thế. Đó là Nhập Giới sanh, chẳng phải là bất sanh. Bất Sanh là như

thế nào? Khi quán nhãn sắc, chẳng gieo hạt giống khổ, chẳng sanh mầm khổ, chẳng rò rỉ nước thối, chẳng tụ tập ruồi nhặng. Nếu hạt giống chẳng sanh, mầm sẽ chẳng sanh, ắt nước thối chẳng sanh, ắt ruồi nhặng chẳng sanh. Vì thế, gọi là Bất Sanh. Khi mắt thấy sắc, dấy khởi cảm giác tham hay giận. Đó là “hạt giống của khổ”. Nghĩ tới pháp ngũ dục thì là mầm khổ. Sáu căn chấp giữ sáu trần thì gọi là “nước thối rò rỉ”. Ở trong sáu trần, thiện ác đua nhau dấy lên. Đó là “ruồi nhặng”. Nếu biết nhãn sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tham, giận sẽ chẳng sanh, niệm dục chẳng sanh, chấp cảnh chẳng sanh, hành vi thiện ác chẳng sanh. Đó là Bất Sanh. Đối với tai, mũi... tiếng, mùi... cũng giống như thế. Nhãn giới cho đến pháp giới cũng như thế. Kiều Trần Như đạt được trí Bất Sanh trong Tam Tạng (Tạng Giáo) trước hết. Vì thế, gọi là A Nhã.

Quán trong Thông Giáo thì như huyễn nhân cầm huyễn kính, dùng huyễn lục phần (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) rơi vào huyễn kính, sẽ thấy huyễn ảnh. Hình bóng đó chẳng do gương sanh, chẳng do sáu phần sanh, chẳng phải do gương và sáu phần hòa hợp mà sanh, chẳng phải lìa gương và sáu phần mà sanh. Đã chẳng từ bốn câu⁵² mà sanh thì chẳng phải là trong, ngoài, chằng giữa, chẳng thường tự có, cũng chẳng diệt mất, chẳng tới các phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Tánh vốn vô sanh, chẳng phải là “diệt Sanh thì mới là vô sanh”. Tánh vốn vô diệt, chẳng phải là “diệt Diệt thì mới là vô diệt”. Do vô sanh, vô diệt, nên nói là Vô Sanh. Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng giống như thế. Mười hai Nhập, mười tám Giới cũng giống như thế.

Quán theo Biệt Giáo thì gương ví như pháp giới, mắt ví như quán trí. Xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn, nhỏ, dài, ngắn ví như mười pháp giới (xanh ví như nhân quả địa ngục, vàng ví như nhân quả ngạ quỷ, đỏ ví như nhân quả của súc sanh, trắng ví như nhân quả của trời, người. Tiếu sắc ví như nhân quả của Nhị Thừa. Đại sắc ví như nhân quả của Thông Giáo Bồ Tát. Đoản sắc ví như nhân quả của Biệt Giáo Bồ Tát. Trường sắc ví như nhân quả của Phật), đều phân biệt ở trong gương chẳng sai lầm. Nếu muốn uốn nắn chính mình, phải làm cho nhân quả của chín pháp giới [nơi chính mình] chẳng sanh một nhân quả nào. Nếu muốn uốn nắn người khác, hãy làm cho nhân quả của chín pháp giới nơi người khác chẳng sanh một nhân quả nào. Nương vào pháp giới, hành Bồ Đề

⁵² Bốn câu ở đây là “chẳng từ gương mà sanh, chẳng từ sáu phần mà sanh, chẳng do gương và sáu phần hòa hợp mà sanh, chẳng phải do lìa gương và sáu phần mà sanh”.

hạnh, theo thứ tự vận dụng trí Tích Không Quán và Thê Không Quán⁵³, đoạn tứ trụ sanh⁵⁴ khiến cho nó chẳng sanh. Kế đó, vận dụng Hằng sa Phật pháp để đoạn Trần Sa phiền não, khiến cho vô tri chẳng sanh. Sau đó, dùng trí huệ Thật Tướng để đoạn vô minh, khiến cho căn bản chẳng sanh. Nếu chẳng có tứ trụ, ắt Phần Đoạn [sanh tử] chẳng sanh. Nếu chẳng có vô tri thì phương tiện chẳng sanh. Nếu chẳng có vô minh thì Thật Báo chẳng sanh. Sanh cũng chẳng sanh, mà bất sanh cũng chẳng sanh. Vì thế, gọi là Bất Sanh.

Quán theo Viên Giáo thì ví như nhìn vào cái gương tròn trặn (tròn trặn ví như lý cảnh, “nhìn vào” ví như trí), chẳng nhìn vào mặt lưng của tấm gương (lưng tấm gương ví như vô minh, mặt gương ví như trí sáng, gương ví như cái nhân của mười pháp giới). Chẳng quán hình bóng (hình thể ví như duyên của mười pháp giới; bóng ví như cái quả của mười giới), chẳng phải là lưng tấm gương, chẳng tối tăm, chẳng phải là mặt gương, chẳng phải là sáng sủa. Chẳng giữ lấy các thứ hình dung, chẳng giữ lấy các thứ bóng ảnh, chỉ quán sự tròn trặn, chẳng có bờ mé, chẳng có khởi đầu hay kết thúc, chẳng có sáng, tối, chẳng có một, khác, sai biệt. Viên quán (phép Quán trong Viên Giáo) cũng thế, chẳng giữ lấy tướng mạo của mười pháp giới, chẳng có thiện, ác, chẳng có tà, chánh, chẳng có lớn, nhỏ v.v... Hết thấy đều mất, chỉ duyên theo Thật Tướng của các pháp. Pháp tánh và Phật pháp dù là sắc hay hương, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Quán nghiệp phiền não sanh khởi đều chính là vô sanh. Vốn chẳng có sanh và bất sanh, cho nên nói là Vô Sanh. Âm, Nhập, Giới khổ chính là Pháp Thân. Do chẳng hiển hiện, nên gọi là Pháp Thân. Chướng chính là Pháp Thân. Tham, giận, si chính là Bát Nhã. Do chẳng thể nói rõ, cho nên gọi là Bát Nhã. Chẳng có gì để có thể chiếu,

⁵³ Hiểu một cách giản lược, Tích Không Quán (còn gọi là Chuyết Độ Quán) là quá trình quan sát, phân tích từng pháp, từng sự vật cho đến cuối cùng, thấy rõ Thê của chúng là Không. Còn Thê Không Quán là chẳng trải qua quá trình phân tích, chia chẻ sự việc, mà trực tiếp thấu hiểu bản chất của pháp là Không.

⁵⁴ Tứ trụ sanh là bốn chỗ cư trụ:

1. Thiên trụ: Là trụ xứ trong Lục Dục Thiên, là nơi người có thiện tâm bố thí trì giới cư trụ.
2. Phạm trụ: Là trụ xứ của chư thiên trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới.
3. Thánh trụ: Là trụ xứ của tam thừa thánh giả, tu Không, Vô Tướng, Vô Tác tam-muội.
4. Phật trụ: Là trụ xứ của hết thảy chư Phật.

Do các trụ xứ này vẫn là do các chấp trước thuộc Kiến Hoặc và Tư Hoặc mà có. Hễ có thấy tứ trụ xứ, tức là còn có chấp trước, cho nên cần phải đoạn “tứ trụ sanh”.

tánh tự sáng suốt. Đó là Bát Nhã. Nghiệp hạnh trói buộc, đều gọi là giải thoát. Chẳng phải là cắt đứt trói buộc thì mới được thoát, mà cũng chẳng có cái Thể nào để có thể trói buộc, mà cũng chẳng có cái gì có thể trói buộc. Vì thế, gọi là giải thoát. Giải thoát tức là nghiệp chẳng sanh. Bát Nhã tức là phiền não chẳng sanh. Pháp Thân tức khổ chẳng sanh. Ba món (Pháp Thân, Bát Nhã, giải thoát) bất sanh chính là một món bất sanh; một món bất sanh chính là ba món bất sanh, chẳng ba, chẳng một. Vì thế, nói là Bất Sanh. Huống hồ biến dịch phiền não nghiệp khổ chẳng phải là bất sanh ư? (Điều này phải có trọn đủ mười thừa, mười cảnh, và phương tiện v.v... [tức là] hoàn toàn nói đến nội dung của bộ sách Ma Ha Chỉ Quán vậy).

Xét theo Bồn Tích, Kiều Trần Như vốn tự bất sanh, chẳng phải là nay mới bất sanh. Do muốn dẫn khởi sữa thành lạc, cho nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong giáo đầu tiên (Tạng Giáo). Do vì dẫn khởi lạc thành sanh tô, nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong Thông Giáo. Do vì dẫn khởi sanh tô thành thực tô, nên nơi Tích thị hiện bất sanh trong Biệt Giáo. Vì dẫn khởi thực tô thành đề hồ, nên nơi Tích bèn thị hiện bất sanh trong Viên Giáo. Nhưng nơi Bồn địa, Ngài bèn trụ trong A Tụ Môn⁵⁵, tức là “hết thấy các pháp thoát đầu bất sanh”. Nếu nghe A Tụ Môn, sẽ hiểu hết thấy các nghĩa đều chẳng phải là sanh, chẳng phải là bất sanh. Thị hiện dấu tích để dẫn dụ hóa độ, cho nên có thể sanh mà chẳng sanh. Chúng sanh nếu có thể lãnh hội trọn vẹn bất sanh, sẽ giống hệt A Nhã [Kiều Trần Như], chẳng phải Bồn, chẳng phải Tích, chẳng phải sanh, chẳng phải bất sanh. Đại sự nhân duyên bèn hoàn tất tại đó. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: *“Phú Lô Na chủng chủng biến hóa sự, ngã nhược cụ túc thuyết, chúng sanh văn thị giả, tâm tắc hoài nghi hoặc”* (Nếu ta nói trọn đủ các chuyện biến hóa của Phú Lô Na, chúng sanh nghe điều ấy, sẽ ôm lòng ngờ vực) chính là do ý nghĩa này vậy. Kinh A Hàm nói A Nan cầm tàn, lọng, đèn theo sau đức Phật, đại Phạm vương cầm tàn, lọng, đèn theo sau Kiều Trần Như. Đó đều là thị hiện dấu tích hồng hiển Bồn.

Bất Sanh xét theo quán tâm, cứ dựa theo Tam Quán thì sẽ có thể biết bất sanh. Giải thích như thế chính là do nghe một câu, dù là [nói về]

⁵⁵ A Tụ Môn là pháp môn chữ A trong Hoa Nghiêm Tụ Mầu (bốn mươi hai chữ cái trong văn tự Tất Đàm). A có nghĩa là bất sanh, hàm nghĩa hết thấy các pháp vốn bất sanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Khi xướng chữ A, nhập Bát Nhã Ba La Mật Môn, gọi là oai lực của Bồ Tát, nhập cảnh giới vô sai biệt”*.

người, hay [nói về] pháp, đều trở thành hóa nghi, đều có thể quán, có thể khiến cho người đời sau nghe danh tự bèn khởi hạnh, nhờ vào lời dạy mà biết cái Thể, suy nghĩ Tích mà thấy Bản, tìm tòi nhân duyên của nó, soi xét rộng khắp gốc ngọn. Nếu thấu hiểu ý này, sẽ từ một người, hoặc một câu kinh, bèn có thể trên là cầu cảnh, dưới là biết căn cơ để hóa độ, có thể hiểu phương thức giáo hóa của bậc thánh, có thể khiến cho đại chúng bình phàm được hưởng lợi ích, có thể thấu đạt sự giống nhau và khác biệt giữa danh và nghĩa, có thể biết hạnh bình đẳng, lý khác biệt, có thể biết thuận theo kinh văn mà nhập quán, có thể hiểu Bản, Tích, nhân, pháp, có thể tin vào chuyện giáo hóa dài lâu, có thể ngưỡng vọng thánh ân khó báo, có thể biết chúng sanh khó hóa độ, có thể hiểu biết lý tốt khó. Người chẳng thấy những điều ấy, sẽ cho là rườm rà!

Giải thích về Kiền Trần Như đã xong.

* Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa) được phương này dịch là Đại Quy Thị (大龜氏, họ rùa to), cũng dịch Quang Ba (光波, sóng ánh sáng), cũng dịch là Âm Quang (飲光, nuốt mất ánh sáng). Ngài tên là Tất Bát La (Pippala), nhân duyên rộng nhất. Nói đại lược thì như trong sách Văn Cú⁵⁶, người cần biết có thể tìm trong ấy. Ngài là bậc Đầu Đà đệ nhất,

⁵⁶ Chúng tôi xin trích lược một phần Pháp Hoa Văn Cú nói về Ngài như sau: “Ngài có họ là Đại Quy vì tổ tiên học đạo, rùa thiêng đội đồ họa của tiên ứng hiện. Từ đức ấy mà đặt tên cho dòng họ, nên gọi là Đại Quy Thị. Chân Đế Tam Tạng dịch tên Ngài là Quang Ba, vì bậc tiên nhân thời cổ quang minh nơi thân tuôn trào rực rỡ, có thể khiến cho các ánh sáng khác chẳng hiện được, cho nên nói là Quang Ba. Còn dịch là Âm Quang vì quang minh nơi thân ngài Ca Diếp cũng có thể soi thấu các vật. Ngài tên là Tất Bát La, còn phiên âm là Thê Tỳ Lê, tức là cây Tất Bát La. Cha mẹ Ngài cầu đảo nơi thần cây ấy mà sanh ra Ngài, bèn dùng tên cây để đặt tên... Nhà Ngài giàu to, kinh Tăng Nhất A Hàm nói: ‘Vị trưởng giả giàu to trong thành La Duyệt Kỳ tên là Ca Tỳ La, vợ tên là Đàn Na, con tên là Tất Bát La, con dâu tên là Bà Đà. Nhà ấy giàu gấp ngàn lần vua Bình Sa, mười sáu đại quốc chẳng thể sánh bằng’. Sách Phó Pháp Tạng nói: ‘Sau khi Tỳ Bà Thi Phật diệt độ, tháp tượng kim sắc bị hư hoại. Khi đó, có một cô gái nghèo, ngực có viên châu bằng vàng, bèn [dùng vàng ấy] cạy thợ thếp tượng. Người thợ kim hoàn hoan hỷ thếp vàng tượng Phật rực rỡ xong, lập thế làm vợ chồng. Trong chín mươi một kiếp, trong cõi trời hay cõi người, luôn có thân kim sắc, tâm luôn hưởng vui sướng. Cuối cùng thác sanh trong nhà Bà-la-môn Ni Câu Luật Đà nước Ma Kiệt Đề, sợ mắc tội hơn vua, bèn giâm một con trâu cày, chỉ dùng chín trăm chín mươi cặp trâu kéo cày vàng’... Kinh lại nói: ‘Dùng cơm bằng lúa mạch cúng dường Bích Chi Phật, ngàn lần sanh trong các tầng trời Đất Việt và Đạo Lợi, thân có ba mươi tướng’... Ngài bỏ gia nghiệp,

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

đích thân nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật, là Sơ Tổ ở Tây Trúc. Đầu Đà (Dhūta) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Đầu Tẩu (抖擻, giữ sạch, rung lắc), do dùng mười hai hạnh để giữ sạch mười hai loại lỗi:

- Một là ở chỗ A Lan Nhã để lìa lỗi ồn náo.
- Hai là thường hành khát thực, nhằm lìa lỗi ăn nhờ chúng tăng và nhận lời biệt thỉnh.
- Ba là khát thực theo thứ tự, hòng lìa lỗi chọn lựa [nơi chốn hoặc nhà thí chủ] để khát thực.
- Bốn là vâng giữ pháp chỉ ăn một bữa, nhằm lìa lỗi mong cầu nhiều.
- Năm là ăn có chừng hạn, nhằm lìa lỗi tham vị ngon.
- Sáu là sau giờ Ngọ chẳng uống các thứ nước trái cây, mật v.v... nhằm lìa lỗi mong cầu ham muốn.
- Bảy là mặc y phẩn tảo⁵⁷, nhằm lìa lỗi chuộng y phục.
- Tám là chỉ có ba y, nhằm lìa lỗi tăng giảm.
- Chín là ở chốn mồ mả, nhằm lìa lỗi thường ưa thích, so đo điền đảo.

- Mười là ngồi dưới cội cây, nhằm lìa lỗi sợ hãi.
- Mười một là ngồi nơi đất trống, nhằm lìa lỗi tham đắm cây cối.
- Mười hai là chỉ ngồi không nằm, nhằm lìa lỗi giấc phiền não.
Ngài trọn đủ các hạnh như kinh Thập Nhị Đầu Đà đã nói chi tiết. [Trong mười hai hạnh ấy], có năm pháp thuộc về trụ xứ, năm pháp thuộc về ẩm thực, và hai pháp thuộc về y phục. Lại dựa theo chuyện khát thực để nói rõ ý nghĩa Đầu Tẩu:

Để đạt được bèn sanh lòng vui mừng, khó đạt được ắt nổi sân. Đạt được món ngon bèn yêu thích, xin nhằm thứ xấu bèn rầu rĩ. Ưu hỷ do sắc mà khởi. Đó là Sắc Ấm. Hứng chịu nổi ưu hỷ ấy, tức là Thọ Ấm. Giữ lấy tướng ưu hỷ, tức là Tướng Ấm. Ưu hỷ chính là Hành Ấm. Phân biệt ưu hỷ là Thức Ấm. Ưu hỷ chính là Ý Nhập và Pháp Nhập, cũng

đem y báu vô giá đang khoác nơi thân, cắt thành y Tăng Già Lê bốn lớp, dâng cho Phật để lột ngôi...”

⁵⁷ Phẩn tảo y là áo may bằng các mụn vải nhặt nhạnh từ các loại y phục cũ rách vứt đi. Luật Ma Ha Tăng Kỳ giảng: “Y phẩn tảo là áo cũ vứt bỏ nơi hẻm ngõ, giặt sạch, chằm lại, nhuộm màu để thọ trì”. Luật Tứ Phần đề ra bảy loại phẩn tảo y: Y bị trâu bò xé, y bị chuột cắn, y do các mảnh vải sót lại khi bị đốt, y thủy nguyệt, y của nhà nông, y chằm từ các loại y phục hay vải khoác trên tượng thần loại ra, y nhặt từ vải nơi nghĩa trang...

chính là ý pháp, ý thức tam giới. Giới, Nhập, Âm chính là Khổ Đế. “Ta có thể khát thực” chính là Ngã Kiến. Chấp trước có ngã và vô ngã thì chính là Biên Kiến. Coi chuyện khát thực là đạo, tức là Giới Thủ Kiến. Coi khát thực là thật, tức là Kiến Thủ Kiến. Coi như thế là chân thật, tức là Tà Kiến. Được khen ngợi bèn vui mừng thì chính là tham. Bị hủy báng bèn tức giận thì chính là sân. [Tự cho là] ta có thể [thực hiện hạnh khát thực] tức là mạn. Bị quở trách thì là nghi. Chẳng hiểu rõ tức là si. Đó là Thập Sử, trải qua tam giới và Tứ Đế, thành tám mươi tám Sử, gọi chung là Tập Đế. Nếu biết bốn thứ điên đảo trong khát thực, do bị sự liên tục tương tự che lấp, bèn ngỡ là Thường. Hợp ý thì cho là Lạc. Bị “di chuyển, hành động” che lấp, ngỡ đó là Ngã. Do [các thứ bất tịnh trên thân thể] bị che phủ bởi lớp da mỏng, bèn cho là Tịnh. Nhận biết bốn thứ che lấp, chẳng có bốn thứ điên đảo, siêng năng ngăn chặn hai thứ ác, sanh trưởng hai thứ thiện, tu Tứ Định, Căn, Lực, Giác, Đạo. Đó là Đạo Đế. Trong khát thực, chẳng so đo cái Ngã thì si diệt. Do si diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên sân diệt. Do sân diệt nên chẳng tự đề cao, tức là mạn diệt. Do mạn diệt, nên bị quở trách bèn chẳng nghi ngờ. Do vô ngã, nên Ngã Kiến diệt. Do Ngã Kiến diệt, nên Biên Kiến diệt. Chẳng chấp đó là đạo, nên Giới Thủ Kiến diệt. Chẳng chấp trước tà vạy, cho nên Tà Kiến diệt. Do mười điều ấy đã diệt, tám mươi tám món Sử là những thứ trôi buộc phái sanh⁵⁸ cũng bị diệt. Do các món Sử phái sanh đã bị diệt, sự ràng buộc nơi cái quả là hai mươi lăm Hữu cũng bị diệt. Đó là Diệt Đế. Nếu trong khi khát thực, chẳng thấy bốn Chân Đế, sẽ lưu chuyển lâu dài trong khổ hải sanh tử to lớn. Nếu có thể thấy Tứ Đế, sẽ đoạn được sanh tử. Sanh tử đã tận, sẽ chẳng còn thọ các Hữu. Đó là quán huệ của Đầu Tẩu trong khi khát thực. Các pháp và y phục và chỗ ở [trong hạnh Đầu Đà] cũng giống như thế. Đó là Đầu Đà xét theo Tam Tạng Giáo.

Đầu Tẩu trong Thông Giáo thì duyên Chân chứng Tịch. Đó là trụ xứ. Dùng Không Huệ làm thức ăn, dùng “*Không tâm hành các hạnh*” làm y phục, thường tánh là Không. Khi “*không gì chẳng phải là tánh Không*”, Không Huệ giữ sạch, đều như huyền hóa, vọng tưởng các ác hay tịch diệt đều chẳng dấy lên, tâm (tâm vương) và tâm số pháp (tâm sở) chẳng lưu chuyển. Do chẳng thể đạt được, trong các tương ứng,

⁵⁸ Gọi là “*phái sanh*” vì căn bản chỉ có mười món Sử, do phối hợp với tam giới và Tứ Đế mà thành tám mươi tám Sử. Vì thế gọi tám mươi tám món Sử là “*phái sanh*” (tức là phụ thuộc mà sanh ra, không phải là căn bản).

Không sẽ tương ứng thù thắng bậc nhất. Trong các khổ hạnh, Không Hạnh bậc nhất. Trong các thứ giữ bỏ, Không Huệ giữ bỏ bậc nhất.

Đầu Tẩu trong Biệt Giáo thì coi nương vào Pháp Thân là trụ xứ (do tâm mong mỏi Pháp Thân mà tu hai đức), Bát Nhã làm thức ăn. Trong hết thấy các hạnh, trang nghiêm bằng che lấp, ngăn trở, giữ sạch các điều ác thuộc về hắc nghiệp. Bát Nhã giữ sạch các điều ác thuộc phiền não. Pháp Thân giữ sạch các điều ác thuộc nỗi khổ sanh tử. Trước hết là giữ sạch nghiệp khổ phiền não Phần Đoạn. Kế đó, giữ sạch các nghiệp khổ phiền não thuộc Biến Dịch. Đó là Trung Đạo chánh quán Đầu Đà, vượt xa khổ hạnh do hàng Nhị Thừa đã hành.

Đầu Tẩu trong Viên Giáo thì trụ xứ chính là y phục, chính là thức ăn (vốn có ba đức, tu đắc cũng thế), chỉ là một pháp, mà nói phân biệt thành ba. Hết giữ sạch một thứ thì hết thấy đều giữ sạch. (Hạnh làm y phục) thì hết thấy giữ sạch là một thứ giữ sạch. (Huệ làm thức ăn) thì chẳng phải một, chẳng phải hết thấy. (Thân ở trong) hết thấy sự giữ sạch, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Sở hành của chư Phật là Như Lai hạnh, vượt xa sở hành thanh tịnh của các vị Bồ Tát.

Nói theo Bốn Tích, thì Bốn là cùng ngồi nơi lý Tất Cánh Không với Như Lai, cùng đạt được Pháp Thân rộng lớn, cùng đạt được trí huệ vô ngại, cùng đạt được vô lượng công đức. Trong thì xả pháp ái, ngoài thì chẳng có cấu nhiễm. Trong lẫn ngoài đều giữ sạch. Vốn đã thanh tịnh, muốn dẫn khỏi vị sữa, bèn giữ sạch nơi Sự. Kế đó, để dẫn khỏi vị lạc, giữ sạch nơi Không. Kế đó, để dẫn khỏi vị sanh tô, bèn giữ sạch nơi Biệt. Kế đó để dẫn khỏi thực tô, giữ sạch nơi Viên.

Nói theo quán tâm, thì từ ngay nơi Không mà giữ sạch sự chấp tướng. Từ ngay nơi Giả, giữ sạch Trần Sa. Từ ngay nơi Trung, giữ sạch vô minh. Nơi nhất tâm giữ sạch Trần Sa v.v...

* Ưu Lô Tần Loa (Uruvilvā) được phương này dịch là Mộc Qua Lâm (木瓜林, rừng đu đủ). Na Đề (Nadī) phương này dịch là Hà (sông), cũng dịch là Giang. Già Da (Gayā) phương này dịch là Thành. Ba anh em các Ngài đều là ngoại đạo thờ lửa. Nhân duyên của các Ngài được chép trong kinh Thụy Ứng và các bộ luật⁵⁹.

⁵⁹ Theo Pháp Hoa Văn Cú, ngài Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là thầy của Bình Sa Vương (vua Tần Bà Sa La), có năm trăm đệ tử, mỗi người em có hai trăm năm mươi đệ tử. Đức Phật hiện mười thứ thần biến để chiết phục Ưu Lô Tần Loa như rồng độc chẳng thể làm hại, lửa do rồng phun ra chẳng thể làm hại Ngài, nước sông Hằng chẳng thể nhấn chìm, trời Đao Lợi tuôn mưa cam lộ v.v... nhưng Ưu Lô Tần Loa

Xét theo giáo, như kinh Tăng Nhất A Hàm nói Ưu Lâu Tần Loa có thể bảo vệ tứ chúng, cung cấp tứ sự, khiến cho chẳng thiếu thốn, thật sự là bậc nhất. Na Đề tâm ý vắng lặng, hàng phục các kết sử, tinh tấn bậc nhất. Già Da quán các pháp đều chẳng chấp trước, có thể khéo giáo hóa bậc nhất, tức là nói đến chuyện giáo hóa những ai thuộc vị “lạc”. Nếu chuyển [từ lạc] thành sanh tô, hãy nên thẹn [vì chính mình còn đang tu tập] Tiểu pháp mà hâm mộ Đại pháp, cứ phỏng theo đó sẽ biết. Nếu chuyển thành thực tô, hãy nên nương theo nghiệp để nhận lãnh giáo. Nếu chuyển thành đề hồ, sẽ được thọ ký thành Phật giống như trong kinh này.

Xét theo Bốn Tích, trụ trong Tam Đức, “*rừng*” chính là Bát Nhã, “*thành*” chính là Pháp Thân, “*nước*” (Na Đề nghĩa là “sông”) chính là Giải Thoát. Đó là tạng bí mật nơi Bốn, còn nơi Tích thì nương vào rừng, thành, hay nước để độ chúng sanh.

Xét theo quán tâm, chánh quán tâm tánh Trung Đạo bất động, như tòa thành phòng ngự địch. Bất động mà động, như nước gột sạch điên đảo nơi các Biên (chấp trước Biên Kiến). Chiếu soi khô héo lẫn tươi tốt, như rừng um tùm, ba pháp cùng giúp nhau, tức là anh em ruột thịt vậy.

* Xá Lợi Phất (Śāriputra), phương này dịch là Thân Tử (身子), cũng dịch là Châu Tử (珠子). Ngài tên là Ưu Bà Đề Xá (Upadeśa), phương này dịch là Luận Nghĩa (論義), trí huệ bậc nhất. Nhân duyên của Ngài được nói chi tiết trong sách Văn Cú.

Xét theo giáo, trí huệ xét theo Tam Tạng (Tạng Giáo) thì là mười trí của bậc Vô Học, đoạn kết sử, chứng Chân, giúp Phật giáo hóa, hoằng dương. Thích Luận gọi Ngài là “*vị đại tướng ở bên phải*” [của đức Phật]. Trí huệ trong Thông Giáo thì như trong kinh Bát Nhã đã nói “*vì sao gọi là Ma Ha Tát*”, tức là ngã kiến, chúng sanh kiến, Phật kiến, Bồ Đề kiến, chuyển pháp luân kiến, các thứ kiến như thế đều bị phá thì gọi là Ma Ha Tát. Trí huệ này khác với trí huệ trong Sơ Giáo (Tạng Giáo). Trí huệ trong Biệt Giáo hãy nên dựa theo “*ngũ vị*” (sữa, lạc, sanh tô, thực tô và đề hồ) để phân biệt. Như từ lúc ban sơ, chỉ nghe sữa và lạc,

Ca Diếp vẫn ngoan cố, không hồi cải, vẫn khẳng khái: “*Cù Đàm tuy có thần thông, đạo chẳng chân thật bằng ta*”. Đức Phật liền bảo: “*Ông chẳng phải là A La Hán, cũng chẳng đắc đạo*”. Ưu Lâu Tần Loa chợt tỉnh ngộ, thầy trò đều quy y Phật, hai người em cũng quy y. Thầy trò của họ gồm một ngàn người luôn theo Phật, chiếm phần lớn trong số Thường Tùy Chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị A La Hán như kinh thường chép.

chẳng nghe các vị khác. Phát tâm tu hành, chỉ hành [các giáo pháp thuộc vị] sữa và lạc. Đây chính là trí huệ của Sơ Giáo. Nếu chỉ nghe lạc, lạc chẳng do sữa, đối với tánh thiện và ác, tánh vốn tự không, chẳng do tu thiện mà phá ác. Diệt Sắc, giữ Không, chỉ tu “*tức Không*”. Đó chính là trí huệ của Thông Giáo. Nếu từ nguyên sơ, được nghe đề hồ. Do đề hồ, vắt bò tìm sữa, chung sữa thành lạc, chuyển lạc thành sanh tô, chuyển sanh tô thành thực tô thì mới đạt được đề hồ. Hành giả tu như thế tức là trí huệ của Biệt Giáo. Nếu từ nguyên sơ, chỉ nghe bò ăn cỏ Nhẫn Nhục, liền có thể sanh ra đề hồ. Nếu ai có thể uống [đề hồ ấy], các bệnh đều trừ. Hết thấy các loại thuốc đều được bao gồm trong ấy. Tu hạnh ấy thì là trí huệ của Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ trong Thật Tướng, Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) là mẹ. Từ cảnh sanh ra trí huệ, cảnh chính là Thân. Trí huệ là Tử (con), thương xót chúng sanh. Nơi Tích thì Thân Tử thuộc ngũ vị. Do muốn chuyển máu “ác phiền não” thành sữa tốt lành, bèn thị hiện làm bậc trí huệ trong ngoại đạo, làm vị đại luận sư. Muốn nấu sữa thành lạc, thị hiện trí huệ nơi Tam Tạng, trí huệ chỉ kém đức Thế Tôn. Muốn dẫn khởi chuyển lạc thành sanh tô, tuy dung nạp Đại pháp, mà hiện [trí huệ thuộc] Tiểu pháp, chịu khuất phục dưới sự quở trách của ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật)⁶⁰. Vì muốn dẫn khởi chuyển sanh tô thành thực tô, an ủi,

⁶⁰ Trong kinh Duy Ma Cật, ngài Xá Lợi Phất thị hiện căn tánh Tiểu Thừa chấp trước, thường xuyên bị ngài Duy Ma Cật quở trách. Chẳng hạn như khi cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện bị bệnh, đức Phật sai ngài Xá Lợi Phất đến thăm bệnh. Ngài thưa không thể đến thăm bệnh, và nói: “*Nhớ lại trước kia, con từng ở trong rừng, ngồi yên lặng dưới gốc cây. Khi ấy, ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: ‘Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bất tất ngồi tĩnh đó mới là ngồi yên lặng. Vả chẳng ngồi yên lặng là ở trong ba cõi mà không hiện thân ý, mới là ngồi yên lặng. Không khởi Diệt Tận Định mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên lặng. Tâm không trụ trong, cũng không ở ngoài, mới là ngồi yên lặng. Đối với các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới là ngồi yên lặng. Chẳng đoạn phiền não mà vào Niết Bàn thì mới là ngồi yên lặng. Nếu ngồi được như thế, sẽ là chỗ Phật an khả vậy’.* Bạch Thế Tôn! Lúc ấy, con nghe nói những lời đó rồi, im lặng không trả lời được, nên con không dám đến thăm bệnh ông ta”. Hoặc như trong phẩm Bát Tư Nghị của kinh ấy có chép: “*Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất thấy trong nhà ông Duy Ma Cật không có giường ngồi (bàn ghế) chi hết, mới nghĩ rằng: ‘Các vị Bồ Tát và hàng đại đệ tử đây sẽ ngồi nơi đâu?’ Trưởng giả Duy Ma Cật biết được ý đó, liền nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: ‘Thế nào, nhân giả vì Pháp mà đến, hay vì giường ngồi mà đến?’ Ngài Xá Lợi Phất nói: ‘Tôi vì Pháp mà đến, chớ không phải vì giường ngồi’.* Ông Duy Ma Cật nói: “*Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu Pháp, thân mạng còn không tham tiếc, huống chi là*

lợi lạc những người có cùng phạm hạnh, lãnh hội giáo pháp Bát Nhã. Vì muốn dẫn khởi thực tột thành đề hồ, trong hội Pháp Hoa bèn ngỏ đầu tiên. Những điều ấy đều là sự thị hiện bên ngoài, thuộc về Tích; bên trong thì bí mật giữ Bồn địa thì là thật sự [đã thành Phật] từ lâu xa.

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán thâm nhiếp hết thấy trí huệ. Quán tâm tức Không, thâm nhiếp hết thấy trí huệ thuộc về vị lạc. Quán tâm tức Giả, thâm nhiếp hết thấy trí huệ thuộc về hai loại tô (sanh tô và thực tô), cùng với trí huệ thế gian. Quán tâm tức Trung, thâm nhiếp trí huệ thuộc về đề hồ. Đó gọi là trong quán tâm, một trí huệ là hết thấy trí huệ, hết thấy trí huệ là một thứ trí huệ, chẳng phải là một trí huệ, chẳng phải là hết thấy trí huệ.

* Đại Mục Kiền Liên (Mahāmaudgalyāyana) là họ, dịch là Tán Tụng (讚誦), còn dịch là Lai Bặc Căn (萊菔根), hoặc dịch là Hồ Đậu (胡豆)⁶¹. Ngài tên là Câu Luật Đà (Kolita), thần thông bậc nhất. Thích Luận gọi Ngài là “*đệ tử bên trái*” [của đức Phật].

Xét theo giáo, nương vào Tứ Thiên, dấy lên mười bốn thứ biến hóa. Nương vào quán luyện, huân tu mười món Nhất Thiết Vô Lậu Sự Thiên, có thể hiện mười tám món thần biến. Đó chính là thần thông trong Sơ Giáo (Tạng Giáo). Nương vào Không để khởi huệ, dùng cái tâm Không Huệ để tu các thần thông. Đó chính là thần thông trong Thông Giáo. Theo thứ tự, nương theo Tam Đế mà tu tập, đạt được thần thông, lần lượt thâm nhập, vượt xa Nhị Thừa. Đây chính là thần thông trong Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, đạt được thần thông. Chẳng dùng hai tướng để thấy các cõi Phật, từ Chân mà khởi ứng, chẳng rời Chân Tế mà [ứng hiện] trọn khắp trong mười pháp giới. Đó là thần thông trong Viên Giáo. (Nói “*chẳng dùng hai tướng*” thì “bất nhị” tức là Thật Tướng. “*Thấy các cõi*” chính là thần thông. Nương theo lý mà thấy, nên nói “*chẳng thấy có hai tướng*”. Nói này nọ như thế là để phân biệt: Hai món đầu (thần thông trong Tạng Giáo và Thông Giáo) là do tu

giường ngồi. Và người cầu Pháp không phải có sắc, thọ, tướng, hành, thức (năm uẩn) mà cầu; không phải có giới, nhập mà cầu; không phải có dục giới, sắc giới, vô sắc giới mà cầu. Ngài Xá Lợi Phất! Và chẳng người cầu Pháp không đắm trước nơi Phật mà cầu; không đắm trước nơi Pháp mà cầu; không đắm trước nơi chúng (tăng) mà cầu. Và lại người cầu Pháp không thấy khổ mà cầu; không đoạn tập mà cầu; không đến chứng diệt, tu đạo mà cầu...” (những đoạn kinh được trích dẫn ở đây dựa theo bản dịch của Hòa Thượng Thích Huệ Hưng).

⁶¹ Ngài Chân Đế nói: “*Lai Bặc Căn và Hồ Đậu là hai thứ cỏ tiên nhân thích ăn, nên dùng tên gọi của chúng để đặt tên cho dòng họ*”.

mà đạt được; hai món sau (thần thông trong Biệt Giáo và Viên Giáo) là do phát khởi mà đạt được. Tạng Giáo dựa vào Sự Thiền, Thông Giáo nương vào chân lý, Biệt Giáo thì nương vào cả hai điều trên đây. Viên Giáo tùy ý phát khởi. Hai thứ trước được gọi là Thông, là Hóa (biến hóa); hai thứ sau được gọi là Mật, là Ứng. Hai thứ trước nhằm điều phục chúng sanh; hai thứ sau nhằm thấy căn cơ của chúng sanh. Hai thứ trước có thể bị phá hoại; hai thứ sau chẳng thể phá hoại. Hai thứ trước nhằm dạy đạo; hai thứ sau nhằm chứng đạo. Hai thứ thần thông trước chỉ có trong thân hiện tại; hai thứ thần thông sau chung khắp ba đời. Hai thứ trước thì phải thuộc vào địa vị thánh mới tu thần thông; hai thứ sau thì địa vị phàm phu cũng tu trọn các thần thông. Hai thứ trước thì nương vào đâu cũng đều có thể tu; hai thứ sau thì ắt phải có sự nương tựa thù thắng).

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong Chân Tế Thủ Lăng Nghiêm Định, có thể trong một niệm, ứng hiện trọn khắp mười phương, thị hiện các thứ, thực hiện Phật sự vì lòng từ bi. Nơi Tích thì là thần thông thuộc ngũ vị, dẫn khởi [hành nhân] tiến nhập tột cùng.

Xét theo quán tâm thì quán trong một tâm, thoảng chốc có hết thấy các tâm, quán hết thấy các tâm bỗng chẳng có hết thấy các tâm. Tâm chẳng phải là Hữu hay Vô, thông thấu Thật Tướng.

* Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahākātyāyana), phương này dịch là Văn Súc (文飾), cũng dịch là Phiến Thằng (扇繩), cũng dịch là Hảo Kiên (好肩), luận nghĩa bậc nhất.

Xét theo giáo, nương vào Không, Không, Vô Ngã để luận định Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Sơ Giáo. Nương vào không, vô sở hữu, bất khả đắc để phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Thông Giáo. Nương vào Tổng Trì, Tứ Biện Tài để quán căn cơ, chiếu Giả, cho thuốc đúng bệnh, phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng rốt ráo chẳng Hữu chẳng Vô để phá Đoạn Kiến, Thường Kiến v.v.... Đó là luận nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn, trụ trong hai thứ trang nghiêm phước đức và trí huệ, có thể hỏi, có thể đáp. Vì thương xót chúng sanh mà nơi Tích thị hiện làm vị luận nghĩa sư thuộc “ngũ vị”.

Xét theo quán tâm, thì quán trí suy xét cảnh, cảnh phát khởi trí. Trí và cảnh đáp đối; đó tức là Luận Nghĩa xét theo quán tâm vậy.

* A Nậu Lô Đà (Aniruddha), phương này dịch là Vô Bàn, còn dịch là Như Ý, là em họ của đức Phật, Thiên Nhân bậc nhất.

Xét theo giáo, nương vào Thiền thế gian, phát sanh Thiên Nhân, thì là ngoại đạo phạm phu. Nương vào Vô Lậu Sự Thiền để phát sanh Thiên Nhân thì thuộc về ý nghĩa trong Tam Tạng. Nương vào cái huệ thấu hiểu pháp vô lậu để phát khởi các hạnh, nương vào các hạnh, phát sanh Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa theo Thông Giáo. Nương vào tán thiện phát sanh nhục nhãn, nương vào Thiền phát sanh Thiên Nhân, nương vào Chân phát sanh Huệ Nhãn, nương vào Tục phát sanh Pháp Nhãn, nương vào Trung phát sanh Phật Nhãn. Đó là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, phát sanh Thiên Nhân, Thiên Nhân tức Phật Nhãn. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Lại nương theo tán thiện tu nhục nhãn, nương theo Thiền tu Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Nương theo Không để tu nhục nhãn và Thiên Nhân. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Theo thứ tự tu ngũ nhãn là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Chẳng theo thứ tự mà tu ngũ nhãn thì là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, thì Bốn là trụ trong Thật Tướng chân Thiên Nhân, chẳng dùng hai tướng để thấy các cõi Phật. Nơi Tích thì thị hiện Bán Đầu Thiên Nhân.

Xét theo quán tâm, quán nhân duyên sanh thiện tâm, tức là nhục nhãn. Quán nhân duyên sanh định tâm, đó chính là Thiên Nhân. Quán nhân duyên sanh tâm Không, tức Huệ Nhãn. Quán nhân duyên sanh tâm tức Giả, thì là Pháp Nhãn. Quán nhân duyên sanh tâm tức Trung, thì chính là Phật Nhãn.

* Kiếp Tân Na (Kapphina), phương này dịch là Phòng Tú (房宿). Cha Ngài cầu đảo nơi sao Phòng⁶² mà sanh ra Ngài. Ngài khéo biết tinh

⁶² Sao Phòng có tên đầy đủ là Phòng Nhật Thố (房日兔), là tinh tòa thứ tư trong phương Đông (thuộc về Thanh Long trong tứ tượng), thuộc phân dã Thương Thiên, còn được gọi là Thiên Tứ. Tinh cung này gồm các nhóm sao (tinh quan) nhỏ hơn là Phòng, Câu Linh, Kiện Bé, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, và Tùng Quan, tương ứng với các chòm sao (constellation) Thiên Yết (Scorpius, Hồ Cáp), Thiên Xứng (Libra), Sài Lang (Lupus) và Xà Phu (Ophiuchus) hiện thời. Do sao này được coi nằm đúng bụng rồng, tức là nơi vạn vật bị tiêu mất, nên theo quan điểm bói toán mê tín của cổ Trung Hoa, sao này là hung tinh. Họ quan niệm những ngày có sao này mà tiến hành làm gì sẽ khó thành công, dễ bị thất bại nửa chừng, nhà nào xây cất nhằm ngày này thì sau ba năm sẽ bị tai ương!

tú bậc nhất. Lại do nghỉ đêm cùng với Phật trong một căn nhà mà được chứng quả⁶³, cho nên có tên như thế.

Xét theo giáo, phân tích, phá trừ “cái nhà” Căn và Trần, cùng Phật ở trong nhà Chân Đế. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Thấu đạt Căn Trần, chính là cùng Như Lai nghỉ đêm trong nhà Chân Đế. Đó chính là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt nhà cửa “Căn Trần” trong mười pháp giới, đều được thấy Phật. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Trong một gian nhà “Căn Trần”, liền thấy hết nhà cửa, thấy hết thấy Phật. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì cùng với Như Lai ngự nơi Thật Tướng; còn Tích thì thị hiện nghỉ nơi các nhà.

Quán tâm thì quán nhà Ngũ Âm, chia chẻ cái Không chính là Không, cùng nghỉ đêm với hóa Phật. Quán nhà Ngũ Âm chính là Giả, cùng nghỉ đêm với Báo Phật (Báo Thân Phật). Quán nhà Ngũ Âm chính là Trung, cùng nghỉ đêm với Pháp Thân Phật.

* Kiều Phạm Ba Đề (Gavāṃpati), phương này dịch là Ngu Ty (牛伺, trâu nhoi), được thiên vương cúng dường bậc nhất.

Xét theo giáo, trụ trong vườn trời nhằm chỉ bày điều lành; có tướng trâu nhoi nhằm chỉ bày điều ác. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Dùng thân có tướng trâu nhoi mà đắc đạo, nhằm chỉ dạy “ác chẳng phải là ác”. Ở trong vườn cõi trời mà có tướng trâu nhoi nhằm chỉ bày “thiện chẳng phải là thiện”. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Chỉ bày thiện ác trong giới nội (trong tam giới) và giới ngoại (ở ngoài tam giới). Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Chỉ bày Thật Tướng của thiện ác là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong tứ vô sở úy⁶⁴, an trụ thánh chúa như trâu chúa Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Nơi Tích thì hiện tướng trâu nhoi, vui sướng ngự trên cõi trời.

⁶³ Trong A Di Đà Kinh Sớ Sao, tổ Liên Trì giảng: “Cổ thuyết nói lúc Ngài mới xuất gia, sắp đến chỗ Phật. Giữa đường mắc mưa, phải ở nhờ nhà người thợ gốm, chợt có một vị tỳ-kheo đến cùng nghỉ lại. Vị tỳ-kheo ấy chính là đức Phật hóa hiện. Tôn giả nghe pháp đắc đạo, nên [gọi là] Phòng Tú là do nghỉ chân nơi nhà của người thợ gốm”.

⁶⁴ Tứ vô sở úy (Catta-vesārajja) là:

1. Nhất Thiết Trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Thuyết chương đạo vô sở úy: Nói các pháp như Hoặc nghiệp, các chương v.v... không sợ hãi.

Xét theo quán tâm, quán lý Trung Đạo trong tâm tánh, bước đi vững vàng, an tường, ngay thẳng, nhanh chóng như gió (tức là dùng tướng tượng phu ngưu vương, cũng thông với ý nghĩa dùng trâu trắng để kéo xe [trong phẩm sau]).

* Ly Bà Đa (Revata), phương này dịch là Tinh Tú (星宿), còn dịch là Giả Hòa Hợp (假和合). Do bị hai con quỷ tranh thân xác mà Ngài đắc đạo⁶⁵. Ngài tọa Thiên, nhập Định, tâm chẳng đảo loạn (điên đảo, tán loạn) bậc nhất.

Xét theo giáo, phân tích, phá trừ Ngũ Âm chẳng phải do ta sở hữu. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Thấu đạt Ngũ Âm vốn chẳng do ta sở hữu. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt Ngũ Âm trong mười pháp giới đều chẳng phải là của ta. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Thông đạt Ngũ Âm chẳng phải là của ta, chẳng phải thuộc về người khác, thấy Thật Tướng của các Âm. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích thì Bốn là trụ trong Nhật Tinh Tú tam-muội, Tích thì thị hiện danh hiệu ấy.

Xét theo quán tâm, niệm Phật, thấy mười phương Phật đông nhiều giống như ban đêm trông thấy các ngôi sao v.v... (Trong phần trước, xét theo giáo thì là gởi gắm nơi giả hòa hợp. Nay nơi Bốn Tích, ngắm sao và xét theo các tinh tú đều là tùy tiện. Thấy chư Phật [nhiều] như các ngôi sao chính là dựa theo ý trong kinh Ban Châu. [Để hiểu ý của phần] quán tâm, hãy nên rộng dẫn kinh Ban Châu Tam Muội).

* Tất Lăng Già Bà Tha (Pilindavatsa), phương này dịch là Dư Tập (餘習, tập khí còn sót lại)⁶⁶. Ngài khổ hạnh ngồi dưới cội cây, chẳng tránh né mưa gió bậc nhất.

4. Thuyết tận khổ đạo vô sở úy: Giảng các chánh đạo diệt trừ các khổ không sợ hãi.

⁶⁵ Theo Pháp Hoa Văn Cú, do mắc mưa, Ngài ngủ đêm tại một ngôi miếu thờ thần, thấy hai con quỷ giành nhau một cái xác chết để ăn, bắt Ngài phán quyết. Ngài theo tình thực trả lời, con quỷ bị thua lý lẽ liền tức giận xé tay chân Ngài, con quỷ kia liền lấy chân tay từ xác chết đập vào. Ăn hết thân Ngài, hai con quỷ bỏ đi. Do vậy, Ngài biết thân vô thường. Vì thế, gọi là Giả Hòa Hợp.

⁶⁶ Theo Pháp Hoa Văn Cú, sở dĩ Ngài được gọi là Dư Tập, vì trong năm trăm đời đã từng làm Bà-la-môn, cho nên có tập khí ngạo mạn sót lại. Khi Ngài vượt sông Hằng, bèn gọi thần sông Hằng: “Nè! Tiều tỳ ngăn dòng chảy lại”. Thần sông Hằng tách nước ra làm đôi cho Ngài đi qua rồi đến mách với đức Phật rằng ngài Tất Lăng Già Bà Tha quá ngạo mạn. Đức Phật dạy Ngài sám hối. Ngài nói: “Tiều tỳ đừng giận!” Đại chúng cười ồ, sám hối mà như càng chửi thêm. Đức Phật bảo: “Do tập khí còn sót lại mà ăn nói như thế, chẳng phải là tâm cao ngạo!”

Xét theo giáo, do đã diệt Mạn, cho nên chẳng có Mạn. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Từ ngay nơi mạn mà vô mạn. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Phân biệt mười pháp giới cao thấp. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Tám thứ ngã tự tại⁶⁷, trọn đủ Phật pháp. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ trong “thường, lạc, ngã, tịnh, bát tự tại ngã”, phạm thanh vi diệu. Nơi Tích thì thị hiện tâm ngạo mạn, ác khẩu.

Xét theo quán tâm thì quán lời thô thấp hay tiếng mềm mỏng đều quy vào Đệ Nhất Nghĩa (Tam quán tổng hay biệt đều là Đệ Nhất Nghĩa. Các Hoặc đã phá đều là thô).

* Bạc Câu La (Vakkula), phương này dịch là Thiện Dung (善容, dung mạo tốt lành), thọ một trăm sáu mươi tuổi, chẳng bị bệnh, chẳng yếu. Thường thích nhàn cư bậc nhất.

Xét theo giáo, diệt ồn náo, nhập lễ Chân. Đó là sự tịch tĩnh trong Tam Tạng. Từ ngay nơi ồn náo mà chứng nhập lễ Chân. Đó là sự tịch tĩnh trong Thông Giáo. Là hai bên, nhập Trung. Đó là sự tịch tĩnh trong Biệt Giáo. Từ ngay nơi hai bên mà là Trung. Đó là sự tịch tĩnh trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ trong Đại Tịch Tĩnh Định. Trường thọ là Thường, chẳng có bệnh là Lạc, chẳng yếu là Ngã, tịch tĩnh là Tịnh. Ngự trong căn cội Tứ Đức ấy. Nơi Tích thì thị hiện sáu căn tịch tĩnh.

Xét theo quán tâm, tâm tánh Trung Đạo tức Không, tức Giả, tức Trung, chính là thường lạc ngã tịnh quán.

* Ma Ha Câu Hy La (Mahākauṣṭhila), phương này dịch là Đại Tát (大膝, đầu gối to), là cậu của ngài Xá Lợi Phất, biện tài bậc nhất⁶⁸.

⁶⁷ Bát tự tại ngã, còn gọi là Bát Tự Tại, hay Bát Biến Hóa, hoặc Bát Thần Biến:

1. Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
2. Có thể thị hiện thân nhỏ như vi trần mà trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.
3. Thân to lớn nhưng nhẹ nhàng cất mình lên đến chỗ rất xa.
4. Thấy vô lượng loại chúng sanh.
5. Các căn có thể sử dụng lẫn nhau, chẳng hạn mắt có thể nghe, tai có thể thấy v.v...
6. Đạt được hết thấy các pháp mà chẳng có ý tưởng là đã đắc.
7. Nói một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp.
8. Thân trọn khắp các xứ ví như hư không.

⁶⁸ Theo Pháp Hoa Văn Cú, Ngài thích biện luận, thường biện luận thắng chi ruột. Khi bà Xá Lợi hoài thai ngài Xá Lợi Phất, biện tài vô ngại, ngài Câu Hy La không

Xét theo giáo, ngoài thông thạo bốn Vi Đà (Vedas)⁶⁹, trong là thông suốt Tam Tạng. Đó là tứ biện tài của Sơ Giáo. “Ngã vô sở đắc”, biện định như thế là tứ biện tài của Thông Giáo. Dù danh hay nghĩa đều trọn khắp mười pháp giới. Đó là biện tài của Biệt Giáo. Nương vào Thật Tướng, trọn khắp hết thấy các biện tài. Đó là biện tài của Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ nơi khẩu mật, khẩu luân giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, đại định, đại huệ. Nơi Tích thì thị hiện đầu gối to.

Xét theo quán tâm, “*quán tâm tức Không*” chính là Định, [quán tâm] tức Giả chính là Huệ, dùng để trang nghiêm cái tâm.

* Nan Đà (Nanda), còn dịch là Phóng Ngưu Nan Đà, phương này dịch là Thiện Hoan Hỷ. Có thuyết nói Ngài chính là Bạt Nan Đà trong Luật Tạng.

Xét theo giáo, Sự hoan hỷ, Lý chẳng hoan hỷ; đó chính là ý nghĩa trong Tam Tạng. Sự hoan hỷ chính là Lý hoan hỷ. Đó là ý nghĩa theo Thông Giáo. Thuộc vào Hoan Hỷ Địa là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Thuộc địa vị Hoan Hỷ Trụ là ý nghĩa trong Viên Giáo (Trong Thập Trụ, vốn không có danh xưng Hoan Hỷ, nhưng xét theo địa vị trong Biệt Giáo, do chứng đạo giống như nhau, cho nên mượn danh xưng đó mà gọi là Hoan Hỷ Trụ).

Xét theo Bồn Tích, nơi Bồn thì trụ trong Thật Tế, chẳng hỷ, chẳng bất hỷ; nơi Tích thì gọi là Hoan Hỷ.

sao thắng được. Ngài biết là do đứa bé trong bụng tạo ra như vậy, sợ sau này sẽ thua cháu, nên bỏ nhà sang Nam Thiên Trúc học mười tám bộ kinh. Bị người đương thời chê cười, Ngài phần chí học hành không nghỉ ngơi, đến nỗi không có thời gian cắt móng tay. Người thuở ấy gọi Ngài là Trường Trảo Phạm Chí. Học xong, Ngài trở về thì cháu đã theo Phật xuất gia. Ngài nổi lòng kiêu mạn, nói: “Cháu ta tám tuổi đã vang danh khắp năm xứ Thiên Trúc, sa-môn ấy có đạo thuật gì dọ hoặc con trai của chị ta?” Ông tìm đến Phật, biện luận thua, bèn ở lại chỗ Phật, tư duy rất lâu chẳng thâm nhập được pháp nào, thưa với đức Phật: “Hết thấy các pháp chẳng phải là Nhẫn, do Nhẫn có nghĩa là an. Điều đó có nghĩa là hết thấy các pháp tôi đều có thể phá, khiến cho chúng được yên, cho nên nói hết thấy các pháp chẳng nhẫn”. Phật hỏi: “Ông có thấy cái Nhẫn ấy hay không?” Ngài Câu Hy La lúng túng: “Nếu nói tôi thấy Nhẫn thì trước đó đã nói ‘hết thấy chẳng nhẫn’. Nếu nói tôi chẳng thấy Nhẫn thì không thể thắng Phật được”, liền cúi đầu, đảnh Pháp Nhẫn Tịnh. Ngài Xá Lợi Phất ở bên cạnh nghe giảng như vậy, đảnh ngay quả A La Hán.

⁶⁹ Tứ Vi Đà là bốn thánh thư căn bản của Bà La Môn Giáo (tiền thân của đạo Hindu), bao gồm Rigveda (Ly Câu Vệ Đà), Yajurveda (Dạ Nhu Vệ Đà), Samaveda (Sa Ma Vệ Đà), và Atharvaveda (A Thát Bà Vệ Đà).

Xét theo quán tâm, quán tâm tương tự tương ứng với Lý thì gọi là Hoan Hỷ Quán.

* Tôn Đà La [Nan Đà] (Sundarananda)⁷⁰ phương này dịch là Hảo Ái, cũng dịch là Đoan Chánh, [vị này được] gọi tên theo vợ. Nan Đà thì như đã giải thích trong phần trước. Vị này là em ruột của đức Phật⁷¹.

Xét theo giáo, Tục Đế có pháp hỷ, Chân Đế chẳng có hỷ. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng. Tục hỷ chính là Chân hỷ. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ pháp hỷ trong Thông Giáo mà có pháp hỷ trong pháp hỷ của Tục Đế. Đó là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Từ trong sự hoan hỷ chung mà trọn đủ hết thấy các pháp hỷ; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bôn Tích và quán tâm thì giống như đã nói trong [phần luận định về ngài] Nan Đà.

* Phú Lâu Na (Pūrṇa), dịch là Mãn Nguyên. Đó là tên của cha Ngài. Di Đa La Ni (Maitrāyaṇī) dịch nghĩa là Từ Nữ, là tên của mẹ Ngài.

⁷⁰ Theo Pháp Hoa Văn Cú, ngài Nan Đà rất đẹp, dung mạo hiếm có, chỉ thấp hơn Phật bốn ngón tay, có ba mươi tướng đại nhân. Khi Ngài vào trong đại chúng, có người không hiểu rõ, ngỡ Ngài là Phật. Nước Ma Kiệt Đà có ngoại đạo lửa hình cực thông minh, được người trong nước tôn xưng là bậc đại trí, biện luận với ngài Xá Lợi Phất bị thua, sanh thiện tâm, muốn theo Phật xuất gia, bỗng trông thấy ngài Nan Đà, bèn than: “Vị tỳ-kheo thấp bé mà trí huệ còn khó thể nắm bắt được, huống là một vị tướng mạo đường đường như thế này ư?” Ngài Nan Đà liền độ cho người ấy xuất gia. Về nhân duyên xuất gia của Ngài thì khi đức Phật và ngài A Nan khát thực đến nhà Ngài, vợ Ngài đang ăn trên lầu cao. Ngài bèn đứng dậy nghênh tiếp đức Phật. Ngài hỏi: “Dòng dõi Chuyển Luân Vương vì sao tự nhục (đi khát thực)?” Ngài đỡ lấy bát của đức Phật để dâng cơm. Đức Phật liền trở về tinh xá, bảo A Nan: “Bảo Nan Đà dâng thức ăn”. A Nan truyền lại ý Phật, bảo Nan Đà dâng cơm. Đức Phật bảo cho ngài Nan Đà xuống tóc. Hôm sau, đức Phật và năm trăm vị tỳ-kheo thọ thỉnh ứng cúng, Ngài xin ở lại tinh xá, toan bỏ trốn. Đức Phật sai Ngài đóng cửa tinh xá và quét dọn. Ngài đóng cửa này, cửa khác mở ra, dọn chỗ này, chỗ kia bị dơ, lại sợ Phật trở về, bèn bỏ trốn về với vợ. Giữa đường gặp đức Phật, bèn trốn sau thân cây, cây bèn nâng cao lên, Phật trông thấy bèn gọi trở lại, hỏi Ngài vì sao đi? Ngài nói: “Hôm qua từ biệt vợ, vợ đợi em về dùng cơm, nghĩ tới vợ nên trở về”. Đức Phật liền dẫn Ngài lên thiên đường, xuống địa ngục [cho thấy thiên nữ đẹp đẽ và quả báo đọa địa ngục do dâm dục], Ngài giác ngộ quyết chí tu hành.

⁷¹ Ngài Tôn Đà La Nan Đà là con của Tịnh Phạn Vương và di mẫu Kiều Đàm Di (Ma Ha Ba Xà Ba Đề). Ngài Tôn Đà La Nan Đà còn có một người em gái ruột là Sundari Nanda. Bà này còn được gọi là Rupa Nanda (Diệu Sắc Nan Đà) vì rất xinh đẹp. Về sau, bà Sundari cũng xuất gia và chứng quả A La Hán.

Ngài được gọi tên theo cha mẹ. Vì thế, được gọi là Mãn Từ Tử. Ngài là vị thuyết pháp bậc nhất⁷².

Xét theo giáo, thì trân trọng, siêng năng phân tích pháp, việc làm đã xong, tức là đã mãn nguyện trong Tam Tạng. Thấu đạt chính là Không, đã chứng đắc Không, tức là đã mãn nguyện trong Thông Giáo. Pháp nhãn trọn đủ, tức là đã mãn nguyện trong Biệt Giáo. Trụ trong bí mật tạng, tức là đã mãn nguyện trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì đã mãn nguyện từ lâu, nơi Tích thì thuyết pháp bậc nhất, thị hiện làm tri thức của chúng sanh.

Xét theo quán tâm thì như trong Chỉ Quán, quán nhân, hạnh, lý v.v... các thiện tri thức (“Nhân” là Phật, Bồ Tát, La Hán. “Hạnh” là Lục Độ đạo phẩm. “Lý” là pháp tánh Thật Tế).

* Tu Bồ Đề (Subhūti), phương này dịch là Không Sanh, cũng dịch là Thiện Cát, Thiện Nghiệp, hoặc Thiện Hiện, là vị Giải Không (thấu hiểu Không) bậc nhất.

Xét theo giáo, diệt Sắc, Không Trí sanh. Đó là ý nghĩa trong Tạng Giáo. Thấu hiểu Sắc, Không Trí nầy sanh. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ Hữu Trí sanh ra Không Trí, từ Không Trí sanh ra Tục Trí, từ Tục Trí sanh ra Trung Trí. Đó là ý nghĩa của Biệt Giáo. Không sanh tức là Hữu Trí, cũng tức là trí trong Tục Trí. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn là trụ Thật Tướng Pháp Thân, nơi Tích thì thị hiện thấy Không mà sanh.

Xét theo quán tâm, chẳng ở trong, ngoài, chẳng giữa, chẳng phải là tự có. Đó là quán tâm Pháp Thân.

* A Nan (Ānanda), phương này dịch là Hoan Hỷ, hoặc dịch là Vô Nhiễm⁷³, là em họ của đức Phật⁷⁴, đa văn bậc nhất.

⁷² Sách Pháp Hoa Văn Cú dẫn kinh Tăng Nhất A Hàm, cho biết ngài Phú Lô Na thuyết pháp bậc nhất, vì toàn thuyết pháp mãn tự. Ngài muốn trở về nước mình để lợi ích chúng sanh, đức Phật nói cõi ấy tệ ác, ông làm như thế nào? Ngài đáp: “Con sẽ tu nhẫn nhục. Nếu ai hỷ nhục con, con sẽ mừng vì họ chẳng đả con. Nếu bị đả đả, sẽ mừng là họ không dùng gậy gộc. Nếu bị đánh bằng gậy gộc, sẽ mừng vì họ chẳng dùng gươm giáo. Nếu họ dùng gươm giáo thì con mừng vì lìa khỏi đồ chứa Ngũ Độc này”. Do hạnh và nhẫn đều viên mãn, cho nên gọi là Mãn.

⁷³ Sách Pháp Hoa Văn Cú nói ngài A Nan được gọi là Vô Nhiễm vì Ngài theo đức Phật vào cung rồng, lên thiên cung, thấy các cảnh đẹp và sắc đẹp, tâm chưa hề dao động, đả nhiễm. Ngài được hết thủy trời, rồng, nhân loại, quỷ thần tôn kính, mến mộ. Khi nhập Niết Bàn, Ngài sợ đại chúng tranh giành, bèn ở giữa sông Hằng, nhập Phong Phấn Tấn tam-muội, chia xá-lợi nơi thân thành bốn phần cho trời, rồng, vua A Xà Thế và thành Tỳ Xá Ly.

Xét theo giáo, Hoan Hỷ A Nan thuộc về Tam Tạng. Hiền A Nan là Thông Giáo. Diễm Tạng A Nan là Biệt Giáo. Hải A Nan là Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong chẳng hoan hỷ, chẳng không hoan hỷ. Pháp Thân như hư không, trí huệ như mây mưa, có thể trì, có thể thọ. Nơi Tích thì là hoan hỷ.

Xét theo quán tâm, do tương ứng với Không, Giả, Trung, cho nên hoan hỷ, từ danh tự cho đến chân quán tương ứng.

* La Hầu La (Rāhula), phương này dịch là Phú Chướng (覆障, ngăn trở), là con của đức Phật. Nhân duyên như đã nói trong sách Văn Cú. Ngài mật hạnh bậc nhất.

Xét theo giáo, phân tích pháp Đạo Đế chướng Tứ Trụ. Đó là ý nghĩa theo Tam Tạng. Thấu hiểu pháp Đạo Đế chướng Tứ Trụ; đó chính là ý nghĩa trong Thông Giáo. Tam trí theo thứ tự chướng ngũ trụ; đó chính là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Nhất tâm tam trí chướng ngũ trụ. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì trụ trong Trung Đạo, chướng lập nhị biên. Nơi Tích thì là thị hiện ngăn trở.

Xét theo quán tâm, do Giả mà chướng Niết Bàn. Do Không mà chướng sanh tử. Do Trung mà chướng phi sanh tử, phi Niết Bàn.

Đoạn kinh văn này được kết lại bằng câu “*chúng sở tri thức*” (được mọi người hay biết), có thể giải thích: Tri chỉ là Thức. Hoặc nói: Nghe tên là Tri, thấy hình dáng là Thức. Hoặc: Thấy hình dáng là Tri, thấy tâm là Thức.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì làm bậc tri thức mãn tự của chúng sanh, nơi Tích thì là bậc tri thức bán tự.

Xét theo quán tâm thì như sách [Ma Ha] Chỉ Quán đã nói.

Trên đây, phần giải thích về các vị Thanh Văn được nhiều người hay biết đã xong.

1.1.2.1.1.2. Các vị Thanh Văn ít được hay biết

⁷⁴ Ngài A Nan sanh đúng vào ngày đức Phật thành đạo, cho nên Tịnh Phạn Vương đặt tên Ngài là A Nan Đà (Khánh Hỷ, Hoan Hỷ). Ngài là con của Bạch Phạn Vương (em trai Tịnh Phạn Vương) và là em của Đề Bà Đạt Đa. Ngài nghị dung đẹp đẽ, không ai trông thấy mà chẳng sanh tâm hoan hỷ. Khi Ngài cất tiếng nói, không ai chẳng đại hoan hỷ, chăm chú lắng nghe. Kinh Trung A Hàm quyển bảy chép: “A Nan hầu Phật hai mươi lăm năm, nghe tám mươi ngàn Kiên Độ, đều có thể trùng tụng chẳng sót một chữ”.

(Kinh) Phục hữu học vô học nhị thiên nhân.

(經)復有學無學二千人。

(Kinh: Lại có các vị Hữu Học, Vô Học hai ngàn người).

Kể đó, nêu ra các vị ít được hay biết, chỉ nêu số lượng và địa vị, chẳng tán thán phẩm đức, gọi những vị này là “các vị ít được hay biết”. Phàm chẳng thể suy lường thánh, chẳng thể dùng chuyện “được biết đến” nhiều hay ít để phân định bậc thánh hơn kém. Chỉ là đối với kẻ mong cao, ham mộ xa, bèn dùng các vị được nhiều người hay biết để dẫn khởi; còn đối với người giấu tên ẩn đức, nhún nhường thì dùng các vị ít người hay biết để dẫn khởi. Do tùy thuận chúng sanh, cho nên có chừng đó vị. Chớ nên vì nhiều hay ít nơi Tích mà đánh mất Bản.

Xét theo giáo, Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả trong Tạng Giáo là bậc Hữu Học, Tứ Quả là bậc Vô Học. Trong Thông Giáo, trước khi đạt đến địa vị Ly Dục thì gọi là Hữu Học. Đã đạt đến địa vị ấy thì gọi là Vô Học. Lại nữa, Cửu Địa đều gọi là Hữu Học. Địa vị thứ mười là Phật Địa thì gọi là Vô Học. Trong Biệt Giáo và Viên Giáo, hoặc là dùng công dụng và vô công dụng để biện định Hữu Học và Vô Học, hoặc dùng trọn đủ và chẳng trọn đủ để biện định Hữu Học và Vô Học. Lại nữa, trong kinh A Hàm, ngoại đạo hỏi đức Phật: “*La Hán có còn học hay không?*” Đức Phật đáp: “*La Hán chẳng làm ác pháp, trụ trong thiện pháp, học sự vô học ấy thì gọi là Học*”. Nếu như thế, bậc Hữu Học cũng được gọi là Vô Học. Vì lẽ nào? Đã đoạn giống như nhau, chẳng còn đoạn nữa, tức là Vô Học! Đó là bốn câu (Học, Vô Học, “Học chính là Vô Học”, “chẳng phải Học và chẳng phải Vô Học”). Xét theo ngũ phương tiện⁷⁵, sẽ cộng thành năm câu. Xét theo tứ giáo thì cũng phỏng theo lệ đó, [bốn lần năm] bèn thành hai mươi câu.

Xét theo Bốn Tích, nơi Bốn thì là Pháp Thân đại sĩ, thuộc vào địa vị Học và Vô Học mãn tự. [Nơi Tích] thì chúng sanh đáng nên dùng bậc Hữu Học và Vô Học bán tự để trang nghiêm song thụ⁷⁶, tiếp nối lưu truyền.

⁷⁵ Theo tông Thiên Thai, ngũ phương tiện tức là quán pháp trong bốn giáo cộng với tiền phương tiện tức gia hạnh, thành ra năm câu.

⁷⁶ Song Thụ tức là nói đến Sa La Song Thụ Lâm tại thành Câu Thi Na (Kusinagara) nơi đức Phật nhập diệt. Nơi ấy, bốn phương mỗi phương có một cặp cây Sa La. Trong mỗi cặp, có một cây khô héo và một cây tươi tốt. Các nhà chú giải cho rằng đức Phật chọn nơi này để nhập diệt với hàm ý: Phàm phu Nhị Thừa có tám món điên

Xét theo quán tâm, chánh quán Trung Đạo, chẳng duyên theo nhị biên. Ở chặng giữa thì chính là Vô Học. Có thể quán như thế thì gọi là Học. Lại chẳng duyên mà duyên thì gọi là Vô Học Học. Thường quán như thế gọi là Học Vô Học. Đối với kẻ chưa tu, sẽ trở thành câu thứ năm. Cũng có thể coi Lý là câu thứ năm. Cũng có thể đối với Tam Quán (Không, Giả, Trung), mỗi phép Quán đều có năm câu. Nếu xét theo quán môn để nói về số lượng thì sắc tâm trọn đủ Thập Giới, Thập Như. Giới và Như luận định lẫn nhau, tức là hai ngàn⁷⁷.

Phản nói về các vị tỳ-kheo đã xong.

1.1.2.1.1.2. Chúng tỳ-kheo-ni

(Kinh) Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, dữ quyền thuộc lục thiên nhân câu. La Hầu La mẫu Da Thâu Đà La tỳ-kheo-ni diệc dữ quyền thuộc câu.

(經)摩訶波闍波提比丘尼，與眷屬六千人俱。羅睺羅母耶輸陀羅比丘尼亦與眷屬俱。

(Kinh: Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và quyền thuộc sáu ngàn người nhóm họp. Mẹ của La Hầu La là tỳ-kheo-ni Da Thâu Đà La cũng cùng với quyền thuộc nhóm họp).

Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpati), phương này dịch là Đại Ái Đạo, là dì của đức Phật. Nơi Bồn, Ngài trụ trong pháp môn Trí Độ, còn Tích là mẹ của ngàn đức Phật, sanh thành, dưỡng dục bậc đạo sư. Giải thích theo quán tâm thì Trung Quán rộng lớn là Đại, lòng Từ vô duyên là Ái. Lý Trung Đạo rỗng rang, thông suốt là Đạo. Đại tức là tự hành, Ái chính là hóa độ người khác. Nếu do lòng yêu thương mà thọ sanh, do

đạo (đối với vô thường mà tưởng là thường, đối với thường mà coi là vô thường v.v...), đồng thời biểu thị bát chánh đạo của Đại Thừa Bồ Tát. Đồng thời, hàng Nhị Thừa phá bốn pháp điên đảo của thế gian, ví như bốn cây khô trong bốn cặp cây ấy, Đại Thừa Bồ Tát dùng thường, lạc, ngã tịnh để tu tập, ví như bốn cây tươi tốt. Ở đây, dùng từ ngữ Song Thụ với ý nghĩa cùng tu tập các pháp Nhị Thừa và Bồ Tát.

⁷⁷ Thập Giới là mười pháp giới (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tu La, người, chư thiên v.v...), trong mỗi pháp giới có đủ mười pháp giới (tức chín pháp giới kia và chính pháp giới ấy) nên $10 \times 10 = 100$ (thường gọi là Bách Giới). Trong mỗi pháp giới lại có đủ Thập Như Thị (thường gọi tắt là Thập Như) nên $100 \times 10 = 1.000$ (thường gọi là Thiên Như). Thiên Như phối hợp với sắc và tâm, thành hai ngàn món.

lòng Từ mà dính dáng đến Hữu, Đạo liền dung thông tự hành và hóa độ người khác.

“*Sáu ngàn người*” là số lượng. Xét theo quán tâm, quán lục căn thanh tịnh, [mỗi căn] trọn đủ một ngàn công đức [như đã nói trong phẩm Tùy Hỷ Công Đức, nên thành ra sáu ngàn].

Da Thân Đà La (Yasodharā), phương này dịch là Hoa Sắc, cũng dịch là Danh Văn. Lúc tại gia, đức Phật có ba vị phu nhân: Một là Cù Di (Gopikā). Hai là Da Thân. Ba là Lộc Dã (Mrigadāva).

Xét theo Bốn Tích, Thê (妻, vợ) có nghĩa là Tề (齊, đều bằng), [vậy thì vợ của Bồ Tát] há có phải là [phàm phu] lẽ tề sát đất ư? [Da Thân Đà La] là vợ của Bồ Tát, cho nên biết nơi Bốn thì trụ trong pháp hỷ tịch định vi diệu, nơi Tích thì là vợ của Thái Tử.

Xét theo quán tâm, quán Không vô lậu pháp hỷ, bèn dùng Lộc Dã để biểu thị cho vợ (do bà này chẳng sanh con). Quán Giả đạo chủng trí pháp hỷ, bèn dùng Da Thân để biểu thị cho vợ (do sanh La Hầu La). Quán Trung pháp hỷ, bèn dùng Cù Di để làm vợ hòng biểu thị (do là vợ cả).

Trên đây đều là chia theo từng vị [Thanh Văn] để nói về Bốn Tích và quán tâm, nay bèn tổng luận, hòng hiển thị sự quyền biến khéo léo để nêu bày quán hạnh tinh vi. Nói chung về Bốn Tích thì Thủ Lăng Nghiêm Định thị hiện các thứ, xứng hợp khéo léo căn tánh, không gì chẳng thực hiện! Nay luận định theo chuyện gần đây thì đức Thích Ca thị hiện thác sanh trong cung vua. Sau khi Ngài giáng thần vào thai của thánh hậu (Ma Da phu nhân), hàng Pháp Thân đại sĩ đều phù tá đức Phật thực hiện sự giáo hóa, giáng sanh trong các gia tộc khác. Như đức Phật dùng kim thân ba mươi hai tướng tốt lành để ứng hiện đản sanh, các vị Đại Sĩ cũng giáng sanh khắp chốn. Hoặc là [khi giáng sanh] thị hiện nhà cửa trống rỗng (ngài Tu Bồ Đề), hoặc chất báu tuôn xuống (ngài Mãn Từ Tử), hoặc mẹ mang thai bèn biện tài nổi trội, hiểu rõ các giấc mộng (ngài Xá Lợi Phất). Như khi hoàng thái tử (Thái Tử Tất Đạt Đa) lìa nước, bỏ ngôi vua, vượt thành học đạo, các vị Đại Sĩ đều theo thầy thọ học, tài nghệ đều thông, trở thành bậc thầy của kẻ khác. Như khi Như Lai chuyển pháp luân lần đầu tiên, mở cửa cam lộ, các vị Đại Sĩ biết duyên giáo hóa chưa chín muồi, thị hiện cùng nhau chẳng tiếp nhận, phân chia môn đình, chống đối, đề cao đạo của chính mình mới là chân thật. Người giáo hóa và kẻ được giáo hóa đều hoàn toàn sanh khởi như sữa. Nếu duyên giáo hóa đã chín muồi, thì tơ trắng dễ nhuộm màu, hoa sen trong ao nở

sớm, đổi phàm thành thánh, chuyển sữa thành lạc, bậc thầy của đồ chúng trở thành đệ tử thượng thủ của đức Phật. Hoặc là trí huệ, thần thông, biện tài, tam-muội, ai nấy đều là bậc nhất, cùng phù tá đáng pháp vương. Độ kẻ chưa được độ, kẻ đã chín muồi càng thêm chín muồi. Trong hội Phương Đẳng, nghe công đức chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, ắt thẹn Tiểu, hâm mộ Đại, như chuyển lạc thành sanh tô. Kế đó, nghe môn Bát Nhã Ma Ha Diễn (Bát Nhã Đại Thừa), thoát đầu là giải ngộ sắc, tâm, rốt cuộc đắc [Nhất Thiết] Chứng Trí. Vẫn ôm lòng hẹp hòi, [phân biệt] Tiểu, Đại, ra, vào, trao, nhận, hoặc chung, hoặc riêng, hoặc Thiên, hoặc Viên, vâng mạng nhận biết, tâm dần thông thái⁷⁸, như chuyển sanh tô thành thực tô. Kế đó, nghe Pháp Hoa, lãnh hội tánh vốn sẵn có, biết chắc là cha con, được thọ ký, được giao phó Đại Thừa, bỏ ba thừa, quy về một thừa, như bốn vị kia (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) đều thành cùng một vị đề hồ, chẳng để riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai khiến cho [mọi người cùng] được diệt độ.

Pháp thân (法臣, bày tôi trong Phật pháp) của đáng pháp vương, do đại sự mà xuất thế, khéo dùng phương tiện. Thoạt đầu dùng bán tự pháp, phá hai mươi lăm Hữu rồi ren, thành tựu bốn cây khô (phá trừ bốn đảo kiến về thường, lạc, ngã, tịnh) nơi Song Thụ, lợi ích chúng sanh. Kế đó, dùng bán pháp và mãn pháp, phá sự độc thiện⁷⁹ của hàng Nhị Thừa, thành tựu sự rộng lớn của Bồ Tát, lợi ích thánh nhân, thành tựu bốn cây tươi tốt nơi Song Thụ (chúng nhập thường, lạc, ngã, tịnh), lợi ích thánh nhân. Sau đó, dùng thường trụ mãn tự, phá nhị biên trước sau, thành tạng bí mật “chẳng khô héo, chẳng tươi tốt” của Phật, đạt lợi ích rốt ráo. Chủ tướng công lao hoàn tất, đại thế nguyện viên mãn. Vì thế, trong hội Pháp Hoa, Thân Tử (Xá Lợi Phất) và Mục Liên dứt bật sự giáo hóa, thánh chúa đã trọn hết phận sự, cũng chẳng còn trụ thế bao lâu nữa! Kinh văn nói: *“Như ngã bốn thế nguyện, kim giả dĩ mãn túc, Như Lai bất cử, đương nhập Niết Bàn”* (Như bốn thế nguyện của ta nay đã được trọn đủ, chẳng bao lâu nữa, Như Lai sẽ nhập Niết Bàn). Lời tuyên bố diệt độ đã bắt đầu từ lúc đó. Hai vạn vị Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật, Ca Diếp Phật v.v... đều rốt ráo trong thời Pháp Hoa. Nay thầy trò của Phật đều

⁷⁸ Đây là dựa theo thí dụ đứa con bỏ cha trốn đi trong phẩm Thí Dụ để nói. Dẫu được cha giao cho trông coi xuất nhập tài sản, vẫn tự coi mình là khách, tuy trí huệ dần dần mở mang, vẫn chẳng biết đó là gia nghiệp của chính mình.

⁷⁹ Ý nói hàng Nhị Thừa chỉ chú trọng giải thoát cho riêng mình, không chú trọng độ chúng sanh.

nêu bày rõ Tích Môn trong kinh này: “*Trong thì ngẫm hành Bồ Tát hạnh, ngoài hiện tướng Thanh Văn*”. [Trong phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật tuyên bố] “*kể từ khi ta thật sự thành Phật tới nay, đã là vô lượng ức kiếp*”. Từ đó mà suy, các vị đại La Hán từ địa vị Pháp Thân, rửa lòng soi bóng tùy duyên, in dấu trong muôn dòng nước, hiện Hữu Học, Vô Học, làm người nam, kẻ nữ, làm tăng, làm tục, nhờ sức Thủ Lăng Nghiêm, không gì chẳng thực hiện! Phương tiện quyền biến khéo léo được thực hiện như thế đó. Giải thích hai tầng Bốn Tích tổng và biệt như thế đó, vẫn sợ đánh mất ý chỉ, nếu cứ thẳng thừng đối với mỗi câu đều phiên dịch danh tự [của các vị Thanh Văn có nghĩa là gì] thì chúng Thanh Văn há có khác biệt với các giáo khác ư?

Nói chung về quán tâm, trên đây, thầy trò ban bố sự giáo hóa là do Pháp Thân thực hiện. Nếu chẳng tạo phương tiện để quán, sẽ vô ích cho hành nhân. Như kẻ nghèo đếm cửa báu, giống như kẻ mù cầm đuốc. Nhưng tâm số (tâm sở) rất nhiều, hãy nói theo thiện số (các thiện tâm sở), giống như các đệ tử tuy đông đảo, chỉ nêu ra mười vị. Mười thiện số (mười thiện tâm sở) phù tá tâm vương, có thể đổi ác hướng lành, đổi phàm thành thánh, hoàn tất hết thảy các pháp môn, chỉ lấy mười tâm số làm gốc. Như mười vị đệ tử phù tá đức Phật giáo hóa, cùng thuận thực chúng sanh vững vàng nơi Phật pháp. Mười vị, mỗi vị đều trọn đủ các đức, nhưng chỉ nói đến sở trường để tuyên dạy Phật đạo, hòng thuận theo lòng mong muốn của chúng sanh. Kẻ cầu trí huệ tôn ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) làm thầy, cho đến kẻ mong đa văn theo học với ngài A Nan. Do cùng phù tá đáng pháp vương mà mỗi vị chấp chương một chức trách. Nay quán tâm cũng giống như thế, mỗi mỗi đều thuộc trong tâm, đều trọn đủ tâm vương và tâm số để thành tựu phép Quán. Do tâm vương và tâm số giúp đỡ lẫn nhau mà được khai ngộ, hoặc do tướng tâm sở mà nhập đạo, hoặc do dục tâm sở mà nhập đạo. Tùy theo lẽ đáng nên mà tâm vương và tâm số cùng công kích để biến đổi các tâm trần lao hòng làm Phật sự. Tu phép Quán này mà chưa ngộ thì quán hạnh như sữa. Nếu phát khởi vô lậu thì quán hạnh như lạc. Nếu phá Trần Sa, sẽ như sanh tô và thực tô. Nếu phá vô minh, quán sẽ như đề hồ. Nếu chẳng hết sạch tâm số trần lao, quán sẽ chẳng hoàn tất. Vì thế, kinh dạy: “*Chúng sanh bất độ tận, ngã bất thành Chánh Giác*” (Chẳng độ hết chúng sanh, ta chẳng thành Chánh Giác) chính là ý này. Trí Húc cho rằng: Đối với hai mươi một vị đại La Hán, hãy nên chuẩn theo Duy Thức, [hai mươi một vị ấy] biểu thị chung cho hai mươi một pháp thiện tâm sở, tức là Xúc, Tác Ý, Thọ, Tưởng, Tư, Dục, Giải, Niệm, Định, Huệ,

Tín, Tàm, Quý, Tinh Tấn, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại. Mỗi mỗi đều tương ứng, mỗi mỗi đều trọn đủ các đức, cùng phù tá tâm vương, tự lợi, lợi lạc người khác đến tột cùng đời vị lai, chẳng hề đoạn tuyệt, nhưng chẳng phiền mỗi tâm số phải phối ứng với một vị La Hán, cốt sao hiểu ý mà thôi!

Phần đầu tiên, nói về chúng Thanh Văn đã xong.

1.1.2.1.2. Chúng Bồ Tát

Thích Luận nói: “*Bồ Tát bao gồm bốn chúng tại gia và xuất gia*”. Vì sao lại kể riêng biệt? Đáp: Có Bồ Tát thuộc vào bốn chúng, nhưng trong tứ chúng có các vị chẳng phải là Bồ Tát; vì những người ấy chẳng phát tâm làm Phật. Nay nêu riêng những vị cùng phát tâm cầu làm Phật, gọi là “*Bồ Tát chúng*”. Kinh văn chia làm ba phần: Một là nêu căn khí. Hai là tán thán phẩm đức. Ba là nêu tên và tổng kết.

1.1.2.1.2.1. Nêu bày căn khí

(Kinh) Bồ Tát Ma Ha Tát bát vạn nhân.

(經)菩薩摩訶薩八萬人。

(Kinh: Bồ Tát Ma Ha Tát tám vạn người).

Nói đầy đủ thì phải là Bồ Đề Tát Đỏa Ma Ha Tát Đỏa (Bodhisattva Mahasattva), ngài La Thập nói giản lược [là Bồ Tát]. Bồ Đề (Bodhi) dịch là Đạo, Tát Đỏa (Sattva) dịch là Hữu Tình. Ma Ha dịch là Đại. [Bồ Tát] tức là Đại Đạo Tâm Hữu Tình. Đó chính là [biện định rõ] căn khí, chủng loại. Bồ Tát có nhiều loại, tức Thiên, Thông, Biệt, Viên. Như Thích Luận viện dẫn Ca Chiên Diên Tử (Kātyāyani-putra) nhằm nói về người hành viên mãn Lục Độ, muốn điều phục chúng sanh căn cơ còn đang là máu trở thành sữa. Hoặc như Đại Phẩm Bát Nhã nói có Bồ Tát phát tâm tương ứng với Tát Bà Nhã (Sarvajña, Nhất Thiết Trí), hòng điều phục sữa thành lạc. Hoặc như Đại Phẩm nói có Bồ Tát phát tâm du hý thần thông, tịnh hóa cõi Phật, hòng muốn đào luyện lạc trở thành sanh tô và thực tô. Hoặc như Đại Phẩm nói có Bồ Tát phát tâm liền ngồi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác, chuyển pháp luân, độ chúng sanh, tức là điều chế tô thành đề hồ. Vì thế, trong phần sau, kinh có nói: “*Bồ Tát văn thị pháp, nghi vông giai dĩ trừ*” (Bồ Tát nghe pháp này,

lười nghi đều đã trừ). Lại nói: “*Nhược Bồ Tát bất văn Pháp Hoa, phi thiện hành Bồ Tát đạo. Nhược văn thử kinh, tức thiện hành Bồ Tát đạo*” (Nếu Bồ Tát chẳng nghe kinh Pháp Hoa, thì chẳng phải là khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu nghe kinh này, tức là khéo hành Bồ Tát đạo). Vì thế, nói đại lược bèn có bốn loại [Bồ Tát].

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa khó lường, hoặc thuộc địa vị Đẳng Giác, hoặc bằng với đẳng pháp vương. Như Văn Thù vốn là Long Chung Thượng Tôn Vương Phật, nhưng thị hiện làm Bồ Tát phù tá Phật Thích Ca, hòng dẫn dắt các chúng sanh thuộc bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô) cùng về đề hồ. Nhưng xét theo sự thành tựu rốt ráo của Ngài nơi Bốn địa, há có phải là ngày nay Ngài mới nhập Đại Thừa, cũng chẳng phải là nơi Tịch Diệt đạo tràng [mặt trời mới mọc] chiếu núi cao trước! Dù Đốn hay Tiệm, đều là những chuyện được thực hiện thuộc về Tích.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán, cùng chiếu cả hai đế (Tục Đế và Chân Đế) thì gọi là Đại. Thông thấu cực quả (quả vị tốt cùng, tức Phật quả) thì gọi là Đạo. Phá ngũ trụ trần lao thì gọi là Thành Chúng Sanh (thành tựu chúng sanh).

“*Tám vạn người*” là số lượng. Trong các kinh khác, đại chúng nhóm họp rất đông, có sao kinh này lại ít? [Nguyên nhân là do] hoặc nói đến một con số đại lược, hoặc ví như vua bàn chuyện cơ mật, mọi người trong cả nước làm sao cùng tham gia bàn luận cho được? Nay mở tạng bí mật, chẳng dính líu đến quyền biến hay hạ căn, những người chúng tín đều chẳng phải hạng lơ mơ, ắt phải đều là người căn tánh viên đốn và có cội nguồn sâu xa nơi Bốn.

Xét theo quán tâm, quán một thiện tâm trọn đủ bách giới thiên như. Thập Thiện chính là vạn pháp. Xét theo Bát Chánh Đạo thì chính là tám vạn pháp môn (Thập Thiện là đối tượng để quán, Bát Chánh Đạo là chủ thể để quán).

1.1.2.1.2.2. Tán thán phẩm đức

(Kinh) Giai u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề bất thoái chuyển, giai đắc Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển bất thoái chuyển pháp luân, cúng dường vô lượng bách thiên chư Phật. Ư chư Phật sở, thực chứng đức bốn, thường vị chư Phật chỉ sở xưng tán. Dĩ Tì tu thân, thiện nhập Phật huệ, thông đạt đại trí, đáo u bỉ ngạn. Danh xưng phổ văn vô lượng thế giới, năng độ vô số bách thiên chúng sanh.

(經)皆於阿耨多羅三藐三菩提不退轉，皆得陀羅尼，樂說辯才，轉不退轉法輪，供養無量百千諸佛。於諸佛所，植眾德本，常為諸佛之所稱歎。以慈修身，善入佛慧，通達大智，到於彼岸。名稱普聞無量世界，能度無數百千眾生。

(Kinh: Điều chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều đắc Đà La Ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển pháp luân chẳng thoái chuyển, cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật. Gieo các cội đức nơi chư Phật, thường được chư Phật khen ngợi. Dùng lòng Từ để tu thân, khéo nhập trí huệ của Phật, thông đạt đại trí, đến bờ bên kia. Tiếng tăm vang rền vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh).

Câu đầu tiên vừa nói rõ địa vị, vừa tán thán phẩm đức. Mười hai câu kế đó chỉ tán thán phẩm đức. Gộp chung mười ba câu là tán thán phẩm đức theo chiều dọc (thời gian) lẫn chiều ngang (không gian). A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttara Samyak Sambodhi) được phương này dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có ý nghĩa thông khắp bốn giáo.

“Bất thoái chuyển” xét theo Vị (địa vị), Hạnh, và Niệm để luận định Bất Thoái, và cũng có bốn thứ riêng biệt:

- Nếu nói “chẳng sanh trong ba ác đạo” thì gọi là Vị Bất Thoái. Chẳng sanh nơi biên địa, các căn tròn vẹn, chẳng thọ thân nữ, thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Thường biết túc mạng thì gọi là Niệm Bất Thoái. Trọn đủ hết các điều ấy thì gọi là A Bệ Bạt Trí. Đó là ý nghĩa trong Tam Tạng.

- Nếu [thuộc các địa vị] từ Sơ Địa cho tới Lục Địa, chẳng lui sụt xuống phàm phu, thì gọi là Vị Bất Thoái. Tuy chánh sử⁸⁰ đã tận, nhưng chưa thể tu trọn khắp vạn hạnh, hạnh vẫn còn lui sụt. Đạt tới Thất Địa thì gọi là Hạnh Bất Thoái, nhưng vẫn dấy lên ý niệm Nhị Thừa. Vì thế, niệm có lui sụt. Đạt tới Bát Địa, đạo và quán cùng lưu xuất, hòa nhập

⁸⁰ Chánh thể của phiền não đang dấy lên hiện hành thì gọi là Chánh Sử. “Sử” có nghĩa là phiền não có thể khiến cho chúng sanh lưu chuyển luân hồi trong tam giới, chẳng thể giải thoát.

vào nước của dòng pháp thì gọi là Niệm Bất Thoái, gọi là địa vị A Bê Bạt Trí. Đây chính là ý nghĩa tam thừa cùng lên Thập Địa trong Thông Giáo.

- Các vị trong Địa Luận Tông⁸¹ nói: “Thập Trụ là Chứng Bất Thoái. Thập Hạnh là Vị Bất Thoái. Thập Hồi Hướng là Hạnh Bất Thoái. Thập Địa là Niệm Bất Thoái”. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Kinh Anh Lạc nói: “Sơ Địa tam quán hiện tiền, tâm nào cũng đều tịch diệt, tự nhiên lưu nhập”; đó cũng là ý nghĩa trong Biệt Giáo.

- Như kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Trụ đạt được “một thân là vô lượng thân của Như Lai”, trọn đủ ba món Bất Thoái; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo. Đó là chuyện thuộc về Nhất Thật, nay dùng cách phân giáo này để phân định địa vị màu nhiệm vậy.

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa tịch diệt, còn chẳng phải là Thập Địa, huông hồ Sơ Trụ! Còn chẳng phải là Sơ Trụ trong Viên Giáo, huông hồ Biệt Giáo và Thông Giáo ư? Các địa vị thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo có thể dùng để giải thích các loại đại chúng được liệt kê [trong phần Chứng Tín] của các kinh khác, chứ [hàng Bồ Tát trong] kinh này chỉ thuộc địa vị trong Viên Giáo. Đã chẳng biết Tích, làm sao có thể biết Bốn cho được?

Xét theo quán tâm, Tam Quán chính là tam bất thoái. Lại nữa, Nhất Tâm Tam Quán chính là nhất tâm tam bất thoái, cần phải dựa theo Lục Tức [để biện định]. Câu này theo chiều dọc, tán thán Sơ Hoan Hỷ Địa, chẳng thoái đọa vào nhị biên, nhập Trung Đạo. Theo chiều ngang là tán thán Sơ Phát Tâm Trụ, vượt ra ngoài nhị biên, trừ phàm siêu thánh.

“Giai đắc Đà La Ni” (Đề đắc Đà La Ni): Đà La Ni được phương này dịch là Giá Trì (遮持), tức “ngăn che điều ác, gìn giữ điều thiện”. Theo chiều dọc, tán thán Ly Cấu Địa (Nhị Địa), Giới Độ (Thị La Ba La Mật) thanh tịnh. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ, ngăn che ba chướng, gìn giữ ba đức.

⁸¹ Địa Luận Tông là một tông phái của Phật giáo Đại Thừa, căn cứ vào Thập Địa Kinh Luận mà đề ra giáo nghĩa Như Lai Tạng duyên khởi. Địa Luận Tông được hình thành sau khi các vị Bồ Đề Lưu Chi, Lạc Na Ma Đề, Phật Đà Phiến Đa... dịch bộ Thập Địa Kinh Luận vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Bắc Ngụy, bộ kinh luận này gây nên hứng thú nghiên cứu rộng rãi trong giới học thuật Trung Hoa, hình thành tông Địa Luận. Thập Địa Kinh Luận chính là chú giải phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm do ngài Thế Thân biên soạn. Về sau, tông này dung nhập vào tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm Tông).

Câu “*nhạo thuyết biện tài*” theo chiều dọc, tán thán Phát Quang Địa (Tam Địa), đặc đại văn trì, trọn đủ tứ vô ngại biện⁸². Theo chiều ngang, tán thán công đức nghiêm mật nơi khẩu của bậc Sơ Trụ.

Câu “*chuyển bất thoái chuyển pháp luân*” theo chiều dọc, tán thán Diễm Huệ Địa (Tứ Địa) tự phá Hoặc của chính mình, và phá mê ám cho người khác. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ ngay trong thân hiện tại có thể làm Phật, thuyết pháp độ sanh.

Câu “*cúng dường vô lượng bách thiên chư Phật*” (cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật), theo chiều dọc, tán thán Nan Thắng Địa (Ngũ Địa), dùng sức Thiền Định thần thông hòng đẩy khởi cúng dường trọn khắp. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ có thể thừa sự trọn khắp mười phương chư Phật.

Câu “*ư chư Phật sở, thực chứng đức bốn*” (nơi chỗ chư Phật, gieo các cội đức), theo chiều dọc, tán thán Hiện Tiền Địa (Lục Địa), Bát Nhã hiện tiền. Trí là gốc của đức, giống như gieo trồng nơi đất. Theo chiều ngang thì là tán thán Sơ Trụ đạt được cội gốc Thật Tướng, có thể gieo trồng các đức.

Câu “*thường vị chư Phật chi sở xưng tán*” (thường được chư Phật khen ngợi), theo chiều dọc, tán thán Viên Hành Địa (Thất Địa), nhị trí phương tiện đã vượt khỏi hết thấy, rộng tu lợi ích, tương xứng, thấu hiểu Phật tâm. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ khai tri kiến của Phật, giống như chư Phật. Vì thế, được Phật xưng dương, khen ngợi.

Câu “*dĩ Từ tu thân*” (dùng lòng Từ để tu thân), theo chiều dọc, tán thán Bất Động Địa (Bát Địa): Lòng Từ huân tập tam nghiệp, huân tập cái thân vào trong năm đường, huân tập miệng vì đại chúng thuyết pháp, huân tập cái tâm vì họ lập bày phương tiện. Theo chiều ngang, tán thán bậc Sơ Trụ do sức của lòng Từ vô duyên, có thể hiện trọn khắp các sắc thân, ứng trọn khắp pháp giới.

⁸² Tứ vô ngại biện:

- Pháp vô ngại biện (còn gọi là pháp vô ngại trí, hoặc pháp vô ngại giải), có trí giải tự tại vô ngại đối với hết thấy các pháp tướng, cho nên có thể khéo biện luận, diễn nói.
- Nghĩa vô ngại biện: Có trí giải vô ngại đối với nghĩa lý của hết thấy pháp tướng, danh tự, cho nên khéo có thể biện luận, diễn nói.
- Từ vô ngại biện: Có trí giải thông đạt hết thấy các ngôn ngữ địa phương để biện luận, diễn nói vô ngại.
- Biện vô ngại biện (còn gọi là Nhạo Thuyết Vô Ngại), tùy thuận chúng sanh mà diễn nói hay khéo khiến cho họ được hóa độ.

Câu “*thiện nhập Phật huệ*” (khéo nhập trí huệ của Phật), theo chiều dọc, tán thán Thiện Huệ Địa (Cửu Địa), thâm nhập Thật Tế, khéo thấu triệt cội nguồn. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ nhập bí mật tạng.

Câu “*thông đạt đại trí*”, theo chiều dọc, tán thán Pháp Vân Địa (Thập Địa), Trí Ba La Mật tăng thượng nhất. Theo chiều ngang, tán thán nhất tâm tam trí của Sơ Trụ không thể chướng ngại.

Câu “*đáo ư bỉ ngạn*” (tới bờ bên kia) theo chiều dọc, tán thán nội đức của Đăng Giác đạt tới bờ kia Tam Đế. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ hiểu thấu rốt ráo Sự Lý.

Câu “*danh xưng phổ văn vô lượng thế giới*” (tiếng tăm rền vang vô lượng thế giới) theo chiều dọc, tán thán ngoại đức của bậc Đăng Giác, quán đánh thọ chức, pháp giới đều cùng nghe tiếng. Theo chiều ngang, tán thán đức trọn vẹn chân thật của Sơ Trụ tương xứng cùng với danh tướng.

Câu “*năng độ vô số bách thiên chúng sanh*” (có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh) theo chiều dọc, tán thán ân đức giáo hóa người khác của Đăng Giác. So với các địa vị thấp hơn, ân đức ấy thù thắng nhất, rộng nhất. Theo chiều ngang, tán thán Sơ Trụ có thể làm chỗ y chỉ cho mười pháp giới.

Các địa vị đều có đủ các đức, nhưng nay dựa theo chiều dọc để giải thích sự sai khác là vì tánh tình con người chuộng lạ. Lại dựa theo danh xưng của Thập Địa [để giải thích] là vì thuận tiện. Hơn nữa, giải nghĩa theo chiều dọc sẽ dễ hiểu, nên tuân theo cách ấy để giải thích kinh văn. Sơ Trụ đã có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng mười ba câu kinh ấy chỉ là nói đại lược đó thôi! Sơ Trụ mà còn như thế, từ Nhị Trụ cho đến Đăng Giác [cứ phỏng theo đó] mà biết. Vì thế, Đại Phẩm nói: “*Sơ A Tự Môn cụ tứ thập nhất tự công đức, hậu Trà diệt cụ chư tự công đức. Trung gian diệt nhĩ, tự đẳng, ngữ đẳng, công đức diệt đẳng*” (Đầu tiên là môn chữ A có đầy đủ công đức của bốn mươi một chữ kia. Chữ Trà cuối cùng cũng có đủ công đức của các chữ khác. Chẳng giữa (tức các chữ giữa A và Trà) cũng thế. Chữ bình đẳng, lời bình đẳng, công đức cũng bình đẳng).

Xét theo quán tâm thì Không Quán là Toàn Đà La Ni⁸³. Giả Quán là trăm ngàn Toàn Đà La Ni. Trung Quán là Pháp Âm Phương Tiện Đà La Ni. Lại nữa, Không Quán quán tâm chỉ có danh tự, tức là Văn Trì Đà La Ni. Giả Quán quán tâm vô lượng tâm, tâm và tâm số pháp đều là pháp môn, tức Hành Trì Đà La Ni. Trung Quán quán tâm chính là Thật Tướng, tức là Nghĩa Trì Đà La Ni. Giả Quán quán tâm có đủ mười giới pháp, tức Pháp Vô Ngại Biện. Trung Quán quán tâm mười pháp giới đều vào trong Thật Tướng, tức Nghĩa Vô Ngại Biện. Không Quán quán tâm mười pháp giới chỉ có danh tự, ngôn ngữ, tức Từ Vô Ngại Biện. Quán nhất tâm chính là ba tâm, ba tâm chính là nhất tâm, một pháp giới là hết thấy các pháp giới, xoay chuyển vô ngại, tức là Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện. Không Quán là chuyển Vị Bất Thoái pháp luân. Giả Quán là chuyển Hạnh Bất Thoái pháp luân. Trung Quán là chuyển Niệm Bất Thoái pháp luân.

Cúng dường Phật chỉ là tùy thuận lời Phật. Nay thuận theo lời Phật dạy, tu ba quán tâm thì chính là cúng dường Phật. Phá ngũ trụ, đạt được giải thoát, tức là cúng dường Pháp. Hòa hợp lý Tam Đế, tức là cúng dường Tăng.

Lại nữa, các hạnh tâm phụ trợ quán trí tâm, tức là cúng dường Phật. Quán trí tâm khai phát cảnh giới chính là cúng dường Pháp. Cảnh và trí tâm hòa hợp, tức là cúng dường Tăng. Cái tâm Thật Tướng chính là cội gốc của quán trí tâm. Quán trí tâm là cội gốc của các hạnh tâm. Hễ đạt được cái gốc thì gieo trồng thành công. Vì thế nói là “*thực chúng đức bốn*” (gieo trồng các cội đức). Quán trí tâm ngầm hợp cảnh giới, cảnh giới in vào quán trí. Trí chiếu thường hợp với cảnh, chính là “*chư Phật sở thán*” (được chư Phật khen ngợi). Không Quán được Pháp Duyên Từ huân tập. Giả Quán được Chúng Sanh Duyên Từ huân tập. Trung Quán được Vô Duyên Từ huân tập. Không Quán nhập Phật huệ của Thông Giáo. Giả Quán nhập Phật huệ của Biệt Giáo. Trung Quán nhập Phật huệ của Viên Giáo. Không Quán đạt đến bờ kia Nhất Thiết Trí. Giả Quán đạt đến bờ kia Đạo Chứng Trí. Trung Quán đạt đến bờ kia Nhất Thiết Chứng Trí. Không Quán nghe Chân Đế. Giả Quán nghe Tục Đế. Trung Quán nghe trọn khắp Trung Đạo Đế Nhất Nghĩa Đế, và cũng nghe trọn khắp Tam Đế. Không Quán độ trăm ngàn chúng sanh thuộc Tứ

⁸³ Toàn Đà La Ni (旋陀羅尼) là một trong ba môn Đà La Ni của Pháp Hoa, có nghĩa là trong các pháp môn đạt được sức tự tại xoay chuyển. Ngài Gia Tường Cát Tạng chú giải: “*Toàn Đà La Ni, trong các pháp môn viên mãn trọn đủ, ra vào tự tại*”.

Trụ. Giả Quán độ trăm ngàn chúng sanh nơi Trần Sa. Trung Quán độ trăm ngàn chúng sanh trong vô minh. Nhất Tâm Tam Quán có vô lượng, tán thán chẳng thể cùng tận, chỉ nói đại lược mà thôi!

1.1.2.1.2.3. Nêu tên và tổng kết

(Kinh) Kỳ danh viết: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát, Mãn Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Lực Bồ Tát, Việt Tam Giới Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Như thị đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát bát vạn nhân câu.

(經)其名曰：文殊師利菩薩、觀世音菩薩、得大勢菩薩、常精進菩薩、不休息菩薩、寶掌菩薩、藥王菩薩、勇施菩薩、寶月菩薩、月光菩薩、滿月菩薩、大力菩薩、無量力菩薩、越三界菩薩、跋陀婆羅菩薩、彌勒菩薩、寶積菩薩、導師菩薩。如是等菩薩摩訶薩八萬人俱。

(Kinh: Tên các Ngài là: Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dũng Thí Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát, Mãn Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Lực Bồ Tát, Việt Tam Giới Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Đạo Sư Bồ Tát. Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát như thế tám vạn người nhóm họp).

Đại danh của Đại Sĩ hoặc là từ pháp môn, hoặc từ hạnh đức, hoặc từ bốn nguyện. Tuy là một tên mà chứa đựng vô lượng nghĩa. Nay dựa theo kinh và quán tâm để giải thích danh hiệu của mười tám vị Bồ Tát.

* Văn Thù Sư Lợi (Mañjuśrī), phương này dịch là Diệu Đức. Đại Kinh dạy: “*Liễu liễu kiến Phật tánh, do như Diệu Đức đẳng*” (Thấy rành rõ Phật tánh giống như Diệu Đức v.v...) Kinh Tư Ích⁸⁴ nói: “*Tuy thuyết*

⁸⁴ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (Viśeṣacintābrahma-paripṛcchā) do ngài Cưu Ma La Thập dịch. Trong kinh này, đức

chư pháp, nhi bất khởi pháp tướng, bất khởi phi pháp tướng. Cố danh Diệu Đức” (Tuy nói các pháp mà chẳng dấy lên tướng pháp, chẳng dấy lên tướng phi pháp. Vì thế tên là Diệu Đức). Kinh Bi Hoa nói: “*Nguyên ngã hành Bồ Tát đạo sở hóa chúng sanh, giai ư thập phương, tiên thành Chánh Giác, linh ngã Thiên Nhân tất đắc kiến chi. Ngã chi quốc độ giai nhất sanh Bồ Tát, tất linh tùng ngã khuyến phát đạo tâm. Ngã hành Bồ Tát đạo, vô hữu tể hạn. Bảo Tạng Phật ngôn: - Nhữ tác công đức thậm thâm, thậm thâm, nguyện thủ diệu độ, kim cố hiệu nhữ vi Văn Thù Sư Lợi, tại Bắc phương Hoan Hỷ thế giới tác Phật, hiệu Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích, kim do hiện tại, văn danh diệt tứ trọng tội*” (Nguyên các chúng sanh được tôi giáo hóa khi hành Bồ Tát đạo, sẽ đều trong mười phương thành Chánh Giác trước, khiến cho Thiên Nhân của tôi thấy đều trông thấy. Quốc độ của tôi toàn là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát đều do tôi khuyến phát đạo tâm. Tôi hành Bồ Tát đạo chẳng có ngần hạn. Bảo Tạng Phật nói: - Ông nay tạo công đức rất sâu, rất sâu, nguyện giữ lấy cõi mầu nhiệm. Vì thế, nay đặt cho ông danh hiệu là Văn Thù Sư Lợi. Ông sẽ thành Phật tại thế giới Hoan Hỷ ở phương Bắc, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích, đến nay vẫn còn tại thế, người nghe danh hiệu ông sẽ diệt bốn trọng tội).

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội lại nói: “*Quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật hiệu Long Chung Thượng Tôn Vương, diệt tức Văn Thù*” (Trong quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, có Phật hiệu là Long Chung Thượng Tôn Vương, cũng chính là Văn Thù).

Xét theo quán tâm, tam đức bí tạng chẳng đọc, chẳng ngang, cho nên gọi là Diệu Đức.

* Quán Thế Âm, tiếng Phạn là Bà Lô Cát Đề Thuế (Avalokiteśvara), sẽ được giải thích cận kề trong phẩm Phổ Môn⁸⁵.

Phật vì Vông Minh Bồ Tát và Tư Ích Phạm Thiên nói về lý không tịch của các pháp. Các bộ kinh Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn (do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn) và Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn (do ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch trong đời Bắc Ngụy) đều là các bản dịch khác của kinh này.

⁸⁵ Sách Pháp Hoa Văn Cú viết: “*Kinh Tư Ích chép: ‘Nếu chúng sanh thấy tôi, ngay khi ấy nhất định đắc Bồ Đề. Xưng danh hiệu tôi thoát khỏi các khổ. Vì thế, tên là Quán Âm’*. Kinh Bi Hoa chép: ‘*Nếu có chúng sanh chịu khổ, xưng danh hiệu tôi, nghĩ đến tôi, thiên nhân và thiên nhĩ của tôi sẽ thấy mà người ấy chẳng thoát khổ, sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Bảo Tạng Phật nói: - Ông quán hết thấy chúng sanh, sanh tâm đại bi, nay đặt tên cho ông là Quán Thế Âm*’.

Xét theo quán tâm, tam trí thì gọi là Quán, Tam Đế là Thế, Tam Quán nói đến Bốn, cho nên gọi là Âm (kinh văn sẽ dựa theo mặt Sự để giải thích, coi đối tượng được Ngài tiếp độ là Âm. Ở đây, chỉ xét theo chủ thể quán sát, cho nên gọi những điều được Ngài tuyên nói là Âm).

* Đắc Đại Thế, còn gọi là Đại Thế Chí (Mahāsthāmaprāpta). Kinh Tư Ích nói: *“Ngã đầu túc chi xứ, chấn động tam thiên đại thiên thế giới, cập ma cung điện. Cố danh Đại Thế Chí”* (Chỗ ta đặt chân chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma. Vì thế, tên là Đại Thế Chí). Quán Kinh nói: *“Đản kiến thử Bồ Tát nhất mao khổng quang, tức kiến thập phương chư Phật tịnh diệu quang minh. Thị cố, hiệu thử Bồ Tát danh Vô Biên Quang. Dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực. Thị cố, hiệu thử Bồ Tát vi Đại Thế Chí”* (Chỉ thấy quang minh nơi một lông chân lông của vị Bồ Tát này, liền thấy quang minh tịnh diệu của mười phương chư Phật. Vì thế, gọi tên vị Bồ Tát này là Vô Biên Quang. Ngài dùng quang minh trí huệ chiếu trọn khắp hết thấy, khiến họ lìa tam đồ, đạt được sức vô thượng. Vì thế, gọi vị Bồ Tát này là Đại Thế Chí).

Xét theo quán tâm, Tam Chỉ⁸⁶ làm chân, đặt nơi đất Tam Đế (Không, Giả, Trung), chấn động mười pháp giới, hết thấy chỗ trụ của Kiến Ái đều bị nghiêng ngả, lay động.

* Thường Tinh Tấn (Satasamitabhiyakta, Nityodyukta): Kinh Đại Bảo Tích nói: *“Thị Bồ Tát vị nhất chúng sanh kinh vô lượng kiếp tùy trục bất xả, do bất thọ hóa, vô nhất niệm khí xả, dĩ thân tâm câu tấn cố”* (Vị Bồ Tát này vì một chúng sanh bền trải qua vô lượng kiếp theo sát

⁸⁶ Tam Chỉ là ba phép Chỉ trong tông Thiên Thai:

1. Thế Chân Chỉ: Nhận biết các pháp đều do nhân duyên sanh, do nhân duyên giả hòa hợp, pháp thế là tánh Không. Pháp Chỉ này nhằm ngăn dứt hết thấy vọng tưởng nắm níu, chứng chân thể lý Không, Không tức là Chân. Đó là Chỉ thuộc về Không Quán.
2. Phương Tiện Tùy Duyên Chỉ (còn gọi là Hệ Duyên Thủ Cảnh Chỉ): Bồ Tát biết Không chẳng phải là Không, đình chỉ lý huyễn hóa nơi các pháp, phân biệt thuộc và bệnh để lợi ích chúng sanh. Biết Không chẳng phải là Không thì gọi là phương tiện, an trụ trong lý Giả Đề bất động thì gọi là Chỉ. Đó là Chỉ thuộc về Giả Quán.
3. Túc Nhị Biên Phân Biệt Chỉ (còn gọi Ché Tâm Chỉ): Môn Chỉ thứ nhất thiên về Chân, môn thứ hai thiên về Tục, đều chưa phải là Trung Đạo. Nay biết Chân chẳng phải là Chân, tức là tịch tĩnh nơi Không, biết Tục chẳng phải là Tục, sẽ vắng lặng bên Hữu, tức là ngưng dứt hai bên Chân và Tục, Chỉ nơi Trung Đạo. Đó là Chỉ thuộc về Trung Quán.

chẳng bỏ mà kẻ đó vẫn chẳng tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài, Ngài chẳng có một niệm vứt bỏ vì thân và tâm đều tinh tấn vậy).

* **Bất Hưu Tức** (Anikṣiptadhura, chẳng ngại ngại): Kinh Tư Ích nói: *“Hằng hà sa kiếp vì nhất nhật dạ, thị tam thập nhật vì nguyệt, thập nhị nguyệt vì tuế, quá bách thiên vạn ức kiếp, đắc trị nhất Phật. Như thị trị Hằng sa Phật, hành chư phạm hạnh, tu tập công đức. Nhiên hậu thọ ký, tâm bất hưu tức”* (Lấy Hằng hà sa kiếp làm một ngày đêm, coi ba mươi ngày như thế là một tháng, mười hai tháng là một năm. Trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp mới được gặp một vị Phật. Gặp Hằng sa Phật như thế, hành các phạm hạnh, tu tập công đức. Sau đó được thọ ký, tâm chẳng ngại ngại).

Xét theo quán tâm, quán Không mà chẳng trụ vào Không, xuất Giả mà chẳng trụ vào Giả, nhập Trung mà chẳng trụ vào Trung, cùng chiếu cả hai Đế (Chân Đế và Tục Đế) thì gọi là Bất Hưu Tức. Bất Hưu Tức và Thường Tinh Tấn ý nghĩa gần giống như nhau. Muốn phân biệt thì: Tiến nhập chẳng gián đoạn là Thường Tinh Tấn, lâu dài chẳng bỏ là Bất Hưu Tức. Vì thế, giải thích theo Quán thì gọi là Bất Trụ, [dùng ý nghĩa ấy] để giải thích Bất Hưu Tức. Cũng xét theo thời gian dài lâu, nhưng thọ ký và lợi sanh khác nhau!

* **Bảo Chương** (Ratnapāṇi, tay cầm báu vật): Kinh Phổ Siêu nói: *“Bị thương đức khái, vô năng trở bại. Nhược ư mộng trung, bất chí Nhị Thừa. Thường dĩ thật tâm, chư thông huệ tâm, vị nhân giảng tuyên ư chư trần bảo, tâm vô tham tích”* (Mặc áo giáp thương đức, không thể bị ngăn trở, đánh bại. Dẫu ở trong mộng, chẳng nghĩ tưởng Nhị Thừa. Thường dùng thật tâm, các tâm thông huệ, vì người khác giảng nói các trần bảo, tâm chẳng tham tiếc).

Xét theo quán tâm, chẳng nghĩ bàn Tam Đế thì gọi là Bảo. Nhất Tâm Tam Quán thì gọi là Chương (掌, bàn tay). Dùng tay Quán ấy để nắm giữ của báu Tam Đế hòng tự lợi, lợi người.

* **Dược Vương** (Bhaiṣajyarāja): Kinh Bi Hoa nói: *“Nguyện Hiền Kiếp nhất thiên tứ Phật sơ thành đạo, ngã giai cúng dường. Chư Phật nhập diệt, ngã giai khởi tháp. Kiếp tận khổ não, ngã giai cứu hộ. Dao binh, tật dịch, tác đại dược vương. Nhiên hậu tác Phật. Bảo Tạng Phật ngôn: - Kim đương tự nhữ vi Hóa Tịnh Dược Vương, tại hậu tác Phật, tức Lâu Chí Như Lai”* (“Nguyện trong Hiền Kiếp khi một ngàn lẻ bốn vị Phật mới thành đạo, tôi đều cúng dường. Chư Phật nhập diệt, tôi đều dựng tháp. Kiếp tận, khổ não, tôi đều cứu vớt, che chở. Dao binh, bệnh

dịch, tôi làm đại dược vương. Sau đó thành Phật”. Bảo Tạng Phật nói: - Nay ta đặt tên cho ông là Hòa Tịnh Dược Vương. Sau này sẽ làm Phật, tức Lô Lô Chí Như Lai).

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán tự chữa trị mình, chữa trị người khác.

* Dũng Thí (Pradānaśūra, dũng mãnh bố thí): Thí trọn khắp pháp bảo xuất thế cho chúng sanh chẳng chán mệt.

* Bảo Nguyệt (Ratnachandra): Tam Đế đã chứng đáng quý như báu vật. Tam Trí⁸⁷ dùng để chứng [Tam Đế] chiếu trọn vẹn như trăng.

* Nguyệt Quang (Candraprabha): Tam Trí viên diệu có thể trừ phiền não tối tăm, nóng bức.

* Mãn Nguyệt (Pūrṇacandra): Tam Trí viên minh, chẳng hề khuyết giảm.

* Đại Lực (Mahāvīkramin): Trí và cảnh ngàm hợp, có lực dụng to lớn.

* Vô Lượng Lực (Anantavīkramin): Dùng đại lực dụng để ứng trọn khắp các duyên, dẹp khắp các khổ.

* Việt Tam Giới (Trailokya-vīkramin, vượt thoát tam giới): Dùng Nhất Tâm Tam Quán để siêu việt hai thứ Biến Dịch và Phần Đoạn trong tam giới.

* Bạt Đà Bà La (Bhadrāpāla), phương này dịch là Thiện Thủ (善守), còn dịch là Hiền Thủ (賢守), hoặc Hiền Thủ (賢首), hoặc Hiền Hộ (賢護). Kinh Tư Ích nói: “*Nhược chúng sanh văn danh giả, tất định đắc Tam Bồ Đề, cố danh Thiện Thủ. Vị cư Đẳng Giác, chúng hiền chi thủ, cố danh Hiền Thủ. Thiện xảo tương hộ, linh kỳ bất thoái, cố danh Hiền Hộ*” (Nếu chúng sanh nghe tên Ngài, nhất định đắc Chánh Giác, cho nên tên là Thiện Thủ. Thuộc địa vị Đẳng Giác, đứng đầu các vị hiền nhân, nên tên là Hiền Thủ. Khéo léo bảo vệ khiến cho họ chẳng lui sụt, cho nên tên là Hiền Hộ).

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán là thượng thủ bậc nhất trong các điều thiện.

* Di Lặc (Maitreya), phương này dịch là Từ Thị. Kinh Tư Ích nói: “*Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Chúng sanh trông thấy Ngài liền đạt được Từ Tâm tam-muội). Kinh Bi Hoa nói: “*Phát*

⁸⁷ Tam Trí là Nhất Thiết Trí (trí của Thanh Văn và Duyên Giác), Đạo Chứng Trí (trí của Bồ Tát), và Nhất Thiết Chứng Trí (trí của Phật).

nguyện ư đao hỏa kiếp trung, cứu hộ chúng sanh” (Phát nguyện trong kiếp đao binh, sẽ cứu vớt, che chở chúng sanh). Ngài tên là A Dật Đa (Ajita), phương này dịch là Vô Năng Thắng (không ai hơn được).

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán tức là vô duyên đại từ, từ thiện căn lực, khiến cho các tâm số đều cùng nhập và thấu hiểu pháp đại từ.

* Bảo Tích (Ratnākara) là tích tụ của báu nhất tâm tam trí.

* Đạo Sư (Susāthavāha): Kinh Tư Ích nói: “*U’ đạo tà đạo chúng sanh, sanh đại bi tâm, linh nhập chánh đạo (đạo dã), bất cầu ân báo (sư dã)*” (Đối với chúng sanh đạo vào tà đạo, sanh tâm đại bi, khiến cho họ nhập chánh đạo (đó là “hướng dẫn”), chẳng cầu báo ân. Đó là “Sư”).

Xét theo quán tâm, tam quán diệu trí hướng dẫn hết thấy các hạnh, chẳng đạo vào nhị biên, đều nhập chánh quán.

Câu kết luận có ý nghĩa dễ hiểu. Phần thứ hai nói về các vị Bồ Tát đã xong.

1.1.2.1.3. Tập chúng

Quả báo và hình tướng phức tạp. Người đắc đạo và chưa đắc đạo xen tạp. Trong ấy, người đắc Nhị Thừa đạo, vô lậu trí xen tạp với vô minh. Người đắc Bồ Tát trong đó thì các vị hòa quang đồng trần và các căn cơ sai khác xen tạp. Người đắc Phật đạo trong ấy, một pháp trọn đủ hết thấy các pháp, cho nên nói là Tập. “*Tập*” có ý nghĩa như thế đó, chẳng thể dùng hình tướng phàm phu để phán định. Lại chẳng thể dùng năm đường trời, người v.v... để phán định. Kinh văn chia thành tám phần: Một là Dục Giới thiên chúng. Hai là Sắc Giới thiên chúng. Ba là long chúng. Bốn là Khẩn Na La chúng. Năm là Càn Thát Bà chúng. Sáu là A Tu La chúng. Bảy là Ca Lâu La chúng. Tám là nhân chúng.

1.1.2.1.3.1. Dục Giới thiên chúng

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Đề Hoàn Nhân, dữ kỳ quyến thuộc nhị vạn thiên tử câu. Phục hữu Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, tứ đại thiên vương, dữ kỳ quyến thuộc vạn thiên tử câu. Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử, dữ kỳ quyến thuộc tam vạn thiên tử câu.

(經)爾時，釋提桓因，與其眷屬二萬天子俱。復有明月天子、普香天子、寶光天子、四大天王，與其眷屬萬天子俱。自在天子、大自在天子，與其眷屬三萬天子俱。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc của ông ta là hai vạn thiên tử nhóm họp. Lại có Minh Nguyệt (Candra) thiên tử, Phổ Hương (Samantagandha) thiên tử, Bảo Quang (Ratnaprabha) thiên tử, tứ đại thiên vương và quyến thuộc của họ là một vạn thiên tử nhóm họp. Tự Tại (Īśvara) thiên tử, Đại Tự Tại (Maheśvara) thiên tử, và quyến thuộc của họ là ba vạn thiên tử nhóm họp).

* Thích Đề Hoàn Nhân (Śakra Devānām Indra), phương này dịch là Năng Tác (能作, có thể làm), là chúa của Tam Thập Tam Thiên.

Xét theo giáo, kinh A Hàm nói rõ Đế Thích đắc quả A Na Hàm. Kinh Bát Nhã nói người thừa hởi Bát Nhã trong mười phương đều tên là Thích Đề Hoàn Nhân. Biệt Giáo và Viên Giáo nói Thích Đề Hoàn Nhân đắc Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, nội chứng khác nhau. Trong Hiền Kiếp, sau hai ngàn bốn mươi bốn kiếp sau, sẽ thành Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn.

Xét theo Bốn Tích, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng là ba mươi. Thập Địa là một, Đẳng Giác là hai, Diệu Giác là chủ [đó là ý nghĩa biểu thị pháp của Tam Thập Tam Thiên], cùng ngự trong Đệ Nhất Nghĩa Thiên, cùng uống cam lộ Thật Tướng; đó chính là Bốn. Ngự trên đỉnh núi Tu Di (Sumeru). Đó là Tích.

Xét theo quán tâm, tự hành Thập Thiện, khuyên người khác hành Thập Thiện, tùy hỷ hành Thập Thiện. Đó là ba mươi điều thiện, đều là Không, đều là Giả, đều là Trung, tức là ba mươi ba Quán môn.

* Ba vị thiên tử như Minh Nguyệt v.v... đều là nội thần (內臣, các vị cận thần phụ chánh), giống như khanh tướng. Hoặc nói Minh Nguyệt là Bảo Cát Tường Nguyệt thiên tử do Đại Thế Chí Bồ Tát ứng hiện. Phổ Hương là Minh Tinh thiên tử, do Hư Không Tạng Bồ Tát ứng hiện. Bảo Quang là Bảo Ý Nhật thiên tử do Quán Thế Âm ứng hiện. Đó là giải thích theo Bốn Tích.

Xét theo quán tâm, Tam Quán chính là Tam Trí. Tam Trí chính là Tam Quang. Từ Tam Đế sanh ra Tam Trí. Đế (諦, sự chân thật) chính là Thiên. Trí chính là Từ.

* Tứ đại thiên vương (Chaturmahārājikā) là ngoại thần, giống như võ tướng:

- Đông phương Đề Đầu Lại Trá (Dhṛtarāṣṭra), phương này dịch là Trì Quốc (持國), còn dịch là An Dân, ở núi hoàng kim, thống lãnh Càn Thát Bà và Phú Đon Na (Pūtana)⁸⁸.

- Nam phương Tỳ Lưu Lặc Xoa (Virūdhaka), phương này dịch là Tăng Trưởng, còn dịch là Miễn Ly, ở trên núi lưu ly, thống lãnh Cưu Bàn Trà và Bệ Lệ Đa⁸⁹.

⁸⁸ Phú Đon Na, còn phiên âm là Phú Đa Na, Bồ Đon Na, Phú Đà Na, dịch nghĩa là Xú Nga Quỷ (quỷ đói hôi thối), là loài nga quỷ mạnh mẽ nhất.

⁸⁹ Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa), còn phiên âm là Câu Bàn Trà, Cứu Bàn Trà, Cung Bàn Trà, Cát Bàn Trà, Câu Biện Trà, Cưu Mãn Noa, và Câu Mãn Noa, là loài quỷ bụng phệ, có hình dáng giống như trái bầu, nên đôi khi còn dịch là Ung Hình Quỷ (quỷ có hình dáng giống như cái vò), thích ăn tinh khí của con người. Loài quỷ này thuộc loài nga quỷ, được xếp vào loại Đa Tài Quỷ, tức được ăn uống, hay cúng tế, không đến nỗi thường xuyên đói khát. Nó có thể đi lại nhanh chóng, có thể biến hóa. Đại Trí Độ Luận nói những kẻ từng làm quan cao chức cả, bóc lột nhân dân, tham lam tàn độc, nhưng còn biết hối cải, thân sau sẽ làm loài quỷ này.

Bệ Lệ Đa (Preta), tức là nga quỷ. Loài quỷ này đôi khi còn được phiên âm là Bệ Lệ Đa, Tỳ Đế Lê v.v... Loài quỷ này gồm hai loại: Một loại thuộc quyền quản trị của Diêm Vương, loại thứ hai sống tản mác trong nhân gian, thường ẩn trong rừng rậm. Do đó, có những chỗ cây cối được gọi là Quỷ Thụ vì chúng nương gá vào đó. Đại đa số loài quỷ này thường xuyên chịu đói khát, luôn khao khát, thèm thuồng, nên gọi chung là nga quỷ. Nga quỷ lại chia thành ba loại lớn:

1. Vô Tài nga quỷ, tức quỷ đói không được ăn uống, bao gồm Diêm Khẩu (miệng bốc lửa cháy phừng phừng, thức ăn vào miệng liền hóa thành lửa), Châm Khẩu (bụng to đùng, cổ họng nhỏ như cái kim, không cách nào nuốt thức ăn), và Xú Khẩu (miệng nứt lở, hôi thối, hôi thối xông sức khiến quỷ tự ói mửa, không ăn gì được).

2. Thiểu Tài nga quỷ, tức là quỷ được ăn uống đôi chút, không đến nỗi đói khát triền miên, bao gồm Châm Mao (toàn thân phủ lông tua tủa như kim, chẳng cách nào đến gần. Lông ấy tự châm chích thân thể quỷ, khiến cho nó thấp phẫn thống khổ), Xú Mao (thân thể hôi thối, khiến nó ói mửa, khó thể ăn uống), Anh Quỷ (cổ họng có bướu, có nhọt, khó thể ăn uống, lại còn tuôn ra máu mủ. Quỷ tự nuốt máu mủ của chính mình để đỡ đói).

3. Đa Tài nga quỷ thì gồm có Hy Tự (các loài quỷ thần được nhân loại cúng tế, có thể bay lên hư không, có miếu thờ, thường là tà thần, hoặc các quỷ thần do tín ngưỡng dân gian thờ cúng), Hy Khí (ăn những thứ nhân loại bài tiết, hoặc ói mửa ra), Đại Thê (tức là quỷ có thể lực lớn, như loài Dạ Xoa, La Sát, có thân thông to lớn như chur thiên, cũng có thể giáng tai họa, ban phước, nhưng họ cũng phải bận lòng kiếm ăn, không được tự tại như chur thiên).

- Tây phương Tỳ Lưu Bác Xoa (Virūpākṣa), phương này dịch là Quảng Mục, còn dịch là Tạp Ngũ, ở trên núi bạch ngân, thống lãnh rồng và Tỳ Xá Xà⁹⁰.

- Bắc phương Tỳ Sa Môn (Vaiśravaṇa), phương này dịch là Đa Văn, sống trên núi thủy tinh, thống lãnh Dạ Xoa và La Sát.

Mỗi thiên vương thống lãnh hai loại quỷ, chẳng để cho chúng náo hại con người. Vì thế, họ được gọi là Hộ Thế (Lokapāla, bảo vệ thế gian).

Xét theo Bốn Tích, Bốn là bốn vị vua thường, lạc, ngã, tịnh, hộ trì cặp cây Tứ Đức (thường, lạc, ngã, tịnh) của Phật pháp, chẳng để cho người ngoài bút lá, bẻ cành, chém chặt, phá hoại. Nơi Tích thì là bốn vị vua bảo hộ cõi đời.

Xét theo quán tâm thì trí quán Tứ Đế chính là bốn vị vua. Mỗi Đế trừ Ái Hoặc và Kiến Hoặc, tức là thống lãnh tám bộ, chẳng để cho chúng nó náo hại con người (bốn giáo, mỗi giáo có Tứ Đế, đều xưng vương trong mỗi giáo ấy). Chẳng liệt kê Dạ Ma, Đâu Suất là do kinh văn nói giản lược.

* Tự Tại chính là Hóa Lạc Thiên (Nirmāṇarati). Đại Tự Tại là Tha Hóa Thiên (Para-nirmita-vaśa-vartin).

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ trong các môn Định như Tự Tại, Tự Tại Vương v.v... Nơi Tích thì là hai vị trời.

Xét theo quán tâm thì nhập Không là tự tại, nhập Trung là đại tự tại.

1.1.2.1.3.2. Sắc Giới thiên chúng

(Kinh) Sa Bà thế giới chủ Phạm thiên vương, Thi Khí đại phạm, Quang Minh đại phạm đẳng, dữ kỳ quyến thuộc vạn nhĩ thiên thiên tử câu.

(經)娑婆世界主梵天王、尸棄大梵、光明大梵等，與其眷屬萬二千天子俱。

(Kinh: Chủ của thế giới Sa Bà là Phạm thiên vương, Thi Khí đại phạm, Quang Minh đại phạm v.v... cùng với quyến thuộc của họ một vạn hai ngàn thiên tử nhóm họp).

⁹⁰ Tỳ Xá Xà (Piśāca), còn phiên âm là Tỳ Xá Giá, Bích Xá Chá, là loài quỷ thích ăn xác chết và tinh khí của con người, có thể làm cho con người điên cuồng.

Sa Bà (Sahāloka), phương này dịch là Nhân. Kinh Bi Hoa nói: “*Thị chư chúng sanh, nhân thọ Tam Độc, cập chư phiền não, cố danh Nhân độ*” (Các chúng sanh ấy chịu đựng Tam Độc và các phiền não, vì thế gọi là cõi Nhân).

* “*Phạm*” (Brahma) được phương này dịch là Ly Dục, trừ bỏ sự ràng buộc với các địa vị thấp hơn, thăng lên Sắc Giới, còn gọi là Cao Tịnh.

* Thi Khí (Śikhin), phương này dịch là Đảnh Kế (頂髻, búi tóc trên đỉnh đầu), Quang Minh (Jyotisrabha) là trời Nhị Thiên. “*Đẳng*” là nói chung Tam Thiên và Tứ Thiên.

Xét theo giáo, Phạm Vương là vị chủ yếu thay mặt [chúng sanh] thỉnh pháp luân, thỉnh Tiểu pháp bèn là tiểu căn, thỉnh Đại pháp bèn là đại căn.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ thanh tịnh Nhất Thật diệu cảnh, Tích thì sống trong Sắc Giới.

Xét theo quán tâm, quán trừ Hoặc uế bèn gọi là Phạm.

1.1.2.1.3.3. Long chúng

(Kinh) Hữu bát long vương: Nan Đà long vương, Bạt Nan Đà long vương, Sa Già La long vương, Hòa Tu Cát long vương, Đức Xoa Ca long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, Ma Na Tư long vương, Ưu Bát La long vương đẳng. Các dữ nhược can bách thiên quyến thuộc câu.

(經)有八龍王：難陀龍王、跋難陀龍王、娑伽羅龍王、和修吉龍王、德叉迦龍王、阿那婆達多龍王、摩那斯龍王、優鉢羅龍王等。各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có tám vị long vương: Nan Đà long vương, Bạt Nan Đà long vương, Sa Già La long vương, Hòa Tu Cát long vương, Đức Xoa Ca long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, Ma Na Tư long vương, Ưu Bát La long vương v.v... Mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyến thuộc nhóm họp).

* Nan Đà (Nanda), phương này dịch là Hoan Hỷ. Bạt (Upa)

phương này dịch là Thiện. Hai anh em long vương này thường hộ trì nước Ma Kiệt Đề (Magadha), tưới mưa đúng thời, chẳng có năm nào đói kém, [quốc gia ấy] tức là chỗ ngài Mục Kiền Liên giáng sanh. Họ sống trong biển cả.

Nơi Bốn thì là trụ trong Hoan Hỷ Địa, nơi Tích thì sống trong biển.

Xét theo quán tâm, Tam Quán tức là Trung Đạo sanh pháp hỷ.

* Sa Già La (Sāgara, biển), do sống trong biển mà có tên đó.

Nơi Bốn thì trụ trong biển Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật), nơi Tích thì ở trong biển thẩm.

Xét theo quán tâm thì Trung Đạo quán như biển, có thể thống lãnh muôn dòng.

* Hòa Tu Cát (Vāsuki), phương này dịch là Đa Đầu (nhiều đầu), còn gọi là Bảo Xung (寶稱).

Nơi Bốn thì trụ trong Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội, nơi Tích bèn thị hiện nhiều đầu.

Xét theo quán tâm, một thứ giả thì hết thấy đều giả. Một thứ không thì hết thấy đều không. Một thứ trung thì hết thấy đều trung. Vì thế, gọi là Đa Đầu.

* Đức Xoa Ca (Takṣaka), phương này dịch là Hiện Độc, còn dịch là Đa Thiệt (nhiều lưỡi).

Nơi Bốn thì trụ trong Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, nơi Tích thì thị hiện nhiều lưỡi.

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Quán như cái trống có bốn thuốc độc, có thể phát ra bốn thứ biện tài.

* A Na Bà Đạt Đa (Anavatapta), phương này dịch là Vô Nhiệt, do cái ao⁹¹ mà có tên gọi đó. Ở trên đỉnh của Tuyết Sơn trong Diêm Phù Đề, chẳng có ba thứ hoạn nạn, tức cát nóng, gió dữ, chim cánh vàng (Ca Lô La).

Nơi Bốn thì trụ trong thường lạc ngã tịnh thanh lương, nơi Tích thì ở trong ao trong mát.

⁹¹ Ao A Nậu Đạt (A Na Bà Đạt Đa) ở phía Bắc của Tuyết Sơn (Himalaya), mỗi chiều to năm mươi do-tuần, tức một ngàn năm trăm dặm, chảy ra bốn con sông lớn. A Na Bà Đạt Đa long vương sống trong cái ao ấy, không bị khổ vì nóng bức và chim cánh vàng (Garuda) ăn thịt. Bốn phía ao có bốn cửa theo hình dạng miệng của loài thú, chảy ra bốn con sông lớn của Ấn Độ. Người Tây Tạng thường tin cái hồ Manasarovar chính là ao A Nậu Đạt. Hồ này nằm dưới chân núi Kailash trong rừng Hy Mã Lạp Sơn (người Tây Tạng cho rằng núi Kailash chính là núi Tu Di!)

Xét theo quán tâm thì tam quán diệu huệ, trừ sạch ngũ trụ phiền não lắng nặng, thoát khỏi cát nóng “hai thứ chết” (Phần Đoạn và Biến Dịch).

* Ma Na Tư (Manasvin), phương này dịch là Đại Thân, hoặc dịch là Đại Ý, hoặc dịch là Đại Lực. Tu La dốc nước biển nhấn chìm thành Hỷ Kiến⁹², vị long vương này bèn cuộn thân ngăn sạch nước biển.

Nơi Bốn thì trụ trong pháp môn Vô Biên Thân, nơi Tích thì là thân thể to lớn.

Xét theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán tánh chất rộng lớn.

* Ưu Bát La (Utpalaka), phương này dịch là Thanh Liên Hoa Trì (ao hoa sen xanh), [long vương được] đặt tên theo chỗ trụ.

Nơi Bốn thì trụ trong Pháp Hoa tam-muội, nơi Tích thì sống trong cái ao ấy.

Xét theo quán tâm thì tam quán chính là tu nhân, nhân chính là hoa sen vậy.

1.1.2.1.3.4. Khẩn Na La chúng

(Kinh) Hữu tứ Khẩn Na La vương: Pháp Khẩn Na La vương, Diệu Pháp Khẩn Na La vương, Đại Pháp Khẩn Na La vương, Trì Pháp Khẩn Na La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四緊那羅王：法緊那羅王、妙法緊那羅王、大法緊那羅王、持法緊那羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn Khẩn Na La vương: Pháp (Dharma) Khẩn Na La vương, Diệu Pháp (Sudharma) Khẩn Na La vương, Đại Pháp (Mahādharmā) Khẩn Na La vương, Trì Pháp (Dharmadhara) Khẩn Na La vương, mỗi vị cùng vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm hợp).

[Khẩn Na La (Kinnara)] còn gọi là Chân Đà La, phương này dịch là Nghi Thần (ngờ là thần, trông giống như thần), [vì họ] giống như người nhưng có một sừng, là pháp nhạc thần của Thiên Đế, đáng nên tấu pháp môn của bốn giáo.

⁹² Thành Hỷ Kiến là tòa thành của Đế Thích trên cung trời Đao Lợi. Theo Đại Trí Độ Luận, tòa thành ấy ở trên đỉnh núi Tu Di, gồm bảy tầng, có chín trăm chín mươi chín cửa, hai bên mỗi cửa có mười sáu thanh y đại lực sĩ thủ hộ.

Nơi Bốn thì trụ trong chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khởi Diệt Định. An trụ trong Thiền, chấp tay, dùng ngàn vạn kệ tụng tán thán các đấng Pháp Vương. Nơi Tích thì tấu nhạc, ca vịnh Thập Lực.

Xét theo quán tâm thì quán âm thanh chính là Không, là Giả, là Trung, tức là tán Phật.

1.1.2.1.3.5. Càn Thát Bà chúng

(Kinh) Hữu tứ Càn Thát Bà vương: Nhạc Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà vương, Mỹ Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà vương, các dữ nhược can bách thiên quyền thuộc câu.

(經)有四乾闥婆王：樂乾闥婆王、樂音乾闥婆王、美乾闥婆王、美音乾闥婆王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị Càn Thát Bà vương: Nhạc (Manojña) Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm (Manojñasvara) Càn Thát Bà vương, Mỹ (Madhura) Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm (Madhurasvara) Càn Thát Bà vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyền thuộc nhóm họ).

Càn Thát Bà (Gandharva), phương này dịch là Khứu Hương (嗅香, ngửi mùi thơm), dùng hương làm thức ăn. Cũng dịch là Hương Âm (香陰). Thân họ tỏa mùi thơm, là tục nhạc thần của Thiên Đế. “Nhạc” là kỹ thuật biểu diễn điêu luyện (tràng đảo kỹ (幢倒伎), tức nghệ thuật làm xiếc nhào lộn, tung hứng). Nhạc Âm là nhịp trống, đàn, sáo. Mỹ là kỹ thuật biểu diễn hay khéo. Mỹ Âm là sự đẹp đẽ thù thắng trong tiếng đàn sáo (“Tràng” tức là “duyên tràng” (緣幢), tức sào, cọc. “Đảo” (倒) nghĩa là quăng, lật ngược v.v... [Hai chữ này ghép lại để chỉ các tạp kỹ, tức các loại biểu diễn giống như làm xiếc, chẳng hạn như leo dây, múa cột, tung hứng, đu bay v.v...]) Dùng Tục để biểu thị Chân, cũng có thể đối ứng với pháp môn tứ giáo để giải thích).

Nơi Bốn là trụ trong diệu Giả chẳng thể nghĩ bàn, nơi Tích thì tấu nhạc thể tục.

Xét theo quán tâm, Không và Trung chính là Giả.

1.1.2.1.3.6. A Tu La chúng

(Kinh) Hữu tứ A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四阿修羅王：婆稚阿修羅王、佉羅騫駄阿修羅王、毗摩質多羅阿修羅王、羅睺阿修羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chát Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm họ).

A Tu La (Asura), phương này dịch là Vô Tửu (無酒, không có rượu), cũng dịch là Vô Đoan Chánh (無端正), còn dịch là Phi Thiên (非天, chẳng phải là chư thiên).

* Bà Trĩ (Baḍin): Phương này dịch là Bị Phược (被縛), tức là bị Đế Thích trói.

Nơi Bồn thì có thể dùng năm thứ ràng buộc để trói ma và ngoại đạo, nơi Tích thì tạo hình tượng như thế.

Xét theo quán tâm, dùng ba quán trí để trói ngũ trụ hoặc, nhập vào Thật Tế.

* Khư La Khiên Đà (Kharaskandha), phương này dịch là Quảng Kiên Giáp (廣肩胛, bờ vai rộng), cũng dịch là Ấc Ấm, có thể khiến cho nước biển dâng trào.

Nơi Bồn thì trụ trong hai trí Quyền và Thật, từ bị gánh vác chúng sanh, nơi Tích thì là thị hiện bờ vai to rộng.

Xét theo quán tâm thì Tam Quán có thể che lấp biển cả sanh tử ngũ trụ.

* Tỳ Ma Chát Đa La (Vemacitra, Vimalacitra), phương này dịch là Tịnh Tâm, cũng dịch là Chung Chung Nghi (các thứ ngờ vực), tức là cha của phu nhân Xá Chỉ (Śacī)⁹³.

⁹³ Xá Chỉ được gả cho Đế Thích, bà này hay ghen tuông. Mỗi khi Đế Thích xuống trần gian nghe pháp, bà ta thường ngờ vực Đế Thích viện cớ để xuống trần gian tăng tị với nữ nhân trong thế gian. Bà ta lên theo xuống, to tiếng găt gồng chát vắn. Đế Thích bị mất mặt, nổi giận đuổi bà về cõi trời. Bà ta về khóc lóc với cha, A Tu La vương nghe con kể lể, nổi giận, xua quân đánh Đế Thích.

Xét theo Bốn Tích, sắc và tâm vốn tịnh, nơi Tích thị hiện xấu xí, ghen ghét.

Xét theo quán tâm thì chánh quán Trung Đạo tức là tâm tịnh.

* La Hầu (Rahu), phương này dịch là Chướng Trì (障持, ngăn trở, nắm giữ), giờ tay che lấp ánh sáng của mặt trời và mặt trăng.

Nơi Bốn thì trì Trung Đạo Thật Tướng, có thể ngăn trở ánh sáng tà vạy của nhị biên, nơi Tích thì thị hiện giống như thế.

Xét theo quán tâm, trì Chân Đế, chướng lấp ánh sáng ái kiến. Trì Trung Đế, ngăn trở ánh sáng của Không và Hữu.

Lại nữa, xét chung theo các giáo thì Sơ Giáo Bồ Tát trọn đủ ngũ trụ, gọi là “bị trói buộc”. Thông Giáo Bồ Tát hơi rộng hơn, nên gọi là Quảng Kiên Giáp (vai to rộng). Biệt Giáo thì sơ tâm biệt Trung, gọi là Tịnh Tâm. Viên Giáo ngăn chướng Hoặc, giữ lý, nên gọi là Chướng Trì.

Xét chung về Bốn Tích thì nơi Bốn trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Thiên, nơi Tích thị hiện chẳng phải là thiên chúng.

Xét chung về quán tâm thì chủ thể để quán (năng quán) là Không, chẳng có trời, người trong tam giới. Chủ thể để quán chính là Giả, chẳng có phương tiện nghĩa thiên. Chủ thể để quán chính là Trung, chẳng có Thật Báo nghĩa thiên. Nhất Tâm Tam Quán trụ Thường Tịch Quang, là trời người mà chẳng phải là trời, chẳng phải là người.

1.1.2.1.3.7. Ca Lô La chúng

(Kinh) Hữu tứ Ca Lô La vương: Đại Oai Đức Ca Lô La vương, Đại Thân Ca Lô La vương, Đại Mãn Ca Lô La vương, Như Ý Ca Lô La vương, các dữ nhược can bách thiên quyển thuộc câu.

(經)有四迦樓羅王：大威德迦樓羅王、大身迦樓羅王、大滿迦樓羅王、如意迦樓羅王，各與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Có bốn vị Ca Lô La vương: Đại Oai Đức (Mahātejas) Ca Lô La vương, Đại Thân (Mahākāya) Ca Lô La vương, Đại Mãn (Mahāpūrṇa) Ca Lô La vương, Như Ý (Maharddhiprāpta) Ca Lô La vương, mỗi vị cùng với vài trăm ngàn quyển thuộc nhóm họ).

Ca Lô La (Garuda)⁹⁴, phương này dịch là Kim Xí (金翅, cánh bằng vàng). Oai thể trấn áp các rồng, bèn có tên là Đại Oai Đức. To lớn hơn muôn loài bèn tên là Đại Thân. Rồng luôn thỏa mãn ý mình nên có tên là Đại Mãn. Đầu có bảo châu, nên tên là Như Ý.

Xét theo giáo, hơn hẳn các ngoại đạo thì gọi là Đại Oai Đức. Là sơ môn của Đại Thừa nên gọi là Đại Thân. Hằng sa Phật pháp thì gọi là Đại Mãn. Viên minh tự tại thì gọi là Như Ý.

Bồn Tích và quán tâm có thể phỏng theo đó mà biết.

1.1.2.1.3.8. Nhân chúng

(Kinh) Vi Đề Hy tử A Xà Thế vương, dữ nhược can bách thiên quyền thuộc câu.

(經)韋提希子阿闍世王，與若干百千眷屬俱。

(Kinh: Con bà Vi Đề Hy là vua A Xà Thế cùng với vài trăm ngàn quyền thuộc nhóm họp).

* Vi Đề Hy (Vaidehī), phương này dịch là Tư Duy, là tên của mẹ. Cha tên là Tần Bà Sa La (Bimbisāra), phương này dịch là Mô Thật (模實).

* A Xà Thế (Ajātasatru), phương này dịch là Vị Sanh Oán (未生怨, oán thù kể từ khi chưa sanh ra), hoặc gọi là Bà Lưu Chi, phương này dịch là Vô Chỉ (không có ngón tay). Cung nhân giấu diếm, gọi ông ta là

⁹⁴ Ca Lô La còn phiên âm là Ca Lưu La, Yết Lộ Trà, Ca Lô Trà, Già Lô La, Nga Lô Noa, Nghiệt Lô Noa v.v... là một loài chim, thân rất to, đầu chim, thân người, thích ăn thịt rồng. Hai cánh óng ánh như vàng, nên gọi là Kim Xí. Khi cánh xòe thẳng ra rộng đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, thường quạt nước biển làm đôi để bắt rồng ăn thịt. Loài chim này được thần Vishnu dùng làm vật cưỡi. Theo kinh Hải Long Vương, chân thân của loài chim này rất to đến nỗi cõi Diêm Phù Đề chỉ có thể chứa được một cái chân của nó. Sách Thám Huyền Ký nói: Mỗi ngày chim cần ăn một đại long vương và năm trăm tiểu long. Khi chim sắp chết, sẽ bị rồng phun độc, không ăn rồng nổi, bèn bị lửa đói đốt chết, rơi thẳng xuống phong luân của thế giới, lại bị gió thổi bay ngược lên, qua lại như thế bảy lần, rơi xuống Kim Cang Tể mới thật sự chết hẳn. Do chuyên ăn rồng, bị các chất độc tích tụ lại, lửa bốc cháy tiêu xác. Nan Đà long vương sợ cháy núi báu, tuôn mưa dập lửa, mỗi giọt mưa to như bánh xe. Thịt chim cháy hết, chỉ còn lại quả tim màu như thanh lưu ly. Luân vương nhặt được, dùng làm bảo châu. Đế Thích nhặt được, dùng làm bảo châu trong búi tóc.

Thiện Kiến. Tên gọi Thiện Kiến là Bồn, còn danh xưng Vô Chỉ là sự biểu hiện nơi Tích. Trong kinh Phổ Siêu, [có nói] ông ta trước đó đã sám hối diệt tội, cho nên trong hội Pháp Hoa, được dự vào Chúng Tín Chúng. Trong kinh Niết Bàn, đã trần thuật cội nguồn mọi chuyện.

Nơi Bồn thì đã trụ trong giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, nơi Tích thì thị hiện Ngũ Nghịch.

Xét theo quán tâm, giết cha vô minh, hại mẹ tham ái.

Hỏi: - Đức Phật thuyết pháp trong loài người, có sao kinh liệt kê loài người ít ỏi?

Đáp: - Kinh văn lược đi chẳng chép, chứ nhân loại thật ra chẳng ít. [Trong phần sau], kinh văn chép “*cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương đấng*” (và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương v.v...) Kinh Vô Lượng Nghĩa liệt kê bốn Luân Vương, quốc vương, quần thần, dân chúng, nam nữ, số lượng rộng lớn. Hơn nữa, trong phẩm Phân Biệt Công Đức có nói tứ thiên hạ cho đến đại thiên vi trần số người đắc đạo. Trong số ấy, há chẳng có loài người ư?

Hỏi: - Trời, người, rồng, quỷ đều thấy Phật, nghe pháp, nhưng địa ngục đạo và Vô Sắc Giới có sao chẳng kể ra?

Đáp: - Nay sẽ biện định ý nghĩa ấy. Các đường thẳng trầm do có trì giới hay hủy giới. Thấy Phật hay chẳng thấy Phật là do thừa có hoãn (thong thả, rề rà, buông lỏng) hay cấp (gấp gáp, nghiêm ngặt). Trì giới có thô hay tế, cho nên thọ báo có hơn kém. Thừa đề trì thì có Đại, Tiểu, cho nên thấy Phật có Quyền hay Thật. Lại phán định đại lược thừa và giới thì mỗi đẳng đều có ba phẩm. Kế đó, dùng bốn câu để liệu giản thì ý nghĩa ấy sẽ rõ rệt:

- Một là giới và thừa đều cấp.
- Hai là giới hoãn, thừa cấp.
- Ba là giới cấp, thừa hoãn.
- Bốn là giới và thừa đều hoãn.

Nhưng luận chung về giới thừa, hết thấy thiện pháp, hết thấy quán huệ đều được gọi là Giới, cũng đều có thể gọi là Thừa. Như ngũ thừa nhân, thiên v.v... và Đạo Cộng Giới v.v... Nay phán định riêng biệt thì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Bát Trai, Xuất Gia Luật Nghi, cho đến Định Cộng Giới có thể phòng ngự thân và miệng, ngăn che ác đạo quả, đạt được cái quả nhân thiên, thì đều gọi là Giới.

Nếu nghe kinh sanh hiểu biết, dùng quán trí để suy tìm Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác các

trí, có thể phá phiền não, chuyên chờ [hành nhân] thoát khỏi sanh tử thì gọi là Thừa.

a. Một là giới và thừa đều cấp. Trì hạ phẩm giới, tức là giới cấp, quả báo ở trong loài người. Trì Tiểu Thừa tức là thừa cấp, dùng thân trong nhân loại, thấy Phật nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Trì Trung Thừa tức là thừa cấp, dùng thân người để thấy đạo, nghe pháp trong Thông Giáo Đại Thừa cho đến các giáo pháp Đại Thừa kèm theo phương tiện. Trì thượng thừa thì là thừa cấp, dùng thân người để thấy Phật, nghe pháp trong các giáo như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... và Viên Giáo trong các giáo. Nếu trì trung phẩm giới thì là giới cấp, quả báo là trong Dục Giới Thiên. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp. Dùng thân cõi trời trong Dục Giới để thấy Phật, nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Nếu trì thượng phẩm giới thì là giới cấp, cộng thêm tu Thiền Định, quả báo là trong Sắc Giới hoặc cõi trời Vô Sắc. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp, dùng thân trong Sắc Giới hoặc Vô Sắc Thiên để thấy Phật, nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Giải thích câu đầu tiên đã xong.

b. Hai là giới hoãn, thừa cấp. Đối với tam phẩm giới đều hoãn đãi (không trì giới nghiêm túc, lơ là, ơ hờ), quả báo là đọa trong tam đồ. Trì Tiểu Thừa là thừa cấp. Dùng thân tam đồ để thấy Phật nghe pháp trong Tam Tạng Giáo. Những giáo khác giống như đã nói trong phần trước. Giải thích câu thứ hai đã xong.

c. Ba là giới cấp, thừa hoãn. Do ba loại giới (hạ phẩm, trung phẩm, thượng phẩm) đều cấp (trì giới nghiêm ngặt, chân thành), thọ thân trong trời, người, Sắc, Vô Sắc Thiên. Do tam thừa hoãn (không nghiêm túc học đạo, tu đạo), tuy Phật xuất thế thuyết pháp tam thừa, nhưng vì [hành nhân] yêu đắm quả báo sung sướng, đắm đuối, hoang đàng nơi ngũ dục, cho nên chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp. Chẳng hạn như ba ức gia đình tại thành Xá Vệ và chư thiên đắm đuối dục lạc trong tam giới là hạng người như thế đó. Giải thích câu thứ ba đã xong.

d. Bốn là giới lẫn thừa đều hoãn. Thọ quả báo trong tam đồ, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp. Kinh này chẳng kể hạng địa ngục, vì giới của họ hoãn đãi, bị quả báo khổ sở, nặng nề ngăn cách, thượng thừa lại hoãn, chẳng thể thấy Phật và nghe pháp trong hội Pháp Hoa được! Các kinh khác có liệt kê là vì họ đối với các thừa khác “có gấp”.

Lại còn chẳng kể Vô Sắc Giới Thiên, vì họ đối với thượng phẩm giới thì gấp, cho nên thọ thân trong cõi trời, nhưng chấp trước pháp vị

nơi Định, cho nên thượng thừa trở thành hoãn đãi, chẳng thể thấy Phật, nghe pháp trong hội Pháp Hoa. Các kinh khác có nhắc tới họ là vì đối với các thừa khác, họ “có gấp” (nghiêm ngặt dụng công tu tập). Nếu hiểu ý này, nhất nhất suy xét trời rồng tám bộ, sẽ biết bốn duyên của họ là hoãn đãi hay gấp rút, sẽ đều hiểu rõ ý nghĩa vì sao họ đến, hoặc chẳng đến [tham dự pháp hội]. Giải thích cặn kẽ thì như trong Tịnh Danh Sớ đã nói.

Lại biết “dùng Quyền để dẫn khởi Thật” thì ý nghĩa Bốn Tích càng rõ hơn. Hãy nên dùng điều này để suy xét quán hạnh của chính mình, sẽ có thể nhận biết nhân quả ba đời rành rành. Ngài Diệu Lạc (tôn giả Kinh Khê Tràm Nhiên) nói: “*Tịnh Danh Sớ dùng bảy nghĩa để giải thích bốn câu: Một là nói do thừa và giới [khác nhau] mà thấy Phật khác nhau. Hai là do hai hạnh tin pháp khác nhau. Ba là do Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt. Bốn là do căn tánh tiêm hay đốn. Năm là ứng tích. Sáu là quán tâm. Bảy là hóa độ người khác*”. Trước hết là nói về thừa và giới:

- Có Thừa thì sẽ gặp Phật; chẳng có Thừa, sẽ chẳng đến dự.
 - Hai là tin pháp, tọa Thiền, nghe học, giảng nói, đều được gặp Phật. Chỉ tùy theo pháp đã tu tập là Đại hay Tiểu [mà sẽ nghe pháp Đại hay Tiểu. Đó là điều thứ ba].
 - Bốn là tiêm đốn, vì Đại Thừa hay Tiểu Thừa mỗi pháp đều có Tiêm hay Đốn.
 - Năm là ứng tích, chính mình đạt được hai mươi lăm môn vương tam-muội, ứng hiện trong hai mươi lăm HỮU, dẫn hành giả thật sự hành pháp đến chỗ Phật.
 - Sáu là quán tâm, chỉ thuận theo quán hạnh để phán định sự thấy Phật.
 - Bảy là hóa độ người khác, thấy hay chẳng thấy đều xét theo phương diện lợi lạc người khác. Bậc đại quyền thị hiện dấu tích được nói đại lược như kinh văn trong phần này.
- Phần thứ nhất, liệt kê đại chúng đã xong.

1.1.2.2. Tổng kết đại chúng nhóm họp

(Kinh) Các lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)各禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Đều lễ dưới chân Phật, lui ra ngồi qua một bên).

Phần thứ nhất của Tự Phần, nêu chung về hai môn Tích Môn và Bốn Môn đã xong.

1.2. Phần tựa nói riêng về hai môn Tích Môn và Bốn Môn

Kinh văn được chia làm hai phần:

- Một là từ phần kinh văn ở chỗ này cho đến phẩm An Lạc Hạnh chính là phần Khai Quyền Hiển Thật của Tích Môn.
- Hai là từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất cho đến phẩm Thường Bất Khinh là phần Khai Cận Hiển Viễn của Bốn Môn.

1.2.1. Tích Môn Khai Quyền Hiển Thật

Chia thành ba phần:

- Một là kinh văn thuộc Tự Phần.
- Hai là từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký là kinh văn thuộc phần Chánh Thuyết (Chánh Tông Phần).
- Ba là từ phẩm Pháp Sư cho đến phẩm An Lạc Hạnh thuộc vào phần Lưu Thông [của Tích Môn].

1.2.1.1. Tự phần của Tích Môn

Chia thành năm đoạn:

- Một là phần Tự nhóm họp đại chúng.
- Hai là phần Tự về hiện tướng lành.
- Ba là phần Tự nêu ra suy nghĩ nghi ngờ.
- Bốn là phần Tự nêu thắc mắc.
- Năm là phần Tự giải đáp câu hỏi.

Phần Tự về chuyện nhóm họp đại chúng chính là Nhân Nhất. Phần Tự nói về chuyện hiện tướng lành (瑞相, thụy tướng) là Lý Nhất. Phần Tự nói về suy nghĩ nghi ngờ là Hạnh Nhất. Phần Tự vấn đáp là Giáo Nhất. Đó là giải thích xét theo nhân duyên (nhóm họp đại chúng là Thế Giới Tất Đàn. Hiện tướng lành là Đề Nhất Nghĩa Tất Đàn. Suy nghĩ ngờ vực là Vị Nhân Tất Đàn. Hỏi đáp là Đối Trị Tất Đàn, một mực như thế đó).

Xét theo giáo, phần Tự này nhằm dẫn nhập phần Chánh Tông, chẳng phải là Tam Tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt, mà nhằm

dẫn khởi phần Chánh Tông thuộc Viên Giáo (chỉ chú trọng Viên Giáo, nên nói “*chẳng phải*” [Tạng, Thông, Biệt]).

Xét theo Bốn Tích, nếu dùng phần Tựa này để giới thiệu Tứ Nhất (Nhân Nhất, Lý Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất) trong Bốn Địa thuộc phẩm Thọ Lượng thì sẽ tự hiểu rõ nghĩa này (Bốn Môn thì phải tới phẩm Thọ Lượng [mới nói rõ], nhưng cũng có thể biểu thị sẵn [ngay trong Tích Môn]. Hãy nên biết trong phần Tựa này, hiển thị rõ rệt về Tích Môn gồm bốn điều, ngầm biểu thị Bốn Môn cũng có bốn điều. [Chuyện đức Phật] thành Phật đã lâu [từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trước] chẳng vượt ra ngoài bốn điều ấy. [Thành Phật] đã lâu hay mới đây tuy khác biệt, nhưng lý Tứ Nhất giống hệt như nhau).

Xét theo quán tâm, Nhất Tâm Tam Đế là Lý Nhất. Nhất Tâm Tam Quán là Hạnh Nhất. Người quán như thế là Nhân Nhất. Có thể diễn nói cảnh được quán thì là Giáo Nhất. Lại thường quán Tam Đức, Năng và Sở đều gồm bốn mục: Pháp Thân là Lý, Bát Nhã là Giáo, giải thoát là Hạnh. Hòa hợp ba pháp sẽ thành “*giả danh nhân*”⁹⁵, tức là quán hạnh Như Lai.

Nếu xét theo địa vị Lục Tức thì địa vị nào cũng có Tứ Nhất. Trong mỗi niệm, niệm nào cũng gồm Tứ Nhất. Mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Tứ Nhất. Quán hạnh như thế, đúng là Pháp Hoa tam-muội. Tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau, tức là Tứ Nhất trong nhân duyên quán. Chẳng giống với ba giáo kia thì là Tứ Nhất xét theo các giáo. Đã thành Phật từ lâu xa, tức là Tứ Nhất nơi Bốn địa quán.

1.2.1.1.1. Phần Tựa về đại chúng vân tập

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn, tứ chúng vi nhiễu, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

(經)爾時，世尊，四眾圍繞，供養恭敬尊重讚歎。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tứ chúng vây quanh đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán).

Câu trước nói về oai nghi của đại chúng nhóm họp; câu sau nói về đại chúng vân tập cúng dường. “*Nhĩ thời*” là lúc sắp hiện sáu tướng

⁹⁵ Do “*người*” ở đây do ba pháp hòa hợp, nên gọi là “*người giả danh*”.

lành. “*Tứ chúng*” là Phát Khởi Chúng, Dương Cơ Chúng, Ảnh Hưởng Chúng, và Kết Duyên Chúng.

Phát Khởi (發起) là dùng trí soi xét thông suốt quyền mưu, biết căn cơ, biết đúng thời, bèn khơi gợi, phát động để thành tựu sự lợi ích, như voi lớn bẻ cây để cho voi con được no lòng. Nói “*phát khởi khiến cho nhóm họp*”, tức là [những ai] phát khởi tương lành cho đến phát khởi chuyện vấn đáp v.v... thì đều gọi là Phát Khởi Chúng (ứng theo [căn tánh của] chúng sanh mà lập bày thì gọi là Quyền, thuận theo lẽ thích nghi mà chế lập thì gọi là Mưu. Vừa có mưu, vừa có quyền, nên gọi là “*quyền mưu*” (權謀). Thật Trí dung hội bên trong, chẳng suy nghĩ mà thích đáng, nên nói “*trí giám*” (智鑒, trí xét soi). Soi xét điều thiện trong quá khứ có thể sanh trưởng, có thể thành tựu, cho nên gọi là “*biết căn cơ*”. Phù hợp đúng dịp chẳng sai chạy, nên gọi là “*biết thời*”. Đó là “*nội đức*”).

Kích phát lòng đại từ bình đẳng, dẫn phát điều thiện của đại chúng trong thuở ấy, nêu tỏ đại huệ bất nhị, thôi thúc khiến cho ba nghiệp được lợi ích. Lại còn kích phát túc nhân của đại chúng nhóm họp, phát khởi lợi ích mẫu nhiệm của bậc dương cơ, hoằng dương Đại giáo của Như Lai, lay động sự cố chấp của chúng sanh trong thuở ấy. Lại còn đánh động lòng đại bi của Phật, cho nên nói là “*kích phát*”. Khơi mở thánh chỉ (ý chỉ của Phật), nên gọi là Dương (揚, hoằng dương, nêu tỏ), khiến cho họ nghe điều chưa được nghe thì gọi là “*phát động*”. Khiến cho người nghe thật sự được thỏa mãn thì gọi là “*thành biện*” (成辦), [khiến cho người nghe] ắt đạt được giải ngộ thì gọi là “*lợi ích*”. Đó là tác dụng ở bên ngoài. Voi chúa đại quyền bẻ cây Pháp Thân để đến chỗ dấy lên sự ứng hiện, diễn nói Thật trong Nhất Thừa, khiến [cho người đắc độ] no đầy cơ duyên diệu hạnh. Năm phần của Phát Khởi Tự đều nhằm tạo lợi ích cho căn cơ của chúng sanh, cho đến phần vấn đáp v.v... đều nhằm dẫn nhập phần Chánh Tông.

Đương Cơ (當機) tức là [những ai] đã gieo cội đức từ trước, duyên hợp, thời cơ chín muồi, chẳng rời khỏi chỗ ngồi⁹⁶, vừa nghe liền đắc đạo (Luận định khít khao thì là bậc Sơ Trụ, thâm nhiếp trọn khắp lục căn, ngũ phẩm).

⁹⁶ Tức là những vị có cơ duyên tương ứng với pháp này, không khởi kiêu mạn, tự cho là mình đã hiểu hết Phật pháp, đức Phật vừa mới nói kinh Pháp Hoa đã đứng dậy lễ Phật, bỏ về.

Ảnh Hưởng (影響) là các vị Phật trong quá khứ, hoặc Pháp Thân Bồ Tát, ẩn giấu sự viên cực, khuông phò đấng pháp vương. Tuy chẳng làm gì, nhưng có lợi ích to lớn. Đấng hóa chủ hiện thân diễn nói, ắt phải nhờ có hóa bạn tạo ảnh hưởng. Vì thế, Đại Luận có câu hỏi: “*Vì lẽ nào các tỳ-kheo thường theo đức Thế Tôn? Đáp: Như bệnh đã lành, thường theo thầy thuốc, nhằm hiển lộ tài năng của y sư*”. Luận ấy chỉ nói đến chuyện trong thực tế mà còn có ảnh hưởng như thế; huống hồ Pháp Thân Bồ Tát hay cổ Phật thị hiện giúp Phật giáo hóa ư? Vì thế, biết tứ chúng giống như người bệnh nhẹ đã lành, tám bộ [quỷ thần] như người bệnh nặng đã khỏi. Nặng hay nhẹ đều có ảnh hưởng dù Quyền hay Thật.

Kết Duyên (結緣) là những ai không có sức hướng dẫn, kích động [cơ duyên thành tựu đạo phẩm cho người khác], đức hạnh thì chẳng có tác dụng khiến cho chúng sanh tuân phục, nghiêm trì, cần trọng quá khứ nông cạn, tam huệ (Văn, Tu, Tư) chẳng nẩy sanh. Đòi hiện tại tuy thấy Phật, nghe pháp, nhưng chẳng có bốn món lợi ích Tát Đàn, chỉ tạo nhân duyên đặc độ trong tương lai (trọn đủ Tứ Tát Đàn thì gọi là Đương Cơ. Ngũ phẩm là lợi ích về Thế Giới. Lục căn là lợi ích thuộc về Vị Nhân và Đối Trị. [Đại chúng đương cơ] từ Sơ Trụ trở lên là lợi ích thuộc về Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn. Nếu chưa nhập phẩm (chưa dự vào ngũ phẩm⁹⁷), đều gọi là Kết Duyên. Do vậy, trước khi đạt tới ngũ phẩm, sẽ chẳng có bốn điều lợi ích [thuộc về Tứ Tát Đàn] đối với Tam Huệ. Do chẳng có Văn Huệ, sẽ chẳng có Thế Giới Tát Đàn. Do chẳng có Tư Huệ, cho nên chẳng có Vị Nhân Tát Đàn. Do chẳng có Tu Huệ, cho nên chẳng có Đối Trị Tát Đàn. Do chẳng chứng nhập, nên không có lợi ích thuộc Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn. Lợi ích trong Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn có Thông và Biệt. Thông thì bao gồm ngũ phẩm, Biệt thì là Sơ Trụ. Vì thế, nói đến đặc độ cũng có Thông và Biệt, tức là Thông và Biệt trong Đệ Nhất Nghĩa).

Chúng tỳ-kheo có bốn loại riêng biệt (phát khởi, đương cơ, ảnh hưởng, kết duyên), ba chúng kia (tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di) cũng

⁹⁷ Ngũ phẩm là địa vị của ngoại phàm trong Viên Giáo (gọi là “ngoại phàm” vì chưa chứng đắc Lý), tức là còn trong địa vị Thập Tín, chưa đạt đến Sơ Trụ. Ngũ phẩm tức là:

1. Tùy hỷ phẩm: Nghe pháp Thật Tướng bèn tin hiểu, tùy hỷ.
2. Độc tụng phẩm: Đọc tụng kinh Pháp Hoa để giúp cho quán hạnh.
3. Thuyết pháp phẩm: Tự thuyết sự giải ngộ của mình để hướng dẫn người khác.
4. Kiêm hành Lục Độ phẩm: Tu Lục Độ để giúp cho quán tâm.
5. Chánh hành Lục Độ phẩm: Tự hành Lục Độ và giáo hóa người khác hành Lục Độ, Sự Lý trọn đủ, quán hạnh thù thắng.

thế, hợp thành mười sáu chúng. Giống như vào thời Đại Thông Trí Thắng Phật, các vương tử giảng lại [kinh Pháp Hoa sau khi Đại Thông Trí Thắng Phật nhập Định], họ chính là Phát Khởi Chúng thời đó. Những người nghe pháp đặc đạo chính là Đương Cơ Chúng thuở đó. Nghe pháp mà chưa đắc độ, nhưng đời đời gặp gỡ, có người thuộc địa vị Thanh Văn trong hiện thời, họ chính là Kết Duyên Chúng thuở đó.

Vị Phật ấy đã có bốn lần bốn mươi sáu chúng, vị Phật hiện tại (Thích Ca Mâu Ni Phật) có cùng một đạo, há chẳng có [mười sáu chúng] ư? Đây là mười sáu chúng trong Viên Giáo. Ba giáo kia phỏng theo đó cũng có thể biết.

Xét theo Bốn Tích, hãy dựa theo Thể và Dụng để nói về Bốn Tích. Bốn thì trụ trong địa vị tôn quý cùng cực (Phật quả), hoặc thuộc địa vị Pháp Thân sâu xa. Nơi Tích thì là mười sáu chúng trong bốn giáo.

Xét theo quán tâm, suy xét cảnh, tác quán, sẽ thuộc vào địa vị Danh Tự và Quán Hạnh, sẽ trở thành Kết Duyên Chúng. Dựa vào địa vị Tương Tự, sẽ trở thành Đương Cơ Chúng. Thuộc vào địa vị Phần Chân (Phần Chứng Tức Phật), sẽ trở thành Phát Khởi Chúng và Ảnh Hưởng Chúng (Nếu đã nhập từ xưa, thì chỉ gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Nếu là mới nhập thì gọi là Đương Cơ Chúng, mà cũng là Ảnh Hưởng Chúng, cũng như là Phát Khởi Chúng, giống như các vị phát thệ hoằng truyền kinh vậy).

“*Vi nhiều*” (圍繞, đi vòng quanh): Lúc đức Phật mới xuất thế, loài người chưa biết pháp, Tịnh Cư Thiên giáng hạ, hóa hiện hình dáng con người, đến chỗ Phật đi nhiều theo chiều phải. Nhiều xong bèn lễ kính. Lễ xong, bèn ngồi nghe pháp, [quy cách ấy] bèn trở thành khuôn mẫu. Đó là giải thích theo nhân duyên (Tịnh Cư Thiên giáng hạ tức là Thế Giới Tất Đàn. Hóa thành thân người, tức Vị Nhân Tất Đàn. Coi là khuôn mẫu, tức Đối Trị Tất Đàn. Lễ xong nghe pháp chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

“*Đoàn nhiều*” (圍繞, đi vòng quanh) tức là nói tới oai nghi đi nhiều quanh, biểu thị căn cơ thuộc bốn môn đã động, đều thấy viên lý. Dem Viên đối ứng với Thiên thì theo lệ có bốn nghĩa. Đó chính là dựa theo giáo để giải thích.

Lại nữa, thân Phật trọn khắp tướng hảo trang nghiêm, đi nhiều quanh bốn phía để chiêm ngưỡng, tăng trưởng Niệm Phật Định. Đó chính là dựa theo quán tâm mà giải thích.

Nếu quán sắc thân của Phật mà thấy Pháp Thân, thì là giải thích theo Bốn Tích.

Lại dựa theo Thể, Dụng và lâu xa hay gần đây [để luận định] thì nơi Bốn, trụ trong Pháp Thân bất động mà chẳng phải bất động, nơi Tích thì thị hiện căn cơ thuộc các giáo đi nhiều quanh đức Phật.

“*Cúng dường*”: Nếu luận định chung thì ba nghiệp đều là cúng dường. Nếu luận định riêng biệt thì cần phải khiêm ty, cẩn trọng, kiên thành, kính lễ thì mới gọi là “*cung kính*”. Chí tâm chuyên chú là “*tôn trọng*”. Thốt lời khen ngợi thì gọi là “*tán thán*”. Dùng y báo để bố thí thì gọi là “*cúng dường*”. Ở đây, kinh văn nói giản lược. Nói chi tiết thì như trong kinh Vô Lượng Nghĩa: Bếp trời, hương trời, đồ đựng trên cõi trời v.v... là cúng dường. Đại Trang Nghiêm Bồ Tát và tám vạn Đại Sĩ chấp tay, đó là cung kính. Nhất tâm chiêm ngưỡng là tôn trọng. Thuyết kệ tụng mỗi câu có bảy chữ chính là tán thán. Trong kinh ấy, đại chúng vân tập, thuyết pháp xong, nghiêm nhiên chẳng giải tán, từ ngay nơi pháp tòa ấy, nói kinh Pháp Hoa. Vì thế, dùng các chi tiết được nói trong kinh ấy để giải thích các chỗ đại lược trong kinh này, ý nghĩa chẳng trở ngại!

1.2.1.1.2. Phần Tụ về hiện tướng lành

1.2.1.1.2.1. Hiện sáu tướng lành trong cõi này

Phần này chia thành sáu đoạn:

- Một là tướng lành thuyết pháp.
- Hai là tướng lành nhập Định.
- Ba là tướng lành tuôn mưa hoa.
- Bốn là tướng lành đại địa chấn động.
- Năm là tướng lành đại chúng hoan hỷ.
- Sáu là tướng lành phóng quang.

Thuyết pháp biểu thị “*thuyết pháp diệu*” và “*trí diệu*”. Nhập Định biểu thị “*hạnh diệu*”. Tuôn mưa hoa biểu thị “*vị diệu*” (địa vị màu nhiệm). Đất chấn động biểu thị “*cảnh diệu*” và “*thừa diệu*”. Đại chúng hoan hỷ biểu thị “*quyến thuộc diệu*” và “*lợi ích diệu*”. Phóng quang biểu thị “*cảm ứng diệu*” và “*thần thông diệu*”. Vì thế, sáu điều ấy đều được gọi là phần Tụ về hiện tướng lành. Chỗ này bất đồng với Thần Thông Diệu được nói trong phần Huyền Nghĩa. Trong ấy, [thần thông diệu] bao gồm sáu tướng lành thuộc về hương, gió, đại địa thanh tịnh... giữa hai cõi; cho nên gồm thấu trọn khắp; còn kinh văn trong phần này chẳng nói đến cõi khác, mà là cõi này trọn đủ. Đối với các kinh văn được xét đến, đều có ý nghĩa Thông và Biệt. Những lời lẽ biểu thị đều

hàm chứa ý nghĩa rộng lớn. Bởi lẽ, đối với đại sự, bậc đại nhân tạo sự cảm động to lớn, hồng khiến cho căn cơ to lớn được hưởng lợi ích to lớn. Để hiển thị đại lý, đều cần phải có đại quyền thuộc phù trợ đại hội, đều cảm đại thời, đại vận (cơ duyên to lớn) chín muồi. Nếu chẳng phải là Linh Sơn đã cùng hội đủ [các nhân duyên ấy] thì để [cho các căn cơ trong] đời này có thể đích thân tiếp nhận, há có thể khế hợp được ư, há có thể suy lường nổi ư?

1.2.1.1.2.1.1. Tướng lành thuyết pháp

(Kinh) Vị chư Bồ Tát, thuyết Đại Thừa kinh, danh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)為諸菩薩，說大乘經，名無量義教菩薩法佛所護念。

(Kinh:) Vì các vị Bồ Tát nói kinh Đại Thừa tên là Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Câu đầu nêu ra Pháp Thể sẽ được nói. Câu kế đó, nêu ra tên của Thể. Câu thứ ba nói đến chỗ nương tựa của Bồ Tát. Câu thứ tư nói đến sự thủ hộ của Phật.

Đại Thừa: Kinh Thiện Giới nói có bảy thứ đại:

- Một là pháp đại, ý nói mười hai bộ Tỳ Phật Lục (Vaipulya, Phương Quảng).
- Hai là tâm đại, tức cầu Vô Thượng Đại Bồ Đề.
- Ba là giải đại, tức là thấu hiểu Bồ Tát tạng.
- Bốn là tịnh đại, tức là kiến đạo, tâm địa thanh tịnh.
- Năm là trang nghiêm đại, tức là phước đức, trí huệ.
- Sáu là thời đại, tức ba A-tăng-kỳ kiếp tu hành.
- Bảy là cụ túc đại, tức là dùng tướng hảo tự trang nghiêm để đắc Bồ Đề.

[Trong ấy], điều thứ sáu chính là nhân đại, điều thứ bảy là quả đại. Đại nhân, đại quả thì được gọi là kinh Đại Thừa. Nay đem mười điều để đối ứng thì pháp đại là “cảnh diệu”, tâm đại và giải đại chính là “trí diệu”, tịnh đại và trang nghiêm đại là “hạnh diệu”, thời đại là “vị diệu” (sự mãn nhiệm nơi địa vị), cụ túc đại là “tam pháp diệu” (ba pháp Giới, Định, Huệ đều diệu). Do nhân mà có quả, Năng lẽ nào chẳng có Sở? Vì thế, không chỉ có năm thứ trước, mà ắt còn kèm thêm năm thứ sau.

Nhưng ba A-tăng-kỳ, nghĩa bao gồm Tam Tạng, từ tên gọi giống nhau, có thể tương ứng với thập diệu.

“*Vô Lượng Nghĩa*”: Kinh ấy nói: “*Tùng nhất pháp sanh, kỳ nhất pháp giả, sở vị vô tướng. Vô tướng bất tướng, danh vi Thật Tướng. Tùng thử Thật Tướng, sanh vô lượng pháp*” (Từ một pháp sanh, một pháp ấy chính là nói tới vô tướng. Vô tướng chẳng phải là tướng thì gọi là Thật Tướng. Từ Thật Tướng ấy, sanh ra vô lượng pháp). Nói tới nhị pháp, tam đạo, tứ quả, nay sẽ giải thích. “*Vô tướng*” là chẳng có tướng sanh tử. “*Bất tướng*” là chẳng có tướng Niết Bàn, Niết Bàn cũng không. Vì thế nói là “*bất tướng*”, tức là nói “*Trung Đạo là Thật Tướng*”. “*Nhị pháp*” chính là Đốn và Tiệm. Đốn là như hết thấy các pháp đốn trong Hoa Nghiêm. Tiệm là hết thấy các pháp thuộc Tam Tạng, Phương Đẳng, Bát Nhã v.v... “*Tam đạo*” tức tam thừa. Tứ Quả tức La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, và Phật. Các pháp ấy được gọi là Vô Lượng. Thật Tướng được gọi là Nghĩa Xứ. Từ một nghĩa xứ, xuất sanh vô lượng pháp, và vô lượng nghĩa xứ lại nhập vào một nghĩa xứ để làm Tự (dẫn đường cho kinh Pháp Hoa). Ví như tính toán, từ một phép toán mà suy ra các phép toán khác. Sau đó, loại bỏ các phép toán khác để quy vào một kết quả tính toán. Do các phép toán [trung gian không chứa kết quả cuối cùng] nên bỏ đi, các phép toán trung gian chính là các bước dẫn khởi đến bước loại trừ cuối cùng. Tách ra chính là bước dẫn khởi cho việc ghép lại cũng giống như thế. Từ trong một mà phát ra các ý nghĩa, rồi lại thu tóm các ý nghĩa về một.

“*Giáo Bồ Tát pháp*”: Vô lượng nghĩa xứ dùng để dạy Bồ Tát. Nghĩa xứ tức là Đế lý. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Phổ linh nhất thiết chúng, diệc đồng đắc thử đạo*” (Khiến cho hết thấy mọi người cũng cùng đắc đạo này). Lại nói: “*Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo*” (Nếu ta gặp chúng sanh, đều dùng Phật đạo dạy) chính là ý này. “*Phật sở hộ niệm*”: Vô lượng nghĩa xứ do Phật tự chứng đắc. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Phật tự trụ Đại Thừa, tuy dục khai thị, nhi chúng sanh căn độn, cứu mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết*” (Phật tự trụ trong Đại Thừa, tuy muốn khai thị, nhưng do căn cơ của chúng sanh chậm lụt, cho nên chẳng nói điều ấy đã lâu, chẳng vội nói). Vì thế nói là “*hộ niệm*”.

1.2.1.1.2.1.2. Tướng lành nhập Định

(Kinh) Phật thuyết thử kinh dĩ, kết gia phu tọa, nhập u Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động.

(經)佛說此經已，結加趺坐，入於無量義處三昧，身心不動。

(Kinh: Đức Phật nói kinh này xong, ngồi xếp bằng, nhập trong Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động).

“*Gia phu tọa*” (加趺坐,ngồi xếp bằng,chéo chân, hai lòng bàn chân lật ngửa lên): Từ xưa, chư Phật và các đệ tử đều hành pháp này khiến cho kẻ khác cung kính, hòng đẹp ý của trời, người. Vì thế, chẳng giống với nghi tiết của thế gian và ngoại đạo, do có thể phá ma quân, do có thể phát khởi tâm Chánh Giác. Đây chính là ý nghĩa Tứ Tất Đàn.

“*Nói kinh xong, bèn nhập tam-muội*”: Định và Huệ thành tựu lẫn nhau, chẳng có Thiền sẽ không có trí; vì thế, trước hết nhập Định. Chẳng có trí, sẽ không có Thiền; vì thế, thuyết pháp trước. Trí chính là Thiền, Thiền chính là trí, trước sau nhập xuất, chẳng bị ngăn ngại. Kẻ ôm lòng nghi nói: “Nếu chưa nói vô lượng nghĩa thì có thể nhập môn Định ấy! Nói kinh ấy xong, có sao nhập Định?” Giải rằng: “Do kinh ấy dẫn đường cho kinh Pháp Hoa! Vì sao? Nếu chẳng mở ra [vô lượng nghĩa] trước; sau đó, sẽ không có gì để gộp lại! Trước hết nhập khai Định dẫn khởi cho hợp Định⁹⁸”. Vì thế, gọi là “*tướng lành*”.

“*Thân tâm bất động*”: Do chỗ duyên theo tương ứng với Thật Tướng nghĩa xứ. Nguồn cội của cái thân bình lặng dường hư không. Lý tánh nơi tâm rốt ráo thường tịch. Trong kinh văn thuộc phần sau, trong bài kệ tán thán Đại Thông Trí Thắng Phật có nói: “*Thân tâm cập thủ túc, tịch nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn*” (Thân, tâm và chân tay, vắng lặng, an, bất động. Tâm Ngài thường an định, chưa hề có tán loạn). Nay thân như kim cang, chẳng thể lay chuyển. Tâm dường hư không, chẳng có phân biệt. Gìn giữ pháp Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội nơi thân tâm. Vì thế, bất động. Định nương vào nghĩa xứ, vẫn gọi là “*vô lượng*”. Môn Định ấy vắng lặng mà thường

⁹⁸ Do Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội là môn Định thuộc về vô lượng nghĩa, từ Nhất Thừa mà tách ra vô lượng nghĩa, nên gọi là “khai Định”. Sau khi xuất Định, đức Phật sẽ dạy kinh Pháp Hoa, tức là dạy Pháp Hoa tam-muội, môn Định ấy quy kết hết thảy các giáo pháp trong cả một đời giáo hóa của đức Phật vào Nhất Thừa, nên gọi là “hợp Định”.

chiếu, có thể biết thể gian từ một pháp ấy mà sanh ra vô lượng pháp. Pháp thể của cái thân vốn là vận động, nay khiến cho nó bất động; pháp thể của cái tâm có tánh chất phân biệt, nay giữ cho nó chẳng phân biệt. Ý nghĩa được trần thuật đã rõ ràng vậy.

Hỏi: - [Hễ nói đến] “*tướng lành*” thì vốn là nói đến chuyện kỳ lạ, thuyết pháp và nhập Định vốn là oai nghi thường hằng của Phật, sao lại nói là “*tốt lành*”?

Đáp: - [Đức Phật] thuyết pháp vừa xong, ngay lập tức nhập Định, khiến cho đại chúng khi ấy chẳng giải tán, nghiêm túc chờ đợi. Vì thế biết: Do phần thuyết pháp trước đó, toàn thể đại chúng tụ tập, đợi nghe phần giảng sau đó. Đó là điều đặc biệt lạ lùng, khác với các buổi thuyết pháp thông thường, lẽ nào chẳng phải là “*điều tốt lành*”? Tuy nhập khai định, ý ở chỗ hợp Định, khác với chuyện nhập Định thông thường, lẽ nào chẳng phải là *tốt lành*? Ngài Văn Thù lại dẫn sáu điềm lành của cổ Phật, đều có những chuyện ấy. Nếu xưa kia chẳng phải là *tướng lành*, sao có thể chứng minh cho hiện tại được? Xưa nay giống hệt nhau, há có thể dùng phạm tình để phủ định ư?

1.2.1.1.2.1.3. *Tướng lành tuôn mưa hoa*

(Kinh) *Thị thời, thiên vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa, nhi tán Phật thượng, cập chư đại chúng.*

(經)是時，天雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅華，曼殊沙華，摩訶曼殊沙華，而散佛上，及諸大眾。

(Kinh: Khi đó, trời mưa hoa Mạn Đà La (Mandārava), hoa Ma Ha Mạn Đà La (Mahāmandārava), hoa Mạn Thù Sa (Mañjūṣaka), hoa Ma Ha Mạn Thù Sa (Mahāmañjūṣaka) để rải lên đức Phật và các đại chúng).

Bốn thứ hoa theo lời cựu dịch là Bạch, Đại Bạch, Xích (đỏ), Đại Xích, hoặc dịch là Thích Ý, Đại Thích Ý, Nhu Nhuyễn, Đại Nhu Nhuyễn. Bạch biểu thị Thập Trụ “*khai Phật tri kiến*”. Đại Bạch biểu thị Thập Hạnh “*thị Phật tri kiến*”. Xích biểu thị Thập Hồi Hướng “*ngộ Phật tri kiến*”. Đại Xích biểu thị Thập Địa “*nhập Phật tri kiến*”. Bốn mươi địa vị đều là cái nhân thành Phật. Cái nhân ấy sanh từ Trung Đạo

Đệ Nhất Nghĩa. Vì thế, từ trên trời tuôn xuống. Nhân có nghĩa “hướng đến quả”; vì thế, rải lên đức Phật. Nhân quả như thế, ai sẽ cảm vơi đạt được? Chỉ có đại chúng trong hội này vào thuở đó. Vì vậy nói “*cập chư đại chúng*” (và các đại chúng).

1.2.1.1.2.1.4. Tướng lành đại địa chấn động

(Kinh) Phổ Phật thế giới, lục chủng chấn động.

(經)普佛世界，六種震動。

(Kinh: Khắp thế giới Phật, sáu thứ chấn động).

Biểu thị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đăng Giác, Diệu Giác là sáu phen phá vô minh. Vô minh đã gần hết, mỏng manh, chưa từng hoàn toàn bị phá hủy, nay sắp bị phá hoại, cho nên dùng chuyện chấn động cõi đất để biểu thị. Kinh Ưu Bà Tắc Thanh Tịnh Hạnh nói: “*Bồ Tát sanh thời động địa, thị thử sanh dĩ tận, vô phục phiên nã. Nhất thiết chúng sanh ưng đắc đạo giả, phiên nã tương diệt, cố động*” (Khi Bồ Tát sanh bèn chấn động cõi đất, nhằm biểu thị sanh đã hết, chẳng còn phiên nã. Hết thấy chúng sanh đáng nên đắc đạo, phiên nã sắp diệt, cho nên chấn động), chính là nghĩa này.

Giải thích theo Bốn Tích thì như ngài Văn Thù giải trừ điều nghi, dẫn chuyện cổ Phật để đáp, ngầm đạt được ý này; đó chính là “*biết Bốn*”. Không chỉ các vị Phật xưa kia đã hiện tướng lành ấy, mà đức Thế Tôn nơi Bốn cũng hiện tướng lành ấy, chẳng phải chỉ là một phen trong hiện thời!

Giải thích theo quán tâm, thì là chấn động sáu căn, tiêu tan chấp trước nơi lục căn. Như tướng đất kiên cố, lay động cõi đất khó lay động, biểu thị tịnh hóa các căn chưa thanh tịnh. [Các tướng chấn động như] Đông vọt lên, Tây chìm xuống, phương Đông màu xanh, chủ gan, gan chủ mắt. Phương Tây màu trắng, chủ phổi, phổi chủ mũi. Điều này biểu thị công đức sanh từ nhãn căn, diệt phiên nã nơi tỵ căn, tỵ căn sanh khởi công đức. Phương Nam màu đỏ, chủ tâm, tâm chủ lưỡi. Phương Bắc màu đen, chủ thận, thận chủ tai. Bốn bên biểu thị thân, trung ương biểu thị ý. Thân có đủ bốn căn, ý duyên trọn khắp bốn căn. Các phương đối ứng [phương này] vọt lên, phương kia chìm xuống, biểu thị công đức lần lượt sanh ra nhau, phiên nã diệt lẫn nhau. Hãy nên biết như thế.

Sáu thứ chấn động, theo cựu dịch thì là Động, Khởi, Dừng, Chấn, Hồng, và Giác. Rung lắc chẳng yên thì gọi là Động (動). Từ dưới dâng

cao lên thì là Khởi (起). Trồi lên hụp xuống thì là Dũng (起). Có tiếng động ngầm (âm ì không nghe rõ tiếng) thì là Chấn (震). Phát ra tiếng vang rảng rắc là Hống (吼). Khiến cho chúng sanh nhận biết kinh sợ thì là Giác (覺). Tân dịch thì nói là Động, Dũng, Kích, Chấn, Hống, Bộc. Kích (擊) là như va đập. Bộc (爆) là như tiếng lửa [cháy nổ lộp bộp]. Ba thứ đầu là hình tướng, ba thứ sau là âm thanh. Do kinh luận nêu đại lược, nên chỉ nói là “*chấn động*”, tức là đối với hình tướng và âm thanh mỗi loại, chỉ nêu một thứ. Trong mỗi loại, lại có ba thứ là động, biến động, đẳng biến động. Ngay nơi chỗ ấy bị lay động thì gọi là Động. Tứ thiên hạ đều động là Biến Động (徧動). Đại thiên thế giới đều động thì gọi là Đẳng Biến Động (等徧動). Năm thứ kia cũng thế, hợp thành mười tám thứ chấn động, tức là biểu thị sự tịnh hóa mười tám giới. Lại nữa, căn nào cũng đều tu Tam Quán, như mười tám món động. Tướng động tuy có mười tám loại, nhưng cái bị động chỉ là một, tức đại địa. Như căn tuy có sáu món, giới tuy có mười tám món, do vô minh đã phá thì hết thảy đều bị phá.

1.2.1.1.2.1.5. Tướng lành đại chúng hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương. Thị chư đại chúng, đắc vị tăng hữu, hoan hỷ hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật.

(經)爾時，會中比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人、非人、及諸小王、轉輪聖王。是諸大眾，得未曾有，歡喜合掌，一心觀佛。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong hội, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người, và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương. Các đại chúng ấy đạt được điều chưa từng có, hoan hỷ chấp tay, nhất tâm quán Phật).

* Ưu-bà-tắc (Upāsaka) phương này dịch là Cận Sự Nam. Ưu-bà-di (Upāsikā), phương này dịch là Cận Sự Nữ, bầm thọ Tam Quy, Ngũ Giới, là những người thân cận, thừa sự Tam Bảo, nhưng chia thành tại gia và xuất gia. Tại gia thì gọi là Cận Sự, xuất gia thì gọi là Cận Trụ. Xuất gia thì ở trong Tăng-già-lam (tự viện), nhưng chưa cạo bỏ râu tóc, chưa thọ mười giới. Vì thế, chẳng gọi là Sa Di.

* Dạ Xoa (Yakṣa), phương này dịch là Tiệp Tật (捷疾, nhanh chóng), cũng dịch là Dũng Kiện (勇健, mạnh mẽ), còn dịch là Bạo Ác, là tên một loài quỷ phi hành.

* Ma Hầu La Già (Mahoraga), phương này dịch là Đại Phúc Hành (大腹行, loài bò trườn lớn)⁹⁹, những loại kia như đã giải thích trong phần trước.

* Nhân, phi nhân: Tứ chúng là người, tám bộ thì là phi nhân. Câu này nhằm tổng kết.

* Tiểu vương: Như mười sáu quốc vương¹⁰⁰, cho đến những người đứng đầu các thôn xóm.

* Chuyển Luân Thánh Vương (Chakravartī-rajā) có bốn loại:

- Một là Kim Luân Vương, vua tứ thiên hạ.

- Hai là Ngân Luân Vương làm vua ba thiên hạ, trừ Bắc Châu (Bắc Câu Lô Châu).

⁹⁹ Ma Hầu La Già còn được phiên âm là Ma Hầu La Ca, Ma Hô Lạc Ca, Ma Hô La Già, Ma Hộ Ra Già, Mạc Hô Lạc Ca, Mạc Hô Lạc Già, Ma Hưu Lạc, Ma Phục Lạc v.v... có nghĩa là Đại Xà, Đại Mãng Thần. Đây cũng là một loại nhạc thần. Duy Ma Cật Kinh lược Sớ gọi loại này là Địa Long. Khi được đắp tạc trong truyền thống Nam Tông, khác với rồng thường có hình dạng như rắn hổ mang lớn có nhiều đầu, Ma Hầu La Già thường được tạc hình người đầu rắn, hoặc rắn có đầu người đội hình rắn trên đầu, một tay cầm sên, tay kia cầm trống lắc, lưng đeo các chuỗi trống nhỏ. Nhân duyên đọa làm Ma Hầu La Già là người thích bố thí, thích hộ pháp, nhưng sân tâm rất nặng.

¹⁰⁰ Mười sáu quốc vương là nói đến vua của mười sáu nước lớn tại Ấn Độ thời đức Phật tại thế. Theo kinh Xà Ni Sa trong Trường A Hàm (quyển thứ năm), mười sáu đại quốc thời đức Phật là: Ương Già (Aṅga, thủ đô là thành Champa (Chiêm Ba), nên một số văn bản gọi nước này là Chiêm Ba quốc), Ma Kiệt Đà (Magadha), Ca Thi (Kāśī, do thủ đô là Ba La Nại nên còn gọi là Ba La Nại quốc), Cự Tát La (Câu Tát La, Kiều Tát La, Kōśala), Bạt Kỳ (Vrjī), Mạt La (Malla), Chi Đề (Xa Đề, Cedi), Bạt Tha (Vatsa), Cự Lô (Câu Lô, Kuru), Ban Xà La (Ban Giá La, Pañcāla), A Thập Ba (Āśvaka), A Ban Đề (Avanti), Ma Tha (Matsya), Tô La Sa (Sūrasena), Càn Đà La (Kiện Đạt La, Gandhāra), Kiêm Bộn Sa (Kiêm Phù Sa, Kamboja).

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Ba là Đồng Luân Vương, vua hai thiên hạ, trừ Tây Châu (Tây Ngưu Hóa Châu).

- Thiết Luân Vương, vua của Nam Châu (Diêm Phù Đề).

Hỏi: - Thuở đức Phật tại thế, há có bốn luân vương ư?

Đáp: - Người đáng được nghe kinh Pháp Hoa đều từ các cõi khác nhóm đến.

Hỏi: - Vì sao trong phần liệt kê đại chúng trước đó chẳng liệt kê họ?

Đáp: - Cùng nghe để chứng tín, đều chẳng phải liệt kê tùy tiện được, phần nhiều [là liệt kê những người] thuộc hai loại Ảnh Hưởng và Phát Khởi [để chứng tín]. Nay trong phần này nói trọn khắp chúng Đương Cơ và Kết Duyên, chớ nên bắt bẻ! Đại chúng thấy mưa hoa, đất chấn động, biết cam lộ sắp giáng. Vì thế, hân hoan, hớn hở đầy ấp trong tâm, biểu thị căn cơ to lớn sẽ được phát khởi, cảm vờn sự ứng hiện thù thắng.

Hỏi: - Hỷ nộ là chuyện thường tình của con người, sao lại coi là tướng lành?

Đáp: - Hoa trời sướng mắt, đất động rung lòng. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Động thời năng linh chúng sanh tâm động*” (Khi [đại địa] động có thể khiến cho tâm chúng sanh động). Hoa và đất biểu thị điều lành bên ngoài. Tâm vui sướng là điều lành bên trong, chẳng phải là sự vui sướng tầm thường. Tuy trước kia đã từng có, nhưng chẳng bị hoan hỷ lay động, có thể nhất tâm quán Phật, sao chẳng phải là điều lành?

Xét theo giáo, hoan hỷ động Âm tâm, là ý nghĩa trong Nhân thiên. Hoan hỷ động Chân Đế vô lậu tâm là ý nghĩa trong Tạng Giáo và Thông Giáo. Hoan hỷ động cái tâm “tức Giả” chính là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Hoan hỷ động Thật Tướng tâm là ý nghĩa trong Viên Giáo. Ở đây là [sự động tâm] theo Viên Giáo.

Hỏi: - Thật lý bất động, sao lại nói là động?

Đáp: - Động chính là phát khởi. Căn cơ Viên Giáo sẽ thành thì gọi là “*động Thật Tướng*”.

Xét theo Bốn Tích, Bốn là trụ trong tam-muội bất động, còn Tích là dùng đất chấn động để biểu thị sự phát khởi.

Xét theo quán tâm thì một niệm diệu quán vừa động, các tâm sở khác đều tùy thuận mà động theo!

1.2.1.1.2.1.6. Tướng lành phóng quang

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên thế giới, my bất châu biến.

**(經)爾時，佛放眉間白毫相光，照東方萬八千世界，
靡不周徧。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu một vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông, không đâu chẳng trọn khắp).

Phóng quang biểu thị ứng theo căn cơ mà lập giáo, phá Hoặc trừ nghi. “Bạch hào” (Ūṇā, tướng lông trắng cuộn tròn theo chiều phải như một viên ngọc chính giữa hai mày): Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: “Phật sơ sanh thời, khiên trường ngũ xích. Khổ hạnh thời, trường nhất trượng tứ xích. Đắc Phật thời, trường nhất trượng ngũ xích. Kỳ hào trung biểu câu không, bạch như lưu ly đồng, nội ngoại thanh tịnh. Tùng sơ phát tâm, trung gian hạnh hành chủng chủng tướng mạo, nãi chí nhập Niết Bàn nhất thiết công đức, giai hiện hào trung” (Lúc đức Phật sơ sanh, bạch hào kéo ra dài năm thước. Khi khổ hạnh, dài một trượng bốn thước. Khi thành Phật, dài một trượng năm thước. Bạch hào ấy trong ngoài đều rộng không, trắng như ống lưu ly, trong ngoài thanh tịnh. Các thứ tướng mạo từ sơ phát tâm, trong khoảng giữa hành các hạnh, cho đến hết thấy công đức khi nhập Niết Bàn đều hiện trong bạch hào).

Bạch hào ở giữa hai lông mày, biểu thị Trung Đạo thường hằng. Nó mềm mại, biểu thị Lạc. Cuộn vào, duỗi ra tự tại, biểu thị Ngã. Màu trắng biểu thị Tịnh. Phóng quang nhằm phá tam tối, biểu thị Trung Đạo sanh ra quang minh trí huệ. Chiếu cõi này và cõi khác, biểu thị tự giác, giác ngộ người khác. Lại nữa, Tạng và Thông tuy biết hai Đế (Chân Đế và Tục Đế), nhưng chẳng biết Trung Đạo, như có hai lông mày mà chẳng có bạch hào. Biệt Giáo tuy biết Tam Đế (Chân Đế, Tục Đế và Trung Đế), chẳng thể trọn đủ hết thấy các pháp trong bạch hào. Nay các chuyện từ ban đầu cho tới mai sau trong pháp giới đều hiện nơi bạch hào, chính là biểu thị ý nghĩa Viên Giáo.

Lại nữa, các kinh nói phóng quang khác nhau. Trong phẩm Như Lai Hiện Tướng của kinh Hoa Nghiêm, từ nơi răng phóng quang, phát ra kệ tụng để nhóm họp đại chúng; đây là biểu thị sắp thuyết pháp. Lại nữa, phóng quang từ giữa hai mày, [quang minh tỏa ra] nhập vào chân, biểu

thị dùng cực quả làm cái nhân chân thật. Trong phẩm Phổ Hiền Tam Muội, từ lỗ chân lông, phóng quang tán tụng Phổ Hiền, biểu thị hạnh Phổ Hiền trọn khắp. Trong phẩm Quang Minh Giác, phóng quang từ hai bàn chân, biểu thị pháp môn Thập Tín. Trong phẩm Tu Di Sơn Đảnh, phóng quang từ hai ngón chân, biểu thị Thập Trụ. Trong phẩm Dạ Ma Thiên Cung, phóng quang từ hai chân rọi lên trên, biểu thị Thập Hạnh. Trong phẩm Đâu Suất Thiên Cung, phóng quang từ hai gối, biểu thị Thập Hồi Hướng. Trong phẩm Thập Địa, phóng quang từ giữa hai mày, biểu thị Thập Địa chứng thẳng vào Trung Đạo. Vì thế nói kiêm và biệt. Trong phẩm Như Lai Xuất Hiện, phóng quang minh từ tướng bạch hào, [quang minh chiếu xong liền] nhập vào đỉnh đầu diệu đức. Đó là khiến cho [bậc đương cơ] thưa hỏi Phật pháp viên diệu. Phóng quang minh từ miệng, nhập vào miệng ngài Phổ Hiền, tức là dạy [Phổ Hiền Bồ Tát] hãy nói Phật pháp viên diệu. Trong phẩm Nhập Pháp Giới, phóng quang minh từ tướng bạch hào, khiến cho các vị Bồ Tát thấy Phật sự trong trọn khắp pháp giới; đây là muốn khiến cho chúng sanh an trụ trong Sư Tử Tàn Thân tam-muội. Trong kinh Đại Phẩm Bát Nhã, từ tướng bánh xe ngàn cãm dưới lòng bàn chân cho đến nhục kế trên đỉnh đầu, mỗi tướng đều phóng sáu vạn ức quang minh; đây là dùng thân luân để biểu thị Bát Nhã trọn khắp. Trong kinh Đại Bát Niết Bàn, diện môn¹⁰¹ tỏa ánh sáng, biểu thị miệng Phật mật thuyết tạng bí mật. Nay kinh này bạch hào phóng quang, biểu thị Trung Đạo Thật Tướng. Vì thế, ngài Văn Thù nói: “*Kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa*” (Nay đức Phật phóng quang minh, nhằm giúp phát khởi nghĩa Thật Tướng). Quang minh còn soi thấy chuyện trong mười pháp giới của cõi này và cõi khác, nhằm biểu thị mười pháp giới không gì chẳng do một ấn Thật Tướng in vào.

Xét theo giáo, thân Phật cao trọng sáu phóng quang là ý nghĩa theo Tam Tạng. Kèm theo Thắng Ứng Thân và Liệt Ứng Thân phóng quang là nghĩa trong Thông Giáo. Thân tôn quý đặc biệt phóng quang là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Thân trọng sáu chính là Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na phóng quang. Đó là ý nghĩa trong Viên Giáo. Long nữ tán thán rằng: “*Vi diệu tịnh Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị*” (Pháp Thân sạch vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng) chính là khai hiện Viên Giáo vậy.

¹⁰¹ Diện môn có ba cách giải thích: Một, diện môn là miệng. Hai, diện môn là cả khuôn mặt. Cách hiểu thứ ba là phần ở giữa mũi và miệng.

Phương Đông là khởi đầu của các phương, biểu thị Thập Trụ là địa vị khởi thi. Thuyết pháp trong Tích Môn có thể khiến cho sanh thân Bồ Tát rộng rang thấy Lý, dự vào địa vị Thập Trụ trong Viên Giáo, khai Phật tri kiến. Nêu ra điều đầu tiên, sẽ biết điều ở giữa và sau cùng. Vì thế nói “*mỵ bất châu biến*” (không đâu chẳng trọn khắp). Hãy nên biết là các phương cũng đều như thế, các địa vị cũng thế. Nếu thuyết pháp theo Bốn Môn, bốn phương Phật vân tập biểu thị Pháp Thân Bồ Tát “*tăng đạo, tổn sanh*” (dần dần tăng trưởng ngộ trí, dần dần tổn giảm sanh tử), tăng trưởng bốn địa vị.

“*Một vạn tám ngàn thế giới*”: Như trong kinh Hoa Nghiêm, hể quang minh chiếu soi sẽ là tính bằng “*sát trần số*” (số lượng vi trần trong một cõi Phật), ở đây sao lại ít vậy? Đặc biệt biểu thị mười tám giới, mỗi giới đều có bách giới thiên như, thành ra một vạn tám ngàn! Những điều như thế không gì chẳng phải là cảnh giới nơi Phật huệ! Ngài Di Lặc hỏi: “*Phóng một quang minh thanh tịnh, chiếu vô lượng cõi*”, cho nên biết phương vị được chiếu đến không chỉ hạn cuộc tại phương Đông, số lượng rõ ràng không chỉ là một vạn tám ngàn vậy!

Hơn nữa, một vạn tám ngàn cõi được chiếu đều là cơ duyên ngũ trước, đều cần phải vì Thật mà thực hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật giống như Phật Thích Ca trong cõi này vậy. Nếu có các cõi Phật thuần nói Đại Thừa, Đại cách biệt với Tiểu, như những điều được thấy trong quang minh [diễn tả] trong các kinh như Hoa Nghiêm, tuy cảnh giới thù thắng, chẳng hiển lộ trọn đủ phương tiện thiện xảo của Như Lai từ đầu đến cuối được! Vì thế, chẳng giống như cảnh lành mẫu nhiệm trong kinh này. Quang minh chiếu thấu phương Đông, do quang minh bèn được thấy sáu điều lành nơi các cõi khác. Tức là chúng sanh trong sáu đường, chư Phật thuyết pháp, tam thừa tu chứng, nhập Niết Bàn và dựng tháp v.v... Như thế thì mười pháp giới dù tánh, hay tướng, hay thể, hay lực, hay tác, hay nhân, hay duyên, hay quả, hay báo, từ gốc đến ngọn, đều hiện rành rành trong một quang minh. Theo chiều ngang gồm trọn chẳng có ngăn mé, theo chiều dọc tốt cùng từ đầu đến cuối. Như hình tượng trong gương, như trăng trong nước, nói là có thì chẳng có, bảo là không thì chẳng không. Ngoài quang minh chẳng có cõi nước, ngoài cõi nước chẳng có quang minh. Nói là Không, là Giả, là Trung, bậc thượng căn lợi trí có thể hướng đến nơi ấy mà nhanh chóng hiểu rõ “*Quyền Thật đồng thể, chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. Người chưa thấu hiểu, bèn dùng ba tầng thiện xảo để nói. Có kẻ bảo: “*Nhất quang Đông chiếu, diệu thể toàn chương*” (Một luồng quang minh chiếu sang phương

Đông, cái Thể màu nhiệm được phơi bày trọn vẹn), gần như đã thấu hiểu [ý chỉ ấy].

Phần đầu, nói về sáu điều lành nơi cõi này đã xong.

1.2.1.1.2.2. Sáu điều lành ở cõi khác

Tức là do muốn khiến cho [đại chúng nghe kinh] trong cõi này dễ hiểu các cảnh giới được trông thấy bởi điều lành thứ sáu tức “*phóng quang*”, cho nên lại viện dẫn chuyện tương đồng, chia thành sáu tiểu đoạn:

- Một là thấy tướng lành trong sáu đường.
- Hai là thấy tướng lành của chư Phật.
[Điều một và hai chính là] một cặp “thượng thánh, hạ phàm”.
- Ba là tướng lành nghe thuyết pháp.
- Bốn là trông thấy tướng lành tứ chúng đắc đạo.
Đây là một cặp “nhân, pháp”.
- Năm là thấy tướng lành Bồ Tát hành các hạnh.
- Sáu là thấy tướng lành chư Phật nhập Niết Bàn.
Đây là một cặp “thỉ, chung” (khởi đầu và kết thúc).

Đã có chúng sanh đáng được giáo hóa, bèn có Phật có thể giáo hóa. Hễ có Phật bèn có thuyết pháp. Hễ thuyết pháp liền có đệ tử. Đệ tử tức là khởi đầu của hành trì. Đã có khởi đầu của hành trì, ắt đạt đến kết cục. Lại nữa, sáu điều lành trong cõi này cùng biểu thị chúng sanh sẽ đạt được tự giác; sáu điều lành trong cõi kia biểu thị chúng sanh sẽ đạt được giác tha. Lại nữa, sáu điều lành trong cõi này và cõi kia nhằm biểu thị chư Phật cõi này và cõi kia có cùng một đạo. Năm điều lành đầu tiên chính là hiển lộ cõi này và cõi kia đã giống nhau; điều lành thứ sáu nhằm hiển thị cõi này sẽ giống như cõi kia.

1.2.1.1.2.2.1. Thấy điều lành trong sáu đường

(Kinh) Hạ chí A Tỳ địa ngục, thượng chí A Ca Ni Trá thiên, u thử thế giới, tận kiến bỉ độ lục thú chúng sanh.

(經)下至阿鼻地獄，上至阿迦尼吒天，於此世界，盡見彼土六趣眾生。

(Kinh: Dưới là đến địa ngục A Tỳ, trên là đến trời A Ca Ni Trá, trong thế giới này thấy trọn hết chúng sanh thuộc sáu đường trong cõi kia).

A Tỳ (Avīci), phương này dịch là Vô Gián, ở chỗ thấp nhất trong thế giới. A Ca Ni Trá (Akaniṣṭha), phương này dịch là Sắc Cứu Cánh, là chỗ cao tốt trong Sắc Giới. Câu này thừa tiếp ý “*quang minh chiếu đến một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông*” trong phần trước, chiếu thấu từ địa ngục A Tỳ cho đến Sắc Cứu Cánh Thiên, không gì chẳng được quang minh hiển hiện trọn hết. Vì thế, đại chúng trong hội vào thuở ấy liền ở trong thế giới này mà thấy trọn hết chúng sanh sáu đường trong các cõi kia, tức là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Tu La, người, trời. Đó là hiện ngũ trược trong các cõi ấy, giống như cõi này.

1.2.1.1.2.2.2. Thấy điều lành chư Phật

(Kinh) Hựu kiến bỉ độ hiện tại chư Phật.

(經)又見彼土現在諸佛。

(Kinh: Lại thấy chư Phật đang trụ thế trong các cõi ấy).

Đây là quang minh hiển hiện chư Phật trong các cõi ấy. Các Ngài vì [thế giới] ngũ trược mà xuất hiện trong cõi đời. Điều này có cùng ý nghĩa xuất thế với Phật Thích Ca.

1.2.1.1.2.2.3. Điều lành nghe thuyết pháp

(Kinh) Cập văn chư Phật sở thuyết kinh pháp.

(經)及聞諸佛所說經法。

(Kinh: Và nghe kinh pháp do chư Phật đã nói).

Đây là hiển hiện các vị Phật ấy thoát đầu từ một pháp vô tướng, chẳng đón mà là đón, diễn nói Đại Hoa Nghiêm, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca diễn nói kinh Hoa Nghiêm trong cõi này.

1.2.1.1.2.2.4. Thấy điều lành tứ chúng đắc đạo

(Kinh) Tịnh kiến bỉ chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, chư tu hành đắc đạo giả.

(經)並見彼諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，諸修行得道者。

(Kinh: Lại thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là những người tu hành đắc đạo trong cõi ấy).

Đây là hiển hiện Phật trong cõi ấy chẳng phải tiệm mà là tiệm, vì kẻ độn căn mà thuyết pháp Tam Tạng. Tứ chúng nương theo, bèn đạt được Tứ Quả xuất thế và Bích Chi Phật đạo, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca nói giáo pháp Tam Tạng trong cõi này.

1.2.1.1.2.2.5. Thấy điều lành Bồ Tát hành các hạnh

(Kinh) Phục kiến chư Bồ Tát Ma Ha Tát, chủng chủng nhân duyên, chủng chủng tín giải, chủng chủng tướng mạo, hành Bồ Tát đạo.

(經)復見諸菩薩摩訶薩，種種因緣，種種信解，種種相貌，行菩薩道。

(Kinh: Lại thấy các thứ nhân duyên, các thứ tín giải, các thứ tướng mạo hành Bồ Tát đạo của các vị Bồ Tát Ma Ha Tát).

Đây là hiển hiện các vị Phật ấy chẳng phải tiệm mà là tiệm, vì người Đại Thừa nói các kinh Đại Thừa Phương Đẳng, Bát Nhã, có cùng ý nghĩa với chuyện Phật Thích Ca nói hai giáo thuộc vị tô (sinh tô và thực tô) trong cõi này. Xưa kia, gieo thiện căn nơi bốn giáo làm nhân, nay vâng theo pháp môn trong bốn giáo làm duyên. Trong bốn giáo, mỗi giáo đều có tín giải, lấy đó làm chủ thể để cảm (năng cảm), tu hành tứ giáo. Lại trong mỗi giáo, mỗi giáo đều có bốn môn. Vì thế nói là “*chủng chủng tướng mạo*” (các thứ tướng mạo).

1.2.1.1.2.2.6. Thấy điều lành chư Phật nhập Niết Bàn

(Kinh) Phục kiến chư Phật bát Niết Bàn giả. Phục kiến chư Phật bát Niết Bàn hậu, dĩ Phật xá lợi khởi thất bảo tháp.

(經)復見諸佛般涅槃者。復見諸佛般涅槃後，以佛舍利起七寶塔。

(Kinh: Lại thấy chư Phật nhập Niết Bàn. Lại thấy sau khi chư Phật nhập Niết Bàn, [tứ chúng] đem xá-lợi của Phật dựng tháp bảy báu).

Đây là [quang minh] hiển hiện đức Phật ấy giáo hóa xong xuôi, thâm vô lượng pháp quy hoàn một pháp, thị hiện diệt độ, chấm dứt giáo hóa, cho đến dựng tháp để làm Phật sự. Tức là khởi đầu xuất thế cho đến kết thúc bằng thời Tượng Pháp, quang minh chiếu tới cõi ấy đã phô bày rành rành trước mắt chuyện tạo lợi ích Quyền và Thật trong suốt một đời giáo hóa của vị Phật ấy. Dùng cõi kia để suy ra cõi này, năm thứ trước đã giống nhau, điều sau cùng há sai khác? Hãy nên biết đức Thích Ca từ lúc mới thành đạo, đã từ một pháp vô tướng nói ra vô lượng pháp, chẳng đốn mà là đốn, chẳng tiệm mà là tiệm. Chuyện ấy đã xong, nay ắt phải nên thâm vô lượng pháp trở về một pháp, khai Quyền hiển Thật, xưng rằng “sẽ nhập diệt” giống như trong cõi kia.

Hỏi: - Vì sao trong quang minh chẳng hiện [chư Phật] nói kinh Pháp Hoa trong các cõi ấy?

Đáp: - Nếu hiển hiện rành rẽ, sẽ chẳng thành dẫn khởi, mà cũng chẳng thể khiến cho chúng hội nầy sanh nghi niệm, [khiến cho] ngài Di Lặc nêu câu hỏi, Văn Thù bèn cân nhắc để trả lời. Như thế thì hai thuyết Tích và Bồn sẽ chẳng do đâu phát khởi được! [Như thế thì] làm sao chắc chắn đạt được vô biên lợi ích trong hiện tại và sau khi đức Phật diệt độ? Vì thế, bèn nói ý chỉ chánh yếu của kinh Pháp Hoa. Chỉ đối với một chuyện quang minh chiếu sang phương Đông mà đã có kiến giải chấp chặt một bề, chẳng biết nói năng hay im lặng đều trọn đủ Tứ Tất Đàn! Tứ Tất Đàn do nhập Định chỉ phù hợp bậc thượng thượng căn. Tứ Tất Đàn do thuyết pháp sẽ thích ứng trọn khắp ba căn. Tứ Tất Đàn của nhập Định chỉ hạn cuộc trong hiện tại. Tứ Tất Đàn của sự thuyết pháp lưu thông sẽ phổ cập tận vị lai. Do chẳng biết lẽ ngầm chứng minh, cho nên mới có nhiều dị kiến!

Hỏi: - Quang minh soi chiếu các điều được trông thấy theo chiều ngang (không gian) trong một thời, sao lại nói là “trước Đốn, sau Tiệm” cho đến “hội quy” [tam thừa về Nhất Thừa, vô lượng pháp về một pháp]?

Đáp: - Xa hay gần đều có thể khiến cho thấy nghe, thì khiến cho thấy nghe quá khứ và vị lai đều khiến cho thấy nghe, há có khó gì? Vì thế, khiến cho mười phương từ đầu đến cuối, rạng ngời như ở ngay trước mắt, há có nên dùng phạm tình nhỏ nhất để suy lường thánh cảnh ư?

Hỏi: - Các điều trông thấy trong quang minh chẳng phải là thuận đốn, mà chỉ là tiệm đấy chăng?

Đáp: - Đại chúng thuở ấy chỉ do quang minh mà trông thấy. Bản lãnh to lớn để làm chuyện ấy là do đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã khiến cho đại chúng trông thấy [các sự tướng ấy bèn biết] “vốn là để chứng minh [cõi này và phương khác] giống như nhau, phóng quang minh nhằm thành tựu Nhất Thật”. Vì thế, Sự tuy khác mà Lý tuyệt đối, chẳng phải do quang minh nhuần thấm.

Hỏi: - Chữ Bát (般) được phương này nói là Nhập, Niết Bàn là Diệt Độ, Tạng Giáo và Thông Giáo là “*hôi đoạn*”¹⁰², cho nên nói là Bát Niết Bàn. Đã hiển lộ viên thường, há nên nói là “*nhập diệt*”?

Đáp: - Phật xuất hiện trong cõi Đồng Cư, về mặt Sự, ắt phải thị hiện nhập diệt. Nếu biết “chẳng phải sanh” mà thị hiện sanh, liền biết sanh chính là “chẳng phải sanh”. Nếu biết chẳng phải diệt mà thị hiện diệt, liền biết diệt chính là phi diệt. Đọc phẩm Thọ Lượng, mỗi nghi ấy sẽ tự cởi gỡ.

Xá-lợi (Śāṛīra), còn nói là Thất-lợi-la, phương này dịch là Linh Cốt (靈骨, xương thiêng). Tháp, nói đầy đủ là Tháp Bà (Stupa), hoặc là Tể Đồ Ba, phương này dịch là Phương Phần (方墳, mồ vuông), hoặc dịch là Viên Trùng (圓塚, mộ tròn), còn dịch là Cao Hiên.

Phần thứ hai, trần thuật hiện tướng lành đã xong.

1.2.1.1.3. Trần thuật nghi niệm

Gồm hai phần: Một là Di Lặc nghĩ ngợi, khởi nghi. Hai là đại chúng suy nghĩ khởi nghi.

1.2.1.1.3.1. Di Lặc suy nghĩ, khởi nghi

¹⁰² “*Hôi đoạn*” (灰斷) là thuật ngữ chỉ bậc La Hán trong Tiểu Thừa, hoặc nhập Hỏa Định Tụ, hoặc do trà-tỳ (hỏa thiêu), sắc thân bị diệt mất, chỉ còn tro. Cũng nói là “*hôi thân diệt trí*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát tác thị niệm: “Kim giả Thế Tôn hiện thân biến tướng, dĩ hà nhân duyên nhi hữu thử thùy? Kim Phật Thế Tôn nhập tam-muội, thị bất khả tư nghị hiện hy hữu sự, đương dĩ vấn thùy? Thùy năng đáp giả?” Phục tác thị niệm: “Thị Văn Thù Sư Lợi pháp vương chi tử, dĩ tăng thân cận, cúng dường quá khứ vô lượng chư Phật, tất ưng kiến thử hy hữu chi tướng, ngã kim đương vấn”.

(經)爾時，彌勒菩薩作是念：「今者世尊現神變相，以何因緣而有此瑞？今佛世尊入於三昧，是不可思議現希有事，當以問誰？誰能答者？」復作此念：「是文殊師利法王之子，已曾親近，供養過去無量諸佛，必應見此希有之相，我今當問」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát nghĩ như thế này: “Nay đức Thế Tôn hiện tướng thân biến, do nhân duyên gì mà có điều lành này? Nay Phật Thế Tôn nhập tam-muội, chuyện biến hiện hiếm có chẳng thể nghĩ này hãy nên hỏi ai? Ai có thể đáp được?” Lại nghĩ như thế này: “Ngài Văn Thù Sư Lợi pháp vương tử đây đã từng thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, ắt sẽ thấy tướng hy hữu này, ta hãy nên hỏi Ngài”).

Ngài Di Lặc có ba ý niệm:

- Một, từ chữ “kim giả” trở đi là suy nghĩ về sáu điều lành.
- Hai, từ chữ “Phật” trở đi, suy nghĩ sẽ hỏi ai.
- Ba, từ chữ “phục tác” trở đi, là nghĩ tới ngài Văn Thù.

Ý niệm về Văn Thù dấy lên thì ý niệm thứ hai mất đi, chỉ còn ý niệm đầu tiên, nhưng trở thành nghi hoặc.

“Thần biến” (神變): “Thần” là “thiên tâm” (tâm tự nhiên), tức là nội huệ tự nhiên. “Biến” là biến động, tức là sáu điều lành tỏ lộ ra ngoài. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói: “Phật trụ bất nhị pháp, năng tác thần thông” (Đức Phật trụ trong pháp Bất Nhị có thể thực hiện thần thông).

Pháp lực của đấng Pháp Vương siêu việt, bao trùm hết cả, ngài Di Lặc chẳng lường được sự biến hóa bên ngoài, mà cũng chẳng hiểu nội huệ. Vì thế, dấy lên ý niệm ngờ vực. Kẻ vụng về chẳng biết tài khéo,

kẻ tán loạn chẳng biết Định, phàm phu chẳng biết bậc thánh, tiểu thánh chẳng hiểu biết Thân Tử (Xá Lợi Phất), Thân Tử chẳng hiểu biết Bồ Tát, Bồ Tát chẳng biết bậc Bồ Xứ, Bồ Xứ chẳng biết đáng tôn cực (Phật). Đây là cảnh giới tôn cực; vì thế, ngài Di Lặc chẳng biết. Nhưng ngài Di Lặc đã gieo nhiều điều thiện, lẽ đâu chẳng biết phảng phất? Hãy nên biết là Ngài ẩn tàng sự sáng suốt, thị hiện tối tăm, quyền biến nói là “chẳng biết”.

Hỏi: - Hết thấy Bồ Tát đều là pháp vương tử, có sao riêng đề cao ngài Văn Thù?

Đáp: - Do có hai nghĩa: Một là trong các vị pháp vương tử, đức của ngài Văn Thù cao vượt. Hai là trong các kinh, ngài Văn Thù đều là Thượng Thủ của các vị Bồ Tát.

1.2.1.1.3.2. Đại chúng suy nghĩ khởi nghi

(Kinh) Nhĩ thời, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập chư thiên, long, quỷ thần đẳng, hàm tác thử niệm: “Thị Phật quang minh thần thông chi tướng, kim đương vấn thù?”

(經)爾時，比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、及諸天、龍、鬼神等，咸作此念：「是佛光明神通之相，今當問誰？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và các trời, rồng, quỷ thần v.v... đều nghĩ như thế này: “Tướng quang minh thần thông này của Phật nay hãy nên hỏi ai?”)

Đại chúng có hai ý niệm: Một là chánh niệm sáu điều lành. Hai là nghĩ nên hỏi ai. Nếu đối chiếu với kệ tụng trong phần sau, cũng có ba ý niệm. Phần kệ tụng có nói: “*Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã*” (Tứ chúng vui sướng, ngưỡng mộ, chiêm ngưỡng nhân giả và tôi). Chẳng có ý niệm thứ ba, sao lại chiêm ngưỡng nhân giả? Đoạn [chánh kinh] này chẳng nói là vì muốn đề cao bậc Bồ Xứ trước.

Hỏi: - Văn Thù và Di Lặc phẩm đức và địa vị ngang nhau, có sao một vị hỏi, một vị đáp?

Đáp: - Căn cơ có tương ứng, hay không tương ứng. Địa vị tuy ngang nhau, nhưng do chủ - khách phải nên khác nhau, thánh nhân thừa dịp, nếu chẳng có người hỏi, sẽ chẳng thể đáp (đó là nói theo nhân duyên). Pháp môn lại có Quyền và Thật, bậc Bồ Xứ nơi Quyền thì cần

phải hỏi, người ở nơi Thật cần phải đáp (đó là xét theo giáo). Tích lại có [thành tựu đạo quả] lâu xa hay gần đây. Gần đây thì hỏi, lâu xa bèn đáp (đó là xét theo Bản Tích). Tên gọi lại có ý nghĩa dễ hiểu. Di Lặc là Từ, Từ là vì chúng sanh, cho nên cần phải hỏi. Văn Thù là diệu đức, đã là đức thì cần phải đáp (đó là giải thích theo quán tâm).

Phần trần thuật về ba mối nghi niệm đã xong.

1.2.1.1.4. Nêu lời hỏi

Gồm hai phần: Một là phần Trường Hàng. Hai là kệ tụng.

1.2.1.1.4.1. Trường Hàng

Gồm hai phần: Một là người kết tập kinh trần thuật. Hai là nêu lời thưa hỏi.

1.2.1.1.4.1.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát dục tự quyết nghi. Hựu quán tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập chư thiên, long, quỷ thần đẳng, chúng hội chi tâm.

(經)爾時，彌勒菩薩欲自決疑。又觀四眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、及諸天、龍、鬼神等，眾會之心。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát muốn giải quyết mối nghi của chính mình. Lại xét tâm niệm của tứ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, và chư thiên, rồng, quỷ thần v.v... trong hội).

Cùng trần thuật nỗi nghi của chính mình và người khác. Ý nghĩa dễ hiểu.

1.2.1.1.4.1.2. Chánh thức nêu lời hỏi

(Kinh) Nhi vấn Văn Thù Sư Lợi ngôn: “Dĩ hà nhân duyên nhi hữu thử thụy, thân thông chi tướng, phóng đại quang minh, chiếu ư Đông phương vạn bát thiên độ, tất kiến bỉ Phật, quốc giới trang nghiêm?”

(經)而問文殊師利言：「以何因緣，而有此瑞，神通之相，放大光明，照於東方萬八千土，悉見彼佛，國界莊嚴？」」

(Kinh: Hỏi Văn Thù Sư Lợi rằng: “Do nhân duyên gì mà có tướng tốt lành và thần thông này, phóng quang minh to lớn chiếu đến một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, đều thấy sự trang nghiêm trong các Phật quốc giới ấy?”)

Cùng hỏi về cõi này và cõi khác, ý nghĩa dễ hiểu.

1.2.1.1.4.2. Kệ tụng

Gồm hai phần: Một là kệ tụng để hỏi những điều trên đây. Hai là kệ tụng nhằm xin giải đáp. Do ý nghĩa gì mà có kệ tụng? Trong Tỳ Bà Sa Luận, ngài Long Thọ có nói: “Một là tùy thuận quốc độ. Thiên Trúc có thuyết rải hoa và xâu hoa. Như trong thế gian này, sau bài Tựa bèn có bài Minh. Hai là thuận theo lòng ưa muốn khác nhau, có người thích nói bằng văn xuôi, có người thích nói thành thi kệ (hai điều này là Thế Giới Tát Đàn). Ba là tùy thuận chúng sanh hiểu biết bất đồng. Hoặc là [tùy thuộc người nghe] do tán nói bằng văn xuôi mà hiểu, hoặc nhờ thơ kệ mà hiểu (đó là Vị Nhân Tát Đàn). Bốn là tùy thuộc lợi căn hay độn căn. Người lợi căn thì vừa nghe liền ngộ, kẻ độn căn thì phải nhắc lại mới ngộ (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn). Lại còn biểu thị Phật ân cần nhắc lại (điều thứ năm cũng là Vị Nhân Tát Đàn). Lại do đối với đại chúng tụ tập có trước, sau; vì thế có kệ tụng (Đối Trị Tát Đàn, có thể trừ mối nghi cho người đến sau)”. Luận ấy nêu ra mười nghĩa, nay chỉ kể ra sáu. Năm điều đầu thì như đã trích dẫn. (Điều thứ sáu là khiến cho người đến sau sanh lòng tin đối với kinh, cũng là Vị Nhân Tát Đàn. Bảy là dễ vận dụng ngôn từ, thay đổi phong cách thuyết pháp, cũng là Đối Trị Tát Đàn. Tám là chỉ bày nghĩa vô tận. Chín là nói rõ bậc cao tột có cách nói không hạn chế. Hai điều này cùng là Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn. Điều thứ mười trong luận chính là điều thứ sáu trong đoạn văn trích dẫn trên đây).

1.2.1.1.4.2.1. Kệ tụng để hỏi những điều trên đây

Gồm hai phần: Một là hỏi sáu điều lành trong cõi này. Hai là hỏi về sáu điều lành trong cõi khác.

1.2.1.1.4.2.1.1. Hỏi sáu điều lành trong cõi này

(Kinh) U thị, Di Lạc Bồ Tát dục trùng tuyên thử nghĩa, dĩ kệ vấn viết: - Văn Thù Sư Lợi! Đạo sư hà cố? Mi gian bạch hào, đại quang phổ chiếu. Vũ Mạn Đà La, Mạn Thù Sa hoa, Chiên Đàn hương phong, duyệt khả chúng tâm. Dĩ thị nhân duyên, địa giai nghiêm tịnh, nhi thử thế giới, lục chủng chấn động. Thời tứ bộ chúng, hàm giai hoan hỷ, thân ý khoái nhiên, đắc vị tăng hữu.

(經)於是，彌勒菩薩欲重宣此義，以偈問曰：「文殊師利！導師何故？眉間白毫，大光普照。雨曼陀羅，曼殊沙華，旃檀香風，悅可眾心。以是因緣，地皆嚴淨，而此世界，六種震動。時四部眾，咸皆歡喜，身意快然，得未曾有。

(Kinh: Ngay khi đó, Di Lạc Bồ Tát muốn nói lại nghĩa này, dùng kệ hỏi rằng: - Văn Thù Sư Lợi! Đạo sư¹⁰³ có gì? Bạch hào giữa mày, đại quang chiếu khắp. Mưa Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, gió thơm Chiên Đàn¹⁰⁴, vui đẹp lòng người. Do nhân duyên ấy, đất đều nghiêm tịnh, nhưng thế giới này, sáu thứ chấn động. Bốn chúng khi đó, thấy đều hoan hỷ, thân ý vui sướng, được chưa từng có).

Phần kinh văn Trường Hàng hỏi chung sáu điều lành của cõi này. Trong phần kệ có nói đến gió thơm và đất thanh tịnh, nhưng không nói đến chuyện thuyết pháp và nhập Định. Nhìn vào kinh văn thì có thể nói là [giữa phần Trường Hàng và Kệ Tụng] “có tăng giảm”, nhưng xét

¹⁰³ Đạo sư: Xưng hiệu của Phật, hoặc tiếng gọi chung các vị Phật và Bồ Tát. Do các Ngài hướng dẫn chúng sanh nhập tri kiến của Phật, nên gọi là Đạo Sư (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹⁰⁴ Chiên Đàn (Candana) là tên một loại hương, dịch nghĩa là Dữ Lạc (ban cho niềm vui). Hương này phát xuất từ núi Ma La Da tại Ấn Độ. Do núi ấy có hình dáng giống như đầu con trâu, nên loại hương ấy còn được gọi là Ngưu Đầu Chiên Đàn. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa nói bạch Chiên Đàn có thể trị bệnh nhiệt, xích Chiên Đàn có thể trừ phong thũng, đều là dược liệu trừ bệnh khiến cho thân an lạc, nên gọi là Dữ Lạc.

theo ý nghĩa thì chẳng vậy. Thuyết pháp là huệ tánh, nhập Định là tâm tự nhiên. Từ huệ tánh và tâm tự nhiên, có thể phóng quang, chấn động cõi đất. Nêu lên cái ngọn liền biết cái gốc; vì thế, tuy lược bớt mà chẳng phải là lược bớt. Lại nữa, chỉ với hai chữ “*đạo sư*” [trong kệ tụng] chính là hỏi về thuyết pháp, nhập Định; bởi lẽ, do thuyết pháp, nhập định mà có thể hướng dẫn người khác. Hoa trời màu nhiệm tột bậc, há có sắc mà chẳng có hương? Vì thế, có hoa bèn có gió thơm. Hoa đã tụ tập trên mặt đất, đất liền trang nghiêm, thanh tịnh, biểu thị: Nếu do nhân mà tiến tới quả, quả sẽ trang nghiêm, thanh tịnh. Như kinh Kim Quang Minh nói: “*Tụ tập công đức, trang nghiêm Pháp Thân*”. Vì thế, dùng gió thơm, cõi đất thanh tịnh, hiển lộ bốn thứ hoa. Đó là tăng mà chẳng tăng vậy.

1.2.1.1.4.2.1.2. Hỏi về sáu điều lành trong cõi khác

Gồm có sáu điều:

- Một là hỏi về chúng sanh trong sáu đường.
- Hai là hỏi về chuyện thấy các đức Phật ấy và nghe thuyết pháp.
- Ba là hỏi về bốn chúng trong cõi ấy.
- Bốn là kết phần trước để dẫn khởi phần sau.
- Năm là hỏi về chuyện tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác.
- Sáu là hỏi về chuyện cúng dường xá-lợi trong cõi khác, tức là hỏi về chuyện đức Phật nhập Niết Bàn.

1.2.1.1.4.2.1.2.1. Hỏi về chúng sanh trong sáu đường

(Kinh) Mi gian quang minh, chiếu vu Đông phương, vạn bát thiên độ, giai như kim sắc. Tùng A Tỳ ngục, thượng chí Hữu Đảnh, chư thế giới trung, lục đạo chúng sanh. Sanh tử sở thú, thiện ác nghiệp duyên, thọ báo hảo xú, ư thử tất kiến.

(經)眉間光明，照于東方，萬八千土，皆如金色。從阿鼻獄，上至有頂，諸世界中，六道眾生。生死所趣，善惡業緣，受報好醜，於此悉見。

(Kinh: Quang minh giữa mày, chiếu sang phương Đông, vạn tám ngàn cõi, đều như sắc vàng. Từ ngục A Tỳ, lên đến Hữu Đảnh, trong các thế giới, lục đạo chúng sanh. Tiến hướng sanh tử, nghiệp duyên thiện ác, thọ báo tốt xấu, đều thấy trong ấy).

Chúng sanh trong sáu đường là giả danh “*năng thú*” (có thể tiến vào sáu đường).

“*Sanh tử*” là chỗ Ngũ Âm tiến nhập. Nghiệp duyên thiện ác là cái nhân để tiến nhập. “*Tốt, xấu*” là cái quả để tiến hướng. Hữu Đảnh là tột đỉnh của tam hữu, chỉ Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên. Phần Trường Hàng có nói A Ca Ni Trá, tức là chỉ nói đến Sắc Cứu Cánh Thiên. Nay nói như thế (tức là nói “chỉ đến trời Hữu Đảnh”), [xét theo đúng lý], do nương theo quang minh nhìn xa, [sẽ phải trông thấy tận Vô Sắc Giới], vì [chư thiên] Vô Sắc Giới đã không có hình sắc, cho nên chẳng thể thấy [hình dáng của họ], còn nếu nhìn theo nghiệp duyên sanh tử, thọ báo sai biệt, sẽ đều trông thấy. Theo đúng lý, phải nên chiếu trọn khắp Vô Sắc Giới.

1.2.1.1.4.2.1.2.2. Hỏi về chuyện thấy Phật và nghe thuyết pháp

(Kinh) Hựu đồ chư Phật, thánh chúa sư tử, diễn thuyết kinh điển, vi diệu đệ nhất. Kỳ thanh thanh tịnh, xuất nhu nhuyển âm, giáo chư Bồ Tát, vô số ức vạn. Phạm âm thâm diệu, linh nhân nhạo văn, các u thế giới, giảng thuyết chánh pháp. Chủng chủng nhân duyên, dĩ vô lượng dụ, chiếu minh Phật pháp, khai ngộ chúng sanh.

(經)又覩諸佛，聖主師子，演說經典，微妙第一。其聲清淨，出柔軟音，教諸菩薩，無數億萬。梵音深妙，令人樂聞，各於世界，講說正法。種種因緣，以無量喻，照明佛法，開悟眾生。

(Kinh: Lại thấy chư Phật, thánh chúa sư tử, diễn nói kinh điển, vi diệu bậc nhất. Âm thanh thanh tịnh, thốt tiếng mềm mòng, dạy các Bồ Tát, vô số ức vạn. Phạm âm sâu màu, khiến người thích nghe, trong mỗi thế giới, giảng nói chánh pháp. Các thứ nhân duyên, vô lượng thí dụ, soi sáng Phật pháp, khai ngộ chúng sanh).

Thập Địa trong Biệt Giáo và Thập Trụ trong Viên Giáo được gọi là Thánh. Đức Phật lại tôn quý nhất, nên gọi là Thánh Chúa. Nói pháp Đại Thừa, quyết định vô úy; vì thế, gọi là Sư Tử. Đốn Giáo thuần là Đại Thừa, nên nói là “*đệ nhất*”. Nói lý Trung Đạo, cho nên âm thanh thanh tịnh. Thuận theo pháp Thật Tướng, cho nên âm thanh mềm mòng. Chẳng

có chúng Nhị Thừa, cho nên nói là “*giáo chư Bồ Tát*” (dạy các Bồ Tát). Điều được nói là Tam Đê theo thứ tự, cho nên là Thâm (sâu xa), Tam Đê viên dung là Diệu. Xứng lý bậc đương cơ, cho nên nói là “*linh nhân nhạo văn*” (khiến cho kẻ khác thích nghe). Trọn khắp bảy xứ, chín hội¹⁰⁵, nên nói là “*các u thế giới*” (ở mỗi thế giới). Hai giáo, tám môn; vì thế nói là “*chủng chủng*” (các thứ). Chẳng xen lẫn ba thừa, nên gọi là Phật pháp. Người nghe liền nhập Phật huệ, nên nói là “*khai ngộ*”. Điều này tương đồng với giáo nghĩa của Hoa Nghiêm trong cõi này.

1.2.1.1.4.2.1.2.3. Hỏi về tứ chúng trong cõi khác

(Kinh) Nhược nhân tao khổ, yếm lão bệnh tử, vị thuyết Niết Bàn, tận chư khổ tế. Nhược nhân hữu phước, tăng cúng dường Phật, chí cầu thắng pháp, vị thuyết Duyên Giác. Nhược hữu Phật tử, tu chủng chủng hạnh, cầu vô thượng huệ, vị thuyết tịnh đạo.

(經) 若人遭苦，厭老病死，為說涅槃，盡諸苦際。若人有福，曾供養佛，志求勝法，為說緣覺。若有佛子，修種種行，求無上慧，為說淨道。

¹⁰⁵ Kinh Hoa Nghiêm được nói ở bảy chỗ, chia làm chín hội:

1. Tại Bồ Đề Đạo Tràng, đức Phật mới thành Chánh Giác. Bồ Đề đạo tràng thuộc xứ Ma Kiệt Đà, nói về pháp môn quả báo nơi y báo và chánh báo của Như Lai gồm sáu phẩm kinh từ Thế Chủ Diệu Nghiêm cho đến phẩm Tỳ Lô Giá Na.
2. Tại điện Phổ Quang Minh, ba lần tụ hội, nói mười tám phẩm. Lần thứ nhất, tại đây nói pháp môn Thập Tín gồm mười phẩm từ phẩm Như Lai Danh Hiệu cho đến phẩm Hiền Thủ. Lần thứ hai, tại nơi này nói pháp môn Đẳng Giác, gồm mười một phẩm, tức các phẩm Thập Định, Thập Thông, Thập Nhãn, A Tăng Kỳ, Thọ Lượng, Bồ Tát Trụ Xứ, Phật Bất Tư Nghị, Thập Thân Tướng Hải, Như Lai Tùy Hào Quang Minh, Phổ Hiền Hạnh Phẩm, và Như Lai Xuất Hiện. Lần thứ ba, cũng tại đây, nói phẩm Ly Thế Gian.
3. Tại Đạo Lợi Thiên Cung, nói pháp môn Thập Trụ gồm sáu phẩm: Thăng Tu Di Sơn, Sơn Đánh Kê Tán, Thập Trụ, Phạm Hạnh, Sơ Phát Tâm Công Đức, Minh Pháp.
4. Tại Dạ Ma Thiên Cung, nói pháp môn Thập Hạnh gồm bốn phẩm: Thăng Dạ Ma Thiên, Dạ Ma Kê Tán, Thập Hạnh, Thập Vô Tận Tạng.
5. Tại Đâu Suất Thiên Cung, nói pháp môn Thập Hồi Hướng gồm ba phẩm: Thăng Đâu Suất Thiên, Đâu Suất Kê Tán, và Thập Hồi Hướng.
6. Tại Tha Hóa Thiên Cung, nói pháp môn Thập Địa, chỉ gồm một phẩm Thập Địa.
7. Tại Thệ Đa Lâm (tức Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên), nói phẩm Nhập Pháp Giới.

(Kinh: Nếu ai gặp khổ sở, chán chường già, bệnh, chết, vì họ nói Niết Bàn, trừ hết sạch các khổ. Nếu như ai có phước, đã từng cúng dường Phật, chí cầu pháp thù thắng, vì họ nói Duyên Giác. Nếu có các Phật tử, tu tập các thứ hạnh, để cầu vô thượng huệ, vì họ nói tịnh đạo).

Nếu có ai gặp khổ, bèn vì người ấy mở ra pháp Thanh Văn Thừa. Đã gặp khổ, lại tạo ác nghiệp, sẽ chẳng hết khổ, căn bản là chúng sanh. Đã gặp khổ mà tạo thiện nghiệp, chán cõi dưới, nắm níu cõi trên, thì khổ cũng chẳng thể hết, sẽ sanh làm người, hoặc sanh trên cõi trời, trì giới, tu Định. Gặp khổ mà cầu giải thoát trong pháp của ngoại đạo thì khổ vẫn chẳng hết, chẳng biết Tam Bảo, Tứ Đế, và Tứ Niệm Xứ, chỉ có thể tăng thêm kiến chấp, tăng trưởng sai trái, lại còn tích tập cội khổ! Gặp khổ mà có thể chán nhàm trọn khắp sanh, lão, bệnh, tử trong tam giới, lại còn có thể chán Tập, bèn có thể cảm Phật giảng nói Niết Bàn. Từ đây trở đi, tu đạo xuất thế, vĩnh viễn chấp dứt sự khổ. Đó gọi là “do biết khổ nên đoạn Tập; do hâm mộ Diệt nên tu Đạo”.

Nếu là người có phước, [đức Phật sẽ vì người ấy] mở ra Bích Chi Phật Thừa. Bích Chi Phật gieo phước trong trăm kiếp, vì thế nói là “hữu phước”. Quán đại lược tổng tướng của Tứ Đế thì gọi là Liệt (kém cõi), quán cận kẽ biệt tướng của mười hai nhân duyên là Thắng. Lại nữa, Tứ Đế dùng Khổ làm môn đầu tiên, nên là Liệt. Nhân duyên dùng Tập Đế làm môn đầu tiên nên là Thắng. Do quán mười hai nhân duyên mà được giác ngộ thì gọi là Duyên Giác. Nếu có Phật tử vừa bắt đầu bèn tu Lục Độ thì là Bồ Tát Thừa. Có tâm đại từ bi, kham kế thừa chủng tánh Phật, thì gọi là Phật tử. Chuyện thuộc Lục Độ rất rộng, nên nói là “chúng chúng hạnh” (các thứ hạnh). Chí cầu làm Phật thì gọi là “vô thượng huệ”. Trong Lục Độ chẳng có sáu điều tệ, cho nên gọi là “tịnh đạo”. Đó là lấy Đạo Đế làm môn đầu tiên; điều này tương đồng với ý nghĩa tam thừa của Tam Tạng giáo trong cõi này!

1.2.1.1.4.2.1.2.4. Kết phần trước để dẫn khởi phần sau

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Ngã trụ ư thử, kiến văn nhược tư, cập thiên ức sự. Như thị chúng đa, kim đương lược thuyết.

(經)文殊師利！我住於此，見聞若斯，及千億事。如是眾多，今當略說。

(**Kinh:** Văn Thù Sư Lợi! Ta trụ nơi đây, thấy nghe như thế, và ngàn ức sự. Nhiều như thế đó, nay nói đại lược).

“Kiến văn nhược tư” (Thấy nghe như thế đó) là kết lại phần trước; “kim đương lược thuyết” (nay sẽ nói đại lược) là dẫn khởi phần sau.

1.2.1.1.4.2.1.2.5. Hỏi về tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác

Điều này tương đồng với ý nghĩa của các giáo pháp Đại Thừa Phương Đẳng và Bát Nhã trong cõi này. Kinh văn chia thành ba đoạn: Một là hỏi chung. Hai là hỏi theo thứ tự. Ba là hỏi các điều khác nhau. Phần hỏi theo thứ tự giống như Tiệm Giáo trong cõi này. Phần hỏi các điều khác nhau giống như Bát Định Giáo trong cõi này.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.1. Hỏi chung

(**Kinh**) *Ngã kiến bỉ độ, Hằng sa Bồ Tát, chủng chủng nhân duyên, nhi cầu Phật đạo.*

(經)我見彼土，恒沙菩薩，種種因緣，而求佛道。

(**Kinh:** Tôi thấy cõi này, Hằng sa Bồ Tát, dùng các nhân duyên, để cầu Phật đạo).

“Hằng sa” nói đầy đủ là “Hằng hà sa” (cát sông Hằng), còn gọi là “Căng Già sa” (Ganga)¹⁰⁶. Từ ao A Nậu Đạt, nơi Nguru Khẩu bằng bạc ở phía Đông, chảy ra sông Căng Già (sông Hằng), Tượng Khẩu bằng vàng ở phía Nam chảy ra sông Tín Độ (Sindhu)¹⁰⁷. Mã Khẩu bằng lưu ly

¹⁰⁶ Sông Hằng thường được ghi là Ganges, đó là cách viết theo tiếng Anh hay Pháp, chứ trong tiếng Phạn, phải viết là Ganga (गङ्गा), người Bangladesh gọi sông này là Gônga (গঙ্গা).

¹⁰⁷ Sông Tín Độ chính là sông Indus hiện thời. Sông Indus là con sông lớn thứ hai tại Ấn Độ sau sông Hằng. Trong khi sông Hằng chảy theo hướng Đông Nam, đổ vào vịnh Bengal thì sông Indus chảy theo hướng Tây Bắc rồi xuôi theo hướng Tây Nam đổ vào biển Ả Rập (gần hải cảng Karachi), trở thành con sông lớn nhất của Pakistan. Người Ba Tư gọi sông này là Hindu và từ đó bắt nguồn tên gọi Ấn Độ (do người Hy Lạp nói trại Hindu thành Indos, rồi bị La Mã hóa thành Indus; nhưng trong hai ngôn ngữ hiện thời của Ấn Độ là Urdu và Hindi, con sông này vẫn được gọi là Sindhu).

ở phía Tây chảy ra sông Phược Sô (Vakṣu)¹⁰⁸. Sư Tử Khẩu bằng Phả Chi Ca (Sphaṭika, pha lê) ở phía Bắc chảy ra sông Tỷ Đa (Sītā)¹⁰⁹. Cát sông Hằng mịn và nhiều, chỗ đức Phật thuyết pháp ở gần sông này, nên dùng nó làm thí dụ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2. Hỏi theo thứ tự

Chia thành sáu đoạn: Một là hỏi về Thí. Hai là hỏi về Giới. Ba là hỏi về Nhẫn. Bốn là hỏi về Tấn. Năm là hỏi về Thiền. Sáu là hỏi về Huệ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.1. Hỏi về Thí

(Kinh) Hoặc hữu hành thí, kim, ngân, san hô, chân châu, Ma Ni, xa cừ, mã não. Kim cang chư trân, nô tỳ, xa thặng, bảo sức liên dư¹¹⁰, hoan hỷ bố thí. Hồi hướng Phật đạo, nguyện đắc thị thừa, tam giới đệ nhất, chư Phật sở tán. Hoặc hữu Bồ Tát, tứ mã bảo xa, lan thuẫn¹¹¹ hoa cái, hiên sức¹¹² bố thí. Phục kiến Bồ Tát, thân nhục, thủ, túc, cập thân tử thí, cầu vô thượng đạo. Hựu kiến Bồ Tát, đầu, mục, thân thể, hân nhạo thí dữ, cầu Phật trí huệ.

(經)或有行施，金銀珊瑚，真珠摩尼，磈磈碼碯。金剛諸珍，奴婢車乘，寶飾輦輿，歡喜佈施。迴向佛道，願得是乘，三界第一，諸佛所歎。或有菩薩，駟馬寶車，欄

Sindhu cũng là tên gốc của các danh xưng Thiên Trúc, Thân Độc, Hiền Độ, Hiền Đậu v.v... trong sách vở Trung Hoa khi nói về Ấn Độ.

¹⁰⁸ Sông này phát nguồn từ rừng Hindu Kush, chảy theo hướng Tây Bắc, đổ vào biển Aral. Tên gọi hiện thời là Amu Daria. Ngài Huyền Trang cho biết hai mươi bảy nước ở Tây Vực mà Ngài đi qua đều nằm trong lưu vực của sông này.

¹⁰⁹ Tức sông Tarim hiện thời, thuộc vùng bồn địa (basin) Tarim của Trung Á. Sông chảy vào hồ Lop Nur.

¹¹⁰ “*Liên dư*”: Xe dùng người để kéo đi thì gọi là Liên (輦), loại kiệu để khiêng lên vai mà đi thì gọi là Dư (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹¹¹ Lan thuẫn (欄楯) chỉ chung các bao lon trang trí quanh xe, những thanh nằm ngang thì gọi là Lan, thanh đứng thì gọi là Thuẫn. Hoa cái (華蓋) là lọng đẹp đẽ, lọng lầy (pháp sư Phổ Hành chú thích).

¹¹² Chỗ cao lên của xe gọi là Hiên (軒), Sức (飾) là trang hoàng lọng lầy (pháp sư Phổ Hành chú thích).

楯華蓋，軒飾布施。復見菩薩，身肉手足，及妻子施，求無上道。又見菩薩，頭目身體，欣樂施與，求佛智慧。

(Kinh: Hoặc có người bố thí, vàng, bạc, và san hô, cùng chân châu, Ma Ni, xa cừ với mã não, kim cương các trân bảo. Đem nô tỳ, xe cộ, kiệu, cang trang hoàng báu, hoan hỷ mà bố thí, hòng hồi hướng Phật đạo. Nguyên sẽ đắc thừa này, bậc nhất trong tam giới, được chư Phật khen ngợi. Hoặc lại có Bồ Tát, xe báu bốn ngựa kéo, bao lon, lọng lọng lầy, tô điểm để bố thí. Lại thấy các Bồ Tát, thịt nơi thân, chân, tay, và vợ con đều thí, để cầu vô thượng đạo. Lại thấy các Bồ Tát, đầu, mắt cùng thân thể, vui thích đem bố thí, cầu trí huệ của Phật).

Bốn bài kệ đầu (cứ bốn câu là một kệ) hỏi về xả tài. Bài kệ thứ năm hỏi về xả thân. Thịt trên thân thể, tay, chân là nội thân. Vợ con là ngoại thân. Bài kệ thứ sáu hỏi về xả mạng. Bồ đầu mắt tức là xả mạng. Chẳng nói tới pháp thí là vì để nói trong phần Bát Nhã ở phía sau.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.2. Hỏi về Giới

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Ngã kiến chư vương, vãng nghệ Phật sở, vãn vô thượng đạo. Tiện xả lạc độ, cung điện, thân thiếp, thể trừ tu phát, nhi bị pháp phục.

(經)文殊師利！我見諸王，往詣佛所，問無上道。便捨樂土，宮殿臣妾，剃除鬚髮，而被法服。

(Kinh: Nay Văn Thù Sư Lợi! Tôi trông thấy các vua, đến chỗ của đức Phật, thưa hỏi vô thượng đạo. Liền bỏ cõi vui sướng, cung điện, bày tôi, thiếp, cạo bỏ hết râu tóc, mà khoác lấy pháp phục).

Dựa theo xuất gia để luận định trì giới. Bồ Tát luật nghi chung cho cả bảy chúng, nhưng thiên tự¹¹³ của tỳ-kheo hạn cuộc nơi đại tăng, chỉ vì thiên tự ấy là tối tôn, tối quý trong các giới, do [tỳ-kheo] là thượng thủ

¹¹³ Thiên tự (篇聚) là thuật ngữ để chỉ chung cho giới luật của tăng sĩ xuất gia. Giới luật được chia thành Thiên môn và Tự môn. Thiên môn tức là những điều luận định về tội quả, và những ý nghĩa trọng yếu trong giới luật, gồm ngũ thiên. Tự môn là luận định về tội tánh và những tiêu chuẩn để luận định có tội hay không.

trong bảy chúng. Nhưng dùng cái tâm tự độ để gìn giữ, thì là giới Thanh Văn. Nếu dùng cái tâm cầu vô thượng đạo để trì thì sẽ là Giới Ba La Mật của Bồ Tát, đạt đến vô thượng đạo. Lại có bốn loại riêng biệt, tức là dựa theo sanh diệt, vô sanh, vô lượng và vô tác, tức bốn loại Tứ Đế để phát ra Tứ Hoàng Thệ Nguyên. Tứ Hoàng dựa trên Sanh Diệt Tứ Đế sẽ thuộc vào các Độ thuộc về mặt Sự trong phần trước. Ở đây, phải hiểu là nói về ba loại Tứ Hoàng sau (tức vô sanh, vô lượng và vô tác).

Lại nữa, xuất gia mà dựa theo vua để nói, tức là dùng người sang quý để biết người nghèo hèn [sẽ tu giới như thế nào]. Dùng sự thù thắng để khái quát kẻ kém cỏi, chẳng phải là nói Giới Độ (Thi La Ba La Mật) chỉ hạn cuộc trong vua chúa của nhân loại. Lại như tỳ-kheo Pháp Tạng bỏ vương vị để nhiếp thủ Tịnh Độ; đó gọi là Giới Ba La Mật của hàng Bồ Tát vậy.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.3. Hỏi về Nhẫn

(Kinh) Hoặc kiến Bồ Tát, nhi tác tỳ-kheo, độc xử nhàn tĩnh, nhạo tụng kinh điển.

(經)或見菩薩，而作比丘，獨處閑靜，樂誦經典。

(Kinh:) Hoặc thấy hàng Bồ Tát, trở thành bậc tỳ-kheo, ở riêng chỗ thanh vắng, ưa thích tụng kinh điển).

Rừng sâu hang thẳm, đối với kẻ ác, thú ác đều nhẫn, chẳng sân. Dầu nổi sân, liền tự kiềm chế, giữ vững chí. Đó là khổ hạnh nhẫn. “Tụng kinh cầu Phật” chính là Đệ Nhất Nghĩa Nhẫn. Bốn giáo đều cùng luận định “đắc ba môn Nhẫn”.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.4. Hỏi về Tấn

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, dũng mãnh tinh tấn, nhập ư thâm sơn, tư duy Phật đạo.

(經)又見菩薩，勇猛精進，入於深山，思惟佛道。

(Kinh:) Lại thấy Bồ Tát, dũng mãnh tinh tấn, vào trong núi sâu, tư duy Phật đạo).

Đây là giống như thái tử [Tất Đạt Đa] vào núi Tuyết tu khổ hạnh v.v... suy tưởng Phật đạo. Điều này cũng áp dụng cho cả bốn giáo.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.5. Hỏi về Thiền

(Kinh) *Hựu kiến ly dục, thường xứ không nhàn, thâm tu Thiền Định, đắc ngũ thần thông. Hựu kiến Bồ Tát, an Thiền, hiệp chương, dĩ thiên vạn kệ, tán chư pháp vương.*

(經)又見離欲，常處空閑，深修禪定，得五神通。又見菩薩，安禪合掌，以千萬偈，讚諸法王。

(Kinh: *Lại thấy bậc ly dục, thường ở chốn vắng vẻ, tu Thiền Định sâu xa, đạt được năm thần thông. Lại thấy hàng Bồ Tát, trụ trong Thiền chấp tay, dùng ngàn vạn kệ tụng, tán thán các pháp vương).*

Bài kệ thứ nhất hỏi về chuyện tu Thiền Định thế gian, và các loại Thiền quán luyện, huân tu v.v... Bài kệ thứ hai, hỏi về thượng thượng Thiền xuất thế; đó chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, chẳng dấy lên Diệt Định, hiện các oai nghi. Thoạt đầu nói về người ly dục, lìa phiền não trong hạ giới, đạt được căn bản Sơ Thiền. Môn Thiền này nông cạn. Lần lượt cho đến lìa dục trong trời Hữu Đánh, đạt được Diệt Tận Định, thì gọi là “*thâm Thiền*”. “*Chỉ*” là nói theo ý nghĩa trong Tạng Giáo. Không chỉ lìa các dục thuộc tam giới, mà còn lìa pháp ái Niết Bàn. Không chỉ lìa dục của Nhị Thừa, mà còn lìa pháp ái thuộc Xuất Giả [trong tu Tam Quán]. Không chỉ lìa dục thuộc nhị biên, mà còn lìa dục thuận đạo pháp ái trong Trung Đạo. Như thế thì gọi là “*sâu*”; đó vẫn là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Nếu một thứ lìa, hết thấy đều lìa, chế phục trọn vẹn và tu tập trọn vẹn, thì gọi là “*sâu*”; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo. Nơi các địa vị khác, đạt được một phần trong lục thông, riêng Vô Lậu thì nhường cho Phật. Vì thế, chỉ nói Ngũ Thông. Thủ Lăng Nghiêm tam-muội thuộc về Viên Giáo, nơi các địa vị khác có cùng sự chứng nhập thì cũng đáng nên đạt được.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.2.6. Hỏi về Huệ

(Kinh) *Phục kiến Bồ Tát, trí thâm chí cố, năng văn chư Phật, văn tất thọ trì. Hựu kiến Phật tử, Định Huệ cụ túc, dĩ vô lượng dụ, vi*

chúng giảng thuyết. Hân nhạo thuyết pháp, hóa chư Bồ Tát, phá ma binh chúng, nhi kích pháp cố.

(經)復見菩薩，智深志固，能問諸佛，聞悉受持。又見佛子，定慧具足，以無量喻，為眾講說。欣樂說法，化諸菩薩，破魔兵眾，而擊法鼓。

(Kinh: Lại thấy Bồ Tát, trí sâu, chí chắc, thưa hỏi chư Phật, nghe rồi thọ trì. Lại thấy Phật tử, Định Huệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ, vì chúng giảng nói. Vui thích thuyết pháp, giáo hóa Bồ Tát, phá sạch quân ma, mà gióng trống pháp).

Bài kệ thứ nhất hỏi về tự hành. Bài kệ thứ hai hỏi về hóa độ người khác. Thấu đạt tốt cùng huệ, lý đạt đến tận gốc, thì gọi là “trí thâm”. Thệ nguyện rộng rãi, chắc chắn, thì gọi là “chí cố” (chí kiên cố). Đây chính là có đủ hai thứ trang nghiêm. Vì thế, có thể hỏi, có thể trì. “*Định Huệ cụ túc*”: Nếu nói chưa đạt tới huệ nhiều, thì Vô Sắc Định là nhiều, còn Tứ Thiên thì cân bằng. Lại nữa, bồi xả¹¹⁴ là huệ nhiều, Cứu Định là

¹¹⁴ Bồi xả chính là Bát Bồi Xả, còn gọi là Bát Giải Thoát, tức là tám loại Thiên Định nhằm đối trị (bồi) và đoạn trừ (xả) các thứ phiền não trói buộc trong tam giới:

1. Nội Hữu Sắc Tướng Quán Ngoại Sắc giải thoát: Tức là trong tâm nêu có ý niệm có sắc (có vật chất), sẽ dẫn khởi tâm tham dấy lên. Hãy nên quán tưởng các thứ bên ngoài thân đều là bất tịnh, khiến cho tâm tham chẳng sanh khởi, cho nên được giải thoát.
2. Nội Vô Sắc Tướng Quán Ngoại Sắc giải thoát: Tức là trong tâm tuy chẳng có ý niệm tâm tham sắc, nhưng vẫn phải giữ sao cho ý niệm “chẳng dấy khởi tâm tham” càng thêm kiên định, vẫn phải quán tưởng các thứ sắc bên ngoài là bất tịnh, khiến cho tâm tham vĩnh viễn chẳng dấy lên. Do vậy gọi là giải thoát.
3. Tịnh Giải Thoát Thân Tác Chứng Cụ Túc Trụ: Nhất tâm quán tưởng sắc quang minh, thành tựu, kỳ diệu, trân quý; đó gọi là tịnh giải thoát. Khi quán tưởng loại tịnh sắc ấy, sẽ chẳng sanh khởi tâm tham, có thể chứng minh tâm tánh đã giải thoát, cho nên gọi là thân tác chứng. Do đã quán tưởng viên mãn, có thể an trụ trong Định, nên gọi là Cụ Túc Trụ.
4. Không Vô Biên Xứ giải thoát
5. Thức Vô Biên Xứ giải thoát.
6. Vô Sở Hữu Xứ giải thoát.
7. Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ giải thoát
8. Diệt Thọ Tướng Định Thân Tác Chứng Cụ Túc Trụ: Tức là công phu Thiên Định nhằm diệt trừ Thọ Tướng. Nếu đã diệt Thọ Tướng thì hết thấy đều diệt trừ, cho nên gọi là Diệt Tận Định.

Định nhiều, mười món Nhất Thiết thì là cân bằng. Đó là giải thích theo nhân duyên. Lại nữa, Nhị Thừa là Định nhiều, Bồ Tát là huệ nhiều, chỉ có Phật là cân bằng. Đó là giải thích dựa theo giáo. Lại nữa, Không Quán là Định nhiều, Giả Quán là huệ nhiều, Trung Quán thì cân bằng. Đó là giải thích theo quán tâm.

“*Vô lượng dụ*” là nói các thứ thí dụ trong các giáo, giúp hiển thị Độ Nhất Nghĩa. “*Phá ma binh*”: Tạng Giáo và Thông Giáo thì phá bốn ma¹¹⁵ thuộc giới nội (trong tam giới). Biệt Giáo thì theo thứ tự phá tám loại ma¹¹⁶ thuộc giới nội và giới ngoại. Viên Giáo thì phá trọn vẹn tám ma và hết thấy các ma. “*Kích pháp cổ*” (Giống trống pháp) là đã phá ma, chuyển bốn thứ pháp luân¹¹⁷ thuộc bốn giáo.

Phần thứ hai, hỏi theo thứ tự đã xong.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3. Hỏi về các thứ khác nhau

Chia làm bảy đoạn: Một là hỏi về Thiên. Hai là hỏi về Tấn. Ba là hỏi về Giới. Bốn là hỏi về Nhân. Năm là lại hỏi về Thiên. Sáu là hỏi về Thí. Bảy là hỏi về Huệ.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.1. Hỏi về Thiên

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, tịch nhiên yển mặc, thiên long cung kính, bất dĩ vi hỷ. Hựu kiến Bồ Tát, xử lâm phóng quang, tế địa ngục khổ, linh nhập Phật đạo.

(經)又見菩薩，寂然宴默，天龍恭敬，不以為喜。又見菩薩，處林放光，濟地獄苦，令入佛道。

¹¹⁵ Tứ ma là phiền não ma, ám ma, tử ma, và thiên ma (tức chư thiên trong Tha Hóa Tự Tại Thiên).

¹¹⁶ Tám loại ma chính là tứ ma trên đây cộng với vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

¹¹⁷ Thông thường, “tứ chủng pháp luân” là giáo nghĩa đề ra bởi ngài Trúc Đạo Sanh. Theo đó, một đời giáo hóa của đức Phật có thể chia thành bốn loại gọi là thiện tịnh pháp luân (tu ngũ giới, Thập Thiện), phương tiện pháp luân (tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên), chân thật pháp luân (tu Trung Đạo Thật Tướng quán), và vô vi pháp luân (tu tam đức diệu quán, chứng quả vô vi Niết Bàn). Nhưng áp dụng cách hiểu này vào đây dường như không phù hợp cho lắm.

(Kinh: *Lại thấy Bồ Tát, vắng lặng, ngồi yên, trời, rồng cung kính, chẳng hề hoan hỷ. Lại thấy Bồ Tát, phóng quang trong rừng, cứu khổ địa ngục, khiến nhập Phật đạo).*

Bài kệ thứ nhất hỏi về nhập Xả Thiền, tức là tự hành. Bài kệ kế tiếp, hỏi về chuyện nhập Bi Thiền, tức là hóa độ người khác. Xả Thiền chính là Độ Tứ Thiền, cũng có thể hiểu là xả những điều áp ủ thuộc Biệt Giáo và Viên Giáo. Do quên các loại Thiền ấy, nên gọi là Xả. Bi Thiền thì như luận Tỳ Bà Sa nói: “*Sơ Thiền, tu Bi để. Nhị Thiền, tu Hỷ để. Tam Thiền, tu Từ để. Tứ Thiền, tu Xả để*”. Đã nói là hóa độ người khác, há chỉ có riêng Sơ Thiền? Vì thế, trong luận Tỳ Bà Sa có thông luận và biệt luận, hướng hồ Đại giáo ư? Do đó, mỗi môn Thiền đều nên nói là Từ cho đến Hỷ, Xả.

“*Phóng quang tế khổ*” (Phóng quang cứu khổ): Như kinh Tư Ích nói Vãng Minh Bồ Tát phóng quang chiếu thấu A-tăng-kỳ cõi nước trong mười phương, hết thấy phiền não, hết thấy tật bệnh được gặp quang minh ấy đều an lạc, cho đến Phật tự phóng quang minh Lục Độ, người được quang minh chiếu đến đều đạt được lợi ích. Đối với phiền não, tật bệnh đều nói là “*hết thấy*”, [tức là] đều phải nên có đủ bốn giáo. Như đức Phật bảo Tư Ích Phạm thiên: “*Năng giáo chúng sanh Nhất Thiết Trí tâm, thị danh bố thí. Bất xả Bồ Đề tâm, danh trì giới. Bất kiến tâm tướng sanh diệt, danh Nhẫn. Cầu tâm bất khả đắc, danh Tấn. Trừ thân tâm thô, danh Thiền. Ly chư hý luận, danh Huệ*” (Có thể dạy hết thấy chúng sanh tâm Nhất Thiết Trí thì gọi là bố thí. Chẳng bỏ Bồ Đề tâm là trì giới. Chẳng thấy tâm tướng sanh diệt là Nhẫn. Cầu tâm chẳng thể được là Tấn. Trừ các điều thô thấp nơi thân tâm thì là Thiền. Lìa các hý luận là Huệ). Há chẳng phải là tướng Lục Độ trong Tam Tạng ư? Lại nói: “*Ngã thuyết bố thí, danh vi Niết Bàn*” (Ta nói bố thí thì gọi là Niết Bàn). Ngu tôi cho rằng: “Đại phú vì nhập Thật Tướng của các pháp. Trì giới là Niết Bàn, do chẳng làm, chẳng khởi. Nhẫn là Niết Bàn, do niệm nào cũng đều diệt. Tấn là Niết Bàn, do chẳng giữ lấy gì. Thiền là Niết Bàn, do chẳng tham đắm. Huệ là Niết Bàn, do chẳng đạt được tướng”.

Lại nói: “*Bố thí bình đẳng chính là Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí), cho đến Bát Nhã chính là Tát Bà Nhã*”. Lại nói: “*Bố thí là chẳng thí, chẳng keo kiệt, cho đến Bát Nhã chẳng trí, chẳng ngu*”. Há chẳng phải đều là tướng Lục Độ trong Thông Giáo ư? Lại nói: “*Có thể thấu đạt hết thấy các pháp chẳng xả, gọi là Đàn (Thí). Thấu đạt hết thấy các pháp chẳng bị rò rỉ, mất mát, gọi là Thi (Thi La, Giới). Thấu đạt hết thấy các*

pháp chẳng bị thương tổn, gọi là Nhân. Thấu đạt hết thấy các pháp bình đẳng, gọi là Thiên. Thấu đạt hết thấy các pháp chẳng khởi tướng thì gọi là Huệ”. Đây chẳng phải là tướng Lục Độ trong Biệt Giáo và Viên Giáo ư? Lại như kinh Địa Trì¹¹⁸ nói Lục Độ, mỗi Độ đều có chín pháp. Những điều ấy đều là tướng trạng do được quang minh chiếu đến mà đạt được lợi ích. Do danh xưng Phật đạo chung cho cả bốn giáo, Bi Thiên cũng chẳng hạn cuộc trong Sơ Thiên. Vì thế, Sơ Địa của Biệt Giáo, Sơ Trụ của Viên Giáo, và Thất Địa của Thông Giáo đều được nhập. Tứ tướng đã phân định, ngũ thời có thể biện định được!

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.2. Hỏi về Tấn

(Kinh) Hựu kiến Phật tử, vị thường thụy miên, kinh hành lâm trung, cần cầu Phật đạo.

(經)又見佛子，未嘗睡眠，經行林中，勤求佛道。

(Kinh: Lại thấy Phật tử, chưa từng ngủ nghỉ, kinh hành trong rừng, siêng cầu Phật đạo).

Đây là như các pháp môn Ban Châu Niệm Phật v.v... Ban Châu (Pratyutpanna) được phương này dịch là Phật Lập, trong chín mươi ngày thường kinh hành, chẳng ngồi, chẳng nằm, là cách hay nhất để trừ ngủ nghỉ. Tuy kinh ấy thuộc Phương Đẳng, vẫn thông tứ giáo. Nay nói “*cần cầu Phật đạo*” (siêng cầu Phật đạo) nhằm phân biệt chẳng phải Nhị Thừa.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.3. Hỏi về Giới

(Kinh) Hựu kiến cụ Giới, oai nghi vô khuyết, tịnh như bảo châu, dĩ cầu Phật đạo.

¹¹⁸ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Bồ Tát Địa Trì Kinh (Bodhisattva-bhūmi), còn gọi là Bồ Tát Địa Kinh, Địa Trì Kinh, Bồ Tát Giới Kinh, Bồ Tát Địa Trì Luận, hay Địa Trì Luận, do ngài Đàm Vô Sấm dịch sang tiếng Hán vào đời Bắc Lương. Tuy gọi là Kinh, nhưng thật ra là Luận. Thông thường, kinh này được coi là do ngài Vô Trước ghi lại lời thuyết pháp của Di Lặc Bồ Tát. Kinh này nói rõ phương tiện tu hành của Bồ Tát, chia làm ba phần: Sơ phương tiện xứ, thứ pháp phương tiện xứ, và tất kính phương tiện xứ. Do kinh này có phần ghi chép về giới Đại Thừa, cho nên xưa nay rất được coi trọng.

(經)又見具戒，威儀無缺，淨如寶珠，以求佛道。

(Kinh: Lại thấy người trọn giới, oai nghi chẳng khiếm khuyết, trong sạch như bảo châu, để cầu đắc Phật đạo).

“Oai nghi vô khuyết” tức là điều đầu tiên, chẳng thiếu giới. “Tịnh như bảo châu” là điều thứ mười, tức trọn đủ các giới. Danh xưng Thập Giới phát xuất từ Đại Luận:

- Một là chẳng thiếu khuyết giới, tức là chẳng phạm trọng tội. Nếu phạm trọng tội, sẽ như thiếu sót cái phao nổi [để vượt biển].

- Hai là chẳng phá giới, tức chẳng phạm trung tội. Nếu phạm trung tội, sẽ như cái phao nổi bị tàn khuyết, hư hại.

- Ba là chẳng xuyên giới, tức là chẳng phạm tiểu tội. Nếu phạm tiểu tội, sẽ như phao nổi có lỗ thủng.

Ba điều (một, hai, ba) này thuộc về Luật Nghi.

- Bốn là giới chẳng xen tạp, tức là chẳng khởi ác giác (cảm nhận xấu). Nếu khởi ác giác thì thân và miệng tuy tịnh, ý bị xen tạp phiền não. Điều này là Định Cộng Giới.

- Năm là tùy đạo giới, như Sơ Quả cày ruộng, các loài trùng cách xa lưỡi cày bốn tấc.

- Sáu là giới chẳng chấp trước, như La Hán đối với tam giới lục trần, vĩnh viễn chẳng tham đắm.

Hai điều này (năm và sáu) là Đạo Cộng Giới, mà cũng là Chân Đế Giới.

- Bảy là giới được người trí khen ngợi, tức là khéo có thể xuất Giả, hòa mình vào cõi Tục để lợi sanh. Vì thế, được người có trí khen ngợi.

- Tám là tự tại giới, tức là du hý thần thông, thị hiện nghịch thuận, nhưng đối với tánh giới và giá giới chẳng hề vi phạm. Cho nên luôn được tự tại.

Hai điều này (bảy và tám) là Tục Đế Giới.

- Chín là tùy định giới, tức là chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi.

- Mười là trọn đủ các giới, tức là Giới Ba La Mật rốt ráo viên mãn, không pháp nào chẳng trọn đủ.

Hai điều này (chín và mười) là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế Giới.

Bốn điều giới đầu là cảnh được quán, sáu điều sau là phép quán, Lý và Sự tương tức (Lý chính là Sự, Sự chính là Lý). Lưỡng giáo Nhị Thừa chỉ có sáu thứ đầu. Xuất Giả Bồ Tát thì có thêm điều bảy và tám. Biệt Giáo theo thứ tự tu mười điều ấy. Viên Giáo nhất tâm tu cả mười điều. Vì thế nói “*để cầu Phật đạo*” nhằm phân biệt “*chẳng phải là hai loại Nhị Thừa*”.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.4. Hỏi về Nhẫn

(Kinh) Hựu kiến Phật tử, trụ nhẫn nhục lực, tăng thượng mạn nhân, ác mạ chửi đả, giai tất năng nhẫn, dĩ cầu Phật đạo.

(經)又見佛子，住忍辱力，增上慢人，惡罵捶打，皆悉能忍，以求佛道。

(Kinh: Lại còn thấy Phật tử, trụ trong sức nhẫn nhục, bị kẻ tăng thượng mạn, chửi rửa và đánh đập, thấy đều có thể nhẫn, để mong cầu Phật đạo).

Luận định chung hai thứ nhẫn Sanh và Pháp, bốn giáo khác nhau. Nếu có thể nhẫn, chẳng chấp trước đối với sự cung kính, cúng dường, sẽ chẳng sanh kiêu ngạo, buông lung. Nếu đối với giận chửi, đánh đập, tổn hại, và ruồi muỗi v.v... mà có thể nhẫn thì chẳng sanh sân nào. Đó chính là Sanh Nhẫn. Nếu có thể đối với các pháp bên ngoài như lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, già, bệnh v.v... mà có thể nhẫn, bất động, và nếu đối với nội pháp như tham, sân, ưu, mạn, tà kiến v.v... mà có thể nhẫn, chẳng dấy lên [các phiền não ấy] thì gọi là Pháp Nhẫn. Đó là ý nghĩa trong Tạng Giáo. Gộp chung hai thứ nhẫn trên đây coi là Sanh Nhẫn và cộng thêm Đề Nhất Nghĩa Pháp Nhẫn thì là ý nghĩa trong Thông Giáo. Lại quán hai cảnh Sanh và Pháp chính là Không, là Đề Nhất Nghĩa. Đó là Thông Giáo. Quán hai cảnh đó, trước hết là Không, kế đến là Giả, sau đó là Trung. Đó là Biệt Giáo. Quán hai cảnh tức là Không, Giả, và Trung, thì là Viên Giáo. Nay chỉ riêng nêu ra chửi rửa, đánh đập làm cảnh để nhẫn, tức là nêu ra chuyện khó khăn để liên tưởng đến chuyện dễ dàng đó thôi!

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.5. Lại hỏi về Thiền

(Kinh) Hựu kiến Bồ Tát, ly chư hý tiếu, cập si quyền thuộc, thân cận trí giả. Nhất tâm trừ loạn, nhiếp niệm sơn lâm, ức thiên vạn tuế, dĩ cầu Phật đạo.

(經)又見菩薩，離諸戲笑，及癡眷屬，親近智者。一心除亂，攝念山林，億千萬歲，以求佛道。

(Kinh: Lại thấy hàng Bồ Tát, lìa khỏi các giỡn cười, và quyền thuộc ngu si, thân cận người có trí. Nhất tâm trừ tán loạn, nhiếp niệm nơi núi rừng, trải ức ngàn vạn năm, để mong cầu Phật đạo).

“Ly hý tiếu” (Lìa khỏi đùa giỡn, cười cợt) là trừ Diệu Hối Cái¹¹⁹. “Lìa quyền thuộc ngu si” là trừ Sân Cái. Thân cận người trí là trừ Nghi Cái. Nhất tâm trừ tán loạn là trừ Tham Cái. Nhiếp niệm nơi núi rừng là trừ Thụy Cái (chướng lấp do ham ngủ). Sáu câu đầu nói về những điều xa lìa. Hai câu sau nêu ra ý nghĩa vì sao xa lìa. Dùng cách tu Thiền của thế gian và tứ giáo đều nhằm lìa Ngũ Cái. Nay cốt ý vì Phật đạo, chẳng giống như phạm phu, ngoại đạo, và hàng Nhị Thừa.

Xét theo quán để nói rõ về Ngũ Cái thì chi tiết như trong quyển bốn của bộ Ma Ha Chỉ Quán, xin hãy tìm đọc.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.6. Hối về Thí

(Kinh) Hoặc kiến Bồ Tát, hào thiện ẩm thực, bách chủng thang dược, thí Phật cập tăng. Danh y thượng phục, giá trị thiên vạn, hoặc vô giá y, thí Phật cập tăng. Thiên vạn ức chủng, Chiên Đàn bảo xá, chúng diệu ngọa cụ, thí Phật cập tăng. Thanh tịnh viên lâm, hoa quả mậu thịnh, lưu tuyền dục trì, thí Phật cập tăng. Như thị đẳng thí, chủng chủng vi diệu, hoan hỷ vô yếm, cầu vô thượng đạo.

(經)或見菩薩，肴膳飲食，百種湯藥，施佛及僧。名衣上服，價值千萬，或無價衣，施佛及僧。千萬億種，旃

¹¹⁹ Diệu Hối Cái (Auddhatya-kaukrtya-āvarana) chính là một Cái trong Ngũ Cái. “Cái” có nghĩa là che lấp, ngăn trở. “Điêu” là tâm dao động, lao chao, chẳng yên. “Hối” là đối với chuyện đã làm nảy sanh ý niệm buồn lo, băn khoăn “giá mình đừng làm chuyện đó”, hoặc “ta nên làm như thế này, như thế nọ, thay vì làm như thế”, “ta có nên làm chuyện ấy hay không” v.v... Hợp chung hai thứ phiền não ấy thành một Cái. Môn Cái này gây chướng ngại cho Định, nên gọi là Diệu Hối Cái.

檀寶舍，眾妙臥具，施佛及僧。清淨園林，華果茂盛，流泉浴池，施佛及僧。如是等施，種種微妙，歡喜無厭，求無上道。

(Kinh: Hoặc thấy Bồ Tát, thức ăn ngon lành, trăm loại thuốc thang, thí Phật và tăng. Y phục quý đẹp, giá trị ngàn vạn, hoặc áo vô giá, thí Phật và tăng. Ngàn vạn ức thứ, nhà báu Chiên Đàn, các đồ trải tốt, thí Phật và tăng. Vườn rừng thanh tịnh, hoa quả sum suê, suối chảy, ao tắm, thí Phật và tăng. Bỏ thí như thế, các thứ vi diệu, hoan hỷ chẳng chán, cầu vô thượng đạo).

Bốn bài kệ đầu nói về tứ sự cúng dường. Bài kệ sau cùng nói về ý nghĩa vì sao cúng dường. Bài kệ thứ nhất là cúng dường thực phẩm và thuốc thang. Bài kệ thứ hai là cúng dường quần áo. Bài kệ thứ ba và thứ tư đều nói về ngọa cụ (臥具, các thứ dùng để trải nằm như mền, chiếu, đệm...) Vô thượng đạo vẫn thông với tứ giáo.

1.2.1.1.4.2.1.2.5.3.7. Hỏi về Huệ

(Kinh) Hoặc hữu Bồ Tát, thuyết tịch diệt pháp, chủng chủng giáo chiếu, vô số chúng sanh. Hoặc kiến Bồ Tát, quán chư pháp tánh, vô hữu nhị tướng, do như hư không. Hựu kiến Phật tử, tâm vô sở trước, dĩ thử diệu huệ, cầu vô thượng đạo.

(經)或有菩薩，說寂滅法，種種教詔，無數眾生。或見菩薩，觀諸法性，無有二相，猶如虛空。又見佛子，心無所著，以此妙慧，求無上道。

(Kinh: Hoặc có Bồ Tát, nói pháp tịch diệt, các thứ dạy bảo, vô số chúng sanh. Hoặc thấy Bồ Tát, quán tánh các pháp, chẳng có hai tướng, dường như hư không. Lại thấy Phật tử, tâm chẳng chấp trước, dường như hư không, dùng diệu huệ ấy, cầu đạo vô thượng).

Bài kệ thứ nhất là chẳng thể nói mà nói Bát Nhã. Bài kệ kế đó là chẳng thể quán mà quán Bát Nhã. Bài kệ sau cùng là ngôn ngữ dứt bật,

tâm hạnh xứ diệt, tức là nói điều chẳng thể nói, quán điều chẳng thể quán để luận định Bát Nhã. Bát Nhã cũng thông với các giáo.

Phân giải thích về năm lượt suy nghĩ, thưa hỏi chuyện tu Bồ Tát hạnh trong cõi khác đã xong.

1.2.1.1.4.2.1.2.6. Hỏi về chuyện cúng dường xá-lợi ở cõi khác (tức là hỏi về chuyện đức Phật nhập Niết Bàn)

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi! Hựu hữu Bồ Tát, Phật diệt độ hậu, cúng dường xá-lợi. Hựu kiến Phật tử, tạo chư tháp miếu, vô số Hằng sa, nghiêm sức quốc giới. Bảo tháp cao diệu, ngũ thiên do-tuần, tung quang chánh đẳng, nhị thiên do-tuần. Nhất nhất tháp miếu, các thiên tràng phan, châu giao lộ mạn¹²⁰, bảo linh hòa minh. Chư thiên, long thần, nhân cập phi nhân, hương, hoa, kỹ nhạc, thường dĩ cúng dường. Văn Thù Sư Lợi! Chư Phật tử đẳng, vị cúng xá-lợi, nghiêm sức tháp miếu. Quốc giới tự nhiên, thù đặc diệu hảo, như thiên thụ vương, kỳ hoa khai phu.

(經)文殊師利！又有菩薩，佛滅度後，供養舍利。又見佛子，造諸塔廟，無數恒沙，嚴飾國界。寶塔高妙，五千由旬，縱廣正等，二千由旬。一一塔廟，各千幢幡，珠交露幔，寶鈴和鳴。諸天龍神，人及非人，香華伎樂，常以供養。文殊師利！諸佛子等，為供舍利，嚴飾塔廟。國界自然，殊特妙好，如天樹王，其華開敷。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi! Lại có hàng Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ, bèn cúng dường xá-lợi. Lại thấy các Phật tử, tạo tác các tháp miếu, nhiều vô số Hằng sa, trang nghiêm khắp cõi nước. Tháp báu cao và đẹp, đến năm ngàn do-tuần, mỗi bề đều bằng nhau, rộng hai ngàn do-tuần. Trong mỗi ngôi tháp miếu, đều treo ngàn tràng phan, châu giăng xen làm màn, linh báu cùng vang tiếng. Các trời, rồng, chư thần, nhân loại và phi nhân, hương, hoa và âm nhạc, thường dùng để cúng dường.

¹²⁰ Lộ Mạn (露幔) tức là các loại màn treo phía ngoài tháp với mục đích trang hoàng. “Châu giao lộ mạn” là dùng các loại châu ngọc kết thành màn, giăng xen để trang hoàng phía ngoài của ngôi tháp.

Văn Thù Sư Lợi ơi! Các hàng Phật tử đó, vì cúng dường xá-lợi, trang hoàng các tháp miếu. Cõi nước đều tự nhiên, tốt đẹp rất đặc biệt, như cây chúa cõi trời, đang trở hoa nở xòe).

Bài kệ thứ nhất nói chung về chuyện Phật diệt độ, [đại chúng] cúng dường xá-lợi. Bài kệ thứ hai là nói rõ số lượng tháp. Bài kệ thứ ba, nói về kích thước của tháp. Bài kệ thứ tư nói về sự trang nghiêm nơi tháp. Bài kệ thứ năm nói về sự cúng dường. Bài kệ thứ sáu và bảy, kết lại lời tán thán về sự trang hoàng. “*Thiên thụ vương*” tức là cây Ba Lợi Chất Đa La (Pāriyātraka)¹²¹.

Phần thứ nhất, kệ tụng đề hỏi lại những điều trước đó [đã nói trong văn Trường Hàng] đã xong.

1.2.1.1.4.2.2. Kệ tụng xin giải đáp

Gồm hai phần: Một là nêu ra điều nghi và lời thỉnh cầu. Hai là giải thích những lời vấn nạn.

1.2.1.1.4.2.2.1. Nêu ra điều nghi và lời thỉnh cầu

(Kinh) Phật phóng nhất quang, ngã cập chúng hội, kiến thử quốc giới, chủng chủng thù diệu. Chư Phật thần lực, trí huệ hy hữu. Phóng nhất tịnh quang, chiếu vô lượng quốc. Ngã đẳng kiến thử, đắc vị tăng hữu. Phật tử Văn Thù, nguyện quyết chúng nghi.

¹²¹ Cây này mọc trên cung trời Đao Lợi, dịch nghĩa Viên Sanh Thụ, Trú Độ Thụ, hoặc Hương Biện Thụ. Cây này có lá hình như lông vũ của loài chim, nở hoa đỏ tươi như san hô (do vậy còn gọi là San Hô Thụ), mọc ở góc Đông Bắc thành Thiện Kiến của Đế Thích. Cây có chu vi bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất năm do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá vươn dài ra bốn phía năm mươi do-tuần. Toàn thể các bộ phận trên cây đều có mùi thơm, xông khắp cung trời Đao Lợi. Dưới gốc cây này, đất sanh ra một loại chất báu có tên là Nhân Đà La Ni La Mục Đa (Indranilamuktā, Đế Thích Bảo, Thiên Thanh Châu), có màu xanh biếc. Trên cây, có thần tên là Mạn Đà thường tấu nhạc để tự vui thú. Vì thế, cây này trở thành chỗ vui chơi của chư thiên trong Tam Thập Tam Thiên.

(經)佛放一光，我及眾會，見此國界，種種殊妙。諸佛神力，智慧希有，放一淨光，照無量國。我等見此，得未曾有，佛子文殊，願決眾疑。

(Kinh: Phật phóng một quang minh, tôi và cả chúng hội, trông thấy cõi nước này, đủ thứ lạ màu nhiệm. Thần lực của chư Phật, trí huệ đều hiếm có. Phóng quang minh thanh tịnh, chiếu soi vô lượng cõi. Chúng tôi thấy điều này, đều được chưa từng có. Thừa Phật tử Văn Thù, xin hãy trừ nghi cho).

Bài kệ thứ nhất nêu ra chuyện được thấy trong cõi này. “*Bạch hào*” biểu thị Trung Đạo, là cội gốc của các pháp. Vì thế, nêu ra đầu tiên. “*Chủng chủng thù diệu*” (Các thứ hay khéo lạ lùng) chính là sáu tướng lành. Bài kệ thứ hai, nêu ra các chuyện trông thấy nơi cõi khác. Sáu điều lành trong cõi khác đều do quang minh mà trông thấy. Quang minh lại do thần lực và trí huệ mà có. Bài kệ thứ ba, chánh thức xin giải đáp. Chữ Thử chỉ sáu tướng lành trong cõi này. “*Vị tằng hữu*” (Chưa từng có) ý nói so với Hoa Nghiêm cho đến Bát Nhã đều khác biệt!

1.2.1.1.4.2.2.2. Giải thích bốn điều ngậm căn vận

(Kinh) Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã, Thế Tôn hà cổ, phóng tư quang minh? Phật tử thời đáp, quyết nghi linh hỷ, hà sở nhiều ích, diễn tư quang minh? Phật tọa đạo tràng, sở đắc diệu pháp, vị dục thuyết thử, vị đương thọ ký. Thị chư Phật độ, chúng bảo nghiêm tịnh, cập kiến chư Phật, thử phi tiểu duyên. Văn Thù đương tri: Tứ chúng long thần, chiêm sát nhân giả, vị thuyết hà đẳng?

(經)四眾欣仰，瞻仁及我，世尊何故，放斯光明？佛子時答，決疑令喜，何所饒益，演斯光明？佛坐道場，所得妙法，為欲說此，為當授記。示諸佛土，眾寶嚴淨，及見諸佛，此非小緣。文殊當知：四眾龍神，瞻察仁者，為說何等？」

(**Kinh:** Bốn chúng đều mong ngóng, nhìn nhân giả và tôi, vì sao đức Thế Tôn, phóng ra quang minh này? Phật tử nên đáp ngay, trừ nghi cho họ mừng. Do có lợi ích gì, Phật phóng quang minh này? Phật ngồi nơi đạo tràng, đạt được pháp mẫu nhiệm, vì muốn nói pháp đó, hay sẽ vì thọ ký? Trong các cõi Phật ấy, các báu đều nghiêm tịnh, và trông thấy chư Phật, đây chẳng phải duyên nhỏ. Ngài Văn Thù nên biết: Tứ chúng cùng rống, thần, đang chăm chú nhìn Ngài, mong sẽ nói những gì?)

Bốn bài kệ đầu nhằm giải thích những điều ngầm căn vặn, bài kệ sau cùng kết lại lời thỉnh. Nói “ngầm căn vặn” tức là trong tâm ngài Văn Thù đang băn khoăn, không chịu đáp ngay, là vì có ba ý:

- Một là tướng lành này kỳ lạ, chẳng thể bộp chộp phán quyết.
- Hai, trí của đại chúng như biển, [nhưng họ] nhún nhường, đề cao ngài Văn Thù.
- Ba là chần chừ khước từ để sanh lòng khát ngưỡng cho đại chúng.

Vì thế, Ngài dùng lý do khó khăn, ẩn tàng để cự tuyệt. Ngài Di Lặc nói rành rẽ điều nghi nan, cũng có ba ý:

- Một, do tướng lành to lớn, nên mối nghi to lớn. Nếu chẳng giải trừ, mối lo ngại sẽ áp ủ trong lòng, gây trở ngại cho việc nghe giảng phần Chánh Tông.
- Hai, đại chúng tuy đông nhiều, đều trông cậy vào nhân giả (Văn Thù).
- Ba là toàn thể đại chúng đều chiêm ngưỡng nhân giả. Vì thế biết là họ dốc lòng thành, ân cần trân trọng. Do đó, ngài (Di Lặc) bèn nói rõ để giải trừ các điều vẩn nạn, mong ngài Văn Thù sẽ đúng lúc giải đáp.

Điều căn vặn âm thầm thứ nhất, do chính lời thỉnh mà sanh ra. Ông thỉnh rằng: “*Phật tử Văn Thù, nguyệt quyết chúng nghi*” (Xin Phật tử Văn Thù giải quyết mối nghi cho đại chúng). Từ điều này, ngài Văn Thù hỏi vặn lại điều thứ nhất: “Ông nói đại chúng nghi ngờ, nhưng đại chúng chưa từng nghi. Nếu nghi, họ đã hỏi. Đại chúng đã chẳng nghi, tôi quyết nghi bằng cách nào?” Ngài Di Lặc liền dùng bài kệ thứ nhất để giải đáp lời căn vặn ấy: “*Tứ chúng hân ngưỡng, chiêm nhân cập ngã*” (Tứ chúng hân hoan, ngưỡng mộ, ngắm nhìn nhân giả và tôi). Ngắm nhìn tôi là muốn tôi hỏi, ngắm nhân giả là muốn nhân giả giải đáp. Do vậy, ngài Văn Thù liền căn vặn lần thứ hai: “Đại chúng đều ôm lòng nghi, chẳng dễ giải đáp. Đợi Phật xuất định, Ngài sẽ tự giải quyết mối nghi”. Ngài Di Lặc bèn lập tức dùng bài kệ thứ hai để giải thích: “Nếu

ôm lòng hoài nghi, sẽ lo rầu, chẳng thành thời, chẳng biết Như Lai lúc nào mới xuất Định. Vì thế, cần phải đáp ngay để họ hoan hỷ”. Nói “*thời đáp*” tức là thúc giục hãy đáp ngay. Do vậy, ngài Văn Thù liền đưa ra điều căn vặn thứ ba: “Tôi và nhân giả, đều thuộc địa vị đang học, muốn suy lường ý Phật, mong ông hãy cùng tôi suy tính, sao lại để riêng mình tôi đáp? Theo đúng lẽ thì chẳng nên!” Ngài Di Lặc dùng bài kệ thứ ba để giải thích: “Tôi cũng băn khoăn suy nghĩ, chẳng biết là đức Phật sẽ nói diệu pháp Ngài đạt được khi ngồi nơi đạo tràng, hay là sẽ thọ ký?” Do vậy, ngài Văn Thù lại cất vấn lần thứ tư: “Nếu như lời ông nói, tức là mỗi nghi đã được cởi gỡ, cần gì phải phiền tôi quyết nghi?” Ngài Di Lặc dùng bài kệ thứ tư để giải thích: “Chuyện này chẳng phải là duyên nhỏ nhoi, há có thể dùng cái tâm do dự của tôi để phán định đại sự?” Đến đây, ngài Văn Thù đã hết có cất vấn, mà cũng thôi nhún nhường. Vì thế, bài kệ sau cùng là kết lại lời thỉnh cầu giải đáp.

Phần thứ tư là nêu câu hỏi đã xong.

1.2.1.1.5. Trả lời câu hỏi

Gồm hai phần: Một là văn Trường Hàng. Hai là kệ tụng.

1.2.1.1.5.1. Phần kinh văn Trường Hàng

Chia thành bốn phần:

Một là suy nghĩ, cân nhắc để giải đáp. Hai là nêu đại lược chuyện đã từng thấy để trả lời. Ba là nêu rộng chuyện đã từng thấy để trả lời. Bốn là phán định phân minh để giải đáp.

1.2.1.1.5.1.1. Suy nghĩ, cân nhắc để giải đáp

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi ngữ Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư Đại Sĩ: - Thiện nam tử đẳng! Như ngã duy thốn, kim Phật Thế Tôn dục thuyết đại pháp, vũ đại pháp vũ, xuy đại pháp loa, kích đại pháp cổ, diễn đại pháp nghĩa.

(經)爾時，文殊師利語彌勒菩薩摩訶薩，及諸大士：
「善男子等！如我惟忖，今佛世尊欲說大法，雨大法雨，
吹大法螺，擊大法鼓，演大法義。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát và các vị Đại Sĩ: - Các thiện nam tử! Như tôi suy nghĩ, cân nhắc, nay đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, xối mưa pháp lớn, thổi ốc pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn pháp nghĩa lớn).

“**Thiện nam tử**”: Mở ra bảy phương tiện là Thiện. Có thể nghe pháp diệu diệu là Nam, còn nói là “**thiện trượng phu**”. Danh xưng “**trượng phu**” (丈夫) cũng áp dụng cho cả bốn giáo; ở đây, phải hiểu là thuộc Viên Giáo. “**Duy**” (惟) là suy nghĩ, “**thốn**” (忖) là suy lường. Suy tính hiện thời giống như xưa kia, suy lường xưa kia giống như hiện tại. Nhưng ngài Văn Thù là cổ Phật, lẽ nào chẳng biết? Nơi Tích, bèn thị hiện tư duy đó thôi!

“**Dục thuyết đại pháp**” (Muốn nói pháp lớn): Giải đáp đó là tướng lành thuyết pháp. [Văn Thù Bồ Tát] suy nghĩ: Xưa kia, sau khi chư Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, bèn khai Quyền, hiển Thật, gồm thâu vô lượng về một. Nay tôi phán đoán, đức Phật đã nói kinh Vô Lượng Nghĩa, cũng sẽ khai Quyền hiển Thật, dung hội vô lượng về một, “**một**” chính là đại pháp.

“**Vũ đại pháp vũ**” (Xối mưa pháp lớn) là trả lời [thắc mắc] về diêm lành “**mưa hoa**”. Suy nghĩ chư Phật thuở trước, sau khi tuôn bốn loại hoa vào khắp các nhân vị (địa vị tu nhân) Trụ, Hạnh, Hướng, Địa thuộc Viên Giáo. Tôi phán đoán đức Phật hiện thời, sau khi mưa hoa, ắt cũng sẽ đều tạo cái nhân thành Phật cho [các vị Bồ Tát] thuộc [các địa vị] Trụ, Hạnh, Hướng, Địa.

“**Xuy đại pháp loa**” (Thổi ốc pháp lớn): Thổi ốc (tù và) làm hiệu lệnh, giải đáp thắc mắc cho tâm đại chúng hoan hỷ trước diêm lành. [Ngài Văn Thù] suy nghĩ tứ chúng xưa kia trông thấy diêm lành bèn hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, trừ chướng, đẩy động căn cơ, tức là sửa đổi khiến cho giáo, hạnh, lý của mọi người đều đồng nhất; bèn đoán rằng đại chúng hiện thời do hoan hỷ, cũng sẽ trừ chướng, đẩy động căn cơ, thay đổi theo giáo, hạnh, lý giống như người thuở trước, sửa đổi rất sâu!

“**Kích đại pháp cổ**” (Đánh trống pháp lớn): Giải đáp thắc mắc về diêm lành “**cối đất chấn động**”. Suy nghĩ: Xưa kia, sau khi đại địa chấn động, liền có sáu lượt phá giấc Vô Minh; [do vậy tôi] phán đoán đối với vị Phật hiện thời (Phật Thích Ca), sau khi đại địa chấn động, cũng sẽ có

sáu lượt phá Vô Minh Hoặc. Đó là chỗ màu nhiệm nhất của thanh giáo¹²².

“*Diễn đại pháp nghĩa*”: Giải đáp thắc mắc về tướng lành “*phóng quang*”. Suy nghĩ: Xưa kia, chư Phật phóng quang minh từ tướng bạch hào; sau đó, nói kinh Pháp Hoa. Do đạo của chư Phật giống nhau, tôi đoán rằng sau khi đức Phật hiện thời phóng quang, cũng sẽ nói kinh Pháp Hoa.

Ngài (Văn Thù Bồ Tát) nói rộng về năm điều [chứng tỏ] đạo của chư Phật giống nhau. Năm câu như thế đều là do suy nghĩ các điều trong quá khứ mà phán định hiện tại. Tôi nói thêm để dung hội ý nghĩa: [Chánh kinh] chỉ thiếu phần [Bồ Tát] suy nghĩ về tướng lành nhập Định, nhưng các điềm lành như mưa hoa, cõi đất chấn động v.v... đều do nhập Định mà có, [nói về các tướng lành ấy] thì ý nghĩa đã đầy đủ rồi, chẳng cần phải nhọc lòng ngờ vực! Do thiếu khuyết điều này, nên gọi là “*lược đáp*” (略答, giải đáp đại lược). Chuyện suy nghĩ, cần nhắc để giải đáp này nhằm trả lời thắc mắc về sáu điều lành trong cõi này.

1.2.1.1.5.1.2. Nêu đại lược chuyện đã từng thấy để giải đáp

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ngã u quá khứ chư Phật, tăng kiến thử thụy. Phóng tư quang dĩ, tức thuyết đại pháp. Thị cố, đương tri: Kim Phật hiện quang, diệt phục như thị, dục linh chúng sanh hàm đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp, cố hiện tư thụy.

(經)諸善男子！我於過去諸佛，曾見此瑞。放斯光已，即說大法。是故，當知：今佛現光，亦復如是，欲令眾生咸得聞知一切世間難信之法，故現斯瑞。

(Kinh: Các thiện nam tử! Nơi chư Phật quá khứ, tôi đã từng thấy điều lành này. Sau khi đã phóng quang minh như thế ấy, liền nói đại pháp. Vì thế, hãy nên biết: Nay đức Phật hiện tướng quang minh cũng giống như thế, muốn cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thấy thế gian khó tin, cho nên hiện điềm lành ấy).

¹²² Thanh giáo (聲教): Do đức Phật dùng âm thanh (ngôn ngữ) để giáo hóa nhằm phù hợp căn tánh của chúng sanh trong cõi Sa Bà, nên gọi là “*thanh giáo*” (giáo hóa bằng âm thanh).

Đây là nêu đại lược chuyện đã từng thấy, chỉ nói về chuyện phóng quang chính là giải đáp sáu điểm lành trong các cõi khác; vì sáu điều lành nơi các cõi khác đều được soi tỏ bởi quang minh do đức Phật đã phóng ra. “*Văn*” (聞, nghe) là nói đến tín hạnh, “*tri*” (知, biết) là nói đến pháp hạnh. Hết thấy các pháp khó tin trong thế gian; đó gọi là “*thâu nhiếp vô lượng về một, khiến cho đại chúng khai thị ngộ nhập*”, thay đổi giáo, hạnh, lý của mọi người, sáu phen phá vô minh, hiển lộ đạo của chư Phật đồng nhất, bình đẳng. Đó chẳng phải là điều mà căn cơ của chín pháp giới kia có thể tin tưởng được!

1.2.1.1.5.1.3. Rộng nêu các điều từng thấy để trả lời

Tức là cùng trả lời các nghi vấn về cõi này và cõi kia. Ngài Di Lặc do quang minh mà thấy phương Đông theo chiều ngang (thấy trong không gian) bèn thưa hỏi. Ngài Văn Thù dẫn chuyện xưa kia thấy Phật theo chiều dọc (thời gian) để đáp, nhằm hiển thị “*mười phương ba đời chư Phật cùng một đạo*”. Kinh văn chia thành ba đoạn: Một là dẫn chứng một vị Phật giống như vậy. Hai là dẫn chứng hai vạn vị Phật đều giống như vậy. Ba là dẫn chứng vị Phật tối hậu cũng giống như vậy.

1.2.1.1.5.1.3.1. Dẫn chứng một vị Phật giống như vậy

Gồm ba phần: Một là thời tiết. Hai là nêu tên. Ba là thuyết pháp.

1.2.1.1.5.1.3.1.1. Thời tiết

(Kinh) Chư thiện nam tử! Như quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp.

(經)諸善男子! 如過去無量無邊不可思議阿僧祇劫。

(Kinh: Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp trong quá khứ).

1.2.1.1.5.1.3.1.2. Nêu tên

(Kinh) Nhĩ thời, hữu Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)爾時，有佛號日月燈明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*).

“*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) là thuở chẳng thể nghĩ bàn kiếp trong quá khứ. “*Thời*” chẳng phải là pháp thật có, do nương vào Sắc và Tâm mà giả lập, thuận theo thói tục mà phân biệt, chẳng hoại giả danh. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Nghe “*vô lượng kiếp*” liền biết chuyện sanh tử dài lâu, sanh tâm chán lìa. Đó là Vị Nhân Tất Đàn. [Nghe biết] trước mỗi kiếp lại có kiếp, sẽ chẳng sanh Đoạn Kiến, [nghe nói] sau mỗi kiếp, lại có một kiếp khác, sẽ chẳng sanh Thường Kiến. Đó là Đối Trị Tất Đàn. Quán thời điểm lâu xa ấy giống hệt như trong ngày nay, mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm hiện tại. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Khi đức Phật xuất thế trong thuở ấy, cũng nói tam thừa, tức [thuở đó] cũng là thời Ngũ Trược giống như lúc đức Phật xuất thế trong hiện thời. Nếu nói “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu hành tích tập thành Phật*”; đó chính là nói theo tướng trạng trong Tam Tạng. Nếu nói “*biết rõ tánh của thời và kiếp là Không, một niệm tương ứng với huệ, đại giác rạng ngời*”; đó chính là Phật tướng trong Thông Giáo. Nếu nói “*trong chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, hành trọn hết vô biên các hạnh trong pháp giới, đoạn trừ hai phẩm ngu (vô minh) vi tế và cực vi tế bèn thành Phật*”. [Hoặc nói] “*Ứng Thân ngời trọi khắp dưới trăm ức cây [Bồ Đề]*”; đó chính là Phật tướng trong Biệt Giáo. Nếu nói “*hiểu vô lượng vô số kiếp là một niệm, biết rõ tánh của một niệm chính là [cùng một] tánh từ xưa tới nay. Trí nhập ba đời, nhưng chẳng qua lại. Nhập tam-muội trong khoảng một sát-na, có thể thị hiện chuyện thành Bồ Đề xưa nay trong các biển quốc độ. Do vì chúng sanh, chẳng sanh mà thị hiện có sanh*”; đó chính là Phật tướng trong Viên Giáo.

Xét theo Bồn Tích, đức Phật Thích Ca trong hiện thời vốn thành Phật đã lâu. Đó là Bồn. Ngài thị hiện [giáng sanh] nơi vương cung là Tích. Chiêm nghiệm [điều này], liền biết đức Phật kia (Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật) cũng phải giống như thế.

Xét theo quán tâm, quán Ngũ Âm trong mỗi niệm đều sanh bởi nhân duyên, tức Không, tức Giả, tức Trung; đó gọi là “*có Phật xuất hiện trong cõi đời*”. [Xét theo Lục Túc Phật], từ Danh Tự mà có Phật, cho đến Cứu Cánh có Phật.

Nhật Nguyệt Đăng Minh (Candrasūryapradīpa) là danh hiệu riêng (biệt hiệu). “*Như Lai*” v.v... là các danh hiệu chung (thông hiệu). Hết thầy chư Phật đều có thông hiệu và biệt hiệu, đều là thuận theo thế gian mà giả lập. Đó là Thế Giới Tất Đàn. Nghe danh hiệu bèn sanh khởi điều lành, chính là Vị Nhân Tất Đàn. Vượt xa hết thầy Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn v.v... tức là Đối Trị Tất Đàn. Nếu nghe danh hiệu của chư Phật đều đạt được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Trong biệt hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, Nhật biểu thị huệ, Nguyệt biểu thị Định, tức là phẩm đức tự hành. Đăng Minh là phẩm đức “*hóa độ người khác*”. Lại nữa, Nhật Nguyệt Đăng [trong Nhật Nguyệt Đăng Minh] biểu thị nhất tâm tam trí¹²³. Hãy nên biết Phật trước (Phật trong quá khứ) và Phật sau (Phật trong hiện tại và tương lai), tự hành như nhau, hóa độ người khác giống nhau, nhất tâm tam trí giống nhau. Lại nữa, Phật có vô lượng đức, phải nên có vô lượng hiệu. Như kinh Hoa Nghiêm nói ở trong thế giới Sa Bà này, Phật Thích Ca có trăm ức mười ngàn danh hiệu, hà huống các Ứng Thân trọn khắp các cõi số nhiều như vi trần, danh hiệu há có cùng tận ư? Nhưng mỗi danh hiệu đều chiêu vời thật đức, đều là dùng hết cả kiếp để diễn nói công đức ấy, trọn chẳng thể cùng tận! Dùng nay để suy ra xưa, lẽ nào riêng Nhật Nguyệt Đăng Minh lại chẳng giống như vậy?

Đối với các thông hiệu như Như Lai v.v..., tiếng Phạn là Đa Đà A Già Độ (Tathāgata), còn phiên âm là Đát Thát A Kiệt, cõi này dịch thành Như Lai. A La Ha (阿羅訶, Arhat, A La Hán) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Ứng Cúng (應供), cũng dịch là Chí Chân (至真), hoặc còn dịch là Vô Sở Trước (無所著, chẳng chấp trước). Tam Miệu Tam Phật Đà (Samyak-sambuddha) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Chánh Biến Tri, còn dịch là Đẳng Chánh Giác. Bộ Xi Giá La Na Tam Ban Na (Vidyā-carāṇa-saṃpanna) trong tiếng Phạn được phương này dịch là Minh Hạnh Túc. Tu Già Đà (Sugata) trong tiếng Phạn, được

¹²³ “Nhất tâm tam trí” là đồng thời trong một tâm mà đạt được Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí và Nhất Thiết Chứng Trí.

phương này dịch là Thiện Thệ (善逝, khéo qua lại), còn dịch là Hảo Khứ (好去, khéo đi). Lộ Già Bại (Lokavida) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Thế Gian Giải. A Nậu Đa La (Anuttara) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Vô Thượng Sĩ. Phú Lâu Sa Đàm Miệu Bà La Đề (Puruṣa-damyā-sārathi) trong tiếng Phạn, phương này dịch là Điều Ngự Trượng Phu. Xá Đa Đề Bà Ma Nậu Xá Nẫm (Śāsta Deva-manuṣyāṇam) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Thiên Nhân Giáo Sư. Chữ Phật Đà trong tiếng Phạn, phương này dịch là Tri Giả Giác Giả. Lộ Ca Na Tha (Lokanatha) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Thế Tôn, tức là trọn đủ mười hiệu công đức chân thật như trên. Vì thế, được hết thấy thế gian tôn kính. Để giải thích mười hiệu này, ắt cần phải xét theo tứ giáo và sự khai hiển, nay chẳng nói rườm rà. Bồn Tích và quán tâm phỏng theo đó cũng có thể biết.

1.2.1.1.5.1.3.1.3. Thuyết pháp

(Kinh) Dẫn thuyết chánh pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện. Kỳ nghĩa thâm viễn, kỳ ngữ xảo diệu, thuần nhất vô tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng. Vị cầu Thanh Văn giả, thuyết ứng Tứ Đế pháp, độ sanh, lão, bệnh, tử, cứu cánh Niết Bàn. Vị cầu Bích Chi Phật giả, thuyết ứng thập nhị nhân duyên pháp. Vị chư Bồ Tát, thuyết ứng Lục Ba La Mật, linh đặc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)演說正法，初善，中善，後善。其義深遠，其語巧妙，純一無雜，具足清白梵行之相。為求聲聞者，說應四諦法，度生老病死，究竟涅槃。為求辟支佛者，說應十二因緣法。為諸菩薩，說應六波羅蜜，令得阿耨多羅三藐三菩提，成一切種智。

(Kinh: Dẫn nói chánh pháp, chặng đầu tốt lành, chặng giữa tốt lành, chặng cuối tốt lành. Ý nghĩa sâu mầu, lời lẽ khéo nhiệm, thuần nhất chẳng xen tạp, trọn đủ tướng phạm hạnh trắng sạch. Vì người cầu Thanh Văn, bèn nói pháp Tứ Đế tương ứng, độ sanh, già, bệnh, chết, [đạt đến] rốt ráo Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật, nói pháp tương ứng là mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát, nói pháp tương ứng là Lục

Ba La Mật, khiến cho họ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành Nhất Thiết Chứng Trí).

Đây là nói rõ vị Phật xưa kia đã vì Thật mà hành Quyền, nói Đốn, nói Tiệm, khai Quyền hiển Thật để cùng quy vào pháp “chẳng Đốn, chẳng Tiệm”, giống như tình huống được trông thấy trong quang minh, và cũng tương đồng với sự thuyết pháp của Phật Thích Ca. Thoạt đầu nói “*diễn thuyết chánh pháp*” tức là nói về pháp Đốn Giáo. Ba chặng đầu, giữa, và cuối đều tốt lành, ước theo Đốn Giáo thì là ba đoạn Tự, Chánh, Lưu Thông. Ý nghĩa này sâu xa, chính là liễu nghĩa trong Đốn Giáo, Nhị Thừa chẳng thể dò lường ngần mé. “*Kỳ ngữ xảo diệu*” (Lời lẽ hay khéo, mầu nhiệm) tức là kinh văn Đốn Giáo, dung hội Lý, nói thẳng thừng, khiến cho tâm Bồ Tát vui sướng. “*Thuần nhất vô tạp*” (Thuần nhất chẳng xen tạp) tức là Đốn Giáo chẳng xen lẫn với Nhị Thừa. “*Cụ túc*”: Đốn Giáo nói về pháp môn mãn tự. “*Thanh bạch*”: Đốn Giáo chẳng có tỳ vết nhị biên. “*Phạm hạnh*”: Chính là vô duyên Từ trong Đốn Giáo. Trên đây là nói vị Phật xưa kia nói Đốn pháp giống như đức Phật [Thích Ca] nói Hoa Nghiêm trong hiện thời. [Điều này] tương ứng với lời hỏi thứ nhất về chuyện “*thánh chúa sư tử diễn nói kinh pháp vi diệu*” trong phần trên.

Kế đó nói “*vị cầu Thanh Văn*” (vì người cầu Thanh Văn) v.v... là nói vị Phật xưa kia đã thí tam thừa, có ý nghĩa giống như vị Phật trong hiện thời (Phật Thích Ca) nói từ Tam Tạng cho tới Phương Đẳng, Bát Nhã, nhằm đáp lời hỏi “*nếu ai gặp khổ*” cho đến “*Phật tử tu các thứ hạnh*” trong phần trước. Tứ Đế có bốn loại (sinh diệt, vô sinh, vô lượng, vô tác), chi tiết thì như trong sách Huyền Nghĩa đã giảng. Nay vì hàng Thanh Văn, bèn nói pháp tương ứng là pháp sinh diệt. Đó gọi là “*quả báo trong tam giới*” khổ sở thật sự, chẳng thể tạo vui sướng. Phiền não và nghiệp thật sự là cái nhân gây ra khổ, chẳng có cái nhân nào khác nữa! Hễ nhân diệt, quả sẽ diệt, cho đến an lạc rốt ráo. Đạo diệt khổ chỉ là Giới, Định, Huệ, chẳng còn đạo nào khác. Nhân duyên cũng có bốn loại như [sách Pháp Hoa] Huyền Nghĩa đã nói. Nay vì Bích Chi Phật lại nói tương tương ứng sinh diệt có thể nghĩ bàn, tức Vô Minh và Hành là hai chi có thể dẫn khởi, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ là các chi được dẫn khởi. Ái và Thủ là các chi có thể sanh khởi. Sanh, Lão, Tử là các chi được sanh khởi. Cái được dẫn khởi và cái được sanh khởi chính là Khổ Đế. Cái có thể dẫn khởi và sanh khởi chính là Tập Đế. Vô Minh

diệt cho đến Lão, Tử diệt. Đó là Diệt Đế. Trí quán nhân duyên chính là Đạo Đế.

Thanh Văn độn căn; do vậy, vì họ nói tổng tướng là pháp Tứ Đế. Căn cơ của Bích Chi Phật nhạy bén hơn; vì thế nói biệt tướng là pháp nhân duyên. Bốn giáo tướng Ba La Mật như đã nói đại lược trong phần trước. Nếu trực tiếp nói về Lục Độ trong Tam Tạng thì thuộc về A Hàm. Nếu luận định đối chiếu giữa Sự và Lý, phần nhiều dùng Lý đoạt Sự, bèn thuộc vào Phương Đẳng. Nếu kèm theo Sự để bàn về Lý, phần nhiều dùng Lý dung hội Sự, sẽ thuộc về Bát Nhã. Phần sau [của đoạn kinh văn này] nói “*đắc A Nậu Đa La [Tam Miệu Tam Bồ Đề]*” v.v... chính là nói đức Phật quá khứ đã khai Quyền hiển Thật, có ý nghĩa giống với thời Pháp Hoa của đức Phật trong hiện tại. Nếu quán sơ sài theo mạch văn thì câu “*linh đắc*” (khiến cho đạt được) dường như chỉ là thừa tiếp ý nghĩa của câu “*vị chư Bồ Tát*” (vì các Bồ Tát); nhưng nếu xem xét kỹ càng mạch văn, sẽ thấy ý nghĩa ấy (“*thành Nhất Thiết Chứng Trí*”) chính là kết luận chung cho việc diễn nói chánh pháp cho Thanh Văn, Duyên Giác v.v... Bởi lẽ, từ ban đầu nói pháp Đốn nhằm khiến cho chúng sanh thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí; đối với kẻ chưa thành tựu, bèn khéo khuyên dụ dần dần, dùng [các giáo nghĩa thuộc] Tam Tạng, Thông, Biệt, kèm theo các thứ phương tiện như nói đối chiếu, nói kèm thêm v.v... để thành thực họ, hoặc là định, bất định, hoặc hiển, hoặc mật, chẳng phải là một chuyện, nhưng đều nhằm dẫn về Pháp Hoa. Như thế thì dù là Thanh Văn, hay là Bích Chi Phật, hay Sự độ, thậm chí cho tới pháp Biệt Giáo được nói kèm thêm trong Hoa Nghiêm, không gì chẳng nhằm khiến cho [người được hóa độ] đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành tựu Nhất Thiết Chứng Trí.

Điều này tương ứng với lời hỏi về chuyện “từ trong quang minh trông thấy đức Phật nhập Niết Bàn, [đại chúng] dựng tháp [thờ xá-lợi] trong các cõi khác, nhưng chẳng thấy trong cõi khác có pháp hội nói kinh Pháp Hoa”. Do vậy, dẫn đến nghi vấn, trở thành Phát Khởi Tự. Nay dẫn chuyện xưa tương đồng, nhằm hiển thị Pháp Hoa là sự luận đàm cuối cùng tột bậc về liễu nghĩa, từ nay trở đi, chẳng còn có gì có thể nói nữa, chỉ có “*chẳng phải diệt*” mà xưng “*nhập diệt*” đó thôi! Giáo pháp trong suốt một đời đức Phật được quy kết rốt ráo trong một mình kinh này. Mười phương ba đời, không đâu chẳng đều như vậy. Được gọi là Diệu, há có phải là nói suông ư?

Phần thứ nhất, “*dẫn chứng một vị Phật giống như vậy*” đã xong!

1.2.1.1.5.1.3.2. Kế đó, dẫn chứng hai vạn vị Phật cũng đều giống như vậy

(Kinh) Thứ, phục hữu Phật, diệt danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thứ, phục hữu Phật, diệt danh Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thị nhị vạn Phật, giai đồng nhất tự, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hựu đồng nhất tánh, tánh Phả La Đà. Di Lặc đương tri: Sơ Phật, hậu Phật, giai đồng nhất tự, danh Nhật Nguyệt Đăng Minh, thập hiệu cụ túc, sở khả thuyết pháp, sơ trung hậu thiện.

(經)次，復有佛，亦名日月燈明。次，復有佛，亦名日月燈明。如是二萬佛，皆同一字，號日月燈明。又同一姓，姓頗羅墮。彌勒當知：初佛，後佛，皆同一字，名日月燈明，十號具足，所可說法，初中後善。

(Kinh: Kế đó, lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Kế đó, lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Hai vạn vị Phật như thế, đều cùng một danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lại có cùng một họ, tức là họ Phả La Đà. Di Lặc hãy nên biết: Vị Phật đầu tiên và các vị Phật sau đó đều cùng một danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, mười hiệu trọn đủ, pháp do các Ngài nói chẳng đầu, chẳng giữa, và chẳng cuối đều tốt lành).

Vị Phật trước, vị Phật sau, không vị nào chẳng thí Đốn, thí Tiệm, hòng [chúng sanh được hóa độ, sẽ] hội nhập “phi Đốn, phi Tiệm”. Ngài Văn Thù khéo nói, chẳng chú trọng văn từ rườm rà. Vì thế, đối với vị Phật đầu tiên, nói cận kề Đốn, Tiệm đã đồng, chẳng qua chỉ nêu đại lược về sự khai hiển (khai Quyền, hiển Thật). Nay đối với hai vạn vị Phật, chỉ nói cùng tên, cùng họ, cùng đủ mười hiệu giống nhau, thuyết pháp tốt lành như nhau. Cho đến vị Phật cuối cùng, mới nói cận kề sự tương đồng giữa hiện tại và tương lai. Nhật Nguyệt Đăng Minh đã gọi là danh, mà cũng gọi là tự, hoặc cũng gọi là hiệu. Vì thế, biết ba thứ “danh, tự, hiệu” chỉ là giả lập, vốn chẳng có thân, có sơ, chẳng giống như người hiện thời hư vọng sanh phân biệt, có chuyện kiêng tên húy và chẳng kiêng tên húy.

Phả La Đọa (Bharadvaja) là họ, được dịch nghĩa là Tiệp Tật (捷疾, nhanh chóng), cũng dịch là Lợi Căn, còn dịch là Mãn Ngữ, thuộc chủng tánh Bà-la-môn. Giải thích theo quán tâm thì Thập Thiện mỗi điều đều có bách giới thiên như, hợp thành một vạn. Tự hành và hóa độ người khác đều trọn đủ, nên thành hai vạn.

1.2.1.1.5.1.3.3. Dẫn chứng vị Phật cuối cùng cũng giống như vậy

Phần này lại chia làm ba: Một là chuyện đã từng trông thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại. Hai là chuyện đã từng trông thấy giống với chuyện đang xảy ra trong hiện tại. Ba là chuyện đã từng trông thấy giống với chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại.

1.2.1.1.5.1.3.3.1. Chuyện đã từng trông thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại

(Kinh) Kỳ tối hậu Phật vị xuất gia thời, hữu bát vương tử: Nhất, danh Hữu Ý. Nhị, danh Thiện Ý. Tam, danh Vô Lượng Ý. Tứ, danh Bảo Ý. Ngũ, danh Tăng Ý. Lục, danh Trừ Nghi Ý. Thất, danh Hưởng Ý. Bát, danh Pháp Ý. Thị bát vương tử oai đức tự tại, các lãnh tứ thiên hạ. Thị chư vương tử, văn phụ xuất gia đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tất xả vương vị, diệt tùy xuất gia, phát Đại Thừa ý, thường tu phạm hạnh, giai vì pháp sư. Dĩ u thiên vạn Phật sở thực chư thiện bản.

(經)其最後佛未出家時，有八王子：一、名有意。二、名善意。三、名無量意。四、名寶意。五、名增意。六、名除疑意。七、名響意。八、名法意。是八王子威德自在，各領四天下。是諸王子，聞父出家得阿耨多羅三藐三菩提，悉捨王位，亦隨出家，發大乘意，常修梵行，皆為法師。已於千萬佛所植諸善本。

(Kinh: Vị Phật cuối cùng lúc chưa xuất gia, có tám vương tử: Một, tên là Hữu Ý (Mati). Hai, tên là Thiện Ý (Sumati). Ba, tên là Vô Lượng Ý (Anantamati). Bốn, tên là Bảo Ý (Ratimati). Năm, tên là Tăng Ý

(Viśeṣamati). Sáu, tên là Trừ Nghi Ý (Vimatisamudghātin). Bảy, tên là Hưởng Ý (Ghoṣamati). Tám, tên là Pháp Ý (Dharmamati). Tám vương tử ấy oai đức tự tại, mỗi vị đều thống lãnh bốn thiên hạ. Các vị vương tử ấy nghe tin cha xuất gia đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều bỏ ngôi vua, cũng theo cha xuất gia, phát ý Đại Thừa, thường tu phạm hạnh, đều là pháp sư, đã trồng các cội đức nơi ngàn vạn vị Phật).

Vị Phật thuở trước có tám người con, vị Phật hiện tại chỉ có một, số lượng tuy khác, nhưng đều xuất hiện trong cõi Đồng Cư. Do cõi nước có Kiến Tư, đều thị hiện có con. Chuyện có con giống nhau, nhưng một hay tám là do duyên, mỗi bên đều có sự biểu thị riêng. Một con biểu thị nhất đạo thanh tịnh, tám con biểu thị Bát Chánh Đạo¹²⁴. Lại nữa, con của vị Phật xưa kia phát ý Đại Thừa, con của vị Phật hiện tại (tức La Hầu La) trụ trong quả Tiểu Thừa, sao ở đây lại nói là “giống nhau”? Xưa kia, giáo hóa đã xong, hiển lộ chuyện thuộc Bốn, nên nói là “phát Đại Thừa ý”. [Con của vị Phật] trong hiện tại thì chưa nêu bày Tích, [cho nên] vẫn nói là La Hán, đến kinh văn trong phần sau sẽ hiển Bốn, [mới biết La Hầu La] chính là Bồ Tát. Đó là ý nghĩa giống nhau. Mỗi vị [vương tử của Nhật Nguyệt Đẳng Minh Phật] đều thống lãnh tứ thiên hạ¹²⁵, tức là Kim Luân Vương. Có kẻ nói “Luân Vương chưa chắc đã gặp Phật”, lời ấy chẳng đúng!

1.2.1.1.5.1.3.3.2. Chuyện đã từng thấy giống như chuyện trong hiện tại

Gồm hai phần: Một là hiện tướng lành giống nhau. Hai là nghi niệm giống nhau.

¹²⁴ Chú thích của pháp sư Phổ Hành: “Cổ nhân cho rằng tám người con biểu thị Bát Chánh Đạo, hoặc biểu thị tám thức, nhưng tên của tám vị đều có chữ Ý, tự hồ chẳng tương ứng với sự biểu thị pháp. Nay dựa theo kinh văn để giải thích như sau: Duy Thức Luận gọi cái thức thứ bảy (Mạt Na Thức) luôn suy xét, so lường là Ý. “Ý” ấy luôn duyên theo thức thứ tám, chấp có thật ngã, thật pháp. Vì thế gọi là Hữu Ý. Nó cũng thông với tánh thiện, nên có tên là Thiện Ý. Do chẳng mất tánh quý báu (Như Lai Tạng), nên gọi là Bảo Ý. Duyên lực tăng trưởng thù thắng, nên gọi là Tăng Ý. Như hàng vọng tiếng dội, nên gọi Hưởng Ý. Luôn duyên theo Pháp Trần, nên gọi là Pháp Ý. Chẳng thể diễn tả, suy lường, nên gọi là Vô Lượng Ý. Hễ nghi niệm nảy sanh đều nên trừ dứt, cho nên gọi là Trừ Nghi Ý”.

¹²⁵ Tứ thiên hạ tức là bốn đại châu (Đông Thắng, Tây Ngưu, Nam Diêm Phù Đề, Bắc Câu Lô). Do bốn châu ấy vây quanh núi Tu Di, nên gọi là Tứ Thiên Hạ.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1. Hiện tướng lành giống nhau

Lại chia thành hai tiểu đoạn: Một là giống như sáu tướng lành trong cõi này. Hai là giống như sáu tướng lành trong cõi khác.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1.1. Giống như sáu tướng lành trong cõi này

(Kinh) Thị thời, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật thuyết Đại Thừa kinh, danh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Thuyết thị kinh dĩ, tức ư đại chúng trung, kết gia phu tọa, nhập ư Vô Lượng Nghĩa Xứ tam-muội, thân tâm bất động. Thị thời, thiên vũ Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa, Mạn Thù Sa hoa, Ma Ha Mạn Thù Sa hoa, nhi tán Phật thượng, cập chư đại chúng. Phổ Phật thế giới, lục chủng chấn động. Nhĩ thời, hội trung tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, cập chư tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương đẳng. Thị chư đại chúng, đắc vị tăng hữu, hoan hỷ hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật. Nhĩ thời, Như Lai phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên độ, mỵ bất châu biến.

**(經)是時，日月燈明佛說大乘經，名無量義教菩薩法
佛所護念。說是經已，即於大眾中，結加趺坐，入於無量
義處三昧，身心不動。是時，天雨曼陀羅華，摩訶曼陀羅
華，曼殊沙華，摩訶曼殊沙華，而散佛上，及諸大眾。普
佛世界，六種震動。爾時，會中比丘、比丘尼、優婆塞、
優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那
羅、摩睺羅伽、人、非人、及諸小王、轉輪聖王等。是諸
大眾，得未曾有，歡喜合掌，一心觀佛。爾時，如來放眉
間白毫相光，照東方萬八千土，靡不周徧。**

(Kinh: Lúc đó, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật nói kinh Đại Thừa tên là Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh ấy xong, liền ở giữa đại chúng, ngồi xếp bằng, nhập Vô Lượng Nghĩa Xứ

tam-muội, thân tâm bất động. Lúc ấy, trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa để rải lên Phật và các đại chúng. Khắp thế giới Phật, sáu thứ chấn động. Lúc bấy giờ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân, phi nhân, và các tiểu vương, Chuyển Luân Thánh Vương v.v... trong hội. Các đại chúng ấy đều đạt được điều chưa từng có, hoan hỷ chấp tay, nhất tâm quán Phật. Lúc bấy giờ, Như Lai phóng quang từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu sáng một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông, không đâu chẳng trọn khắp).

1.2.1.1.5.1.3.3.2.1.2. Giống như sáu tướng lành trong cõi kia

(Kinh) Như kim sở kiến thị chư Phật độ.

(經)如今所見是諸佛土。

(Kinh: Như các cõi Phật trông thấy trong ngày nay).

Chỉ nói “*như kim sở kiến*” (như thấy trong hiện thời), văn giản lược nhưng ý nghĩa trọn vẹn.

Phần thứ nhất, “*hiện điều lành giống nhau*” đã xong.

1.2.1.1.5.1.3.3.2.2. Nghi niệm giống nhau

(Kinh) Di Lặc đương tri: Nhĩ thời, hội trung hữu nhị thập ức Bồ Tát nhạo dục thính pháp. Thị chư Bồ Tát kiến thử quang minh phổ chiếu Phật độ, đắc vị tăng hữu, dục tri thử quang sở vị nhân duyên.

(經)彌勒當知：爾時，會中有二十億菩薩樂欲聽法。

是諸菩薩見此光明普照佛土，得未曾有，欲知此光所為因緣。

(Kinh: Di Lặc hãy nên biết: Trong hội thuở đó, có hai mươi ức Bồ Tát vui thích, muốn nghe pháp. Các vị Bồ Tát đó trông thấy quang minh ấy chiếu trọn khắp cõi Phật, đạt được điều chưa từng có, muốn biết quang minh ấy do vì nhân duyên nào).

Đã nói “muốn biết quang minh do nhân duyên nào” thì theo đúng lý, phải có hai phần Tự nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi, nhưng chẳng rườm rà.

Phần thứ hai, “chuyện đã từng thấy giống như hiện thời” đã xong.

1.2.1.1.5.1.3.3.3. Chuyện đã từng thấy sẽ giống như trong hiện tại

Gồm năm phần: Một là do bậc đương cơ mà thuyết pháp giống nhau. Hai là thời tiết giống nhau. Ba là xướng “nhập diệt” giống nhau. Bốn là thọ ký giống nhau. Năm là sau khi Phật diệt độ, kinh lưu thông giống nhau.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.1. Do bậc đương cơ mà thuyết pháp giống nhau

(Kinh) Thời, hữu Bồ Tát danh viết Diệu Quang, hữu bát bách đệ tử. Thị thời, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật tùng tam-muội khởi. Nhân Diệu Quang Bồ Tát, thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)時，有菩薩名曰妙光，有八百弟子。是時，日月燈明佛從三昧起。因妙光菩薩，說大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。

(Kinh: Khi đó, có Bồ Tát tên là Diệu Quang, có tám trăm đệ tử. Lúc ấy, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật từ tam-muội xuất. Vì Diệu Quang Bồ Tát nói kinh Đại Thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Vị Phật xưa kia khởi Định, vì Diệu Quang Bồ Tát (Varaprabha)¹²⁶ nói kinh. Vị Phật hiện tại khởi Định, vì Xá Lợi Phất nói kinh. Xá Lợi Phất là thầy của La Hầu La. Diệu Quang xưa kia là thầy của tám vương tử, cho nên nói là “giống nhau”. Lại nữa, Xá Lợi Phất đã được thọ ký, thật sự là Bồ Tát. Xưa kia, lúc Diệu Quang nghe Pháp, việc gì phải thị hiện làm Thanh Văn?

¹²⁶ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Diệu là chẳng thể nghĩ bàn, Quang có thể chiếu tan vô minh. Do vậy, Bồ Tát tên là Diệu Quang”.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.2. Thời tiết giống nhau

(Kinh) Lục thập tiểu kiếp, bất khởi vu tòa. Thời hội thánh giả, diệt tọa nhất xứ, lục thập tiểu kiếp, thân tâm bất động, thánh Phật sở thuyết, vị như thực khoảnh. Thị thời chúng trung, vô hữu nhất nhân, nhược thân, nhược tâm, nhi sanh giải quỵện.

(經)六十小劫，不起于座。時會聽者，亦坐一處，六十小劫，身心不動，聽佛所說，謂如食頃。是時眾中，無有一人，若身若心，而生懈倦。

(Kinh: Sáu mươi tiểu kiếp, chẳng đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Người nghe trong hội khi đó, cũng ngồi một chỗ suốt sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm bất động, nghe lời Phật dạy, cho là như trong khoảng bữa ăn. Trong đại chúng khi đó, chẳng có một ai dù thân hay tâm sanh lười nhác, mệt mỏi).

Điều này giống như kinh văn trong phần sau nói “năm mươi tiểu kiếp coi như nửa ngày”, do Phật lực gia trì, cho nên quên dài, thấy là ngắn. Trong phần sau, sẽ giải thích cặn kẽ.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.3. Xướng nhập diệt giống nhau

(Kinh) Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật ư lục thập tiểu kiếp, thuyết thị kinh dĩ, tức ư Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhân, A Tu La chúng trung, nhi tuyên thử ngôn: “Như Lai ư kim nhật trung dạ, đương nhập Vô Dư Niết Bàn”.

(經)日月燈明佛於六十小劫，說是經已，即於梵、魔、沙門、婆羅門、天、人、阿修羅眾中，而宣此言：「如來於今日中夜，當入無餘涅槃」。

(Kinh: Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật trong sáu mươi tiểu kiếp, nói kinh ấy xong, liền ở trong đại chúng Phạm, ma, sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, A Tu La, tuyên bố lời này: “Vào nửa đêm hôm nay, Như Lai sẽ nhập Vô Dư Niết Bàn”).

Xưa kia nói Pháp Hoa liền xưng “nhập diệt”. Trong phẩm Hiện Bảo Tháp [của kinh Pháp Hoa], đức Phật hiện thời cũng nói “*Như Lai không lâu sau sẽ nhập Niết Bàn*”. Giáo hóa đã xong, xưng “nhập diệt” giống như nhau. Phạm là chúa của Sắc Giới, Ma (Māras) là chúa của Dục Giới (tức Tha Hóa Tự Tại thiên chúa). Sa-môn (śramaṇa) được phương này dịch là Cần Túc (勤息, siêng năng dứt diệt [phiền não]). Người xuất gia đều được gọi bằng danh xưng này. Bà-la-môn được phương này dịch là Tịnh Duệ (淨裔, hậu duệ thanh tịnh [của Phạm Thiên]), còn dịch là Phạm Chí (梵志, dốc chí sống cuộc đời thanh tịnh), tức là chủng tánh tôn quý trong hàng tại gia. Nói “*thiên, nhân, A Tu La*” nhằm nêu đại lược ba loại thiện đạo, đều là [liệt kê] theo phương diện thù thắng do họ dễ nhập Phật pháp vậy.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.4. Thọ ký giống nhau

(Kinh) Thời, hữu Bồ Tát danh viết Đức Tạng. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật tức thọ kỳ ký, cáo chư tỳ-kheo: “Thị Đức Tạng Bồ Tát, thứ đương tác Phật, hiệu viết Tịnh Thân Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà”.

(經)時，有菩薩名曰德藏。日月燈明佛即授其記，告諸比丘：「是德藏菩薩，次當作佛，號曰淨身多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀」。

(Kinh: Khi ấy, có Bồ Tát tên là Đức Tạng¹²⁷. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật liền thọ ký cho vị ấy, bảo các tỳ-kheo: “Ông Đức Tạng Bồ Tát (Śrīgarbha) này kế tiếp sẽ làm Phật, hiệu là Tịnh Thân (Vimalāṅganetra) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri”).

Thọ ký cho Thanh Văn là phần Chánh Tông của kinh này, chẳng nên tiết lộ sẵn. Nay nói thọ ký cho bậc Bồ Xứ tức là giống như Phật Thích Ca thọ ký Di Lặc vậy.

¹²⁷ Pháp sư Phổ Hành chú thích: “*Bồ Tát hàm tàng vô lượng công đức, cho nên gọi là Đức Tạng. Tịnh Thân: Thân Phật thanh tịnh, tướng hảo trang nghiêm, cho nên hiệu là Tịnh Thân*”.

Hỏi: - Trong Pháp Hoa chưa hề thọ ký cho ngài Di Lặc, há có nên dẫn chứng là giống nhau?

Đáp: - Chỉ xét theo một đời giáo hóa của đôi bên giống nhau, nghĩa ấy là đủ rồi, cần gì cứ phải câu nệ cường ép tương xứng từng chi tiết nhỏ nhặt! Huống hồ Phạn bản của kinh Pháp Hoa chất đồng dài đến tám dặm, không thể nào truyền trọn hết sang Trung Hoa được? Ai biết là trong bản tiếng Phạn chẳng có phần kinh văn thọ ký cho bậc Bồ Xứ hay không? Trong phần Thọ Ký, nêu đại lược ba đức, dù ba hay mười, đều là bình đẳng!

1.2.1.1.5.1.3.3.3.5. Sau khi Phật diệt độ, lưu thông kinh giống nhau

Gồm ba đoạn: Một, nói về sự nhập diệt. Hai là nói đến lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật nhập diệt. Ba là tổng kết, dung hội xưa nay.

1.2.1.1.5.1.3.3.3.5.1. Nói đến sự nhập diệt

(Kinh) Phật thọ ký dĩ, tiện ư trung dạ, nhập Vô Dư Niết Bàn.

(經)佛授記已，便於中夜，入無餘涅槃。

(Kinh: Đức Phật thọ ký xong, liền vào nửa đêm, nhập Vô Dư Niết Bàn).

Thọ ký rồi liền nhập Niết Bàn: Tuy cùng xuất hiện trong cõi Đồng Cư, nhưng Ngũ Trược chưa quá đáng; vì thế, chẳng cần nói thêm kinh Đại Niết Bàn. Như đức Phật Ca Diếp trong cõi này cũng nói kinh Pháp Hoa xong, bèn nhập Niết Bàn. Nhưng Vô Dư Niết Bàn nghĩa thông với Đại Thừa và Tiểu Thừa, cần phải giảng rõ đôi chút. Có người nói: “Tiểu Thừa do còn bị trói buộc nơi quả thì gọi là Hữu Dư, thân lẫn trí đều như tro thì gọi là Vô Dư. Đại Thừa do đã thấu hiểu cùng tận ngũ trược, cho nên gọi là Vô Dư”. Đây cũng là một cách giải thích. Luận chung về Niết Bàn, có ba loại:

- Một là tánh tịnh Niết Bàn: Thánh phàm bình đẳng, tức Pháp Thân đức.

- Hai là viên tịnh Niết Bàn: Ra khỏi chướng, viên minh, tức Bát Nhã đức.

- Ba là phương tiện tịnh Niết Bàn: Vì chúng sanh, chẳng phải sanh mà thị hiện có sanh, chẳng phải diệt mà thị hiện có diệt, tức Giải Thoát đức.

Duy Thức lại nói có bốn thứ Niết Bàn:

- Một là Tự Tánh Thanh Tịnh Niết Bàn, tức là Phật và chúng sanh bình đẳng cùng có, chẳng do tu mà đạt được.

- Hai là Hữu Dur Y Niết Bàn, tức là Chân Như thoát khỏi Phiền Não Chướng, dư y¹²⁸ chưa diệt. Tam thừa khi mới chứng Vô Học đạo, sẽ đạt được [loại Niết Bàn này].

- Ba là Vô Dur Y Niết Bàn, tức là phiền não đã hết, khổ y cũng diệt. Đó là sở chứng của bậc Vô Học trong tam thừa khi thân và trí đều tận.

- Bốn là Vô Trụ Xứ Niết Bàn, tức là Chân Như vượt ngoài Sở Tri Chướng, đại bi Bát Nhã thường giúp đỡ, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, cho đến tận cùng đời vị lai, tịch mà thường chiếu, lợi ích chúng sanh.

Nay đem bốn [loại Niết Bàn trong Duy Thức] đối chiếu với ba [loại Niết Bàn trước đó] để có thể hiểu ý nghĩa. Tự tánh thanh tịnh chính là tánh tịnh. Hữu Dur, Vô Dur, thoát khỏi Phiền Não Chướng thì chính là vô trụ. Thoát khỏi Sở Tri Chướng thì là viên tịnh. Từ Thể khởi Dụng, nhiều lượt xướng sanh, xướng diệt, nhưng thật sự chẳng sanh, chẳng diệt, tức là phương tiện tịnh. Duy Thức lại nói: *“Hết thấy chúng sanh chỉ có loại đầu tiên (tự tánh thanh tịnh Niết Bàn), hàng Nhị Thừa vô học có ba loại đầu (tự tánh thanh tịnh, hữu dur, vô dur Niết Bàn), chỉ có đức Thế Tôn là có thể nói trọn đủ cả bốn”*. Bởi lẽ, tánh tịnh Pháp Thân chúng sanh đều cùng có. Vì thế, đều có loại thứ nhất. Khi hàng Nhị Thừa chứng Vô Học, thì là Hữu Dur Y, chẳng gọi là Vô Dur. Cho tới khi nhập diệt thì mới gọi là Vô Dur, chẳng gọi là Hữu Dur. Đây chính là “trước sau chẳng cùng lúc”, cho nên nói là *“có cả ba thứ đầu tiên”*. Như Lai ngồi dưới cội Bồ Đề, thành Đẳng Chánh Giác, tất cả thân tâm chẳng còn hữu lậu. Khổ y¹²⁹ vĩnh viễn hết sạch, thì gọi là Vô Dur Y. Khổ y chẳng tồn tại, tức là Ngũ Uẩn chân thường thì gọi là Hữu Dur Y. Chẳng trụ vào hai bên, thì gọi là Vô Trụ Xứ. Đây chính là ý nghĩa *“bốn loại Niết Bàn đồng thời trọn đủ”*. Vì thế, có thể nói là *“trọn đủ cả bốn loại”*. Do vậy bảo là *“thoạt đầu, thành Chánh Giác, đã nhập trọn vẹn bốn loại Niết Bàn”*.

¹²⁸ “Y” có nghĩa là còn có thân nương vào hữu lậu, do còn Hoặc nghiệp sót thừa, cho nên gọi là Dur. Hữu Dur Y tức là Hoặc nghiệp gây nên sanh tử đã hết, nhưng vẫn còn có khổ quả hữu lậu sót thừa. Chẳng hạn như ngài Kiều Phạm Ba Đề đã chứng thánh quả, nhưng còn ác tật miệng luôn nhai nhóp nhép như trâu nhoi.

¹²⁹ Khổ y tức là thân do khổ báo. Vì thân là chỗ để con người nương vào mà tồn tại, nên thân được gọi là Y.

Nay nói “*nửa đêm nhập Tịch Diệt*”, tức là vì hàng độn căn trong cõi Đồng Cư mà thị hiện diệt độ giống như Nhị Thừa. Đây chính là diệu dụng của phương tiện thanh tịnh, chẳng phải là thật sự diệt bèn nói là diệt, diệt có bao giờ diệt ư?

1.2.1.1.5.1.3.3.5.2. Nói về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

(Kinh) Phật diệt độ hậu, Diệu Quang Bồ Tát trì Diệu Pháp Liên Hoa kinh mãn bát thập tiểu kiếp, vị nhân diễn thuyết. Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật bát tử giai sư Diệu Quang. Diệu Quang giáo hóa, linh kỳ kiên cố A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị chư vương tử cúng dường vô lượng bách thiên vạn ức Phật dĩ, giai thành Phật đạo. Kỳ tối hậu thành Phật giả, danh viết Nhiên Đăng. Bát bách đệ tử trung, hữu nhất nhân, hiệu Cầu Danh, tham trước lợi dưỡng. Tuy phục độc tụng chúng kinh, nhi bất thông lợi, đa sở vong thất, cố hiệu Cầu Danh. Thị nhân diệt dĩ chủng chư thiện căn nhân duyên cố, đắc trị vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

(經)佛滅度後，妙光菩薩持妙法蓮華經滿八十小劫，為人演說。日月燈明佛八子皆師妙光。妙光教化，令其堅固阿耨多羅三藐三菩提。是諸王子供養無量百千萬億佛已，皆成佛道。其最後成佛者，名曰然燈。八百弟子中有一人，號曰求名，貪著利養。雖復讀誦眾經，而不通利，多所忘失，故號求名。是人亦以種諸善根因緣故，得值無量百千萬億諸佛，供養，恭敬，尊重，讚歎。

(Kinh: Sau khi đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ Tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trọn tám mươi tiểu kiếp, vì người khác diễn nói. Tám người con của Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật đều tôn ngài Diệu Quang làm thầy. Diệu Quang giáo hóa, khiến cho họ kiên cố nơi Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Các vị vương tử ấy đã cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức Phật rồi, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật cuối cùng

tên là Nhiên Đăng¹³⁰. Trong tám trăm đệ tử, có một người tên là Cầu Danh (Yaśaskāma). Do tham đắm lợi dưỡng, dẫu đọc tụng các kinh, nhưng chẳng thông suốt, phần nhiều quên mất, nên được gọi là Cầu Danh. Người ấy cũng do nhân duyên đã gieo các thiện căn mà được gặp vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán).

“Diệt hậu” (Sau khi đức Phật diệt độ) nói rõ lúc lưu thông kinh. Diệu Quang là người lưu thông kinh. “Tám mươi tiểu kiếp” là nói rõ thời gian lưu thông kinh bao lâu. Tám người con và Cầu Danh là nói đến lợi ích do lưu thông kinh. “Kiên cố”: Đã thành tựu trước đó từ lâu rồi. Cầu Danh là vị kế tiếp được Bồ Xứ làm Phật, cùng hiển lộ nhân duyên trong Phật đạo “hoàn toàn cấy vào thầy và bạn”, mà cũng hoàn toàn do tu chứng, hai đằng chẳng hư dối vậy!

1.2.1.1.5.1.3.3.5.3. Tổng kết, dung hội xưa nay

(Kinh) Di Lạc đương tri: Nhĩ thời, Diệu Quang Bồ Tát, khởi di nhân hồ? Ngã thân thị dã. Cầu Danh Bồ Tát, nhữ thân thị dã.

(經)彌勒當知：爾時，妙光菩薩，豈異人乎？我身是也。求名菩薩，汝身是也。

¹³⁰ Nhiên Đăng Phật (Dipaṃkara), còn dịch là Định Quang Phật, Đăng Quang Phật, Phổ Quang Phật, hoặc có lúc còn phiên âm là Đề Hoàn Ý Phật. Theo kinh Thụy Ứng: “*Khi Định Quang Phật xuất thế, ta làm Bồ Tát, tên là Nho Đồng, mua hoa đến cúng Định Quang Phật, rải hoa cúng dường. Hoa ngừng trên không trung, Phật hiểu ý, bèn tán thán: - Ông đã học thanh tịnh trong vô số kiếp, do vậy bèn thọ ký, trong chín mươi một kiếp sau, trong kiếp có tên là Hiền Kiếp, ông sẽ làm Phật, hiệu là Thích Ca Văn*”. Trí Độ Luận quyển chín chép: “*Khi Nhiên Đăng Phật sanh ra, hết thấy mọi thứ chung quanh như được đèn chiếu sáng, nên gọi là Nhiên Đăng thái tử. Khi Ngài thành Phật, cũng hiệu là Nhiên Đăng, cựu dịch là Định Quang Phật*”. Theo kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 13, trong kiếp quá khứ lâu xa, có vua tên là Địa Chủ, đem nửa phần Diêm Phù Đề trao cho bảy tôi của vua là Thiện Minh thống trị. Lúc phu nhân của Thiện Minh sanh con, cả Diêm Phù Đề sáng rực quang minh sắc vàng. Đứa bé sanh ra dung mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng; do vậy, đặt tên là Đăng Quang. Lúc hai mươi chín tuổi, Đăng Quang xuất gia học đạo, thành Phật ngay trong đêm ấy. Thiện Minh và bốn mươi ức người đến chỗ Đăng Quang Như Lai nghe thuyết pháp. Như Lai lại đến chỗ vua Địa Chủ thuyết pháp. Địa Chủ chính là tiền thân của Phật Thích Ca.

(Kinh: Di Lặc hãy nên biết: Diệu Quang Bồ Tát khi đó, há phải ai khác? Chính là thân ta. Cầu Danh Bồ Tát chính là thân ông).

Nói rõ lợi ích do lưu thông kinh, hướng dẫn tám vương tử và tám trăm đệ tử, cho đến kết lại, dung hội xưa nay. Gần là giải trừ điều nghi, nhằm ngầm mở ra thọ lượng. Hoặc là có kẻ nghi ngờ: “Ngài Di Lặc là bậc Bồ Xứ, không nên hỏi, ngài Văn Thù chẳng phải là Bồ Xứ, không nên đáp!” Nay nói rõ Di Lặc thuộc trong số tám trăm [đệ tử của Diệu Quang Bồ Tát], phải nên thưa hỏi. Văn Thù trước kia đã làm thầy, hoàng dương và lưu truyền diệu pháp, cho nên Ngài giải trừ mọi nghi chẳng sai lầm!

Lại nữa, người nhỏ nhất trong tám vương tử đã thành Nhiên Đăng Phật; Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích Ca. Nay Văn Thù vốn là sư tổ, lại làm đệ tử Phật Thích Ca. Thầy trò không nhất định, nhằm ngầm hiển thị “*sinh mà chẳng sinh, diệt mà chẳng diệt*”.

Hỏi: - Xưa kia, Di Lặc đã từng thấy chư Phật, từng nghe Pháp Hoa, có sao nghi ngờ thưa hỏi?

Đáp: - Do cơ nghi của đại chúng trong thuở đó cần phải được kích phát.

Phần thứ ba, “*rộng nêu những chuyện từng thấy để giải đáp*” đã xong.

1.2.1.1.5.1.4. Phán định phân minh để giải đáp

(Kinh) Kim kiến thử tượng, dữ bốn vô dị. Thị cố, duy thốn, kim nhật Như Lai đương thuyết Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)今見此瑞，與本無異。是故，惟忖，今日如來當說大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念」。

(Kinh: Nay thấy tướng lành này, chẳng khác thuở đó. Vì thế, tôi xét nghĩ, ngày nay Như Lai sẽ nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm).

Sáu tướng lành xưa và nay đã giống nhau, xét nghĩ quyết định chẳng sai: Đức Phật sẽ nói Đại Thừa, chắc chắn đó là tướng lành trước khi thuyết pháp. [Do bản kinh] có tên là Diệu Pháp Liên Hoa, chắc chắn trước đó có tướng lành mưa hoa. Pháp để dạy Bồ Tát, chắc chắn trước

đó có tướng lành đại chúng hoan hỷ. Do [kinh ấy] được Phật hộ niệm, chắc chắn trước đó có tướng lành cõi đất chấn động. Vì cách giải đáp là trước hết nêu ra dấu hiệu tương ứng, sau đó mới khẳng định. Do vậy, nay phán định rõ ràng để đại chúng nhất loạt hiểu rõ, chẳng ngờ. Huống chi đại thánh Văn Thù đã suy nghĩ trước rồi mới đoan quyết ư?

Phản Trường Hàng trong lời đáp đã xong.

1.2.1.1.5.2. Kệ tụng

Gồm hai phần: Một là phần kệ tụng nêu căn cứ các chuyện đã từng thấy để giải đáp. Hai là phần kệ tụng về lời giải đáp do phán định phân minh.

1.2.1.1.5.2.1. Kệ tụng nêu căn cứ các chuyện đã từng thấy để giải đáp

Chia thành hai phần: Một là kệ tụng về một đức Phật [và đức Phật hiện tại hiện tướng lành] giống nhau. Hai là kệ tụng về vị Phật cuối cùng [và đức Phật hiện tại hiện tướng lành] giống nhau, chẳng trùng tụng phần “suy xét và nêu bày đại lược”, chỉ trùng tụng phần nêu bày căn cứ. Nhưng trong phần [trùng tụng] về sự nêu bày căn cứ, chỉ trùng tụng vị Phật đầu tiên và cuối cùng, tinh lược các vị Phật trung gian là đã đủ hiển lộ ý nghĩa rồi, chẳng cần phải rườm rà!

1.2.1.1.5.2.1.1. Kệ tụng về một đức Phật giống nhau

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi ư đại chúng trung, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ thế, vô lượng vô số kiếp, hữu Phật nhân trung tôn, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thế Tôn diễn thuyết pháp, độ vô lượng chúng sanh, vô số ức Bồ Tát, linh nhập Phật trí huệ.

(經)爾時，文殊師利於大眾中，欲重宣此義，而說偈言：「我念過去世，無量無數劫，有佛人中尊，號日月燈明。世尊演說法，度無量眾生，無數億菩薩，令入佛智慧。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tôi nhớ đời quá khứ, vô

lượng vô số kiếp, có Phật nhân trung tôn¹³¹, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Thế Tôn diễn nói pháp, độ vô lượng chúng sanh, vô số ức Bồ Tát, khiến nhập trí huệ Phật).

Bài kệ tụng này nói về thời tiết, nhân duyên, danh hiệu, và thuyết pháp v.v...

1.2.1.1.5.2.1.2. Kệ tụng về vị Phật cuối cùng giống nhau

Chia thành ba phần: Một là kệ tụng về chuyện đã thấy giống hết như chuyện đã xảy ra trong hiện tại. Hai là kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện tại. Ba là kệ tụng về chuyện đã thấy giống như chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại.

1.2.1.1.5.2.1.2.1. Kệ tụng về chuyện đã thấy giống như chuyện đã xảy ra trong hiện tại

(Kinh) Phật vị xuất gia thời, sở sanh bát vương tử, kiến đại thánh xuất gia, diệc tùy tu phạm hạnh.

(經)佛未出家時，所生八王子，見大聖出家，亦隨修梵行。

(Kinh: Lúc Phật chưa xuất gia, sanh ra tám vương tử, thấy đại thánh xuất gia, cũng theo tu phạm hạnh).

1.2.1.1.5.2.1.2.2. Kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện tại

Chia thành hai phần: Một là kệ tụng hiện điềm lành giống nhau. Hai là kệ tụng về nghi niệm giống nhau.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1. Kệ tụng điềm lành giống nhau

Lại chia thành hai phần: Một là kệ tụng sáu điều lành trong cõi này giống nhau. Hai là kệ tụng sáu điều lành trong cõi khác giống nhau.

¹³¹ Đây là một trong các đức hiệu của Phật. Trong nhân loại, đức Phật tôn quý nhất, thù thắng nhất. Vì thế gọi là Nhân Trung Tôn (bậc đáng tôn quý trong nhân loại).

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1.1. Kệ tụng sáu điều lành trong cõi này giống nhau

(Kinh) Thời Phật thuyết Đại Thừa, kinh danh Vô Lượng Nghĩa, ư chư đại chúng trung, nhi vị quảng phân biệt. Phật thuyết thử kinh dĩ, tức ư pháp tòa thượng, gia phu tọa tam-muội, danh Vô Lượng Nghĩa Xứ. Thiên vũ Mạn Đà hoa, thiên cổ tự nhiên minh, chư thiên, long, quý thần, cúng dường Nhân Trung Tôn. Nhất thiết chư Phật độ, tức thời đại chấn động, Phật phóng mi gian quang, hiện chư hy hữu sự.

(經)時佛說大乘，經名無量義，於諸大眾中，而為廣分別。佛說此經已，即於法座上，加趺坐三昧，名無量義處。天雨曼陀華，天鼓自然鳴，諸天龍鬼神，供養人中尊。一切諸佛土，即時大震動，佛放眉間光，現諸希有事。

(Kinh: Phật nói kinh Đại Thừa, tên là Vô Lượng Nghĩa. Ở trong các đại chúng, vì họ rộng phân biệt. Phật nói kinh ấy xong, liền ngay trên pháp tòa, xếp bằng, nhập tam-muội, tên Vô Lượng Nghĩa Xứ. Trời mưa hoa Mạn Đà, trống trời tự nhiên vang. Chư thiên, rồng, quý thần, cúng dường Nhân Trung Tôn. Hết thấy các cõi Phật, lập tức chấn động lớn. Phật phóng quang giữa mày, hiện các chuyện hy hữu).

Trong bài kệ tụng, nêu ra chuyện trống trời tự vang tiếng, biểu thị chuyện Vô Vần Tự Thuyết (không ai hỏi mà tự nói) trong phẩm Phương Tiện. “Hiện các chuyện hy hữu” tức là trùng tụng chung các điều lành.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.1.2. Kệ tụng sáu điều lành trong cõi khác giống nhau

Phân kinh văn Trường Hàng chỉ nói đại lược “*nư kim sở kiến thị chư Phật độ*” (như các cõi Phật được trông thấy trong hiện thời), phân kệ tụng này nói chi tiết. Dẫu lời văn tung hoành biên hóa, nói chung chẳng ra ngoài ý nghĩa sáu tướng lành.

(Kinh) Thử quang chiếu Đông phương, vạn bát thiên Phật độ, thị nhất thiết chúng sanh, sanh tử nghiệp báo xứ. Hữu kiến chư Phật độ, dĩ chúng bảo trang nghiêm, lưu ly, pha ly sắc, tư do Phật quang chiếu.

(經)此光照東方，萬八千佛土，示一切眾生，生死業報處。有見諸佛土，以眾寶莊嚴，琉璃玻璃色，斯由佛光照。

(Kinh: Quang ấy chiếu phương Đông, vạn tám ngàn cõi Phật, hiện hết thấy chúng sanh, chỗ sanh tử nghiệp báo. Thấy có các cõi Phật, dùng các báu trang nghiêm, lưu ly, màu pha lê, đều do Phật quang soi).

Đây là trùng tụng chuyện thấy tướng lành trong sáu đường nơi cõi ấy, lại còn hiển lộ kèm thêm các cõi tịnh uế bất đồng.

(Kinh) Cập kiến chư thiên, nhân, long, thần, Dạ Xoa chúng, Càn Thát, Khẩn Na La, các cúng dường kỳ Phật.

(經)及見諸天人，龍神夜叉眾，乾闥緊那羅，各供養其佛。

(Kinh: Và thấy các trời, người, rồng, thần, chúng Dạ Xoa, Càn Thát, Khẩn Na La, đều cúng dường Phật ấy).

Bài tụng này hiển thị trong sáu đường có căn cơ thuộc về Phật giới.

(Kinh) Hựu kiến chư Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo, thân sắc như kim sơn, đoan nghiêm thậm vi diệu. Như tịnh lưu ly trung, nội hiện chân kim tượng, Thế Tôn tại đại chúng, phô diễn thâm pháp nghĩa.

(經)又見諸如來，自然成佛道，身色如金山，端嚴甚微妙。如淨琉璃中，內現真金像，世尊在大眾，敷演深法義。

(Kinh: Lại thấy các Như Lai, tự nhiên thành Phật đạo. Thân sắc như núi vàng, đoan nghiêm rất vi diệu. Như nơi lưu ly sạch, hiện hình tượng vàng ròng, Thế Tôn giữa đại chúng, phô diễn pháp nghĩa sâu).

Đây là trùng tụng về điều lành thấy đức Phật ấy và nghe Ngài thuyết pháp. “*Tự nhiên thành Phật đạo*”: Phương tiện đạo thì thêm dụng tâm tu tập. Phát chân đạo tức là tùy ý tự nhiên hợp với Lý. Tạng Phật (Phật trong Tạng Giáo) hể ngồi xuống thì tùy ý [vận dụng] ba mươi bốn tâm. Phật trong Thông Giáo thì một niệm tương ứng, chẳng cần phải vận dụng công sức. Diệu Giác trong Biệt Giáo và Viên Giáo vốn đạt được tương ứng, tự nhiên thành Phật đạo. Đó là Báo Thân. “*Lưu ly*” là Pháp Thân vốn thanh tịnh. “*Tượng vàng*” là ứng theo [tâm nguyện của] chúng sanh mà hiện hình. “*Thâm pháp nghĩa*” (Pháp nghĩa sâu) chính là Đốn Giáo Đại Thừa.

(Kinh) Nhất nhất chư Phật độ, Thanh Văn chúng vô số, nhân Phật quang sở chiếu, tất kiến bỉ đại chúng. Hoặc hữu chư tỳ-kheo, tại u sơn lâm trung, tinh tấn trì tịnh giới, do như hộ mình châu.

(經)——諸佛土，聲聞眾無數，因佛光所照，悉見彼大眾。或有諸比丘，在於山林中，精進持淨戒，猶如護明珠。

(Kinh: Trong mỗi một cõi Phật, hàng Thanh Văn vô số, do Phật quang chiếu đến, đều thấy đại chúng đó. Hoặc có các tỳ-kheo, ở trong chốn núi rừng, tinh tấn giữ tịnh giới, như bảo vệ mình châu).

Đây là trùng tụng tướng lành đặc đạo của tứ chúng trong cõi kia. Nêu ra Thanh Văn để nói gộp chung tam thừa trong Tạng Giáo. Nêu ra tỳ-kheo để gộp chung tứ chúng. Hoặc hiểu bài kệ thứ hai nhằm nói về Lục Độ trong phần sau thì cũng được!

(Kinh) Hựu kiến chư Bồ Tát, hành Thí, Nhẫn Nhục đẳng, kỳ số như Hằng sa, tư do Phật quang chiếu. Hựu kiến chư Bồ Tát, thâm nhập chư Thiền Định, thân tâm tịch bất động, dĩ cầu vô thượng đạo. Hựu kiến chư Bồ Tát, tri pháp tịch diệt tướng, các u kỳ quốc độ, thuyết pháp cầu Phật đạo.

(經)又見諸菩薩，行施忍辱等，其數如恒沙，斯由佛光照。又見諸菩薩，深入諸禪定，身心寂不動，以求無上

道。又見諸菩薩，知法寂滅相，各於其國土，說法求佛道。

(Kinh: Lại thấy các Bồ Tát, hành trì Thí, Nhẫn Nhục... Số như cát sông Hằng, đều do Phật quang chiếu. Lại thấy các Bồ Tát, thâm nhập các Thiền Định, thân tâm lặng bất động, để cầu vô thượng đạo. Lại thấy các Bồ Tát, biết pháp tướng tịch diệt, đều ở trong nước mình, thuyết pháp cầu Phật đạo).

Đây là kệ tụng nói về tướng lành “hành Bồ Tát hạnh” trong cõi ấy. Lục Độ đã chung khắp bốn giáo, ở Phương Đẳng, Bát Nhã sẽ đều tương đồng giữa phương Đông và cõi này.

Phần kệ tụng thứ nhất về chuyện hiện tướng lành giống nhau đã xong.

1.2.1.1.5.2.1.2.2.2. Trùng tụng về nghi niệm giống nhau

(Kinh) Nhĩ thời, tứ bộ chúng, kiến Nhật Nguyệt Đẳng Phật, hiện đại thần thông lực. Kỳ tâm giai hoan hỷ, các các tự tương vấn: “Thị sự hà nhân duyên?”

(經)爾時，四部眾，見日月燈佛，現大神通力。其心皆歡喜，各各自相問：「是事何因緣？」

(Kinh: Bấy giờ, bốn bộ chúng, thấy Nhật Nguyệt Đẳng Phật, hiện sức đại thần thông, tâm họ đều hoan hỷ, ai nấy đều thắc mắc: “Chuyện này nhân duyên nào?”)

Phần thứ hai, trùng tụng về chuyện từng trông thấy giống như chuyện đang xảy ra trong hiện thời đã nói xong.

1.2.1.1.5.2.1.2.3. Kệ tụng về chuyện đã từng thấy giống như chuyện sẽ xảy ra trong hiện tại

Gồm năm phần: Một là kệ tụng [nêu rõ] do người đương cơ mà thuyết pháp. Hai là kệ tụng về thời tiết. Ba là kệ tụng về chuyện tuyên bố nhập diệt. Bốn là kệ tụng về chuyện thọ ký. Năm là kệ tụng về chuyện lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.1. Kệ tụng chuyện do người đương cơ mà thuyết pháp

(Kinh) Thiên nhân sở phụng tôn, thích tùng tam-muội khởi, tán Diệu Quang Bồ Tát: “Nhữ vi thế gian nhân, nhất thiết sở quy tín, năng phụng trì pháp tạng. Như ngã sở thuyết pháp, duy nhữ năng chứng tri”. Thế Tôn ký tán thán, linh Diệu Quang hoan hỷ, thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)天人所奉尊，適從三昧起，讚妙光菩薩：「汝為世間眼，一切所歸信，能奉持法藏。如我所說法，唯汝能證知」。世尊既讚歎，令妙光歡喜，說是法華經。

(Kinh: Đấng trời người tôn phụng, vừa từ tam-muội xuất, khen Diệu Quang Bồ Tát: “Ông là mắt thế gian, mọi người tin, hướng về. Hay vâng giữ pháp tạng, như pháp của ta nói, chỉ mình ông chứng biết”. Thế Tôn đã tán thán, khiến Diệu Quang hoan hỷ, nói kinh Pháp Hoa này).

1.2.1.1.5.2.1.2.3.2. Trùng tụng về thời tiết

(Kinh) Mãn lục thập tiểu kiếp, bất khởi ư thử tòa, sở thuyết thượng diệu pháp, thị Diệu Quang pháp sư, tất giai năng thọ trì.

(經)滿六十小劫，不起於此座，所說上妙法，是妙光法師，悉皆能受持。

(Kinh: Trọn sáu mươi tiểu kiếp, chẳng rời chỗ ngồi đó, nói diệu pháp cao thượng, pháp sư Diệu Quang ấy, đều có thể thọ trì).

Sau khi nói xong Thí Thuyết Châu trong kinh văn thuộc phần sau, [đức Phật] liền bảo ngài Xá Lợi Phất rằng: “Vô trí nhân trung, mạc thuyết thử kinh” (Giữa những kẻ vô trí, đừng nói kinh này) v.v... Hãy nên biết Diệu Quang đều có thể thọ trì đúng như hiện thời Xá Lợi Phất nhận lãnh lời phó chúc của đức Phật.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.3. Trùng tụng về chuyện tuyên bố nhập diệt

(Kinh) Phật thuyết thị Pháp Hoa, linh chúng hoan hỷ dĩ, tầm tức ư thị nhật, cáo ư thiên nhân chúng: “Chư pháp Thật Tướng nghĩa, dĩ vị nhữ đẳng thuyết, ngã kim ư trung dạ, đương nhập ư Niết Bàn. Nhữ nhất tâm tinh tấn, đương ly ư phóng dật, chư Phật thậm nan trị, ức kiếp thời nhất ngộ”.

(經)佛說是法華，令眾歡喜已，尋即於是日，告於天人眾：「諸法實相義，已為汝等說，我今於中夜，當入於涅槃。汝一心精進，當離於放逸，諸佛甚難值，億劫時一遇」。

(Kinh: Phật nói kinh Pháp Hoa, khiến chúng hoan hỷ rồi, liền ngay trong hôm ấy, bảo các trời người rằng: “Nghĩa Thật Tướng các pháp, đã vì các ông nói, ta nay vào nửa đêm, sẽ nhập vào Niết Bàn. Ông nhất tâm tinh tấn, hãy lìa các buông lung, chư Phật rất khó gặp, ức kiếp gặp một lần”).

Trong kinh vẫn có tuyên bố sẽ nhập diệt và có chúc lụy. Chúc lụy giống như di giáo.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.4. Trùng tụng về chuyện thọ ký

(Kinh) Thế Tôn chư tử đẳng, văn Phật nhập Niết Bàn, các các hoài bi não: “Phật diệt nhất hà tốc?” Thánh chúa pháp trung vương, an ủy vô lượng chúng: “Ngã nhược diệt độ hậu, nhữ đẳng vật ưu bố, thị Đức Tạng Bồ Tát, ư vô lậu Thật Tướng, tâm dĩ đắc thông đạt. Kỳ thứ đương tác Phật, hiệu viết vi Tịnh Thân, diệt độ vô lượng chúng”.

(經)世尊諸子等，聞佛入涅槃，各各懷悲惱：「佛滅一何速？」聖主法中王，安慰無量眾：「我若滅度後，汝等勿憂怖，是德藏菩薩，於無漏實相，心已得通達。其次當作佛，號曰為淨身，亦度無量眾」。

(Kinh: Các con đức Thế Tôn, nghe Phật nhập Niết Bàn, ai nấy buồn áo não: “Sao Phật diệt nhanh vậy?” Thánh chúa vua các pháp, an ủi vô lượng chúng: “Như sau ta diệt độ, các người đừng lo sợ, Đức Tạng

Bồ Tát đây, với Thật Tướng vô lậu, tâm đã được thông đạt. Kế tiếp sẽ làm Phật, danh hiệu là Tịnh Thân, cũng độ vô lượng chúng”).

Trong kinh vẫn có nói tới chuyện buồn khóc, có an ủi, phủ dụ. Do [đại chúng] buồn khóc, cho nên [Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật] an ủi, phủ dụ. Do an ủi, phủ dụ, bèn thọ ký cho vị Bồ Xứ Phật, giống như vị Phật trong hiện tại (Thích Ca Mâu Ni Phật) giao phó chúng sanh chưa đắc độ cho ngài Di Lặc.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5. Kệ tụng về chuyện lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

Lại chia thành ba phần: Một là kệ tụng về sự thị hiện diệt độ, cúng dường, tinh tấn. Hai là kệ tụng về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ. Ba là kệ tụng tiêu kết, dung hội xưa nay.

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.1. Kệ tụng về sự thị hiện diệt độ, cúng dường, tinh tấn

(Kinh) Phật thử dạ diệt độ, như tân tận, hỏa diệt, phân bố chư xá-lợi, nhi khởi vô lượng tháp. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, kỳ số như Hằng sa, bội phục gia tinh tấn, dĩ cầu vô thượng đạo.

(經)佛此夜滅度，如薪盡火滅，分佈諸舍利，而起無量塔。比丘比丘尼，其數如恒沙，倍復加精進，以求無上道。

(Kinh: Đêm ấy, Phật diệt độ, như củi hết, lửa tắt, phân chia các xá-lợi, để dựng vô lượng tháp. Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, số như cát sông Hằng, càng tinh tấn gấp bội, để cầu đạo vô thượng).

Phân Trường Hàng chỉ nói “nhập Niết Bàn”, kệ tụng kể thêm dựng tháp và tứ chúng tinh tấn cầu đạo. Đó gọi là “đối với kẻ đáng nên dùng Niết Bàn để đắc độ, liền hiện Niết Bàn để độ thoát họ”. “Tân tận, hỏa diệt” (Củi hết, lửa tắt): Tiểu Thừa coi cái thân quả báo là củi, trí huệ là lửa. Huệ nung vào báo thân, thân diệt thì trí mất, tức là hễ diệt bèn vĩnh viễn diệt. Đại Thừa coi căn cơ là củi, thích ứng căn cơ là lửa. Căn

cơ đặc độ của chúng sanh đã hết, thân ứng hiện bèn diệt, ứng hiện trọn khắp pháp giới, chẳng thể biết cùng tận được!

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.2. Kệ tụng về lợi ích do lưu thông kinh sau khi Phật diệt độ

(Kinh) Thị Diệu Quang Bồ Tát, phụng trì Phật pháp tạng, bát thập tiểu kiếp trung, quảng tuyên Pháp Hoa kinh. Thị chư bát vương tử, Diệu Quang sở khai hóa, kiên cố vô thượng đạo, đương kiến vô số Phật. Cúng dường chư Phật dĩ, tùy thuận hành đại đạo, tương kế đắc thành Phật, chuyển thứ nhi thọ ký. Tối hậu Thiên Trung Thiên, hiệu viết Nhiên Đăng Phật, chư tiên chi đạo sư, độ thoát vô lượng chúng. Thị Diệu Quang pháp sư, thời hữu nhất đệ tử, tâm thường hoài giải đãi, tham trước ư danh lợi. Cầu danh lợi vô yếm, đa du tộc tánh gia, khí xả sở tập tụng, phế vong, bất thông lợi. Dĩ thị nhân duyên cố, hiệu chi vi Cầu Danh, diệt hành chúng thiện nghiệp, đắc kiến vô số Phật. Cúng dường ư chư Phật, tùy thuận hành đại đạo, cụ Lục Ba La Mật, kim kiến Thích Sư Tử. Kỳ hậu đương tác Phật, hiệu danh viết Di Lặc, quảng độ chư chúng sanh, kỳ số vô hữu lượng.

(經)是妙光菩薩，奉持佛法藏，八十小劫中，廣宣法華經。是諸八王子，妙光所開化，堅固無上道，當見無數佛。供養諸佛已，隨順行大道，相繼得成佛，轉次而授記。最後天中天，號曰然燈佛，諸仙之導師，度脫無量眾。是妙光法師，時有一弟子，心常懷懈怠，貪著於名利。求名利無厭，多遊族姓家，棄捨所習誦，廢忘不通利。以是因緣故，號之為求名，亦行眾善業，得見無數佛。供養於諸佛，隨順行大道，具六波羅蜜，今見釋師子。其後當作佛，號名曰彌勒，廣度諸眾生，其數無有量。

(Kinh: Ngài Diệu Quang Bồ Tát, vâng giữ Phật pháp tạng, trong tám mươi tiểu kiếp, tuyên rộng kinh Pháp Hoa. Tám vị vương tử đó, được Diệu Quang khai hóa, đạo vô thượng kiên cố, được thấy vô số

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Phật. Đã cúng dường chư Phật, tùy thuận hành đại đạo, nối tiếp nhau thành Phật, lần lượt thọ ký nhau. Thiên Trung Thiên cuối cùng, hiệu là Phật Nhiên Đăng, đạo sư của các tiên¹³², độ thoát vô lượng chúng. Pháp sư Diệu Quang ấy, có một vị đệ tử, thường ôm lòng biếng nhác, tham đắm nơi danh lợi. Cầu danh lợi chẳng chán, thường đến nhà quyền quý, buông bỏ việc tu tập, quên bẵng, chẳng thông suốt. Do bởi nhân duyên ấy, được gọi là Cầu Danh, cũng hành các thiện nghiệp, được thấy vô số Phật. Cúng dường các đức Phật, tùy thuận hành đại đạo, trọn Lục Ba La Mật, nay thấy Thích Sư Tử. Sau này sẽ làm Phật, danh hiệu là Di Lặc, rộng độ các chúng sanh, số lượng chẳng chừng hạn).

1.2.1.1.5.2.1.2.3.5.3. Kệ tụng tiểu kết, dung hội xưa nay

(Kinh) Bửi Phật diệt độ hậu, giải đãi giả như thị, Diệu Quang pháp sư giả, kim tác ngã thân thị.

(經)彼佛滅度後，懈怠者汝是，妙光法師者，今則我身是。

(Kinh: Phật ấy diệt độ rồi, kẻ lười nhác là ông, còn pháp sư Diệu Quang, nay chính là thân tôi).

Phần thứ nhất, kệ tụng nêu cặn kẽ những chuyện đã trông thấy để trả lời đã xong.

1.2.1.1.5.2.2. Kệ tụng phán đoán phân minh để giải đáp

Gồm ba đoạn: Một là kệ tụng nói kinh Pháp Hoa. Hai là kệ tụng về pháp để dạy hàng Bồ Tát. Ba là kệ tụng về chuyện được Phật hộ niệm.

1.2.1.1.5.2.2.1. Kệ tụng nói kinh Pháp Hoa

(Kinh) Ngã kiến Đăng Minh Phật, bốn quang thụy như thử, dĩ thị tri kim Phật, dục thuyết Pháp Hoa kinh.

¹³² Chú thích của pháp sư Phổ Hành: “Tiên ở đây phải hiểu là người tu hành. Bát Nhã Đăng Luận viết: - Các vị Thanh Văn, Bồ Tát v.v... đều được gọi là Tiên”.

(經)我見燈明佛，本光瑞如此，以是知今佛，欲說法華經。

(Kinh: Tôi thấy Phật Đăng Minh, tướng sáng lành như thế, bèn biết Phật hiện thời, muốn nói kinh Pháp Hoa).

1.2.1.1.5.2.2.2. Kệ tụng về pháp để dạy hàng Bồ Tát

(Kinh) Kim tướng như bốn thủy, thị chư Phật phương tiện, kim Phật phóng quang minh, trợ phát Thật Tướng nghĩa. Chư nhân kim đương tri: Hiệp chưởng nhất tâm đĩ, Phật đương vũ pháp vũ, sung túc cầu đạo giả.

(經)今相如本瑞，是諸佛方便，今佛放光明，助發實相義。諸人今當知：合掌一心待，佛當雨法雨，充足求道者。

(Kinh: Tướng nay giống điểm xưa, phương tiện của chư Phật, nay Phật phóng quang minh, giúp bày nghĩa Thật Tướng. Mọi người hãy nên biết: Chắp tay một dạ chờ, Phật sẽ tuôn mưa pháp, thấm trọn người cầu đạo).

1.2.1.1.5.2.2.3. Kệ tụng về sự hộ niệm của Phật

(Kinh) Chư cầu tam thừa nhân, nhược hữu nghi hối giả, Phật đương vị trừ đoạn, linh tận vô hữu dư.

(經)諸求三乘人，若有疑悔者，佛當為除斷，令盡無有餘」。

(Kinh: Người cầu pháp tam thừa, nếu nghi ngờ, hối hận, Phật sẽ trừ dứt cho, hết sạch chẳng còn sót).

Trong phần kinh văn trước đó, ngài Di Lặc đã giải trừ bốn điều cật vấn, khiến cho ngài Văn Thù ắt phải đáp. Trong phần phán đoán phân minh để giải đáp này, ngài Văn Thù cũng đoạn trừ bốn nghi vấn ngấm ngầm, khiến cho Di Lặc chẳng còn thắc mắc nữa:

1) Mỗi nghi thứ nhất, do ngài Văn Thù nêu căn kẽ chuyện quá khứ Phật đã từng nói Pháp Hoa, cho nên ngài Di Lặc thâm nghi, toan hỏi: “Chư Phật thuận theo các duyên, người và thời đều khác nhau. Tuy cổ Phật đặt tên kinh là Pháp Hoa, chắc gì vị Phật hiện nay cũng gọi như thế?” Văn Thù bèn dùng bài kệ thứ nhất để đoạn nghi: “*Ngã kiến Đăng Minh Phật, bốn quang thủy như thử. Dĩ thị tri kim Phật, dực thuyết Pháp Hoa kinh*” (Tôi thấy Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật vốn có tướng quang minh tốt lành như thế. Do vậy biết đức Phật trong hiện thời cũng muốn nói kinh Pháp Hoa). Đây là đoạn trừ nghi niệm đối với danh hiệu của kinh.

2) Do vậy, ngài Di Lặc lại nghi: “Vốn có danh đồng, nghĩa đồng, mà cũng có danh đồng, nghĩa khác. Tên gọi này nhằm hiển thị, chuốc vời điều gì vậy?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ hai để đoạn nghi: “*Kim tướng như bốn thủy, thị chư Phật phương tiện, kim Phật phóng quang minh, trợ phát Đệ Nhất Nghĩa*” (Tướng trong hiện thời giống như đầm lành xưa kia, đó là phương tiện của chư Phật. Nay đức Phật phóng quang minh để giúp phát khởi Đệ Nhất Nghĩa). Đây là đoạn trừ nghi niệm về Thể.

3) Ngài Di Lặc lại nghi: “Thật Tướng vô tướng, ai có thể lãnh hội được?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ ba để đoạn nghi: “*Chư nhân kim đương tri: Hiệp chương, nhất tâm đãi, Phật đương vũ pháp vũ, sung túc cầu đạo giả*” (Mọi người hãy nên biết: Chắp tay, nhất tâm chờ, Phật sẽ tuôn mưa pháp, khiến cho người cầu đạo được trọn đủ). Đó là đoạn nghi về Tông.

4) Nhân đó, ngài Di Lặc lại nghi: “Phật tuôn mưa pháp, chỉ nhằm nhuần thấm Bồ Tát, hay là cũng thấm nhuần Nhị Thừa vậy?” Ngài Văn Thù liền dùng bài kệ thứ tư để đoạn nghi: “*Chư cầu tam thừa nhân, nhược hữu nghi hối giả, Phật đương vị trừ đoạn, linh tận vô hữu dư*” (Những người cầu pháp tam thừa, nếu có ngờ vực, hối hận, Phật sẽ vì họ đoạn trừ, khiến cho những điều ấy hết sạch, chẳng còn sót). Đó là đoạn nghi về Dụng.

Ngài Di Lặc nhiều phen sanh nghi, ngài Văn Thù nhiều lượt đoạn nghi. Sự đã cùng, Lý đã tận, liền đạt được bốn hoài, trọn đủ hai món trang nghiêm! (“Sự đã cùng” tức là ba điều nghi đối với tên kinh, Tông, và Dụng, “Lý tận” là Thể đã được hiển). Trong chương khai Quyền hiển Thật của Tích Môn.

Phần thứ nhất là Tự Phần đã xong.

2. Phương Tiện Phẩm Độ Nhị

方便品第二

Phẩm thứ hai: Phương Tiện

Phẩm này thuộc vào phần Chánh Tông của kinh này. Vạn pháp đều dung hội. Chúng Tín là nhằm chứng thực điều này. Phát Khởi nhằm phát khởi điều này. Thí Dụ nhằm sánh ví điều này. Cho đến Lưu Thông, cũng nhằm lưu thông điều này!

Giải thích phẩm này chia thành hai phần: Trước là nói đại lược, sau là nói chi tiết.

Phần nói đại lược cũng chia thành hai đoạn: Trước là chánh thích (phần giải thích chánh yếu), sau là liệu giản (phán định nhằm loại trừ).

Phần Chánh Thích gồm ba điều:

- Một, “*Phương là phương pháp, Tiện là Dụng (tác dụng)*”. Pháp cũng có vuông, tròn; Dụng thì có phù hợp hay chẳng phù hợp. Tam thừa quyền biến là thước vuông, là vuông vắn¹³³, Nhất Thật là thước tròn, là tròn trặn. Nếu trí hướng theo khuôn khổ, sẽ là khéo dụng pháp thiên lệch để phù hợp căn cơ của chúng sanh. Nếu trí hướng đến sự viên dung thì khéo dùng pháp viên dung để phù hợp căn cơ của chúng sanh. Như kinh này khiến cho [chúng sanh] lìa các chấp trước, thoát khỏi nỗi khổ trong tam giới. Vì thế, Như Lai ân cần xưng dương, tán thán phương tiện; bởi lẽ, thuận theo lòng mong muốn của chúng sanh thì chẳng phải là bản hoài của Phật. Cách [hiểu chữ Phương Tiện theo kiểu] này có thể dùng để giải thích các kinh khác, chẳng đúng với ý nghĩa của phẩm này!

- Hai, nếu nói Phương Tiện là Môn. Môn là “*có thể thông*”, thông tới điều được thông. Phương tiện quyền biến đại lược đều làm cửa [để thông vào] chân thật. Chân thật được hiển lộ nhờ công của phương tiện. Từ [công năng] hiển lộ mà có tên như vậy. Vì thế, dùng Môn để giải thích Phương Tiện. Như kinh này mở cửa phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Nghĩa này có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải là ý của phẩm này.

- Ba, nếu nói Phương là Bí (bí mật), Tiện là diệu. Nơi Tích thì thành bí mật, nay khai bày Tích, [điều bí mật ấy] sẽ trở thành diệu, khéo thông đạt các phương, chính là “*bí mật thật sự*”: Chỉ ra bảo châu vô giá

¹³³ Ý nói sự quyền biến của tam thừa do thích hợp với từng loại căn cơ, cho nên không thể dung nạp hết thấy mọi căn tánh, hoặc dung thông với mọi hoàn cảnh được, giống như thước vuông có góc cạnh, không thể đặt vào đâu cũng phù hợp được!

trong áo lót, trao thưởng viên châu duy nhất trên đỉnh đầu nhà vua, chẳng hai, chẳng khác. Chỉ rõ kẻ làm khách là con ông trưởng giả, cũng chẳng hai, chẳng khác. Phương tiện và Môn chính là bí diệu, như kinh này dạy: “*Duy ngã tri thị tướng, thập phương Phật diệt nhiên. Chỉ chi bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư*” (Chỉ ta biết tướng này, mười phương Phật cũng thế. Thôi đi, chẳng cần nói; pháp ta màu nhiệm khó nghĩ được). Vì thế, dùng Bí để giải thích Phương, dùng Diệu để giải thích Tiệm thì sẽ đúng ý của phẩm này.

Kế đó là Liệt Giản:

- Cách giải thích thứ nhất chính là phương tiện ở ngoài Thể, là sự quyền biến nhằm giáo hóa chúng sanh, thuận theo ý người khác để nói. Cách giải thích thứ hai, cũng là phương tiện ở ngoài Thể, là quyền biến hòng tự hành và hóa độ người khác, cũng là thuận theo ý người khác mà nói. Cách giải thích thứ ba là đồng thể phương tiện, tức là sự quyền biến để tự hành, thuận theo ý của chính mình mà nói.

- Lại nữa, cách giải thích Phương Tiệm thứ nhất, chẳng phải là “*năng nhập*” (chủ thể tiến nhập), chẳng phải là “*sở nhập*” (đối tượng được tiến nhập). Cách giải thích Phương Tiệm thứ hai là năng nhập, chẳng phải là sở nhập. Cách giải thích Phương Tiệm thứ ba là năng nhập, [mà cũng là] sở nhập.

- Lại nữa, cách giải thích Phương Tiệm thứ nhất là Bí, chẳng phải là Diệu. Cách giải thích Phương Tiệm thứ hai là Bí, có thể nhập Diệu. Cách giải thích Phương Tiệm thứ ba thì Bí chính là Diệu. Xét ra, trong kinh Chánh Pháp Hoa, phẩm này được gọi là phẩm Thiện Quyền, Quyền tức là phương tiện, chẳng hai, chẳng khác. “*Cúi đầu, giơ tay, đều thành Phật đạo*” chính là phương tiện khéo léo, quyền biến.

Phân giải thích đại lược đã xong.

Kế đó là giải thích căn kẽ; [đối với các ý kiến của tổ Trí Giả nhằm] đả phá luận thuyết của các vị cổ đức, tôi chẳng sao lược. Phẩm này là phương tiện của Như Lai, thâm nhiếp hết thảy các pháp như Không chứa đựng Sắc, như biển thâm nạp các dòng, há có thể chỉ dùng một dòng, một nhánh để giải thích sự to lớn của pháp giới được ư? Nay nói về Quyền và Thật, trước hết lập ra bốn câu, tức là: “*Hết thảy các pháp đều là Quyền. Hết thảy các pháp đều là Thật. Hết thảy các pháp đều vừa là Quyền, vừa là Thật. Hết thảy các pháp đều chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”.

“*Hết thảy các pháp đều là Quyền*”: Như kinh văn dạy “*tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, bốn mặt*” v.v... của pháp giới

là như thế. Những lời lẽ như vậy đều là Quyền (những lời nói về Hữu sẽ chẳng ra ngoài bách giới thiên như).

“*Hết thấy các pháp là Thật*”: Như kinh văn nói Như Lai khéo nói các pháp đẹp lòng mọi người. Tâm mọi người coi chuyện “*nhập Thật*” là điều vui sướng (có nghĩa là “phù hợp căn cơ”). Lại nói “*các pháp vốn thường là tướng tịch diệt*” (cội gốc của các pháp). Lại nói “*lời của Như Lai nói đều nhằm đạt tới địa vị Nhất Thiết Trí*” (cốt lõi của hóa nghi). Lại nói “*đều là chân thật, chẳng dối*” (cội nguồn của bốn hạnh). Đại kinh lại nói “*bốn câu đều chẳng thể nói*” (quên mất Lý nơi giáo, các kinh văn đều coi “*nhập Chứng*” là Thật; cho nên biết “*có nói*” hay “*chẳng nói*”, không gì chẳng đều lấy chân thật làm gốc).

“*Hết thấy các pháp đều vừa là Quyền, vừa là Thật*”: Như kinh văn nói “*tướng như thật của các pháp*” chính là để nói rõ hết thấy vừa là Quyền vừa là Thật. Chẳng hạn như Bát Tịnh Quán vừa là thật, vừa là hư (do đối trị dục nên là Thật. Do tướng [dục là] hư giả nên là Hư. Chỉ một phép Quán này mà đã là vừa thật vừa hư, nào ngại pháp nào cũng vừa thật vừa hư).

“*Hết thấy các pháp đều chẳng phải Quyền, chẳng phải Phật*”: Như kinh văn nói: “*Phi như, phi dị*” (Chẳng phải như, chẳng phải khác). Lại nói: “*Diệc phục bất hành thượng, trung, hạ, pháp hữu vi, vô vi, thật, bất thật pháp, phi hư, phi thật, như Thật Tướng dã*” (Cũng lại chẳng hành pháp thượng, trung, hạ, pháp hữu vi, vô vi, thật, bất thật, chẳng hư, chẳng thật, như Thật Tướng). Nếu hết thấy các pháp đều là Quyền, có gì chẳng bị phá? Dẫu cho trăm ngàn vị sư, mỗi vị sư lập ra trăm ngàn thuyết, không gì chẳng phải là Quyền! Những điều do Như Lai đã nói còn là Quyền, huống hồ [các ngôn thuyết của] các vị sư trong loài người há chẳng phải là Quyền ư? Nếu hết thấy các pháp đều là Thật, lại có gì chẳng bị phá? Chỉ có một sự thật này, hai điều khác đều chẳng thật, chỉ là một đạo cứu cánh, há có nhiều đạo cứu cánh ư? Các kiến giải khác biệt của các sư đều nhằm phá chuyện “*nhập Thật*”, há còn bảo vệ hang ổ đó ư? Nếu hết thấy các pháp đều vừa là Quyền vừa là Thật, lại còn có gì chẳng bị phá? Hết thấy đều có Quyền, có Thật, vậy thì tự là một đường, chẳng phải là cách hiểu nào khác! Trong mỗi pháp, đều có Quyền và Thật, há có nên cứ một mực là Quyền, hay một mực là Thật? Nếu hết thấy các pháp đều chẳng phải là Quyền, mà cũng chẳng phải là Thật, có gì chẳng bị phá, còn phân vân chi nữa? Cưỡng sanh kiến lập, thẳng thừng nêu tên, mà còn là như thế, huống hồ luận định chỉ thú ư? Cần hiểu bốn câu ấy chỉ là một pháp tánh. Pháp tánh chỉ là Chân Như Thật

Tương như như Niết Bàn. Do Thê của pháp tánh chẳng trái nghịch các pháp, chẳng thọ các pháp, chẳng trụ trong các pháp, chẳng vào trong các pháp. Vì thế, mỗi một danh tự, mỗi một tâm pháp, mỗi câu kệ, mỗi nhân quả, mỗi mỗi phạm thánh, mỗi mỗi y báo và chánh báo, cho đến “*thập song*” (mười cặp định luận Quyền Thật) trong phần sau, không gì chẳng phải là pháp giới, tự tại vô ngại. Nghĩa này có thể thành tựu, nói cạn kể thì như trong mười môn Bát Nhị đã nói, dù gốc hay ngọn, Thê và Lý chẳng khác. Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói, chiếu tánh chẳng xa, tự tại vô cùng. Dẫu vô cùng, chẳng ra ngoài bốn câu. Bốn câu chẳng có câu, không có câu mà là câu, câu nào cũng đều riêng thâm nhiếp mười phương Phật pháp. Nhưng bốn câu trong mỗi giáo trước thời Pháp Hoa, câu nào cũng đều chưa diễn tả thông suốt [bốn hoài của Phật], cho đến hội này bèn là “*một vị chẳng khác*”. Cụ thể như trong phẩm Dược Thảo Dụ, sai khác chính là chẳng sai khác, chẳng sai khác chính là sai khác. Đây chính là câu thứ ba “*vừa Quyền, vừa Thật*” được tách thành mười pháp. Đối với mười pháp ấy, sẽ có tám lượt giải thích:

- Một là nêu tên.
- Hai là sanh khởi.
- Ba là giải thích.
- Bốn là dẫn chứng.
- Năm là gom mười môn ấy thành ba loại Quyền Thật.
- Sáu là phân biệt ba loại Quyền Thật chiếu soi ba loại Nhị Đế.
- Bảy là dựa theo các kinh đề phán định Quyền Thật.
- Tám là dựa theo Bốn Tích để phán định Quyền Thật.

(Chia thành từng chương để giải thích riêng biệt là vì đã biết các pháp dung nhập trọn khắp lẫn nhau. Nêu ra Thật thì ngay trong Thật có Quyền. Đó là nói “*dùng Quyền ấy làm phẩm Phương Tiện*”. Nêu ra Quyền thì chính là Quyền chẳng thể nghĩ bàn. Quyền ấy có Thật, bèn dùng cái Quyền ấy gọi là phẩm Phương Tiện. Nêu ra “*vừa Quyền, vừa Thật*”, thì mỗi đấng đều có chỗ hướng về. Đây chính là sự tương tức (Thật chính là Quyền, Quyền chính là Thật) trong “Quyền, Thật” nơi Tích, thâm nhiếp ba thứ “Quyền, Thật” nơi Tích. Vì thế, dùng ngay phương tiện chân thật để làm phẩm Phương Tiện. Nêu ra “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*” thì chỉ là lý phương tiện. Lý gồm thâm ba câu (“là Quyền”, “là Thật”, “vừa là Thật vừa là Quyền”) đều là phẩm Phương Tiện. Đây chính là câu nào cũng đều trọn khắp, đều là phẩm Phương Tiện, cần gì phải riêng đối với câu thứ ba “*vừa Quyền, vừa Thật*” lại tách ra thành mười pháp: Một là danh tiện, do trọn đủ Quyền

và Thật. Hai là nghĩa tiện, do thâm nhiếp trọn khắp. Các câu khác là nghĩa tiện, nhưng chẳng gọi là Tiện. Ba điều khác tuy có nghĩa Quyền, nhưng danh xưng Quyền chẳng được như trong câu thứ ba, từ ngay nơi tên gọi đã trọn đủ [ý nghĩa Quyền]. Dùng “ngay nơi Thật mà là Quyền” ấy để tạo thành phẩm này.

Vì thế, đối với mười cặp [phán định Quyền Thật] trong phần sau, cặp nào cũng đều trọn đủ danh tướng Quyền và Thật, đều lấy “từ ngay nơi Thật mà là Quyền” làm phẩm Phương Tiện. Huống chi, phần giải thích tổng quát ba cặp đầu đều bao trùm tám môn (nêu tên, sanh khởi, giải thích v.v...) trong phần luận định về mười cặp ấy. Nếu chẳng phải là như thế, sẽ chẳng phải là Sự Lý phương tiện cho đến Tất Đàn, chẳng phải là liệt kê tên gọi của pháp tướng trong phương tiện, cho đến chẳng phải là mười nghĩa thuộc về Bốn Tích trong kinh này. Mười nghĩa chẳng hai, nhưng Bốn Tích dường như sai khác. Bốn và Tích tuy khác, nhưng đều chẳng nghĩ bàn giống hệt như nhau. Tướng của mười nghĩa khác biệt, nhưng Thật Tướng như nhau. Do vì chúng sanh [căn tánh khác biệt], mà nêu tên và sanh khởi, cho đến Bốn Tích, Lý Sự, thậm chí Tất Đàn khác nhau. Hễ hiểu ý sẽ quên lời, giải thoát khỏi ngôn thuyết. Nếu thấy được ý này, sẽ thường im lặng mà thường nói, lời nói và xử sự chẳng trái nghịch. Lại còn dùng ý chỉ ấy làm cảnh để quán, khiến cho thấy rõ ràng cảnh được quán. Các lời giải thích khác thiếu khuyết chính ở chỗ này! Nhưng trong tám môn ấy (nêu tên, sanh khởi, giải thích v.v...), bảy môn đầu thuộc về Tích Môn, môn thứ tám thuộc về Bốn Môn. Tuy chưa đến phần Bốn Môn [của kinh Pháp Hoa], nhưng lý Quyền Thật đã trọn khắp. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Thị ngã phương tiện, chư Phật diệc nhiên*” (Là phương tiện của ta, chư Phật cũng thế). Vì thế, danh xưng Phương Tiện thông với Bốn lẫn Tích.

Lại nữa, tám môn ấy có thứ tự theo ý nghĩa như sau: Nếu chẳng “nêu tên”, sẽ chẳng có gì để giải thích. Nếu chẳng “sanh khởi”, sẽ mê muội nơi thứ tự được diễn nói. “Giải thích” nhằm chỉ bày tướng trạng của phần luận định mười cặp Quyền Thật. “Dẫn chứng” nhằm ngăn ngừa kẻ chẳng tin. “Kết quy” nhằm chỉ rõ nguyên ý của phẩm này. “Phân biệt” là khiến cho phần giải thích phẩm này có chỗ quy kết. Phần giải thích phán định nhằm biết chỗ tồn tại của thô và diệu. Như thế thì mới tỏ lộ ý chỉ sâu xa của phẩm này được. Lại biện định sẵn về Bốn Tích, khiến cho [người nghe] biết Quyền, Thật, Tự, Tha nơi Bốn địa thì mới tỏ lộ sự giáo hóa to lớn nơi Tích là lâu xa hay gần đây).

[Nói tường tận thì tám môn ấy như sau]:

1) Nêu tên:

[Mười cặp luận định về Quyền Thật thì] một là Sự Lý Quyền Thật; hai là Lý Giáo Quyền Thật; ba là Giáo Hạnh Quyền Thật; bốn là Phược Thoát (trói buộc và giải thoát) Quyền Thật; năm là Nhân Quả Quyền Thật; sáu là Thể Dụng Quyền Thật; bảy là Tiệm Đốn Quyền Thật; tám là Khai Hợp Quyền Thật; chín là Thông Biệt Quyền Thật; mười là Tất Đàn Quyền Thật.

2) Sanh khởi:

Từ cái gốc là Vô Trụ mà lập ra hết thảy các pháp. Vô Trụ là Lý. Hết thảy các pháp là Sự. Do Lý và Sự mà có Giáo. Do Giáo mà có Hạnh. Do Hạnh mà có trói buộc và giải thoát. Do giải thoát mà thành nhân quả. Từ quả mà Thể hiện hiện công năng, tác dụng. Do Dụng mà có sự giáo hóa Tiệm hay Đốn. Do tách ra thành Tiệm và Đốn, mà có khai hợp (tách ra hay gộp lại). Từ khai hợp mà có lợi ích thông hay biệt. Do lợi ích có thông và biệt, mà phân biệt hai loại lợi ích. Do phân biệt hai loại lợi ích, cho nên có Tứ Tất Đàn. (Trong mười cặp này, năm cặp đầu là từ nhân tới quả; năm cặp sau là tác dụng thù thắng sẵn có nơi cái quả. Trong cái nhân, nếu chẳng có bốn điều đầu thì ý nghĩa của nhân sẽ nông cạn, hẹp hòi. Nếu chẳng có năm điều sau, tác dụng của quả sẽ thô thiển, nông cạn. Trong ấy, giáo chính là thánh hóa (sự hóa độ của bậc thánh, tức sự giáo hóa của Phật), lại còn dựa theo người tiếp nhận mà đặt tên).

Lại nữa, tuy kinh văn nêu lên người có thể giáo hóa, nhưng phải xét theo người được hóa độ để hiểu nghĩa. Vì thế, trong năm cặp sau, đối với Thể và Dụng, chỉ dùng một cặp tương ứng với người được hóa độ, bốn cặp kia do dựa theo người có thể hóa độ mà lập danh. Điều này lại tương đồng với mười diệu nghĩa. Nếu chẳng như thế, ai sẽ biết phương tiện cần phải có đủ mười pháp? Ai biết mười pháp có ý nghĩa trọn khắp trong một kinh? Nếu không có mười pháp, sẽ trở thành kinh văn chẳng nói đến nhân quả cũng như người hóa độ và kẻ được hóa độ! Vì thế, dùng mười cặp [để giảng giải Phương Tiện] thì các điều trọng yếu tốt bậc sẽ được thấu hiểu tận cùng.

“*Phương*” chính là mười cặp [luận định Quyền Thật] trong kinh này. Nếu như thế, kinh này từ đầu đến cuối đều gọi là “*phương tiện*”. Lại còn chỉ ra những điều đã dạy trước kia đều là lập bày [để dẫn dụ về Nhất Thật] thì mới có thể nói đến phương tiện trong kinh này. Vì thế biết: Chứng Tín trong Tự Phần nhằm phát khởi phương tiện. Thí Dụ chỉ là phương tiện để so sánh, nhân duyên chỉ là phương tiện xưa kia, Bồn Môn chỉ là phương tiện lâu xa. Lưu Thông chỉ là phương tiện để chur

Phật, Bồ Tát hoằng thông giáo pháp. Do là phương tiện, cho nên gọi là “*chân thật*”. Nếu hiểu được ý ấy, sẽ như nhìn vào trái cây trong bàn tay, do một bộ kinh Pháp Hoa mà có thể biết cái tâm, trong khoảng sát-na bèn thấu hiểu giáo môn trong suốt một đời đức Phật. Nhân quả, tự tha, gộp thành một pháp. Mười phương, ba đời, chẳng ôm lòng mong cầu chi khác. Dùng mười pháp thừa (mười cặp luận định Quyền Thật) để quan sát, sẽ có chỗ đặt chân nơi Pháp Hoa tam-muội. Đường tu vô thượng Phật quả sẽ có thể hy vọng.

3) Giải thích:

- Một là Lý Sự Quyền Thật. Lý là Chân Như. Chân Như vốn tịnh, đâu có Phật hay chẳng có Phật, vẫn thường hằng, chẳng đổi khác. Vì thế, gọi Lý là Thật. Sự là tâm, ý, thức v.v... dấy lên nghiệp tịnh hay bất tịnh, thay đổi, chuyển dời bất định. Vì thế, gọi Sự là Quyền. Nếu chẳng có Lý, sẽ không có gì để lập Sự. Nếu chẳng có Sự, sẽ không thể hiển thị Lý. Sự có công năng hiển thị Lý. Vì thế, ân cần khen ngợi Phương Tiện (ai chịu coi các thứ như tâm hữu lậu trong tam giới v.v... là phẩm Phương Tiện được Như Lai khen ngợi? Nếu chẳng như thế, ý nghĩa “*vì chúng sanh*” đặt ở chỗ nào? Ngôn từ về tướng thế gian sẽ giải thích như thế nào đây?)

- Hai là Lý Giáo Quyền Thật. Lý Sự trên đây được gọi chung là Lý. Chẳng hạn như Chân và Tục đều gọi là Đế. Chư Phật do thấu hiểu [Lý Sự ấy] mà thành thánh. “*Thánh*” là “*chân chánh, chân thật*”, muốn dùng pháp của chính mình để độ chúng sanh. Do Lý mà lập Giáo, Giáo chính là Quyền. Chẳng có Giáo, sẽ không có gì để hiển lộ Lý. Vì thế, Như Lai ca ngợi Phương Tiện (từ vô minh pháp tánh cho đến hết thấy các pháp thuộc giới ngoại đều là các điều được diễn nói. Tâm, ý, thức được gọi là Thể vì trọn đủ hết thấy các pháp thuộc giới ngoại. Ai biết giáo pháp của kinh Pháp Hoa dùng các pháp như thế ấy để diễn nói? Nếu chẳng như vậy, Nghiêm vương (vua Diệu Trang Nghiêm) tà kiến, Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) ác nghịch, sẽ do đâu mà có? Quả giáo¹³⁴ luận về điều này, người diễn nói cũng là Quyền. Vì thế, biết giáo này chỉ nhằm

¹³⁴ Theo lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, Quả Giáo hiểu đơn giản chính là dùng sự giác ngộ nơi quả địa thù thắng làm cái tâm tu hành cho chúng sanh trong khi tu nhân. Nói cách khác, chỗ phát xuất để tu hành trong quả giáo chính là từ cái quả do mười phương Như Lai đạt được. Chẳng hạn như dùng Tịnh Độ để xét thì Phật hiệu chính là danh hiệu nơi quả đức của Phật, là sự kết tinh của giác ngộ, là bản thể chân tâm của chư Phật, cho nên trì danh hiệu Phật chính là trực tiếp huân tập Phật quả vào trong tâm của chính mình. Vì thế, pháp môn Tịnh Độ gọi là Quả Giáo.

nói lý này. Chẳng do kinh này, ai sẽ chịu khen ngợi phẩm Phương Tiệm này là giáo pháp chỉ ra chỗ mê? Nếu chẳng như vậy, đức Phật từ tam-muội khởi, sẽ tán thán điều gì vậy?)

- Ba là Giáo Hạnh Quyền Thật. Nương vào Giáo để cầu Lý, sẽ sanh ra chánh hạnh. Do Hạnh có tiến nhập sâu hay cạn khác nhau; vì thế, Hạnh được gọi là Quyền. Giáo chẳng có tiến nhập sâu hay cạn khác biệt; vì thế, gọi là Thật. Chẳng có Giáo, sẽ không có gì để lập Hạnh; chẳng có Hạnh, lấy gì để lãnh hội Giáo? Do Hạnh mà hiểu Giáo. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm (nếu chẳng như vậy, các môn như Phương Tiệm Ba La Mật v.v... của Như Lai làm sao chứng được?)

- Bốn là Phước Thoát Quyền Thật. Hạnh trái nghịch Lý, sẽ bị trói buộc (phước, 縛). Trói buộc là hư vọng; vì thế, gọi là Quyền. Hạnh thuận Lý, sẽ sanh ra Giải, Giải ngầm ứng hợp với Lý. Vì thế, gọi Thật (trong các kinh, bậc Địa Tiên (Bồ Tát chưa đạt đến Sơ Địa) vẫn là trái Lý; vì chưa nhận biết Quyền. Riêng kinh này chỉ rõ “*không gì chẳng phải là cái nhân thành Phật*” hòng hiển thị Thật). Chẳng trói buộc, sẽ không do đâu mà cầu giải thoát. Được giải thoát là nhờ bị trói buộc, như nhờ xác chết mà vượt biển¹³⁵. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm (ai biết trong kinh này, đức Phật cũng coi ác hạnh cũng là phương tiện thiện xảo? Thí dụ về xác chết áp dụng cho hết thấy).

- Năm là Nhân Quả Quyền Thật. Nhân có tác dụng tiến nhập tạm thời, nên gọi là Quyền. Quả nhất định vĩnh viễn chứng vào lúc cuối cùng, nên gọi là Thật. Chẳng có quả thì nhân sẽ chẳng có gì để mong mỏi. Không có nhân, quả sẽ chẳng thể tự hiển hiện được. Quả do nhân mà đạt được. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Sáu là Thể Dụng Quyền Thật. Các phương tiện trước đó là nhân. Chánh quán để tiến nhập Sơ Trụ là quả (Sơ Trụ trong Viên Giáo là Phần Chứng Quả). Trụ, xuất là Thể, Dụng. Thể chính là Thật Tướng, chẳng có phân biệt. Dụng chính là lập ra hết thấy các pháp, hơn kém khác nhau. Như chỉ một cõi đại địa mà sanh ra các thứ mầm mống (Sơ Trụ [thị hiện] làm Phật trong một trăm thế giới, tức là có thể thị hiện trong mười pháp giới). Chẳng có đất, sẽ không có gì để sanh ra vạn vật. Chẳng sanh, sẽ

¹³⁵ Đây là một thí dụ trong kinh, như người rơi xuống biển, phải nương vào cái cây nổi để vượt sóng gió vào bờ. Đây là tỷ dụ để thoát sanh tử, phải nương vào các phương tiện quyền biến. Sau khi đã đến bờ, bèn bỏ phương tiện, không khư khư chấp trước phương tiện nữa.

không có gì để hiển thị đất. Lăn theo dòng tìm được nguồn; suy từ Dụng mà biết Thể. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Bảy là Tiệm Đốn Quyền Thật. Luận chung về chuyện tu nhân chứng quả, từ Thể dấy lên tác dụng, đều có Tiệm và Đốn. Nay nói về chuyện khởi tác dụng: Dụng Tiệm là Quyền, dụng Đốn là Thật. Nếu chẳng có Tiệm dẫn khởi, sẽ không do đâu để nhập Đốn được! Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Tám là Khai Hợp Quyền Thật. Từ Đốn tách ra thành Tiệm, Tiệm chẳng tự hợp (do hai giáo Tạng và Thông chẳng phé trừ Tiểu pháp), cũng chẳng hợp Đốn (hàng Bồ Tát trong ba giáo (Tạng, Thông, Biệt) chẳng nhập Thật). Vì thế, gọi là Quyền. Tiệm đến rồi rảo vẫn hợp với Đốn. Vì thế là Thật. Do tách ra (khai), cho nên hợp (gộp lại). Khai có sức hợp. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Chín là Thông Biệt Quyền Thật. Thông tức là lợi ích chẳng thường hằng của pháp bán tự, Biệt là lợi ích thường trụ của pháp mãn tự. Nhưng lợi ích thường hằng và đạo dài lâu, dễ [khiến cho hành nhân] nảy sanh thoái thất. Vì thế, dùng hóa thành tiếp dẫn [để hành nhân] sanh ý tưởng an ổn. Sau đây mới diệt sự biến hóa, dẫn đến chỗ có của báu. Nếu chẳng có lợi ích chưa toàn vẹn, sẽ chẳng thể lãnh hội lợi ích thường hằng. Lợi ích bán phần có công năng hiển thị lợi ích mãn phần. Vì thế, khen ngợi Phương Tiệm.

- Mười là Tất Đàn Quyền Thật. Ba môn Thế Giới, Vị Nhân, Đồi Trại Tất Đàn do thuộc vào thế gian, nên là Quyền. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn do xuất thế gian, nên là Thật. Chẳng do thế gian, sẽ chẳng đạt được xuất thế gian. Do ba môn Tất Đàn mà đạt được Đệ Nhất Nghĩa. Vì thế, Như Lai ân cần khen ngợi Phương Tiệm.

Phần thứ ba, giải thích đã xong.

4) Dẫn chứng:

Mười nghĩa này thông với Đại giáo và Tiểu giáo, gồm trọn hết thấy các pháp. Nay lại dẫn kinh này: *“Bất như tam giới kiến ư tam giới”* (Chẳng như tam giới mà thấy tam giới), tam giới là Sự. *“Bất như tam giới kiến”* là Lý. Đó là dẫn chứng về Lý, Sự, Quyền, Thật. Tướng tịch diệt của pháp chẳng thể dùng ngôn từ để tuyên nói, đó là Lý. *“Do vì sức phương tiện mà nói với năm tỳ-kheo”* chính là Giáo. Đó là dẫn chứng về Lý Giáo Quyền Thật (cần phải nói: *“Nhược vô tánh giả, vị thuyết nhân thiên, nãi chí Tu La vi hạ phẩm thiện”* (Nếu là kẻ vô tánh (chẳng có căn tánh Đại Tiểu Thừa), bèn vì kẻ đó nói pháp nhân thiên, cho đến Tu La là hạ phẩm thiện). *“Nãi chí vị thuyết Vô Tác Tứ Đế”* (Cho đến vì kẻ đó nói

Vô Tác Tứ Đế). Vì thế biết: Theo Lý thì đều là “chẳng thể nói”. Theo Sự thì lớn hay nhỏ đều có thể nói).

Nếu nghe kinh này, sẽ là khéo hành Bồ Tát đạo. Lại còn “*nhữ đẳng sở hành, thị Bồ Tát đạo. Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật*” (điều các ông đã hành là Bồ Tát đạo. Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ được làm Phật) v.v... Đây là dẫn chứng về Giáo Hạnh Quyền Thật. “*Dẫn ly hư vọng, danh vi giải thoát. Kỳ thật vị đắc nhất thiết giải thoát*” (Chỉ lìa hư vọng mà gọi là giải thoát. Thật ra là chưa đạt được hết thấy các giải thoát). Đó là dẫn chứng về Phược Thoát Quyền Thật (trong Tiểu Thừa thì hư vọng gọi là Phược (trói buộc), lìa [khỏi trói buộc] là giải thoát. Nếu xét theo Đại Thừa, đối với cái được gọi là “trói buộc” đó, nay chỉ gọi là Thoát). Hành trọn tất cả các đạo pháp của chư Phật là nhân, thành tựu đắc quả nơi đạo tràng là quả. Đây là dẫn chứng về nhân quả Quyền Thật. “*Ngã dĩ Phật nhân quán*” (Ta dùng Phật nhân để xem) là Thễ, “*kiến lục đạo chúng sanh*” (thấy chúng sanh trong sáu đường) là Dụng. Đây là dẫn chứng về Thễ Dụng Quyền Thật.

“*Thĩ kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ*” (Vừa mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, liền đều tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai), nhanh chóng trừ khử sự tu tập trước kia, người học tập Tiểu Thừa thì là Tiệm. Đây chính là dẫn chứng của Tiệm Đốn Quyền Thật. Đưa con nghèo thoát đầu trốn đi, chặng giữa dọn phân. Đó là Khai. Sau đó, được giao tài sản, thì là Hợp. Đó là dẫn chứng về Khai Hợp Quyền Thật. Trước là diệt hóa thành, đó là Thông Ích. Sau đó, tới chỗ có của báu, thì là Biệt Ích. Đây là dẫn chứng của Thông Biệt Quyền Thật. Các thứ ham muốn, các thứ tánh, tướng, ức niệm v.v... chính là dẫn chứng của Tất Đàn Quyền Thật.

Đã dẫn cả bộ kinh làm chứng, nay dẫn chứng riêng trong một phẩm. Tuy chẳng theo thứ tự, nhưng phần kinh văn về mười điều ấy (mười cặp Phương Tiện Quyền Thật) đều đủ. “*Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập*” (Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập). Hết thấy sự, lý, cảnh, trí v.v... đều gọi là Thật. Lập bày, diễn nói, biện định ngôn giáo đều là trí huệ môn. Đây là dẫn chứng Lý Giáo để luận định Quyền Thật. “*Nan giải, nan nhập, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng tri*” (Khó hiểu, khó nhập, hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể biết được) chính là đối với trói buộc hay giải thoát mà luận định Quyền Thật. “*Phật tăng thân cận bách thiên vạn ức vô số chư Phật, tận hành chư Phật vô lượng đạo pháp, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng phổ văn*”

(Phật từng thân cận trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, hành trọn hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dùng mãnh tinh tấn, thanh danh rền khắp), tức là dựa theo giáo hạnh để luận định Quyền Thật. “*Thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp, tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải*” (Thành tựu pháp chưa từng có rất sâu, tùy theo lẽ thích đáng mà nói, khó hiểu nổi ý thú), chính là dựa theo Thể và Dụng để luận định Quyền Thật. “*Ngộ từng thành Phật dĩ lai*” (Kể từ khi ta thành Phật đến nay), thành Phật là quả, quả ắt có nhân. Đây chính là dùng nhân quả để luận định Quyền Thật. Các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, ngôn giáo rộng diễn, vô số phương tiện, hướng dẫn chúng sanh lìa các chấp trước, tức là luận định Quyền Thật xét theo Tiệm Đôn. Như Lai phương tiện tri kiến Ba La Mật đều đã trọn đủ, tức là dựa theo khai hợp để luận định Quyền Thật. “*Như Lai năng chủng chủng phân biệt, xảo thuyết chư pháp, ngôn từ nhu nhuyễn, duyệt khả chứng tâm*” (Như Lai có thể dùng các thứ phân biệt để khéo nói các pháp, ngôn từ mềm mọng, khiến cho đại chúng đẹp lòng), tức là luận định Quyền Thật dựa theo thông ích và biệt ích. Nói tóm gọn, vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Phật đã đều thành tựu, tức là ba môn Tát Đàn (Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị) thành tựu. “*Chỉ, Xá Lợi Phất! Bất tu phục thuyết*” (Thôi đi, Xá Lợi Phất! Chẳng cần phải nói nữa) tức là Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn. Đó là luận định Quyền Thật dựa trên Tứ Tát Đàn. “*Phật thành tựu pháp hiếm có, khó hiểu bậc nhất, chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rõ ráo Thật Tướng của các pháp*”; đó chính là Lý. Nói “*các pháp tướng như thế*” v.v... đây chính là Sự. Đó chính là luận định Quyền Thật theo Lý Sự. Đoạn này nói đại lược năm thứ Quyền Thật của Phật, vị Phật nào cũng đều như thế.

Phần thứ tư là Dẫn Chứng đã xong.

5) Quy kết mười pháp trên đây thành ba loại Quyền Thật:

Trước là Thông Kết, sau là Biệt Kết:

- Trước hết, Thông Kết thì mười pháp ấy chung cho bốn giáo, hợp thành bốn mươi món Quyền Thật. Như trong Tam Tạng, tự chứng mười pháp (Lý Sự Quyền Thật, Lý Giáo Quyền Thật, Giáo Hạnh Quyền Thật v.v...) thì gọi là “*tự hành Quyền Thật*”. Đã nói ra mười pháp để lợi ích chúng sanh, thì gọi là “*hóa tha Quyền Thật*”. Trong mười pháp giáo hóa người khác, có Thật và Quyền, đều gộp lại thành Quyền. Tự hành có mười pháp, cũng có Thật và Quyền, đều gộp thành Thật, gọi chung là “*tự hành hóa tha Quyền Thật*”. Đối với mười pháp trong ba giáo kia, đối với mỗi giáo, đều gộp lại thành ba thứ Quyền Thật (tức tự hành Quyền Thật, hóa tha Quyền Thật, và tự hành hóa tha Quyền Thật) cũng giống

như thế (đây là thông trong thông). Lại trong mỗi giáo, đều dùng bốn thứ “*Lý Sự, giáo hạnh, phước thoát, nhân quả*” để làm “tự hành Quyền Thật”, dùng hai loại Lý Giáo và Khai Hợp để làm “hóa tha Quyền Thật”. Đối với mỗi giáo, đều dùng bốn loại “*Thể Dụng, Tiệm Đốn, Thông Biệt, Tất Đàn*” để làm “tự tha Quyền Thật”. Danh tự tuy đồng, mỗi thứ đều có ý nghĩa khác biệt (đó là biệt trong thông).

- Sau đó là Biệt Kết. Ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt) dù thông hay biệt, đều là hóa tha Quyền Thật, do đều nói theo ý của người khác. Viên Giáo dù thông hay biệt, xét ra đều là “tự hành Quyền Thật” vì nói theo ý mình. Ba món “hóa tha Quyền Thật” dù quyền hay thật, đều gọi là Quyền, còn “tự hành Quyền Thật” đều gọi là Thật.

Kế đó, lại kết thành bốn câu. Hễ “nói theo ý của người khác”, tức là hết thấy các pháp đều là Quyền. Hễ “nói theo ý mình” tức là hết thấy các pháp đều là Thật. Chấp nhận cả hai, tức là “hết thấy các pháp vừa là Quyền, vừa là Thật”. Ngăn trở cả hai (phủ định cả hai) tức là “hết thấy các pháp chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”.

Kế đó, kết thành ba lượt để giải thích phẩm kinh này. Nếu là tự hành và tự ý thì phần kinh văn này được gọi là “*đạo tràng sở đắc pháp*” (pháp đạt được từ đạo tràng, là Thật). Đại Kinh nói “*tu đạo đắc cố*” (do tu đạo mà đạt được, đó là Quyền). Thâu nhiếp Đại Thừa, xứng với trí như lý, như lượng (như lý là Thật, như lượng là Quyền), đều là tự hành Quyền Thật trong Viên Giáo. Nói theo ý mình, tuy Phật chẳng thể thuyết pháp nơi ấy, dầu có thể nói phương tiện, chúng sanh chẳng thể tiếp nhận. Nếu khởi đầu chỉ nói pháp này để thâu nhiếp chúng sanh thì sẽ chẳng thể được; vì thế nói là “*bất khả thuyết, bất khả thuyết*”.

Gác chuyện này lại, dùng tự hành Quyền Thật kèm thêm Quyền Thật trong Biệt Giáo để nhiếp thủ chúng sanh, thì người đại cơ lợi căn sẽ trực tiếp chứng đắc, còn kẻ độn căn sẽ phải vòng vèo mới đạt được. Tiểu cơ thì lợi hay độn đều chẳng đạt được. Đây chính là ý nghĩa trong Hoa Nghiêm.

Gác việc ấy lại, chỉ dùng bán tự Quyền Thật để thâu nhiếp chúng sanh thì người đại cơ dù lợi căn hay độn căn đều ngầm đạt được, nhưng chẳng đạt được hiển nhiên. Tiểu cơ thì lợi căn hay độn căn chắc chắn cũng đều chẳng đạt được. Đó chính là ý nghĩa trong Tam Tạng.

Gác chuyện này lại, dùng chung Quyền Thật của tứ giáo để cùng nhiếp thủ chúng sanh thì đại cơ dù lợi căn hay độn căn sẽ thẳng thừng hay vòng vèo mà đạt được, nhưng tiểu cơ thì lợi căn hay độn căn đều chắc chắn chẳng đạt được. Đó là ý nghĩa của thời Phương Đẳng.

Gác chuyện ấy lại, xả ba thứ Quyền Thật của Tam Tạng, dùng ba thứ Quyền Thật (tự hành, hóa tha, tự hành hóa tha) của Thông, Biệt, Viên để cùng tiếp độ chúng sanh thì đại cơ dù lợi căn hay độn căn đều đạt được. Tiêu cơ dù lợi hay độn chắc chắn đều chẳng đạt được. Đó là ý nghĩa trong thời Bát Nhã.

Gác chuyện ấy lại, bỏ ba thứ Quyền Thật trước đó, chỉ dùng tự hành Quyền Thật trong Viên Giáo để tiếp độ chúng sanh, đại tiêu dù lợi căn hay độn căn đều đạt được. Đó là ý nghĩa của thời Pháp Hoa.

Trí huệ của Như Lai không gì chẳng thông đạt, xét rõ thời nghi có thể sử dụng hay không? Vì thế, giải thích phẩm này như sau: - Phương là các pháp, Tiệm là vận dụng thiện xảo. Khéo léo dùng phương pháp để tiếp độ chúng sanh chứng đắc. Vì thế, ân cần khen ngợi Phương Tiệm (đây là xét theo chuyện sử dụng ba loại pháp (tự hành, hóa tha, tự hành hóa tha Quyền Thật) trong bốn thời trước (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã), sẽ chẳng thể đạt tới Thật. Vì thế, chỉ trở thành ý nghĩa sơ khởi để giải thích phẩm này. Nếu tới thời Pháp Hoa, dầu gọi là pháp dụng, vẫn trở thành cách vận dụng pháp bí diệu, cho nên có thể dùng ý nghĩa ấy để giải thích phẩm kinh này. Tức là đối với danh xưng “*phương pháp*”, trước kia áp dụng cho cả bốn giáo, đến nay (đến khi nghe phẩm Phương Tiệm này), sẽ chẳng còn ba giáo trước nữa).

Lại nữa, Như Lai tự chứng Quyền Thật đều chẳng thể nói. Do nghĩ thương chúng sanh, nếu Phật nói ra tự chứng Quyền [của chính mình] để làm cửa nẻo, thì do chẳng phù hợp cơ nghi của chúng sanh, chúng sanh sẽ chẳng thể tiến nhập. Vì thế, sự tự chứng nơi Quyền cũng chẳng thể nói được. Nếu nói Quyền Thật trong Biệt Giáo để làm cửa nẻo thì kẻ lợi căn tiến nhập, kẻ độn căn chẳng thể tiến nhập được. [Như vậy thì] thời Hoa Nghiêm chẳng thích hợp căn cơ của chúng sanh. Quyền Thật trong Biệt Giáo cũng chẳng thể nói. Nói Quyền Thật của Tam Tạng làm cửa nẻo, người lợi căn ngẫm tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập. [Do vậy], thời Tam Tạng chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh, cũng chẳng thể nói. Nói ba thứ hóa tha Quyền Thật làm cửa nẻo, người lợi căn ngẫm tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập. Đó là thời Phương Đẳng chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh, cũng chẳng thể nói! Nói hai loại hóa tha Quyền Thật làm cửa nẻo, người lợi căn tiến nhập, kẻ độn căn vẫn chẳng nhập; [cho nên] thời Bát Nhã cũng chẳng thể nói, vì chẳng thích hợp cơ nghi của chúng sanh. Bỏ ba loại hóa tha Quyền Thật, chỉ nói tự hành Quyền thì người lợi căn lần kẻ độn căn đều được nhập. Từ đầu tới cuối, đều lấy phương tiện làm môn. Vì thế, Như Lai khen

ngợi Phương Tiện. Giải thích phẩm này bằng câu “*phương tiện là cửa ngõ để nhập Thật*” chính là do ý nghĩa này.

Trong phần trước, nói rõ Như Lai có thể biết phương tiện, có thể sử dụng phương tiện; còn phần này nói rõ hành giả có thể tùy thuận phương tiện (trước hết, dựa theo phương pháp để nói rõ Như Lai có thể biết, có thể sử dụng phương tiện. Pháp là cái có thể biết, Dụng là cái có thể dùng. Chúng sanh chẳng biết đó là phương tiện của Phật, nay [kinh văn] đều phô bày ra cho chúng sanh biết. Phần này dạy rõ chúng sanh hãy tùy thuận phương tiện, tức là từ môn này mà tùy thuận Thật, nhưng cũng chẳng biết phương tiện chính là cái Thật để thuận theo. Nay cũng phơi bày ra. Lại nữa, cả hai chương đều có hai ý Ứng và Cơ, nhưng chương trước phần nhiều nói theo Ứng, tức là nói về Như Lai. Chương sau phần lớn nói theo Cơ, tức là nói theo phía hành giả. Vì thế, lời ân cần khen ngợi đều do Phật mà có).

Lại nữa, Như Lai tự chứng, những điều đạt được do tu đạo trong hết thảy các phương tiện đều là chân thật, nhưng sự chân thật ấy đều chẳng thể nói được. Dầu có thể nói ra, chúng sanh chẳng thể ngay lập tức là Thật (chúng nhập Thật). Dùng sức phương tiện, kèm theo “*bất tức*” (chẳng thể chứng nhập) để nói một thứ “*tức*”, hàng lợi căn có thể “*tức*” (chứng nhập), độn căn chẳng thể “*tức*”. Hoa Nghiêm lại thuận nói về một thứ “*bất tức*” (chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật), hàng lợi căn bèn ngàm “*tức*”, độn căn chẳng “*tức*”. Tam Tạng (Tạng Giáo) lại kèm thêm ba món “*bất tức*” (chẳng nói đến “*tức Không, tức Giả, tức Trung*”) để nói một món “*tức*” (nói giáo pháp Tam Tạng tức là Thật), kẻ lợi căn có thể “*tức*”, độn căn chẳng “*tức*”. Phương Đẳng lại kèm thêm hai thứ “*bất tức*” (chẳng chấp vào Nhị Biên, chẳng chấp các pháp tức là Thật, hay tức là Quyền) để nói một thứ “*tức*” (bản thể các pháp tức là Không), kẻ lợi căn có thể “*tức*”, hàng độn căn chẳng “*tức*”. Bát Nhã lại phé bỏ ba thứ “*bất tức*”, thuận nói “*hết thảy tức*” (hết thảy các pháp tức là Không, ngay cả cái Không ấy cũng là Không), lợi căn và độn căn đều có thể “*tức*”, từ nơi phương tiện mà được thấy chân thật. Pháp Hoa thì có hai ý:

- Dùng phương tiện từ ngay trong phương tiện, đó là một ý.
- Phương tiện tức là chân thật, chân thật tức là viên nhân (cái nhân viên mãn), viên nhân tức là phương tiện để tự hành.

Tự hành phương tiện như thế, nay mới chứng nhập. Vì thế, để giải thích phẩm này, bèn nói: “*Phương là Bí, Tiện là Diệu, khéo thông đạt*

các phương pháp thì chính là bí mật thật sự. Do tự hành phương tiện mà có danh xưng ấy. Vì thế nói là phẩm Phương Tiện!”

Phần thứ năm, “gộp mười nghĩa thành ba loại Quyền Thật” đã xong.

6) Phân biệt hai thứ Quyền Thật để chiếu ba loại Nhị Đế:

Trong phần trước đã từ Thông và Biệt để quy kết Quyền và Thật (Thông gồm mười cặp, mỗi cặp đều có ba loại Quyền Thật. Biệt thì có bốn tự (tức bốn loại tự hành Quyền Thật), hai tha (hai món hóa tha Quyền Thật) và bốn món “cùng tự và tha”, tức tự hành hóa tha Quyền Thật). Nay vẫn dựa theo trí chiếu ấy, sẽ dễ thấy ý nghĩa. Nếu đều dùng mười loại để giảng rõ chuyện tự hành hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) thì sẽ là chiếu Nhị Đế (Tục Đế và Chân Đế) thuận theo trí. Nếu đều dùng mười pháp ứng hợp với các duyên, thì sẽ là chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Nếu “gom bốn thành hai” thì chính là chiếu Nhị Đế thuận theo trí và tình (trong mỗi giáo, đều gộp bốn điều (“tức là Quyền”, “tức là Thật”, “vừa là Quyền vừa là Thật”, “chẳng phải Quyền chẳng phải Thật”) thành hai loại, tức là đối với tự hành Quyền Thật đều gom vào Thật, hóa tha Quyền Thật đều gom vào Quyền. Do vậy, chỉ thành hai. Đó là “thông trong thông” vậy).

Nếu tách ra để chiếu Đế thì [các môn] Sự Lý, Giáo Hạnh, Phước Thoát, Nhân Quả đều là tự chứng, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Lý Giáo và Khai Hợp, hai môn này thuộc về Hóa Tha, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Thử Dụng, Tiệm Đốn, Phân Biệt, Tất Đàn, bốn môn ấy đều chung cho tự và tha, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí và tình (đó là biệt trong thông).

Lại gộp chung thì Tam Tạng Giáo có ba mươi loại Nhị Trí (Thật Trí và Quyền Trí), tức là hai loại trí để giáo hóa người khác, tức là thuận theo tình kiến mà chiếu Nhị Đế. Thông Giáo và Biệt Giáo cộng lại có sáu mươi loại Nhị Trí, tức là tự tha Nhị Trí chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí. Thông Giáo thì có lúc giống như Tam Tạng trong phần trước mà chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến, còn ba mươi loại Nhị Trí của Biệt Giáo là tự tha Nhị Trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí (Trước là thâm nhiếp Thông Giáo thành “tự tha”, do có thể thông với Biệt Giáo và Viên Giáo. Thông Giáo là sơ môn của Đại Thừa. Kế đó, phán định Thông Giáo chỉ là Tha, do trong giáo ấy, chẳng nói đến lý Trung Đạo, giống như sự đoạn diệt trong Tạng Giáo). Chỉ có ba mươi thứ Quyền Thật trong Viên Giáo chính là tự hành Nhị Trí, chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Lại nữa, ba giáo dù Thông hay Biệt (vẫn là nói: Đối với mười cặp thuộc

Thông, thì trong mười cặp, mỗi cặp đều có ba loại (tự hành, hóa tha, và tự hành hóa tha). Xét theo Biệt, sẽ có bốn cặp là tự hành, hai cặp là hóa tha v.v...) đều nhằm thích ứng duyên, đều là hóa tha nhị trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình kiến. Viên Giáo dù thông hay biệt đều là tự hành Nhị Trí, tức là chiếu Nhị Đế thuận theo trí. Gộp chung Quyền Thật của ba giáo (Tạng, Thông, Biệt) thì đều là Quyền, còn Quyền Thật của Viên Giáo đều là Thật. Đây chính là tự tha hai trí, chiếu Nhị Đế thuận theo tình và trí.

Phần thứ sáu, “*phân biệt Quyền Thật chiếu Nhị Đế*” đã xong.

7) *Bấy là dựa theo các kinh để phán định Quyền Thật:*

Trước hết là Hoa Nghiêm, luận theo giáo thì chỉ là mãn tự. Luận về thời, chỉ là sữa. Luận về pháp, chỉ là một tự hành [Quyền Thật] và một hóa tha [Quyền Thật]. Luận về người (đối tượng tiếp nhận) chỉ là Bồ Tát, chứ hàng Nhị Thừa như đĩc, như cām. Nay kinh này nói: “*Vị tằng hướng nhân thuyết như thị sự dĩ*” (Chưa từng hướng về người khác nói chuyện như thế).

Kế đó là Tam Tạng (thời A Hàm), luận về giáo, chỉ là bán tự. Luận về thời, thì là lạc. Luận về pháp thì là một loại hóa tha. Luận về người, chỉ là Nhị Thừa. Kinh này nói: “*Trụ lập môn ngoại, trước tē cấu y, chấp trừ phần khí dĩ*” (Đứng ở ngoài cửa, mặc áo xấu dơ, cầm dụng cụ dọn phân).

Kế đến là Phương Đẳng, luận về giáo, đối với bán tự mà nói mãn tự. Luận về thời, cùng nói đến lạc và tō. Luận về pháp, có ba loại hóa tha [Quyền Thật], một loại tự hành [Quyền Thật]. Luận về người thì là tiểu căn hām mộ Đại Thừa. Nay kinh này nói: “*Tâm tương thể tín, nhập xuất vô nan dĩ*” (Tâm dần dần hiểu biết, tin tưởng, ra vào chẳng khó khăn).

Kế đó là Bát Nhã, luận về giáo thì kèm theo bán tự để nói về mãn tự. Luận về thời, kèm thêm sanh tō và thực tō. Luận về pháp, có hai loại hóa tha, một loại tự hành. Luận về người, thì Đại giúp cho Tiểu, Tiểu dạy Đại. Nay kinh này nói: “*Xuất nạp, thủ dĩ, giai sử linh tri dĩ*” (Giao ra, thu vào, nhận lấy, ban cho, đều khiến cho hiểu biết).

Nay thời Pháp Hoa, luận về giáo thì là phé bán tự, nói mãn tự. Luận về thời, thuần là đề hồ. Luận về pháp, chỉ có tự hành. Luận về người, “*thử thật thị ngã tử, ngã chi sở sanh, ngã thật thị phụ. Phó dĩ gia nghiệp, thọ ký tác Phật*” (đây thật sự là con ta, do ta sanh ra, ta thật sự là cha nó. Giao phó gia nghiệp cho nó, thọ ký sẽ thành Phật). Những điều các giáo trước chẳng nói, nay đều tuyên thuyết, chánh trực xả phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Vì thế, tự hành Quyền được gọi là phẩm

Phương Tiện. Những điều khác hoặc là tự tha nhị trí, hoặc hóa tha nhị trí (có thể là đối với ba điều Giáo, Hạnh, Lý, trước đó đã thấu hiểu; nhưng chuyện khơi mở cho người khác (tức chuyện khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất) thì các giáo (các giáo pháp trước thời Pháp Hoa) đều chẳng có).

Lại nữa, Hoa Nghiêm đối với hai loại Bồ Tát, nói một tự (tự hành Quyền Thật) và một tha (hóa tha Quyền Thật), chẳng màng hàng Nhị Thừa không nghe, không hiểu. Tam Tạng thì đối với Nhị Thừa nói một phép hóa tha Quyền Thật, chẳng màng tới hàng Bồ Tát. Vì thế, chẳng có tự hành Quyền Thật. Phương Đẳng đối ứng cả Tiểu và Đại. Đối với Nhị Thừa, bèn nói hai loại hóa tha Quyền Thật. Đối với Bồ Tát thì nói một tự hành Quyền Thật, một hóa tha Quyền Thật. Bát Nhã thì đối với Nhị Thừa nói một hóa tha Quyền Thật, đối với Bồ Tát thì nói một tự hành Quyền Thật, một hóa tha Quyền Thật. Pháp Hoa đối ứng trọn khắp những người căn cơ đã chín muồi, chỉ nói một tự hành Quyền Thật, chẳng còn có hóa tha Quyền Thật. Kinh văn nói: *“Bồ Tát văn thị pháp, nghi võng giai dĩ trừ, thiên nhị bách La Hán, tất diệc đương tác Phật”* (Bồ Tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ, ngàn hai trăm La Hán, cũng đều sẽ thành Phật). Hết thấy chúng sanh đều đã nhập phương tiện tự hành. Vì thế, có tên là phẩm Phương Tiện.

Phần thứ bảy, *“dựa theo các kinh để phán định Quyền Thật”* đã xong.

8) Xét theo Bản Tích để phán định Quyền Thật:

Nơi Bản địa, Như Lai từ lâu đã chứng đắc hết thấy Quyền Thật, gọi là tự hành Quyền Thật. Trong chặng giữa, thị hiện dấu tích, cũng chỉ nói kèm thêm. Ngày nay, thị hiện dấu tích nơi Tịch Diệt đạo tràng, kèm theo hóa tha Quyền Thật của Biệt Giáo để nói đến tự hành Quyền Thật. Kế đó, nói một thứ hóa tha Quyền Thật, sau đó nói tam thừa, kế đó nói hai loại hóa tha Quyền Thật, rồi lại nói *“phế trừ tam thừa”* v.v... đều gọi là *“hóa tha Quyền Thật”*. Gom lại thì Quyền Thật nơi Bản được gọi chung là Thật. Gom lại Quyền Thật nơi Tích được gọi chung là Quyền; tức là tự tha hợp Quyền Thật (tự hành hóa tha Quyền Thật). Kết lại điều này, sẽ thành bốn câu: *“Hết thấy là Thật”, “hết thấy là Quyền”, “hết thấy vừa là Quyền vừa là Thật”, “hết thấy chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật”*.

Nơi Bản, ngài Xá Lợi Phất đã chứng hết thấy Quyền Thật, tức là tự hành Quyền Thật. Nơi Tích, thì tại Lộc Uyển, Ngài chỉ lãnh nhận hóa tha Quyền Thật. Trong thời Phương Đẳng, kẻ chấp vào một thừa (Tiểu

Thừa), sẽ bị ba thừa chiết phục. Trong thời Bát Nhã, dùng hai thừa kia (Bồ Tát Thừa và Duyên Giác Thừa) để chuyển một thừa (Thanh Văn Thừa). Tới thời Pháp Hoa, phé ba thừa, ngộ nhất thừa (Phật Thừa), đều là hóa tha Quyền Thật. Gom Quyền Thật nơi Bốn làm Thật, gom Quyền Thật nơi Tích làm Quyền, tức là tự tha Quyền Thật, có thể biết là cũng trọn đủ bốn câu. Nếu nói theo Tích của Phật thì cũng là hóa tha Quyền Thật, cũng gọi là phẩm Phương Tiện. Nếu xét từ chuyện dẫn nhập viên nhân để tự hành thì cũng là phẩm Phương Tiện. Nếu xét theo Quyền nơi Tích của Xá Lợi Phất thì cũng là phẩm Phương Tiện. Nếu từ Tích của ngài Xá Lợi Phất mà nhập Thật thì cũng là phẩm Phương Tiện. Do các nghĩa như thế mà gọi là phẩm Phương Tiện.

2.1. Nói thẳng vào phần Tích Môn

Chia làm hai phần:

- Từ phần kinh văn hiện thời cho đến “*đại sanh hoan hỷ*” (sanh hoan hỷ to lớn) chính là đại lược chỉ ra tam thừa để hiển lộ Nhất Thừa; do [hàng Thanh Văn] dấy động chấp trước bèn sanh nghi.

- Kế đó, từ “*nhĩ thời, Thế Tôn cáo Xá Lợi Phất: - Nhữ dĩ ân cần tam thỉnh, khởi đắc bất thuyết*” (lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất: - Ông đã ân cần thỉnh cầu ba lượt, há chẳng thể không nói) cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký chính là nói rộng về chuyện “*khai tam thừa, hiển lộ Nhất Thừa*” hòng đoạn nghi sanh tín.

2.1.1. Đại lược chỉ ra tam thừa để hiển lộ Nhất Thừa, [hàng Thanh Văn] dấy động chấp trước bèn sanh nghi

2.1.1.1. Đại lược chỉ ra tam thừa, hòng hiển lộ Nhất Thừa

2.1.1.1.1. Trường hàng và trùng tụng tán thán hai trí của Phật

2.1.1.1.1.1. Trường Hàng

2.1.1.1.1.1.1. Dựa vào ngôn từ để tán thán hai trí

2.1.1.1.1.1.1.1. Nêu ra hai trí Quyền Thật của chư Phật

2.1.1.1.1.1.1.1.1. Tán thán hai trí Quyền Thật

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tụng tam-muội an tường nhi khởi, cáo Xá Lợi Phất: - Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng tri.

(經)爾時，世尊從三昧安詳而起，告舍利弗：「諸佛智慧甚深無量，其智慧門難解難入，一切聲聞、辟支佛所不能知。」

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ tam-muội an tường mà khởi, bảo Xá Lợi Phất: - Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập, hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật đều chẳng thể biết).

“*Nhĩ thời*” là lúc ngài Văn Thù đã trả lời câu hỏi xong. Đức Phật thường ngự trong Định, sao lại nói là “*khởi*”? Ở đây, có sự thị hiện. Các vị cổ Phật khi nói kinh này, ắt trước hết nhập Vô Lượng Nghĩa, tức là nhập Pháp Hoa. Nay đức Phật [Thích Ca] cũng vậy. Đó là thể hiện Thế Giới Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, quán lý, quán cơ, đôi đàng đều suy xét kỹ càng, ắt nói chẳng sai lầm, tăng trưởng tín tâm của chúng sanh. Đó là thể hiện Vị Nhân Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, Phật tịch mà thường chiếu, [thế mà] vẫn cần phải nhập Định rồi mới thuyết pháp, hướng hồ kẻ tán tâm lại toan nói xằng bậy ư? Đây là thể hiện Đối Trị Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, nhập Định duyên theo lý, tâm an trụ trong Thật Tướng, xuất Định bèn khiến cho kẻ khác an trụ cái tâm nơi Thật Tướng. Đó là chỉ bày Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Xót thương từ Định khởi, an trụ trong bốn pháp ấy, cho nên nói là “*an tường nhi khởi*” (tứ giáo đều có Tứ Tất Đàn, nay cần phải xét tách bạch từng giáo để hiển lộ sự viên mãn).

“*Cáo Xá Lợi Phất*” (Bảo Xá Lợi Phất) vì Ngài là người trí huệ bậc nhất trong hàng Tiểu Thừa, muốn nhờ vào đó để phá trí huệ Tiểu Thừa, hòng hiển lộ trí huệ Đại Thừa. Đó chính là lời giới thiệu của người kết tập kinh.

Hỏi: - “*Cáo Xá Lợi Phất*” ở đây có gì khác biệt với Đại Phẩm [Bát Nhã]¹³⁶?

¹³⁶ Đại Phẩm Bát Nhã là tên gọi tắt của bộ Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, gồm chín mươi một phẩm, do ngài Cưu Ma La Thập dịch sang tiếng Hán. Bộ kinh này được ngài Long Thọ chú giải, soạn thành Đại Trí Độ Luận, và được ngài Cát Tạng chú thích thêm bằng tác phẩm Đại Phẩm Nghĩa Sớ. Đây là các tác phẩm trọng yếu cho các hành giả nghiên cứu giáo nghĩa Bát Nhã.

Đáp: - Sao lại chỉ có Đại Phẩm? Bắt đầu từ Tứ A Hàm cho đến cuối cùng trong kinh này, chỗ nào cũng đều bảo, nhưng mỗi chỗ đều khác nhau. Trong Tứ A Hàm, hoặc là vì phát khởi sanh diệt pháp luân cho nên bảo [Xá Lợi Phất]. Thời Phương Đẳng thì do bài xích [các pháp thiên tiểu] cho nên bảo. Thời Bát Nhã do tăng thêm, nên bảo. Kinh này vì khai tam hiển nhất (vạch ra tam thừa là quyền biến, hiển lộ Nhất Thừa mới là chân thật) cho nên bảo. Trong luận, ngài Thiên Thân có nói: “*Bảo Thân Tử mà chẳng nói với các vị Thanh Văn khác, là vì [Xá Lợi Phất] trí huệ sâu xa. Chẳng nói với các vị Bồ Tát là vì có năm điều: Một, do đây là chuyện phải làm của hàng Thanh Văn. Hai, do hồi hướng đại Bồ Đề. Ba, khiến cho họ chẳng khiếp nhược. Bốn, khiến cho các người khác phát khởi sự suy nghĩ tốt lành. Năm, khiến cho họ chẳng dấy khởi cái tâm việc làm đã xong*”. Hãy nên biết năm ý ấy đều chẳng giống các kinh khác. Trước hết là hiển lộ giáo, chẳng nói “*Thanh Văn được nhập trí huệ của Phật*”.

“*Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng*” (Trí huệ của chư Phật rất sâu vô lượng): Tán thán Thật Trí, chẳng phải là ba loại hóa tha Quyền Thật. Vì thế nói là “*chư Phật*”. Nhằm chỉ rõ Thật nơi tự hành, cho nên nói là “*trí huệ*”. Đó là cái Thể của trí huệ, tức là nhất tâm tam trí. Theo chiều dọc, thấu triệt nguồn cội như Lý, nên nói là “*thậm thâm*” (rất sâu). Theo chiều ngang, tột cùng bờ mé của pháp giới, nên nói là “*vô lượng*”. Đây là từ ngữ ca ngợi. Vô lượng rất sâu, cao sâu, rộng khắp. Ví như rễ sâu, ắt cành nhánh sum suê; nguồn xa, ắt dòng chảy sẽ dài. Thật Trí đã như thế, Quyền Trí cũng giống như thế.

“*Kỳ trí huệ môn nan giải, nan nhập*” (Môn trí huệ ấy khó hiểu, khó nhập): Tán thán Quyền Trí. Tiên phương tiện của tự hành đạo có sức tiến nhập, nên gọi là Môn (đó là cái nhân chân thật của bốn mươi địa vị). Từ Môn mà nhập đạo ([đạt đến] quả vị Diệu Giác); thuộc về đạo thì gọi là Thật, trước khi nhập đạo thì là Quyền (đây là xét theo nhân quả để luận Quyền Thật trong mười cặp, tức Sự Lý, Lý Giáo v.v... trong phần trước). Thập Trụ mới hiểu được, vì thế là “*nan giải*” (khó hiểu). Do Thập Địa mới nhập, nên là “*nan nhập*”, chẳng phải là kẻ thuộc bảy phương tiện có thể suy lường. Đây chính là từ ngữ tán thán Quyền, nhưng riêng nêu “*Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể biết*” vì họ chấp trước nặng nề, cho nên riêng phá trước (Nhị Thừa thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo, Bồ Tát trong Thông Giáo, Tam Hiền của Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo, được gọi chung là “*thất phương tiện*”). Đối với bốn ý nơi Pháp Thân, vốn phải dùng Tự Hành Quyền Thật để xét,

không căn cơ nào thoát khỏi. Vì thế nói là “*bất tri*” (chưa kết duyên thì gọi là Pháp Thân. Sau khi đã kết duyên thì gọi là “*vô cơ*”). Hoa Nghiêm đốn chiếu, [hàng Nhị Thừa] như điếc, như câm; vì thế nói “*không biết*”. Phương Đẳng quả trách, bài xích [hàng Tiểu Thừa chấp trước pháp thiên tiểu] chỉ giữ ý niệm thanh tu cho riêng mình; vì thế nói “*chẳng biết*”. Bát Nhã chuyển giáo¹³⁷, chẳng có tâm mong cầu, nên nói “*chẳng biết*”. Nay căn cơ Đại Thừa đã được khơi gợi, phát khởi, phóng quang chân động cội đất, đạo của chư Phật trong cõi này, cõi kia, dù xưa hay nay, đều giống như nhau! Do ôm lòng nghi hoặc, cho nên nói là “*không biết*”. Hàng lợi căn Bồ Tát thấu hiểu từng điều, còn độn căn thì giống như Nhị Thừa; đó cũng là “*chẳng biết!*”

2.1.1.1.1.1.2. Cùng giải thích Quyền và Thật

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phật tàng thân cận bách thiên vạn ức vô số chư Phật, tận hành chư Phật vô lượng đạo pháp, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng phổ văn.

(經)所以者何？佛曾親近百千萬億無數諸佛，盡行諸佛無量道法，勇猛精進，名稱普聞。

(Kinh: Vì có sao vậy? Phật từng thân cận trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, hành trọn hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng vang rền trọn khắp).

“*Phật tàng thân cận...*” (Phật từng thân cận): Giải thích Thật Trí. Ấy là vì ngoài thì gặp gỡ nhiều vị Phật, nhận lãnh những điều trọng yếu tốt cùng. Vì thế, Thật Trí rất sâu. Lại do trong thì tu hành thuần hậu, hành trọn hết các đạo pháp. Vì thế, Thật Trí vô lượng. “*Vô lượng*”: Giải thích theo chiều ngang bèn rộng rãi. “*Thậm thâm*” (Rất sâu): Giải thích theo chiều dọc thì cao tốt.

“*Dũng mãnh tinh tấn...*” là giải thích Quyền Trí. Ấy là vì dũng mãnh tinh tấn bèn có thể nhập môn khó nhập. Đã nhập môn, sẽ được nhuần thấm không ngăn mé, chúng sanh đều khâm ngưỡng đức thù thắng; cho nên gọi là “*phổ văn*” (nghe trọn khắp); cũng có thể hiểu là

¹³⁷ Đây là một thuật ngữ của tông Thiên Thai để mô tả thời Bát Nhã. Do đức Phật bảo hàng Thanh Văn như ngài Tu Bồ Đề thay Phật thuyết Bát Nhã cho các vị Bồ Tát nên gọi là “*chuyển giáo*”.

“do dũng mãnh tinh tấn thì có thể nhập pháp môn”, tức là giải thích Quyền Trí sâu xa. “*Danh xưng phổ văn*” tức là Quyền Trí rộng rãi. Tuy chẳng nói “*Quyền Trí rộng sâu*”, nhưng cứ phỏng theo Thật Trí thì nghĩa ấy sẽ thành tựu.

2.1.1.1.1.1.1.3. Cùng kết lại hai trí

(Kinh) Thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp, tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải.

(經)成就甚深未曾有法，隨宜所說，意趣難解。

(Kinh: Thành tựu pháp rất sâu chưa từng có, tùy theo cơ nghi mà nói, ý thú khó hiểu).

Xứng lý rõ ràng, cho nên nói là “*thành tựu*”. Đạt đến bờ kia, nên nói là “*thậm thâm*” (rất sâu). Đó là tiểu kết về Thật Trí. Tương xứng căn cơ khiến cho họ lãnh hội, cho nên nói là “*tùy nghi*”. [Những người thuộc] bảy phương tiện chẳng biết, vì thế nói là “*nan giải*” (khó hiểu). Đó là tiểu kết về Quyền Trí. Hoặc có thể nói “*thành tựu thậm thâm vị tăng hữu pháp*” (thành tựu pháp chưa từng có rất sâu) là tiểu kết về tự hành Quyền Thật. “*Tùy nghi sở thuyết, ý thú nan giải*” (Thuận theo cơ nghi mà nói, ý thú khó hiểu) là tiểu kết về hóa tha Quyền Thật. Tự hành Quyền Thật thì đều gọi là Thật. Hóa tha Quyền Thật thì đều gọi là Quyền.

Phần thứ nhất, “*nói về Quyền Thật của chư Phật*” đã xong.

2.1.1.1.1.1.1.2. Nói về Quyền Thật của Phật Thích Ca

2.1.1.1.1.1.2.1. Cùng tán thán Quyền Thật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngộ từng thành Phật dĩ lai, chủng chủng nhân duyên, chủng chủng thí dụ, quảng diễn ngôn giáo, vô số phương tiện, dẫn đạo chúng sanh linh ly chư trước.

(經)舍利弗！吾從成佛已來，種種因緣，種種譬喻，廣演言教，無數方便，引導眾生令離諸著。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ta từ khi thành Phật đến nay, dùng các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng diễn ngôn giáo, vô số phương tiện để hướng dẫn chúng sanh lìa khỏi các chấp trước).

[Nếu] Thật Trí chẳng viên mãn, Phật đạo sẽ chẳng thành! Đã nói “*thành Phật*” thì một thành, hết thấy đều thành, tức là tán thán Thật Trí. Từ câu “*chủng chủng nhân duyên*” (các thứ nhân duyên) trở đi, tán thán Quyền Trí. Hơn bốn mươi năm, dùng ba loại hóa tha Quyền Thật hòng phù hợp căn cơ, khiến cho chúng sanh lãnh hội. Vì thế nói “*các thứ nhân duyên*”. “*Thí dụ*” là như các tỷ dụ cây chuối, bọt nước v.v... trong Tiểu Thừa, hoặc các thí dụ thành Càn Thát Bà, huyền sự v.v... trong Đại Thừa. “*Quảng diễn*” là có thể từ một pháp nói ra vô lượng nghĩa. “*Vô số phương tiện*” tức là bảy loại phương tiện. “*Dẫn đạo*”: Diễn nói “*tán Thập Thiện*” hòng là chấp trước tam đồ. Nói “*tịnh Thập Thiện*” hòng là chấp trước Dục Giới. Nói Tam Tạng hòng là chấp trước Kiến Tư. Nói pháp Bồ Tát để là chấp trước Niết Bàn. Nói Phật pháp để là chấp trước thuận đạo pháp ái¹³⁸.

2.1.1.1.1.1.2.2. Cùng giải thích Quyền và Thật

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Như Lai phương tiện tri kiến Ba La Mật, giai dĩ cụ túc.

(經)所以者何? 如來方便知見波羅蜜, 皆已具足。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Phương tiện tri kiến Ba La Mật của Như Lai đều đã đầy đủ).

Hai chữ Như Lai nhằm nói đến Thật Trí. Từ trong Chân Như Thật Tướng mà được thành Phật, cho nên gọi là Như Lai. Hai chữ “*phương tiện*” nhằm giải thích Quyền Trí. Do phương tiện thiện xảo, cho nên có thể dùng các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ để diễn nói rộng rãi các ngôn giáo. Tri kiến Ba La Mật chính là cùng nêu lên Quyền và Thật. “*Tri kiến*”: Nhất Thiết Chủng Trí được gọi là Thật Tri (實知). Phật nhãn gọi là Thật Kiến. Đạo Chủng Trí gọi là Quyền Tri (權知). Pháp Nhãn gọi

¹³⁸ “*Pháp ái*” tức là lòng yêu thích thiện pháp của Bồ Tát. Pháp ái có hai thứ:

1. Căn cơ Tiểu Thừa và Bồ Tát do chưa đoạn pháp chấp, cho nên yêu mến Niết Bàn Thiên Không, và yêu mến, chấp trước các thiện pháp. Pháp ái loại này cần phải đoạn trừ.

2. Đại bi của Phật cũng gọi là vô thượng pháp ái, hoặc vô thượng chân ái.

Thuận đạo pháp ái (còn gọi là Tự Đạo pháp ái, tương tự pháp ái) là pháp ái của hàng Bồ Tát chưa nhập Sơ Trụ. Chân đạo pháp ái là pháp ái của bậc Bồ Tát đã từ Sơ Trụ trở lên.

là Quyền Kiến. Do đều cùng đạt đến bờ mé của Lý Sự, cho nên đều gọi là Ba La Mật. “*Giai dĩ cụ túc*” (Đều đã trọn đủ): Quyền lẫn Thật đều rốt ráo.

2.1.1.1.1.1.2.3. Cùng tổng kết Quyền và Thật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai tri kiến quảng đại thâm viển, vô lượng, vô ngại, lực, vô sở úy, Thiền Định, giải thoát, tam-muội, thâm nhập vô tế, thành tựu nhất thiết vị tăng hữu pháp.

(經)舍利弗！如來知見廣大深遠，無量，無礙，力，無所畏，禪定，解脫，三昧，深入無際，成就一切未曾有法。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn, sâu xa, vô lượng, vô ngại, lực, vô sở úy, Thiền Định, giải thoát, tam-muội, thâm nhập chẳng ngăn mé, thành tựu hết thấy các pháp chưa từng có).*

“*Quảng đại*” (Rộng lớn) là nói theo chiều ngang, “*thâm viển*” (sâu xa) là nói theo chiều dọc. Thật Trí chẳng phải dọc, chẳng phải ngang. Mượn lời khen ngợi theo chiều dọc lẫn chiều ngang, [hòng diễn tả ý] “chiều soi chẳng có cùng cực”, giống như hộp to thì nắp to. “*Vô lượng*”: Địa vị Phật là đại từ bi hỷ xả. “*Vô ngại*” là tứ biện tài nơi địa vị Phật. “*Lực*” là Thập Lực thuộc địa vị Phật. “*Vô sở úy*” là tứ vô sở úy thuộc địa vị Phật. “*Thiền*” là Thật Tướng Thiền. “*Định*” là Thủ Lăng Nghiêm Định. “*Tam-muội*” là vương tam-muội. “*Thâm nhập vô tế*” (Thâm nhập chẳng ngăn mé) là tổng kết Quyền Trí theo chiều dọc sâu xa. “*Thành tựu nhất thiết vị tăng hữu pháp*” (Thành tựu hết thấy các pháp chưa từng có): Tổng kết Quyền Trí theo chiều ngang rộng lớn.

Phần thứ nhất, “*nhờ vào ngôn từ để tán thán hai trí*” đã xong.

2.1.1.1.1.1.2. Ngăn dứt ngôn từ tán thán hai trí

2.1.1.1.1.1.2.1. Nêu ra duyên do ngăn dứt sự tán thán

2.1.1.1.1.1.2.1.1. Thẳng thừng nêu ra duyên do ngăn dứt sự tán thán

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai năng chủng chủng phân biệt, xảo thuyết chư pháp, ngôn từ nhu nhuễn, duyệt khả chúng tâm.

(經)舍利弗！如來能種種分別，巧說諸法，言辭柔軟，悅可眾心。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai có thể phân biệt các thứ, khéo nói các pháp, lời lẽ mềm mỏng, đẹp lòng đại chúng).

“*Chúng chúng phân biệt, xảo thuyết chư pháp*” (Các thứ phân biệt, khéo nói các pháp) là nhắc lại Quyền. “*Ngôn từ nhu nhuyễn, duyệt khả chúng tâm*” (Lời lẽ mềm mỏng, đẹp lòng đại chúng) là nhắc lại Thật. Kinh văn trong đoạn trước [trần thuật chuyện từ trong quang minh] thấy nơi các cõi khác, [chư Phật] nói đốn pháp, có nói [chư Phật] “*phát ra âm thanh mềm mỏng*”. Kinh văn trong phần sau chép ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) lãnh ngộ, bèn thưa “*văn Phật nhu nhuyễn âm*” (nghe âm thanh mềm mỏng của đức Phật). Vì thế nói là “*cử Thật*” (nêu ra Thật) thì tâm đại chúng do đạt được Thật mà vui sướng. Trong phần trước, đã cạy vào ngôn từ để tán thán, trước là Thật, sau là Quyền, nhằm chỉ rõ từ Thật mà dẫn khỏi Quyền. Nay chấm dứt lời tán thán bằng ngôn từ [theo thứ tự] “trước Quyền, sau Thật” là vì muốn gom Quyền về Thật.

2.1.1.1.1.2.1.2. Nêu ra cảnh dứt bật ngôn từ

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thủ yếu ngôn chi, vô lượng vô biên vị tăng hữu pháp, Phật tất thành tựu.

(經)舍利弗！取要言之，無量無邊未曾有法，佛悉成就。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nói tóm lại, vô lượng vô biên các pháp chưa từng có, Phật đều thành tựu).

“*Thủ yếu*”: Nêu bày đầu mối, còn nói là “*nêu đại lược*”. “*Vô lượng vô biên*” là nói đến Quyền. “*Vị tăng hữu pháp*” (Pháp chưa từng có) là nói về Thật. Nói hai chuyện ấy Phật đã đều thành tựu, do tu đạo mà đạt được thì chuyện ấy có thể nói. Nếu chỉ nói một chuyện, ắt chẳng nên nói là “*tất*” (悉, đều). “*Tất*” tức là nói cả Quyền lẫn Thật đều chẳng thể nghĩ bàn.

Phần thứ nhất, nêu lên nguyên do dứt bật lời tán thán đã xong.

2.1.1.1.1.2.2. Thẳng thừng ngăn dứt sự tán thán bằng ngôn từ

2.1.1.1.1.2.2.1. Dứt bật sự tán thán bằng ngôn từ

(Kinh) Chỉ! Xá Lợi Phất! Bất tu phục thuyết.

(經)止! 舍利弗! 不須復說。

(Kinh: Thôi! Xá Lợi Phất! Đừng nên nói nữa).

Pháp này sâu xa, vắng lặng, ngôn ngữ dứt bật, Thễ chẳng thể nói được. Vì thế, [thốt lời] ngăn trở để tán thán. Nếu từ bi giảng nói, nghe rồi chẳng thể hiểu, sẽ tổn thương thiện căn. Vì thế, ngăn trở [đừng thừa hỏi nữa].

2.1.1.1.1.2.2.2. Giải thích ý ngăn trở tán thán

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phật sở thành tựu đệ nhất hy hữu nan giải chi pháp, duy Phật dữ Phật, nữ năng cứu tận chư pháp Thật Tướng. Sở vị: Chư pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh đẳng.

(經)所以者何? 佛所成就第一希有難解之法, 唯佛與佛, 乃能究盡諸法實相。所謂: 諸法如是相, 如是性, 如是體, 如是力, 如是作, 如是因, 如是緣, 如是果, 如是報, 如是本末究竟等」。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Phật đã thành tựu pháp hiếm có, khó hiểu bậc nhất, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, góc ngọn rốt ráo bình đẳng như thế).

Đây là giải thích lý do “vì sao ngăn trở tán thán”. Có hai ý:

- Một, Phật là bậc tối thượng, thành tựu tu đắc pháp tối thượng. Vì thế, chẳng thể nói, tức là nói theo trí huệ có thể thấu hiểu rốt ráo.

- Hai là cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chẳng thể nói, tức là nói theo Thật Tướng của pháp được thấu hiểu rốt ráo.

“Thành tựu” đối lập với “chẳng thành tựu”. “Đệ nhất” tương phản với “chẳng phải đệ nhất”. “Hy hữu” tương phản với “bất hy hữu”, “khó hiểu” đối lập với “chẳng khó hiểu”. Dem quả đối ứng với cái nhân, tự đối ứng với tha, cần phải xét theo giáo vị¹³⁹, phân biệt, chọn lọc cặn kẽ những kẻ khác, hồng hiển thị Phật là bậc tối thượng. Quyền Thật theo chiều ngang trọn vẹn, cho nên chẳng thể nói, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo.

[Chúng sanh nghe Phật thuyết pháp] chẳng đầu và chẳng giữa, chỉ đạt được một phần, chưa tới cùng nguồn cội, như trăng đêm Mười Bốn, tác dụng của ánh trăng chưa trọn vẹn. Chỉ riêng Phật với Phật mới thấu hiểu rốt ráo ngần mé, như trăng đêm Rằm, Thể không gì chẳng tròn đầy, ánh sáng không đâu chẳng trọn khắp, nhằm hiển thị Quyền Thật theo chiều dọc sâu xa. Do tu đạo mà đạt được, cho nên chẳng thể nói!

“*Thật Tướng của các pháp*”: Nêu đại lược cảnh Quyền Thật rất sâu! “*Chư pháp*” chính là bách giới thiên như, tức là Quyền trong Thật. “*Thật Tướng*” là nói đến lý thể Trung Đạo, tức là Thật nơi Quyền. Đó gọi là “*chư pháp bình đẳng như thể đó*”. Để giải thích cặn kẽ cảnh Quyền Thật rất sâu, cần phải lập ra bốn lượt giải thích:

- Một là dựa theo mười pháp giới.
- Hai là dựa theo Phật pháp giới.
- Ba là xét theo sự ly hợp (tách ra hay gộp vào).
- Bốn là xét theo địa vị.

Kinh nói “*chư pháp*”, cho nên dùng mười pháp giới để giải thích. Kinh nói “*Phật sở thành tựu hy hữu chi pháp*” (Phật đã thành tựu pháp hiếm có), cho nên dùng Phật pháp giới để giải thích. Kinh nói “*chỉ chỉ, bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư*” (thôi, thôi, chẳng cần nói, pháp của ta mầu nhiệm khó nghĩ), cho nên dùng tách ra hay gộp vào để giải thích. Kinh nói: “*Duy Phật dữ Phật nãi năng cứu tận*” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tới cùng); vì thế, dùng địa vị để giải thích.

a) Một là xét theo mười pháp giới, [mười pháp giới] tức là lục phàm tứ thánh (sáu đường và bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật). Pháp tuy vô lượng, chẳng ra ngoài con số mười. Trong mỗi pháp giới, tuy lại có nhiều chi phái, nhưng chẳng ra khỏi Thập Như. Như địa ngục giới, chia ra sẽ có đủ tướng, tánh, cho đến bốn mặt [của địa ngục giới], mà cũng có đủ tướng, tánh, bốn mặt... của

¹³⁹ “*Giáo vị*” ở đây là nói theo ngũ vị giáo trong kinh Niết Bàn, tức các vị sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ.

súc sanh giới, cho đến cũng có đủ tướng, tánh, bốn mặt... của Phật pháp giới, chẳng hề khuyết giảm. Vì thế, A Tỳ Đàm Tỳ Bà Sa viết: “*Địa ngục đạo thành tựu pháp của Tha Hóa Thiên*”, tức là nói theo lệ này. Chín pháp giới kia cũng giống như thế. Hãy nên biết: Mỗi pháp giới đều có đầy đủ Thập Như của chín pháp giới kia. Nếu chiếu theo Thập Như thuộc chín pháp giới, thuộc vào địa vị của chính mình, thì gọi là Quyền. Chiếu theo Thập Như của Phật giới thuộc địa vị của chính mình thì gọi là Thật. Trong một, có trọn đủ vô lượng; trong vô lượng có một. Vì thế, gọi là “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Phạm phu tuy có đủ, nhưng tuyệt lý, mê tình (tự coi thường [bản thân], cho là chính mình chẳng có phần, cho nên nói là “*tuyệt lý*”. Suy nghĩ theo dị kiến, cho nên nói là “*mê tình*”). Nhị Thừa tuy có đủ, nhưng xả ly cầu thoát (ba đường chính là [cảnh giới đề ngộ chân thường], nhưng họ bỏ đó, chẳng quán, né tránh Không để cầu Không, đâm ra [Quyền Thật sẵn có ấy] trở thành phương tiện giúp cho sự giải thoát nhỏ nhoi). Bồ Tát tuy có đủ, nhưng do chẳng chiếu trọn vẹn, cho nên gọi là “*chẳng rõ ràng*” (Tạng Giáo và Thông Giáo chiếu theo lục đạo, Biệt Giáo chiếu theo thứ tự. Vì thế nói là “*chẳng trọn vẹn*”). Như Lai hiểu thấu triệt, chiếu dọc lẫn chiều ngang đều trọn đủ (vô lượng trong một là “*chiều ngang*”. Vô lượng chính là một, tức là “*chiều dọc*”. Nhiều và một chính là lẫn nhau; vì thế nói “*trọn đủ*”), chỉ riêng Phật hiểu rõ, những kẻ khác chẳng thấy, chẳng thể tuyên nói, giải bày. Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*” (thôi, thôi, hãy dứt lời). Do phần Huyền Nghĩa trong phần trước đã nói rồi, cho nên nay không ghi căn kể.

b) Xét theo Phật pháp giới để giải thích: Phật giới chẳng có tướng, chẳng phải là không có tướng, mà nói “*như thị tướng*”, tức là nói đến nhân duyên của vạn thiện. Vì thế, kinh văn trong phần sau viết “*chúng bảo trang hiệu*” (các thứ báu trang hoàng). Phật giới chẳng phải là tánh, mà cũng chẳng phải là không có tánh, mà nói là “*như thị tánh*”, tức là nói đến liễu nhân của trí huệ. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hữu đại bạch ngưu*” (có trâu trắng lớn). Phật giới chẳng phải là Thê, chẳng phải là không có Thê, mà nói “*như thị Thê*”, chính là nói đến chánh nhân của Thật Tướng. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói “*kỳ xa cao quảng*” (xe ấy cao rộng). Phật giới chẳng phải là lực, chẳng phải không là lực, mà nói “*như thị lực*”, tức là từ lực, thiện căn lực v.v... của Bồ Đề đạo tâm. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hựu ư kỳ thượng, trưng thiết hiển cái*” (lại trên xe ấy chưng bày tàn lọng). Phật giới chẳng phải là tác, chẳng phải là bất tác, mà nói “*như thị tác*”, tức là nói đến tùy ý vô

công dụng đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*kỳ tạt như phong*” (nhanh như gió). Phật giới chẳng phải nhân, chẳng phải không là nhân, mà nói “*như thị nhân*” chính là nói tới bốn mươi một địa vị. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*thừa thị bảo thừa, du vu tứ phương*” (ngồi xe báu ấy dạo chơi bốn phương). Phật giới chẳng phải duyên, mà cũng chẳng phải không là duyên, mà nói “*như thị duyên*”, tức là nói đến hết thảy trợ Bồ Đề đạo. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*hựu đa bộc tụng, nhi thị vệ chi*” (có nhiều tôi tớ theo hầu và bảo vệ). Phật giới chẳng phải quả, chẳng phải không là quả, mà nói là “*như thị quả*”, tức là nói đến Diệu Giác rạng ngời, viên nhân ắt chứng đắc. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*trực chỉ đạo tràng*” (tới thẳng đạo tràng). Phật giới chẳng phải là báo mà cũng chẳng phải không là báo, mà nói “*như thị báo*”, tức là nói đến Đại Bát Niết Bàn. Vì thế, kinh văn trong phần sau nói “*đắc vô lượng vô lậu thanh tịnh chi quả báo*” (đạt được quả báo vô lượng vô lậu thanh tịnh). Phật giới chẳng phải gốc, chẳng phải ngọn, mà nói là “*bốn mặt*” thì “*bốn*” (gốc) là Phật tướng, “*mặt*” (ngọn) tức là Phật báo. Đó là tự hành Quyền. Phật chẳng bình đẳng, chẳng bất bình đẳng, mà nói “*cứu cánh đẳng*” (rót ráo bình đẳng) tức là nói đến Thật Tướng. Vì thế, gọi chương này là Thật Tướng, tức là tự hành Thật. Từ ngay nơi Thật mà là Quyền; vì thế nói là “*bốn mặt*”. Từ ngay nơi Quyền mà là Thật, cho nên nói “*đẳng*”.

Hỏi: - Phật giới ở đây có gì khác với Phật giới trong mười pháp giới thuộc phần trước?

Đáp: - Trong phần trước là còn đang mê, đang ở trong nhân, thông với ngộ, thông với quả. Còn ở đây chỉ có quả, chẳng thông với nhân và mê. Vì thế, mỗi pháp đều sử dụng [cách nói] “*song phi*” (đều chẳng phải), “*phi tướng*” tức là chẳng Giả, “*phi bất tướng*” tức là chẳng Không. Tuy nêu ra “*song phi*”, vẫn có ý nghĩa Tam Đế. Chín pháp giới kia cứ chuẩn theo đây sẽ biết, bèn biết “*bốn mặt cứu cánh đẳng*”. Như thế thì mới gọi là “*Phật Thừa rót ráo*”. Vì thế, đều dùng kinh văn nói về cỗ xe to để tổng kết.

Xét theo kinh văn trong phẩm này, chính là Thật Tướng sẵn có của các pháp trong Phật quả. Trong phần nói Thí Dụ thì chính là cỗ xe lớn trang nghiêm để đến đạo tràng. Đối với đời trước thì chính là chỗ khai Quyền hiển Thật nơi quả Phật tột cùng. Trong Bốn môn, chính là diệu pháp được khế nhập bởi vị Phật đã thành Phật từ lâu. Nếu đã hiểu phần Chánh Tông, há còn mê đối với phần Lưu Thông ư? Đối với một câu, một kệ như thế mà có thể hết sức tin tưởng, thì thuyết “*tam đức*,

tam quỹ”¹⁴⁰ sẽ rạng ngời trước mắt. Nếu hiểu ý này, dần dần nói rộng rãi suốt tám năm¹⁴¹, đều chẳng ra ngoài một niệm. Trái suốt năm mươi tiểu kiếp, nghiêm nhiên giống như một sát-na! Phỏng theo đó, sẽ biết giáo pháp thích hợp căn cơ suốt một đời của đức Phật ở ngay trong tâm tánh. Mười phương Phật sự rành rành trước mắt. Căn tánh của pháp giới hể nắm vững dễ thông, tùy nghi diễn nói, đều chỉ về Tạng lý.

Đây là tự hành Quyền Thật của Như Lai, vô thượng nhất. Vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo theo chiều ngang rộng rãi, theo chiều dọc sâu thăm, chẳng có gì hơn được! Vì thế, nêu bày “*Thật Tướng của các pháp*”. Phỏng theo lệ ấy, cũng nên nói Thật Tánh, Thật Thể, Thật Lực, cho đến Cứu Cánh Đẳng của các pháp, [nhưng chánh kinh] chỉ nêu lên một điều (tức Thật Tướng của các pháp) để nói gộp chung đó thôi. Như Lai chiếu tròn khắp, ngang lẫn dọc đều tròn vẹn, như nhìn vào trái cây trong lòng bàn tay. Chỉ vì phàm phu giống như hai mắt đều mù, Nhị Thừa như mắt chột, Bồ Tát như nhìn trong đêm tối, mờ lung chẳng biết rõ, chẳng thể nói được! Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*” (thôi thôi, đừng nói).

c. Xét theo tách ra hay gộp vào để giải thích. Như tâm Phật quán thập giới Thập Như thì vô thượng tướng cho đến vô thượng quả báo đều chỉ là một Phật pháp giới. Như biển gồm thấu muôn dòng, như ngàn chiếc xe đi cùng một đường. Đây chính là Tự Hành Quyền Thật. Nếu thuận theo ý của người khác, bèn có Thập Như, tánh, tướng v.v... của chín pháp giới; tức là Hóa Tha Quyền Thật. Hóa Tha tuy vẫn có Thật, nhưng đều gộp chung vào Quyền; tự hành tuy vẫn có Quyền, nhưng đều gộp chung vào Thật, tức là Tự Hành Hóa Tha Quyền Thật. Thuận theo người khác thì là Khai, thuận theo chính mình thì là Hợp. Ngang dọc đều chiếu tròn vẹn, khai hợp tự tại. Tuy tách ra vô lượng, nhưng vô lượng là một. Tuy gộp lại làm một, một mà vô lượng. Tuy [dường như có] “vô lượng” và “một”, mà chẳng phải một, chẳng phải vô lượng! Tuy chẳng

¹⁴⁰ Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát. Tam Quỹ (三軌) là một khái niệm trong tông Thiên Thai, hàm ý “*ba pháp có thể dùng làm khuôn phép*”, tức là:

1. Chân Tánh Quỹ: Chẳng hư ngụy là Chân, chẳng thay đổi là Tánh. Chân Tánh Quỹ chính là bản thể của Chân Như Thật Tướng.
2. Quán Chiếu Quỹ: Trí huệ quán thấu đạt chân tánh.
3. Tư Thành Quỹ: Trí giúp cho việc quán chiếu khiến cho vạn hạnh trong chân tánh được khai phát.

¹⁴¹ Theo cách phân giáo của tông Thiên Thai, thời Pháp Hoa được đức Phật nói trong suốt tám năm.

phải một, chẳng phải vô lượng, mà là một, là vô lượng. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận. Phàm phu phi báng, chẳng tin; Nhị Thừa mê mờ, chẳng tiếp nhận; Bồ Tát chẳng hiểu rõ cội gốc của trần. Do vì nghĩa này, bèn “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*”.

d. Bốn là xét theo địa vị để giải thích. “*Như thị tướng*” là hết thấy chúng sanh đều có Thật Tướng, vốn tự sẵn có. Đây chính là tướng mạo của Như Lai Tạng. “*Như thị tánh*” tức là tánh đức trí huệ Đệ Nhất Nghĩa Không. “*Như thị thể*” chính là lý pháp tánh Trung Đạo. Đó là Tam Đức chung cho cả mười pháp giới, địa vị nào cũng đều có. Nếu thấu hiểu ba đức ấy, sẽ dự vào địa vị Thập Tín, bèn gọi là “*như thị lực, như thị tác*”. Dự vào bốn mươi một địa vị, thì gọi là “*như thị nhân, như thị duyên*”. Nếu đạt tới địa vị Phật thì gọi là “*như thị quả, như thị báo*”. Ba món đầu gọi là Bốn, ba món sau gọi là Mạt. Trước sau đều là ba đức, gọi là Cứu Cánh Đẳng. Tam Đức nơi địa vị đầu tiên thì thông với ác và thiện, thông hiền, thông thánh, thông Tiểu, thông Đại, thông với khởi đầu, thông với cùng cực (kết quả cuối cùng). Dầu ở trong ác mà chẳng chìm, tuy ở nơi thiện mà chẳng thăng lên. Tuy ở nơi hiền mà chẳng thấp kém, tuy ở nơi thánh mà chẳng cao. Tuy ở nơi Tiểu mà chẳng hẹp hòi, tuy ở nơi Đại mà chẳng rộng rãi. Tuy ở khởi đầu mà chẳng mới mẻ. Tuy ở tốt bậc mà chẳng cũ kỹ! Vì thế nói là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói được. Vì thế, “*chỉ chỉ tuyệt ngôn*”.

Lại nữa, “*tam đức cứu cánh đẳng*” (tam đức rốt ráo bình đẳng) là tướng và tánh của mười pháp giới, Quyền Thật gộp vào, tách ra, sai biệt ngàn ấy. Dùng bình đẳng đại huệ để như thật quán, “*cứu cánh giai đẳng*” (rốt ráo đều bình đẳng). Nếu mê cảnh này, bèn có tánh tướng của sáu pháp giới, gọi là Thế Đề. Nếu hiểu cảnh này, tức là có tánh, tướng của Nhị Thừa, gọi là Chân Đế. Thấu đạt điều này, chẳng mê, chẳng hiểu, tức là có tướng tánh của Bồ Tát giới và Phật giới, tức Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nếu dùng huệ ấy để bình đẳng xem xét Tục Đế, Tục Đế chẳng phải là mê. Bình đẳng xem xét Chân Đế thì Chân Đế chẳng phải là giải. Chẳng phải giải, chẳng phải mê, đều chẳng phải là mê hay giải, chỉ gọi là “*bình đẳng*”. Nếu song chiếu thì Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền, tuy hai mà chẳng hai; cũng gọi là Cứu Cánh Đẳng (đây là dựa theo Hoặc để thấu hiểu Đẳng).

Lại nữa, đối với cảnh Quyền Thật bất nhị, [chúng sanh thuộc về] bảy loại phương tiện đều chẳng thể dùng trí bất nhị để coi cảnh bất nhị là bình đẳng được. Chỉ có chư Phật dùng trí bất nhị để coi cảnh bất nhị

bình đẳng. Vì thế nói là Cứu Cánh Đẳng (đó là bình đẳng xét theo người).

Lại nữa, nay căn cơ Đại Thừa được kích phát, chẳng nói về “tướng, tánh” của chín giới mà nói thẳng thừng “tướng, tánh” của hết thảy, đều nhập vào trong tướng, tánh của Phật giới. Các giáo trước đó chưa nói, tức xưa chẳng bình đẳng với nay. Giáo pháp hiện thời nói ra, liền biết “*xưa và nay bình đẳng*”. Vì thế nói là “*cứu cánh đẳng*” (đó là sự bình đẳng xét theo giáo).

Lại nữa, sở dĩ phải dùng bốn lượt để giải thích, nhằm chỉ rõ “lý thâm nhiếp trọn khắp”, cho nên dựa theo mười pháp giới để giải thích. Nhằm nói rõ cực chứng cao tốt, cho nên dựa theo Phật giáo để giải thích. Nhằm nói rõ tác dụng giáo hóa của Phật, cho nên xét theo “*hợp lý*” (gộp lại hay tách ra) để giải thích. Nhằm nói rõ Tam Đức trọn khắp, cho nên xét theo các địa vị để giải thích.

Phần thứ nhất, tức phần văn Trường Hàng tán thán hai trí của đức Phật đã xong!

*** Ghi chú của người chuyển ngữ:**

Do phần giảng về Thập Như quá sâu, quá phức tạp, chúng tôi xin trích thêm lời giảng của pháp sư Phổ Hành như sau [để những liên hữu trí huệ cạn kém như mặt nhân có thể hiểu sơ lược về Thập Như]:

“Chư pháp” tức là các pháp thuộc mười pháp giới, từ dưới là địa ngục giới cho đến tột cùng là Phật pháp giới. Mỗi một pháp đều có trọn đủ các đặc tánh như sau: Tướng sai biệt, tánh bất biến, Thể của sắc thân, công dụng lực, công năng tạo tác, nhân chứa đựng quả, duyên hòng giúp cho cái nhân kết thành quả, cái quả do cái nhân cảm thành, báo khổ lạc tương ứng với cái nhân, tướng là gốc, báo là ngọn. Từ gốc đến ngọn, nếu dùng Tam Đế Không, Giả, Trung để quán viên dung, thì chỗ quy kết của chúng đều là lý bình đẳng Thật Tướng. Do vậy nói “như thị tướng” cho đến “như thị bốn mặt cứu cánh đẳng”.

2.1.1.1.2. Trùng tụng

2.1.1.1.2.1. Kệ tụng về chuyện mượn ngôn từ để tán thán hai trí

Đối chiếu kệ tụng với phần kinh văn [Trường Hàng] trên đây, sẽ có [cách nói] cặn kẽ hay đại lược sai khác hòng dễ hiển lộ.

2.1.1.1.1.2.1.1. Kệ nói gộp lại để tán thán nhị Phật, nhị trí

Phần kinh văn Trường Hàng đối với hai vị Phật đều tán thán, biểu thị hóa duyên khác nhau. Trong kệ tụng, gộp hai vị Phật lại để tán thán, nhằm biểu thị hai trí tương đồng.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhị thuyết kệ ngôn: - Thế Hùng bất khả lượng, chư thiên cập thế nhân, nhất thiết chúng sanh loại, vô năng tri Phật giả. Phật lực, vô sở úy, giải thoát chư tam-muội, cập Phật chư dư pháp, vô năng trắc lượng giả.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「世雄不可量，諸天及世人，一切眾生類，無能知佛者。佛力無所畏，解脫諸三昧，及佛諸餘法，無能測量者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Thế Hùng¹⁴² chẳng thể lường, chư thiên và người đời, hết thấy loài chúng sanh, không ai hiểu biết Phật. Phật lực, vô sở úy, giải thoát, các tam-muội, và các pháp khác của Phật, không ai suy lường nổi).

Bài kệ thứ nhất trùng tụng chung Thật Trí của hai vị Phật. Bài kệ thứ hai, trùng tụng chung Quyền Trí của hai vị Phật. “Chư dư pháp” (Các pháp khác): Tức là hóa tha Quyền Thật, tức là dùng tự hành để hóa tha. Từ trong một pháp, mở ra vô lượng. Tất cả các phương tiện, không gì chẳng từ ngay nơi Quyền mà chính là Thật. Vì thế, cũng chẳng thể suy lường.

2.1.1.1.1.2.1.2. Kệ tụng gộp chung hai vị Phật để giải thích lời tán thán và kết lại lời tán thán

(Kinh) Bốn tòng vô số Phật, cụ túc hành chư đạo, thậm thâm vi diệu pháp, nan kiến, nan khả liễu. Ư vô lượng ức kiếp, hành thử chư đạo dĩ, đạo tràng đắc thành quả, ngã dĩ tất tri kiến.

¹⁴² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật là bậc anh hùng tuyệt thế, có thể hiểu những điều mà người đời chẳng hiểu được, có thể hành những điều người đời khó hành, có thể chứng những điều người đời khó chứng, có thể đoạn những điều người đời khó đoạn. Vì thế, gọi là Thế Hùng”.

(經)本從無數佛，具足行諸道，甚深微妙法，難見難可了。於無量億劫，行此諸道已，道場得成果，我已悉知見。

(Kinh: Vốn từ vô số Phật, hành trọn đủ các đạo, pháp vi diệu rất sâu, khó thấy, khó thể hiểu. Trong vô lượng ức kiếp, đã hành các đạo ấy, đắc quả nơi đạo tràng, ta đều thấy biết trọn).

Bài tụng này nhằm giải thích và kết lại ý nghĩa của hai chương trước, nhưng văn tự biến hóa, chẳng cần phải ghép đôi ứng từng câu. Bởi lẽ, nói đến hai pháp Quyền Thật vi diệu rất sâu, sẽ là khó thấy, khó hiểu nhất. Do ta và chư Phật vốn đã ở nơi vô số vị Phật, hành đầy đủ trọn hết vô lượng đạo pháp. Do trong vô lượng kiếp đã hành đạo ấy, bèn ngồi nơi đạo tràng, thành tựu Phật quả. Vì thế, có thể thấy biết trọn hết pháp vi diệu Quyền Thật này. Trong vô lượng kiếp, hành đạo trọn đủ. Vì thế, Quyền Trí viên mãn, thành chánh quả nơi đạo tràng. Do vậy, Thật Trí viên mãn. Đây cũng là xét theo nhân quả để luận định Quyền Thật.

Phần thứ nhất, dựa vào ngôn từ đề tán thán hai trí đã xong.

2.1.1.1.1.2.2. Kệ tụng về chuyện dứt bật ngôn từ tán thán hai trí

2.1.1.1.1.2.2.1. Kệ tụng giải thích ý nghĩa vì sao Phật dạy “thôi tán thán”

(Kinh) Như thị đại quả báo, chủng chủng tánh tướng nghĩa, ngã cập thập phương Phật, nãi năng tri thị sự.

(經)如是大果報，種種性相義，我及十方佛，乃能知是事。

(Kinh: Quả báo lớn như thế, các thứ nghĩa tánh, tướng... Ta và mười phương Phật, mới biết chuyện như thế).

Đây là trùng tụng ý nghĩa “chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp bình đẳng”. Đầu tiên là nêu ra quả báo; sau đó, nêu ra tánh và tướng trước hết [để đại diện], các thứ trong khoảng giữa (tức các món Như Thị còn lại trong Thập Như Thị) sẽ có thể biết. “Đại quả báo” tức là quả báo màu nhiệm. “Các thứ tánh,

tướng” chính là trăm giới ngàn pháp sai biệt bất đồng. “Nghĩa” chính là Cứu Cánh Đẳng.

2.1.1.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện dứt tuyệt ngôn từ tán thán

(Kinh) Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt, chư chúng sanh loại, vô hữu năng đắc giải. Trừ chư Bồ Tát chúng, tín lực kiên cố giả.

(經)是法不可示，言辭相寂滅，諸餘眾生類，無有能得解。除諸菩薩眾，信力堅固者。

(Kinh: Pháp này chẳng thể chỉ, tướng ngôn từ tịch diệt, các loài chúng sanh khác, chẳng ai có thể hiểu. Trừ các vị Bồ Tát, có tín lực kiên cố).

Đây là trùng tụng ý chỉ “*hãy thôi đi, chẳng cần nói nữa*”. “*Thị pháp*” (Pháp này) tức là diệu cảnh Quyền Thật được chiếu bởi hai trí (Quyền Trí và Thật Trí) của chư Phật. Đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp bách giới thiên như chẳng thể nghĩ bàn*”. Thật Tướng chẳng có nơi chôn; vì thế, chẳng thể chỉ bày, chẳng thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được. Do vậy, “*ngôn từ tướng tịch diệt*”. Dầu Phật có thể nói pháp “*chẳng thể nói*” này, nhưng chúng sanh chẳng thể nào hiểu được! Vì thế, “*thôi đi, chẳng cần nói nữa!*” Do đã chẳng thể hiểu được, vậy thì pháp sẽ trọn chẳng thể truyền ư? Do đó, nói “*trừ chư Bồ Tát chúng, tín lực kiên cố giả*” (trừ các vị Bồ Tát là những người có tín lực kiên cố) thì có thể hiểu được! “*Tín lực kiên cố*” là nói tới bậc Thập Tín trong Viên Giáo. Tiếp theo đây, nói cặn kẽ các chúng sanh khác đều chẳng thể hiểu được.

(Kinh) Chư Phật đệ tử chúng, tăng cúng dường chư Phật, nhất thiết lậu dĩ tận, trụ thị tối hậu thân. Như thị chư nhân đẳng, kỳ lực sở bất kham! Giả sử mãn thế gian, giai như Xá Lợi Phất, tận tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí. Chánh sử mãn thập phương, giai như Xá Lợi Phất, cập dư chư đệ tử, diệt mãn thập phương sát, tận tư cộng độ lượng, diệt phục bất năng tri! Bích Chi Phật lợi trí, vô lậu tối hậu thân, diệt mãn thập phương giới, kỳ số như trúc lâm, tư đẳng cộng nhất tâm, ư ức vô lượng kiếp, dục tư Phật Thật Trí, mạc năng tri thiếu

phần. Tân phát ý Bồ Tát, cúng dường vô số Phật, liễu đạt chư nghĩa thú, hựu năng thiện thuyết pháp, như đạo, ma, trúc, vi, sung mẫn thập phương sát, nhất tâm dĩ diệu trí, u Hằng hà sa kiếp, hàm giai cộng tư lượng, bất năng tri Phật trí. Bất thoái chư Bồ Tát, kỳ số như Hằng sa, nhất tâm cộng tư cầu, diệc phục bất năng tri.

(經)諸佛弟子眾，曾供養諸佛，一切漏已盡，住是最後身。如是諸人等，其力所不堪！假使滿世間，皆如舍利弗，盡思共度量，不能測佛智。正使滿十方，皆如舍利弗，及餘諸弟子，亦滿十方刹，盡思共度量，亦復不能知！辟支佛利智，無漏最後身，亦滿十方界，其數如竹林，斯等共一心，於億無量劫，欲思佛實智，莫能知少分。新發意菩薩，供養無數佛，了達諸義趣，又能善說法，如稻麻竹葦，充滿十方刹，一心以妙智，於恒河沙劫，咸皆共思量，不能知佛智。不退諸菩薩，其數如恒沙，一心共思求，亦復不能知。

(Kinh: Các đệ tử chư Phật, từng cúng dường chư Phật, hết thấy lậu đã hết, trụ nơi thân cuối cùng. Những người như thế đó, sức đều chẳng kham được! Giả sử đầy thế gian, đều như Xá Lợi Phất, vắt óc cùng suy lường, chẳng thể dò Phật trí. Dầu trọn khắp mười phương, đều như Xá Lợi Phất, và các đệ tử khác, cũng trọn mười phương cõi, vắt óc cùng suy lường, vẫn chẳng thể biết nổi! Bích Chi Phật trí sáng, thân vô lậu cuối cùng, cũng đầy mười phương cõi, số nhiều như rừng trúc, bọn họ cùng một lòng, trong ức vô lượng kiếp, mong suy Phật Thật Trí, chẳng thể biết chút phần. Tân phát ý Bồ Tát, cúng dường vô số Phật, liễu đạt các nghĩa thú, lại hay khéo thuyết pháp, như lúa, mè, tre, lau, đầy ấp mười phương cõi, nhất tâm dùng trí mầu, trong Hằng hà sa kiếp, đều cùng nhau suy lường, chẳng thể biết Phật trí. Các Bồ Tát bất thoái, số như cát sông Hằng, nhất tâm cùng nghĩ cầu, cũng chẳng thể biết được!)

Sáu câu đầu vạch rõ: Hàng lậu tận đệ tử chẳng biết. Bốn câu kế tiếp, chỉ ra ngài Xá Lợi Phất không biết. Phần thứ ba gồm sáu câu, vạch ra các đại đệ tử chẳng biết. Phần thứ tư gồm tám câu, chỉ ra Bích Chi Phật chẳng biết. Bích Chi Phật nghịch thuận quán mười hai nhân duyên, vì thế gọi là “*lợi trí*” (trí huệ nhạy bén, thông sáng). “*Phật Thật Trí*”: Tự hành Quyền Thật đều gọi là Thật. Phần thứ năm gồm mười câu, chỉ ra hàng phát tâm Bồ Tát chẳng biết. Hoặc là nói những người tu Lục Độ ba A-tăng-kỳ kiếp nhưng chưa đoạn Hoặc, hay là nói đến người phát tâm trong hai giáo Thông và Biệt, họ đối với giáo của chính mình đều có thể liễu đạt nghĩa thú Tứ Đế, nương theo đó mà phát khởi Tứ Hoằng Thệ Nguyện, ai nấy đều có thể phô diễn đạo pháp thuộc giáo của mình, lần lượt so với những người thuộc các loại trước đó, đều có thể xưng là bậc diệu trí. Như Tạng Giáo do siêu việt thế gian, nên gọi là Diệu; Thông Giáo do liễu đạt “[vạn pháp] chính là Không”, cho nên là Diệu; Biệt Giáo do ngưỡng vọng, tin tưởng Trung Đạo nên là Diệu. Phần thứ sáu gồm bốn câu, vạch rõ Bất Thoái Bồ Tát chẳng biết. Thông Giáo đoạn trừ phiền Hoặc thuộc giới nội, dẫu đắc bất thoái, nhưng chẳng biết biệt lý Trung Đạo. Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) thuộc Biệt Giáo, tuy đắc Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái, chẳng biết Trung Đạo “*trọn đủ hết thấy các pháp, chính là hết thấy các pháp*”.

2.1.1.1.1.2.2.3. Trùng tụng cảnh dứt bật ngôn từ

(Kinh) Hựu cáo Xá Lợi Phất! Vô lậu bất tư nghị, thậm thâm vi diệu pháp, ngã kim dĩ cụ đắc. Duy ngã tri thị tướng, thập phương Phật diệc nhiên.

(經)又告舍利弗！無漏不思議，甚深微妙法，我今已具得。唯我知是相，十方佛亦然。

(Kinh: Lại bảo Xá Lợi Phất! Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp vi diệu rất sâu, ta nay đã đạt đủ. Chỉ ta biết tướng ấy, mười phương Phật cũng thế).

Đây là phần kệ tụng nói về vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Phật đều đã thành tựu. Hai câu cuối cùng cũng là trùng tụng “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo Thật Tướng của các pháp bình đẳng*”. “*Vô lậu*” là Thật Tướng thuần nhất. Ngoài Thật Tướng, chẳng có

pháp nào khác! “*Bất tư nghị*” (Chẳng nghĩ bàn): Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bật. “*Thậm thâm vi diệu*” (Rất sâu vi diệu): Chỉ có chư Phật chứng nhập, khế ngộ! Do lại nương theo nghĩa vô lậu, đối với Thập Như trong phần trước, nếu xét theo mười pháp giới để giải thích, Thập Như của mười pháp giới gồm thâm lý tánh của phàm lẫn thánh chẳng sơ sót, thâm nhiếp Tam Đế chẳng sơ sót, thâm nhiếp Quyền Trí và Thật Trí chẳng sơ sót. Do nương theo nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, Thập Như trong phần trước nếu xét theo nghĩa “*khai, hợp*” để giải thích, thì ngay nơi Quyền chính là Thật, ngay nơi Thật chính là Quyền, cho nên chẳng thể nghĩ bàn, do nương theo nghĩa vi diệu rất sâu! Đối với Thập Như trong phần trước, xét theo Phật pháp giới để giải thích thì là nương theo [ý nghĩa] “*chỉ có ta biết nghĩa ấy*”. Đối với Thập Như trong phần trước, xét theo địa vị để giải thích, hai đẳng đều có thể biết.

Trong phần khai hiển đại lược, phần thứ nhất là văn Trường Hàng và Trùng Tụng tán thán hai trí của Phật đã xong.

2.1.1.1.2. *Kệ tụng trùng tuyên chuyện khi đức Phật đại lược khai Quyền hiển Thật, [hàng Nhị Thừa] đấy động chấp trước, sanh nghi*

2.1.1.1.2.1. *Chư Phật hiển Thật*

(*Kinh*) **Xá Lợi Phất đương tri: Chư Phật ngữ vô dị, ư Phật sở thuyết pháp, đương sanh đại tín lực. Thế Tôn pháp cứu hộ, yếu đương thuyết chân thật.**

(經)舍利弗當知：諸佛語無異，於佛所說法，當生大信力。世尊法久後，要當說真實。

(*Kinh*: **Xá Lợi Phất nên biết: Chư Phật nói chẳng khác, đối với pháp Phật nói, nên sanh đại tín lực. Pháp Thế Tôn lâu sau, phải nên nói chân thật.**)

“*Chư Phật ngữ vô dị*” (Lời chư Phật chẳng khác): Điều này hiển thị chư Phật giáo hóa giống nhau. Hai câu kệ đó nhằm khuyến tín. Hai câu sau cùng hiển lộ lẽ Thật. Có thể thấy những điều đã nói từ trước đến nay đều chẳng phải là chân thật. Do [đức Phật] phá trừ sự chấp trước xưa kia, nên nay [đại chúng trong hội] sanh nghi. Trong kinh văn thuộc phần sau, [ngài Xá Lợi Phất có nói] “*tương phi ma tác Phật*” (chẳng phải ma hiện làm Phật ư?) chính là vì do nghe lời này [bèn sanh ngờ vực]. Phật

đã dùng lời chân thật nhằm khuyên tin tưởng, sao lại ngược ngạo sanh nghi? Vì ngăn ngừa “do nghi mà sanh báng”, cho nên cần phải khuyến tín.

2.1.1.1.2.2. Nêu rõ Phật Thích Ca mở ra tam thừa

(Kinh) Cáo chư Thanh Văn chúng, cập cầu Duyên Giác thừa, ngã linh thoát khổ phược, dĩ đắc Niết Bàn giả. Phật dĩ phương tiện lực, thị dĩ tam thừa giáo, chúng sanh xú xú trước, dẫn chỉ linh đắc xuất.

(經)告諸聲聞眾，及求緣覺乘，我令脫苦縛，逮得涅槃者。佛以方便力，示以三乘教，眾生處處著，引之令得出」。

(Kinh: Bảo các vị Thanh Văn, và người cầu Duyên Giác, khiến họ thoát khổ trôi, đạt đến đạo Niết Bàn. Phật dùng sức phương tiện, chỉ dạy đạo tam thừa, chúng sanh nơi nơi chấp, dẫn họ thoát ra khỏi).

Bài kệ thứ nhất thẳng thừng chỉ ra: Xưa kia đã lập ra ba thừa. Thanh Văn là Tiểu Thừa, Duyên Giác là Trung Thừa, [còn những ai] ba A-tăng-kỳ tu Lục Độ, thoát khỏi các nỗi khổ ràng buộc, đạt tới Niết Bàn thì chính là Đại Thừa. Hai câu kế tiếp thẳng thừng đả phá: [Cả ba thừa ấy] đều là do phương tiện mà giả nói, toàn là chẳng thật. Hai câu sau nhằm giải thích ý nghĩa vì sao lập bày như thế: Vì dẫn dắt họ thoát khỏi chấp trước, là chuyện bất đắc dĩ đó thôi.

Phần thứ nhất, nêu đại lược về chuyện Khai Quyền Hiển Thật đã xong.

2.1.1.2. Khởi nghi, thưa hỏi

2.1.1.2.1. Trần thuật mối nghi

2.1.1.2.1.1. Lời trần thuật của người kết tập kinh

(Kinh) Nhĩ thời, đại chúng trung hữu chư Thanh Văn, lậu tận A La Hán, A Nhĩ Kiều Trần Như đẳng, thiên nhị bách nhân, cập phát Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các tác thị niệm.

(經)爾時，大眾中有諸聲聞，漏盡阿羅漢、阿若憍陳如等，千二百人，及發聲聞、辟支佛心、比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，各作是念。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng có các vị Thanh Văn, lậu tận A La Hán như A Nhã Kiều Trần Như v.v... một ngàn hai trăm người, và các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di phát tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, ai nấy nghĩ như thế này).

Trong phần trên, [đức Phật đã] chê trách tam thừa đều là phương tiện. Nay [chánh kinh] chỉ trần thuật hàng Nhị Thừa đầy lòng nghi, là vì họ chấp trước nặng nề, nghi sâu, cho nên riêng nêu ra. Như trong phần sau, khi trần thuật những người ôm lòng nghi, bèn nói số lượng các vị Bồ Tát cầu thành Phật khoảng chừng tám vạn người. Vì thế biết là tam thừa đều khởi lòng nghi.

2.1.1.2.1.2. Nói rõ chuyện sanh nghi

(Kinh) Kim giả Thế Tôn hà cố ân cần xưng tán phương tiện, nhi tác thị ngôn: “Phật sở đắc pháp thậm thâm nan giải, hữu sở ngôn thuyết ý thú nan tri. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng cập”. Phật thuyết nhất giải thoát nghĩa, ngã đẳng diệc đắc thử pháp, đáo u Niết Bàn, nhi kim bất tri thị nghĩa sở thú!

(經)今者世尊何故殷勤稱歎方便，而作是言：「佛所得法甚深難解，有所言說意趣難知。一切聲聞、辟支佛所不能及」。佛說一解脫義，我等亦得此法，到於涅槃，而今不知是義所趣！

(Kinh: Nay đức Thế Tôn vì lẽ nào ân cần khen ngợi phương tiện, mà nói như thế này: “Đức Phật đạt được pháp rất sâu, khó hiểu, ngôn thuyết do Phật nói ra ý nghĩa khó biết. Hết thấy Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể biết nổi”. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng đã đắc pháp ấy, đạt tới Niết Bàn, nhưng nay chẳng biết nghĩa này đi về đâu?)

“Hà cổ ngôn Phật sở đắc pháp thậm thâm nan giải” (Vì sao nói “Phật đạt được pháp rất sâu khó hiểu”): Nghi Thật Trí của Phật. “Hà cổ ngôn hữu sở ngôn thuyết ý thú nan tri” (Vì sao nói “ngôn thuyết do Phật nói ra ý nghĩa khó biết”) là nghi Quyền Trí của Phật. Do trước kia, Phật nói ra trí huệ của tam thừa, [chúng sanh thuộc căn cơ tam thừa] cùng chúng chẳng sai kém, chỉ có dư tập (tập khí còn thừa sót) là đã hết hay chưa hết đó thôi! Nay Ngài bỗng ca ngợi hai trí của Như Lai chẳng phải là điều chúng ta có thể đạt được; vì thế, bèn sanh nghi.

Từ câu “Phật thuyết nhất giải thoát nghĩa” (Phật nói một nghĩa giải thoát) trở đi, là tự nghi điều chính mình đã đạt được. Thánh đạo tam thừa là lẽ trọng yếu chân thật để vượt thoát, ta tu lý ấy cũng đạt đến Niết Bàn, nhưng nay đức Phật bỗng nói [các lý ấy] đều là phương tiện, chẳng biết điều gì mới là chân thật? Do vậy nói “chẳng biết nghĩa ấy đi về đâu”.

Phần thứ nhất, trần thuật nghi vấn đã xong.

2.1.1.2.2. Xin giải quyết mỗi nghi

Trong phần này, kinh văn gồm ba lượt thỉnh và hai lần ngăn trở, cộng với một lần ngăn trở trong đoạn trước thành ba lượt ngăn trở. Ngăn trở lần thứ nhất là vì lý sâu khó hiểu. Thỉnh lần đầu là vì mình lẫn người xin được giải trừ mỗi nghi. Ngăn trở lần thứ hai vì [đại chúng nghe pháp ấy sẽ] kinh sợ, ngờ vực chẳng tin. Thỉnh lần thứ hai là vì người gieo căn lành đã lâu ắt đều hiểu. Ngăn trở lần cuối cùng là vì kẻ nào hủy báng [pháp này], ắt堕 vào đường ác. Lần thỉnh cuối cùng là vì hàng lợi căn sẽ được lợi ích. Hoặc có thể hiểu là Phật sẵn biết do dùng ba lượt ngăn trở thì người đạt được lợi ích trước sau sẽ không giống nhau, cho nên ba lượt ngăn trở để được cầu thỉnh ba lần.

2.1.1.2.2.1. Thỉnh lần thứ nhất

2.1.1.2.2.1.1. Trường Hàng

2.1.1.2.2.1.1.1. Nêu bày mỗi nghi về nhị trí

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất tri tứ chúng tâm nghi, tự diệt vị liễu, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Hà nhân, hà duyên, ân cần xưng tán chư Phật đệ nhất phương tiện thậm thâm vi diệu nan giải chi pháp?”

(經)爾時，舍利弗知四眾心疑，自亦未了，而白佛言：「世尊！何因何緣，慇懃稱歎諸佛第一方便甚深微妙難解之法？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất biết tâm nghi của tứ chúng, chính mình cũng chẳng rõ, bèn bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Do nhân nào, duyên nào mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện rất sâu, vi diệu, khó hiểu bậc nhất của chư Phật?”)

2.1.1.2.2.1.1.2. Nêu bày lời thỉnh

(Kinh) Ngã tự tích lai, vị tăng tòng Phật văn như thị thuyết. Kim giả, tứ chúng hàm giai hữu nghi, duy nguyện Thế Tôn phụ diễn tư sự: Thế Tôn hà cố ân cần xưng tán thậm thâm vi diệu nan giải chi pháp?

(經)我自昔來，未曾從佛聞如是說。今者，四眾咸皆有疑，惟願世尊敷演斯事：世尊何故慇懃稱歎甚深微妙難解之法？」

(Kinh: Con từ xưa đến nay chưa từng nghe Phật nói như thế. Nay, tứ chúng đều có lòng nghi, kính mong đức Thế Tôn nêu bày chuyện này: Vì sao đức Thế Tôn ân cần ca ngợi pháp rất sâu vi diệu khó hiểu?)

2.1.1.2.2.1.2. Kệ tụng

2.1.1.2.2.1.2.1. Trùng tụng mỗi nghi đối với hai trí

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Huệ nhật đại thánh tôn, cứu nãi thuyết thị pháp, tự thuyết đắc như thị, lực, vô úy, tam-muội, Thiền Định, giải thoát đẳng, bất khả tư nghị pháp. Đạo tràng sở đắc pháp, vô năng phát vấn giả, ngã ý nan khả trắc, diệc vô năng vấn giả. Vô vấn nhi tự thuyết, xưng tán sở hành đạo, trí huệ thậm vi diệu, chư Phật chi sở đắc.

(經)爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「慧日大聖尊，久乃說是法，自說得如是，力無畏三昧，禪定解脫

等，不可思議法。道場所得法，無能發問者，我意難可測，亦無能問者。無問而自說，稱歎所行道，智慧甚微妙，諸佛之所得。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đại thánh tôn huệ nhật, nói pháp này đã lâu, tự nói đắc như thế, lực, vô úy, tam-muội, Thiền Định, giải thoát thấy, pháp chẳng thể nghĩ bàn. Pháp đắc nơi đạo tràng, không ai thưa hỏi được, con nghĩ rất khó lường, cũng chẳng thể thưa hỏi. Chẳng hỏi mà tự nói, khen ngợi đạo đã hành, trí huệ rất vi diệu, chư Phật đã đạt được).

“Thị pháp” (Pháp này) là nói đến Thật Trí. “Lực, vô úy đẳng” là nói đến Quyền Trí. “Đạo tràng sở đắc” ([Pháp] đạt được nơi đạo tràng) là tự hành Quyền Thật. “Ngã ý nan khả trắc” (Ý con chẳng thể lường) là nói đến hóa tha Quyền Thật (do là đồng thể phương tiện, cho nên khó lường). “Sở hành đạo”: Kết lại tự hành Quyền. “Phật sở đắc” kết lại tự hành Thật, “vô vấn tự thuyết” (chẳng hỏi mà tự nói) tức kết lại ý nghĩa hóa tha. Nếu chẳng muốn tự hành, hóa độ người khác, sao lại chẳng hỏi mà tự khen ngợi vậy?

2.1.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng tứ chúng thuộc tam thừa đều nghi hoặc

(Kinh) Vô lậu chư La Hán, cập cầu Niết Bàn giả, kim giai đọa nghi võng: “Phật hà cổ thuyết thị?” Kỳ cầu Duyên Giác giả, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, chư thiên, long, quỷ thần, cập Càn Thát Bà đẳng, tương thị hoài do dự, chiêm ngưỡng Lương Túc Tôn: “Thị sự vi vân hà?” Nguyện Phật vị giải thuyết.

(經)無漏諸羅漢，及求涅槃者，今皆墮疑網：「佛何故說是？」其求緣覺者，比丘比丘尼，諸天龍鬼神，及乾闥婆等，相視懷猶豫，瞻仰兩足尊：「是事為云何？」願佛為解說。

(Kinh: Các La Hán vô lậu, và người cầu Niết Bàn, nay đều đọa lưới nghi: “Vì sao Phật nói vậy?” Những người cầu Duyên Giác, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, các trời, rồng, quỷ thần, cùng với Càn Thát Bà... nhìn

nhau đều do dự¹⁴³, chiêm ngưỡng Lương Túc Tôn¹⁴⁴: Chuyện này là thế nào? Mong Phật giải nói cho).

Câu đầu nói đến Tiểu Thừa, câu thứ hai nói về Lục Độ Đại Thừa. Bài kệ thứ hai nói về Trung Thừa và tứ chúng v.v...

2.1.1.2.2.1.2.3. Kệ tụng nêu ra niềm nghi của chính mình

(Kinh) Ư chư Thanh Văn chúng, Phật thuyết ngã đệ nhất, ngã kim tự trí, nghi hoặc bất năng liễu, vi thị cứu cánh pháp? Vi thị sở hành đạo?

(經)於諸聲聞眾，佛說我第一，我今自於智，疑惑不能了，為是究竟法？為是所行道？

(Kinh: Trong các vị Thanh Văn, Phật nói con bậc nhất, nay trong tâm trí con, ngờ vực, chẳng thể rõ, đó là pháp rốt ráo? Hay là đạo đã hành?)

“Cứu cánh pháp” (Pháp rốt ráo) là quả. “Sở hành đạo” là nhân. Trong đoạn kinh văn trước đó, Phật bài xích pháp tam thừa do Ngài đã dạy đều là phương tiện. Nay con nghi tam thừa, mỗi thừa đều có nhân quả, nương theo lời dạy mà tu chứng, chưa hề sai lầm. Nếu nói đó là phương tiện, chẳng phải là chân thật, thì cái quả đã chứng chẳng thật ư? Hay là cái nhân đã hành chẳng thật ư?

2.1.1.2.2.1.2.4. Kệ tụng về nỗi nghi của Phật tử

(Kinh) Phật khẩu sở sanh tử, hiệp chương, chiêm ngưỡng đấng, nguyện xuất vi diệu âm, thời vị như thật thuyết.

(經)佛口所生子，合掌瞻仰待，願出微妙音，時為如實說。

¹⁴³ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Do (猶) vốn là tên của một loài thú. Nó vốn dự phòng loài người làm hại, nên có lúc leo tót lên cây, có lúc lại tuột xuống. Vì thế, dùng từ ngữ Do Dự để sánh ví sự nghi hoặc, bất định”.

¹⁴⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Lương Túc Tôn: Phật trọn đủ hai trí Quyền và Thật, tôn quý cao thượng nhất, nên gọi là Lương Túc Tôn”.

(Kinh: Con sanh từ miệng Phật¹⁴⁵, chấp tay, chiêm ngưỡng chờ, nguyện thoát ra diệu âm, đúng thời như thật nói).

Đây là nói tới Bồ Tát thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo có nghi vấn. Nếu họ chẳng nghi, lẽ nào lại chấp tay, chiêm ngưỡng ư?

2.1.1.2.2.1.2.5. Nêu chung đại chúng cùng nghi để cầu thỉnh

(Kinh) Chư thiên, long, thần đẳng, kỳ số như Hằng sa, cầu Phật chư Bồ Tát, đại số hữu bát vạn. Hựu chư vạn ức quốc, Chuyển Luân Thánh Vương chí, hiệp chưởng dĩ kính tâm, dục văn cụ túc đạo.

(經)諸天龍神等，其數如恒沙，求佛諸菩薩，大數有八萬。又諸萬億國，轉輪聖王至，合掌以敬心，欲聞具足道」。

(Kinh: Các trời, rồng, thần thầy, số như cát sông Hằng, các Bồ Tát cầu Phật, số nhiều đến tám vạn. Lại từ vạn ức nước, Chuyển Luân Thánh Vương đến, chấp tay, tâm kính trọng, muốn nghe đạo trọn đủ¹⁴⁶).

Lần “thỉnh vấn” thứ nhất đã xong.

2.1.1.2.2.2. Ngăn trở [bảo đừng hỏi] lần thứ hai, vì sợ [thính chúng] hoài nghi

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: “Chỉ, chỉ! Bất tu phục thuyết! Nhược thuyết thị sự, nhất thiết thế gian, chư thiên cập nhân, giai đương kinh nghi”.

(經)爾時，佛告舍利弗：「止止！不須復說！若說是事，一切世間，諸天及人，皆當驚疑」。

¹⁴⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Pháp Thân của Bồ Tát do nghe pháp được nói từ kim khẩu của đức Phật mà sanh, vì thế gọi là Phật khẩu sở sanh từ”.

¹⁴⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Xưa kia nói pháp Nhị Thừa, chính là bán tự giáo, chẳng gọi là ‘trọn đủ’. Nay cầu thỉnh Phật hãy nói Nhất Thừa mãn tự giáo thì mới là trọn đủ”.

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: “Thôi, thôi! Đừng nên nói nữa! Nếu nói chuyện này, hết thấy chư thiên và người trong thế gian sẽ đều kinh hãi, ngơ vạc”).

2.1.1.2.2.3. Thừa hỏi lần thứ hai, nêu rõ [trong đại chúng có những người] tức cần nhảy bén, cho nên chẳng hoài nghi

(**Kinh**) Xá Lợi Phất trùng bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi. Duy nguyện thuyết chi. Sở dĩ giả hà? Thị hội, vô số bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ chúng sanh từng kiến chư Phật, chư căn mãnh lợi, trí huệ minh liễu, văn Phật sở thuyết, tắc năng kính tín”. Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: “Pháp vương vô thượng tôn, duy thuyết nguyện vật lự. Thị hội vô lượng chúng, hữu năng kính tín giả”.

(經)舍利弗重白佛言：「世尊！惟願說之。惟願說之。所以者何？是會，無數百千萬億阿僧祇眾生曾見諸佛，諸根猛利，智慧明了，聞佛所說，則能敬信」。爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「法王無上尊，惟說願勿慮，是會無量眾，有能敬信者」。

(**Kinh:** Xá Lợi Phất lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kính mong Ngài hãy nói. Kính xin Ngài hãy nói. Vì lẽ nào vậy? Trong hội này, vô số trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ chúng sanh từng thấy chư Phật, các căn nhạy bén, trí huệ sáng tỏ, nghe lời Phật dạy, đều có thể sanh lòng kính tín”. Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: “Đáng pháp vương vô thượng, xin hãy nói chớ lo, vô lượng chúng trong hội, có thể kính tin vậy”).

2.1.1.2.2.4. Ngăn trở lần thứ ba để bảo vệ kẻ tăng thượng mạn

(**Kinh**) Phật phục chỉ Xá Lợi Phất: “Nhược thuyết thị sự, nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La, giai đương kinh nghi. Tăng thượng mạn tỳ-kheo, tương trụ ư đại khanh”. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn: “Chỉ chỉ! Bất tu thuyết! Ngã pháp diệu nan tư, chư tăng thượng mạn giả, văn tất bất kính tín”.

(經)佛復止舍利弗：「若說是事，一切世間天、人、阿修羅，皆當驚疑。增上慢比丘，將墜於大坑」。爾時，世尊重說偈言：「止止不須說！我法妙難思，諸增上慢者，聞必不敬信」。

(Kinh: Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: “Nếu nói chuyện này, hết thấy trời, người, A Tu La trong thế gian sẽ đều kinh hãi, ngò vức. Hạng tỳ-kheo tăng thượng mạn sẽ rơi vào hầm to”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau: “Thôi thôi, chớ nói nữa! Pháp ta diệu khó nghĩ, những kẻ tăng thượng mạn, nghe rồi chẳng kính tín”).

2.1.1.2.2.5. Thỉnh lần thứ ba, trần thuật sẽ có nhiều người được lợi ích, đời đời tiếp nhận sự giáo hóa, chẳng dấy tâm tăng thượng mạn

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất trùng bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thuyết chi, duy nguyện thuyết chi. Kim thử hội trung, như ngã đẳng tỷ bách thiên vạn ức, thế thế dĩ tăng tòng Phật thọ hóa. Như thử nhân đẳng, tất năng kính tín, trường dạ an ổn, đa sở nhiều ích”. Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: “Vô thượng lương túc tôn, nguyện thuyết đệ nhất pháp. Ngã vi Phật trưởng tử, duy thù phân biệt thuyết. Thị hội vô lượng chúng, năng kính tín thử pháp. Phật dĩ tăng thế thế, giáo hóa như thị đẳng, giai nhất tâm hiệp chưởng, dục thỉnh thọ Phật ngữ. Ngã đẳng thiên nhị bách, cập dư câu Phật giả, nguyện vị thử chúng cố, duy thù phân biệt thuyết. Thị đẳng văn thử pháp, tắc sanh đại hoan hỷ”.

(經)爾時，舍利弗重白佛言：「世尊！惟願說之，惟願說之。今此會中，如我等比百千萬億，世世已曾從佛受化。如此人等，必能敬信，長夜安隱，多所饒益」。爾時，舍利弗。欲重宣此義，而說偈言：「無上兩足尊，願說第一法。我為佛長子，惟垂分別說。是會無量眾，能敬信此法。佛已曾世世，教化如是等，皆一心合掌，欲聽受佛

語。我等千二百，及餘求佛者，願為此眾故，惟垂分別說。是等聞此法，則生大歡喜」。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kính mong hãy nói, kính mong hãy nói. Nay trong hội này, có trăm ngàn vạn ức người như chúng con, đời đời đã từng được Phật giáo hóa. Những người như thế ắt có thể kính tin, đem dài an ổn, đạt được nhiều lợi ích rộng lớn”. Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất muốn trùng tuyên nghĩa này, bèn nói kệ rằng: “Đấng lương túc vô thượng, xin nói pháp bậc nhất. Con là trưởng tử Phật, xin phân biệt nói cho. Hội này vô lượng chúng, hay kính tin pháp này. Phật đã từng đời đời, giáo hóa họ như thế, đều nhất tâm chấp tay, muốn nghe nhận lời Phật. Chúng con ngàn hai trăm, và người cầu Phật khác, nguyện Phật vì bọn họ, rủ lòng phân biệt nói, bọn họ nghe pháp này, ắt sanh hoan hỷ lớn”*).

Phần thứ nhất, đại lược khai tam hiển nhất, dây động chấp trước sanh nghi đã xong.

2.2.2. Rộng khai tam hiển nhất để đoạn nghi sanh tín

Trong tam châu:

- Một, từ phần kinh văn này cho đến câu “*tận hồi hướng Phật đạo*” (đều hồi hướng Phật đạo) trong quyển thứ hai [của kinh Pháp Hoa] chính là Pháp Thuyết Châu, [trong tầng này], bậc thượng căn đắc ngộ.

- Kế đó, từ câu “*nhĩ thời, Xá Lợi Phất bạch Phật ngôn: - Ngã kim vô phục nghi hối*” (lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch cùng đức Phật rằng: - Con nay chẳng còn ngờ vực, hối hận) cho đến phẩm Thọ Ký là Thí Thuyết Châu, bậc trung căn đắc ngộ.

- Ba, ba phẩm như Hóa Thành Dụ v.v... chính là Nhân Duyên Thuyết Châu, bậc hạ căn đắc ngộ.

2.2.2.1. Liệu giản Tam Châu bằng mười nghĩa

Ba châu ấy cũng gọi là “*Lý, Sự, Hạnh tam châu*”. Nay dùng mười nghĩa để liệu giản:

- Một là có thông và biệt.
- Hai là có Thanh Văn hay không?
- Ba là Hoặc (phiền não) có dày hay mỏng.

- Bốn là căn có chuyển hay không chuyển.
- Năm là căn có ngộ hay chẳng ngộ.
- Sáu là có lãnh giải (tiếp nhận, thấu hiểu) hay không lãnh giải.
- Bảy là được thọ ký hay không thọ ký.
- Tám là ngộ có cạn hay sâu.
- Chín là lợi ích có Quyền và Thập.
- Mười là đợi thời hay chẳng đợi thời.

2.2.2.1.1. Luận về Thông và Biệt

Tầng thứ nhất, Biệt thì gọi là Pháp Thuyết. Thông thì có đủ cả ba châu [tức là ngoài danh xưng Pháp Thuyết Châu ra, trong kinh văn thuộc tầng này có nói]: “*Như Ưu Đàm hoa thời nhất hiện nhĩ*” (Như hoa Ưu Đàm đã lâu mới hiện một lần), đó chính là Thí Thuyết. “*Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo*” (Nếu ta gặp chúng sanh, đều dùng Phật đạo để dạy), tức là Nhân Duyên Thuyết.

Tầng thứ hai, xét theo Biệt thì gọi là Thí Thuyết. Xét theo Thông, cũng có đủ ba tầng: “*Ngã tiên bất ngôn giai vi nhất Phật Thừa cố. Hựu ư nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam*” (Do ta trước hết chẳng nói [ba thừa] đều là một Phật Thừa. Lại do một Phật Thừa, phân biệt nói thành ba), tức là Pháp Thuyết. “*Trường giả văn dĩ, kinh nhập hỏa trạch, phương nghi cứu tế*” (Trường giả nghe xong, liền kinh hãi vào trong nhà lửa, tìm phương cách cứu vớt) chính là Nhân Duyên Thuyết.

Tầng thứ ba, xét theo Biệt thì gọi là Túc Thế Nhân Duyên (nhân duyên trong đời trước). Xét theo Thông thì cũng có đủ ba tầng: “*Niết Bàn thời đáo, chúng hựu thanh tịnh, linh nhập Phật huệ*” (Thời Niết Bàn đã đến, đại chúng lại thanh tịnh, khiến cho họ nhập trí huệ của Phật), tức là Pháp Thuyết. “*Hữu nhất đạo sư*” (Có một người hướng dẫn), tức là Thí Thuyết.

Nay vì dựa theo đa số, dựa theo ý nghĩa chánh yếu, dựa theo sự giản lược, xét theo sự nói kèm thêm, muốn giữ cho danh tự chẳng lẫn lộn, cho nên gác các ý nghĩa thuộc về Thông lại, chỉ giữ lấy các danh tự thuộc Biệt.

2.2.2.1.2. Nói rõ có Thanh Văn hay không

Ngài Quang Trạch nói: “*Chắc chắn có người thật sự hành hạnh Thanh Văn. Nếu bảo là chẳng thật sự có, Quyền làm sao tương ứng cho*

được?” Ngài Khai Thiện¹⁴⁷ bảo: “*Chắc chắn không có người thật sự hành Thanh Văn*”, và trích dẫn kinh Thắng Man “*sơ nghiệp trong tam thừa chẳng mê làm nơi pháp*” [để làm minh chứng cho lập luận] “ngoại phạm¹⁴⁸ đã biết Nhất Thừa, há có Nhị Thừa vẫn chấp trước tiêu quả u? Kinh nói có [người hành Tiểu Thừa], tức là quyền biến [mà nói như thế]”. Hai vị này đều thiên chấp, trái nghịch kinh, đánh mất ý nghĩa! Nếu chắc chắn là có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn], sao kinh này lại nói “*đản hóa chư Bồ Tát, vô Thanh Văn đệ tử*” (chỉ giáo hóa các vị Bồ Tát, chẳng có đệ tử Thanh Văn)? Nếu chắc chắn là không có, ai vào hóa thành, mà cũng chẳng có tam thừa để dung hội [vào Nhất Thừa], có Quyền nào để dẫn khởi về Thật đây?

Vận rằng: - Nếu nói thật sự có Thanh Văn là đối tượng để được dẫn khởi quyền biến, cũng phải nên thật sự có Tam Tạng Phật để được Quyền Tam Tạng Phật dẫn khởi! Nếu thật sự chẳng có Tam Tạng Phật,

¹⁴⁷ Khai Thiện chính là pháp sư Trí Tạng (458-522). Ngài là một vị danh tăng sống vào đời Lương, quê ở Ngô Quận (nay là Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô), thông minh từ bé, tánh tình khiêm tốn, hòa nhã, tinh thông kinh luận. Văn Tuyên Vương muốn thiêu long Phật giáo, giảng kinh Tịnh Danh, triệu tập hai mươi mấy vị giảng sư kinh luận về tham khảo ý kiến, Sư là người có tăng lạp nhỏ nhất, ngồi ở tòa cuối cùng, nhưng phô diễn nghĩa lý không ai hơn được. Sư rất được Lương Vũ Đế coi trọng, xuống chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Khai Thiện, nên thường được gọi là pháp sư Khai Thiện. Lúc hai mươi bảy tuổi, nghe người khéo coi tướng nói Sư sống không quá ba mươi một tuổi. Sư bèn thôi giảng giải, dốc lòng tinh tu, không ra khỏi cửa chùa, ngày đêm trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã. Tới lúc ba mươi một tuổi, Sư tắm gội bằng nước thơm, tụng kinh chờ chết, bỗng trên hư không có tiếng bảo: “*Do sức kinh Bát Nhã nên được tăng thọ*”. Lương Vũ Đế từng nghĩ tự mình làm Tăng Chánh (chức quan cai quản các tăng sĩ) để nương theo giới luật lập pháp, chỉnh lý kỷ cương tăng chúng; chẳng có ai dám ngăn trở, can gián. Riêng Sư nói “*biến cả Phật pháp, tục nhân chẳng thể biết trọn*”, mấy lượt gởi thư can vua, chuyện ấy mới thôi. Suốt đời Sư nhiều lượt giảng các kinh Đại Tiêu Phẩm Bát Nhã, Niết Bàn, Pháp Hoa, Thập Địa, Kim Quang Minh, Bách Luận, A Tỳ Đàm Tâm v.v... Lại còn soạn nhiều bản chú sớ, tới nay đã thất truyền.

¹⁴⁸ Ngoại Phạm là các giai vị trước khi đạt đến Kiến Đạo. Ba giai vị Ngũ Đình Tâm Trụ, Niệm Trụ Biệt Tướng, Niệm Trụ Tổng Tướng của Thanh Văn Thừa là ngoại phạm. Đối với Bồ Tát thì địa vị Phục Nhẫn trong Thập Tín là ngoại phạm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Kể hướng đến đường lành, nhưng hướng ra ngoài cầu Lý, chưa thể dứt tướng nội duyên chân tánh, cho nên gọi là ngoại phạm. Thân phần đoạn trong lục đạo vẫn chưa thể xả, nên gọi là Phạm*”. Tông Thiên Thai phán định ngoại phạm trong tứ giáo mỗi giáo mỗi khác. Do quá rườm rà nên không ghi vào đây.

chỉ có Quyền Phật, lẽ nào chẳng chấp thuận “chỉ có Quyền Thanh Văn, chẳng có Thanh Văn thật sự” ư?

Đáp: - Nghĩa ấy chẳng thể dùng làm lẽ được. Vì có người thật sự đoạn Phiền Hoặc thuộc giới nội (phiền não trong tam giới), thì người ấy được gọi là Quyền Thanh Văn, nhưng Quyền là ứng hiện, chỗ nào có vị Phật chỉ đoạn Phiền Hoặc thuộc giới nội để có Quyền Phật tương ứng với vị Phật đó ư? Nay nói rõ: “Có [Thanh Văn] hay không, đều chẳng thể thiên chấp”. Nếu xét theo cách nhìn của ông trưởng giả Thật Trí, sẽ chẳng có kẻ làm khách. Nếu xét theo căn tánh của đứa con nghèo, Pháp Hoa Luận¹⁴⁹ nói rõ có bốn loại Thanh Văn: Một là quyết định, hai là thượng mạn, ba là thoái Đại (lui sụt đối với Đại Thừa, trở lại hành hạnh Thanh Văn), bốn là ứng hóa. Hai loại trước, căn tánh chưa chín muồi, chẳng được thọ ký. Hai loại sau được thọ ký. Nếu xét theo kinh này, phải nên có năm loại:

- Một là người tu tập Tiểu Thừa đã lâu, đời này đạo chín muồi, nghe Tiểu giáo (giáo pháp Tiểu Thừa) mà chứng quả, giống như loại quyết định Thanh Văn trong [Pháp Hoa] Luận.

- Hai là [những người] vốn là Bồ Tát, đã nhiều kiếp tu đạo, giữa chừng chán ngán sanh tử, thoái thất Đại Thừa, giữ lấy Tiểu Thừa. Kinh Đại Phẩm gọi [hạng người này] là “*biệt dị thiện căn*” (thiện căn khác lạ). Đức Phật vì muốn thành tựu tiểu đạo cho họ, bèn vì họ nói pháp Cộng Bát Nhã, khiến cho họ đoạn kết phược, đắc quả. Những người ấy thoái thất Đại Thừa chưa lâu, tu tập Tiểu pháp trong thời gian gần đây, theo đúng lẽ sẽ dễ ngộ, giống như “*thoái Đại Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

- Ba là vì hai hạng người ấy, chừa Phật, Bồ Tát trong ngăm tu đạo Bồ Tát, ngoài hiện tướng Thanh Văn, hòng thành tựu, dần dặt, tiếp dẫn, khiến cho họ nhập đại đạo, giống như hạng “*ứng hóa Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

¹⁴⁹ Pháp Hoa Luận là tên gọi tắt của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luận Ưu Bà Đề Xá (Saddharma-pundarika-upadeśa) do ngài Thế Thân (Vasubandhu) soạn. Tác phẩm này được ngài Bồ Đề Lưu Chi, Đàm Lâm v.v... hợp dịch sang tiếng Hán vào thời Hậu Ngụy. Nhóm các ngài Lạc Na Mặc Đề, Tăng Lãng v.v... cũng dịch một bản khác dưới thời Nguyên Ngụy, nhưng thiếu phần kệ tụng quy kính. Đây là một tác phẩm trọng yếu để nghiên cứu kinh Pháp Hoa ngoài các bản chú giải của tổ Trí Giả đại sư. Trong Hán tạng, bản luận này có hai bản chú giải: Một là Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Cát Tạng viết trong đời Tùy; hai là sách Pháp Hoa Luận Thuật Ký do hai vị Nghĩa Tịch và Nghĩa Nhất hợp soạn trong đời Đường.

- Bốn là những người do thấy hai loại Thanh Văn Quyền Thật có thể thoát khỏi sanh tử; do vậy, bèn ưa thích Niết Bàn, tu Giới, Định, Huệ, đã hơi có quán huệ, chưa nhập địa vị Tương Tự, vừa có chút sở đắc mà đã nói là “*chứng quả*”. Đó gọi là “*chưa đắc mà nói là đã đắc, chưa chứng mà nói là đã chứng*”, giống như hạng “*thượng mạn Thanh Văn*” trong Pháp Hoa Luận.

- Năm là hàng Đại Thừa Thanh Văn, tức là dùng âm thanh của Phật đạo khiến cho hết thảy đều được nghe.

Nếu xét theo hai loại “*quyết định*” và “*thoái Đại*” thì là “*có Thanh Văn*”. Nếu xét theo Đại Thừa, theo đúng lý sẽ chẳng “*hồi đoạn*”¹⁵⁰, chẳng trụ trong hóa thành, rút cuộc về chỗ có của báu (bảo sở). Thật đã là như vậy, sẽ chẳng có Quyền, cho nên chẳng có Thanh Văn. Nếu là kẻ tăng thượng mạn, do chẳng dựa vào địa vị, cho nên chẳng gọi là Thật. Lại chẳng phải là ứng hóa; vì thế, chẳng gọi là Quyền. Nếu hiểu ý này, có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn] hay không đều rành rành, cần gì phải khổ sở tranh luận?

Lại nữa, chỉ xét theo Phật đạo Thanh Văn để luận định có hay không một lần nữa. Nếu là bậc quyền biến ứng hóa, ngoài hiện hình tích Tiểu Thừa, trong ẩn đại đức, sẽ nói là “*không có Đại Thừa Thanh Văn*”. Nếu xét theo tự hành, chỉ bày Tích nhằm hiển lộ Bốn, bèn nói là “*có Đại Thừa Thanh Văn*”. Nay [kinh Pháp Hoa] khai Quyền hiển Thật chính vì dẫn dắt hai loại Thanh Văn “*quyết định*” và “*thoái Đại*”, khiến cho họ trở thành Đại Thừa Thanh Văn. Tự hạnh đã lập, sẽ có thể làm Thanh Văn ứng hóa. Nếu hiểu ý này, sẽ thông đạt chuyện có [người thật sự hành hạnh Thanh Văn] hay không!

2.2.2.1.3. Nêu bày Hoặc (phiền não) có dày hay mỏng

Xét theo Vô Minh Biệt Hoặc và căn tánh Đại Thừa để nói, tức là bốn câu: “*Một, Hoặc nhẹ, căn nhạy bén; hai là Hoặc nặng, căn nhạy bén; ba là Hoặc nhẹ, căn chậm lụt; bốn là Hoặc nặng, căn chậm lụt*”. Nếu Biệt Hoặc nhẹ, đại căn (căn tánh Đại Thừa) nhạy bén, vừa nghe liền ngộ. Nếu Hoặc nặng, căn tánh nhạy bén, nghe hai lần mới ngộ. Nếu Hoặc nhẹ, căn chậm lụt, ba lượt nghe mới ngộ. Nếu Hoặc nặng nề, căn

¹⁵⁰ Hồi đoạn (灰斷) là thuật ngữ chỉ bậc Tiểu Thừa La Hán sau khi nhập diệt định hoặc trà-tỳ, sắc thân diệt mất như tro tàn, hoặc còn nói là “*hôi thân diệt trí*” (thân như tro tàn, trí diệt mất).

tánh chậm lụt, dầu nghe đôi ba lượt, vẫn chẳng thể ngộ, chỉ là Kết Duyên Chúng mà thôi! Hoặc có thể nói bậc lợi căn trong trường hợp câu thứ nhất và thứ hai, đều cùng là thượng căn. Người thuộc câu thứ ba là trung căn, người thuộc câu thứ tư là hạ căn. Hoặc có thể nói câu đầu là thượng căn, câu thứ hai và thứ ba gộp chung thành trung căn, câu thứ tư là hạ căn.

Lại nữa, xét theo sơ phẩm vô minh thì có ba tầng, có thể che lấp Trung Đạo của bậc Sơ Trụ. Thoạt tiên, [đức Phật] thực hiện Pháp Thuyết Châu, bậc thượng căn nghe xong, ba tầng vô minh cùng lúc đều hết, mở mang tri kiến của Phật, dự vào địa vị Bồ Tát, được thọ ký Bồ Đề. Trung căn chỉ đoạn hai tầng, hạ căn chỉ đoạn một tầng. Kế đó là Thí Thuyết Châu, trung căn đoạn hết tầng thứ ba, mở mang tri kiến của Phật, được thọ ký Bồ Đề. Hạ căn tiến lên, đoạn được tầng thứ hai. Sau đó, khi [đức Phật] thực hiện Nhân Duyên Thuyết Châu, hạ căn đoạn hết ba tầng [vô minh], được thọ ký Bồ Đề.

2.2.2.1.4. Luận định căn chuyển hay chẳng chuyển

Cổ nhân nói: “Thượng căn vừa nghe Pháp Thuyết Châu liền ngộ, mà trung căn chuyển thành giống như thượng căn, hạ căn chuyển thành giống như trung căn. Tới lúc Thí Thuyết Châu, trung căn do trước đó đã trở thành thượng căn, sẽ liền có thể đắc ngộ. Hạ căn do trước đó đã trở thành trung căn, nay sẽ chuyển thành giống như thượng căn. Tới thời Nhân Duyên Thuyết, hạ căn do trước đó đã thành thượng căn, cho nên đắc ngộ”. Nay nói: “Nếu là như vậy thì người đã ngộ đều là thượng căn, sao còn gọi là tam căn? Nếu đều là thượng căn, cần gì phải gọi là lợi hay độn?” Phàm là chúng sanh tâm thần bất định, gặp ác duyên sẽ chuyển lợi căn thành độn căn. Gặp thiện duyên, sẽ chuyển độn căn thành lợi căn. Đòi trước, gặp Phật, nghe pháp, có người tự chuyển hạ căn và trung căn thành thượng căn, đều là đắc ngộ nơi Pháp Thuyết Châu. Có người tự chuyển hạ căn thành trung căn thì đều là đắc ngộ nơi Thí Thuyết Châu. Có người đòi trước chưa chuyển, cần phải đợi đến châu thứ ba (Nhân Duyên Thuyết) mới ngộ. Chuyển căn như thế khác với các cách giải thích trước kia (cách giải thích trước thời Trí Giả đại sư). Ví như ba thanh đao chặt gỗ, đao bén vừa chém sẽ đứt ngay. Đao loại vừa thì phải chém hai lần mới đứt. Đao cùn phải chém ba lượt mới đứt. Cái tên “lợi” hay “độn” đều chẳng mất, nhưng gỗ bị chặt đứt giống nhau. Đao ví như Căn, gỗ ví như Hoặc, người cầm đao ví như cơ (căn cơ). Người dạy chặt

ví như Phật. Người tiếp nhận lời dạy ví như nghe pháp. Vận dụng đao ví như sử dụng Quán. Gõ đứt ví như chứng nhập. “*Tùng mài*” là ví như đời trước đã chuyển căn. Do gặp dịp mài giữa khác nhau, cho nên có lợi hay độn. Trong ấy, nghe pháp đắc ngộ tự hồ thuộc Tín Hạnh, không phải là chẳng kiêm Pháp Hạnh. Do đời trước tin pháp mà xoay chuyển, giúp đỡ lẫn nhau khác biệt, nhưng trong một hội, lẽ ra chẳng có sáu mươi bốn phen¹⁵¹.

Hỏi: - Tam căn đã dự vào địa vị Sơ Trụ, vẫn còn có lợi căn hay độn căn ư?

Đáp: - Chân tu thì Thể hiển lộ, sẽ không có hơn kém.

Hỏi: - Nếu là như thế, từ Sơ Trụ trở lên, khởi duyên tu, có hơn kém hay chẳng?

Đáp: - Những người cùng một địa vị ấy, sẽ chẳng có hơn, kém, chân tu thì Thể dung thông, há có khác biệt?

2.2.2.1.5. Nói rõ căn có ngộ và chẳng ngộ

Trong kinh, phần nhiều nói Bồ Tát là thượng căn, Duyên Giác là trung căn. Thanh Văn là hạ căn. Nếu như vậy, [sẽ có người lập luận] “*Bồ Tát đều phải nên đắc ngộ ngay trong châu đầu tiên (Pháp Thuyết Châu)*”. Chưa chắc đã là nghĩa như thế! Bắt đầu từ tam châu, cho đến Lưu Thông, Thọ Lượng, có các vị Bồ Tát lần lượt ngộ Vô Sanh Nhẫn ở mỗi lúc, sao có thể nói [Bồ Tát đắc ngộ] hạn cuộc trong Pháp Thuyết Châu? Duyên Giác cũng chẳng hạn cuộc trong Thí Thuyết Châu, [suy ra] cũng có thể biết.

Hỏi: - Bồ Tát đắc ngộ từ đầu đến cuối đều có, [vậy thì] Nhị Thừa đắc ngộ cũng phải nên thuộc vào lúc sau?

Đáp: - Tam châu đã xác định cha con có mối thiên tánh [liên quan] xong, [người đắc ngộ trong bất cứ châu nào] cũng đều gọi là Bồ Tát. Dẫu ngộ sau này, vẫn cùng gọi là “*Bồ Tát đắc ngộ*”.

2.2.2.1.6. Luận về có lãnh giải hay không lãnh giải

Nếu tam thừa cùng ngộ, sao lại chỉ thấy [kinh chép] Thanh Văn lãnh giải (tiếp nhận, thấu hiểu), còn hai loại kia (Duyên Giác và Bồ Tát)

¹⁵¹ “*Sáu mươi bốn phen*” là nói đến cách phán định quán hạnh trong bộ Ma Ha Chỉ Quán. Theo Ma Ha Chỉ Quán quyển một: Trong bốn phép An Tâm, viên đốn Chỉ Quán xét theo hạnh bền lập ra sáu mươi bốn phen [thực hành Chỉ Quán viên đốn].

thì không? Nay nói rõ: Lúc không có Phật xuất thế [mà giải ngộ], thì gọi là Độc Giác. Nghe Phật nói pháp nhân duyên bèn đắc ngộ, thì gọi Duyên Giác, như Đại Ca Diếp, Xá Lợi Phất v.v... đều là căn tánh Trung Thừa, nhưng do đã dự vào hàng Thanh Văn, bèn đắc ngộ, lãnh giải chẳng khác. Bồ Tát chẳng lãnh giải là vì trong giáo pháp Thanh Văn, chẳng nói đến chuyện thành Phật. Nay kinh này mở ra con đường trở về Đại Thừa [khẳng định “mọi chúng sanh đều sẽ thành Phật”, bậc Thanh Văn] tự sợ hiểu sai lầm, bèn đối trước đức Phật trần thuật kiến giải. Bồ Tát chẳng vậy, cho nên chẳng lãnh giải!

Ý này lại có ba:

- Một là Bồ Tát vốn sẵn có ý nguyện cầu thành Phật. Dầu có chấp trước sai khác, nhưng do chấp trước nhẹ nhàng, rốt cuộc sẽ quy về Phật đạo, chẳng hề phải lo lắng! Nay nghe nói tam châu, chỉ [dựa theo đó để] điều chỉnh Quán Huệ cho đúng, cho nên chẳng cần phải [nêu bày sự] lãnh giải.

- Hai là Bồ Tát ngộ to lớn, kinh văn chỗ nào cũng nói điều đó. Nhị Thừa thành Phật thì bắt đầu từ giáo pháp này mới lưu truyền. Vì thế, lược đi chuyện Bồ Tát lãnh giải. Trong bản Phạn văn [của kinh Pháp Hoa] có thể có [ghi chép chuyện này], nhưng bản chữ Hán lược đi, chẳng viết.

- Ba là do địa vị và hạnh của Bồ Tát sâu tuyệt, các vị tân tiểu Bồ Tát chẳng dám [nêu bày sự] lãnh giải. Khi [đức Phật] nói phẩm Thọ Lượng xong, các vị Bồ Tát như ngài Di Lặc đều lãnh giải. Kể từ những vị đắc Vô Sanh Nhẫn cho đến cuối cùng là những vị Nhất Sanh Bồ Xứ đều lãnh giải trọn vẹn, chẳng cầu chi nữa.

2.2.2.1.7. Nói về chuyện được thọ ký hay không

Nếu đều cùng lãnh giải, vì sao Thanh Văn được thọ ký, chẳng thấy Duyên Giác và Bồ Tát được thọ ký? Chuyện này cũng có ba ý:

- Một, trước đó đã nói rõ hàng Nhị Thừa nhập chánh vị, chẳng thể phát tâm, sẽ do đâu mà được thọ ký? Nay đã ngộ Đại pháp, vui thích được thọ ký, cho nên [đức Phật] bèn vì họ thọ ký kiếp số, quốc độ [khi họ thành Phật trong tương lai]. Bồ Tát phát tâm cầu thành Phật, hạnh mãi sẽ tự thành Phật; vì thế, chẳng mong cầu gấp [được thọ ký]; Phật cũng chẳng vội thọ ký. Hơn nữa, trong các giáo trước kia (Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã), chỗ nào cũng đều thọ ký Bồ Tát. Đây là điều được luôn nói, còn nay [trong kinh này] chỉ chú trọng truyền dịch

[chuyện Thanh Văn được thọ ký, hòng khơi gợi tín tâm “ai cũng đều có thể thành Phật”].

- Hai, Bồ Tát cũng được thọ ký. Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa), long nữ, há chẳng phải là được thọ ký đây ư? Hơn nữa, phẩm Pháp Sư có nói: “*Cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Phật đạo giả, như thị đẳng loại, hàm ư Phật tiền văn Pháp Hoa kinh, ngã giai dữ thọ Tam Bồ Đề ký*” (Người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Phật đạo, những hạng người như thế, đều ở trước đức Phật nghe kinh Pháp Hoa, ta đều thọ ký Chánh Giác cho họ). Đây chẳng phải là đều thọ ký ư?

- Ba, Nhị Thừa trước nay chưa từng được thọ ký tám tướng [thành đạo]. Vì thế, nay thọ ký kiếp số và quốc độ [cho hàng Thanh Văn]. Bồ Tát trước kia đã từng được thọ ký. Vì thế, chẳng cần nói lại nữa! Thọ ký về cái quả nông cạn, gần gũi thì bậc Sơ Trụ đã đạt được. Điều hàng Bồ Tát vui thích chính là được thọ ký quả Diệu Giác viên mãn cùng tốt, lâu xa. Vì thế, trong phẩm Thọ Lượng, kể từ mới phát tâm cho đến khi đã đạt được Nhất Sanh Bồ Xứ, cái nhân màu nhiệm đã viên mãn, cực quả sẽ nhanh chóng viên thành. Đây chính là thọ ký cho Pháp Thân, sao lại nói là chẳng thọ ký?

Hỏi: - Nếu Tiểu Thừa đã ngộ đại đạo, lẽ ra phải nên cùng được thọ ký Pháp Thân? Sao lại thọ ký “*tám tướng thành đạo*” cho họ?

Đáp: - Tám tướng là ứng ký (thọ ký cho Ứng Thân). Đã được ứng ký, sẽ biết [Ứng Thân] ắt có Bản (Pháp Thân). Muốn khiến cho chúng sanh nghe biết, cùng đến kết duyên; cho nên trao truyền ứng ký đó thôi! Lại nữa, nếu Nhị Thừa nghe thọ lượng, sẽ cùng tăng đạo, tồn sanh¹⁵², được thọ ký Pháp Thân.

2.2.2.1.8. Luận về ngộ cạn hay sâu

Một mực cùng phá vô minh, dự vào địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo, suy tìm tỉ mỉ thì ắt có sáng hay tối (ngộ nhiều hay ít). Trước hết, nghe Pháp Thuyết. Người đã nhập Phật huệ, sẽ nghe Thí Thuyết, há chẳng càng sáng suốt hơn (ngộ sâu hơn)? Lại nghe Nhân Duyên, ắt đương nhiên sẽ tăng tấn. Lại nghe Thọ Lượng, càng thêm cao sâu! Như người nghe pháp, nghe giảng lại lần nữa, chắc chắn [sẽ lãnh ngộ] hơn hẳn lần

¹⁵² Đây là thuật ngữ trong tông Thiên Thai, hàm nghĩa “dần dần tăng trưởng trí huệ, dần dần giảm thiểu sanh tử phiền Hoặc”.

trước. Như lạnh mà được áo, áo đơn hay áo kép, do chia thành dày hay mỏng [mà cảm thấy mức độ ấm áp khác nhau].

2.2.2.1.9. Lợi ích có Quyền và Thật

Có người cho rằng: “Do Thật hành mà đạt được lợi ích, còn Quyền hành chính là để ảnh hưởng, tiếp dẫn, [cho nên] chẳng luận định lợi ích [của Quyền hành]”. Nay tôi nói rõ chẳng phải vậy. Nếu đến phẩm Thọ Lượng, [sẽ thấy rõ] Quyền hay Thật đều đạt được lợi ích, tăng đạo càng cao, tổn sanh càng hết, gần với địa vị cùng tột trong Viên Giáo, chỉ còn một đời (Nhất Sanh Bồ Xứ), há chẳng phải là lợi ích của Quyền ư? Do vậy, [bậc Quyền hành Thanh Văn] thoát đầu làm Ảnh Hưởng, cùng Thật hành viên mãn, sau đó nói đến cực quả, tức là đạo của chính mình được tỏa sáng. Kinh văn nói: “*Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc*” (Chi ra, nhập vào, lợi tức trọn khắp các nước khác). Lợi tức ở nơi mình, tức là chính mình được lợi ích. Thật hành đạt được lợi ích, do Quyền dẫn khởi [người khác cùng Thật hành], công giáo hóa quy về chính mình; [vì thế đầu là] Quyền [hành], cũng đạt được lợi ích. Do vậy, đức Phật dùng một âm thanh diễn nói pháp, chúng sanh tùy từng loại đều được hiểu, cần gì cứ phải chờ đến phẩm Thọ Lượng mới biết Quyền hành cũng đạt được lợi ích ư? Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thưa: “*Ngã đẳng tự diệc dục đắc thử chân tịnh đại pháp*” (Chúng con cũng muốn đạt được đại pháp thật sự thanh tịnh này), tức là tự đạt được lợi ích vậy.

2.2.2.1.10. Luận về đợi thời hay không đợi thời

Kể trước đó chẳng ngộ, ắt đợi đến thời Pháp Hoa mới ngộ, thì gọi là “*đãi thời*” (đợi thời). Do các giáo trước mà đã ngộ thì gọi là “*bất đãi thời*” (chẳng đợi thời). Vì sao vậy? Phật có hiển thuyết và mật thuyết. Nếu xét theo hiển thuyết, trước thời Pháp Hoa, hàng Nhị Thừa chưa ngộ đại đạo, cần phải dùng ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) để điều phục thuần thực, ngũ hầu trong hội Pháp Hoa, họ sẽ thấu hiểu. Vì thế nói: “*Sở dĩ vị tăng thuyết, thuyết thời vị chí cố. Kim chánh thị kỳ thời, quyết định thuyết Đại Thừa*” (Sở dĩ chưa từng nói là vì chưa đến đúng lúc để nói. Nay chính là đúng lúc, quyết định nói Đại Thừa). Đây chính là “*đợi thời*”. Nếu xét theo mật thuyết, chưa chắc phải đợi đủ ngũ vị để đến hội Pháp Hoa mới hiểu. Trước đó, đã có người ngầm nhập, bèn gọi là “*chẳng đợi thời*”. Ở đây, chính là phán định “*đúng thời*” và “*chẳng*

phải thời”. Nếu xét theo tam châu, cũng là “đợi thời” và “chẳng đợi thời”. Hai môn Tích và Bồn cũng là “đợi thời” và “chẳng đợi thời”, cho nên có kẻ ngộ nhập trước hay sau. Trong tam châu, “*tự luận mật*” là như trong thời Pháp Thuyết, [có những vị] do ngằm nghe chuyện cỗ xe lớn và chuyện Đại Thông Trí Thắng Phật bèn được ngộ nhập. Đó chính là “chẳng đợi thời”. Đối với chuyện ngằm nghe trong châu thứ hai (Thí Thuyết Châu) [mà được ngộ nhập], cứ dựa theo đó cũng có thể biết.

Hỏi: - Nếu trong tam châu và Bồn đều có mật thuyết, sao trong sách Huyền Nghĩa lại nói “*Pháp Hoa chỉ là hiển thuyết?*”

Đáp: - Nói là hiển hay mật là do trước kia Thiên và Viên chẳng biết lẫn nhau, nay đến kinh này, cùng nhập một lý Viên như nhau, tuy mật mà hiển, do thuận nhất một vị. Nhưng trong hội Pháp Hoa này, có “đợi” và “chẳng đợi”, nhưng biết hàng Nhị Thừa được thọ ký rành rành, hiển lộ phân minh nói thọ mạng dài lâu, trong pháp tòa này (những người cùng dự hội Pháp Hoa), không ai chẳng nghe biết. Vì thế gọi là Hiển.

Hỏi: - Có một loại căn tánh, trong bốn thời trước đã chẳng có mật ích (ngằm đạt được lợi ích), chẳng tới thời Pháp Hoa, sẽ càng không thể hiển lộ được. Do chẳng thuộc vào hai thời, đáng lẽ phải là “*thất thời*” (không đúng thời), vĩnh viễn chẳng đắc ngộ chớ?

Đáp: - Các kinh khác có thể nói đây là “*thất thời*”, kinh này (kinh Pháp Hoa) chẳng phải vậy! Trong hai thời hiển và mật, người ấy đều chẳng ngộ, sanh ý tưởng diệt độ, nhập Niết Bàn, nhưng trong cõi nước của người ấy, hề được nghe kinh này, thì chẳng phải là thất thời, mà chính là “*đợi thời*” trong cõi ấy.

Hỏi: - Năm ngàn người đứng lên rời đi, thì phải là “*thất thời*” chứ?

Đáp: - Bọn họ sau khi Như Lai diệt độ, sẽ đạt được lợi ích từ chỗ người hoằng kinh, cho nên cũng là “*đợi thời*”.

Liệu giảng mười nghìn nơi tam châu đã xong.

2.2.2.2. Pháp Thuyết Châu

2.2.2.2.1. Chánh pháp thuyết

2.2.2.2.1.1. Trường Hàng

2.2.2.2.1.1.1. Hứa khả

2.2.2.2.1.1.1.1. Thuận hứa

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn cáo Xá Lợi Phất: - Nhữ dĩ ân cần tam thỉnh, khởi đắc bất thuyết?

(經)爾時，世尊告舍利弗：「汝已殷懃三請，豈得不說？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Xá Lợi Phất: - Ông đã ân cần thỉnh cầu ba lượt, lẽ đâu chẳng nói!)

“Nhữ dĩ ân cần” (Ông đã ân cần) là thuận, “khởi đắc bất thuyết” (lẽ đâu chẳng nói) là “hứa” (許, chấp thuận).

2.2.2.2.1.1.2. Giới hứa (hứa khả bằng cách căn dặn)

(Kinh) Nhữ kim đế thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết.

(經)汝今諦聽，善思念之，吾當為汝分別解說。

(Kinh: Ông nay lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói).

Hai câu trước là răn nhắc, câu sau cùng là hứa khả. “Đế thính” (Lắng nghe, chân thật nghe) là Văn Huệ. “Thiện tư” (Khéo suy nghĩ) là Tư Huệ. “Niệm chi” (Nghĩ ngợi) là Tu Huệ. Đại kinh nói: “Nhất giả, thân cận thiện hữu. Nhị giả, thính văn chánh pháp. Tam giả, tư duy kỳ nghĩa. Tứ giả, như thuyết tu hành. Duy thử tứ pháp, thị Niết Bàn nhân. Nhược ngôn khổ hạnh thị Niết Bàn nhân, vô hữu thị xứ!” (Một là thân cận bạn lành, hai là lắng nghe chánh pháp, ba là tư duy nghĩa lý, bốn là tu hành đúng như lời dạy. Chỉ có bốn pháp ấy là cái nhân của Niết Bàn. Nếu nói “khổ hạnh là cái nhân của Niết Bàn”, chẳng có lẽ ấy). “Thiện tri thức” trong câu thứ nhất nói đến Như Lai. Ba câu sau chính là Tam Huệ (Văn, Tư, Tu). Vì thế, đức Phật răn nhắc; đây là nhân duyên gần của Niết Bàn vậy.

2.2.2.2.1.1.3. Giãn hứa (hứa khả sau khi loại trừ)

(Kinh) Thuyết thử ngữ thời, hội trung hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni,

ưu-bà-tắc, ưu bà-di ngũ thiên nhân đẳng, tức tùng tòa khởi, lễ Phật nhi thoái. Sở dĩ giả hà? Thử bôi tội căn thâm trọng, cấp tăng thượng mạn, vị đắc vị đắc, vị chứng vị chứng, hữu như thử thất, thị dĩ bất trụ. Thế Tôn mặc nhiên, nhi bất chế chỉ. Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngã kim thử chúng, vô phục chi diệp, thuần hữu trình thật. Xá Lợi Phất! Như thị tăng thượng mạn nhân thoái diệp giai hỹ. Nhữ kim thiện thính, đương vị nhữ thuyết.

(經)說此語時，會中有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷五千人等，即從座起，禮佛而退。所以者何？此輩罪根深重，及增上慢，未得謂得，未證謂證，有如此失，是以不住。世尊默然，而不制止。爾時，佛告舍利弗：「我今此眾，無復枝葉，純有貞實。舍利弗！如是增上慢人退亦佳矣。汝今善聽，當為汝說」。

(Kinh: Khi nói lời ấy, trong hội có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu bà-di năm ngàn người liền từ chỗ ngồi đứng lên, lễ Phật lui ra. Vì có sao vậy? Bọn họ tội căn sâu nặng, và tăng thượng mạn, chưa đắc nói là đã đắc, chưa chứng nói là đã chứng. Phạm lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại. Đức Thế Tôn im lặng, chẳng ngăn trở. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Nay đại chúng này của ta chẳng còn cành, lá, thuần là hạt chắc. Nay Xá Lợi Phất! Những kẻ tăng thượng mạn như thế rút lui cũng tốt. Ông nay khéo nghe, ta sẽ vì ông nói).

Từ đầu cho đến “thoái diệp giai hỹ” (rút lui cũng tốt) là chọn lựa. “Nhữ kim thiện thính” (Ông nay hãy khéo nghe) là hứa khả. Do có năm ngàn người ấy đang hiện diện, đức Phật ba lượt ngăn trở [ngài Xá Lợi Phất thưa hỏi]. Nay sắp hứa nói, oai thần xua họ đi. Vì thế gọi là “giản chúng” (揀眾, chọn lọc đại chúng).

Ngũ Trược chương nhiều là “tội trọng”. Chấp Tiêu, mịt mờ Đại thì là “căn thâm”. Chưa đắc tam quả, nói là đã đắc tam quả, chưa chứng Vô Học mà nói là đã chứng Vô Học, như ngộ nhận Tứ Thiên là Tứ Quả v.v... thì gọi là “tăng thượng mạn”. Những kẻ mắc khuyết điểm như thế gọi là “chướng chấp mạn tam thất” (mắc ba khuyết điểm: Chướng ngại, chấp trước và ngạo mạn).

“*Mặc bất chế chỉ*” (Im lặng, chẳng ngăn cản): Trước đó, [những kẻ tăng thượng mạn ấy] đã nghe “*khai tam, hiển nhất*” đại lược, do ngôn từ đơn giản, nghĩa lý ẩn tàng, họ còn chưa sanh tâm phi báng. Đúng là nhân duyên “*viên châu buộc trong áo*”, họ rời đi còn có ích. Nếu nghe “*khai tam, hiển nhất*” cặn kẽ, do tình kiến so đo, sẽ dấy lòng phi báng, ở lại sẽ bị tổn hại. Vì thế, chẳng ngăn cản họ!

“*Vô phục chi diệp*” (Chẳng còn cành, lá): Cành lá nhỏ nhặt, chẳng kham làm khí cụ được. Bọn họ chấp vào phương tiện trong phương tiện (Tứ Quả của Tiểu Thừa hãy còn là phương tiện, [thế mà] họ lại hư vọng chấp Noãn, Đảnh là pháp tột bậc), chẳng phải là căn khí Đại Thừa. Vì thế, kinh Đại Phẩm nói: “*Phan chi phụ diệp, khí vu căn bản. Thị nhân vi bất hiệt*” (Nắm níu cành lá, vứt bỏ cội gốc, người ấy chẳng thông sáng) tức là nói về nghĩa này vậy. “*Thoái diệp giai hỹ*” (Rút lui cũng tốt): Đã tự bị mờ lòa bởi Tiểu pháp, lại còn ngăn trở ánh sáng Đại pháp của kẻ khác! Nay họ rút lui, sẽ chẳng mắc tội khiên “báng pháp”, lại chẳng phạm lỗi chướng ngại người khác. Vì thế nói là “*giai hỹ*” (tốt lắm). Do cành lá chưa rời đi, cho nên Như Lai ba lượt ngăn trở. [Do những người căn cơ] “*chắc thật*” muốn nghe, cho nên Thân Tử (Xá Lợi Phất) bốn lượt thỉnh. [Đó là vì] thầy trò soi xét căn cơ [của thính chúng], chẳng phải là chân chừ sông!

Hỏi: - Đức Phật đại từ bi, sao không dùng thần lực khiến cho họ ở lại, nhưng chẳng nghe, giống như hàng Nhị Thừa trong hội Hoa Nghiêm như điếc, như câm, sao chẳng cưỡng ép họ nghe Đại pháp, như Hỷ Căn đối với Thắng Ý¹⁵³?

¹⁵³ Theo kinh Chư Hành Vô Hành, quyển hạ (được trích dẫn trong Đại Trí Độ Luận), Văn Thù Bồ Tát bạch cùng đức Phật: - Xưa kia, vào thời Sư Tử Âm Vương Phật, có hai vị Bồ Tát tỳ-kheo, một tên là Hỷ Căn, dung nghi chất phác, thẳng thắn, chẳng xa pháp thế gian, lại chẳng phân biệt thiện ác, chẳng tán thán thiểu dục tri túc, chẳng tán thán giới hạnh Đầu Đà, chỉ nói Thật Tướng của các pháp, dạy các đệ tử: “*Hết thấy các pháp dâm dục tướng, sân khuể tướng, ngu si tướng, các pháp tướng ấy chính là Thật Tướng của các pháp, chẳng hề vướng mắc*”. Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử nhập Nhất Tướng Trí. Vị kia là Thắng Ý Bồ Tát, trì giới thanh tịnh, hành mười hai hạnh Đầu Đà, đắc Tứ Thiền, Tứ Vô Sắc Định, nhưng đệ tử của Thắng Ý thì độn căn, tham cầu, phân biệt chấp trước, tâm xáo động. Thắng Ý thường phi báng Hỷ Căn, bị đệ tử đắc Vô Sanh Pháp Nhãn của Hỷ Căn vắn nạn không trả lời được, sanh đại sân hận. Sau đó đọa địa ngục, rồi lại được làm người, trong bảy mươi bốn vạn đời thường bị phi báng, trong vô lượng kiếp chẳng nghe tên Phật. Sau đó, tội nghiệp tiêu dần, xuất gia tu hành, không thể trì tịnh giới toàn vẹn, các căn ám độn, còn Hỷ Căn

Đáp: - Mỗi đảng đều có duyên do. Cuối hội Hoa Nghiêm đã thật sự mở ra Tiệm pháp, chưa phá chấp trước Tiểu Thừa. Vì thế, [Nhị Thừa tuy] hiện diện trong pháp tòa, nhưng bị ngăn cách. Nay đang muốn diệt hóa thành, phá am tranh¹⁵⁴, cần phải chọn lựa, xua đuổi. Nếu họ dù đi hay ở đều báng bỏ, thì sẽ như Hỷ Căn cường nói [Đại pháp với Thắng Ý]. Nay họ rời đi sẽ có ích, bỗng dừng bảo họ ở lại, ở lại thì họ sẽ bị tổn hoại. Nếu bỗng dừng chẳng xua đuổi, [sẽ giống như] Hỷ Căn chỉ khiến cho kẻ đó đạt được lợi ích trong đời lâu xa, do lòng Từ nên cường nói, gieo cái nhân yên vui cho họ, [chứ họ hoàn toàn chẳng đạt được lợi ích trong hiện tại, lại còn tạo cái nhân gây khổ do báng bỏ trong hiện tiền]. Như Lai hộ trì, khiến cho kẻ đó chẳng báng bỏ, do lòng bi mà xua đuổi, hòng dẹp trừ nỗi khổ trong tương lai cho họ.

Hỏi: - Năm ngàn người ngồi đó chẳng đạt được lợi ích, bỏ đi thì đạt được lợi ích gì?

Đáp: - Họ chẳng phải là đương cơ, mà là hạng kết duyên. Xưa kia, vào thời Đại Thông Trí Thắng Phật, cũng có vô lượng chúng sanh tâm sanh nghi hoặc, đời đời sanh cùng một chỗ với thầy, nay đều được đắc độ, cho đến sau khi Như Lai diệt độ, vẫn chưa độ hết. Hãy nên biết năm ngàn người ấy cũng giống như thế. Lại nữa, khi nói đại kinh, có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh ấy chẳng sanh tín tâm. Những người ấy trong vị lai cũng sẽ tin tưởng. Phỏng theo đó [mà suy, sẽ biết] lợi ích là lâu hay mau!

Phản thứ nhất là hứa khả đã xong.

2.2.2.2.1.1.2. Tiếp nhận ý chỉ

(Kinh) Xá Lợi Phất ngôn: - Dục nhiên Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn.

(經)舍利弗言：「唯然世尊！願樂欲聞」。

thì thành Phật trong cõi Bảo Nghiêm, hiệu là Quang Du Nhật Minh Vương. Thắng Ý chính là tiền thân của ngài Văn Thù Sư Lợi.

¹⁵⁴ “Phá am tranh”: “Am tranh” là nói đến chuyện ẩn cư tu hành, chú trọng liễu thoát cho riêng mình. Nghĩa thứ hai là nói đến thí dụ đứa con bỏ cha trốn đi trong phẩm Tín Giải. Do không biết chính mình là con ông trưởng giả, nên đứa con coi mình là khách, tuy quản lý chuyện chi thu cho cha, biết các tài sản trân quý, vẫn không mơ tưởng, chỉ an phận sống trong lều tranh, ví như hàng Thanh Văn tuy được nghe các pháp Bồ Tát mà chẳng màng, vẫn chấp vào Thiên Chân Niết Bàn.

(**Kinh:** Xá Lợi Phất nói: - Bạch vâng đức Thế Tôn! Con vui thích mong được nghe).

Trước đó đã có ba lượt thỉnh, phần này cũng chính là thỉnh lần thứ tư.

2.2.2.2.1.1.3. Chánh thuyết

Chánh Thuyết được chia thành hai phần: Một là nói về bốn loại Phật, nói rộng về Quyền Thật của chư Phật. Hai là nói về Phật Thích Ca, [tức là] nói cặn kẽ về Quyền Thật của Phật Thích Ca. Trong phần trên, nói khá ít tức là “*văn lược*” (kinh văn nói đại lược). Nói chung về chư Phật tức là “*nhân lược*” (nói đại lược về người). Chỉ khai tam hiền nhất là “*nghĩa lược*”. Trong phần này, có nhiều câu kinh văn tức là “*văn quảng*” (kinh văn nói rộng, nói chi tiết, nói cặn kẽ). Nói ra năm loại Phật tức là “*nhân quảng*”. Sáu phen nói rõ tức là “*nghĩa quảng*”.

“*Sáu phen*” chính là:

- Một, tán thán pháp hiếm có.
- Hai, nói chẳng hư vọng.
- Ba, mở ra phương tiện.
- Bốn, chỉ bày chân thật.
- Năm, nêu lên Ngũ Trược để giải thích Quyền.
- Sáu, loại trừ hư ngụy để củng cố niềm tin.

“*Tán thán pháp*” nhằm khiến cho [thính chúng] sanh lòng tôn trọng. “*Nói [pháp này] chẳng hư vọng*” hòng dứt phỉ báng. “*Mở ra phương tiện*” khiến cho họ đừng chấp Tiểu pháp. “*Chỉ bày chân thật*” khiến cho họ ngộ Đại Thừa. “*Nêu ra Ngũ Trược*” nhằm chỉ bày [vì sao chư Phật] ắt phải dạy tam thừa. “*Loại trừ hư ngụy*” thì ắt phải chân thật.

Trong chương nói về năm loại Phật, mỗi mỗi đều có đủ sáu nghĩa, trước sau tỏ lộ lẫn nhau. [Những chỗ dường như] chẳng đầy đủ [sáu nghĩa] là do Như Lai khéo nói, dẫu đại lược mà chẳng thiếu khuyết, đạt đến mục đích mà chẳng cần đến văn từ rườm rà. Lại nữa, sáu nghĩa trước sau cũng không đâu chẳng tồn tại (sanh khởi rành rành, đại thể tùy thời. Do sáu nghĩa ấy, cùng hợp thành sự khai hiển ý chỉ chánh yếu. Như [luận về] chư Phật trong ba đời chỉ có hai chương, há chẳng phải là cực sơ lược, nhưng [ý nghĩa] khai hiển chẳng khuyết! [Phần kinh văn] dạy hành nhân từ Quyền đạt đến Thật, lược đi bốn chương, khiến cho văn từ chẳng rườm rà. “*Nghệ*” là đạt tới. [Nói] “*tiền hậu bất tại*” (trước sau không đâu chẳng tồn tại) chính là đối với chỗ trọng yếu của cả sáu

chương, không gì chẳng được khai hiển như thế. [Nếu nghĩa nào trong sáu chương (tức sáu phần nói về sáu nghĩa trên đây)] trước sau chẳng có, tức là [các ý nghĩa không được nói rõ ấy] đã gộp trong bốn chương kia, nhưng [thật ra] nghĩa nào cũng trọn đủ sáu nghĩa, gộp chung thành một ý, chẳng cần phải [phân chia tách bạch] theo thứ tự).

2.2.2.2.1.1.3.1. Nói tới bốn loại Phật¹⁵⁵

2.2.2.2.1.1.3.1.1. Nói chung về chư Phật

Phần này chia thành bốn đoạn: Một là tán thán pháp hy hữu. Hai là nói chẳng hư vọng. Ba là mở ra phương tiện. Bốn là nêu bày chân thật, tức là thiếu hai nghĩa; hai nghĩa ấy sẽ được nêu ra trong phần sau.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1. Tán thán pháp hy hữu

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Như thị diệu pháp, chư Phật Như Lai thời nãi thuyết chi, như Ưu Đàm Bát hoa, thời nhất hiện nhĩ.

(經)佛告舍利弗：「如是妙法，諸佛如來時乃說之，如優曇鉢華，時一現耳。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Diệu pháp như thế, chư Phật Như Lai đến đúng thời mới nói, như hoa Ưu Đàm Bát đến đúng thời mới hiện ra một lần).

Ở đây, cùng tán thán pháp và thí dụ. Nếu chư Phật xuất thế trong đời Ngũ Trược, ắt trước hết phải mở ra tam thừa. Như nay đức Thế Tôn hơn bốn mươi năm mới hiển lộ chân thật, ẩn kín đã lâu. Vì thế nói “*thời nãi thuyết chi*” (đến đúng lúc mới nói). “*Đã lâu chẳng nói*” là vì con người chẳng kham nổi. Do chưa đến thời, cho nên chưa xua đuổi năm ngàn người. Nay đã có người kham nhận, đã đến thời, năm ngàn người đã rời đi, quyết định nói Đại Thừa, cho nên nói là “*thời nãi thuyết chi*”. Hoa Ưu Đàm (Udumbara), phương này dịch là Linh Thụy (靈瑞), ba ngàn năm mới xuất hiện. Lại nữa, hoa ấy xuất hiện, Kim Luân Vương xuất thế, biểu thị sau khi đã điều phục tam thừa thuận thực thì mới nói

¹⁵⁵ Tô dùng chữ “*bốn loại Phật*” ở đây nhằm nói đến bốn nghĩa được nêu ra trong phần Trường Hàng, tức là trước hết luận chung về chư Phật rồi lần lượt luận định Phật quá khứ, Phật vị lai, và Phật hiện tại.

diệu pháp, được đấng Pháp Vương thọ ký. Lại nữa, do đã vượt qua các tam-muội thuộc các vị lạc, sanh tô và thực tô, bèn nói đề hồ.

Giải thích theo quán tâm thì là Trung diệu quán, thông với hết thảy các pháp, đạt tới Thật Tướng thì gọi là Linh. Linh tức là “*linh thông*”. Do có phép Quán này, ắt được Phật thọ ký, bèn gọi là Thụy (tốt lành). Do có phép Quán này, mới đạt được Phật quả, nên gọi là Hoa.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2. Nói chẳng hư vọng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng đương tín Phật chi sở thuyết, ngôn bất hư vọng.

(經)舍利弗！汝等當信佛之所說，言不虛妄。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Các ông phải nên tin lời Phật dạy, Ngài chẳng nói hư vọng).*

Lý này sâu tốt bậc, khác với Quyền Lý trước kia. Lời này chí diệu, tương phản với Quyền ngôn (ngôn từ quyền biến) trước kia. Hạnh này phổ biến tốt bậc, đối lập với Quyền hạnh trước kia. Người này thù thắng tốt bậc, hơn hẳn sự hèn kém trước kia. Lại còn có nghĩa là khách tạo bốn thứ thô, đến nay đều diệu. Sợ chúng sanh sẽ ngờ vực, báng bỏ, cho nên trước hết khuyến tín, khiến cho [thính chúng] tin tưởng “*người chẳng hư vọng sẽ nói pháp chẳng hư vọng*”.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.3. Khai phương tiện

2.2.2.2.1.1.3.1.1.3.1. Khởi mở

(Kinh) Xá Lợi Phất! Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải.

(經)舍利弗！諸佛隨宜說法，意趣難解。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Chư Phật tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp, ý thú¹⁵⁶ khó hiểu).*

¹⁵⁶ “Ý thú” tức là “chỗ ý chí sẽ hướng đến”, hay nói cách khác: Ý thú chính là “ý hướng mà nội tâm muốn biểu thị”. Đức Phật thuyết pháp có bình đẳng, biệt thời, biệt nghĩa, và bỏ đặc già la ý thú.

1. Bình đẳng ý thú: Gột trừ hết thảy kiến giải phân biệt, đứng trên lập trường bình đẳng mà nói. Chẳng hạn như Phật Thích Ca chẳng phải là Tỳ Bà Thi Phật, nhưng

Thuận theo ba loại cơ nghi, khéo nói phương tiện, nhưng ý Phật ở nơi Thật, loài người chẳng thể hiểu!

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.3.2. Giải thích

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, diễn thuyết chư pháp.

(經)所以者何？我以無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，演說諸法。

(Kinh: Vì có sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để diễn nói các pháp).

Nêu ra quyền năng của vị Phật hiện tại nhằm giải thích phương tiện của chư Phật. Do xảo huệ (trí huệ thiện xảo) giống như nhau, cho nên mượn chuyện này để giải thích chuyện kia. Hãy nên biết chư Phật mở ra phương tiện quyền biến cũng giống như ta (Thích Ca Mâu Ni Phật) vậy.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.3.3. Tiểu kết

(Kinh) Thị pháp phi tư lượng, phân biệt chi sở năng giải, duy hữu chư Phật, nãi năng tri chi.

chân lý chứng ngộ của chư Phật là bình đẳng, bất nhị, cho nên Ngài có thể nói: “Ta là Tỳ Bà Thi Phật”.

2. Biệt thời ý thú: Giáo pháp do gột trừ tất cả chướng ngại, lười nhác mà nói ra. Chẳng hạn như đa phần lợi ích chúng sanh sẽ đạt được là biệt thời (tức là không thể thành tựu hay đạt được ngay lập tức mà cần phải có thời gian, hay sẽ thành tựu trong tương lai), chẳng hạn như trong phẩm này nói người vào tháp miếu hoặc chỉ cúi đầu, hoặc gơ một tay đã đều thành Phật.

3. Biệt nghĩa ý thú: Nhằm trừ khử chướng ngại do khinh mạn khi nghe pháp của thánh chúng, bèn dùng một ý nghĩa riêng biệt để thuyết minh. Chẳng hạn như nói do trong quá khứ đã từng cúng dường, thừa sự chư Phật, mà nay được liễu giải pháp Đại Thừa. Sự “liễu giải” ấy thật ra có nghĩa là “chứng ngộ”.

4. Bồ đặc già la ý thú (còn gọi là chúng sanh ý nhạo ý thú, hoặc chúng sanh lạc dục ý): Bồ đặc già la (Pudgala) nghĩa là “người”, tức nói đến chúng sanh. Do tùy thuận tánh cách, chí hướng của chúng sanh mà tuyên nói các giáo pháp thích ứng.

(經)是法非思量，分別之所能解，唯有諸佛，乃能知之。

(Kinh: Pháp này chẳng suy nghĩ, so lường, phân biệt mà có thể hiểu được, chỉ có chư Phật mới có thể biết).

Đây là tiêu kết chuyện mở ra phương tiện quyền biến có ý thú khó hiểu, bởi lẽ, người bầm thọ giáo không ai chẳng nói là tam thừa, chỉ có chư Phật mới có thể biết [ba thừa đều] là một mà thôi! Đoạn kinh văn này có hai tầng ý nghĩa:

- Nếu dạy chân thật thì như kinh văn trong phần sau nêu bày nhân và pháp thù thắng, pháp chẳng phân biệt, chỉ có Phật mới có thể biết.

- Phật do trí chẳng phân biệt mà hiểu biết pháp chẳng phân biệt. Vì thế, hiển thị Thật.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4. Chỉ bày chân thật

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4.1. Nêu lên ý nghĩa vì sao Phật xuất thế

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế.

(經)所以者何？諸佛世尊，唯以一大事因緣故，出現於世。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Lời giải thích đoạn này được chia làm hai phần: Một là nói tổng quát, hai là tách từng chữ ra để giảng giải.

Trước hết là nói tổng quát, nối tiếp ý của kinh văn trong đoạn trước: Vì sao là “*pháp chẳng thể suy nghĩ, so lường, phân biệt để hiểu được, chỉ có chư Phật mới có thể biết*”? Đó là vì chư Phật hiểu biết tướng Như Thật. Nương vào Thật đạo ấy để xuất ứng (xuất thế ứng hiện) trong thế gian, chỉ vì khiến cho chúng sanh đạt được Thật Tướng ấy, chẳng còn chuyện gì khác. Thật Tướng vô tướng, vi diệu bậc nhất. Vì thế, chẳng thể do suy nghĩ, so lường, phân biệt mà hòng hiểu được!

Kế đó, là phân tích từng chữ để giải thích. “*Một*” tức là một Thật Tướng, chẳng phải ba, chẳng phải năm, chẳng phải bảy, chẳng phải chín.

Vì thế nói là “một” (“ba” tức là tam thừa, “năm” là [tam thừa] cộng thêm nhân và thiên, “bảy” là [ngũ thừa] cộng thêm nhị thừa của Thông Giáo, “chín” là cộng thêm Bồ Tát trong Thông Giáo và Biệt Giáo). Tánh ấy rộng lớn, rộng lớn khắp ba, năm, bảy, chín v.v... Vì thế gọi là Đại. Do là nghi thức xuất thế của chư Phật, cho nên gọi là Sự. Chúng sanh có căn cơ ấy để cảm, cho nên gọi là Nhân. Như Lai thuận theo căn cơ ấy mà ứng, cho nên gọi là Duyên. Đó chính là bốn ý xuất thế, nhưng trước hết mở ra tam thừa để dẫn dắt. Như người muốn lấy [thứ gì] thì trước hết phải trao cho. Tuy nói các thứ đạo, thật ra là Nhất Thừa.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.3. Nhắc lại

(Kinh) Xá Lợi Phất! Vân hà danh chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế?

(經)舍利弗！云何名諸佛世尊唯以一大事因緣故，出現於世？

(Kinh: Này Xá Lợi Phất! Có sao gọi là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời?)

Đức Phật sắp giải thích, lại gạn hỏi lần nữa để làm lời phát khởi. Lại nữa, đại sự này được Phật tôn trọng, như trong Thích Luận nói phụ vương muốn nghe tên Thái Tử nhiều lần bèn nhiều lượt nhắc đến, chẳng hề chán đủ!

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4. Giải thích

Những lời tỏ [Trí Khải] đã phá [các lập luận thiên kiến của cổ đức trước thời Ngài] tôi chẳng trích lục vì đã hiển Thật thì vô lượng pháp đều là một. Như Thập Điều được nói trong sách Huyền Nghĩa chính là mười thứ Nhất. Nếu nói giản lược để tương ứng với cách hiểu xưa (tức cách hiểu của chư cổ đức trước thời Trí Giả đại sư) thì là Tứ Nhất (bốn thứ Nhất). Nói “vô lượng Nhất” thì mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Trung Đạo. Nghĩa này có thể biết được. Nói đến “mười thứ Nhất”, xét theo kinh văn hoàn toàn trọn đủ, tuy chẳng theo thứ tự, nhưng mười nghĩa chẳng giảm. “*Pháp ấy chẳng thể suy nghĩ, so lường, phân biệt mà có thể hiểu được*” chính là hiển thị Lý Nhất. “*Chỉ có chư Phật mới có thể biết*” là hiển thị Trí Nhất. “*Chỉ vì một đại sự*”, “*một*” chính

là Lý, “đại” chính là Trí (trí có thể chiếu cảnh thì mới thấu đạt cảnh to lớn. Vì thế “đại” được gọi là Trí). “Sự” chính là Hạnh (tự hành, hóa độ người khác thì đều gọi là Sự). Lý phát khởi Trí, Trí hướng dẫn Hạnh. Xét theo ý nghĩa này, sẽ chính là hiển thị Hạnh Nhất. “Tri kiến”: Trí biết Lý, mắt thấy pháp chân thật, Đế lý vô vi sẽ chẳng phân biệt. Do pháp vô vi mà có sai biệt. Xét theo tri kiến ấy để luận định “khai, thị, ngộ, nhập”.

Từ đại lược mà suy ra căn kẽ thì có bốn mươi một địa vị, tức là hiển thị Vị Nhất. Lại dùng cách nói tổng kết để nêu rõ Nhất: Nhất tức là Pháp Thân, Đại tức là Bát Nhã, Sự tức là giải thoát, là tạng bí mật. Đó là hiển thị ba pháp Nhất. “Xuất hiện trong cõi đời” hiển thị Cảm Ứng Nhất. “Chỉ giáo hóa Bồ Tát” hiển thị Quyển Thuộc Nhất. “Chư hữu sở tác” (Các điều thực hiện) hiển thị Thần Thông Nhất. “Chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ dạy cho chúng sanh ngộ” hiển thị Lợi Ích Nhất. “Chỉ dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh” hiển thị Thuyết Pháp Nhất. Các nghĩa được in dấu trong kinh văn đúng là phù hợp khít khao! Nay đại lược chỉ nói bốn thứ Nhất giống như cách giải thích của cổ đức. Số lượng giống nhau, nhưng ý nghĩa khác biệt. Cổ đức nói Quả Nhất, nay nói là Lý Nhất. Dựa theo nghĩa và dựa theo văn, [sở dĩ đề ra Lý Nhất] là vì:

- Dựa theo nghĩa, nếu chẳng có Lý Nhất, các sự sẽ điên đảo, đều là ma thuyết, chẳng còn là kinh Phật nữa. Vì thế, cần phải có Lý Nhất.

- Dựa theo văn thì kinh văn nói đến tri kiến của Phật. Nay xét theo cái được thấy biết thì cái được thấy chính là Đế, cái được biết chính là Cảnh. Cảnh và Đế chính là Lý Thật Tướng. Vì thế gọi là Lý Nhất.

Cổ đức nói Nhân Nhất (因一), từ đơn giản, ý nghĩa khác biệt, nay nói là Hạnh Nhất để gồm thâu cả nhân lẫn quả. Nhân Nhất (人一) và Giáo Nhất thì danh xưng giống như cách nói của cổ đức. [Do vậy], lời giải thích sẽ chia thành bốn phần: Một là Lý Nhất, hai là Nhân Nhất, ba là Hạnh Nhất, bốn là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.1. Chỉ ra Lý Nhất

(Kinh) Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sanh khai Phật tri kiến, sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện ư thế. Dục thị chúng sanh Phật chỉ tri kiến cố, xuất hiện ư thế. Dục linh chúng sanh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện ư thế. Dục linh chúng sanh nhập Phật tri kiến đạo cố,

xuất hiện u thể. Xá Lợi Phất! Thị vì chư Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện u thể.

(經)諸佛世尊欲令眾生開佛知見，使得清淨故，出現於世。欲示眾生佛之知見故，出現於世。欲令眾生悟佛知見故，出現於世。欲令眾生入佛知見道故，出現於世。舍利弗！是為諸佛以一大事因緣故出現於世」。

(Kinh: Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sanh khai tri kiến của Phật thanh tịnh, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn chỉ bày tri kiến của Phật cho chúng sanh, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn khiến cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, nên xuất hiện trong cõi đời. Muốn khiến cho chúng sanh nhập đạo tri kiến của Phật, nên xuất hiện trong cõi đời. Nay Xá Lợi Phất! Đó là chư Phật do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Giải thích Lý Nhất, lại chia thành bốn ý: Một là xét theo bốn địa vị. Hai là xét theo bốn trí. Ba là xét theo bốn môn. Bốn là xét theo quán tâm.

* Xét theo bốn địa vị, Đê và Cảnh chẳng thể thấy biết. Nếu xét theo trí nhãn thì có thể thấy biết. Bốn loại mắt dựa trên hai trí (Nhất Thiết Trí và Đạo Chứng Trí) chẳng thể thấy biết; chỉ có Phật nhãn từ Nhất Thiết Chứng Trí là có thể thấy biết. Kinh nói “*vị linh chúng sanh khai Phật tri kiến*” (vì khiến cho chúng sanh mở mang tri kiến của Phật); nếu chỉ nói về Phật quả, sẽ bỏ mất chúng sanh. Nếu chỉ nói về chúng sanh, sẽ chẳng phải là tri kiến của Phật. Vì thế, chẳng thể chấp giữ thiên lệch.

Hành giả thuộc ba giáo trước (Tạng, Thông, Biệt) tuy là chúng sanh, nhưng chưa đắc Phật nhãn và Phật trí, cho nên không thể thấy biết Thật Tướng. Bốn địa vị trong Viên Giáo (tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa) cũng là chúng sanh, nhưng đã do đã đắc một phần Phật nhãn và Phật trí, cho nên ý nghĩa “*chúng sanh*” đã thành, mà ý nghĩa “*tri kiến của Phật*” cũng thành tựu. Vì thế, nhờ vào bốn địa vị ấy để giải thích Lý Nhất. Như trong các thụ tượng (tượng tốt lành) [nói trong Tự Phần], có cõi trời tuôn mưa bốn loại hoa, biểu thị “*vạn thiện đồng quy, được nhập bốn địa vị*”. Nương vào hoa “*bốn địa vị*”

(Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa) để tiến nhập Phật quả. Do đó, dựa theo địa vị để hiển Lý.

“*Khai*” tức là Thập Trụ trong Viên Giáo, vừa mới phá vô minh, mở ra Như Lai Tạng, thấy lý Thật Tướng. Vì sao? Tánh đức diệu lý nhằm tiếp độ kẻ bị đắm nhiễm bởi hai thứ Hoặc thuộc Thông và Biệt, khó thể biết rõ. Sơ tâm tuy có thể viên tín (tín trọn vẹn, tức địa vị Danh Tự), viên thọ (tiếp nhận trọn vẹn, tức địa vị Ngũ Phẩm), viên phục (hàng phục trọn vẹn, tức địa vị Thập Tín), nhưng chưa thể đoạn Hoặc, chẳng gọi là Khai! Trong thì thêm quán hạnh, ngoài nhờ vào mưa pháp giúp phá trừ Hoặc thuộc Thông và Biệt ẩn tàng, hiển xuất tu tánh chân thật, tri kiến khơi mở, phát khởi rạng ngời. Như mặt trời mọc lên, tối tăm bị diệt trừ. Mắt có tác dụng, cho nên gọi là Khai. Duyên tu phá Hoặc; vì thế nói là “*sử đắc thanh tịnh*” (khiến cho được thanh tịnh). Kinh Nhân Vương dạy: “*Nhập lý Bát Nhã, danh vi Trụ, trụ u Thập Trụ Bạch Hoa vị dã*” (Nhập lý Bát Nhã thì gọi là Trụ, trụ trong địa vị hoa trắng (hoa Mạn Đà La) Thập Trụ).

“*Thị*” là Hoặc chướng đã trừ, cái Thể của tri kiến hiển lộ. Thể trọn vẹn đức, các đức thuộc pháp giới hiển thị phân minh. Vì thế, gọi là Thị, tức là địa vị đại bạch hoa (hoa Ma Ha Mạn Đà La) Thập Hạnh vậy.

“*Ngộ*” là chướng trừ, Thể hiển lộ, hạnh pháp giới rõ ràng, Sự Lý dung thông, chẳng có hai đường! Như Lý Trí và Như Lượng Trí, Lý và Lượng chẳng hai. Vì thế gọi là Ngộ, tức là địa vị hoa đỏ (hoa Mạn Thù Sa) Thập Hồi Hướng vậy.

“*Nhập*” là Sự Lý đã dung thông, tự tại vô ngại, mặc tình tuôn rót, vào trong biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Như Lý, Như Lượng, thông đạt tự tại. Tri kiến như lượng có thể tri các đức. Tri kiến như lý có thể ngăn các Hoặc, tức là địa vị hoa đại xích (hoa Ma Ha Mạn Thù Sa) Thập Địa.

Nhưng địa vị mẫu nhiệm trong viên đạo, trong mỗi địa vị, trọn đủ công đức của bốn mươi một địa vị. Chỉ Khai là đã trọn đủ “*thị, ngộ, nhập*”, chẳng có tâm nào khác nữa! Nhưng tri kiến như lý chẳng có tướng phân biệt cạn hay sâu. Muốn hiển thị tri kiến như lượng, cho nên phân biệt bốn địa vị. Phát tâm rốt ráo chẳng có sai khác bất nhị. Hai tâm như thế, tâm trước khó. Đã nói đến khó dễ, bèn biết sơ tâm và tất cánh tâm phải nên có sự sai biệt sáng, tối, cạn, sâu, giống như bản thể của vàng trắng trước sau đều tròn đầy, thế mà có [tướng trạng] mỏng Mọt, ngày Rằm [khuyết, tròn] sai khác. Tri kiến thuộc bốn địa vị đều chiếu sáng Thật Tướng, mà nói Khai, Thị, Ngộ, Nhập sai khác!

* Hai là xét theo bốn trí (gọi là Xuất Bát Nhã, thông với ba giáo, nay chỉ nói theo Viên Giáo):

- Một là Đạo Huệ: Thấy thật tánh của đạo, từ trong Thật Tánh mà được khai Phật tri kiến.

- Hai là Đạo Chứng Huệ: Biết tướng biệt giải Hoặc của các đạo chủng trong mười pháp giới. Mỗi mỗi đều là phô bày tri kiến Phật.

- Ba là Nhất Thiết Trí: Biết hết thấy các pháp [có cùng] một tướng tịch diệt. “*Tịch diệt*” tức là ngộ tri kiến của Phật.

- Bốn là Nhất Thiết Chứng Trí: Biết hết thấy các pháp đều có cùng một tướng tịch diệt, các thứ tướng mạo hạnh loại đều biết, tức là nhập tri kiến của Phật (hai chữ Trí Huệ đều thông nhân quả và tổng biệt. Nay chỉ nói đến Đạo Huệ. Vì thế, xét theo nhân, xét theo tổng, thêm một chữ Chứng. Do xét theo nhân, xét theo biệt, trước Trí có hai chữ Nhất Thiết. Xét theo quả, theo Tổng lại thêm một chữ Chứng. Đó là xét theo quả, theo Biệt).

Lại nữa, Đạo Huệ như Lý thì gọi là Khai. Đạo Chứng Huệ như lượng gọi là Thị. Lý và lượng của Nhất Thiết Trí bất nhị, gọi là Ngộ. Nhất Thiết Chứng Trí lý và lượng cùng chiếu, đó là Nhập. Đây cũng là xét theo Thật Lý chẳng có cạn hay sâu, nhưng phân biệt thành cạn hay sâu (như đối với tục cảnh có số lượng, bèn dùng Thật Lý để khế hợp, Lý và Lượng chính là lẫn nhau, chẳng phải là “*nhân, quả, biệt, tổng*” mà luận định “*nhân, quả, tổng, biệt*”. Do có bốn danh xưng làm phương tiện, lý trước và sau giống nhau).

* Ba là xét theo bốn môn của Viên Giáo để giải thích theo chiều ngang, sẽ thành bốn câu:

- Không môn thì “một thứ không, hết thấy đều không”, tức là Khai tri kiến của Phật.

- Hữu môn thì “một thứ có, hết thấy đều có”, chính là Thị tri kiến của Phật.

- Diệc Hữu Diệc Không môn thì hết thấy vừa không, vừa có, tức là Ngộ tri kiến của Phật.

- Phi Không Phi Hữu môn, hết thấy đều chẳng phải có, chẳng phải không, tức là Nhập tri kiến của Phật.

Cái có thể thông (Khai, Thị, Ngộ, Nhập) là bốn, đối tượng được thông (tri kiến của Phật) là một. Khai, Thị, Ngộ, Nhập là môn có thể thông. Cái được thấy được biết chính là Lý được thông.

* Bốn là xét theo quán tâm để giải thích. Quán lý Tam Đế trong tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phép Quán ấy sáng sủa thì là Khai. Tuy

chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cái tâm có thể phân biệt Không, Giả, Trung rành rành, chẳng xen lăm, thì gọi là Thị. Cái tâm Không, Giả, Trung tuy ba mà một, tuy một mà là ba, đó gọi là Ngộ. Cái tâm Không, Giả, Trung chẳng phải là Không, Giả, Trung, mà chiếu bình đẳng Không, Giả, Trung thì chính là Nhập. Đây là Nhất Tâm Tam Quán mà tách thành Khai, Thị, Ngộ, Nhập sai khác.

Vì thế, dùng bốn khía cạnh để giải thích, thấy Lý do địa vị, mỗi địa vị do Trí mà sai khác, Trí được phát khởi do môn, thông suốt môn nhờ Quán. Do Quán nên bèn thông suốt môn, do môn đã thông nên trí thành. Do trí thành nên các địa vị được thành lập. Do các địa vị được thành lập mà thấy Lý. Do thấy Lý, nên gọi là Lý Nhất (Tuy nói là Lý Nhất, nhưng Môn chính là Giáo Nhất, Quán tức Hạnh Nhất, địa vị tức Nhân Nhất). Đây là đối với ba món Giáo, Hạnh, Nhân, đều nhờ vào Lý để biện định. Lý đã là như thế, ba điều kia cũng phỏng theo đó, sự hay khéo trong giải thích chẳng còn thêm gì được nữa!

Lại nữa, trong phần xét theo trí của mỗi địa vị thuộc phần trước, Sơ Trụ mới được gọi là Khai, tợ hồ phàm phu chẳng có phần. Trong phần sau, xét theo Môn và xét theo Quán thì danh tự sơ tâm có phần tu chứng, hướng hồ bản thể tri kiến của chúng sanh vốn chính là bản thể tri kiến của Phật! Như Thể của băng chính là nước, chỉ vì Hoặc chướng đông lạnh mà toàn thể nước thành băng. Nếu tin tưởng Viên môn, ngay nơi quán tâm sẽ có danh tự “khai, thị, ngộ, nhập”, cho đến rốt ráo “khai, thị, ngộ, nhập”, há có nên đề cao thánh cảnh, tự gièm chính mình chẳng có phần ư? Há lại nên hư vọng so đo “sơ tâm chính là Phật”, đem phàm xâm lăm cái quả tốt cùng ư? Xét theo địa vị ở đây, chẳng phải chiều dọc mà luận bàn chiều dọc. Xét theo môn, chẳng phải chiều ngang mà luận bàn theo chiều ngang. Xét theo trí, chẳng phải vừa là dọc vừa là ngang, mà luận vừa ngang vừa dọc. Xét theo Quán, chẳng phải “không phải dọc, không phải ngang” mà luận định “chẳng phải dọc, chẳng phải ngang”, lại còn song chiều ngang lẫn dọc.

Từ “Xá Lợi Phất” trở đi, tức là tiểu kết ý nghĩa Lý Nhất. Trước kia là phương tiện giáo, cũng đều luận định “khai, thị, ngộ, nhập”, nhưng chẳng phải là [khai thị ngộ nhập] tri kiến của Phật, vì thế là Quyền. Nay nói rõ tri kiến của Phật, vì thế là Thật. Thật chính là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.4.4.2. Chỉ ra Nhân Nhất

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Chư Phật Như Lai dẫn giáo hóa Bồ Tát.

(經)佛告舍利弗：「諸佛如來但教化菩薩。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát).

Các phương tiện trước kia nhằm giáo hóa tam thừa. Lý Thật chỉ giáo hóa Bồ Tát, như đứa con nghèo tự coi mình là gã khách hèn mọn. Trưởng giả trông thấy, biết hẳn thật sự là con của mình. Đó chính là Nhân Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.3. Chỉ ra Hạnh Nhất

(Kinh) Chư hữu sở tác, thường vị nhất sự, duy dĩ Phật chỉ tri kiến, thị ngộ chúng sanh.

(經)諸有所作，常為一事，唯以佛之知見，示悟眾生。

(Kinh: Các việc đã làm thường vì một sự: Chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ bày, khiến cho chúng sanh được ngộ).

Các hạnh thuộc tam thừa được gọi là “chư”. Do Viên nên là Chư, tức là Sự Nhất. Các hạnh ấy hướng đến đâu? Chỉ hướng đến tri kiến của Phật, tức là ý nghĩa Hạnh Nhất vậy.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.4. Chỉ ra Giáo Nhất

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai dẫn dĩ nhất Phật Thừa cố, vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam.

(經)舍利弗！如來但以一佛乘故，為眾生說法，無有餘乘，若二，若三。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa để vì chúng sanh thuyết pháp, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba).

Giáo pháp viên đốn được gọi là Nhất Phật Thừa. Từ Biệt Giáo trở về trước, đều gọi là “*hữu dư thuyết*”, tức là “*bất liễu nghĩa*”, chẳng phải là Nhất Phật Thừa. “*Vô hữu dư thừa*” (Chẳng có thừa nào khác) tức là chẳng có “*kèm thêm Biệt*” như trong Hoa Nghiêm. “*Vô nhị*”: Chẳng kèm thêm hai giáo trước như trong Bát Nhã. “*Vô tam*”: Chẳng như Phương Đẳng đối ứng với ba giáo trước.

Nhưng bốn đoạn kinh văn trên đây, mỗi đoạn đều có hai nghĩa: Trong đoạn văn thứ nhất, nếu chú trọng “*có thể thấy biết*” thì chính là Nhân Nhất. Nay chú trọng “*cái được thấy biết*” thì là Lý Nhất. Trong đoạn văn kế tiếp, nếu chú trọng sự giáo hóa thì là Giáo Nhất. Nếu chú trọng Bồ Tát thì là Nhân Nhất. Trong đoạn văn thứ ba, tức đoạn nói về “*chư hữu sở tác*”, nếu nói theo phía đức giáo chủ thì là Giáo Nhất. Nay nếu nói theo phía hành nhân, sẽ là Hạnh Nhất. Trong đoạn văn thứ tư, nếu chú trọng ý nghĩa “*chuyên chở*” thì là Hạnh Nhất. Nếu chú trọng ý nghĩa “*vì chúng sanh thuyết pháp*” thì là Giáo Nhất! Bất quá là xét theo phương tiện để giải thích.

Phân giải thích chánh yếu về bốn điều Nhất đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.1.4.4.5. Tổng kết

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhất thiết thập phương chư Phật pháp diệc như thị.

(經)舍利弗！一切十方諸佛法亦如是。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Pháp của mười phương hết thấy chư Phật cũng như thế).*

Câu này tổng kết bốn điều Nhất (Tứ Nhất), văn giản lược, nghĩa tường tận. Vì sao nói vậy? Trong Tự Phần, do quang minh [phóng ra từ tướng bạch hào của đức Phật] liền theo chiều ngang thấy một vạn tám ngàn cõi nước. Ngài Văn Thù dẫn chứng chuyện xưa theo chiều dọc, [nêu ra] hai vạn vị Phật, không vị nào chẳng vì Thật mà thị hiện Quyền, khai Quyền hiển Thật, đều có cùng một ý nghĩa với Phật xuất hiện trong đời Ngũ Trược hiện thời. Vì thế, [Phật Thích Ca] chẳng đợi thỉnh cầu, đã nói (tức là “*tán thán trí huệ của Phật chẳng thể nghĩ bàn*”). Còn như trong hết thấy mười phương, nơi biên các cõi nước vô tận, chư Phật xuất thế trong các thế giới tịnh hay uế sai biệt vô tận, cũng có chỗ thuận nói Đại Thừa, cũng có chỗ thuận nói Tiểu pháp. Thuận nói Đại Thừa thì chẳng cần ban bố tam thừa, cố nhiên là [trọn đủ] bốn điều Nhất (Lý

Nhất, Giáo Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất). Thuần nói Tiểu pháp, sẽ chẳng thể hiện Thật, nhưng lâu sau, rốt cuộc cũng là sẽ không cỗi nào chẳng trở thành “bốn điều Nhất”, thế nhưng chẳng thể dùng số kiếp lâu hay mau để tính toán được, chẳng thể dùng Thiên Nhân của những vị có thần thông thấp hơn Đẳng Giác để dò lường được! Trong phần kinh văn kế tiếp, sẽ khai Tịch hiển Bản. Công giáo hóa suốt ba đời của Như Lai là như thế đó. Nếu chẳng tin điều này, sao gọi là “tùy hỷ” cho được?

Phần thứ nhất, “nói chung về chư Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2. Liệt kê tam thế chư Phật

Chia thành ba phần: Một là quá khứ Phật, hai là vị lai Phật, ba là hiện tại Phật. Trong phần này, phải nên có đủ sáu nghĩa, nhưng chẳng ra ngoài hai loại: Một là mở ra phương tiện, hai là hiển thị chân thật. [Trong sáu nghĩa ấy], hai nghĩa nói về loại trước, hai nghĩa nói về loại sau (tán thán pháp chưa từng có, nói chẳng hư vọng, tức là nói đến chương nêu tổng quát chư Phật trên đây. Nêu ra Ngũ Trược để giải thích Quyền, loại trừ hư vọng để củng cố niềm tin, tức là phần nói về Phật Thích Ca trong phần sau).

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.1. Quá khứ Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh từng chư Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)舍利弗！過去諸佛以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘故。是諸眾生從諸佛聞法，究竟皆得一切種智。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Quá khứ chư Phật dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí).

“Vô lượng vô số phương tiện” là khai Quyền. “Thị pháp giai vi” (Các pháp ấy đều là) tức là hiển Thật. “Vi nhất Phật Thừa” (Là một Phật

Thừa) tức Giáo Nhất. “*Chúng sanh*” tức là Nhân Nhất. Có thể đạt được Chủng Trí là Hạnh Nhất. Những điều hay biết bởi Chủng Trí chính là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.2. Vị lai Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Vị lai chư Phật đương xuất u thế, diệc dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh tùng Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)舍利弗！未來諸佛當出於世，亦以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘故。是諸眾生從佛聞法，究竟皆得一切種智。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Vị lai chư Phật sẽ xuất hiện trong thế gian, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí).

2.2.2.2.1.1.3.1.1.2.3. Hiện tại chư Phật

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hiện tại thập phương vô lượng bách thiên vạn ức Phật độ trung, chư Phật Thế Tôn đa sở nhiều ích, an lạc chúng sanh. Thị chư Phật diệc dĩ vô lượng vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, nhi vị chúng sanh diễn thuyết chư pháp. Thị pháp giai vi nhất Phật Thừa cố. Thị chư chúng sanh tùng Phật văn pháp, cứu cánh giai đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Xá Lợi Phất! Thị chư Phật dẫn giáo hóa Bồ Tát, dục dĩ Phật chi tri kiến thị chúng sanh cố. Dục dĩ Phật chi tri kiến ngộ chúng sanh cố. Dục linh chúng sanh nhập Phật chi tri kiến cố.

(經)舍利弗！現在十方無量百千萬億佛土中，諸佛世尊多所饒益，安樂眾生。是諸佛亦以無量無數方便，種種因緣，譬喻，言辭，而為眾生演說諸法。是法皆為一佛乘

故。是諸眾生從佛聞法，究竟皆得一切種智。舍利弗！是諸佛但教化菩薩，欲以佛之知見示眾生故。欲以佛之知見悟眾生故。欲令眾生入佛之知見故。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Hiện tại, trong vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật ở mười phương, chư Phật Thế Tôn tạo nhiều lợi ích, an lạc chúng sanh. Các vị Phật ấy cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để vì chúng sanh diễn nói các pháp. Các pháp ấy đều là một Phật Thừa. Các chúng sanh ấy nghe pháp từ chư Phật, rốt ráo đều đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Đây Xá Lợi Phất! Các vị Phật ấy chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn dùng trí kiến của Phật để dạy chúng sanh, vì muốn cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, vì muốn khiến cho chúng sanh nhập tri kiến của Phật).

Hiện tại Phật chính là hóa chủ. Vì thế, trước hết nêu ra ý nghĩa xuất thế. Kế đó là nói về khai Quyền hiển Thật. Sau đó, kết thành ý “*khai, thị, ngộ, nhập*”. [Đoạn văn này] thiếu câu nói về Khai [tri kiến của Phật] là do văn từ giản lược.

Phần thứ nhất, “chương nói về bốn loại Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2. Nêu bày cặn kẽ về Quyền Thật của Phật Thích Ca

Trong sáu nghĩa, do chẳng tán thán pháp hy hữu, [cho nên] chỉ có năm đoạn văn: Một là khai Quyền. Hai là hiển Thật. Ba là dùng Ngũ Trược để giải thích phương tiện. Bốn là loại trừ hư vọng để củng cố niềm tin. Năm là nói rõ chẳng có hư vọng.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.1. Khai Quyền

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngã kim diệc phục như thị, tri chư chúng sanh hữu chủng chủng dục, thâm tâm sở trước, tùy kỳ bốn tánh, dĩ chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện lực, nhi vị thuyết pháp.

(經)舍利弗！我今亦復如是，知諸眾生有種種欲，深心所著，隨其本性，以種種因緣，譬喻，言辭，方便力，而為說法。

(Kinh: Này Xá Lợi Phát! Ta nay cũng như thế, biết các chúng sanh có các thứ dục và các điều chấp trước nơi thâm tâm, thuận theo bốn tánh của họ, dùng các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, và sức phương tiện để vì họ thuyết pháp).

Trước là ba (tam thừa), sau là một (Phật Thừa), giống như bốn loại Phật chẳng khác. Vì thế nói “*diệc phục như thị*” (cũng giống như thế). “*Chủng chủng dục*” (Các thứ dục) tức là các dục thuộc căn tánh của ngũ thừa. Quá khứ gọi là Căn, vì nó có ý nghĩa “có thể sanh”. Hiện tại gọi là Dục, vì nó có ý nghĩa “giữ lấy cảnh”. Vị lai gọi là Tánh, vì nó có ý nghĩa “chẳng thay đổi”.

“*Thâm tâm sở trước*” (Các điều chấp trước trong thâm tâm): Tập khí cũ khó chuyển, tức là Căn. “*Phương tiện*” chính là tùy nghi mở ra Quyền pháp tam thừa. Đối ứng với sự cảm ứng ở đây thì “*các thứ căn tánh dục của chúng sanh*” là Cẩn, đức Phật nhận biết, dùng sức phương tiện để thuyết pháp cho họ. Đó là Ứng.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.2. Hiện Thật

(Kinh) Xá Lợi Phát! Như thử giai vì đặc nhất Phật Thừa Nhất Thiết Chủng Trí cố.

(經)舍利弗！如此皆為得一佛乘一切種智故。

(Kinh: Này Xá Lợi Phát! Như thế đều là vì đặc Nhất Thiết Chủng Trí nơi một Phật Thừa).

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3. Nêu ra Ngũ Trược để giải thích phương tiện

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.1. Nêu ý nghĩa

(Kinh) Xá Lợi Phát! Thập phương thế giới trung, thượng vô nhị thừa, hà huống hữu tam?

(經)舍利弗！十方世界中，尚無二乘，何況有三？

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Trong mười phương thế giới, còn chẳng có hai thừa, huống hồ là có ba ư?*

Trước khi nêu ra Ngũ Trược, bèn nêu ra ý nghĩa này trước hết. Trong phần trên, đã nói chư Phật khai Quyền hiển Thật, nhưng chưa nói “*ẩn Thật để hành Quyền*”. Nay nói rõ tương xứng với Thật để quán thì trong mười phương thế giới, không đâu chẳng phải là diệu lý pháp giới Chân Như, còn chẳng có giáo pháp thứ hai là Biệt Giáo, huống hồ có ba giáo là Tạng, Thông, Biệt! Biệt Giáo được gọi là Nhị Thừa vì Trung Đạo vượt thoát nhị biên, chẳng phải là nhị biên. Trung và Biên thì thành ra hai; vì thế, gọi là “*đệ nhị thừa*” (thừa thứ hai). “Hai” nơi Biệt Giáo đã là chẳng thể được, huống hồ có Thông Giáo và Tạng Giáo để cùng với Biệt Giáo tạo thành ba loại Quyền ư? Đặc biệt xuất hiện trong cõi đời Ngũ Trược, chẳng thể nào không ẩn Nhất Thật để thực thi ba thứ quyền biến vậy!

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.2. Nêu ra Ngũ Trược

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Chư Phật xuất ư Ngũ Trược ác thế, sở vị: Kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược.*

(經)舍利弗！諸佛出於五濁惡世，所謂：劫濁，煩惱濁，眾生濁，見濁，命濁。

(Kinh:) *Này Xá Lợi Phất! Chư Phật xuất hiện trong đời ác Ngũ Trược, tức là: Kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược).*

“Kiếp” (Kalpa) là Thời. “Thời” (Thời gian) chẳng phải là pháp có thật, nó nương vào phận vị của sắc và tâm mà giả lập. Nay nói là “trược” (濁, dơ bẩn), là bốn thứ trược tăng trưởng mạnh mẽ, tụ tập trong lúc này. Vì thế, trong phần sau, kinh văn ghi “*kiếp trược loạn thời*”.

Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya): Nói chung, ngũ trụ tam hoặc¹⁵⁷ đều gọi là phiền não. Nay chỉ coi ngũ độn sử trong tam giới là Phiền Não Trược, tức là tham, sân, si, mạn, nghi. Chúng sanh cũng chẳng có cái

¹⁵⁷ Tam Hoặc là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc.

Thế nào khác, nương vào sắc và tâm, Ngũ Âm mà lập ra cái giả danh này.

Do Kiến phiền não, cảm vờ sắc tâm thô tệ, quả báo xấu kém. Vì thế gọi là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya).

Kiến Trược (Drsti-kasāya): Nói chung là các phân biệt Hoặc trong tam giới và ngoài tam giới thì đều gọi là Kiến. Nay chỉ lấy năm lợi sử trong tam giới làm Kiến Trược, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến và Tà Kiến.

Mạng Căn (Jīvitendriya) cũng chẳng phải là thật pháp, do nương vào thức chủng, một phần dựa vào công năng duy trì sắc tâm liên tục chẳng đoạn mà giả lập. Nay nói là Trược, vì ác dị thực nghiệp cảm vờ thức chủng, có thể khiến cho sắc tâm tồn tại ngắn ngủi; vì thế gọi là Mạng Trược (Āyu-kasāya).

Nếu xét theo nhân quả sanh khởi lẫn nhau, thì do Kiến phiền não làm nhân, cảm vờ sắc tâm trong tam giới làm quả. Do nương vào quả mà lập ra danh xưng Chúng Sanh. Dựa theo một thời kỳ sanh tử của chúng sanh là lập ra danh xưng Mạng Căn. Nếu nương vào bốn pháp (kiếp, kiến, chúng sanh, mạng căn) đều là trược, sẽ lập ra danh xưng Kiếp Trược (Kalpa-kasāya). Nếu dựa theo thứ tự trong các kinh, Kiếp Trược đứng đầu; Kiến, phiền não, chúng sanh, và mạng theo thứ tự được xếp đằng sau. Kinh này [liệt kê Ngũ Trược] không tuân theo thứ tự ấy, ý nghĩa cũng chẳng thay đổi.

Hỏi: - Ngũ Trược nói trong kinh này và kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) giống nhau, hay khác nhau?

Đáp: - Ngũ Trược nói trong kinh Đại Phật Đảnh bao trùm chín pháp giới, chỉ có Phật là thanh tịnh (không có Ngũ Trược). Ngũ Trược nói trong kinh này hạn cuộc trong kiếp giảm nơi uế độ, chẳng xét theo Tịnh Độ, chẳng xét theo tăng kiếp.

Hỏi: - Kinh này tôi diệu, sao lại ngược ngạo nói Ngũ Trược nông cạn vậy?

Đáp: - Điều này nhằm minh định “*chư Phật ẩn Thật để thực hiện tam thừa*”. Do các Ngài xuất thế trong đời Ngũ Trược, chuyện bất đắc dĩ là [nêu bày Ngũ Trược nhằm] tỏ rõ phương tiện thiện xảo quyền biến chẳng thể nghĩ bàn! Há có nên dùng kinh Đại Phật Đảnh để so đo? Kinh ấy riêng vì một hạng lợi căn mà trực tiếp mở mang kiến giải viên mãn [cho họ].

Hỏi: - Nếu Ngũ Trước có thể gây chướng ngại to lớn, sao trong kinh Hoa Nghiêm, người chưa trừ trước lại có thể nghe xong bèn ngộ là vì lẽ nào vậy?

Đáp: - Điều này phải nên dùng bốn câu để phân biệt:

- Một là căn tánh Đại Thừa nhạy bén, chướng nặng nề. Do căn nhạy bén, trọng chướng chẳng thể gây chướng ngại. Đó là những người nghe Đại Thừa đầu tiên nơi hội Hoa Nghiêm trong cõi này.

- Hai là căn nhạy bén, chướng nhẹ, tức là những người nhanh chóng nghe Đại Thừa trong các cõi thanh tịnh ở phương khác.

- Ba là căn độn, chướng nhẹ, tức là những người trước hết nghe tam thừa, sau đó ngộ Nhất Thừa trong các cõi thanh tịnh ở phương khác.

- Bốn là căn độn, chướng nặng ở trong cõi này do nghe pháp dần dần trừ trước rồi mới nghe Đại Thừa.

Hỏi: - Ngũ Trước cũng chướng ngại Tiểu Thừa ư?

Đáp: - Đối với Tiểu Thừa, cũng nên có bốn câu phân biệt:

- Một là hàng Tiểu Thừa căn nhạy bén, chướng nhẹ, Trước chẳng thể gây chướng, như Xá Lợi Phất, Đại Ca Diếp v.v...

- Hai là Tiểu Thừa căn nhạy bén, chướng nặng, Trước cũng chẳng thể ngăn chướng, như Ương Quật Ma La (Aṅgulimāliya, Aṅgulimāla)¹⁵⁸ trong kinh A Hàm.

- Ba là Tiểu Thừa căn độn, chướng nhẹ, Trước cũng chẳng thể gây chướng, như tỳ-kheo Bàn Đà (Śuddhipanthaka, tức ngài Châu Lợi Bàn Đạc, Châu Lợi Bàn Đà Già).

¹⁵⁸ Ương Quật Ma La (còn phiên âm là Ương Cừu Ma La, Ương Cù Lợi Ma La, Ương Quật Ma) dịch nghĩa là Chi Man (đeo chuỗi kết bằng ngón tay người): Vị này vốn là một người tu theo ngoại đạo sống tại thành Thất La Phiệt Đề (Śrāvastī, Xá Vệ), theo học với tà sư Ma Ni Bát Đà La, hết sức cung kính, hiếu thuận. Do sư mẫu nầy sanh tà tâm, toan quyến rũ, bị Ương Quật Ma La cự tuyệt, tức giận, bèn vu cáo Ương Quật dụ dỗ không được bèn lăng nhục bà ta. Thầy căm tức, bèn giả vờ dạy Ương Quật hãy giết đủ một ngàn người lấy ngón tay đeo vào cổ. Khi nào đủ số, sẽ dạy đạo tối thắng cho. Ương Quật tín thuận, bèn giết người, cứ giết một người bèn cắt lấy ngón tay xỏ vào chuỗi đeo cổ. Đến khi giết đủ 999 người, không tìm ra người để giết, ông ta toan giết mẹ ruột. Đức Phật liền đến hóa độ. Ương Quật thấy từ xa có một vị tỳ-kheo đi lại, mừng lắm, đuổi theo toan giết. Đuổi một nhòai, vị tỳ-kheo vẫn đi thong dong đằng trước mà ông ta không có cách nào đến gần, bèn hét lên: “Sa môn dừng lại, đừng chạy nữa”. Đức Phật đáp: “*Như Lai dừng lại đã lâu rồi, còn ông thì sao?*” Ương Quật nghe hỏi sững sờ, buông đao suy ngẫm. Đức Phật bèn giảng chánh pháp. Ương Quật Ma La sám hối, và xin xuất gia, chứng quả A La Hán.

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Bốn là Tiểu Thừa căn độn, chướng nặng, Trước bèn thành chướng, tức là những kẻ khi đức Phật tại thế chẳng nghe Tiểu Thừa, chẳng được độ thoát.

Hỏi: - Có người chẳng ở trong Hoa Nghiêm, chẳng ở trong Tam Tạng, mà được nghe Đại pháp hay nghe Tiểu pháp là vì có gì?

Đáp: - Điều này cũng nên dựa theo tứ giáo mà chia tổng quát thành bốn câu. Bốn câu tổng quát là:

- Căn nhạy bén, chướng nhẹ, bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Viên Giáo.

- Căn nhạy bén, chướng nặng, thì bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Biệt Giáo.

- Căn độn, chướng nhẹ, thì bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Thông Giáo.

- Căn độn, chướng nặng, bất cứ lúc nào cũng đều nên nghe Tạng Giáo.

Đức Phật do khẩu mật mà luôn ứng theo, khiến cho họ đạt được lợi ích. Đối với mỗi giáo, đều chia thành bốn câu, vì mỗi giáo trong bốn giáo đều có bốn môn:

- Căn nhạy bén, chướng nhẹ thì do nghe môn “phi Hữu, phi Không” bèn nhập.

- Căn nhạy bén, chướng nặng thì do nghe môn “cũng Có, cũng Không” mà nhập.

- Căn độn, chướng nhẹ thì do nghe Không môn mà nhập.

- Căn độn, chướng nặng thì do nghe Hữu môn mà nhập.

Nói chung, bất luận là có chướng hay không chướng, quý ở chỗ có căn, có thừa chủng (chủng tử thuộc thừa nào đó). Chướng là do phá giới, “*chủng*” (chủng tử) là do huân tập thành. Căn do túc tập (sự tu tập từ đời trước) mà có lợi hay độn. Tới nay gặp Phật, ngộ thì bèn có “đội thời” và “chẳng đội thời”. Nếu chẳng có “*thừa chủng*” từ đời trước, sẽ chẳng gặp thiện căn xuất thế. Dẫu cho chướng nhẹ, vẫn đắm đuối nơi lạc, chẳng ngộ, chẳng thuộc vào bốn câu, chẳng gồm trong bốn môn, biết làm sao được nữa?

Hỏi: - Vì sao Ngũ Trước một mực chướng Đại mà chẳng chướng Tiểu? (Dựa theo câu thứ tư trong bốn câu đầu tiên mà hỏi).

Đáp: - Chúng sanh trước nặng, hư vọng chấp trước Ngũ Ấm là Tứ Đức (đó là chướng nặng). Nếu nghe “*thường, lạc, ngã, tịnh*” của Đại Thừa, liền chấp sai là đúng (tức là căn độn), thầy thuốc ngốc nghếch,

ngu xuân¹⁵⁹, chẳng biết sữa tốt xấu (chẳng biết thuốc), chẳng biết cội nguồn gây nên bệnh, chẳng biết cách thêm hay bớt các vị thuốc (chẳng biết kê toa), chẳng hiểu biết gì. Vì thế, trước lần chứng đều to. Kinh văn chép: “*Nhược đản tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ*” (Nếu chỉ khen ngợi Đại Thừa, chúng sanh sẽ chìm đắm trong sự khổ) chính là nghĩa này. Nếu nghe “*vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*”, sẽ chán ngán sanh tử, ưa Niết Bàn, phá chấp trước tà kiến. Vì thế, Ngũ Trước chẳng chứng Tiểu Thừa. Kinh văn chép: “*Tác thị tư duy thời, thập phương Phật giai hiện, phạm âm ủy dụ ngã*” (Khi ta suy nghĩ như thế, mười phương Phật đều hiện ra, dùng phạm âm để an ủi, khuyên dụ ta) chính là ý nghĩa này!

2.2.2.2.1.1.3.1.2.3.3. Tiểu kết lời giải thích

(Kinh) Như thị, Xá Lợi Phất! Kiếp trước loạn thời, chúng sanh cầu trọng, xan tham, tật đố, thành tựu chư bất thiện căn cố, chư Phật dĩ phương tiện lực, u nhất Phật Thừa phân biệt thuyết tam.

¹⁵⁹ Đây là một thí dụ trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Theo quyển hai thuộc phẩm Thọ Mạng trong kinh ấy, đức Phật nêu một thí dụ: Ví như có một quốc vương, ám độn, kém trí. Vua có một thầy thuốc ngu xuẩn, nhưng nhà vua chẳng biết, thường ban thưởng bổng lộc trọng hậu cho gã đó. Để trị liệu các bệnh, gã thầy thuốc đó đều nhất loạt dùng sữa, lại cũng chẳng biết cội nguồn các căn bệnh. Dầu biết sữa có thể chữa bệnh, nhưng chẳng hiểu căn kẽ, bệnh gì cũng đều cho uống sữa. Lại có một vị thầy thuốc khác thông hiểu y thuật, khéo trị các bệnh, biết các toa thuốc, từ phương xa đến. Gã thầy thuốc dốt chẳng biết tìm đến học hỏi, lại sanh lòng kiêu căng, ngạo nghễ. Vị thầy thuốc thông hiểu bèn tìm cách thân cận gã thầy thuốc dốt, tôn hấn làm thầy, xin hấn dạy các toa thuốc. Hấn buộc vị thầy thuốc giỏi phải hầu hạ bốn mươi tám năm, vị thầy thuốc giỏi chấp thuận. Hấn bèn dẫn vị thầy thuốc đến gặp nhà vua. Vị thầy thuốc giỏi bèn thân cận kẻ các triệu chứng, phương cách trị liệu chẩn đoán. Khi đó, vua mới vỡ lẽ gã ngự y của mình dốt nát, ngu xuẩn, bèn tống cổ gã dốt đó. Đồng thời, vị thầy thuốc giỏi lại xin vua hạ lệnh cấm dân chúng dùng sữa làm thuốc, ai trái lệnh sẽ bị chém đầu. Vị thầy thuốc ấy hòa hợp các vị cay, đắng, mặn, ngọt, chua làm thuốc để trị các bệnh, không ai chẳng được lành. Sau đó, nhà vua bị bệnh. Thầy thuốc chẩn bệnh lại bảo nhà vua hãy dùng sữa làm thuốc. Nhà vua nghi ngờ, thầy thuốc giải thích căn kẽ: Để trị đúng bệnh phải biết sữa tốt xấu thiện ác khác nhau, cũng như căn bệnh nào cần phải dùng sữa làm thuốc, căn bệnh nào dùng sữa sẽ có hại. Vua hiểu ra, dùng sữa, lập tức lành bệnh.

(經)如是，舍利弗！劫濁亂時，眾生垢重，慳貪嫉妒，成就諸不善根故，諸佛以方便力，於一佛乘分別說三。

(Kinh: Như thế đó, Xá Lợi Phất! Trong thời loạn kiếp trước, do chúng sanh cấu chướng nặng nề, keo tham, ghen ghét, thành tựu các bất thiện căn, chư Phật dùng sức phương tiện từ trong một Phật Thừa mà phân biệt nói thành ba).

Câu đầu tiên nói đến Kiếp Trước, câu kế tiếp nói về Chúng Sanh Trước. “*Xan tham, tật đố*” tức Phiền Não Trước và Kiến Trước. “*Thành tựu chư bất thiện căn*” (Thành tựu các căn chẳng lành) chính là Mạng Trước. Nếu chẳng khéo léo lập bày phương tiện, dùng gì để tiếp dẫn [chúng sanh] thoát khỏi khổ luân?

Phần thứ ba, “nêu ra Ngũ Trước để giải thích phương tiện” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4. Loại trừ hư ngụy để củng cố niềm tin vào Nhất Thật

Nếu là đệ tử Phật, sẽ có thể tự tín giải. Nếu chẳng tín giải, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự, mà cũng chẳng phải là La Hán. Đôn đốc đại chúng trong thuở ấy, khiến cho họ tin nhận [Nhất Thừa].

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.1. Phân biệt chân ngụy

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.1.1. Nếu chẳng nghe, chẳng biết, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược ngã Phật tử tự vị A La Hán, Bích Chi Phật giả, bất văn, bất tri chư Phật Như Lai dẫn giáo hóa Bồ Tát sự, thử phi Phật đệ tử, phi A La Hán, phi Bích Chi Phật.

(經)舍利弗！若我佛子自謂阿羅漢、辟支佛者，不聞不知，諸佛如來但教化菩薩事，此非佛弟子，非阿羅漢，非辟支佛。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nếu Phật tử của ta tự nói mình là A La Hán hay Bích Chi Phật, mà chẳng nghe, chẳng biết chuyện chư Phật

Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, kẻ đó chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Bích Chi Phật).

Như đệ tử trong thế gian tùy thuận pháp của thầy, tiếp nối đạo, truyền đăng, nay chẳng nghe, chẳng biết, sẽ chẳng có cách nào tùy thuận! Đệ tử là gì? Như Lai trước kia đã vì đối trị Ngũ Trược mà phương tiện thực hiện tam thừa, ông được nghe biết, tùy thuận tu tập, thì gọi là “đệ tử”. Nay Ngũ Trược đã trừ, [Như Lai] sẽ vì ông hiển lộ Nhất Thừa, có sao chẳng nghe, chẳng biết? “Chẳng nghe” tức là không nghe Giáo Nhất. “Chẳng biết” tức là không biết Hành Nhất. “Chẳng phải là đệ tử” tức chẳng phải là Nhân Nhất. Nói chung là vì mê nơi Lý Nhất vậy.

2.2.2.2.1.3.1.2.4.1.2. Nếu đã nghe mà chẳng tin nhận thì là kẻ tăng thượng mạn

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Thị chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, tự vị dĩ đắc A La Hán, thị tối hậu thân, cứu cánh Niết Bàn, tiện bất phục chí cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đương tri thử bối, giai thị tăng thượng mạn nhân. Sở dĩ giả hà? Nhược hữu tỳ-kheo thật đắc A La Hán, nhược bất tín thử pháp, vô hữu thị xứ!

(經)又舍利弗！是諸比丘、比丘尼，自謂已得阿羅漢，是最後身，究竟涅槃，便不復志求阿耨多羅三藐三菩提。當知此輩，皆是增上慢人。所以者何？若有比丘實得阿羅漢，若不信此法，無有是處！

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni ấy tự nói là đã đắc A La Hán, là thân cuối cùng, rốt ráo Niết Bàn, mà vẫn chẳng mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hãy nên biết hạng người ấy đều là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao vậy? Nếu có tỳ-kheo thật sự đắc A La Hán mà chẳng tin pháp này, chẳng có lẽ ấy!)

Đức Phật lập ra Nhị Thừa vốn là vì Ngũ Trược chướng nặng, tạm thời khiến cho họ dứt khổ, cho nên quyền biến nói “đoạn hết Kiến Tư thì gọi là A La Hán”, chẳng thọ thân hậu hữu trong tam giới, gọi là “tối hậu thân” (thân cuối cùng), ra khỏi khổ luân Phần Đoạn [sanh tử] trong cõi Đồng Cư thì gọi là Niết Bàn. Nhưng nếu đã thật sự đắc đạo A La Hán, chứng Hữu Dư giải thoát, nay nghe kinh này, phải nên tin nhận, tiến lên

cầu Vô Thượng Bồ Đề. Vì lẽ nào vậy? Trước chương đã trừ, lại được nghe đại pháp này, ắt sẽ suy xét, trừ tính, cân nhắc: Vô minh Biệt Hoặc nếu vẫn còn, sao gọi là La Hán cho được? Biến Dịch sanh tử mênh mộng, sao gọi là “*tối hậu thân*” cho được? Hóa thành chưa phải là chỗ có của báu, sao gọi là Niết Bàn rốt ráo cho được? Vì thế, người thật sự đắc A La Hán, chưa hề có ai chẳng tin pháp này do đức Phật đã nói. Nếu tự cho là đủ, chẳng dốc chí cầu Bồ Đề, hãy nên biết kẻ đó hoàn toàn chưa chứng A La Hán, chỉ là phường tăng thượng mạn đó thôi!

Phần thứ nhất, “phân biệt chân ngụy” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2. Khai trừ để cởi gỡ nghi hoặc

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2.1. Khai trừ

(Kinh) Trừ Phật diệt độ hậu, hiện tiền vô Phật. Sở dĩ giả hà? Phật diệt độ hậu, như thị đẳng kinh, thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa giả, thị nhân nan đắc.

(經)除佛滅度後，現前無佛。所以者何？佛滅度後，如是等經，受持，讀誦，解義者，是人難得。

(Kinh: Trừ phi sau khi đức Phật diệt độ, hoặc hiện tiền chẳng có Phật. Vì có sao vậy? Sau khi đức Phật diệt độ, người nào thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa các kinh như thế thì người ấy khó có).

Sợ có kẻ hỏi: “Nếu là như vậy, hết thấy La Hán ắt đều dốc chí cầu Vô Thượng Bồ Đề hay sao?” Vì thế, nay để khai trừ [lý luận nói nhất loạt như thế], bèn nói: “*Trừ Phật diệt độ, hiện tiền vô Phật*”, [ý nói] những người được gọi quyền biến là “đã chứng La Hán” chưa chắc đã liền có thể dốc chí cầu Bồ Đề.

Lại có người hỏi: “Tuy đức Phật diệt độ, nhưng kinh này còn tồn tại trong cõi đời, sao họ chẳng tin?” Vì thế, nay giải thích rằng: Vì lẽ nào vậy? Sau khi đức Phật diệt độ, tuy kinh này vẫn còn trong cõi đời, nhưng người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa khó thể gặp gỡ. Chẳng gặp người như vậy, thì thánh giả tiểu quả làm sao có thể tự thông hiểu, quyết chí cho được?

2.2.2.2.1.1.3.1.2.4.2.2. Cởi gỡ mối nghi

(Kinh) Nhược ngộ dư Phật, ư thử pháp trung, tiện đắc quyết liễu.

(經)若遇餘佛，於此法中，便得決了。

(Kinh: Nếu gặp vị Phật khác, sẽ đối với pháp này liền được hiểu rõ, quyết định).

Sợ có kẻ nghi rằng: “Nếu sau khi đức Phật nhập diệt, các vị A La Hán không gặp được kinh này, chẳng gặp người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa kinh này, sẽ vĩnh viễn nhập tiểu Niết Bàn ư?” Vì thế, nay giải thích rằng: Người ấy tuy sanh ý tưởng “diệt độ, nhập Niết Bàn”, nhưng do sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, gặp Phật nói pháp này, sẽ nhất quyết hiểu rõ “hóa thành chẳng phải là thật”, ắt vẫn dốc chí cầu Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng có lẽ nào vĩnh viễn nhập Niết Bàn! Vì thế, phẩm Thích Tát Định trong Đại Trí Độ Luận có nói: “*Thân La Hán ắt phải diệt, trụ trong chỗ nào để trọn đủ Phật đạo? Đáp: Ra khỏi tam giới bèn có Tịnh Độ của chư Phật*”.

[Trong Tịnh Độ của chư Phật], chẳng có danh xưng phiền não. Ở trong quốc độ ấy, nghe kinh Pháp Hoa, trọn đủ Phật đạo. Liền dẫn kinh này để làm chứng: Có La Hán nếu chẳng nghe Pháp Hoa, tự nói đã đắc diệt độ, ta ở trong các nước khác, vì người đó nói chuyện này: “Ông sẽ thành Phật”. Lại nữa, nếu ở trong cõi này mà được gặp gỡ người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, thì cũng được hiểu rõ, quyết chí. Vì thế, Nam Nhạc đại sư nói: “*Các vị Phật khác [trong đoạn kinh văn này] là bốn chỗ nương tựa. La Hán gặp gỡ, nghe kinh bèn quyết định hiểu rõ*”. Lại nói: “*La Hán tu Niệm Phật Định, thấy mười phương Phật vì vị ấy nói kinh điển này, liền được quyết định hiểu rõ*” (Nếu nói niệm “mười phương Phật” tức là đã phát đại tâm. Nếu lại chỉ nghĩ tới đức Thích Ca, thì sẽ là do Tiểu mà cảm Đại, cũng là do căn cơ phát khởi khiến cho thành ra như thế đó).

Phản thứ tư, “loại trừ hư vọng, củng cố tín tâm” đã xong.

2.2.2.2.1.1.3.1.2.5. Chỉ rõ chẳng hư vọng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng đương nhất tâm tín giải, thọ trì Phật ngữ. Chư Phật Như Lai ngôn vô hư vọng, vô hữu dư thừa, duy nhất Phật Thừa.

(經)舍利弗！汝等當一心信解，受持佛語。諸佛如來言無虛妄，無有餘乘，唯一佛乘」。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời Phật. Chư Phật Như Lai chẳng nói lời hư vọng, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa).

Trước là khuyên tin tưởng lời nói chân thật của Phật Thích Ca. Kế đó, khuyên hãy nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật. Cuối cùng, kết lại Phật Thừa duy nhất. Do vậy, ngăn dứt ngờ vực, báng bô.

Đến đây, phần kinh văn Trường Hàng đã xong.

2.2.2.2.1.2. Kệ tụng

2.2.2.2.1.2.1. Hứa khả sẽ giải đáp

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hữu hoài tăng thượng mạn, ưu-bà-tắc ngã mạn, ưu-bà-di bất tín. Như thị tứ chúng đẳng, kỳ số hữu ngũ thiên, bất tự kiến kỳ quá, ư giới hữu khuyết lậu. Hộ tịch kỳ hà tỳ¹⁶⁰, thị tiểu trí dĩ xuất, chúng trung chi tao khang¹⁶¹, Phật oai đức cố khứ. Tur nhân tiền phước đức, bất kham thọ thị pháp. Thử chúng vô chi diệp, duy hữu chư trình thật. Xá Lợi Phất thiện thính.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「比丘比丘尼，有懷增上慢，優婆塞我慢，優婆夷不信。如是四眾等，其數有五千，不自見其過，於戒有缺漏。護惜其瑕疵，是小智已出，眾中之糟糠，佛威德故去。斯人尠福德，不堪受是法。此眾無枝葉，唯有諸貞實。舍利弗善聽。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ôm lòng tăng thượng mạn, ưu-bà-tắc ngã mạn, ưu-bà-di chẳng tin. Tứ chúng như thế đó, số đến năm ngàn

¹⁶⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngọc có vết nứt hay khuyết điểm thì gọi là Hà, người có tội lỗi thì gọi là Tỳ”.

¹⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bã rọu (hèm) là Tao, lớp vỏ cám bên ngoài hạt ngũ cốc là Khang”.

ngươi, chẳng tự thấy lỗi mình, khuyết lậu đối với giới, tự che giấu tỳ vết. Bọn tiểu trí đã đi, cảm bã trong đại chúng, oai đức Phật phải đi. Bọn họ kém phước đức, chẳng kham nhận pháp này. Đại chúng không cành lá, chỉ có các hạt chắc, Xá Lợi Phất khéo nghe).

“Thượng mạn, ngã mạn, bất tín” tứ chúng đều có, nhưng hai chúng xuất gia (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni) phần nhiều tu đạo, đắc Thiền, làm tướng đã đắc thánh quả, đầy lòng tăng thượng mạn. Kẻ kiêu căng trong cõi tục, phần nhiều đầy lòng ngã mạn. Nữ nhân trí cạn, phần nhiều sanh tâm chẳng tin. Kẻ chẳng tự thấy lỗi ấy, bị ba thứ khuyết điểm che lấp cái tâm, giấu diếm tỳ vết, phô phang phạm đức, chẳng thể tự phản tỉnh, tức là kẻ chẳng hổ thẹn! Nếu tự thấy lỗi mình, sẽ là vị tăng biết hổ thẹn. “*U giới hữu khuyết lậu*” (Có thiếu sót đối với giới): Sai sót nơi luật nghi thì gọi là Khuyết. Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới đều đánh mất, thì gọi là Lậu. Do thiếu Định Cộng Giới và Đạo Cộng Giới, trong tâm dấy lên sự cảm nhận xấu ác, như ngọc có tỳ vết. Do thiếu luật nghi, ngoài thì dấy động thân, miệng, như ngọc lộ ra vết nứt, giấu diếm tội để tự an, chẳng biết phát lộ, cho nên gọi là “*hộ tích*” (giấu diếm). “*Tiểu trí*” là chẳng đạt được trí của bậc Hữu Học hay Vô Học, chỉ có cái trí thế gian nhỏ nòi, hư vọng so đo, ngõ hữu lậu là vô lậu, do [trí ấy] nhỏ nòi nhất trong thứ nhỏ nòi, nên gọi là “*tiểu trí*”. Chẳng được nhuần thấm bởi Thiền Định vô lậu, chỉ có Thiền Định thế gian, cho nên như bã rượu. Chẳng có lý huệ (trí huệ thuộc về Lý) xuất thế, chỉ hiểu sơ sài văn tự, mê mờ nơi kinh văn, đánh mất ý chỉ, vì thế như cảm. Lại nữa, “*cảm bã*” ví như chẳng có căn cơ Đại Thừa, “*chi diệp*” (cành lá) ví như chẳng phải là dụng cụ tốt, đều chẳng kham dùng được. Vì thế, cần phải loại bỏ. Bốn bài kệ đều nhằm trùng tụng chuyện hứa khả sau khi loại trừ [những kẻ tăng thượng mạn]. Câu cuối cùng trùng tụng chuyện giới hứa (hứa khả bằng cách răn nhắc Xá Lợi Phất hãy khéo nghe). Phần thuận hứa bị lược đi, chẳng trùng tụng.

2.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng phần chánh thuyết

2.2.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng về bốn loại Phật

2.2.2.2.1.2.2.1.1. Trùng tụng về chư Phật

Phần kệ tụng này có ba chỗ khác biệt với phần Trường Hàng:
- Một là đôi bên đều có những chỗ phần này có mà phần kia không có. [Chẳng hạn như] phần Trường Hàng có tán thán pháp, nhưng

không nói [căn kẽ về] Ngũ Trược. Phần này (kệ tụng) có Ngũ Trược, nhưng không tán thán pháp.

- Hai là thứ tự khác nhau. Phần Trường Hàng trước hết tán thán pháp, kế đó nói đến “chẳng hư dối” nhằm khai Quyền hiển Thật. Kệ tụng thì trước hết khai Quyền hiển Thật, sau đó mới nói “chẳng hư dối”.

- Ba là tách ra hay gộp lại khác nhau. Phần Trường Hàng gộp chung khuyến tín và [khẳng định pháp này] chẳng hư dối. Kệ tụng tách rời “khuyến tín” và “chẳng hư dối”. Lại nữa, phần Trường Hàng dùng phương tiện của Phật Thích Ca để giải thích sự quyền biến của chư Phật. Kệ tụng dùng chuyện “hiển nhất” (hiển thị Nhất Thừa) của Phật Thích Ca để giải thích Thật pháp của chư Phật.

Đó là bốn điều sai khác. Kinh văn trong phần này được chia thành năm phần: Một là trùng tụng về chuyện thực hiện Quyền. Hai là trùng tụng về chuyện hiển Thật. Ba là trùng tụng khuyến tín. Bốn là nêu ra Ngũ Trược. Năm là trùng tụng [pháp này] chẳng hư dối.

2.2.2.2.1.2.2.1.1. Trùng tụng về chuyện thực hiện Quyền

(Kinh) Chư Phật sở đắc pháp, vô lượng phương tiện lực, nhi vị chúng sanh thuyết. Chúng sanh tâm sở niệm, chúng chủng sở hành đạo, nhược can chư dục tánh, tiên thế thiện ác nghiệp, Phật tất tri thị dĩ. Dĩ chư duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện lực, linh nhất thiết hoan hỷ, hoặc thuyết Tu Đà La, Già Đà, cập Bồ Đề Sự, Bồ Đề Sanh, Vị Tăng Hữu, diệc thuyết ư Nhân Duyên, Thí Dụ tịnh Kỳ Dạ, Ưu Bà Đề Xá Kinh. Độn căn nhạo Tiểu pháp, tham trước ư sanh tử, ư chư vô lượng Phật, bất hành thâm diệu đạo, chúng khổ sở não loạn, vị thị thuyết Niết Bàn.

(經)諸佛所得法，無量方便力，而為眾生說。眾生心所念，種種所行道，若干諸欲性，先世善惡業，佛悉知是已。以諸緣譬喻，言辭方便力，令一切歡喜，或說修多羅，伽陀及本事，本生未曾有，亦說於因緣，譬喻並祇夜，優波提舍經。鈍根樂小法，貪著於生死，於諸無量佛，不行深妙道，眾苦所惱亂，為是說涅槃。

(Kinh: Pháp chư Phật đã đắc, vô lượng sức phương tiện, vì chúng sanh mà nói. Tâm chúng sanh suy nghĩ, các thứ đạo đã hành, bao nhiêu loại dục tánh, nghiệp thiện ác đời trước, Phật đều biết hết cả. Dùng các duyên, thí dụ, ngôn từ, sức phương tiện, khiến hết thấy hoan hỷ, hoặc nói ra Khế Kinh, Kệ tụng và Bốn Sự, Bốn Sanh, Vị Tăng Hữu, và cũng nói Nhân Duyên, Thí Dụ cùng Trùng Tụng, Ưu Ba Đề Xá kinh. Độn căn ưa Tiểu pháp, tham đắm nơi sanh tử, ở nơi vô lượng Phật, chẳng hành đạo sâu mầu, bị các khổ não loạn, vì họ nói Niết Bàn).

“*Chư Phật sở đắc pháp*” (Pháp do chư Phật đạt được): Tu đạo đạt được các Quyền pháp. Ấy là vì cái nhân tự hành đã trọn vẹn, cảm vời Hậu Đắc Vô Phân Biệt Trí, còn gọi là Sai Biệt Trí. Ngay trong khi tự hành Quyền pháp thuộc về Thể, bản thể của pháp ấy cũng chẳng thể nói. Do vì phương tiện, vì chúng sanh mà nói, trở thành hóa tha Quyền, chiếu soi căn cơ trong chín pháp giới, nói ra bảy phương tiện. Chín [pháp giới] là đối tượng tiếp độ, giáo hóa chẳng ngoài bảy [phương tiện]. Nói ra bảy [phương tiện] để thích ứng với [căn cơ] trong chín [pháp giới], khiến cho họ dần dần nhập Thật. Trong bảy và chín thứ đó, tùy theo căn cơ như thế nào, sẽ được nghe pháp như thế đó. Hễ gặp căn cơ liền [thuyết pháp] phù hợp, chứ thoát đầu không nhất định [phải nói pháp nào]; vì thế nói “*vô lượng phương tiện lực, nhi vị chúng sanh thuyết*” (vô lượng sức phương tiện, vì chúng sanh mà nói).

Hiện hành, dấy lên hy vọng thì gọi là “*sở niệm*”. “*Niệm*” chính là mong muốn, những điều mong muốn quen thuộc đã trở thành tánh, có thể tạo thành chủng tử sau này, cộng thêm các nghiệp trước đó có thiện và ác, sai biệt ngàn ấy, đúng là chẳng thể do một duyên, một thí dụ, một loại phương tiện mà có thể độ thoát, chỉ có Phật đều có thể biết trọn! Vì thế, [đức Phật] có thể tùy nghi thuyết chín bộ pháp¹⁶², khiến cho hết thấy đều hoan hỷ. Hoan hỷ ắt “*sanh thiện, diệt ác, nhập lý*” (tức Vị Nhân, Đối Trị và Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn). [Kệ tụng] nêu ra điều [Tất Đàn] đầu tiên (hoan hỷ) để gồm chung các điều [Tất Đàn] sau đó (sanh thiện, diệt ác, nhập lý).

“*Chín bộ*”: Nói chung thì Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều có mười hai bộ loại, nhưng luận riêng thì Tiểu Thừa hoặc là mười một bộ, hoặc

¹⁶² Chín bộ pháp tức là các loại thể tài dùng trong kinh văn nhà Phật, như Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi, Vô Văn Tự Thuyết v.v... Tùy theo chia ra hay gộp lại mà kinh nói “thập nhị bộ kinh” hay “cửu bộ pháp”.

chỉ có chín bộ, nói căn kẽ thì như trong sách Huyền Nghĩa đã nói. Sáu câu từ “*độn căn nhạo Tiểu pháp*” (độn căn ưa pháp nhỏ) trở đi nhằm tiểu kết ý “*thực hiện Quyền*”. Đòi trước độn căn, đòi này chẳng có cơ hội, chẳng kham nghe Đại pháp. Vì thế nói là “*bất hành thâm diệu đạo*” (chẳng hành đạo sâu mầu). Đòi trước tham đắm, chướng nặng, đòi này bị các khổ quấy nhiễu, nhiễu hại, chỉ có thể nghe Tiểu pháp. Vì thế nói “*vị thị thuyết Niết Bàn*” (vì những người ấy mà nói Niết Bàn).

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2. Kệ tụng hiển Thật

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.1. Trùng tụng Lý Nhất

(Kinh) Ngã thiết thị phương tiện, linh đắc nhập Phật huệ, vị tăng thuyết nhữ đẳng, đương đắc thành Phật đạo. Sở dĩ vị tăng thuyết, thuyết thời vị chí cố. Kim chánh thị kỳ thời, quyết định thuyết Đại Thừa. Ngã thử cứu bộ pháp, tùy thuận chúng sanh thuyết, nhập Đại Thừa vi bốn. Dĩ cố thuyết thị kinh.

(經)我設是方便，令得入佛慧，未曾說汝等，當得成佛道。所以未曾說，說時未至故。今正是其時，決定說大乘。我此九部法，隨順眾生說，入大乘為本。以故說是經。

(Kinh: Ta lập phương tiện này, khiến được nhập Phật huệ. Chưa từng nói các ông, sẽ được thành Phật đạo. Sở dĩ chưa từng nói, vì chưa đến lúc nói. Nay chính là đúng lúc, quyết định nói Đại Thừa. Chín bộ pháp của ta, tùy thuận chúng sanh nói, nhập Đại Thừa làm gốc. Vì thế, nói kinh này).

“*Phật huệ*” chính là một đại sự nhân duyên. Nếu xét theo người có thể biết thì là Hạnh Nhất. Nếu xét theo cái được biết thì là Lý Nhất. Nếu lại xét theo khía cạnh “*nói kinh*” thì phải là Giáo Nhất. Nếu xét theo pháp được tuyên nói thì là Lý Nhất. Do cũng chọn lấy điều thuận tiện, nên gọi là Lý Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.2. Trùng tụng Nhân Nhất

(Kinh) Hữu Phật tử tâm tịnh, nhu nhuyển diệc lợi căn, vô lượng chư Phật sở, nhi hành thâm diệu đạo. Vị thử chư Phật tử, thuyết thị Đại Thừa kinh. Ngã ký như thị nhân, lai thế thành Phật đạo, dĩ thâm tâm niệm Phật, tu trì tịnh giới cố. Thử đẳng văn đắc Phật, đại hỷ sung biến thân, Phật tri bỉ tâm hạnh, cố vị thuyết Đại Thừa. Thanh Văn, nhược Bồ Tát, văn ngã sở thuyết pháp, nãi chí ư nhất kệ, giai thành Phật vô nghi.

(經)有佛子心淨，柔軟亦利根，無量諸佛所，而行深妙道。為此諸佛子，說是大乘經。我記如是人，來世成佛道，以深心念佛，修持淨戒故。此等聞得佛，大喜充徧身，佛知彼心行，故為說大乘。聲聞若菩薩，聞我所說法，乃至於一偈，皆成佛無疑。

(Kinh: Có Phật tử tâm tịnh, mềm mỏng và lợi căn, nơi vô lượng chư Phật, tu hành đạo sâu mầu. Vì các Phật tử ấy, nói kinh Đại Thừa này. Ta thọ ký người ấy, đời sau thành Phật đạo, do thâm tâm niệm Phật, vì tu trì tịnh giới. Bọn họ nghe thành Phật, khắp thân rất mừng rỡ. Phật biết tâm hạnh họ, vì họ nói Đại Thừa. Thanh Văn hay Bồ Tát, nghe pháp do ta nói, thậm chí một bài kệ, đều thành Phật chẳng ngờ).

Đây chính là trùng tụng chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, rộng tạo các phương tiện khiến cho mọi người đều trở thành Thật nhân (người chứng nhập Thật lý). “*Hữu Phật tử tâm tịnh*” (Có Phật tử tâm thanh tịnh) tức là người thuộc Biệt Giáo. “*Vị chư Phật tử thuyết Đại Thừa kinh*” (Vì các Phật tử nói kinh Đại Thừa): Được thọ ký tâm hoan hỷ, tức là trở thành người chân thật trong Viên Giáo. “*Thanh Văn, nhược Bồ Tát*” (Thanh Văn hoặc Bồ Tát): Nói Thanh Văn là gộp chung cả Duyên Giác, tức là hàng Nhị Thừa trong hai giáo. “*Bồ Tát*” gồm chung các vị đại sĩ thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo, đều thành Phật chẳng nghi, tức là bảy loại phương tiện, không ai chẳng phải là Phật tử; điều ấy đã rõ! Đây là lời chân thành của bậc cực thánh (Phật), sao lại chẳng tin?

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.3. Trùng tụng Giáo Nhất

(Kinh) Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết; dẫn dĩ giả danh tự, dẫn đạo ư chúng sanh, thuyết Phật trí huệ cố.

(經)十方佛土中，唯有一乘法，無二亦無三，除佛方便說；但以假名字，引導於眾生，說佛智慧故。

(Kinh: Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba, trừ Phật nói phương tiện; chỉ dùng danh tự giả, hướng dẫn các chúng sanh, nói trí huệ của Phật).

Đây là trùng tụng điều đã nói trong phần trước (phần Trường Hàng): Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba! Chỉ là dùng giả danh “tam giáo” để hướng dẫn họ nhập một giáo thuộc Phật huệ! Vì thế, do dựa theo phương tiện để nói, cho nên là tạm thời có. Xét theo mục đích cuối cùng để luận định, chắc chắn chẳng có hai hay ba thừa!

2.2.2.2.1.2.2.1.1.2.4. Trùng tụng Hạnh Nhất

(Kinh) Chư Phật xuất ư thế, duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân. Chung bất dĩ Tiểu Thừa, tế độ ư chúng sanh. Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, Định Huệ lực trang nghiêm. Dĩ thử độ chúng sanh, tự chứng vô thượng đạo, Đại Thừa bình đẳng pháp. Nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nãi chí ư nhất nhân, ngã tắc đạo xan tham, thử sự vi bất khả!

(經)諸佛出於世，唯此一事實，餘二則非真。終不以小乘，濟度於眾生。佛自住大乘，如其所得法，定慧力莊嚴。以此度眾生，自證無上道，大乘平等法。若以小乘化，乃至於一人，我則墮慳貪，此事為不可！

(Kinh: Chư Phật hiện trong đời, chỉ một sự thật này, hai thứ kia chẳng thật. Trọn chẳng dùng Tiểu Thừa, để tế độ chúng sanh. Phật tự trụ Đại Thừa, đúng như pháp đã đắc, sức Định Huệ trang nghiêm. Dùng đó độ chúng sanh, tự chứng đạo vô thượng, pháp Đại Thừa bình đẳng. Nếu dạy pháp Tiểu Thừa, thậm chí chỉ một người, ta liền đạo keo tham, chuyện ấy chẳng thể được!)

“Duy thử nhất sự thật” (Chỉ có một sự thật này): Trùng tụng chuyện nói trong phần trên, trong tất cả các việc làm, thường vì một đại sự. “Phật tự trụ Đại Thừa”: Trùng tụng chuyện đã nói trong phần trên, chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ bày khiến cho chúng sanh ngộ. Sáu câu cuối nhằm giải thích ý nghĩa “Phật chẳng dùng pháp Tiểu Thừa để độ chúng sanh”.

Phần thứ hai, trùng tụng về Hiện Thật đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3. Trùng tụng chuyện khuyến tín

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3.1. Nêu ra cái quả để khuyến tín

(Kinh) Nhược nhân tín quy Phật, Như Lai bất khi cuống, diệt vô tham tật ý, đoạn chư pháp trung ác. Cố Phật ư thập phương, nhi độc vô sở úy. Ngã dĩ tướng nghiêm thân, quang minh chiếu thế gian, vô lượng chúng sở tôn, vị thuyết Thật Tướng ẩn.

(經)若人信歸佛，如來不欺誑，亦無貪嫉意，斷諸法中惡。故佛於十方，而獨無所畏。我以相嚴身，光明照世間，無量眾所尊，為說實相印。

(Kinh: Nếu ai tin, quy Phật, Như Lai chẳng lừa dối, cũng chẳng hề tham, ganh, đoạn trừ các pháp ác. Vì thế trong mười phương, riêng Phật không sợ hãi. Ta dùng các tướng hảo, để trang nghiêm thân mình, quang minh soi thế gian, vô lượng chúng tôn kính, nói ra ẩn Thật Tướng).

Tâm Phật thanh tịnh, đoạn hết các ác, thuyết pháp không sợ hãi. Nội đức ấy đáng tin. Diệu tướng trang nghiêm quang minh rạng ngời, được đại chúng tôn trọng, nói Đại Thừa ẩn thì chính là ngoại đức đáng tin.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.3.2. Nêu ra cái nhân để khuyến tín

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã bốn lập thế nguyện, dục linh nhất thiết chúng, như ngã đẳng vô dị. Như ngã tích sở nguyện, kim giả dĩ mãn túc, hóa nhất thiết chúng sanh, giai linh nhập Phật đạo.

(經)舍利弗當知：我本立誓願，欲令一切眾，如我等無異。如我昔所願，今者已滿足，化一切眾生，皆令入佛道。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta vốn lập thệ nguyện, muốn cho hết thảy chúng, bằng như ta chẳng khác. Như nguyện xưa của ta, đến nay đã trọn đủ, giáo hóa mọi chúng sanh, khiến đều nhập Phật đạo).

Xưa đã có thệ nguyện chân thành, nay nhằm tương ứng với lời thề cho nên nói ra; nguyện xưa ấy đáng tin! Nguyện Bồ Đề được thỏa, giáo hóa người khác cùng nhập Bồ Đề. Do cái nhân ắt đạt được quả, nhân chẳng hư luống, càng rất đáng tin!

Hỏi: - Bốn thệ đã trọn khắp, nay chúng sanh vẫn còn đông đảo, sao lại nói là “nguyện được viên mãn”?

Đáp: - Phật ba đời luôn tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng hề có lúc xong. Nay xét theo căn cơ đã chín muồi trong hiện tại, mà nói là “nguyện mãn”.

Phần kệ tụng thứ ba nhằm khuyến tín đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4. Nêu ra Ngũ Trược

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.1. Nêu chung Ngũ Trược gây chướng ngại to lớn

(Kinh) Nhược ngã ngộ chúng sanh, tận giáo dĩ Phật đạo. Vô trí giả thác loạn, mê hoặc bất thọ giáo.

(經)若我遇眾生，盡教以佛道。無智者錯亂，迷惑不受教。

(Kinh: Nếu ta gặp chúng sanh, trọn dạy bằng Phật đạo. Kẻ vô trí làm loạn, mê hoặc, chẳng nghe dạy).

Chúng sanh tự dùng khổ não nung nấu. Chư Phật vì đại bi mà cứu vớt muôn loài. Bi đối ứng với khổ, cho nên nói là “*tương ngộ*” (gặp gỡ). Hơn nữa, Phật như, chúng sanh như, nhất như, chẳng phải là nhị như, thiên tánh tương quan, vì thế nói là “*tương ngộ*”. “*Tận giáo dĩ Phật đạo*” (Đều dạy họ trọn hết bằng Phật đạo), đó là bốn hoài của Phật. Kẻ vô trí do mê hoặc chẳng tiếp nhận lời dạy. Ngũ Trược ngăn chướng Đại

pháp. Họ (chúng sanh) đã có chương, há lẽ nào chẳng lập ra phương tiện để dẫn dụ dần dần?

Kinh dạy: “Quá khứ hữu Phật, hiệu Trụ Vô Trụ, phát nguyện sử kỳ quốc chúng sanh đồng nhứt, đồng thời thành Phật, tức nhứt diệt độ. Hữu Hiền Kiếp tiền hữu Phật, hiệu viết Bình Đẳng, diệt nguyện kỳ quốc, cập thập phương chúng sanh đồng nhứt thành Phật, tức nhứt diệt độ. Nhược nhĩ, kim nhứt hữu Phật, phục hữu chúng sanh, vân hà da? Phật ngôn: “Chỉ chỉ, ngã tiền sở ngôn, đắc nhân thân giả nhĩ”. “Phả hữu phát nguyện, linh ngũ đạo đồng nhứt thành Phật phủ?” Phật ngôn: - Bất khả dĩ phi khí chi thân thành vô thượng đạo. Yếu tiên hóa tam thú, linh đắc nhân thiên, nhiên hậu nãi khả như nguyện. Tam thú phi thiện đạo, hà năng thành Phật?” ([Đức Phật dạy]: “Trong quá khứ, có Phật hiệu là Trụ Vô Trụ, phát nguyện khiến cho chúng sanh trong nước mình trong cùng một ngày, đồng thời thành Phật và nhập diệt ngay trong ngày hôm ấy. Lại nữa, trước Hiền Kiếp có Phật, hiệu là Bình Đẳng, cũng nguyện cho chúng sanh trong nước mình và mười phương cùng một ngày thành Phật, diệt độ ngay trong hôm ấy”. [Đại chúng có người thắc mắc]: “Nếu là như vậy, ngày nay có Phật mà cũng có chúng sanh, tức là như thế nào vậy?” Đức Phật dạy: “Thôi, thôi, ta nói những chúng sanh trên đây là những kẻ đã được làm thân người”. [Người ấy lại thắc mắc]: “Há có vị nào phát nguyện năm đường thành Phật trong cùng một ngày hay không?” Đức Phật dạy: “Chẳng thể dùng cái thân không phải là pháp khí để thành vô thượng đạo. Trước hết, phải hóa độ ba đường [ác] đều đạt được thân người hay trời. Sau đấy mới có thể như nguyện. Ba đường chẳng phải là thiện đạo, sao có thể thành Phật cho được?”)

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.2. Nói riêng về ngũ chương

(Kinh) Ngã tri thử chúng sanh, vị tăng tu thiện bản, kiên trước ư ngũ dục, si ái cố sanh não. Dĩ chư dục nhân duyên, trụ đạo tam ác đạo, luân hồi lục thú trung, bị thọ chư khổ độ.

(經)我知此眾生，未曾修善本，堅著於五欲，癡愛故生惱。以諸欲因緣，墜墮三惡道，輪迴六趣中，備受諸苦毒。

(Kinh: Ta biết chúng sanh ấy, chưa từng tu cội lành, chấp chặt vào ngũ dục, si ái nên phiền não. Do nhân duyên các dục, rơi rớt ba đường ác, luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ các khổ độ).

Hai bài kệ này riêng nói về Chúng Sanh Trược. Chân Như Thật Tướng được gọi là “*thiện bản*” (cội lành). Do chẳng nương theo loại thiện căn này, cho nên chẳng thể cảm Đại pháp. Ngũ dục là cội gốc của các điều ác. Từ si mà có ái, cho nên các thứ phiền não đua nhau nảy sanh.

(Kinh) Thọ thai chi vi hình, thế thế thường tăng trưởng, bạc đức thiếu phước nhân, chúng khổ sở bức bách.

(經)受胎之微形，世世常增長，薄德少福人，眾苦所逼迫。

(Kinh: Lúc thọ thai bé bỏng, đời đời thường tăng trưởng¹⁶³, kẻ đức mỏng, ít phước, bị các khổ bức bách).

Bài kệ này riêng nói về Mạng Trược. Kinh Xử Thai nói cận kề tướng trạng tăng trưởng dần dần từ bảy ngày đầu tiên cho đến tuần thứ ba mươi tám (tròn chín tháng mười ngày), tức là như kinh nói “*thế thế thường tăng trưởng*” (đời đời thường tăng trưởng), đúng là đáng chán lìa. Dùng quán tâm để giải thích thì một niệm tâm khởi chính là tạo nghiệp cho vị lai. Do nghiệp bèn nhập thai, thai nghiệp vô cùng [khổ sở], đời đời chẳng đoạn, tức là “*tăng trưởng*”.

(Kinh) Nhập tà kiến trừ lâm, nhược hữu, nhược vô đẳng, y chỉ thử chư kiến, cụ túc lục thập nhị.

(經)入邪見稠林，若有若無等，依止此諸見，具足六十二。

(Kinh: Vào rừng rậm tà kiến, dường như có, như không, nương các tà kiến ấy, trọn đủ sáu mươi hai).

Bài kệ này nói riêng về Kiến Trược. Năm thứ kiến đan xen, giống như rừng rậm dày đặc. “*Nhược hữu*” là Thường Kiến, “*nhược vô*” là

¹⁶³ Theo pháp sư Phổ Hành, câu này phải hiểu là con người khi mới vào thai mẹ, hình trạng nhỏ nhiệm, khó thể thấy bằng mắt thường nên gọi là “*vi hình*” (hình trạng nhỏ nhặt).

Đoạn Kiến. Nương vào hai loại Kiến ấy, bèn thành sáu mươi hai kiến¹⁶⁴, nói cận kề thì như [các sách giảng về] Pháp Số đã nói.

(Kinh) Thâm trước hư vọng pháp, kiên thọ bất khả xả. Ngã mạn, tự căng cao, siểm khúc tâm bất thật.

(經)深著虛妄法，堅受不可捨。我慢自矜高，諂曲心不實。

(Kinh: Cháp sâu pháp hư vọng; nhận chắc, chẳng thể bỏ. Ngã mạn, tự hống hách, siểm khúc, tâm chẳng thật).

Bài kệ này nói riêng về Phiền Não Trược, nêu đại lược tham và mạn trong các căn bản [phiền não], cũng như Siểm trong Tiểu Tỳ thiền não để nói gộp chung các phiền não khác.

¹⁶⁴ “Sáu mươi hai kiến” là từ ngữ chỉ chung các quan điểm chấp trước của ngoại đạo đối với tự ngã và thân tâm. Nói chung, các quan điểm của ngoại đạo dựa trên quá khứ mà đề ra mười tám loại kiến chấp chính yếu: Biên thường luận (mọi thứ đều là thường), bán thường luận (có một số thứ là thường), vô nhân luận (không có nguyên nhân), hữu biên vô biên luận, bất tử luận... Họ còn dựa theo các kiến chấp về vị lai mà đề ra 44 loại, tức sanh tử hữu tướng luận, vô tướng luận, phi hữu tướng phi vô tướng luận, đoạn diệt luận, hiện pháp Niết Bàn luận v.v... Gộp chung thành sáu mươi hai kiến chấp. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã giải thích đơn giản hơn như sau: Đối với Sắc Uẩn bèn chấp trước thành bốn câu: “Sắc là thường, Sắc là vô thường, Sắc vừa là thường vừa vô thường, Sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường”. Đối với bốn Uẩn còn lại cũng có bốn câu như thế, nên thành 5x4=20 câu. Đó là chấp trước đối với Ngũ Uẩn thuộc quá khứ. Kế đó, đối với Sắc Uẩn bèn chấp trước hữu biên hay vô biên thành bốn câu: “Sắc là hữu biên, Sắc là vô biên, Sắc vừa hữu biên vừa vô biên, Sắc chẳng phải là hữu biên hay vô biên”. Đối với bốn Uẩn kia cũng thế, cho nên tạo thành hai mươi câu nữa. Đó là chấp trước trong hiện tại đối với Ngũ Uẩn. Lại đối với Ngũ Uẩn mà chấp trước là sẽ qua đi hay không qua đi mà thành bốn câu “Sắc sẽ như khứ (quá khứ không từ đâu đến), Sắc không như khứ (vị lai không do đâu mà có)...” thành hai mươi câu nữa, tức là chấp trước đối với Ngũ Uẩn trong vị lai. Sáu mươi kiến chấp ấy cộng với hai kiến chấp “thân và thần thức là một”, “thân và thần thức khác nhau” mà thành sáu mươi hai kiến. Cũng dựa trên Ngũ Uẩn, các vị Trí Giả và Gia Tường lại giải thích như sau: Đối với Sắc bèn chấp thành bốn câu: “Sắc là ngã; là sắc bèn có ngã; sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc; ngã lớn, sắc nhỏ, sắc ở trong ngã”. Đối với bốn Uẩn còn lại đều chấp như vậy (tức Thọ là ngã, là thọ bèn có ngã v.v...) gộp thành hai mươi câu, ứng với ba đời thành sáu mươi câu, cộng thêm hai kiến chấp thường và chấp đoạn thành sáu mươi hai câu. Còn nhiều cách giải thích khác nữa, nhưng sợ rườm rà không ghi vào đây!

(Kinh) U' thiên vạn ức kiếp, bất văn Phật danh tự, diệc bất văn chánh pháp. Như thị nhân nan độ.

(經)於千萬億劫，不聞佛名字，亦不聞正法。如是人難度。

(Kinh: Trong ngàn vạn ức kiếp, chẳng nghe danh hiệu Phật, cũng chẳng nghe chánh pháp. Kể như thế khó độ).

Bài kệ này nói riêng về Kiếp Trước. Thời gian dài lâu chẳng nghe Phật pháp, tức là Kiếp Trước. Lại nữa, bốn loại Trước trên đây tập trung trong thời này, nên gọi là Kiếp Trước. Do Ngũ Trước ngăn chướng, nên chẳng tin Nhất Thừa; vì thế, khó độ! Giải thích theo quán tâm, niệm nào cũng là cảm nhận ác, vĩnh viễn chẳng có chánh quán tự giác. Đó là “chẳng nghe danh hiệu Phật”. Vĩnh viễn chẳng tương ứng với Bát Chánh Đạo là “chẳng nghe chánh pháp”. Cái tâm ấy sẽ khó độ.

Phần thứ hai, “nói riêng về năm chướng” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.3. Chỉ ra “vì Ngũ Trước cho nên nói Tiểu pháp”

(Kinh) Thị cố, Xá Lợi Phất! Ngã vị thiết phương tiện, thuyết chư tận khổ đạo, thị chi dĩ Niết Bàn.

(經)是故，舍利弗！我為設方便，說諸盡苦道，示之以涅槃。

(Kinh: Vì thế, Xá Lợi Phất! Ta lập ra phương tiện, nói các đạo dứt khổ, dùng Niết Bàn để dạy).

2.2.2.2.1.2.2.1.1.4.4. Nói rõ “vì pháp Đại mà thí pháp Tiểu. Tiểu pháp nhằm đối trị Ngũ Trước, nhờ đó hưng khởi đại nguyện”

(Kinh) Ngã tuy thuyết Niết Bàn, thị diệc phi chân diệt. Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng. Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật.

(經)我雖說涅槃，是亦非真滅。諸法從本來，常自寂滅相。佛子行道已，來世得作佛。

(Kinh: Ta tuy nói Niết Bàn, cũng chẳng phải chân diệt. Các pháp vốn trước nay, thường tự tịch diệt tướng. Phật tử đã hành đạo, đời sau được làm Phật).

Chia chẻ tam giới nhằm dứt hết sạch vọng, diệt Sắc giữ lấy Không thì chẳng phải là “*thật sự diệt*” (chân diệt), vì vô minh Biệt Hoặc vẫn còn đó thì Biến Dịch sanh tử thuộc giới ngoại (ở ngoài tam giới) vẫn đang lòng lộng. Nếu thấu đạt “*vô minh vốn là Không*”, các pháp sao còn nữa! Như mắt có màng mọng, sẽ thấy hoa đốm trên hư không, hình tướng của hoa đốm vốn là hư giả. Pháp tuy vốn tịch, nếu chẳng tu đạo, sẽ chẳng do đâu mà khế hội được! Vì thế nói “*Phật tử hành đạo dĩ, lai thế đắc tác Phật*” (Phật tử đã hành đạo, đời sau sẽ thành Phật). Như hoa đốm trên hư không tuy tịch, nhưng nếu không trừ màng mọng, sẽ chẳng có cách nào thấy hư không thanh tịnh được!

Phần thứ tư “nêu bày Ngũ Trược” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.1.5. Trùng tụng [pháp Nhất Thừa] chẳng hư giả

(Kinh) Ngã hữu phương tiện lực, khai thị tam thừa pháp, nhất thiết chư Thế Tôn, giai thuyết Nhất Thừa đạo. Kim thử chư đại chúng, giai ưng trừ nghi hoặc, chư Phật ngữ vô dị, duy nhất, vô nhị thừa.

(經)我有方便力，開示三乘法，一切諸世尊，皆說一乘道。今此諸大眾，皆應除疑惑，諸佛語無異，惟一無二乘。

(Kinh: Ta có sức phương tiện, khai thị pháp tam thừa, hết thấy các Thế Tôn, đều nói đạo Nhất Thừa. Nay trong đại chúng đây, đều nên trừ nghi hoặc, lời chư Phật chẳng khác, duy nhất, chẳng hai thừa).

Trước là Quyền, sau là Thật, khéo vì Ngũ Trược thực hiện phương tiện này, lời thành thật chẳng dối, chớ sanh nghi!

Phần thứ nhất, trùng tụng về chư Phật đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.2. Trùng tụng quá khứ chư Phật

2.2.2.2.1.2.2.1.2.1. Trùng tụng đại lược về chuyện khai tam hiển nhất

(Kinh) Quá khứ vô số kiếp, vô lượng diệt độ Phật, bách thiên vạn ức chủng, kỳ số bất khả lượng. Như thị chư Thế Tôn, chủng

chủng duyên, thí dụ, vô số phương tiện lực, diễn thuyết chư pháp tướng. Thị chư Thế Tôn đẳng, giai thuyết Nhất Thừa pháp, hóa vô lượng chúng sanh, linh nhập ư Phật đạo.

(經)過去無數劫，無量滅度佛，百千萬億種，其數不可量。如是諸世尊，種種緣譬喻，無數方便力，演說諸法相。是諸世尊等，皆說一乘法，化無量眾生，令入於佛道。

(Kinh: Vô số kiếp quá khứ, vô lượng Phật diệt độ, trăm ngàn vạn ức loại, số ấy chẳng thể lường. Các Thế Tôn như thế, các thứ duyên, thí dụ, vô số sức phương tiện, diễn nói các pháp tướng. Các vị Thế Tôn ấy, đều nói pháp Nhất Thừa, độ vô lượng chúng sanh, khiến vào trong Phật đạo).

Hai bài kệ [đầu] nói đến chuyện Phật ban bố pháp tam thừa, bài kệ sau cùng nói về chuyện “khai tam, hiển nhất”. Nói pháp Nhất Thừa chính là Giáo Nhất. Hóa độ vô lượng chúng sanh tức là Nhân Nhất. Nhập Phật đạo tức là Hạnh Nhất và Lý Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng chi tiết về chuyện “khai tam, hiển nhất”
2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.1. Nêu phương tiện chung giúp cho việc khai hiển

(Kinh) Hựu chư đại thánh chúa, tri nhất thiết thế gian, thiên nhân quần sanh loại, thâm tâm chi sở dục, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa.

(經)又諸大聖主，知一切世間，天人群生類，深心之所欲，更以異方便，助顯第一義。

(Kinh: Lại các đại thánh chúa, biết hết thấy thế gian, trời, người, các quần sanh, thâm tâm ham muốn gì, bèn dùng phương tiện lạ, giúp hiển Đệ Nhất Nghĩa).

Nói “thiên nhân quần sanh” là nêu ra các thừa hòng chỉ rõ Nhân Nhất. “Dị phương tiện” (Phương tiện lạ) là nêu ra các giáo, các hạnh để hiển thị Giáo Nhất và Hạnh Nhất. Đệ Nhất Nghĩa là Lý Nhất. Chánh

nhân Phật tánh chính là Đệ Nhất Nghĩa. Nếu dùng viên diệu chánh quán thì là phương tiện Thật Tướng, chẳng nói là “*dị*” (khác lạ). Nay dùng năm thừa, bảy phương tiện v.v... để giúp hiển lộ [Đệ Nhất Nghĩa], cho nên gọi là “*dị phương tiện*”, tức là nói từ Lục Độ cho đến cúng dường, xưng danh v.v... trong phần sau. Ấy là vì chúng sanh ưa muốn khác nhau, khiến cho phương tiện của chư Phật có sai khác; nhưng phương tiện tuy khác, [công năng] giúp hiển lộ [Nhất Thừa] giống nhau. Đã hiển Thật thì “*dị*” ấy chẳng phải là *dị*! Ân cần ca ngợi là vì lẽ này!

2.2.2.2.1.2.2.2. Riêng chỉ bày tướng khai hiển

2.2.2.2.1.2.2.2.1. Dựa theo các điều thiện để hiển lộ công đức của duyên nhân¹⁶⁵

2.2.2.2.1.2.2.2.1.1. Dựa theo Lục Độ để nói về khai hiển

(Kinh) Nhược hữu chúng sanh loại, trị chư quá khứ Phật, nhược văn pháp bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền, trí đẳng, chủng chủng tu phước huệ. Như thị chư nhân đẳng, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)若有眾生類，值諸過去佛，若聞法佈施，或持戒忍辱，精進禪智等，種種修福慧。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu có các chúng sanh, gặp chư Phật quá khứ, hoặc nghe pháp bố thí, hoặc trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền, trí thấy, tu phước huệ mọi lẽ. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Chánh nhân Phật tánh thì chúng sanh và Phật có cùng một Thể. Nếu huyễn chướng sâu, sẽ vĩnh viễn chẳng gặp Phật. Người được gặp gỡ quá khứ Phật, ắt do sức của nội nhân (cái nhân bên trong) mạnh mẽ, bèn cảm cái duyên xuất thế. Nhưng điều ham muốn trong thâm tâm của chúng sanh khác nhau, cho nên chư Phật thuyết pháp cũng khác biệt. Trong lúc đó, hoặc nghe đồn pháp, hoặc nghe tiêm pháp, hoặc tu bố thí, hoặc tu trì giới, hoặc tu nhẫn nhục, hoặc tu tinh tấn, hoặc tu Thiền Định,

¹⁶⁵ “*Duyên nhân*” là các nhân phụ thuộc giúp cho chánh nhân tăng trưởng, kết thành cái quả. Chẳng hạn như hạt lúa là chánh nhân, duyên nhân là đất, nước, ánh sáng mặt trời, phân bón, cày bừa, gieo mạ, làm cỏ v.v...

hoặc tu trí huệ, hoặc chỉ tu một pháp, một hạnh, hoặc kiêm tu các pháp, các hạnh khác, hoặc chuyển¹⁶⁶, hoặc trợ, các thứ bất đồng. Lại hoặc dùng tâm hữu tướng để tu Lục Độ, hoặc dùng tâm vô tướng để tu Lục Độ, hoặc dùng phi tướng phi vô tướng để lần lượt tu Lục Độ, lại còn có nhiều thứ khác nhau! Nay xét ra, [những người ấy tu tập như thế ấy] đều đã thành Phật, đều chứng Lý Nhất, vậy thì những người như thế chính là Nhân Nhất. Phước huệ do họ đã tu chính là Hạnh Nhất. Các pháp họ được nghe chính là Giáo Nhất. Nghe pháp và trí huệ ở đây tự họ thuộc về liễu nhân, nhưng do [nghe pháp và trí huệ] khiến cho họ về sau được nghe kinh Pháp Hoa. Vì thế, chúng chỉ thuộc vào duyên nhân!

2.2.2.2.1.2.2.2.1.2. Dựa theo tâm bi luyến để nói rõ về sự khai hiển

(Kinh) Chư Phật diệt độ hậu, nhược nhân thiện nhuyển tâm, như thị chư chúng sanh, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)諸佛滅度後，若人善軟心，如是諸眾生，皆已成佛道。

(Kinh: Chư Phật diệt độ rồi, nếu ai tâm thiện nhuyển, các chúng sanh như thế, đều đã thành Phật đạo).

Nói tiếp ý đoạn kinh văn trước đó: Không chỉ là người gặp Phật, nghe pháp, tu hành Lục Độ đã thành Phật, mà ngay sau khi chư Phật đã thị hiện nhập diệt, nếu có thể khởi tâm bi luyến đối với Như Lai, trong một niệm, xả ác theo thiện, hóa ương ngạnh thành mềm mỏng. Nếu xét theo lúc đó, tự họ [pháp họ tu] thuộc về nhân, thiện, Nhị Thừa, nhưng nay xét ra, họ cũng đều đã thành Phật đạo. Đối với Phật đạo đã chứng Lý Nhất. Vậy thì các chúng sanh chính là Nhân Nhất. Cái tâm tốt lành, mềm mỏng chính là Hạnh Nhất. Thị hiện nhập diệt chính là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.2.1.3. Xét theo chuyện cúng dường xá-lợi để nói rõ về sự khai hiển

¹⁶⁶ “Chuyển” ở đây là chánh hạnh. Do có công năng khiến cho hành nhân đạt được mục đích, chẳng hạn như chuyển phàm thành thánh nên gọi là Chuyển.

(Kinh) Chư Phật diệt độ dĩ, cúng dường xá-lợi giả, khởi vạn ức chủng tháp, kim, ngân, cập pha lê, xa cừ dữ mã não, mai khôi, lưu ly châu, thanh tịnh quảng nghiêm sức, trang hiệu u chư tháp. Hoặc hữu khởi thạch miếu, Chiên Đàn cập trầm thủy, mộc mật tịnh dư tài, chuyên ngỗ, nê, thổ đẳng. Nhược u khoáng dã trung, tích thổ thành Phật miếu. Nãi chí đồng tử hý, tụ sa vi Phật tháp. Như thị chư nhân đẳng, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)諸佛滅度已，供養舍利者，起萬億種塔，金銀及玻瓈，碑磬與碼碯，玫瑰琉璃珠，清淨廣嚴飾，莊校於諸塔。或有起石廟，旃檀及沈水，木栴并餘材，甗瓦泥土等。若於曠野中，積土成佛廟。乃至童子戲，聚沙為佛塔。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Chư Phật đã diệt độ, người cúng dường xá-lợi, dựng vạn ức loại tháp. Vàng, bạc, và pha lê¹⁶⁷, xa cừ cùng mã não¹⁶⁸, mai khôi¹⁶⁹, châu lưu ly, thanh tịnh, rộng trang hoàng, tô điểm nơi các tháp. Hoặc là dựng miếu đá, Chiên Đàn và trầm thủy, gỗ mật¹⁷⁰, các vật liệu, gạch,

¹⁶⁷ Pha lê (Sphatika), còn phiên âm là Phả Chi Ca, Phả Chi, Phả Trí Ca, Phá Trí Ca, Sa Bà Trí Ca, Tắc Phả Trí Ca, Tót Ba Trí Ca, dịch nghĩa là Thủy Ngọc, Bạch Châu, Thủy Tinh, nhưng không có nghĩa là thủy tinh hay pha lê (crystal) như trong tiếng Hán hiện đại. Theo Đại Trí Độ Luận, đây là một chất báu có bốn màu tím, trắng, đỏ, xanh biếc, trong đó loại màu đỏ và xanh biếc quý nhất. Chất báu này trong suốt, hết sức kiên cố, cứng rắn như ngọc, cho nên mới gọi là Thủy Ngọc. Pha Lê sanh từ trong núi thẳm. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa còn giảng Pha Lê chia thành hai loại là Hỏa Châu và Thủy Châu.

¹⁶⁸ Xa cừ (Musāragalva), còn phiên âm là Mâu Sa Lạc Yết Bà, hoặc Mục Sa Ra Già La Bà v.v... dịch nghĩa là Tử Sắc Bảo (chất báu màu tím), là một chất báu. Có thuyết (như sách Bản Thảo Cương Mục) cho xa cừ là chất phủ trên mặt trong của vỏ một loại ốc lớn ngoài biển.

Mã Não (Aśmagarbha) còn dịch nghĩa là Thạch Tạng, hoặc Chử Tạng. Loại chất báu này khác với chất Mã Não (Agate) hiện thời! Vì Agate có màu hồng đỏ cho đến gần như đỏ nâu, trong khi kinh sách nhà Phật nói Mã Não có màu xanh như chim phỉ thúy, hoặc xanh đậm.

¹⁶⁹ Theo pháp sư Phổ Hành, Mai Khôi là một loại bảo thạch tròn xoe và rất đẹp, tức là Hỏa Tể Châu được nhắc đến trong sách Thuyết Văn Giải Tự.

¹⁷⁰ Theo pháp sư Phổ Hành, Mộc Mật là một loại gỗ có hình dạng giống như gỗ bạch đàn, có mùi thơm nhẹ.

ngói, bùn, đất thủy. Hoặc là nơi đồng trống, đắp đất thành Phật miếu. Cho đến trẻ nhỏ giỡn, gom cát làm tháp Phật. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Nói tiếp ý câu trên. Lại nữa, không chỉ người do bị luyến Như Lai mà sanh tâm mềm mỏng, tốt lành đã thành Phật. Ngay như sau khi chư Phật đã nhập diệt, nát thân thành bao nhiêu viên xá-lợi, những người ấy do thờ phụng xá-lợi bèn dựng tháp báu, cho đến kẻ dựng miếu bằng đá, hay xây miếu bằng đất. Thậm chí trẻ nhỏ gom cát làm miếu. Hoặc có xá-lợi bằng hạt cải, hoặc chẳng có xá-lợi, hoặc do tâm chân thành, hoặc dùng tâm đùa giỡn, ngay trong lúc đó, công đức dù lớn hay nhỏ, dù có hay không, nay nhìn lại, cũng đều đã thành Phật đạo. Đã chứng Phật đạo thì là Lý Nhất. Vậy thì những người như thế chính là Nhân Nhất. Dựng tháp, xây miếu, đắp đất, gom cát tức là Hạnh Nhất. Nát thân thành xá-lợi tức là Giáo Nhất.

Xét ra, Phật Thích Ca thị hiện nhập diệt, trà-tỳ¹⁷¹ xong, ngài Đại Ca Diếp nói: *“Xá-lợi của Như Lai chẳng phải là chuyện của chúng ta. Đã có quốc vương, vương tử, đại thần, tể quan, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... là những người yêu thích phước điền sẽ rộng tu cúng dường. Chuyện của chúng ta là hãy nên kết tập Tam Tạng, chớ để chánh pháp nhanh chóng diệt mất”*. Do vậy, thấy rằng: Ngài Ca Diếp coi truyền tâm ấn của Phật là chuyện cấp bách phải chú trọng trước tiên. Trời, người thích gieo phước điền, cho nên coi chuyện cúng dường làm đầu. Khi họ tu cúng dường, đã phát ra tâm nguyện ba thừa hoặc năm thừa khác nhau, nhưng do sức phương tiện của chư Phật quá khứ, lâu sau, chẳng có ai không quy vào Phật đạo.

Lại xét theo cách tạo tháp trong kinh, tháp của Như Lai mười ba cấp, Bích Chi Phật năm cấp, A La Hán bốn cấp, A Na Hàm ba cấp, Tư Đà Hàm hai cấp, Tu Đà Hoàn một cấp, Luân Vương chẳng có cấp.

¹⁷¹ Trà tỳ (Jhāpita), còn phiên âm là Xà Duy, Xà Tỳ, Da Duy, Da Duyệt, dịch nghĩa là Thiêu Nhiên (đốt cháy), Thiêu Thân, Phần Thiêu (đốt), hoặc nói gọn là Thiêu, tức là hỏa táng. Cách hỏa táng đã thịnh hành tại Ấn Độ trước khi Phật xuất thế, chư Tăng tại Ấn Độ cũng áp dụng cách xử lý thi thể này. Khi Phật giáo truyền sang phương Đông, đa số tăng chúng tại Trung Hoa, Nhật Bản v.v... cũng áp dụng phương thức này. Thiên lâm Trung Hoa đôi khi còn gọi Trà Tỳ là Tống Vãng Sanh (đưa đi vãng sanh).

“Cấp” [được nói ở đây] chính là luân tướng¹⁷². Hiện thời, phàm phu cứ hờ ra là dựng tháp [thờ tro cốt của người đã mất], đem phàm lạm thánh, trái nghịch chẳng nhẹ! Sách Luận Ngữ nói: “*Quân tử ái nhân dĩ đức*” (Quân tử dựa theo đạo đức để yêu thương người khác, hoặc có thể hiểu là quân tử yêu thương người khác theo đúng chuẩn mực đạo đức). Dẫu cho đệ tử tôn trọng thầy, há có nên hãm thầy mắc tội “lạm thánh” hay chẳng? Lại nữa, dẫu cho người chết mờ mịt, há chẳng tỏ rõ sự xoàng xĩnh của kẻ sống ư?

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.4. Xét theo việc tạo tượng Phật để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân vị Phật cổ, kiến lập chư hình tượng, khắc điêu thành chúng tượng, giai dĩ thành Phật đạo. Hoặc dĩ thất bảo thành, thân thạch, xích bạch đồng, bạch lap cập diên tích, thiết, mộc, cập dữ nê. Hoặc dĩ giao tất bố, nghiêm sức tác Phật tượng. Như thị chư nhân đẳng, giai dĩ thành Phật đạo.

¹⁷² Luân tướng (輪相) ở đây tức là kiến trúc gồm nhiều khối tròn trên đỉnh tháp, tượng trưng cho các lọng báu chồng lên nhau. Kinh luận còn gọi kiến trúc này là Kim Sát, Thừa Luân Bàn, Tướng Luân, Luân Cái v.v... Theo Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện, quyển 4: “*Chế để (tháp thờ Phật) như quả táo nhỏ, bên trên đặt luân tướng, giống như một cái sào cao nhỏ*”. Tại Nhật Bản, trên các tháp hoặc các lầu gác chính của tự viện (nhất là chánh điện), thường đặt luân tướng có chín cấp, gọi là Cửu Luân (九輪). Thông thường, Luân Tướng tại Nhật được chia thành bốn phần:

- 1) Phần đế có hình hoa sen, bộ phận hoa sen này lại chia thành ba phần:
 - a. Phần đế vuông gọi là Lộ Bàn (露盤).
 - b. Trên đó là phần kim loại như cái bát úp xuống, được gọi là Phục Bát (伏鉢).
 - c. Phần cánh sen trên đỉnh Phục Bát được gọi là Thọ Hoa (受花), hay Thịnh Hoa (請花).
 - 2) Trên đó, đặt một trục thẳng, gắn chín vòng tròn bằng kim loại, gần giống như bát úp (mô phỏng các lọng che), gọi là Cửu Luân (còn gọi là Bảo Luân, 宝輪).
 - 3) Phía trên Cửu Luân là Thủy Yên (水煙) giống các tia sáng tỏa ra từ một lòng sắt hình chuông úp. Phía trên Thủy Yên là một khối tròn gọi là Long Xa (竜車).
 - 4) Trên chót cùng của trụ luân tướng là một khối tròn gọi là Bảo Châu (宝珠). Nếu có xá-lợi, sẽ đặt trong Bảo Châu.
- Chung quanh Cửu Luân và Thủy Yên thường gắn các linh nhỏ.

(經)若人為佛故，建立諸形像，刻雕成眾相，皆已成佛道。或以七寶成，鍮鈔赤白銅，白蠟及鉛錫，鐵木及與泥。或以膠漆布，嚴飾作佛像。如是諸人等，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu có người vì Phật, tạo lập các hình tượng, chạm khắc thành các tướng, đều đã thành Phật đạo. Hoặc dùng bảy báu tạo, đồng thau, đồng trắng, đồng, sáp trắng và chì, thiếc, sắt, gỗ, cùng đất sét. Hoặc dùng keo, sơn, vải, trang hoàng tạo tượng Phật. Những người như thế đó, đều đã thành Phật đạo).

Tiếp nối đoạn kinh văn trên đây: Lại nữa, không chỉ người vì thờ phụng xá-lợi mà dựng tháp, cát miếu đều đã thành Phật, mà [những ai] dùng bất cứ vật liệu gì để tạo lập hình tượng [cũng sẽ đều thành Phật]. Trong khi đó, vật liệu có thô tháp hay tinh tế, giá trị có cao hay thấp, tâm có chân thành hay không, nguyện có xa hay gần, dường như công đức cũng có lớn hay nhỏ. Nhưng nay nhìn lại, họ cũng đã đều thành Phật đạo! Phật đạo là Lý Nhất. Các người [tạo tượng] chính là Nhân Nhất, tạo tượng tức là Hạnh Nhất. Như Lai phân biệt công đức tạo tượng chính là Giáo Nhất. Nhưng kinh Ưu Bà Tắc Giới dạy tạo tượng chẳng được dùng keo¹⁷³, [nếu dùng] sẽ mắc tội “thất ý” (vô ý, chẳng cẩn thận); kinh này lại cho phép dùng. Cổ đức nói: “*Ngoại quốc dùng chất keo từ nhựa cây*”. Có người nói: “*Nước đậu nành có thể thay thế chất keo trong*”. Lại nữa, kinh Địa Trì chẳng cho phép sử dụng thư hoàng¹⁷⁴, hoặc các vật có mùi hôi thối. Giới kinh chẳng cho phép tạo tượng bán thân. Hơn nữa, đối trước tượng Phật đứng, chớ nên ngồi; đối trước tượng Phật ngồi, chớ

¹⁷³ “Keo” ở đây là chất kết dính nấu từ da trâu, da bò (còn gọi là A Giao) để pha màu vẽ sẽ không bị bay màu.

¹⁷⁴ Thư hoàng (Orpiment) chính là chất arsenic sulfide (As₂S₃). Đây là khoáng vật có màu vàng đậm óng ả, hoặc vàng cam, thường tìm thấy tại các mạch suối phun, hay suối nước nóng, do hùng hoàng (realgar) phân giải thành. Đây là một chất độc, tuy được dùng làm thuốc trong Trung Y. Do có màu sắc tươi đẹp, nó thường được dùng để pha màu làm tranh vẽ tường hoặc các bức họa. Do nó có màu vàng óng, các nhà giả kim thuật Châu Âu và các đạo sĩ thường dùng thư hoàng để luyện đan với tham vọng biến chì thành vàng, hoặc luyện kim đan với mục đích cầu trường sanh bất tử, nhưng đa số bị trúng độc bởi các loại kim đan có chứa các hợp chất của thủy ngân và thạch tín (arsenic).

nên nằm. Hơn nữa, kinh Tạo Tượng Công Đức nói đại lược mười một công đức:

- Một là đời đời mắt trong sạch.
- Hai là sanh vào chỗ chẳng có điều ác.
- Ba là thường sanh trong nhà sang quý.
- Bốn là thân có màu như vàng tía được giới mài.
- Năm là các vật quý báu dư dật.
- Sáu là sanh vào nhà hiền thiện.
- Bảy là sanh ra được làm vua.
- Tám là làm Kim Luân Vương.
- Chín là sanh vào Phạm Thiên, thọ mạng một kiếp.
- Mười là chẳng đọa ác đạo.
- Mười một, đời sau vẫn có thể kính trọng Tam Bảo.

Lại nói: - Nếu người lúc lâm chung thốt lời tạo tượng, thậm chí [tượng chỉ to] bằng hạt lúa mạch, sẽ có thể trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử khắp ba đời. Hãy nên biết công đức như thế ấy hoàn toàn là hoa báo, quả báo thuộc vào địa vị Phật.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.5. Dựa theo chuyện vẽ tượng để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Thái họa tác Phật tượng, bách phước trang nghiêm tướng, tự tác, nhược sử nhân, giai dĩ thành Phật đạo. Nãi chí đồng tử hý, nhược thảo mộc cập bút, hoặc dĩ chỉ trảo giáp, nhi họa tác Phật tượng. Như thị chư nhân đẳng, tiệm tiệm tích công đức, cụ túc đại bi tâm, giai dĩ thành Phật đạo, dẫn hóa chư Bồ Tát, độ thoát vô lượng chúng.

(經)彩畫作佛像，百福莊嚴相，自作若使人，皆已成佛道。乃至童子戲，若草木及筆，或以指爪甲，而畫作佛像。如是諸人等，漸漸積功德，具足大悲心，皆已成佛道，但化諸菩薩，度脫無量眾。

(Kinh: Vẽ vờ làm tượng Phật, tướng trăm phước trang nghiêm, tự làm, sai người làm, đều đã thành Phật đạo. Cho đến trẻ nhỏ giỡn, dùng cỏ cây làm bút, hoặc dùng móng tay mình, để vẽ thành tượng Phật.

Những người như thế đó, dần dần chứa công đức, trọn đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo, chỉ giáo hóa Bồ Tát, độ thoát vô lượng chúng).

Nối tiếp ý của đoạn kinh văn trước đó. Lại nữa, không chỉ người tạo lập tượng Phật đã thành Phật, mà vẽ hình ảnh của Phật, tự làm, hoặc sai người khác làm, cho đến trẻ nhỏ vẽ giỡn chơi. Trong lúc đó, công đức dù lớn hay nhỏ, hoặc có hay không. Nay nhìn lại, [những người ấy] cũng đều đã thành Phật đạo. Phật đạo là Lý Nhất. Những người đó là Nhân Nhất. Dần dần tích tập công đức trọn đủ đại bi tâm, tức Hạnh Nhất. Chỉ giáo hóa Bồ Tát tức là Giáo Nhất. Lại nữa, hai câu “*chỉ giáo hóa*” nói rõ chuyện sau khi họ đã thành Phật, chính là tự chứng Tứ Nhất (Lý Nhất, Giáo Nhất, Hạnh Nhất, Nhân Nhất), lại dùng Tứ Nhất để độ chúng sanh.

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.6. Xét theo chuyện cúng tháp để nói rõ về chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân ư tháp miếu, bảo tượng, cập họa tượng, dĩ hoa, hương, phan, cái, kính tâm nhi cúng dường. Nhược sử nhân tác nhạc, kích cổ, xuy giác bối, tiêu, địch, cầm, không hầu, tỳ bà, nã, đồng bát. Như thị chúng diệu âm, tận trì dĩ cúng dường. Hoặc dĩ hoan hỷ tâm, ca bái tụng Phật đức, nãi chí nhất tiểu âm, giai dĩ thành Phật đạo. Nhược nhân tán loạn tâm, nãi chí dĩ nhất hoa, cúng dường ư họa tượng, tiệp kiến vô số Phật. Hoặc hữu nhân lễ bái, hoặc phục dẫn hiệp chưởng, nãi chí cử nhất thủ, hoặc phục tiểu đê đầu. Dĩ thử cúng dường tượng, tiệp kiến vô lượng Phật, tự thành vô thượng đạo, quảng độ vô số chúng, nhập Vô Dư Niết Bàn, như tâm tận hỏa diệt.

(經)若人於塔廟，寶像及畫像，以華香幡蓋，敬心而供養。若使人作樂，擊鼓吹角貝，簫笛琴箏篪，琵琶鐃銅鈸。如是眾妙音，盡持以供養。或以歡喜心，歌唄頌佛德，乃至一小音，皆已成佛道。若人散亂心，乃至以一華，供養於畫像，漸見無數佛。或有人禮拜，或復但合掌，乃

至舉一手，或復小低頭。以此供養像，漸見無量佛，自成無上道，廣度無數眾，入無餘涅槃，如薪盡火滅。

(*Kinh: Nếu ai nơi tháp miếu, đôi tượng báu, tượng vẽ, dùng hoa, hương, phan, lọng, tâm cung kính cúng dường. Nếu sai người tấu nhạc, đánh trống, thổi sừng, ốc¹⁷⁵, tiêu, sáo, đàn, không hầu, tỳ bà, chiêng, chấp chõa¹⁷⁶. Các diệu âm như thế, dùng hết để cúng dường. Hoặc dùng*

¹⁷⁵ Thông thường, “giác bối” (角貝) được hiểu là loại tù và làm bằng sừng trâu hay ốc biển, pháp sư Phổ Hành lại giảng như sau: “Giác bối là một loại động vật, có tên là bát giác bối (ốc tám cạnh), dùng vỏ của nó để chế làm nhạc khí, còn gọi là pháp loa”.

¹⁷⁶ Tiêu (簫) là loại sáo to, đôi khi còn gọi là động tiêu (洞簫) thường làm bằng trúc, hoặc đôi khi bằng gỗ khoét rỗng, thổi dọc, lỗ thổi ở một đầu của Tiêu. Thân tiêu thường có sáu lỗ, lại chia thành nhiều loại như Bắc Tiêu, Nam Tiêu, Cầm Tiêu v.v... Loại Cầm Tiêu ngắn nhất nên thường gọi là Xích Bát (một thước tám tấc), được truyền sang Nhật và được người Nhật rất ưa chuộng sử dụng trong dàn nhạc với danh xưng Shakuhachi (tức Xích Bát đọc theo âm Nhật).

Địch (笛, còn gọi là Hoàn Địch) là loại sáo thổi ngang, thường được biết với tên “sáo trúc” trong tiếng Việt. Địch thường làm bằng tre, nhưng có khi làm bằng gỗ, đá, hay ngọc. Tuy thế, sáo trúc được ưa chuộng nhất vì có độ cộng hưởng tốt và âm sắc đẹp hơn các loại chất liệu khác.

Cầm (琴) là loại đàn cổ, có 7 dây (thoạt đầu chỉ có 5 dây), đặt nằm ngang. Cầm là nhạc khí rất cổ, thậm chí được tin là đã có từ thời Thần Nông, Phục Hy. Cầm thường được coi là gắn liền với nho gia hay hiền nhân, và được gọi là “nhạc khí của bậc triết nhân”. Tuy vậy, về sau, Cầm còn thường dùng như một danh từ chung để chỉ các loại đàn có dây như Hồ Cầm (đàn kéo bằng cung mã vĩ, giống như Nhị hoặc đàn cò), Dương Cầm (dulcimer, tức đàn gỗ bằng hai dùi, không hiểu theo nghĩa Dương Cầm trong tiếng Việt. Một loại Dương Cầm khá phổ biến trong dàn nhạc cổ truyền Á Châu chính là đàn Tam Thập Lục), Cương Cầm (đàn piano), Tiểu Đê Cầm (violin) v.v... Vì thế, để chỉ rõ đàn Cầm trong truyền thống, người ta thường dùng chữ Cổ Cầm hay Dao Cầm. Hiện thời, ngoại trừ một số nghệ sĩ chuyên nghiệp diễn tấu Cổ Cầm, hầu như Cổ Cầm chỉ dùng trong dàn Nhã Nhạc, hoặc dùng trong các lễ tế Không Miếu.

Không Hầu (箜篌, Vĩnā) là một loại đàn có nguồn gốc từ Tây Vực (truyền vào Trung Hoa dưới thời Hán Linh Đế), còn gọi là Không Cổ, hoặc Giang Hồ, có hình dáng hơi giống như thụ cầm (Harp) hiện thời, nhưng nhỏ hơn, khung đàn đơn giản hơn, có thể đặt gọn trong lòng khi diễn tấu. Không Hầu chia thành nhiều loại như Thụ Không Hầu, Ngọa Không Hầu, và Phượng Thủ Không Hầu. Thụ Không Hầu khi gảy, phải ôm đứng lên. Thụ Không Hầu, có từ 23 cho đến 25 dây. Ngọa Không Hầu đặt nằm

tâm hoan hỷ, xướng tán tụng Phật đức, thậm chí một âm nhỏ, đều đã

ngang, chỉ có 7 dây v.v... Hiện thời, hai loại Ngọa Không Hầu và Phượng Thủ Không Hầu đã thất truyền.

Đàn Tỳ Bà (琵琶) có thân đàn giống như quả lê, cổ đàn ngắn, có bốn trục lên dây. Số lượng dây biến thiên từ 12 đến 31 dây. Truyền thuyết thường cho rằng khi quận chúa Tể Quân (con gái của Giang Đô Vương Lưu Kiến) bị gả cho tù trưởng Ô Tôn, cô ta đã chế ra đàn này để gảy trên lưng ngựa khi vượt sa mạc cho đỡ nhớ nhà và vui bớt buồn tủi. Từ truyền thuyết này, khi viết về Chiêu Quân, các thi sĩ hay kịch tác gia Trung Hoa cũng thường hay mô tả Chiêu Quân gảy đàn Tỳ Bà khi bị đưa cống Hồ (gả cho Thiên Vu Hô Hân Tà của dân Hung Nô) dưới thời Hán Nguyên Đế. Tuy vậy, các nhà nghiên cứu cho rằng Tỳ Bà có nguồn gốc từ Trung Á hoặc Ấn Độ. Loại đàn này được truyền sang Đại Hàn với tên gọi là Bipa, và người Nhật gọi nó là Biwa. Một số người cho rằng đàn Nguyễn được Nguyễn Hàm (một người trong Trúc Lâm Thất Hiền) phát triển từ Tỳ Bà, và chia thành năm loại (đại nguyên, trung nguyên, tiểu nguyên, cao âm nguyên và đề âm nguyên). Từ đàn Nguyễn, hình thành loại đàn Nguyệt (thường gọi là “đàn kim” tại miền Nam Việt Nam). Điểm khác biệt về hình dáng giữa đàn Nguyệt và đàn Nguyễn là cán của Nguyệt to hơn, thùng đàn của Nguyễn có hai lỗ tròn thoát âm hoặc khoét thành hình chim phượng, trong khi thùng đàn Nguyệt không có lỗ thoát âm, cán đàn Nguyệt Việt Nam dài và trông thanh thoát hơn đàn Nguyễn, trong khi Nguyệt Cầm của Trung Hoa cán ngắn và thô hơn đàn Nguyễn. Thêm nữa, đàn Nguyệt Việt Nam có 2 dây, trong khi đàn Nguyệt của Trung Hoa có từ 2 đến 4 dây tùy từng địa phương, nhưng loại 4 dây phổ biến nhất. Từ Tỳ Bà cũng hình thành liễu cầm (nhỏ và ngắn hơn Tỳ Bà). Thời Đường, Tỳ Bà rất ưa chuộng đến nỗi trong bài Tỳ Bà Hành, Bạch Cư Dị đã mô tả tiếng đàn Tỳ Bà như sau: “*Đại huyền tao tao như cấp vũ, tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ, tao tao thiết thiết thác tạp đàn, đại châu, tiểu châu lạc ngọc bàn, gian quan oanh ngữ hoa đề hoạt, u yết lưu thủy cảnh hạ than, thủy tuyến lãnh sát huyền ngưng tuyết*”. Cụ Phan Huy Thực đã diễn Nôm như sau: “*Dây to nhường đổ mưa rào, ní non dây nhỏ như trò chuyện riêng, tiếng cao thấp lẫn chen liên gảy, mâm ngọc châu bóng nảy hạt châu. Trong hoa, oanh riu rít nhau, suối tuôn róc rách chảy mau xuống ghềnh*”.

Nã (鑼) là một nhạc khí cổ, đúc bằng kim loại, dùng dùi gỗ, có hình dáng giống như một cái bát lật ngửa, miệng xéo, có cán dưới đáy để cầm. Nã được đánh lên nhằm ra hiệu dứt trống thúc quân. Người đánh nắm cán của Nã, tay kia dùng dùi đập vào cho vang ra tiếng. Sách Thuyết Văn Giải Tự lại giảng Nã là một loại chiêng nhỏ dùng để đệm trong khi tấu nhạc để tế lễ.

Đồng bạt (chập chĩa, chũm chọe, chập cheng, cymbals) là loại nhạc khí thường đúc thành một đôi bằng đồng hay hợp kim, hình tròn, chính giữa có núm tròn, có lỗ để xỏ dây nắm. Khi đánh thì chập vào nhau. Chập chĩa cũng thường được dùng trong các dàn trống hiện đại, nhưng dùng để gõ. Chập chĩa truyền thống của Trung Hoa chia thành tiêu bạt, trung bạt, đại bạt và thủy bạt (tùy theo kích cỡ và cao độ của âm thanh). Loại pháp khí Kha (Ha, thường bị đọc trại thành Cơ) dùng trong các tự viện cũng là một loại đồng bạt.

thành Phật đạo. Nếu ai tâm tán loạn, cho đến dùng một hoa, cúng dường nơi tượng vẽ, dần thấy vô số Phật. Hoặc có người lễ bái, hoặc lại chỉ chấp tay, cho đến gior một tay, hoặc lại khể củi đầu. Dùng đó cúng dường tượng, dần thấy vô lượng Phật, tự thành vô thượng đạo, rộng độ vô số chúng, nhập Vô Dư Niết Bàn, như củi hết lửa diệt).

Nối tiếp đoạn kinh văn trước đó. Lại nữa, không chỉ người dựng tháp, cất miếu, tạo tượng, vẽ tượng đã thành Phật, mà người đối trước tượng bái hoặc tượng vẽ trong bất cứ loại tháp miếu nào để tu các loại cúng dường, đều đã thành Phật. Luận định căn kể sự cúng dường, chẳng ra ngoài ngũ trần. Hoa, phan, lọng là Sắc Trần. Âm nhạc, ca vịnh, phạm bái là Thanh Trần. Hương chính là Hương Trần. Lễ bái tức là Xúc Trần. Lại còn y phục là Xúc Trần. Thức ăn là Vị Trần. Những thứ này lược đi chẳng nói, chứ theo đúng lẽ thì ắt phải có.

Lại nữa, cúng dường cần luận định tam nghiệp. Tâm cung kính chính là ý nghiệp, ca tụng phẩm đức chính là khẩu nghiệp. Lễ bái, chấp tay, gior tay, hoặc củi đầu chính là thân nghiệp. Xét theo ngũ trần và ba nghiệp ấy, Trần hoặc nhiều, hoặc ít, nghiệp hoặc chuyên ròng hoặc tản mạn. Trong lúc đó, công đức ắt có sai biệt. Nay nhìn lại, [những người làm như thế] đều thành tựu Tứ Nhất. Lại dùng Tứ Nhất để rộng độ chúng sanh. Củi Tam Hoặc đã hết, lửa nhị tử (Phản Đoạn và Biến Dịch sanh tử) bèn tắt, nhập Vô Trụ Xứ Đại Bát Niết Bàn.

Kinh văn nói “*nhược sử nhân tác nhạc*” (nếu sai người khác tấu nhạc), tức là hàng xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, hàng tại gia như quốc vương, trưởng giả, tể quan, cư sĩ trọn chẳng có lẽ nào tự tấu nhạc, cho nên ắt nói “*sử nhân*” (sai người [tấu nhạc]). Còn như ca vịnh, phạm bái, tán tụng phẩm đức thì xuất gia lẫn tại gia đều có thể làm, nhưng cũng cần phải biết đại thể. Nếu phạm âm hòa nhã, dấu dính dáng đến [nhạc giải trí, vui chơi của] thế tục vẫn là thích đáng. Nếu xen lạn giống như ca khúc giải trí của thế tục thì giới luật chẳng cho phép. Thường thấy xướng tán trong thời gần đây, phần nhiều sử dụng xoang điệu của các nhà soạn nhạc [theo lối giải trí thế tục]. Lại còn khi lễ sám, xướng phạm bái, chẳng tuân theo quy cách thời cổ, mà đua nhau khoe hơi dài, chỉ sợ tăng trưởng tham và mạn cho người khác, tăng thêm sự buồn lung cho chính mình. Phước ít, lỗi nhiều, hãy nên suy nghĩ để lựa chọn!

2.2.2.2.1.2.2.1.2.2.2.1.7. Xét theo chuyện xưng danh hiệu Phật để nói rõ chuyện khai hiển

(Kinh) Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)若人散亂心，入於塔廟中，一稱南無佛，皆已成佛道。

(Kinh: Nếu ai tâm tán loạn, vào trong chốn tháp miếu, xưng mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo).

Tiếp nối ý trong đoạn văn trên đây. Lại nữa, không chỉ người dùng ngũ trần tam nghiệp để cúng tháp, cúng tượng đã thành Phật, ngay cả kẻ tán tâm xưng danh Phật một tiếng, cũng đều thành Phật. “Nam-mô” được phương này dịch là Quy Mạng, cũng dịch thành Độ Ngã (độ tôi), cũng dịch thành Kính Tòng (kính trọng thuận theo). Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) khi lâm chung, xưng Nam-mô, chưa niệm tới chữ Phật thì sanh thân đã hãm nhập địa ngục. Đức Phật thọ ký khi ông ta từ địa ngục thoát ra, sẽ làm Bích Chi Phật, có tên là Nam Mô.

Cõi Tây Trúc có kẻ thờ tượng thiên thần, dùng vàng làm đầu tượng, giặc đến ăn trộm, chẳng thể lấy được. Kẻ giặc xưng “Nam-mô Phật” liền lấy được đầu vàng. Hôm sau, mọi người tụ tập bàn bạc: “Tượng trời mất đầu, tức là chẳng có thiên thần dựa vào. Nếu có thiên thần dựa, sao lại mất đầu?” Thiên thần bèn nhập vào thân một người, nói: “Khi kẻ giặc lấy đầu đã xưng Nam-mô Phật, chư thiên đều kinh động. Do đó hấn bèn thừa cơ chiếm lợi nơi ta; vì thế bị mất đầu”. Mọi người nói: “Trời chẳng bằng Phật ư? Đã chẳng bằng, sao không thờ Phật? Kẻ giặc xưng Nam-mô Phật còn lấy được đầu của thiên thần, huống hồ người hiền xưng danh hiệu Phật, mười phương tôn thần há dám chống lại?” Chỉ nên tỉnh tấn, chớ giải đãi.

Kinh Na Tiên chép: “*Như nhân trì nhất thạch trí thủy, tất một vô nghi. Nhược trì bách thạch trí thuyền thượng, tất bất một. Hữu ác nghiệp nhân, trực nhĩ tử, tất đọa Nê Lê, như thạch trí thủy. Nhược lâm tử, xưng Nam-mô Phật, Phật lực cố linh bất nhập Nê Lê, như thuyền lực cố, sử thạch bất một*” (Như người cầm hòn đá bỏ vào nước, ắt chìm chẳng ngờ. Nếu cầm một trăm tảng đá, đặt trên thuyền, ắt chẳng chìm. Kẻ có ác nghiệp tới khi chết ắt đọa địa ngục, giống như đá bỏ xuống nước. Nếu

lúc sắp chết, niệm Nam-mô Phật, do Phật lực nên chẳng vào địa ngục, như do sức của thuyền khiến đá chẳng chìm). Kinh còn dạy: - Đại hội thứ ba ở vườn Hoa Lâm [của Di Lặc Bồ Tát khi Ngài thành Phật], gồm chín mươi hai ức người, toàn là những người xưng “*Nam-mô Phật*” trong di pháp của đức Phật Thích Ca mà được thấy ngài Di Lặc!

Lại nữa, thuở Phật tại thế, có một cụ già, xin được thể độ với khắp năm trăm vị thượng tọa. Các vị thượng tọa quán thấy người ấy đòi trước chẳng có thiện căn, đều chẳng chấp thuận. Cuối cùng, cụ già gặp Phật, đức Phật liền độ cho cụ xuất gia, cụ chứng A La Hán. Các vị thượng tọa hỏi Phật, đức Phật bảo: “Người này trong vô lượng kiếp trước, vào rừng đẵn củi, gặp cọp hoảng sợ, liền xưng Nam-mô Phật. Nay thiện căn xưng danh ấy đã chín muồi, cho nên đắc độ. Do người ấy chẳng có thiện căn nào khác, cho nên lưu chuyển sanh tử rất lâu trong kiếp số dài lâu. Vì thế, đạo nhân của Thanh Văn chẳng thể thấy, chẳng thể biết được!” Đã được chứng A La Hán, rành rành là ắt cũng sẽ chứng Vô Thượng Bồ Đề. Tán loạn xưng danh mà còn ắt đều thành Phật, huống hồ nhất tâm bất loạn ư? Một niệm tương ứng một niệm Phật, một ngày tương ứng một ngày Phật. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Chẳng tin điều này, ta chẳng biết làm như thế nào nữa!

Phần thứ nhất, “xét theo các điều thiện để hiển lộ công đức nơi duyên nhân” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Xét theo chuyện nghe kinh để hiển lộ công đức của liễu nhân

(Kinh) Ư chư quá khứ Phật, tại thế hoặc diệt hậu, nhược hữu văn thị pháp, giai dĩ thành Phật đạo.

(經)於諸過去佛，在世或滅後，若有聞是法，皆已成佛道。

(Kinh: Nơi quá khứ chư Phật, tại thế hoặc diệt độ, nếu ai nghe pháp này, đều đã thành Phật đạo).

“*Thị pháp*” (Pháp này) chính là nói pháp Khai Quyền Hiển Thật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trên đây, từ Lục Độ cho đến đối với kinh tượng, từ cúng dường cho đến xưng danh, hoàn toàn là chư Phật dùng sức phương tiện lạ để giúp hiển lộ chân thật. Mở ra [các phương

tiện lạ như thế] mà còn tạo thành duyên nhân màu nhiệm, hướng hồ kinh này thật sự hiển lộ chân thật. Nếu có người nghe [kinh này], tức là đã gieo liễu nhân, há chẳng thành Phật ư? Nhưng xét theo lúc nghe kinh, hoặc là hiểu, hoặc không hiểu, hữu tướng hay vô tướng, chí tâm hay tán tâm, Sự chẳng phải nhất loạt như nhau, cũng phải luận định theo ý nghĩa “*ngũ thừa sai biệt*”. Nhưng hễ thoáng qua tai, sẽ vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, dù xa hay gần, rốt cuộc đều nhờ vào đó mà được giải thoát, chẳng có một ai không thành Phật! Đây là lời lẽ chân thật của chư Phật, chẳng thể không tin tưởng sâu xa!

Hỏi: - Vì sao chỉ xét theo quá khứ Phật để nói cận kề ngũ thừa đều cùng nhập Thật?

Đáp: - Tam thế chư Phật đều mở ra Quyền, nhưng vị lai chưa đầy lên, hiện tại mới hành, [nếu dùng chuyện hiện tại và vị lai để] chứng nghĩa thì sẽ hơi yếu! Quá khứ khai Quyền đã lâu, người được giáo hóa đều đã thành tựu Tứ Nhất, lại còn ở trong mười phương khai Quyền hiển Thật, chứng nghĩa mạnh mẽ. Nói suông chẳng bằng dùng sự thật để kiểm chứng. Vì thế, đối với quá khứ Phật, nêu cận kề chuyện ngũ thừa hiển Thật.

Phần thứ hai, “trùng tụng quá khứ Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.1.3. Trùng tụng chư Phật vị lai

2.2.2.2.1.2.2.1.3.1. Trùng tụng chuyện thực hành Quyền

(Kinh) Vị lai chư Thế Tôn, kỳ số vô hữu lượng, thị chư Như Lai đẳng, diệc phương tiện thuyết pháp.

(經)未來諸世尊，其數無有量，是諸如來等，亦方便說法。

(Kinh: Vị lai các Thế Tôn, số ấy chẳng hạn lượng, các đức Như Lai ấy, cũng phương tiện thuyết pháp).

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2. Trùng tụng hiển Thật

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.1. Trùng tụng Nhân Nhất

(Kinh) Nhất thiết chư Như Lai, dĩ vô lượng phương tiện, độ thoát chư chúng sanh, nhập Phật vô lậu trí. Nhược hữu văn pháp giả, vô nhất bất thành Phật.

(經)一切諸如來，以無量方便，度脫諸眾生，入佛無漏智。若有聞法者，無一不成佛。

(Kinh: Hết thấy các chư Như Lai, dùng vô lượng phương tiện, độ thoát các chúng sanh, nhập Phật vô lậu trí. Nếu có người nghe pháp, không ai chẳng thành Phật).

Xét theo người nghe pháp, do không ai chẳng thành Phật, nên là Nhân Nhất. Nếu xét theo người hóa độ thì là Giáo Nhất. Pháp được chứng bởi Phật trí chính là Lý Nhất. Nhập Phật trí chính là Hạnh Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.2. Trùng tụng Hạnh Nhất

(Kinh) Chư Phật bốn thế nguyện, ngã sở hành Phật đạo, phổ dục linh chúng sanh, diệc đồng đắc thử đạo.

(經)諸佛本誓願，我所行佛道，普欲令眾生，亦同得此道。

(Kinh: Chư Phật vốn thế nguyện, Phật đạo do ta hành, muốn khiến khắp chúng sanh, cũng cùng đắc đạo này).

Tự hành, hóa độ người khác, không gì chẳng phải là Phật đạo. Vì thế là Hạnh Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.3. Trùng tụng Giáo Nhất

(Kinh) Vị lai thế chư Phật, tuy thuyết bách thiên ức, vô số chư pháp môn, kỳ thật vị Nhất Thừa. Chư Phật Lương Túc Tôn, tri pháp thường vô tánh, Phật chủng tòng duyên khởi, thị cố thuyết Nhất Thừa.

(經)未來世諸佛，雖說百千億，無數諸法門，其實為一乘。諸佛兩足尊，知法常無性，佛種從緣起。是故說一乘。

(**Kinh:** *Chư Phật đời vị lai, tuy nói trăm ngàn ức, vô số các pháp môn, thật ra vì Nhất Thừa. Chư Phật Lương Túc Tôn, biết pháp thường vô tánh, Phật chúng do duyên khởi. Vì thế nói Nhất Thừa*).

“*Trăm ngàn vô số các pháp môn*” là nói đến hết thấy các thứ nói quyền biến thuộc bảy phương tiện trong ngũ thừa. “*Kỳ thật vị Nhất Thừa*” (Thật ra vì Nhất Thừa): Nói rõ ý nghĩa của Quyền. Tuy nói pháp quyền biến, ý vốn ở nơi Thật. Quyền chính là Quyền sẵn có nơi Thật. Vì thế, hề được chỉ bày đó là Quyền, sẽ cùng trở thành liễu nhân. “*Tri pháp thường vô tánh*” (Biết pháp là thường, chẳng có tự tánh): Thật Tướng thường trụ, chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng phải là vô nhân tánh (tánh Không), vô tánh cũng chẳng có tánh (tướng Không). Hễ nói đến vô tánh, sẽ có đủ hai thứ vô tánh, tức là có tánh chất vô tánh và tánh chất vô tướng. Do vốn tự có, nên nói là “*thường vô*”. “*Tri*” (Biết) là chiếu (quán chiếu). Nói chi tiết thì như trong cảnh chẳng thể nghĩ bàn thứ năm của Chỉ Quán: “*Một niệm trọn đủ tam thiên, chẳng có tự hay tha*” v.v... Đã chẳng có bốn tánh (tự tánh, tha tánh, cộng tánh, vô nhân tánh), một niệm cũng chẳng có, tức là tánh Không. Đã chẳng có một niệm thì vô niệm cũng chẳng có, tức là tướng Không. Đây chính là Nhị Không (tướng không và tánh không) chẳng thể nghĩ bàn! Nếu vốn đã là Nhị Không, đây chính là Tánh Đức. Nếu truy vấn, suy xét để nhập Không thì là Tu Đức. Thôi thúc mà chẳng thành, cần phải tu vạn hạnh, chánh lẫn trợ cùng hành, trong hành trọn đủ hết thấy các hạnh thì mới gọi là Duyên Nhân. Nghe nghĩa ấy rồi thì mới gọi là Khai.

Hỏi: - Nhân duyên trong thế gian có thể dùng bốn câu để hiểu rõ sanh và vô sanh. Nay tánh vốn tịnh, chẳng liên quan đến duyên khởi, sao lại cần phải dùng bốn câu ấy để suy cầu?

Đáp: - Duyên khởi của pháp thế gian vốn cũng là vô sanh, nhưng do tình kiến chấp trước, bèn cho đó là sanh. Lý tánh cũng thế, do cho là có tự, tha v.v... cho nên cần phải suy cầu. Nhị Không chẳng hiển lộ, vẫn cần phải dựa theo sự liên tục đối đãi để suy nghiệm, hướng hờ do cái nhân mà thành ư?

Hỏi: - Vì sao kinh vẫn ở đây chẳng lập ra môn Quán ấy?

Đáp: - Kinh này do hàng lợi căn mà khai.

“*Phật chúng tùng duyên khởi*” (Phật chúng do duyên mà dậy lên): Trung Đạo vô tánh chính là “*Phật chúng*”. Kẻ mê lý này, do vô minh làm duyên, ắt sẽ có “chúng sanh” dậy lên. Kẻ hiểu lý này, do Giáo Hạnh

làm duyên, sẽ có Chánh Giác khởi. Muốn dậy khởi Phật chủng, cần có Nhất Thừa giáo. Vì thế, trùng tụng Giáo Nhất.

Hơn nữa, “vô tánh” chính là chánh nhân Phật tánh. “*Phật chủng từ duyên khởi*” tức là duyên liễu, dùng duyên để trợ giúp. Chánh chủng (chủng tử chánh yếu) đã dậy lên, một thứ dậy lên, hết thấy đều dậy lên. Ba tánh như thế gọi là Nhất Thừa (ba cái nhân chẳng thay đổi, cùng gọi là Tánh. Toàn thể đều thành tu, lại gọi là “*duyen liễu*”; đó chính là địa vị Lý Túc. Khổ là chánh nhân Phật tánh, Hoặc là liễu nhân Phật tánh, Nghiệp là duyên nhân Phật tánh. Ba thứ Phật tánh ấy chẳng ngang hay dọc, chẳng cùng hay khác, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có tự tánh, cho đến chẳng có vô nhân tánh, vô tánh cũng chẳng có tánh, bèn gọi cái vô tánh ấy là Chánh Nhân Phật Tánh, tức là thuộc vào địa vị Danh Tự Túc. Hơi có chút hiểu biết, và cũng có chút hành trì, tức là tánh “vô tánh”. Toàn thể trở thành hiểu biết đôi chút, hành trì đôi chút, cho đến thuộc địa vị Quán Hạnh và Tương Tự, giải hạnh dần dần tích tụ, cũng là do toàn thể của tánh vô tánh mà tạo thành. Ba cái nhân chẳng thể nghĩ bàn ấy trong các địa vị Danh Tự, Quán Hạnh và Tương Tự được gọi là Duyên Nhân Phật Tánh. Trong địa vị Phần Chân, Sơ Trụ, một thứ phát thì hết thấy đều phát, cái tâm thuộc về Lý Chánh Nhân đã phát thì gọi là Pháp Thân Đức. Liễu nhân huệ tâm đã phát thì gọi là Bát Nhã Đức. Do duyên nhân thiện tâm phát khởi thì gọi là Giải Thoát Đức, chẳng dọc ngang, không cùng hàng hay khác biệt, chẳng thể nghĩ bàn! Gọi ba cái nhân chẳng thể nghĩ bàn trong địa vị Phần Chân là Liễu Nhân Phật Tánh. Trong địa vị Cứu Cánh, Tánh Đức hiển lộ trọn hết, Tu Đức hoàn tất công năng. Vì thế nói “*chánh chủng được khởi, một thứ khởi thì hết thấy đều khởi*” chính là hiển thị tướng của quả thừa. Y báo, chánh báo, chủ, bạn, cho đến mỗi trần, mỗi hạnh đều nhằm đền đáp cái nhân cùng lúc đều dậy lên. Hễ dậy lên thì sẽ là thành. Tu và tánh hễ gộp lại, chẳng còn chia tách, tức là ba cái nhân của lý tánh rốt ráo được hiển lộ trọn vẹn. Vì thế nói: “*Ba tánh như thế gọi là Nhất Thừa*”.

2.2.2.2.1.2.2.1.3.2.4. Trùng tụng Lý Nhất

(Kinh) Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ, u đạo tràng tri dĩ, đạo sư phương tiện thuyết.

(經)是法住法位，世間相常住，於道場知己，導師方便說。

(*Kinh: Pháp này trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ, nơi đạo tràng đã biết, đạo sư phương tiện nói*).

Chữ Thị chỉ Nhất Thừa “tánh tu bất nhị” trên đây. Nhất Thừa ấy chính là “*pháp trụ*”, còn gọi là “*pháp vị*”. Từ cái gốc vô trụ mà lập ra hết thảy các pháp. Do cái gốc vô trụ ấy chẳng thể động, cho nên là “*pháp trụ*”. Các loại pháp nói chung chẳng ra ngoài phạm vi ấy, bèn gọi là “*pháp vị*”. Nêu ra “*pháp này trụ pháp vị*” để làm tướng Chánh Giác thế gian, do “*pháp trụ pháp vị*” là thường trụ. Vì thế, tướng Chánh Giác thế gian cũng là thường trụ. Nêu ra “*pháp trụ pháp vị*” để làm tướng của chúng sanh thế gian và khí thế gian¹⁷⁷. Do pháp trụ pháp vị là thường trụ, cho nên tướng chúng sanh và thế gian cũng là thường trụ. Đây chính là ba tướng thế gian, mỗi mỗi không gì chẳng thường trụ, mỗi mỗi không gì chẳng phải là “*pháp trụ pháp vị*”, mỗi mỗi không gì chẳng phải là Nhất Thừa. Nhưng chúng sanh mê ám, chẳng thể hay biết, đối với thường trụ lại hư vọng thấy là sanh diệt. Đối với Nhất Thừa, hư vọng thấy sai biệt. Chỉ có đẳng đại giác đạo sư ngồi nơi đạo tràng là biết như thật mà thôi. Đối với lý tánh tịch diệt là các hý luận chẳng thể nói, có thể dùng phương tiện để nói Lý Nhất này! Lại có thể dùng phương tiện là để giúp hiển lộ Lý Nhất này.

Hỏi: - Ngộ lý tánh này thì gọi là Chánh Giác Thế Gian, do vì thuận tánh. Tánh là thường, mà tướng cũng thường thì được, nhưng mê lý tánh này sẽ là Chúng Sanh Thế Gian. Do đã trái tánh, tánh tuy vốn thường, tướng ắt phải vô thường. Có sao tướng chúng sanh thế gian và tướng khí thế gian cũng là thường trụ?

Đáp: - Như băng và nước, cùng lấy “ướt” làm tánh. Ướt thì lấy băng và nước làm tướng. Băng và nước vô thường, tức là tánh ướt vô thường. Vì thế, gọi tánh ướt là vô tánh. Tướng ướt đã là thường, tức tướng của băng và nước cũng đều thường! Vì thế, gọi tướng của băng và

¹⁷⁷ Đối lập với chân tánh là Thế Gian, gồm hai phần:

- Một là Chúng Sanh Thế Gian (còn gọi là Hữu Tình Thế Gian), bao gồm tất cả hết thảy chúng sanh.
- Khí Thế Gian (Quốc Độ Thế Gian, Trụ Xứ Thế Gian) là quốc độ thế giới để hết thảy chúng sanh nương vào mà tồn tại.

nước là thường trụ. Lại nữa, Lý Nhất Thừa vô tánh giống như cái nhà vốn chẳng xoay chuyển, Như Lai đã ngộ, giống như người tỉnh sẽ thấy nhà chẳng xoay chuyển. Chín pháp giới do mê, giống như kẻ say, hư vọng thấy nhà cửa xoay chuyển! Tuy họ thấy là xoay chuyển, nhà vốn chẳng chuyển. Vì thế, tuy họ hư vọng thấy tướng chúng sanh thế gian và tướng khí thế gian sanh diệt, [các tướng ấy] thật ra là thường trụ, do chúng sanh thế gian và khí thế gian chính là vô tánh, chính là pháp trụ, chính là pháp vị.

Lại như mắt có màng mộng, làm lạc thấy hư không có hoa đốm dấy lên hay diệt mất, nhưng hoa đốm trên hư không thật sự chẳng dấy lên hay diệt mất. Do là vô tánh, do chính là Không, thế gian thường trụ. Lý ấy như thế, hết thấy chúng sanh chỉ có lý thường, nghe mà có thể hiểu thì là Danh Tự Thường. Niệm niệm thấu hiểu, xem xét, tâm tâm chẳng gián đoạn, thì gọi là Quán Hạnh Thường. Thô cấu rụng trước, sáu căn thanh tịnh là Tương Tự Thường. Hoát nhiên khai ngộ, chứng chân nhân (cái nhân chân thật) của bốn mươi một địa vị, thì gọi là Phần Chứng Thường. Viên mãn hiển phát, chẳng thừa, chẳng thiếu, thì là Cứu Cánh Thường. Do từ đầu tới đuôi bình đẳng, nên gọi là Túc. Thăng trầm rất khác, cho nên cần phải biện định sáu món. Nương vào cái Thể bình đẳng, cho nên mới có thăng trầm khác biệt. Như nương vào hư không thì mới có thể luận định xa gần. Vì thế nói “*toàn tánh khởi tu*” (nói chung hai cách tu nghịch và thuận), bất luận thăng trầm khác biệt vời vợi, vẫn chẳng lìa một Thể bình đẳng, như xa và gần chẳng ra khỏi hư không. Vì thế nói “*toàn tu tại tánh*”. Giáo vốn để diễn nói điều này, cho nên gọi là Giáo Nhất. Hạnh để khế nhập điều này, cho nên gọi là Hạnh Nhất. Người ắt hiểu điều này, cho nên gọi là Nhân Nhất.

Phần ba, “trùng tụng vị lai Phật” đã xong.

*** Ghi chú của người chuyển ngữ:**

Do đoạn này Tổ giảng quá cao và quá sâu, chúng tôi xin trích thêm lời giảng của pháp sư Phổ Hành như sau: - “*Thị pháp trụ pháp vị*”, chữ *Pháp thứ nhất* nói về hết thấy các pháp, chữ *Pháp thứ hai* chỉ *Chân Như Pháp Tánh*. Hết thấy các pháp vốn trụ trong không tịch, như như bất động, tức là an trụ trong *Chân Như pháp vị*. Vì thế, nói là “*pháp này trụ trong pháp vị*”. Đại Trí Độ Luận nói: “*Pháp tánh, pháp giới, pháp vị đều là tên gọi khác của Chân Như*”.

Trong Pháp Hoa Kinh Giảng Diễn Lục, Thái Hư đại sư viết: “*Pháp thường tức là Trung Đạo trong nơi các pháp, là tánh Viên Thành*

Thật. Pháp vô tánh tức là pháp không, tức là Biến Kế Cháp Tánh. Phật chứng chính là vô lậu chứng tử mà chúng sanh vốn sẵn có. ‘Từ duyên khởi’ tức là từ các duyên thù thắng được huân tập trong Phật pháp mà dậy lên. Pháp trụ, tức là thường trụ nơi Thật Tướng Nhất Thừa do Phật đã chứng. Pháp trụ pháp vị tức là pháp thường trụ nơi Thật Tướng ấy, tức là trụ trong bốn tâm chân thật của Phật và chúng sanh. Đây chính là nói chư Phật Thế Tôn biết thật lý của các pháp, biết pháp tánh vốn không, và biết chúng sanh vốn có Phật chứng vô lậu, cần phải dựa vào các duyên thù thắng để dậy khởi, cho nên nói ra pháp Nhất Thừa”.

2.2.2.2.1.2.2.1.4. Trùng tụng hiện tại Phật

(Kinh) Thiên nhân sở cúng dường, hiện tại thập phương Phật. Kỳ số như Hằng sa, xuất hiện ở thế gian, an ổn chúng sanh cố, diệt thuyết như thị pháp. Như đệ nhất tịch diệt, dĩ phương tiện lực cố, tuy thị chúng chúng đạo, kỳ thật vị Phật Thừa. Tri chúng sanh chư hạnh, thâm tâm chí sở niệm, quá khứ sở tập nghiệp, dục tánh, tinh tấn lực, cập chư căn lợi độn, dĩ chúng chúng nhân duyên, thí dụ, diệt ngôn từ, tùy ứng phương tiện thuyết.

(經)天人所供養，現在十方佛。其數如恒沙，出現於世間，安隱眾生故，亦說如是法。如第一寂滅，以方便力故，雖示種種道，其實為佛乘。知眾生諸行，深心之所念，過去所習業，欲性精進力，及諸根利鈍，以種種因緣，譬喻亦言辭，隨應方便說。

(Kinh: Trời người nay cúng dường, hiện tại mười phương Phật. Số như cát sông Hằng, xuất hiện trong thế gian. Vì an ổn chúng sanh, cũng nói pháp như thế, như đệ nhất tịch diệt, do vì sức phương tiện, tuy dạy các thứ đạo, thật ra là Phật Thừa. Biết các hạnh chúng sanh, thâm tâm họ nghĩ tưởng, nghiệp tu tập quá khứ, dục tánh, sức tinh tấn, và các căn lợi độn, dùng các thứ nhân duyên, thí dụ và ngôn từ, đúng lẽ phương tiện nói).

Trước là trùng tụng ý nghĩa hóa độ, kể đến trùng tụng chuyện hiện Thật, sau đó trùng tụng chuyện hành Quyền. “*Như thị pháp*” (Pháp như

thế) tức là nói đến hai pháp Quyền và Thật. “*Đệ nhất tịch diệt*” tức Lý Nhất. “*Phương tiện thị chủng chủng đạo*” (Phương tiện dạy các thứ đạo) thật sự vì Phật Thừa. Xét theo người chỉ dạy, đó chính là Giáo Nhất. Xét theo điều được dạy thì là Hạnh Nhất. Biết các hạnh của chúng sanh là thực hành Quyền.

Phần thứ nhất, “trùng tụng bốn loại Phật” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng Phật Thích Ca

2.2.2.2.1.2.2.2.1. Trùng tụng đại lược Quyền Thật trong phần trước để làm căn bản cho các thí dụ trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng hiển Thật

(Kinh) Kim ngã diệt như thị, an ổn chúng sanh cố, dĩ chủng chủng pháp môn, tuyên thị ư Phật đạo.

(經)今我亦如是，安隱眾生故，以種種法門，宣示於佛道。

(Kinh: Nay ta cũng như thế, do an ổn chúng sanh, dùng đủ thứ pháp môn, tuyên nói, dạy Phật đạo).

Đoạn kinh văn này trùng tụng trọn đủ Tứ Nhất. “Kim ngã diệt như thị” (Nay ta cũng giống như thế) tức là giống như chư Phật, cùng dùng Nhất Thật để giáo hóa chúng sanh, tức là trùng tụng chung về chuyện hiển Thật. “An ổn” là Niết Bàn bí tạng, là chỗ an ổn. Phật tự trụ trong đó, mà cũng xếp đặt cho chúng sanh cùng vào trong đó. Chỗ an ổn chính là Lý Nhất. Chúng sanh là Nhân Nhất. “Các thứ pháp môn nhập Phật đạo” chính là Hạnh Nhất. “Tuyên thị” chính là Giáo Nhất.

2.2.2.2.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng thực hành Quyền

(Kinh) Ngã dĩ trí huệ lực, tri chúng sanh tánh dục, phương tiện thuyết chư pháp, giai linh đắc hoan hỷ.

(經)我以智慧力，知眾生性欲，方便說諸法，皆令得歡喜。

(Kinh: Ta dùng sức trí huệ, biết tánh dục chúng sanh, phương tiện nói các pháp, khiến họ đều hoan hỷ).

Sức trí huệ chính là Quyền Trí. “*Tri tánh dục*” là soi xét hàng tiêu cơ. “Nói các pháp” chính là thực hành Quyền, “đều hoan hỷ”: [Do nói pháp] tương xứng cơ nghi. Hai bài kệ trên đây tuy đại lược, nhưng đã thâm nhiếp sự giáo hóa của đức Phật từ đầu đến đuôi, không gì chẳng gồm tặn. Vì thế, tương xứng với phần trùng tụng đại lược chuyện Quyền Thật đã nói trong phần trên, nhằm làm căn bản cho sáu nghĩa thuộc tông thí dụ [nhà lửa] trong phần sau:

- Một, ta nay cũng giống như thế. “*Ta*” chính là Phật Thích Ca, là vị hóa chủ Nhất Thừa, làm căn bản cho ông đại trưởng giả trong phẩm Thí Dụ thuộc phần sau.

- Hai, “an ổn” tức là đại Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, chẳng có Ngũ Trược gây chướng ngại. Đối với tam giới tỏ lộ Ngũ Trược thì gọi là “chẳng an ổn”, tức là căn bản cho thí dụ “nhà lửa” trong phần sau.

- Ba, chúng sanh chính là các đồ đệ tiếp nhận sự giáo hóa trong năm đường, tức là thí dụ cho năm trăm người [ở trong ngôi nhà cũ nát bong bóc cháy] trong phần sau.

- Bốn, pháp an ổn, vẫn đối ứng với pháp chẳng an ổn trong thuở Ngũ Trược, là căn bản của thí dụ [căn nhà cũ] bốc lửa trong phần sau.

- Năm, các thứ pháp môn, đối lập với “các thứ”, làm căn bản cho thí dụ trong phần sau [căn nhà cũ đang bốc cháy ấy] chỉ có một cửa [để ra vào].

- Sáu, biết tánh dục của chúng sanh, tức là trong ngũ đạo có căn tánh tam thừa sai khác, làm căn bản cho thí dụ ba mươi đứa con [ông trưởng giả] trong phần sau.

Phần thứ nhất, “trùng tụng đại lược Quyền Thật trong phần trên” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng căn kẽ sáu nghĩa trong phần trước để làm căn bản cho phần Biệt Thí trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Trùng tụng Ngũ Trược để làm căn bản cho thí dụ “lửa bốc cháy” trong phần sau

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã dĩ Phật nhãn quán, kiến lục đạo chúng sanh, bản cùng, vô phước huệ, nhập sanh tử hiểm đạo, tương tục khổ bất đoạn, thâm trước ư ngũ dục, như mao ngư ái vĩ, dĩ tham ái tự tế, manh minh vô sở kiến, bất cầu đại thế Phật, cập dĩ đoạn khổ pháp. Thâm nhập chư tà kiến, dĩ khổ dục xả khổ, vị thị chúng sanh cố, nhi khởi đại bi tâm.

(經)舍利弗當知：我以佛眼觀，見六道眾生，貧窮無福慧，入生死險道，相續苦不斷，深著於五欲，如犛牛愛尾，以貪愛自蔽，盲瞶無所見，不求大勢佛，及與斷苦法。深入諸邪見，以苦欲捨苦，為是眾生故，而起大悲心。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta dùng Phật nhãn xem, thấy lục đạo chúng sanh, bần cùng, không phước huệ, vào đường hiểm sanh tử, liên tục khổ chẳng dứt, chấp sâu nơi ngũ dục, như mao ngưu¹⁷⁸ mền đuôi, bị tham ái che lấp, mù lòa chẳng trông thấy, chẳng cầu đại thế Phật, ban cho pháp dứt khổ. Thâm nhập các tà kiến, toan dùng khổ xả khổ, vì các chúng sanh ấy, bèn dấy lòng đại bi).

Mười một chữ đầu nhằm nói rõ Phật nhãn có thể trông thấy. Trong phần sau có nói: Chủ nhà đứng ở ngoài cửa, ấy là vì Phật thuộc địa vị Pháp Thân, dùng Phật nhãn thường tịch chiếu soi trọn vẹn các căn cơ. Nếu [chúng sanh] căn nhạy bén, trước nhẹ, sẽ dùng hình tượng Lô Xá Na (Báo Thân Phật) nói pháp Nhất Thừa. Nếu căn độn, trước nặng, sẽ dùng hình tượng giống như một vị lão tỳ-kheo, kinh sợ vào trong nhà lửa, phương tiện thực thi tam thừa, chỉ là đúng thời soi xét căn cơ. Vì thế nói: “*Ngã dĩ Phật nhãn quán*” (Ta dùng Phật nhãn nhìn thấy). Phàm quán Sắc pháp, phải nên dùng Thiên Nhân. Phân biệt căn cơ thì phải nên dùng Pháp Nhân. Nay nói “*dùng Phật nhãn quán*”, tức là nêu ra mắt thù thắng để bao gồm các loại mắt kém hơn. Hơn nữa, bốn loại mắt kia được gộp trong Phật nhãn, đều gọi là Phật Nhân.

Từ câu “*lục đạo chúng sanh*” trở đi, nói đến chuyện thấy Ngũ Trược. Trong phần sau, kinh văn nói: “*Nhữ chư tử đẳng, tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch, trĩ tiểu vô tri, hoan ngu nhạo trước*” (Các con của ông trước kia do chơi đùa, vào trong nhà này, trẻ dại không hiểu biết, vui sướng, ham thích). “*Bần cùng vô phước huệ*” là trùng tụng Chúng Sanh Trược. Hai câu “*nhập sanh tử*” trùng tụng Mạng Trược. Bốn câu như

¹⁷⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Mao ngưu là tên một loài thú. Đuôi có lông dài như sợi tơ, có thể dùng lông nó để trang hoàng các loại tinh kỳ. Lông trên mặt con thú ấy dài che cả mắt, khiến nó thấy cảnh vật chung quanh chẳng rõ. Do thường yêu tiếc cái đuôi, nó chạy trốn tránh người săn bắt đến nỗi sụp bẫy mà chết. Vì thế, ‘mao ngưu ái vĩ’ chính là nói chúng sanh do tham đắm ngũ dục, chịu đủ mọi nỗi khổ*”. Theo một số nhà nghiên cứu, Mao Ngưu chính là loài bò Yak ở Tây Tạng.

“*thâm trước*” (chấp trước sâu đậm) v.v... trùng tụng Phiên Nảo Trước. Hai câu “*bất cầu [đại thế Phật]...*” (chẳng cầu vị Phật có oai thế to lớn) trùng tụng Kiếp Trước. Trong kiếp chẳng có Phật, nên gọi là Trước. Nếu kiếp có Phật, dầu trước vẫn có thể phá. Hai câu “*thâm nhập*” trùng tụng Kiến Trước. Bốn câu “*hoặc bất cầu*” trùng tụng chung về Kiến Trước. “*Dĩ tà kiến cố, bất cầu đại thế Phật*” (Do vì tà kiến, chẳng cầu vị Phật có oai thế lớn): Chẳng cầu pháp đoạn khổ, bèn chuốc lấy cái nhân khổ, cứ làm lạc mong xả khổ quả, há có được chăng? Lúc bốn thứ trước (Kiến Trước, Chúng Sanh Trước, Mạng Trước, Phiên Nảo Trước) tụ tập thì gọi là Kiếp Trước. Vì thế, chẳng cần trùng tụng riêng. Hai câu “*vị thị chúng sanh*” (vì các chúng sanh ấy) ý nói Phật đầy lòng đại bi ứng hiện. Đó chính là căn bản cho chuyện ông trưởng giả nghe nói xong, liền kinh hãi vào nhà lửa trong phần sau.

2.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng dùng phương tiện để giáo hóa để làm căn bản cho thí dụ “bỏ bàn ghế, dùng xe” trong phần sau

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1. Nghĩ sử dụng Đại Thừa chẳng được

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.1. Tính dùng Đại Thừa

(Kinh) Ngã thử tọa đạo tràng, quán thụ diệc kinh hành, ư tam thất nhật trung, tư duy như thị sự: Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất.

(經)我始坐道場，觀樹亦經行，於三七日中，思惟如是事：我所得智慧，微妙最第一。

(Kinh: Ta mới ngồi đạo tràng, quán cây và kinh hành, trong hai mươi một ngày, tư duy chuyện thế này: Ta đạt được trí huệ, vi diệu tốt bậc nhất).

“*Thử tọa đạo tràng*” (Thoạt đầu ngồi tại đạo tràng): Chí lý (lý cùng tốt) chẳng có thời, giả lập thời để hóa độ chúng sanh, trở thành điểm khởi đầu của sự giáo hóa. Vì thế nói là “*thử*” (khởi đầu). Giải thích theo Sự thì thoạt đầu Ngài tu trì, đắc đạo nơi đây, vì thế nói là “*đạo tràng*”. Do ngồi dưới cây ấy, bèn đắc Chánh Giác, nên gọi là “*đạo thụ*” (cây đạo tràng). Do cảm ơn cây nên quan sát, do nghĩ tới phẩm đức của đất nên kinh hành. Cây và đất chẳng có phân biệt, há cần phải báo ân? Kinh Vị Tăng Hữu nói: “*Chỉ dĩ thông hóa truyền pháp, danh báo ân*

nhĩ” (Chỉ vì giáo hóa chung để truyền pháp nên gọi là báo ân). Kinh Quá Khứ Nhân Quả dạy: “*Phật thành đạo sơ thất nhật, tư duy ngã pháp diệu, vô năng thọ giả. Nhị thất nhật, tư duy chúng sanh thượng trung hạ căn. Tam thất nhật, tư duy thùi ưng tiên văn pháp? Tức chí Ba La Nại, vị ngũ nhân thuyết Tứ Đế, Trần Như đắc Pháp Nhân Tịnh*” (Đức Phật thành đạo, trong bảy ngày đầu tiên, tư duy “pháp của ta màu nhiệm, chẳng ai có thể tiếp nhận”. Trong bảy ngày kế đó, tư duy chúng sanh là thượng, trung, hay hạ căn. Bảy ngày thứ ba, tư duy ai là người đáng nghe pháp trước hết? Bèn tới thành Ba La Nại (Vārāṇasī, tức thành phố Benares hiện thời), vì năm người nói Tứ Đế, ngài Kiều Trần Như đắc Pháp Nhân Tịnh). Đó là xét theo cái thấy của tiểu cơ.

Nay nói rõ Phật trụ trong địa vị Pháp Thân, tịch mà thường chiếu, luôn dùng Phật Nhãn nhìn thấu suốt chẳng sót, há có phải [thật sự là] thoát đầu tới đạo tràng, im lặng suốt hai mươi một ngày để suy nghĩ chuyện này. Nói “*hai mươi một ngày*” nhằm biểu thị muốn dùng tam châu để thuyết pháp. Bảy ngày đầu tiên suy nghĩ về Pháp Thuyết Châu. Bảy ngày kế tiếp suy nghĩ về Thí Thuyết Châu. Bảy ngày sau cùng nghĩ về Nhân Duyên Thuyết Châu. Ba châu ấy đều là “chẳng có căn cơ tương xứng thì sẽ không được!” Vì thế, ngưng nói Đại pháp mà nói Tiểu pháp. Đây là cách giải thích riêng biệt của Viên Giáo trong Đại Thừa. Nếu giải thích thông thường theo Đại Thừa thì bảy ngày đầu tiên suy nghĩ về Viên Giáo, bảy ngày kế tiếp nghĩ về chuyện nói Biệt Giáo. Bảy ngày sau cùng nghĩ về chuyện nói Thông Giáo, đều thấy “chẳng có căn cơ tương ứng [để tiếp nhận] thì sẽ không được (chẳng hóa độ được)”! Vì thế, thôi nói pháp Đại Thừa mà nói pháp phương tiện thuộc tam thừa trong Tam Tạng.

Giải thích theo quán tâm thì Cây chính là cây to mười hai nhân duyên. Quán sâu xa duyên khởi, tự thành Bồ Đề, toan dùng rừng pháp vô lậu để che rợp, lợi ích chúng sanh. Vì thế nói là “*quán thụ*”. “*Kinh hành*” chính là ba mươi bảy phẩm của Đại Thừa, tức là hành trì đạo pháp, tự dùng đạo phẩm để đặt chân lên đất Thật Tướng, được thành tựu Phật đạo, muốn dùng pháp này để hóa độ chúng sanh. Vì thế khởi hạnh. “*Tam thất*” (Hai mươi một ngày): Bảy ngày đầu muốn nói về Trung Đạo Quán. Trung Đạo màu nhiệm khó quán, chẳng được! Bảy ngày kế tiếp muốn nói Tức Giả Quán, Tức Giả Quán thì Phân Biệt Trí khó sanh khởi, chẳng được! Bảy ngày cuối, muốn nói Tức Không Quán, tức

Không Xảo Độ¹⁷⁹, vẫn chẳng được! Đây chính là nói đến phương tiện chia chẻ các pháp đề quán của Tiểu Thừa.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.2. Nói rõ chúng sanh chẳng phải là căn cơ [của pháp viên đốn]

(Kinh) Chúng sanh chur căn độn, trước lạc si sở manh, như tư chi đẳng loại, vân hà nhi khả độ?

(經)眾生諸根鈍，著樂癡所盲，如斯之等類，云何而可度？

(Kinh: Chúng sanh các căn độn, chấp vui si mù quáng, những hạng người như thế, sẽ độ như thế nào?)

Trí huệ đã là vi diệu bậc nhất. Vì thế, chẳng phải là kẻ căn độn, ngu si, mù tối mà hồng lãnh nhận, thông hiểu được. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Chư tử vô tri, tuy văn phụ hồi, do cố nhạo trước, hy hỷ bất dĩ*” (Các con vô tri, tuy nghe cha răn dạy, vẫn cứ vui thích chấp trước, vui đùa chẳng ngớt).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.1.3. Suy nghĩ toan thời giáo hóa

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm vương, cập chư Thiên Đế Thích, hộ thể tứ thiên vương, cập Đại Tự Tại Thiên, tịnh dư chư thiên chúng, quyến thuộc bách thiên vạn, cung kính hiệp chưởng lễ, thỉnh ngã chuyển pháp luân. Ngã tức tự tư duy, nhược dẫn tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ, bất năng tín thị pháp. Phá pháp, bất tín cố, trụ ư tam ác đạo. Ngã ninh bất thuyết pháp, tật nhập ư Niết Bàn.

(經)爾時諸梵王，及諸天帝釋，護世四天王，及大自在天，並餘諸天眾，眷屬百千萬，恭敬合掌禮，請我轉法

¹⁷⁹ Không Xảo Độ tức là Thê Không Quán, trực tiếp thấu hiểu vạn pháp là Không, thấy Không Tánh của các pháp, chẳng cần phải chia chẻ từng nhân duyên như trong Tích Không Quán (Không Chuyết Độ).

輪。我卽自思惟，若但讚佛乘，眾生沒在苦，不能信是法。破法不信故，墜於三惡道。我寧不說法，疾入於涅槃。

(*Kinh*: Khi đó, các Phạm vương, và các Thiên Đế Thích, hộ thế bốn thiên vương, và Đại Tự Tại Thiên, cùng các chúng trời khác, quyến thuộc trăm ngàn vạn, cung kính, chấp tay lễ, thỉnh ta chuyển pháp luân. Ta liền tự suy nghĩ: “Nếu chỉ khen Phật Thừa, chúng sanh chìm trong khổ, chẳng thể tin pháp này. Do pháp pháp chẳng tin, rơi vào ba đường ác. Ta thà chẳng thuyết pháp, mau chóng nhập Niết Bàn”).

Tuy Phạm thiên, Đế Thích thỉnh cầu, đức Phật biết chẳng có căn cơ [tương ứng để lãnh thọ Đại pháp], cho nên chẳng nói. Kinh văn trong phần sau chép: “*Chư tử ấu trĩ, vị hữu sở thức, hoặc đương đọa lạc, vị hỏa sở thiêu*” (Các con thơ dại, chẳng hiểu biết, chắc sẽ bị té ngã, bị lửa đốt cháy).

Phần thứ nhất, “suy nghĩ dùng Đại Thừa chẳng được” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2. Nghĩ giống như chư Phật, sử dụng tam thừa, do tương xứng cơ nghi nên có thể hóa độ được

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1. Nói rõ có thể giáo hóa

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.1. Tam thừa có thể phù hợp cơ nghi

(*Kinh*) *Tâm niệm quá khứ Phật, sở hành phương tiện lực. Ngã kim sở đắc đạo, diệt ưng thuyết tam thừa.*

(經)尋念過去佛，所行方便力。我今所得道，亦應說三乘。

(*Kinh*: Liền nghĩ quá khứ Phật, thực hành sức phương tiện. Ta nay đã đắc đạo, cũng nên nói ba thừa).

Nghĩ chúng sanh tuy chẳng có đại cơ, nhưng chẳng thể bỏ mặc vĩnh viễn, cần phải dùng phương tiện để khuyến dụ cứu vớt, chẳng phải là [đức Phật] hoàn toàn không biết vận dụng tam thừa! Do Ngài muốn dẫn chúng [Ngài làm như thế] giống hệt chư Phật, cho nên nói là “*tâm niệm*” (nghĩ lại). Kinh văn trong phần sau chép: “*Tức tiện tư duy, thiết chư phương tiện*” (Ta liền tư duy, lập các phương tiện).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2. Có căn cơ Tiểu Thừa

Lại chia làm hai phần: Một là chư Phật tán thán, hai là Phật Thích Ca thuận theo. Trong phần trước, đã nói [đức Phật] muốn dùng Đại pháp để giáo hóa, nhưng do đại chúng chẳng có căn cơ ấy, cho nên chư Phật chẳng tán thán. Nay muốn nói pháp Tiểu Thừa, do khéo hiểu căn duyên, cho nên từ đầu đến cuối [chúng sanh] sẽ đều được đắc độ. Do vậy, chư Phật tán thán (nếu chẳng trước là nói Tiểu pháp thì đại căn lẫn tiểu căn đều bỏ lỡ. Nếu trước hết dùng Tiểu pháp thì rốt cuộc họ ắt sẽ đạt được lợi ích to lớn; vì thế nói là “từ đầu đến cuối đều đắc độ”).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.1. Chư Phật tán thán

(Kinh) Tác thị tư duy thời, thập phương Phật giai hiện, phạm âm ủy dụ ngã: “Thiện tai! Thích Ca Văn, đệ nhất chi đạo sư, đắc thị vô thượng pháp. Tùy chư nhất thiết Phật, nhi dụng phương tiện lực. Ngã đẳng diệc giai đắc, tối diệu đệ nhất pháp, vị chư chúng sanh loại, phân biệt thuyết tam thừa. Thiểu trí nhạo Tiểu pháp, bất tự tín tác Phật. Thị cố dĩ phương tiện, phân biệt thuyết chư quả. Tuy phục thuyết tam thừa, dẫn vị giáo Bồ Tát”.

(經)作是思惟時，十方佛皆現，梵音慰喻我：善哉釋迦文，第一之導師，得是無上法。隨諸一切佛，而用方便力。我等亦皆得，最妙第一法，為諸眾生類，分別說三乘。少智樂小法，不自信作佛。是故以方便，分別說諸果。雖復說三乘，但為教菩薩。

(Kinh: Khi tư duy như thế, mười phương Phật đều hiện, phạm âm an ủi ta: “Lành thay, Thích Ca Văn¹⁸⁰, đáng đạo sư bậc nhất. Đắc pháp

¹⁸⁰ Thích Ca Văn: Tức là Thích Ca Mâu Ni bị phiên âm lệch đi thành Thích Ca Văn. Nguyên do là thời cổ hai âm W (tương ứng với V trong phiên âm Hán Việt) và M trong tiếng Hán đều phát âm như M, do vậy, chữ Mâu Ni còn được phiên âm là Văn Ni rồi bị rút gọn thành Văn. Hoặc như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Manjusri, chữ Mạn bị biến âm thành Văn). Một số phương ngữ Hoa Nam như tiếng Quảng Đông vẫn bảo lưu âm cổ, như chữ Văn (文) vẫn được đọc thành với mẫu âm M, tức là đọc với âm Man, chứ không đọc là Wén như trong tiếng Phổ Thông.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

vô thượng này, tùy thuận hết thấy Phật, bèn dùng sức phương tiện. Chúng ta cũng đều đắc, pháp tối diệu bậc nhất. Vì các loài chúng sanh, phân biệt nói ba thừa. Trí nhỏ chuộng Tiểu pháp, chẳng tin mình thành Phật. Vì thế, dùng phương tiện, phân biệt nói các quả. Tuy lại nói tam thừa, chỉ nhằm dạy Bồ Tát”).

Ba câu đầu, Phật Thích Ca trần thuật chuyện chư Phật hiện ra. Do sức phương tiện niệm Phật, khế pháp, khế cơ, cho nên Phật hiện. Trong năm câu kế đó, chư Phật ca ngợi Phật Thích Ca “có thể vì Thật mà hành Quyền”, nên nói là “*thiện tại*” (lành thay). Vì một (Nhất Thừa) mà thực hiện ba (tam thừa) nhằm dẫn nhập Phật huệ. Vì thế nói là “*đệ nhất đạo sư*”. Chúng Thật Trí vi diệu bậc nhất, nên nói là “*đắc vô thượng pháp*”. Thuận theo hết thấy chư Phật ẩn Thật thí Quyền, vì thế nói “*dùng phương tiện lực*” (dùng sức phương tiện).

Bốn câu kế, chư Phật tự nói chúng tôi cũng ẩn Thật thí Quyền. Trong bốn câu kế tiếp, cùng giải thích hai nghĩa Ẩn và Thí: Vì chúng sanh trí nhỏ, chẳng tự tin chính mình sẽ thành Phật, cho nên ẩn Thật. Vì họ thích Tiểu pháp, cho nên thực hiện Quyền, nói các quả. Hai câu sau cùng, tổng kết cả hai nghĩa ấy: Thoạt đầu tuy nói ba thừa, rốt cuộc ắt sẽ hiển một (Nhất Thừa).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.2.2. Phật Thích Ca tùy thuận

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã văn thánh sư tử, thâm tịnh vi diệu âm, xưng ‘Nam-mô chư Phật’. Phục tác như thị niệm: - Ngã xuất trước ác thế, như chư Phật sở thuyết, ngã diệc tùy thuận hành.

(經)舍利弗當知：我聞聖師子，深淨微妙音，稱「南無諸佛」。復作如是念：「我出濁惡世，如諸佛所說，我亦隨順行」。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta nghe thánh sư tử, tiếng vi diệu tịnh sâu, xưng “Nam-mô chư Phật”. Lại nghĩ như thế này: “Ta sanh đời trước ác, đúng như chư Phật dạy, ta cũng tùy thuận hành”).

Bài kệ thứ nhất là thốt lời đáp ứng tùy thuận. “Nam-mô” được phương này dịch là Kính Tòng (kính vâng theo). Bài kệ sau đó [nói lên ý] nghĩ thuận theo cơ nghi của chúng sanh.

Phần thứ hai nói về tiểu cơ (căn cơ Tiểu Thừa) đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.3. Nói về sự thực thi giáo hóa

(Kinh) Tư duy thị sự dĩ, tức thú Ba La Nại, chư pháp tịch diệt tướng, bất khả dĩ ngôn tuyên, dĩ phương tiện lực cố, vị ngũ tỳ-kheo thuyết.

(經)思惟是事已，即趣波羅柰，諸法寂滅相，不可以言宣，以方便力故，為五比丘說。

(Kinh: Tư duy chuyện ấy xong, liền đến Ba La Nại, tướng các pháp tịch diệt, chẳng thể tuyên nói được, do dùng sức phương tiện, nói với năm tỳ-kheo¹⁸¹).

[Nói “đến”] Ba La Nại¹⁸² tức là [đến] Lộc Uyển. Lý Trung Đạo vô tánh Phật chung, lý ấy chẳng thể tính đếm, lại chẳng thể nói. Nay dùng phương tiện nói thành tam giáo (giáo pháp tam thừa). Lại chẳng sanh, chẳng diệt, mà dùng phương tiện nói sanh diệt. Lại nữa, lý Thiên Chân cũng chẳng thể nói. Do vì phương tiện, bèn nói bốn môn: Thoạt đầu, vì năm tỳ-kheo thuyết vô thường Hữu môn (thoạt đầu, so sánh giữa Quyền và Thật. Thật chẳng thể nói. Hễ nói ra, sẽ thuộc vào Quyền. Ba thừa quyền biến có số lượng, Nhất Thật chẳng thể tính kể. Kế đó, so sánh giữa sanh diệt và chẳng sanh diệt, liền diễn thành môn chẳng sanh

¹⁸¹ Năm vị tỳ-kheo đầu tiên tên là: Kiều Trần Như, Át Bê (tức ngài Mã Thắng), Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp và Ma Ha Câu Lợi (tức ngài Ma Ha Nam). Theo truyền thống Nam Truyền Phật Giáo thì năm vị tỳ-kheo đầu tiên là Kiều Trần Như, A Thuyết Thị (Mã Thắng, Assaji), Ma Ha Nam (Mahānāma), Bà Đề (Bhaddiya), và Bà Phu (Vappa).

¹⁸² Ba La Nại chính là kinh đô của nước Ca Thi (Kāśī), một trong mười sáu đại quốc thời đức Phật tại thế. Nước này được thành lập vào thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, nằm trong lưu vực sông Hằng, giữa sông Hằng và Tùng Hà (Sone River). Do thủ đô là Ba La Nại nên đôi khi kinh sách gọi nước Ca Thi là nước Ba La Nại. Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh, nước này hãy còn tồn tại. Ngài chép trong Đại Đường Tây Vực Ký như sau: “*Ba La Nê Tư quốc rộng hơn bốn ngàn dặm. Phía Tây của đô thành là sông Căng Già... Cư dân đông đảo, nhiều nhà lợp của cải, hàng hóa hiếm lạ đầy nhà. Dân chúng tánh tình ôn hòa, cung kính, chuộng học rộng, phần nhiều tin theo ngoại đạo, ít tôn kính Phật pháp... Chùa chiền hơn ba mươi chỗ, tăng chúng hơn ba ngàn người, hoàn toàn học theo pháp của Chánh Lượng Bộ thuộc Tiểu Thừa*”.

diệt. Vì thế, chẳng thể nói mà lại nói sanh diệt, tức là đối chiếu giữa Đại và Tiểu. Sau đó, lại dùng tiểu lý Thiên Chân so sánh bốn môn thuộc Tiểu Thừa, lý Thiên Chân cũng chẳng thể nói. Đó là hai lý Đại và Tiểu đều chẳng thể nói, nhưng do phương tiện vì chúng sanh mà đều có thể nói. Tuy đều có thể nói, ý Phật ở nơi Thật, nhưng chúng sanh đối với Thật chẳng thể thích nghi (chẳng thể lãnh nhận, thấu hiểu). Vì thế, suy nghĩ phương tiện mà nói sanh diệt).

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.1.4. Thọ hành ngộ nhập

Căn cơ lãnh hội tức là Thọ. Nghe rồi quán chuyển, đạt đến Noãn pháp gọi là Hành. Đạt tới Thế Độ Nhất thì gọi là Ngộ. Nếu đắc Sơ Quả thì gọi là Nhập.

(Kinh) Thị danh chuyển pháp luân, tiệt hữu Niết Bàn âm, cập dĩ A La Hán, Pháp, Tăng sai biệt danh.

(經)是名轉法輪，便有涅槃音，及以阿羅漢，法僧差別名。

(Kinh: Đó gọi Chuyển Pháp Luân, bèn có tiếng Niết Bàn, cùng với A La Hán, Pháp, Tăng tên sai biệt).

Chuyển pháp hóa độ người khác từ trong tâm Phật vào tâm người khác, thì gọi là Chuyển Pháp Luân. Kiền Trần Như thoát đầu đắc Kiến Đệ, đoạn phân biệt Hoặc, chứng Hữu Dư Niết Bàn một phần. Âm thanh Niết Bàn bắt đầu từ đây mà có. Do vậy, Ngài trở thành bậc Vô Học, bèn có danh xưng A La Hán. Người nói gọi là Phật, tam thừa được nói thì gọi là Pháp, bậc Kiến Đệ A La Hán chính là Tăng. Do vậy, Tam Bảo xuất hiện trong thế gian.

Phần thứ nhất “nói về sự hóa độ” đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.2.2. Cởi gỡ mối nghi

(Kinh) Tùng cứu viễn kiếp lai, tán thị Niết Bàn pháp, sanh tử khổ vĩnh tận, ngã thường như thị thuyết.

(經)從久遠劫來，讚示涅槃法，生死苦永盡，我常如是說。

(Kinh: Kể từ kiếp lâu xa, khen dạy pháp Niết Bàn, khổ sanh tử mãi diệt, ta thường nói như thế).

Sợ đại chúng sẽ sanh nghi đối với thầy: “Thoạt đầu, đức Phật chẳng soi xét căn cơ. Do tìm tòi, nghĩ tới chư Phật mới biết căn tánh”. Nay giải thích rằng: Vì muốn dẫn dắt chúng sanh giống như chư Phật, nên mới nghĩ tới chư Phật, chẳng phải là nay mới niệm, mới biết! Từ lâu xa đến nay, đã thấy chúng sanh chuộng pháp nhỏ, đã từng tán thán, chỉ bày, khiến cho họ hết sạch các khổ. Vì thế, họ nghe Tiểu pháp liền được giải thoát. Lại sợ [có kẻ nghe nói như thế, sẽ] nghi ngờ các đệ tử [của đức Phật] rằng: “Vì sao được tạm nghe trong một đời, liền chứng Vô Học?” Nay giải thích rằng: Từ xa xôi đến nay, [đức Phật] đã vì họ tán thán, chỉ bày tương xứng với điều họ vốn tu tập. Vì thế, họ nhanh chóng đắc đạo. “*Lâu xa*” tức là nói sau khi kết duyên với Đại Thông Trí Thắng Phật. Vì thế, kinh văn trong phần sau có nói: “*Phụ tri chư tử tiên tâm các hữu sở hảo giả*” (Cha biết các con mỗi đứa đều sẵn có điều ưa thích riêng từ trước). Hai bài tụng nói phương tiện ban bố sự giáo hóa làm căn bản cho thí dụ “bỏ ghế, dùng xe” trong phần sau (phẩm Thí Dụ) đã xong.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.3. Kệ tụng về sự hiển Thật làm cơ sở cho thí dụ “bình đẳng ban cho con cỗ xe lớn” trong phần sau

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Ngã kiến Phật tử đẳng, chí cầu Phật đạo giả, vô lượng thiên vạn ức, hàm dĩ cung kính tâm, giai lai chí Phật sở, tăng tòng chư Phật văn, phương tiện sở thuyết pháp. Ngã tức tác thị niệm: “Như Lai sở dĩ xuất, vị thuyết Phật huệ cố, kim chánh thị kỳ thời”. Xá Lợi Phất đương tri: “Độn căn tiểu trí nhân, trước tướng, kiêu mạn giả, bất năng tín thị pháp. Kim ngã hỷ vô úy, ư chư Bồ Tát trung, chánh trực xả phương tiện, dẫn thuyết vô thượng đạo”. Bồ Tát văn thị pháp, nghi vọng giai dĩ trừ, thiên nhị bách La Hán, tất diệc đương tác Phật.

(經)舍利弗當知：我見佛子等，志求佛道者，無量千萬億，咸以恭敬心，皆來至佛所，曾從諸佛聞，方便所說

法。我即作是念：「如來所以出，為說佛慧故，今正是其時」。舍利弗當知：「鈍根小智人，著相憍慢者，不能信是法。今我喜無畏，於諸菩薩中，正直捨方便，但說無上道」。菩薩聞是法，疑網皆已除，千二百羅漢，悉亦當作佛。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Ta thấy các Phật tử, có chí cầu Phật đạo, vô lượng ngàn vạn ức, đều dùng tâm cung kính, đều đến chỗ của Phật, từng nghe từ chư Phật, pháp do phương tiện nói. Ta liền nghĩ thế này: “Như Lai vốn ra đời, là để nói Phật huệ. Nay chính là đúng lúc”. Xá Lợi Phất nên biết: “Kẻ độn căn, trí nhỏ, phùng chấp tướng, kiêu mạn, chẳng thể tin pháp này. Ta nay vui vô úy, ở giữa các Bồ Tát, thẳng thừng xả phương tiện, chỉ nói vô thượng đạo”. Bồ Tát nghe pháp này, lưới nghi đều đã trừ. Ngàn hai trăm La Hán, cũng sẽ đều thành Phật).

Phật tử dùng cái tâm cung kính đến chỗ đức Phật, từng nghe chư Phật phương tiện thuyết pháp. Điều này hiển lộ hành nhân trong tam thừa đều là Phật tử. Đó là trùng tụng Nhân Nhất. “*Vị thuyết Phật huệ cố*” (Vì để nói trí huệ của Phật) tức là trí kiến của Phật, Nhất Thiết Chủng Trí. Đó là trùng tụng Lý Nhất. “*Đản thuyết vô thượng đạo*” (Chỉ nói đạo vô thượng) là trùng tụng Giáo Nhất. Bồ Tát trừ nghi, La Hán làm Phật, chính là trùng tụng Hạnh Nhất.

Lại nữa, hai bài kệ đầu nhằm nói căn cơ Đại Thừa đã phát khởi, cũng gọi là Sách Quả (索果, tìm cầu cái quả), là căn bản cho thí dụ “các con đòi xe” trong phẩm sau. Một câu trong hai bài kệ tiếp cho thấy Phật hoan hỷ, chúng sanh kham đạt lợi ích nơi Đại Thừa. Đó chính là căn bản cho thí dụ [ông trưởng giả] thấy các con thoát nạn bèn hoan hỷ trong phần sau. Ba câu kế tiếp nói về Hiện Thật, là căn bản cho việc “cha bình đẳng ban cỗ xe lớn cho các con” trong thí dụ ở phần sau. Bài kệ cuối cùng nói về thọ hành, ngộ nhập, tức là căn bản của chuyện “các con được xe bèn hoan hỷ” trong thí dụ thuộc phần sau.

Thoạt đầu là nói “do căn cơ phát khởi mà mong cầu cái quả”, phải nên có bốn câu:

- Có người chướng đã trừ, mà căn cơ chưa phát, như các vị A La Hán trong thời Tam Tạng, do ưa thích Tiểu pháp, trước chướng tuy trừ, đại căn lại độn, cho nên diệu cơ chưa phát.

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Lại có người dẫu chứng chưa trừ, nhưng đại cơ đã phát, như các phàm phu trong hội Pháp Hoa, tuy chưa đoạn hết kết sử, do đại căn nhạy bén, cho nên căn cơ bèn phát.

- Lại có người chứng vừa trừ, cơ liền phát, như khi [đức Phật] nói kinh Vô Lượng Nghĩa, họ bèn chứng tiểu quả, liền ngay trong tòa ấy (trong pháp hội ấy), đại cơ đã phát.

- Có kẻ chứng chưa trừ, cơ chưa phát, như năm ngàn người rời khỏi pháp tòa.

“*Chí cầu Phật đạo*” chính là truy cầu đại quả. “*Truy cầu*” có ba ý:

- Một, đại cơ (căn cơ Đại Thừa) có ý nghĩa cảm quả; trong căn cơ bèn luận định sự truy cầu.

- Hai, trong tình kiến bèn ngầm truy cầu, như kinh văn trong phần sau nói là đắc hay chẳng đắc.

- Ba, nói rõ sự truy cầu, tức là ân cần thỉnh ba lượt [như ngài Xá Lợi Phất đã làm trong phẩm này]. Trong giáo pháp xưa kia, đã có hai sự truy cầu [trước đó], nhưng chưa nói ra. Đến hiện thời, có đầy đủ cả ba sự truy cầu [Phật quả].

Hỏi: - Xưa kia, [các con] ra khỏi nhà [lửa đang bốc cháy], bèn tìm cha đòi cha cho ba loại xe, nếu đó là sự truy cầu phát xuất từ căn cơ hay tình kiến, kinh văn nói “*nư tiên sở hứa*” (như cha đã hứa từ trước), đây chính là cầu tam thừa, sao lại liên quan đến chuyện cầu Nhất Thừa cho được?

Đáp: - [Các con] ra ngoài [nhà lửa] chẳng thấy [ba loại xe như cha đã hứa], ắt cha có phương cách khác. Có ý dựa trên lời cha đã hứa trước đó để mong cầu loại xe khác thì cũng là cầu tìm Nhất Thừa.

“*Hàm dĩ cung kính tâm giai lai chí ngã sở*” (Đều dùng cái tâm cung kính để đến chỗ của ta) như ngài Xá Lợi Phất thỉnh rằng: “*Chư thiên long thần đẳng, hiệp chưởng dĩ kính tâm, dục văn cụ túc đạo*” (Các đại chúng trời, rồng, thần v.v... chấp tay, dùng tâm cung kính, muốn được nghe đạo trọn đủ). “*Tằng tùng chư Phật văn phương tiện sở thuyết pháp*” (Từng từ nơi chư Phật được nghe các pháp nói phương tiện): Thộ đủ sự điều phục, [căn tánh đã] chín muồi từ bốn thời trước (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng và Bát Nhã).

Điều thứ hai, kệ tụng nói rõ [do chúng sanh] đã trừ chứng, Phật bèn hoan hỷ. Đức Phật vì Phật huệ mà xuất hiện trong cõi đời. [Chúng sanh] xưa kia chứng nặng, chẳng có căn cơ tương ứng, Phật chẳng thể nói ngay Phật huệ được. Trong chặng giữa (tức là trong các thời A Hàm,

Phương Đẳng, Bát Nhã), tuy chứng đã trừ, nhưng do cơ chưa chín muồi, đức Phật vẫn chưa thể nói. Nay căn cơ đã phát, đúng là lúc để nói. Xưa kia, chúng sanh căn độn, trí nhỏ, sợ họ do báng pháp này, sẽ đọa vào đường ác. Nay [chúng sanh] căn nhạy bén, chí to lớn, nghe rồi ắt tín giải, cho nên vui vẻ, vô úy, tức là chẳng sợ họ chấp Tiểu báng Đại, dấy tội, đọa vào đường ác.

Điều thứ ba là chánh thức hiển thị Thật: Năm thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và hai đường trời, người) là đường vòng, chẳng phải là trực tiếp. Nếu ngả về phía Thông Giáo và Biệt Giáo, sẽ chẳng phải là chánh. Nay đều bỏ sự lệch lạc, vòng vèo ấy, mà chỉ nói một đạo chánh trực.

Điều thứ tư là “*thọ hành ngộ nhập*”. Thoạt đầu là nghe nói đại lược, lâu sau (chúng sanh nghe pháp, được giáo hóa đã lâu) thì sẽ phải nên nói đến Thật. Tam thừa không gì chẳng phải là phương tiện. Lại nữa, Bát Thoái Bồ Tát chẳng biết Phật trí. Vì thế, Bồ Tát lẫn La Hán đều rơi vào lưới nghi. Nay khai Quyền hiển Thật, không chỉ La Hán trừ nghi, mà hàng Bồ Tát trong ba giáo (Tạng, Thông, Biệt), không vị nào chẳng trừ nghi. Không chỉ Bồ Tát thành Phật, mà hàng La Hán cũng đều thành Phật.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.4. Trùng tụng tán thán pháp hy hữu

(Kinh) Như tam thế chư Phật, thuyết pháp chi nghi thức, ngã kim diệc như thị, thuyết vô phân biệt pháp. Chư Phật hưng xuất thế, huyền viễn trị ngộ nan. Chánh sử xuất ư thế, thuyết thị pháp phục nan. Vô lượng vô số kiếp, văn thị pháp diệc nan. Năng thính thị pháp giả, tư nhân diệc phục nan. Thí như Ưu Đàm hoa, nhất thiết giai ái nhạo, thiên nhân sở hy hữu, thời thời nãi nhất xuất. Văn pháp hoan hỷ tán, nãi chí phát nhất ngôn, tắc vi dĩ cùng đường, nhất thiết tam thế Phật. Thị nhân thậm hy hữu, quá ư Ưu Đàm hoa.

(經)如三世諸佛，說法之儀式，我今亦如是，說無分別法。諸佛興出世，懸遠值遇難。正使出於世，說是法復難。無量無數劫，聞是法亦難。能聽是法者，斯人亦復難。譬如優曇華，一切皆愛樂，天人所希有，時時乃一出。

聞法歡喜讚，乃至發一言，則為已供養，一切三世佛。是人甚希有，過於優曇華。

(Kinh: Như nghi thức thuyết pháp, của chư Phật ba đời, nay ta cũng giống vậy, nói pháp chẳng phân biệt. Chư Phật hiện trong đời, lâu xa khó gặp gỡ. Dẫu cho Phật xuất thế, nói pháp này cũng khó. Vô lượng vô số kiếp, nghe pháp này cũng khó. Kẻ nghe được pháp này, người ấy cũng khó có. Ví như hoa Ưu Đàm, hết thấy đều ưa thích, hiếm có trong trời người, rất lâu mới xuất hiện. Nghe pháp hoan hỷ khen, cho đến thốt một lời, là đã hành cúng dường, hết thấy tam thế Phật. Người ấy quá hy hữu, còn hơn hoa Ưu Đàm).

Đây là trùng tụng diệu pháp như thế được chư Phật Như Lai đúng thời nói ra, ví như hoa Ưu Đàm đã lâu mới hiện một lần. Diệu pháp chẳng ra ngoài Quyền Thật. “Nghi thức” chính là phương tiện quyền biến để chư Phật hướng dẫn chúng sanh. “Vô phân biệt pháp”: Chư Phật hiển thị Thật. Lại nữa, Quyền Thật vốn chẳng phân biệt độn căn, tiểu trí. Phân biệt Quyền Thật thì gọi là “nghi thức”. Nay còn ngộ nhập “một thừa và tam thừa bất nhị”, thì gọi là “vô phân biệt”. Hai câu “chư Phật xuất thế” là nói “người khó có”. Hai câu kế tiếp nói đến pháp khó có. Như hơn bốn mươi năm, đức Phật giữ kín điều trọng yếu này. Hai câu kế tiếp nói “nghe pháp khó”. Như năm ngàn người rời khỏi chỗ lui về, chẳng được nghe pháp ngay khi đức Phật còn tại thế. Hai câu kế nói “tin Phật khó”, như giữa đại chúng trong cả pháp hội này, chỉ có một mình ngài Xá Lợi Phất có thể tiếp nhận, thấu hiểu đầu tiên. Kế đó là nêu thí dụ nhằm nói “chỉ nghe mà đã tin” thì đã khó lắm rồi, những điều khác có thể dựa theo đó mà hiểu.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.5. Trùng tụng [pháp này] chẳng hư dối để làm căn bản cho thí dụ [ông trưởng giả] chẳng hư vọng trong phần sau

(Kinh) Nhữ đẳng vật hữu nghi, ngã vì chư pháp vương, phổ cáo chư đại chúng: “Đản dĩ Nhất Thừa đạo, giáo hóa chư Bồ Tát. Vô Thanh Văn đệ tử”. Nhữ đẳng Xá Lợi Phất! Thanh Văn cập Bồ Tát, đương tri thị diệu pháp, chư Phật chi bí yếu.

(經)汝等勿有疑，我為諸法王，普告諸大眾：「但以一乘道，教化諸菩薩。無聲聞弟子」。汝等舍利弗！聲聞及菩薩，當知是妙法，諸佛之秘要。

(Kinh: Các ông đừng nên nghi, ta là vua các pháp, bảo khắp các đại chúng: “Chỉ dùng đạo Nhất Thừa, giáo hóa các Bồ Tát. Không để từ Thanh Văn!” Các ông Xá Lợi Phất! Thanh Văn và Bồ Tát, nên biết diệu pháp này, bí yếu của chư Phật).

Sáu câu đầu nhằm răn dạy đừng nên sanh nghi đối với bậc đáng tin. Bốn câu kế đó, răn đừng nên sanh nghi đối với pháp đáng tin. Phàm là kẻ làm vua chúa trong thế gian còn chẳng nói hai lời, huống hồ Phật là pháp vương, há có hư vọng? Lại phương tiện nói quyền biến, còn có thể trừ trước, huống hồ diệu pháp bí yếu, há chẳng phải chân thật ư?

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6. Trùng tụng về chuyện chọn lọc đại chúng thích hợp pháp này và đôn đốc niềm tin

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6.1. Trùng tụng về chuyện chọn lọc đại chúng

(Kinh) Dĩ Ngũ Trược ác thế, dẫn nhạo trước chư dục, như thị đẳng chúng sanh, chung bất cầu Phật đạo. Đương lai thế ác nhân, vẫn Phật thuyết Nhất Thừa, mê hoặc bất tín thọ, phá pháp đạo ác đạo. Hữu tâm quý thanh tịnh, chí cầu Phật đạo giả, đương vị như thị đẳng, quảng tán Nhất Thừa đạo.

(經)以五濁惡世，但樂著諸欲，如是等眾生，終不求佛道。當來世惡人，聞佛說一乘，迷惑不信受，破法墮惡道。有慚愧清淨，志求佛道者，當為如是等，廣讚一乘道。

(Kinh: Do đời ác Ngũ Trược, chỉ ưa đắm các dục, các chúng sanh như thế, trọn chẳng cầu Phật đạo. Trong tương lai kẻ ác, nghe Phật nói Nhất Thừa, mê hoặc, chẳng tin nhận, phá pháp, đạo ác đạo. Kẻ hỏ then thanh tịnh, chí hướng cầu Phật đạo, nên vì người như thế, rộng khen đạo Nhất Thừa).

Bốn câu đầu trùng tụng [loại trừ những kẻ] chẳng phải là đệ tử Phật, vì sao? Nếu ưa thích các dục, tức là hành ma nghiệp. Vì thế, cần phải loại trừ. Kinh văn trong phần trước nói kẻ chấp Niết Bàn còn chẳng phải là đệ tử Phật. Đoạn này nói kẻ chấp sanh tử, há có phải là đệ tử Phật? Cùng loại trừ hai loại ấy! Phạm phu và Tiểu Thừa đều bỏ [tham dục và chấp trước], thì mới kham thọ ký. Lại nữa, câu “*trộn chẳng cầu Phật đạo*” nhằm nói kèm thêm những kẻ như trên đều là phường tăng thượng mạn, do chưa đạt được pháp trên đây mà nói là đã đắc pháp ấy. Vì thế, họ chẳng cầu Phật đạo. Bốn câu “*đương lai thế ác nhân*” (kẻ ác trong đời tương lai) trùng tụng chuyện Như Lai sau khi diệt độ, người thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa đều là khó có. Bốn câu cuối trùng tụng ý nghĩa: Nếu họ gặp các vị Phật, sẽ được quyết nghị.

2.2.2.2.1.2.2.2.2.6.2. Kế tiếp trùng tụng nhằm đôn đốc tín tâm

(Kinh) Xá Lợi Phất đương tri: Chư Phật pháp như thị, dĩ vạn ức phương tiện, tùy nghi nhi thuyết pháp. Kỳ bất tập học giả, bất năng hiểu liễu thử. Nhữ đẳng ký dĩ tri, chư Phật thế chi sư, tùy nghi phương tiện sự, vô phục chư nghi hoặc, tâm sanh đại hoan hỷ, tự tri đương tác Phật.

(經)舍利弗當知：諸佛法如是，以萬億方便，隨宜而說法。其不習學者，不能曉了此。汝等既已知，諸佛世之師，隨宜方便事，無復諸疑惑，心生大歡喜，自知當作佛」。

(Kinh: Xá Lợi Phất nên biết: Pháp chư Phật như thế, dùng vạn ức phương tiện, tùy nghi để thuyết pháp. Kẻ chẳng học, tu tập, chẳng thể hiểu pháp này. Các ông đã hiểu biết, chư Phật thầy cõi đời, tùy nghi hành phương tiện, chẳng còn các ngờ vực, tâm sanh hoan hỷ lớn, tự biết sẽ thành Phật).

Đây là trùng tụng người thật sự đắc A La Hán nếu chẳng tin pháp này, sẽ chẳng có lẽ ấy! Sáu câu đầu nhằm đôn đốc niềm tin nơi Quyền, sáu câu sau đôn đốc niềm tin nơi Thật.

Trong phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu, phần chánh yếu của Pháp Thuyết đã xong.

3. Thí Dụ Phẩm Độ Tam

譬喻品第三

Phẩm thứ ba: Thí Dụ

Giải thích phẩm Phương Tiện đã xong, kể đến giải thích phẩm Thí Dụ. Giải thích phẩm này, cũng chia làm hai: Trước là Tổng, sau là Biệt.

3.1. Tổng luận

3.1.1. Tổng Thích

Thí (譬) là so sánh, Dụ (喻) là răn bảo cho thông hiểu. Mượn chuyện này để so sánh với chuyện kia, nhờ vào chuyện nông cạn để răn dạy sâu xa. [Trong phẩm này], trước là văn Trường Hàng, sau là Kệ Tụng, nói căn kẽ Quyền và Thật của năm loại Phật (chư Phật nói chung, tam thế Phật, và Phật Thích Ca). Bậc thượng căn lợi trí nghe pháp viên dung bèn đắc ngộ, phùng trung hạ căn vẫn giữ mê chấp chẳng bỏ. [Đức Phật] đại bi chẳng ngại, trí thiện xảo vô biên, lại dùng chuyện tương tự để sánh ví, hòng mở mang tâm trí cho họ, chỉ bảo khiến cho họ ngộ. Vì thế, nói là Thí Dụ.

3.1.2. Biệt Thích

Dùng nhân duyên, xét theo giáo, Bồn Tích và quán tâm [để giải thích].

3.1.2.1. Nhân duyên

Dùng chuyện cha con trong thế gian để sánh ví thầy trò xuất thế. Do chuyện đã từng có mà được nghe điều chưa từng có, bèn hơn hờ, hoan hỷ. Đó là Thế Giới Ích (Thế Giới Tất Đàn). Lại dùng các vật dụng trong thế gian để sánh ví khí cụ xuất thế gian, khiến cho [chúng sanh] được nghe giáo pháp diễn tả bằng âm thanh của đức Phật, sẽ chẳng bỏ mất Đại Thừa, [thấu hiểu] “*những gì các người đã hành chính là Bồ Tát đạo*”. Đây là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). Lại dùng sự diệt mất trong thế gian để sánh ví sự diệt độ xuất thế, dẹp trừ nỗi khổ nạn ấy, khiến cho họ khỏi bị nung đốt: “*Ta đã đắc Lạc Tận, nghe pháp cũng trừ ưu não*”. Đó là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). Lại nữa, dùng sự bất sanh

bất diệt của thế gian để sánh ví sự bất sanh bất diệt xuất thế gian, ngồi cỗ xe báu ấy đến thẳng đạo tràng, an trụ trong Thật Trí, ta nhất định sẽ thành Phật. Đó là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Đức Phật dùng một âm thanh nói thí dụ, khéo khiến cho trung căn và hạ căn đều đạt được bốn món lợi ích Tất Đàn. Vì thế nói ra phẩm Thí Dụ.

3.1.2.2. Xét theo giáo

Ý Phật vốn tán dương Phật Thừa, nhưng vì chúng sanh chẳng thể kham nổi, bèn suy nghĩ tìm kiếm phương tiện đại bi của chư Phật thuở trước, đi đến Lộc Uyển, xưng dương, tán thán ba cỗ xe (tam thừa). Pháp Nhị Thừa để trung hạ căn tự tế độ, ân ấy chẳng ai sánh bằng! Bỏ Tất đánh xe trâu, chở họ thoát khỏi lửa; vì thế gọi là Ma Ha Tát. Đây là thí dụ trong Tam Tạng Giáo. Lại nữa, có ba hạng người cùng sợ bị thiêu đốt: Thanh Văn như con hoẵng, chạy thẳng không trở lại. Duyên Giác như nai mẹ, vừa chạy vừa ngoái lại nhìn. Bồ Tát như voi to, dùng thân chặn đao và tên cho cả bầy cùng thoát thân. Đó là thí dụ trong Thông Giáo.

Lại nữa, Nhị Thừa phát tâm nông cạn, duyên theo lý cạn, trí huệ yếu ớt, chỉ đoạn Thông Hoặc, chẳng thể trừ khử đến tận cùng, chẳng phải là Ba La Mật. Bồ Tát phát tâm lâu xa, lý sâu, trí mạnh, có thể đoạn Biệt Hoặc, tận cùng nguồn tánh. Do vậy, kinh Đại Phẩm nói: “*Nhị Thừa như huỳnh hỏa, Bồ Tát như nhật quang*” (Nhị Thừa như lửa đom đóm, Bồ Tát như ánh sáng mặt trời). Đó là thí dụ trong Biệt Giáo.

Lại nữa, “*thỉ kiến ngã thân, văn ngã sở thuyết, tức giai tín thọ, nhập Như Lai huệ. Như tư chi nhân, dị khả hóa độ, bất linh Như Lai sanh vu bì khổ*” (mới thấy thân ta, nghe lời ta nói, đều cùng tin nhận, nhập trí huệ của Như Lai. Người như vậy có thể hóa độ dễ dàng, chẳng khiến cho Như Lai sanh vào chốn mệt nhọc, khổ sở). Như trong kinh Hoa Nghiêm, từ ngay nơi Sự mà [chúng nhập] Chân, chẳng cần đến thí dụ (chẳng phải là trong kinh Hoa Nghiêm không có thí dụ, nhưng người đã nhập đạo chẳng phải nhờ vào đó). Vì kẻ chưa nhập mà suốt hơn bốn mươi năm, [Đức Phật] dùng phương tiện lạ để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa. Nay tại Linh Sơn, quyết định nói Đại Thừa, khiến cho khắp hết thấy đều được “*khai, thị, ngộ, nhập*” tri kiến của Phật, chẳng để riêng một ai được diệt độ. Hiện thời giống như thoát đầu, thoát đầu giống như hiện thời, chẳng hai, chẳng khác.

Bậc thượng căn lợi trí vừa nghe liền có thể hiểu, chẳng khiến cho Như Lai sanh vào chôn một nhọc, khổ sở, mà cũng chẳng cần phải nói thí dụ. Chỉ vì phàm phu trung hạ căn lẫn lộn nơi ngõ rẽ; vì thế, nay cần phải có thí dụ “cỗ xe lớn” để họ đạt được lợi ích. Đó gọi là thí dụ trong Viên Giáo.

3.1.2.3. Xét theo Bốn Tích

Trong Tích Môn đã có thí dụ về tứ giáo. Dùng Tích để suy ra Bốn: Ngay trong lúc thành đạo thuở ban sơ, cũng nên dùng các thí dụ để thành thực chúng sanh. Lại vì hạt sen mà trở hoa v.v... dùng các thí dụ [như thế] để sánh ví Bốn, thực hiện Tích. Nói cặn kẽ thì như trong phần luận về Huyền Nghĩa đã nói.

3.1.2.4. Xét theo quán tâm

“Không” như trâu trắng, “Giả” như dụng cụ, “Trung” như Thê của chiếc xe (tựa đề của phẩm này đáng lẽ phải đặt sau phần chư thiên nói kệ, trước thí dụ về nhà lửa. Do người san định kinh điều chỉnh, cho nên xếp đặt như vậy).

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu, có năm đoạn văn như trên [trong quyển một của bộ sách này] nhằm giảng thẳng vào Pháp Thuyết đã xong.

3.2. Thân Tử lãnh nhận, thông hiểu

3.2.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dũng dục, hoan hỷ, tức khởi hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan.

(經)爾時，舍利弗踊躍，歡喜，即起合掌，瞻仰尊 顏

◦

(Kinh:) Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hớn hởi, hoan hỷ, liền đứng dậy, chắp tay, chiêm ngưỡng dung nhan tôn quý [của đức Phật]).

“Dũng dục, hoan hỷ” (Hớn hởi, hoan hỷ): Trần thuật sự thông hiểu trong nội tâm. “Hiệp chưởng, chiêm ngưỡng” (Chắp tay, chiêm

ngưỡng): Trần thuật hình thái bên ngoài. Tin hiểu trong tâm là “hoan hỷ”. Vui mừng biểu lộ ra ngoài thần sắc thì gọi là “*dũng được*” (hớn hở). Từ người mầu nhiệm (đức Phật), được nghe diệu pháp, đạt được diệu giải. Nội ngoại hòa hợp, khiến cho đạt được sự hoan hỷ ấy. Đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn.

Lại đời Tiểu, học theo Đại, bỏ chuyện “*nghèo hèn, sống trong am tranh*”, nhận lấy gia nghiệp của bậc phú hào; nay mới biết chính mình thật sự là con của đức Phật. Do vậy, hoan hỷ. Đó là giải thích theo Vị Nhân Tất Đàn.

Lại nữa, buồn rầu lẫn hối hận đều dứt, nghi nan cùng trừ, chướng ngại trong ngoài đều gột sạch thanh thang. Vì thế nói: “*Ngã dĩ đắc Lưu Tận, văn diệt trừ ưu não*” (Ta đã được Lưu Tận, nghe nói cũng trừ ưu não). Đó là dùng Đối Trị Tất Đàn để giải thích chữ “hoan hỷ”.

Lại nữa, những gì Phật tử đáng nên đạt được, ta đều đã đạt được, an trụ trong Thật Trí, ta nhất định sẽ thành Phật. Vì thế hoan hỷ. Đó là dùng Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn để giải thích.

Xét theo giáo, hoan hỷ là vui mừng vì dự vào địa vị. A La Hán thoát khỏi lòng rọ tam giới, phá các quả nơi Tứ Trụ (thiên trụ, phàm trụ, thánh trụ, Phật trụ), đối với điều hại chẳng lo buồn, gặp điều lợi chẳng vui sướng. Nay nói “hoan hỷ”, chắc chắn chẳng phải là niềm vui thế gian! Nếu đã sáng tỏ Khổ Nhẫn, tận Vô Sanh Trí trước đó đã đạt được, thì nay sẽ chẳng hoan hỷ lần nữa. Như ba hạng người cùng dùng vô ngôn để nói năng. Thê [Không Quán] và Tích [Không Quán] tuy khác nhau, đều chứng Không giống hệt như nhau, hoan hỷ giống hệt như nhau. Nếu đã đạt được từ lâu, cũng sẽ chẳng lại hoan hỷ nữa. Nếu cả hai đẳng đều là Không, Quán sẽ là phương tiện đạo. Giả Quán quét sạch sự chật hẹp, thô lậu của Nhị Thừa. Không Quán quét sạch sự ồn ào, hạn hẹp của phàm phu. Do đã vượt khỏi lỗi ác nhị biên, cho nên đại hoan hỷ. Chứng đạo giống như trong Viên Giáo, tức là Phát Tâm Trụ cũng được gọi là Hoan Hỷ Trụ.

Lại nữa, Sơ Hạnh (địa vị đầu tiên trong Thập Hạnh) được gọi là Hoan Hỷ Hạnh. Sơ Địa cũng được gọi là Hoan Hỷ Địa. Thân Tử (ngài Xá Lợi Phất) đã là bậc thượng căn, lợi trí, chắc là đã siêu việt, tiến nhập Hoan Hỷ Địa. Nếu chẳng siêu việt, tiến nhập, ắt cũng thuộc Hoan Hỷ Trụ.

Xét theo Bốn Tích, ngài Thân Tử thành Phật đã lâu, hiệu là Kim Long Đà, ứng tích phụ trợ Phật Thích Ca, là bậc đệ tử trí huệ. Thoạt đầu, Ngài từ ngoại đạo, dẹp tà, quy chánh, thị hiện sự hoan hỷ nơi vị sửa

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

hòng lợi ích phàm phu. Kế đó, thị hiện sự hoan hỷ nơi vị lạc, nhằm lợi ích hiền thánh. Kế đó, thị hiện sự hoan hỷ nơi hai thứ tô (sinh tô và thực tô) hòng lợi ích Bồ Tát. Nay Ngài thị hiện sự hoan hỷ nơi vị đề hồ, nhằm lợi ích người học Phật đạo. Các thứ hoan hỷ như thế đều được thực hiện nơi Tích.

Xét theo Quán Tâm, Quán Tâm chính là “Không, Giả, Trung”, từ Danh Tự Hoan Hỷ cho đến Cứu Cánh Hoan Hỷ.

“*Tức khởi hiệp chưởng*” (Liên đứng dậy, chấp tay), biểu thị đã hiểu Quyền. Xưa kia, Quyền và Thật là hai, như hai bàn tay chẳng chấp lại. Nay hiểu Quyền chính là Thật, như hai bàn tay chấp lại. “*Chiêm ngưỡng tôn nhan*” biểu thị “đều là Thật”, chẳng còn nghĩ gì khác, chỉ duyên theo Phật cảnh. “*Hoan hỷ dũng dục*” (Hoan hỷ, hớn hở) là nói chung sự hoan hỷ do ba nghiệp đều tiếp nhận, thấu hiểu. “*Tức khởi hiệp chưởng*” là thân nghiệp. “*Chiêm ngưỡng tôn nhan*” là ý nghiệp. Sau đó, bạch với đức Phật là khẩu nghiệp. [Đoạn kinh văn này] nêu trọn sự lãnh nhận, thấu hiểu nơi ba nghiệp.

3.2.2. Ngài Thân Tử tự trần thuật

3.2.2.1. Trường Hàng

3.2.2.1.1. Nêu ra ba điều hoan hỷ

(*Kinh*) **Nhi bạch Phật ngôn: - Kim tùng Thế Tôn, văn thử pháp âm, tâm hoài dũng dục, đắc vị tăng hữu.**

(經)而白佛言：「今從世尊，聞此法音，心懷踊躍，得未曾有。」

(*Kinh*: Bèn bạch cùng đức Phật rằng: - Nay con nghe pháp âm này từ đức Thế Tôn, ôm lòng hớn hở, đạt được điều chưa từng có).

“Kim tùng Thế Tôn” (Nay từ đức Thế Tôn): Nói rõ con đích thân cận Phật thân; vì thế gọi là “*thân hỷ*”. Nghe pháp âm ấy từ nơi miệng Phật, nghe xong hoan hỷ, nên gọi là “*khẩu hỷ*”. Đạt được điều chưa từng có, tức là tâm con có thể thấu hiểu ý Phật; vì thế, gọi là “*ý hỷ*”.

3.2.2.1.2. Giải thích

Nêu ra những sơ sót trước kia hồng hiền lộ điều đạt được trong hiện thời. Lại do nỗi cảm thương trước kia mà tạo thành niềm hoan hỷ trong hiện tại.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Ngã tích tùng Phật văn như thị pháp, kiến chư Bồ Tát thọ ký tác Phật, nhi ngã đẳng bất dự tư sự, thậm tự cảm thương, thất u Như Lai vô lượng tri kiến.

(經)所以者何？我昔從佛聞如是法，見諸菩薩受記作佛，而我等不預斯事，甚自感傷，失於如來無量知見。

(Kinh: Vì lẽ nào vậy? Xưa kia từ nơi Phật, con được nghe pháp như thế, thấy các Bồ Tát được thọ ký thành Phật, nhưng chúng con chẳng được dự vào chuyện ấy, hết sức cảm thương, đánh mất vô lượng tri kiến của Như Lai).

Tuy cũng từ đức Phật nghe pháp như thế, nhưng bản thân chẳng được dự vào chuyện ấy, tức là thân cách xa Phật; vì thế, chẳng có thân hỷ. Đó gọi là “tuy gần mà xa”. Lại nghe mà khác nào chẳng nghe, cho nên chẳng có khâu hỷ. Hết sức tự cảm thương, cho nên chẳng có ý hỷ. Thấy các Bồ Tát được thọ ký thành Phật, tức là nói đến thời Phương Đẳng khen Viên ngời Đại, lại do bị quở trách, bài xích Tiểu pháp mà cảm thương.

(Kinh) Thế Tôn! Ngã thường độc xử sơn lâm, thụ hạ, nhược tọa, nhược hành, mỗi tác thị niệm: “Ngã đẳng đồng nhập pháp tánh, vân hà Như Lai dĩ Tiểu Thừa pháp nhi kiến tế độ?”

(經)世尊！我常獨處山林，樹下，若坐，若行，每作是念：「我等同入法性，云何如來以小乘法而見濟度？」

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con thường ở một mình trong núi rừng, dưới cội cây, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thường nghĩ như thế này: “Chúng ta cùng nhập pháp tánh, có sao Như Lai dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ?”)

Dưới cội cây trong núi rừng là chỗ suy nghĩ. “Nhược tọa, nhược hành” (Hoặc ngồi, hoặc kinh hành) là tư thế suy niệm. Nói “đồng nhập pháp tánh” tức là Tạng Giáo và Thông Giáo đều coi Thiên Chân là pháp

tánh. Khi nghe Tam Tạng, bèn hư vọng chấp trước “Đại Sĩ thật sự chỉ chế phục Hoặc trong ba A-tăng-kỳ kiếp”, tự vui thích pháp tánh đã chứng trước đó, chẳng nên suy niệm [những giáo pháp khác]. Ấy là do khi nghe thời Phương Đăng, ngầm đạt được lợi ích chung, nghe nói Thật Tướng của các pháp, người trong tam thừa đều cùng đạt được, [bèn thắc mắc]: “Đã là cùng nhập Chân Đế pháp tánh, có sao Bồ Tát được thọ ký, chúng con rốt cuộc vẫn trụ trong Tiểu quả?” Bởi thế, nghi niệm chẳng thể giải quyết được! Chẳng biết “*nuơng vào Trung Đạo pháp tánh của Đại Thừa thì mới có giáo nghĩa thành Phật*”. [Đức Phật] “*dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ*” là vì [hàng Tiểu Thừa] chẳng nghe Đại pháp, cho nên chẳng có khẩu hỷ. Hư vọng so đo [chính mình và hàng Bồ Tát] cùng nhập pháp tánh, chẳng hiểu Quyền lý. Do vậy, chẳng có ý hỷ. Ở riêng một chỗ để ngồi, hoặc kinh hành, tức là thân cách xa Phật, cho nên chẳng có thân hỷ!

(Kinh) *Thị ngã đẳng cửu, phi Thế Tôn dã! Sở dĩ giả hà? Nhược ngã đẳng đãi thuyết sở nhân thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, tất dĩ Đại Thừa nhi đắc độ thoát. Nhiên ngã đẳng bất giải phương tiện tùy nghi sở thuyết. Sơ văn Phật thuyết, ngộ tiện tín thọ, tư duy, thủ chứng.*

(經)是我等咎，非世尊也！所以者何？若我等待說所因成就阿耨多羅三藐三菩提者，必以大乘而得度脫。然我等不解方便隨宜所說。初聞佛說，遇便信受，思惟，取證

。

(Kinh: *Đó là lỗi của chúng con, chẳng phải lỗi của đức Thế Tôn! Vì có sao vậy? Nếu chúng con chờ Phật nói cái nhân thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ắt sẽ do pháp Đại Thừa mà được độ thoát. Nhưng chúng con chẳng hiểu đức Phật đã dùng phương tiện, thuận theo cơ nghi để nói, vừa mới nghe đức Phật nói [Tiểu pháp], đã liền tin nhận, tư duy, chứng lấy).*

Thoạt đầu suy nghĩ cho là Như Lai có lòng thiên vị, cho nên Ngài dùng pháp Tiểu Thừa để tế độ [hàng Nhị Thừa]. Suy nghĩ lâu ngày, dẫn đến tự quy lỗi về mình. Vì thế nói “*thị ngã đẳng cửu, phi Thế Tôn dã!*” (là lỗi của chúng con, chẳng phải lỗi của đức Thế Tôn!) Từ câu “*sở dĩ*

giả hà?” (vì có sao vậy?) trở đi, giải thích vì sao đã tạo thành lỗi. Ấy là vì trong thời Bát Nhã chuyển giáo, phó tài¹⁸³, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt, đã biết Trung Đạo pháp tánh ở ngoài tam giới chính là chánh nhân để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chúng con là độn căn, đã chẳng thể tiếp nhận, đáng nên chờ lúc [mặt trời] chiếu đến núi cao trước (tức thời Hoa Nghiêm) [đã xong, Phật sẽ dần dần hóa độ], [chúng con] lại muốn mau chóng chứng đắc, trông thấy Tiểu pháp bèn vội vàng chấp lấy để chứng nhập. Lại chẳng biết tạm ngừng nghỉ đôi chút để chờ giáo pháp thuộc các thời Phương Đẳng, Bát Nhã; vì thế, quy lỗi vào mình. Nhưng vẫn chẳng biết sở chứng (những gì chính mình đã chứng) chẳng phải là diệt độ thật sự, [chẳng biết] những gì đã hành chính là Bồ Tát đạo. Chẳng đợi [đức Phật] nói đến cái nhân [của Bồ Tát đạo], tức là chẳng hiểu Thật. Chẳng hiểu [đức Phật] do phương tiện tùy theo cơ nghi mà nói [các pháp trung hạ], tức là chẳng hiểu Quyền. Do chẳng hay khéo thấu hiểu Quyền và Thật, cho nên chẳng có ý hỷ. Do tin nhận ngay lời dạy thuở ban đầu, cho nên chẳng có khẩu hỷ. Tư duy, chứng lấy Thiên Chân Niết Bàn, tức là trái nghịch, xa lìa Pháp Thân thường lạc của Như Lai, cho nên chẳng có thân hỷ. Đều là dùng lỗi làm thuở trước để giải thích sự hoan hỷ trong hiện thời.

Phần thứ hai là giải thích đã xong.

3.2.2.1.3. Tiểu kết nhằm kết lại ba điều hoan hỷ được thành tựu trong hiện thời

3.2.2.1.3.1. Tiểu kết

(Kính) Thế Tôn! Ngã từng tích lại, chung nhật cánh dạ, mỗi tự khắc trách, nhi kim từng Phật văn sở vị văn, vị tăng hữu pháp, đoạn chư nghi hối, thân ý thái nhiên, khoái đắc an ổn.

¹⁸³ “Chuyển giáo, phó tài” là thuật ngữ của tông Thiên Thai nhằm miêu tả thời Bát Nhã. Trong thời này, đức Phật sai ngài Tu Bồ Đề thay Phật tuyên nói kinh Bát Nhã cho hàng Đại Thừa Bồ Tát. Đó gọi là “chuyển giáo”. Diệu lý Đại Thừa vốn chẳng phải là pháp hàng Thanh Văn có thể biết, nhưng do sức gia bị của Phật, hàng Thanh Văn có thể diễn nói pháp Bát Nhã. Mục đích là khiến cho hàng Thanh Văn thâm nhập diệu lý Đại Thừa, giống như giao phó tài sản gia nghiệp của Như Lai cho họ, nên gọi là “phó tài”.

**(經)世尊！我從昔來，終日竟夜，每自剋責，而今從
佛聞所未聞，未曾有法，斷諸疑悔，身意泰然，快得安 隱**

。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con từ trước đến nay, suốt ngày thâu đêm thường tự trách mình, nay từ đức Phật mà được nghe pháp chưa từng có trước nay chưa hề nghe, dứt các ngờ vực, hối hận, thân ý thanh thoi, vui sướng, an ổn).

Nhắc lại chuyện quy lỗi vào mình trong phần trước, gọi là tự “khắc trách”, tỏ rõ hiện thời ba nghiệp đều hoan hỷ trọn khắp. [Nói] “tùng Phật” là thân cận Phật thân, nhằm tiểu kết ý “thân hỷ”. “Văn pháp” (Nghe pháp) là [được nghe] viên âm từ kim khẩu, kết lại ý “khẩu hỷ”. “Khoái đắc an ổn” (Vui sướng, an ổn) tức là ý mình giống như ý Phật, tiểu kết “ý hỷ”. Nói “văn sở vị văn” (nghe điều chưa từng nghe): Núi cao được chiếu trước, chẳng dự vào pháp tịch¹⁸⁴. Do vậy, “chưa nghe”. Tam Tạng là nói quyền biến, chẳng diễn nói lý Trung Đạo, cho nên là “chưa nghe”. Phương Đẳng quở trách Tiểu pháp, mầm chấy, hạt lép chẳng có phần, cho nên “chưa nghe”. Bát Nhã chuyển giáo, chỉ vì Bồ Tát, cho nên [hàng Nhị Thừa] “chưa nghe”.

Lại nữa, [trong thời] Tam Tạng, chỉ nghe Thiên Chân. Thông Giáo chỉ nghe “tức Chân”, Biệt Giáo chỉ nghe “thoát khỏi nhị biên thì mới gọi là Trung Đạo”, chưa nghe “phương tiện chính là chân thật”. Vì thế, gọi là “pháp chưa từng có”. [Thắc mắc Như Lai] “vì sao dùng Tiểu pháp để tế độ” tức là nghi Phật. Đó là lỗi của chúng con. Đây là tự hối hận, nay chẳng còn ngờ vực nữa, mà cũng chẳng còn hối hận nữa! Do vậy, thanh thoi, an ổn!

3.2.2.1.3.2. Thành tựu

**(Kinh) Kim nhật nãi tri chân thị Phật tử, tùng Phật khẩu sanh,
tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần.**

¹⁸⁴ Ý nói trong thời Hoa Nghiêm, hàng Thanh Văn tuy dự hội mà chẳng lãnh hội, cho nên tuy hiện diện mà cũng như không hiện diện. Vì thế nói là “chẳng dự vào tiệc pháp”.

(經)今日乃知真是佛子，從佛口生，從法化生，得佛法分」。

(Kinh: Ngày nay mới biết con thật sự là Phật tử, sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh, có phần nơi Phật pháp).

Thật sự là Phật tử thì thân được gần Phật, ý nghĩa “*thân hỷ*” đã thành. “*Tùng Phật khẩu sanh*” (Sanh từ miệng Phật), ý nghĩa “*khẩu hỷ*” đã thành. “*Tùng pháp hóa sanh*” (Hóa sanh từ pháp), ý nghĩa “*ý hỷ*” đã thành. “*Đắc Phật pháp phần*” (Có phần nơi Phật pháp), tức là phần chứng tam đức bí tạng. Nhưng khi ngài Thân Tử vừa mới chứng A La Hán, cũng được gọi là “*trưởng tử*” của Phật. “*Sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh*” là từ hiện thời mà so sánh với quá khứ. Trước kia chỉ là Quyền, cho nên chẳng gọi là Chân, ngày nay mới là Chân. Đó là xét theo ý nghĩa đối đãi. Lại nữa, trong thời Phương Đẳng và Bát Nhã, Bồ Tát được gọi là “*Phật tử*”, chứ Thanh Văn chẳng có phần nơi Phật pháp. Nay mới biết chính mình vốn là Phật tử chân thật. Đó là xét theo ý nghĩa “*khai hiển*” (khai tam, hiển nhất).

Phần thứ nhất, kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.2. Kệ Tụng

3.2.2.2.1. Trùng tụng nêu bày các điều hoan hỷ và chưa từng có

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã văn thị pháp âm, đắc sở vị tăng hữu, tâm hoàn đại hoan hỷ, nghi vọng giai dĩ trừ.

(經)爾時，舍利弗欲重宣此義，而說偈言：「我聞是法音，得所未曾有，心懷大歡喜，疑網皆已除。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Con nghe pháp âm này, được điều chưa từng có, tâm hết sức hoan hỷ, lưới nghi đều đã trừ).

“*Ngã văn*” (Con nghe) tức là đích thân nghe từ đức Phật, cùng nêu ra thân và khẩu, “*đắc sở vị tăng hữu*” (đạt được điều chưa từng có) là nêu ra ý. Những điều khác dễ thấy.

3.2.2.2. Trùng tụng nhằm giải thích

3.2.2.2.1. Trùng tụng về chuyện chẳng mất phần nơi Phật pháp

(Kinh) Tích lai môn Phật giáo, bất thất ư Đại Thừa, Phật âm thậm hy hữu, năng trừ chúng sanh não. Ngã dĩ đắc lậu tận, văn diệt trừ ưu não.

(經)昔來蒙佛教，不失於大乘，佛音甚希有，能除眾生惱。我已得漏盡，聞亦除憂惱。

(Kinh: Từ xưa nhờ Phật dạy, chẳng đánh mất Đại Thừa, tiếng Phật rất hy hữu, trừ chúng sanh phiền não. Con đã đắc Lậu Tận, nghe cũng trừ ưu não).

“Bất thất Đại Thừa” là nói đến thân hỷ. “Phật âm hy hữu” nói tới khẩu hỷ. “Lậu tận trừ não” (Hết lậu hoặc, trừ phiền não): Nói về ý hỷ. Xưa vốn chẳng hề mất, chỉ vì mê mà lầm tưởng là đã bị mất.

3.2.2.2.1. Trùng tụng về lầm lỗi khi trước

(Kinh) Ngã xử ư sơn cốc, hoặc tại lâm thụ hạ, nhược tọa, nhược kinh hành, thường tư duy thị sự. Ô hô, thâm tự trách, vân hà nhi tự khi? Ngã đẳng diệc Phật tử, đồng nhập vô lậu pháp, bất năng ư vị lai, diễn thuyết vô thượng đạo. Kim sắc tam thập nhị, Thập Lực, chư giải thoát, đồng cộng nhất pháp trung, nhi bất đắc thử sự! Bát thập chủng diệu hảo, thập bát bất cộng pháp, như thị đẳng công đức, nhi ngã giai dĩ thất. Ngã độc kinh hành thời, kiến Phật tại đại chúng, danh văn mãn thập phương, quảng nhiều ích chúng sanh. Tự duy thất thử lợi, ngã vị tự khi cuồng.

(經)我處於山谷，或在林樹下，若坐若經行，常思惟是事。嗚呼深自責，云何而自欺？我等亦佛子，同入無漏法，不能於未來，演說無上道。金色三十二，十力諸解脫，同共一法中，而不得此事。八十種妙好，十八不共法，

如是等功德，而我皆已失。我獨經行時，見佛在大眾，名聞滿十方，廣饒益眾生。自惟失此利，我為自欺誑。

(Kinh: Con ở nơi hang núi, trong rừng, dưới cội cây, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, thường suy nghĩ chuyện này. Than ôi! Rất tự trách, sao lại tự dối mình? Con cũng là Phật tử, cùng nhập pháp vô lậu, chẳng thể trong vị lai, diễn nói đạo vô thượng. Thân vàng bảm hai tướng, Thập Lực, các giải thoát, cùng chung trong một pháp, nhưng chẳng đắc chuyện này! Tám mươi thứ diệu hảo, mười tám pháp bất cộng, các công đức như thế, con thấy đều đã mất! Khi con riêng kinh hành, thấy Phật trong đại chúng, tiếng tăm trọn mười phương, rộng lợi ích chúng sanh. Tự nghĩ mất lợi này, chính con tự lừa dối).

Đây là trùng tụng chuyện do nghe Phương Đẳng đả phá, bài xích Tiểu pháp, mà ngầm đạt được lợi ích chung. “Vô lậu pháp” chính là pháp tánh được nói trong phần Trường Hàng, tức là Thiên Chân Niết Bàn, [“vô lậu”] hàm nghĩa “chẳng rơi rớt sanh tử!”

(Kinh) Ngã thường ư nhật dạ, mỗi tư duy thị sự, dục dĩ vấn Thế Tôn: “Vi thất, vi bất thất?” Ngã thường kiến Thế Tôn, xưng tán chư Bồ Tát. Dĩ thị ư nhật dạ, trừ lượng như thị sự. Kim văn Phật âm thanh, tùy nghi nhi thuyết pháp, vô lậu nan tư nghị, linh chúng chí đạo tràng.

(經)我常於日夜，每思惟是事，欲以問世尊：「為失為不失？」我常見世尊，稱讚諸菩薩。以是於日夜，籌量如是事。今聞佛音聲，隨宜而說法，無漏難思議，令眾至道場。

(Kinh: Con thường suốt ngày đêm, luôn suy nghĩ chuyện này, muốn hỏi đức Thế Tôn: “Là mất, hay chẳng mất?” Con thường thấy Thế Tôn, khen ngợi các Bồ Tát. Do vậy suốt ngày đêm, suy lường việc như vậy. Nay nghe tiếng của Phật, tùy cơ nghi thuyết pháp, vô lậu, khó nghĩ bàn, khiến chúng đến đạo tràng).

Đây là trùng tụng chuyện đã nghe Bát Nhã chuyên giáo, ngầm đạt được lợi ích riêng biệt. Nếu giải thích “ngày đêm” theo sự biểu thị pháp thì “ngày” chính là Niết Bàn, “đêm” chính là sanh tử. Hơn nữa, phàm phu sanh tử và Niết Bàn của Nhị Thừa (Thiên Chân Niết Bàn) đều gọi là “đêm”, Trung Đạo pháp tánh được gọi là “ngày”. “Vô lậu nan tư nghị” (Vô lậu, khó nghĩ bàn) chính là Trung Đạo pháp tánh, do chẳng rơi rớt vào hai bên.

(Kinh) Ngã bốn trước tà kiến, vì chư phạm chí sư. Thế Tôn tri ngã tâm, bạt tà thuyết Niết Bàn, ngã trừ trừ tà kiến, u Không pháp đắc chứng. Nhĩ thời, tâm tự vị: “Đắc chí u diệt độ”.

(經)我本著邪見，為諸梵志師。世尊知我心，拔邪說涅槃，我悉除邪見，於空法得證。爾時心自謂：「得至於滅度」。

(Kinh: Con vốn chấp tà kiến, làm thầy các phạm chí¹⁸⁵. Thế Tôn biết tâm con, dẹp tà, nói Niết Bàn, con trừ sạch tà kiến, được chứng đắc pháp Không. Lúc đó, tâm tự nhủ: “Đã đạt đến diệt độ”).

Đây là trùng tụng chuyện thoát đầu nghe đức Phật dạy về ngộ bèn tin nhận, tư duy, chứng lấy.

Phần thứ hai, “trùng tụng các điều giải thích” đã xong.

3.2.2.2.3. Trùng tụng kết luận

3.2.2.2.3.1. Trùng tụng để kết luận

3.2.2.2.3.1.1. Trùng tụng để tiểu kết

(Kinh) Nhị kim nãi tự giác: “Phi thị thật diệt độ!” Nhược đắc tác Phật thời, cụ tướng tam thập nhị. Thiên, nhân, Dạ Xoa chúng, long, thần đẳng cung kính. Thị thời nãi khả vị: “Vĩnh tận diệt vô dư!” Phật u đại chúng trung, thuyết ngã đương tác Phật, văn như thị pháp âm, nghi hối tất dĩ trừ.

¹⁸⁵ Phạm chí (Brahmacārin) là danh xưng chung để gọi các tu sĩ Bà-la-môn. Phạm chí có nghĩa là “người có chí hướng tu hành Phạm hạnh” hoặc “chí hướng cầu sanh lên Phạm Thiên”.

(經)而今乃自覺：「非是實滅度！」若得作佛時，具相三十二。天人夜叉眾，龍神等恭敬。是時乃可謂：「永盡滅無餘！」佛於大眾中，說我當作佛，聞如是法音，疑悔悉已除。

(Kinh: Nhưng nay mới tự biết: “Chẳng phải thật diệt độ!” Nếu lúc được thành Phật, trọn đủ ba mươi hai tướng. Trời, người, các Dạ Xoa, rồng, thần quỷ cung kính. Lúc ấy mới được nói: “Dứt hết hẳn, chẳng sót!” Phật ở trong đại chúng, nói con sẽ thành Phật, nghe pháp âm như thế, nghi hối đều đã trừ).

“Làm Phật có đủ các tướng”: Kết lại ý nghĩa về thân hỷ. “Thuyết ngã tác Phật” (Nói con sẽ thành Phật): Kết lại ý nghĩa về khẩu hỷ. “Trừ hết nghi hối” kết lại ý nghĩa ý hỷ. [Thanh Văn tiểu quả] chỉ đoạn Kiến Tư, thoát khỏi Phần Đoạn [sinh tử], nhưng còn có vô minh và Biên Dịch [sinh tử]. Nếu được làm Phật, chuyển Ngũ Uẩn vô thường trong chín pháp giới, chứng đắc Ngũ Uẩn thường lạc. Khi đó, ngũ trụ rốt ráo hết sạch, nhị tử (Biên Dịch sinh tử và Phần Đoạn sinh tử) vĩnh viễn mất, bèn có thể nói là “chân diệt” (thật sự diệt độ). “Cụ tướng tam thập nhị” (Trọn đủ ba mươi hai tướng): Lại nói đến sắc thân màu nhiệm của Pháp Thân. Mỗi tướng không gì chẳng phải là tướng hải¹⁸⁶, không gì chẳng phải là Tánh Đức hiển lộ trọn vẹn. Vì thế nói là “cụ” (具, đầy đủ).

3.2.2.2.3.1.2. Thuật lại điều nghi ngờ, hối hận

(Kinh) Sơ văn Phật sở thuyết, tâm trung đại kinh nghi, tương phi ma tác Phật, não loạn ngã tâm da?

(經)初聞佛所說，心中大驚疑，將非魔作佛，惱亂我心耶？

(Kinh: Thoạt đầu nghe Phật nói, tâm ngờ, rất kinh sợ, phải chăng ma giả Phật, não loạn lòng ta ư?)

¹⁸⁶ Mỗi tướng của Như Lai hàm chứa vô lượng tướng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế gọi là “tướng hải”.

Đây là nói rõ: Không chỉ sanh nghi trong thời Phương Đẳng, mà trong thời Bát Nhã cũng sanh lòng hối hận. Ở trong kinh này, thoát đầu khi nghe giảng đại lược “khai tam, hiển nhất”, tâm Ngài vẫn còn kinh hãi, hối hận. Do vậy, ba lượt câu thỉnh chẳng thôi!

3.2.2.2.3.1.3. Trần thuật sự lãnh nhận thấu hiểu

(Kinh) Phật dĩ chủng chủng duyên, thí dụ, xảo ngôn thuyết, kỳ tâm an như hải. Ngã văn, nghi vãng đoạn. Phật thuyết quá khứ thế, vô lượng diệt độ Phật, an trụ phương tiện trung, diệt giai thuyết thị pháp. Hiện tại, vị lai Phật, kỳ số vô hữu lượng, diệt dĩ chư phương tiện, diễn thuyết như thị pháp. Như kim giả Thế Tôn, từng sanh cập xuất gia, đắc đạo chuyển pháp luân, diệt dĩ phương tiện thuyết. Thế Tôn thuyết thật đạo. Ba Tuần vô thử sự. Dĩ thị ngã định tri, phi thị ma tác Phật. Ngã đọa nghi vãng cố, vị thị ma sở vi. Văn Phật nhu nhuyển âm, thâm viển thậm vi diệu, diễn sướng thanh tịnh pháp. Ngã tâm đại hoan hỷ, nghi hối vãng dĩ tận, an trụ Thật Trí trung.

(經)佛以種種緣，譬喻巧言說，其心安如海。我聞疑網斷。佛說過去世，無量滅度佛，安住方便中，亦皆說是法。現在未來佛，其數無有量，亦以諸方便，演說如是法。如今者世尊，從生及出家，得道轉法輪，亦以方便說。世尊說實道。波旬無此事。以是我定知，非是魔作佛。我墮疑網故，謂是魔所為。聞佛柔軟音，深遠甚微妙，演暢清淨法。我心大歡喜，疑悔永已盡，安住實智中。

(Kinh: Phật dùng các thứ duyên, thí dụ, ngôn từ khéo, tâm bèn yên như biển. Con nghe, lưới nghi đứt. Phật nói đời quá khứ, vô lượng Phật diệt độ, an trụ trong phương tiện, cũng đều nói pháp này. Hiện tại, vị lai Phật, số ấy chẳng hạn lượng, cũng dùng các phương tiện, diễn nói pháp như thế. Như nay đức Thế Tôn, từ giáng sanh, xuất gia, đắc đạo, chuyển pháp luân, cũng dùng phương tiện nói. Thế Tôn nói thật đạo, Ba

Tuần¹⁸⁷ không chuyện ấy. Do vậy, con biết chắc, chẳng phải ma giả Phật! Con do đoạ lưới nghi, cho là ma làm ra. Nghe tiếng Phật mềm mỏng, sâu xa, rất vi diệu, diễn bày pháp thanh tịnh. Tâm con rất hoan hỷ, nghi hối mãi trừ sạch, an trụ trong Thật Trí).

Đây là trần thuật sự lãnh ngộ trọn vẹn ý chỉ khai hiển của năm loại Phật (chư Phật, Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, và Phật Thích Ca) để tổng kết ba điều hoan hỷ (thân hỷ, khẩu hỷ, ý hỷ).

Phần thứ nhất, “trùng tụng để tiểu kết” đã xong.

3.2.2.2.3.2. Trùng tụng về sự thành tựu

(Kinh) Ngã định đương tác Phật, vị thiên nhân sở kính, chuyển vô thượng pháp luân, giáo hóa chư Bồ Tát.

(經)我定當作佛，為天人所敬，轉無上法輪，教化諸菩薩」。

(Kinh: Con nhất định thành Phật, được trời người tôn kính, chuyển pháp luân vô thượng, giáo hóa các Bồ Tát).

Chỉ trùng tụng một câu “có phần nơi Phật pháp” thì ba điều hoan hỷ đều cùng thành tựu. Nếu muốn phân biệt thì “trời, người tôn kính” là thành tựu nơi thân, “chuyển pháp luân vô thượng” chính là thành tựu nơi miệng, “giáo hóa các Bồ Tát” chính là thành tựu nơi ý.

Phần thứ hai, “ngài Thân Tử lãnh nhận, thấu hiểu” đã xong.

3.2.2.3. Như Lai nêu ra sự thành tựu

¹⁸⁷ Ba Tuần (Pāpīyas, Pāpman, Māra-pāpman) còn phiên âm là Ba Bê Duyên, Ba Bê, Pha Tuần, Á Tỳ, dịch nghĩa là Sát Giả (kẻ giết chóc), Ác Vật, Ác Trung Ác, Ác Ái, là tên của ma vương thời đức Phật Thích Ca tại thế. Ba Tuần chính là Lục Dục Thiên Chúa (Tự Tại Thiên Vương), thường quấy nhiễu Phật và các đệ tử. Ba Tuần là chữ bị viết sai ngoa, vì theo các bản kinh cổ, tên của Ma Vương phải viết là Ba Duyên (Huyện) (波旬), nhưng bị viết sai thành Ba Tuần (波旬). Sách Huệ Lâm Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa Chương, quyển mười chép: “Chữ Mục (目) [trong tên Ma Vương] bị viết sai thành Nhật (日), nên viết thành chữ Tuần (旬), nay kiểm bản tiếng Phạn thì vốn chẳng có âm Tuần [Do trong tiếng Hán, chữ 旬 (Huyện), có ba âm đọc là Duyên, Huyện và Tuần]. Đó là vì biên chép sai lạc, truyền tụng sai ngoa đã lâu”.

3.2.2.3.1. Xưa kia, [đức Phật] đã từng dạy Đại pháp [cho ngài Xá Lợi Phất]

Trần thuật từ xưa ngài Xá Lợi Phất đã chẳng hiểu sai lời Phật dạy.

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngô kim ư thiên, nhân, sa-môn, Bà-la-môn đẳng đại chúng trung thuyết: “Ngã tích tăng ư nhị vạn ức Phật sở, vị vô thượng đạo cố, thường giáo hóa nhữ. Nhữ diệc trường dạ tùy ngã thọ học. Ngã dĩ phương tiện dẫn đạo nhữ cố, sanh ngã pháp trung”.

(經)爾時，佛告舍利弗：「吾今於天、人、沙門、婆羅門等大眾中說：「我昔曾於二萬億佛所，為無上道故，常教化汝。汝亦長夜隨我受學。我以方便引導汝故，生我法中」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Ta nay ở trong đại chúng trời, người, sa-môn, Bà-la-môn v.v... mà nói: “Trước kia, ta đã từng ở nơi hai vạn ức Phật, vì đạo vô thượng, thường giáo hóa ông. Ông cũng ở trong đêm dài theo ta học. Ta dùng phương tiện hướng dẫn ông sanh trong pháp của ta”).

“Vô thượng đạo”: Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói: “Thân vô thượng là tướng hảo (câu đầu tiên là quả). Thọ trì vô thượng tức là tự lợi, lợi lạc người khác. (Thân, miệng, ý) trọn đủ vô thượng tức là mạng, kiến, giới (hai câu này chính là Lục Hòa trong Đại Thừa). Trí huệ vô thượng tức là bốn món vô ngại. Chẳng nghĩ bàn vô thượng chính là Lục Ba La Mật (hai câu này nói đến phước và trí). Giải thoát vô thượng có thể hoại hai chướng. (Chứng) hạnh vô thượng, tức là Thánh Hạnh, Phạm Hạnh (Thiên Hạnh là sở chứng, Bệnh Hạnh, và Anh Nhi Hạnh¹⁸⁸ là quả dụng.

¹⁸⁸ Đây là năm hạnh phải tu tập của Bồ Tát theo kinh Đại Bát Niết Bàn:

- 1) Thánh Hạnh: Thánh có nghĩa là Chánh. Bồ Tát nương vào Giới, Định, Huệ tu các hạnh.
- 2) Phạm Hạnh: Phạm nghĩa là “thanh tịnh”. Bồ Tát chẳng đắm nhiễm nhị biên thì gọi là Tịnh. Dùng tịnh tâm để vận dụng từ bi, ban vui, dẹp khổ cho chúng sanh.
- 3) Thiên Hạnh: Thiên ở đây là nói đến Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Do lý thiên nhiên (chân tánh, Phật tánh, pháp tánh) mà Bồ Tát thành tựu diệu hạnh.

Do vậy, chỉ nêu lên hai hạnh. Sáu câu sau đều là cái nhân). Lại nữa, thân vô thượng gọi là đại trượng phu. Thọ trì vô thượng là đại từ bi. Trọn đủ vô thượng gọi là “đến bờ kia”. Trí vô thượng gọi là Nhất Thiết Trí. Chẳng nghĩ bàn vô thượng gọi là A La Ha (Ứng Cúng). Giải thoát vô thượng gọi là Đại Niết Bàn. Hạnh vô thượng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà (Chánh Đẳng Chánh Giác)” (Bảy điều này đều từ cái quả mà lập, tức là sáu cái nhân đều từ quả mà đặt ra danh xưng). Kinh này nói đến đạo vô thượng viên thông.

“Trường dạ” (Đêm dài): Xưa kia, tuy dùng Đại Thừa để giáo hóa, [nhưng ngài Xá Lợi Phất] chưa phá vô minh, trong tâm tuy tối tăm vì Hoặc, vẫn theo Phật tiếp nhận sự giáo hóa. “*Phương tiện dẫn đạo, sanh ngã pháp trung*” (Phương tiện hướng dẫn sanh vào trong pháp của ta): Một là xưa kia dùng Đại Thừa để giáo hóa, đời này sanh lòng hiểu biết đối với Đại pháp. Hai là dùng Quyền để hướng dẫn tiểu căn, khiến cho họ chứng tiểu quả.

3.2.2.3.2. Giữa chừng quên mất, giữ lấy Tiểu pháp, nêu bày nguyên do cảm thương, nhờ vực, hồi hận

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ngã tích giáo nhữ chí nguyện Phật đạo. Nhữ kim tất vong, nhi tiện tự vị “*đã đắc diệt độ*”.

(經)舍利弗！我昔教汝志願佛道。汝今悉忘，而便自謂「已得滅度」。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Ta trước kia đã giáo hóa ông chí nguyện Phật đạo. Ông nay quên hết, bèn tự cho rằng “*đã được diệt độ*”).

3.2.2.3.3. Lại vì [Xá Lợi Phất] nói Đại pháp, trần thuật sự thấu hiểu ngày nay chẳng hư dối

4) Anh Nhi Hạnh: Anh Nhi (trẻ thơ) ví như nhân thiên và Tiểu Thừa. Bồ Tát dùng tâm từ bi, thị hiện giống như nhân, thiên v.v... hành các điều thiện nhỏ nhoi để tiếp dẫn họ.

5) Bệnh Hạnh: Bồ Tát do tâm bình đẳng, vận dụng lòng vô duyên đại bi, thị hiện có phiền não giống như chúng sanh, có bệnh khổ v.v... để hòa quang đồng trần hòng tiếp dẫn chúng sanh.

(Kinh) Ngã kim hoàn dục linh nhữ ức niệm bốn nguyện sở hành đạo cổ, vị chư Thanh Văn thuyết thị Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

(經)我今還欲令汝憶念本願所行道故，為諸聲聞說是大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。

(Kinh: Ta nay vẫn muốn khiến cho ông nghĩ nhớ đạo đã hành nơi bốn nguyện, vì các Thanh Văn nói kinh Đại Thừa có tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm này).

Phần thứ ba, “Nhu Lai trần thuật sự thành tựu” đã xong.

3.2.2.4. Thọ ký

3.2.2.4.1. Trường Hàng

Đã hiểu Đại pháp, tự biết sẽ thành Phật, cần gì phải đợi thọ ký! Thọ ký là vì có bốn ý:

- Một, trước kia chưa thọ ký cho hàng Nhị Thừa. Vì thế, nay cần phải thọ ký.
- Hai, độn căn chưa ngộ, dùng thọ ký để khích lệ họ.
- Ba, khiến cho người nghe sẽ kết duyên.
- Bốn, nhằm thỏa mãn bốn nguyện [của người được thọ ký].

3.2.2.4.1.1. Thời tiết

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ u vị lai thế, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị kiếp.

(經)舍利弗！汝於未來世，過無量無邊不可思議劫。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ông trong đời vị lai, qua khỏi vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn kiếp).

Hỏi: - Ngài Thân Tử là bậc thượng căn, đắc ngộ ngay trong tầng đầu tiên (Pháp Thuyết Châu), tức là đã khai tri kiến của Phật, dự vào bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, có thể lập tức thành Phật, giống như long nữ [được nói trong phẩm Đề Bà Đạt Đa]. Vì sao nay thọ ký Ngài còn phải trải qua chừng ấy kiếp [mới thành Phật]?

Đáp: - Xét theo chỗ ứng hiện thành Phật, cần phải có cơ duyên. Các vị Thanh Văn ấy trước kia chưa từng nhiếp thủ cõi Phật thanh tịnh. Nay sau khi được thọ ký, phải kết duyên với chúng sanh. Căn cơ của chúng sanh khác nhau, dẫn đến kiếp số nhiều hay ít. Long nữ tuy là súc sanh, nhưng vì “*thừa gặp*”, trước đó đã tu tập phương tiện. Nếu xét theo Quyền Tích, sẽ phải nên biện luận riêng, [long nữ thị hiện như thế] nhằm phù hợp cơ nghi, tùy theo căn cơ [của chúng sanh trong thuở ấy] mà [thời gian từ lúc được thọ ký cho đến khi thành Phật] dài hay ngắn.

3.2.2.4.1.2. Nhân hạnh

(Kinh) Cúng dường nhược can thiên vạn ức Phật, phụng trì chánh pháp, cụ túc Bồ Tát sở hành chi đạo.

(經)供養若干千萬億佛，奉持正法，具足菩薩所行之道。

(Kinh: Cúng dường chừng ấy ngàn vạn ức Phật, vâng giữ chánh pháp, trọn đủ đạo phải hành của hàng Bồ Tát).

Một là cúng dường Phật, hai là gìn giữ pháp, bèn có thể trọn đủ Bồ Tát đạo, tức là viên mãn hai thứ trang nghiêm phước và huệ.

3.2.2.4.1.3. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc tác Phật, hiệu viết Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得作佛，號曰華光如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được làm Phật, hiệu là Hoa Quang (Padmaprabha) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Thọ ký đầy đủ thông hiệu và biệt hiệu. Thông hiệu (Nhu Lai, Ứng Cúng v.v...) thì như trong phần trước đã giải thích. Biệt hiệu là Hoa Quang. Thấy Phật phóng quang, nói kinh Pháp Hoa, được thọ ký trước hết. Vì thế, có danh hiệu ấy. Lại nữa, Hoa chính là phước đức. Quang là trí huệ. Hoa là duyên nhân Phật tánh. Quang là liễu nhân Phật tánh. Bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên) đều luận về phước huệ, đều luận duyên nhân và liễu nhân. Nay chỉ nói về Viên. Lại nữa, chứng Diệu Hoa Quang Minh tam-muội đã lâu. Nơi Tích thì thị hiện thành Phật trong vị lai. Lại xét theo quán tâm thì Giả tức Không, tức Trung, bèn gọi là Hoa. Không mà tức Giả, tức Trung, thì gọi là Quang. Trung tức Không, tức Giả, thì gọi là Như Lai.

3.2.2.4.1.4. Quốc độ

(Kinh) Quốc danh Ly Cấu, kỳ thổ bình chánh, thanh tịnh nghiêm sức, an ổn phong lạc. Thiên nhân xí thịnh, lưu ly vi địa. Hữu bát giao đạo, hoàng kim vi thắng, dĩ giới kỳ trắc. Kỳ bàng các hữu thất bảo hàng thụ, thường hữu hoa quả.

(經)國名離垢，其土平正，清淨嚴飾，安隱豐樂。天人熾盛，琉璃為地。有八交道，黃金為繩，以界其側。其傍各有七寶行樹，常有華果。

(Kinh: Cõi nước tên Ly Cấu (Viraja), đất đai bằng phẳng, ngay ngắn, trang hoàng thanh tịnh, an ổn, giàu vui. Trời người đông đảo, lưu ly làm đất. Có tám đường giao nhau¹⁸⁹, vàng ròng làm dây để ngăn chia bên đường. Mỗi bên đường đều có hàng cây bảy báu, thường có hoa quả).

Trước hết, nêu ra tên của cõi nước; kế đó, mô tả tướng trạng của cõi ấy. Chẳng cao hay thấp là “bình”, chẳng lệch, khuyết là “chánh”. Từ chữ “an ổn” trở đi nói đến sự thọ dụng trong cõi ấy. Từ chữ “lưu ly” trở đi, nói thêm về tướng thù thắng, đều do tịnh hạnh cảm vời, làm tăng thượng duyên cho các chúng sanh.

¹⁸⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Bát giao đạo là đường lớn thông suốt tám phương, dùng vàng ròng làm dây giăng hai bên đường để làm ranh giới”.

3.2.2.4.1.5. Thuyết pháp

(Kinh) Hoa Quang Như Lai diệc dĩ tam thừa giáo hóa chúng sanh. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật xuất thời, tuy phi ác thế, dĩ bốn nguyện cố, thuyết tam thừa pháp.

(經)華光如來亦以三乘教化眾生。舍利弗！彼佛出時，雖非惡世，以本願故，說三乘法。

(Kinh: Hoa Quang Như Lai cũng dùng tam thừa để giáo hóa chúng sanh. Nay Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy xuất thế, tuy chẳng phải đời ác, nhưng vì bốn nguyện mà nói pháp tam thừa).

Chuẩn theo [cách giáo hóa] giống như Phật Thích Ca, cho nên nói “*diệc dĩ*” (cũng dùng). Từ “*Xá Lợi Phất*” trở đi, nhằm giải trừ nghi hoặc. Nghi rằng: “Như trong phần trước đã nói, Phật [Thích Ca] xuất thế nhằm lúc ngũ trược, vì bất đắc dĩ, cho nên phương tiện nói tam thừa. Nay cõi Phật Hoa Quang thanh tịnh như thế, sao cũng dùng tam thừa để giáo hóa?” Giải rằng: “*Dĩ bốn nguyện cố*” (Do vì bốn nguyện).

“*Bốn nguyện*”: Theo như kinh Đại Bi Không Tạng dạy: “*Xá Lợi Phất tăng ư lục thập kiếp hành Bồ Tát đạo. Nhân Bà-la-môn khát nhãn thoái thời, nguyện thành Phật nhật, khai tam thừa pháp dã*” (Xá Lợi Phất từng trong sáu mươi kiếp hành Bồ Tát đạo. Lúc Ngài vì bị Bà-la-môn xin mắt mà thoái thất, đã nguyện lúc thành Phật, sẽ mở ra pháp tam thừa). Hơn nữa, trong quốc độ Cực Lạc của Phật Di Đà cũng dùng tam thừa để giáo hóa. Ấy là do nguyện từ bi sâu nặng, nhiếp thủ kẻ đời nghiệp vãng sanh. Chẳng nhờ vào tam thừa, họ sẽ chẳng thể dần dần tiến nhập.

Nói chung, trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, bất luận tịnh hay uế, ban thí tam thừa thì nhiều, thuần Nhất Thừa thì ít. Lại nữa, Bồ Tát có hai loại:

- Một là học Đại Thừa từ đầu.
- Hai là từ tu tập Tiểu Thừa mà nhập Đại Thừa.

Luận về lợi căn hay độn căn, dường như người từ đầu đã học thẳng Đại Thừa là lợi căn. Luận về lực dụng thì người đào thải [Tiểu pháp], dần dần tiến nhập [Đại Thừa] sẽ mạnh mẽ hơn. Vì thế, Hương

Tích Bồ Tát¹⁹⁰ học cả hai cách. Hãy nên biết: Người học thẳng vào [Đại Thừa], sẽ chẳng am hiểu các hạnh cho mấy. Ví như bắt đầu từ chón rầy bái, thử đủ mọi chức nghiệp, lần lượt từng trải từ cạn đến sâu, sẽ biết mọi việc có thực hiện được hay không? Sau đó thăng lên địa vị cao tột, sẽ có thể buông rũ xiêm áo mà trị vì thiên hạ!

3.2.2.4.1.6. Tên của kiếp

(Kinh) Kỳ kiếp danh Đại Bảo Trang Nghiêm. Hà cổ danh viết Đại Bảo Trang Nghiêm? Kỳ quốc trung dĩ Bồ Tát vi đại bảo cố.

(經)其劫名大寶莊嚴。何故名曰大寶莊嚴？其國中以菩薩為大寶故。

(Kinh: Kiếp ấy tên là Đại Bảo Trang Nghiêm (Mahāratnaprati Maṇḍita). Vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm? Do trong cõi ấy coi Bồ Tát là đại bảo).

3.2.2.4.1.7. Số lượng đại chúng

(Kinh) Bỉ chư Bồ Tát vô lượng vô biên, bất khả tư nghị, toán số, thí dụ sở bất năng cập. Phi Phật trí lực, vô năng tri giả. Nhược dục hành thời, bảo hoa thừa túc. Thử chư Bồ Tát phi sơ phát ý, giai cửu thực đức bốn. Ư vô lượng bách thiên vạn ức Phật sở, tịnh tu phạm hạnh, hằng vị chư Phật chi sở xưng thán, thường tu Phật huệ, cụ đại thần thông, thiện tri nhất thiết chư pháp chi môn, chất trực, vô ngại, chí niệm kiên cố. Như thị Bồ Tát sung mãn kỳ quốc.

¹⁹⁰ Theo kinh Duy Ma Cật, khi chư Bồ Tát và chư tỷ-kheo theo chân Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tới thăm cư sĩ Duy Ma Cật đang bị bệnh, sau khi chư Bồ Tát luận thuyết pháp môn Bát Nhị, cư sĩ Duy Ma Cật thấy sắp đến giờ chư tăng thọ trai, bèn sai hóa nhân đến cõi Chúng Hương ở thượng phương là quốc độ của Hương Tích Như Lai. Trong cõi ấy, đức Phật dùng cơm thơm làm Phật sự, tức là Ngài dùng cái bát thơm, chứa đầy cơm thơm, trao cho đại chúng. Đại chúng ngửi mùi hoặc ăn vào đều ngộ Vô Sanh Nhẫn, đều thành Bồ Tát, đều cùng có hiệu là Hương Tích Bồ Tát. Khi hóa nhân của ngài Duy Ma Cật đến cõi Chúng Hương xin cơm, chín trăm vạn ức Hương Tích Bồ Tát đều xin Hương Tích Phật cho phép họ theo hóa nhân đến cõi Sa Bà nghe pháp.

(經)彼諸菩薩無量無邊，不可思議，算數，譬喻所不能及。非佛智力，無能知者。若欲行時，寶華承足。此諸菩薩非初發意，皆久植德本。於無量百千萬億佛所，淨修梵行，恆為諸佛之所稱歎，常修佛慧，具大神通，善知一切諸法之門，質直，無偽，志念堅固。如是菩薩充滿其國

。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, tính đếm, thí dụ, đều chẳng thể biết nổi số. Chẳng có trí lực của Phật thì không ai có thể biết nổi! Nếu lúc họ muốn đi, hoa báu đỡ chân. Các vị Bồ Tát ấy chẳng phải là sơ phát ý, mà đều là gieo cội đức đã lâu. Trong vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật, tinh tu phạm hạnh, luôn được chư Phật ca ngợi, thường tu Phật huệ, có đủ thần thông to lớn, khéo biết hết thấy các pháp môn, ngay thẳng, chẳng dối, chí niệm kiên cố. Các vị Bồ Tát như thế đầy ắp cõi ấy).

3.2.2.4.1.8. Thọ lượng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hoa Quang Phật thọ thập nhị tiểu kiếp, trừ vì vương tử vị tác Phật thời. Kỳ quốc nhân dân, thọ bát tiểu kiếp.

(經)舍利弗！華光佛壽十二小劫，除為王子未作佛時。其國人民，壽八小劫。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Hoa Quang Phật thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc Ngài làm vương tử chưa thành Phật. Nhân dân trong nước ấy thọ tám tiểu kiếp).

“Mười hai tiểu kiếp” là nói thẳng về thời tiết ấy. Tịnh Độ chẳng có tiểu tam tai, tức là chẳng có đao binh, tật dịch, đói kém tổn thương dân chúng và muôn vật. Đây chính là Kiếp. Nhưng luận định thời gian của một tiểu kiếp lâu xa cỡ nào, chỉ có thể dùng thời gian một tăng một giảm trong cõi này để hiểu số lượng. Các phần sau đều chuẩn theo đây để biết [kiếp số].

3.2.2.4.1.9. Bồ xứ

(Kinh) Hoa Quang Như Lai quá thập nhị tiểu kiếp, thọ Kiên Mãn Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, cáo chư tỳ-kheo: “Thị Kiên Mãn Bồ Tát thứ đương tác Phật, hiệu viết Hoa Túc An Hành Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà. Kỳ Phật quốc độ, diệt phục như thị”.

(經)華光如來過十二小劫，授堅滿菩薩阿耨多羅三藐三菩提記，告諸比丘：「是堅滿菩薩次當作佛，號曰華足安行多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀。其佛國土，亦復如是」。

(Kinh: Hoa Quang Như Lai sau mười hai tiểu kiếp, bèn thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát (Dhṛtiparipūrṇa), bảo các tỳ-kheo: “Ông Kiên Mãn Bồ Tát đây, kế tiếp sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành (Padmavṛṣabhavikrama) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Cõi Phật của Ngài cũng giống như thế”).

Chí niệm kiên cố, khéo biết hết thấy các pháp môn. Vì thế, gọi là Kiên Mãn. Nếu lúc muốn đi, hoa báu đỡ chân; vì thế gọi là Hoa Túc An Hành. Hoa Quang Như Lai dùng tam thừa hóa độ, nhưng hàng Bồ Tát của Ngài thù thắng, quốc độ trang nghiêm như thế. Hiềm rằng người đời coi thường, chê trách tam thừa, chỉ khoe khoang Nhất Thật, nào có biết Quyền và Thật là một Thể bất nhị, nào có biết đến tông chỉ “khai Quyền, hiển Thật!”

3.2.2.4.1.10. Pháp trụ lâu mau

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thị Hoa Quang Phật diệt độ chi hậu, Chánh Pháp trụ thế tam thập nhị tiểu kiếp, Tượng Pháp trụ thế diệt tam thập nhị tiểu kiếp.

(經)舍利弗！是華光佛滅度之後，正法住世三十二小劫，像法住世亦三十二小劫」。

(**Kinh:** *Này Xá Lợi Phất! Vị Hoa Quang Phật ấy sau khi diệt độ, Chánh Pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, Tượng Pháp trụ thế cũng ba mươi hai tiểu kiếp.*)

Phân kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.4.2. Kệ tụng

3.2.2.4.2.1. Trùng tụng [các ý nghĩa trong] phần Trường Hàng (phần Bồ Xứ bị lược đi không trùng tụng)

3.2.2.4.2.1.1. Trùng tụng chuyện đắc quả

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Xá Lợi Phất lai thế, thành Phật phổ trí tôn¹⁹¹, hiệu danh viết Hoa Quang, đương độ vô lượng chúng.*

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「舍利弗來世，成佛普智尊，號名曰華光，當度無量眾。」

(**Kinh:** *Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Xá Lợi Phất đời sau, thành Phật phổ trí tôn, danh hiệu là Hoa Quang, sẽ độ vô lượng chúng.*)

3.2.2.4.2.1.2. Trùng tụng hạnh nhân

(**Kinh**) *Cúng dường vô số Phật, cụ túc Bồ Tát hạnh, thập lực đẳng công đức, chứng u vô thượng đạo.*

(經)供養無數佛，具足菩薩行，十力等功德，證於無上道。

(**Kinh:** *Cúng dường vô số Phật, trọn đủ hạnh Bồ Tát, thập lực các công đức, chứng đắc vô thượng đạo.*)

3.2.2.4.2.1.3. Trùng tụng thời tiết và tên gọi của kiếp

(**Kinh**) *Quá vô lượng kiếp dĩ, kiếp danh Đại Bảo Nghiêm.*

¹⁹¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thành Phật, trọn đủ Nhất Thiết Chúng Trí, được thế gian tôn kính, ngưỡng mộ, cho nên gọi là Phổ Trí Tôn”.

(經)過無量劫已，劫名大寶嚴。

(Kinh: Qua vô lượng kiếp sau, kiếp tên Đại Bảo Nghiêm).

3.2.2.4.2.1.4. Trùng tụng quốc độ

(Kinh) Thế giới danh Ly Cấu, thanh tịnh vô hà uế, dĩ lưu ly vì địa, kim thẳng giới kỳ đạo, thất bảo tạp sắc thụ, thường hữu hoa quả thật.

(經)世界名離垢，清淨無瑕穢，以琉璃為地，金繩界其道，七寶雜色樹，常有華果實。

(Kinh: Thế giới tên Ly Cấu, thanh tịnh, chẳng lỗi, dơ. Dùng lưu ly làm đất, dây vàng ngăn chia đường. Cây bảy báu nhiều màu, thường có hoa, quả, hạt).

3.2.2.4.2.1.5. Trùng tụng số lượng đại chúng

(Kinh) Bỉ quốc chư Bồ Tát, chí niệm thường kiên cố, thần thông Ba La Mật, giai dĩ tất cụ túc, ư vô số Phật sở, thiện học Bồ Tát đạo.

(經)彼國諸菩薩，志念常堅固，神通波羅蜜，皆已悉具足，於無數佛所，善學菩薩道。

(Kinh: Các Bồ Tát cõi ấy, chí niệm thường bền chắc, thần thông Ba La Mật, thấy đều trọn đủ cả, nơi vô số chư Phật, khéo học đạo Bồ Tát).

3.2.2.4.2.1.6. Trùng tụng chuyện thuyết pháp

(Kinh) Như thị đẳng đại sĩ, Hoa Quang Phật sở hóa.

(經)如是等大士，華光佛所化。

(Kinh: Các đại sĩ như thế, Phật Hoa Quang giáo hóa).

3.2.2.4.2.1.7. Trùng tụng thọ lượng

(Kinh) Phật vì vương tử thời, khí quốc, xả thế vinh, ư tối mật hậu thân, xuất gia thành Phật đạo. Hoa Quang Phật trụ thế, thọ thập nhị tiểu kiếp. Kỳ quốc nhân dân chúng, thọ mạng bát tiểu kiếp.

(經)佛為王子時，棄國捨世榮，於最末後身，出家成佛道。華光佛住世，壽十二小劫。其國人民眾，壽命八小劫。

(Kinh: Lúc Phật làm vương tử, bỏ nước, bỏ vinh hoa, ở nơi thân cuối cùng, xuất gia thành Phật đạo. Hoa Quang Phật trụ thế, thọ mười hai tiểu kiếp. Các nhân dân nước ấy, thọ mạng tám tiểu kiếp).

3.2.2.4.2.1.8. Trùng tụng pháp trụ bao lâu

(Kinh) Phật diệt độ chỉ hậu, Chánh Pháp trụ ư thế, tam thập nhị tiểu kiếp, quảng độ chư chúng sanh. Chánh Pháp diệt tận dĩ, Tượng Pháp tam thập nhị, xá-lợi quảng lưu bố, thiên nhân phổ cúng dường.

(經)佛滅度之後，正法住於世，三十二小劫，廣度諸眾生。正法滅盡已，像法三十二，舍利廣流布，天人普供養。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, Chánh Pháp trụ trong đời, ba mươi hai tiểu kiếp, rộng độ các chúng sanh. Chánh Pháp đã diệt tận, Tượng Pháp ba mươi hai kiếp, xá-lợi lưu truyền rộng, trời người cúng dường khắp).

Lúc Chánh Pháp trụ thế, có giáo, hạnh, và quả, chẳng khác thuở Phật tại thế. Vì thế nói “quảng độ chúng sanh”. Chuyển sang thời Tượng Pháp, có giáo, có hạnh, nhưng chúng quả hiếm lắm! Chỉ dùng xá-lợi để làm Phật sự trọn khắp. Vì thế gọi là Tượng Pháp.

Phản trùng tụng Trường Hàng đã xong.

3.2.2.4.2.2. Tiểu kết tán thán

(Kinh) Hoa Quang Phật sở vì, kỳ sự giai như thị. Kỳ lưỡng túc thánh tôn, tối thắng vô luân thất, bỉ tức thị nhữ thân, nghi ưng tự hân khánh.

(經)華光佛所為，其事皆如是。其兩足聖尊，最勝無倫匹，彼卽是汝身，宜應自欣慶」。

(Kinh: Chuyện Hoa Quang Phật làm, thấy đều là như thế. Đáng lưỡng túc thánh tôn, tối thắng, chẳng sánh bằng, Ngài chính là thân ông, hãy nên tự vui mừng).

Phân bốn, nói về thọ ký đã xong.

3.2.2.5. Tứ chúng hoan hỷ

3.2.2.5.1. Trường Hàng

3.2.2.5.1.1. Người kết tập trần thuật đại chúng hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, tứ bộ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già đẳng, đại chúng kiến Xá Lợi Phất ư Phật tiền thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, tâm đại hoan hỷ, dũng được vô lượng.

(經)爾時，四部眾比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽等，大眾見舍利弗於佛前受阿耨多羅三藐三菩提記，心大歡喜，踊躍無量。

(Kinh: Lúc bấy giờ, bốn bộ chúng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già v.v... đại chúng thấy ngài Xá Lợi Phất ở trước Phật được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tâm hoan hỷ to lớn, hớn hỏ vô lượng).

3.2.2.5.1.2. Trần thuật sự cúng dường

(Kinh) Các các thoát thân sở trước thượng y, dĩ cúng dường Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương đẳng, dĩ vô số thiên tử, diệp dĩ thiên diệu y, thiên Mạn Đà La hoa, Ma Ha Mạn Đà La hoa đẳng, cúng dường ư Phật. Sở tán thiên y, trụ hư không trung, nhi tự

hồi chuyển. Chư thiên kỹ nhạc bách thiên vạn chủng, ư hư không trung, nhất thời câu tác, vũ chúng thiên hoa.

(經)各各脫身所著上衣，以供養佛。釋提桓因、梵天王等，與無數天子，亦以天妙衣，天曼陀羅華，摩訶曼陀羅華等，供養於佛。所散天衣，住虛空中，而自迴轉。諸天伎樂百千萬種，於虛空中，一時俱作，雨眾天華。

(Kinh: Ai nấy đều cởi áo thượng diệu đang khoác trên thân để cúng dường Phật. Thích Đề Hoàn Nhân, Phạm thiên vương v.v... và vô số thiên tử, cũng dùng áo màu nhiệm cõi trời, hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La v.v... của cõi trời cúng dường đức Phật. Các áo trời được rải lên dùng ở trong hư không rồi tự xoay chuyển. Trăm ngàn vạn loại kỹ nhạc của chư thiên cùng lúc đều tấu lên trong hư không, mưa các hoa trời).

“Thượng y” tức là y phục quý giá. Ở đây, nói chung tứ chúng và tám bộ. Nếu chỉ nói theo phía tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thì [*“thượng y”*] là Tăng-già-lê đại y. Pháp của tỳ-kheo ở Tây Trúc chỉ nhận lãnh tối đa là ba y. Ba y hoàn toàn chẳng thể bỏ, vì sao lại cởi ra để cúng Phật? Chẳng hạn như trong kinh Đại Phẩm có nói: *“Tam bách tỳ-kheo văn Bát Nhã dĩ, giai dĩ Tăng-già-lê nhi dụng cúng dường”* (Ba trăm vị tỳ-kheo nghe Bát Nhã xong, đều dùng y Tăng-già-lê để cúng dường). Trí Độ Luận giải thích: *“Hoặc là quên tướng vì pháp, hoặc là ngay trong hôm ấy sẽ đạt được”*. Nếu xét theo sự biểu thị pháp, ca-sa hoại sắc, vốn là đạo chứng Chân của Thanh Văn. Nay cởi ra để cúng Phật, biểu thị xả pháp chấp Tiểu Thừa, hướng đến Vô Thượng Bồ Đề. Lại nữa, thiên y (áo trời) biểu thị Tịch Diệt Pháp Nhân, thiên hoa biểu thị diệu huệ của Đại Thừa, thiên nhạc biểu thị giải thoát thường lạc. *“Trụ trong hư không mà tự xoay chuyển”* biểu thị nhân quả, y báo, chánh báo, tự, tha đều nương vào pháp tánh tự nhiên mà xoay chuyển.

3.2.2.5.1.3. Thật sự lãnh nhận, thấu hiểu

(Kinh) Nhi tác thị ngôn: “Phật tích ư Ba La Nại, sơ chuyển pháp luân, kim nãi phục chuyển vô thượng tối đại pháp luân”.

(經)而作是言：「佛昔於波羅柰，初轉法輪，今乃復轉無上最大法輪」。

(Kinh: Mà nói như thế này: “Xưa kia, đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tại Ba La Nại, nay lại chuyển pháp luân vô thượng lớn nhất”).

Trước là lãnh ngộ sự thực hiện Quyền trong thuở trước, kế đó là lãnh ngộ sự hiển Thật trong hiện thời, thuần nói về viên lý. Vì thế nói là “vô thượng”. Chẳng giống như Thượng [trong các Quyền pháp] có kèm thêm sự đối đãi. Dứt bất sự đối đãi, chẳng có gì ra ngoài pháp ấy, cho nên nói là “tối đại” (lớn nhất). Các pháp dù Tiểu hay Đại có thể kèm thêm sự đối đãi, [nhưng hễ dung nhập vào pháp luân này, các pháp ấy] đều trở thành Đại.

Phân kinh văn Trường Hàng đã xong.

3.2.2.5.2. Kệ tụng

3.2.2.5.2.1. Trùng tụng khai Quyền hiển Thật

(Kinh) Nhĩ thời, chư thiên tử dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tích ư Ba La Nại, chuyển Tứ Đế pháp luân, phân biệt thuyết chư pháp, ngũ chúng chi sanh diệt. Kim phục chuyển tối diệu, vô thượng đại pháp luân. Thị pháp thậm thâm áo, thiếu hữu năng tín giả.

(經)爾時，諸天子欲重宣此義，而說偈言：「昔於波羅柰，轉四諦法輪，分別說諸法，五眾之生滅。今復轉最妙，無上大法輪。是法甚深奧，少有能信者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, các thiên tử muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Xưa tại Ba La Nại, chuyển pháp luân Tứ Đế, phân biệt nói các pháp, năm chúng đều sanh diệt. Nay lại chuyển pháp luân, tối diệu, lớn vô thượng. Pháp này rất sâu mầu, ít ai tin tưởng được!)

“Ngũ chúng” chính là Ngũ Âm. Âm là Khổ Đế, do Tập mà sanh. Hễ sanh thì ắt phải tìm tòi Diệt. Sanh đã diệt, [Khổ] sẽ diệt, gọi là Diệt Đế, có thể diệt Khổ và Tập thì gọi là Đạo Đế. Các điều khác dễ hiểu!

3.2.2.5.2.2. Tự thuật sự thấu hiểu, tùy hỷ hồi hướng

(Kinh) Ngã đẳng tùng tích lai, sở văn Thế Tôn thuyết, vị tăng văn như thị, thâm diệu chi thượng pháp. Thế Tôn thuyết thị pháp, ngã đẳng giai tùy hỷ. Đại trí Xá Lợi Phất, kim đắc thọ tôn ký. Ngã đẳng diệc như thị, tất đương đắc tác Phật. Ư nhất thiết thế gian, tối tôn, vô hữu thượng. Phật đạo quả tư nghi, phương tiện tùy nghi thuyết. Ngã sở hữu phước nghiệp, kim thế, nhược quá thế, cập kiến Phật công đức, tận hồi hướng Phật đạo.

(經)我等從昔來，數聞世尊說，未曾聞如是，深妙之上法。世尊說是法，我等皆隨喜。大智舍利弗，今得受尊記。我等亦如是，必當得作佛。於一切世間，最尊無有上。佛道叵思議，方便隨宜說。我所有福業，今世若過世，及見佛功德，盡迴向佛道」。

(Kinh: Chúng con từ trước nay, nhiều lượt nghe Phật nói, chưa từng nghe thượng pháp, sâu màu như thế đó. Thế Tôn nói pháp này, chúng con đều tùy hỷ. Đại trí Xá Lợi Phất, nay được thọ tôn ký. Chúng con sẽ như thế, tất sẽ được thành Phật. Trong hết thấy thế gian, tôn quý nhất, vô thượng. Phật đạo há nghĩ bàn, phương tiện tùy nghi nói. Bao phước nghiệp của con, đời này hay đời trước, và công đức thấy Phật, đều hồi hướng Phật đạo).

Bốn câu đầu trần thuật sự giải ngộ, mười câu kế tiếp nói về sự tùy hỷ, bốn câu cuối cùng là hồi hướng. “*Ngã đẳng diệc như thị*” (Chúng con cũng như thế): Sẽ lãnh nhận, giải ngộ giống như Thân Tử, sẽ như Thân Tử trần thuật cận kề sự thành tựu, sẽ được thọ ký như Thân Tử.

Hỏi: - Các vị đại Thanh Văn như Ca Diếp, Thiện Cát (Tu Bồ Đề) còn chưa giải ngộ, tứ chúng là hạng người như thế nào mà đắc ngộ trước?

Đáp: - Tứ chúng trời người cũng có ba căn: Thượng căn giống như ngài Thân Tử, trung căn thì giống như bốn vị [sẽ được thọ ký] trong phẩm sau, hạ căn thì giống như năm trăm người [được thọ ký sau đó]. Lại nữa, các vị Ca Diếp, Thân Tử v.v... hoàn toàn là Quyền hạnh; do trung căn và hạ căn chưa mở mang, cho nên các vị Ca Diếp, Mãn Từ Tử đều cùng thị hiện “chẳng hiểu”. Kinh Tịnh Danh nói: “*Chúng sanh vị*

dữ, Bồ Tát diệt vị dữ” (Chúng sanh chưa lành bệnh, Bồ Tát cũng chưa khỏi bệnh)...

Phần thứ nhất là Pháp Thuyết Châu đã xong.

3.3. Thí Thuyết Châu

Phần này gồm bốn phần: Một là kinh văn trong phẩm này chánh thức nêu thí dụ về khai tam hiển nhất. Hai là phẩm Tín Giải chỉ ra sự lành ngộ của trung căn. Ba là phẩm Dược Thảo Dụ chính là Như Lai trần thuật sự thành tựu. Bốn là phẩm Thọ Ký nhằm trao cho sự huyền ký quyết định.

3.3.1. Chánh thức nêu thí dụ về khai tam hiển nhất

3.3.1.1. Cầu thỉnh

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Lợi Phất bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim vô phục nghi hối, thân ư Phật tiền, đắc thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Thị chư thiên nhị bách tâm tự tại giả, tích trụ Học địa, Phật thường giáo hóa ngôn: “Ngã pháp năng ly sanh, lão, bệnh, tử, cứu cánh Niết Bàn”. Thị Học, Vô Học nhân diệt các tự dĩ ly ngã kiến, cập hữu vô kiến đẳng, vị đắc Niết Bàn, nhi kim ư Thế Tôn tiền văn sở vị văn, giai đoạ nghi hoặc. Thiện tai Thế Tôn! Nguyên vị tứ chúng, thuyết kỳ nhân duyên, linh ly nghi hối.

(經)爾時，舍利弗白佛言：「世尊！我今無復疑悔，親於佛前，得受阿耨多羅三藐三菩提記。是諸千二百心自在者，昔住學地，佛常教化言：「我法能離生老病死，究竟涅槃」。是學無學人，亦各自以離我見，及有無見等，謂得涅槃，而今於世尊前聞所未聞，皆墮疑惑。善哉世尊！願為四眾，說其因緣，令離疑悔」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Con nay chẳng còn ngờ vực, hối hận, đích thân đối trước Phật, được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Một ngàn hai trăm vị tâm được tự tại đây xưa kia thuộc địa vị Hữu Học, Phật thường giáo hóa rằng: “Pháp của ta có thể lìa sanh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết Bàn”. Những

vị Hữu Học, Vô Học ấy ai nấy cũng tự cho rằng chính mình đã lìa ngã kiến và các kiến chấp “có, không” thì là đắc Niết Bàn, nhưng nay họ ở trước đức Thế Tôn được nghe điều chưa từng nghe, đều rơi vào nghi hoặc. Lành thay đức Thế Tôn! Xin hãy vì tứ chúng nói nhân duyên ấy, khiến cho họ lìa ngờ vực, hối hận).

Trong đoạn này:

- Trước hết [ngài Xá Lợi Phất] tự thuật [chính mình] chẳng nghi.
- Kế đó từ “*thị chư*” (các vị này) trở đi, trần thuật những người cùng hàng với Ngài có niềm nghi hoặc.
- Ba, từ chữ “*thiện tai*” (lành thay) trở đi, vì trọn khắp tứ chúng, thỉnh cầu đức Phật dạy bảo.

“*Những người cùng hàng*” là có cùng hạnh. Do niệm tình cũ, nên cần phải vì họ cầu thỉnh. Tứ chúng là hóa cảnh (đối tượng được giáo hóa). Lại vận dụng đại bi, cho nên vì đại chúng mà thỉnh cầu trọn khắp. “*Văn sở vị văn*” (Nghe điều chưa từng nghe) tức là [nghe] những điều thuộc Pháp Thuyết Châu trong phần trước cho đến [nghe đức Phật] trần thuật sự thành tựu, truyền trao thọ ký. [Những điều ấy] bất đồng với giáo pháp họ đã nắm giữ trước kia và quả vị họ đã chứng đắc. [Nói tới] “*nhân duyên*” [hàm ý]: Vì sao trước kia [đức Phật] nói tam thừa, nay chỉ nói nhất thừa? Cần phải nói rõ duyên do này!

Hỏi: - Phạm phu cũng có người vừa nghe liền ngộ, nay một ngàn hai trăm vị [Thanh Văn] đã nghe giảng đại lược và căn kẽ về chuyện “khai tam, hiển nhất”, và nghe ngài Thân Tử trần thuật sự lãnh ngộ được thọ ký, rộng, quý còn có thể phỏng theo đó mà tùy hỷ. Vì sao [các vị Thanh Văn] vẫn mê?

Đáp: - Có hai nghĩa: Một là chấp trước đã lâu. Hai là người đã dự vào địa vị, hễ hiểu sẽ phá chấp. Chấp đã bị phá liền dự vào Sơ Trụ. Phạm phu chẳng có hai nghĩa ấy, có thể dễ hiểu hơn!

3.3.1.2. Giải đáp

3.3.1.2.1. Phát khởi

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Xá Lợi Phất: - Ngã tiên bắt ngôn chư Phật Thế Tôn, dĩ chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện thuyết pháp, giai vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề da? Thị chư sở thuyết giai vị hóa Bồ Tát cố. Nhiên Xá Lợi Phất! Kim đương

phục dĩ thí dụ cánh mình thử nghĩa. Chư hữu trí giả, dĩ thí dụ đắc giải.

(經)爾時，佛告舍利弗：「我先不言諸佛世尊，以種種因緣，譬喻，言辭，方便說法，皆為阿耨多羅三藐三菩提耶？是諸所說皆為化菩薩故。然舍利弗！今當復以譬喻更明此義。諸有智者，以譬喻得解。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Trước kia, ta chẳng nói chư Phật Thế Tôn dùng các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, phương tiện thuyết pháp, đều vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư? Các lời ấy đều vì giáo hóa Bồ Tát. Nhưng này Xá Lợi Phất! Nay ta sẽ dùng thí dụ để nói rõ hơn nghĩa ấy, những người có trí sẽ do thí dụ mà được hiểu).

Trong kinh văn, trước là đề nén, sau là dẫn nhập¹⁹². Từ “ngã tiên bất ngôn” (trước kia, ta chẳng nói) trở đi, nhắc đến Quyền đã được nêu ra trong phần trước. Câu “giai vị A Nậu” (đều vì Vô Thượng) là nói đến Thật đã được nêu ra trong phần trước. “Giai vị hóa Bồ Tát” (Đều vì giáo hóa Bồ Tát): Dù Quyền hay Thật, đều nhập Niết Bàn vô trụ của Phật đạo. Trong phần trước đã nói rõ, cớ sao cứ chấp giáo, cứ mê ám chẳng hiểu? Quả trách như thế đó. Đó là “chèn ép”, khiến cho [thính chúng] phát phẫn, dừng mãi. Từ chữ “nhiên Xá Lợi Phất” trở đi, [thể hiện ý] tiếp dẫn an ủi. Trước đó, đã quả trách thống thiết, [đức Phật] lại sợ họ sẽ mặc cảm hèn kém, tự chìm đắm, bèn hứa sẽ nói thí dụ. Nếu ai có thể hiểu [hàm ý trong thí dụ ấy] thì vẫn được gọi là bậc trí.

3.3.1.2.2. Nói thẳng vào thí dụ

3.3.1.2.2.1. Trường Hàng

Gồm hai phần: Một là lập thí dụ, hai là đối ứng [những điều được nói trong thí dụ] với sự biểu thị pháp. Nhưng giữa thí dụ và phần kết hợp

¹⁹² Ý nói: Trước hết, đức Phật quả các vị Thanh Văn chẳng chú ý đức Phật đã nói rõ trước đó: Phật dùng các nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để phương tiện thuyết pháp ư? Thế mà vẫn còn thắc mắc vì sao trước kia Phật nói tam thừa, nay lại chỉ nói Nhất Thừa, còn nghi hoặc, chẳng tin ư? Sau đó, đức Phật từ bi hứa dùng thí dụ để họ sẽ từ thấu hiểu.

với pháp, sẽ có [những chỗ được nói] chi tiết hay giản lược. Nếu phần thí dụ nói giản lược, mà phần kết hợp với pháp lại nói rộng thì trước hết đem thí dụ đối chiếu với pháp xong, đến phần tổng hợp, lại cần phải giải thích cặn kẽ. Nếu thí dụ nói chi tiết, mà phần kết hợp với pháp (phần giải thích ý nghĩa biểu thị pháp của mỗi sự việc trong thí dụ) giản lược, há lẽ nào đức Thế Tôn phí công nói ruộm rà! Vẫn cần phải giải thích thí dụ cặn kẽ, còn phần đối với phần biểu thị pháp, sẽ chỉ nói đối chiếu đại lược.

3.3.1.2.2.1.1. Lập thí dụ

3.3.1.2.2.1.1.1. Tổng thí

3.3.1.2.2.1.1.1.1. Thí dụ về ông trưởng giả (sánh ví đức Phật Thích Ca)

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược quốc ấp, tụ lạc, hữu đại trưởng giả, kỳ niên suy mại, tài phú vô lượng, đa hữu điền Trạch, cập chư đồng tộc.

(經)舍利弗！若國邑聚落，有大長者，其年衰邁，財富無量，多有田宅，及諸僮僕。

(Kinh: Xá Lợi Phất! Như nơi quốc ấp, xóm làng, có đại trưởng giả đã già yếu, của cải vô lượng, có nhiều ruộng nương, nhà cửa, và các tôi tớ).

Câu “quốc ấp, tụ lạc...” chỉ rõ ông ta có danh vọng, phẩm hạnh. Câu “hữu đại trưởng giả” (có đại trưởng giả) nêu ra địa vị và phong hiệu của ông ta. “Kỳ niên suy mại” (Tuổi đã già suy) nói về đức nghiệp. Danh như khách, hạnh như chủ. Hạnh có thân và sơ (Thật hạnh là thân, Quyền hạnh là sơ). Danh có xa hay gần. Vì thế, nêu ra xứ sở nhằm hiển thị danh và hạnh. Biên giới là chỗ xa nhất của một nước. Chỗ có người cai quản là Ấp, sống trong ấy. “Tụ lạc” là chỗ xóm giềng, gần nhất. Danh và hạnh của trưởng giả trọn khắp ba chỗ (quốc, ấp, tụ lạc)¹⁹³. Gần

¹⁹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chỗ có lãnh thổ, nhân dân, và người cầm quyền thì gọi là Quốc. Một khu vực hành chánh như một huyện thì gọi là Ấp. Làng xóm thì gọi là Tụ Lạc. Những điều này nhằm sánh ví chỗ giáo hóa của bậc hóa chủ (vị chủ trì sự giáo hóa, chẳng hạn như Phật). Cổ đức cho rằng theo thứ tự [quốc, ấp, tụ lạc] nhằm sánh ví đại thiên, trung thiên, tiểu thiên thế giới, và cũng là theo thứ tự sánh ví ba cõi Thật Báo, Hữu Dư, và Đồng Cư”.

thì chẳng thấy những lỗi tẻ nhỏ nhặt, xa thì chỉ nắm giữ phong thái cao cả. Miệng chẳng phải lựa lời, thân chẳng phải chọn hạnh, ý chẳng phải chọn pháp, danh và hạnh tương xứng, là bậc đại nhân chân thật. Dùng chuyện này để thí dụ ba nghiệp của Như Lai thuận theo trí huệ, tương xứng căn cơ để thực hiện giáo hóa, tiếng tăm vang dội trọn khắp, đức trọn khắp pháp giới. “Quốc” ví như cõi Thật Bảo, “áp” ví như cõi Phương Tiện, “tự lạc” ví như cõi Đồng Cư. Từ Bốn là cõi Tịch Quang rủ lòng thí hiện trong ba cõi (Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Bảo). Nhiếp dấu tích trong ba cõi về Tịch Quang nơi Bốn. Danh và hạnh tương xứng, dào dạt trọn khắp. Là bậc trưởng giả trong thế gian, cần phải trọn đủ mười đức:

- Một là dòng họ sang quý, hoặc là hậu duệ của hoàng đế, hoặc gia tộc quý hiển.
- Hai là địa vị cao, phù tá bậc A Hành¹⁹⁴.
- Ba là giàu to, vàng thóc dư dật.
- Bốn là oai thế mạnh mẽ, tôn nghiêm long trọng, chẳng cần phải nghiêm nghị mà có oai.
- Năm là trí sâu, tâm như kho vũ khí¹⁹⁵, tài năng lạ lùng, vượt xa người khác.
- Sáu là tuổi cao, tóc bạc, quắc thước, mọi người khâm phục.
- Bảy là hạnh thanh tịnh, bạch khuê¹⁹⁶ không tỳ vết.
- Tám là lễ nghĩa đầy đủ, trọn vẹn, cư xử đúng chừng mực.
- Chín được bề trên khen ngợi, được một người (hoàng đế) tôn kính.
- Mười là kẻ dưới quy phục, bốn biển đều tôn sùng.

Có đủ mười đức ấy thì gọi là “*đại trưởng giả*”. Dùng những điều này để sánh vị trưởng giả xuất thế là Như Lai. Ngài sanh từ Chân Như Thật Tế tam thể:

- Một là dòng họ cao quý, công tu thành tựu, đắc đạo, mười hiệu vô cực.
- Hai là địa vị cao quý, pháp tài vạn đức thấy đều trọn đủ.

¹⁹⁴ A Hành (阿衡) vốn là một chức quan đời Ân Thương, tương đương với Thái Sư hay Thái Bảo, nắm quyền Tể Tướng. Do vậy, về sau A Hành là một danh xưng để gọi Tể Tướng hay Thừa Tướng, hoặc Thủ Phụ (người đứng đầu các vị đại học sĩ dưới thời nhà Minh), tức là người đứng đầu guồng máy hành pháp của triều đình.

¹⁹⁵ Hàm ý tâm trí có nhiều mưu mẹo quyền biến, sách lược hay khéo.

¹⁹⁶ Bạch khuê là một loại ngọc trắng, thường dùng làm vật dụng để tế lễ vào thời cổ, thường được dùng để sánh ví thân thanh khiết, không lỗi lầm.

- Ba là giàu to, Thập Lực hùng mãnh, hàng ma, chế phục ngoại đạo.

- Bốn là oai mãnh, nhất tâm tam trí, không gì chẳng thông đạt.

- Năm là trí sâu, sớm thành Chánh Giác lâu xa đường ấy.

- Sáu là cao tuổi, hạnh nghiệp thuận theo trí, hành xử chẳng lầm lỗi.

- Bảy là hạnh thanh tịnh, trọn đủ oai nghi của Phật, tâm như biển cả.

- Tám là lễ tiết trọn đủ, mười phương Đại Giác đều cùng ca ngợi.

- Chín là được người trên (chư Phật) khen ngợi, bảy loại phương tiện đều y chỉ.

- Mười là kẻ dưới nương về (đối với quả Phật trong tứ giáo, đối với mỗi giáo đều luận định mười đức. Bạc Sơ Trụ của Viên Giáo cũng phân chứng mười đức trong Viên Giáo).

Xét theo quán tâm, cái trí để quán tâm sanh từ Thật Tướng. Sanh trong nhà Phật, chủng tánh chân chánh, tức là “*dòng họ tôn quý*”. Tam Hoặc chẳng dấy lên, tuy chưa thấu suốt lẽ Chân, đã mặc áo của Như Lai, được gọi là Tịch Diệt Nhẫn, tức là “*địa vị cao cả*”. Tam Đế bao hàm hết thấy công đức, chính là “*giàu to*”. Trí huệ chánh quán, hàng phục ái kiến, tức là “*oai mãnh*”. Trung Đạo cùng chiếu Quyền và Thật đều sáng tỏ, tức là “*trí sâu*”. Tích tập thiện căn đã lâu, có thể tu phép Quán ấy. Phép Quán ấy vượt trên bảy phương tiện, tức “*tuổi tác đã cao*”. Phép Quán ấy quán tâm tánh, được gọi là “*thượng định*”, có thể khiến cho tam nghiệp chẳng lầm lỗi; tức là “*hạnh thanh tịnh*”. Trái duyên, đối cảnh, oai nghi chẳng mất, tức “*lễ tiết trọn đủ*”. Có thể quán như thế chính là tướng “*tín giải sâu xa*”. Chư Phật đều hoan hỷ, khen ngợi người trì pháp, tức là “*được người trên khen ngợi*”. Bốn bộ trời, rồng cung kính cúng dường, tức là “*người dưới nương về*”.

Trong phần sau, kinh nói “*Phật tử trụ thử địa*” (Phật tử trụ nơi đây), tức là sự thọ dụng của Phật. Đây chính là “*trưởng giả*” xét theo quán tâm (Mười đức ấy chẳng ra ngoài ba thứ cảnh, trí, hạnh. Tuy chưa dự vào địa vị, như vương tử còn ở trong thai, cho nên gọi là “*quán hạnh mười đức của Như Lai*”. Nếu xét theo xuất thế, sẽ tùy thuộc vào giáo để quán từng quả riêng biệt, chuẩn theo giáo ấy để quán tương ứng, nhân quả tự rạch ròi. Tức là dùng tam quán để đối ứng bốn giáo, nắm giữ trọn vẹn đức tướng để tán thán Quán, khiến cho kẻ hậu học tu nhân trọn đủ. Dùng quán mười đức để thành tựu cái quả mười đức, hòng có thể nhất tâm chiếu trọn ba pháp, tức là quán tâm mười đức trọn đủ. Vì thế, dẫn

các đoạn kinh văn như “*Phật tử đấng*” hòng làm chứng cho quán tâm. Lại nữa, mười đức ấy ghép với mười pháp thành các thừa, theo thứ tự kết hợp, hết sức sâu xa! Vì sao vậy? Thật Tướng chính là cảnh chẳng thể nghĩ bàn, duyên theo Lý mà dậy lên Thệ (thề nguyện). Vì thế, gọi là Trụ Nhân. Do tâm an định nơi Lý, xứng Lý hàm tàng, trừ Phiền Hoặc nơi Tam Đế, được gọi là “*phá trọn khắp*”. Trung Đạo song chiếu, không bẻ tắc gì chẳng thông. Vô tác đạo phẩm vượt xa bảy phương tiện, giúp đỡ ba nghiệp, đối với Lý chẳng làm lỗi, đối với cảnh chẳng mất. Do nương vào địa vị chân thật, tín giải đã sâu, cho nên có thể an nhẫn, chẳng sanh pháp ái, cho nên mới cảm kẻ thấp hơn cúng dường. Mười pháp của ba giáo lần lượt giải thích, sẽ trở thành mười pháp quán tâm trong kinh này. Mười phép Quán như thế không chỉ thuộc trong địa vị Quán Hạnh xét theo chiều ngang! Từ sơ tâm cho đến cuối cùng, mười phép Quán trọn đủ. Vì thế, mười đức ấy có ý nghĩa càng sâu hơn theo chiều dọc. Lại còn cùng với mười thừa theo chiều ngang cùng mất).

Trong phần nói về đức nghiệp, đức có trong, ngoài. Trong chính là trí lược (智略, tài trí và mưu lược), ngoài là tư tài (貲財, tiền tài, tài vật). Tuổi cao bèn thông đạt rộng rãi xưa nay, ví như Trí Đức của Phật. “*Suy mại*” (Già suy) thì căn tánh, chí niệm thuần thực, ví như Đoạn Đức của Phật. “*Của cải*” ví như ngoại đức. “*Vô lượng*” là sánh ví chung vạn đức, “*ruộng đất*” có thể dưỡng mạng, sánh ví riêng chuyện Thiên Định có thể phụ giúp Bát Nhã. “*Nhà*” có thể gói thân, ví như thật cảnh là chỗ để trí nương nấu (như mười tám Không môn¹⁹⁷ v.v...) Nếu luận về

¹⁹⁷ Thập Bát Không (Astādaśa śūnyatā) là mười tám món Không nhằm phá các thứ tà thuyết chấp trước:

- 1) Nội Không (Adhyātma-sūnyatā): Trong sáu nội xứ của các căn, chẳng có ngã, ngã sở và cũng chẳng có các pháp như nhãn, nhĩ v.v...
- 2) Ngoại Không (Bahirdhā-sūnyatā): Sáu ngoại xứ trong các pháp sắc, thanh v.v... chẳng có ngã, ngã sở và các pháp như sắc, thanh v.v...
- 3) Nội Ngoại Không (Adhyātma-bahirdhā-sūnyatā): Trong mười hai xứ thuộc về sáu căn và sáu cảnh (lục trần), chẳng có ngã, ngã sở, và các pháp ấy.
- 4) Không Không (Śūnyatā-sūnyatā): Chẳng chấp vào ba thứ Không trên đây.
- 5) Đại Không (Mahā-sūnyatā) tức mười phương thế giới, vốn chẳng có tướng phương hướng nhất định, chẳng có tướng đây kia.
- 6) Đệ Nhất Nghĩa Không (Paramārtha-sūnyatā), còn gọi là Thắng Nghĩa Không, Chân Thật Không, lìa ngoài hết thảy các pháp, chẳng có Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa để có thể đạt được, chẳng chấp trước Thật Tướng.
- 7) Hữu Vi Không (Sajskṛta-sūnyatā): Pháp tạo thành do nhân duyên tụ hợp và pháp nhân duyên cũng như pháp tướng đều chẳng thể được!

phước đức, không có hạnh nào chẳng tu. Nếu luận theo trí huệ, sẽ là không có cảnh nào chẳng chiếu. Vì thế nói là “*đa hữu điền trạch*” (có nhiều ruộng nương, nhà cửa). “*Đồng bộc*” (僮僕) là kẻ dễ sai khiến, hầu hạ, ví như phương tiện tri kiến đều đã trọn đủ. Hòa quang đồng trần trong sáu đường, tùy thuận các căn cơ. Đó chính là tôi tớ của Thật Trí.

3.3.1.2.2.1.1.2. *Thí dụ về nhà cửa*

Sánh ví sự an ổn trên đây để đối chiếu với sự chẳng an ổn. “*Chẳng an ổn*” chính là tam giới.

(Kinh) Kỳ gia quảng đại.

(經)其家廣大。

8) Vô Vi Không (Asajskṛta-sūnyatā): Lìa khỏi sự chấp giữ nhất định đối với Niết Bàn.

9) Tất Cánh Không (Aṭyanta-sūnyatā), còn gọi là Chí Cánh Không, tức là đối với Hữu Vi Không và Vô Vi Không đều phá hết thấy các pháp, rốt ráo chẳng còn thừa sót.

10) Vô Thi Không (Anavarāgra-sūnyatā), còn gọi là Vô Hại Không, Vô Tiền Hậu Không, hoặc Vô Tế Không, tức hết thấy các pháp tuy sanh khởi từ vô thi, nhưng cũng xả lìa sự chấp tướng đối với pháp ấy.

11) Tán Không (Anavakāra-sūnyatā) còn gọi là Bất Xả Không, Bất Xả Ly Không, tức các pháp chỉ do giả hòa hợp mà có, rốt ráo xa lìa tướng tán diệt, vô sở hữu.

12) Tánh Không (Prakṛti-sūnyatā), còn gọi là Bản Tánh Không, Phật Tánh Không, tức là tự tánh của các pháp là Không.

13) Tự Tướng Không (Svalaksana-sūnyatā), còn gọi là Tự Cộng Tướng Không, Tướng Không, tức các tướng tổng, biệt, đồng, dị của các pháp đều chẳng thể được!

14) Chư Pháp Không (Sarva-dharma-sūnyatā), còn gọi là Nhất Thiết Pháp Không, tức Uẩn, Xứ, Giới v.v..., hết thấy các pháp tự tướng bất định, lìa chấp tướng.

15) Bất Khả Đắc Không (Anupalambha-sūnyatā), còn gọi là Vô Sở Hữu Không, tức là trong các pháp nhân duyên, cầu Ngã và Pháp đều bất khả đắc.

16) Vô Pháp Không (Abhāva-sūnyatā), còn gọi là Vô Tánh Không, tức là các pháp nếu đã hoại diệt, chẳng có tự tánh để có thể đạt được, pháp vị lai cũng giống như thế.

17) Hữu Pháp Không (Svabhāva-sūnyatā) còn gọi là Tự Tánh Không, Phi Hữu Tánh Không, các pháp chỉ do nhân duyên mà có. Vì thế, sự tồn tại trong hiện tại chẳng phải là thật sự tồn tại.

18) Vô Pháp Hữu Pháp Không (Abhāva-svabhāva-sūnyatā), còn gọi là Vô Tánh Tự Tánh Không, tức là hết thấy các pháp sanh diệt và pháp vô vi, hết thấy pháp đều bất khả đắc.

(Kinh: Nhà ấy rộng lớn).

Chúng sanh nhọc nhằn, đều ở trong tam giới. Như Lai ứng hóa, đau xót mà gia bị. Vì thế nói là “quảng đại”.

3.3.1.2.2.1.1.3. Thí dụ [tòa nhà rộng lớn ấy chỉ có] một cửa

Sánh ví [điều đã nói] trong phần trên, “dùng các thứ pháp môn để tuyên nói, chỉ bày Phật đạo”.

(Kinh) Duy hữu nhất môn.

(經)唯有一門。

(Kinh: Chỉ có một cửa).

Kinh văn nói: “Dĩ Phật giáo môn xuất tam giới khổ, đắc Niết Bàn chứng” (Dùng cửa Phật giáo để thoát nỗi khổ trong tam giới, chứng đắc Niết Bàn). Hãy nên biết Lý chính là điều được tuyên nói bởi giáo. Nay lấy giáo điển nói Lý ấy làm môn. Lý đã là một, Giáo chẳng dung hai. Vì thế bèn nói là “một”. Lại có trạch môn và xa môn. “Trạch” (宅) là sanh tử, “môn” (門) là con đường thoát sanh tử. Đó là nói theo phương tiện giáo. “Xa” (xe) là Đại Thừa, “môn” là lời dạy trong Viên Giáo. Nếu trạch môn chính là xa môn, khi ra khỏi nhà lửa, sẽ đáng được cỗ xe to, cần gì phải đợi đòi hỏi? Nếu trạch môn chẳng phải là xa môn, trong lúc [các con] đòi xin, chỉ là từ nhà lửa thoát ra, há có con đường nào khác? Lại còn có người đã có trạch môn, chưa đạt được xa môn, trụ ở chỗ nào? Hãy nên biết “chê trách” (tức trong thời Phương Đẳng và Bát Nhã quả trách pháp Nhị Thừa) thì Xa và Trạch mãi mãi khác biệt, [tới khi] “khai” (thời Pháp Hoa khai tam hiển nhất) thì hai môn chẳng khác; Xa và Trạch là một, hai môn có khác biệt gì? Do vậy, tam thừa có hai nghĩa:

- Nương theo giáo, ra khỏi nhà [lửa], chẳng thấy cỗ xe nhỏ.
- Trong chặng giữa, đã điều phục hai vị (sanh tô và thực tô) thuần thực, bèn từ cha đòi xin cỗ xe mà cha đã hứa trước đó. Đã đòi thì phải cho, mở cánh cửa nhỏ ấy, [các đệ tử Phật mới biết] không gì chẳng phải là Đại giáo.

Lý nhỏ nhoi trong cửa, rốt cuộc chẳng phải là đường nào khác! Lý tuyệt đôi chẳng hai, thô và diệu cùng một Thể. Pháp trụ nơi pháp vị,

tướng thế gian là thường. Tam giới còn như thế, có khác biệt gì? Nếu trước đó đã chẳng có gì khác, lấy gì để luận đồng? Người chìm đắm trong khổ nay đều tụ tập.

3.3.1.2.2.1.1.4. Thí dụ về năm trăm người

Sánh ví chúng sanh trong phần trước, tức là [chúng sanh thuộc] năm đường vậy.

(Kinh) Đa chư nhân chúng, nhất bách, nhị bách, nãi chí ngũ bách nhân chỉ trụ kỳ trung.

(經)多諸人眾，一百，二百，乃至五百人止住其中。

(Kinh: Có nhiều người, một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm người cư trụ trong ấy).

“Một trăm” là trời, “hai trăm” là người, cho đến “năm trăm” tức là ba đường ác. Không nói đến Tu La, vì Tu La hoặc gộp trong quỷ đạo, hoặc gộp trong bốn đường khác, như trong kinh Đại Phật Đảnh (kinh Lăng Nghiêm) đã nói.

3.3.1.2.2.1.1.5. Thí dụ về bốc lửa

Sánh ví pháp an ổn trong phần trên đối chiếu với pháp chẳng an ổn, tức là nói đến ngũ trược. Kinh văn lại chia làm hai phần:

- Một là tướng trạng thoát khỏi nhà bị đốt cháy, ví như [thoát khỏi] quả báo trong lục đạo.

- Hai là tướng lửa thiêu đốt, ví như tám khổ, ngũ trược.

3.3.1.2.2.1.1.5.1. Tướng trạng nhà bị đốt cháy

(Kinh) Đường các hủ cố, tường bích đôi lạc, trụ căn hủ bại, lương đồng khuynh nguy.

(經)堂閣朽故，牆壁隕落，柱根腐敗，梁棟傾危。

(Kinh: Nhà, gác do mục cũ, tường vách sụp đổ, chân cột hư mục, kèo rường nghiêng ngả).

“*Đường*” ví như Dục Giới, “*các*”¹⁹⁸ ví như Sắc Giới và Vô Sắc Giới. “*Hủ*” (朽, hư mục) ví như tam giới tệ ác, vô thường. Vì thế, sánh ví tam giới chẳng phải đến nay mới tạo ra. “*Tường bích*” (牆壁, tường vách)¹⁹⁹ ví như Tứ Đại. “*Đồi lạc*” (隕落, sụp xuống, nghiêng ngã) ví như tổn giảm. “*Trụ căn*” (Chân cột) ví như mạng. “*Hủ bại*” (腐敗, mục nát) ví như nguy ngập, chẳng lâu bền. “*Lương đóng*” (梁棟, kèo rường)²⁰⁰ ví như ý thức. “*Khuynh nguy*” (傾危, nghiêng ngã, có thể rơi xuống bất cứ lúc nào) ví như biến đổi chẳng ngừng. Vô Sắc tuy chẳng có sắc chất Tứ Đại thô thiển, nhưng xét theo Định Quả Sắc thì cũng là vách tường. Tam giới đều dùng ý thức để duy trì, chỉ xét theo nhân quả thuộc chánh báo trong tam giới để giải thích, sẽ bao gồm cả y báo, chẳng cần phải gộp chung y báo và chánh báo để thí dụ. Y báo chỉ là chút phần trong Tướng Phần của thức thứ tám mà thôi. Lại như thành và hoại mỗi đẳng đều chia thành hai mươi loại, đã chẳng có hữu tình, sao có thể giải thích ý nghĩa ngũ trược thiêu đốt sao cho khít khao đôi chút; vì thế chẳng dùng. Lại dựa theo quán tâm để giải thích thì “*đường*” ví như phần dưới của thân, “*các*” ví như phần trên gồm đầu v.v... “*Tường bích*” ví như da, thịt. “*Đồi lạc*” ví như già suy. “*Trụ căn*” ví như hai chân. “*Hủ bại*” ví như suy đồi. “*Lương đóng*” ví như xương sống. “*Khuynh nguy*” ví như cái chết.

3.3.1.2.2.1.1.5.2. Tướng lửa thiêu đốt

(Kinh) Châu táp câu thời soát nhiên hỏa khởi, phần thiêu xá trạch.

(經)周匝俱時欬然火起，焚燒舍宅。

¹⁹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nhà có một tầng gọi là Đường, từ hai tầng trở lên thì gọi là Các”.

¹⁹⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tường bao vây phía ngoài nhà thì gọi là Tường, cái để ngăn chia thành từng gian trong nhà thì gọi là Bích”.

²⁰⁰ Lương là kèo nhà, còn gọi là xà nhà, tức là những thanh gỗ dài để chịu lực nâng đỡ mái nhà, thường đặt trực tiếp trên các đầu cột, có tác dụng nối các cột với nhau để tạo thành bộ khung chịu lực cho toàn thể mái nhà. Đồng chính là kèo chính, tức đòn dông.

(Kinh: Khắp nơi cùng lúc bỗng dưng bốc lửa, thiêu đốt nhà cửa).

Tám khổ trọn khắp trong Tứ Đại (địa, thủy, hỏa, phong), Tứ Sanh (thai, noãn, thấp, hóa). Vì thế nói là “*châu táp*” (周匝, giáp vòng, trọn khắp) đều là vô thường. Do vậy nói “*câu thời*” (cùng lúc). “*Soát nhiên*” (歟然, bỗng dưng) ví như vốn chẳng có, nay lại có. Vốn chẳng có sự khổ ấy, do vô minh mà có.

Phần thứ năm, “thí dụ về lửa bốc” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.1.6. Thí dụ về ba mươi đứa con

Sánh ví chuyện biết tánh tình và sự ham muốn của trời người được nói trong phần trên, tức là nói tới hành nhân trong tam thừa.

(Kinh) Trưởng giả chư tử, nhược thập, nhị thập, hoặc chí tam thập, tại thử trạch trung.

(經)長者諸子，若十，二十，或至三十，在此宅中。

(Kinh: Các con của trưởng giả, hoặc mười, hai mươi, cho đến ba mươi ở trong nhà ấy).

Tùng tu tập Phật pháp, thiên tánh liên quan, gọi những người đã kết duyên là “con”. “Hoặc mười” là con Bồ Tát, “hai mươi” và “ba mươi” chính là con trong Nhị Thừa. Các căn cơ ấy đều được thoát khỏi nhà. Nếu chẳng phải là căn cơ ấy thì là năm trăm người. Hoặc là Bích Chi Phật được tính riêng, hay gộp chung khác biệt, hoặc gộp trong Tiểu Thừa, hoặc coi là Trung Thừa, đều nói là “mười người”, do đều có tánh thập trí (một là Thế trí, hai là Tha Tâm trí, ba là Khổ trí, bốn là Tập trí, năm là Diệt trí, sáu là Đạo trí, bảy là Pháp trí, tám là Tỷ trí, chín là Tận trí, mười là Vô Sanh trí).

Phần thứ nhất, Tổng Thí đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2. Biệt thí

3.3.1.2.2.1.1.2.1. Thí dụ về ông trưởng giả trông thấy lửa

Sánh ví chuyện đức Phật trông thấy ngũ trược bèn dạy tâm đại bi.

(Kinh) Trưởng giả kiến thị đại hỏa tùng tứ diện khởi, tức đại kinh bố, nhi tác thị niệm: “Ngã tuy năng ư thử sở thiêu chi môn, an ổn đắc xuất, nhi chư tử đẳng ư hỏa trạch nội, nhạo trước hy hý, bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố. Hỏa lai bức thân, khổ thống thiết dĩ, tâm bất yếm hoạn, vô cầu xuất ý”.

**(經)長者見是大火從四面起，即大驚怖，而作是念：
「我雖能於此所燒之門，安隱得出，而諸子等於火宅內，
樂著嬉戲，不覺，不知，不驚，不怖。火來逼身，苦痛切
已，心不厭患，無求出意」。**

(Kinh: Trưởng giả thấy lửa lớn ấy từ bốn phía bốc lên, liền hết sức kinh sợ, nghĩ như thế này: “Tuy ta có thể an ổn thoát ra từ cái cửa đang cháy này, nhưng các con của ta ở trong nhà lửa, ham thích nô đùa, chẳng hay, chẳng biết, chẳng kinh, chẳng sợ. Lửa sẽ cháy đến thân, đau đớn cùng cực, [nhưng chúng nó] tâm chẳng chán nhàm, lo sợ, chẳng có ý mong thoát ra”).

Tuy đoạn kinh văn này có bốn tiểu đoạn, nhưng chỉ có ba ý:

- Một là trưởng giả trông thấy [lửa cháy], đây là nêu ra người có thể thấy, ví như trong phần trên [chánh kinh có] nói: “Ta dùng Phật nhãn để xem xét”.

- Hai là lửa lớn từ bốn phía bốc lên, đó là nêu ra điều được trông thấy. Ví như trong phần trên đã nói [Như Lai] trông thấy lục đạo chúng sanh.

- Ba là lập tức hết sức kinh sợ, sánh ví [điều được nói trong] phần trên: Vì các chúng sanh ấy mà đầy lòng đại bi.

- Bốn là từ “*chư tử*” (các con) trở đi, nói rộng thêm về những điều trông thấy trong phần hai, vẫn nhằm giải thích ý nghĩa “kinh sợ”.

“*Thân, thọ, tâm, pháp*” chính là bốn phía của tòa nhà. Từ bốn phía ấy, dấy lên “*tứ đảo*” (bốn thứ điên đảo)²⁰¹ về thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên tám nỗi khổ đều tụ tập. Nếu biết “*thân bất tịnh, khổ, vô thường,*

²⁰¹ Tứ Đảo là bốn thứ vọng kiến điên đảo, gồm hai loại:

1 Đối với sanh diệt là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh, lại chấp trước là thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là Tứ Đảo của phàm phu.

2 Đối với Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, lại chấp trước là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh. Đó là Tứ Đảo của hàng Nhị Thừa.

vô ngã”, thọ, tâm và pháp cũng thế, thì lửa phiền não sẽ tắt, nghiệp khô hoàn toàn dứt. “*Tức đại kinh bố*” (Liên hết sức kinh sợ): Do nghĩ đến những kẻ thoái thất đại thiện, cho nên kinh hãi, lo rầu; do lo lắng họ sẽ dấy lên điều ác nặng nề, cho nên hoảng sợ. “*Kinh*” (驚) tức là lòng Từ, nghĩ họ chẳng có sự vui. “*Bố*” (怖) chính là Bi, lo buồn họ sẽ chịu khổ.

“*Ngã tuy năng ư thử sở thiêu chi môn, an ổn đắc xuất*” (Tuy ta có thể từ cái cửa đang bị cháy này mà an ổn thoát ra): Giải thích và kết lại ý nghĩa “*kinh bố*”. Tuy là lời nói chưa trọn hết, nhưng đã nêu rõ: Phật dùng sức trí huệ có thể tìm thấy chánh giáo, thấy chân lý đã được diễn nói, chẳng bị nguy khốn bởi ngũ trược và tám khổ, cho nên An. Bốn trận gió lốc đảo kiến (tri kiến điên đảo) chẳng thể động. Vì thế là Ổn. Vượt ngoài nỗi lo sâu, xơ xác, cho nên nói là “*đắc xuất*” (thoát ra). Nhưng chúng sanh chẳng như vậy, bị lửa thiêu đốt. Như Lai [do lòng] từ bi, vẫn bị lửa ưu bi chiếu rọi, cho nên nói là “*tuy*”. “*Sở thiêu chi môn*” (Cái cửa đang bị thiêu đốt): Cửa thì ắt có khung cửa và cánh cửa, có khoảng trống [giữa khung cửa]. Chẳng có khung và cánh cửa, sẽ không có gì để chỉ ra cửa. Chẳng có chỗ trống, sẽ không có gì để thông qua. Khung và cánh cửa có thể cháy sạch, khoảng trống giữa khung cửa thì chẳng thể thiêu. Dùng chuyện này để sánh ví giáo có năng thuyên (chủ thể diễn nói) và sở thuyên (điều được diễn nói). Nếu chẳng diễn nói, biện định, sẽ không có gì để dạy. Nếu không có điều được diễn nói, làm sao thoát ra? Diễn nói, biện định có thể là vô thường. Điều được diễn nói chẳng vô thường, cho nên dạy điều được tuyên nói. Vì thế, gọi là “*an ổn đắc xuất*”. Chủ thể diễn nói có thể mòn diệt, cho nên nói là “*sở thiêu chi môn*” (cửa bị thiêu đốt). Chẳng từ cái cửa đang bị thiêu đốt, sẽ do đâu mà được an ổn thoát ra? Nhờ vào ngôn giáo mà khế hợp điều được diễn nói. Đại kinh dạy: “*Nhân vô thường cố, nhi quả thị thường*” (Do nhân là vô thường mà quả là thường) chính là nói đến điều này. Như giáo môn vô thường của Tiểu Thừa là từ cái cửa đang bị đốt cháy mà thoát ra; còn trong giáo môn thường trụ của Đại Thừa, vẫn tự chính là giải thoát, giáo ấy chính là Lý. Hễ thông đạt “*thiêu chính là chẳng thiêu*”, bèn an ổn thoát ra. Nếu xét theo Quyền Trí của Như Lai thì tức là từ cái cửa đang bị cháy mà thoát ra. Nếu xét theo Thật Trí, tức là do thấu hiểu cái bị đốt mà an ổn thoát ra. Vì thế, trước đó, dựa vào vật áo, ghế, bàn, chẳng thoát ra được! Sau đó, dùng vô thường để thoát ra, chính là ý này.

“*Nhạo trước hy hý*” (Ham thích chơi giỡn): Chấp vào cái thấy là Hy (嬉), chấp vào Ái thì là Hý (戲). Lại đắm đuối nơi tứ kiến²⁰² thì gọi là Hy, oan uổng chôn vùi công lao thì gọi là Hý. Đắm đuối ngũ trần là Hy, rỗng tuếch chẳng đạt được gì là Hý. Uổng công sanh tử mà chẳng chán lìa, như trẻ nhỏ chơi giỡn, đều chẳng nói “có lửa”. Đó là “*bất giác*”. Chẳng biết lửa là thứ nóng bức, đó là “*bất tri*”. Đã chẳng biết lửa nóng, chẳng lo thân thể bị thương tổn, đó là “*bất kinh*” (chẳng kinh hãi). Chẳng sợ đoạn mạng, đó là “*bất bố*” (chẳng sợ sệt). Dùng những điều ấy đề sánh ví chúng sanh hoàn toàn chẳng nhận biết ngũ âm, bát khổ, chẳng biết tứ đảo, tam độc. Đã chẳng biết Hoặc, sao có thể lo sợ Hoặc xâm tổn Pháp Thân, đoạn mất huệ mạng? Chẳng biết Khổ như thế, chẳng biết Tập, chẳng sợ tổn thương Đạo, chẳng sợ đánh mất Diệt. Vì chẳng nghe giáo pháp Tứ Đế, cho nên chẳng có Văn Huệ và Tư Huệ, nên gọi là “*bất giác*”. Chẳng có Tu Huệ, gọi là “*bất tri*”. Chẳng có kiến giải, gọi là “*bất kinh*”. Chẳng có tư duy giải, gọi là “*bất bố*”. Kiến Đế tức là “*kinh ngộ*” (kinh sợ, ngộ ra). Tư duy tức là “*yếm bố*” (chán nhàm, sợ hãi). Lại chẳng hiểu hiện tại là khổ, chẳng biết vị lai là khổ. Vì thế, trong phần sau, kinh nói: “*Hiện thọ chúng khổ, hậu thọ địa ngục đẳng khổ*” (Nay hứng chịu các khổ, về sau, sẽ chịu các nỗi khổ như địa ngục v.v...).

“*Hỏa lai bức thân*” (Lửa cháy đến bức bách tâm thân), chính là ngũ thức thân. Ngũ thức thông tam thọ (khổ, lạc, phi khổ phi lạc), tam thọ chính là tam khổ. Niệm nào cũng tương ứng với tam thọ, vì thế nói “*khổ thống thiết dĩ*” (đau khổ bức thiết). “*Tâm bất yếm hoạn*” (Tâm chẳng chán nhàm, lo sợ) tức là thức thứ sáu. Đồng thời, ý thức cùng với năm thức kia chỉ biết phân biệt ba thứ thọ, dấy lên tham, giận, si, tạo ra

²⁰² Tứ Kiến là bốn thứ kiến giải chấp trước, tức nhất, dị, thường, phi thường (một, khác, thường, chẳng thường). Trí Độ Luận quyển bảy giảng: “*Lại có bốn thứ kiến: Thế gian là thường, thế gian là vô thường, thế gian vừa thường vừa vô thường, thế gian chẳng thường mà cũng chẳng vô thường. Hoặc thế gian là hữu biên hay vô biên, cũng giống như thế*”. Hoa Nghiêm Kinh Sớ quyển ba giảng: “*Kiến giải của ngoại đạo chẳng ngoài tứ kiến: 1) Chấp vào một, như các vị Số Luận chấp trong nhân phải có quả, do nhân và quả chẳng khác nhau mà chấp vào một. 2) Chấp là khác. Thắng Luận sư do chấp trong nhân không có quả, do nhân và quả khác nhau bèn chấp vào khác. 3) Chấp chẳng một chẳng khác. Lặc Sa Bà luận sư chấp trong nhân có quả, và cũng có nhân mà không có quả. Do chấp vào hữu lẫn vô, nên nói “cũng một, cũng khác”. 4) Chấp chẳng một chẳng khác, như Ni Kiền Tử chấp nhân quả đều chẳng phải một, chẳng phải khác*”.

cái nhân gây khổ, sao có thể chán ngán, lo sợ, mong cầu thoát ra? Vì thế nói là “vô cầu xuất ý” (chẳng có ý nguyện mong thoát ra). “Hy hý” ví như Kiến Trược và Phiền Nảo Trược. “Bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố” ví như Chúng Sanh Trược. “Hỏa lai bức thân khổ thống thiết dĩ” (Lửa cháy đến bức bách tâm thân, đau khổ cùng cực) ví như Mạng Trược. “Tâm bất yếm hoạn, vô cầu xuất ý” (Tâm chẳng chán nhàm, lo rầu, chẳng có ý cầu xuất ly) ví như Kiếp Trược.

3.3.1.2.2.1.1.2.2. Thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

Sánh ví chuyện “*thực thi phương tiện để giáo hóa*” trong phần trên, chia làm hai phần:

- Một là thí dụ về bỏ ghế, dùng xe.
- Hai là thí dụ về dùng xe [tốt nhất] để ban cho.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1. Thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

Sánh ví chuyện suy nghĩ “nếu dùng Đại Thừa để hóa độ ngay thì sẽ chẳng được”. Phần này lại chia làm hai:

- Một, tính dùng Khuyến Môn, nhưng không được.
- Hai, tính dùng Giới Môn, nhưng cũng không được.

Kinh văn trong phần trước chẳng tách thành hai môn Khuyến và Giới, nhưng nêu chung ba ý:

- Một, toan dùng Đại Thừa để hóa độ.
- Hai, chúng sanh chẳng có căn cơ [tương ứng].
- Ba, nghĩ muốn thôi hóa độ.

Nay hai môn đều nói rõ “pháp toan sử dụng để độ chẳng có căn cơ thích hợp”, nhưng ý niệm “toan thôi hóa độ” chỉ là ý ngầm!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1.1. Tính dùng Khuyến Môn nhưng không được

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thị trưởng giả tác thị tư duy: “Ngã thân thủ hữu lực, đương dĩ y kích, nhược dĩ kỷ, án, tùng xá xuất chi”. Phục cánh tư duy: “Thị xá duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu. Chư tử ấu trĩ, vị hữu sở thức, luyện trước hý xứ, hoặc đương đọa lạc, vị hỏa sở thiêu”.

**(經)舍利弗！是長者作是思惟：「我身手有力，當以衣
襪，若以几案，從舍出之」。復更思惟：「是舍惟有一門，
而復陝小。諸子幼稚，未有所識，戀著戲處，或當墮落，
為火所燒」。**

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Vị trưởng giả ấy suy nghĩ như thế này: “Tay và thân ta có sức, nên dùng lẵng hoa, hoặc dùng ghế, bàn để thoát khỏi nhà”. Lại suy nghĩ: “Nhà này chỉ có một cửa, lại còn hẹp nhỏ. Các con thơ dại, chưa hiểu biết, luyến tiếc chỗ vui đùa, sợ sẽ rơi té, bị lửa thiêu đốt”).

“*Tác thị tư duy*” (Suy nghĩ như thế này) sánh ví sự suy nghĩ trong hai mươi một ngày [sau khi đức Phật thành đạo] được nói trong phần trước. “*Thân*” ví như thân thông có thể gánh vác, “*tay*” ví như trí huệ nâng đỡ. Nương vào tam-muội Đoạn Đức, sẽ có thân thông. Nương vào Trí Đức trong trí huệ, sẽ có thể thuyết pháp. Sức Trí Đoạn có thể thành tựu Pháp Thân. Trí Đoạn ấy lại từ hai môn Khuyến và Giới mà nhập. Khuyến tức là Vị Nhân Tất Đàn, Giới (răn dạy) tức là Đối Trị Tất Đàn. Hai thứ Tất Đàn này tạo phương tiện cho Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Thoạt đầu, Như Lai muốn dùng Khuyến Môn để khiến cho [tam thừa] vâng hành các điều thiện, thành tựu Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Nhất Thiết Chung Trí, nhưng chúng sanh chẳng thể kham nổi. Kế đó, tính dùng Giới Môn khiến cho họ đừng làm các điều ác, hồng chứng đại Niết Bàn, nhưng họ cũng chẳng kham được. Chẳng có căn cơ, bèn ngưng dứt giáo hóa. Vì thế biết: Tính dùng Đại Thừa thì chỉ là hai môn Khuyến Giới Tất Đàn, thân thông, trí huệ đó thôi! Sức Định Huệ trang nghiêm, dùng điều ấy để độ chúng sanh chính là nghĩa này vậy. Trong phần trước, đã tán thán “*trưởng giả kỳ niên suy mại*” (trưởng giả tuổi cao, suy yếu) tức là sánh ví Trí Đoạn, Trí Đoạn chính là “*thân thủ hữu lực*” (thân và tay có sức). “*Y kích*” (衣襪) là đồ để đựng hoa bên Tây Trúc, sánh ví tri kiến của Như Lai. “*Ghế*” là sánh ví Tứ Vô Sở Úy. “*Bàn*” sánh ví Thập Lực. Đây là từ đại lược mà nói rộng ra thành sai khác. Nói đại lược thì gọi là “*tri kiến của Như Lai*”. “*Tri*” tức là Nhất Thiết Chung Trí. “*Kiến*” tức là Phật nhãn. Danh từ đại lược, nghĩa thẳm sâu. Ví như một cái y kích (lẵng hoa) chứa được nhiều [hoa]. Ngự trong Trung Đạo để nói thì gọi là Tứ Vô Sở Úy, nhằm đối ứng với Tứ Đế. Như ghế đối với

pháp thì nhỏ và dài, đối với vật thì là sự an ổn nhỏ. Nói rộng ra thì là Thập Lực, ngang lần dọc đều gồm trọn. Như bàn có nhiều chân, đối với pháp thì rộng, đối với vật thì là sự an ổn to tát. Trong hai mươi một ngày²⁰³, tư duy nói Phật pháp rộng hay lược như thế. Đó chính là suy tính dùng Khuyển Môn.

Từ “*phục cánh tư duy*” (lại còn suy nghĩ) trở đi, nói rõ “không có căn cơ” [tương xứng để tiếp nhận pháp ấy]. “*Duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu*” (Chỉ có một cửa, lại còn nhỏ hẹp): “*Môn*” là nói đến “*xa môn*” của Đại Thừa. Giải thích điều này có Biệt và Thông. Biệt là tách từng chữ ra để giải thích riêng biệt. “*Nhất*” là một lý, một đạo thanh tịnh. “*Môn*” là nói đến chánh giáo, thông với điều được thông. “*Tiểu*” có nghĩa là bảy phương tiện như đoạn, thường v.v... đều chẳng thể nhập. Nếu luận theo giáo lý rộng rãi, sẽ chẳng hẹp nhỏ. Chúng sanh chẳng thể dùng giáo lý ấy để tự thông, dầu [Phật] muốn đàm luận, nhưng [chúng sanh] chẳng có căn cơ. Vì thế nói là “*hẹp nhỏ*”.

“*Thông*” là ba món Lý, Giáo, Hạnh, mỗi món đều cùng nói là “*một cửa hẹp nhỏ*”.

1) Lý: Lý thuần chẳng xen tạp, vì thế nói là Nhất. Do Lý có thể thông, cho nên nói là Môn. Vì diệu khó biết, nên nói là “*hẹp nhỏ*”.

2) Giáo: Mười phương đều chắc thật tìm cầu, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa. Vì thế nói là Nhất. Giáo ấy có thể thông, cho nên nói là Môn. Giáo ấy vi diệu, phàm phu chẳng biết xuất xứ, tức là chẳng biết Quyền. Chẳng biết nhập xứ, tức là chẳng biết Thật. Hàng Nhị Thừa do nghe nói, ít người biết lẽ xuất yếu, vĩnh viễn chẳng biết nhập. Bồ Tát tuy tự biết xuất, cũng chẳng biết nhập. Cả bảy phương tiện đều chẳng biết xuất, nhập. Vì thế nói: “*Nhược dẫn tán Phật Thừa, chúng sanh một tại khổ*” (Nếu chỉ khen ngợi Phật Thừa, chúng sanh chìm đắm trong khổ). Chẳng thể dùng Giáo để tự thông, muốn nói mà chẳng có căn cơ. Vì thế nói là “*hẹp nhỏ*”.

3) Hạnh: Dùng viên nhân để tự hành, hành đạo to lớn, thẳng thừng, chẳng có gì gây chướng nạn được. Vì thế gọi là Nhất. Khéo hành Bồ Tát đạo, tới thẳng đạo tràng. Vì thế gọi là Môn. Diệu hạnh khó hành, phương tiện chẳng có căn cơ. Cho nên nói là “*hẹp nhỏ*”.

“*Chư tử ấu trĩ*” (Các con thơ dại): Tuy ở chỗ hai vạn vị Phật dạy vô thượng đạo, nhưng thiện căn Đại Thừa yếu nhỏ, bèn gọi là “*ấu trĩ*”.

²⁰³ Sau khi đức Phật thành đạo, đã dùng hai mươi một ngày để quán tưởng nên hóa độ chúng sanh như thế nào.

Nếu nghe Đại Thừa, có thể sanh lòng hủy báng, tức là “*vị hữu sở thức*” (chưa hiểu biết). Đó là thiện yếu ớt. Lúc thoát đầu thoát thất Đại Thừa, chấp sâu kiến ái. Lúc chịu tám khổ, chấp sâu y báo và chánh báo. Dục Giới chấp ngũ trần, Sắc Giới chấp vị Thiên, Vô Sắc Giới chấp Định. Vì thế gọi là “*luyến trước hý xứ*” (luyến tiếc chỗ vui chơi). Đó là ác mạnh mẽ. Đọa lạc có hai trường hợp:

- Một là thơ đại, nhớ tưởng chỗ mình vốn vui chơi, cho nên đọa lạc. Ví như chấp trước ngũ dục, đọa trong tam đồ.

- Hai là không hiểu biết, chấp trước các thứ chẳng kiên cố, cho nên đọa lạc. Ví như kẻ báng Đại Thừa, đọa trong tam đồ.

Vì vậy nói “*chúng sanh chư căn độn, trước lạc si sở mạnh*” (chúng sanh các căn độn, chấp lạc, bị mù lòa bởi ngu si), sao có thể độ cho được? Lại nói: “*Nhược dẫn tán Phật Thừa, phá pháp bất tín cố, trụ u tam ác đạo*” (Nếu chỉ khen Phật Thừa, do phá pháp chẳng tin, rơi vào ba đường ác). Đã không có căn cơ để khuyên, đã bao hàm ý nghĩa “*muốn ngưng dứt sự giáo hóa*”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.1.2. Tính dùng Giới Môn nhưng chẳng được

(*Kinh*) “*Ngã đương vị thuyết bố úy chi sự: Thử xá dĩ thiêu, nghi thời tạt xuất, vô linh vi hỏa chi sở thiêu hại*”. Tác thị niệm dĩ, như sở tư duy, cụ cáo chư tử: “*Nhữ đẳng tốc xuất*”. Phụ tuy lân mẫn, thiện ngôn dụ dụ, nhi chư tử đẳng, nhạo trước hy hý, bất khểng tín thọ, bất kinh, bất úy, liễu vô xuất tâm, diệc phục bất tri hà giả thị hỏa, hà giả vi xá, vân hà vi thất? Dẫn Đông Tây tẩu hý, thị phụ nhi dĩ.

(*經*) 「我當為說怖畏之事：此舍已燒，宜時疾出，無令為火之所燒害」。作是念已，如所思惟，具告諸子：「汝等速出」。父雖憐愍，善言誘諭，而諸子等，樂著嬉戲，不肯信受，不驚，不畏，了無出心，亦復不知何者是火，何者為舍，云何為失？但東西走戲，視父而已。

(*Kinh*: “Ta hãy nên vì chúng nó nói tới chuyện đáng sợ hãi. Nhà này đã bị cháy, hãy nên đứng lúc mau chóng thoát ra, chớ để lửa đốt làm hại”. Nghĩ như thế rồi, đứng như đã suy nghĩ, căn dặn bảo các con: “Các con hãy mau ra khỏi”. Cha tuy thương xót, khéo nói khuyên dụ,

nhưng các con mền đắm chơi đùa, chẳng chịu tin nhận, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, trợn chẳng có tâm ra khỏi, cũng lại chẳng biết gì là lửa, gì là nhà, gì là tổn thất? Chỉ Đông Tây chạy giỡn, nhìn cha mà thôi).

Đây là tướng đối trị, như kinh Đại Phẩm có nói: “*Tứ Niệm Xứ là Ma Ha Diễn. Dĩ bất khả đắc cố, dị ư Tiểu Thừa*” (Tứ Niệm Xứ là Đại Thừa. Do chẳng thể được, cho nên khác với Tiểu Thừa). Đã chấp vào chỗ chơi giỡn, cho nên nói đến chuyện kinh sợ để họ được thoát ly. Nói Ngũ Âm Xả (nhà ngũ âm) đã bị lửa ngũ trược đốt, hãy nên gấp lìa bỏ. Nếu ở lâu, ắt đoạn thiện căn. Vì thế nói “*vô linh vi hỏa chi sở thiêu hại*” (chẳng để cho bị lửa đốt, tổn hại). Đây là chuyện tính làm. Từ “*phụ tuy lân mẫn*” (cha tuy thương xót) trở đi, nói rõ “[chúng sanh] chẳng có căn cơ”.

“*Bất kinh, bất úy*” (Chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi) như đã giải thích trong phần trước. Chẳng biết bất khổ và ngũ trược có thể đốt cháy thiện căn. Nếu chẳng biết lửa, chẳng biết các pháp Âm, Giới, Nhập là các thứ gây nên khổ. Nếu chẳng biết nhà, sẽ chẳng biết đã đánh mất cội nguồn của Pháp Thân. Nếu chẳng biết như thế nào là tổn thất, sẽ trái nghịch sáng, hướng theo tối, qua lại trong sanh tử, như rảo chạy Đông Tây. Lại dây lên kiến ái, như đùa giỡn, chẳng hướng theo Đại giáo. Vì thế nói “*thị phụ nhi dĩ*” (nhìn cha mà thôi). [Tính dùng] Giới để giáo hóa, [chúng sanh] lại chẳng có căn cơ, đã bao hàm ý nghĩa [toan] “chấm dứt sự giáo hóa” trong ấy.

Phần thứ nhất, “thí dụ về bỏ mấy loại giáo hóa” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2. *Thí dụ về dùng xe*

Sánh ví chuyện nghĩ “giống như chư Phật, dùng tam thừa [để giáo hóa], sẽ tương xứng với cơ nghi”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2.1. *Thí dụ về toan dùng ba loại xe*

Đây là thí dụ về chuyện [Phật Thích Ca] suy nghĩ quá khứ chư Phật cũng dùng ba thừa để giáo hóa như đã nói trong phần trước.

(Kinh) Nhĩ thời, trưởng giả tức tác thị niệm: “Thử xá dĩ vi đại hỏa sở thiêu. Ngã cập chư tử nhược bất thời xuất, tất vị sở phần! Ngã kim đương thiết phương tiện, linh chư tử đẳng đắc miễn tư hại”.

(經)爾時，長者即作是念：「此舍已為大火所燒。我及諸子若不時出，必為所焚！我今當設方便，令諸子等得免斯害」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trưởng giả liền nghĩ như thế này: “Nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy. Ta và các con nếu chẳng kịp thời thoát ra, ắt bị lửa đốt! Ta nay nên lập phương tiện khiến cho các con tránh khỏi nỗi hại này”).

Công năng giáo hóa của Đại Thừa là mạng của cha. Chúng sanh được tốt lành to lớn chính là mạng của con. Nếu sự tốt lành to lớn bị chấm dứt, tức là con mất mạng. Mạng của con đã đoạn thì công giáo hóa cũng phế, tức là mạng cha bị đoạn! Vì thế nói “*nhược bất thời xuất, tất vị hỏa sở phân*” (nếu chẳng kịp thời thoát ra, ắt sẽ bị lửa đốt). Trong đoạn trước, kinh văn đã nói “*năng ư sở thiêu chi môn an ổn đắc xuất*” (có thể từ cái cửa đang bị cháy mà an ổn thoát ra), ở đây sao lại nói “*nhược bất thời xuất, tất vị hỏa sở phân*”? Những người thoát ra trong phần trước chính là Pháp Thân xuất. Nay nói “*nhược bất thời xuất*” (nếu chẳng kịp thời thoát ra), tức là Ứng Thân có cùng bệnh. Chúng sanh khổ sở, có điều thiện, sẽ cùng với Ứng Thân thoát ra. Nếu chúng sanh đoạn mất điều thiện, sẽ chẳng cùng Ứng Thân đứng lúc thoát ra, tức là sẽ đều bị thiêu đốt. Ấy là vì muốn dùng Ứng Thân để hóa độ, khiến cho họ đứng lúc thoát ra. “*Ngã kim đương thiết phương tiện*” (Ta nay nên lập phương tiện) tức là suy tính muốn thực hiện pháp Quyền.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2.2. Thí dụ về chuyện đã sẵn biết tâm con ưa thích điều gì

Sánh ví chuyện “*khi tư duy như thế, mười phương chư Phật đều hiện*” trong phần trước.

(Kinh) Phụ tri chư tử tiên tâm, các hữu sở hảo種種珍玩奇異之物，情

(經)父知諸子先心，各有所好種種珍玩奇異之物，情必樂著。

(Kinh: *Cha biết tánh các con, mỗi đứa đều ưa thích các thứ quý báu, lạ lùng, [nếu có vật như thế], lòng chúng nó ắt sẽ ưa thích).*

Xưa kia từng tu tập Tiểu pháp, đó là “*tiên tâm*” (tâm trước kia). [Mỗi cá nhân] tánh tình, ham muốn khác nhau, tức là mỗi người có sở thích riêng. Lại nữa, chúng sanh xưa kia từng tu tập Đại pháp, nhưng tu tập Đại pháp chưa nòng hậu. Đó chính là nhược điểm to lớn. Ưa thích, hâm mộ Niết Bàn thì là “*mạnh mẽ chút ít*”. Như ngài Thân Tử thoái thất nơi lục tâm (tâm hành Lục Độ), biết nơi Bồ đề đã tu tập Đại pháp thì gọi là “*biết tiên tâm*”. Biết họ lui sụt, hâm mộ Niết Bàn, gọi là “*tri các hữu sở hạo*” (biết mỗi người đều có điều ưa thích riêng).

3.3.1.2.2.1.2.2.3. *Thí dụ về chuyện ưa thích ba loại xe hiếm có*

Sánh ví “tư duy chuyện trên đây đã xong, liền đến Ba La Nại”
V.V...

(Kinh) *Nhi cáo chi ngôn: “Nhữ đẳng sở khả ngoạn hảo, hy hữu nan đắc. Nhữ nhược bất thủ, hậu tất ưu hối! Như thị chủng chủng dương xa, lộc xa, ngư xa, kim tại môn ngoại, khả dĩ du hý. Nhữ đẳng ư thứ hỏa trạch, nghi tốc xuất lai, tùy nhữ sở dục, giai đương dĩ nhữ”.*

(經)而告之言：「汝等所可玩好，希有難得。汝若不取，後必憂悔！如此種種羊車，鹿車，牛車，今在門外，可以遊戲。汝等於此火宅，宜速出來，隨汝所欲，皆當與汝」。

(Kinh: *Bèn bảo rằng: “[Cha có] những thứ mà các con sẽ ưa thích, hiếm có²⁰⁴, khó được. Nếu các con không lấy, sau này ắt sẽ buồn rầu, hối hận²⁰⁵. Các thứ xe dê, xe nai, xe trâu²⁰⁶ như thế nay đặt ngoài*

²⁰⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là sánh ví phương tiện trong tam thừa, là pháp bảo để xuất thế, cho nên quý báu, lạ lùng”.

²⁰⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là sánh ví: Đối với quả vị tam thừa, nếu chẳng thừa dịp gặp Phật mà hăng hái tu tập hồng chứng đạo quả, sau này ắt sẽ buồn rầu, ân hận”.

*cửa, có thể dạo chơi*²⁰⁷. Các con đang ở trong nhà lửa này, hãy nên mau thoát ra, tùy theo lòng muốn, sẽ đều cho con”).

Từ “*nhữ đẳng sở khả*” (các con có thể) trở đi là sánh ví sự Khuyển Chuyển. Từ “*như thị chủng chủng*” (các thứ trở đi), sánh ví Thị Chuyển. “*Tùy nhữ sở dục giai đương dĩ nhữ*” (Tùy theo lòng muốn của các con, sẽ đều ban cho) chính là sánh ví Chứng Chuyển.

Hỏi: - Ba loại xe, hai loại người được sai khiến²⁰⁸, một hóa thành, thành có, xe không, đều nhằm sánh ví phương tiện, sao lại khác nhau?

Đáp: - Phàm lập ra thí dụ, mỗi thí dụ đều thuận theo một nghĩa, chớ nên chấp vào một cách, rồi ngò vức các cách [sánh ví] khác! Tách ra thành một, hai, hay ba, chỉ là gộp lại hay tách ra, vì sự tín giải đối với tam châu khác biệt, cho nên có sai khác, nhưng đều nhằm thí dụ phương tiện, nghĩa lý chẳng khác! Xe do nêu chung phương tiện (tam thừa), cho nên có ba. Người được sai khiến thì do đối ứng riêng với từng sự khó khăn, cho nên có hai. “*Thành*” thì do đối với hai hay ba chỗ, cho nên có một. Hãy nên biết: Thành cũng do người mà có hai. Vì thế nói theo chỗ ngưng dứt bèn nói tới hai²⁰⁹. Nếu nói theo chỗ khó khăn thì xe cũng chỉ có hai loại (nan hành và dị hành). “*Người được sai khiến*” xét theo ý nghĩa cũng kiêm Bồ Tát. Cả ba điều ấy đều có “*nhân, giáo, lý, hạnh*”. “*Thành*” nếu nói là “*hóa*”, thì cũng là chẳng có! Xe do tạo tác, cho nên

²⁰⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Xe dê chậm chạp, ví như quả Thanh Văn. Xe nai chạy nhanh hơn, ví như quả Duyên Giác. Xe trâu chở nặng, ví như quả Bồ Tát. ‘Ở ngoài cửa’: Sánh ví vượt ra ngoài tam giới*”.

²⁰⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Đây là sánh ví có thể vận dụng tam thừa [để thoát khỏi tam giới]. Hỏi: - Tam thừa có tác dụng chuyển chở hành nhân thoát lìa sanh tử. Nay đã ở ngoài cửa sanh tử, còn dùng Thừa để làm gì? Đáp: - Tam thừa đều là phương tiện giả lập, hoàn toàn chẳng phải là có thật. Nhưng đi trên con đường sanh tử, nếu đã thật sự vượt ra ngoài cửa sanh tử, lại thả chiếc bè Từ qua lại sanh tử, rong ruổi trong Ngũ Ấm, vẫn phải dùng đến tam thừa để hóa độ. Do vận dụng tự tại, nên nói là du hý*”.

²⁰⁸ Hai loại người sai sử chính là hai loại người được ông trưởng giả sai khiến trong phẩm Tín Giải:

1. Khi đưa con nghèo mon men đến chỗ cha tính xin làm mướn, thấy cha giàu sang, oai thế, sợ hãi lánh đi. Cha trông thấy, sai người hầu bắt lại. Con sợ bị phạt tội, ngất xỉu. Cha liền bảo họ thả cho đưa con đi.
2. Sau đó sai kẻ hầu hình sắc tiêu tụy, không có oai đức đến rủ con tới làm công cho cha.

²⁰⁹ “*Ngưng dứt*” ở đây là diệt độ. Do có Thiên Chân Niết Bàn và Vô Dư tịch tịnh Niết Bàn rốt ráo, nên nói là “*thành có hai*”.

vẫn có. Người được sai khiến nếu xét theo Quyền thì cũng là tương đồng, cho nên cũng có! Do Quyền vốn chẳng thật, cho nên [người được sai khiến] cũng là không! Đối chiếu giữa Quyền và Thật, đều bao gồm bốn câu: “Do quyền biến hóa hiện, cho nên đều có. Xét theo Thật nghĩa thì đều là không. Do đều thông với Quyền và Thật, cho nên vừa có vừa không. Đồng ước theo một Lý, cho nên cả hai đẳng đều phé (chẳng có, chẳng không)”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.2.4. Thí dụ [mỗi loại xe] đều phù hợp với ý nguyện của các con

Sánh ví sự “thọ hành ngộ nhập” trong phần trước, tức là chuyển pháp luân v.v...

(Kinh) Nhĩ thời, chư tử văn phụ sở thuyết trân ngoạn chi vật, thích kỳ nguyện cố, tâm các dũng nhuệ, hổ tương thôi bài, cạnh cộng trì tẩu, tranh xuất hỏa trạch.

(經)爾時，諸子聞父所說珍玩之物，適其願故，心各勇銳，互相推排，競共馳走，爭出火宅。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các con nghe cha nói có món đồ chơi quý báu, xứng với lòng mong ước, tâm đều hăng hái, xô đẩy lẫn nhau, đua nhau rảo chạy, tranh nhau ra khỏi nhà lửa).

Kệ tụng trong phần trước vốn giản lược. Trong phần này, nói thí dụ căn kẽ, nêu chi tiết tướng trạng từ tu nhân cho tới đắc quả. Nói “*thích kỳ nguyện*” (xứng với lòng mong ước) tức là căn cơ và giáo pháp tương xứng, tức Văn Huệ (Tứ Niệm Xứ). “*Dũng nhuệ*” (Hăng hái) chính là Tư Huệ. Tâm tư dấy lên suy nghĩ, chính là phương tiện Chánh Cần (Tứ Chánh Cần). “*Hổ tương thôi bài*” (Xô đẩy lẫn nhau): Thúc đẩy bốn chân lý (Tứ Đế), trừ khử, chế phục Kiến Hoặc. Xem khắp trên dưới Bát Đế²¹⁰

²¹⁰ Pháp Tướng Duy Thức Tông đối với Thế Tục Đế lập ra bốn tầng nghĩa (Thế Gian Thế Tục Đế, Đạo Lý Thế Tục Đế, Chứng Đắc Thế Tục Đế, Thắng Nghĩa Thế Tục Đế), và đối với Thắng Nghĩa Đế lại lập ra bốn tầng nghĩa nữa (Thế Gian Thắng Nghĩa Đế, Đạo Lý Thắng Nghĩa Đế, Chứng Đắc Thắng Nghĩa Đế, và Thắng Nghĩa Thắng Nghĩa Đế), gọi gộp chung là Bát Đế. Do nội dung của mỗi tầng quá rườm rà nên không ghi vào đây! Trong mỗi Đế ấy, lại có Tứ Thánh Đế, gọi gộp chung là ba mươi hai hạnh.

ba mươi hai hạnh, thì gọi là “*hỗ tương*” (lẫn nhau). Điều này thuộc vào Tu Huệ, thuộc các địa vị Noãn và Đảnh. “*Cạnh*” (競) là tranh giành lý thù thắng, chính là địa vị Nhẫn Pháp. Quán rút gọn lại, hướng đến Khổ Pháp Nhẫn. “*Cộng*” (共) là địa vị Thế Đệ Nhất, cùng quán bất cứ hạnh nào thuộc bốn hạnh thuộc Khổ Đệ, chẳng khác Khổ Pháp Nhẫn. “*Trì tẩu*” (馳走, rong ruổi): Nhập mười sáu tâm thuộc địa vị Kiến Đạo, nhanh chóng thấy Lý, sánh ví “*Niết Bàn âm*” (âm thanh Niết Bàn) trong phần trên. Kiến Đạo là đạt được một phần Niết Bàn. “*Tranh xuất*” (Giành nhau thoát ra): Tư duy đạo. Tranh nhau ra khỏi tam giới, thành tựu quả Vô Học, đoạn hết Tư Hoặc thì mới ra khỏi nhà lửa, tức là sánh ví chuyện có các danh xưng “*A La Hán, Pháp, Tăng*” sai biệt được nói trong kệ tụng thuộc phần trước (phẩm Phương Tiện).

Giải thích theo quán tâm, Trung Đạo chánh quán là quán thắng vào Thật Tướng, tâm và pháp tương xứng thì gọi là “*thích kỳ nguyên*” (tương xứng lòng mong mỏi). Do cảnh vô biên, quán cũng vô biên, thì gọi là Dũng. Tâm thấu hiểu cảnh nhạy bén thì gọi là Nhuệ. Tâm và cảnh xem xét lẫn nhau, gọi là “*hỗ tương thôi bài*” (xô đẩy lẫn nhau). Tâm vương và tâm sở (tâm sở) duyên theo cảnh nhanh chóng, gọi là “*cạnh cộng trì tẩu*” (đua nhau rảo chạy), trải khắp hết Âm, Giới, Nhập v.v... không gì chẳng phải là Thật Tướng, gọi là “*ra khỏi nhà lửa*” (Xét theo giáo thì có tướng từ tu nhân cho tới chứng quả trong bốn giáo. Nay xét theo Tạng Giáo. Xét theo Quán, cũng có bốn giáo sai khác, nay chỉ xét theo Viên).

Phần thứ hai, “thí dụ về bỏ ghế, dùng xe” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3. Thí dụ về bình đẳng ban cho loại xe to

Sánh ví “*hiển Thật*” trong phần trước. Phần này chia thành bốn [tiểu đoạn]:

- Một, thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn.
- Hai, thí dụ các con đòi xe.
- Ba, thí dụ bình đẳng ban cho các cỗ xe lớn.
- Bốn, thí dụ các con được xe, hoan hỷ.

Trong bài kệ thuộc phần trên, trước là căn cơ dấy khởi, sau đó Phật hoan hỷ. Nay trước hết là Phật hoan hỷ; sau đó, con đòi xe. Kinh vẫn nói có trước sau, nhưng nghĩa chẳng có trước sau.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.1. Thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn

Sánh ví chuyện “ta nay vui mừng, không sợ hãi” [được nói] trong phần trên.

(Kinh) Thị thời, trưởng giả kiến chư tử đẳng an ổn đắc xuất, giai ư tứ cù đạo trung lộ địa nhi tọa, vô phục chướng ngại, kỳ tâm thái nhiên, hoan hỷ, dũng dục.

(經)是時，長者見諸子等安隱得出，皆於四衢道中露地而坐，無復障礙，其心泰然，歡喜，踴躍。

(Kinh: Khi đó, trưởng giả thấy các con an ổn thoát ra, đều ngồi nơi đất trống tại ngã tư đường, chẳng còn chướng ngại, tâm ý thanh thản, hoan hỷ, hớn hớ).

“Tứ cù đạo” (Ngã tư đường) sánh ví Tứ Đế Quán. “Lộ địa” (Đất trống): Các Tư Hoặc trong tam giới đều hết. “Tọa” (Ngồi): Ví như trụ trong quả, chẳng tiến lên. Các con đã thoát khỏi sự trói buộc nơi quả, cho nên chẳng còn chướng ngại, sanh ý tưởng an ổn. Vì thế, cái tâm thanh thoi. Con đã thoát nạn, cha bèn hoan hỷ.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.2. Thí dụ các con đòi xe

Sánh ví căn cơ Đại Thừa đã phát khởi, đều dùng cái tâm cung kính đến chỗ đức Phật [thỉnh pháp] như đã nói trong phần trên.

(Kinh) Thời, chư tử đẳng các bạch phụ ngôn: “Phụ tiên sở hứa ngoạn hảo chi cụ, dương xa, lộc xa, ngư xa, nguyện thời tứ dĩ”.

(經)時，諸子等各白父言：「父先所許玩好之具，羊車，鹿車，牛車，願時賜與」。

(Kinh: Khi ấy, các con đều thưa với cha: “Trước đó, cha đã hứa cho đồ ưa thích, xe dê, xe nai, xe trâu, xin cha liền ban cho”).

Ba loại xe ví như quả vị tam thừa. Vì cầu quả tam thừa, cho nên thoát khỏi tam giới. Đã thoát khỏi tam giới, thật sự chẳng có quả tam thừa để có thể chứng. Lại nữa, thời Phương Đẳng chê trách, thời Bát Nhã đào thải. Kinh này nêu rõ “phương tiện chẳng phải là Thật”, cho

nên phải ân cần thỉnh ba lượt. Nói là “đòi xe” tức là trước đó, đã hứa [ba quả vị] quyền biến, nay chính là thỉnh cầu Nhất Thật trong hiện thời. Vì thế, nói là “*căn cơ Đại Thừa phát động*”.

Cần biết: Trong thời Phương Đẳng, nhiều lượt bị vùi dập, mà chẳng biết vì sao, nhưng căn cơ bị thôi thúc. Đến thời Bát Nhã, chuyển giáo, phó tài, nhưng chẳng biết chính mình có đạt được hay không, bèn có ý niệm tìm cầu. Nay trong hội Pháp Hoa, thốt lời thỉnh ba lượt, càng thêm thỉnh cầu mong mỏi!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3. *Thí dụ bình đẳng thí các cỗ xe lớn cho các con*

Sánh ví thắng thùng sự “hiển Thật” trong phần trên: Thắng thùng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.1. *Nêu bày đề mục*

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Nhĩ thời, trưởng giả các tứ chư tử đẳng nhất đại xa.*

(經)舍利弗！爾時，長者各賜諸子等一大車。

(Kinh: *Này xá Lợi Phất! Lúc bấy giờ, trưởng giả đều cho mỗi con một cỗ xe lớn giống như nhau.*

“Các tứ chư tử” (Đều cho các con): Do các con bình đẳng, tâm cha ắt bình đẳng. Ví như hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đã đồng, bình đẳng là Phật tử. Phật tâm chẳng thiên vị! “*Đẳng nhất đại xa*” (Một cỗ xe lớn giống như nhau): Do pháp bình đẳng, không gì chẳng phải là Phật pháp. Ví như hết thầy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa), tu tập đôi chút, không gì chẳng phải là diệu thừa. Chỉ vì cùng một tánh, ban cho đều có ý nghĩa bình đẳng, tức là tùy theo sự tu tập đã quen [của mỗi chúng sanh] đối với Tứ Đế, Nhân Duyên, Lục Độ, Tứ Đẳng (từ, bi, hỷ, xả), cho đến sắc tâm, nghịch thuận, y báo, chánh báo, hạnh lý, nhân quả, tự tha, giải Hoặc (cởi gỡ phiền não), lớn, nhỏ, phước huệ, vô lượng các pháp đều thuận theo sự tu tập từ trước mà khai thị chân thật. Do sự tu tập trước đó khác nhau, cho nên nói là “*các*”, đều là Ma Ha Diễn. Một nhiếp hết thầy, trọn khắp, nhập khắp. Vì thế nói là “*đại xa*”.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2. *Giải thích về xe*

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2.1. Nói về thể chất của xe

(Kinh) Kỳ xa cao quảng, chúng bảo trang hiệu, châu tấp lan thuẩn, tứ diện huyền linh. Hựu ư kỳ thượng, trương thiết hiển cái, diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi. Bảo thành giao lạc, thùy chư hoa anh, trùng phu uyển diên, an trí đan chẩm. Giá dĩ bạch ngư, phu sắc sung khiết, hình thể xu hảo, hựu đại cân lực, hành bộ bình chánh, kỳ tật như phong. Hựu đa bộc tòng nhi thị vệ chi.

(經)其車高廣，眾寶莊校，周匝欄楯，四面懸鈴。又於其上，張設幃蓋，亦以珍奇雜寶而嚴飾之。寶繩交絡，垂諸華纓，重敷婉筵，安置丹枕。駕以白牛，膚色充潔，形體姝好，有大筋力，行步平正，其疾如風。又多僕從而侍衛之。

(Kinh: Xe đó cao rộng, trang hoàng bằng các báu, lan can vây quanh, bốn phía treo linh²¹¹. Trên đó lại căng che bày màn lọng, cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng. Dây báu giăng xen²¹², treo rủ các chuỗi hoa, trải đệm mềm nhiều tầng²¹³, đặt gối màu đỏ²¹⁴, dùng trâu

²¹¹ “Linh” là từ ngữ gọi chung các loại chuông có quả lắc để tạo ra tiếng, trong khi chuông bát (chuông gia trì) thì gọi là đại khánh, chuông treo dùng dùi để gõ thì gọi là Chung. Linh có nhiều thứ, thường là đúc bằng đồng, chia ra làm hai loại:

- Loại có hình chuông, bên trong có treo quả lắc thường dùng tay để lắc vang ra tiếng (thường gọi là thủ linh hay dao linh). Kim Cang Linh (Drilba) của Mật Tông thuộc loại này. Loại linh này còn có thể treo quanh các tháp, các kiến trúc thờ tự, gió động sẽ vang ra tiếng. Loại linh này khác phong linh (do phong linh chế bằng nhiều chất liệu và có hình dáng khác nhau, nhưng phong linh thường là có các thanh kim loại va vào nhau, hoặc các ống kim loại, thùy tinh, sành sứ, gỗ, đá v.v... để phát ra tiếng khi gió lùa qua).

- Loại có hình cầu, bên trong có một hạt cứng bằng kim loại. Loại linh này thường dùng để treo vào cổ các thú cưng (chó, mèo), hay dùng cho nhạc ngựa, nhạc lừa, hoặc đeo vào cổ chân cổ tay để nhảy múa, hay dùng như một món trang sức...

²¹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Dùng các chất báu kết thành dây, giăng xen để giữ cho màn, lọng khỏi bị thổi bay”.

²¹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đẹp dễ, mềm mại thì gọi là Uyển. Nệm để lót ngồi gọi là Diên. Trùng phu uyển diên là trong xe lót nhiều đệm dày êm ái”.

trắng kéo xe. [Trâu có] sắc da căng đầy, tươi tắn, sạch sẽ, hình thể đẹp đẽ, gân cốt mạnh mẽ, bước đi ngay ngắn, nhanh nhẹn như gió. Lại có nhiều tóc theo hầu, bảo vệ).

Xe giả danh có tướng cao, rộng, ví như tri kiến của Như Lai sâu xa, theo chiều ngang tròn khắp bờ mé của pháp giới, theo chiều dọc thấu triệt nguồn cội của Tam Đế (pháp giới Tam Đế tròn chẳng phải là ngang hay dọc. Tuy chẳng có ngang dọc, pháp giới xét theo phương diện tròn khắp, nói là “ngang” thì sẽ thuận tiện. Tam Đế tên khác nhau, nói là “dọc” thì sẽ thuận tiện. Hiển lộ bất nhị cho nhau, cứ suy nghĩ sẽ thấy ngay!)

“*Chúng bảo trang hiệu*” (Trang hoàng bằng các báu): Ví như được tô điểm bằng vạn hạnh. “*Châu táp lan thuẩn*” (Các lan can bao quanh): Ví như Đà La Ni, có thể gìn giữ muôn điều thiện, ngăn trở các điều ác. “*Tứ diện huyền linh*” (Bốn phía treo linh), sánh ví Tứ Vô Ngại Biện, dưới là hóa độ chúng sanh. “*Trương thiết hiển cái*” (Căng che màn, lọng²¹⁵): Ví như Tứ Vô Lượng Tâm, phạm hạnh chẳng thể nghĩ bàn. Trong các đức, từ bi cao nhất, che tròn khắp hết thảy. “*Diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi*” (Cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng): Ví như muôn điều thiện chân thật trang nghiêm lòng từ bi ấy. Vì thế, Đại Kinh nói: “*Từ nhược cụ túc Thập Lực, Vô Úy đẳng, danh Như Lai từ*” (Nếu lòng Từ tròn đủ Thập Lực, Vô Úy v.v... thì sẽ gọi là lòng Từ của Như Lai).

“*Bảo thăng giao lạc*” (Dây báu giăng xen) ví như Tứ Hoàng Thệ Nguyên, tâm đại từ kiên cố. “*Thùy chư hoa anh*” (Treo rủ các chuỗi hoa) sánh ví Tứ Nhiếp Thần Thông v.v... khiến cho chúng sanh vui sướng, mà cũng sánh ví tràng hoa Thất Giác màu nhiệm. “*Trùng phu uyển diên*” (Trải đệm mềm nhiều tầng): Sánh ví quán sát, luyện tập, huân tu hết thảy các môn Thiền, trùng điệp, mềm mại. “*An trí đan chẩm*” (Xếp đặt gối màu đỏ): “*Đan*” (丹) tức là ánh sáng đỏ, sánh ví pháp vô phân biệt. “*Chẩm*” (枕, gối) có trong và ngoài. Nếu là gối ở ngoài xe (tức đệm lót ngồi của người đánh xe), thì còn gọi là Chấn (軫).

²¹⁴ Theo pháp sư Phổ Hành, “*đan*” ở đây phải hiểu là đan dược, tức các loại dược phẩm được lót vào trong gối dựa, có tác dụng an thần, thư thái. Ở đây, chúng tôi dịch là “gối đỏ” dựa theo lời giảng của tổ Ngẫu Ích.

²¹⁵ Pháp sư Phổ Hành: “*Màn căng phủ trên xe gọi là Hiển, thứ che trên đỉnh xe được gọi là Cái*”.

Bất cứ xe đến nơi đâu, đều cần phải giữ cho chỗ đó cân bằng; ví như từ ngay trong động mà tĩnh, ngay trong tĩnh mà động. Nếu là gồi ở trong xe thì là chỗ để [hành khách] dựa mình hay tựa đầu. Ví như Nhất Hạnh tam-muội ngăn dứt hết thấy hạnh, thân, trí thủ.

“*Giá dĩ bạch ngư*” (Xe được kéo bằng trâu trắng): Sánh ví vô lậu Bát Nhã, có thể hướng dẫn hết thấy vạn hạnh như Đế, Duyên, Độ (Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ) v.v... đạt đến Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). “*Bạch*” (Màu trắng) là cái gốc của mọi màu, tương ứng với bốn tịnh vô lậu. Thẻ trọn đủ vạn đức như “*phu sung*” (da căng đầy). Chẳng nhiễm phiền não như “*sắc khiết*” (màu sáng sạch). Lại nữa, Tứ Niệm Xứ của Viên Giác là trâu trắng. Tứ Chánh Cần, hai điều thiện thế gian²¹⁶ viên mãn giống như da căng đầy. Hết sạch hai điều ác trong thế gian như màu sắc sáng sạch. Tứ Như Ý Túc xứng với hạnh, tâm như “*hình thể xu hảo*” (hình thể đẹp đẽ). “*Cân*” (Gân) ví như Ngũ Căn giữ vững, có thể sanh ra [Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ]. “*Lực*” ví như Ngũ Lực có tác dụng chế phục, dẹp trừ [phiền não]. “*Hành bộ bình chánh*” (Bước đi ngay ngắn): Ví như Định và Huệ cân bằng. Lại ví như Thất Giác Chi điều hòa, cân bằng. “*Kỳ tạt như phong*” (Nhanh lẹ như gió): Ví như hành Bát Chánh Đạo, nhanh chóng đạt đến Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí).

“*Bộc tùng*” (僕從, kẻ hầu, tùy tùng) ví như Phương Tiện Ba La Mật có thể khéo léo tùy thuận mỗi người, hầu hạ, tuân lệnh. Ma, ngoại đạo, Nhị Thừa đều thuận theo phương tiện trí mà vận dụng. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói: “*Giai ngô thị giả*” (Đều là người hầu của ta). Hơn nữa, thần thông nơi quả vị vận chuyển, sai sử tùy ý, thì gọi là “*bộc tùng*”.

Giải thích theo quán tâm, một niệm tâm tánh trong hiện tiền theo chiều dọc chẳng có trước, sau, theo chiều ngang dứt bật bờ mé, tức Không, tức Giả, tức Trung. Vì thế là “*cao*”. Trọn đủ bách giới thiên như, nên là “*quảng*” (rộng). Tánh đức nhiều hơn số cát sông Hằng, nên gọi là “*chúng bảo trang hiệu*” (trang hoàng bằng các báu). Ngoài tâm chẳng có pháp, chỉ ra cái tâm sẽ gồm thấu hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, nói là “*châu táp lan thuẩn*” (lan can bao quanh). Tâm có thể ứng trọn khắp hết thấy, diễn nói các âm giáo (các giáo pháp được diễn tả bằng âm thanh, ngôn ngữ). Vì thế gọi là “*tứ diện huyền*”

²¹⁶ Đây là nói đối ứng với Tứ Chánh Cần: Hai điều thiện thế gian chính là điều thiện đã nầy sanh và điều thiện sẽ sanh. Hai điều ác thế gian cũng giống như thế: Điều ác đã làm và điều ác sắp làm.

linh” (bốn phía treo linh). Tâm quý nhất trong các pháp, không pháp nào chẳng bao trùm. Vì thế nói là “*trương thiết hiển cái*” (căng che màn, lộng). Tâm vương quán tượng, ắt tương ứng với các thiện tâm sở²¹⁷. Vì thế gọi là “*diệc dĩ trân kỳ tạp bảo nhi nghiêm sức chi*” (cũng dùng các thứ báu quý lạ để trang hoàng). Thiện tâm và tâm sở làm đẳng vô gián duyên cho nhau; vì thế nói là “*bảo thăng giao lạc*” (dây báu giăng xen). Các tâm sở thuộc về thiện tâm sanh ra vô lượng trí huệ, phước đức; vì thế nói là “*thùy chư hoa anh*” (treo rủ các chuỗi hoa). Một niệm tâm tánh ấy trọn đủ các pháp nhu nhuyễn, khinh an trùng trùng vô tận, vì thế nói là “*trùng phu uyển diên*” (trải nhiều tầng đệm mềm mại). Quán tâm tánh này động chính là tĩnh, tĩnh chính là động, có thể động, có thể tĩnh, động và tĩnh bất nhị; vì thế gọi là “*an trí đan chẩm*” (xếp đặt gối đỏ). Lý tâm tánh do diệu quán mà hiển; vì thế nói là “*giá dĩ bạch ngư*” (xe dùng trâu trắng để kéo). Diệu quán xứng tánh trọn đủ các công đức như thế; do vậy gọi là “*phu sung*” (da dê căng đầy). Chẳng xen tạp phiền não; vì thế gọi là “*sắc khiết*” (màu sạch sẽ). Viên dung tự tại; vì thế nói là “*hình thể xu hảo*” (hình thể đẹp đẽ). Viên quán có thể sanh trưởng thiện căn mạnh nhất, cho nên có “*đại căn*” (gân cốt mạnh mẽ). Viên quán có thể dẹp tan hết thảy các ái kiến thuộc giới nội và giới ngoại nhất, cho nên “*hữu đại lực*” (có sức mạnh to lớn). Viên quán chính là Chỉ, chính là Quán, Định và Huệ chẳng hai. Vì thế, nói là “*hành bộ bình chánh*” (bước đi ngay ngắn). Viên quán xứng tánh vô tác, mặc tình nhập vô công dụng đạo. Vì thế nói là “*kỳ tạt như phong*” (nhANH NHỆN NHƯ GIÓ). Viên quán nhiếp trọn khắp các pháp, hết thảy các pháp đều mặc tình viên quán sai khiến. Vì thế nói là “*hựu đa bặc tòng nhi thị vệ chi*” (lại có nhiều tôi tớ theo hầu, bảo vệ).

Hãy nên biết Thể của cái xe chẳng cao, chẳng rộng, mà luận bàn cao rộng, tức chánh nhân lý tánh. Trâu trắng chính là liễu nhân huệ tánh. Các vật dụng tức duyên nhân thiện tánh. Ba pháp chẳng ngang dọc, không phải là cùng một chỗ hay khác biệt, chẳng thể nghĩ bàn, thì gọi là Phật Thừa. Hết thảy chúng sanh chỉ có Tánh Đức Phật Thừa, nghe Phật Thừa ấy, sẽ có thể sanh tín giải, đó là Danh Tự Phật Thừa. Niệm nào cũng đều quán tâm, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, thô cấu rơi rụng trước, sáu căn thanh tịnh, chính là Tương Tự Phật Thừa. Khai thị ngộ

²¹⁷ Theo Bách Pháp Minh Môn Luận, Thiện tâm sở bao gồm mười một pháp: Tín, Tinh Tấn (Cần), Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Khinh An, Chảnh Phóng dật, Hành Xả, và Bất Hại.

nhập, dạo chơi bốn phương, tức là Phần Chứng Phật Thừa, “*đến thẳng đạo tràng*”. Các hạnh đều dứt, tức là đạt đến Cứu Cánh Phật Thừa. Tự hạnh đã mãn, chuyên chở người khác chẳng nghỉ ngơi, tốt cùng thời vị lai, lợi lạc vô tận. Đó là “*xe trâu trắng lớn*” hiểu theo quán tâm.

Lại nữa, trong đoạn kinh văn này, trọn đủ quán pháp thuộc mười thừa. Xe ấy cao rộng, tức là cảnh chẳng thể nghĩ bàn. Trâu trắng gồm thân trọn vẹn các Độ làm Thể [của cái xe ấy]. “*Căng che màn lộng*” tức là thật sự phát Bồ Đề tâm. Do vì đại từ, ban cho khắp mười pháp giới niềm vui của Đạo và Diệt. Do vì đại bi, dẹp trừ trọn khắp nỗi khổ vì Khổ và Tập của mười pháp giới. “*Xếp đặt gối đỡ bên trong [thùng xe]*” tức là khéo xếp đặt Chỉ Quán, có thể nằm, có thể ngồi, khéo tự điều hòa cho thích đáng. “*Nhanh nện như gió*” tức là phá trọn khắp các pháp. Nhất tâm tam quán, không Hoặc nào chẳng phá. “*Xếp đặt gối đỡ bên ngoài*” tức là khéo biết thông, tắc: Đi được thì đi, nên dừng bèn dừng. “*Xe kéo bằng trâu trắng*” tức là đạo phẩm điều hòa thích đáng. Ba mươi bảy phẩm viên mãn, mẫu nhiệm như đã nói trong phần trước. “*Bộc tung thị vệ*” tức là đối trị nhằm giúp cho sự khai hiển. Dùng các thứ phương tiện trong ba giáo trước để giúp hiển lộ Độ Nhất Nghĩa. Đã nói “*bước đi ngay gần*”, ắt dạo bốn phương, đến đạo tràng. Trọn chẳng đem phạm lạm thánh, tức là có thể biết địa vị thứ tự. Đã nói “*hữu đại cân lực*” thì nhất định có thể an nhẫn các chướng trong, ngoài, thuận, nghịch. Đã nói “*nhanh nện như gió*”, ắt chẳng đắm nhiễm các pháp ái tương tự đạo. Thượng căn thì chỉ quán cảnh chẳng thể nghĩ bàn, trong một pháp, ngộ trọn vẹn mười pháp. Trung căn thì từ hai đến sáu, trong bất cứ pháp nào, cũng đều ngộ trọn vẹn mười pháp. Hạ căn lần lượt dùng trọn mười pháp thì mới được khai ngộ. Xét trong toàn thể giáo quán, không gì quan trọng hơn điều này. Hãy suy nghĩ, tu tập.

Lại nữa, xe này cao rộng, tức là Thể như thế. Các thứ Độ trọn vẹn là tướng như thế. Trâu trắng chính là Tánh như thế. Đó là ba pháp thuộc Tánh Đức, chúng sanh và Phật bình đẳng. Nếu thấu hiểu pháp ấy, đạt tới Ngũ Phẩm, Thập Tín, thì gọi là Lực như thế và Tác như thế. Nếu đạt tới “*khai, thị, ngộ, nhập*” thì gọi là Nhân như thế và Duyên như thế. Nếu đạt tới địa vị tốt cùng là Diệu Giác thì gọi là Quả như thế và Báo như thế. Chúng sanh trọn đủ ba pháp ấy thì gọi là Bồn (gốc). Như Lai tu đắc ba pháp thì gọi là Mạt (ngọn). Tánh Đức và tu đắc chẳng hai, chẳng khác, gọi là Cứu Cánh Đẳng (rót ráo bình đẳng). Vì thế, xe trâu trắng lớn ai nấy đều có, há liên quan gì đến chuyện Phật ban thưởng? Nhưng nếu đức Phật chẳng nói ra, [chúng sanh] sẽ hằng ngày sử dụng mà chẳng

biết. Lại nữa, chẳng do Pháp Hoa khai hiển, thì đối với cái được gọi là “*độc nhất Đại Thừa*” vượt xa chín pháp giới, ai sẽ biết tam thừa là pháp được thực thi quyền biến, cho đến y báo, chánh báo, sắc, tâm, Hoặc nghiệp, khổ v.v... của thế gian, không gì chẳng phải là Ma Ha Diễn (Đại Thừa)!

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.2.2. Giải thích nguyên do có xe

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thị đại trưởng giả tài phú vô lượng, chủng chủng chư tạng tất giai sung dật.

(經)所以者何? 是大長者財富無量, 種種諸藏悉皆充溢。

(Kinh: Vì có sao vậy? Vị đại trưởng giả ấy của cải vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ắp).

Do của cải đầy kho, cho nên có thể thưởng cho mỗi đứa con cỗ xe to giống hệt như nhau. Của cải vô lượng ví như phước huệ viên mãn nơi quả địa. “*Các thứ kho tàng*” chính là Hạnh Tạng và Lý Tạng. Hết thấy các pháp quy vào Đàn (bồ thí), chẳng vượt ra ngoài được. Giới, Nhẫn v.v... cũng đều như thế. Đó là coi hạnh là Như Lai Tạng. Hết thấy các pháp hướng đến Sắc, nhưng chẳng hướng đến được. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cho đến Giới, Nhập v.v... cũng như thế. Đó là dựa theo Lý để giải thích Như Lai Tạng. Tự hành Hạnh và Lý ấy thì gọi là Sung. Hóa độ người khác thì gọi là Dật. Thật Trí viên mãn thì gọi là Sung, vận dụng Quyền Trí thì gọi là Dật. Nhập Trung Đạo là Sung, song chiếu nên gọi là Dật. Không chỉ là chất chứa nhiều, mà còn đều đầy ắp, có pháp nào chẳng phải là Ma Ha Diễn (Đại Thừa)? Vì thế, Đại Thừa vô lượng (Ám, Giới, Nhập v.v... lấy bất cứ một pháp nào, không gì chẳng phải là Lý Tạng. Thấu đạt Lý Tạng ấy, cho nên khiến cho các Độ đều trở thành Hạnh Tạng. Chẳng thấu đạt Lý Tạng ấy, uổng công tu các hạnh).

Phần thứ hai, “giải thích các xe bình đẳng” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.3.3. Giải thích tâm bình đẳng

(Kinh) Nhi tác thị niệ: “Ngã tài vật vô cực, bất ưng dĩ hạ liệt tiểu xa dữ chư tử đẳng. Kim thử ấu đồng giai thị ngộ tử, ái vô thiên

đẳng. Ngã hữu như thị thất bảo đại xa, kỳ số vô lượng. Ứng đương đẳng tâm các các dữ chi, bất nghi sai biệt. Sở dĩ giả hà? Dĩ ngã thử vật châu cấp nhất quốc, do thượng bất quý, hà hướng chư tử?”

(經)而作是念：「我財物無極，不應以下劣小車與諸子等。今此幼童皆是吾子，愛無偏黨。我有如是七寶大車，其數無量。應當等心各各與之，不宜差別。所以者何？以我此物周給一國，猶尚不匱，何況諸子？」

(Kinh: Bèn nghĩ như thế này: “Ta có của cải vô cực, chẳng nên đem xe nhỏ xấu kém cho các con. Nay những đứa trẻ bé bỏng này đều là con của ta, yêu thương chẳng thiên vị. Ta có xe lớn bảy báu như thế, số tới vô lượng. Tâm hãy nên bình đẳng ban cho mỗi đứa con, chớ nên sai khác. Vì lẽ nào vậy? Do các vật của ta đem châu cấp cả một nước vẫn chưa thiếu hụt, hà hướng các con ư?”)

Giả sử giàu có nhưng [người nhận] chẳng phải là con, chắc sẽ keo kiệt. Giả sử [người nhận] là con, nhưng [cha] nghèo nàn, chắc sẽ chẳng thể châu cấp. Nay tự hành đã mãn, cho nên của cải vô lượng. Hóa duyên đã chín muồi, cho nên đối với con chẳng thiên vị đứa nào, bèn nói “các các dữ chi” (đều cho mỗi đứa con). Chẳng thay đổi bản tập (sự tu tập vốn có) mà chỉ bày chân thật. Như ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) từ trí huệ mà khai tri kiến của Phật, trọn đủ hết thấy Phật pháp. Ngài Mục Liên do thần thông mà khai tri kiến của Phật, trọn đủ hết thấy Phật pháp. Những vị khác có thể phỏng theo đó mà biết.

Lại nữa, hết thấy các giáo thuộc Phương Đẳng, Bát Nhã v.v..., Niệm Xứ, Chánh Cần, Cẩn, Lực, Giác, Đạo v.v... hết thấy các hạnh, các thứ tên gọi khác nhau, đều nhằm khai thị Thật Tướng. Cho đến đối với hết thấy các pháp, cũng đều như thế. Vì thế nói “kỳ số vô lượng” (số ấy vô lượng). Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao thế) trở đi, nêu tỷ dụ để giải thích. “Nhất quốc” là sánh ví cõi Tịch Quang lý tánh. “Chư tử” (Các con) ví như những người kết duyên trong cõi Đồng Cư. Trước hết, nhằm giải thích có nhiều tài sản, cho cả một nước còn đủ, hướng hồ cho các con! Ví như đại viên nhân bao gồm trọn khắp thiện, ác, lợi ích trọn khắp pháp giới, Lý cũng chẳng cùng tận, hướng hồ những người kết duyên trong cõi Đồng Cư!

Kể đó, giải thích “các con”. Đối với những kẻ chẳng phải là con mà vẫn trọn đủ, hưởng hồ là đối với con! Ví như kẻ vô duyên mà đức Phật vẫn độ, hưởng hồ người hữu duyên ư? Nói tới những kẻ chẳng phải là con, nhằm loại trừ các duyên bất đồng nơi chánh nhân. Vì thế, bèn nói theo kiểu ngăn chặn thì là “*phi*” (chẳng phải, tức là nói có phân biệt giữa “con” và “chẳng phải con”). Nhưng lòng Từ của Phật phủ khắp, rót ráo chẳng thiên vị, hưởng hồ đối với con là những kẻ đã kết duyên [mà chẳng hóa độ] ư? Xét theo vô duyên đại từ, đối với lý vốn sẵn có, hết thấy chúng sanh, không ai chẳng phải là Phật tử! Xét theo hóa nghi để nói, do đời trước chưa kết duyên, cho nên [kẻ như vậy] chẳng phải là con! Như Lai thường ban cấp, nhưng bản thân con chẳng trở về. Đại từ đều che chở trọn hết; vì thế nói là “*châu cấp*”.

Trời, người dù thiện hay ác, bản thể chính là pháp giới. Vì thế, cái xe thuộc về quả của cha chính là cái xe thuộc về Lý của con. Chỉ mở ra tình kiến ấy, giả danh “*bình đẳng ban cho*” chúng sanh vô tận, xe vẫn chẳng cùng tận. Do chẳng cùng tận, cho nên chẳng thiếu hụt. Do chẳng thiếu hụt, cho nên chẳng thiên vị. Hư vọng mê thì là “đóng lại”, ngộ vốn chẳng phải là “mở ra”. “*Đối với kẻ vô duyên còn độ*”: Con đã kết duyên, tức là kẻ đã kết duyên từ trước, nay [duyên ấy] chín muồi bèn được độ thoát. Đối với đứa con thuộc về chánh nhân là kẻ chưa kết duyên, bèn vì họ gieo chủng tử. Nhiều lượt gieo, nhiều lượt chín muồi, nhiều lượt giải thoát cho đến cùng tận vị lai, chẳng có lúc nào xong! Đó gọi là “vị trưởng giả cha lành xuất thế đại từ bi”.

Phần thứ ba, “bình đẳng thí cho các con cỗ xe lớn” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.3.4. Các con được xe đều hoan hỷ

Sánh ví sự “thọ hành, ngộ nhập, lưới nghi đều đã trừ” v.v... đã nói trong phần trên.

(Kinh) Thị thời, chư tử các thừa đại xa, đắc vị tăng hữu, phi bổn sở vọng.

(經)是時，諸子各乘大車，得未曾有，非本所望。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các con đều ngồi xe lớn, đạt được điều chưa từng có, vốn chẳng phải là điều mong mỏi).

Vốn cầu các loại xe dê, xe nai, xe trâu, mong thoát khỏi Phần Đoạn [sanh tử], nay được xe trâu trắng, hết sạch Biến Dịch [sanh tử], vượt quá điều mình vốn mong mỏi, há chẳng hoan hỷ?

Phần thứ ba, “bình đẳng thí cỗ xe lớn” đã xong.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4. Thí dụ chẳng hư vọng

Sánh ví điều chẳng hư dối trong phần trên, khiến cho [thính chúng] chẳng ngờ vực pháp bí yếu của đáng pháp vương.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.1. Gạn hỏi

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư' nhữ ý vân hà? Thị trưởng giả đẳng dĩ chư tử trân bảo đại xa, ninh hữu hư vọng phủ?

(經)舍利弗！於汝意云何？是長者等與諸子珍寶大車，寧有虛妄不？」

(Kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vị trưởng giả ấy bình đẳng cho các con cỗ xe lớn quý báu, há có hư vọng hay chẳng?)

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.2. Trả lời

(Kinh) Xá Lợi Phất ngôn: “Bất dã, Thế Tôn! Thị trưởng giả dẫn linh chư tử đắc miễn hỏa nạn, toàn kỳ khu mạng, (tắc tiện) phi vi hư vọng. Hà dĩ cố? Nhược toàn thân mạng, tiện vi dĩ đắc ngoạn hảo chi cụ, hướng phục phương tiện ư bỉ hỏa trạch nhi bạt tế chi.

(經)舍利弗言：「不也，世尊！是長者但令諸子得免火難，全其軀命，（則便）非為虛妄。何以故？若全身命，便為已得玩好之具，況復方便於彼火宅而拔濟之。

(Kinh: Xá Lợi Phất thưa: - Bạch Thế Tôn! Không ạ! Ông trưởng giả ấy chỉ khiến cho các con thoát khỏi nạn lửa, bảo toàn thân mạng của chúng nó thì đã là chẳng hư vọng. Vì sao vậy? Nếu thân mạng được bảo toàn thì chính là đã được món đồ chơi tốt đẹp, hướng hồ còn dùng phương tiện cứu vớt [chúng nó] thoát khỏi nhà lửa).

Đồ chơi đáng ưa thích trong thế gian, có gì trọng hơn mạng người? Được toàn vẹn thân mạng tức là chẳng hư vọng. Huống hồ còn tốn công [thực hiện] bao nhiêu thứ phương tiện để [các con] được cứu bạt, há có nên trách móc trưởng giả là hư vọng ư? Ý nghĩa rõ ràng là [đức Phật nói ra ba thừa] chỉ nhằm [dẫn dụ], khiến cho toàn thể [hành nhân] Tiểu Thừa sẽ đắc năm phần Pháp Thân, nhập Không huệ mạng, tức là đã đạt được các thứ đồ chơi ưa thích từ trước. Huống chi Ngài còn dùng phương tiện cứu vớt, khiến cho họ đắc Pháp Thân huệ mạng của Đại Thừa ư? Thoát nạn thì gọi là “*chẳng hư dối*”, cũng gọi là “dùng nặng để đoạt nhẹ, chẳng hư dối” vậy.

(Kinh) Thế Tôn! Nhược thị trưởng giả nãi chí bất dữ tối tiểu nhất xa, do bất hư vọng. Hà dĩ cố? Thị trưởng giả tiên tác thị ý: “Ngã dĩ phương tiện, linh tử đắc xuất”. Dĩ thị nhân duyên, vô hư vọng dã. Hà huống trưởng giả tự tri tài phú vô lượng, dục nhiều ích chur tử đẳng dữ đại xa”.

(經)世尊！若是長者乃至不與最小一車，猶不虛妄。何以故？是長者先作是意：「我以方便，令子得出」。以是因緣，無虛妄也。何況長者自知財富無量，欲饒益諸子等與大車」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Nếu vị trưởng giả ấy thậm chí chẳng cho một cỗ xe nhỏ nhất, vẫn chẳng hư vọng. Vì sao vậy? Vị trưởng giả ấy trước đó đã nghĩ như thế này: “Ta dùng phương tiện khiến cho các con thoát ra”. Do nhân duyên ấy, chẳng hư vọng. Huống chi ông trưởng giả tự biết của cải vô lượng, muốn tạo lợi ích rộng lớn cho các con mà bình đẳng ban cho cỗ xe lớn).

Về phía ông trưởng giả, do chẳng trái nghịch bản tâm, cho nên chẳng hư vọng. Nơi các con, do vượt quá điều họ mong mỏi, cho nên chẳng hư vọng.

3.3.1.2.2.1.1.2.2.4.3. Trần thuật lời tán thán

(Kinh) Phật cáo Xá Lợi Phất: - Thiện tai! Thiện tai! Như như sở ngôn.

(經)佛告舍利弗：「善哉！善哉！如汝所言。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất: - Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói).

Nói “*thiện tai*” trùng lặp nhằm trần thuật hai đẳng đều chẳng hư vọng.

Hỏi: - Sao Phật chẳng tự nói không hư vọng?

Đáp: - Phật hứa ba mà cho một, tự nói [chính mình chẳng hư vọng] sẽ khó khăn (đại chúng nghe nói như vậy sẽ khó chấp nhận). Ngài Thân Tử nói Phật chẳng hư vọng, do niềm tin đã xác lập, cho nên trở thành dễ dàng.

Phần thứ nhất “lập thí dụ” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ với pháp (chỉ ra ý nghĩa biểu thị pháp)

3.3.1.2.2.1.2.1. Đối ứng Tổng Thí với pháp

3.3.1.2.2.1.2.1.1. Đối ứng ba thí dụ như “trưởng giả” với pháp

Tuy chẳng theo đúng thứ tự với thí dụ đã lập trên đây, nhưng ý nghĩa chẳng thiếu sót.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai diệc phục như thị, tắc vi nhất thiết thể gian chi phụ. Ư chư bố úy, suy não, ưu hoạn, vô minh ám tế, vĩnh tận vô dư, nhi tất thành tựu vô lượng tri kiến, lực, vô sở úy, hữu đại thần lực, cập trí huệ lực, cụ túc phương tiện trí huệ Ba La Mật, đại từ, đại bi, thường vô giải quyến, hằng cầu thiện sự, lợi ích nhất thiết, nhi sanh tam giới hủ cố hỏa trạch.

(經)舍利弗！如來亦復如是，則為一切世間之父。於諸怖畏，衰惱，憂患，無明闇蔽，永盡無餘，而悉成就無量知見，力，無所畏，有大神力，及智慧力，具足方便智慧波羅蜜，大慈，大悲，常無懈倦，恆求善事，利益一切，而生三界朽故火宅。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai cũng giống như thế, là cha của hết thảy thế gian. Trong các sợ hãi, suy não, lo buồn, vô minh, tối tăm,

che lấp, vĩnh viễn hết sạch chẳng sót, mà trọn thành tựu vô lượng tri kiến, lực, vô sở úy, có đại thần lực, và sức trí huệ, trọn đủ phương tiện trí huệ Ba La Mật, đại từ, đại bi, thường chẳng lười mỏi, luôn cầu thiện sự, lợi ích hết thấy, cho nên sanh trong nhà lửa tam giới cũ nát).

Như Lai tương ứng với thí dụ về trưởng giả. “*Lợi ích nhất thiết*” (Lợi ích hết thấy): “*Hết thấy*” tương ứng với thí dụ về năm trăm người. “*Nhi sanh tam giới hủ cố hóa trạch*” (Mà sanh trong nhà lửa tam giới cũ nát) kết hợp với thí dụ về nhà cửa. “*Tắc vi nhất thiết thế gian chi phụ*” (Là cha của hết thấy thế gian): Chỉ chung ba cõi Đồng Cư, Phương Tiện và Thật Báo, tương ứng với thí dụ về quốc, ấp, tụ lạc. “*Ư chư bố úy... Vĩnh tận vô dư*” (Trong các sợ hãi... Vĩnh viễn hết chẳng còn sót): Hiện thị Đoạn Đức của Phật. “*Nhi tất thành tựu vô lượng tri kiến*” (Đều thành tựu vô lượng tri kiến): Hiện thị Trí Đức của Phật, tương ứng với thí dụ nội đức “*kỳ niên suy mại*” (tuổi cao, già suy) trong phần trên. “*Lực, vô sở úy*” tương ứng với ngoại đức “của cải vô lượng” trong phần trước. “*Hữu đại thần lực*” (Có đại thần lực): Do tu Thiên Định sâu xa mà đạt được, tương ứng với “nhiều ruộng” trong phần trên. “*Cập trí huệ lực*” (Và sức trí huệ): Trí ắt chiếu cảnh, như chỗ để gởi thân, tương ứng với “nhiều nhà cửa” trong phần trên. “*Cụ túc phương tiện*” (Trọn đủ phương tiện) tương ứng với “*đa chư bộc tòng*” (có nhiều tôi tớ) trong phần trên. Đại từ, đại bi v.v... tương ứng với “*đa chư nhân chúng*” (có nhiều người) trong phần trên, cho đến năm trăm người, vì lòng từ bi nên độ nhiều. “*Tam giới*” chính là “*nhà ấy rộng lớn*”.

3.3.1.2.2.1.2.1.2. Đối ứng ý nghĩa biểu pháp của ba thí dụ như ba mươi đứa con v.v...

(Kinh) *Vị độ chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, ngu si ám tế, tam độc chi hỏa, giáo hóa linh đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.*

(經)為度眾生，生，老，病，死，憂悲，苦惱，愚癡闇蔽，三毒之火，教化令得阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: *Vì độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não, ngu si, tối tăm che lấp, tam độc, giáo hóa khiến cho họ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

“Vị độ chúng sanh” (Vị độ chúng sanh) là nói tới kẻ hữu duyên, tương ứng với thí dụ về ba mươi đứa con. “Sanh, lão, bệnh, tử” cho đến “tam độc chi hỏa” tương ứng với thí dụ “lửa bốc cháy”. Giáo hóa khiến cho họ đắc Bồ Đề, tương ứng với thí dụ “chỉ có một cửa”.

Phần thứ nhất, “đối ứng ý nghĩa biểu pháp với phần Tổng Thí” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2. Đối ứng pháp với phần Biệt Thí

3.3.1.2.2.1.2.2.1. Đối ứng pháp với thí dụ “thấy lửa”

(Kinh) Kiến chư chúng sanh, vị sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não chi sở thiêu cử, diệt dĩ ngũ dục, tài lợi cố, thọ chủng chủng khổ. Hựu dĩ tham trước truy cầu cố, hiện thọ chúng khổ, hậu thọ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ chi khổ. Nhược sanh thiên thượng, cập tại nhân gian, bần cùng, khốn khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ. Như thị đẳng chủng chủng chư khổ, chúng sanh một tại kỳ trung, hoan hỷ du hý, bất giác, bất tri, bất kinh, bất bố, diệt bất sanh yếm, bất cầu giải thoát. Ư thử tam giới hỏa trạch, Đông Tây trì tảo, tuy tạo đại khổ, bất dĩ vi hoạn. Xá Lợi Phất! Phật kiến thử dĩ, tiện tác thị niệm: “Ngã vi chúng sanh chi phụ, ưng bạt kỳ khổ nạn, dữ vô lượng vô biên Phật trí huệ lạc, linh kỳ du hý”.

(經)見諸眾生，為生，老，病，死，憂悲，苦惱之所燒煮，亦以五欲，財利故，受種種苦。又以貪著追求故，現受眾苦，後受地獄，畜生，餓鬼之苦。若生天上，及在人間，貧窮，困苦，愛別離苦，冤憎會苦。如是等種種諸苦，眾生沒在其中，歡喜遊戲，不覺，不知，不驚，不怖，亦不生厭，不求解脫。於此三界火宅，東西馳走，雖遭大苦，不以為患。舍利弗！佛見此已，便作是念：「我為眾生之父，應拔其苦難，與無量無邊佛智慧樂，令其遊戲」。

(Kinh: Thấy các chúng sanh bị đốt nấu bởi sanh, lão, bệnh, tử, lo buồn, khổ não, cũng vì ngũ dục, tài lợi mà chịu các thứ khổ. Lại do tham đắm truy cầu mà nay đang hứng chịu các nỗi khổ, về sau chịu khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu sanh trên trời và nhân gian thì bận rộn, khổ nhọc, khổ vì yêu thương mà phải chia lìa, khổ vì oán ghét mà phải gặp gỡ, đủ mọi nỗi khổ như thế đó. Chúng sanh chìm đắm trong ấy, hoan hỷ vui chơi, chẳng hay, chẳng biết, chẳng hãi, chẳng sợ, cũng chẳng sanh chán ngán, chẳng cầu giải thoát. Ở trong nhà lửa ấy, rảo chạy Đông Tây, tuy gặp khổ to lớn, chẳng coi đó là điều đáng lo. Nay Xá Lợi Phất! Phật thấy điều đó rồi, liền nghĩ như thế này: “Ta là cha của chúng sanh, hãy nên dẹp nỗi khổ nạn cho họ, ban cho niềm vui trí huệ của vô lượng vô biên chư Phật, khiến cho họ được vui chơi”).

Chữ Kiến trong đoạn này tương ứng với cái thấy của ông trưởng giả trong phần trên. Từ “các chúng sanh” cho đến “các thứ khổ”, tương ứng với lửa lớn từ bốn bề bốc lên, tức là lửa tám khổ từ tứ đảo (bốn kiến chấp điên đảo) dấy lên. “Chúng sanh chìm đắm trong đó”, cho đến “chẳng coi đó là chuyện đáng lo”, tương ứng với ý nghĩa “các con chẳng có ý cầu thoát ra” trong phần trên. Chẳng quán Khổ Tập, cho nên chẳng sanh nhàm chán. Chẳng quán Đạo Diệt, cho nên chẳng cầu giải thoát. “Xá Lợi Phất! Phật kiến thử dĩ” (Nay Xá Lợi Phất! Phật đã thấy điều ấy rồi), tương ứng với “sự kinh hãi lớn lao” trong phần trên. “Dẹp trừ khổ nạn” là đại bi, “ban cho niềm vui của Phật” là đại từ.

3.3.1.2.2.1.2.2.2. Đối ứng pháp với thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1. Đối ứng thí dụ “bỏ ghế” với pháp

Chỉ đối ứng với Khuyến môn, chẳng đối ứng với Giới môn. Trong phần Pháp Thuyết trước đó, cũng chỉ khuyến thiện, chẳng nói kiêng ác. Hãy nên biết: Khuyến tu là chánh, răn ác là phụ. Lại nữa, khuyến thiện chính là răn ác, răn ác là khuyến thiện. Nay ứng hợp với khuyến thiện, phải biết cũng là tương ứng với răn ác. Kinh văn lại chia làm hai phần:

- Một là tương ứng thí dụ “bỏ ghế” với pháp.
- Hai là xét theo từng chi tiết trong thí dụ để nêu ra ý nghĩa biểu pháp tương ứng.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.1. Đối ứng thí dụ “bỏ ghế” với ý nghĩa biểu thị pháp

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như Lai phục tác thị niệm: - Nhược ngã dẫn dĩ thần lực, cập trí huệ lực, xả u phương tiện, vị chư chúng sanh tán Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy giả, chúng sanh bất năng dĩ thị đắc độ. Sở dĩ giả hà? Thị chư chúng sanh vị miễn sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, nhi vị tam giới hỏa trạch sở thiêu, hà do năng giải Phật chi trí huệ!

(經)舍利弗！如來復作是念：「若我但以神力，及智慧力，捨於方便，為諸眾生讚如來知見，力，無所畏者，眾生不能以是得度。所以者何？是諸眾生未免生，老，病，死，憂，悲，苦惱，而為三界火宅所燒，何由能解佛之智慧！」

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như Lai lại nghĩ như thế này: - Nếu ta chỉ dùng thần lực và trí huệ lực, bỏ các phương tiện, vì các chúng sanh khen ngợi tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai thì chúng sanh sẽ chẳng thể do đó mà đắc độ. Vì có sao vậy? Các chúng sanh ấy chưa tránh khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não, bị nhà lửa tam giới thiêu đốt, sẽ chẳng thể do đâu mà hiểu trí huệ của Phật được!)

Các câu “*nhược ngã dẫn dĩ*” (nếu ta chỉ dùng) v.v... tương ứng với chuyện suy tính dùng pháp nào để độ trong phần trên. Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, tương ứng với “chẳng dùng pháp nào để độ được” trong phần trước. “*Thần lực*” tương ứng với “sức nơi thân”, “*trí huệ lực*” tương ứng với “sức nơi tay”. “*Như Lai tri kiến*” tương ứng với y kích (lăng hoa), “*lực*” tương ứng với bàn, “*vô sở úy*” tương ứng với ghế. “*Vị miễn sanh, lão, bệnh, tử*” (Chưa tránh khỏi sanh, già, bệnh, chết) tương ứng với các con thơ đại trong phần trước. “*Hà do năng giải Phật chi trí huệ*” (Do đâu mà có hiểu trí huệ của Phật) tương ứng với “chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ” trong phần trước.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.1.2. Xét theo từng chi tiết trong thí dụ để nêu ra ý nghĩa biểu pháp tương ứng

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bĩ trưởng giả, tuy phục thân thủ hữu lực, nhi bất dụng chi, dẫn dĩ ân cần phương tiện, miễn tế chư tử hỏa

trạch chi nạn, nhiên hậu các dữ thân bảo đại xa. Như Lai diệt phục như thị, tuy hữu lực, vô sở úy, nhi bất dụng chi.

(經)舍利弗！如彼長者，雖復身手有力，而不用之，但以殷勤方便，勉濟諸子火宅之難，然後各與珍寶大車。如來亦復如是，雖有力，無所畏，而不用之。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả đó tuy thân và tay có sức, nhưng chẳng dùng, chỉ dùng phương tiện ân cần, cứu giúp các con thoát nạn nhà lửa, sau đấy đều cho mỗi đứa con xe lớn quý báu. Như Lai cũng giống như thế, tuy có lực, vô sở úy, nhưng chẳng dùng).

Nêu ra thí dụ nhằm nói rõ “*ẩn Đại để thực hiện Quyền*”, sau đó mới hiển Thật. Đối ứng khít khao nhằm nêu rõ hai ý: Do chẳng có căn cơ, cho nên ẩn Đại, thì Quyền hiển Thật như sẽ được nói trong phần kinh văn kế tiếp.

Phần đầu, kết hợp thí dụ “bỏ ghê [dùng xe]” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2. Đối ứng thí dụ “dùng xe” với ý nghĩa biểu thị pháp

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.1. Dùng ba loại xe và sẵn biết tâm của các con

(Kinh) Dẫn dĩ trí huệ phương tiện, u tam giới hỏa trạch, bạt tế chúng sanh, vị thuyết tam thừa, Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa.

(經)但以智慧方便，於三界火宅，拔濟眾生，為說三乘，聲聞、辟支佛、佛乘。

(Kinh: Chỉ dùng phương tiện trí huệ, ở trong nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì họ nói ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, và Phật Thừa).

“*Trí huệ phương tiện*” tương ứng với chuyện suy nghĩ dùng cách nào thích hợp [để hóa độ]. “*Vị thuyết tam thừa*” (Vì họ nói ba thừa) tương ứng với chuyện sẵn biết tâm ưa thích của các con.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2. Đối ứng với pháp chuyện khen ngợi ba loại xe hy hữu

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.1. Tương ứng với Thị Chuyển

(Kinh) *Nhi tác thị ngôn: “Nhữ đẳng mặc đắc nhạo trụ tam giới hỏa trạch (Khổ Đế), vật tham thô tẻ sắc, thanh, hương, vị, xúc dã. Nhược tham trước sanh ái, tắc vì sở thiêu (Tập Đế). Nhữ tức xuất tam giới, đương đắc tam thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa (Đạo Diệt nhị Đế).*

(經)而作是言：「汝等莫得樂住三界火宅（苦諦），勿貪麤弊色，聲，香，味，觸也。若貪著生愛，則為所燒（集諦）。汝速出三界，當得三乘聲聞、辟支佛、佛乘（道滅二諦）。

(Kinh: *Bèn nói như thế này: “Các người đừng ham ở trong nhà lửa tam giới (Khổ Đế), đừng tham sắc, thanh, hương, vị, xúc thô tẻ. Nếu tham đắm, sẽ sanh ái, sẽ bị đốt cháy (Tập Đế). Các người hãy mau ra khỏi tam giới, sẽ đạt được ba thừa Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật Thừa” (Đạo Đế và Diệt Đế)).*

Tương ứng với ba loại xe nay đang ở ngoài cửa. Các người hãy nên mau chóng ra khỏi căn nhà lửa ấy.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.2.2. Tương ứng với Chứng Chuyển

(Kinh) *Ngã kim vị nhữ bảo nhậm thử sự, chung bất hư dã. Nhữ đẳng dẫn đương cần tu tinh tấn. Như Lai dĩ thị phương tiện dụ tấn chúng sanh.*

(經)我今為汝保任此事，終不虛也。汝等但當勤修精進」。如來以是方便誘進眾生。

(Kinh: *“Ta nay vì các người bảo đảm chuyện này, trọn chẳng hư dối. Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn”. Như Lai dùng phương tiện ấy để khuyên dụ chúng sanh).*

Tương ứng với “tùy lòng các con muốn, sẽ đều ban cho”.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.2.2.3. Tương ứng với Khuyến Chuyển

(Kinh) Phục tác thị ngôn: “Nhữ đẳng đương tri thử tam thừa pháp, giai thị thánh sở xưng tán, tự tại vô hệ, vô sở y cầu, thừa thị tam thừa, dĩ vô lậu căn, lực, giác, đạo, Thiền Định, giải thoát, tam-muội đẳng, nhi tự ngu lạc, tiện đắc vô lượng an ổn khoái lạc”.

(經)復作是言：「汝等當知此三乘法，皆是聖所稱歎，自在無繫，無所依求，乘是三乘，以無漏根，力，覺，道，禪定，解脫，三昧等，而自娛樂，便得無量安隱快樂」

•

(Kinh: Lại nói như thế này: “Các người hãy nên biết pháp tam thừa này, đều được bậc thánh khen ngợi, tự tại chẳng trói buộc, chẳng có gì nương tựa, mong cầu, nương vào ba thừa ấy, dùng vô lậu ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát thánh đạo, Thiền Định, giải thoát, tam-muội v.v... để tự vui sướng, liền đạt được vô lượng vui sướng an ổn”).

Tương ứng với “nhữ đẳng sở khả ngoạn hảo” (món đồ chơi các con ưa thích) trong phần trên, hy hữu, khó có. Tam thừa đều là phương tiện của chư Phật dùng làm phương cách tiếp dẫn chúng sanh. Vì thế, được bậc thánh khen ngợi. Đạt được trí vô sanh là “tự tại”. Đạt được tận trí là “vô hệ” (không trói buộc). “Sự sanh của ta đã hết, chẳng thể có hậu hữu” thì gọi là “vô sở y”. Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, gọi là “vô sở cầu”.

“Căn, lực, giác, đạo...” gồm chung hữu lậu và vô lậu. Ba mươi bảy phẩm của địa vị Tam Hiền thuộc hữu lậu. Ba mươi bảy phẩm trong địa vị Hữu Học và Vô Học thuộc về vô lậu. Thiền tức Tứ Thiền, Định tức Vô Sắc Tứ Định, cũng bao gồm hữu lậu và vô lậu. Ở đây nói về vô lậu. “Giải thoát” tức bát giải thoát. “Tam-muội” tức ba môn tam-muội. Đây là vô lậu. “Đẳng” tức là bình đẳng giữ lấy để rèn luyện huân tu các môn Thiền. “Vô lượng an ổn khoái lạc” chính là Chân Không Niết Bàn, vĩnh viễn là tai hoạn.

Phần thứ hai, “cùng kết hợp với pháp để tán tán ba loại xe hiếm có” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.2.3. Phù hợp với ước nguyện của các con

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu chúng sanh, nội hữu trí tánh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, ân cần tinh tấn, dục tốc xuất tam giới, tự cầu Niết Bàn. Thị danh Thanh Văn Thừa. Như bĩ chư tử, vị cầu dương xa, xuất ư hỏa trạch. Nhược hữu chúng sanh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, nhạo độc thiện tịch, thâm tri chư pháp nhân duyên. Thị danh Bích Chi Phật Thừa. Như bĩ chư tử, vị cầu lộc xa, xuất ư hỏa trạch. Nhược hữu chúng sanh, tùng Phật Thế Tôn, văn pháp tín thọ, cần tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, Như Lai tri kiến, lực, vô sở úy, mãn niệm an lạc vô lượng chúng sanh, lợi ích thiên nhân, độ thoát nhất thiết. Thị danh Đại Thừa. Bồ Tát cầu thử thừa cố, danh vi Ma Ha Tát. Như bĩ chư tử, vị cầu ngư xa, xuất ư hỏa trạch.

(經)舍利弗！若有眾生，內有智性，從佛世尊，聞法信受，殷勤精進，欲速出三界，自求涅槃。是名聲聞乘。如彼諸子，為求羊車，出於火宅。若有眾生，從佛世尊，聞法信受，殷勤精進，求自然慧，樂獨善寂，深知諸法因緣。是名辟支佛乘。如彼諸子，為求鹿車，出於火宅。若有眾生，從佛世尊，聞法信受，勤修精進，求一切智，佛智，自然智，無師智，如來知見，力，無所畏，愍念安樂無量眾生，利益天人，度脫一切。是名大乘。菩薩求此乘故，名為摩訶薩。如彼諸子，為求牛車，出於火宅。

(Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh trong tâm có trí tánh, từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, ân cần tinh tấn, muốn mau thoát khỏi tam giới, tự cầu Niết Bàn. Đó gọi là Thanh Văn Thừa. Như các đứa con vì cầu xe dê, ra khỏi nhà lửa. Nếu có chúng sanh từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, ân cần tinh tấn, cầu tự nhiên huệ, ưa thích ở riêng một mình nơi tốt lành, thanh vắng, biết sâu xa nhân duyên của các pháp. Đó gọi là Bích Chi Phật Thừa. Như các con vì cầu xe nai, ra

khỏi nhà lửa. Nếu có chúng sanh từ Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Nhất Thiết Trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, sức tri kiến, lực, vô sở úy của Như Lai, nghĩ thương xót, an lạc vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát hết thảy. Đó gọi là Đại Thừa. Bồ Tát do cầu thừa ấy, gọi là Ma Ha Tát. Như các con vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa).

“*Nội hữu trí tánh*” (Trong tâm có trí tánh): Xưa kia đã ưa thích, mong muốn tu tập tam thừa, trở thành trí tánh tam thừa. Vì thế, đức Phật ban cấp giáo pháp tam thừa. “*Văn pháp tín thọ*” (Nghe pháp tin nhận) tức Văn Huệ, tương ứng “phù hợp ý nguyện” trong phần trước. “*Ân cần*” tức Tư Huệ, tương ứng với “tâm ai nấy đều mạnh mẽ, hăng hái” trong phần trên. “*Tinh tấn*” tức Tu Huệ, tương ứng với “*thôi bài*” (xô đẩy) trong phần trên. Do trừ khử ác, cho nên là Tinh, suy lý hiểu rõ là Tấn. “*Dục tốc xuất tam giới*” (Muốn mau ra khỏi tam giới) tương ứng với “đua nhau rảo chạy, tranh nhau thoát ra” trong phần trên, như dê [cứ cắm đầu chạy] chẳng nhìn lại bầy đàn ở đằng sau. Đó gọi là Thanh Văn Thừa.

“*Cầu tự nhiên huệ*”: Mười hai nhân duyên vốn tự sẵn có, chẳng phải do Phật, trời, người v.v... tạo tác! Hơn nữa, Bích Chi Phật phần nhiều là người hành pháp. Từ người khác nghe đôi chút, sẽ tự suy ra nhiều nghĩa lý. Vì thế, sánh ví với nai. Nai chẳng nương theo người. “*Cầu Nhất Thiết Trí*” tức là muốn biết trọn khắp hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng giống như Nhị Thừa chỉ cầu xuất thế. Trí ấy còn gọi là “*Phật trí*”, do Nhị Thừa sẽ chẳng thể đạt được! Lại còn gọi là Tự Nhiên Trí, vì vượt thoát sự giác ngộ của chính mình. Lại còn gọi là Vô Sư Trí, Phật là bậc đại sư của trời, người, chẳng có ai là thầy của Phật. Hơn nữa, xét theo Phật quả trong Tam Tạng để giải thích tứ trí. Hãy nên biết trong tứ giáo, bốn trí có tên gọi giống nhau, nhưng nghĩa thật sự khác biệt vời vợi, chẳng nói rườm rà về chuyện này! Bồ Tát ứng với các điều ấy mà tu nhân, an nhẫn chuyên chờ [chúng sanh thoát khỏi tam giới]. Vì thế, sánh ví với trâu.

Phần thứ hai, “kết hợp thí dụ bỏ ghế, dùng xe với pháp” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.1.3. Đối ứng thí dụ “bình đẳng thí xe lớn” với pháp

Phần kinh văn nói về thí dụ có bốn phần: Một là thoát nạn, hai là [các con] đòi xe, ba là bình đẳng ban cho, bốn là hoan hỷ. Nay chỉ đối

ứng với pháp phần thoát nạn, đã kiêm ý nghĩa “đòi xe”. Chỉ đối ứng với pháp thí dụ “bình đẳng ban cho” thì đã kiêm ý nghĩa “hoan hỷ”. Kinh văn chia làm hai phần:

- Một là cùng nêu chung hai thí dụ “thoát nạn” và “bình đẳng ban cho”.

- Hai là gộp chung cả hai thí dụ [để nêu ý nghĩa biểu thị pháp].

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.3.1. Cùng nêu ra hai thí dụ “thoát nạn” và “bình đẳng ban cho”

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bề trưởng giả kiến chư tử đẳng an ổn, đắc xuất hỏa trạch, đáo vô úy xứ, tự duy tài phú vô lượng, đẳng dĩ đại xa nhi tứ chư tử.

(經)舍利弗！如彼長者見諸子等安隱，得出火宅，到無畏處，自惟財富無量，等以大車而賜諸子。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả kia thấy các con an ổn, ra khỏi nhà lửa, đến chỗ không sợ hãi, tự nghĩ của cải vô lượng, bình đẳng dùng xe lớn cho các con).

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.3.2. Nêu ý nghĩa biểu thị pháp của hai thí dụ ấy

(Kinh) Như Lai diệc phục như thị, vi nhất thiết chúng sanh chi phụ. Nhược kiến vô lượng ức thiên chúng sanh, dĩ Phật giáo môn, xuất tam giới khổ, bố úy hiểm đạo, đắc Niết Bàn lạc.

(經)如來亦復如是，為一切眾生之父。若見無量億千眾生，以佛教門，出三界苦，怖畏險道，得涅槃樂」。

(Kinh: Như Lai cũng lại như thế, là cha của hết thảy chúng sanh. Nếu thấy vô lượng ức ngàn chúng sanh dùng cửa Phật giáo để thoát khỏi nỗi khổ tam giới, và con đường nguy hiểm đáng kinh sợ, đạt được niềm vui Niết Bàn).

Trước hết, kết hợp với pháp chuyện “thoát nạn” trong thí dụ. “Dĩ Phật giáo môn” (Dùng cửa Phật giáo): Nương theo chân lý được nói trong giáo để đẩy lên thánh hạnh tam thừa. Vì thế được thoát khổ.

(Kinh) Như Lai nhĩ thời, tiện tác thị niệm: “Ngã hữu vô lượng vô biên trí huệ, lực, vô úy đẳng chư Phật pháp tạng. Thị chư chúng sanh giai thị ngã tử, đẳng dĩ Đại Thừa, bất linh hữu nhân độc đắc diệt độ, giai dĩ Như Lai diệt độ nhi diệt độ chi. Thị chư chúng sanh thoát tam giới giả, tất dĩ chư Phật Thiên Định, giải thoát đẳng ngu lạc chi cụ, giai thị nhất tướng, nhất chủng, thánh sở xưng tán, năng sanh tịnh diệu đệ nhất chi lạc.

(經)如來爾時，便作是念：「我有無量無邊智慧，力，無畏等諸佛法藏。是諸眾生皆是我子，等與大乘，不令人獨得滅度，皆以如來滅度而滅度之。是諸眾生脫三界者，悉與諸佛禪定，解脫等娛樂之具，皆是一相，一種，聖所稱歎，能生淨妙第一之樂」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Như Lai liền nghĩ như thế này: - Ta có vô lượng vô biên pháp tạng của chư Phật như trí huệ, lực, vô úy v.v... Các chúng sanh này đều là con của ta, [ta hãy nên] bình đẳng ban cho Đại Thừa, chẳng để riêng một ai được diệt độ, mà đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ họ. Các chúng sanh ấy thoát khỏi tam giới, đều được ban cho các vật dụng tạo niềm vui sướng như Thiên Định, giải thoát v.v... của chư Phật, [các món vật ấy] đều là một tướng, một loại, được bậc thánh khen ngợi, có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất).

Kế đó, đối ứng các thí dụ như “bình đẳng ban cho” v.v... với pháp. “Ngã hữu vô lượng... chư Phật pháp tạng” (Ta có vô lượng pháp tạng của chư Phật): Đối ứng với “của cải vô lượng, các kho tàng đầy ắp” trong phần trên, đó là nguyên do có xe. “Thị chư chúng sanh giai thị ngã tử... ngu lạc chi cụ” (Các chúng sanh này đều là con của ta... các vật dụng tạo niềm vui sướng), đối ứng với các tâm trong phần trước. Thiên Định, giải thoát của chư Phật đều nương vào Trung Đạo Thật Tướng. Vì thế khác với Thiên Định, giải thoát của Nhị Thừa, đều là nhất tướng cho đến đệ nhất lạc, tương ứng với phần nói về thể chất của xe trong phần trên. Phần thí dụ nói chi tiết, phần này nói đại lược, chỉ dùng Tam Đức để gồm thâu các nghĩa:

- “*Nhất tướng*” là Thật Tướng, tức Pháp Thân đức.
- “*Nhất chủng*” tức là Chung Trí, tức Bát Nhã đức.

- “Có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất”, “vui” tức là chẳng khổ, tức là Giải Thoát đức.

Ba đức chẳng thể nghĩ bàn thì gọi là “cao quảng đại xa” (xe to cao rộng).

Phần thứ ba, “đối ứng với pháp bốn thí dụ về xe” đã xong.

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4. Đối ứng thí dụ “chẳng hư vọng” với pháp

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4.1. Nhắc lại thí dụ

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như bề trưởng giả sơ dĩ tam xa dụ dẫn chư tử, nhiên hậu dẫn dữ đại xa, bảo vật trang nghiêm, an ổn đệ nhất, nhiên bề trưởng giả vô hư vọng chi cữu.

(經)舍利弗！如彼長者初以三車誘引諸子，然後但與大車，寶物莊嚴，安隱第一，然彼長者無虛妄之咎。

(Kinh: Đây Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả thoát đầu dùng ba loại xe để khuyên dụ các con, sau đấy, chỉ cho xe lớn, trang nghiêm bằng bảo vật, an ổn bậc nhất, nhưng ông trưởng giả chẳng phạm lỗi hư vọng).

3.3.1.2.2.1.2.2.2.1.4.2. Đối ứng với pháp

(Kinh) Như Lai diệt phục như thị, vô hữu hư vọng. Sơ thuyết tam thừa, dẫn đạo chúng sanh. Nhiên hậu, dẫn dĩ Đại Thừa nhi độ thoát chi. Hà dĩ cố? Như Lai hữu vô lượng trí huệ, lực, vô sở úy chư pháp chi tạng, năng dữ nhất thiết chúng sanh Đại Thừa chi pháp, dẫn bất tận năng thọ. Xá Lợi Phất! Dĩ thị nhân duyên, đương tri chư Phật phương tiện lực cố, ư nhất Phật Thừa, phân biệt thuyết tam.

(經)如來亦復如是，無有虛妄。初說三乘，引導眾生。然後，但以大乘而度脫之。何以故？如來有無量智慧，力，無所畏諸法之藏，能與一切眾生大乘之法，但不盡能受。舍利弗！以是因緣，當知諸佛方便力故，於一佛乘，分別說三」。

(Kinh: Như Lai cũng giống như thế, chẳng có hư vọng. Thoạt đầu nói tam thừa để hướng dẫn chúng sanh. Sau đó, chỉ dùng Đại Thừa để độ thoát. Vì sao vậy? Như Lai có kho tàng gồm vô lượng các pháp trí huệ, lực, vô sở úy, có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa, nhưng họ đều chẳng thể tiếp nhận trọn hết. Nay Xá Lợi Phất! Do nhân duyên ấy, hãy nên biết chư Phật do sức phương tiện mà đối với một Phật Thừa bèn phân biệt nói thành ba).

Có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp Đại Thừa. Do đã nói “dùng tài vật của ta châu cấp cho cả một nước còn chẳng thiếu hụt”, nhưng [chúng sanh] chẳng thể đều tiếp nhận. Vì thế, bắt đắc dĩ vì một mà tách thành ba. Ba thừa là do chúng sanh, chẳng phải là bản ý của Phật. Nay nói Đại Thừa chẳng trái nghịch bản tâm, cho nên chẳng hư dối. Trước đó, ngài Xá Lợi Phất đã hỏi: “*Nguyện vì tứ chúng nói nhân duyên ấy*”. Cho nên nay [đức Phật] đáp lời: “*Do bởi nhân duyên ấy mà phân biệt nói thành ba*”.

Trong phần hai của Thí Thuyết, phần thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

3.3.1.2.2.2. Trùng tụng

3.3.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện lập thí dụ

3.3.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng trường giả

Lược đi không trùng tụng “một cửa” và “ba mươi đứa con”.

**(Kinh) Phật dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: -
Thí như trưởng giả.**

(經)佛欲重宣此義，而說偈言：「譬如長者。

(Kinh: Đức Phật muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ví như có trưởng giả).

Chỉ trùng tụng danh hiệu của địa vị, tức là kiêm danh và hạnh để tán thán đức, giống như nêu lên Phật hiệu liên biết vạn đức.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng nhà cửa

(Kinh) Hữu nhất đại trạch, kỳ trạch cửu cố, nhi phục đồn tệt, đường xá cao nguy, trụ căn tồi hủ, lương đồng khuynh tà, cơ bộ²¹⁸ đòi hủy, tường bích di sách, nề đồ²¹⁹ trĩ lạc. Phú thêm²²⁰ loạn trụ. Chuyên lữ²²¹ sai thoát, châu chương khuất khúc, tạp uế sung biến.

(經)有一大宅，其宅久故，而復頓弊，堂舍高危，柱根摧朽，梁棟傾斜，基陛隤毀，牆壁圯坼，泥塗弛落。覆苫亂墜。椽梠差脫。周障屈曲，雜穢充徧。

(Kinh: Có một căn nhà lớn, nhà ấy đã cũ kỹ, sắp hư nát rất mau, phòng ốc rất nguy hiểm, chân cột đã mục nát, kèo rường đều nghiêng lệch, nền, thêm đều hư nát, tường vách đều rệu rã, đất trát vách rơi rụng. Tranh lợp rơi tán loạn. Kèo, đòn tay trật khớp, quanh co và ngổn ngang, các chất dơ đầy khắp)²²².

Giải thích theo nhân duyên, “hữu nhất đại trạch” (có một căn nhà lớn) là nói đến cõi tam thiên đại thiên thế giới Đồng Cư. Tam giới chẳng có khởi đầu là “cửu” (lâu đời). Chẳng phải nay mới tạo tác. Đó là “cố” (cũ kỹ). Vô thường hèn kém, thô lậu thì là “đồn tệt” (sẽ nhanh chóng bị hư nát). Sắc Giới là “đường” (nhà to), Dục Giới là “xá” (nhà ở). Chẳng tránh khỏi đọa lạc là “cao nguy” (hết sức nguy hiểm). Mạng căn duy trì là Trụ. Bốn tướng đối đãi là “tôi hủ” (hư nát, mục rã). Ý thức ràng buộc là “lương đồng”. Bị các sự khổ làm hư hoại thì gọi là “khuynh tà” (nghiêng ngả, lệch lạc). Hạnh nghiệp trong quá khứ là “cơ bộ” (nền và thêm). Nghiệp vận chuyển dịch, diệt mất là “đòi hủy” (hư nát). Tứ Đại là “tường bích” (tường vách). Tổn hại lẫn nhau là “di sách” (rệu rã). Da dẻ là “nê đồ” (đất trát vách hoặc vôi vữa trát tường). Sắc thân mạnh mẽ tráng kiện chẳng tồn tại mãi, đó là “trĩ lạc” (rơi rụng). Bốn oai nghi chẳng chánh đáng là “phú thêm loạn trụ” (cỏ tranh lợp mái rơi tán loạn). Năm thức chẳng nhạy bén, chẳng làm chủ cảnh, tức là “chuyên lữ

²¹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nền móng nhà là Cơ, các bậc thêm, tam cấp là Bộ”.

²¹⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nê là chất dùng để trát vách, xây vách. Chữ ‘陴’ phải đọc là Trĩ, có nghĩa là rơi rụng, hư nát”.

²²⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phú thêm: Dùng cỏ tranh để bện thành tấm lợp nhà. Các tấm tranh ấy được gọi là Phú Thêm”.

²²¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Các xà ngang có hình góc tròn nối kết với nhau bằng mộng thì gọi là Chuyên Lữ”.

²²² Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của pháp sư Phổ Hành.

sai thoát” (các kèo đòn trật khớp). Ý thức rong ruổi khắp nơi là “*châu chường*” (ngón ngang). Trái khắp sáu căn chấp giữ cảnh là “*khuất khúc*” (quanh co). Đối với trọn khắp sáu trần, dấy lên tham, giận, si, là “*tạp uế sung biến*” (các chất bẩn đầy ắp trọn khắp). Nói chung là dùng sắc và tâm trong tam giới làm Thê của nhà.

Giải thích theo quán tâm, một niệm hiện tiền, Ngũ Âm, thân tâm, tánh ấy vốn tự theo chiều dọc tốt cùng, theo chiều ngang trọn khắp, gọi là “*một ngôi nhà lớn*”. Từ vô thi đến nay, ý thức tầm tối lan truyền, chẳng có tác giả, gọi là “*cửu cố*” (lâu đời cũ kỹ). Niệm nào cũng vô thường, mê tình hèn ác, gọi là “*đốn tệ*” (nhanch chóng hư nát). Bụng là “*đường*”, lưng là “*xá*”. Hai chân là “*trụ căn*”. Xương sống là “*luơng đống*” (rường kèo). Mông và đùi là “*cơ bộ*” (nền và thềm). Da thịt là tường vách. Máu da là đất trát tường, râu tóc là cỏ tranh lợp mái. Hàm răng và khớp xương là “*chuyên lỗ*” (đòn tay). Trọn khắp trong thân là “*châu chường*”. Ruột non, ruột già là “*khuất khúc*” (quanh co). Đại tiểu tiện bất tịnh là “các chất dơ bẩn đầy dẫy”. Một thân như thế, ngoài thân càng không có vật nào khác, được gọi là “*một ngôi nhà lớn*”, chính là sở hữu của Lý Tức Trưởng Giả. Nếu có thể quan sát trong mỗi niệm, biết tất cả tánh khổ thuộc về Ngũ Âm trong thân tâm thì chính là Pháp Thân đức. Tất cả Hoặc nhiễm chính là Bát Nhã đức. Tất cả nghiệp hạnh chính là Giải Thoát đức, tức là chuyển thành Danh Tự Trưởng Giả. Cho đến chuyển thành Cứu Cánh Trưởng Giả. Tự giác, giác tha lợi ích vô tận. Nếu chẳng quan sát cho đến tốt cùng đời vị lai, luôn ở trong nhà lửa, đốt rồi lại đốt, trọn chẳng biết cái Thê của tòa nhà lớn ấy chính là cỗ xe trâu trắng lớn. Buồn thay, rầu thay!

3.3.1.2.2.1.3. Trùng tụng “năm trăm người”

(Kinh) Hữu ngũ bách nhân, chỉ trụ kỳ trung.

(經)有五百人，止住其中。

(Kinh: Có năm trăm người, lưu trụ trong ấy).

Sánh ví [chúng sanh trong] năm đường. Đã có năm đường, sẽ có căn tánh tam thừa, kèm thêm ba mươi đứa con.

3.3.1.2.2.1.4. Trùng tụng chuyện lửa bốc cháy

Một là trùng tụng chuyện trên mặt đất, sánh ví Dục Giới. Hai là trùng tụng chuyện trong hang hốc, sánh ví Sắc Giới. Ba là trùng tụng chuyện ở ngoài hang hốc, sánh ví Vô Sắc Giới. Bốn là tổng kết các nạn chẳng phải là một thứ.

Hỏi: - Kinh văn [thuộc phần Trường Hàng] đã có thí dụ và phần kết hợp đối ứng [thí dụ] với pháp, vì sao lại xét theo từng thí dụ để giải thích [ý nghĩa biểu thị pháp của chúng]?

Đáp: - Thí dụ nói chi tiết, mà phần giải thích ý nghĩa biểu thị pháp thì đại lược, theo đúng lẽ phải nên giải thích thí dụ, hướng hồ “*si, kiêu, điêu, thừu*” cho đến Dạ Xoa, ngạ quỷ v.v... nếu chẳng nhằm sánh ví các lợi sử và độn sử, có gì phải liệt kê rườm rà các sự vật và danh tướng ấy? Há Phật thốt lời vô nghĩa ư?

3.3.1.2.2.1.4.1. Trùng tụng chuyện trên mặt đất

3.3.1.2.2.1.4.1.1. Nói rõ các loại bị thiêu đốt

Sánh ví chúng sanh có Thập Sử.

(Kinh) Si, kiêu, điêu, thừu, ô, thước, cừu, cấp, ngoan xà, phúc yết, ngô công, du diên, thủ cung, bách túc, dửu ly, hê thử, chư ác trùng bôi, giao hoành trì tẩu, thử niệu xú xú, bất tịnh lưu dật. Khương lang chư trùng, nhi tập kỳ thượng. Hồ, lang, dã can, thư tước, tiền đạp, tế niết tử thi. Cốt nhục lang tịch. Do thị quần cầu, cạnh lai bác toát, cơ luy chương hoàng, xú xú cầu thực, đấu tránh tra xế, nhai sài hào phệ. Kỳ xá khủng bố, biến trạng như thị.

(經) 鴟梟鵂鶩，烏鵲鳩鵲，蜣蛇蝮蠍，蜈蚣蚰蜒，守宮百足，鼯狸鼯鼠，諸惡蟲輩，交橫馳走，屎尿臭處，不淨流溢。蜚蝗諸蟲，而集其上。狐狼野干，咀嚼踐踏，齧齧死屍。骨肉狼藉。由是群狗，競來搏撮，饑羸惴惶，處處求食，鬥爭撻掣，哇喋嗥吠。其舍恐怖，變狀如是。

(Kinh: Diều, cú, ưng, kên kên, quạ, khách, bồ câu, ngói, rắn độc và bò cạp, rết cùng với cuốn chiếu, tắc kè, loài trăm chân, chồn, cầy, cùng chuột cống, các loài trùng ác thây, cùng rắn chạy ngang dọc, chỗ phân tiểu hôi thối, thứ bất tịnh chảy tràn. Các trùng như bọ hung, bọ

xúm xít trên đó. Cáo, sói, và chó rừng, cắn xé và giày xéo, ngoạm gặm các xác chết. Xương thịt rơi vương vãi. Vì thế, các bầy chó, tranh nhau giành ngoạm lấy, đôi gầy và hoảng loạn, tìm cái ăn khắp nơi, giành giật, cắn xé nhau, gặm gù, sửa inh ỏi. Nhà ấy đáng kinh sợ, khắp nơi đều như vậy).

Ở đây, trước hết sánh ví Ngũ Độn Sử. Tám loại chim như điều hâu, cú v.v... sánh ví Mạn Sử của chúng sanh, tự nâng cao chính mình, khinh thường người khác. Như chim bay vọt lên cao, nhìn xuống. Lấn lướt người khác là Mạn. Tự cậy mình là Kiêu. Vì thế dùng Kiêu để giải thích Mạn. Kinh Văn Thù Vần nói tám loại kiêu, nay dùng [tám loại kiêu ấy] để phối ứng với tám loại chim: Kiêu căng vì thể lực tốt, dồi dào ví như điều hâu. Kiêu căng vì dòng họ ví như chim cú. Kiêu căng vì giàu có giống như chim ưng. Kiêu căng vì tự tại ví như kên kên. Kiêu căng vì thọ mạng ví như chim quạ. Kiêu căng vì thông minh giống như chim khách (chim thước). Kiêu căng vì là việc thiện giống như bồ câu. Kiêu căng vì sắc đẹp giống như chim ngói.

Kế đó, hai câu từ “ngoan xà...” [trở đi] nhằm sánh ví Sân Sử. “Ngoan” (蜎) là rắn đen. Ngoan xà không đụng đến vắn cắn, ví như nổi giận phi lý. “Phúc” (虺) là hủ (虺, rắn lục, viper), dài ba tấc, to như ngón tay, trên mũi có gai. Rắn lục và bò cạp hể động đến bèn chích, ví như do chấp Lý mà nổi sân. Loại trùng đầu đỏ gọi là “ngô công” (rết), đầu chẳng đỏ thì gọi là “du diên” (cuốn chiếu) ví như sân vì hý luận. Kế đó, tám câu nói về “thủ cung” là thí dụ chung về Si Sử. “Thủ cung” (守宮) chính là “yến đình” (蜃蛭, các kè). Thủ cung, bách túc²²³, ngậy ngốc, vô tri, ví như độc đầu vô minh²²⁴. “Dứu” (鼯, chồn) giống như chuột mà

²²³ Bách túc (Centipedes) tức là loài trùng thân hình nhỏ dài, có nhiều đốt, mỗi đốt có một cặp chân, ta thường gọi chung là Rết, tuy chúng có nhiều chủng loại khác nhau. Kích cỡ của chúng dao động từ vài millimeter đến cả 30 cm. Loài bách túc thường có nọc độc. Cũng giống như Bách Túc, còn có một số loài trùng thường gọi là Thiên Túc (Millipedes) mà chủng loại đặc trưng là cuốn chiếu. Thiên Túc khác với Bách Túc ở chỗ các cặp chân ở phía dưới, trong khi Bách Túc chân ở hai bên mình. Bách Túc di chuyển nhanh, ăn thịt các côn trùng khác, có độc, còn Thiên Túc chậm chạp, ăn vụn chất hữu cơ và lá mục, phần nhiều có thể cuộn tròn lại khi gặp nguy hiểm.

²²⁴ Độc đầu vô minh, còn gọi là Bất Cộng Vô Minh, tức là trong một loại của sáu thứ phiền hoặc lớn (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến), đột ngột dấy lên vô minh, chẳng

cũng ăn chuột. Ly (狸, cầy) thuộc loại mèo. “Hề” (鼯) tức cam khẩu thử²²⁵. Bốn loại này tương ứng với vô minh.

“*Chư ác trùng bối, giao hoành trì tẩu*” (Các loài trùng ác ruồi chạy ngang dọc): Kết lại hai loại vô minh tương ứng với độc đầu. Duyên khắp tam giới nên là “*giao hoành*” (ngang dọc), lằng xằng qua lại nhanh chóng nên là “*trì tẩu*” (rong ruồi) tức là từ Si làm căn bản, đẩy lên đủ loại kết sử. Hai câu “*thĩ niệu*” (phân tiểu) nói về cảnh chấp trước bởi si tâm, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Hai câu “*khương lang*” (bọ hung) nói tới vô minh do mê nơi Sự, do hư vọng so đo “*thường, lạc, ngã, tịnh*” mà sanh đắm nhiễm. Tám câu như “*hồ lang*” (cáo, sói) sánh ví chung Tham Sữ. Cáo và sói ví như lòng tham do có sức, [tức là] dùng oai thế để đoạt lấy. “*Dã can*” (Chó rừng) sánh ví tâm tham mà không có sức, theo người khác xin xỏ. “*Thư tước*” (咀嚼, cắn xé) ví như do hữu dụng bèn chiếm lấy. “*Tiến đạp*” (踐踏, giày xéo) ví như không cần mà vẫn lấy. Lại nữa, ít ỏi thì bèn cắn xé, nhiều thì giày xéo.

“*Tễ niết*” (齧齧, cắn ngoạm): Sánh ví tham lam nuốt lấy không chán. “*Tử thi*” (Xác chết) sánh ví ngũ dục thô tệ. “*Cốt nhục lang tịch*” (Xương thịt vung vãi) ví như tích tụ ngũ trần chẳng biết ngưng đủ. “*Do thị quân cầu cạnh lai bác toát*” (Do vậy, lũ chó tranh nhau ngoạm lấy): Ví như những kẻ có sức mạnh lớn như vua, giặc v.v... [Câu này] chỉ ra: Các vật được tích tụ bởi kẻ hữu lực hay vô lực đều là do cưỡng đoạt. “*Cơ*” (饑, đói): Sánh ví “*thường chẳng biết đủ*”. “*Luy*” (羸, gầy còm) là sánh ví “*cầu mong chẳng được vừa ý*”. “*Chương hoảng*” (惴惶, hoảng loạn) ví như các thứ toan tính, truy cầu, nghĩa là kẻ lắm ham muốn, tuy giàu có mà vẫn [giống như] nghèo túng.

Lại nữa, lòng tham do tâm yêu mến bèn tham “thịt” ngũ trần. Lòng tham do kiến chấp sẽ tham “xương” đạo lý. Do tri kiến mong cầu, tìm tòi, sẽ có nhiều kiến giải, tức là “*có nhiều xương*”. Chó cần xương, sẽ tranh nhau cắn ngoạm. Đối với cái tâm kiến chấp, do chưa đạt được thức ăn chánh pháp, thì gọi là “*đói*”. Chẳng thể chế phục, đoạn trừ Kiến

cùng hiện hành với năm loại kia, nên gọi là Độc Đầu Vô Minh. Hễ có liên quan đến năm loại khác thì gọi là Tương Ứng Vô Minh.

²²⁵ Cam Khẩu Thử (甘口鼠) theo truyền thuyết là một loài chuột rất lớn, có chất độc, có thể ăn cả người và các loài thú to như nai. Ai gặp phải nó, sẽ bị nó phun hơi độc khiến tứ chi bủn rủn, ngứa ngáy. Nhưng hiện thời, Hề Thử chỉ có nghĩa là loài chuột nhà như chuột cống, chuột chù...

Hoặc thì gọi là “gây còm”. Chỗ chôn chỗ giải thì gọi là “*chương hoàng*” (hoảng loạn). Thị phi lẫn nhau, đấu tranh lẫn nhau, ý cho là sai, như hướng về phía trước xâu xé, lại cho là đúng, hướng về sau giành giật. Thốt ra ngôn luận phán quyết lẽ đúng sai, như “*nhai xé hào phệ*” (gặm gù, sửa inh ỏi). Điều này tương ứng với bốn câu “*thị chư quần cầu...*” (lũ chó ấy). Tất cả sáu câu ấy đều nhằm thí dụ Nghi Sư. “*Kỳ xá khủng bố, biến trạng như thị*” (Nhà ấy đáng kinh sợ, khắp nơi đều là tình trạng như thế) tổng kết năm Độn Sư vừa nói trên đây (Kiến thuộc về Lợi Sư, sẽ nói trong phần sau. Nay xét theo lợi trong độn, cho nên đề ra đạo lý hòng khởi nghi. Nhếch môi lộ răng là Nhai Sài (啞唌). Phát ra tiếng gào rống to thì gọi là “*hào phệ*” (嗥吠).

(Kinh) Xứ xứ giai hữu, ly, my, vãng, lượng, Dạ Xoa, ác quỷ, thực đạm nhân nhục. Độc trùng chi thuộc, chư ác cầm thú, phu nữ sản sanh, các tự tàng hộ. Dạ Xoa cạnh lai, tranh thủ thực chi. Thực chi ký bão, ác tâm chuyển xí, đấu tránh chi thanh, thậm khả bố úy. Cưu Bàn Trà quỷ, tôn cứ thổ đoá. Hoặc thời ly địa, nhất xích, nhị xích, vãng phản du hành, túng dật hy hý, tróc cầu lưỡng túc, phác linh thất thanh. Dĩ cước gia cảnh, bố cử tự lạc. Phục hữu chư quỷ, kỳ thân trường đại, lỗa hình hắc sấu, thường trụ kỳ trung, phát đại ác thanh, khiêu hô cầu thực. Phục hữu chư quỷ, kỳ yết như châm. Phục hữu chư quỷ, thủ như ngư đầu. Hoặc thực nhân nhục, hoặc thực đạm cầu. Đầu phát bông loạn, tàn hại hung hiểm, cơ khát sở bức, khiêu hoán trì tẩu.

(經)處處皆有，魑魅魍魎，夜叉惡鬼，食噉人肉。毒蟲之屬，諸惡禽獸，孚乳產生，各自藏護。夜叉競來，爭取食之。食之既飽，惡心轉熾，鬥爭之聲，甚可怖畏。鳩槃荼鬼，蹲踞土埕。或時離地，一尺二尺，往返遊行，縱逸嬉戲，捉狗兩足，撲令失聲。以腳加頸，怖狗自樂。復有諸鬼，其身長大，裸形黑瘦，常住其中，發大惡聲，叫呼求食。復有諸鬼，其咽如鍼。復有諸鬼，首如牛頭。或

食人肉，或復噉狗。頭髮鬢亂，殘害兇險，飢渴所逼，叫喚馳走。

(**Kinh:** *Khắp nơi thấy đều có, loài ly, my, vông, lượng, Dạ Xoa và ác quỷ, ăn nuốt thịt loài người. Các loài trùng độc địa, các chim thú bạo ác, áp, bú mớm, sanh nở, đều tự giấu, bảo vệ. Dạ Xoa tranh nhau đến, giành giết để ăn nuốt. Ăn đã no nê xong, tâm ác càng dữ dội, tiếng chúng đấu đá nhau, thật rất đáng kinh hãi. Loài quỷ Cưu Bàn Trà, ngồi xồm trên đồng đất, hoặc có lúc rời đất, cách đất một, hai thước. Xẹt qua rồi xẹt lại, buông lung, đùa bỡn chơi, nắm lấy hai chân chó, đánh nó kêu thất thanh. Lại dùng chân chẹn cổ, dọa chó để tự vui. Lại có các loài quỷ, thân hình chúng cao lớn, trần truồng, đen còm cõi, thường sống ở nơi đó, phát ra tiếng ác lớn, kêu gào đòi thức ăn. Lại có những con quỷ, cổ họng bé như kim. Lại có những con quỷ, đầu giống như đầu trâu. Hoặc là ăn thịt người, hoặc lại ăn thịt chó. Đầu tóc rối tung lên, tàn hại và hung hiểm, bị đói khát bức bách, gào thét chạy cuồng lên).*

Ở đây sánh ví năm Lợi Sử. Hai câu “*xứ xứ giai hữu*” (nơi nơi đều có) nhằm nói chung năm thứ Lợi Sử trọn khắp tam giới, Ngũ Âm, Tứ Đế, bất cứ chỗ nào cũng đều luôn có. Quỷ quái trong núi gọi là Ly. Quỷ quái nơi đầm lầy gọi là My. Quỷ quái biến hóa nơi gỗ đá thì gọi là Vông Lượng. Ba bài kệ [bắt đầu bằng chữ] Dạ Xoa, nhằm sánh ví riêng về tà kiến. “*Thịt người*” sánh ví thiện báo xuất thế gian. “*Thực đạm nhân nhục*” (Ăn nuốt thịt người) sánh ví sự bài bác chẳng có nhân quả xuất thế gian. “*Độc trùng cầm thú, phu nữ sản sanh, các tự tàng hộ*” (Các loài trùng độc và chim thú áp trứng, cho con bú, sanh nở, mỗi loài đều che giấu, bảo vệ con mình) ví như nhân quả thế gian. Cái nhân có thể sanh ra quả, thì gọi là “*tàng*”. Ất có chẳng mất (nhân ất có quả, quả ấy chẳng mất), thì gọi là “*hộ*”. “*Tranh thủ thực chi*” (Tranh nhau giành giết để ăn) sánh ví chuyện bài bác chẳng có nhân quả thế gian. “*Thực chi ký bão*” (Ăn đã no nê rồi) sánh ví tà kiến thành tựu. “*Ác tâm chuyển xí*” (Tâm ác trở nên dữ dội hơn) sánh ví tà kiến tăng rộng. “*Đấu tránh chi thanh*” (Tiếng đấu đá) sánh ví tà luận bài bác chẳng có nhân quả. “*Thậm khả bố úy*” (Hết sức đáng sợ hãi) sánh ví tà luận ấy có thể khiến cho con ngườiọa lạc trong tam đồ. Một bài kệ rưới từ chữ Cưu Bàn Trà trở đi, sánh ví riêng về Giới Thủ Kiến. Cưu Bàn Trà (Kumbhāṇḍa) là một loài quỷ đáng sợ. Ngồi xồm thì gọi là Tôn (蹲), ngồi vững vàng thì gọi là Cự

(踞). Chỗ đất có hình thể cao gọi là “*thổ đóa*” (土堞), ví như ngoại đạo nương vào Giới Thủ Kiến, tu hành Thập Thiện, sẽ có thể sanh vào chỗ cao nhất trong Dục Giới là Lục Thiên. “*Hoặc thời ly địa nhất xích, nhị xích*” (Hoặc có lúc lìa khỏi mặt đất một, hai thước): Sánh ví nương vào Giới Thủ Kiến, tu chứng Tứ Thiện. Sanh trong Sắc Giới gọi là “lìa khỏi đất một thước”. Hoặc nương vào Giới Thủ Kiến mà đạt được Tứ Không Định, sanh vào Vô Sắc Giới, thì gọi là “lìa khỏi mặt đất hai thước”.

“*Vãng phản du hành*” (Xẹt qua rồi xẹt lại): “*Vãng*” là ví như sanh vào hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), “*phản*” ví như sanh trở lại Dục Giới. “*Túng dật hy hý*” (Buông lung cứ đùa bỡn): Ví như chẳng nhập chánh đạo, trợn chẳng thể đạt tới Thật. “*Tróc cầu lưỡng túc*” (Nắm lấy hai chân chó): Ví như hư vọng chấp trước khổ hạnh là tịnh. “*Phác linh thất thanh*” (Đánh chó khiến nó kêu thất thanh) ví như hư vọng chấp trước “tu khổ hạnh sẽ không mắc khổ quả”. “*Dĩ cước gia cảnh*” (Dùng chân chen cổ chó) sánh ví dùng khổ hạnh để mong cầu lạc quả. “*Bố cầu tự lạc*” (Dọa chó để tự vui): Ví như dùng khổ hạnh để tạm chế phục phiền não, hoặc có lúc hơi đạt được mùi vị Thiên.

Sáu câu từ “*phục hữu chư quỷ, kỳ thân trường đại*” (lại có các loài quỷ, thân hình nó cao lớn): Sánh ví riêng Thân Kiến. Theo chiều dọc, chấp ngã trong ba đời thì gọi là Trường. Theo chiều ngang, trọn khắp Ngũ Âm chấp Ngã thì gọi là Đại. Chấp ngã tự tại, chẳng tu thiện pháp, tức là chẳng hổ thẹn; vì thế gọi là “*lôa hình*” (trần truồng). Dùng điều ác để trang nghiêm, nên gọi là “*hắc*”. Chẳng có tư lương công đức, nên gọi là “*sấu*” (gầy). Hư vọng chấp có ngã, vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi tam giới; vì thế nói “*thường trụ kỳ trung*” (thường trụ trong đó). Thốt lời tuyên thuyết các thứ ngã tướng; vì thế nói “*phát đại ác thanh*”. Hư vọng chấp có ngã để có thể đạt được Niết Bàn; vì thế, gọi là “*kiểu hoán câu thực*” (kêu gào đòi thức ăn). Kế đó, “*phục hữu chư quỷ, kỳ yết như châm*” (lại có các loài quỷ, cổ họng như cái kim): Riêng sánh ví Kiến Thủ Kiến, cổ họng bé tí, tánh mạng nguy ngập, mà mong bảo toàn tánh mạng, như đối với Phi Tướng vô thường, cứ lâm lạc chấp trước đó là Niết Bàn.

Kế đó, hai bài kệ như “*phục hữu chư quỷ, thủ như ngư đầu*” (lại có các loài quỷ, đầu chúng như đầu trâu) v.v... nhằm riêng sánh ví Biên Kiến. Nương vào Thân Kiến, dấy lên Đoạn Kiến và Thường Kiến, như đầu trâu có hai sừng. Đoạn Kiến và Thường Kiến có thể đoạn thiện căn xuất thế. “*Hoặc thực nhân nhục*” (Hoặc là ăn thịt người): Có thể đoạn

thiện căn thế gian. “*Hoặc phục đạm cẩu*” (Hoặc lại ăn thịt chó): Có lúc chấp Đoạn, có lúc chấp Thường, trước sau xoay chuyển, như “*đầu phát bông loạn*” (đầu tóc bù rối). Chấp Thường sẽ phá hại chánh lý vô thường. Chấp Đoạn sẽ phá hoại chánh lý duyên khởi. Chấp Thường sẽ rơi vào hố Thường, chấp Đoạn sẽ rơi vào hố Đoạn. Vì thế nói là “*tàn hại hung hiểm*”. Do không có thức ăn trí huệ, không có đồ uống Thiền Định, cho nên nói là “*cơ khát sở bức*” (bị đói khát bức bách). Tuyên xưng tà luận Đoạn Thường, cho nên nói là “*khieu hoán*” (kêu gào). Luân hồi sanh tử chẳng thôi; vì thế nói là “*trì tẩu*” (rong ruổi).

(Kinh) *Dạ Xoa, nga quỷ, chư ác điều thú, cơ cấp tứ hướng, khuy khán song dữ. Như thị chư nạn, khủng úy vô lượng.*

(經)夜叉餓鬼，諸惡鳥獸，饑急四向，窺看窗牖。如是諸難，恐懼無量。

(Kinh: *Dạ Xoa và nga quỷ, các loài chim thú ác, quá đói chạy bốn phương, rình ngó qua song cửa. Các hoạn nạn như thế, vô lượng nỗi kinh hãi.*

Đây là tổng kết tướng lợi độn phiền não của chúng sanh trong Dục Giới. Hoàn toàn là cái tâm hữu lậu. Thường thiếu thốn đạo vị, cho nên nói là “*cơ cấp*” (bị đói quá sức). Tà quán Không lý, hâm mộ, ngưỡng mộ đạo vị; cho nên nói “*tứ hướng, khuy khán*”. Cái tâm nhiều vương mắc, đắm chấp, chẳng hiểu chánh lý, như nhìn qua cửa sổ để quán Không, chẳng được vô ngại.

Phần thứ nhất “nói về các thứ bị thiêu đốt” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.1.2. Nguyên do bốc lửa

Sánh ví nguyên do dấy khởi ngũ trược.

(Kinh) *Thị hủ cố trạch, thuộc vu nhất nhân, kỳ nhân cận xuất, vị cửu chi gian, ư hậu xá trạch, hốt nhiên hỏa khởi.*

(經)是朽故宅，屬于一人，其人近出，未久之間，於後宅舍，忽然火起。

(Kinh: Căn nhà cũ nát đó, vốn thuộc về một người, người ấy vừa mới ra, chẳng được bao lâu, sau đó nhà cửa bỗng dưng lửa bùng lên).

Tam giới là chỗ đức Phật ứng hóa. Kể từ khi phát tâm tới nay, thế nguyện độ thoát. Vì thế nói “*thuộc vu nhất nhân*” (thuộc về một người). Trưởng giả ở trong nhà, có thể trông nom lửa cẩn thận. Do ông ta ra ngoài, các con vô tri, khiến cho lửa bốc lên. Ví như khi đức Phật thân cận Đại Thông Trí Thắng Phật, thường giáo hóa bọn họ, khiến cho họ chế phục ngũ trược. Cơ cảm của chúng sanh đã hết, Như Lai xả ứng thân. Ngay sau đó, ngũ trược bèn dậy lên, Phật ứng duyên trong cõi khác, chẳng phải là vĩnh viễn bỏ đi. Vì thế nói là “*cận xuất*”. Hơn nữa, bậc đã chứng Vô Sanh chẳng sanh trong tam giới nữa, cho nên nói là “*xuất*”. Chẳng lâu sau bèn ứng hiện, nên nói là “*cận*”. Phẩm Thọ Lượng nói: “*Sổ hiện Niết Bàn*” (Nhiều lượt thị hiện nhập Niết Bàn), tức là ý nghĩa “*xuất trạch*” (ra khỏi nhà) vậy. Tam giới là nhà, Ngũ Ấm là xá.

3.3.1.2.2.2.1.4.1.3. Nêu ra bản thể của lửa

Sánh ví ngũ trược dậy khởi.

(Kinh) Tứ diện nhất thời, kỳ diễm câu xí. Đổng lương chuyên trụ, bộc thanh chấn liệt, tồi chiết đọa lạc, tường bích băng đảo.

(經)四面一時，其燄俱熾。棟梁椽柱，爆聲震裂，摧折墮落，牆壁崩倒。

(Kinh: Bốn mặt cùng một lúc, ngọn lửa đều hùng hực. Kèo, rường, xà, và cột, nứt nổ tiếng vang rền, nát gãy và rơi rụng, tường vách đều đổ sụp).

“*Tứ diện*” ví như thân, thọ, tâm, pháp. Đột ngột dậy lên tứ đảo, ngũ trược, bát khổ. Vì thế nói “*nhất thời kỳ diễm câu xí*” (bỗng chốc ngọn lửa cùng cháy rực). Mạng đoạn là “*bộc*” (bùng nổ), phong đao cửa nát thân là “*liệt*” (xé rách). Tất hơi, xương xẩu chia lìa là “*tồi chiết đọa lạc*” (nát gãy, rơi rụng). Tứ Đại tan tác là “*tường bích băng đảo*” (tường vách đổ sụp). Do ngũ trược, tứ đảo mà thân mạng vô thường.

3.3.1.2.2.2.1.4.1.4. Tường bị thiêu đốt

Sánh ví bát khô, ngũ trực bức bách, nào hại chúng sanh lợi căn và độn căn.

(Kinh) *Chư quỷ thần đẳng, dương thanh đại khiêu. Điều thứu chư diệu, Cưu Bàn Trà đẳng, châu chương hoàng bố, bất năng tự xuất.*

(經)諸鬼神等，揚聲大叫。鵩鷲諸鳥，鳩槃荼等，周樟惶怖，不能自出。

(Kinh: *Các loài quỷ thần thấy, cùng kêu gào ầm ĩ. Các chim ưng, kên kên... và Cưu Bàn Trà thấy, kinh hoảng chạy quần quanh, chẳng thể tự thoát được).*

“Chư quỷ thần đẳng” (Các loài quỷ thần): Gồm chung hết thấy các Lợi Sứ và Độn Sứ. “Dương thanh đại khiêu” (Cất tiếng kêu to): Hoảng sợ, luống cuống. “Điều thứu chư diệu” (Các loài chim như Ưng, kên kên): Nêu ra Độn Sứ mạnh nhất trong các Độn Sứ. Nói “Cưu Bàn Trà” có nghĩa là đề ra thứ mạnh mẽ nhất trong các Lợi Sứ. Nhưng đều “châu chương hoàng bố, bất năng tự xuất” (kinh hoảng chạy quần quanh, chẳng thể tự thoát ra): Do vậy biết là nếu chẳng có Tam Bảo, Tứ Đế, pháp Tứ Niệm Xứ, dầu là trời, rồng, thần thánh, chắc chắn chẳng thoát khỏi luân hồi.

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện trên mặt đất nhằm sánh ví Dục Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.2. Trùng tụng chuyện trong hang hốc nhằm sánh ví Sắc Giới

3.3.1.2.2.1.4.2.1. Nêu ra các loài bị thiêu đốt

(Kinh) *Ác thú độc trùng, tàng thoán khổng huyết, Tỳ Xá Xà quỷ, diệp trụ kỳ trung.*

(經)惡獸毒蟲，藏竄孔穴，毘舍闍鬼，亦住其中。

(Kinh: *Ác thú và trùng độc, ẩn nấp trong hang lỗ. Loài quỷ Tỳ Xá Xà, cũng trụ ở trong ấy).*

“*Khổng huyệt*” (Lỗ hang) tuy chẳng thông thoáng bằng ngoài cửa, vẫn có thể tránh khỏi lửa dữ. Do tránh khỏi lửa dữ, sánh ví Tứ Thiên tuy chẳng sánh bằng sự an lạc nơi giới ngoại (ngoài tam giới), vẫn tránh khỏi sự thô ác trong Dục Giới. “*Ác thú, độc trùng*” là nói chung về Độn Sử chúng sanh. “*Tỳ Xá Xà quý*”: Nêu đại lược Lợi Sử chúng sanh vẫn có thể đắc Thiền, sanh vào Sắc Giới. Tỳ Xá Xà (Pisāca, Diên Cuồng Quỷ) được phương này dịch là Đạm Tinh Khí (ăn nuốt tinh khí).

3.3.1.2.2.2.1.4.2.2. Nói rõ nguyên do bốc lửa và thể lửa cháy

(Kinh) Bạc phước đức cố, vị hỏa sở bức, cộng tương tàn hại, ẩm huyết đạm nhục.

(經)薄福德故，為火所逼，共相殘害，飲血噉肉。

(Kinh: Do phước đức mỏng manh, bị lửa nóng bức bách, liền tàn hại lẫn nhau, uống máu rồi ăn thịt).

Câu “*bạc phước đức cố*” (do phước đức mỏng) nói về nguyên do bốc lửa. Từ “*vị hỏa sở bức*” (bị lửa bức bách) trở đi, nói về thể lửa cháy, ý nói: Trong lỗ hang, tuy chẳng có lửa dữ, vẫn có sự nóng bức, ví như trong Tứ Thiên, tuy chẳng có ác pháp của Dục Giới, vẫn có nỗi khổ vì té do ái vị. Lần lượt chán ghét cõi dưới, ưa thích cõi trên. Do dùng cõi trên để chế phục cõi dưới, cho nên nói “*tàn hại lẫn nhau*”. Chấp vào sự lạng lẽ thì ví như “uống máu”. Chấp trước công đức chi ly thì giống như “ăn thịt”.

3.3.1.2.2.2.1.4.2.3. Tương bị lửa thiêu

(Kinh) Dã can chi thuộc, tịnh dĩ tiền tử, chư đại ác thú, cạnh lai thực đạm. Xú yên bông bột, tứ diện sung tắc.

(經)野干之屬，並已前死，諸大惡獸，競來食噉。臭煙燄孛，四面充塞。

(Kinh: Các loài như dã can, đều đã bị chết trước, các loài ác thú lớn, tranh nhau đến ăn nuốt. Khói thối bốc ngùn ngụt, tràn lấp cả bốn phía).

Đã can ví như lòng tham trong Dục Giới, cho nên đã chết trước! Các ác thú lớn ví như lòng tham trong Sắc Giới, có thể nuốt lòng tham trong Dục Giới. Tứ đảo và bát khổ trong Dục Giới giống như lửa dữ. Tứ đảo trong Sắc Giới ví như “xú yên” (khói thối), bao gồm thân, thọ, tâm, pháp và Tứ Đại. Vì thế nói “*tứ diện sung tắc*” (bốn phía đều tràn ngập).

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện trong hang hốc để sánh ví Sắc Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.1.4.3. Trùng tụng chuyện ngoài hang hốc nhằm sánh ví Vô Sắc Giới

3.3.1.2.2.1.4.3.1. Nói về các loài bị thiêu đốt

(Kinh) Ngô công, du diên, độc trùng chi loại, vị hỏa sở thiêu, tranh tẩu xuất huyệt, Cưu Bàn Trà quỷ, tùy thủ nhi thực.

(經)蜈蚣蚰蜒，毒蟲之類，為火所燒，爭走出穴，鳩槃荼鬼，隨取而食。

(Kinh: Con rết và cuốn chiếu, các loài trùng độc hại, do bị lửa nung đốt, tranh nhau chạy khỏi hang, loài quỷ Cưu Bàn Trà, tùy tiện bắt lấy ăn).

Chán sợ cái lồng Sắc là chương ngại thô thiên, vui thích hướng về Vô Sắc, ngộ là sự lìa thoát tịnh diệu. Vì thế nói “*vị hỏa sở thiêu, tranh tẩu xuất huyệt*” (bị lửa thiêu, tranh nhau chạy ra khỏi hang). Đã giữ lấy thượng định, sẽ diệt các duyên thuộc cõi dưới. Vì thế nói “*Cưu Bàn Trà quỷ, tùy thủ nhi thực*” (quỷ Cưu Bàn Trà tùy ý bắt lấy ăn), nhưng nói chung Lợi Sử và Độn Sử đều có thể kham đắc Vô Sắc Định. Nay riêng xét theo sự chán nhàm Độn Sử, chán cõi dưới, cho nên nắm níu cõi trên. Lợi Sử chứng [cảnh giới thuộc] cõi trên, cho nên diệt cõi dưới.

3.3.1.2.2.1.4.3.2. Nói về tướng thiêu đốt

(Kinh) Hựu chư ngạ quỷ, đầu thượng hỏa nhiên, cơ khát nhiệt, 周憊悶走。

(經)又諸餓鬼，頭上火然，饑渴熱惱，周憊悶走。

(Kinh: Lại còn các ngạ quỷ, trên đầu lửa bùng cháy, đói khát, nóng bức khổ. Mê mẩn chạy quẩn quanh).

Chư thiên thuộc Tứ Không Thiên hoàn toàn thiếu thức ăn vô lậu, vì thế [sánh ví] như ngọc quý. Tuy ở tột đỉnh của tam giới, chẳng tránh khỏi vô thường thiêu đốt. Vì thế như “*đầu thượng hỏa nhiên*” (trên đầu bị đốt lửa). Không có thức ăn chánh đạo, cho nên đói. Chẳng có nước ép trợ đạo, cho nên khát. Vẫn bị tám khổ vì tế bức bách, cho nên Nhiệt (nóng bức). Vẫn bị các Hoặc vì tế hiện hành, cho nên Não. Vẫn nhiều lượt luân hồi trong sanh tử, chẳng biết lẽ xuất yếu, cho nên nói “*châu chướng muộn tẩu*” (mê muội chạy quanh).

Phần thứ ba, “trùng tụng chuyện ở ngoài hàng hốc để sánh ví Vô Sắc Giới” đã xong.

3.3.1.2.2.2.1.4.4. Tổng kết các nạn chẳng phải chỉ có một thứ

(Kinh) Kỳ trạch như thị, thậm khả bố úy, độc hại hỏa tai, chúng nạn phi nhất.

(經)其宅如是，甚可怖畏，毒害火災，眾難非一。

(Kinh: Nhà ấy như thế đó, hết sức đáng sợ hãi, hỏa tai lắm độc hại, các nạn chẳng phải một).

Phần thứ nhất, trùng tụng Tổng Thí đã xong.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng Biệt Thí

Chia thành ba phần:

- Một là trùng tụng thí dụ trưởng giả thấy lửa.
 - Hai là trùng tụng thí dụ “bỏ ghế²²⁶, dùng xe”.
 - Ba là trùng tụng thí dụ bình đẳng ban cho cỗ xe lớn.
- Lược đi không trùng tụng thí dụ “*chẳng hư vọng*”.

3.3.1.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng thí dụ trưởng giả thấy lửa

²²⁶ Trong phần Trường Hàng có nói: Ông trưởng giả nghĩ thân và tay của chính mình có sức mạnh to lớn, có thể dùng bàn, ghế, hoặc áo để vượt thoát cái cửa đang cháy, nhưng nghĩ các con thơ dại, ham chơi, cửa lại hẹp nhỏ, cho nên từ bỏ không dùng cách ấy.

(Kinh) Thị thời trạch chủ, tại môn ngoại lập, văn hữu nhân ngôn: “Nhữ chư tử đẳng, tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch. Trĩ tiểu vô tri, hoan ngu nhạo trước”. Trưởng giả văn dĩ, kinh nhập hỏa trạch.

(經)是時宅主，在門外立，聞有人言：「汝諸子等，先因遊戲，來入此宅。稚小無知，歡娛樂著」。長者聞已，驚入火宅。

(Kinh: Khi đó, ông chủ nhà, đang đứng ở ngoài cửa, nghe có người kể rằng: “Các đứa con của ông, trước đó vì chơi đùa, mà vào trong nhà này. Thơ dại, chẳng hiểu biết, vui đùa, rất ưa thích”. Trưởng giả nghe nói xong, kinh hãi vào nhà lửa).

Ba câu đầu trùng tụng người trông thấy. Năm câu kế đó, trùng tụng điều được trông thấy. Hai câu sau cùng, trùng tụng nỗi kinh sợ. Người ở ngoài cửa thuộc địa vị Pháp Thân. “Lập” (Đứng) nghĩa là thường ôm lòng đại bi, muốn cứu chúng sanh, chẳng ngự trên tòa Đệ Nhất Nghĩa Không! Kinh văn trong phần trước (phần Trường Hàng) nói “thấy”, phần kệ tụng nói là “nghe”. Dùng “nghe” thay cho “thấy”, hiển lộ “thấy” và “nghe” chẳng hai! Có người nói: “Pháp là thầy của Phật”, tức là nói đến pháp tam-muội! Nếu nhập tam-muội, sẽ có thể thấy căn cơ. Tam-muội khiến cho Phật trông thấy. Vì thế nói “văn hữu nhân ngôn” (nghe có người nói rằng). “Tiên nhân du hý, lai nhập thử trạch” (Trước đó, do chơi đùa mà vào trong nhà này) có hai nghĩa:

- Một là khi mới phát tâm, liền gọi là Xuất. Chưa dự vào địa vị Bất Thoái, vẫn dấy lên Kiến Tư. Vì thế nói “du hý lai nhập thử trạch” (vui chơi vào trong nhà này).

- Hai là Lý tánh vốn tịnh, chẳng phải là pháp thuộc tam giới. Do vô minh, cho nên dấy lên hý luận, hư vọng có sanh tử. Vì thế nói “do vui chơi mà vào trong nhà này”.

“Trĩ tiểu” (Thơ dại): Chưa đạt đến đại thiện. “Vô tri”: Bị Si Hoặc quán trói. “Kinh nhập” (Kinh hãi tiến vào): Do đại bi mà ứng hiện.

3.3.1.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng thí dụ “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.2.1.2.2.1. Trùng tụng chuyện bỏ ghế

Trong phần kết hợp thí dụ với pháp thuộc phần trước, chỉ kết hợp thí dụ với Khuyến môn. Nay chỉ trùng tụng Giới môn, [tuy vậy, ý nghĩa] vẫn hiển hiện lẫn nhau.

(Kinh) Phương nghi cứu tế, linh vô thiêu hại. Cáo dụ chư tử, thuyết chúng hoạn nạn: “Ác quỷ, độc trùng. Tai hỏa mạn diên, chúng khổ thứ đệ, tương tục bất tuyệt. Độc xà, ngoan, phúc, cập chư Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà quý. Dĩ can, hồ, cầu, điêu, thứu, si, kiêu, bách túc chi thuộc, cơ khát não cấp, thậm khả bố úy. Thử khổ nạn xứ, hưởng phục đại hỏa!” Chư tử vô tri, tuy văn phụ hồi, do cố nhạo trước, hy hý bất dĩ.

(經)方宜救濟，令無燒害。告喻諸子，說眾患難：「惡鬼毒蟲，災火蔓延，眾苦次第，相續不絕。毒蛇虵蝮，及諸夜叉，鳩槃荼鬼。野干狐狗，鵄鷲鴟梟，百足之屬，饑渴惱急，甚可怖畏。此苦難處，況復大火」。諸子無知，雖聞父誨，猶故樂著，嬉戲不已。

(Kinh: Tìm phương cách cứu vớt, để khỏi bị thiêu hại. Bèn khuyên dụ các con, nói rõ các hoạn nạn: “Ác quỷ và trùng độc, lửa tai ương tràn lan. Các khổ theo thứ tự, liên tục chẳng hề dứt. Rắn độc dữ, rắn lục, và các quỷ Dạ Xoa, cùng quỷ Cưu Bàn Trà. Chó rừng, cáo, chồn, chó. Diều, cú, ưng, kền kền, và loài trùng trăm chân, bị đói khát bức bách, rất đáng nên sợ hãi. Đó là chốn khổ nạn, lại còn có lửa dữ!” Các con chẳng hay biết, tuy nghe cha khuyên răn, vẫn ham đắm như cũ, đùa giỡn chẳng hề ngại).

Bốn bài kệ rưới đầu tiên trùng tụng [trưởng giả] toan vận dụng các cách khuyên răn. Bài kệ sau đó, trùng tụng chuyện sử dụng phương cách ấy chẳng đạt hiệu quả. “*Phương nghi*”: Toan dùng Đại giáo hồng thích hợp tình thế. “*Cáo dụ*” (Bảo ban, khuyên dụ): Tức là [vận dụng] phương cách khuyên răn, nêu ra các hoạn nạn. “*Ác quỷ, độc trùng*”: Nêu chung các thứ bị thiêu đốt, tức là chúng sanh có độn sử và lợi sử gồm mười thứ. Ba câu kể từ “*tai hỏa mạn diên*” (lửa tai ương lan tràn): Nêu chung thể lửa đốt và tướng trạng thiêu đốt. Hai bài kệ nói về rắn độc v.v... nhằm nói cặn kẽ những thứ bị thiêu đốt, tức là liệt kê các thứ Sử lợi, độn,

chẳng theo thứ tự. Hai câu kệ từ “*thử khổ nạn xứ*” (chón khổ nạn ấy), nhằm tổng kết bằng cách so sánh, nhân quả trong tam giới đã chẳng thể chịu đựng nổi; huống hồ còn có Ngũ Trược đẩy lên ư?

“*Chư tử vô tri*” (Các con chẳng hay biết), tức là chẳng có căn cơ Đại Thừa, chẳng chịu tin nhận. Con đã chấp trước Kiến Tư sâu đậm, cứ chơi đùa chẳng thôi. Cha khuyên răn chẳng thể lay chuyển được; đó chính là ý nghĩa “*ngưng dứt sự giáo hóa*” [bằng các pháp viên đôn thuộc Đại Thừa].

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2. Trùng tụng thí dụ dùng ba loại xe

Lược đi không trùng tụng chuyện cha đã biết trước tâm [ham thích] của các con.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện tính nên dùng ba loại xe

(Kinh) *Thị thời trưởng giả, nhi tác thị niệm: “Chư tử như thử, ích ngã sâu não. Kim thử xá trạch, vô nhất khả nhạo! Nhi chư tử đẳng, đam miện hy hý, bất thọ ngã giáo, tương vị hỏa hại”. Tức tiện tư duy, thiết chư phương tiện.*

(經)是時長者，而作是念：「諸子如此，益我愁惱。今此舍宅，無一可樂！而諸子等，耽湏嬉戲，不受我教，將為火害」。即便思惟，設諸方便。

(Kinh: Lúc đó, ông trưởng giả, bèn nghĩ như thế này: “Các con như thế đó, khiến ta thêm sâu não. Nay trong nhà lửa này, không chuyện gì đáng vui! Thế mà các con ta, cứ ham đắm giỡn đùa, chẳng nghe lời ta dạy, chắc sẽ bị lửa thiêu”. Ông lập tức suy nghĩ, lập ra các phương tiện).

Bài kệ thứ nhất nêu ra ý tưởng suy nghĩ. Bài kệ kế tiếp, nêu ra nguyên do vận dụng Tiểu pháp: Do [chúng sanh] chấp trước Kiến Tư; vì thế, chỉ có cách vận dụng Tiểu pháp. Hai câu kệ đó, nói rõ ý nghĩa vận dụng Tiểu pháp. Nếu chẳng dùng Tiểu pháp thì Đại lẫn Tiểu đều cùng mất. Vì thế nói: “*Tương vị hỏa hại*” (Sẽ bị lửa làm hại). Hai câu kệ đó, [ý nói] thật sự suy nghĩ cách vận dụng Tiểu pháp.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.2. Trùng tụng lời tán thán ba loại xe hy hữu

(Kinh) Cáo chư tử đẳng: - Ngã hữu chủng chủng, trân ngoạn chi cụ, diệu bảo hảo xa, dương xa, lộc xa, đại ngư chi xa. Kim tại môn ngoại, nhữ đẳng xuất lai. Ngô vị nhữ đẳng, tạo tác thử xa, tùy ý sở nhạo, khả dĩ du hý.

(經)告諸子等：「我有種種，珍玩之具，妙寶好車，羊車鹿車，大牛之車。今在門外，汝等出來。吾為汝等，造作此車，隨意所樂，可以遊戲」。

(Kinh: Liền bảo các con rằng: - Cha có rất nhiều thứ, đồ chơi đáng vui thích, các xe báu tốt đẹp, xe dê và xe nai, cùng với xe trâu lớn. Nay đang đặt ngoài cửa, các con hãy ra đây. Cha đã vì các con, tạo tác các xe ấy, tùy ý các con thích, bèn có thể dạo chơi).

Bốn câu đầu trùng tụng sự Khuyên Chuyển. Ba câu kế tiếp đó trùng tụng Thị Chuyển (chuyển bằng cách chỉ bày hoặc thị hiện). Câu “nhữ đẳng xuất lai” (các con hãy ra đây) trùng tụng Khuyên Chuyển. Bài kệ sau cùng, trùng tụng sự Chứng Chuyển. “Ta có thể chế tạo xe” tức nghĩa là dẫn điều chính mình đã chứng hòng chứng minh chẳng sai lầm.

3.3.1.2.2.2.1.2.2.2.3. Trùng tụng [chuyện các thứ xe] ấy vừa đúng lòng mong mỏi của các con

(Kinh) Chư tử văn thuyết, như thử chư xa, tức thời bôn cạnh, trì tẩu nhi xuất, đáo ư không địa, ly chư khổ nạn.

(經)諸子聞說，如此諸車，即時奔競，馳走而出，到於空地，離諸苦難。

(Kinh: Các con nghe cha nói, các xe như thế đó, lập tức tranh giành nhau, rảo chạy ra khỏi cửa, đến được chỗ đất trống, lìa khỏi các khổ nạn).

“Văn thuyết” (Nghe nói): Trùng tụng Văn Huệ. “Bôn cạnh” (Tranh giành): Trùng tụng Tư Huệ và Tu Huệ. “Trì tẩu nhi xuất” (Rảo

chạy thoát ra): Trùng tụng Kiến Đế²²⁷. “Đáo ư không địa” (Đến nơi đất trống): Trùng tụng Vô Học. Hai bài tụng nhằm trùng tụng chuyện “bỏ ghế, dùng xe” để sánh ví cảnh.

3.3.1.2.2.1.2.2.3. Trùng tụng thí dụ bình đẳng ban cho cỗ xe lớn

3.3.1.2.2.1.2.2.3.1. Trùng tụng thí dụ cha hoan hỷ vì thấy các con thoát nạn

(Kinh) Trưởng giả kiến tử, đắc xuất hỏa trạch. Trụ ư tứ cù, tọa sư tử tòa, nhi tự khánh ngôn: “Ngã kim khoái lạc! Thử chư tử đẳng, sanh dục thậm nan, ngu, tiểu, vô tri, nhi nhập hiểm trạch, đa chư độc trùng, ly my khả úy. Đại hỏa mãnh diễm, tứ diện câu khởi, nhi thử chư tử, tham lạc hy hý. Ngã dĩ cứu chi, linh đắc thoát ly. Thị cố chư nhân! Ngã kim khoái lạc”.

(經)長者見子，得出火宅。住於四衢，坐師子座，而自慶言：「我今快樂！此諸子等，生育甚難，愚小無知，而入險宅，多諸毒蟲，魑魅可畏。大火猛燄，四面俱起，而此諸子，貪樂嬉戲。我已救之，令得脫離。是故諸人！我今快樂」。

(Kinh: Trưởng giả thấy các con, đều thoát khỏi nhà lửa. Ở nơi ngã tư đường, ngồi trên tòa sư tử, vui mừng tự nhủ rằng: “Ta nay vui sướng lắm, các đứa con ta đây, để nuôi rất khó khăn, nhỏ, dại, chẳng hiểu biết, đi vào căn nhà hiểm, có nhiều thứ trùng độc, loài ly my đáng sợ. Lửa to cháy hừng hực, bốn phía đều cháy bùng, nhưng các đứa con này, ham vui cứ đùa giỡn. Nay ta đã cứu được, khiến chúng được thoát lìa. Vì thế, mọi người ơi! Ta nay vui sướng lắm”).

“Trụ ư tứ cù” (Ở nơi ngã tư) biểu thị đã thấy rành rẽ Tứ Đế. “Tọa sư tử tòa” (Ngồi trên tòa sư tử): Chủ nhà thoát đầu ở ngoài cửa, còn mang nỗi lo âu, sợ hãi, nên nói là “lập” (đứng). Nay thấy con thoát nạn

²²⁷ Kiến Đế: Hiểu theo nghĩa hẹp là “đã thấu hiểu chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế”, tức là từ quả Dự Lưu (Nhất Quả) trở lên. Hiểu theo nghĩa rộng thì là “thấu hiểu, chứng ngộ chân lý”. Nếu xét theo Tiểu Thừa thì từ Sơ Quả trở lên, còn xét theo Đại Thừa thì từ Sơ Địa trở lên.

mới chẳng sợ hãi; vì thế nói là “*tọa*” (ngồi). Phẩm Phương Tiện nói: “*Kim ngã hỷ vô úy*” (Nay ta vui mừng, không sợ hãi) chính là nghĩa này.

Lại nữa, trước đó, căn cơ Đại Thừa chưa thấu hiểu, nên nói là “*lập*”. Nay giáo hóa Tiểu Thừa đã hoàn tất, nên nói là “*tọa*”. “*Lập*” là ngầm lợi lạc, “*tọa*” là lợi ích hiển nhiên. “*Nhi tự khánh ngôn*” (Tự vui mừng, nói rằng): Có căn cơ để có thể hóa độ, cho nên vui mừng. Nơi hai vạn ức chư Phật, đều dạy các căn cơ ấy bằng Đại Thừa, cho nên nói là “*sanh*”. Trong chặng giữa, dùng pháp Tiểu Thừa để thành thực họ. Vì thế nói là “*dục*” (nuôi nấng). Trải qua nhiều thời gian nhiều lượt nuôi nấng; vì thế nói là “*thậm nan*” (rất khó). Thiện căn vẫn còn ít ỏi, cho nên nói là “*ngu tiểu*” (ngu dại, nhỏ nhoi). Bị vọng Hoặc che lấp, nên nói là “*vô tri*”. Do vô tri, cho nên dấy lên trược. Dấy trược, ắt chuốc quả. Vì thế nói là “*nhập trạch*” (vào trong nhà).

Hai câu như “*đa chư độc trùng*” (nhiều loại độc trùng) v.v... trần thuật chung tướng lợi độn trong tam giới. Hai câu như “*đại hỏa mãnh diễm*” (lửa to cháy mạnh) v.v... trần thuật chung thể lực của tám khổ trong tam giới. Hai câu “*nhi thử chư tử*” (nhưng các đứa con này) v.v... nêu ra sự khỏi Kiến, khỏi ái, chẳng thể tự dẹp trừ. Hai câu “*ngã dĩ cứu chi*” (ta đã cứu được) v.v... nêu rõ nguyên do [khiến cho trưởng giả] hoan hỷ. Hai câu như “*thị cố chư nhân*” (vì thế mọi người ời) tổng kết ý hoan hỷ.

3.3.1.2.2.1.2.2.3.2. Trùng tụng thí dụ các con đòi cha ban cho xe

(Kinh) Nhĩ thời chư tử, tri phụ an tọa, giai nghệ phụ sở, nhi bạch phụ ngôn: “Nguyện tứ ngã đẳng, tam chủng bảo xa, như tiên sở hứa. Chư tử xuất lai, đương dĩ tam xa, tùy nhữ sở dục. Kim chánh thị thời, duy thù cấp dĩ”.

(經)爾時諸子，知父安坐，皆詣父所，而白父言：「願賜我等，三種寶車，如前所許。諸子出來，當以三車，隨汝所欲。今正是時，惟垂給與」。

(Kinh: Lúc bấy giờ các con, biết cha đã an tọa, đều cùng đến chỗ cha, mà thưa cùng cha rằng: “Xin cha cho chúng con, ba loại xe quý báu, như cha đã từng hứa. Các con ra khỏi cửa, sẽ cho ba loại xe, tùy lòng con mong muốn. Nay chính là đúng lúc, xin rủ lòng ban cho”).

“Tri phụ an tọa” (Biết cha đã ngồi yên) là lúc đòi xin xe, tương ứng với lúc sắp nói kinh Pháp Hoa. “Giai nghệ phụ sở” (Đều đến chỗ cha): Cung cách đòi xin xe, tương ứng với chuyện trong hội này, mọi người đều dùng tâm cung kính đến chỗ đức Phật. “Nguyện tứ ngã đẳng, tam chủng bảo xa” (Nguyện ban cho các con ba loại xe báu): Tức là chánh thức cầu xin. “Nhu tiền sở hứa” (Như đã hứa trước đó): Do chấp vào quá khứ mà nghi hiện tại. Trước kia, [đức Phật] nói thật sự có tam thừa, thuận theo lòng ham muốn của con. Nay lại quở trách đó là phương tiện, ắt sẽ rửa lòng ban bố riêng cho con.

3.3.1.2.2.1.2.2.3.3. Trùng tụng thí dụ bình đẳng ban xe lớn cho các con

(Kinh) Trưởng giả đại phú, khổ tạng chúng đa, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã nhĩ, dĩ chúng bảo vật, tạo chư đại xa, trang hiệu nghiêm sức. Châu táp lan thuẩn, tứ diện huyền linh. Kim thặng giao lạc. Chân châu la võng, trướng thi kỳ thượng. Kim hoa chư anh, xức xức thùy hạ, chúng thái tạt sức, châu tạt vi nhiều. Nhu nhuyển tăng khoáng, dĩ vi nhân nhục, thượng diệu tế diệu, giá trị thiên ức. Tiến bạch tịnh khiết, dĩ phú kỳ thượng. Hữu đại bạch ngưu, phì tráng đa lực, hình thể xu hảo, dĩ giá bảo xa. Đa chư tân tòng, nhi thị vệ chi. Dĩ thị diệu xa, đẳng tứ chư tử.

(經)長者大富，庫藏眾多，金銀瑠璃，碑磔碼瑙，以眾寶物，造諸大車，莊校嚴飾。周帀欄楯，四面懸鈴。金繩交絡。真珠羅網，張施其上。金華諸纓，處處垂下，眾綵雜飾，周帀圍繞。柔輦繒纊，以為茵褥，上妙細氎，價值千億。鮮白淨潔，以覆其上。有大白牛，肥壯多力，形體殊好，以駕寶車。多諸僮從，而侍衛之。以是妙車，等賜諸子。

(Kinh: Trưởng giả rất giàu có, kho tàng thật rất nhiều, vàng, bạc và lưu ly, xa cừ với mã nhĩ, dùng các vật quý báu, chế tạo các xe lớn, trang hoàng đẹp lộng lẫy. Chung quanh có bao lơn, bốn phía đều treo linh. Dây vàng dùng giăng xen. Màn lưới bằng chân châu, căng che ở

phía trên. Hoa vàng, các chuỗi ngọc, treo rủ khắp mọi chỗ. Trang hoàng đủ màu sắc, phủ trọn khắp quanh xe. Dùng lụa là mềm mại, để lót làm nệm ngồi. Vải mềm mịn quý báu, giá trị tới ngàn ức. Trắng trong, rất sạch sẽ, để phủ ở trên nệm. Có trâu trắng to lớn, mập khỏe, lại rất mạnh. Thân hình rất đẹp đẽ, dùng để kéo xe báu. Đông đảo các tôi tớ, theo hầu và hộ vệ. Dùng các xe quý ấy, bình đẳng cho các con).

Hai câu đầu, trùng tụng nguyên do vì sao có các cỗ xe. Sáu bài kệ rưới tiếp đó, đều nhằm trùng tụng rõ ràng thể chất của xe. Hai câu sau cùng, nhắc lại ý nghĩa [bình đẳng ban cho các con xe báu], nhưng lược đi chẳng nói đến chuyện tâm cha bình đẳng. Nhưng xe bình đẳng, các con được nhận xe bình đẳng, ắt cái tâm bình đẳng đã rõ rệt rồi! Nhà để chứa đồ vật gọi là Khố (庫), có thể sánh ví lục căn có đủ hết thấy các pháp. Đất chứa vật gọi là Tạng (藏), có thể sánh ví các hạnh trọn đủ hết thấy các pháp. Lại còn Âm, Giới, Nhập v.v... trọn đủ hết thấy các pháp, có thể sánh ví như Tạng. Xét ra, do Lý như đất. Đạo phẩm, Lục Độ trọn đủ hết thấy các pháp, có thể sánh ví với Khố (kho). Do xét theo Tu giống như nhà, trong mỗi pháp thật sự có đủ hết thấy các hạnh và hết thấy các pháp. Trong mỗi hạnh, trọn đủ hết thấy các pháp và hết thấy các hạnh. Vì thế, gọi là “*khố tạng chúng đa*” (có nhiều kho tạng), giàu to. Tánh trọn đủ các pháp, gọi chung là “*chúng bảo*” (các thứ báu).

Từ tánh mà khởi tu thì gọi là “*tạo*”. Con đông sẽ đi nhiều, xe cũng phải nhiều theo, bèn gọi là “*chư*” (các). Thể chất của mỗi cỗ xe, không cỗ nào chẳng cao rộng, nên gọi là “*đại*”. Lại cần phải chỉ bày mới biết, con có tu thì [mới biết], nên gọi là “*tạo*”. Do trong tánh chẳng có tu, [tuy nói là] “*tạo*” mà vốn là sẵn có. Đó là bản thể của xe. Từ chữ “*trang hiệu*” (trang hoàng) trở đi, hàm nghĩa đều trọn đủ các Độ. Bốn câu đầu như vừa mới giải thích. Hai câu “*chân châu la võng*” (lưới màn hình chân châu) v.v... trùng tụng lưới màn [che phủ trên xe]. Lòng Từ chẳng phải chỉ có một môn, giống như các mắt lưới. Trong mỗi mắt lưới, đều có một viên chân châu, như các môn Từ đều cùng được gọi là Thật. Hai câu “*kim hoa, chư anh*” (các chuỗi hoa vàng) trùng tụng chuyện treo các chuỗi hoa rủ xuống, nhằm hiển thị ý nghĩa: Các căn cơ đều vui sướng trọn khắp.

“*Chúng thái tạp sức*” (Trang hoàng đủ màu sắc) là nói đến các chỗ được [đức Phật] rủa lòng hóa độ. Lập bày phương tiện ứng hiện bất đồng là “*châu táp vi nhiểu*” (vây khắp chung quanh), tức là nói đến cơ

nghi nhiếp hóa chúng sanh chẳng hề khuyết thiếu! “*Nhu nhuyển tăng khoáng*” (Lụa là mềm mại) trùng tụng chữ Uyển (婉, mềm mại). “*Dĩ vi nhân nhục*” (Dùng làm đệm ngồi), trùng tụng chữ Diên (筵, nệm lót ngồi). Bốn câu “*thượng diệu tế diệu*” (vải mềm mịn quý báu) v.v... trùng tụng hai chữ “*trùng phu*” (重敷, xếp chồng lên nhiều lớp), ý nói: Các loại Sự Thiện (Thiện Định thuộc về sự tướng) đều chính là Thật Tướng, chẳng giống với các thứ phiền não xen tạp của phàm phu, tiểu quả. Vì thế, “*tiền bạch tịnh khiết thượng diệu*” (trắng trẻo, tinh sạch, tốt đẹp nhất)! “*Đại bạch ngưu*” thì như trong phần trước đã giải thích. “*Tân tùng*” (僮從) chính là “*bộc tùng*” (僕從, tôi tớ, người theo hầu). Những điều khác dễ hiểu!

3.3.1.2.2.2.1.2.2.3.4. Trùng tụng thí dụ các con được xe đều hoan hỷ

(Kinh) Chư tử thị thời, hoan hỷ dũng dục, thừa thị bảo xa, du w tứ phương, hỷ hỷ khoái lạc, tự tại vô ngại.

(經)諸子是時，歡喜踴躍，乘是寶車，遊於四方，嬉戲快樂，自在無礙。

(Kinh: Lúc bấy giờ các con, rất vui mừng, hớn hở, ngồi cỗ xe báu ấy, dạo chơi khắp bốn phương, vui chơi rất sung sướng, tự tại chẳng ngăn ngại).

Nương vào diệu huệ Trung Đạo, theo chiều ngang dạo chơi bốn thứ Tứ Môn²²⁸, bốn thứ Tứ Đế, theo chiều dọc trải qua bốn mươi một địa vị, chúng Tứ Đức “*thường, lạc, ngã, tịnh*” rất ráo.

Phần thứ nhất, “trùng tụng thí dụ” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2. Trùng tụng nhằm đối ứng thí dụ với pháp

3.3.1.2.2.2.2.1. Đối ứng tổng thí

3.3.1.2.2.2.2.1.1. Đối ứng thí dụ về trường giả với pháp

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Ngã diệc như thị, chúng thánh trung tôn, thế gian chi phụ.

²²⁸ Tứ Môn là một thuật ngữ của tông Thiên Thai chỉ Không Môn, Hữu Môn, Diệc Hữu Diệc Không Môn và Phi Hữu Phi Không Môn.

(經)告舍利弗！我亦如是，眾聖中尊，世間之父。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Ta cũng như thế đó, tôn quý trong các thánh, là cha của thế gian).

Câu “ngã diệc như thị” (ta cũng giống như thế) trùng tụng địa vị và danh hiệu. Hai câu kế đó, trùng tụng đối ứng danh và hạnh với pháp, đồng thời tán thán đức.

3.3.1.2.2.2.1.2. Trùng tụng nhằm kết hợp thí dụ “năm trăm người” với pháp

Phần này kèm thêm ý nghĩa “ba mươi đứa con”.

(Kinh) Nhất thiết chúng sanh, giai thị ngô tử, thâm trước thế lạc, vô hữu huệ tâm.

(經)一切眾生，皆是吾子，深著世樂，無有慧心。

(Kinh: Hết thấy các chúng sanh, đều là con của ta, chấp sâu thế gian lạc, chẳng có tâm trí huệ).

“Nhất thiết” (Hết thấy) chỉ năm đường trong tam giới. “Ba mươi” là con thuộc về duyên nhân, “nhất thiết” là con thuộc về chánh nhân.

3.3.1.2.2.2.1.3. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của toàn thể ngôi nhà và ý nghĩa “một cửa”

(Kinh) Tam giới vô an, do như hỏa trạch.

(經)三界無安，猶如火宅。

(Kinh: Tam giới chẳng yên ổn, ví như nhà lửa cháy).

3.3.1.2.2.2.1.4. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện lửa bốc cháy

(Kinh) Chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy, thường hữu sanh lão, bệnh tử ưu hoạn. Như thị đẳng hỏa, xí nhiên bất tức.

(經)眾苦充滿，甚可怖畏，常有生老，病死憂患。如是等火，熾然不息。

(Kinh: Các nỗi khổ đầy đầy, rất đáng nên kinh sợ, thường có sanh và lão, bệnh, chết cùng lo sầu. Các thứ lửa như thế, cháy hừng hực chẳng ngại).

Hai câu đầu nhằm nêu bày [các sự khổ và nỗi kinh hãi]. Hai câu kế đó giải thích, hai câu cuối nhằm kết lại.

Phần thứ nhất, trùng tụng kết hợp Tổng Thí với ý nghĩa biểu thị pháp đã xong.

3.3.1.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp Biệt Thí với pháp

3.3.1.2.2.2.2.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “thấy lửa”

(Kinh) Như Lai dĩ ly, tam giới hỏa trạch, tịch nhiên nhàn cư, an xử lâm dã. Kim thử tam giới, giai thị ngã hữu. Kỳ trung chúng sanh, tất thị ngô tử. Nhi kim thử xứ, đa chư hoạn nạn, duy ngã nhất nhân, năng vi cứu hộ.

(經)如來已離，三界火宅，寂然閑居，安處林野。今此三界，皆是我有。其中眾生，悉是吾子。而今此處，多諸患難，唯我一人，能為救護。

(Kinh: Như Lai đã lìa khỏi, ngôi nhà lửa tam giới, nhàn cư trong thanh vắng, ở yên nơi đồng, rừng. Nay cả tam giới này, đều cùng thuộc về ta. Chúng sanh ở trong đó, đều là con của ta. Nhưng nay nơi chốn này, có nhiều nỗi hoạn nạn, chỉ riêng một mình ta, có thể cứu giúp họ).

Bài kệ đầu tiên trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chủ thể có thể trông thấy (năng kiến). Chính vì vương tam-muội vắng lặng, tịch mà thường chiếu; cho nên có thể thấy. Sáu câu kế tiếp trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của những điều được trông thấy (sở kiến). Hai câu sau cùng, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện trưởng giả kinh hãi vào trong nhà lửa.

3.3.1.2.2.2.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện “bỏ ghế, dùng xe”

3.3.1.2.2.2.2.2.1 Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bỏ ghế

(Kinh) Tuy phục giáo chiếu, nhi bất tín thọ, ư chư dục nhiễm, tham trước thâm cố.

(經)雖復教詔，而不信受，於諸欲染，貪著深故。

(Kinh: Dẫu ta đã dạy bảo, nhưng họ chẳng tin nhận. Đối với các dục nhiễm, tham đắm đã rất sâu).

Câu thứ nhất trùng tụng ý nghĩa suy tính [dùng pháp nào] thích hợp [để hóa độ]. Câu thứ hai nhắc lại ý [dùng các Đại pháp để hóa độ] đều chẳng được! Hai câu cuối giải thích nguyên do “vì chúng sanh chẳng tin”; và cũng bao hàm ý nghĩa “thôi hóa độ”.

3.3.1.2.2.2.2.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện “dùng xe để tiếp dẫn”

(Kinh) Dĩ thị phương tiện, vị thuyết tam thừa, linh chư chúng sanh, tri tam giới khổ, khai thị diễn thuyết, xuất thế gian đạo. Thị chư tử đẳng, nhược tâm quyết định, cụ túc Tam Minh, cập lục thần thông, hữu đắc Duyên Giác, bất thoái Bồ Tát.

(經)以是方便，為說三乘，令諸眾生，知三界苦，開示演說，出世間道。是諸子等，若心決定，具足三明，及六神通，有得緣覺，不退菩薩。

(Kinh: Do bởi phương tiện ấy, vì họ nói tam thừa, khiến cho các chúng sanh, biết tam giới là khổ, khai thị và diễn nói, đạo xuất ly thế gian. Nếu các đấng con ấy, tâm đều đã quyết định, trọn đủ ba thứ Minh, và sáu món thần thông, có kẻ đắc Duyên Giác, hoặc bất thoái Bồ Tát).

Hai câu đầu trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc suy tính vận dụng tam thừa. Bốn câu kế tiếp trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc khen ngợi ba loại xe hy hữu. Sáu câu cuối trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện [ba loại xe] phù hợp mong ước của các con. “*Nhược tâm quyết định*” (Nếu tâm quyết định): Trùng tụng chung các địa vị chúng đắc trong tam thừa. Bốn câu từ “*cụ túc*” (đầy đủ) trở đi, riêng trùng tụng

khi các địa vị tam thừa tranh nhau thoát khỏi tam giới, thông với ý nghĩa bất thoái và ba giáo trước.

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện bỏ ghế, dùng xe” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2.2.3. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bình đẳng ban cho [các con] cỗ xe lớn

3.3.1.2.2.2.2.2.3.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của chuyện bình đẳng ban cho

(Kinh) Nhữ Xá Lợi Phất! Ngã vị chúng sanh, dĩ thử thí dụ, thuyết nhất Phật Thừa. Nhữ đẳng nhược năng, tín thọ thị ngữ, nhất thiết giai đương, thành đắc Phật đạo.

(經)汝舍利弗！我為眾生，以此譬喻，說一佛乘。汝等若能，信受是語，一切皆當，成得佛道。

(Kinh: Đây ông Xá Lợi Phất! Ta đã vì chúng sanh, sử dụng thí dụ này, để nói một Phật Thừa. Nếu các ông có thể, tin nhận lời nói này, thì hết thảy sẽ đều, được thành tựu Phật đạo).

Trước hết, trùng tụng ý nghĩa “[tất cả] đều là con của ta, bình đẳng ban cho Đại Thừa”, cho đến “đều dùng sự diệt độ của Như Lai để giúp họ diệt độ”, tương ứng với tâm bình đẳng.

(Kinh) Thị thừa vi diệu, thanh tịnh đệ nhất, ưu chư thế gian, vô hữu thượng. Phật sở duyệt khả, nhất thiết chúng sanh, sở ưng xưng tán, cúng dường, lễ bái.

(經)是乘微妙，清淨第一，於諸世間，為無有上。佛所悅可，一切眾生，所應稱讚，供養禮拜。

(Kinh: Phật Thừa này vi diệu, là thanh tịnh bậc nhất, ở trong các thế gian, không gì hơn được nữa. Được chư Phật ưa thích, hết thảy các chúng sanh, đều phải nên ca ngợi, cúng dường và lễ bái).

Đây chính là trùng tụng nhất tướng, nhất chủng. “Được các đức thánh ca ngợi” vì có thể sanh ra niềm vui tịnh diệu bậc nhất, ứng hợp với thể chất của các cỗ xe [được nói trong thí dụ].

(Kinh) Vô lượng ức thiên, chư lực giải thoát, Thiền Định trí huệ, cập Phật dư pháp, đắc như thị thừa.

(經)無量億千，諸力解脫，禪定智慧，及佛餘法，得如是乘。

(Kinh: Có vô lượng ức ngàn, các lực và giải thoát, Thiền Định với trí huệ, và các Phật pháp khác, đạt được thừa như thế).

Đây là trùng tụng ý nghĩa “ta có vô lượng vô biên các pháp tạng trí huệ, lực, vô úy v.v... của chư Phật”, tương ứng với nguyên do có xe.

Phần thứ nhất, “trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của việc bình đẳng ban cho” đã xong.

3.3.1.2.2.2.2.3.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của thí dụ các con hoan hỷ

(Kinh) Linh chư tử đẳng, nhật dạ kiếp số, thường đắc du hý, dữ chư Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng, thừa thử bảo thừa, trực chí đạo tràng. Dĩ thị nhân duyên, thập phương để cầu, cánh vô dư thừa, trừ Phật phương tiện.

(經)令諸子等，日夜劫數，常得遊戲，與諸菩薩，及聲聞眾，乘此寶乘，直至道場。以是因緣，十方諦求，更無餘乘，除佛方便。

(Kinh: Khiến cho các đứa con, ngày đêm trải kiếp số, thường luôn được vui chơi, cùng với các Bồ Tát, và các bậc Thanh Văn, ngồi trên xe báu ấy, đến thẳng chốn đạo tràng. Do bởi nhân duyên đó, tìm kỹ khắp mười phương, chẳng có thừa nào khác, trừ Phật nói phương tiện).

Bảy câu đầu chỉ ra ai nấy đều đạt được Đại Thừa pháp hỷ. Bốn câu sau tổng kết khuyến tấn. “*Nhật dạ*” (Ngày đêm): Vừa mới đạt được trí quang Trung Đạo từ tri kiến của Phật, giống như “ban ngày”; các thứ vô minh hãy còn, giống như “ban đêm”. Tự đạt được trí Trung Đạo như ban ngày, từ bi vào trong sanh tử như đêm. Thường hành hai pháp; vì thế nói là “*du hý*”. Rộng hóa độ tam thừa cùng đạt được Nhất Thừa, vì thế

nói “*dữ chư Bồ Tát cập Thanh Văn chúng, thừa thừa bảo thừa*” (cùng với các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn ngồi xe báu ấy). Thừa ấy viên đôn, chẳng có tướng cong vạy. Vì thế nói “*trực chỉ đạo tràng*” (đến thẳng đạo tràng). Kế đó, tổng kết nhân duyên “*chỉ có một thừa duy nhất, chẳng có ba thừa*”, ý nghĩa dễ hiểu.

Phần thứ ba, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “*bình đẳng ban cho cỗ xe lớn*” đã xong!

3.3.1.2.2.2.2.4. Trùng tụng nhằm đối ứng “vô hư vọng” với pháp

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Nhữ chư nhân đẳng, giai thị ngô tử, ngã tắc thị phụ. Nhữ đẳng lũy kiếp, chúng khổ sở thiêu, ngã giai tế bạt, linh xuất tam giới. Ngã tuy tiên thuyết, nhữ đẳng diệt độ, dẫn tận sanh tử, nhi thật bất diệt. Kim sở ưng tác, duy Phật trí huệ. Nhược hữu Bồ Tát, ưng thị chúng trung, năng nhất tâm thính, chư Phật thật pháp. Chư Phật Thế Tôn, tuy dĩ phương tiện, sở hóa chúng sanh, giai thị Bồ Tát.

(經)告舍利弗！汝諸人等，皆是吾子，我則是父。汝等累劫，眾苦所燒，我皆濟拔，令出三界。我雖先說，汝等滅度，但盡生死，而實不滅。今所應作，唯佛智慧。若有菩薩，於是眾中，能一心聽，諸佛實法。諸佛世尊，雖以方便，所化眾生，皆是菩薩。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Toàn thể nhóm các ông, đều là con của ta, còn ta chính là cha. Các ông trải nhiều kiếp, bị các khổ nung đốt. Ta đều cứu vớt cho, khiến thoát khỏi tam giới. Tuy ta trước kia nói, các ông đều diệt độ, chỉ là hết sanh tử, chẳng phải thật diệt độ! Nay việc phải nên làm, chỉ có trí huệ Phật. Nếu có Bồ Tát nào, ở trong đại chúng này, có thể nhất tâm nghe, thật pháp của chư Phật. Các vị Phật Thế Tôn, tuy đều dùng phương tiện, hòng hóa độ chúng sanh, đều thành Bồ Tát cả!)

Bốn câu đầu trước hết xác định tình cha con thiên tánh tương quan tốt bậc! Tức là trùng tụng ý “*Như Lai cũng giống như thế, chẳng có hư vọng*”. Bốn câu kế tiếp, trùng tụng ý “*thoạt đầu nói tam thừa để dẫn dắt*

chúng sanh”. Mười bốn câu kệ đó trùng tụng ý “sau đó, chỉ dùng Đại Thừa để độ thoát”.

(Kinh) Nhược nhân tiểu trí, thâm trước ái dục, vị thử đẳng cố, thuyết u Khổ Đế. Chúng sanh tâm hỷ, đắc vị tăng hữu. Phật thuyết Khổ Đế, chân thật vô dị. Nhược hữu chúng sanh, bất tri khổ bốn, thâm trước khổ nhân, bất năng tạm xả. Vị thị đẳng cố, phương tiện thuyết đạo: Chư khổ sở nhân, tham dục vi bốn. Nhược diệt tham dục, vô sở y chỉ? Diệt tận chư khổ, danh đệ tam đế. Vị Diệt Đế cố, tu hành u đạo, ly chư khổ phục, danh đắc giải thoát.

(經)若人小智，深著愛欲，為此等故，說於苦諦。眾生心喜，得未曾有。佛說苦諦，真實無異。若有眾生，不知苦本，深著苦因，不能暫捨。為是等故，方便說道：諸苦所因，貪欲為本。若滅貪欲，無所依止？滅盡諸苦，名第三諦。為滅諦故，修行於道，離諸苦縛，名得解脫。

(Kinh: Nếu là kẻ trí nhỏ, chấp ái dục sâu đậm, ta vì hạng người ấy, nói ra lý Khổ Đế. Chúng sanh nghe vui mừng, được điều chưa từng có. Đức Phật nói Khổ Đế, chân thật, chẳng sai khác. Nếu có chúng sanh nào, chẳng biết cội gốc khổ, chấp khổ nhân sâu đậm, chẳng thể tạm bỏ được. Sẽ vì hạng người ấy, phương tiện để nói đạo: Trong các nhân gây khổ, tham dục là cội gốc. Nếu diệt trừ tham dục, khổ còn nương vào đâu? Diệt sạch hết các khổ, gọi là Đế thứ ba. Do vì Diệt Đế ấy, mà tu hành nơi Đạo, lìa khỏi khổ trói buộc, thì gọi là “giải thoát”).

Đây là trùng tụng ý “chẳng phải là trọn hết chúng sanh đều có thể thọ trì pháp Đại Thừa”. Do đó, đức Phật dùng sức phương tiện, vì họ nói Sanh Diệt Tứ Đế. Cội gốc của Khổ chính là Tập Đế. “Phương tiện thuyết đạo”: Vẫn là nói phương tiện. “Đệ tam đế” chính là Diệt Đế. Những điều khác dễ hiểu!

(Kinh) Thị nhân u hà, nhi đắc giải thoát? Dẫn ly hư vọng, danh vi giải thoát. Kỳ thật vị đắc, nhất thiết giải thoát! Phật thuyết thị nhân, vị thật diệt độ, tư nhân vị đắc, vô thượng đạo cố! Ngã ý bất dục, linh

chí diệt độ. Ngã vì pháp vương, u pháp tự tại. An ổn chúng sanh, cố hiện u thể.

(經)是人於何，而得解脫？但離虛妄，名為解脫。其實未得，一切解脫！佛說是人，未實滅度，斯人未得，無上道故！我意不欲，令至滅度。我為法王，於法自在。安隱眾生，故現於世。

(Kinh: Người ấy nơi pháp nào, mà đạt được giải thoát? Chỉ là lìa hư vọng, bèn gọi là “giải thoát”. Thật ra, chưa đạt được, hết thấy các giải thoát! Đức Phật nói kẻ đó, chưa thật sự diệt độ, vì kẻ đó chưa đắc, đạo quả vô thượng vậy! Ý của ta chẳng muốn, khiến người đó diệt độ. Ta là đấng pháp vương, nơi pháp được tự tại. Vì an ổn chúng sanh, mà xuất hiện trong đời).

Đây là trùng tụng ý “Nhu Lai có vô lượng pháp tạng ‘trí huệ, lực, vô sở úy’ v.v... Có thể ban pháp Đại Thừa cho hết thấy chúng sanh”. “Đản ly hư vọng” (Chỉ lìa hư vọng) tức là lìa Kiến Tư. “Nhất thiết giải thoát” (Hết thấy các giải thoát) tức Đại Niết Bàn của Như Lai. “Vị thật diệt độ” (Chưa thật sự diệt độ): Biên Dịch sanh tử vẫn còn. “Vô thượng đạo”: Nhất Thiết Chủng Trí. Pháp vương xuất hiện trong cõi đời để an ủi chúng sanh, hứa ba mà ban một, há có hư vọng? Phần trùng tụng đã xong. Trong bốn đoạn lớn của phần Thí Thuyết Châu, phần đầu tiên là thí dụ khai tam hiển nhất, có thỉnh, có đáp. Trong phần đáp có ba đoạn.

Phần chánh yếu nói về Thí Thuyết đã xong.

3.3.1.3. Khuyến tín lưu thông

“Tín” là tin vào lời Phật dạy “đối với các đối tượng nào chớ nên nói [khai tam, hiển nhất]”. “Khuyến” là khuyên [tin nhận] đối tượng nào thì có thể lưu truyền hay chẳng lưu truyền pháp này. Do có hai nghĩa ấy, cho nên nói là “khuyến tín”.

3.3.1.3.1. Nêu bày cả hai ý nghĩa [khi nào nên tuyên nói và khi nào chớ nên nói]

(Kinh) Nhữ Xá Lợi Phát! Ngã thử pháp ấn, vị dục lợi ích, thế gian cố thuyết. Tại sở du phương, vật vọng tuyên truyền.

(經)汝舍利弗！我此法印，為欲利益，世間故說。在所遊方，勿妄宣傳。

(Kinh: Đây ông Xá Lợi Phát! Pháp ấn²²⁹ này của ta, vì muốn tạo lợi ích, cho thế gian nên nói, các chỗ ông đi qua, chớ tùy tiện tuyên truyền).

Bốn câu đầu nêu rõ [lúc nào] có thể nói hoặc chớ nên nói [pháp này]. Vì lợi ích thế gian mà nói ra pháp ấn Thật Tướng này của ta. Như trong bốn mươi mấy năm, lúc chưa nói ra là vì năm ngàn người chưa lui về, cho nên chẳng nói. Hai câu kế đó, chỉ ra: Đối với đối tượng nào thì có thể hay chẳng thể lưu truyền pháp này, chớ nên tuyên truyền bừa bãi. Đối với kẻ ác mà cứ cưỡng nói, sẽ khiến cho họ đọa khổ! Đối với người thiện mà chẳng nói, sẽ khiến cho họ lầm lỡ, chẳng đạt được niềm vui này. Do lòng đại bi thương xót kẻ ác, cho nên chẳng nói với họ. Do lòng đại từ nghĩ đến người thiện, hãy nên nói cho họ biết. Xét ra đoạn văn này, chính là đức Phật đã phó chúc ngài Thân Tử (Xá Lợi Phát) như thế, tức là giống như Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật phó chúc ngài Diệu Quang. Còn như ngài Thân Tử nhập diệt trước Phật, bất quá là tiểu cơ thấy như thế. Ngày nay được nghe Pháp Hoa, há chẳng phải là do sức lưu thông của ngài Thân Tử ư?

3.3.1.3.2. Giải thích

3.3.1.3.2.1. Giải thích đối với ai có thể nói, và đối với ai chớ nên nói

(Kinh) Nhược hữu văn giả, tùy hỷ danh thọ, đương tri thị nhân, A Duy Việt Trí. Nhược hữu tín thọ, thử kinh pháp giả, thị nhân dĩ tăng, kiến quá khứ Phật, cung kính cúng dường, diệc văn thị pháp. Nhược nhân hữu năng, tín nhữ sở thuyết, tắc vi kiến ngã, diệc kiến u nhữ, cập tỳ-kheo tăng, tịnh chư Bồ Tát. Tư Pháp Hoa kinh, vị thâm trí thuyết. Thiển thức văn chi, mê hoặc bất giải. Nhất thiết Thanh Văn,

²²⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ấn là ấn chứng. Pháp là pháp lý. Phàm kinh văn có pháp lý để ấn chứng thì gọi là pháp ấn. Do pháp lý để ấn chứng trong kinh này là Nhất Thừa Thật Tướng, cho nên gọi là Thật Tướng ấn. Vì thế, phẩm Phương Tiện mới nói: Vì nói Thật Tướng ấn”.

cập Bích Chi Phật, u thử kinh trung, lực sở bất cập. Nhữ Xá Lợi Phất! Thượng u thử kinh, dĩ tín đắc nhập, hướng dư Thanh Văn. Kỳ dư Thanh Văn, tín Phật ngữ cổ, tùy thuận thử kinh, phi kỷ trí phận.

(經)若有聞者，隨喜頂受，當知是人，阿惟越致。若有信受，此經法者，是人已曾，見過去佛，恭敬供養，亦聞是法。若人有能，信汝所說，則為見我，亦見於汝，及比丘僧，并諸菩薩。斯法華經，為深智說。淺識聞之，迷惑不解。一切聲聞，及辟支佛，於此經中，力所不及。汝舍利弗！尚於此經，以信得入，況餘聲聞。其餘聲聞，信佛語故，隨順此經，非己智分。

(Kinh: Nếu có ai được nghe, tùy hỷ, kính cần nhận, hãy nên biết người đó, là A Duy Việt Trí. Nếu có ai tin nhận, kinh pháp vô thượng này, người ấy ắt đã từng, thấy chư Phật quá khứ, cung kính cùng cúng dường, và cũng nghe pháp này. Nếu người nào có thể, tin tưởng lời ông nói, tức là đã thấy ta, cũng như đã thấy ông, và thấy tỳ-kheo tăng, cùng các vị Bồ Tát. Phật vì người trí sâu, nói kinh Pháp Hoa này. Kẻ thức cạn nghe đến, mê hoặc, chẳng hiểu được! Hết thấy các Thanh Văn, cùng với Bích Chi Phật, đối với kinh pháp này, sức họ chẳng hiểu được. Ông Xá Lợi Phất ơi! Chính ông với kinh này, còn do tin mà vào, hướng các Thanh Văn khác! Những vị Thanh Văn khác, do tin tưởng lời Phật, bèn tùy thuận kinh này, chẳng do trí của họ).

Đây là nói rõ tướng trạng lợi ích thế gian của Như Lai, luận định chung thì là lợi ích trong ba đời. Luận định riêng biệt thì là bàn về hàng Nhị Thừa sanh lòng tin. Bài kệ thứ nhất chính là xét theo sự lợi ích trong hiện tại để nói. A Duy Việt Trí (Avaivartika) trong tiếng Phạn, được phương này dịch là Bất Thoái. Sáu câu kế tiếp, xét theo điều thiện trong quá khứ để nói. Sáu câu kế tiếp, xét theo điều thiện trong vị lai mà nói. Kinh văn trong phần sau có nói: “*Nhược thâm tín giải giả, kiến Phật thường tại Linh Thửu*” (Nếu người tin hiểu sâu, sẽ thấy Phật thường tại Linh Thửu) chính là nghĩa này. Bốn câu kế tiếp, tổng kết phần trước hòng dẫn khởi phần sau: Như Lai quán thấy bậc trí sâu đạt được lợi ích trong ba đời; do đó, Ngài vì họ nói [kinh Pháp Hoa]. “*Thiển thức bất*

giải” (Kẻ hiểu biết nông cạn sẽ chẳng hiểu), sẽ chẳng vì kẻ đó nói. Ba bài kệ sau cùng, minh xác: Nhị Thừa do tín mà nhập. “Phi kỷ trí phận” (Chẳng do trí huệ của chính mình): Người thật sự đắc A La Hán ắt tin lời Phật. Vì thế, dầu là người trí yếu kém, vẫn có thể nói với người ấy. Còn như năm ngàn kẻ tăng thượng mạn, đức Phật chẳng nói với họ.

3.3.1.3.2.2. Giải thích đối với đối tượng nào có thể lưu truyền, đối tượng nào thì đừng nên

3.3.1.3.2.2.1. Xét theo đại bi môn, đừng nói với kẻ ác

(Kinh) Hưu Xá Lợi Phát! Kiêu mạn, giải đãi, kẻ ngã kiến giả, mặc thuyết thử kinh. Phàm phu thiểu thức, thâm trước ngũ dục, văn bất năng giải, diệc vật vị thuyết. Nhược nhân bất tín, hủy báng thử kinh, tắc đoạn nhất thiết, thế gian Phật chủng.

(經)又舍利弗！憍慢懈怠，計我見者，莫說此經。凡夫淺識，深著五欲，聞不能解，亦勿為說。若人不信，毀謗此經，則斷一切，世間佛種。

(Kinh: Ông Xá Lợi Phát ơi! Với kẻ kiêu, lười nhác, chấp trước nơi ngã kiến, chớ nên nói kinh này. Với phàm phu hiểu cạn, chấp sâu nơi ngũ dục, nghe rồi chẳng thể hiểu, cũng chớ nói kinh này. Nếu kẻ nào chẳng tin, hủy báng kinh điển này, chính là đoạn hết thầy, Phật chủng của thế gian).

Những điều được tuyên thuyết trong kinh này thuần luận bàn Thật Tướng. Dùng ấn Thật Tướng để in vào trọn khắp các pháp, cho nên khiến cho điều thiện bé tí, điều hiểu biết nhỏ nhoi đều cùng trở thành duyên. Nhưng người Kiến Tư nặng nề, nghe [pháp này], sẽ phạm hai lỗi: Một là chẳng tin; hai là hiểu lầm. Nói “chẳng tin” là do trí nông cạn, chấp Quyền, nghi Thật. Nói “hiểu lầm” là do chấp vào kinh văn, thẳng thừng coi chấp trước “*thường, lạc, ngã, tịnh*” của ngoại đạo chẳng khác viên lý. Ví như [thí dụ] gã thầy thuốc cũ chuyên dùng sữa độc để chữa bệnh [trong kinh Niết Bàn]. Hai lỗi ấy cùng gọi là “*hủy báng kinh này*”, đều đoạn Phật chủng trong thế gian. Vì lẽ nào vậy? Kinh này dùng duyên nhân và liễu nhân để làm Phật chủng. Nếu chấp Quyền, nghi Thật, sẽ chẳng tin “do điều thiện nhỏ mà thành Phật”. Đây là đoạn duyên nhân chủng trong thế gian, mà cũng là tự đoạn liễu nhân chủng. Nếu hiểu lầm

thường lạc, tức là [giống như gã thầy thuốc dốt được nói trong kinh Niết Bàn] chẳng biện định sữa tốt hay xấu, chính là đoạn liễu nhân chủng trong thế gian. Lại tự nói “Hoặc chính là Bát Nhã, nghiệp chính là giải thoát, chẳng còn tu các thiện pháp”, cũng là tự đoạn duyên nhân chủng. Nay bài kệ đầu tiên nói về kẻ Kiến Hoặc nặng nề. Bài kệ kế tiếp nói về Tư Hoặc nặng nề. Bài kệ sau cùng nêu chung hai lỗi.

(Kinh) Hoặc phục tần túc²³⁰, nhi hoài nghi hoặc. Nhữ đương thính thuyết, thử nhân tội báo: Nhược Phật tại thế, nhược diệt độ hậu, kỳ hữu phỉ báng, như tư kinh điển. Kiến hữu độc tụng, thư trì kinh giả, khinh tiện tăng tật, nhi hoài kết hận. Thử nhân tội báo, nhữ kim phục thính. Kỳ nhân mạng chung, nhập A Tỳ ngục, cụ túc nhất kiếp. Kiếp tận cánh sanh, như thị triển chuyển, chí vô số kiếp. Tùng địa ngục xuất, đương đọa súc sanh. Nhược cầu, dã can, kỳ hình khố²³¹ sáu, lê thăm giới lại, nhân sở xúc nhiều. Hựu phục vi nhân, chi sở ố tiện, thường khốn cơ khát, cốt nhục khô kiệt. Sanh thọ sở độc. Tử bị ngã thạch. Đoạn Phật chủng cổ, thọ tư tội báo. Nhược tác trách đà²³², hoặc sanh lục trung, thân thường phụ trọng, gia chư trượng chủ. Dẫn niệm thủy thảo, dư vô sở tri. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Hữu tác dã can, lai nhập tụ lạc. Thân thể giới lại, hựu vô nhất mục, vị chư đồng tử, chi sở đả trích, thọ chư khổ thống. Hoặc thời trí tử. Ư thử tử dĩ, cánh thọ mạng thân. Kỳ hình trường đại, ngũ bách do-tuần, lung ngãi vô túc, uyển chuyển phúc hành. Vị chư tiểu trùng, chi sở táp thực. Trú dạ thọ khổ, vô hữu hưu tức. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Nhược đắc vi nhân, chư căn ám độn. Toa lậu loan tích, manh lung bối ử. Hữu sở ngôn thuyết, nhân bất tín thọ. Khẩu khí thường xú, ly my sở trước. Bần cùng, hạ tiện, vị nhân sở sử, đa bệnh, tiêu sáu. Vô sở y hỗ. Tuy thân phụ nhân, nhân bất tại ý. Nhược hữu sở đắc, tầm phục vong thất. Nhược tu y đạo, thuận phương trị bệnh, cánh tăng tha tật, hoặc phục trí tử. Nhược tự hữu

²³⁰ Chữ này thường đọc là “tần thích”, nhưng theo tự điển trực tuyến zdic.net/hans thì âm Phổ Thông là píncù, tức là phải đọc là “tần túc”. Hơn nữa, tự điển Khang Hy phiên thiết chữ 蹙 là “tứ lục thiết” hay “thất lục thiết”, tức là chỉ có thể đọc thành âm “túc” hay “thúc”.

²³¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Khố (頤) có nghĩa là đầu không có tóc, hay con vật trụi lông”.

²³² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trách đà (駝) chính là lạc đà”.

bệnh, vô nhân cứu liệu. Thiết phục lương dược, nhi phục tăng kịch. Nhược tha phản nghịch, sao kiếp thiết đạo. Như thị đẳng tội, hoạnh ly kỳ ương. Như tư tội nhân, vĩnh bất kiến Phật, chúng thánh chi vương, thuyết pháp giáo hóa. Như tư tội nhân, thường sanh nạn xứ, cuồng lung tâm loạn, vĩnh bất văn pháp. U vô số kiếp, như Hằng hà sa, sanh triếp lung á, chư căn bất cụ, thường xử địa ngục, như du viên quán. Tại dư ác đạo, như kỷ xá trạch. Đà, lu, trụ, cầu, thị kỳ hành xứ. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Nhược đắc vi nhân, lung, manh, ẩm, á, bản cùng chư suy, dĩ tự trang nghiêm. Thủy thũng, càn tiêu, giới lại, ung thư. Như thị đẳng bệnh, dĩ vi y phục. Thân thường xú xứ, cấu uế bất tịnh. Thân trước ngã kiến. Tăng ích sân khuể. Dâm dục xí thịnh, bất trạch cảm thú. Báng tư kinh cổ, hoạch tội như thị. Cáo Xá Lợi Phất! Báng tư kinh giả, nhược thuyết kỳ tội, cùng kiếp bất tận. Dĩ thị nhân duyên, ngã cổ ngữ nhữ, vô trí nhân trung, mặc thuyết thử kinh.

(經)或復瞶瞶，而懷疑惑。汝當聽說，此人罪報：若佛在世，若滅度後，其有誹謗，如斯經典。見有讀誦，書持經者，輕賤憎嫉，而懷結恨。此人罪報，汝今復聽。其人命終，入阿鼻獄，具足一劫。劫盡更生，如是展轉，至無數劫。從地獄出，當墮畜生。若狗野干，其形頹瘦，黧黧疥癩，人所觸憊。又復為人，之所惡賤，常困饑渴，骨肉枯竭。生受楚毒。死被瓦石。斷佛種故，受斯罪報。若作駝駝，或生驢中，身常負重，加諸杖捶。但念水草，餘無所知。謗斯經故，獲罪如是。有作野干，來入聚落。身體疥癩，又無一目，為諸童子，之所打擲，受諸苦痛。或時致死。於此死已，更受蟒身。其形長大，五百由旬，聾聵無足，宛轉腹行。為諸小蟲，之所啞食。晝夜受苦，無有休息。謗斯經故，獲罪如是。若得為人，諸根闇鈍。矬陋癡瞶，盲聾背偃。有所言說，人不信受。口氣常臭，魑

魅所著。貧窮下賤，為人所使，多病痼瘦。無所依怙。雖親附人，人不在意。若有所得，尋復忘失。若修醫道，順方治病，更增他疾，或復致死。若自有病，無人救療。設服良藥，而復增劇。若他反逆，抄劫竊盜。如是等罪，橫罹其殃。如斯罪人，永不見佛，眾聖之王，說法教化。如斯罪人，常生難處，狂聾心亂，永不聞法。於無數劫，如恒河沙，生輒聾瘡，諸根不具，常處地獄，如遊園觀。在餘惡道，如己舍宅。駝驢豬狗，是其行處。謗斯經故，獲罪如是。若得為人，聾盲瘡瘻，貧窮諸衰，以自莊嚴。水腫乾癆，疥癩癰疽。如是等病，以為衣服。身常臭處，垢穢不淨。深著我見。增益瞋恚。淫欲熾盛，不擇禽獸。謗斯經故，獲罪如是。告舍利弗！謗斯經者，若說其罪，窮劫不盡。以是因緣，我故語汝，無智人中，莫說此經。

(*Kinh*: Hoặc có kẻ cau có, mà ôm lòng ngờ vực. Ông hãy nên lắng nghe, tội báo của kẻ đó: Như Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, hề kẻ nào phỉ báng, kinh điển như thế này. Thấy có người đọc, tụng, chép, phụng trì kinh này, bèn khinh miệt ghen ghét, rồi ôm lòng kết hận. Tội báo của kẻ đó, ông nay lại nên nghe. Kẻ đó sau khi chết, sẽ vào ngục A Tỳ, trọn đủ suốt một kiếp. Kiếp hết rồi lại sanh, cứ xoay vần như thế, cho đến vô số kiếp. Từ địa ngục thoát ra, sẽ đọa làm súc sanh. Hoặc chó nhà, chó rừng, thân trụi lủi, tong teo, đen đúa, còn ghẻ lác, bị loài người chọc ghẹo. Lại còn bị người ta, ghét bỏ và khinh rẻ, thường khổ sở đói khát, xương và thịt khô khao. Sống chịu nổi khổ nhục, chết bị quăng ngói, đá. Vì đoạn mất Phật chúng, hứng chịu tội báo ấy. Hoặc lại làm lạc đà, hoặc sanh trong loài lừa. Tám thân thường chở nặng, lại còn bị roi vọt. Chỉ nghĩ tới cỏ, nước, chẳng biết đến chi khác. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Có kẻ làm chó hoang, đi vào trong xóm làng. Thân thể đầy ghẻ lở, lại chột mắt một mắt, bị bọn trẻ nít vây, quăng ném và đánh đập, chịu các nỗi đau khổ. Hoặc có lúc chết đi. Đời này đã chết

rồi, lại phải làm thân rắn. Thân thể nó to dài, đến năm trăm do-tuần, điếc, ngậy, lại không chân, quần quai bò trườn đi. Bị các loài trùng nhỏ, cắn rủa nơi thân hình. Suốt ngày đêm chịu khổ, chẳng có lúc ngưng nghỉ. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Nếu lại được làm người, các căn đều tối, đụt. Lùn, xấu lại vẹo què. Lòa, điếc, lại gù lưng. Hễ có nói năng gì, chẳng có ai tin tưởng. Hơi miệng thường hôi thối, bị quỷ mỵ dựa thân. Bần cùng và hèn mọn, thường bị người sai khiến. Lắm bệnh, thân còm côi. Chẳng có chỗ nương cậy. Tuy thân cận ai đó, người ta chẳng quan tâm. Nếu có được điều gì, liền quên bằng mắt ngay. Nếu học làm nghề thuốc, theo đúng toa chữa bệnh, người ta bệnh nặng thêm, hoặc đến nỗi chết ngắc. Nếu chính mình có bệnh, chẳng ai cứu chữa nổi. Dù uống thuốc tốt lành, bệnh tật càng nguy ngập. Hoặc kẻ khác phản nghịch, cướp giết, trộm lấy mất. Các tội lỗi như thế, luôn mang vạ bất ngờ. Tội nhân như thế đó, vĩnh viễn chẳng thấy Phật, là vua trong các thánh, thuyết pháp giáo hóa cho. Kẻ tội nhân như thế, thường sanh chỗ hoạn nạn. Tâm cuồng loạn, tai điếc, vĩnh viễn chẳng nghe pháp. Ở trong vô số kiếp, nhiều như cát sông Hằng, sanh ra liền điếc, câm, các căn chẳng toàn vẹn. Thường ở trong địa ngục, như dạo chơi vườn nhà. Trong các đường ác khác, như trong nhà chính mình. Lạc đà, lừa, lợn, chó, là chỗ hẳn thường đi. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Nếu được làm thân người, điếc, đui, lẫn câm ngọng, nghèo túng, các suy bại, dùng để tự trang nghiêm. Phù thũng, bệnh khô khát, ghẻ, lác và ung thư. Các bệnh như thế ấy, dùng để làm y phục. Thân thể thường hôi hám, dơ bẩn, chẳng sạch sẽ. Chấp ngã kiến sâu đậm. Sân khuể càng lừng lẫy. Tánh dâm dục hừng hực, chẳng màng loài cảm thú. Do báng bỏ kinh này, mắc tội như thế đó. Bảo với Xá Lợi Phất! Kẻ phỉ báng kinh này, nếu nói tội của hắn, hết kiếp chẳng thể xong. Do bởi nhân duyên này, nên ta bảo với ông, đối với kẻ vô trí, chớ nên nói kinh này!)

Đây là nói cặn kẽ ác báo sẽ chiêu cảm do phỉ báng kinh, răn nhắc [người hoằng kinh] chớ nên tuyên truyền bừa bãi!

Hỏi: - Báng kinh sanh tội, há chẳng phải kinh là cái duyên gây nên tội ư?

Đáp: - Đức Phật nói kinh chỉ nhằm sanh phước. Kẻ mê chẳng tin, tự mắc tội ương. Như Tứ Đại vốn để dưỡng dục người và vật. Kẻ ngu xâm phạm, tự chuốc lấy tổn hại. Nay Phật ra rả răn nhắc, khiến cho người hoằng kinh phải suy xét căn cơ, cũng như khiến cho kẻ khác biết [tội ương] hòng tránh khổ. Có thể nói là đại bi triệt để!

Phần thứ nhất, “xét theo đại bi, đừng nói kinh này với kẻ ác” đã xong.

3.3.1.3.2.2.2. Xét theo đại từ, hãy nên nói với thiện nhân

3.3.1.3.2.2.2.1. Nêu ra tướng trạng của năm cặp thiện nhân có thể tuyên nói kinh

(Kinh) Nhược hữu lợi căn, trí huệ minh liễu, đa văn cường thức, cầu Phật đạo giả. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Nhược nhân tăng kiến, ức bách thiên Phật, thực chư thiện bổn, thâm tâm kiên cố. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經) 若有利根，智慧明了，多聞強識，求佛道者。如是之人，乃可為說。若人曾見，億百千佛，植諸善本，深心堅固。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người lợi căn, trí huệ lại thông sáng, nghe nhiều và hiểu rộng, tâm mong cầu Phật đạo. Đối với người như thế, mới nên giảng nói cho. Nếu ai đã từng thấy, ức trăm ngàn vị Phật, gieo bồi các cội lành, thâm tâm rất kiên cố. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Lợi căn và nhớ dai thuộc về hiện tại. “Thấy Phật, gieo căn lành” là quá khứ. Đây là một cặp quá khứ và hiện tại.

(Kinh) Nhược nhân tinh tấn, thường tu Từ tâm, bất tích thân mạng, nãi khả vị thuyết. Nhược nhân cung kính, vô hữu dị tâm, ly chư phàm ngu, độc xử sơn trạch. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經) 若人精進，常修慈心，不惜身命，乃可為說。若人恭敬，無有異心，離諸凡愚，獨處山澤。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người tinh tấn, thường tu hành lòng Từ, chẳng tiếc nuôi thân mạng, mới nên giảng nói cho. Nếu có ai cung kính, chẳng có tâm khác biệt, lìa các kẻ phàm ngu, ở riêng nơi núi đầm. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

“Tu lòng Từ” là thương xót kẻ dưới. “Cung kính” là tôn trọng người trên. Lại nữa, tinh tấn tu Từ sẽ chẳng vướng mắc trong Niết Bàn. Là các phàm ngu, sẽ chẳng vướng mắc sanh tử. Đây là một cặp “phước - huệ”.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Nhược kiến hữu nhân, xả ác tri thức, thân cận thiện hữu. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Nhược kiến Phật tử, trì giới thanh khiết, như tịnh minh châu, cầu Đại Thừa kinh. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)又舍利弗！若見有人，捨惡知識，親近善友。如是之人，乃可為說。若見佛子，持戒清淨，如淨明珠，求大乘經。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Nếu thấy có người nào, là bỏ ác tri thức, thân cận các bạn lành. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho. Nếu thấy có Phật tử, giữ gìn giới thanh khiết, như bảo châu sáng sạch, cầu kinh điển Đại Thừa. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Bỏ ác, thân thiện. Đó là ngoại cầu, gọi là Quý (thẹn). Trì giới như minh châu, tức là gìn giữ bên trong, thì gọi là Tàm (hổ). Đây là một cặp hổ thẹn.

(Kinh) Nhược nhân vô sân, chất trực nhu nhuyển, thường mãn nhất thiết, cung kính chư Phật. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết. Phục hữu Phật tử, ư đại chúng trung, dĩ thanh tịnh tâm, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, thuyết pháp vô ngại. Như thị chi nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)若人無瞋，質直柔輭，常慙一切，恭敬諸佛。如是之人，乃可為說。復有佛子，於大眾中，以清淨心，種種因緣，譬喻言辭，說法無礙。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu có người chẳng sân, thẳng thắn, tánh mềm mỏng, thường thương xót hết thảy, cung kính các đức Phật. Người được như

thế đó, mới nên giảng nói cho. Lại có Phật tử nào, ở giữa các đại chúng, dùng cái tâm thanh tịnh, đủ mọi thứ nhân duyên, thí dụ và ngôn từ, thuyết pháp chẳng ngăn ngại. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Chất trực, kính Phật, chính là tự hành. Thí dụ, thuyết pháp là hóa độ người khác. Đây là cặp “tự - tha”.

(Kinh) Nhược hữu tỳ-kheo, vị Nhất Thiết Trí, tứ phương cầu pháp, hiệp chưởng đảnh thọ, đảnh nhạo thọ trì, Đại Thừa kinh điển. Nãi chí bất thọ, dư kinh nhất kệ. Như thị chí nhân, nãi khả vị thuyết. Như nhân chí tâm, cầu Phật xá-lợi. Như thị cầu kinh, đắc dĩ đảnh thọ. Kỳ nhân bất phục, chí cầu dư kinh, diệc vị tăng niệm, ngoại đạo điển tịch. Như thị chí nhân, nãi khả vị thuyết.

(經)若有比丘，為一切智，四方求法，合掌頂受，但樂受持，大乘經典。乃至不受，餘經一偈。如是之人，乃可為說。如人至心，求佛舍利。如是求經，得已頂受。其人不復，志求餘經，亦未曾念，外道典籍。如是之人，乃可為說。

(Kinh: Nếu như có tỳ-kheo, vì cầu Nhất Thiết Trí, cầu pháp khắp bốn phương, chắp tay, cung kính nhận, chỉ ưa thích thọ trì, các kinh điển Đại Thừa. Cho đến chẳng tiếp nhận, một bài kệ kinh khác. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho. Như có người chí tâm, mong cầu xá-lợi Phật. Cầu được kinh như thế, được rồi cung kính thọ. Người ấy lại chẳng còn, mong cầu kinh gì khác, mà cũng chưa hề niệm, các sách vở ngoại đạo. Người được như thế đó, mới nên giảng nói cho).

Cầu pháp bốn phương là khởi đầu của “thỉnh ích” (cầu thỉnh pháp ích). “Đảnh thọ chuyên tu” (Cung kính tiếp nhận, chuyên tu) là kết cục nương tựa. Đây là một cặp khởi đầu và kết thúc.

Hỏi: - Kinh Hoa Nghiêm nói: “Thọ nhất phi dư, thị danh ma nghiệp” (Thọ một điều, chẳng thọ chi khác thì gọi là ma nghiệp). Có sao nay nói: Thậm chí chẳng thọ một bài kệ của kinh khác?

Đáp: - Nếu chấp vào tình kiến để nói, sẽ là “thọ nhất”, ắt sẽ chẳng đến nỗi chẳng có thứ khác. Vì thế là ma nghiệp. Nếu luận theo nghĩa khai hiển, thì ngoài một (nhất Phật Thừa), sẽ chẳng có gì khác. Vì thế, có thể dùng “một” để gồm thâu các thứ khác.

Phần thứ nhất, “nói về năm cặp thiện nhân” đã xong.

3.3.1.3.2.2.2. Tổng kết đối với những đối tượng nào có thể nói kinh này

(Kinh) Cáo Xá Lợi Phất! Ngã thuyết thị tướng, cầu Phật đạo giả, cùng kiếp bất tận, như thị đẳng nhân, tắc năng tín giải. Như đương vị thuyết, Diệu Pháp Hoa kinh.

(經)告舍利弗！我說是相，求佛道者，窮劫不盡，如是等人，則能信解。汝當為說，妙法華經」。

(Kinh: Bảo với Xá Lợi Phất! Ta nói tướng trạng ấy, của người cầu Phật đạo, dầu hết kiếp chẳng trọn, những người như thế đó, sẽ có thể tin hiểu. Ông hãy vì họ nói, kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

Thiện tín rất đông, nêu đại lược mười tướng để chỉ bày phương pháp lưu thông. Trong châu thứ hai là Thí Thuyết Châu, phần thứ nhất là khai tam hiển nhất đã xong.

Trên đây, giải thích phẩm Thí Dụ đã xong. Sau đây, sẽ giải thích phẩm Tín Giải.

4. Tín Giải Phẩm Đệ Tứ

信解品第四

Phẩm thứ tư: Tín Giải

Căn cơ có lợi hay độn, Hoặc (phiền não) thì có dày hay mỏng. Thuyết thì có pháp và thí (thí dụ), ngộ thì có trước, sau. Kinh văn nói: “Thế Tôn vãng tích thuyết pháp ký cửu. Ngã thời tại tòa, thân thể bì giải, đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác. Ư Bồ Tát pháp, bất sanh nhất niệm hảo nhạo chi tâm” (Xưa kia, đức Thế Tôn thuyết pháp đã lâu. Khi đó con ngồi nơi đó, thân thể mỗi mảy, sanh lười nhác, chỉ nghĩ tới Không, Vô Tướng, Vô Tác. Đối với pháp Bồ Tát, chẳng sanh một niệm tâm ưa thích). Thoạt đầu, nghe nói đại lược, do dấy động chấp trước bèn sanh

nghi. Khi nghe nói căn kể về năm loại Phật, [vẫn còn] mông lung, chưa hiểu. Nay nghe Thí Dụ, hoan hỷ, hớn hở, tín giải phát sanh, hết nghi, hiểu lý. Hoan hỷ là Thế Giới Tất Đàn. Tín tâm sanh khởi là Vị Nhân Tất Đàn. Hết nghi là Đối Trị Tất Đàn. Hiểu lý chính là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn. Viên dung Tứ Tất Đàn, cùng lúc đều đạt được! Vì thế, gọi là phẩm Tín Giải.

Lại nữa, phàm là bầm thọ Đại giáo hay Tiểu giáo, đổi phàm thành thánh, mỗi đẳng đều có địa vị theo thứ tự. Tiểu Thừa do nghe mà sanh giải, Khổ nhẫn sáng tỏ, tín tâm tương xứng với hạnh. Quán sát trọn khắp các pháp, Khổ nhẫn sáng tỏ, pháp bèn xứng với hạnh. Nếu tín hạnh chuyển vào tu đạo, thì gọi là “*tín giải*”. Nếu pháp hạnh chuyển vào tu đạo, thì gọi là “*kiến đắc*”. Chuẩn theo Tiểu Thừa để xét Đại Thừa, cũng phải nên như thế. Nay kể trung căn nghe nói Thí Dụ, trước hết là phá nghi hoặc, nhập Đại Thừa kiến đạo. Vì thế, gọi là Tín. Tiến nhập Đại Thừa tu đạo, cho nên gọi là Giải. Kinh văn chép: “*Vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc. Ngã đẳng kim nhật, chân thị Thanh Văn. Dĩ Phật đạo thanh, linh nhất thiết văn*” (Khởi báu vô thượng, chẳng cầu mà tự đạt được. Chúng con ngày nay, thật sự là Thanh Văn. Dùng âm thanh Phật đạo, khiến cho hết thấy đều được nghe), tức là nghe Viên Giáo, dự vào các địa vị của Viên Giáo. Vì thế gọi là phẩm Tín Giải.

Xét theo Bốn Tích, bốn vị đại đệ tử nhập Đại Thừa đã lâu, đã thành tựu Phật pháp. Nơi Tích thì do dẫn khởi trung căn, cho nên thị hiện mới vừa tín giải. Vì thế, gọi là phẩm Tín Giải.

Xét theo quán tâm, liễu đạt “*ngoài tâm chẳng có pháp*”, thì gọi là Tín. Từ trong một niệm tâm nhỏ nhoi hiện tiền mà thấy hết thấy các pháp, thì gọi là Giải. Từ Danh Tự Tín Giải cho đến Cứu Cánh Tín Giải.

*** Trung căn lãnh giải trong Thí Thuyết Châu**

Gần là lãnh ngộ nhà lửa, xa là lãnh ngộ phương tiện.

4.1. Người kết tập kinh trần thuật

(Kinh) Nhĩ thời, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiền Liên, từng Phật sở văn vị tăng hữu pháp, Thế Tôn thọ Xá Lợi Phất A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, phát hy hữu tâm, hoan hỷ, dũng được, tức từng tòa khởi, chỉnh y phục, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, nhất tâm hiệp chưởng,

khúc cung cung kính, chiêm ngưỡng tôn nhan.

(經)爾時，慧命須菩提、摩訶迦梅延、摩訶迦葉、摩訶目犍連，從佛所聞未曾有法，世尊授舍利弗阿耨多羅三藐三菩提記，發希有心，歡喜踴躍，即從座起，整衣服，偏袒右肩，右膝著地，一心合掌，曲躬恭敬，瞻仰尊顏。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Mục Kiền Liên, từ Phật được nghe pháp chưa từng có, [nghe] đức Thế Tôn thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho ngài Xá Lợi Phất, phát tâm hy hữu, hoan hỷ, hớn hờ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, nhất tâm chấp tay, khom mình cung kính, chiêm ngưỡng tôn nhan).

Phần đầu kinh văn trước hết trần thuật nội tâm. Kế đó, từ “*tức từng tòa khởi*” (liền từ chỗ ngồi đứng dậy), trần thuật oai nghi bên ngoài. Riêng ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) được gọi là Huệ Mạng; ba vị kia được gọi là Ma Ha. Luận định chung, [cả bốn vị] đều là đại, đều là huệ. Ngài Thiện Cát giải Không, Không Huệ là mạng. Đó là xét theo hạnh. (Nếu xét theo nhân duyên), trong các vị có trí huệ thì Phật huệ là bậc nhất. Trong thời Bát Nhã, đức Phật sai ngài Tu Bồ Đề dạy thay. Bậc trí huệ vâng theo mệnh lệnh, nên gọi là Huệ Mạng. (Xét theo giáo), ba vị đệ tử kia ít thọ lãnh mệnh lệnh. Ma Ha đã được giải thích trong phần trước. Ở đây, cũng có đủ sự lãnh giải nơi ba nghiệp. Phát tâm hy hữu, tức là tâm lãnh giải (tiếp nhận và giải ngộ). “*Từ chỗ ngồi đứng dậy*” chính là thân lãnh giải. “*Nhi bạch Phật ngôn*” (Mà bạch cùng đức Phật rằng) tức là khẩu lãnh giải.

“*Từng Phật sở văn vị tăng hữu pháp*” (Được nghe pháp chưa từng có từ đức Phật): Gần là chỉ thí dụ về nhà lửa, xa thì là phần Pháp Thuyết Châu giản lược và chi tiết. Lại nghe đức Thế Tôn thọ ký cho ngài Thân Tử, những người cùng hàng suy ngẫm, sẽ biết chính mình ắt có phần. Do vậy, phát khởi tâm hy hữu, hoan hỷ, hớn hờ. Sự biểu hiện bên ngoài dễ hiểu. Nếu xét theo sự biểu thị pháp, “*từ chỗ ngồi đứng dậy*” [biểu thị] bỏ sự chứng Không của Tiểu Thừa. “*Chỉnh đốn y phục*”: Trí Đoạn của Thanh Văn chính là Pháp Nhãn của Bồ Tát. “*Trật vai áo phải*”: Bên phải biểu thị Quyền. Xưa kia, chưa khai Quyền, ví như vai phải còn [bị y ca-sa] che đậy. Nay đã khai Quyền, cho nên trật vai áo bên phải. “*Gối*

phải đặt sát đất”: Đất biểu thị Nhất Thật. Biết Quyền chính là Nhất Thật.

“*Chấp tay*” biểu thị Quyền và Thật bất nhị. Bất nhị tức là nhất tâm “*chẳng phải Quyền, chẳng phải Thật*”. “*Cung*” (躬, khom mình) là chẳng phải thẳng, chẳng phải cong, mà có thể thẳng, có thể cong. Thẳng biểu thị Thật, cong biểu thị Quyền. Nay khom mình cung kính chiêm ngưỡng tôn nhan, biểu thị dùng Quyền của ta để tiến nhập Thật của Phật.

4.2. Bạch Phật, tự trần thuật

Phân Trường Hàng và Trùng Tụng trần thuật sự giải ngộ. Mười ba bài kệ kể đó nhằm tán thán ân sâu của Phật.

4.2.1. Trường Hàng và Trùng Tụng

4.2.1.1. Trường Hàng

4.2.2.1.1. Dựa theo pháp để lược thuật sự nhận lãnh, giải ngộ

4.2.2.1.1.1. Chánh pháp thuyết

4.2.2.1.1.1.1. Nói rõ trước đó [hàng Thanh Văn] do sẵn có ba điều, cho nên chẳng cầu [tấn tu]

4.2.2.1.1.1.1.1. Nêu bày

(Kinh) Nhi bạch Phật ngôn: - Ngã đẳng cư tăng chi thủ, niên tịnh hủ mại, tự vị dĩ đắc Niết Bàn vô sở kham nhậm, bất phục tấn cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)而白佛言：「我等居僧之首，年並朽邁，自謂已得涅槃無所堪任，不復進求阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Mà bạch cùng đức Phật rằng: - Chúng con đứng đầu tăng chúng, tuổi đã già suy, tự cho là đã đắc Niết Bàn, chẳng còn kham gánh vác [pháp Đại Thừa], chẳng còn tiến cao hơn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

- Một là do đã đứng đầu trong tăng chúng, cho nên chẳng cầu. Pháp lập²³³ đã cao, kẻ hậu học lấy ta làm khuôn phép. Nếu bỗng dưng

²³³ Pháp lập còn gọi là pháp tuế, hạ lập, pháp hạ, giới lập, tăng lập, sanh lập, sanh hạ pháp lập, chỉ số năm đã an cư kết hạ sau khi đã thọ giới Cụ Túc của một vị tăng hay

sửa đổi đường lối, bỏ Tiểu, cầu Đại, sợ sẽ gây trở ngại cho kẻ hậu học. Tự củng cố mình, hộ trì kẻ khác; do vậy, chẳng cầu. Nhưng chấp vào điều nhỏ nhặt là pháp lập, Đại pháp hoàn toàn bị thiếu khuyết. Chẳng bỏ Tiểu pháp, do chưa biết đến chuyện “*khai tam*”. “*Tự củng cố*” tức là chấp trước vào Tiểu pháp chẳng rời. “*Hộ trì người khác*” tức là mê nơi khuôn phép to lớn. Đó là lỗi lầm thứ nhất.

- Hai là do tuổi già, suy yếu, cho nên không cầu. Nếu làm bậc Bồ Tát, phải nên gánh vác đại đạo, rộng độ chúng sanh. Nay đã già suy, chẳng thể kham nổi, cho nên chẳng cầu. Nhưng đối với chuyện đoạn chứng ngay trong một đời, lại viện vào lý do tuổi cao để tự coi thường chính mình, hạt giống lép chưa loại trừ. Đó là vì vọng kiến mà chẳng đảm nhiệm. Đây là lỗi lầm thứ hai.

- Ba là [tưởng lầm] “*đã đắc Niết Bàn*”, cho nên chẳng cầu. Cao nguyên, đất bằng chẳng sanh hoa sen. Đã nhập chánh vị vô vi, chẳng lại kham phát đại tâm. Do đó, chẳng cầu. Nhưng trước kia, đối với thật nghĩa đã mê, chỉ so đo công lao nơi chánh vị. Do tình chấp kiên cố ấy, chẳng biết những gì chính mình đã hành chính là Bồ Tát đạo. Đó là lỗi lầm thứ ba.

4.2.2.1.1.1.2. Giải thích

(Kinh) Thế Tôn vãng tích thuyết pháp ký cửu, ngã thời tại tòa, thân thể bì giải, dẫn niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, ư Bồ Tát pháp, du hý, thần thông, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh, tâm bất hỷ nhạo. Sở dĩ giả hà? Thế Tôn linh ngã đẳng xuất ư tam giới, đắc Niết Bàn chứng. Hựu kim ngã đẳng niên dĩ hủ mại, ư Phật giáo hóa Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bất sanh nhất niệm hảo nhạo chi tâm.

ni. Theo quy củ từng lâm, ngày cuối cùng của kỳ An Cư Kết Hạ được gọi là “*thọ tuế nhật*”, kể từ hôm đó, hạ lập (pháp lập) được tăng thêm một năm. Căn cứ vào pháp lập nhiều hay ít mà định ra hạ lập, trung lập, thượng lập hồng ấn định thứ tự nhằm tỏ lòng tôn kính. Vị có pháp lập cao nhất sẽ được gọi là Nhất Lập, Lập Mãn, hoặc Cực Lập. Trong thiên lâm Trung Hoa, pháp lập của các vị tăng được ghi chép cẩn thận vào tăng tịch, gọi là Giới Lập Ba (sổ ghi chép giới lập). Tuân theo thứ tự giới lập ấy để xếp chỗ ngồi thành thượng tọa, trung tọa, hạ tọa trong các pháp đàn, gọi chung là Lập Thứ (thứ tự theo giới lập).

(經)世尊往昔說法既久，我時在座，身體疲懈，但念空，無相，無作，於菩薩法，遊戲，神通，淨佛國土，成就眾生，心不喜樂。所以者何？世尊令我等出於三界，得涅槃證。又今我等年已朽邁，於佛教化菩薩阿耨多羅三藐三菩提，不生一念好樂之心。

(Kinh: Khi trước, đức Thế Tôn nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con đang ngồi nơi tòa, thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với pháp Bồ Tát, du hý, thần thông, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh, tâm chẳng ưa thích. Vì có sao vậy? Đức Thế Tôn dạy chúng con ra khỏi tam giới, chứng đắc Niết Bàn. Nay chúng con lại do tuổi tác già nua, đối với pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác do Phật dạy cho hàng Bồ Tát, chẳng sanh một tâm niệm ưa thích).

Ngồi trong pháp hội mỗi mệt, giải thích chuyện [tự thấy] chính mình thuộc loại đứng đầu tăng chúng cho nên chẳng cầu. Kế đó, giải thích chuyện đắc Niết Bàn. Sau cùng, giải thích [lý do chẳng tán tu] là vì tuổi tác đã già lụn.

Phản thứ nhất, “chỉ ra trước kia do đã có ba điều, cho nên chẳng cầu [Vô Thượng Chánh Giác]” đã xong!

4.2.2.1.1.2. Nay do hiểu Nhất Thừa, cho nên tự đạt được

(Kinh) Ngã đẳng kim ư Phật tiền, văn thọ Thanh Văn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, tâm thậm hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, bất vị ư kim, hốt nhiên đắc văn hy hữu chi pháp, thâm tự khánh hạnh, hoạch đại thiện lợi.

(經)我等今於佛前，聞授聲聞阿耨多羅三藐三菩提記，心甚歡喜，得未曾有，不謂於今，忽然得聞希有之法，深自慶幸，獲大善利。

(Kinh: Chúng con nay ở trước Phật, nghe Thanh Văn được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tâm rất hoan hỷ, đạt được điều

chưa từng có, chẳng ngờ ngày nay bỗng được nghe pháp hy hữu, tự mừng rỡ sâu xa, đạt được điều lợi lành to lớn).

Do nghe Pháp Thuyết và Thí Thuyết tầng tầng khai hiển đại lược và cặn kẽ, cho nên tín giải. Chỉ nêu chuyện Thanh Văn được thọ ký, vì thọ ký ắt phải do khai hiển mà đạt được.

Phần thứ nhất là Chánh Pháp Thuyết đã xong.

4.2.2.1.1.2. Nêu đại lược thí dụ

(Kinh) Vô lượng trân bảo, bất cầu tự đắc.

(經)無量珍寶，不求自得。

(Kinh: Vô lượng trân bảo chẳng cầu mà tự đạt được).

Xưa kia, trong thời Bát Nhã lãnh giáo, đã nói là vì Bồ Tát, chẳng phải là đến hiện thời [mới là] hoàn toàn được bình đẳng ban cho!

Phần thứ nhất, “xét theo pháp, trần thuật đại lược sự tiếp nhận, giải ngộ” đã xong.

4.2.2.1.2. Xét theo thí dụ để nói rộng về sự lãnh nhận, giải ngộ

4.2.2.1.2.1. Lập thí dụ

4.2.2.1.2.1.1. Thỉnh cầu được nêu thí dụ

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả nhạo thuyết thí dụ dĩ minh tư nghĩa.

(經)世尊！我等今者樂說譬喻以明斯義。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con nay thích nói thí dụ để nêu rõ nghĩa ấy).

Giống như lễ nghi trong thế gian, mong được chấp thuận, trước hết cần phải thỉnh cầu [cho phép] phát khởi.

4.2.2.1.2.1.2. Lập thệ

4.2.2.1.2.1.2.1. Thí dụ về cha con thất lạc nhau

[Dùng thí dụ đề trần thuật] sự lãnh ngộ tổng thí trong phần trước (thí dụ trong phẩm Thí Dụ) và phần trùng tụng đại lược trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.1.1. Con bỏ cha rời đi

4.2.2.1.2.1.2.1.1.1. Trái nghịch cha mà bỏ đi

(Kinh) Thí nhược hữu nhân, niên ký ấu trĩ, xả phụ đào thệ, cửu trụ tha quốc, hoặc thập, nhị thập, chí ngũ thập tuế.

(經) 譬若有人，年既幼稚，捨父逃逝，久住他國，或十，二十，至五十歲。

(Kinh: Ví như có người, tuổi còn thơ dại, bỏ cha trốn đi, ở lâu nơi nước khác, hoặc mười, hai mươi, cho đến năm mươi năm).

“Thí như hữu nhân” (Ví như có người): Hàng Nhị Thừa tự sánh ví. “Niên ấu trĩ” (Tuổi còn thơ dại): Sánh ví thiện căn yếu ớt, ít ỏi. “Cha” ví như Ứng Thân của Như Lai, tức là nói do được hai vạn ức Phật dạy vô thượng đạo, đã trở thành cha con. Sau khi Ứng Thân chấm dứt sự ứng hóa, [hàng Nhị Thừa] thoái thất đại tâm, đó gọi là “xả phụ” (lìa bỏ cha). Tự bị che lấp bởi vô minh, gọi là “đào” (逃, trốn tránh). Tiên hướng sanh tử, gọi là Thệ (逝, đi đến). Luân hồi trong tam giới, ngũ dục, thì gọi là “cửu trụ tha quốc” (ở lâu nơi nước khác). Thiên đạo là “hoặc thập” (hoặc mười). Nhân đạo là “nhị thập” (hai mươi). Trải qua khắp năm đường là “chí ngũ thập tuế” (tới năm mươi năm). Đây là lãnh ngộ ý nghĩa “các con trước đó do vui chơi mà vào trong nhà ấy” được nói trong phần trước.

Hỏi: - Ứng Thân thôi hóa hiện, chúng sanh dấy lên Hoặc, đó là cha lìa bỏ con, chẳng phải là con bỏ cha [thì mới là đúng chứ?]

Đáp: - Do chúng sanh chẳng cảm, cho nên Ứng Thân rời khỏi thế gian, vẫn thành ý nghĩa “con bỏ cha”.

Lại dựa theo quán tâm để giải thích, Bốn Giác là cha, chúng tử Thỉ Giác là con. Sức chúng tử nhỏ nhoi, tức là “ấu trĩ”. Do trái nghịch Bốn Giác, dấy khởi vô minh, tức là “xả phụ đào thệ” (bỏ cha trốn đi). Tịch Quang lý tánh là “bốn quốc”. Ngũ dục sanh tử là “tha quốc” (nước khác). Trải qua năm đường thì là “năm mươi năm”.

4.2.2.1.2.1.2.1.2. Hướng đến bốn quốc để trở về

(Kinh) Niên ký trưởng đại, gia phục cùng khốn, trì sinh tứ phương, dĩ cầu y thực, tiệm tiệm du hành, ngộ hướng bốn quốc.

(經)年既長大，加復窮困，馳騁四方，以求衣食，漸漸遊行，遇向本國。

(Kinh: Kể đó tuổi đã lớn, càng thêm bần cùng, khốn khổ, rong ruổi bốn phương để cầu cơm áo, du hành dần dần, tình cờ trở về nước mình).

“Niên ký trưởng đại” (Tuổi tác đã lớn): Ví như thiện căn Đại Thừa đã ngấm hun đúc. “Gia phục cùng khốn” (Càng thêm bần cùng, khốn khổ): Ví như thoái thất Đại Thừa đã lâu, tàn phước dần dần mất đi, chịu đủ tám nỗi khổ, chẳng đạt được lẽ xuất yếu. Vì thế “cùng” (窮, nghèo túng). Bị tám khổ thiêu đốt, cho nên “khốn” (困, khốn đốn). “Trì sinh tứ phương” (Rong ruổi bốn phương): Trải khắp “thân, thọ, tâm, pháp”; suy cầu trọn khắp có, không, song diệc (vừa có vừa không), song phi (chẳng phải có, chẳng phải không). “Dĩ cầu y thực” (Để cầu cơm áo): Trong ấy, cầu thức ăn chánh đạo, cầu áo trợ đạo. “Tiệm tiệm du hành, ngộ hướng bốn quốc” (Du hành dần dần, tình cờ trở về nước mình): Bất ngờ gặp gỡ thì gọi là Ngộ. Ngoại đạo chán khổ, cầu lý, tuy chẳng thích đáng, vẫn có thể là duyên “được hóa độ”. Lúc đức Phật mới xuất thế, các hàng ngoại đạo đều đặc độ trước, tức là ý này.

Phần thứ nhất, “thí dụ con bỏ cha mà đi” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.1.2. Cha tìm con, ở lại giữa chừng

(Kinh) Kỳ phụ tiên lai cầu tử bất đắc, trung chỉ nhất thành. Kỳ gia đại phú, tài bảo vô lượng, kim, ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu đẳng. Kỳ chư thương khố tất giai doanh dật, đa hữu đồng tộc, thân, tá, lại dân, tượng, mã, xa thặng, ngư, dương vô số. Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc. Thương cô, cổ khách, diệc thậm chúng đa.

(經)其父先來求子不得，中止一城。其家大富，財寶無量，金，銀，琉璃，珊瑚，琥珀，玻璃，珠等。其諸倉庫悉皆盈溢，多有僮僕，臣，佐，吏民，象，馬，車乘，牛，羊無數。出入息利，乃徧他國。商估，賈客，亦甚眾多。

(Kinh: Cha kẻ đó từ trước đến nay tìm con chẳng được, bèn ở lại một thành trong đó. Nhà ông ta giàu to, của báu vô lượng, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu v.v... Các kho vừa thấy đều đầy ắp, có nhiều tôi tớ, người trợ tá, kẻ chạy việc, nhân dân, voi, ngựa, xe cộ, trâu, dê vô số. Chỉ ra, thuê vào, lợi tức trồn khắp các nước khác. Thương nhân, lái buôn, cũng rất đông đảo).

Sau khi thoái thất Đại Thừa, cầu cơ duyên mà chẳng được! Vì thế nói “*cầu tử bất đắc*” (tìm con chẳng được). Chẳng vì một đứa con mà phế bỏ gia nghiệp, ví như đức Phật chẳng vì một chỗ không có căn cơ mà bỏ các phương khác, chẳng giáo hóa. Vì thế nói “*trung chỉ nhất thành*” (ở lại một thành trong đó), tức là cõi Phương Tiện. Ở giữa hai cõi Thật Báo và Đồng Cư, thì gọi là Trung. Xét theo Hữu Dư Niết Bàn mà gọi là Thành. Trụ trong Quyền Lý thì gọi là Chỉ (ngưng lại, ở lại), Quyền Lý ấy chính là Thật Tướng. Vì thế gọi là “*kỳ gia*” (nhà của ông ta). Trọn đủ vạn đức; vì thế là “*đại phú*”. Phước đức thuộc Ngũ Độ (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định) là Tài (của cải), trí huệ Bát Nhã là Bảo (vật báu). Hướng dẫn hết thấy các pháp đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa); vì thế nói là “*vô lượng*”. Bảy báu như vàng, bạc v.v... chính là ba mươi bảy đạo phẩm trong Viên Giáo. Đó là lãnh ngộ ý nghĩa “*trưởng giả giàu to*” [trong phẩm Thí Dụ] thuộc phần trước.

“*Thương khó doanh dật*” (Kho vừa đầy ắp): Chỗ để chứa gạo là Thương (倉, vừa), sánh ví Thiền Định có thể sanh ra một trăm lẻ tám môn tam-muội. Chứa vật là Khố (庫, kho), sánh ví Thật Tướng có thể phát khởi mười tám Không trí. Tự cung cấp cho mình là Doanh (盈), giáo hóa ra ngoài là Dật (溢). Đây là lãnh giải ý nghĩa “*có nhiều ruộng nương, nhà cửa*” trong phần trước. “*Đồng bộc*” (Tôi tớ) ví như Phương Tiện Ba La Mật, tức là lãnh giải ý nghĩa “*cập chư đồng bộc*” (và các tôi tớ) trong phần trước. Hơn nữa, Nhị Thừa thuộc hai giáo và Bồ Tát trong Thông

Giáo, ba mươi tâm (tức ba mươi địa vị thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) trong Biệt Giáo, đều như tôi tớ. Thập Địa trong Viên Giáo như “*thần*” (臣, bày tôi thân cận). Thập Hồi Hướng như Tá (佐, kẻ phụ tá, trợ tá, trợ lý). Thập Hạnh như Lại (吏, các nhân viên cấp dưới của thần, tá). Thập Trụ như dân. Vừa mới nhập cảnh giới của Phật thì người trong cả nước đều là dân của vua. Thập Hạnh tu tập các pháp, rong ruổi các thứ; vì thế như Lại. Thập Hồi Hướng Lý Sự hơi sâu, chức vị gần bên vua; vì thế như Tá. Thập Địa phù tá Phật giáo hóa, hàng ma, chế địch; vì thế như Thần (bày tôi thân cận, cận thần).

“*Voi*” ví như Nhất Tâm Tam Quán, chuyển vận Viên Giáo Đại Thừa. “*Ngựa*” ví như Thứ Đệ Tam Quán, chuyển vận Biệt Giáo Đại Thừa. “*Trâu*” ví như hai phép Quán Tức Không (Thể Không) và Tích Không, chuyển vận Thông Giáo và Tạng Giáo Đại Thừa. “*Dê*” ví như pháp tự phân tích để tự hành Quán, chuyển vận Thanh Văn Thừa. Không nói đến nai là do kinh văn giản lược.

Lại nữa, Bích Chi Phật gặp Phật, được gom vào hàng Thanh Văn. “*Vô số*” là nói đến các pháp Quyền và Thật, đều gọi là “*xa thặng*” (xe cộ). Quán trí Quyền Thật được gọi là “*voi, ngựa, trâu, dê*”. Không chỉ là giáo pháp rất nhiều mà Quán Trí cũng lại vô số. “*Xuất nhập*” (Ra vào): Tuy hai mà chẳng hai thì là Nhập (nhập Trung). Bất nhị mà là hai, thì là Xuất (xuất Trung).

Lại nữa, bất nhị mà là hai thì là Nhập (nhập Không, nhập Hữu). Hai mà chẳng hai thì là Xuất (Xuất Không Hữu. Hai đẳng dung thông lẫn nhau, đây là nói theo Tam Đế). Vô lượng quy hoàn một thì là Nhập. Từ trong một sanh ra vô lượng là Xuất (đây là nói theo Nhị Đế). Có tác dụng hóa độ người khác là Xuất, có tác dụng tự hành thì là Nhập (đây là nói theo Tự và Tha, chỉ là vận dụng Tam Đế hay Nhị Đế trên đây). Ban ra pháp ích cho chúng sanh là Túc (tiền lãi), công giáo hóa quy về chính mình là Lợi. Trộn khắp ba cõi chính là “*nãi biến tha quốc*” (trộn khắp tới các nước khác). Chỉ có pháp tánh độ, thì gọi là “*kỷ quốc*” (nước của chính mình). Hàng hóa lưu động gọi là Thương (商), chứa hàng tại một chỗ gọi là Cỗ (賈), ví như các Bồ Tát vào khắp ba cõi để cầu pháp lợi; vì thế nói “*thậm đa*” (rất nhiều). Hoặc Bồ Tát cõi này đến cõi khác để nghe pháp, hoặc bậc đại sĩ từ phương khác đến cõi này để nghe kinh.

Lại nữa, Ứng Thân và Hóa Thân ví như lái buôn, đem thật pháp vào trộn khắp ba cõi, hóa độ, lợi ích chúng sanh quy vào Pháp Thân, cho

nên nói là “thậm đa”. Như người trong thế gian khiến cho kẻ khác kiếm tiền, sanh lợi, thì chính mình cũng có lợi.

4.2.2.1.2.1.2.1.3. Con tình cờ đến thành của cha

(Kinh) Thời, bần cùng tử du cư tụ lạc, kinh lịch quốc ấp, toại đáo kỳ phụ sở chỉ chi thành.

(經)時，貧窮子遊諸聚落，經歷國邑，遂到其父所止之城。

(Kinh: Khi đó, đứa con nghèo túng ấy đi qua các làng xóm, trải qua thành ấp của các nước, đến tòa thành chỗ cha hẳn ở).

Đây là sánh ví sau khi đã thoát thất Đại Thừa, gặp đủ mọi nỗi khổ, sanh lòng chán sợ sâu đậm, muốn cầu xuất ly. Dùng tà huệ Đoạn Thường để quán sát thôn xóm Ngũ Âm, nước “mười tám Giới”, ấp “mười hai Nhập”, cầu áo cơm chánh đạo và trợ đạo khắp nơi! Do cảnh khổ ấy làm cơ duyên, cảm lòng đại bi của Phật, có ý nghĩa “đắc Niết Bàn”. Vì thế nói là “toại đáo phụ sở chỉ chi thành” (bèn đến tòa thành nơi cha hẳn ở).

4.2.2.1.2.1.2.1.4. Cha buồn nhớ con

(Kinh) Phụ mỗi niệm tử, dữ tử ly biệt ngũ thập dư niên, nhi vị tăng hướng nhân thuyết như thử sự, dẫn tự tư duy, tâm hoài hối hận. Tự niệm lão hủ, đa hữu tài vật, kim, ngân, trân bảo, thương khó doanh dật, vô hữu tử tức. Nhất đán chung một, tài vật tán thất, vô sở ủy phó. Thị dĩ ân cần mỗi ức kỳ tử. Phục tác thị niệm: “Ngã nhược đắc tử, ủy phó tài vật, thân nhiên khoái lạc, vô phục ưu lự”.

(經)父每念子，與子離別五十餘年，而未曾向人說如此事，但自思惟，心懷悔恨。自念老朽，多有財物，金，銀，珍寶，倉庫盈溢，無有子息。一旦終沒，財物散失，無所委付。是以殷懃每憶其子。復作是念：「我若得子，委付財物，坦然快樂，無復憂慮」。

(**Kinh:** *Cha thường nghĩ đến con, cùng con ly biệt hơn năm mươi năm, nhưng chưa từng nói với người khác chuyện như thế đó, chỉ tự suy nghĩ, ôm lòng hối hận, tự nghĩ già suy, có nhiều của cải, vàng, bạc, trân bảo, kho vừa đầy ắp, chẳng có con cái. Một mai chết mất, của cải tiêu tán, tài vật thất lạc, không người giao phó. Vì thế, thường ân cần nhớ đến con. Lại nghĩ như thế này: “Nếu ta tìm được con, giao phó của cải cho nó, tâm sẽ thanh thản, vui sướng, chẳng còn lo nghĩ nữa”*).

Từ “*phụ mỗi niệm tử*” (cha thường nghĩ tới con) trở đi, là nghĩ đến nỗi khổ do mất con. Từ “*phục tác thị niệm*” (lại nghĩ như thế này) trở đi, ngẫm nghĩ niềm vui do tìm được con. Như Lai từ xưa đến nay, luôn nghĩ đến các con có căn cơ Đại Thừa. Vì thế nói “*mỗi niệm*” (thường nghĩ tới). Mở ra quỹ đạo và Tu La, cho nên nói “*ngũ thập dư niên*” (hơn năm mươi năm).

“*Vị tăng thuyết*” (Chưa từng nói): Chưa từng hướng về thần, tá, lại dân trong cõi Phương Tiện để nói về cơ duyên của đứa con ấy (các thần, tá v.v... ấy chẳng phải là hoàn toàn không biết căn cơ, tánh tình của đứa con nghèo, nhưng chưa đến lúc nói với đứa con nghèo! Chủ và bạn cùng ẩn Thật chưa nói, quyền biến thuận theo căn cơ của chúng sanh. Do vậy, chẳng nói).

Hơn nữa, kể từ khi [đức Phật] ứng thế tới nay, từ các pháp tòa Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, cũng chưa từng hướng đến các đại sĩ nói rành rẽ “*Thanh Văn vốn là Phật tử!*”

“*Tâm hoài hối hận*” (Ôm lòng hối hận): Hối tiếc trước kia chẳng siêng năng dạy bảo, đến nỗi con do không được dạy bảo mà bỏ trốn. Hận con chẳng suy nghĩ ân nghĩa, lọt lạt tình thân của ta! Dùng chuyện này để sánh ví Như Lai hối hận chẳng ân cần giáo hóa, khiến cho chúng sanh nhập nội phàm²³⁴, đến nỗi họ thoái thất sự hiểu biết sẵn có, tiếc hận họ chẳng thể tinh tấn, chí ý kiên cố, lọt lạt chánh pháp của ta, thân cận sáu trần.

²³⁴ Nội Phàm là một giai vị trước khi đạt đến địa vị Kiến Đạo. Hễ tu hành Phật đạo mà chưa chứng chánh lý thì đều gọi là phàm phu, nhưng nếu đã phát khởi trí giải tương tự chánh lý thì gọi là Nội Phàm. Chưa phát trí giải tương tự chánh lý thì gọi là Ngoại Phàm. Ngũ Đình Tâm trong Tiểu Thừa, Niệm Xứ trong Biệt Giáo, Tổng Tướng Niệm Xứ thuộc địa vị Tam Hiền được gọi chung là Ngoại Phàm. Đã chứng Noãn, Đảnh, Thê Đệ Nhất thì gọi là Nội Phàm. Trong Đại Thừa, coi địa vị Phục Nhẫn trong Thập Tín là Ngoại Phàm, còn Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gọi là Nội Phàm.

“*Tự niệm lão hủ*” (Tự nghĩ chính mình già suy): Thời giáo hóa sắp xong, Đại pháp chưa truyền, như già suy mà chẳng có con.

Hỏi: - Các vị Bồ Tát được Pháp Thân giáo hóa, đều kham thành bậc Bồ Xứ, sao lại ưu tư như thế?

Đáp: - Pháp Thân hóa độ, vốn chẳng hưng phế, ai bàn đến chuyện già suy? Nay nói về quyền thuộc của Hóa Thân thì có hai loại:

- Một là bậc Pháp Thân đại sĩ cùng làm Ảnh Hưởng Chúng, nơi Tích tuy là đệ tử, nhưng nơi Bồn có thể là thầy. Hạng này cũng chẳng thuộc loại “*tự niệm lão hủ*” (tự nghĩ già suy).

- Hai là phàm phu trong cõi Đồng Cư, thoát đầu từ hóa Phật mà phát khởi đạo tâm, gọi đó là “con”. Con kế nghiệp cha khiến cho dòng tộc chẳng dứt. Như ngài Thân Tử được thọ ký làm Hoa Quang Phật, tức là Phật chủng trong một phương sẽ liên tục bất đoạn, gia nghiệp Đại Thừa được nối tiếp giao phó. Nếu ngài Thân Tử là căn cơ chẳng thể hóa độ, pháp tài Đại Thừa hiện thời sẽ chẳng được giao phó, Phật chủng sau này biết gởi gắm vào đâu? Chính vì thế mà rên rầm “*già suy*”. Có căn cơ để có thể hóa độ thì gọi là “*đắc tử*” (có con). Thọ ký thành Phật chính là “*phó tài vật*” (giao phó của cải). Xứng với bốn tâm thì gọi là “*khoái lạc*”.

Phần thứ nhất, “thí dụ cha con lạc mất nhau” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2. *Thí dụ cha con gặp nhau*

[Đây chính là] lãnh ngộ thí dụ “*trưởng giả thấy lửa*” trong phần trước (phẩm Thí Dụ) và Ngũ Trược được nói trong phần Trùng Tụng thuộc phẩm Phương Tiện. Nhưng trong phần Pháp Thuyết và Thí Thuyết đều nói cha thấy con trước; ở đây, lại nói con thấy cha trước. Ấy là vì xét theo phía Phật, do linh trí liền biết trước. Xét theo phía chúng sanh, do căn cơ đã thành thực, sẽ cảm ứng. Ứng hiện tương ứng căn cơ chẳng trước, chẳng sau, chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đặc biệt nêu ra chuyện trước sau!

4.2.2.1.2.1.2.2.1. *Con thấy cha*

(Kính) Thế Tôn! Nhĩ thời, cùng tử dung nhĩ triển chuyển, ngộ đáo phụ xá, trụ lập môn trắc, dao kiến kỳ phụ, cử sư tử sàng, bảo kỷ thừa túc. Chư Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ, giai cung kính vi nhiễu. Dĩ chân châu anh lạc, giá trị thiên vạn, trang nghiêm kỳ thân. Lại dân,

đồng bột, thủ chấp bạch phát, thị lập tử hữu. Phú dĩ bảo trướng, thùy chư hoa phan. Hương thủy sái địa, tán chúng danh hoa, la liệt bảo vật, xuất, nội, thủ dĩ, hữu như thị đẳng chủng chủng nghiêm sức, oai đức đặc tôn. Cùng tử kiến phụ hữu đại thế lực, tức hoài khủng bố, hối lai chí thử, thiết tác thị niệm: “Thử hoặc thị vương, hoặc thị vương đẳng, phi ngã dung lực đắc vật chi xứ. Bất như vãng chí bản lý, tứ lực hữu địa, y thực dị đắc. Nhược cửu trụ thử, hoặc kiến bức bách, cưỡng sử ngã tác”. Tác thị niệm dĩ, tất tảo nhi khứ.

(經)世尊！爾時，窮子傭賃展轉，遇到父舍，住立門側，遙見其父，踞師子床，寶几承足。諸婆羅門、刹利、居士，皆恭敬圍繞。以真珠瓔珞，價直千萬，莊嚴其身。吏民僮僕，手執白拂，侍立左右。覆以寶帳，垂諸華旛。香水灑地，散眾名華，羅列寶物，出內取與，有如是等種種嚴飾，威德特尊。窮子見父有大勢力，即懷恐怖，悔來至此，竊作是念：「此或是王，或是王等，非我傭力得物之處。不如往至貧里，肆力有地，衣食易得。若久住此，或見逼迫，強使我作」。作是念已，疾走而去。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, gã nghèo lần lượt làm mướn, tình cờ đến nhà cha, đứng ở bên cửa, từ xa thấy cha mình ngồi trên giường sư tử, ghé bấu đỡ chân. Các Bà-la-môn, Sát-lợi, cư sĩ đều cung kính vây quanh. Dùng chuỗi ngọc chân châu giá trị ngàn vạn để tô điểm thân hình. Thuộc hạ, tôi tớ tay cầm phát trần trắng, đứng hầu hai bên. Che bằng trướng báu, treo rủ các phan hoa. Nước thơm rưới đất, rải các hoa quý, báu vật la liệt phát ra, thân vào, lấy, cho, có các thứ trang hoàng như thế, oai đức đặc biệt tôn quý. Gã nghèo thấy cha có thế lực to lớn, liền ôm lòng hoảng sợ, hối hận đã đến nơi đây, trộm nghĩ như thế này: “Đây hoặc là vua, hoặc bậc ngang hàng với vua, chẳng phải là chỗ ta làm thuê để được vật dụng. Chẳng bằng đến xóm nghèo, có chỗ để ta tha hồ ra sức, dễ kiếm được cơm áo. Nếu ở lâu nơi đây, có thể sẽ bị bức bách, ép ta phải làm”. Suy nghĩ như thế xong, liền nhanh chóng rời khỏi).

Đoạn kinh văn này có bốn ý:

- Một, nguyên do đến gặp cha: Do vì đi làm mướn.
- Hai, ở chỗ trông thấy cha, nép ở bên cửa.
- Ba, thấy tướng trạng của cha ngồi trên giường sư tử cho tới oai đức đặc biệt tôn quý.
- Bốn, sanh lòng sợ hãi, trốn lánh. Tức là thấy cha có đại thể lực, bèn hồi hận đã đến đây v.v...

1) “*Lần lượt đi làm thuê*”: Do chán khổ, ưa lạc, tìm cầu lý vị, dần dần tích tập thiện căn giúp cho việc xuất thế. Do thiện căn ấy, cảm ứng Phật từ bi ứng hiện. Vì thế nói “*ngộ đạo phụ xá*” (tình cờ đến nhà cha). “*Cha*” ví như đạo hậu Pháp Thân. “*Xá*” (Nhà) sánh ví vô duyên từ bi. Hai căn cơ Tiểu Thừa và Đại Thừa, cùng đả động “*căn nhà*” ấy. Do có căn cơ Đại Thừa, cho nên nói “*dao kiến kỳ phụ*” (từ xa thấy cha). Do có căn cơ Tiểu Thừa, nên nói “*trụ lập môn trắc*” (đứng ở bên cửa). Nếu chỉ có Tiểu Thừa, chẳng có Đại Thừa, sẽ chẳng thể “*dao kiến tôn đặc chi thân*” (từ xa trông thấy thân tôn quý, đặc biệt), mà cha cũng chẳng nên hoan hỷ vì nay tài vật, kho đụn có người để giao phó. Nếu chỉ có Đại Thừa, chẳng có Tiểu Thừa, sẽ chẳng thể “*trụ lập môn trắc*”, mà cũng chẳng thể nói “*phi ngã dung lực đắc vật chi xư*” (chẳng phải là chỗ ta ra sức làm thuê để có được vật dụng).

2) Trong ý thứ hai, nói “*môn trắc*”, [hàm ý] hai phép Quán là phương tiện, như hai bên cửa. Căn cơ trong Viên Giáo sẽ đứng ngay cửa để nhìn thẳng, Nhị Thừa Thiên Chân ví như ở bên cạnh cửa, chỉ là Không tam-muội. Thiên Chân huệ nhãn liếc nhìn Pháp Thân. Đả động, chuốc vời xa xôi, cho nên nói là “*dao*” (遙, từ đằng xa).

3) Trong ý thứ ba, nói “*cư sư tử sàng*” (ngồi trên giường sư tử): Pháp Thân viên báo, ngự yên trên tòa pháp tánh Đệ Nhất Nghĩa Không, chẳng còn các nỗi sợ hãi vì thông hoặc, biệt hoặc, tám ma²³⁵ v.v... “*Bảo kỷ thừa túc*” (Ghế báu đỡ chân): Định và Huệ làm chân. Thật Đế làm ghế. Vô sanh Định Huệ nương vào cảnh Chân Như. Bà-la-môn là tịnh hạnh. Quý tộc cao quý, thanh khiết ví như bậc Ly Cấu Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác trong hội Hoa Nghiêm. Sát-lợi (Kṣatriya) là dòng dõi vua chúa, ví như các vị đại Bồ Tát từ Cửu Địa cho đến Sơ Địa trong hội Hoa Nghiêm. Cư sĩ giàu mà chưa quý, ví như các vị Bồ Tát thuộc ba mươi

²³⁵ Tám ma: Phiền não ma, Ám ma, tử ma, Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử ma (Thiên ma), vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh.

tâm (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướn) trong hội Hoa Nghiêm. “*Chân châu anh lạc*” ví như giới rốt ráo, Thủ Lăng Nghiêm Định, hết thấy các thứ huệ, pháp âm Đà La Ni là bốn loại anh lạc. “*Giá trị thiên vạn*” (Giá trị ngàn vạn): Sánh ví dùng công đức thuộc bốn mươi địa vị để trang nghiêm Pháp Thân. “*Lại dân đồng bộc*”: Nếu xét theo dị môn để giải thích ý nghĩa, “*dân*” ví như người bầm thọ phương tiện giáo để đoạn Thông Hoặc. “*Lại*” ví như người bầm thọ Biệt Giáo để đoạn Thông Hoặc. Nếu xét theo đồng môn để giải thích ý nghĩa, vẫn là sánh ví Phương Tiện Ba La Mật, trong là đồng với Thật Trí, ngoài tương đồng cơ duyên. Ví như “*lại dân*” có ý nghĩa: “Trong là phụng sự, ngoài là phục dịch”.

“*Bạch phát*” (Phát trần trắng) nhằm sánh ví tác dụng của Quyền Trí. “*Hữu*” ví như nhập Không Trí, dùng phỉ trừ bụi Tứ Trụ. “*Tả*” ví như nhập Giả Trí, dùng phỉ trừ bụi vô tri. Hai điều ấy chính là phương tiện Trung Đạo. Vì thế nói là “*thị lập*” (đứng hầu). “*Bảo trướng*” (Trướng báu) ví như từ bi chân thật. “*Hoa*” sánh ví Tứ Nhiếp (Catvāri Saṃgrahavastūni, tức Bố Thí, Đồng Sự, Lợi Hành, Ái Ngữ). “*Phan*” sánh ví thần thông. “*Hương thủy sái địa*” (Nước thơm rưới đất): Ví như pháp thủy rảy vào tâm địa của các Bồ Tát để lắng đọng Hoặc trần, cũng ví như Định thủy rảy trừ tán tâm. “*Tán chúng danh hoa*” (Rải các hoa quý): Ví như hoa Thất Tịnh: Một là tam tụ tịnh giới, hai là Thủ Lăng Nghiêm đại định, ba là Thật Huệ, bốn là đoạn nổi nghi đối với Nhị Đế, năm là hành nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo, sáu là trí đức viên mãn, hiểu rõ kiến tánh, bảy là Đoạn Đức thành tựu, vĩnh viễn hết sạch vô minh. “*La liệt bảo vật*”: Ví như công đức chân thật la liệt trong các địa vị. “*Xuất nội thủ dử*” (Chi ra, thâm vào, cho lấy) như đã giải thích trong phần trước. “*Oai đức đặc tôn*”: Quang minh vô biên, hình sắc vô biên, tướng hải và tùy hảo lồng lộng vọi vọi.

4) Trong ý thứ tư, “*hữu đại thế lực*”: Trí to lớn thì gọi là “*đại lực*”, thần thông to lớn thì gọi là “*đại thế*”, ví như ý nghĩa [ông trưởng giả] “*thân thủ hữu lực*” (thân và tay có sức) trong phần kinh văn trước đó (phẩm Thí Dụ). “*Khủng bố*” (Kinh hoàng sợ hãi): Căn cơ Tiểu Thừa yếu kém, khiếp sợ đại đạo. “*Hối lai chí thử*” (Hối hận đã đến nơi đây): Phật vốn muốn dùng Đại pháp để tiếp độ, nhưng chẳng có căn cơ tương xứng, chỉ có chúng sanh mang ý nghĩ thoái thất Đại Thừa. “*Thiết tác thị niệm*” (Trộm nghĩ như thế này): Trong căn cơ ngấm ngấm có ý nghĩa ấy, chẳng phải là hiển nhiên thấy trực tiếp Thắng Ứng Thân. Bởi lẽ, cha con thấy nhau, tuy ví như cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, nhưng luận

theo sự giáo hóa thì cha thấy con trước, đó là Như Lai soi xét căn cơ. Đạo lý là như thế đó. Nay nói là con thấy cha trước và nơi chốn v.v... hoàn toàn chẳng phải là con đã thấy, chỉ là xét theo căn cơ tương ứng, trần thuật cặn kẽ từ đầu đến đuôi nguyên do tiếp nhận sự giáo hóa đó thôi!

“Thử hoặc thị vương, hoặc thị vương đẳng” (Đây hoặc là vua, hoặc bậc ngang với vua): Ba Tuần là vua, đồ đệ của hắn là *“đẳng”*. Căn cơ Tiểu Thừa hồi đoạn (diệt thân sau khi nhập diệt, chẳng còn sắc thân), chẳng có ngôn từ để nói năng, dứt bật hình sắc. Nhìn Thắng Ứng từ xa, trời, người chẳng thể sánh bằng. Pháp tướng do [Thắng Ứng Thân] nói ra, khác hẳn Nhị Thừa vời vợi. Tiểu trí, đức mỏng, chưa từng thấy nghe, liền ngỡ đó là ma, hoặc bè lũ ma! Lại như [trong đoạn kinh văn] khai tam hiển nhất đại lược, ngài Thân Tử còn tự hồ nghi *“chẳng phải là ma hiện thành Phật, nhiều loạn tâm ta ư?”* Huống hồ, lúc [đức Phật] mới thành đạo, nếu Ngài dùng ngay Đại Thừa để tiếp độ tiểu căn, họ chẳng thể nào không ngỡ Phật là ma ư?

Lại nữa, Pháp Thân là vua, cùng nói đến Báo Thân và pháp tương xứng thì gọi là *“vương đẳng”*. Pháp Thân và Báo Thân của Đại Thừa chẳng phải là chỗ đạt được lợi ích của Tiểu Thừa. Vì thế nói *“phi ngã dụng lực đắc vật chi xứ”* (chẳng phải là chỗ để ra sức làm thuê hòng đạt được vật dụng). Ví như căn cơ Tiểu Thừa chẳng thể tiếp nhận sự giáo hóa bằng Đại Thừa. *“Bản lý”* (Xóm nghèo) ví như cái lý Không rộng tuếch, chẳng chứa đựng vạn đức, hoặc sánh ví cảnh Tứ Kiến (bốn thứ kiến chấp đối với nhị biên, hoặc kiến chấp đối với thường, lạc, ngã, tịnh). *“Tứ lực hữu địa”* (Có chỗ để tha hồ dốc hết sức): Ví như Thiên Không tương xứng tiểu trí, hoặc sánh ví Tứ Kiến tương xứng với thế trí (trí huệ thế gian). *“Y”* (Áo) ví như hành hạnh, *“thực”* (cơm) ví như huệ hạnh. *“Y thực dị đắc”* (Dễ có được cơm áo): Ví như có thể đạt được áo cơm vô lậu nơi Hữu Dư Niết Bàn, hoặc sánh ví có thể đạt được thế gian vị Thiên. *“Nhiược cửu trụ thử”* (Nếu ở lâu nơi đây): Hành Đại Thừa đạo, trải qua vô lượng kiếp. Vì thế nói là *“cửu trụ”*. Ta vốn chán sợ sanh tử, nếu tu Đại Thừa, ắt phải vào trong sanh tử, rộng học vạn hạnh. Vì thế nói là *“bức bách”*. Ta vốn ưa thích Tiểu pháp, nay buộc ta phát tâm Đại Thừa, tức là *“cưỡng sử”* (ép buộc làm). Bỏ Đại giữ lấy Tiểu, cho nên nói là *“tật tẩu”* (nhánh chóng đi khỏi).

4.2.2.1.2.2.2. Cha thấy con

(Kinh) Thời, phú trưởng giả u sư tử tòa, kiến tử tiện thức, tâm đại hoan hỷ, tức tác thị niệm: “Ngã tài vật khổ tạng, kim hữu sở phó. Ngã thường tư niệm thử tử, vô do kiến chi, nhi hốt tự lai, thậm thích ngã nguyện. Ngã tuy niên hủ, do cố tham tích”.

(經)時，富長者於師子座，見子便識，心大歡喜，即作是念：「我財物庫藏，今有所付。我常思念此子，無由見之，而忽自來，甚適我願。我雖年朽，猶故貪惜」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, ông trưởng giả giàu có ở trên tòa sư tử, thấy con liền nhận biết, tâm rất hoan hỷ, liền nghĩ như thế này: “Của cải, kho tàng của ta nay đã có người để giao phó. Ta thường nghĩ nhớ đứa con này, không cách nào gặp nó, nay nó bỗng tự đến, rất hợp lòng ta mong mỏi. Ta tuy đã già, vẫn còn tham tiếc”).

Đoạn kinh văn này cũng có bốn ý:

- Một, tòa sư tử là chỗ trông thấy con. Pháp Thân của Như Lai ngự trong cảnh Đệ Nhất Nghĩa Không vô úy, chiếu rõ căn cơ.

- Hai, thấy con liền nhận biết, biết đó là chúng sanh đã kết duyên xưa kia.

- Ba, thấy con bèn hoan hỷ. Phật luôn tìm cầu căn cơ của con, nay căn cơ xứng hợp lòng Từ. Vì thế hoan hỷ. Đây là sự lãnh ngộ “chuyện kinh sợ to lớn trong thí dụ” thuộc phần trước. Từ trong phương tiện mà khởi tâm đại bi. Trong phần trước nói về sự đẹp khổ, nên bảo là “*kinh bố*” (kinh hoảng, sợ hãi). Nay nói về sự ban vui, cho nên bảo là “*hoan hỷ*”.

- Bốn, do thấy con bèn thỏa nguyện. Xưa kia thấy chúng sanh sau khi đã thoát thất Đại Thừa, rong ruổi bốn phương tìm cầu cơm áo, lần lượt làm thuê, thường muốn ban tài sản cho con, nhưng do chẳng có căn cơ [trương xứng], cho nên chẳng thực hiện được. Hiện thời, căn cơ tìm đến, xứng hợp tâm đại từ. Vì thế nói “*khổ tạng kim hữu sở phó*” (kho tàng nay đã có chỗ để giao phó). Chúng sanh lưu chuyển sanh tử, bị các sự khổ bức bách, khiến cho tâm đại bi đau đớn. Vì thế nói “*ngã thường tư niệm*” (ta thường nghĩ nhớ). Tuy muốn cứu bạt, nhưng chẳng có căn cơ [trương xứng] làm sao té độ? Do vậy nói “*vô do kiến chi*” (không cách nào trông thấy). Nay có căn cơ để có thể độ, vì thế nói “*nhi hốt tự lai*” (bỗng nó tự đến). Tương xứng với tâm đại bi, cho nên “*thậm thích ngã nguyện*” (rất hợp lòng ta mong mỏi). Một kỳ hóa độ đã xong, cho

nên nói “*niên hủ*” (lại còn xét theo sự thị hiện được Phật Nhiên Đăng thọ ký, cho đến từ Đâu Suất giáng thân, xuất gia, thành đạo, tức là chuyện hóa độ trong một thời kỳ đã sắp xong). Chưa thấy căn cơ Đại Thừa, pháp sẽ chẳng thể giao phó được. Các đồ đệ trong tương lai sẽ do ai mà được độ thoát? Vì người đáng độ, cho nên nói “*tham tích*” (tham tiếc).

Phần thứ hai, “thí dụ về cha con gặp nhau” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3. Thí dụ về sự truy đuổi và khuyên dụ

Lãnh ngộ thí dụ “bỏ ghế, dùng xe” trong phần trước, và ý nghĩa thực thi phương tiện để hóa độ trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.1. Sai người bên cạnh đuổi theo

(Kinh) Tức khiển bàng nhân, cấp truy tương hoàn. Nhĩ thời, sứ giả tạt tầu vãng tróc, cùng tử kinh ngạc, xưng oan đại oán: “Ngã bất tương phạm, hà vị kiến tróc?” Sứ giả chấp chỉ dữ cấp, cưỡng khiến tương hoàn. Vu thời, cùng tử tự niệm vô tội, nhi bị tù chấp, thử tất định tử, chuyển cánh hoàng bố, muện tuyệt tích địa.

(經)即遣旁人，急追將還。爾時，使者疾走往捉，窮子驚愕，稱怨大喚：「我不相犯，何為見捉？」使者執之逾急，強牽將還。于時，窮子自念無罪，而被囚執，此必定死，轉更惶怖，悶絕蹙地。

(Kinh: Liền sai người bên cạnh gấp rút đuổi theo bắt lại. Khi đó, kẻ được sai bảo nhanh chóng đuổi bắt. Gã nghèo kinh ngạc, lớn tiếng kêu oán: “Tôi chẳng xúc phạm, vì sao bị bắt?” Kẻ được sai bảo càng gấp gáp, bắt lấy hắn, cưỡng lôi trở về. Lúc đó, gã nghèo tự nghĩ mình vô tội mà bị bắt bớ, đây ắt là phải chết, càng thêm hoảng sợ, mê ngất, ngã quỵ xuống đất).

Đây là lãnh ngộ “cả hai môn Khuyên và Giới đều chẳng có căn cơ tương ứng”. “*Bàng nhân*” (Người bên cạnh): Trí là chủ thể sai khiến, Giáo là đối tượng được sai khiến. Từ Phật mà phát xuất mười hai bộ loại kinh điển. Lại nữa, “*thần, tá*” v.v... chính là người bên cạnh. Như trong

kinh Hoa Nghiêm, Pháp Huệ Bồ Tát nói Thập Trụ, Công Đức Lâm Bồ Tát nói Thập Hạnh, Kim Cang Tràng Bồ Tát nói Thập Hồi Hướng, Kim Cang Tạng Bồ Tát nói Thập Địa v.v... “*Cấp truy tương hoàn*” (Gấp rút đuổi theo bắt về): Toan dùng Khuyển môn thuộc giáo pháp Đốn [để hóa độ]. “*Tật tẩu vãng tróc*” (Nhanh chóng đến bắt): Đại Thừa nêu bày nghĩa hiển lộ chánh trực, dùng đó để đối ứng căn cơ, hòng nhanh chóng đạt đến Bồ Đề. Nếu coi Bồ Tát là “*người bên cạnh*” thì Bồ Tát đều tự có thần lực, lại được Phật gia bị, cũng có thể khiến cho kẻ đó nhanh chóng nhập Bồ Đề.

“*Cùng tử kinh ngạc*” (Gã nghèo kinh ngạc) tức là thực hiện Khuyển Môn thì chẳng có căn cơ. Đã chẳng có căn cơ, dầu cho họ xưa kia đã từng phát [tâm Bồ Đề], nhưng bỏ quên lâu ngày chẳng nhớ, chợt nghe Đại giáo, tâm chống trái, cho nên kinh hoảng. Do chẳng biết, nên ngạc nhiên. Tiểu Thừa coi phiền não là oán, coi sanh tử là khổ. Nếu khuyển “*phiền não chính là Bồ Đề*”, họ sẽ gào to kêu oan uổng! Nếu nghe “*sanh tử chính là Niết Bàn*”, sẽ gào to kêu đau khổ! Ta chẳng dính dáng gì đến chuyện cầu Đại Thừa, sao lại dùng Đại Thừa để bắt ta?

“*Sứ giả chấp chi dữ cấp, cưỡng khiến tương hoàn*” (Kẻ được sai khiến càng gấp gáp bắt lấy, cưỡng lôi về), ví như toan dùng Giới môn của Đại Thừa để hóa độ, vì kẻ đó nói các chuyện đáng sợ hãi. “*Cùng tử tự niệm vô tội*” (Gã nghèo tự nghĩ vô tội): Ví như Giới môn chẳng có căn cơ [tương xứng để tiếp nhận]. “*Tội*” sánh ví như từ bi. Chúng sanh do mắc tội, vào trong nhà ngục sanh tử; Bồ Tát vì lòng từ bi, vào ngục cứu giúp. Nhị Thừa chẳng có lòng đại từ đại bi ấy, vì thế nói là “*vô tội*”. Bảo họ nhập sanh tử, tức là “*bị tù chấp*” (bị bắt bớ, tù đầy). Chẳng có đại phương tiện để nhập sanh tử, ắt sẽ vĩnh viễn đánh mất huệ mạng tam thừa. Vì thế nói “*thử tất định tử*” (đây là ắt phải chết). Do suy nghĩ các chuyện như thế đó, cho nên nói “*chuyển cánh hoàng bố*” (càng thêm hoảng sợ). Tiểu trí chẳng hiểu Đại giáo, vì thế nói “*muộn tuyệt*” (mê ngất). Yếu ớt nơi đất vô minh, cho nên nói là “*tích địa*” (lăn quay ra đất).

(Kinh) Phụ dao kiến chi, nhị ngữ sứ ngôn: “Bất tu thử nhân, vật cường tương lai. Dĩ lãnh thủy sái diện, linh đắc tỉnh ngộ, mạc phục dữ ngữ”. Sở dĩ giả hà? Phụ tri kỳ tử chí ý hạ liệt, tự tri hào quý, vi tử sở nan. (Cố tuy) thẩm tri thị tử, nhị dĩ phương tiện, bất ngữ tha nhân, vân thị ngã tử. (Ưu thời) sứ giả ngữ chi: “Ngã kim phóng nhữ,

tùy ý sở thú”. Cùng tử hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, tùng địa nhi khởi, vãng chí bản lý, dĩ cầu y thực.

(經)父遙見之，而語使言：「不須此人，勿強將來。以冷水灑面，令得醒悟，莫復與語」。所以者何？父知其子志意下劣，自知豪貴。為子所難。（故雖）審知是子，而以方便，不語他人，云是我子。（於時）使者語之：「我今放汝，隨意所趣」。窮子歡喜，得未曾有，從地而起，往至貧里，以求衣食。

(*Kinh*: Cha từ xa trông thấy, bảo kẻ được sai khiến rằng: “Chẳng cần gã đó, đừng cưỡng ép hắn đến. Dùng nước lạnh tưới vào mặt cho hắn tỉnh lại. Đừng nói gì với hắn nữa!” Vì lẽ nào vậy? Cha biết con chí ý kém hèn, tự biết chính mình giàu có, sang cả, khiến cho con khiếp sợ. (Vì thế, tuy) biết rõ là con mình, mà dùng phương tiện, chẳng nói với người khác “đó là con ta”. (Khi đó), kẻ được sai khiến bảo: “Nay ta thả người đi đâu tùy ý”. Gã nghèo hoan hỷ, được điều chưa từng có, từ dưới đất đứng lên, đi qua xóm nghèo để cầu cơm áo).

Đây là lãnh ngộ [ý nghĩa] “đổi với cả hai môn Khuyến và Giới, đều ngưng dứt sự giáo hóa”. Ấy là vì đã nắm rõ sâu xa ý Phật, tuy [đức Phật] toan vận dụng Khuyến môn [để hóa độ], nhưng chẳng có căn cơ [tương xứng]. Ý [hóa độ] vẫn chưa ngơi, lại toan dùng Giới môn, nhưng chẳng thể thực hiện được. Sau đấy mới thôi [dùng pháp Đại Thừa viên đôn đê] hóa độ. Kinh văn cũng gồm bốn ý:

- Một, suy nghĩ chấm dứt sự hóa độ [bằng Đại pháp viên đôn]. Nói “*phụ dao kiến*” (cha từ xa trông thấy), tức là Tiểu Thừa cách biệt Đại Thừa xa thăm, cho nên nói là “*dao*” (遙, từ đằng xa). “*Ngữ sư ngôn*” (Nói với kẻ được sai khiến): Nếu coi giáo là “*sứ*” thì trí vốn thuyết giáo, nhưng trí biết [thính chứng] chẳng có căn cơ. Do trí ngưng dứt, cho nên giáo ngưng dứt. Nếu coi người là “*sứ*”, thì như trong kinh Tịnh Danh có nói “*nhiep như thân hương, vô linh bỉ chư chúng sanh nhi khởi Hoặc trước*” (hãy thâm nhiếp mùi hương nơi thân người lại, đừng

khiến cho chúng sanh khởi Hoặc chấp trước)²³⁶. Lại như ngài Phổ Hiền vào cõi Sa Bà này, rút thân nhỏ lại, đều là do nghĩa này. “*Vật cường tương lai*” (Đừng cường bức đem tới): Đã chẳng có căn cơ Đại Thừa, sợ thương tổn thiện căn của người ấy. “*Lãnh thủy sái diện*” (Dùng nước lạnh rảy vào mặt): Biết kẻ đó tiểu chí, hãy nên dùng nước lý “*hôi đoạn*” để rảy vào khuôn mặt hướng về Niết Bàn của người ấy, khiến cho người ấy lìa phiền muộn, dần dần ngộ Tứ Đế. “*Mạc phục dữ ngữ*” (Đừng nói gì với hần nữa): Quyết định phải nên ngưng giáo hóa bằng Đại Thừa.

- Thứ hai, từ “*sở dĩ giả hà*” (vì lẽ nào vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa [vì sao phải] ngưng dứt sự giáo hóa bằng Đại Thừa. [Do chúng sanh] chán khô, thích Không. Vì thế, “*chí ý hạ liệt*” (chí ý hèn kém). Bi và Trí chưa phát; vì thế, sợ hãi kẻ quyền quý. Biết chắc chắn [các chúng sanh ấy] ở chỗ hai vạn ức Phật đã từng phát đạo tâm, thật sự là Phật tử; nhưng vì bảo vệ, cho nên chẳng nói với ai khác, tức là từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, chưa từng nói rõ “*Nhị Thừa thành Phật*”!

- Thứ ba, từ “*sứ giả ngữ*” (kẻ được sai khiến nói), nêu rõ ngưng dứt sự giáo hóa bằng Đại Thừa. “*Ngã kim phóng như*” (Nay ta thả người) tức là biết căn cơ Đại Thừa [của chúng sanh] yếu ớt. “*Tùy ý sở thú*” (Đi đâu tùy ý): Tức là biết điều lành thuộc về Tiểu pháp mạnh mẽ.

- Thứ tư, từ “*cùng tử hoan hỷ*” (gã nghèo hoan hỷ) trở đi, chính là dứt sự giáo hóa nhằm tương xứng với căn cơ. Do kẻ đó chẳng bị Đại giáo bức bách, cho nên hoan hỷ. Do dùng Tiểu pháp tương xứng, cho nên [kẻ đó] có thể tỉnh ngộ. Vì thế nói “*tùng địa nhi khởi*” (từ dưới đất đứng lên). Cầu chánh trợ đạo nơi lý đản Không (chỉ biết Chân Không, chẳng biết Diệu Hữu), hoặc cầu chánh trợ đạo từ nơi Tứ Kiến. Vì thế nói “*vãng chí bản lý, dĩ cầu y thực*” (đi qua xóm nghèo để cầu cơm áo).

²³⁶ Đây là một câu chuyện trong phẩm Hương Tích của kinh Duy Ma Cát (kinh Tịnh Danh). Khi các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn theo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến thăm bệnh cư sĩ Duy Ma Cát. Sau một hồi vấn đáp pháp môn Bát Nhị, đã đến giờ thọ trai của chư tăng, cư sĩ Duy Ma Cát liền biến hiện thần thông, sai hóa Bồ Tát đến cõi Chúng Hương cách Sa Bà bốn mươi hai Hằng sa cõi Phật ở phương trên để xin cơm. Trong cõi ấy, Phật hiệu là Hương Tích dùng mùi thơm để làm Phật sự. Y báo và chánh báo trong cõi Chúng Hương đều có mùi thơm. Có chín trăm vạn Bồ Tát trong cõi Chúng Hương thấy hóa Bồ Tát, biết cõi Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh, bèn xin phép Hương Tích Phật qua cõi Sa Bà nghe kinh. Phật Hương Tích dạy các vị Bồ Tát ấy phải thâm nhiếp mùi hương nơi thân để chúng sanh trong cõi Sa Bà chẳng sanh tham đắm.

Phần thứ nhất, “sai người bên cạnh đuổi theo” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2. Thí dụ “sai hai người khuyên dụ”

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1. Lãnh ngộ ý nghĩa “cùng dạy cả ba thừa”

Lãnh ngộ gần thì là hiểu ý chỉ “dùng ba loại xe để cứu con”, xa thì “thực hiện quyền biến, [tuyên thuyết pháp Tứ Đế] ở Ba La Nại”. Phần này lại chia thành bốn phần: Một, lãnh ngộ chuyện “nên dùng ba loại xe”, hai là lãnh ngộ chuyện “cha biết trước tâm ý của con”, ba là lãnh ngộ chuyện “tán thán ba cỗ xe”, bốn là lãnh ngộ chuyện “do đúng ý mong muốn của các con, nên chúng tranh giành nhau ra khỏi nhà lửa”.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.1. Lãnh ngộ chuyện toan dùng ba loại xe

(Kinh) Nhĩ thời, trưởng giả tương dục dụ dẫn kỳ tử, nhi thiết phương tiện, mật khiển nhị nhân, hình sắc tiều tụy, vô oai đức giả: “Nhữ khả nghệ bỉ, từ ngữ cùng tử, thử hữu tác xứ, bội dữ nhữ tri²³⁷. Cùng tử nhược hứa, tương lai sử tác. Nhược ngôn dục hà sở tác, tiện khả ngữ chi, cố nhữ trừ phần. Ngã đẳng nhị nhân, diệc cộng nhữ tác”.

(經)爾時，長者將欲誘引其子，而設方便，密遣二人，形色憔悴，無威德者：「汝可詣彼，徐語窮子，此有作處，倍與汝直。窮子若許，將來使作。若言欲何所作，便可語之，雇汝除糞。我等二人，亦共汝作」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trưởng giả muốn dẫn dụ con mình, bèn lập phương tiện, ngầm sai hai người, hình sắc tiều tụy, chẳng có oai đức: “Các ngươi hãy đến chỗ nó, thông thả nói với gã nghèo, ở đây có chỗ để làm thuê, trả công gấp bội cho ngươi. Nếu gã nghèo chấp thuận, hãy đưa nó đến làm. Nếu nó hỏi muốn nó làm gì, có thể bảo rằng: Mướn ngươi dọn phân. Hai người chúng ta cũng sẽ làm chung với ngươi”).

²³⁷ Theo pháp sư Phổ Hành, tuy chữ này viết là Trục, phải đọc là Trị, vì văn bản cổ viết theo lối giả tá.

Đã thôi giáo hóa bằng Đại Thừa, chẳng nở bỏ con côi, tính lập phương tiện. Vì thế nói “*tương dục*” (mong muốn). Bốn vị đại đệ tử đều đã lãnh ngộ phần nào, chẳng dính dáng đến hàng Bồ Tát. Vì thế, ngầm sai hai người. Xét theo pháp, [“hai người”] chính là Tứ Đế và mười hai nhân duyên. Xét theo lý, chính là hữu tác chân tục (chân và tục có tạo tác). Xét theo người thì chính là Thanh Văn và Duyên Giác. Nhưng nói “*mật khiển*” (ngầm sai), xét theo giáo, ẩn tàng pháp môn tự là “*mật*”, chỉ bày pháp bản tự là “*khiển*” (sai khiến). Xét theo Lý, ẩn Thật là Mật, chỉ bày Quyền là Khiển. Xét theo người, “*trong ngầm là Bồ Tát hạnh*”, chính là Mật, “*ngoài hiện tướng Thanh Văn*” là Khiển. Trong giáo pháp Nhị Thừa, chẳng tu tướng hảo, chỉ nói Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, Bất Tịnh. Vì thế nói “*hình sắc tiêu tụy*”. Chẳng trọn đủ Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy; cho nên nói “*vô oai đức*”. Do dùng Tiểu giáo để độ Tiểu cơ (căn cơ Tiểu Thừa), vì thế nói “*nhữ khả nghệ bỉ*” (người có thể đến chỗ nó). Lý được nói trong Tiểu giáo thì quanh co, ẩn tàng, chẳng thẳng thừng nắm bắt như Đại Thừa, cho nên nói “*từ ngữ cùng tử*” (thong thả nói với gã nghèo). Kiến đạo và tu đạo là hai chỗ để thực hiện đoạn Hoặc. Vì thế nói “*thử hữu tác xư*” (ở đây có chỗ làm). Sáu hạnh của ngoại đạo chỉ có thể chế phục Hoặc, sanh vào hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới); nay tu để duyên (Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên), sẽ có thể đoạn Hoặc, ra khỏi biển sanh tử. Vì thế nói “*bội dữ nhữ trị*” (trả giá gấp bội cho người). “*Cùng tử nhược hứa*” (Nếu gã nghèo chấp thuận): Có căn cơ là “*hứa*”, bèn lập giáo. Chẳng có căn cơ thì sẽ chẳng hứa, chẳng lập giáo. Nhị Thừa chỉ muốn trừ Hoặc, giữ lấy sự chứng đắc, chẳng bàn tới chuyện nghiêm tịnh (trang nghiêm thanh tịnh) cõi Phật hay thành tựu chúng sanh. Vì thế nói “*có nhữ trừ phần*” (mướn người dọn phân). “*Ngã đẳng nhị nhân diệc cộng nhữ tác*” (Hai người chúng ta cũng làm chung với người): Xét theo giáo, tức là độn căn Nhị Thừa dựa vào giáo mà hành hạnh thì mới có thể tu nghiệp. Xét theo lý, Trí và Đế giúp lẫn nhau. Xét theo người, Quyền nhân và Thật nhân cùng tu hành.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.2. Lãnh ngộ chuyện “cha biết trước tâm ý của con” và lãnh ngộ sự tán thán ba loại xe

(Kinh) Thời, nhị sứ nhân tức cầu cùng tử. Ký dĩ đắc chi, cụ trần thượng sự.

(經)時，二使人即求窮子。既已得之，具陳上事。

(Kinh: Khi đó, hai người được sai khiến liền tìm gã nghèo. Đã tìm được bèn nói cặn kẽ chuyện trên đây).

Biết chắc chắn là có căn cơ; vì thế nói là “*đắc chi*” (đã tìm được), tức là lãnh ngộ chuyện biết trước tâm ý của con. “*Cụ trần thượng sự*” (Nói cặn kẽ chuyện trên đây): Thuê về cùng nhau làm chung. Dọn phân Tập Khổ, trả cho giá tiền Đạo Diệt, tức là lãnh ngộ sự tán thán ba loại xe.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.1.3. Lãnh ngộ chuyện “xứng với ước nguyện của con, chúng nó tranh nhau ra khỏi nhà lửa”

(Kinh) Nhĩ thời, cùng tử tiên thủ kỳ giá, tầm dữ trừ phần. Kỳ phụ kiến tử, mẫn nhi quá chi.

(經)爾時，窮子先取其價，尋與除糞。其父見子，慙而怪之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, gã nghèo trước đã chấp nhận giá ấy, bèn tìm đến dọn phân. Cha hắn thấy con bèn thương xót và trách móc).

Hâm mộ Diệt thì mới chịu tu Đạo. Vì thế nói “*tiên thủ kỳ giá*” (trước đó đã chấp nhận giá ấy). “*Tầm dữ trừ phần*” (Tìm đến dọn phân): Giống như nói trước đó đã hỏi giá, thấy giá vừa hợp ước nguyện. “*Trừ phần*” là tranh nhau ra khỏi [tam giới]. “*Mẫn*” là thương xót vì con chấp lấy quả Tiểu Thừa, “*quá*” (trách móc) vì con chẳng cầu Phật đạo.

Phần thứ nhất, “lãnh ngộ chuyện vì sao phải cùng dạy ba thừa” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2. Lãnh ngộ dụng ý giáo hóa

Lãnh ngộ nơi địa vị Pháp Thân, [đức Phật] soi chiếu phương tiện đã lâu; chẳng phải là đến đạo thụ (lúc thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề), [đức Phật] mới biết dùng Tiểu Thừa [để tiếp độ]. Sớm biết chúng sanh kiêng sợ thân tôn quý đặc biệt, [đức Phật giống như ông trưởng giả trong thí dụ này] đích thân khoác áo bản thủ (tức là thọ thân trượng sáu giống như người bình phàm). Vì thế, suy từ chuyện trước mà lãnh ngộ để thấu hiểu chuyện hiện thời.

Hỏi: - Bốn vị đại đệ tử do nhân gì mà có thể biết Pháp Thân chiếu soi đã lâu?

Đáp: - Suy từ cái gần mà biết cái xa! Nếu tới đạo thụ mới biết chẳng có căn cơ Đại Thừa, sẽ chẳng nên từ Đâu Suất giáng thần, chánh huệ nương gá vào thai, cho đến thị hiện có phiền não, lấy phi tần, sanh con. Ba mươi bốn tâm, hậu thân đoạn kết; trải nghiệm tháo gỡ chuỗi ngọc tướng hải²³⁸ vi diệu, mặc áo bản thủ, thô hèn [tức thọ thân cao] trượng sáu [chỉ có ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi tùy hình hảo]. Đó là vì soi xét căn cơ đã lâu.

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.1. Lãnh ngộ Phật đã từ lâu toan dùng Quyền trí để phương tiện hóa độ

(Kinh) Hựu dĩ tha nhật, ư song dĩ trung, dao kiến tử thân.

(經)又以他日，於牕牖中，遙見子身。

(Kinh: Lại một ngày nọ, từ trong cửa sổ, trông thấy thân con từ xa).

“Hựu” là từ ngữ trình trọng. Muốn lãnh ngộ ý nghĩa nơi địa vị Pháp Thân, biết sự mâu nhiệm của việc thực hiện hóa độ thuận theo căn cơ, nhắc lại ý Phật. Vì thế, mở đầu chương này bèn nói “hựu”. “Tha” chỉ Pháp Thân. Nhị Thừa tự cho rằng Quyền Lý là chính mình; vì thế, coi Thật Lý đối lập với mình mà gọi là Tha. “Nhật” là thời, mà cũng là trí. Khi nương vào Pháp Thân, dùng trí để chiếu soi căn cơ; vì thế, nói là “tha nhật”. Trong phần lãnh hội chuyện cùng dùng ba thừa để giáo hóa trong phần trước, đã lãnh ngộ tác dụng hành xử của Hóa Thân. Vì thế, Nhị Thừa nói là “kỷ nhật” (ngày của chính mình). Nay lãnh ngộ ý nghĩa, lãnh ngộ các chuyện thuộc tác dụng của Pháp Thân; vì thế, Nhị Thừa được gọi là “tha nhật”. Lại xét theo Pháp Thân của Như Lai để nói, Thật Trí chiếu Thật là “kỷ”, Quyền Trí chiếu phương tiện là Tha.

Lại nữa, tự hành Quyền Thật là “kỷ”. Hóa tha Quyền Thật là Tha. Lại nữa, Hóa Tha chiếu Thật là Kỷ, Hóa Tha chiếu Quyền là Tha. Nay đứng trong lúc tham cứu, lãnh ngộ Pháp Thân, dùng Hóa Tha Quyền trí chiếu Quyền cơ (căn cơ thuộc về Quyền) dường có, dường không, chiếu

²³⁸ Các tướng của Phật vô lượng, mỗi tướng lại có vô lượng tùy hình hảo làm quyền thuộc. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dùng chữ Tướng Hải để diễn tả tướng đại nhân và tùy hình hảo nơi báo thân Phật chẳng thể thấy biết trọn hết.

Quyền dụng (tác dụng của Quyền) dường như có thể, chẳng thể. Vì thế nói “tha nhật”.

“Song dĩ”: [Cửa sổ trở] nơi nhà gọi là Song (牖), [lỗ to khoét] trên tường thì gọi là Dĩ (牖). Đã chẳng phải là cửa giữa, cho thấy nơi chốn chật hẹp, ví như Quyền Trí chiếu căn cơ thiên lệch. “Dao” (遙, cách xa): Tiểu Thừa cách Đại Thừa quá xa. “Kiến” (Thấy): Toan muốn tiếp độ. “Tử” (Con): Kẻ đã từng kết duyên khi xưa. Đây là do con cách biệt ở ngoài cửa sổ, chẳng phải là do lỗi trưởng giả có cái nhìn thiên kiến!

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.2. Lãnh ngộ chuyện từ lâu đã biết những kẻ đó yêu thích Tiểu pháp

(Kinh) Luy sáu tiểu tụy, phần thổ trần bộn, ô uế bất tịnh.

(經)羸瘦憔悴，糞土塵坌，汙穢不淨。

(Kinh: Còm cõi, tiểu tụy, phân đất lấm lem, ô uế, chẳng sạch).

Do tu trí nơi nhân thì kém sức nên “luy” (羸, gầy còm). Do tu phước nơi nhân thì lực ít ỏi, nên là “sấu” (瘦, tong teo). Trong thì sợ vô thường nên là “tiểu” (憔, mòn mỏi, khô khao), ngoài gặp tám nỗi khổ, nên là Tụy (悴, xơ xác). Tứ Trụ là “phần thổ” (phân đất), vô tri là “trần bộn” (bụi bám lem luốc).

4.2.2.1.2.1.2.2.3.2.2.3. Lãnh ngộ ý từ lâu đã biết cần phải tán thán ba loại xe

(Kinh) Tức thoát anh lạc, tế nhuyễn thượng phục, nghiêm sức chi cụ, canh trước thô tề, cấu nị chi y, trần thổ bộn thân, hữu thủ chấp trì trừ phần chi khí, trạng hữu sở úy.

(經)卽脫瓔珞，細軟上服，嚴飾之具，更著麤弊，垢膩之衣，塵土坌身，右手執持除糞之器，狀有所畏。

(Kinh: Liền tháo chuỗi ngọc, y phục quý báu, mềm mịn, các vật trang sức, đổi sang mặc áo thô tề, bán thủ, bụi đất lấm thân, tay phải cầm nắm dụng cụ dọn phân, đáng vẻ đáng sợ).

“*Tức thoát*” (Liên tháo) ví như Ứng Thân và Báo Thân vô lượng công đức, thường gọi là chuỗi ngọc Đà La Ni Giới, Định, Huệ thuộc bốn mươi hai địa vị. “*Tế nhuyển thượng phục*” (Áo quý báu mềm mịn) là Tịch Diệt Nhân, và các vật trang nghiêm, tức các tướng hải lớn nhỏ. Bởi lẽ, nếu dung mạo và y phục tốt đẹp, con sẽ kinh sợ. Nhị Thừa chẳng nên trông thấy tướng hảo ấy; vì thế gỡ ra. “*Canh trước*” (Đổi sang mặc): Hiện hình tướng cao trượng sáu thì gọi là Thô. Sanh Nhân và Pháp Nhân thì gọi là Tệ. Thị hiện có phiền não hữu vi, hữu lậu, thì gọi là “*trần thổ bộn thân*” (bụi đất lấm thân). “*Hữu thủ*” (Tay phải) sánh ví Quyền dụng (tác dụng của Quyền). “*Trừ phần chi khí*” (Dụng cụ dọn phân): Ví như pháp môn để đối trị Kiến Tư; tự dùng pháp ấy để đoạn kết sử hồng thành Phật. Lại dùng pháp ấy để hóa độ người khác; vì thế gọi là “*chấp trì*” (cầm nắm). Thị hiện cùng sợ hãi sanh tử [giống như chúng sanh], lại còn thị hiện có các quả báo như gió lạnh, ăn lúa mạch dành cho ngựa v.v... cho nên nói là “*trạng hữu sở úy*” (dáng vẻ đáng sợ).

4.2.2.1.2.2.3.2.2.4. Lãnh ngộ “từ lâu đã biết tương xứng ý nguyện” tiếp nhận vâng hành

(Kinh) *Ngũ chư tác nhân: “Nhữ đắc cần tác, vật đắc giải tức”. Dĩ phương tiện cố, đắc cận kỳ tử, hậu phục cáo ngôn: “Đốt! Nam tử! Nhữ thường thử tác, vật phục dư khí, đương gia nhữ giá. Chư hữu sở tu, bồn, khí, mễ, miễn, diêm, thổ chi thuộc, mặc tự nghi nan. Diệc hữu lão tề sứ nhân, tu giả tương cấp, hảo tự an ý. Ngã như nhữ phụ, vật phục ưu lự. Sở dĩ giả hà? Ngã niên lão đại, nhi nhữ thiếu tráng. Nhữ thường tác thời, vô hữu khi đãi, sân hận, oán ngôn, đô bất kiến nhữ hữu thử chư ác như dư tác nhân. Tự kim dĩ hậu, như sở sanh tử”. Tức thời, trưởng giả cánh dữ tác tự, danh chi vi nhĩ. Nhĩ thời, cùng tử tuy hân thử ngộ, do cố tự vị khách tác tiện nhân. Do thị chi cố, u nhĩ thập niên trung, thường linh trừ phần.*

(經)語諸作人：「汝得勤作，勿得懈怠」。以方便故，得近其子，後復告言：「咄！男子！汝常此作，勿復餘去，當加汝價。諸有所須，盆，器，米，麵，鹽，醋之屬，莫自疑難。亦有老弊使人，須者相給，好自安意。我如汝

父，勿復憂慮。所以者何？我年老大，而汝少壯。汝常作時，無有欺怠，瞋恨，怨言，都不見汝有此諸惡如餘作人。自今已後，如所生子」。即時，長者更與作字，名之為兒。爾時，窮子雖欣此遇，猶故自謂客作賤人。由是之故，於二十年中，常令除糞。

(*Kinh: Bảo các người làm: “Các người phải siêng làm việc, đừng nên lười nghỉ”. Dùng phương tiện đó để được gần con. Sau đấy, lại bảo rằng: “Này chàng trai! Người thường làm nơi đây, đừng đi nơi khác, ta sẽ trả công thêm cho người. Các thứ cần dùng như chậu, bát, gạo, bột, muối, dấm, người chớ nghỉ ngại. Cũng có gã đầy tớ già hèn hạ, nếu cần thì ta sẽ ban cho, hãy khéo an lòng. Ta như cha người, chớ nên lo sầu. Vì có sao vậy? Vì ta tuổi đã già cả, còn người trẻ mạnh. Trong lúc làm việc, người thường chẳng lừa dối, giận hờn, thốt lời oán thán. Trọn chẳng thấy người có các tật xấu đó như những kẻ làm công khác! Từ nay trở đi, người như con đẻ của ta”. Ngay khi đó, trưởng giả liền đặt tên cho hắn, gọi hắn là con. Lúc đó, gã nghèo tuy vui mừng trước sự đãi ngộ ấy, vẫn tự cho mình là khách, là kẻ hèn. Do bởi lẽ đó, trong hai mươi năm, thường sai dọn phân).*

Đoạn kinh văn này sánh ví đầy đủ pháp môn [ba mươi bảy] đạo phẩm, gồm bảy khoa, dùng tướng trạng dọn phân hiển nhiên để lãnh ngộ [ý nghĩa] “các con tâm hớn hở, hăng hái, xô đẩy giành nhau cùng rảo chạy ra khỏi nhà lửa” trong phần trước:

- Một là câu “*ngữ chư tác nhân*” (nói với những người làm công), sánh ví pháp Tứ Niệm Xứ. Dụng cụ dọn phân chính là cảnh để đoạn trừ kết sử, tức là địa vị ngoại phàm Văn Huệ.

- Hai là “*nhữ đẳng cần tác, mạc đắc giải tức*” (các người hãy nên siêng năng làm việc, đừng nên lười biếng, thôi nghỉ), ví như Tứ Chánh Cần, có thể phát khởi địa vị Noãn. [Địa vị] Noãn là nội phàm. Vì thế, nói “*đắc cận kỳ tử*” (để được gần con).

- Ba là “*hậu phục cáo ngôn*” (sau đó lại bảo rằng), ví như Tứ Như Ý Túc. “Đốt” (咄, chao ôi) là từ ngữ kinh ngạc cảm thán, khiến cho [người nghe] bỏ tán loạn, nhập tĩnh. Chánh Cần thuộc trí, như nam tử thuộc Dương. Như Ý Túc thuộc Định, như phụ nữ là Âm. Nếu chỉ có

Chánh Cần thúc giục, sẽ chẳng tương ứng với Chân. Vì thế, nói “đốt” để khiến [cho hành nhân] tu Như Ý Túc. Niệm, Xứ, Chánh Cần là động, chẳng chuyên nhất, chẳng gọi là Thường.

Trong Tứ Như Ý, Định chẳng duyên theo lẽ khác, tư duy là Định, hễ tư duy bèn đoạn. Định là đoạn, chuyên nhất. Vì thế nói “*nhữ thường thử tác*” (người thường làm ở nơi đây), chẳng còn động loạn lằng xằng nữa! Vì thế nói “*vật phục dư khứ*” (đừng đi nơi khác nữa). Đây là Đánh vị.

Trong Như Ý Quán, có thể phát sanh vô lậu. Vì thế nói “*đương gia nhữ giá*” (sẽ tăng thêm tiền công cho người). Hữu lậu, vô lậu, trợ đạo, chánh đạo đều cầu từ Như Ý Quán. Hễ cần liền đạt được, cho nên nói “*chư hữu sở tu mạc tự nghi nan*” (các thứ cần dùng, chớ nên nghi ngại).

“Chậu, đồ đựng” sánh ví bản thể của Tứ Thiên chứa đựng chi lâm²³⁹. Gạo ví như Sanh Không Trí là thô, bột ví như Pháp Không Trí là tế (trong Tạng Giáo cũng có Pháp Không, chẳng phải là Pháp Không của Đại Thừa). Những điều này thuộc về chánh đạo. Muối ví như vô thường trong mười sáu hành quán. Dấm ví như khổ. Các điều này thuộc về trợ đạo. Như [chỉ có] gạo và bột sẽ khó ăn, cần phải có muối, dấm trộn vào. Ví như chánh đạo khó hiển lộ, cần phải có trợ đạo giúp sức.

“*Diệt hữu lão tệ sứ nhân*” (Cũng có kẻ tứ già hèn tệ): Trong Như Ý Quán, có thể phát khởi thần thông để thay thế tay chân, nhưng thần thông kém cỏi, yếu ớt; cho nên nói là “*lão tệ*”. Lại nữa, trong các pháp môn, trợ đạo như cửu tướng, thập tướng, bát bội xả v.v... được sánh ví như kẻ dễ sai khiến. Trong Như Ý Quán, cũng có các pháp ấy. Cần phải có các pháp ấy để giúp cho chánh đạo, để đều trở thành người cùng được giải thoát. Vì thế nói “*tu giả tương cấp*” (hễ cần thì sẽ ban cho).

²³⁹ “*Chi lâm*” nói đầy đủ là “*chi lâm công đức*”, tức mười tám loại công đức sanh khởi bởi Tứ Thiên Định. Theo sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyển thượng, mười tám chi gồm:

1. Sơ Thiên Thiên Định gồm năm chi: Giác chi, quán chi, hỷ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
2. Nhị Thiên Thiên Định gồm bốn chi: Nội tịnh chi, hỷ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
3. Tam Thiên Thiên Định gồm năm chi: Xả chi, niệm chi, huệ chi, lạc chi, nhất tâm chi.
4. Tứ Thiên Thiên Định gồm bốn chi: Bất khổ bất lạc chi, xả chi, niệm thanh tịnh chi, nhất tâm chi.

- Bốn, “*hảo tự an ý*” (khéo tự an lòng): Sánh ví Ngũ Căn. Nếu có Ngũ Căn, thì sẽ an ổn, chắc chắn, khó hư hoại. Đây là Nhân vị.

- Năm, “*ngã như nhữ phụ*” (ta như cha của người): Sánh ví Ngũ Lực thuộc địa vị Thế Đệ Nhất, dường như đã hiểu, đã gần với lẽ Chân. Vì thế nói “*ngã như nhữ phụ*” (ta như cha của người) cho đến “*như sở sanh tử*” (như con ruột của ta).

Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa “*như cha*”. Phật thuộc chỗ chung cực của đạo, đã trọn đủ Trí Đoạn; cho nên nói là “*lão đại*” (già cả). Người thuộc chỗ khởi đầu của đạo, chẳng có Trí Đoạn; cho nên nói là “*thiếu tráng*” (trẻ mạnh). Do có Tín Lực, nên chẳng lừa dối. Do có Tinh Tấn Lực, cho nên chẳng biếng nhác. Do có Niệm Lực, cho nên chẳng sân. Do có Định Lực, cho nên chẳng hận. Do có Huệ Lực, cho nên chẳng oán. Xa là ví như các kiến chấp cầu lý của ngoại đạo; gần thì ví như bốn địa vị Tứ Niệm Xứ v.v... cũng chưa tránh khỏi năm lỗi²⁴⁰.

- Sáu, “*tức thời cánh dữ tác tự, danh chi vi nhi*” (lập tức bèn đặt tên, gọi hần là con): Sánh ví Thất Giác, Bát Chánh Đạo, nhập địa vị Kiến Đạo. Tâm Thế Đệ Nhất chẳng gián đoạn chứng Chân. Vì thế nói “*tức thời*”. Từ đây trở đi, chuyển phàm thành thánh. Do đó, nói: “*Cánh tác dữ tự*” (Bèn đặt tên cho hần). Kinh A Hàm nói năm loại Phật tử, tức Tứ Quả và Bích Chi Phật. Bồ Tát chẳng đoạn kết sử, nghĩa của “con” chưa thành, đó chính là nghĩa này.

- Bảy, “*nhĩ thời, cùng tử tuy hân thử ngộ*” (lúc bấy giờ, gã nghèo vui mừng trước sự đãi ngộ ấy) trở đi, ví như địa vị tu đạo Thất Giác, Bát Chánh. Do chẳng biết đảm nhiệm nối tiếp Đại Thừa; cho nên nói “*nhị thập niên trung, thường linh trừ phần*” (trong hai mươi năm, thường sai dọn phân). Vì thế nói “*do cố tự vị khách tác tiện nhân*” (vẫn như cũ, tự cho mình là khách, là kẻ hạ tiện). Do kẻ đó chỉ bám thọ Quyền giáo tu hành để hết khổ. Vì thế nói “*nhị thập niên trung, thường linh trừ phần*”,

²⁴⁰ Năm lỗi (ngũ quá):

1. Tự hại: Tức là kẻ hủy phạm giới, thân, khẩu, ý nghiệp thường bất tịnh, thường hứng chịu bần cùng, khổ sở, thiếu phước, thiện thần xa lánh.
2. Bị kẻ trí quả trách: Tức là người hủy giới bị các thiện tỳ-kheo quả trách, xa lánh.
3. Tiếng xấu đồn rộng: Tức kẻ hủy giới do ba nghiệp chẳng thanh tịnh, sống chung với những kẻ bất thiện, tiếng xấu lan xa.
4. Lâm chung sanh hồi hận.
5. Chết rồi sẽ đọa ác đạo.

tức là Kiến Đế “nhất vô ngại, nhất giải thoát”. Tư duy đạo “cửu vô ngại, cửu giải thoát”.

Phần ba, “truy ngược lại các thí dụ [để lãnh hội]” đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.4. Thí dụ về lãnh nhận, giao phó gia nghiệp

Gần là lãnh ngộ thí dụ “bình đẳng ban cho cỗ xe lớn trong nhà lửa”; xa là lãnh ngộ phần Hiền Thật thuộc Kệ Tụng trong phẩm Phương Tiện.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1. Nhận lãnh gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.1. Thấu hiểu, tin nhận

(Kinh) Quá thị dĩ hậu, tâm tương thể tín, nhập xuất vô nan, nhiên kỳ sở chỉ do tại bốn xứ.

(經)過是已後，心相體信，入出無難，然其所止猶在本處。

(Kinh: Sau đó, tâm gần dần dần thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng e sợ, nhưng vẫn ở chỗ cũ).

Đây chính là sánh ví thời Phương Đẳng quở trách Tiểu pháp. Do kẻ đó đã đạt được cái “giá” [chứng đắc] Niết Bàn, đã chẳng phải là chuyện hư huyền. Nay vì hàng Bồ Tát nói pháp Đại Thừa, cũng ắt là con tin tưởng cha chẳng hư dối. Đức Phật biết họ đã đoạn Kiến Tư, nghe Đại Thừa chẳng báng bỏ, vô lậu căn nhạy bén, có thể sanh khởi tín tâm nhỏ nhoi, tức là cha tin tưởng con. Do vậy, được thấy thân tôn quý, đặc biệt. Nghe giáo pháp Đại Thừa, thì gọi là Nhập. Lại bị quở trách, chiết phục, vẫn thấy thân trượng sáu thuyết pháp Tiểu Thừa, thì gọi là Xuất. Đối với đại, tiểu, xuất, nhập, tuy chẳng còn nghi nan, vẫn cho rằng “Đại Thừa là chuyện của hàng Bồ Tát, chẳng phải là bốn phận thuộc về trí huệ của chính mình”, chẳng chịu hồi tâm hướng về Đại Thừa. Vì thế, nói “sở chỉ do tại bốn xứ” (vẫn ở lại chỗ cũ).

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.2. Bảo con nhận lãnh gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.1.2.1. Bảo con trông coi gia sự

(Kinh) Thế Tôn! Nhữ thời, trưởng giả hữu tật, tự tri tương tử bất cửu, ngữ cùng tử ngôn: - Ngã kim đa hữu kim, ngân, trân bảo, thương khó doanh dật. Kỳ trung đa thiếu, sở ưng thủ dữ, nhữ tất tri chi. Ngã tâm như thị, đương thế thử ý. Sở dĩ giả hà? Kim ngã dữ nhữ, tiện vì bất dị, nghi gia dụng tâm, vô linh lậu thất.

(經)世尊！爾時，長者有疾，自知將死不久，語窮子言：「我今多有金，銀，珍寶，倉庫盈溢。其中多少，所應取與，汝悉知之。我心如是，當體此意。所以者何？今我與汝，便為不異，宜加用心，無令漏失」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, trưởng giả bị bệnh, tự biết chẳng lâu sau sẽ chết, bảo gã nghèo rằng: “Ta nay có nhiều vàng, bạc, trân bảo, kho đụn đầy ắp. Số lượng trong ấy nhiều ít, nên thu chi ra sao, con đều phải biết. Tâm cha như thế, con hãy nên hiểu ý ấy. Vì có sao vậy? Nay cha và con chẳng khác biệt gì, con hãy nên gắng dụng tâm, đừng để hao hụt, mất mát”).

Đây chính là sánh ví thời Bát Nhã chuyên giáo. “*Tương tử bất cửu*” (Chẳng lâu sau sẽ chết): Có căn cơ bèn ứng. Đó là Sanh. Căn cơ đã hết, sự ứng hiện phải chấm dứt. Đó là Tử. Nay căn cơ đáng giáo hóa đã sắp hết, Ứng Thân do đó chẳng thể trụ thế lâu dài. “Vàng” ví như lý Trung Đạo, “bạc” ví như chân lý. Lý chẳng phải nhiều, nhưng xét theo các môn thì cũng có thể nói là “nhiều”. Chẳng hạn như Không chẳng phải chỉ có mười tám món, nhưng do xét theo mười tám pháp được phá mà gọi là Thập Bát Không. Trong phần khuyến học, đã nói hết thấy các pháp môn đều là trân bảo.

“*Thương*” (Vừa) ví như Định môn, tức một trăm lẻ tám tam-muội. “*Khố*” (Kho) ví như Huệ môn, tức là mười tám Không cảnh. Kho vừa Định Huệ gồm thấu hết thấy Thiên Định, trí huệ, chẳng bị thiếu khuyết. Trong dư dả, ngoài đầy ắp! Vì thế nói là “*doanh dật*”. “*Kỳ trung đa thiếu*” (Số lượng nhiều ít trong ấy) ví như hai môn Bát Nhã rộng và lược. Bồ Tát hành Bát Nhã, phải nên biết tướng rộng và lược. “*Lược*” tức Thiếu, “*rộng*” tức là Đa. Tự hành là Thủ (lây), hóa độ người khác là Dữ (cho). Trong Đại Phẩm có nói: “*Nhữ đương vị Bồ Tát thuyết*” (Ông hãy nên vì hàng Bồ Tát mà nói). Do vậy, nói: “*Nhữ tất tri chi*” (Con đều nên biết hết). “*Ngã tâm như thị*” (Tâm cha như thế): Phật dùng Bát Nhã

làm tâm. “*Đương thể thử ý*” (Hãy thấu hiểu ý ấy): Răn nhắc con hãy cùng ta lãnh hội Pháp Không.

“*Kim ngã dữ nhữ tiện vi bất dị*” (Nay cha và con chẳng khác nhau) có ba nghĩa:

- Một là gia bị khiến cho nói; vì thế, [Thanh Văn thay Phật giảng pháp trong hội Bát Nhã] chẳng khác Phật nói.

- Hai, các pháp đều Như; cho nên chẳng khác! Đó gọi là “*Thiện Cát như, Như Lai như*”. Nhất như, chẳng phải là nhị như.

- Ba, ngày nay mới ngộ cha con thiên tánh tương quan, cho nên chẳng khác. Nhưng hàng Nhị Thừa một mực cho rằng “được gia bị”, cho nên trở thành khác biệt (như Bát Nhã nói: “*Khởi Nhị Thừa nhân, cảm hữu sở thuyết. Hữu sở thuyết giả, giai thị Phật lực*” (Hàng Nhị Thừa há dám nói năng gì. Có nói năng gì, đều là do Phật lực). Do căn cơ chưa chuyển, cho nên nói là “*gia bị*”).

“*Nghi gia dụng tâm, vô linh lậu thất*” (Hãy nên gắng dụng tâm, đừng để sai sót, mất mát) có hai nghĩa:

- Một là xét theo giáo, vì hàng Bồ Tát mà nói, đừng để sai sót, thất lạc.

- Hai là xét theo lý. Đây chính là vật của ông, chớ nên để sót mất!

4.2.2.1.2.2.4.1.2.2. Vãng mạng nhận lãnh hiểu biết

(Kinh) Nhĩ thời, cùng tử tức thọ giáo sắc, lãnh tri chúng vật, kim, ngân, trân bảo, cập chư khổ tạng, nhi vô hy thủ nhất xan chi ý. Nhiên kỳ sở chỉ cố tại bốn xứ, hạ liệt chi tâm, diệc vị năng xả.

(經)爾時，窮子即受教敕，領知眾物，金，銀，珍寶，及諸庫藏，而無希取一餐之意。然其所止故在本處，下劣之心，亦未能捨。

(Kinh: Lúc bấy giờ, gã nghèo liền vãng theo lời răn truyền, tiếp nhận coi sóc các vật, vàng, bạc, trân bảo, và các kho tàng, nhưng chẳng có ý niệm mong lấy [của cải] đáng chừng một bữa ăn. Chỗ ở của gã vẫn ở tại chỗ cũ, cái tâm kém hèn cũng chưa thể xả).

“*Vô hy thủ*” (Chẳng mong lấy): Như ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) tuy nói Bát Nhã, nhưng tự nhủ “ta chẳng có phần nơi đây”! “*Chỉ bốn xứ*” (Ở tại chỗ cũ): Vẫn giữ chắc cái quả Tiểu Thừa đã chứng. “*Vị xả hạ*

liệt tâm” (Chưa bỏ cái tâm kém hèn): Tuy hồ thẹn vì tu tập Tiêu pháp, nhưng chưa thể hồi tâm hướng Đại.

Hỏi: - Tới thời Bát Nhã, hàng Nhị Thừa ngậm đạt được lợi ích, vì sao chẳng có ý mong cầu đạt được?

Đáp: - Lãnh biết vô lượng pháp môn sai biệt, cho nên gọi là “*biệt ích*”. Chẳng có tâm mong cầu giữ lấy, cho nên gọi là “*mật đắc*” (ngậm được). Nếu chịu mong mỏi, giữ lấy, sẽ là “*hiển đắc*”, lẽ đâu gọi là “*mật đắc*”?

Phần thứ nhất, trong thí dụ về lãnh nhận gia nghiệp, phần lãnh hội ý nghĩa “thoát nạn, hoan hỷ” trong phần trước đã xong.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2. Thí dụ về giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2.1. Chánh thức giao phó gia nghiệp, tức lãnh ngộ hai ý nghĩa “con đòi xin xe” và “cha bình đẳng thí cho cỗ xe lớn như nhau”

(Kinh) Phục kinh thiếu thời, phụ tri tử ý, tiệm dĩ thông thái, thành tựu đại chí, tự bỉ tiên tâm. Lâm dục chung thời, nhi mạng kỳ tử, tịnh hội thân tộc, quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ, giai tất dĩ tập, tức tự tuyên ngôn: “Chư quân đương tri, thử thị ngã tử, ngã chi sở sanh. Ư mẫu thành trung, xả ngã đào tẩu, linh bình tân khổ, ngũ thập dư niên. Kỳ bốn tự mẫu, ngã danh mẫu giáp, tích tại bốn thành, hoài ưu thôi mịch, hốt ư thử gian, ngộ hội đắc chi. Thử thật ngã tử, ngã thật kỳ phụ. Kim ngã sở hữu nhất thiết tài vật, giai thị tử hữu, tiên sở xuất nội, thị tử sở tri”.

(經)復經少時，父知子意，漸以通泰，成就大志，自鄙先心。臨欲終時，而命其子，并會親族，國王、大臣、刹利、居士，皆悉已集，即自宣言：「諸君當知，此是我子，我之所生。於某城中，捨我逃走，矜憊辛苦，五十餘年。其本字某，我名某甲，昔在本城，懷憂推覓，忽於此間，遇會得之。此實我子，我實其父。今我所有一切財物，皆是子有，先所出內，是子所知」。

(Kinh: Lại qua ít lâu sau, cha biết ý con đã dần dần thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm trước. Khi sắp lâm chung, ông bảo con và

thân tộc nhóm lại. Quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ đã đều tụ tập, ông tự tuyên bố: “Các vị nên biết: Đây là con tôi, do tôi sanh ra. Ở trong thành nọ, nó bỏ tôi trốn đi, trôi nổi, cay đắng suốt hơn năm mươi năm. Nó vốn tên đó, còn tôi tên là... Xưa ở tại thành này, ôm lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây, tình cờ gặp nó. Đây thật là con tôi, tôi thật sự là cha nó. Nay tất cả hết thảy tài vật tôi đã có đều là của con tôi, trước đây các thứ phát ra, thâu vào, con tôi đều coi sóc”).

“Phục kinh thiếu thời” (Lại qua ít lâu sau): Ví như sau thời Bát Nhã. Ngay trong khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa, đã nghe “vốn từ một pháp, sanh ra vô lượng các pháp”, ắt suy nghĩ “vô lượng các pháp phải nên hoàn nhập một pháp!” Khi suy nghĩ như thế, dần dần thông thái. Do vậy, căn cơ Đại Thừa được phát khởi. Cho đến trong kinh này, đã thốt ra ba lượt thỉnh, gọi là “tự bỉ tiên tâm” (tự chê cái tâm trước đó). Đây chính là lãnh hội ý nghĩa [các con] đòi xin xe trong phần trước. “Lâm dục chung thời” (Lúc sắp lâm chung) như kinh văn trong phần sau đã nói: “Như Lai bất cứu tương nhập Niết Bàn” (Chẳng lâu sau, Như Lai sẽ nhập Niết Bàn), đó là nói đến thời Pháp Hoa vậy. “Mạng kỳ tử” (Truyền lệnh cho con mình): Tức là những người được hóa độ bởi hai vạn ức Phật, căn cơ Đại Thừa đã chín muồi, mười phương vân tập. Hai chữ “tịnh hội” (cùng nhóm họp) gồm chung các điều tiếp đó. Nói “thân tộc” là nói đến Ảnh Hưởng Chúng, bao gồm mười phương Pháp Thân Bồ Tát. Nói “quốc vương” tức là hết thảy các kinh tiệm và đốn. Đúng theo căn cơ mà tạo lợi ích cho chúng sanh, mỗi bộ mỗi khác, cho nên gọi là Quốc. Kinh nào cũng đều nói là “bậc nhất”, cho nên mỗi kinh đều gọi là “vương”. Nay kinh này dung thông các kinh, cho nên gọi là “tịnh hội quốc vương” (và nhóm họp các quốc vương). Đẳng Giác Bồ Tát là “đại thần”. Thập Địa Bồ Tát là Sát-lợi; hàng Bồ Tát thuộc ba mươi tâm (các địa vị thuộc Tam Hiền) là “cư sĩ”. Từ “chư quân đương tri” (các vị nên biết) trở đi, tổng kết, dung hội cha con. Thật sự theo ta học, cho nên nói “thử thị ngã tử” (đây là con ta). Từ ta mà hiểu biết, cho nên nói là “ngã chi sở sanh” (do ta sanh ra).

“U mô thành giả” (Ở tại thành nọ): Tại Tây Trúc, kinh văn của kinh này nhiều, có thể nói đến danh tự của quốc độ trước kia, chẳng hạn như nhân duyên của Đại Thông Trí Thắng Phật. Nay kinh này giản lược, chỉ nói là “mô mô” (này nọ). Trái nghịch pháp Đại Thừa, trốn vào sanh tử. Vì thế nói “xả ngã đào tẩu” (bỏ ta trốn đi). Trải qua đủ cả sáu đường, cho nên nói “ngũ thập dư niên” (hơn năm mươi năm). Trong địa

vị Pháp Thân, thường tìm tòi căn cơ có thể hóa độ. Vì thế nói “*tích tại bốn thành, hoài ưu thôi mịch*” (xưa kia ở tại thành ấy, lo buồn tìm kiếm), cho đến ngày nay mới cảm ứng đạo giao. Vì thế nói “*hốt ư thử gian, ngộ hội đắc chi*” (bỗng ở nơi đây tình cờ tìm được). Từ chữ “*kim ngã sở hữu*” (nay các thứ ta có) trở đi, chánh thức giao phó gia nghiệp. Hết thấy tài vật tức là vạn hạnh, vạn đức của Đại Thừa. “*Tiên sở xuất nội*” (Các thứ chi ra, thâu vào trước kia) tức là nói đến các pháp Bát Nhã cộng và bất cộng đại lược hay chi tiết. “*Tiên dĩ lãnh tri*” (Nó đã trông coi từ trước): Nay chỉ giao phó. Do vậy, kinh Pháp Hoa chỉ đàm luận “*khai, thị, ngộ, nhập*” tri kiến của Phật, chẳng còn nói cặn kẽ hết thấy các hành tướng. Đây là lãnh hội ý nghĩa “*bình đẳng ban cho cỗ xe lớn*”.

4.2.2.1.2.1.2.2.4.2.2. Được giao phó bèn hoan hỷ

Lãnh hội ý nghĩa “*được xe, hoan hỷ*” trong phần trước.

(Kinh) Thế Tôn! Thị thời, cùng tử văn phụ thử ngôn, tức đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu, nhi tác thị niệm: “Ngã bốn vô tâm hữu sở hy cầu, kim thử bảo tạng tự nhiên nhi chí”.

(經)世尊！是時，窮子聞父此言，即大歡喜，得未曾有，而作是念：「我本無心有所希求，今此寶藏自然而至」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, gã nghèo nghe lời ấy của cha, liền rất hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có, mà nghĩ thế này: “Ta vốn chẳng có lòng mong cầu, nay kho báu này tự nhiên đưa đến”).

Sánh ví trong thời Tam Tạng, tâm vốn chẳng mong cầu. Trong thời Phương Đẳng, tuy hổ thẹn vì Tiểu pháp, tự cho là chính mình chẳng có hy vọng, cho nên chẳng cầu. Trong thời Bát Nhã, tuy lãnh nhận, hiểu biết, nhưng tự cho chẳng thuộc về bốn phần của chính mình, cho nên không cầu. Chẳng cầu như thế mà nay tự đạt được! Nhưng nguyên do của sự hoan hỷ ấy có gần và xa. Nếu [cha] chẳng dạy [con] làm thuê trước đó, ban cho cái giá (tiền công) một ngày, há tâm con có thể dần dần thấu hiểu, tin tưởng ư? Ủy thác gia nghiệp, giao phó tài sản, ví như do Tam Tạng mà đoạn kết sử thì mới kham cùng [hàng Bồ Tát] nghe Đại

Tập. Bị ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) chiết phục, chuyển giáo Bát Nhã, dẫn đến ngày nay được khai hiển, thọ ký. Làm thuê, chấp nhận công sá, tức là nguyên do xa. Thấu hiểu, tin tưởng, thông hiểu tường tận chính là nguyên do gần.

Lại nữa, trong phần thí dụ dẫn dụ trước đó, đều cùng có hai ý:

- Một, lãnh ngộ chuyện đức Phật dùng cả ba thừa để giáo hóa khởi nguồn từ dưới cội đạo thụ (cội Bồ Đề), cuối cùng là thoát khỏi nhà [lửa đang cháy hừng hực].

- Hai, suy lường để lãnh hội ý nghĩa, khởi đầu từ Pháp Thân, kết thúc bằng suy nghĩ nhập diệt.

Nay trong phần lãnh nhận và giao phó, cũng có hai ý:

- [Một là] suy tìm lãnh hội lòng từ bi dùng bốn vị (sữa, lạc, sanh tô, và thực tô) để điều phục.

- Hai là rốt cuộc tiếp nhận tài sản được giao phó rốt ráo là một vị [đề hồ].

“*Xa, gần, đầu, cuối*”, gộp chung lại để luận định ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ), vì sao? Chính là sai khiến người bên cạnh. Lời nói của người bên cạnh ví như pháp viên đốn trong hội Hoa Nghiêm. Đó là khởi đầu của giáo. Người bên cạnh ví như bò, lời họ nói ví như sữa. Vì thế nói “*từ Phật mà phát ra mười hai bộ kinh*”, tức là vị đầu tiên (vị sữa). Nếu dùng pháp đó (pháp Hoa Nghiêm viên đốn) để tiếp độ hàng Nhị Thừa, sẽ chẳng có căn cơ [tương xứng để] tiếp nhận, họ sẽ “*mê muội, ngã lăn ra đất*”, căn cơ hoàn toàn sống sít như sữa [chưa qua tinh luyện].

Kế đó, [trong thí dụ] nêu ra: Ngâm sai hai người đến nói pháp “*dọn phân*” (dẹp trừ trần cấu trong tâm), ví như tại Lộc Uyển, nói ba thừa, Tiểu căn bèn tin tưởng, đổi phàm thành thánh, như chuyển sữa thành lạc. Vì thế nói “*từ mười hai bộ xuất sanh Tu Đa La*”, tức là vị thứ hai (lạc).

Kế đó, nói “*tâm thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng gặp khó khăn*”, ví như nói các kinh Phương Đẳng, Tịnh Danh, đề cao Đại, chiết phục Tiểu, hàng Nhị Thừa nghe Đại pháp chẳng phỉ báng, chiết phục căn cơ Tiểu Thừa chẳng thoái thất [tín tâm đối với Đại Thừa]. Ấy là do Tam Tạng đoạn kết sử, nhận lấy cái giá một ngày. Vì thế, chấp thuận khen ngợi [Đại pháp], chê bai [Tiểu pháp]. Nếu chưa đoạn kết sử, sẽ không thể kham nghe hoằng dương Đại pháp! Nếu trước đó, chẳng tiếp nhận Khuyến môn, cũng chẳng thể kham nghe chiết phục Tiểu pháp. Nếu trước đó, chẳng tiếp nhận Giới môn, mà nay chẳng phỉ báng, chẳng lui

sự, là do tâm dần dần tin tưởng, thấu hiểu. Đã đích thân chứng Tiểu, cho nên tin Đại chẳng hư dối. Đạt được giá trị Niết Bàn, cho nên thấu hiểu sự chiết phục mà chẳng sân, tuy [luôn nghĩ các pháp môn Đại Thừa] chẳng phải là chuyện của chính mình, nhưng chẳng ngờ vực, báng bỏ! Cái tâm thuần thực như từ lạc sanh ra sanh tô. Vì thế nói “*từ Tu Đa La xuất sanh kinh Phương Đẳng*”, tức vị thứ ba (sanh tô).

Kế đó, trưởng giả tự biết không lâu sẽ chết, ví như trong hội Bát Nhã, khiến cho họ (các vị đại Thanh Văn) lãnh giáo, vì hàng đại Bồ Tát nói Ma Ha Bát Nhã. Đã nhận coi sóc các vật (các pháp môn Đại Thừa), thống nhiếp trọn khắp pháp môn, tâm sáng tỏ, biện tài càng tăng thêm hăm mộ vui sướng. Chỉ hận [căn tánh Nhị Thừa vẫn] trụ trong Tiểu pháp, [tự coi các pháp tài Đại Thừa] chẳng phải là vật của chính mình, [đức Phật bèn] tháo bỏ chuỗi anh lạc, đổi sang áo cũ dơ, mở phương tiện, hứa khả, [các chúng sanh căn tánh Nhị Thừa hướng về Đại pháp], há chẳng vui sướng ư? Do vậy, tâm họ dần dần thông thái, thành tựu đại chí, như từ sanh tô sanh ra thực tô. Vì thế nói: “*Từ Phương Đẳng xuất sanh Ma Ha Bát Nhã*”, tức vị thứ tư (thực tô).

Kế đó, lúc sắp lâm chung, dặn bảo con, ví như sau thời Bát Nhã, phán biện thiên tánh (chân tánh), xác định cha con, hội quy tam thừa về Nhất Thừa, giao phó tài sản và thọ ký, nói giáo pháp Pháp Hoa, khai tri kiến của Phật, chỉ bày tướng chân thật. Nghi tâm của hàng Bồ Tát đã trừ, Thanh Văn được làm Phật, đều dùng sự diệt độ của Như Lai để diệt độ, như từ thực tô sanh ra đề hồ. Cho nên nói “*từ Ma Ha Bát Nhã xuất sanh Đại Niết Bàn*”, tức vị thứ năm (đề hồ).

Bốn vị đại đệ tử thấu hiểu sâu xa ý Phật, nhận lãnh giáo pháp “*nhất hóa ngũ vị*” (từ Nhất Thừa mà thuận theo căn tánh của chúng sanh, chia thành năm thời giáo hóa), theo thứ tự từ đầu đến đuôi, kinh văn xuất sanh ý nghĩa ấy (Đây chính là hàng Thanh Văn chậm lụt nhất, cần phải trải qua năm vị. Nếu căn cơ hơi nhạy bén hơn đôi chút, sẽ là bốn, ba, hoặc hai vị, liền được nhập Thật. Vì thế, ngũ thời giáo riêng biệt này chỉ xét theo một loại căn tánh nghe pháp [để luận định như thế]. Chớ nên chấp vào một trường hợp riêng biệt, để rồi bắt bẻ các trường hợp chung. Lại nữa, Hoa Nghiêm như mặt trời chiếu vào núi cao. A Hàm như ánh sáng mặt trời soi thấu hang thẳm. Khi chiếu vào hang thẳm, chưa hề chẳng chiếu núi cao. Khi nói A Hàm, lẽ nào chẳng nói Hoa Nghiêm? Phương Đẳng và Bát Nhã cứ phỏng theo đó mà suy. Người

hiện thời chỉ đọc một sách Tứ Giáo Nghi²⁴¹, chẳng biết học rộng [các giáo nghĩa của] Thai Tông, há có thể biết nổi đại dụng và đại cơ của Như Lai ư?)

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

4.2.2.1.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp

Phần này hết sức giản lược, do trong phần thí dụ đã nói cặn kẽ, cho nên chẳng luận định lần nữa, cốt sao hiểu ý, chẳng cần phải rườm rà!

4.2.2.1.2.2.1. Đối ứng thí dụ “cha con lạc mất nhau” với pháp

(Kinh) Thế Tôn! Đại phú trưởng giả, tắc thị Như Lai. Ngã đẳng giai tự Phật tử.

(經)世尊! 大富長者, 則是如來。我等皆似佛子。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ông trưởng giả giàu to chính là Như Lai. Chúng con đều giống như con của Phật).

“Tự” có hai nghĩa:

- Một, là do giữ lấy căn cơ Đại Thừa, cho nên là con. Xưa kia chưa bỏ trốn, đã chẳng phải là chân vị, do vẫn còn thuộc địa vị ngoại phạm. Vì thế gọi là Tự (似, dường như).

- Hai, do giữ lấy căn cơ Tiểu Thừa mà là con. Con đã trốn khỏi cha, do chê bai, bèn nói là Tự (dường như), tức là dùng chữ Tự để kết hợp với ý nghĩa biểu pháp của chuyện cha con lạc mất nhau.

4.2.2.1.2.2.2. Nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “cha con gặp nhau”

(Kinh) Như Lai thường thuyết ngã đẳng vi tử.

²⁴¹ Tứ Giáo Nghi là một tác phẩm gồm sáu quyển, do tổ Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn vào đời Tùy, thuyết minh khái niệm hóa nghi và hóa pháp. Sách này lại được nhiều vị đại tri thức chú giải như Tứ Giáo Nghi Tập Giải (do Tùng Nghĩa soạn vào đời Tống), Tứ Giáo Nghi Bị Thích (Nguyên Túy soạn vào thời Nguyên), Tứ Giáo Nghi Tập Chú (do Mông Luận soạn vào đời Nguyên), Tứ Giáo Nghi Tập Chú Tiết Nghĩa (do Linh Diệu tiết lược), Tứ Giáo Nghi Chú Vựng Bồ Phụ Hoàng Ký (do Tánh Quyền soạn) v.v...

(經)如來常說我等為子。

(Kinh: Như Lai thường nói chúng con là con).

Chỉ kết hợp với pháp chuyện “trưởng giả thấy con liền nhận biết”, tức là đã bao gồm tám ý nghĩa trong hai đoạn kinh văn nói về “cha thấy con” và “con thấy cha”.

4.2.2.1.2.2.3. Nêu ý nghĩa biểu pháp của thí dụ [cha cho người] “truy đuổi và khuyên dụ”

4.2.2.1.2.2.3.1. Nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “sai người bên cạnh truy đuổi”

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng dĩ tam khổ cố, ư sanh tử trung, thọ chư nhiệt não, mê hoặc, vô tri, nhạo trước Tiểu pháp.

(經)世尊！我等以三苦故，於生死中，受諸熱惱，迷惑，無知，樂著小法。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con do vì tam khổ, ở trong sanh tử, hứng chịu các thứ nhiệt não, mê hoặc, vô tri, ưa thích, chấp trước Tiểu pháp).

Tam khổ là Hoại Khổ, Hành Khổ, và Khổ Khổ. “Thọ chư nhiệt não” tức là ngũ trược chướng nặng. “Mê hoặc, vô tri” tức là chẳng tiếp nhận lời khuyên răn. “Nhạo trước Tiểu pháp” (Ưa thích, chấp chặt pháp Tiểu Thừa): Tức là chỉ có tiểu chí, chẳng kham tiếp nhận sự giáo hóa bằng pháp Đại Thừa.

4.2.2.1.2.2.3.2. Đối ứng chuyện “hai người đến khuyên dụ” với pháp

4.2.2.1.2.2.3.2.1. Kết hợp chuyện “cùng tiếp nhận sự giáo hóa bằng tam thừa” với pháp

(Kinh) Kim nhật Thế Tôn linh ngã đẳng tư duy, quyền trừ chư pháp hý luận chi phần. Ngã đẳng ư trung, cần gia tinh tấn, xưng chí “Niết Bàn nhất nhật” chi giá. Kỳ đắc thử dĩ, tâm đại hoan hỷ, tự dĩ vì túc, tiện tự vi ngôn: “Ư Phật pháp trung, cần tinh tấn cố, sở đắc hoằng đa”.

(經)今日世尊令我等思惟，蠲除諸法戲論之糞。我等於中，勤加精進，稱至「涅槃一日」之價。既得此已，心大歡喜，自以為足，便自謂言：「於佛法中，勤精進故，所得宏多」。

(Kinh: Ngày nay đức Thế Tôn bảo chúng con tư duy, dẹp trừ phân dơ, tức các pháp hý luận. Ở trong ấy, chúng con siêng năng, ra sức tinh tấn, gọi là đạt tới cái giá “Niết Bàn một ngày”²⁴². Đã đạt được điều ấy rồi, tâm hết sức hoan hỷ, tự cho là đủ, liền tự nhủ rằng: “Do siêng năng tinh tấn trong Phật pháp mà đạt được rộng nhiều”).

“*Linh ngã đẳng tư duy*” (Khiến cho chúng con tư duy) chính là kết hợp các chuyện đã trần thuật cặn kẽ trong phần trước với ý nghĩa biểu pháp. “*Cần gia tinh tấn*” (Càng thêm siêng năng tinh tấn) tức là kết hợp với pháp chuyện “tìm con về, bảo dọn phân”. “*Đắc chí Niết Bàn*” (Được đạt tới Niết Bàn) là nêu ý nghĩa biểu pháp của chuyện “đã chấp nhận giá cả [thuê mướn về dọn phân]” trong phần trước.

4.2.2.1.2.3.2.2. Kết hợp với pháp chuyện lãnh thọ ý nghĩa

(Kinh) Nhiên Thế Tôn tiên tri ngã đẳng tâm trước tệ dục, nhạo ư Tiểu pháp, tiện kiến tưng xả, bất vị phân biệt: “Nhữ đẳng đương hữu Như Lai tri kiến bảo tạng chi phần”.

(經)然世尊先知我等心著弊欲，樂於小法，便見縱捨，不為分別：「汝等當有如來知見寶藏之分」。

(Kinh: Nhưng trước đó, đức Thế Tôn đã biết trước tâm chúng con chấp trước ham muốn hèn tẻ, ưa thích Tiểu pháp, chúng con liền bị Phật buông bỏ, Ngài chẳng vì chúng con nói phân biệt: “Các ông sẽ có phần nơi kho báu tri kiến của Như Lai”).

Trong phần trước, đã nói “một ngày nọ, từ xa trông thấy thân con”, nay lại nói “đã biết trước”. Trong phần trước nói “*luy sáu tiêu tụy*”

²⁴² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Hàng Nhị Thừa siêng khổ đoạn Hoặc, chỉ đạt được Hữu Dư Niết Bàn thuộc Tiểu Quả, chẳng đạt được thọ dụng to lớn, nên nói là cái giá một ngày”.

(còn cỏi, tiêu tụy), nay nói “*tâm trước tệ dục*” (tâm chấp trước các ham muốn kém cỏi) v.v... Trong phần trước nói “*tức thoát anh lạc*” (liền tháo chuỗi ngọc), phần này nói “*bất vị phân biệt*” (chẳng vì chúng con phân biệt) v.v...

Phần thứ ba, “cho người truy đuổi và khuyển dụ” đã xong.

4.2.2.1.2.2.4. Kết hợp với pháp chuyện lãnh nhận và giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.2.4.1. Kết hợp với pháp chuyện nhận lãnh gia nghiệp

(Kinh) Thế Tôn dĩ phương tiện lực, thuyết Như Lai trí huệ. Ngã đẳng tùng Phật đắc Niết Bàn nhất nhật chi giá, dĩ vi đại đắc. Ư thử Đại Thừa, vô hữu chí cầu, ngã đẳng hựu nhân Như Lai trí huệ, vị chư Bồ Tát khai thị diễn thuyết, nhi tự ư thử vô hữu chí nguyện. Sở dĩ giả hà? Phật tri ngã đẳng tâm nhạo Tiểu pháp, dĩ phương tiện lực, tùy ngã đẳng thuyết, nhi ngã đẳng bất tri chân thị Phật tử.

(經)世尊以方便力，說如來智慧。我等從佛得涅槃一日之價，以為大得。於此大乘，無有志求，我等又因如來智慧，為諸菩薩開示演說，而自於此無有志願。所以者何？佛知我等心樂小法，以方便力，隨我等說，而我等不知真是佛子。

(Kinh: Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện, nói trí huệ của Như Lai. Chúng con từ Phật đạt được cái giá Niết Bàn một ngày, cho là đã đạt được rất nhiều, đối với pháp Đại Thừa này chẳng có chí mong cầu. Chúng con lại nhờ vào trí huệ của Phật mà khai thị, diễn nói cho các vị Bồ Tát, nhưng chính mình đối với các pháp ấy chẳng có chí nguyện! Vì lẽ nào vậy? Phật biết tâm chúng con ưa pháp Tiểu Thừa, bèn dùng sức phương tiện, thuận theo chúng con mà nói, nhưng chúng con chẳng biết chính mình là con thật sự của Phật).

“*Dĩ phương tiện lực, thuyết Như Lai trí huệ*” (Dùng sức phương tiện, nói trí huệ của Như Lai), tương ứng với “*tâm tương thể tín, xuất nhập vô nan*” (tâm dần dần thấu hiểu, tin tưởng, ra vào chẳng ngăn ngại) trong phần trước. “*Ư thử Đại Thừa vô hữu chí cầu*” (Đối với Đại Thừa,

chẳng có chí mong cầu), tương ứng với “sở chỉ do tại bốn xứ” (vẫn ở tại chỗ cũ) trong phần trên. “Hữu nhân Như Lai trí huệ vị chư Bồ Tát khai thị, diễn thuyết” (Lại nhờ vào trí huệ của Như Lai mà vì các vị Bồ Tát khai thị, diễn nói), tương ứng với “thọ mạng lãnh tri” (vâng lệnh nhận lãnh trông coi) trong phần trước. “Nhi tự ư thử, vô hữu chí nguyện” (Nhưng chính mình đối với các pháp ấy, chẳng có chí nguyện) tương ứng với “vô hy thủ” (chẳng mong giữ lấy) trong phần trước. Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý “vô hy thủ”. Do sức phương tiện của Phật, Ngài dùng pháp Thật Tướng để nói với hàng Nhị Thừa, nhưng [tuy Phật giảng nói như thế], chúng con chẳng hiểu ý nghĩa bất cộng [giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa].

4.2.2.1.2.2.4.2. Kết hợp với pháp về chuyện giao phó gia nghiệp

4.2.2.1.2.2.4.2.1. Giao phó gia nghiệp

(Kinh) Kim ngã đẳng phương tri Thế Tôn ư Phật trí huệ vô sở lận tích. Sở dĩ giả hà? Ngã đẳng tích lai, chân thị Phật tử, nhi dẫn nhạo Tiểu pháp. Nhược ngã đẳng hữu nhạo Đại chi tâm, Phật tắc vị ngã thuyết Đại Thừa pháp. Ư thử kinh trung, duy thuyết Nhất Thừa, nhi tích ư Bồ Tát tiền, hủy tư Thanh Văn nhạo Tiểu pháp giả, nhiên Phật thật dĩ Đại Thừa giáo hóa.

(經)今我等方知世尊於佛智慧無所慙惜。所以者何？我等昔來，真是佛子，而但樂小法。若我有樂大之心，佛則為我說大乘法。於此經中，唯說一乘，而昔於菩薩前，毀訾聲聞樂小法者，然佛實以大乘教化。

(Kinh: Nay chúng con mới biết đối với trí huệ của Phật, đức Thế Tôn chẳng hề keo tiếc. Vì có sao vậy? Chúng con xưa nay thật sự là Phật tử, nhưng chỉ ưa thích pháp Tiểu Thừa. Nếu chúng con có tâm ưa thích Đại Thừa, Phật sẽ vì chúng con nói pháp Đại Thừa. Trong kinh này, chỉ nói Nhất Thừa, nhưng trước kia, đối trước các Bồ Tát, [Phật] đã chê trách hàng Thanh Văn ưa chuộng pháp Tiểu Thừa, nhưng Phật thật sự dùng Đại Thừa để giáo hóa).

4.2.2.1.2.2.4.2.2. Hoan hỷ

(Kinh) Thị cố, ngã đẳng thuyết bốn vô tâm hữu sở hy cầu, kim Pháp Vương đại bảo tự nhiên nhi chí, như Phật tử sở ưng đắc giả, giai dĩ đắc chi.

(經)是故，我等說本無心有所希求，今法王大寶自然而至，如佛子所應得者，皆已得之」。

(Kinh: Vì thế, chúng con nói [chính mình] vốn chẳng có tâm mong cầu mà vật báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đưa đến, đối với các thứ mà Phật tử đáng phải nên có, liền đều đạt được).

Phản Trường Hàng của chương “trung căn lãnh ngộ, bạch Phật tự trần thuật” đã xong.

4.2.2.2. Trùng Tụng

4.2.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ca Diếp dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng kim nhật, văn Phật âm giáo, hoan hỷ, dũng được, đắc vị tăng hữu. Phật thuyết Thanh Văn, đương đắc tác Phật, vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc.

(經)爾時，摩訶迦葉欲重宣此義，而說偈言：「我等今日，聞佛音教，歡喜踴躍，得未曾有。佛說聲聞，當得作佛，無上寶聚，不求自得。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài Ma Ha Ca Diếp muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Chúng con trong hiện thời, nghe thanh giáo của Phật, lòng hoan hỷ, hớn hởi, được điều chưa từng có. Phật nói hàng Thanh Văn, sẽ được thành Phật quả, khỏi quý báu vô thượng, chẳng cầu mà tự được).

4.2.2.2.2. Nêu thí dụ

4.2.2.2.2.1. Lập thí dụ

4.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng chuyện cha con thất lạc nhau

4.2.2.2.2.1.1.1. Trùng tụng chuyện con bỏ cha trốn đi

(Kinh) Thí như đồng tử, ấu trĩ vô thức, xả phụ đào thế, viễn đáo tha thổ, châu lưu chư quốc, ngũ thập dư niên.

(經)譬如童子，幼稚無識，捨父逃逝，遠到他土，周流諸國，五十餘年。

(Kinh: Ví như đứa trẻ nhỏ, thơ dại, chẳng hiểu biết, rời bỏ cha trốn đi, xa lánh sang chốn khác, nổi trôi khắp các nước, suốt hơn năm mươi năm).

“Châu lưu chư quốc” (Trôi nổi các nước) ví như luân hồi trong tam giới. “Ngũ thập dư niên” (Hơn năm mươi năm) ví như trải trọn khắp sáu đường.

4.2.2.2.1.1.2. Trùng tụng “cha tìm cầu con [chẳng được], bèn dừng lại”

(Kinh) Kỳ phụ ưu niệm, tứ phương thôi cầu, cầu chi ký bì, đồn chỉ nhất thành, tạo lập xá trạch, ngũ dục tự ngu. Kỳ gia cự phú, đa chư kim, ngân. Xa cừ, mã nã. Chân châu, lưu ly. Tượng, mã, ngư, dương. Liên, dư, xa thặng. Điền nghiệp, đồng bộc. Nhân dân chúng đa. Xuất nhập tức lợi, nãi biến tha quốc. Thương cô, cổ nhân, vô xứ bất hữu, thiên vạn ức chúng, vi nhiều cung kính. Thường vị vương giả, chi sở ái niệm. Quần thần, hào tộc, giai cộng tôn trọng. Dĩ chư duyên cố, vãng lai giả chúng. Hào phú như thị, hữu đại lực thế.

(經)其父憂念，四方推求，求之既疲，頓止一城，造立舍宅，五欲自娛。其家巨富，多諸金銀，碑磔碼瑙，真珠琉璃，象馬牛羊，輦輿車乘。田業僮僕，人民眾多，出入息利，乃徧他國。商估賈人，無處不有，千萬億眾，圍繞恭敬。常為王者，之所愛念。群臣豪族，皆共宗重。以諸緣故，往來者眾。豪富如是，有大力勢。

(Kinh: Cha nó thường buồn nhớ, tìm kiếm khắp bốn phương, tìm kiếm mỗi một rồi, bèn ở lại một thành, cho xây cất nhà cửa, vui hưởng năm món dục. Nhà ông ta giàu to, có rất nhiều vàng, bạc. Xa cừ và mã

não. Chân châu cùng lưu ly. Voi, ngựa, trâu, và dê, kiệu, cang và xe cộ. Ruộng, vườn, nhà, tôi tớ, nhân dân thật đông đảo. Thâu, chi, kiếm lời lãi, tới trọn khắp nước khác, khách thương và doanh nhân, không xứ nào chẳng có. Ngàn vạn ức nhân vật, cung kính vây quanh ông. Thường được bậc vua chúa, yêu mến, nghĩ nhớ tới. Quan lại, hàng quyền quý, đều cùng nhau tôn trọng. Do bởi các duyên đó, người lui tới đông đảo. Giàu mạnh như thế đó, có thể lực to lớn).

“*Tứ phương thôi cầu*” (Tìm cầu khắp bốn phương): Sánh ví chuyện tìm kiếm căn cơ có thể hóa độ trong tứ sanh. “*Đốn chỉ nhất thành*” (Ở lại một thành): Ví như phương tiện tịnh Niết Bàn trong cõi khác, dựng nhà từ bi, lập viện tánh Không, hưởng thụ ngũ trần thù thắng, nhiệm màu, pháp lạc xứng tánh. Ấy là do Phật ngự trong cõi Phương Tiện, mà cũng chính là Thật Báo, và cũng chính là cõi Tịch Quang. “*Vua*” ví như Pháp Thân và Tự Thọ Dụng Thân, đây là Thắng Ứng Thân. Vì thế, được vua yêu mến. “*Quần thần, hào tộc*” ví như bậc Pháp Thân đại sĩ. “*Vãng lai giả chúng*” (Người qua lại đông đảo) ví như Bồ Tát từ các cõi khác qua lại nghe pháp.

4.2.2.2.1.1.3. Trùng tụng chuyện cha lo sầu, tưởng nhớ

(Kinh) Nhi niên hủ mại, ích ưu niệm tử, túc dạ duy niệm, tử thời tương chí, si tử xả ngã, ngũ thập dư niên, khổ tạng chư vật, đương như chi hà?

(經)而年朽邁，益憂念子，夙夜惟念，死時將至，癡子捨我，五十餘年，庫藏諸物，當如之何？

(Kinh: Nhưng tuổi đã già nua, càng thêm buồn nhớ con, ngày đêm chỉ suy nghĩ, giờ chết đã sắp đến, con si dại bỏ ta, đã hơn năm mươi năm, kho tàng cùng các vật, sẽ làm như thế nào?)

4.2.2.2.1.1.4. Trùng tụng chuyện con tình cờ đến thành của cha

(Kinh) Nhĩ thời cùng tử, cầu sách y thực, tùng ấp chí ấp, tùng quốc chí quốc, hoặc hữu sở đắc, hoặc vô sở đắc, cơ ngạ luy sáu, thể sanh sang tiển, tiếm thứ kinh lịch, đáo phụ trụ thành.

(經)爾時窮子，求索衣食，從邑至邑，從國至國，或有所得，或無所得，饑餓羸瘦，體生瘡癬，漸次經歷，到父住城。

(Kinh: Lúc đó, đứa con nghèo, vì kiếm tìm cơm áo, ấp này sang ấp khác, nước này sang nước kia, hoặc có khi cầu được, có lúc chẳng cầu được, đói kém, thân còm cõi, thân thể sanh ghẻ lở, dần dần trải các nơi, đến tòa thành cha ở).

Trải qua Thập Nhị Xứ và Thập Bát Giới đề cầu chánh đạo và trợ đạo. Vì thế nói “*tùng ấp chí ấp, từng quốc chí quốc*” (từ ấp này sang ấp kia, từ nước này sang nước nọ). Xét theo điều thiện hữu lậu, thì sẽ có sở đắc. Xét theo điều thiện vô lậu, sẽ chẳng có sở đắc. Chẳng có pháp Đại Thừa là “*cơ ngạ*” (đói khát). Chẳng có lực dụng to lớn là “*luy*” (gầy mòn), chẳng có công đức to lớn là “*sầu*” (ôm o, còm cõi, gầy mòn). Mê nơi để lý bèn dấy lên Kiến Tư, tức là “*thể sanh sang tiền*” (thân thể sanh ghẻ lở).

Phần thứ nhất, trùng tụng “cha con thất lạc nhau” đã xong.

4.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng chuyện cha con gặp nhau

4.2.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng chuyện con thấy cha

(Kinh) Dung nhằm triển chuyển, toại chí phụ xá. Nhĩ thời trưởng giả, ư kỳ môn nội, thị đại bảo trưởng, xử sự tử tòng, quyền thuộc vi nhiều. Chư nhân thị vệ, hoặc hữu kế toán. Kim, ngân, bảo vật, xuất nội tài sản, chú ký khoán số. Cùng tử kiến phụ, hào quý tôn nghiêm, vị thị quốc vương, nhược quốc vương đẳng, kinh bố tự quái: Hà cố chí thử? Phú tự niệm ngôn: Ngã nhược cửu trụ, hoặc kiến bức bách, cưỡng khu sử tác. Tư duy thị dĩ, trì tẩu nhi khứ, tá vấn bản lý, dục hướng dung tác.

(經)傭賃展轉，遂至父舍。爾時長者，於其門內，施大寶帳，處師子座，眷屬圍繞。諸人侍衛，或有計算。金銀寶物，出內財產，注記券疏。窮子見父，豪貴尊嚴，謂是國王，若國王等，驚怖自怪：何故至此？覆自念言：我

若久住，或見逼迫，強驅使作。思惟是已，馳走而去，借問貧里，欲往傭作。

(Kinh: Lần lượt làm thuê mượn, đến trước nhà của cha. Khi đó, ông trưởng giả, ở trong nhà của mình, căng màn châu báu lớn, ngự trên tòa sư tử. Các quyến thuộc vây quanh, đông đảo kẻ hầu hạ. Hoặc có kẻ tính toán, vàng, bạc, các vật báu. Thu chi các tài sản, biên chép các bằng khoán. Đứa con nghèo thấy cha, sang quý và tôn nghiêm, nghĩ đó là quốc vương, hay bậc giống như vua, kinh hãi tự trách mình: “Sao ta lại đến đây?” Gã thâm tự nhủ rằng: “Nếu ta ở đây lâu, chắc sẽ bị bức bách, cưỡng ép sai khiến làm”. Nghĩ ngại như thế rồi, rảo chạy khỏi chỗ đó, hỏi thăm xóm nghèo nàn, muốn đến để làm thuê).

Hai câu đầu trùng tụng nguyên do thấy cha. Mười câu kế tiếp, trùng tụng con thấy tướng trạng của cha. Trong phần trên nói chỗ con thấy cha là ở bên cạnh cửa, đoạn này nói ông trưởng giả ở bên trong cửa, tức là nói rõ nơi chốn. Đối với hạnh nguyện của Bồ Tát, phần nhiều nói tới các chuyện thuộc mặt Sự, cho nên nói là “kế toán”. Dùng chi tiết để nói rõ những điều đại lược thì gọi là Chú, thọ ký là Ký. Tứ Hoàng Thệ là Khoán, tu hành là Sớ. Mười bốn câu kế đó từ “cùng tử kiến phụ” (đứa con nghèo thấy cha) trở đi trùng tụng con sanh lòng sợ hãi, tránh né, ý nghĩa dễ hiểu.

4.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng chuyện cha thấy con

Chỉ trùng tụng “chỗ cha thấy con” và “vừa thấy liền nhận biết”, không trùng tụng chuyện “hoan hỷ, hợp với ý nguyện”.

(Kinh) Trưởng giả thị thời, tại sư tử tòa, dao kiến kỳ tử, mặc nhi thức chi.

(經)長者是時，在師子座，遙見其子，默而識之。

(Kinh: Lúc ấy ông trưởng giả, ở trên tòa sư tử, xa trông thấy con mình, im lặng, nhận biết nó).

Phần thứ hai, “trùng tụng chuyện cha con gặp nhau” đã xong.

4.2.2.2.1.3. Trùng tụng chuyện truy đuổi, khuyên dụ

4.2.2.2.1.3.1. Trùng tụng chuyện người bên cạnh [ông trưởng giả] truy đuổi

(Kinh) Tức sắc sứ giả, truy tróc tương lai. Cùng tử kinh hoán, mê muội tích địa: Thị nhân chấp ngã, tất đương kiến sát. Hà dụng y thực, sử ngã chí thử? Trưởng giả tri tử, ngu si hiệp liệt, bất tín ngã ngôn, bất tín thị phụ.

(經)即勅使者，追捉將來。窮子驚喚，迷悶躋地：是人執我，必當見殺。何用衣食，使我至此？長者知子，愚癡狹劣，不信我言，不信是父。

(Kinh: Ông liền sai người hầu, đuổi theo bắt đem về. Gã nghèo hoảng sợ gào, mê ngất, ngã xuống đất: “Người này bắt bớ ta, ắt sẽ đem giết chết, cần gì vì cơm áo, khiến ta đến nỗi này?” Trưởng giả biết con mình, ngu si, tâm hẹp, hèn, chẳng tin tưởng lời cha, chẳng tin ta là cha).

4.2.2.2.1.3.2. Trùng tụng chuyện hai người đến khuyên dụ

4.2.2.2.1.3.2.1. Trùng tụng chuyện thuê mướn

(Kinh) Tức dĩ phương tiện, cánh khiến dư nhân, điều mục toa lậu, vô oai đức giả, như khả ngữ chi, vân đương tương cố, trừ chư phần uế, bội dĩ như giá. Cùng tử văn chi, hoan hỷ tùy lai. Vị trừ phần uế, tịnh chư phòng xá.

(經)即以方便，更遣餘人，眇目矬陋，無威德者，汝可語之，云當相雇，除諸糞穢，倍與汝價。窮子聞之，歡喜隨來。為除糞穢，淨諸房舍。

(Kinh: Liền vận dụng phương tiện, lại sai khiến kẻ khác, mắt chột và lùn xấu, chẳng có oai đức gì, người hãy nên bảo nó, ta sẽ thuê mướn nó, dọn trừ các phân nhơ, trả nó giá gấp bội. Dừa con nghèo nghe nói, hoan hỷ theo họ về. Vì dọn các phân nhơ, dọn sạch các phòng nhà).

“Điều mục” (眇目, mắt chột): Ví như Thiên Không tiêu trí. “Toa” (矬) là theo chiều dọc thì ngắn ngủn, ví như chẳng thấu hiểu nguồn cội

của Thật Tướng. “Lậu” (陋) là theo chiều ngang thì hẹp hòi, ví như chẳng tròn đủ vạn thiện để trang nghiêm. Chẳng phải là Tứ Vô Sở Ủy, cho nên “vô oai”. Chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh, nên “vô đức”. “Tịnh chư phòng xá” là thanh tịnh sáu căn và nhà cửa Ngũ Âm.

4.2.2.2.1.3.2.2. Trùng tụng chuyện sai làm

(Kinh) Trưởng giả ư dũ, thường kiến kỳ tử, niệm tử ngu liệt, nhạo vi bỉ sự. Ư thị trưởng giả, trước tộ cầu y, chấp trừ phần khí, vãng đáo tử sở, phương tiện phụ cận, ngữ linh cần tác. Ký ích nhữ giá, tịnh đồ túc du, ẩm thực sung túc, tiến tịch hậu noãn. Như thị khổ ngôn: Nhữ đương cần tác. Hựu dĩ nhuyển ngữ: Nhược như ngô tử.

(經)長者於牖，常見其子，念子愚劣，樂為鄙事。於是長者，著弊垢衣，執除糞器，往到子所，方便附近，語令勤作。既益汝價，并塗足油，飲食充足，薦席厚暖。如是苦言：汝當勤作。又以軟語：若如吾子。

(Kinh: Trưởng giả trong cửa sổ, thường trông thấy con mình, nghĩ con mình ngu hèn, thích làm chuyện hèn kém. Do vậy, ông trưởng giả, mặc y phục xấu dơ, tay cầm đồ dọn phân, qua đến chỗ con làm, tạo phương cách thân cận, bảo con hãy siêng làm, đã tăng giá cho người, cùng với dầu bôi chân, thức ăn đều đầy đủ, đệm chiếu đều dày ấm. Tha thiết bảo thế này: “Người hãy nên siêng làm”, lại dịu dàng bảo nó: “Coi người như con ta”).

Hai câu đầu, trùng tụng chuyện toan dùng Quyền Trí đã lâu. Hai câu kế, trùng tụng chuyện từ lâu đã biết họ ưa thích Tiểu pháp. Bốn câu kế tiếp, trùng tụng từ lâu đã biết cần phải tán thán ba loại xe. Mười câu kế tiếp, trùng tụng từ lâu đã biết do thỏa thích ý nguyện, họ sẽ thọ hành. Chữ “ngữ” (nói) nhằm trùng tụng Tứ Niệm Xứ. Ba chữ “linh cần tác” (dạy hãy siêng làm) trùng tụng Tứ Chánh Cần. Sáu câu từ “ký ích nhữ giá” (tăng giá cho người) trùng tụng Tứ Như Ý Túc. “Đồ túc du” (Dầu bôi chân): Dầu có thể trừ phong, sánh ví Thiên Định; lại có thể nổi trên nước, ví như thần thông. “Ẩm thực” tức gạo, bột, muối, dấm... “Tiến tịch hậu noãn” (Đệm, chiếu dày ấm): Sánh ví chuyện rèn luyện huân tu các môn Thiền.

“*Như thị khổ ngôn, như đương cần tác*” (Nói tha thiết như thế đó, người hãy nên siêng làm): Kết lại “*đốt, nam tử, như thường thử tác*” (này chàng trai, người hãy thường làm ở chỗ này) v.v... trong phần trước. “*Hựu dĩ nhuyển ngữ, nhược như ngã tử*” (Lại dùng lời mềm mỏng: “Coi người như con ta”) tức là trùng tụng phần kinh văn nói về Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác, Bát Chánh v.v... từ câu “*hảo tự an ý*” (hãy khéo an lòng) trong phần trước.

Phần thứ ba, trùng tụng về chuyện “*đuổi theo, khuyên dụ*” đã xong.

4.2.2.2.1.4. Trùng tụng chuyện “lãnh nhận và giao phó gia nghiệp”

4.2.2.2.1.4.1. Trùng tụng chuyện lãnh nhận gia nghiệp

(*Kinh*) *Trưởng giả hữu trí, tiệm linh nhập xuất, kinh nhị thập niên, chấp tác gia sự, thị kỳ kim, ngân, chân châu, pha lê, chư vật xuất nhập, giai sử linh tri. Do xử môn ngoại, chỉ túc thảo am, tự niệm bản sự, ngã vô thử vật.*

(經)長者有智，漸令入出，經二十年，執作家事，示其金銀，真珠玻瓈，諸物出入，皆使令知。猶處門外，止宿草菴，自念貧事，我無此物。

(*Kinh*: Ông trưởng giả có trí, cho con dần ra vào, trải qua hai mươi năm, chăm sóc chuyện trong nhà, dạy con biết vàng, bạc, chân châu và pha lê, các vật được thu chi, đều dạy con biết rõ. Con vẫn ở ngoài cửa, nường nấu nơi am tranh, tự nghĩ phận nghèo nàn, ta chẳng có vật đó).

Hai câu đầu trùng tụng chuyện “tâm dần dần thấu hiểu, tin tưởng”. Sáu câu kế, trùng tụng chuyện đưa con vâng lời cha đứng ra coi sóc [gia nghiệp]. Bốn câu sau cùng, trùng tụng [con tuy trông coi tài sản], chẳng mong cầu giữ lấy.

“*Kinh nhị thập niên*” (Trải qua hai mươi năm): Dạy Bồ Tát đoạn Kiến Tư thuộc giới ngoại, chẳng giống với hai mươi năm dọn phân trước đó.

4.2.2.2.1.4.2. Trùng tụng chuyện giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.1.4.2.1. Trùng tụng chuyện chánh thức giao phó gia nghiệp

(Kinh) Phụ tri tử tâm, tiệm dĩ khoáng đại, dục dữ tài vật, tức tụ thân tộc, quốc vương, đại thần, Sát-lợi, cư sĩ. Ư thử đại chúng, thuyết thị ngã tử, xả ngã tha hành, kinh ngũ thập tuế. Tự kiến tử lai, dĩ nhị thập niên. Tích ư mỗ thành, nhi thất thị tử, châu hành cầu sách, toại lai chí thử. Phàm ngã sở hữu, xá trạch, nhân dân, tất dĩ phó chi, tứ kỳ sở dụng.

(經)父知子心，漸已曠大，欲與財物，即聚親族，國王大臣，剎利居士。於此大眾，說是我子，捨我他行，經五十歲。自見子來，已二十年。昔於某城，而失是子，周行求索，遂來至此。凡我所有，舍宅人民，悉以付之，恣其所用。

(Kinh: Cha biết tâm con mình, đã dần dần lớn rộng, muốn trao cho tài vật, bèn nhóm họp thân tộc, quốc vương và đại thần, Sát-lợi cùng cư sĩ. Giữa đại chúng đó, nói: - Đây là con của ta, bỏ ta sang nơi khác, đã suốt năm mươi năm. Từ khi thấy con tới, là đã hai mươi năm. Xưa kia tại thành đó, lạc mất đứa con này, trải khắp nơi tìm kiếm, nên mới đến nơi đây. Phàm những gì ta có, nhà cửa và nhân dân, đều giao phó cho nó, mặc tình nó sử dụng).

“*Nhị thập niên*” (Hai mươi năm): Nếu xét theo sự tự hành của Nhị Thừa thì là hai mươi năm dọn phân, hoặc sau khi đã dọn phân thì mới gọi là con. Tức là chuyện chuyển giao và làm lụng thì gọi là “*hai mươi năm*”, hoặc là xét theo Nhị Thừa mà gọi là hai mươi năm.

4.2.2.2.1.4.2.2. Trùng tụng niềm hoan hỷ do được giao phó

(Kinh) Tử niệm tích bản, chí ý hạ liệt, kim ư phụ sở, đại hoạch trân bảo, tịnh cập xá trạch, nhất thiết tài vật, thậm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.

(經)子念昔貧，志意下劣，今於父所，大獲珍寶，并及舍宅，一切財物，甚大歡喜，得未曾有。

(Kinh: Con nghĩ xưa nghèo khó, chí ý cam kém hèn, nay ở nơi cha mình, được rất nhiều trân bảo, cùng với nhiều nhà cửa, hết thấy các tài vật, lòng hoan hỷ rất lớn, đạt được chưa từng có).

Phản thứ nhất, “trùng tụng về chuyện lập thí dụ” đã xong.

4.2.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

4.2.2.2.2.2.1. Đối ứng với pháp chuyện [cha con] cùng lạc mất nhau, cùng thấy nhau

(Kinh) Phật diệt như thị, như ngã nhạo Tiểu.

(經)佛亦如是，如我樂小。

(Kinh: Đức Phật cũng như thế, biết con ưa Tiểu Thừa).

Do con ưa thích Tiểu Thừa, cho nên lạc mất cha. Do Phật biết căn tánh của con, giống như cha trông thấy con.

4.2.2.2.2.2.2. Đối ứng với pháp chuyện “truy đuổi, khuyên dụ”

(Kinh) Vị tăng thuyết ngôn: như đẳng tác Phật. Nhi thuyết ngã đẳng: Đắc chư vô lậu, thành tựu Tiểu Thừa, Thanh Văn đệ tử.

(經)未曾說言：汝等作佛。而說我等：得諸無漏，成就小乘，聲聞弟子。

(Kinh: Nên chưa hề bảo con: “Các ông sẽ thành Phật”. Chỉ nói với chúng con: - Đạt được các vô lậu, thành tựu pháp Tiểu Thừa, là đệ tử Thanh Văn).

Hai câu đầu tương ứng với chuyện truy đuổi, bốn câu cuối tương ứng với chuyện khuyên dụ.

4.2.2.2.2.2.3. Đối ứng với chuyện lãnh nhận và giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.2.2.3.1. Đối ứng với pháp chuyện lãnh nhận gia nghiệp

4.2.2.2.2.2.3.1.1. Đối ứng với pháp chuyện vâng lệnh trông coi

(Kinh) Phật sắc ngã đẳng, thuyết tối thượng đạo, tu tập thử giả, đương đắc thành Phật. Ngã thừa Phật giáo, vì đại Bồ Tát, dĩ chư nhân duyên, chủng chủng thí dụ. Nhược can ngôn từ, thuyết vô thượng đạo.

Chư Phật tử đấng, từng ngã văn pháp, nhật dạ tư duy, tinh cần tu tập. Thị thời chư Phật, tức thọ kỳ ký: Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật. Nhất thiết chư Phật, bí tạng chi pháp, dẫn vị Bồ Tát, diễn kỳ thật sự, nhi bất vị ngã, thuyết tư chân yếu.

(經)佛勅我等，說最上道，修習此者，當得成佛。我承佛教，為大菩薩，以諸因緣，種種譬喻。若干言辭，說無上道。諸佛子等，從我聞法，日夜思惟，精勤修習。是時諸佛，即授其記：汝於來世，當得作佛。一切諸佛，秘藏之法，但為菩薩，演其實事，而不為我，說斯真要。

(Kinh: Phật truyền dạy chúng con, nói đạo pháp tối thượng, người tu tập pháp ấy, sẽ được thành Phật quả. Con vâng lời Phật dạy, vì các đại Bồ Tát, dùng các món nhân duyên, cùng đủ mọi thí dụ. Bao nhiêu thứ ngôn từ, để nói đạo vô thượng. Các hàng Phật tử thấy, nghe pháp từ chúng con, suốt ngày đêm tư duy, siêng ròng mà tu tập. Lúc bấy giờ, chư Phật, liền vì họ thọ ký: “Ông trong đời mai sau, sẽ được thành Phật quả”. Pháp ẩn tàng bí mật, của hết thấy chư Phật, chỉ vì hàng Bồ Tát, diễn nói sự chân thật, nhưng chẳng vì chúng con, nói pháp chân yếu ấy).

Trong phần [kinh văn Trường Hàng] kết hợp với pháp, đã đối ứng chuyện “thâu hiểu, tin tưởng, ủy thác, giao phó gia nghiệp” với pháp; nhưng kệ tụng chỉ đối ứng với pháp chuyện “ủy thác gia nghiệp”. “Tối thượng đạo” chính là Ma Ha Bát Nhã.

4.2.2.2.2.3.1.2. Trùng tụng sự đối ứng với pháp chuyện “con chẳng có ý mong cầu”

Phần kinh văn này nói rộng, lại chia thành ba tiểu đoạn.

4.2.2.2.2.3.1.2.1. Trùng tụng nhắc lại thí dụ nêu rõ “con không có ý mong cầu”

(Kinh) Như bĩ cùng tử, đắc cận kỳ phụ, tuy tri chư vật, tâm bất hy thủ. Ngã đẳng tuy thuyết, Phật pháp bảo tạng, tự vô chí nguyện, diệc phục như thị.

(經)如彼窮子，得近其父，雖知諸物，心不希取。我等雖說，佛法寶藏，自無志願，亦復如是。

(Kinh: Như đứa con nghèo kia, được thân cận bên cha, tuy hiểu biết các vật, tâm chẳng hề mong cầu. Chúng con tuy diễn nói, tạng báu trong Phật pháp, tự chẳng có chí nguyện, cũng giống như thế đó).

4.2.2.2.2.3.1.2.2. Giải thích vì sao chẳng có ý niệm mong cầu

(Kinh) Ngã đẳng nội diệt, tự vị vi túc, duy liễu thử sự, cánh vô dư sự. Ngã đẳng nhược văn, tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh, đô vô hân nhạo. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết chư pháp, giai tất không tịch, vô sanh, vô diệt, vô đại, vô tiểu, vô lậu, vô vi. Như thị tư duy, bất sanh hỷ nhạo. Ngã đẳng trường dạ, ư Phật trí huệ, vô tham, vô trước, vô phục chí nguyện, nhi tự ư pháp, vị thị cứu cánh. Ngã đẳng trường dạ, tu tập Không pháp, đắc thoát tam giới, khổ não chi hoạn, trụ tối hậu thân, hữu dư Niết Bàn. Phật sở giáo hóa, đắc đạo bất hư, tắc vì dĩ đắc, báo Phật chi ân.

(經)我等內滅，自謂為足，唯了此事，更無餘事。我等若聞，淨佛國土，教化眾生，都無欣樂。所以者何？一切諸法，皆悉空寂，無生無滅，無大無小，無漏無為。如是思惟，不生喜樂。我等長夜，於佛智慧，無貪無著，無復志願，而自於法，謂是究竟。我等長夜，修習空法，得脫三界，苦惱之患，住最後身，有餘涅槃。佛所教化，得道不虛，則為已得，報佛之恩。

(Kinh: Chúng con đã nội diệt, tự cho đã đủ rồi, chỉ xong được việc ấy, chẳng có chuyện chi khác. Nếu chúng con được nghe, thanh tịnh Phật quốc độ, giáo hóa các chúng sanh, thấy đều chẳng ưa thích. Vì lẽ nào như vậy? Bởi hết thấy các pháp, thấy đều là không tịch, vô sanh và

vô diệt, chẳng lớn, cũng chẳng nhỏ, vô lậu và vô vi. Do suy nghĩ như thế, chẳng sanh lòng ưa thích. Chúng con trong đêm dài, đối với trí huệ Phật, chẳng tham, chẳng chấp giữ, cũng chẳng có chí nguyện, đối với pháp của mình, tự cho là rất ráo. Chúng con trong đêm dài, thường tu tập pháp Không, được thoát khỏi hoạn nạn, khổ não trong tam giới, trụ trong thân cuối cùng, hữu dư y Niết Bàn. Như Phật đã giáo hóa, đắc đạo chẳng hư huyền, tức là đã có thể, báo đền ân đức Phật).

Bài kệ thứ nhất ý nói: Do đã đoạn chứng trong pháp Tiểu Thừa, chẳng mong cầu đoạn chứng của Đại Thừa. Bài kệ kế tiếp nói: Do đã có trí huệ Tiểu Thừa, chẳng ưa thích trí huệ Đại Thừa. Hai bài kệ kế tiếp, giải thích sự đoạn chứng trong Tiểu Thừa. Nửa bài kệ kế đó, giải thích trí huệ Tiểu Thừa. Nửa bài kệ kế tiếp, giải thích lần nữa về sự đoạn chứng của Tiểu Thừa. Bài kệ sau cùng giải thích lần nữa trí huệ của Tiểu Thừa.

4.2.2.2.2.3.1.2.3. Kết lại ý chẳng mong cầu

(Kinh) Ngã đẳng tuy vị, chư Phật tử đẳng, thuyết Bồ Tát pháp, dĩ cầu Phật đạo, nhi ư thị pháp, vĩnh vô nguyện nhạo. Đạo sư kiến xả, quán ngã tâm cố, sơ bất khuyến tấn, thuyết hữu thật lợi.

(經)我等雖為，諸佛子等，說菩薩法，以求佛道，而於是法，永無願樂。導師見捨，觀我心故，初不勸進，說有實利。

(Kinh: Tuy chúng con đã vì, các hàng Phật tử thấy, tuyên thuyết pháp Bồ Tát, để mong cầu Phật đạo, nhưng đối với pháp ấy, trọn chẳng hề mong thích. Đức đạo sư buông bỏ, vì quán sát tâm con, thoạt đầu chẳng khuyến khích, nói các điều lợi thật).

Do con chẳng mong ước, ưa thích, khiến cho đáng đạo sư phải buông bỏ. Do Ngài quan sát tâm con, trọn chẳng phải là tiếc nuôi Đại pháp.

Phần thứ nhất, “trùng tụng chuyện lãnh nhận gia nghiệp” đã xong.

4.2.2.2.2.3.2. Trùng tụng chuyện kết hợp pháp với giao phó gia nghiệp

4.2.2.2.2.3.2.1. Trùng tụng kết hợp pháp với chuyện giao phó gia nghiệp

Sáu câu đầu nhắc lại thí dụ, sáu câu cuối nhằm kết hợp với pháp.

(Kinh) Như phú trưởng giả, tri tử chí liệt, dĩ phương tiện lực, nhu phục kỳ tâm, nhiên hậu nãi phó, nhất thiết tài vật. Phật diệt như thị, hiện hy hữu sự, tri nhạo Tiểu giả, dĩ phương tiện lực, điều phục kỳ tâm, nãi giáo đại trí.

(經)如富長者，知子志劣，以方便力，柔伏其心，然後乃付，一切財物。佛亦如是，現希有事，知樂小者，以方便力，調伏其心，乃教大智。

(Kinh: Như trưởng giả giàu có, biết con chí kém hèn, bèn dùng sức phương tiện, để điều phục tâm con, sau đó mới giao phó, hết thảy các tài vật. Đức Phật cũng như thế, hiện ra chuyện hy hữu, biết con chuộng Tiểu pháp, bèn dùng sức phương tiện, điều phục cái tâm con, rồi dạy cho đại trí).

4.2.2.2.2.3.2.2. Trùng tụng kết hợp pháp với hoan hỷ

(Kinh) Ngã đẳng kim nhật, đắc vị tăng hữu, phi tiên sở vọng, nhi kim tự đắc. Như bỉ cùng tử, đắc vô lượng bảo. Thế Tôn ngã kim, đắc đạo, đắc quả, ư vô lậu pháp, đắc thanh tịnh nhãn. Ngã đẳng trường dạ, trì Phật tịnh giới, thử ư kim nhật, đắc kỳ quả báo. Pháp vương pháp trung, cứu tu phạm hạnh, kim đắc vô lậu. Vô thượng đại quả, ngã đẳng kim giả, chân thị Thanh Văn. Dĩ Phật đạo thanh, linh nhất thiết văn. Ngã đẳng kim giả, chân A La Hán, ư chư thế gian, thiên, nhân, ma, Phạm, phổ ư kỳ trung, ưng thọ cúng dường.

(經)我等今日，得未曾有，非先所望，而今自得。如彼窮子，得無量寶。世尊我今，得道得果，於無漏法，得清淨眼。我等長夜，持佛淨戒，始於今日，得其果報。法王法中，久修梵行，今得無漏。無上大果，我等今者，真

是聲聞。以佛道聲，令一切聞。我等今者，真阿羅漢，於諸世間，天人魔梵，普於其中，應受供養。

(Kinh: Chúng con trong hiện thời, được pháp chưa từng có, chẳng phải điều sẵn mong, thế mà nay tự được. Như đứa con nghèo kia, có được vô lượng báu. Bạch Thế Tôn, con nay, đắc đạo và đắc quả, ở trong pháp vô lậu, đạt được mắt thanh tịnh. Chúng con trong đêm dài, giữ Phật giới thanh tịnh, mới từ ngày hôm nay, đạt được quả báo ấy. Trong pháp của Pháp Vương, tu phạm hạnh đã lâu, nay đạt được vô lậu. Quả báo lớn vô thượng, chúng con trong ngày nay, thật sự là Thanh Văn. Khiến tiếng đạo của Phật, hết thảy đều được nghe. Chúng con trong ngày nay, thật là A La Hán, ở trong các thế gian, trời, người, ma, Phạm vương, ở trong khắp chúng đó, đáng tiếp nhận cúng dường).

“Đắc đạo” là đắc đạo Thật Tướng. “Đắc quả” đạt được một phần Vô Thượng Bồ Đề Đại Thừa Tập Quả. “Vô lậu pháp” là Trung Đạo chẳng rò rỉ nhị biên. “Đắc thanh tịnh nhãn” (Đạt được mắt thanh tịnh): Đạt được một phần Phật nhãn. Đó là nói đến khai tri kiến của Phật. Tịnh giới trở thành duyên nhân chân thật. Vì thế, đạt được diệu báo. Phạm hạnh trở thành liễu nhân chân thật, cho nên đạt được diệu quả. Những điều thấy biết chính là chánh nhân lý tánh, tức Pháp Thân đức. “Thật sự là Thanh Văn, thật sự là A La Hán” tức địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Một phần là Chân, thì hết thảy các phần đều chân, tức là phân chứng tam đức trong mười pháp giới, chỉ là xét theo địa vị của chính mình mà khai hiển. Vì thế nói là Thanh Văn, A La Hán.

Phần thứ nhất, “trùng tụng sự trần thuật giải ngộ trong phần Trường Hàng” đã xong.

4.2.2.2.2.3.3. Tán tán ơn Phật sâu đậm

(Kinh) Thế Tôn đại ân, dĩ hy hữu sự, lân mẫn giáo hóa, lợi ích ngã đẳng, vô lượng ức kiếp, thù năng báo giả? Thủ túc cung cấp, đầu đánh lễ kính, nhất thiết cúng dường, giai bất năng báo. Nhược dĩ đánh đối, lưỡng kiên hà phụ, ư Hằng sa kiếp, tận tâm cung kính. Hựu dĩ mỹ thiện, vô lượng bảo y, cập chư ngọa cụ, chủng chủng thang được. Ngưu đầu Chiên Đàn, cập chư trân bảo, dĩ khởi tháp miếu, bảo y bố địa. Như tư đẳng sự, dĩ dụng cúng dường, ư Hằng sa kiếp, diệc

bất năng báo. Chư Phật hy hữu, vô lượng vô biên, bất khả tư nghị, đại thần thông lực, vô lậu, vô vi. Chư pháp chi vương, năng vì hạ liệt, nhân u tư sự. Thủ tướng phàm phu, tùy nghi vị thuyết. Chư Phật u pháp, đắc tối tự tại, tri chư chúng sanh, chủng chủng dục lạc, cập kỳ chí lực, tùy sở kham nhậm, dĩ vô lượng dụ, nhi vị thuyết pháp. Tùy chư chúng sanh, tức thể thiện căn. Hựu tri thành thực, vị thành thực giả, chủng chủng trừ lượng, phân biệt tri dĩ, u Nhất Thừa đạo, tùy nghi thuyết tam.

(經)世尊大恩，以希有事，憐愍教化，利益我等，無量億劫，誰能報者？手足供給，頭頂禮敬，一切供養，皆不能報。若以頂戴，兩肩荷負，於恆沙劫，盡心恭敬。又以美膳，無量寶衣，及諸臥具，種種湯藥。牛頭栴檀，及諸珍寶，以起塔廟，寶衣布地。如斯等事，以用供養，於恆沙劫，亦不能報。諸佛希有，無量無邊，不可思議，大神通力，無漏無為。諸法之王，能為下劣，忍於斯事。取相凡夫，隨宜為說。諸佛於法，得最自在，知諸眾生，種種欲樂，及其志力，隨所堪任，以無量喻，而為說法。隨諸眾生，宿世善根。又知成熟，未成熟者，種種籌量，分別知己，於一乘道，隨宜說三」。

(Kinh: Đại ân của Thế Tôn, đem việc hiếm có này, thương xót dạy bảo cho, khiến chúng con lợi ích, dầu vô lượng ức kiếp, ai có thể đáp đền? Dâng lên tay lẫn chân, mọp đầu để lễ kính, dùng hết thầy cúng dường, đều chẳng thể báo đáp. Nếu lại dùng đầu đội, hai vai cùng công vác, trái kiếp cát sông Hằng, dốc hết lòng cung kính. Lại dùng món ăn ngon, vô lượng áo quý báu, và các thứ đồ trái, cùng các thứ thuốc thang. Gõ ngưu đầu Chiên Đàn, và các thứ trân bảo, dùng để dựng tháp, miếu, y báu đem phủ đất. Làm những chuyện như thế, dùng để cúng dường Phật, trong Hằng hà sa kiếp, vẫn chẳng thể báo đền! Chư Phật rất hy hữu, có vô lượng vô biên, sức thần thông to lớn, vô lậu và vô vi, đều chẳng thể nghĩ bàn. Là vua của các pháp, hay vì kẻ hèn kém, nhân thọ

được chuyện này: Với phàm phu chấp tướng, tùy nghi vì họ nói. Ở trong hết thấy pháp, chư Phật tự tại nhất, biết rành các dục lạc, cũng như các chí lực, của hết thấy chúng sanh, tùy sức họ kham nổi, dùng vô lượng thí dụ, để vì họ thuyết pháp. Thuận theo các thiện căn, tức thể của chúng sanh, lại biết đã thành thực, hay vẫn chưa thành thực, trừ tính đủ mọi lẽ, phân biệt để biết rành, từ trong đạo Nhất Thừa, tùy nghi nói thành ba).

“*Thế Tôn đại ân*”:

- Một, đức Phật thoát đầu kiến lập từ bi, dẹp trừ nỗi khổ cho lục đạo, ban cho bốn thánh lạc, trọn khắp mười pháp giới, vào trong Tứ Hoàng Thế. Đó là ân đức thuộc về Như Lai thất (nhà của Như Lai).

- Hai, Như Lai hành Bồ Tát đạo, giáo hóa tạo lợi ích, hoan hỷ, từng dạy chúng con Đại Thừa. Tuy giữa chừng [chúng con] lại quên mất, nhưng trí nguyện chẳng mất, do nhà của Như Lai thanh lương, ấm áp. Đó là ân “đại từ ban vui”.

- Ba, chúng sanh gặp khổ, ngóng nhìn cha mà thôi! Đức Phật xét cơ nghi ấy, như ghé con tìm mẹ, hành trọn Lục Độ để lợi ích chúng sanh. Đây chính là nhà của Như Lai che lạnh, ngăn nóng, tức ân “đại bi dẹp khổ”.

- Bốn, đức Phật đã thành đạo, đáng hưởng niềm vui tịch diệt vô vi, nhưng ẩn tàng thân đức ấy, dùng pháp vui của kẻ nghèo, Ngũ Giới, Thập Thiện, nước lạnh rải vào mặt, khiến cho họ tỉnh ngộ. Đó chính là ân “áo Phật ngăn che cái nóng tham dục”.

- Năm, thị hiện hình tượng của vị lão tỳ-kheo để thuận tiện thân cận, ban cho [chúng sanh] cái giá một ngày. Đó là ân “áo Phật ngăn trừ cái lạnh do kiến chấp, nóng bức do ái”.

- Sáu, sau đó trở đi, do tâm [của hàng Nhị Thừa] dần dần thấu hiểu, tin tưởng, [đức Phật] quở trách, chê bai [Tiểu pháp], khiến cho họ thẹn Tiểu, hâm mộ Đại. Đó là ân “áo Phật che chắn xấu xí”.

- Bảy, [con] tuân lệnh coi sóc gia nghiệp. Vàng, bạc, kho tàng [cha] đều dạy cho con hiểu biết. Đó là ân “áo Phật ban cho con sự trang nghiêm”.

- Tám, nhóm họp thân tộc, xác định quan hệ cha con, giao phó gia nghiệp. Khỏi bấu vô thượng, chẳng cầu mà tự đạt được. Đó chính là ân nơi tòa của Như Lai.

- Chín và mười là đã ngồi nơi tòa, thân ý thanh thản, vui sướng, an ổn, dùng tiếng đạo của Phật để khiến cho hết thấy đều được nghe, đáng

được trọn khắp trời người cúng dường. Đó là ân của Như Lai tòa khiến cho trọn đủ tự hành và hóa độ người khác.

“*Ngưu đầu Chiên Đàn*”: Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Xuất Ly Cấu sơn, nhược dụng đồ thân, hỏa bất năng thiêu*” ([Hương này] sanh từ núi Ly Cấu, nếu dùng để bôi thân, lửa sẽ chẳng thể đốt). Mười ân ở đây, nhà gồm ba ân, áo gồm bốn ân, tòa gồm ba ân. Hãy nên biết từ trong nhà mà được áo, có ân che chở, nuôi nấng. Do trong nhà có tòa, tạo thành tác dụng ban cho và dẹp trừ. Tòa nhờ vào áo và nhà, khiến cho tự hạnh và tha hạnh đều thành tựu. Áo nhờ vào tòa và nhà, khiến cho lý đầu tiên và lý sau cùng đều được hiển. Do vậy, ba nghĩa hợp thành đại ân, luận định ân sâu nặng khó báo, chớ nên quên báo ân.

Trong phần hai, tức phần Thí Thuyết Châu, chương thứ hai nói về sự lãnh nhận giải ngộ của hàng trung căn đã xong. Giải thích phẩm Tín Giải xong, kể đến giải thích phẩm Dược Thảo Dụ.

5. Dược Thảo Dụ Phẩm Đệ Ngũ

藥草喻品第五

Phẩm thứ năm: Dược Thảo Dụ

Trong phẩm này có đủ núi, sông, mây, mưa, riêng dùng Dược Thảo để đặt tên [cho phẩm này]. Đất đai là cái có thể sanh. Mây và mưa là cái có thể nhuần thấm, cỏ cây là cái được sanh, được nhuần thấm. Cái được sanh và được nhuần thấm nói chung đều có tác dụng (nếu xét theo ý nghĩa do Như Lai đã nói, trọn hết đại địa, không gì chẳng phải là thuốc), nhưng tác dụng của dược thảo mạnh mẽ (nếu xét theo các ý nghĩa do các vị như Ca Diếp v.v... lãnh hội thì chính là [căn cơ của các vị đại đệ tử trong phẩm này được sánh ví như] cỏ thuốc loại trung), ví như các điều thiện hữu lậu đều có thể trừ ác, nhưng [điều thiện] vô lậu thù thắng nhất. Nay bốn vị đại đệ tử trong các vị vô lậu dùng thí dụ để [nêu bày sự] lãnh hội [của chính mình đối với] thí dụ của đức Phật, thấu hiểu sâu xa thánh tâm. Đức Phật khen ngợi “*lành thay*”, rất hy hữu! Trần thuật sự lãnh hội của chính mình để khuyên dụ người khác. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (đó là Thế Giới Tất Đàn).

Cỏ thuốc nảy nở um tùm đã lâu, rễ gặp được mây tuôn mưa, sẽ tăng trưởng môn mơn, mầm, thân rậm rạp, tỏ lộ ra ngoài, lực dụng sung mãn, tươi nhuận bên trong. Ví như các vị [đã chứng] vô lậu, thân cuối cùng trụ trong Hữu Dư Niết Bàn, lại chẳng nguyện cầu Phật đạo. Nay

được nghe kinh này, tự thừa và Phật thừa đều dùng để chuyên chở người khác, dùng âm thanh Phật đạo khiến cho hết thấy đều được nghe. “Trong, ngoài, ta, người” đều trọn đủ lực dụng thù thắng. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Phẩm dược thảo có thể chữa trị Tứ Đại, bổ dưỡng ngũ tạng, giữ gìn vẻ thanh xuân (dược thảo của thế gian có ba loại: Loại hạ có thể điều trị Tứ Đại, loại trung bổ ích ngũ tạng²⁴³, loại thượng có thể duy trì, hoặc tái tạo nét thanh xuân; nhưng đều chẳng phải là dược vương. Ví như xưa kia trừ bệnh Tứ Tru, dưỡng năm phần thân, phục hồi tuổi thọ chân lý, duy trì Sắc đang bị biến đổi). Nay nhờ mây mưa, bỗng trở thành dược vương, [trở thành] thuốc men trị khắp các bệnh, đổi thân thể thành tiên; ví như những vị vô lậu nghe kinh, phá Vô Minh Hoặc, khai tri kiến của Phật. Chúng con ngày nay thật sự là Phật tử; khối báu vô thượng chẳng cầu mà tự đạt được. Vì thế, gọi là phẩm Dược Thảo Dụ (phá Hoặc tương ứng với thí dụ “trị khắp”, tức là Đối Trị Tất Đàn. Khai tri kiến của Phật tương ứng với thí dụ “thành tiên”, tức Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, ba loại cỏ là Tạng Giáo, cây nhỏ là Thông Giáo, cây to là Biệt Giáo, mưa thấm đất là Viên Giáo. Trước kia chưa khai hiển thì Quyền và Thật khác biệt vời vợi. Nay đã khai hiển, ba loại cỏ, hai loại cây đều cùng do một cuộc đất sanh ra, do cùng một trận mưa nhuần tưới. Bốn thứ vi tế sắc nơi “rễ, thân, cành, lá” có gì khác biệt? Phải nên trải khắp năm vị để hiển lộ sự độc diệu.

Xét theo Bốn Tích, Bốn thì trụ nơi trí địa, từng thực hiện giảng mây tuôn mưa; nơi Tích là thảo mộc, dẫn khởi tăng trưởng. Quán tâm thì như trong phần Huyền Nghĩa đã nói sau phần luận định về Lợi Ích Diệu.

5.1. Phần thứ ba của Thí Thuyết Châu, Như Lai trần thuật thành tựu

5.1.1. Trần thuật đại lược sự thành tựu

5.1.1.1. Trần thuật Như Lai hai lượt khen ngợi “lành thay”

²⁴³ Ngũ Tạng: Danh xưng tổng quát chỉ các cơ quan nội tạng chủ yếu trong thân thể; nói riêng thì như trong thiên Ngũ Tạng Biệt Luận của sách Tổ Vấn đề xướng, ngũ tạng bao gồm: Gan, tim, tỳ, phổi, thận (nếu kể cả màng bao bọc quả tim thì sẽ thành lục tạng).

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn cáo Ma Ha Ca Diếp, cập chư đại đệ tử: - Thiện tai! Thiện tai! Ca Diếp thiện thuyết Như Lai chân thật công đức, thành như sở ngôn.

(經)爾時，世尊告摩訶迦葉，及諸大弟子：「善哉！善哉！迦葉善說如來真實功德，誠如所言。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Ma Ha Ca Diếp và các vị đại đệ tử: - Lành thay! Lành thay! Ca Diếp khéo nói công đức chân thật của Như Lai, đúng như ông đã nói).

Ngài Ca Diếp đứng đầu tăng chúng; vì thế, [đức Phật] nói riêng với Ngài. Trong phẩm Tín Giải kể tên đủ bốn vị, tuy ngài Không Sanh (Tu Bồ Đề) được nêu ra đầu tiên, nhưng vị xướng suốt trần thuật là ngài Ca Diếp, cho nên nay [đức Phật] nói riêng với Ngài. Kinh văn lại nói “*cập chư đại đệ tử*” (và các vị đại đệ tử) đủ biết là không chỉ riêng bốn vị ấy đặc ngộ. “*Thiện tai*” lần thứ nhất trần thuật sự lãnh ngộ Thật nơi hai chỗ Pháp và Thí, “*thiện tai*” lần thứ hai trần thuật sự lãnh ngộ Quyền nơi hai chỗ Pháp và Thí. Lại nữa, toan dùng Hoa Nghiêm để hóa độ, đó là lãnh ngộ Thật. Dùng Tam Tạng để dẫn dụ, đó là lãnh ngộ Quyền. Thời Phương Đẳng thấu hiểu, tin tưởng; thời Bát Nhã chuyển giáo, chính là cùng lãnh ngộ Quyền và Thật. Thời Pháp Hoa giao phó gia nghiệp, tức là chỉ bày “*Quyền chính là Thật*”. Lời lẽ khéo léo, uyển chuyển tột bậc, cho nên nói là “*thiện thuyết*” (khéo nói). [Những lời hay khéo ấy] đều là Phật pháp. Vì thế nói là “*chân thật công đức*”. Ấn định chẳng sai lầm, cho nên nói là “*thành như sở ngôn*” (đúng như ông đã nói).

5.1.1.2. Chẳng lãnh ngộ nổi

(Kinh) Như Lai phục hữu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức. Nhữ đẳng nhược ư vô lượng ức kiếp, thuyết bất năng tận.

(經)如來復有無量無邊阿僧祇功德。汝等若於無量億劫，說不能盡。

(Kinh: Như Lai lại có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức. Dẫu các ông nói trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể tận).

“*Bát cập*” (Chẳng đạt tới) là như thế nào? Tức là “*thoái, tiến, ngang, dọc, vừa ngang vừa dọc, chẳng phải ngang chẳng phải dọc*”, đều

chẳng thấu đạt. Vì sao vậy? Mây to phủ trọn, khắp chốn được che chở mát mẻ. Mưa to cùng tưới gội, không gì chẳng được thấm đẫm, khiến cho khắp thế gian đều được thấy biết pháp chưa từng có. Sao lại bỗng dung coi giáo pháp ngang bằng nhất loạt, chỉ lãnh ngộ hàng Nhị Thừa đạt được lợi ích, chẳng nói tới loại cỏ nhỏ, tức là hàng nhân thiên [cũng đạt được lợi ích]; đó chính là “*thoái sở bất cập*” (đối với căn tánh kém hơn [căn tánh của chính mình] bèn chẳng thấu đạt [những người ấy cũng đạt được lợi ích]).

Bồ Tát được gọi là được thảo loại thượng, còn gọi là cây nhỏ hay cây to, tươi tốt, rậm rạp, lợi ích ta lẫn người, nhưng lại chẳng lãnh hội điều ấy. Đó chính là “*tấn sở bất cập*” (chẳng thấu đạt căn tánh cao hơn). Hơn nữa, mười pháp giới cùng trở thành Phật pháp giới, sao lại chỉ lãnh ngộ Nhị Thừa, tám pháp giới khác đều chẳng nhắc tới? Đó là “*hoành sở bất cập*” (chẳng thấu đạt căn tánh xét theo chiều ngang). Lại nữa, bảy phương tiện từ cạn đến sâu, đều nhập chân thật, sao lại chỉ lãnh ngộ Nhị Thừa, còn năm phương tiện kia đều chẳng được nhắc tới? Đó là “*thụ sở bất cập*” (chẳng thấu đạt các căn tánh xét theo chiều dọc). Hơn nữa, lợi ích trong ba đời trọn khắp mười pháp giới trong mười phương, chưa từng tạm thời phé trừ, nhưng đều chẳng nhắc tới. Đó là “*diệc hoành diệc thụ lãnh sở bất cập*” (theo chiều ngang lẫn chiều dọc đều chẳng thấu đạt).

Lại nữa, núi, sông, khe, hang v.v... nói chung là một cõi đất. Một cõi đất có thể sanh trưởng, chưa từng chọn lựa! Chủng tử của thảo mộc đều nương vào đất, chẳng nương vào đâu khác. Một vầng mây dày đặc đen kịt, không đâu chẳng phủ kín. Một trận mưa một vị, chẳng phân biệt [cây cỏ] khô khao hay tươi tốt. Nhuận thấm trọn khắp đã giống hết nhau, [thảo mộc] đều cùng được tăng trưởng trọn khắp. Như Lai bình đẳng chẳng thể nghĩ bàn! Quả thật, chẳng có trước Đốn, sau Tiệm. Thoạt đầu là ba thừa, cuối cùng là Nhất Thừa, như rồng nổi mây, tuôn mưa trọn khắp hết thảy. Chẳng từ thân tâm mà tuôn xuống, trừ nóng bức, được mát mẻ. Đó là ngũ thừa thất phương tiện. Mười phương ba đời bình đẳng rộng lớn, rất sâu, rất xa, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng sai biệt. Đó là “*không lãnh hội thấu đạt chẳng phải ngang, chẳng phải dọc*”. Nói “*chẳng thấu đạt*” trọn chẳng phải là “*nhANH chóng đoạt mất*”, mà là đặc biệt đem sơ tâm đối ứng với hậu tâm, chưa đạt tới địa vị tột cùng. Vì thế nói là “*bất tận*” (đó là xét theo nhân duyên).

Lại nữa, đã ngộ chữ A đầu tiên thì cũng trọn đủ công đức của chữ Trà [là chữ cuối cùng trong văn tự Tất Đàm (Siddhām)²⁴⁴], nhưng sự lãnh hội giáo pháp theo kiểu chỉ hạn cuộc nơi trình độ của chính mình thì sẽ chẳng rảnh rang để tiến nhập lãnh hội theo các phương diện ngang dọc trọn khắp! (Đó là xét theo giáo). Lại nữa, bậc quyền hành đại sĩ phải nên [thị hiện lãnh ngộ hạn hẹp] như thế (đó là xét theo Bồn Tích).

Xét theo quán tâm thì tiến, thoái, ngang, dọc, vừa ngang vừa dọc, chẳng sai biệt mà là sai biệt. Chẳng dọc, chẳng ngang, sai biệt chính là không sai biệt. Quán tâm chính là Không thì sai biệt chính là chẳng sai biệt. Quán tâm tức Giả thì không sai biệt chính là sai biệt. Quán tâm tức Trung thì chẳng sai biệt, chẳng không sai biệt, cùng chiếu sai biệt và không sai biệt (người hiện thời chỉ đọc một bộ sách Tứ Giáo Nghi liên chấp vào ngũ thời chuyên biệt²⁴⁵ để phán giáo, chỉ là trộm lấy nước rã thừa của ngài Ca Diếp, há có biết tam luân giáo hóa của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn dường ấy ư?)

Phần thứ nhất, “trần thuật đại lược sự thành tựu” đã xong.

5.1.2. Trần thuật cận kề sự thành tựu

5.1.2.1. Trường Hàng

Đã nói cận kề ba loại cỏ, hai loại cây sai biệt, chẳng sai biệt v.v... đều là do ngài Ca Diếp chẳng lãnh hội tới mức, nhưng [đức Phật] vẫn cứ tiếp dẫn. Vì thế, Ngài kết lại lời tán thán như sau: “*Nhữ đẳng thậm vi hy hữu, năng tri Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng tín, năng thọ*” (Các ông rất hy hữu, có thể biết Như Lai tùy theo cơ nghi thuyết pháp, có thể tin, có thể nhận). Ấy là vì đại chúng đối với tiến, thoái, ngang, dọc v.v...

²⁴⁴ Tất Đàm (Siddhām có nghĩa là “thành tựu” hay “hoàn mỹ”, còn gọi là Siddhāmātrkā). Đây là một loại văn tự cổ của Ấn Độ, thường được người Hoa gọi là Phạm Thư hay Phạm Tự, tức là một loại văn tự cổ để ghi chép ngôn ngữ Sankrit (Phạn ngữ) từ 600 năm trước Công Nguyên cho đến năm 1200. Các nhà nghiên cứu cho rằng Tất Đàm phát triển từ bộ chữ Gupta Brahmi, và được sử dụng trong thời kỳ vương triều Cấp Đa (Gupta) của Ấn Độ cổ. Hiện thời, Tất Đàm vẫn chủ yếu sử dụng trong các văn bản Mật Giáo để ghi chép các bài thần chú hay các chủng tự (seed syllable) của các bài Đà La Ni. Tất Đàm chính là gốc của loại văn tự được sử dụng để ghi chép các ngôn ngữ Assame, Bengali, Tirhuta, Odia, và tiếng Nepali trong hiện thời.

²⁴⁵ Gọi là “ngũ thời chuyên biệt” vì xét theo độn căn chúng sanh, phải trải qua khắp năm thời để dần dần dần dần hòng chứng nhập Nhất Thừa, chứ đối với bậc lợi căn, vừa nghe liền chứng nhập Chân Đế, sẽ chẳng còn có thời nào khác biệt nữa.

tuy chẳng thể lãnh ngộ kịp, nhưng xét theo đại ý thì chẳng vượt ra ngoài Quyền và Thật!

5.1.2.1.1. Nêu rõ Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

5.1.2.1.1.1. Pháp thuyết

5.1.2.1.1.1.1. Nêu rõ giáo pháp Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

(Kinh) Ca Diếp đương tri: Như Lai thị chư pháp chi vương, nhược hữu sở thuyết, giai bất hư dã. Ư nhất thiết pháp, dĩ trí phương tiện nhi diễn thuyết chi. Kỳ sở thuyết pháp, giai tất đáo ư Nhất Thiết Trí địa.

(經)迦葉當知：如來是諸法之王，若有所說，皆不虛也。於一切法，以智方便而演說之。其所說法，皆悉到於一切智地。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết: Như Lai là vua của các pháp. Những điều Ngài đã nói đều chẳng hư dối. Trong hết thảy các pháp, Ngài dùng trí phương tiện để diễn nói. Pháp do Ngài đã nói đều đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí).

Đây là chỉ bày chung chỗ lãnh ngộ không tới mức [của hàng Thanh Văn]. Nếu dựa theo thí dụ đứa con nghèo [trong phẩm Tín Giải để nói], ắt trước hết [đức Phật] toan dùng Đại Thừa; sau đó, [đành phải] dùng Tiểu Thừa để tiếp độ họ. Sau khi họ đã thấu hiểu, tin tưởng, thì mới có thể tiếp nhận, hiểu biết. Sau khi đã tiếp nhận, hiểu biết, mới có thể giao phó gia nghiệp! Đó chính là đường lối của hàng Thanh Văn độn căn trải khắp ngũ vị hòng được hưởng lợi ích đó thôi! Há có biết Như Lai là đại pháp vương, đạt được đại tự tại? Ngài dùng một âm thanh diễn thuyết, mỗi loài đều được thông hiểu. Ba loại cỏ, hai loại cây đạt được lợi ích chẳng hư dối. Dùng trí phương tiện để diễn nói pháp, có Quyền pháp nào chẳng thực hiện? Há chỉ thực thi tam thừa ư? Những pháp do Ngài đã nói đều [khiến cho hành nhân] đạt đến địa vị Nhất Thiết Trí, vậy thì có Thật nào chẳng được hiển lộ, há chỉ Nhị Thừa ư? Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn! Nói “*Nhất Thiết Trí địa*” (địa vị Nhất Thiết Trí) thì rất ráo chẳng hai, cho nên nói là Nhất. Tánh ấy rộng lớn, cho nên nói là Thiết. Tịch mà thường chiếu, cho nên gọi là Trí. Từ cái gốc vô trụ mà lập ra hết thảy các pháp, cho nên nói là Địa.

5.1.2.1.1.2. Nói rõ trí Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn

(Kinh) Như Lai quán tri nhất thiết chư pháp chi sở quy thú, diệt tri nhất thiết chúng sanh thâm tâm sở hành, thông đạt vô ngại. Hựu, u chư pháp cứu tận mình liễu, thị chư chúng sanh nhất thiết trí huệ.

(經)如來觀知一切諸法之所歸趣，亦知一切眾生深心所行，通達無礙。又，於諸法究盡明了，示諸眾生一切智慧。

(Kinh: Như Lai thấy biết chỗ hướng về của hết thấy các pháp, cũng biết sở hành trong thâm tâm của hết thấy chúng sanh, thông đạt vô ngại. Lại nữa, đối với các pháp đều hiểu rõ cùng tận rốt ráo, chỉ bày hết thấy trí huệ cho chúng sanh).

Đây là nói đến các giáo pháp Quyền và Thật; do vậy, “*giai tất bất hư*” (thầy đều chẳng hư dối). “*Bất khả tư nghị*” (Chẳng thể nghĩ bàn) chính là do trí Quyền Thật của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn! “*Quán tri nhất thiết chư pháp chi sở quy thú*” (Thấy biết chỗ hướng về của hết thấy các pháp): Khế hợp lý Quyền Thật, biết thuốc sâu hay cạn, mà cũng biết sở hành trong thâm tâm của hết thấy chúng sanh. “*Thông đạt vô ngại*” tức là khế hội căn cơ của mười pháp giới, nhận biết bệnh từ gốc đến ngọn. Hết thấy các pháp, mỗi pháp đều có viển thú và cận thú. Nói “*cận thú*” (hướng đến cái quả trong thời gian gần) là [các pháp như] giới, thiện v.v... sẽ dẫn tới nhân, thiên. Niệm Xứ, đạo phẩm v.v... sẽ dẫn đến Niết Bàn. [Tu tập] Lục Độ trong ba A-tăng-kỳ dẫn đến Phật quả trong Tam Tạng. Thễ quán vô sanh dẫn đến Thật Tướng chung cho tam thừa. Thứ Đệ Tam Quán hướng đến quả đầu²⁴⁶ Diệu Giác trong Biệt Giáo. Nói “*viển thú*” (hướng đến cái quả trong thời gian dài lâu) thì “giơ tay, cúi đầu” đều là duyên nhân thiện tánh. Hễ nghe một câu, đều là liễu nhân huệ tánh, không gì chẳng phải là rốt ráo hướng đến Phật quả tốt bậc trong Viên Giáo. Hết thấy các pháp chính là các pháp thuộc mười pháp giới. “*Thâm tâm sở hành*” chính là căn cơ trong mười pháp giới. Nay nói “*tri sở quy thú, thông đạt vô ngại*” (biết chỗ hướng về, thông đạt vô

²⁴⁶ Quả đầu (果頭): Quả vị tốt bậc trong mỗi giáo thì được gọi là “*quả đầu*”. Diệu Giác chính là Phật quả.

ngại) tức là sai biệt mà chẳng sai biệt, tức là Quyền mà chính là Thật. [Điều được] “*cứu tận mình liễu*” (hiểu rõ rốt ráo cùng tận) chính là lý Thật Tướng. “*Nhất thiết trí huệ*” (Hết thảy trí huệ) là trí tốt cùng viên mãn. Nay nói “*hựu ư chư pháp, thị chư chúng sanh*” (lại dùng các pháp dạy cho chúng sanh) tức là chẳng sai biệt mà sai biệt, ngay nơi Thật chính là Quyền. Chẳng sai biệt mà sai biệt, nào phải chỉ có thể dẫn dụ đứa con nghèo? Sai biệt mà chẳng sai biệt, há chỉ hạn cuộc trong ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ) theo thứ tự? Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn!

Phần thứ nhất, “*pháp thuyết*” đã xong!

5.1.2.1.1.2. Lập thí dụ

5.1.2.1.1.2.1. Nói rõ “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”, ví như ngay nơi Thật chính là Quyền

5.1.2.1.1.2.1.1. Dựa theo “*cái có thể sanh*” và “*cái được sanh*” để nói rõ “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”

(Kinh) Ca Diếp! Thí như tam thiên đại thiên thế giới, sơn, xuyên, khe, cốc thổ địa, sở sanh hủy mộc, tùng lâm, cập chư dược thảo, chủng loại nhược can, danh sắc các dị.

(經)迦葉！譬如三千大千世界，山，川，谿，谷土地，所生卉木，叢林，及諸藥草，種類若干，名色各異。

(Kinh: Đây Ca Diếp! Ví như đất đai nơi núi, sông, khe, hang trong tam thiên đại thiên thế giới sanh ra các loại thảo mộc, rừng rậm, và các loại cỏ thuốc, bao nhiêu chủng loại có tên gọi và hình sắc sai khác).

“*Tam thiên đại thiên sơn, xuyên, khe, cốc, thổ địa*” (Đất đai nơi núi, sông, khe, hang trong tam thiên đại thiên thế giới) nêu ra “*năng sanh*” (cái có thể sanh) chẳng sai khác. “*Hủy mộc, tùng lâm, dược thảo*” (Thảo mộc, rừng rậm, cỏ thuốc) là nói tới “*sở sanh*” (cái được sanh ra) sai khác. “*Tam thiên đại thiên*” ví như chúng sanh thế gian. Chúng sanh chẳng phải là pháp nào khác, chỉ nương vào Ngũ Âm hòa hợp mà lập ra danh xưng ấy. Tam thiên đại thiên cũng chẳng phải là pháp nào khác, nương vào đất đai nơi núi, sông, khe, hang mà lập ra danh xưng ấy. “*Núi*” ví như Sắc Âm, là thứ hiển nhiên có thể trông thấy. “*Sông*” ví như

Thọ Âm, nước chảy tràn trề hay khô cạn. “Khe” (suối nhỏ) ví như Tường Âm, quanh co sáng tối. “Hang” ví như Hành Âm, ẩn kín khó thấy. “Đất đai” ví như Thức Âm, đều là thứ để nương vào. Ngũ Âm như thế đều là chỗ để hết thấy Tập nhân và Tập quả nương vào, ví như đất đai nơi núi, sông, khe, hang đều là chỗ nương tựa cho hạt giống, rễ, thân, cành, lá của hết thấy thảo mộc. “Hủy” (𣎵) là tên gọi chung của các loài cỏ. “Mộc” (木) là tên gọi chung của cây cối. Các thứ cỏ [tụ tập] là Tùng (叢), các thứ cây tụ tập là Lâm (林). Có lực dụng chữa bệnh thù thắng thì gọi là Dược (藥, thuốc). Nay nói “*dược thảo*” tức là nêu ra vô lậu thiện của Nhị Thừa. Ngũ thừa, bảy phương tiện nhân quả bất đồng. Vì thế nói là “*chúng loại nhược can*” (bao nhiêu chúng loại). Mỗi loài đều có tên gọi riêng, đó là Danh. Mỗi loài đều có thể tướng, đó là Sắc. Nói tóm lại, các pháp nhân quả trong mười pháp giới chẳng lìa khỏi Ngũ Âm giả danh. Mười vạn tám ngàn dược phẩm dù có chất độc hay không độc, đều chẳng lìa đất đai của cõi đại thiên.

Lại nữa, tam thiên đại thiên có thể sánh ví chánh nhân lý tánh, đều là chỗ nương tựa cho hết thấy. Đất đai nơi núi, sông, khe, hang có thể ví như sắc tâm Ngũ Âm nơi quả báo của chúng sanh. “*Hủy mộc, tùng lâm*” (Thảo mộc, rừng rậm) có thể sánh ví Tập nhân nơi mười pháp giới của chúng sanh. Ba pháp ấy chẳng tách rời, Tập nhân nương vào các Báo Âm, Báo Âm chẳng lìa khỏi pháp tánh. Như cỏ cây nương vào đất đai nơi núi, sông; đất đai, núi, sông nương vào thế giới. Đó chính là ba cái nhân của Tánh Đức. Pháp tánh chính là chánh nhân Pháp Thân đức. Quả báo chính là duyên nhân Giải Thoát đức. Tập nhân tức là liễu nhân Bát Nhã đức. Nếu đem chánh nhân đối ứng với duyên nhân và liễu nhân của mười pháp giới thì sẽ là chẳng sai biệt mà sai biệt. “*Chúng loại nhược can, danh sắc các dị*” (Bao nhiêu chúng loại, tên gọi và hình sắc mỗi thứ mỗi khác): Nếu đem duyên nhân và liễu nhân đối ứng với chánh nhân lý tánh thì là sai biệt mà chẳng sai biệt, cùng quy vào một chỗ. Cảnh Quyền Thật như thế chẳng thể nghĩ bàn! Nhanh chóng đánh đồng Phật, há có phải là riêng hàng Nhị Thừa tự lãnh ngộ ư?

5.1.2.1.1.2. Dựa theo “cái có thể nhuận thấm” và “cái được nhuận thấm” để nói rõ “chẳng sai biệt mà sai biệt”

(Kinh) Mật vân di bố, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, nhất thời đẳng chú, kỳ trạch phổ hiệp. Hủy mộc, tùng lâm, cập chư dược

thảo, tiểu căn, tiểu hành, tiểu chi, tiểu điệp, trung căn, trung hành, trung chi, trung điệp, đại căn, đại hành, đại chi, đại điệp, chư thụ đại tiểu, tùy thượng, trung, hạ, các hữu sở thọ. Nhất vân sở vũ, xứng kỳ chủng tánh, nhi đắc sanh trưởng, hoa quả phu thật.

(經)密雲彌布，遍覆三千大千世界，一時等澍，其澤普洽。卉木，叢林，及諸藥草，小根，小莖，小枝，小葉，中根，中莖，中枝，中葉，大根，大莖，大枝，大葉，諸樹大小，隨上，中，下，各有所受。一雲所雨，稱其種性，而得生長，華果敷實。

(Kinh: Mây dày trải khắp, phủ trọn tam thiên đại thiên thế giới, cùng lúc tuôn mưa bình đẳng, tưới thấm trọn khắp. Thảo mộc, rừng rậm, và các cỏ thuốc, rễ nhỏ, thân nhỏ, cành nhỏ, lá nhỏ, rễ vừa, thân vừa, cành vừa, lá vừa, rễ to, thân to, cành to, lá to, các cây lớn nhỏ, tùy loại thượng, trung, hạ, mỗi loại đều hấp thụ khác nhau. Một vầng mây tuôn mưa, mỗi loài thuận theo chủng tánh của chính mình mà được sanh trưởng, trở hoa, kết trái).

“Mật vân biến phủ, đẳng chú phổ hiệp” (Mây dày phủ trọn, bình đẳng tuôn mưa, tưới ướt trọn khắp): Nêu ra cái có thể nhuần thấm chẳng sai khác. “Căn, hành, chi, điệp, tiểu, trung, đại đẳng các hữu sở thọ xứng kỳ chủng tánh” (Rễ, thân, cành, lá, nhỏ, vừa, lớn đều hấp thụ tương xứng với chủng tánh của chúng): Nêu ra cái được nhuần thấm có sai biệt! Mây có hình sắc, ví như thân mật của Như Lai. “Di bố biến phủ” (Trải khắp, phủ trọn): Ví như [thân Như Lai] hiện trọn khắp trước hết thấy các chúng sanh. Lại nữa, đại từ bình đẳng che phủ, ví như ý mật. Kinh văn trong phần sau nói “lôi thanh viễn chấn” (tiếng sấm rền xa), tức là sánh ví khẩu mật. “Nhất thời đẳng chú” (Cùng lúc bình đẳng tuôn xuống) ví như bát âm, tứ biện tài tuyên rót mưa pháp. “Kỳ trạch phổ hiệp” (Tưới đầm trọn khắp) ví như hai thứ hóa nghi Bí Mật và Bất Định. Trong mỗi niệm, mỗi pháp giới trong mười pháp giới đều đạt được các lợi ích Quyền và Thật, chẳng giống như ngài Ca Diếp lãnh thọ ngũ vị theo thứ tự, chỉ là trước hết suy tính, sau đó tiếp dẫn, trước là thực hiện, sau đó phế trừ [các pháp quyền biến ấy] đó thôi! Rễ ví như Tín, thân ví như Giới, cành ví như Định, lá ví như Huệ. Đối với Tiểu cơ, bèn thí

Giới, Định, Huệ của nhân thiên. Đối với trung cơ, thí Giới, Định, Huệ của Nhị Thừa. Đối đại cơ, thí Tín, Giới, Định, Huệ của Bồ Tát.

“*Chư thụ đại tiểu*” (Các loại cây lớn nhỏ) chính là hai loại Bồ Tát thuộc Thông Giáo và Biệt Giáo. Trong mỗi loại, đều luận thượng, trung, hạ, nêu ra các căn cơ bất đồng trong vạn hữu, ai nấy đều cùng lúc lãnh nhận. Chỉ một vàng thân vân²⁴⁷, một âm thanh diễn nói, có thể khiến cho tiêu căn chẳng quá phân, đại căn chẳng giảm thiểu, tương xứng với hai loại nhân chủng tánh của Tập báo mà được sanh trưởng, khiến cho Tập quả đơm hoa, báo quả kết trái, trở hạt. Giáo pháp Quyền và Thật như thế chẳng thể nghĩ bàn, thích ứng trọn khắp các căn cơ, há chỉ riêng xét trên sự lãnh ngộ năm vị theo thứ tự ư?

Phần thứ nhất, “nêu rõ chẳng sai biệt mà sai biệt, sánh ví Quyền chính là Thật” đã xong.

5.1.2.1.1.2.2. Nêu rõ “tuy sai biệt mà chẳng sai biệt” nhằm sánh ví tuy Quyền mà là Thật

(Kinh) Tuy nhất địa sở sanh, nhất vũ sở nhuận, nhi chư thảo mộc, các hữu sai biệt.

(經)雖一地所生，一雨所潤，而諸草木，各有差別。

(Kinh: Tuy do cùng một cuộc đất sanh trưởng, do một trận mưa nhuận tưới, nhưng các loài cỏ cây mỗi loài đều sai khác).

Nếu xét theo văn nghĩa, tự hồ kết lại [ý nghĩa] “*chẳng sai biệt mà sai biệt*”. Nếu luận theo ý nghĩa của thí dụ thì phần trước sánh ví “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong. Nay ý nghĩa [ở đây] nhằm hiển thị “ba loại cỏ, hai loại cây, mỗi loài đều có sai biệt, nhưng đất và mưa chẳng sai biệt”. “*Nhất địa sở sanh*” (Do cùng một cuộc đất sanh ra), ví như do đạo tiền tâm địa sanh ra, cái nhân rốt cuộc là đạo hậu trí (“Đạo tiền” và “đạo hậu” ở đây đều có thông và biệt. “Đạo hậu” chắc chắn là sau khi đã đắc quả, còn “đạo tiền” thì thông đến phàm phu. Vì thế, trong phẩm Phương Tiện, cũng coi trước khi đạt tới Đẳng Giác là “đạo tiền”. Ở đây, cần phải coi hạng phàm phu lè tè sát đất, chẳng có giới, thiện là “đạo tiền”, coi ngũ thừa là “đạo trung”. Vì thế, lý Chân Như nơi đạo tiền và đạo hậu

²⁴⁷ Thân Phật có vô lượng tướng hảo, vô lượng tùy hình hảo, vô lượng phước đức trang nghiêm, không gì có thể sánh ví, suy lường được nên nói là “*thân vân*” (vàng thân thể, hoặc thân rộng lớn như mây).

đều bình đẳng là “đất”. Bản thể của đất chẳng khác, nhưng đều có thể sanh thành. Vì thế, biết đạo tiền tâm địa của chúng sanh há có khi nào chẳng có tánh “có thể sanh” ư? “Chẳng thể sanh, chẳng thể thành” ắt sẽ nhờ vào đạo hậu cực quả trí địa khiến cho sanh, khiến cho thành. Sau khi đã phát tâm, trước khi rốt ráo, đều nhờ vào trí địa mà thành thực).

“*Nhất vũ sở nhuận*” (Một trận mưa nhuần thấm) ví như pháp môn Nhất Thừa do một âm thanh tuyên nói, đã khai phát thiện căn của ngũ thừa thuộc đạo trung. Rốt cuộc là do cùng một giáo pháp bình đẳng [được diễn nói bằng] một âm thanh, nhưng các loài cỏ cây mỗi loài đều có [sự hấp thụ] sai biệt! Ví như thiện căn của ngũ thừa nhờ vào mưa pháp của Phật mà tùy phần tăng trưởng, [nhưng chúng sanh thuộc ngũ thừa] chẳng biết cái nhân của năm loại đều nương vào một Phật Tánh, cũng chẳng tự biết giáo pháp ngũ thừa đều là một Đại Thừa, cũng chẳng tự biết [các thừa ấy] đồng quy Phật huệ! Chỉ riêng Như Lai có thể biết mà thôi!

Phần thứ hai, “lập thí dụ” đã xong!

5.1.2.1.1.3. Đối ứng thí dụ với pháp

5.1.2.1.1.3.1. Đối ứng với pháp chuyện “chẳng sai biệt mà sai biệt”

5.1.2.1.1.3.1.1. Phần đối ứng với pháp chánh yếu

5.1.2.1.1.3.1.1.1. Đối ứng chuyện “có thể nhuần thấm” với pháp

(Kinh) *Ca Diếp đương tri: Như Lai diệt phục như thị, xuất hiện ư thế, như đại vân khởi, dĩ đại âm thanh, phổ biến thế giới thiên, nhân, A Tu La, như bỉ đại vân biến phủ tam thiên đại thiên quốc độ, ư đại chúng trung, nhi xướng thị ngôn: “Ngã thị Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vị độ giả linh độ, vị giải giả linh giải, vị an giả linh an, vị Niết Bàn giả linh đắc Niết Bàn. Kim thế, hậu thế, như thật tri chi, ngã thị nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, tri đạo giả, khai đạo giả, thuyết đạo giả. Nhữ đẳng thiên, nhân, A Tu La chúng, giai ưng đáo thử, vị thính pháp cố”*.

(經)迦葉當知：如來亦復如是，出現於世，如大雲起，以大音聲，普遍世界天、人、阿修羅，如彼大雲遍覆三千大千國土，於大眾中，而唱是言：「我是如來、應供、

正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，未度者令度，未解者令解，未安者令安，未涅槃者令得涅槃。今世，後世，如實知之，我是一切知者，一切見者，知道者，開道者，說道者。汝等天、人、阿修羅眾，皆應到此，為聽法故」。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết: Như Lai cũng giống như thế, xuất hiện trong cõi đời, như mây to giăng phủ, dùng đại âm thanh trọn khắp trời, người, A Tu La trong thế giới, như vàng mây to kia phủ trọn khắp các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, ở trong đại chúng mà xướng như thế này: “Ta là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, khiến cho người chưa được độ sẽ được độ, người chưa hiểu sẽ được hiểu, người chưa an sẽ được an, người chưa đắc Niết Bàn sẽ đắc Niết Bàn. Đời này, đời sau, đều biết như thật. Ta là đáng biết hết thấy, đáng thấy hết thấy, là đáng biết đạo, là đáng khai đạo, là đáng nói đạo. Đại chúng trời, người, A Tu La các nơi đều nên tới đây để nghe pháp”).

Phần này tương ứng với “mật vân di bố biến phủ” (mây dày trải khắp phủ trọn) [trong thí dụ trên đây], cũng như tương ứng với thí dụ “lôi thanh viễn chấn” (tiếng sấm rền xa) trong phần Kệ Tụng, nhằm hiển thị tam mật của Như Lai. “Xuất hiện ư thế” (Xuất hiện trong cõi đời) tức là Ứng Thân xuất thế. Đó là thân mật. “Như đại vân khởi” (Như mây to kéo giăng): Nêu thí dụ phù hợp khít khao với thân mật. Dùng đại âm thanh trọn khắp các trời, người, A Tu La trong thế giới; đây chính là khẩu mật. Đó chính là “lôi thanh viễn chấn” được nói trong phần Kệ Tụng. Thân mật và khẩu mật đều do đại từ hun đúc, cho nên ứng hiện chẳng lỡ thời. Thuộc ắt tương ứng với bệnh, kiêm thêm ý nghĩa “ý mật”.

“Thế giới” là nói chung lục đạo tứ sanh trong tam thiên đại thiên thế giới, hàm nghĩa mười pháp giới. Nói “thiên, nhân, A Tu La” nhằm nêu riêng ba thiện đạo có thể hưởng lợi ích do bầm thọ thanh giáo²⁴⁸,

²⁴⁸ Đức Phật dùng âm thanh để thuyết pháp, cho nên giáo pháp của Ngài còn gọi là “thanh giáo”.

mang ý nghĩa sánh ví căn tánh tam thừa như “*ba mươi đứa con*” [trong phẩm Thí Dụ]. “*Như bi đại vân biến phú*” (Như vàng mây to kia bao phủ trọn khắp): Nêu thí dụ phù hợp khít khao với khẩu mật. “*U đại chúng trung, nhi xướng thị ngôn*” (Ở trong đại chúng xướng như thế này): Nhắc lại âm thanh to lớn trọn khắp, xướng đại lược sáu loại pháp môn, nhóm họp đại chúng nghe pháp, giống như tiếng sấm rền vang xa:

- Một, [nói tới các đức hiệu] Như Lai v.v... tức pháp môn Thập Hiệu.

- Hai, nói “*vị độ*” (chưa độ) v.v... là pháp môn Tứ Hoảng Thệ, khiến cho kẻ chưa thoát khổ sẽ được thoát khổ, khiến cho người chưa hiểu Tập sẽ hiểu Tập, khiến cho người an trụ nơi đạo sẽ được an trụ trong đạo, khiến cho người chưa chứng Diệt Đế Niết Bàn, sẽ chứng Niết Bàn. Nơi nhân thì gọi là Tăng Na Tăng Niết (Saṃnāha-samnaddha), phương này dịch là Hoảng Thệ. Quả cùng tột thì gọi là đại từ đại bi. Bi dẹp trừ Khổ Tập, Từ ban cho Đạo Diệt. Bốn hoảng thệ ấy đã nương vào Tứ Đế. Tứ Đế có “*sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác*” bất đồng. Phát tâm đạt được quả cũng là mỗi loại mỗi khác. Nay tự hành chỉ có Viên Giáo (tức vô tác Tứ Đế), còn hóa tha (hóa độ người khác) thì dùng cả bốn loại [Tứ Đế]. Tuy dùng khắp cả bốn loại, cả bốn loại đều quy vào Viên Giáo. Nếu chẳng quy vào Viên Giáo, sẽ chẳng phải là bản ý xuất thế. Nếu chẳng dùng cả bốn loại, sẽ chẳng thể tiếp thâu căn cơ trọn khắp!

- Ba, đời này và đời sau đều biết như thật chính là pháp môn Tam Đạt, [tức là] thông đạt ba đời chẳng có chướng ngại.

- Bốn, “*ta là đáng biết hết thảy*” chính là pháp môn nhất tâm tam trí.

- Thứ năm, “*đáng biết hết thảy*” tức là trọn đủ pháp môn Ngũ Nhân.

- Thứ sáu, “*đáng biết đạo*” tức là pháp môn Tam Bất Hộ²⁴⁹. “*Tri đạo*” nghĩa là ý nghiệp thuận theo trí huệ mà hành. “*Khai đạo*”: Thân

²⁴⁹ Tam Bất Hộ (Trīṇi-Tathāgatasyārakṣyāṇi) tức là thân bất hộ, ngữ bất hộ, và ý bất hộ. Tức là tam nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai vốn sẵn thanh tịnh, không làm lỗi, chẳng cần phải ngăn ngừa, bảo vệ. Đôi khi còn thêm Mạng Bất Hộ, trở thành Tứ Bất Hộ (tức là thọ mạng của Phật chẳng ai có thể xâm đoạt, trừ khi vì bốn nguyên từ bi giảm bớt tuổi thọ để tạo dư phước cho chúng sanh, như Phật Thích Ca giảm thọ hai mươi năm để tạo phước cho chúng sanh trong đời vị lai).

nghiệp thuận theo trí huệ mà hành. “Thuyết đạo”: Khẩu nghiệp thuận theo trí huệ mà hành.

Hỏi: - Cổ đức coi đoạn văn này tương ứng với thí dụ về tuôn mưa, nay sao lại giải thích khác biệt?

Đáp: - Kinh văn trong đoạn sau có nói “tùy theo sức người nghe có thể kham nổi mà thuyết pháp cho họ” chính là tương ứng với chuyện “tuôn mưa”. Ở đây đã tổng kết chuyện “khuyến chúng sanh nghe nhận”, hướng hồ có âm thanh to lớn xướng trọn khắp như thế. Do vậy biết phải ứng hợp [với thí dụ về] “tiếng sấm”.

5.1.2.1.1.3.1.1.2. Đối ứng “năng sanh, sở sanh” với pháp

(Kinh) Nhữ thời, vô số thiên vạn ức chủng chúng sanh lai chí Phật sở nhi thính pháp.

(經)爾時，無數千萬億種眾生來至佛所而聽法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, vô số ngàn vạn ức loại chúng sanh đến chỗ đức Phật để nghe pháp).

Hai chữ “chúng sanh” tương ứng với giả danh “tam thiên đại thiên thế giới” cũng như “núi, sông, khe, hang, đất đai” Ngũ Âm, vì giả danh và Thật pháp chẳng tách lìa nhau. “Vô số ngàn vạn ức loại” tương ứng với “thảo mộc, rừng rậm, và các cỏ thuốc”. Nói chung, chẳng ra khỏi các căn cơ trong mười pháp giới. Nói riêng, tức là ngũ thừa bảy phương tiện đều có thể được nhuần thấm vậy!

5.1.2.1.1.3.1.1.3. Đối ứng “cái có thể nhuần thấm, cái được nhuần thấm” với pháp

5.1.2.1.1.3.1.1.3.1. Đối ứng “cái có thể nhuần thấm” với pháp

(Kinh) Như Lai u thời, quán thị chúng sanh chư căn lợi độn, tinh tấn, giải đãi, tùy kỳ sở kham, nhi vị thuyết pháp.

(經)如來於時，觀是眾生諸根利鈍，精進，懈怠，隨其所堪，而為說法。

(Kinh: Lúc đó, Như Lai quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, tinh tấn hay giải đãi, tùy theo sức họ kham được mà vì họ thuyết pháp).

Điều này tương ứng với thí dụ “*nhất thời đẳng chú*” (cùng lúc bình đẳng tuôn xuống). Nhưng dùng đám mây tuôn mưa lớn để sánh ví Như Lai thuyết pháp thì chỉ là sánh ví chút phần. Vì lẽ nào vậy? Mây tuôn mưa là do cộng nghiệp của chúng sanh cảm vời, tức [mưa] là tướng được biến hiện bởi Thức của chúng sanh, chẳng thuộc vào loại hữu tình, chỉ thuộc loại vô phú vô ký²⁵⁰. Cho nên chẳng thể quán sát căn tánh hòng [thuyết pháp, hóa độ] thích hợp căn cơ được, lại còn có ích hoặc gây tổn hại cho các vật. Như Lai chẳng như vậy! Ngài có đại thệ nguyện, có đại từ bi, có đại trí huệ. Tuy cũng do cộng nghiệp tăng thượng của chúng sanh cảm vời Phật xuất thế, tuy cũng từ tâm thức của mỗi chúng sanh mà tự biến hiện Phật tướng [khác biệt], nhưng bản chất cảnh là vô lậu thiện, là tác dụng ứng hiện bởi cái Thể của toàn bộ pháp báo. Vì thế, có thể dùng Diệu Quán Sát Trí để quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, tinh tấn hay biếng nhác, hòng thuận theo đó, vận dụng Thành Sở Tác Trí, tùy theo sức họ kham được mà thuyết pháp cho họ, tức là dùng Đại Viên Kính Trí để gìn giữ trọn khắp, dùng Bình Đẳng Tánh Trí để ấn chiếu.

“*U thời*” (Ngay lúc đó) tức là lúc chúng sanh đến chỗ Phật để nghe pháp. “*Chư căn lợi độn*” (Các căn nhạy bén hay chậm lụt): Chẳng thể tiếp nhận đạo thì là Độn, có thể tiếp nhận đạo thì là Lợi. Lại nữa, chẳng thể giữ giới thì là Độn, có thể giữ giới thì là Lợi. Chẳng thể tu Định thì là Độn, có thể tu Định thì là Lợi. Chẳng thể đoạn Hoặc thì là Độn, có thể đoạn Hoặc, thoát khỏi tam giới thì Lợi. Tích Không Quán đoạn Hoặc thì là Độn, Thể Không Quán đoạn Hoặc thì là Lợi. Quyết chứng Chân Không thì là Độn, xuất Giả giáo hóa chúng sanh thì là Lợi. Dùng hai phép Quán làm phương tiện thì là Độn, quán thẳng vào Trung Đạo thì là Lợi, truyền thừa khác nhau! Lại nữa, đối với người thuộc ngũ thừa, bảy phương tiện, đều luận định lợi và độn. Tinh tấn và giải đãi cũng thế.

“*Tùy kỳ sở kham*” (Tùy theo sức họ kham được): Tương xứng với cơ nghi, chẳng phạm khuyết điểm tăng hay giảm. Điều này khởi đầu từ Hoa Nghiêm, kết thúc nơi Bát Nhã, trong mỗi một thời, dù bí mật hay bất định, do một âm thanh thuyết pháp, mỗi loại đều hiểu. Thần lực bất

²⁵⁰ “Phú” ở đây là ngăn chướng thánh đạo, “vô ký” là chẳng thiện chẳng ác. Như vậy, “vô phú vô ký” tức là pháp chẳng thiện chẳng ác, chẳng có tác dụng gây ngăn chướng thánh đạo.

cộng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều khiến cho [chúng sanh] đạt được lợi ích, khiến cho họ chẳng đoạ khổ. Do đó, “*nhất thời đẳng chú*” (cùng lúc bình đẳng tuôn xuống) tức là trong mỗi thời, đều trọn đủ năm vị dù thiên lệch hay viên mãn, phù hợp trọn khắp căn tánh của chúng sanh. Cho đến trong hội Pháp Hoa, năm ngàn người lui về, hoặc [trong phẩm Hiện Bảo Tháp, đại chúng nhân thiên] được dời sang phương khác, tuy trong cùng một pháp hội, được gọi là “*hiển lộ quyết định*”. Nếu so với mười phương thì chẳng ngại gọi là “*bí mật*”. Tam mật giáo hóa của Phật chỉ là cùng một đám mây tuôn mưa tưới tắm trọn khắp, nhưng đối với trận mưa vô ký (chẳng thiện, chẳng ác) ấy, [các căn cơ] được lợi ích bất đồng như thế đó! Nếu dựa trên sự lãnh ngộ năm thời theo thứ tự của ngài Ca Diếp, sao gọi là “*nhất thời đẳng chú*” cho được?

5.1.2.1.1.3.1.1.3.2. Đối ứng “cái được nhuần thấm” với pháp

(Kinh) Chủng chủng vô lượng, giai linh hoan hỷ, khoái đắc thiện lợi. Thị chư chúng sanh văn thị pháp dĩ, hiện thể an ổn, hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc, diệt đắc văn pháp. Kỳ văn pháp dĩ, ly chư chướng ngại, u chư pháp trung, nhậm lực sở năng, tiêm đắc nhập đạo.

(經)種種無量，皆令歡喜，快得善利。是諸眾生聞是法已，現世安隱，後生善處，以道受樂，亦得聞法。既聞法已，離諸障礙，於諸法中，任力所能，漸得入道。

(Kinh: Các thứ vô lượng đều khiến cho họ hoan hỷ, vui sướng đạt được lợi ích tốt lành. Các chúng sanh ấy nghe pháp đó xong, trong đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành, do đạo mà hưởng vui, cũng được nghe pháp. Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại, ở trong các pháp, tùy theo sức kham nổi mà dần dần nhập đạo).

Đây là nói cặn kẽ lợi ích do nghe pháp, mà các chúng tử đã gieo trong ba đời được thành thực bèn giải thoát. Từ “*chủng chủng vô lượng*” (các thứ vô lượng) cho đến “*hiện thể an ổn*” (an ổn trong đời hiện tại) tương ứng với thí dụ “*kỳ trạch phổ hiệp*” (thấm đầm trọn khắp). Từ “*hậu sanh thiện xứ*” (đời sau sanh vào chốn lành) cho đến “*diệt đắc văn pháp*” (cũng được nghe pháp) tương ứng với thí dụ “*xúng kỳ chủng tánh, nhi đắc sanh trưởng*” (tương xứng với chủng tánh mà được sanh

trường). Từ “*ký văn pháp dĩ*” (đã nghe pháp rồi) cho đến “*tiệm linh nhập đạo*” (khiến cho dần dần nhập đạo) tương ứng với thí dụ “*hoa quả phu thật*” (đơm hoa kết trái).

“*Giai linh hoan hỷ*” (Đều khiến cho hoan hỷ) chính là Thế Giới Ích (Thế Giới Tất Đàn). “*An ổn, sanh thiện*” là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). “*Ly chư chướng ngại*” (Lìa các chướng ngại) là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). “*Tiệm đắc nhập đạo*” (Dần dần được nhập đạo) là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn). Lại nữa, xét ra thì nay mới nghe pháp mà gieo thiện căn, đời kế tiếp [nhân duyên] chín muồi, đời sau nữa bèn được giải thoát. Hoặc đã gieo [thiện căn] trong đời quá khứ, nay bèn chín muồi, đời sau giải thoát. Hoặc đời quá khứ đã chín muồi, đời này hễ nghe bèn được giải thoát! Sự chẳng phải là nhất loạt như nhau.

Lại nữa, bốn thứ lợi ích Tất Đàn bao quát Quyền và Thật, mỗi thứ Tứ Tất Đàn đều là Đốn hay Tiệm khác nhau. Nếu muốn nói cặn kẽ, sẽ mênh mông chẳng có bờ bến, [chỉ đành] nêu bày thô thiển đại cương, ngõ hầu [người nghe sẽ] biết Như Lai thuyết pháp lợi ích trọn khắp vị lai đó thôi! Lại còn “*chủng chủng giai linh hoan hỷ*” (các thứ đều khiến cho hoan hỷ), tức là xứng hợp chủng tánh của mỗi loài mà được sanh trưởng. “*Khoái đắc thiện lợi*” (Vui sướng được hưởng điều lợi ích tốt lành): Có thiện lợi Quyền và Thật của tứ giáo, tức là “*hoa quả phu thật*” (đơm hoa, kết trái) trong đời này. “*Hiện thế an ổn*” (Đời hiện tại an ổn): Kết lại bốn thứ lợi ích hoan hỷ và thiện lợi trong hiện tại như vừa nói trên đây. “*Hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc*” (Đời sau sanh vào chốn lành, do [đã tu tập] đạo mà được hưởng vui): Do báo nhân mà cảm vơi báo quả.

“*Diệc đắc văn pháp*” (Cũng được nghe pháp): Tập nhân cảm Tập quả. “*Sở thọ đạo lạc*” (Nhận lãnh niềm vui do đạo) ắt có Quyền và Thật. Đối với đạo Quyền Thật, lại luận định cạn hay sâu. Đối với pháp được nghe, cũng giống như thế, tức là biện định bốn thứ lợi ích trong đời kế tiếp. “*Ký văn pháp dĩ, ly chư chướng ngại*” (Đã nghe pháp rồi, lìa các chướng ngại): Cái bị rời lìa cũng có cạn hay sâu khác nhau; nói chung là báo nhân cảm vơi báo quả. “*Nhập lực sở năng, tiệm đắc nhập đạo*” (Tùy theo sức họ kham nổi mà dần dần nhập đạo): Sở nhập cũng có Quyền và Thật khác nhau. Nói chung là Tập nhân cảm Tập quả, tức là biện định bốn thứ lợi ích trong đời thứ ba, hoặc đời sau nữa! Căn cơ được tiếp độ theo chiều ngang trùm khắp mười pháp giới. Thọ nhận lợi ích theo chiều dọc thấu triệt tứ giáo, như Hoa Nghiêm, Bát Nhã v.v...

khuyến cho [chúng sanh trong] địa ngục đạt được lợi ích. Những điều khác cứ suy ra mà biết.

Phần thứ nhất, “ứng hợp [các thí dụ] với pháp” đã xong!

5.1.2.1.1.3.1.2. Nêu ra từng từng thí dụ để kết hợp khít khao với pháp

(Kinh) Như bĩ đại vân, vũ u nhất thiết hỷ mộc, tùng lâm, cập chư được thảo, như kỳ chủng tánh, cụ túc mônng nhuận, các đắc sanh trưởng.

(經)如彼大雲，雨於一切卉木，叢林，及諸藥草，如其種性，具足蒙潤，各得生長。

(Kinh: Như đám mây to, xối mưa xuống hết thảy cỏ cây, rừng rậm, và các cỏ thuốc, [mỗi loài] đúng theo chủng tánh của chúng mà đều được nhuần thấm trọn đủ, đều được sanh trưởng).

Mây lớn và mưa có thể nhuần thấm, tương ứng với tam mật và thanh giáo của Như Lai. Hai chữ “nhất thiết” (hết thảy) tương ứng với giả danh “chúng sanh”. “Hỷ mộc, tùng lâm, được thảo” tương ứng với ngũ thừa, bảy phương tiện. “Chủng tánh” tương ứng với “chư căn lợi độn, giải đãi, tinh tấn” (các căn nhạy bén hay chậm lụt, biếng nhác hay tinh tấn). “Cụ túc mônng nhuận” (Đều được nhuần thấm trọn đủ) tương ứng với “giai linh hoan hỷ, khoái đắc thiện lợi” (đều khiến cho hoan hỷ, vui sướng đạt được lợi ích tốt lành). “Các đắc sanh trưởng” (Đều được sanh trưởng) tương ứng với “đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành” v.v...

Phần thứ nhất, kết hợp “chẳng sai biệt mà sai biệt” với pháp đã xong!

5.1.2.1.1.3.2. Đối ứng “sai biệt mà chẳng sai biệt” với pháp

5.1.2.1.1.3.2.1. Chánh thức đối ứng

5.1.2.1.1.3.2.1.1. Đối ứng “một cõi đất sanh trưởng, một trận mưa thấm nhuần” với pháp

(Kinh) Như Lai thuyết pháp, nhất tướng, nhất vị, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh chí u Nhất Thiết Chủng Trí.

(經)如來說法，一相，一味，所謂解脫相，離相，滅相，究竟至於一切種智。

(Kinh: Như Lai thuyết pháp, một tướng, một vị, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, cho đến rốt ráo Nhất Thiết Chứng Trí).

“*Nhất tướng*” là tâm tánh của chúng sanh, đồng nhất Chân Như làm tướng, tương ứng với “*nhất địa*” (một cõi đất). “*Nhất vị*” là pháp Nhất Thừa, cùng diễn tả một lý, tương ứng với “*nhất vũ*” (một trận mưa). Nói “*hạ*” (tuôn xuống) nhằm cùng giải thích “*nhất tướng, nhất vị*”.

“*Giải thoát tướng*”: Nghiệp chính là giải thoát, vốn chẳng có tướng bị nghiệp thuộc nhị biên trói buộc. “*Ly tướng*”: Phiền Hoặc chính là Bát Nhã, vốn lìa hai tướng Thông Hoặc và Biệt Hoặc. “*Diệt tướng*”: Khổ chính là Pháp Thân, hai thứ sanh tử (Phản Đoạn và Biến Dịch) vốn tịch diệt. Tâm tánh của chúng sanh tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt nơi Tánh Đức, tức là tướng “*tuy một mà ba, tuy ba mà một*”. Một âm thanh của Như Lai nói pháp “*tuy một mà chính là ba, tuy ba mà chính là một*” ấy, tức là giáo pháp “*một vị mà là ba, tuy ba vị mà chính là một*”. Chúng sanh vâng theo giáo pháp tu hành, tức là dùng ba tướng hay một tướng của Tánh Đức làm cảnh để quán, nương vào giáo pháp ba vị hay một vị trong tam-muội của đức Phật làm tăng thượng duyên, dấy lên hạnh Trung Đạo ba tướng hay một tướng, rốt ráo thành tựu cái quả Nhất Thiết Chứng Trí ba tướng hay một tướng. Đối với pháp nhất Thiết Tướng của Phật, phương tiện mở ra ba, năm, bảy, chín tướng v.v... Đối với giáo pháp nhất vị, nói phân biệt thành các vị nói kèm theo hoặc chỉ đối ứng v.v... Chúng sanh vâng theo giáo pháp tu hành, ai nấy đều được chứng quả. Ai có thể biết được? Chỉ có Phật là có thể biết rốt ráo [các giáo pháp ấy] rốt cuộc quy về một tướng, một vị.

5.1.2.1.1.3.2.1.2. Đối ứng “thảo mộc mỗi loại sai biệt” với pháp

5.1.2.1.1.3.2.1.2.1. Chỉ ra chúng sanh giống như thảo mộc cho nên chẳng tự biết

(Kinh) Kỳ hữu chúng sanh văn Như Lai pháp, nhược trì độc tụng, như thuyết tu hành, sở đắc công đức, bất tự giác tri.

(經)其有眾生聞如來法，若持讀誦，如說修行，所得功德，不自覺知。

(Kinh: Có các chúng sanh nghe pháp của Như Lai, nếu vâng giữ, đọc tụng, tu hành đúng như lời dạy, sẽ đạt được công đức mà chẳng tự hay biết).

“Kỳ hữu chúng sanh” (Có các chúng sanh): Nêu chung những kẻ không biết, tương ứng với ba loại cỏ, hai loại cây [trong thí dụ]. “Pháp” chính là pháp “nhất âm, nhất vị”. “Nhược trì, độc tụng, như thuyết tu hành” (Nếu vâng giữ, đọc tụng, tu hành đúng như lời dạy): Nói rõ chuyện không biết. Vì sao vậy? “T trì” và “thuyết” bất đồng, tu hành mỗi cách mỗi khác! Nhân thiên hiệu “giới, thiện”; tam thừa hiệu “đế duyên độ” (Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ). Sự hiểu biết đã bất đồng, tức là sai biệt! “Sở đắc công đức bất tự giác tri” (Đạt được công đức mà chẳng hay biết): Chẳng biết [giáo pháp của] Phật là giáo pháp nhất vị, chẳng sai biệt, nhưng [chúng sanh thuộc bảy loại phương tiện đối với] bảy loại Quyền công đức, mỗi căn tánh đắc một loại, mỗi căn tánh hiểu theo một loại. Đã chẳng biết rốt ráo [các Quyền công đức ấy] đều rốt ráo quy vào Thật, mà cũng chẳng biết công đức đã đạt được chính là Quyền, tức là đối với Quyền lẫn Thật đều mê, cho nên gọi là “bất tự giác tri” (chẳng tự hay biết).

5.1.2.1.1.3.2.1.2.2. Nêu rõ: “Chỉ riêng Như Lai là có thể biết vì giống như mây to, mà lại bất đồng”

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Duy hữu Như Lai tri thử chúng sanh chủng, tướng, thể tánh, niệm hà sự, tư hà sự, tu hà sự, vân hà niệm, vân hà tư, vân hà tu, dĩ hà pháp niệm, dĩ hà pháp tư, dĩ hà pháp tu, dĩ hà pháp đắc hà pháp, chúng sanh trụ ư chủng chủng chi địa, duy hữu Như Lai như thật kiến chi, minh liễu vô ngại.

(經)所以者何？唯有如來知此眾生種，相，體性，念何事，思何事，修何事，云何念，云何思，云何修，以何法念，以何法思，以何法修，以何法得何法，眾生住於種種之地，唯有如來如實見之，明了無礙。

(**Kinh:** Vì có sao vậy? Chỉ có Như Lai biết chủng loại, tướng trạng, thể tánh của các chúng sanh ấy, họ nhớ tới chuyện gì, nghĩ chuyện gì, tu chuyện gì, nhớ như thế nào, nghĩ như thế nào, tu như thế nào, dùng pháp gì để niệm, dùng pháp gì để nghĩ, dùng pháp gì để tu, dùng pháp nào để đạt được pháp nào, chúng sanh trụ trong các loại địa vị, chỉ có Như Lai thấy như thật, hiểu rõ vô ngại).

“*Như Lai năng tri*” (Như Lai có thể biết) tức là biết bằng Nhất Thiết Chủng Trí. “*Như thật kiến chi*” (Thấy như thật) tức là thấy bằng Phật nhãn. “*Minh liễu vô ngại*” (Hiểu rõ vô ngại) tức là thấu triệt từ đầu đến đuôi, thấu triệt từ trong ra ngoài, thấy đều thấu tỏ. Nếu xét theo cái có thể thấy, có thể biết, chỉ có Phật trí, Phật nhãn. Nếu xét theo cái được thấy, cái được biết, thì sẽ nêu đại lược một số ít là mười cảnh, hợp thành bốn ý. Mỗi mỗi đều không gì “*sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt*”.

Bốn ý là: Một là xét theo bốn pháp, hai là xét theo ba pháp, ba là xét theo hai pháp, bốn là xét theo một pháp.

1) Một, xét theo bốn pháp, tức là chủng, tướng, thể, tánh. “*Chủng*” có hai nghĩa:

- Nếu dựa theo tương đối để luận định Chủng thì tam đạo chính là tam đức chủng. Vì thế, kinh Tịnh Danh dạy: “*Nhất thiết phiền não chi trừ, vi Như Lai chủng*” (Hết thấy các thứ phiền não đều là chủng tánh Như Lai), do phiền não đạo có chủng tánh Bát Nhã. Lại nói: “*Ngũ Vô Gian giai giải thoát tướng*” (Năm thứ Vô Gian đều là tướng giải thoát), do bất thiện nghiệp có chủng tử giải thoát của thiện nghiệp. Lại nói: “*Nhất thiết chúng sanh tức Niết Bàn tướng, bất khả phục diệt*” (Hết thấy chúng sanh chính là tướng Niết Bàn, chẳng thể diệt nữa), do đường khổ sanh tử chính là chủng tử của Pháp Thân.

- Nếu dựa theo loại để luận định Chủng, thì hết thấy các [hành vi như] “*cúi đầu, gơ tay*” đều là chủng tử giải thoát! Hết thấy trí thể gian và tâm giải ngộ thuộc tam thừa chính là chủng tử Bát Nhã. Phàm những ai có tâm đều sẽ thành Phật, tức là chủng tử Pháp Thân. Các chủng tử sai biệt như thế, chỉ riêng Phật có thể biết. Hết thấy chủng tử chỉ là một chủng tử, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng Phật có thể biết. “*Sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt*”, cũng chỉ riêng Phật có thể biết.

“*Tướng*” là xét theo bề ngoài, còn Thể là bản chất chủ yếu. Tánh là xét theo bề trong, như đã giải thích cặn kẽ trong phần Thập Như Thập

Giới. Nếu luận định sai biệt thì tướng của mười pháp giới chỉ riêng đức Phật có thể biết. Nếu luận theo chẳng sai biệt, thì chính là tướng của một Phật giới, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Thể và Tướng cũng phỏng theo đó mà biết.

2) Hai, xét theo ba pháp, tức là Tam Huệ “*Văn, Tư, Tu*”, lại còn có ba tầng:

- Một, nói “*niệm hà sự, tư hà sự, tu hà sự*” (nhớ chuyện gì, nghĩ chuyện gì, tu chuyện gì), tức là cảnh được chấp giữ bởi Tam Huệ. “*Chủng, tướng, thể, tánh*” được diễn nói bởi giáo, tùy theo từng giáo mà có Tu và Tư bất đồng. Đối trước giới (từng pháp giới trong mười pháp giới) làm cảnh, sẽ có nhiều, ít, tăng, giảm. Quán Thể khéo hay vụng, cứ tùy theo nghĩa, sẽ biết là sai biệt hay chẳng sai biệt, dùng Quyền đối ứng Thật [để luận định].

- Nói “*vân hà niệm, vân hà tư, vân hà tu*” (nhớ như thế nào, nghĩ như thế nào, tu như thế nào) [là nói đến] bản thể của Tam Huệ. Cái Thể ấy có thể nghe, có thể nghĩ, có thể tu, và cũng có sai biệt, chẳng sai biệt v.v... Cứ phỏng theo phần trước sẽ biết!

- Ba là nói “*dĩ hà pháp niệm, dĩ hà pháp tư, dĩ hà pháp tu*” (dùng pháp nào để nhớ, dùng pháp nào để nghĩ, dùng pháp nào để tu). Đó là nhân duyên của Tam Huệ. Do nghe pháp thì mới có thể giữ lấy cảnh. Vì thế, dùng chuyện nghe pháp làm nhân duyên. Tam Huệ của tam thừa như thế, trước kia nói “*cảnh, thể, nhân duyên đều sai khác*”, tức là sai biệt. Nếu nhập Tam Huệ viên diệu, sẽ là chẳng sai biệt. Sự sai biệt ấy chỉ riêng đức Phật có thể biết! Sự “chẳng sai biệt” ấy cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là không sai biệt, không sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết.

3) Ba, xét theo hai pháp, tức là nhân quả. Dùng pháp nào làm nhân, đạt được cái quả là pháp nào? Do mỗi nhân của ngũ thừa, đều đạt được cái quả, đó chính là sai biệt, chỉ riêng đức Phật có thể biết. Chúng sanh như, Phật như, nhất như, vô nhị như, chỉ là một nhân, một quả, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết!

4) Bốn, xét theo một pháp, tức “*chúng sanh trụ ở chủng chủng chư địa*” (chúng sanh trụ nơi các thứ địa vị), tức những người thuộc bảy phương tiện, trụ trong bảy địa vị ấy chính là sai biệt, chỉ riêng đức Phật có thể biết.

“*Như thật kiến chi*” (Thấy như thật): Chỉ là một địa vị, tức là chẳng sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Lại nữa, sai biệt chính là chẳng sai biệt, chẳng sai biệt chính là sai biệt, cũng chỉ riêng đức Phật có thể biết. Vì thế nói “*minh liễu vô ngại*” (hiểu rõ vô ngại). Bốn ý trong ấy thâm nhiếp trọn các pháp. “*Chúng, tướng, thể, tánh*” là đối tượng của Tam Huệ, bốn pháp được chấp giữ ấy chẳng ra ngoài nhân quả. Cái thể của nhân quả chỉ là Thật Tánh đó thôi!

5.1.2.1.1.3.2.1.2.3. Nêu thí dụ phù hợp khít khao với chuyện “chúng sanh không biết”

(*Kinh*) *Như bử hỷ mộc, tùng lâm, chư dược thảo đẳng, nhi bất tự tri thượng, trung, hạ tánh.*

(經)如彼卉木，叢林，諸藥草等，而不自知上，中，下性。

(*Kinh*: *Như thảo mộc, rừng rậm, các cỏ thuốc kia chẳng tự biết có tánh chất thượng, trung, hạ*).

Khi chưa khai hiển, người thuộc bảy phương tiện đều giống như thảo mộc, chỉ có thể tiếp nhận sự nhuần thấm để tăng trưởng, chẳng thể tự biết. Sau khi đã được khai hiển, mới biết ba loại cỏ, hai loại cây, dù rễ, dù thân, dù cành, dù lá, dù hoa, dù quả, mỗi mỗi không gì chẳng phải là Tứ Vi²⁵¹ của đất, bèn có thể ngộ hoàn toàn Tánh Đức lý địa của chúng sanh chính là Nhất Thiết Trí địa rốt ráo của chư Phật. Từ trí địa ấy, nổi mây đại bi, xối mưa Quyền Thật, hóa độ vô lượng. Sở dĩ đức Như Lai thuyết kinh Pháp Hoa là vì muốn khiến cho mọi người ngộ sự bí yếu ấy của Tánh và Tu đó thôi!

Phân thứ nhất, “đối ứng thí dụ với pháp” đã xong.

5.1.2.1.1.3.2.2. Kết lại lời giải thích

5.1.2.1.1.3.2.2.1. Tổng kết “sai biệt chính là chẳng sai biệt”

²⁵¹ Đây là một khái niệm xuất phát từ tác phẩm Kim Quang Kinh Văn Cú Ký (do ngài Tri Lễ biên soạn vào đời Tống). Có thể hiểu đơn giản Tứ Vi (四微) chính là các phần tử cực vi của Sắc, Hương, Vị và Xúc. Bốn thứ này chính là nguyên tố của Sắc pháp. Do nương vào chúng mà hình thành Tứ Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong).

(Kinh) Như Lai tri thị nhất tướng, nhất vị chi pháp, sở vị giải thoát tướng, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không.

(經)如來知是一相，一味之法，所謂解脫相，離相，滅相，究竟涅槃常寂滅相，終歸於空。

(Kinh: Như Lai biết pháp nhất tướng, nhất vị ấy, tức là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt, tướng Niết Bàn rốt ráo thường tịch diệt, rốt cuộc đều quy vào Không).

“Nhất tướng, nhất vị” như đã giải thích đối với “chúng sanh” trong phần trước. Phân biệt nói pháp “nhất tướng, nhất vị, giải thoát, ly diệt” ấy thì chính là “vô lượng trong một”. “Cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy u Không” (Tướng Niết Bàn rốt ráo thường tịch diệt, rốt cuộc quy vào Không) chính là “một trong vô lượng”. Vì thế, kết lại “tất cánh vô sai biệt” (rốt ráo chẳng sai biệt). Nói “cứu cánh Niết Bàn” (Niết Bàn rốt ráo) tức là chẳng giống hai thứ Niết Bàn Hữu Dư và Vô Dư của Nhị Thừa. Nói “thường tịch diệt tướng” thì chẳng phải là dứt trôi buộc thì mới gọi là giải thoát. Pháp vốn chẳng trôi buộc, nay cũng chẳng có thoát. Chẳng phải vì lìa bỏ hay kết hợp mà gọi là “ly tướng”. Pháp vốn chẳng kết hợp, cho nên nay cũng chẳng lìa. Chẳng phải do hết sanh mà gọi là “diệt tướng”. Pháp vốn vô sanh, nay cũng vô diệt. Đó gọi là “chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng” (các pháp từ trước đến nay, tướng thường tự tịch diệt), chẳng giống ba tướng của Nhị Thừa. “Chung quy u Không” (Cuối cùng quy vào Không), tức là quy vào Trung Đạo Độ Nhất Nghĩa Không, trọn chẳng phải là Không do “hôi đoạn” của Nhị Thừa. [Đức Phật] cần trọng giải thích lần nữa, nhằm loại trừ [kiến chấp] “Thật khác với Quyền”, lòng Từ to lớn của Phật ân cần thiết tha tột bậc!

5.1.2.1.1.3.2.2.2. Giải thích ý nghĩa “vì sao chẳng nói ngay vào Thật pháp”

(Kinh) Phật tri thị dĩ, quán chúng sanh tâm dục nhi tương hộ chi. Thị cố, bất tức vị thuyết Nhất Thiết Chứng Trí.

(經)佛知是已，觀眾生心欲而將護之。是故，不即為說一切種智。

(Kinh: Đức Phật đã biết như thế, quán sự ưa muốn trong tâm của chúng sanh để bảo vệ họ. Vì thế, chẳng nói ngay vào Nhất Thiết Chúng Trì).

Như Lai đã biết từ đầu đến cuối đều là một, có sao chẳng trong hết thấy các thời chỉ nói một Thật pháp? Vì thế, nay bèn giải thích: Do Ngài quán lòng ưa muốn trong tâm của chúng sanh mà dưỡng dục, hộ trì, [cho nên] chẳng lập tức nói pháp ấy.

Phần thứ nhất, nói rõ “Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn” đã xong.

5.1.2.1.2 Tổng kết lời tán thán, trần thuật

(Kinh) Nhữ đẳng Ca Diếp thậm vi hy hữu, năng tri Như Lai tùy nghi thuyết pháp, năng tín, năng thọ. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn tùy nghi thuyết pháp, nan giải, nan tri.

(經)汝等迦葉甚為希有，能知如來隨宜說法，能信，能受。所以者何？諸佛世尊隨宜說法，難解，難知」。

(Kinh: Ca Diếp các ông rất là hy hữu, có thể biết Như Lai tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp, có thể tin, có thể tiếp nhận. Vì có sao vậy? Chư Phật Thế Tôn tùy theo cơ nghi thuyết pháp, khó hiểu, khó biết).

Phần trước đã nói tới vô lượng công đức của Như Lai, dầu các ông trong vô lượng ức kiếp vẫn chẳng thể nói trọn hết được! Như mây to tuôn mưa, chẳng thể nghĩ bàn như thế đó! Sợ có kẻ nghi ngờ bốn vị đệ tử lãnh nhận, giải ngộ dựa theo giáo pháp của chính mình chưa chắc đã là thật, cho nên đức Phật xưng tán, trần thuật. Tuy [bốn vị ấy] chưa đạt đến địa vị Phật rốt ráo, nhưng đã lãnh ngộ trọn năm thời Quyền Thật, mở mang tri kiến của Phật, phần chứng Phật quả, cũng thật sự là chẳng hư dối. Lại còn muốn dẫn dắt hàng hạ căn phát khởi, khiến cho họ cùng được ngộ. Trước hết, [đức Phật] tán thán các vị ấy hy hữu, [bởi lẽ], phàm phu có kẻ phải nghe đi, nghe lại thì mới có thể đạt được lợi ích. Bồ Tát coi đó là chuyện của mình (chuyện thuộc về bốn phận của chính mình), dầu hiểu cũng chẳng thấy là lạ! Nay do chẳng phải là chánh vị (“chánh vị” là đã thật sự chứng đắc chánh trí từ Sơ Địa trở lên) mà có thể xả chứng (bỏ sự chứng đắc nơi Tiểu quả quyền biến) để nhập Thật, cho nên rất hy hữu! [Kinh văn nói các vị ấy] có thể biết [đức Phật] tùy nghi

thuyết pháp nhằm trần thuật các vị ấy có thể lãnh ngộ [ý chỉ vì sao đức Phật] mở ra ba thừa. Nói “*năng tín, năng thọ*” (có thể tin, có thể tiếp nhận) nhằm trần thuật các vị ấy có thể lãnh ngộ [ý chỉ vì sao] đức Phật hiển thị Nhất Thừa. Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích sự hy hữu, ý nghĩa dễ hiểu!

Lại nữa, trong phần trước đã nói “*nhữ đẳng thuyết bất năng tận*” (các ông chẳng thể nói trọn hết được), nay nói “*nhữ đẳng thậm vi hy hữu*” (các ông rất hiếm có). Trong phần trước là xét theo khía cạnh “*Phật ân hóa độ trọn khắp*”, giống như mây tuôn mưa, không gì chẳng được che chở, nhuần thấm. Phật ân trọn khắp, giống như đại địa, không gì chẳng sanh thành, há chỉ một phương, một căn cơ mà thôi ư? Vì thế, “*thuyết bất năng tận*” (chẳng thể nói trọn hết được). Nay do Phật ân tuy trọn khắp, chúng sanh sử dụng hằng ngày mà chẳng tự hay biết. Như ba loại cỏ, hai loại cây, bén rễ nơi đất, tiếp nhận mưa tưới tắm, nhưng chẳng thể biết. Các ông có thể biết mười ân từ đầu đến cuối, rất là hy hữu. [Nói] “*vị độ linh độ*” (khiến cho người chưa được độ sẽ được độ) v.v... nhằm trần thuật ân Tứ Hoàng Thệ của Phật rất hy hữu. “*Hiện thế an ổn, hậu sanh thiện xứ, dĩ đạo thọ lạc*” (Đời hiện tại an ổn, đời sau sanh vào chốn lành, do đạo mà hưởng vui), trần thuật họ (các vị đại đệ tử) biết ân “đại từ ban vui” rất hy hữu. “*Ly chư chương ngại, tiêm đắc nhập đạo*” (Lìa các chương ngại, dần dần được nhập đạo): Trần thuật họ biết ân “đại bi dẹp khổ” rất hy hữu. [Nhắc đến] “*Luân vương, Đế Thích, Phạm vương*” là tiểu được thảo, nhằm trần thuật họ biết ân “khuyến thiện, trừ phiền não” rất hy hữu. Biết do pháp vô lậu có thể đạt được Niết Bàn và chứng Duyên Giác chính là được thảo loại trung, trần thuật sự hiểu biết ân “trừ lạnh, nóng, kiến chấp, ái kiến” rất hy hữu. Được thảo loại thượng và cây nhỏ là thên [vì thực hành] Tiểu pháp, hâm mộ Đại pháp, trần thuật ân “biết ngăn che sự hèn kém” rất hy hữu. [Nói đến] cây to là trần thuật ân trang nghiêm rất hy hữu. Sự thật tối hậu là “cùng một cuộc đất, cùng một cơn mưa”, trần thuật ân “giao phó gia tài, ngồi nơi pháp tòa, [thụ hưởng] tài pháp nơi thân tâm tự tại an lạc” rất hy hữu. Đức Phật trần thuật, tán thán các sự sai biệt ấy. Sau khi nói xong phần kinh văn tán thán mười ân, bèn trần thuật sự tán thán chẳng sai biệt; đó chính là một đại ân.

Phần kinh văn Trường Hàng “trần thuật cận kề sự thành tựu” đã xong.

5.1.2.2. Trùng tụng

5.1.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Phá hữu pháp vương, xuất hiện thế gian, tùy chúng sanh dục, chủng chủng thuyết pháp. Như Lai tôn trọng, trí huệ thâm viển, cứu mặc tư yếu²⁵², bất vụ tốc thuyết. Hữu trí nhược văn, tắc năng tín giải, vô trí nghi hối, tắc vi vĩnh thất. Thị cố Ca Diếp, tùy lực vị thuyết, dĩ chủng chủng duyên, linh đắc chánh kiến.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「破有法王，出現世間，隨眾生欲，種種說法。如來尊重，智慧深遠，久默斯要，不務速說。有智若聞，則能信解，無智疑悔，則為永失。是故迦葉，隨力為說，以種種緣，令得正見

。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa ấy, bèn nói kệ rằng: - Pháp vương phá các cõi, xuất hiện trong thế gian, thuận lòng chúng sanh muốn, nói ra đủ loại pháp. Đức Như Lai tôn trọng, có trí huệ sâu xa, với pháp bí yếu này, giữ im lặng đã lâu, chẳng vội nói ra ngay. Nếu người trí được nghe, sẽ có thể tin hiểu. Kẻ vô trí nghi hối, vĩnh viễn bị mất mát. Vì thế, này Ca Diếp, tùy sức vì họ nói, vận dụng các thứ duyên, khiến họ được chánh kiến).

“Phá hữu pháp vương” (Đấng pháp vương phá các cõi)²⁵³: Nhân quả chẳng mất, được gọi là “hữu”. Phạm phu coi Kiến Tư là nhân, Phần Đoạn sanh tử là quả. Nhị Thừa lấy Trần Sa [phiền não] làm nhân, phương tiện biến dịch làm quả. Bồ Tát lấy vô minh làm nhân, tự tánh

²⁵² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Theo chiều dọc, chẳng có ngăn mé, đó là Thâm. Theo chiều ngang, chẳng có giới hạn, đó là Viển. Chẳng nói là Mặc, nhanh chóng hướng đến là Vụ. Pháp Hoa là lẽ bí yếu của đức Phật, Ngài im lặng hơn bốn mươi năm, chẳng nói ra lẽ bí yếu ấy; cho nên nói là cứu mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết”.

²⁵³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đức Phật đã phá hai mươi lăm Hữu, vượt thoát sanh tử, thuộc địa vị pháp vương. Vì thế gọi là ‘phá Hữu pháp vương’. Nói là Hữu vì chúng sanh chấp Có, đức Phật dùng Không để phá. Pháp Hoa Kinh Sở nói ‘phá hết thấy các pháp có sở đắc, cho nên gọi là phá Hữu’. Như nói Nhất Thừa, sẽ phá các pháp sở đắc nơi tam thừa. Nói ‘chẳng phải ba, chẳng phải một’ nhằm phá chấp trước pháp sở đắc nơi Nhất Thừa”.

biến dịch làm quả. Chỉ có chư Phật, đã mất cái nhân ngũ trụ, chôn vùi cái quả nhị tử (Biến Dịch và Phần Đoạn sanh tử), đắc đại tự tại trong các pháp, xuất hiện trong thế gian chỉ vì lợi ích chúng sanh. Vì thế, các giáo pháp Quyền, Thật đều khiến cho người lãnh thọ đạt được lợi ích chẳng hư dối.

Hai câu “tùy chúng sanh dục...” (thuận theo lòng ham muốn của chúng sanh) trùng tụng Quyền Trí nói Quyền giáo. Bốn câu “*Như Lai tôn trọng*²⁵⁴...” trùng tụng Thật Trí nói Thật giáo. Bốn câu “*hữu trí nhược văn...*” (nếu kẻ có trí nghe) nhằm giải thích [vì sao đức Phật] chẳng nhanh chóng nói Thật pháp. Bốn câu từ “*thị có Ca Diếp*” (vì thế này Ca Diếp) trở đi, hiển thị sự hay khéo “trước là Quyền, sau là Thật”. “*Dĩ chủng chủng duyên*” (Dùng các thứ duyên) tức là trước hết bèn thí Quyền, khiến cho họ đạt được chánh kiến; sau đây bèn hiển Thật, chỉ vì Nhất Thật, cho nên gọi là “*chánh kiến*”. Do vậy, trong kinh Niết Bàn, Ca Diếp đồng tử²⁵⁵ đã lãnh giải, bèn thưa: “*Tự thử dĩ tiền, ngã đẳng giai danh tà kiến nhân*” (Từ đây trở về trước, chúng con đều đáng gọi là kẻ tà kiến)!

5.1.2.2.2. Trùng tụng về thí dụ đã lập

5.1.2.2.2.1. Chẳng sai biệt mà sai biệt

5.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng “cái có thể nhuần thấm” chẳng sai biệt

(Kinh) Ca Diếp đương tri, thí như đại vân, khởi u thế gian, biến phú nhất thiết. Huệ vân hàm nhuận, điện quang hoảng diệu, lôi thanh viễn chấn, linh chúng duyệt dục. Nhật quang yểm tế, địa thượng thanh

²⁵⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Riêng vượt xa chín pháp giới là Tôn, phàm lẫn thánh cùng kính ngưỡng là Trọng*”.

²⁵⁵ Ca Diếp đồng tử chính là Ca Diếp Bồ Tát, là một vị Bồ Tát trong pháp hội Đại Bát Niết Bàn. Những lời vấn đáp giữa Ngài và đức Phật được chép thành phẩm Ca Diếp Bồ Tát trong kinh Đại Bát Niết Bàn. Vị này không phải là ngài Ma Ha Ca Diếp, vì kinh Đại Bát Niết Bàn chép rõ: Sau khi đức Phật đã nhập diệt, các đệ tử đã đặt kim thân của đức Phật vào kim quan xong, đặt nắp lại, ngài Ma Ha Ca Diếp đang nhập tam-muội tại núi Kỳ Xà Quật, bỗng tim nhảy, thân rung, liền xuất Định, thấy núi lẫn cây cối đều chấn động, biết đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài than thở, do lòng kính trọng, chẳng dám dùng thần thông, dẫn năm trăm tỳ-kheo đi bộ bảy ngày mới về đến Câu Thi Na. Đức Phật vì Ngài hiện thần lực, kim quan mở tung nắp, ngàn bức bạch điệp bọc kim thân đều mở tung ra. Ngài bèn dùng hương thủy tắm rửa kim thân của Phật, dùng bông đầu la miên mới bao phủ thân Phật, dùng một ngàn bức bạch điệp mới bọc thân Phật, chủ trì lễ trà-tỳ.

lượng, ái đãi thủy bố, như khả thừa lã. Kỳ vũ phổ đẳng, tứ phương câu hạ, lưu chú vô lượng, suất thổ sung hiệp.

(經)迦葉當知，譬如大雲，起於世間，遍覆一切。慧雲含潤，電光晃曜，雷聲遠震，令眾悅豫。日光揜蔽，地上清涼，飄颻垂布，如可承攬。其雨普等，四方俱下，流澍無量，率土充洽。

(Kinh: Ca Diếp hãy nên biết, ví như vàng mây to, nổi lên trong thế gian, che phủ khắp hết thủy. Mây trí huệ nhuần chứa, ánh chớp lóe chói ngời, tiếng sấm rền xa thẳm, khiến mọi loài sướng vui. Ánh mặt trời ẩn khuất, cõi đất được mát mẻ. Mây dày giăng bủa thấp, dường như nắm lấy được. Mưa tuôn khắp bình đẳng, bốn phương đều trút xuống, tuôn rót đều vô lượng, khắp cõi đều tưới đầm).

Mây ví như Ứng Thân, Ứng Thân thuận theo trí huệ mà hành. Vì thế nói là “huệ vân”. Có thể trọn đủ mười hai bộ pháp; vì thế nói là “hàm nhuận”. “Điện quang hoảng diệu” (Ánh chớp lóe sáng lòa) ví như thân tỏa quang minh lớn. “Lôi thanh viễn chấn” (Tiếng sấm vang rền tận phương xa) ví như miệng tuyên thuyết Tứ Biện Tài. “Nhật quang yếm tế” (Ánh sáng mặt trời bị che lấp): Ví như chín mươi lăm thứ tà quang chẳng hiện. “Địa thượng thanh lương” (Cõi đất được mát mẻ): Ví như chín mươi tám thứ nhiệt não được trừ khử. “Ái đãi thủy bố, như khả thừa lã” (Mây dày giăng rất thấp, dường như có thể nắm được): Ví như oai nghi và tướng hảo nơi Ứng Thân dường như giống [chúng sanh trong] tam hữu, người có tâm toan nắm bắt, nhưng thật sự chẳng thể được! “Kỳ vũ phổ đẳng, tứ phương câu hạ” (Trận mưa ấy bình đẳng trọn khắp, bốn phương đều trút xuống): Ví như bát âm, tứ biện tài ứng khắp các căn cơ. “Lưu chú vô lượng” (Tuôn rót vô lượng): Ví như trong mỗi thời đều chứa đủ ngũ thời, bát giáo. “Suất thổ sung hiệp” (Cả cõi đất đều được tưới đầm): Sánh ví những ai có tâm đều được lợi ích nhuần thấm. Trong mỗi thời, ai nấy đều đạt được lợi ích thuộc ngũ vị trong Tạng, Thông, Biệt, Viên, đốn, tiệm, bí mật và bất định!

5.1.2.2.1.2. Trùng tụng “cái có thể sanh” [bình đẳng, nhưng] “cái được sanh” thì được nhuần thấm sai biệt

(Kinh) Sơn, xuyên, hiểm cốc, u thúy sở sanh, hỷ mộc, được thảo, đại tiểu chư thụ, bách cốc miêu giá, cam giá, bồ đào, vũ chi sở nhuận, vô bất phong túc. Càn địa phổ hiệp, được mộc tịnh mậu. Kỳ vân sở xuất, nhất vị chi thủy. Thảo mộc, tùng lâm, tùy phần thọ nhuận. Nhất thiết chư thụ, thượng, trung, hạ đẳng, xứng kỳ đại tiểu, các đắc sanh trưởng. Cấn, hành, chi, diệp, hoa quả quang sắc. Nhất vũ sở cập, giai đắc tiền trạch.

(經)山川險谷，幽邃所生，卉木藥草，大小諸樹，百穀苗稼，甘蔗葡萄，雨之所潤，無不豐足。乾地普洽，藥木並茂。其雲所出，一味之水，草木叢林，隨分受潤。一切諸樹，上中下等，稱其大小，各得生長。根莖枝葉，華果光色。一雨所及，皆得鮮澤。

(Kinh: Núi, sông, hang hiểm trở, chỗ tắm tối sanh trưởng, thảo mộc và cỏ thuốc, các loại cây lớn, nhỏ, trăm giống lúa, mộng mạ, các thứ mía và nho, được mưa tưới nhuận thấm, không gì chẳng tươi tốt. Đất khô được tưới khắp, thuốc, cây đều sum suê. Vàng mây tuôn mưa xuống, nước chỉ có một vị, nhưng thảo mộc, rừng rậm, tùy phần được tưới tắm. Hết thấy các cây cối, thuộc loại thượng, trung, hạ, tương xứng lớn hay bé, thấy đều được sanh trưởng. Rễ, thân, cùng cành, lá, hoa, quả, sắc sáng đẹp. Một trận mưa tuôn xuống, đều cùng được tươi nhuận).

“Sơn, xuyên, hiểm cốc” (Núi, sông, hang hiểm trở): Trùng tụng đại lược chỗ có thể sanh. “U thúy” (Tối tăm, sâu thẳm): Ví như tập nhân mà chúng sanh gieo trồng đã lâu, ẩn tàng trong sắc tâm nơi quả báo. “Bách cốc”: Sánh ví Thập Thiện trang nghiêm lẫn nhau. Thập Thiện là “bách” (một trăm). “Cam giá” (Mía) thể chất là một, có thể sánh ví cảnh sở duyên bởi Thiên Định. “Bồ đào” (Nho) có hình thể nhiều, có thể sánh ví trí huệ phá Hoặc nhiều. Đất khô được tưới đầm trọn khắp, ví như khiến cho kẻ chưa tin sẽ tin. Những điều khác dễ hiểu.

Phần thứ nhất, trùng tụng “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong!

5.1.2.2.2. Trùng tụng sai biệt mà chẳng sai biệt

(Kinh) Như kỳ thể tướng, tánh phân đại, tiểu, sở nhuận thị nhất, nhi các tư mậu.

(經)如其體相，性分大小，所潤是一，而各滋茂。

(Kinh: Như thể tướng của chúng, tánh chia ra lớn, nhỏ, nhuận thấm đều như một, mỗi thứ được sum suê).

Hai câu đầu trùng tụng cái được sanh trưởng, được nhuận thấm. Câu thứ ba trùng tụng chủ thể thực hiện [nhuận thấm] (tức mây tuôn mưa) không sai biệt. Lược đi chẳng trùng tụng cái có thể sanh trưởng (đất đai), tức là coi cái được sanh (cỏ cây, dược thảo, bách cốc, mía, nho) là chuyện nói kèm thêm. Câu thứ tư trùng tụng “[các loài thảo mộc] sai biệt mà chúng chẳng tự biết”.

Phần thứ hai, “trùng tụng về thí dụ được lập” đã xong.

5.1.2.2.2.3. Trùng tụng chuyện đối ứng thí dụ với pháp

5.1.2.2.2.3.1. Trùng tụng đối ứng “chẳng sai biệt mà sai biệt” với pháp

5.1.2.2.2.3.1.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “cái có thể nhuận thấm”

(Kinh) Phật diệt như thị, xuất hiện ư thế. Thí như đại vân, phổ phú nhất thiết. Kỳ xuất ư thế, vị chư chúng sanh, phân biệt diễn thuyết, chư pháp chi thật. Đại thánh Thế Tôn, ư chư thiên nhân, nhất thiết chúng trung, nhi tuyên thị ngôn: “Ngã vi Như Lai, lưỡng túc chi tôn, xuất ư thế gian, do như đại vân, sung nhuận nhất thiết, khô cảo chúng sanh, giai linh ly khổ, đắc an ổn lạc, thế gian chi lạc, cập Niết Bàn lạc. Chư thiên nhân chúng, nhất tâm thiện thính, giai ưng đảo thử, cận Vô Thượng Tôn. Ngã vi Thế Tôn, vô năng cập giả, an ổn chúng sanh. Cố hiện ư thế, vị đại chúng thuyết, cam lộ tịnh pháp”. Kỳ pháp nhất vị, giải thoát Niết Bàn. Dĩ nhất diệu âm, diễn sướng tư nghĩa, thường vị Đại Thừa, nhi tác nhân duyên.

(經)佛亦如是，出現於世。譬如大雲，普覆一切。既出於世，為諸眾生，分別演說，諸法之實。大聖世尊，於諸天人，一切眾中，而宣是言：「我為如來，兩足之尊，出於世間，猶如大雲，充潤一切，枯槁眾生，皆令離苦，

得安隱樂，世間之樂，及涅槃樂。諸天人眾，一心善聽，皆應到此，覲無上尊。我為世尊，無能及者，安隱眾生。故現於世，為大眾說，甘露淨法」。其法一味，解脫涅槃。以一妙音，演暢斯義，常為大乘，而作因緣。

(Kinh: Phật cũng như thế đó, xuất hiện trong cõi đời. Ví như vàng mây to, che trọn khắp hết thấy. Đã xuất hiện trong đời, bèn vì các chúng sanh, phân biệt để diễn nói, thật tướng của các pháp. Đức đại thánh Thế Tôn, ở trong các trời người, trong hết thấy đại chúng, tuyên nói như thế này: “Ta chính là Như Lai, là đáng phước trí vẹn, xuất hiện trong thế gian, ví như vàng mây lớn, tưới đầm cho hết thấy, các chúng sanh khô héo, đều khiến họ lìa khổ, đạt niềm vui an ổn, cùng niềm vui thế gian, và niềm vui Niết Bàn. Các đại chúng trời người, hãy một dạ lắng nghe, đều nên đến nơi đây, thân cận đáng Vô Thượng. Ta chính là Thế Tôn, không ai sánh bằng nổi, vì an ổn chúng sanh, nên hiện ra trong đời. Vì đại chúng nói ra, pháp thanh tịnh cam lộ”. Pháp ấy chỉ một vị, giải thoát, đắc Niết Bàn. Dùng một âm màu nhiệm, diễn nói trọn nghĩa ấy, thường hay vì Đại Thừa, mà tạo nhân duyên đó).

Ba bài kệ kể từ “kỳ xuất ư thế” (đã xuất hiện trong thế gian) trở đi, trùng tụng đại lược mười hiệu. Sáu câu như “sung nhuận nhất thiết...” (tưới nhuận sung mãn hết thấy) trùng tụng đại lược Tứ Hoàng Thệ, chẳng trùng tụng bốn pháp môn khác. Bốn bài kệ từ câu “chư thiên nhân chúng” trở đi nhằm trùng tụng khuyên nghe nhận. “Kỳ pháp nhất vị” (Pháp ấy một vị): Bảy loại phương tiện, không gì chẳng đều quy vào Nhất Thừa, sai biệt mà chẳng sai biệt. “Thường vì Đại Thừa, nhi tác nhân duyên” (Thường vì Đại Thừa mà tạo nhân duyên): Đã tạo nhân duyên, ắt dùng phương tiện, tức là chẳng sai biệt mà sai biệt.

5.1.2.2.3.1.2. Cùng trùng tụng “cái có thể sanh” và “cái được sanh”

(Kinh) Ngã quán nhất thiết, phổ giai bình đẳng, vô hữu bỉ thử, ái tăng chi tâm. Ngã vô tham trước, diệc vô hạn ngại, hằng vị nhất thiết, bình đẳng thuyết pháp. Như vị nhất nhân, chúng đa diệc nhiên. Thường diễn thuyết pháp, tăng vô tha sự. Khứ, lai, tọa, lập, chung bất bì yếm, sung túc thế gian, như vũ phổ nhuận.

(經)我觀一切，普皆平等，無有彼此，愛憎之心。我無貪著，亦無限礙，恆為一切，平等說法。如為一人，眾多亦然。常演說法，曾無他事。去來坐立，終不疲厭，充足世間，如雨普潤。

(Kinh: Ta quán sát hết thấy, đều trọn là bình đẳng, chẳng hề có đây kia, ôm lòng ghét yêu nhau. Ta chẳng có tham chấp, cũng chẳng bị ngăn ngại, luôn luôn vì hết thấy, bình đẳng mà thuyết pháp. Như vì một người nói, đông người cũng vẫn thế. Thường luôn diễn nói pháp, chưa từng làm chuyện khác. Đi, đến, và ngồi, đứng, trọn chẳng hề chán mệt, sung túc khắp thế gian, như mưa nhuần thấm khắp).

Đoạn kinh văn trên đây đối ứng pháp với “cái có thể sanh” và “cái được sanh”, tức là nói vô số ngàn vạn ức loại chúng sanh tới chỗ đức Phật để nghe pháp. Bài kệ tụng này nói rõ: Đức Phật quán hết thấy đều trọn khắp bình đẳng. Căn cơ Phật là “thử” (cái này), các căn cơ khác là “bỉ” (cái kia). Phật thuyết pháp bình đẳng, chẳng đối với người có căn cơ thành Phật mà yêu thương, chán ghét các căn cơ khác! Ví như mưa xối xuống, chẳng chọn lựa khe suối hay hang hốc. Phật sự là Tự, ma sự là Tha. Ứng lúc sau là Khứ (đi), ứng thoát đầu là Lai (đến). Nhập Thật là Tọa (ngồi), xuất Quyền là Lập (đứng). Các điều khác dễ hiểu.

5.1.2.2.2.3.1.3. Trùng tụng kép sự đối ứng “cái có thể nhuần thấm” và “cái được nhuần thấm” với pháp

5.1.2.2.2.3.1.3.1. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của cái có thể nhuận

(Kinh) Quý, tiện, thượng, hạ, trì giới, hủy giới, oai nghi cụ túc, cập bất cụ túc, chánh kiến, tà kiến, lợi căn, độn căn, đẳng vũ pháp vũ, nhi vô giải quyện.

(經)貴賤上下，持戒毀戒，威儀具足，及不具足，正見邪見，利根鈍根，等雨法雨，而無懈倦。

(Kinh: Sang, hèn, và trên, dưới, trì giới hay hủy giới, oai nghi đều trọn đủ, và kẻ chẳng trọn đủ, chánh kiến với tà kiến, lợi căn hoặc độn căn, bình đẳng tuôn mưa pháp, nhưng chẳng hề lười mỏi).

Đây là trùng tụng Như Lai khi đó quán các chúng sanh ấy là lợi căn hay độn căn, tinh tấn hay giải đãi, tùy theo sức họ kham được mà vì họ thuyết pháp. “Quý, tiện, thượng, hạ” là xét theo địa vị. “Trì giới, hủy giới” là xét theo hạnh. Lợi căn hay độn căn là xét theo sự tu tập. Căn phải dựa theo ngũ thừa bảy phương tiện để lần lượt nói.

5.1.2.2.2.3.1.3.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “cái được nhuần thấm”

5.1.2.2.2.3.1.3.2.1. Trùng tụng “hoan hỷ thiện lợi, đời hiện tại an ổn” tương ứng với thí dụ “tưới đầm trọn khắp”

(Kinh) Nhất thiết chúng sanh, văn ngã pháp giả, tùy lực sở thọ, trụ u chư địa, hoặc xử nhân thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, Thích, Phạm chư vương, thị tiểu được thảo. Tri vô lậu pháp, năng đắc Niết Bàn, khởi lực thần thông, cập đắc Tam Minh, độc xử sơn lâm, thường hành Thiền Định, đắc Duyên Giác chứng, thị trung được thảo. Cầu Thế Tôn xứ, ngã đương tác Phật, hành tinh tấn Định, thị thượng được thảo. Hựu chư Phật tử, chuyên tâm Phật đạo, thường hành từ bi, tự tri tác Phật, quyết định vô nghi, thị danh tiểu thụ. An trụ thần thông, chuyển bất thoái luân, độ vô lượng ức, bách thiên chúng sanh. Như thị Bồ Tát, thị danh đại thụ. Phật bình đẳng thuyết, như nhất vị vũ, tùy chúng sanh tánh, sở thọ bất đồng. Như bỉ thảo mộc, sở bẩm các dị. Phật dĩ thử dụ, phương tiện khai thị, chủng chủng ngôn từ, diễn thuyết nhất pháp. Ư Phật trí huệ, như hải nhất trích.

(經)一切眾生，聞我法者，隨力所受，住於諸地，或處人天，轉輪聖王，釋梵諸王，是小藥草。知無漏法。能得涅槃，起六神通，及得三明，獨處山林，常行禪定，得緣覺證，是中藥草。求世尊處，我當作佛，行精進定，是上藥草。又諸佛子，專心佛道，常行慈悲，自知作佛，決定無疑，是名小樹。安住神通，轉不退輪，度無量億，百千眾生。如是菩薩，是名大樹。佛平等說，如一味雨，隨

眾生性，所受不同。如彼草木，所稟各異。佛以此喻，方便開示，種種言辭，演說一法。於佛智慧，如海一滴。

(Kinh: Hết thấy các chúng sanh, được nghe pháp của ta, tùy sức mình tiếp nhận, trụ trong các địa vị, hoặc ở trong trời, người, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích, Phạm các vua, đó là cỏ thuốc nhỏ. Biết do pháp vô lậu, có thể đắc Niết Bàn, dấy lên sáu thần thông, cùng với ba thứ Minh, ở riêng nơi núi rừng, để thường hành Thiền Định, được chứng quả Duyên Giác, là cỏ thuốc bậc trung. Cầu nơi đức Thế Tôn, con sẽ được thành Phật, thực hành tinh tấn Định, là cỏ thuốc bậc thượng. Lại có các Phật tử, chuyên tâm nơi Phật đạo, thường thực hành từ bi, tự biết sẽ thành Phật, quyết định chẳng ngại vực. Gọi đó là cây nhỏ. An trụ trong thần thông, chuyển pháp luân bất thoái, hóa độ vô lượng ức, trăm ngàn các chúng sanh. Hàng Bồ Tát như thế, được gọi là cây to. Phật bình đẳng thuyết pháp, như mưa chỉ một vị, tùy căn tánh chúng sanh, mà bám thọ sai khác. Như loài cỏ cây kia, mỗi loài hưởng mỗi khác. Phật dùng thí dụ này, để phương tiện khai thị, dùng các thứ ngôn từ, hòng diễn nói một pháp. Ở nơi trí huệ Phật, như một giọt nước biển).

Bài kệ thứ nhất, nêu chung các thứ được nhuần thấm. Bảy bài kệ kế đó, nói riêng từng thứ được nhuần thấm. Ba bài kệ sau cùng nhằm kết luận, và nói rõ “cái có thể nhuần thấm” chẳng thể nghĩ bàn! Các vua trong hàng trời, người đều chưa đoạn Hoặc. Vì thế, tương ứng với cỏ nhỏ. Nhị Thừa đều có đoạn chứng, cho nên tương ứng với thảo mộc loại trung. Hàng Bồ Tát vâng hành Lục Độ, chí cầu làm Phật, đã phát tâm vượt xa hàng Nhị Thừa. Vì thế, riêng họ là thảo mộc bậc thượng. Thông Giáo Bồ Tát đã đoạn Thông Hoặc, thề nâng đỡ hóa độ chúng sanh còn có tập khí sót thừa. Vì thế gọi là cây nhỏ. Biệt Giáo Bồ Tát tự hành, hóa độ người khác, phước huệ cao rộng; cho nên gọi là cây to. Lại có thể dựa vào ý nghĩa của hàng Bồ Tát trong tam giáo, mỗi giáo đều có ba loại cây tiểu, trung, đại, Lục Độ thì xét theo ba A-tăng-kỳ, Thông Giáo thì xét theo Thất Địa, Bát Địa, và Cửu Địa, Biệt Giáo xét theo ba mươi tâm. Trí huệ của Phật như một giọt nước biển có thể thấm nhuần như biển. Đối với một giọt công đức, trong vô lượng ức kiếp, vẫn chẳng thể nói trọn hết được!

5.1.2.2.2.3.1.3.2.1.2. Trùng tụng “đời sau sanh vào chốn lành, cho đến dần dần nhập đạo” đối ứng với “sanh trưởng, đơm hoa, kết hạt”

(Kinh) Ngã vũ pháp vũ, sung mãn thế gian. Nhất vị chi pháp, tùy lực tu hành, như bửu tượng lâm, dược thảo chư thụ, tùy kỳ đại tiểu, tiệm tăng mật hảo. Chư Phật chi pháp, thường dĩ nhất vị, linh chư thế gian, phổ đắc cụ túc, tiệm thứ tu hành, giai đắc đạo quả. Thanh Văn, Duyên Giác, xử u sơn lâm, trụ tối hậu thân, văn pháp đắc quả. Thị danh dược thảo, các đắc tăng trưởng. Nhược chư Bồ Tát, trí huệ kiên cố, liễu đạt tam giới, cầu tối thượng thừa. Thị danh tiểu thụ, nhi đắc tăng trưởng. Phục hữu trụ Thiền, đắc thần thông lực, văn chư pháp Không, tâm đại hoan hỷ, phóng vô số quang, độ chư chúng sanh. Thị danh đại thụ, nhi đắc tăng trưởng.

(經)我雨法雨，充滿世間。一味之法，隨力修行，如彼叢林，藥草諸樹，隨其大小，漸增茂好。諸佛之法，常以一味，令諸世間，普得具足，漸次修行，皆得道果。聲聞緣覺，處於山林，住最後身，聞法得果。是名藥草，各得增長。若諸菩薩，智慧堅固，了達三界，求最上乘。是名小樹，而得增長。復有住禪，得神通力，聞諸法空，心大歡喜，放無數光，度諸眾生。是名大樹，而得增長。

(Kinh: Ta tuôn cơn mưa pháp, sung mãn khắp thế gian, là pháp chỉ một vị, họ tùy sức tu hành, như khu rừng rậm kia, dược thảo, các loại cây, tùy từng loại lớn, nhỏ, dần dần thêm tươi tốt. Pháp của các vị Phật, thường là dùng một vị, khiến cho các thế gian, trọn đều được đầy đủ, theo thứ tự tu dần, đều sẽ đắc đạo quả. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, ở trong chốn núi rừng, trụ nơi thân cuối cùng, nghe pháp bèn đắc quả. Đó gọi là cỏ thuốc, mỗi loài được tăng trưởng. Nếu các vị Bồ Tát, trí huệ đều kiên cố, liễu đạt trọn tam giới, mong cầu tối thượng thừa. Đó gọi là cây nhỏ, mà cùng được tăng trưởng. Lại có người trụ Thiền, đạt được sức thần thông, nghe nói các pháp Không, tâm bèn đại hoan hỷ, tỏa vô số quang minh, hóa độ các chúng sanh. Đó gọi là cây to, mà cùng được tăng trưởng).

Hai bài kệ đầu trùng tụng chung sự tăng trưởng. Sáu bài kệ rưỡi kệ đó, trùng tụng riêng sự tăng trưởng [của từng loại chúng sanh]. Trong phần trùng tụng riêng, sáu câu kệ từ “*chư Phật chi pháp*” (pháp của chư Phật), nói về sự tăng trưởng của nhân, thiên. Sáu câu kệ từ chữ Thanh Văn trở đi, nói đến sự tăng trưởng của Nhị Thừa. “*Trụ tối hậu thân*” (Trụ nơi thân cuối cùng) có hai nghĩa:

- Một là Nhị Thừa nếu chẳng gặp Phật, chưa chắc đã là thân cuối cùng! Do được thấy Phật, trở thành thân cuối cùng; đó chính là ý nghĩa “*tăng trưởng*”.

- Hai là Nhị Thừa đã trụ Hữu Dư Niết Bàn, gọi là “*thân cuối cùng*”. Nay được nghe pháp Đại Thừa, đạt được quả Đại Thừa, tức là nghĩa “*tăng trưởng*”.

Kể đó, sáu câu kệ từ “*chư Bồ Tát*” trở đi, nói về sự tăng trưởng của Thông Giáo, thấu hiểu pháp, trí nhạy bén; vì thế gọi là “*kiên cố*”. Đoạn tam giới Hoặc, nên gọi là “*liễu đạt*”. Kể đó, hai bài kệ từ “*phục hữu trụ Thiên*” (lại có người trụ Thiên) trở đi, nói về sự tăng trưởng của Biệt Giáo. Thiên và thần thông chính là sức nhập Giả. Nghe các pháp Không, tâm đại hoan hỷ, tức là nghe Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Không, có thể tùy thuận quan sát. Lược đi chẳng trùng tụng sự tăng trưởng Lục Độ. Lục Độ là Quyền trong Quyền. Có giáo mà chẳng có người [tu tập giáo pháp ấy], lại chưa đoạn Hoặc, có thể xếp vào hàng nhân thiên.

Phần thứ nhất, trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “chẳng sai biệt mà sai biệt” đã xong.

5.1.2.2.2.3.1.3.2.2. Trùng tụng ý nghĩa biểu pháp của “sai biệt mà chẳng sai biệt” (kinh văn nói chi tiết, còn trùng tụng nói đại lược)

(Kinh) Như thị Ca Diếp! Phật sở thuyết pháp, thí như đại vân, dĩ nhất vị vũ, nhuận ư nhân hoa, các đắc thành thật. Ca Diếp đương tri: Dĩ chư nhân duyên, chủng chủng thí dụ, khai thị Phật đạo, thị ngã phương tiện, chư Phật diệt nhiên. Kim vị nhữ đẳng, thuyết tối thật sự. Chư Thanh Văn chúng, giai phi diệt độ. Nhữ đẳng sở hành, thị Bồ Tát đạo, tiệm tiệm tu học, tất đương thành Phật.

(經)如是迦葉！佛所說法，譬如大雲，以一味雨，潤於人華，各得成實。迦葉當知：以諸因緣，種種譬喻，開示佛道，是我方便，諸佛亦然。今為汝等，說最實事。諸

聲聞眾，皆非滅度。汝等所行，是菩薩道，漸漸修學，悉當成佛」。

(Kinh: Như thế đó, Ca Diếp! Pháp do Phật đã nói, ví như vàng mây to, dùng trận mưa một vị, nhuần thấm các hoa người, khiến họ đều kết trái. Ca Diếp hãy nên biết: Vận dụng các nhân duyên, và các thứ thí dụ, để khai thị Phật đạo, là phương tiện của ta, chứ Phật cũng như thế. Nay ta vì các ông, nói sự thật cuối cùng. Các vị Thanh Văn ấy, đều chẳng phải diệt độ. Những gì các ông hành, đều là đạo Bồ Tát, hãy tu học dần dần, thầy sẽ đều thành Phật).

Sáu câu đầu nêu thí dụ phù hợp khít khao với ý nghĩa “chẳng sai biệt mà sai biệt, sai biệt tức là chẳng sai biệt”. Mưa một vị là chẳng sai biệt. “*Nhuần ư nhân hoa*” (Nhuần thấm các loại hoa trong loài người) là nói tới bảy loại hoa thiện nhân (bảy loại phương tiện) sai biệt, mỗi loại đều được thành tựu Thật, Tứ Vi rốt ráo cùng trở về đại địa, sai biệt chính là chẳng sai biệt. Ba bài kệ rưới kết đó, kết lại [ý nghĩa] “Quyền Thật bất nhị”. Dùng các nhân duyên, các loại thí dụ [để hiển thị] “ngay nơi Thật chính là Quyền”. Khai thị Phật đạo, ngay nơi Quyền chính là Thật. “*Kim vị như đẳng, thuyết tối thật sự*” (Nay ta vì các ông, nói sự thật cuối cùng) chính là khai hiển Thật, chẳng giống như Quyền đối với Thật trong Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã v.v... tức là Giáo Nhất. “*Thanh Văn giai phi diệt độ*” (Các Thanh Văn đều chẳng diệt độ) tức là Nhân Nhất. “*Nhữ đẳng sở hành thị Bồ Tát đạo*” (Những điều các ông hành chính là Bồ Tát đạo) tức Hạnh Nhất. “*Tiệm tiệm tu học, tất đương thành Phật*” (Tu học dần dần, đều sẽ thành Phật): Tri kiến của Phật chính là Lý Nhất.

Phần thứ ba, “Như Lai trần thuật sự thành tựu trong Thí Thuyết Châu” đã xong. Giải thích phẩm Dược Thảo Dụ xong. Tiếp theo đây, sẽ giải thích phẩm Thọ Ký.

6. Thọ Ký Phẩm Đệ Lục

授記品第六

Phẩm thứ sáu: Thọ Ký

Âm tiếng Phạn là Hòa Già La (Vyākāraṇa), phương này dịch là Thọ Ký (授記), cũng nói là Thọ Ký (受記), Thọ Quyết (受決), Thọ Biệt (受別). Thọ (授) nghĩa là “trao cho”. Thọ (受) có nghĩa là “đạt được”. Ký (記) là ghi nhận sự việc. Quyết (決) là quyết định. Biệt (別) là liễu biệt (rành rẽ chắc chắn). Các kinh có thể đả phá thọ ký, như kinh Tịnh Danh nói: “*Vị tùng Như sanh đắc thọ ký? Vị tùng Như diệt đắc thọ ký? Như vô sanh diệt, tác tri vô ký*” (Do Như sanh mà được thọ ký? Hay do Như diệt mà được thọ ký? “Như” chẳng có sanh diệt, cho nên biết là chẳng thọ ký). Kinh Tư Ích nói: “*Nguyện bất văn thọ ký danh*” (Nguyện chẳng nghe thấy danh xưng thọ ký). Kinh Đại Phẩm [Bát Nhã] nói: “*Thọ ký thị hý luận*” (Thọ ký là hý luận). Nay kinh này vì sao [lại thọ ký?]

Đáp: - Nếu thấy có thọ ký và người được thọ ký, thì cái Thấy ấy cần phải phá trừ. Nếu Bồ Tát thề được thọ ký, sự thọ ký ấy cần phải tương ứng với đường lối tu hành chung (đó là đáp theo cách hiểu thông thường). Lại nữa, Thế Đế thì có thọ ký, Đệ Nhất Nghĩa thì không (bốn giáo đều luận Nhị Đế, há nên dùng Chân để gạt vấn Tục?) Lại nữa, khi dùng Tứ Tất Đàn để giải thích thì có thọ ký. Như trong phần sau có nói (bốn giáo, mỗi giáo đều luận định Tứ Tất Đàn). Nay kinh này có năm ý:

- Hoặc là thọ ký theo đường lối chung, như phần đầu phẩm Pháp Sư; hoặc thọ ký riêng biệt, như cuối phần tam châu (loại thứ nhất là Thông Biệt Ký).

- Hoặc thọ ký theo chánh nhân như ngài Thường Bất Khinh [thọ ký mọi người đều thành Phật]. Hoặc thọ ký theo duyên nhân, như mười loại cúng dường được nói trong phẩm Pháp Sư. Hoặc thọ ký theo liễu nhân, như thọ ký cho người thuộc ba loại căn cơ. Thọ ký theo chánh nhân thì rộng, [thọ ký theo] duyên nhân và liễu nhân thì hẹp (loại thứ hai là Tam Nhân Ký, tức thọ ký theo ba loại nhân).

- Hoặc thọ ký chậm, hoặc thọ ký nhanh (loại thứ ba là Nhanh Chậm. Chậm thì như [thọ ký cho] Thanh Văn, nhanh thì như [thọ ký cho] long nữ).

- Hoặc thọ ký thành Phật, như kinh văn trong phẩm này. Hoặc thọ ký quả Bồ Tát, như trong phẩm Thường Bất Khinh, tuy không có tên kiếp và quốc độ nhất định, vẫn có thể coi là thọ ký (loại thứ tư là thầy trò trợ ký).

- Lại còn có huyền ký, như trong phẩm Hóa Thành, thọ ký cho các đệ tử trong vị lai (loại thứ năm là thọ ký trong hiện tại hay vị lai).

Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội nói bốn loại thọ ký, nay kinh này đều có đủ [các loại ấy]:

- Chưa phát tâm đã được thọ ký, như trong phẩm Thường Bất Khinh. Phát tâm hiện tiền vô sanh, chính là sự thọ ký trong tam châu. Xét theo Tứ Tất Đàn, chư Phật vốn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong thế gian, khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Nay đại sự đã được hiển lộ, đức Phật đã nói xong, chúng sanh đã nhập, thỏa thích bốn hoài của Phật, nguyện của chúng sanh đã mãn, theo đúng pháp phải nên thọ ký. Như cha gặp con, há chẳng giao phó tài sản? Lại nữa, hành nhân có hạnh nguyện trong vô lượng đời và nguyện ở nơi đức Phật hiện tại. Kinh văn chép: “*Kỳ bốn nguyện như thử, cố hoạch tu ký*” (Bốn nguyện của người ấy như thế, cho nên nay được thọ ký như vậy). Hai duyên ấy chính là vì Thế Giới Tất Đàn mà được thọ ký (loại đầu là so sánh giữa căn cơ và ứng hiện; loại thứ hai chỉ xét theo căn cơ của chúng sanh).

- Lại nữa, Nhị Thừa nghe kinh, đổi Tiểu pháp, tiến nhập Đại pháp, viên nhân đã trọn, nhân ắt chuốc quả. Vì thế, Như Lai thọ ký. Lại nữa, đại chúng khi ấy đều biết, phát nguyện vì sanh thân, Pháp Thân, nội ngoại quyến thuộc, hoặc nguyện chỉ sanh về cõi ấy hòng lợi ích chúng sanh. Hai loại này chính là do Vị Nhân Tất Đàn mà thọ ký (một là tự mình sanh điều lành cho chính mình, hai là có thể sanh điều thiện cho người khác).

- Lại nữa, thọ ký cho Nhị Thừa, nhằm phá trừ [ý niệm] muốn thoái Đại nhập Tiểu của Bồ Tát. Vì sao? Nếu chắc chắn có Nhị Thừa, sẽ có thể lui sụt thành Tiểu Thừa. Nếu chẳng nhất định có Nhị Thừa, sao có thể lui sụt cho được? (Một là phá điều ác “muốn lui sụt thành Tiểu Thừa”). Lại còn phá ý niệm muốn phát tâm Nhị Thừa. Các vị ấy đã xả sở chứng, sao ta còn giữ lấy? (Điều thứ hai là phá điều ác “muốn phát tâm Tiểu Thừa”). Lại còn phá trừ những kẻ chưa thay đổi ý nguyện [hành trì] Tiểu Thừa, tức là thay đổi Tiểu pháp (điều thứ ba là “thẳng thẳng phá điều ác Tiểu Thừa”). Lại còn đối với người sắp chứng Tiểu quả, khiến cho chẳng chứng (điều thứ tư là phá điều ác “muốn chứng Tiểu quả”). Bốn loại ấy chính là do Đối Trị Tất Đàn mà thọ ký.

- Lại nữa, vô sanh hiện tiền, ắt do đã hiểu Thật, mở mang tri kiến của Phật chẳng sai lầm. Vì thế, bèn thọ ký. Lại nữa, hết thấy chúng sanh chỉ có chánh nhân, chẳng có duyên nhân. Nay Tiểu Thừa nghe kinh tín giải, duyên nhân và chánh nhân đều trọn đủ, mở mang tri kiến của Phật,

cho nên được thọ ký. Hai loại này chính là vì Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn mà thọ ký.

Bốn loại thọ ký ấy đã thâm nhiếp trọn hết thảy các thứ thọ ký. Hạng trung căn nghe “*khai tam, hiển nhất*” trong hai châu Pháp Thuyết và Thí Thuyết, bèn lãnh ngộ, thấu hiểu trọn đủ, [được nghe] Như Lai trần thuật sự thành tựu, tuy tự biết chính mình sẽ thành Phật, nhưng chưa hiểu rõ thời và sự, nếu được lời thành thật của Phật thọ ký họ sẽ đắc cái quả ấy, kiếp số và quốc độ quyết định, hiểu rành rẽ [thời gian thành Phật] gần hay xa, họ sẽ hoan hỷ to lớn. Nay do được đức Phật thọ ký mà đặt tên [cho phẩm kinh này]; vì thế gọi là phẩm Thọ Ký.

Lại luận định chung thì ghi nhớ chuyện trong cả mười pháp giới đều gọi là “*thọ ký*”. Nay chỉ thọ ký thành Phật. Lại nữa, Phật trong tứ giáo đều có thọ ký; nhưng nay chỉ nói về Viên Giáo. Lại còn có thọ ký cho Pháp Thân và Ứng Thân, nay chỉ nói đến Ứng Thân. Xét theo Bốn Tích, các vị đại đệ tử đã được thọ ký từ lâu, nay nơi Tích thị hiện được thọ ký lần đầu, nhằm dẫn khởi người thực hành quán tâm sẽ có thể quán “*tâm tánh chính là Không, Giả, Trung*”, liền được chư Phật thọ ký, và cũng có thể thọ ký cho hết thảy giống như ngài Thường Bất Khinh.

6.1. Thí Thuyết Châu, truyền trao thọ ký

6.1.1. Thọ ký cho bậc trung căn

6.1.1.1. Thọ ký cho ngài Đại Ca Diếp

6.1.1.1.1. Trường Hàng

6.1.1.1.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị kệ dĩ, cáo chư đại chúng, xướng như thị ngôn: - Ngã thử đệ tử Ma Ha Ca Diếp, ư vị lai thế, đương đắc phụng cận tam bách vạn ức chư Phật Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, quảng tuyên chư Phật vô lượng Đại pháp.

(經)爾時，世尊說是偈已，告諸大眾，唱如是言：

「我此弟子摩訶迦葉，於未來世，當得奉觀三百萬億諸佛世尊，供養，恭敬，尊重，讚歎，廣宣諸佛無量大法。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo các đại chúng, xướng lời như thế này: - Đệ tử Ma Ha Ca Diếp này của ta trong đời vị lai, sẽ được phụng sự, thân cận ba trăm vạn ức chư Phật Thế Tôn,

cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, rộng tuyên vô lượng Đại pháp của chư Phật).

Xét ra, khi đức Thế Tôn đã nhập diệt, ngài Ca Diếp liền bạch với đại chúng: “*Như Lai xá-lợi phi ngã đẳng sự. Ngã đẳng sự giả, nghi ưng kết tập pháp tạng, vật linh chánh pháp tốc diệt*” (Xá-lợi của Như Lai chẳng phải là chuyện của chúng ta. Chuyện của chúng ta là hãy nên kết tập pháp tạng, đừng để chánh pháp nhanh chóng bị diệt mất). Đây là chứng cứ rõ ràng về sự tuyên dương rộng lớn Đại pháp. Ngài truyền tâm ấn của Phật, làm Sơ Tổ của cội Tây Trúc. Khổ tâm đường ấy, lại thân cận chừng ấy chư Phật rồi mới thị hiện thành Phật. Người thời nay vừa mới đạt được ánh sáng nho nhỏ liền muốn quở Phật, chửi Tổ! Buồn thay! Sầu thay!

6.1.1.1.2. Đắc quả

(Kinh) U' tối hậu thân, đắc thành vi Phật, danh viết Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於最後身，得成為佛，名曰光明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng, được thành Phật quả, tên là Quang Minh (Raśmiprabhāsa) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Nơi nhân, thân thường là khối quang minh tử kim viên mãn, quả hiệu (danh hiệu khi đắc quả) là Quang Minh Như Lai, lại còn truyền trì Đại pháp chiếu khắp hết thảy. Vì thế, hiệu là Quang Minh.

6.1.1.1.3. Kiếp số và tên quốc độ

(Kinh) Quốc danh Quang Đức, kiếp danh Đại Trang Nghiêm.

(經)國名光德，劫名大莊嚴。

(Kinh: Tên nước là Quang Đức (Avabhāsaprāpta), kiếp tên là Đại Trang Nghiêm - Mahāvīyha).

6.1.1.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(經)佛壽十二小劫。

(Kinh: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp [trụ thế] bao lâu

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp).

6.1.1.1.6. Quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Quốc giới nghiêm sức, vô chư uế ác, ngỗ lịch, kinh cửc, tiện lợi bất tịnh. Kỳ độ bình chánh, vô hữu cao hạ, khanh khảm đôi phụ, lưu ly vi địa, bảo thụ hàng liệt, hoàng kim vi thắng, dĩ giới đạo trắc. Tán chư bảo hoa, châu biến thanh tịnh. Kỳ quốc Bồ Tát, vô lượng thiên ức, chư Thanh Văn chúng, diệt phục vô số. Vô hữu ma sự. Tuy hữu ma, cập ma dân, giai hộ Phật pháp.

(經)國界嚴飾，無諸穢惡，瓦礫，荊棘，便利不淨。

其土平正，無有高下，坑坎堆阜，琉璃為地，寶樹行列，黃金為繩，以界道側。散諸寶華，周徧清淨。其國菩薩，無量千億，諸聲聞眾，亦復無數。無有魔事。雖有魔及魔民，皆護佛法」。

(Kinh: Cõi nước được tô điểm trang nghiêm, không có các thứ như ác, ngói, sỏi, gai góc, các thứ bài tiết chẳng sạch. Cõi ấy bằng phẳng, chẳng có cao, thấp, hầm hố, gò, đống. Lưu ly làm đất, cây báu bày hàng, vàng ròng làm dây để ngăn ranh giới bên đường. Rải các hoa báu, trồn khắp thanh tịnh. Bồ Tát trong cõi ấy vô lượng ngàn ức, các vị Thanh Văn cũng là vô số. Chẳng có ma sự. Tuy có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp).

Trong lúc tu nhân, thâm tâm hộ trì chánh pháp. Vì thế, cảm vời cõi nước thanh tịnh, chẳng có ma sự. Những điều khác dễ hiểu.

Phần thứ nhất, văn Trường Hàng đã xong.

6.1.1.1.2. Trùng tụng

6.1.1.1.2.1. Trùng tụng “do hành nhân mà đạt được quả”

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Cáo chư tỳ-kheo, ngã dĩ Phật nhãn, kiến thị Ca Diếp, ư vị lai thế, quá vô số kiếp, đương đắc tác Phật, nhi ư lai thế, cúng dường phụng cận, tam bách vạn ức, chư Phật Thế Tôn, vị Phật trí huệ, tịnh tu phạm hạnh, cúng dường tối thượng, Nhị Túc Tôn dĩ, tu tập nhất thiết, vô thượng chi huệ, ư tối hậu thân, đắc thành vi Phật.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「告諸比丘，我以佛眼，見是迦葉，於未來世，過無數劫，當得作佛，而於來世，供養奉觀，三百萬億，諸佛世尊，為佛智慧，淨修梵行，供養最上，二足尊已，修習一切，無上之慧，於最後身，得成為佛。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Bảo với các tỳ-kheo, ta nay dùng Phật nhãn, thấy ông Ca Diếp này, ở trong đời vị lai, trải qua vô số kiếp, sẽ được thành Phật quả, mà trong đời vị lai, cúng, phụng sự, thân cận, tới ba trăm vạn ức, các vị Phật Thế Tôn, vì trí huệ của Phật, mà tịnh tu phạm hạnh, cúng dường đáng tối thượng, trồn đủ phước lẫn huệ, và tu tập hết thấy, trí huệ tột vô thượng, ở nơi thân cuối cùng, được thành tựu làm Phật).

6.1.1.1.2.2. Trùng tụng cõi nước thanh tịnh

(Kinh) Kỳ độ thanh tịnh, lưu ly vi địa, đa chư bảo thụ, hàng liệt đạo trắc, kim thẳng giới đạo, kiến giả hoan hỷ. Thường xuất hảo hương, tán chúng danh hoa, chủng chủng kỳ diệu, dĩ vi trang nghiêm. Kỳ địa bình chánh, vô hữu khâu khanh. Chư Bồ Tát chúng, bất khả xưng kể. Kỳ tâm điều nhu, đãi đại thần thông, phụng trì chư Phật, Đại Thừa kinh điển. Chư Thanh Văn chúng, vô lậu hậu thân, pháp vương chi tử, diệc bất khả kể. Nãi dĩ thiên nhân, bất năng số tri.

(經)其土清淨，琉璃為地，多諸寶樹，行列道側，金繩界道，見者歡喜。常出好香，散眾名華，種種奇妙，以為莊嚴。其地平正，無有丘坑。諸菩薩眾，不可稱計。其心調柔，逮大神通，奉持諸佛，大乘經典。諸聲聞眾，無漏後身，法王之子，亦不可計。乃以天眼，不能數知。

(Kinh: Cõi nước ấy thanh tịnh, lưu ly dùng làm đất, có nhiều cây quý báu, xếp dọc theo bên đường, dùng dây vàng ngăn lối, người trông thấy hoan hỷ. Cây thường tỏa hương thơm, rải các thứ hoa quý, cùng các thứ kỳ diệu, được dùng để trang nghiêm. Cõi ấy đất bằng phẳng, chẳng có gò, hầm hố. Có các vị Bồ Tát, chẳng thể tính kể được. Tâm điều phục, nhu thuận, đều đắc thần thông lớn, phụng trì các vị Phật, và kinh điển Đại Thừa. Các vị Thanh Văn chúng, thân cuối cùng vô lậu, là con đáng pháp vương, cũng chẳng thể tính đếm. Dẫu cho dùng thiên nhân, chẳng thể đếm biết được).

6.1.1.1.2.3. Trùng tụng thọ mạng của Phật

(Kinh) Kỳ Phật đương thọ, thập nhị tiểu kiếp.

(經)其佛當壽，十二小劫。

(Kinh: Vị Phật ấy sẽ thọ, tới mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.1.2.4. Trùng tụng Chánh Pháp và Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế, nhị thập tiểu kiếp. Tượng Pháp diệc trụ, nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世，二十小劫。像法亦住，二十小劫。

(Kinh: Chánh Pháp sẽ trụ thế, đến hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ thế, tới hai mươi tiểu kiếp).

6.1.1.1.2.5. Tổng kết, lược đi không trùng tụng tên kiếp và tên quốc độ

(Kinh) Quang Minh Thế Tôn, kỳ sự như thị.

(經)光明世尊，其事如是」。

(Kinh: Đức Quang Minh Thế Tôn, chuyện là như thế đó).

Phần thứ nhất, thọ ký cho ngài Đại Ca Diếp đã xong.

6.1.1.2. Thọ ký cho ba vị còn lại

6.1.1.2.1. Thỉnh cầu thọ ký

6.1.1.2.1.1. Chánh thức thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên đảnh, giai tất tưng lật²⁵⁶, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tạm xả, tức cộng đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại hùng mãnh Thế Tôn, chư Thích chi pháp vương, ai mãn ngã đẳng cố, nhi tứ Phật âm thanh.

(經)爾時，大目犍連、須菩提、摩訶迦旃延等，皆悉悚慄，一心合掌，瞻仰尊顏，目不暫捨，即共同聲，而說偈言：「大雄猛世尊，諸釋之法王，哀愍我等故，而賜佛音聲。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên v.v... thấy đều run sợ, một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tạm rời, liền cùng nhau lên tiếng mà nói kệ rằng: - Thế

²⁵⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tưng Lật là tướng mạo kinh sợ, hoảng hốt. Ba vị này tự cho rằng mình đã hiểu Đại Thừa, nhưng chưa được thọ ký, rất sợ mình chưa hiểu mà nói là đã hiểu, dọa vào tăng thượng mạn. Vì thế, run sợ bất an”.

Tôn đại hùng mãnh, pháp vương các Thích tử²⁵⁷, do thương xót chúng con, ban âm thanh của Phật).

“Tùng lật” (Run sợ): Đổi từ Tiểu pháp, tiến nhập Đại pháp, khác nào thay da đổi xương. Đúng là một phen cảnh giới trời đất xoay chuyển!

6.1.1.2.1.2. Lập thí dụ

(Kinh) Nhược tri ngã thâm tâm, kiến vị thọ ký giả, như dĩ cam lộ sái, trừ nhiệt đắc thanh lương. Như tùng cơ quốc lai, hốt ngộ đại vương thiện, tâm do hoài nghi cụ, vị cảm tức tiện thực. Nhược phục đắc vương giáo, nhiên hậu nãi cảm thực.

(經)若知我深心，見為授記者，如以甘露灑，除熱得清涼。如從饑國來，忽遇大王膳，心猶懷疑懼，未敢即便食。若復得王教，然後乃敢食。

(Kinh: Nếu biết thâm tâm con, xin hãy thọ ký cho, như dùng cam lộ rưới, trừ nóng, được mát mẻ. Như từ nước đói tới, bỗng gặp cỗ đại vương, vẫn ôm lòng nghi sợ, bèn chưa dám ăn ngay. Nếu lại được vua truyền, sau đó mới dám ăn).

6.1.1.2.1.3. Đối ứng với pháp

(Kinh) Ngã đẳng diệc như thị, mỗi duy Tiểu Thừa quá, bất tri đương vân hà, đắc Phật vô thượng huệ. Tuy văn Phật âm thanh, ngôn ngã đẳng tác Phật, tâm thượng hoài nghi cụ, như vị cảm tiện thực, nhược mông Phật thọ ký, nhĩ nãi khoái an lạc.

(經)我等亦如是，每惟小乘過，不知當云何，得佛無上慧。雖聞佛音聲，言我等作佛，心尚懷憂懼，如未敢便食，若蒙佛授記，爾乃快安樂。

²⁵⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong những người họ Thích, chỉ riêng đức Phật là pháp vương, cho nên nói [Phật] là chư Thích chi pháp vương”.

(Kinh: Chúng con cũng như thế, thường nghĩ lỗi Tiểu Thừa, chẳng biết như thế nào, đắc Phật vô thượng huệ. Tuy nghe tiếng của Phật, nói chúng con thành Phật, vẫn ôm lòng lo sợ, như chưa dám ăn ngay, nếu được Phật thọ ký, mới vui sướng, an lạc).

6.1.1.2.1.4. Kết lại lời thỉnh

(Kinh) Đại hùng mãnh Thế Tôn, thường dục an thế gian, nguyện tứ ngã đẳng ký, như cơ tu giáo thực.

**(經)大雄猛世尊，常欲安世間，願賜我等記，如饑須
教食」。**

(Kinh: Thế Tôn đại hùng mãnh, thường muốn yên thế gian, xin thọ ký cho con, như đói cần bảo ăn).

Phần thứ nhất, “thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

6.1.1.2.2. Thọ ký

6.1.1.2.2.1. Thọ ký cho Tu Bồ Đề

6.1.1.2.2.1.1. Trường Hàng

6.1.1.2.2.1.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư đại đệ tử tâm chi sở niệm, cáo chư tỳ-kheo: - Thị Tu Bồ Đề, ư đương lai thế, phụng cận tam bách vạn ức na-do-tha Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, thường tu phạm hạnh, cụ Bồ Tát đạo.

**(經)爾時，世尊知諸大弟子心之所念，告諸比丘：
「是須菩提，於當來世，奉觀三百萬億那由他佛，供養，
恭敬，尊重，讚歎，常修梵行，具菩薩道。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết những điều suy nghĩ trong tâm của các vị đại đệ tử, bảo các tỳ-kheo: - Ông Tu Bồ Đề này trong đời tương lai, sẽ phụng sự, thân cận ba trăm vạn ức na-do-tha Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, thường tu phạm hạnh, trọn đủ Bồ Tát đạo).

6.1.1.2.2.1.1.2. **Đắc quả**

(Kinh) Ư tối hậu thân, đắc thành vi Phật, hiệu viết Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於最後身，得成為佛，號曰名相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng, được trở thành Phật, hiệu là Danh Tướng (Yaśasketu)²⁵⁸ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Nay tên là Không Sanh, đắc quả thì có hiệu là Danh Tướng. Danh tướng vốn là Không, Không thì sẽ trọn đủ hết thấy danh tướng, chẳng giống như khi thị hiện dấu tích quán Không trong nhà đá, chỉ ngộ lý Thiên Không.

6.1.1.2.2.1.1.3. **Tên kiếp và quốc độ trang nghiêm**

(Kinh) Kiếp danh Hữu Bảo, quốc danh Bảo Sanh. Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, vô chư khâu, khanh, sa, lịch, kinh cức, tiện lợi chi uế. Bảo hoa phú địa, châu biến thanh tịnh. Kỳ độ nhân dân, giai xử bảo đài, trân diệu lâu các. Thanh Văn đệ tử vô lượng vô biên, toán số, thí dụ sở bất năng tri. Chư Bồ Tát chúng, vô số thiên vạn ức na-do-tha.

(經)劫名有寶，國名寶生。其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，無諸丘，坑，沙，礫，荊棘，便利之穢。寶華覆地，周徧清淨。其土人民，皆處寶臺，珍妙樓閣。聲聞弟

²⁵⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài Tu Bồ Đề giải Không đệ nhất, liễu đạt hết thấy các pháp trọn chẳng phải là thật sự có, chỉ là tướng giả danh. Vì thế, Ngài thành Phật, lập hiệu là Danh Tướng”.

子無量無邊，算數，譬喻所不能知。諸菩薩眾，無數千萬億那由他。

(*Kinh*: Kiếp tên là Hữu Bảo (Ratnāvabhāsa), nước tên là Bảo Sanh (Ratnasambhava). Cõi ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, không có các gò, hầm, cát, sỏi, gai góc, các chất bài tiết như uế. Hoa báu phủ đất, trợn khắp thanh tịnh. Nhân dân trong cõi ấy đều ở trên đài báu, lâu, gác quý đẹp. Đệ tử Thanh Văn vô lượng, vô biên, [dùng] toán số, thí dụ [để tính kể] đều chẳng thể biết [được số lượng]. Các vị Bồ Tát vô số ngàn vạn ức na-do-tha).

6.1.1.2.2.1.1.4. Thọ mạng

(*Kinh*) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(*經*)佛壽十二小劫。

(*Kinh*: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.1.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(*Kinh*) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Kỳ Phật thường xử hư không, vị chúng thuyết pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫。其佛常處虛空，為眾說法，度脫無量菩薩，及聲聞眾」。

(*Kinh*: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Vị Phật ấy thường ở trên hư không, vì đại chúng thuyết pháp, độ thoát vô lượng Bồ Tát và đại chúng Thanh Văn).

Thường ở trên hư không, biểu thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Không.

Phân Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.1.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.1.2.1. Răn hãy nghe

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo chúng, kim cáo nhữ đẳng, giai đương nhất tâm, thính ngã sở thuyết.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘眾，今告汝等，皆當一心，聽我所說。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay các thầy tỳ-kheo, nay ta bảo các vị, hãy đều nên nhất tâm, nghe lời ta sẽ nói).

6.1.1.2.2.1.2.2. Trùng tụng hạnh nhân, đắc quả

(Kinh) Ngã đại đệ tử, Tu Bồ Đề giả, đương đắc tác Phật, hiệu viết Danh Tướng, đương cúng vô số, vạn ức chư Phật, tùy Phật sở hành, tiếm cụ đại đạo, tối hậu thân đắc, tam thập nhị tướng, đoan chánh xu diệu, do như bảo sơn.

(經)我大弟子，須菩提者，當得作佛，號曰名相，當供無數，萬億諸佛，隨佛所行，漸具大道，最後身得，三十二相，端正殊妙，猶如寶山。

(Kinh: Đại đệ tử của ta, là ông Tu Bồ Đề, sẽ được thành Phật quả, danh hiệu là Danh Tướng, sẽ cúng dường vô số, vạn ức các vị Phật, hành theo hạnh của Phật, dần dần trọn đại đạo, thân cuối cùng đạt được, đủ ba mươi hai tướng, đoan chánh đẹp nhiệm mầu, giống như tòa núi báu).

6.1.1.2.2.1.2.3. Trùng tụng quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Kỳ Phật quốc độ, nghiêm tịnh đệ nhất, chúng sanh kiến giả, vô bất ái nhạo. Phật ư kỳ trung, độ vô lượng chúng. Kỳ Phật pháp trung, đa chư Bồ Tát, giai tất lợi căn, chuyển bất thoái luân. Bỉ quốc thường dĩ, Bồ Tát trang nghiêm. Chư Thanh Văn chúng, bất khả xưng số, giai đắc Tam Minh, cụ lực thần thông, trụ bát giải thoát, hữu đại oai đức. Kỳ Phật thuyết pháp, hiện ư vô lượng, thần thông biến hóa, bất khả tư nghị, chư thiên nhân dân, số như Hằng sa, giai cộng hiệp chưởng, thính thọ Phật ngữ.

(經)其佛國土，嚴淨第一，眾生見者，無不愛樂。佛於其中，度無量眾。其佛法中，多諸菩薩，皆悉利根，轉不退輪。彼國常以，菩薩莊嚴。諸聲聞眾，不可稱數，皆得三明，具六神通，住八解脫，有大威德。其佛說法，現於無量，神通變化，不可思議，諸天人民，數如恆沙，皆共合掌，聽受佛語。

(Kinh: Cõi nước đức Phật ấy, trang nghiêm, thanh tịnh nhất, chúng sanh được trông thấy, không ai chẳng yêu thích. Phật ở trong cõi ấy, hóa độ vô lượng chúng. Trong Phật pháp của Ngài, có nhiều vị Bồ Tát, thấy đều là lợi căn, chuyển pháp luân bất thoái. Quốc độ ấy thường dùng, Bồ Tát để trang nghiêm. Các đệ tử Thanh Văn, chẳng thể tính kể được, đều đạt được Tam Minh, trọn đủ sáu thần thông, trụ trong tám giải thoát, đều có oai đức lớn. Đức Phật ấy thuyết pháp, hóa hiện ra vô lượng, các thần thông biến hóa, đều chẳng thể nghĩ bàn. Chư thiên và nhân dân, số như cát sông Hằng, đều cùng nhau chấp tay, nghe nhận lời Phật dạy).

6.1.1.2.2.1.2.4. Trùng tụng thọ mạng

(Kinh) Kỳ Phật đương thọ, thập nhị tiểu kiếp.

(經)其佛當壽，十二小劫。

(Kinh: Vị Phật ấy sẽ thọ, đúng mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.1.2.5. Trùng tụng Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh pháp trụ thế, nhị thập tiểu kiếp. Tượng Pháp diệt trụ, nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世，二十小劫。像法亦住，二十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ trong đời, suốt hai mươi tiểu kiếp. Tượng Pháp cũng trụ thế, cả hai mươi tiểu kiếp).

Phần thứ nhất, thọ ký cho Tu Bồ Đề đã xong.

6.1.1.2.2.2. Thọ ký cho Ca Chiên Diên

6.1.1.2.2.2.1. Trường Hàng

6.1.1.2.2.2.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo chư tỳ-kheo chúng: - Ngã kim ngữ nhữ, thị Đại Ca Chiên Diên, ư đương lai thế, dĩ chư cúng cụ, cúng dường, phụng sự bát thiên ức Phật, cung kính tôn trọng. Chư Phật diệt hậu, các khởi tháp miếu, cao thiên do-tuần. Tung quảng chánh đẳng, ngũ bách do-tuần. Dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, thất bảo hợp thành, chúng hoa, anh lạc, đồ hương, mật hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, cúng dường tháp miếu. Quá thị dĩ hậu, đương phục cúng dường nhị vạn ức Phật, diệc phục như thị. Cúng dường thị chư Phật dĩ, cụ Bồ Tát đạo.

(經)爾時，世尊復告諸比丘眾：「我今語汝，是大迦旃延，於當來世，以諸供具，供養，奉事八千億佛，恭敬尊重。諸佛滅後，各起塔廟，高千由旬。縱廣正等，五百由旬。以金，銀，琉璃，硨磲，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，眾華，瓔珞，塗香，末香，燒香，繒蓋，幢幡，供養塔廟，過是已後，當復供養二萬億佛，亦復如是。供養是諸佛已，具菩薩道。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các vị tỳ-kheo: - Ta nay bảo các ông, ông Đại Ca Chiên Diên này trong đời tương lai, dùng các vật cúng để cúng dường, phụng sự tám ngàn ức Phật, cung kính, tôn trọng. Sau khi chư Phật diệt độ, đều dựng tháp miếu, cao một ngàn do-tuần, ngang dọc [mỗi bề] vừa đúng năm trăm do-tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, bảy báu hợp thành, các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương bôi, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng phan để cúng dường tháp miếu. Từ đó về sau, sẽ lại cúng dường hai vạn ức Phật, cũng giống như thế. Cúng dường các đức Phật ấy xong, trọn đủ Bồ Tát đạo).

6.1.1.2.2.2.1.2. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc tác Phật, hiệu viết Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得作佛，號曰閻浮那提金光如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được làm Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang (Jāmbūnadābhāsa)²⁵⁹ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

6.1.1.2.2.1.3. Quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, hoàng kim vi thăng, dĩ giới đạo trục, diệu hoa phú địa, châu biến thanh tịnh, kiến giả hoan hỷ. Vô tứ ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La đạo. Đa hữu thiên nhân, chư Thanh Văn chúng, cập chư Bồ Tát, vô lượng vạn ức trang nghiêm kỳ quốc.

(經)其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，黃金為繩，以界道側，妙華覆地，周徧清淨，見者歡喜。無四惡道，地獄，餓鬼，畜生，阿修羅道。多有天人，諸聲聞眾，及諸菩薩，無量萬億莊嚴其國。

(Kinh: Cõi ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để ngăn lối bên đường. Hoa nhiệm màu phủ đất, trổ khắp thanh tịnh, người trông thấy hoan hỷ. Chẳng có bốn ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La đạo. Có nhiều trời, người, các vị Thanh Văn, và các vị Bồ Tát vô lượng vạn ức trang nghiêm cõi đó).

²⁵⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Diêm Phù là tên cây, Na Đề là sông. Dưới gốc cây Diêm Phù có sông, gọi là Diêm Phù Na Đề. Trong sông sanh ra vàng, sắc vàng bất biến, ví như Phật Tánh. Kim quang tối thắng, ví như Phật trí. Vì thế, Phật có hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang”.

6.1.1.2.2.2.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ thập nhị tiểu kiếp.

(經)佛壽十二小劫。

(Kinh: Phật thọ mười hai tiểu kiếp).

6.1.1.2.2.2.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế nhị thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ nhị thập tiểu kiếp.

(經)正法住世二十小劫，像法亦住二十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế hai mươi tiểu kiếp).

Phản Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.2.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.2.2.1. Khuyên răn lắng nghe

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo chúng, giai nhất tâm thính, như ngã sở thuyết, chân thật vô dị.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘眾，皆一心聽，如我所說，真實無異。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay các vị tỳ-kheo, đều nên nhất tâm nghe, như lời ta đã nói, chân thật, chẳng khác lạ).

6.1.1.2.2.2.2.2. Trùng tụng hạnh nhân

(Kinh) Thị Ca Chiên Diên, đương dĩ chủng chủng, diệu hảo cúng cụ, cúng dường chư Phật. Chư Phật diệt hậu, khởi thất bảo tháp, diệt dĩ hoa hương, cúng dường xá-lợi.

(經)是迦旃延，當以種種，妙好供具，供養諸佛。諸佛滅後，起七寶塔，亦以華香，供養舍利。

(Kinh: Ông Ca Chiên Diên này, sẽ dùng đủ các loại, vật cúng dường quý đẹp, để cúng dường chư Phật. Chư Phật nhập diệt rồi, sẽ dựng tháp bảy báu, cũng lại dùng hoa, hương, để cúng dường xá-lợi).

6.1.1.2.2.2.3. Trùng tụng đắc quả

(Kinh) Kỳ tối hậu thân, đắc Phật trí huệ, thành Đẳng Chánh Giác.

(經)其最後身，得佛智慧，成等正覺。

(Kinh: Nơi thân cuối cùng ấy, sẽ đắc trí huệ Phật, trở thành Đẳng Chánh Giác).

6.1.1.2.2.2.4. Trùng tụng quốc độ, lược đi không trùng tụng thọ mạng, Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Quốc độ thanh tịnh, độ thoát vô lượng, vạn ức chúng sanh, giai vi thập phương, chỉ sở cúng dường. Phật chỉ quang minh, vô năng thắng giả. Kỳ Phật hiệu viết, Diêm Phù Kim Quang, Bồ Tát, Thanh Văn, đoạn nhất thiết hữu, vô lượng, vô số, trang nghiêm kỳ quốc.

(經)國土清淨，度脫無量，萬億眾生，皆為十方，之所供養。佛之光明，無能勝者。其佛號曰，閻浮金光，菩薩聲聞，斷一切有，無量無數，莊嚴其國」。

(Kinh: Cõi nước ấy thanh tịnh, Phật độ thoát vô lượng, vạn ức các chúng sanh, được mười phương cúng dường. Quang minh của Phật ấy, không ai hơn được nổi. Danh hiệu của Phật ấy, là Diêm Phù Kim Quang, Bồ Tát và Thanh Văn, đoạn trừ hết tất hữu, vô lượng, nhiều vô số, để trang nghiêm cõi ấy).

Phần thứ hai, thọ ký cho ngài Ca Chiên Diên đã xong.

6.1.1.2.2.3. Thọ ký ngài Mục Kiền Liên

6.1.1.2.2.3.1. Trường hàng

6.1.1.2.2.3.1.1. Hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo đại chúng: - Ngã kim ngữ nhữ, thị Đại Mục Kiền Liên, đương dĩ chủng chủng cúng cụ, cúng dường bát thiên chư Phật, cung kính, tôn trọng. Chư Phật diệt hậu, các khởi tháp miếu, cao thiên do-tuần. Tung quảng chánh đẳng ngũ bách do-tuần. Dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, thất bảo hợp thành, chúng hoa, anh lạc, đồ hương, mật hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, dĩ dụng cúng dường. Quá thị dĩ hậu, đương phục cúng dường nhị bách vạn ức chư Phật, diệt phục như thị.

(經)爾時，世尊復告大眾：「我今語汝，是大目犍連，當以種種供具，供養八千諸佛，恭敬尊重。諸佛滅後，各起塔廟，高千由旬。縱廣正等五百由旬。以金，銀，琉璃，磑磑，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，眾華，瓔珞，塗香，末香，燒香，繒蓋，幢幡，以用供養。過是已後，當復供養二百萬億諸佛，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: - Ta nay bảo các vị, ông Đại Mục Kiền Liên đây sẽ dùng các thứ vật cúng để cúng dường tám ngàn vị Phật, cung kính, tôn trọng. Sau khi chư Phật diệt độ, đều dựng tháp miếu, cao một ngàn do-tuần. Ngang dọc mỗi bề đều vừa đúng năm trăm do-tuần. Dùng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khôi, bảy báu hợp thành, các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương bôi, hương bột, hương đốt, lọng lụa, tràng, phan, dùng để cúng dường. Sau đó trở đi, sẽ lại cúng dường hai trăm vạn ức chư Phật cũng giống như thế).

6.1.1.2.2.3.1.2. Đắc quả

(Kinh) Đương đắc thành Phật, hiệu viết Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiệt Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)當得成佛，號曰多摩羅跋旃檀香如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Sẽ được thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai (Tamālapatracandanagandha)²⁶⁰, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

6.1.1.2.2.3.1.3. Tên kiếp và quốc độ

(Kinh) Kiếp danh Hỷ Mãn, quốc danh Ý Lạc. Kỳ độ bình chánh, pha lê vi địa, bảo thụ trang nghiêm, tán chân châu hoa, châu biển thanh tịnh, kiến giả hoan hỷ, đa chư thiên nhân, Bồ Tát, Thanh Văn, kỳ số vô lượng.

(經)劫名喜滿，國名意樂。其土平正，玻瓈為地，寶樹莊嚴，散真珠華，周徧清淨，見者歡喜，多諸天人，菩薩聲聞，其數無量。

(Kinh: Kiếp tên là Hỷ Mãn (Ratiprapūrṇa), cõi nước tên Ý Lạc (Manobhirāma)²⁶¹. Cõi đất ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải các hoa bằng chân châu, trồn khắp thanh tịnh, người trông thấy hoan hỷ, có nhiều vị trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, số đến vô lượng).

6.1.1.2.2.3.1.4. Thọ mạng

(Kinh) Phật thọ nhị thập tứ tiểu kiếp.

(經)佛壽二十四小劫。

(Kinh: Phật thọ hai mươi bốn tiểu kiếp).

²⁶⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đa Ma La Bát được phương này dịch là Tánh Vô Cấu Hiền, chính là từ ngữ để hình dung phẩm đức của Chiên Đàn Hương, Phật Tánh vô cấu, diệu dụng như hương. Cùng nêu lên hai thứ Pháp và Dụ để lập danh hiệu”.

²⁶¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trong kiếp ấy được gặp Phật, nên gọi là Hỷ Mãn. Quốc độ thanh tịnh, nên gọi là Ý Lạc”.

6.1.1.2.2.3.1.5. Chánh Pháp, Tượng Pháp

(Kinh) Chánh Pháp trụ thế tứ thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt trụ tứ thập tiểu kiếp.

(經)正法住世四十小劫，像法亦住四十小劫」。

(Kinh: Chánh Pháp trụ thế bốn mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng trụ thế bốn mươi tiểu kiếp).

Phản Trường Hàng đã xong.

6.1.1.2.2.3.2. Trùng tụng

6.1.1.2.2.3.2.1. Trùng tụng hạnh nhân

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã thử đệ tử, Đại Mục Kiền Liên, xả thị thân dĩ, đắc kiến bát thiên, nhị bách vạn ức, chư Phật Thế Tôn. Vị Phật đạo cố, cúng dường, cung kính, ư chư Phật sở, thường tu phạm hạnh, ư vô lượng kiếp, phụng trì Phật pháp. Chư Phật diệt hậu, khởi thất bảo tháp, trường biểu kim sát²⁶², hoa, hương, kỹ nhạc, nhi dĩ cúng dường, chư Phật tháp miếu.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我此弟子，大目犍連，捨是身已，得見八千，二百萬億，諸佛世尊。為佛道故，供養恭敬，於諸佛所，常修梵行，於無量劫，奉持佛法。諸佛滅後，起七寶塔，長表金剎，華香伎樂，而以供養，諸佛塔廟。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa ấy, bèn nói kệ rằng: - Đệ tử này của ta, là Đại Mục Kiền Liên, xả tám thân này rồi, sẽ được thấy tám ngàn, và hai trăm vạn ức, các đức Phật Thế Tôn. Do vì đắc Phật đạo, bèn cúng dường, cung kính, ở nơi các đức Phật, thường tu

²⁶² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sát tức là tháp thờ Phật, cõi này (Trung Hoa) dịch là Thổ Điện, Quốc, hoặc Xứ. Tháp là nơi thờ phụng xá-lợi. Trên đỉnh tháp thường có trụ bằng vàng, cho nên tháp được gọi là Kim Sát. Tháp cao một ngàn do-tuần, biểu thị phẩm đức tốt cùng của Phật, nên gọi là trường biểu”.

tập phạm hạnh, trong suốt vô lượng kiếp, phụng trì pháp của Phật. Chư Phật diệt độ rồi, đều dựng tháp bảy báu, tháp vàng hiển chí đức, dùng hoa, hương, kỹ nhạc, để thực hiện cúng dường, tháp miếu của chư Phật).

“Sát” nói đầy đủ là Sát-ma (Ksamā), phương này dịch là Thổ Điền. Dùng trụ để biểu thị nơi tháp, hòng tỏ rõ chỗ cư trụ (ý nói: Chỗ có xá-lợi của Phật an trụ).

6.1.1.2.2.3.2.2. Trùng tụng đặc quả và tên của quốc độ

(Kinh) Tiệm tiệm cụ túc, Bồ Tát đạo dĩ, ư Ý Lạc quốc, nhi đắc tác Phật, hiệu Đa Ma La, Chiên Đàn chi Hương.

(經)漸漸具足，菩薩道已，於意樂國，而得作佛，號多摩羅，旃檀之香。

(Kinh: Sẽ dần dần trọn đủ, hành Bồ Tát đạo rồi, bên trong nước Ý Lạc, được thành tựu Phật quả, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Hương Phật).

6.1.1.2.2.3.2.3. Trùng tụng thọ mạng

(Kinh) Kỳ Phật thọ mạng, nhị thập tứ kiếp.

(經)其佛壽命，二十四劫。

(Kinh: Thọ mạng của Phật ấy, là hai mươi bốn kiếp).

6.1.1.2.2.3.2.4. Trùng tụng quốc độ thanh tịnh

(Kinh) Thường vị thiên nhân, diễn thuyết Phật đạo, Thanh Văn vô lượng, như Hằng hà sa, Tam Minh, lục thông, hữu đại oai đức. Bồ Tát vô số, chí cố tinh tấn, ư Phật trí huệ, giai bất thoái chuyển.

(經)常為天人，演說佛道，聲聞無量，如恆河沙，三明六通，有大威德。菩薩無數，志固精進，於佛智慧，皆不退轉。

(**Kinh:** Thường vì các trời, người, mà diễn nói Phật đạo, hàng Thanh Văn vô lượng, số như cát sông Hằng, đắc Tam Minh, lục thông, đều có oai đức lớn. Bồ Tát nhiều vô số, chí kiên cố tinh tấn, đối với trí huệ Phật, đều đắc bất thoái chuyển).

6.1.1.2.2.3.2.5. Trùng tụng Chánh Pháp, Tượng Pháp

(**Kinh**) **Phật diệt độ hậu, Chánh Pháp đương trụ, tứ thập tiểu kiếp, Tượng Pháp diệt nhĩ.**

(經)佛滅度後，正法當住，四十小劫，像法亦爾。

(**Kinh:** Sau khi Phật diệt độ, Chánh Pháp sẽ trụ thế, tới bốn mươi tiểu kiếp, Tượng Pháp cũng như vậy).

Phần thứ nhất, “thọ ký cho bậc trung căn” đã xong.

6.2. Hứa khả sẽ nói nhân duyên túc thế của hàng hạ căn

(**Kinh**) **Ngã chư đệ tử, oai đức cụ túc. Kỳ số ngũ bách, giai đương thọ ký, vị lai thế, hàm đắc thành Phật. Ngã cập nhữ đẳng, túc thế nhân duyên, ngô kim đương thuyết, nhữ đẳng thiện thính.**

(經)我諸弟子，威德具足。其數五百，皆當授記，於未來世，咸得成佛。我及汝等，宿世因緣，吾今當說，汝等善聽」。

(**Kinh:** Các đệ tử của ta, oai đức đã trọn đủ. Số lượng tới năm trăm, ta sẽ đều thọ ký: Họ trong đời vị lai, đều sẽ được thành Phật. Nhân duyên trong đời trước, của ta và các ông, ta nay sẽ nói ra, các ông hãy khéo nghe).

Hạ căn đã nghe Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu, lại thấy thượng căn và trung căn được thọ ký, sợ họ vẫn ngỡ vực chính mình chẳng được thọ ký, sanh lòng hổ thẹn sâu xa. Vì thế, sáu câu đầu là [đức Phật] hứa khả thọ ký chung. Bốn câu kế đó, hứa khả sẽ nói duyên trong đời trước, làm như thế để dẫn khởi họ tiến nhập.

Phần thứ hai, Thí Thuyết Châu đã xong. Giải thích phẩm Thọ Ký xong, kế đó, sẽ giải thích phẩm Hóa Thành Dụ.

7. Hóa Thành Dụ Phẩm Đệ Thất

化城喻品第七

Phẩm thứ bảy: Hóa Thành Dụ

“Hóa” là do thần lực tạo thành. Do bởi thần lực, đang là không bỗng có, bèn gọi là Hóa. Ngăn ngừa sai trái, chế ngự kẻ địch, thì gọi là Thành. Ví như Niết Bàn của Nhị Thừa (thành) do Quyền trí gây tạo (hóa). Do sức của Quyền trí, tuy là không mà nói là có. Dùng giáo là Hóa; ngăn ngừa, chế ngự Kiến Tư thì gọi là Niết Bàn, vừa mới nghỉ ngơi [noi Quyền], bèn dần nhập [tiến vào Thật] (Tam Tạng là mới vừa nghỉ ngơi; [giáo pháp thuộc] hai thứ tô (sanh tô và thực tô) [trong ngũ vị, tức Phương Đẳng và Bát Nhã] là dẫn khởi, Pháp Hoa là “nhập”). Chưa rốt ráo Thật, (do hóa) bèn nói là “*diệt độ*”. “*Thành*” là do Quyền giả lập bày, vì thế nói là “*hóa thành*” (cái thành được biến hóa ra). Chữ Dụ thì như đã giải thích trong phần trước. Đây là giải thích [tên phẩm] theo nhân duyên (Nếu nói theo căn cơ, là Không mà bỗng thấy. Thấy rồi sanh hoan hỷ, tức là Thế Giới Ích (Thế Giới Tất Đàn). Được dự vào địa vị “*tạm nghỉ*” tức là Vị Nhân Ích (Vị Nhân Tất Đàn). Ngăn ngừa sai trái, chế ngự kẻ địch, tức là Đối Trị Ích (Đối Trị Tất Đàn). Nói “*diệt độ*”, tức là Đệ Nhất Nghĩa Ích (Đệ Nhất Tất Đàn). Nếu nói theo sự ứng hóa, quyền biến lập ra cái thành ấy, tức là “*thế giới hóa*”. Sanh ra điều thiện nhỏ, chính là “*vị nhân hóa*”. Lại còn trừ bỏ Kiến Tư, tức là “*đối trị hóa*”. Rốt cuộc dẫn vào Đại Thừa, tức là “*Đệ Nhất Nghĩa hóa*”).

Xét theo giáo, Tam Tạng đối với Niết Bàn sanh ý tưởng an ổn, sanh ý tưởng diệt độ. Nhị Thừa trong Thông Giáo giống như [Nhị Thừa trong Tam Tạng]. Bồ Tát chẳng vậy! Thích Luận viết: “*Như cha đi qua chỗ hiểm nghèo, một chân đã bước vào thành, chân kia còn ở ngoài cửa. Do nhớ đến con, từ thành vào chỗ hiểm. Do thế nâng đỡ những kẻ còn tập khí thừa sót mà vào sanh tử, nhưng chẳng coi Không là chứng*”. Biệt Giáo chẳng nói “*thành như hóa*”. Dùng thành để phòng ngự nguy hiểm, từ cửa thành mà đi vượt qua, coi thành như phương tiện để đoạn Kiến Tư Hoặc, chẳng nói đó là tốt cùng! Viên Giáo biết chẳng có nhân tố gây bệnh (phiền não), cũng chẳng cần tới thành. Vì thế nói là “*hóa thành*”. Ở đây, nói theo ý nghĩa trong Viên Giáo. Vì thế, tựa đề của phẩm này là Hóa Thành Dụ Phẩm (Viên Giáo nói “*hóa*” thì trước đó đã bài xích, phủ định, chỉ nói là “*chẳng kham*”, cũng chưa từng nói “*Niết Bàn là hóa*”).

Vì thế, cho đến giáo pháp hiện thời (giáo pháp trong kinh Pháp Hoa), [hàng Thanh Văn] đầy động chấp trước, bèn khai Quyền mới nói là “*hóa*”. Cho đến khi hiển Thật, thì “*hóa*” trở thành chân, chính là “*chỗ có của báu*” (bảo sở). Vì thế biết: Tạng Giáo và Thông Giáo nói “*cùng cực, chẳng phải là hóa*”; Biệt Giáo thì “*chẳng phải cùng cực, chẳng phải là hóa*”. Viên Giáo thì “*chẳng phải cực là hóa*”, mà cũng có thể “*vừa là cực vừa là hóa*”, mà cũng có thể “*là cực, chẳng phải hóa*”, tuy có cùng cách nói với Tạng Giáo và Thông Giáo, nhưng ý nghĩa khác biệt. Nay nói theo ý trong Viên Giáo, cũng là do phá trừ sự so đo, cho nên nói là “*hóa*”. Nếu đã khai hiển, sẽ không gì chẳng phải là chân thật).

Xét theo Bốn Tích, nếu nói theo căn cơ thì phải nên nói: Bốn là trụ trong thành Tam Đức, Tích thì vào trong hóa thành. Nếu nói theo sự ứng hiện, sẽ là thị hiện dấu tích để thuyết pháp, hóa độ.

Xét theo quán tâm, quán “*các pháp sanh bởi nhân duyên chính là Không*” tức là “*nhập hóa thành*”. Nhân duyên chính là Giả, tức là “*xuất hóa thành*”. Nhân duyên tức Trung, chính là “*trở về chỗ có của báu*”. Lại nữa, quán Không tức là Trung, chính là hiểu rõ “*hóa mà chẳng phải là hóa, ngay nơi Quyền chính là Thật*”. Lại nữa, đối với hóa thành và bảo sở (chỗ có của báu), nếu luận định chung theo Lục Tức: Tâm tánh vốn là Không, chẳng lúc nào không phải là Không. Đó là Lý Túc hóa thành. Tâm tánh vốn là Trung, không lúc nào chẳng phải là Trung. Đó là Lý Túc bảo sở. Nghe lý tánh ấy, có thể sanh khởi tín giải. Đó là Danh Tự hóa thành và [Danh Tự] bảo sở. Chế phục trọn vẹn ngũ trụ, tức là Quán Hạnh hóa thành và [Quán Hạnh] bảo sở. Cho đến Cứu Cánh [hóa thành và bảo sở], cứ phỏng theo đó sẽ biết.

Hỏi: - Phẩm này nói về chuyện nhân duyên, hạ căn đặc ngộ, đáng lẽ phải gọi là phẩm Túc Thế chứ?

Đáp: - Phần đầu của phẩm này nói rộng về nhân duyên, đến phần cuối thì kết lại bằng thí dụ về hóa thành. Nếu xét theo phần đầu, [phẩm này] đáng nên gọi là Túc Thế (đời trước). Người kết tập kinh dựa theo phần sau, cho nên nói là Hóa Thành. Lại nữa, nổi nghi của bậc thượng căn mỏng ít, chỉ chọn lấy việc [đức Phật] tư duy hai mươi một ngày dưới cội Bồ Đề [sau khi thành đạo] để nêu rõ cơ duyên. Trung căn do nghi sâu dày, phải kèm thêm thí dụ, chọn lựa sâu xa vô thượng đạo do hai vạn ức vị Phật đã dạy để nói rõ cơ duyên. Hạ căn nghi hoặc càng dày hơn, vì thế phải nói rõ cơ duyên xa xôi từ đời trước. Nếu xét theo khởi đầu xa xôi thì gọi là Túc Thế. Nếu xét theo trung gian thì gọi là Hóa Thành. Nếu xét theo cái rốt ráo thì gọi là Bảo Sở (chỗ có của báu). Người kết tập

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

kinh đã xét theo trung gian để đặt tên cho phẩm này, hòng gộp chung ý nghĩa khởi đầu và sau rốt. Xét theo ý nghĩa thuận tiện ấy, cho nên nói là phẩm Hóa Thành Dụ (Kinh Chánh Pháp Hoa²⁶³ gọi phẩm này là phẩm Vãng Cổ (xa xưa); do vậy có sự vấn đáp này).

Hỏi: - Hóa thành là Quyền, bảo sở là Thật, vì lẽ nào mà bỏ Thật theo Quyền?

Đáp: - Do biết thành là hóa hiện, sẽ biết bảo sở là Thật. Vì thế, nêu ra “hóa” mà chẳng đánh mất Thật vậy!

**** Nhân Duyên Thuyết Châu***

Gồm hai phần:

- Nói thẳng vào nhân duyên.
- Thọ ký cho hạ căn.

Đối với hai ý lãnh giải (lãnh ngộ, tín giải) và thuật thành (trần thuật sự thành tựu), kinh vẫn có lúc nói trước hay sau bất định. Lại nữa, đối với sự lãnh giải thì hoặc thâm nghĩ, hoặc thốt ra lời khác nhau. Do kinh vẫn ít ỏi không đủ để chia thành từng phẩm riêng biệt, cho nên đều gom vào phần Thọ Ký.

7.1. Nêu ra nhân duyên

7.1.1. Trước hết, nói về sự thấy biết lâu xa

7.1.1.1. Trường Hàng

7.1.1.1.1. Nêu ra chuyện được thấy

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nãi vãng quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời, hữu Phật danh Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

²⁶³ Chánh Pháp Hoa chính là một bản dịch cổ nhất của kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Bản này do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn. Trong công cuộc dịch kinh này, ngài Trúc Pháp Hộ giảng nghĩa Phạn bản, ngài Nhiếp Thừa Viên chuyển sang tiếng Hán, các vị Trương Sĩ Minh, Trương Trọng Chánh làm bút thọ, các vị Trúc Lược, Bạch Nguyên Tín giảng đính. Kinh gồm hai mươi bảy phẩm, nội dung tương đồng với bản của ngài La Thập, nhưng có nhiều chi tiết sai biệt. Chẳng hạn như ghép phẩm Đề Bà Đạt Đa và Kiến Bảo Tháp thành một phẩm, gọi là Thất Bảo Tháp Phẩm, dịch toàn bộ chú ngữ sang tiếng Hán, dịch danh hiệu của ngài Quán Thế Âm là Quang Thế Âm (phẩm Phổ Môn thiếu phần kệ tụng) v.v... Do vậy, kinh này được coi là một tài liệu quan trọng để đối chiếu.

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kỳ quốc danh Hảo Thành, kiếp danh Đại Tướng. Chư tỳ-kheo! Bĩ Phật diệt độ dĩ lai, thậm đại cửu viễn.

(經)佛告諸比丘：「乃往過去無量無邊不可思議阿僧祇劫，爾時，有佛名大通智勝如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。其國名好城，劫名大相。諸比丘！彼佛滅度已來，甚大久遠。」

(Kinh: Đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: - Trong quá khứ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp trước, khi đó, có Phật tên là Đại Thông Trí Thắng (Mahābhijñāññānābhibhū)²⁶⁴ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi ấy tên là Hảo Thành (Susaṃbhavā), kiếp tên là Đại Tướng (Mahārūpa)²⁶⁵. Nay các tỳ-kheo! Vị Phật ấy kể từ khi diệt độ cho tới nay đã rất lâu xa).

7.1.1.1.2. Nêu ra thí dụ để chỉ rõ sự lâu xa

(Kinh) “Thí như tam thiên đại thiên thế giới sở hữu địa chủng, giả sử hữu nhân, ma dĩ vi mặc. Quá u Đông phương thiên quốc độ, nãi hạ nhất điểm, đại như vi trần. Hựu quá thiên quốc độ, phục hạ nhất điểm. Như thị triển chuyển, tận địa chủng mặc. Ư nhữ đẳng ý vân hà? Thị chư quốc độ, nhược toán sư, nhược toán sư đệ tử, năng đắc biên tế, tri kỳ số phủ?” “Bất dã, Thế Tôn”. “Chư tỳ-kheo! Thị nhân sở kinh quốc độ, nhược điểm, bất điểm, tận mạt vi trần, nhất trần, nhất kiếp, bĩ Phật diệt độ dĩ lai, phục quá thị số vô lượng vô biên bách thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp”.

²⁶⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thần thông của Phật diệu dụng không ngăn mé, do vậy gọi là Đại. Trí huệ của Phật rất ráo hiểu rõ; vì thế nói là Thắng. [Trí huệ ấy] Nhị Thừa lẫn Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng được. Do vậy gọi là Đại Thông Trí Thắng”.

²⁶⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Y báo trang nghiêm nên gọi là Hảo Thành; trụ kiếp lâu xa nên gọi là Đại Tướng”.

(經)譬如三千大千世界所有地種，假使有人，磨以為墨。過於東方千國土，乃下一點，大如微塵。又過千國土，復下一點。如是展轉，盡地種墨。於汝等意云何？是諸國土，若算師，若算師弟子，能得邊際，知其數不？」
「不也，世尊！」**「諸比丘！是人所經國土，若點，不點，盡抹為塵，一塵，一劫，彼佛滅度已來，復過是數無量無邊百千萬億阿僧祇劫。」**

(Kinh: “Vĩ như đối với tất cả địa chủng²⁶⁶ trong tam thiên đại thiên thế giới, giả sử có người đều mài thành mực, đi qua khỏi một ngàn quốc độ²⁶⁷ ở phương Đông mới chấm một điểm to bằng vi trần. Lại qua một ngàn quốc độ nữa, lại chấm một điểm. Cứ lần lượt như thế cho đến hết mực mài bằng địa chủng [trên đây]. Ý các ông nghĩ sao? Các quốc độ ấy dù là bậc thầy tính toán, hay đệ tử của bậc thầy tính toán có thể biết được chừng hạn, số lượng hay không?” “Bạch Thế Tôn! Không ạ”. “Này các tỳ-kheo! Các quốc độ người ấy đã đi qua, dù có chấm mực hay không, đều đem nghiền hết thành bụi, cứ một hạt bụi là một kiếp. Vĩ Phật ấy kể từ khi diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp”).

7.1.1.1.3. Kết lại bằng ý nghĩa “thấy chuyện xưa như ngay trong hiện tại”

(Kinh) Ngã dĩ Như Lai tri kiến lực cố, quán bỉ cửu viễn do nhược kim nhật.

(經)我以如來知見力故，觀彼久遠猶若今日」。

(Kinh: Ta do sức tri kiến của Như Lai, thấy chuyện lâu xa ấy giống như trong hiện thời).

²⁶⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Địa chủng là một loại trong Tứ Đại (địa, thủy, hỏa, phong), tánh nó kiên cố, cho nên gọi là Địa. Có thể sanh ra hết thảy các sắc pháp, nên gọi là Chủng”.

²⁶⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Một quốc độ là một tam thiên đại thiên thế giới”.

Đây là nêu rõ Tam Đạt²⁶⁸ của Như Lai thấu suốt thăm sâu. Dẫn chuyện quá khứ phân minh, chẳng hư dối; sau đó nói đến túc duyên. Hãy nên biết mười đời xưa nay, đích xác là từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại. Lìa khỏi một niệm tâm tánh hiện tại này, chẳng thể đạt được một pháp nào thật sự đến đi! Do vì vô minh mà hư vọng so đo đời đời, diệt mất.

Trong sự “dời đổi, diệt mất”, có nhớ, có quên. Đối với chuyện nhớ được thì có xa hay gần. Nhưng chuyện nhớ được dù xa hay gần, hoàn toàn là Tướng Phần được biến hiện bởi một niệm hiện tiền, chẳng phải là ngoài tâm riêng có một vật nào khác! Ngay như chúng ta nhớ lại chuyện thuộc mười năm, hai mươi năm trước, [chuyện ấy] cũng rành rành ở ngay trước mắt. Do vậy, có thể biết tâm tánh vốn theo chiều dọc thấu suốt ba đời, ba đời chẳng ra ngoài một niệm hiện tiền. Chỉ vì vô minh, chẳng thể thấy xa được! Phật đã đoạn sạch vô minh, tâm tánh rỗng rang, rạng ngời; vì thế, theo chiều dọc cùng tột ba đời từ đầu đến cuối, theo chiều ngang cùng tột ngàn mé của pháp giới, đều thấy biết rành rành, há đáng để khởi nghi?

Phần kinh văn Trường Hàng đã xong.

7.1.1.2. Trùng tụng

7.1.1.2.1. Trùng tụng chuyện đã thấy

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ thế, vô lượng vô biên kiếp, hữu Phật Lương Túc Tôn, danh Đại Thông Trí Thắng.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我念過去世，無量無邊劫，有佛兩足尊，名大通智勝。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ta nhớ đời quá khứ, vô lượng vô biên kiếp, có Phật Lương Túc Tôn, tên Đại Thông Trí Thắng).

7.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện nêu thí dụ về sự lâu xa

²⁶⁸ Theo Phật Học Đại Từ Điển của Đinh Phước Bảo, nơi La Hán thì gọi là Tam Minh, nơi Phật thì gọi là Tam Đạt, tức Thiên Nhân, Túc Mạng, và Lậu Tận. Do thấu đạt tột cùng rốt ráo, nên gọi là Tam Đạt.

(Kinh) Như nhân dĩ lực ma, tam thiên đại thiên thổ, tận thử chư địa chủng, giai tất dĩ vi mặc. Quá u thiên quốc độ, nãi hạ nhất trần điểm. Như thị triển chuyển điểm, tận thử chư trần mặc. Như thị chư quốc độ, điểm dữ bất điểm đẳng, phục tận mạt vi trần. Nhất trần vi nhất kiếp. Thử chư vi trần số, cộng kiếp phục quá thị. Bỉ Phật diệt độ lai, như thị vô lượng kiếp.

(經)如人以力磨，三千大千土，盡此諸地種，皆悉以為墨。過於千國土，乃下一塵點。如是展轉點，盡此諸塵墨。如是諸國土，點與不點等，復盡抹為塵。一塵為一劫。此諸微塵數，共劫復過是。彼佛滅度來，如是無量劫。

(Kinh: Như người dùng sức mài, đất tam thiên đại thiên, trọn hết địa chủng ấy, thấy đều mài thành mực. Qua khỏi ngàn quốc độ, bèn chấm một điểm bụi. Lăn lượt chấm như thế, hết sạch mực bụi ấy. Các quốc độ như thế, dù chấm hay không chấm, lại mài hết thành bụi. Mỗi bụi là một kiếp. Tổng số các kiếp kia, lại hơn số bụi ấy. Phật diệt độ đến nay, vô lượng kiếp như thế).

7.1.1.2.3. Trùng tụng “thấy chuyện xưa như trong hiện tại”

(Kinh) Như Lai vô ngại trí, tri bỉ Phật diệt độ, cập Thanh Văn, Bồ Tát, như kiến kim diệt độ. Chư tỳ-kheo đương tri: Phật trí tịnh vi diệu, vô lậu, vô sở ngại, thông đạt vô lượng kiếp.

(經)如來無礙智，知彼佛滅度，及聲聞菩薩，如見今滅度。諸比丘當知：佛智淨微妙，無漏無所礙，通達無量劫」。

(Kinh: Trí Như Lai vô ngại, biết Phật đó diệt độ, và Thanh Văn, Bồ Tát, thấy như hiện thời diệt. Các tỳ-kheo nên biết: Trí Phật sạch, vi diệu, vô lậu, chẳng ngăn ngại, thông đạt vô lượng kiếp).

Do “tức Không” nên Tịnh, do “tức Giả” nên Vi, do “tức Trung” nên Diệu. Lại do tam trí nhất tâm nên Tịnh, do nhất tâm tam trí nên Vi, do “chẳng phải một, chẳng phải ba, mà là ba, là một” nên Diệu. Do Thế

viên mãn nên “vô lậu”. Do Dụng thông đạt trọn khắp nên “vô sở ngại” (không bị ngăn ngại).

Phần thứ nhất, nói về chuyện thấy biết lâu xa đã xong.

7.1.2. Nêu ra nhân duyên trong đời trước

7.1.2.1. Trần thuật chi tiết

7.1.2.1. Nguyên do kết duyên

7.1.2.1.1. Nguyên do xa

7.1.2.1.1.1. Trần thuật chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật

7.1.2.1.1.1.1. Phật thọ dài lâu

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật thọ ngũ bách tứ thập vạn ức na-do-tha kiếp.

(經)佛告諸比丘：「大通智勝佛壽五百四十萬億那由他劫。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp).

7.1.2.1.1.1.2. Chuyện trước khi Ngài thành đạo

(Kinh) Kỳ Phật bản tọa đạo tràng, phá ma quân dĩ, thùy đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi chư Phật pháp bất hiện tại tiền. Như thị nhất tiểu kiếp, nãi chí thập tiểu kiếp, kết gia phu tọa, thân tâm bất động, nhi chư Phật pháp do bất hiện tiền.

(經)其佛本坐道場，破魔軍已，垂得阿耨多羅三藐三菩提，而諸佛法不現在前。如是一小劫，乃至十小劫，結加趺坐，身心不動，而諸佛法猶不現前。

(Kinh: Vị Phật ấy vốn ngồi nơi đạo tràng, đã phá ma quân²⁶⁹, sắp thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng pháp của chư Phật

²⁶⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đạo tràng có hai nghĩa: 1) Nơi chốn để do cái nhân vạn hạnh mà thành tựu cái quả Bồ Đề đạo, nơi đó được gọi là Pháp Thân đạo tràng. 2) Cội Bồ Đề nơi xứ Ma Kiệt Đề là cội nguồn của đạo Phật, được gọi là Ứng Thân đạo tràng. Khi chư Phật sắp thành Chánh Giác, ắt có ma vương suất lĩnh ma chúng khuấy phá. Vì thế, cần phải phá ma, sau đó thành đạo”.

chẳng hiện tiền. Như thế một tiểu kiếp, cho tới mười tiểu kiếp ngồi xếp bằng, thân tâm bất động mà pháp của chư Phật vẫn chẳng hiện tiền).

Đạo của chư Phật giống như nhau, do duyên [khác nhau mà trở thành] sự việc khác nhau. Đức Thích Ca khổ hạnh sáu năm, ngài Di Lặc đắc đạo ngay trong ngày hôm ấy (ngày Ngài xuất gia), đức Phật kia (Đại Thông Trí Thắng) mười kiếp mà [quả Chánh Giác] vẫn chưa hiện tiền, chẳng phải là căn cơ có lợi hay độn, hay đạo có khó hay dễ, chỉ vì duyên đáng nên dài lâu hay ngắn ngủi, mà phải thị hiện [thời gian tu đạo chứng quả] dài hay ngắn. Trong hết thấy các chỗ, hễ thị hiện tám tướng thành đạo, đều trước hết là phá ma. Sắp thuyết kinh Pháp Hoa, cũng phải thuyết tiêm pháp trước. Lại nói “*phá ma*” thì [cõi của Đại Thông Trí Thắng Phật] dường như là uế độ, nhưng xét theo thọ mạng dài lâu, lại chẳng phải là uế độ. Vì thế biết: Cõi Đồng Cư tịnh hay uế, vốn có nhiều tướng. Đối với các chuyện như thành đạo v.v... chẳng bắt buộc phải hoàn toàn giống như [các sự việc đã tường thuật trong thời] Tam Tạng nơi cõi này.

(Kinh) Nhĩ thời, (Phật vị tọa đạo tràng tiền), Đạo Lợi chư thiên tiên vị bĩ Phật, ư Bồ Đề thụ hạ, phu sư tử tòa, cao nhất do-tuần, (hàm tác thị niệm): “Phật ư thử tọa, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. (Đãi Phật) thích tọa thử tòa thời, chư Phạm thiên vương vũ chúng thiên hoa, diện bách do-tuần. Hương phong thời lai, xuy khứ ủy hoa, cánh vũ tân giả. Như thị bất tuyệt, mãn thập tiểu kiếp, cúng dường ư Phật. Nãi chí diệt độ, thường vũ thử hoa. Tứ vương chư thiên, vị cúng dường Phật, thường kích thiên cổ. Kỳ dư chư thiên, tác thiên kỹ nhạc, mãn thập tiểu kiếp, chí ư diệt độ, diệc phục như thị.

(經)爾時, (佛未坐道場前), 忉利諸天先為彼佛, 於菩提樹下, 敷師子座, 高一由旬, (咸作是念): 「佛於此坐, 當得阿耨多羅三藐三菩提」。(逮佛)適坐此座時, 諸梵天王雨眾天華, 面百由旬。香風時來, 吹去萎華, 更雨新者。如是不絕, 滿十小劫, 供養於佛。乃至滅度, 常雨此華。

四王諸天，為供養佛，常擊天鼓。其餘諸天，作天伎樂，滿十小劫，至於滅度，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, (trước khi đức Phật ngồi nơi đạo tràng), chư thiên Đạo Lợi đã trước đó vì đức Phật ấy mà trải tòa sư tử²⁷⁰ cao một do-tuần dưới cội Bồ Đề. (Họ đều nghĩ như thế này): “Đức Phật sẽ ở trên tòa này mà đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. (Đợi) cho đến khi (đức Phật) vừa ngồi trên tòa ấy, các Phạm thiên vương tuôn các hoa trời, mỗi phía rộng tới một trăm do-tuần. Gió thơm đúng thời thổi đến, cuốn đi hoa héo, lại mưa hoa mới, chẳng ngớt như thế, trồn mười tiểu kiếp cúng dường đức Phật. Cho đến khi Ngài diệt độ, thường mưa hoa ấy. Chư thiên thuộc Tứ Vương Thiên nhằm cúng dường Phật, thường gõ trống trời. Các vị trời khác thường tấu kỹ nhạc²⁷¹ cõi trời trồn mười tiểu kiếp, cho đến khi diệt độ, cũng giống như thế).

7.1.2.1.1.1.3. Nói về sự thành đạo

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Đại Thông Trí Thắng Phật quá thập tiểu kiếp, chư Phật chỉ pháp nãi hiện tại tiền, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！大通智勝佛過十小劫，諸佛之法乃現在前，成阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay các tỳ-kheo! Đại Thông Trí Thắng Phật sau mười tiểu kiếp, pháp của chư Phật mới hiện tiền, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

7.1.2.1.1.1.4. Sau khi Phật thành đạo, quyền thuộc cúng dường

(Kinh) Kỳ Phật vị xuất gia thời, hữu thập lục tử. Kỳ đệ nhất giả, danh viết Trí Tích. Chư tử các hữu chủng chủng thân dị ngoại hảo

²⁷⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sư tử là vua trong loài thú, ngạo nghệ một mình chẳng e sợ. Vì thế, trong kinh sánh ví Phật như sư tử trong loài người, hàng phục hết thầy ngoại đạo, tà ma. Ngài ngồi ở nơi đâu, nơi đó được gọi là tòa sư tử”.

²⁷¹ Kỹ nhạc là âm nhạc, “kỹ” có nghĩa là hay khéo. Gọi âm nhạc là kỹ nhạc với ngụ ý: Nhạc được diễn tấu bởi những người chuyên nghiệp, hay có trình độ diễn tấu cao.

chi cụ, văn phụ đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai xả sở trân, vãng nghệ Phật sở. Chư mẫu thể khắp, nhi tùy tống chi. Kỳ tổ Chuyển Luân Thánh Vương, dữ nhất bách đại thần, cập dư bách thiên vạn ức nhân dân, giai cộng vi nhiều, tùy chí đạo tràng, hàm dục thân cận Đại Thông Trí Thắng Như Lai, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Đáo dĩ, đầu diện lễ túc, nhiều Phật tất dĩ, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng Thế Tôn, dĩ kệ tụng viết: - Đại oai đức Thế Tôn, vị độ chúng sanh cố, ư vô lượng ức tuế, nhĩ nãi đắc thành Phật. Chư nguyện dĩ cụ túc. Thiện tai! Cát vô thượng. Thế Tôn thậm hy hữu, nhất tọa thập tiểu kiếp, thân thể cập thủ túc, tĩnh nhiên an bất động. Kỳ tâm thường đảm phạ, vị tăng hữu tán loạn. Cứu cánh vĩnh tịch diệt, an trụ vô lậu pháp. Kim giả kiến Thế Tôn, an ổn thành Phật đạo. Ngã đẳng đắc thiện lợi, xưng khánh đại hoan hỷ. Chúng sanh thường khổ não, manh minh vô đạo sư, bất thức khổ tận đạo, bất tri cầu giải thoát. Trường dạ tăng ác thú, giảm tổn chư thiên chúng, từng minh nhập ư minh, vĩnh bất văn Phật danh. Kim Phật đắc tối thượng, an ổn vô lậu đạo. Ngã đẳng cập thiên nhân, vị đắc tối đại lợi. Thị cố hàm khể thủ, quy mạng vô thượng tôn.

(經)其佛未出家時，有十六子。其第一者，名曰智積。諸子各有種種珍異玩好之具，聞父得成阿耨多羅三藐三菩提，皆捨所珍，往詣佛所。諸母涕泣，而隨送之。其祖轉輪聖王，與一百大臣，及餘百千萬億人民，皆共圍繞，隨至道場，咸欲親近大通智勝如來，供養，恭敬，尊重，讚歎。到已，頭面禮足，繞佛畢已，一心合掌，瞻仰世尊，以偈頌曰：「大威德世尊，為度眾生故，於無量億歲，爾乃得成佛。諸願已具足，善哉吉無上。世尊甚希有，一坐十小劫，身體及手足，靜然安不動。其心常憺怕，未曾有散亂。究竟永寂滅，安住無漏法。今者見世尊，安隱成佛道。我等得善利，稱慶大歡喜。眾生常苦惱，盲瞶無導

師，不識苦盡道，不知求解脫。長夜增惡趣，減損諸天眾，從冥入於冥，永不聞佛名。今佛得最上，安隱無漏道。我等及天人，為得最大利。是故咸稽首，歸命無上尊」。

(Kinh: Lúc Phật chưa xuất gia, có mười sáu đứa con. Đứa con thứ nhất tên là Trí Tích (Jñānākara)²⁷². Các con mỗi người đều có các món vật quý lạ, đáng ưa thích, nghe cha thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều bỏ thứ quý báu, qua tới chỗ Phật. Các bà mẹ khóc lóc đưa tiễn. Ông nội của họ là Chuyển Luân Thánh Vương và một trăm vị đại thần, cùng với trăm ngàn vạn ức nhân dân khác đều cùng vây quanh, theo đến đạo tràng, đều muốn thân cận Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Đã đến nơi, đầu mặt lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật xong xuôi, một dạ chấp tay, chiêm ngưỡng Thế Tôn, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn oai đức lớn, do vì độ chúng sanh, trong vô lượng ức năm, mới bèn được thành Phật. Các nguyện đã đầy đủ. Hay thay! Lành vô thượng. Thế Tôn rất hy hữu, tĩnh tọa mười tiểu kiếp, thân thể và tay chân, an tĩnh, chẳng hề động²⁷³. Tâm Ngài thường tĩnh lặng, chưa hề bị tán loạn. Rót ráo mãi tịch diệt, an trụ pháp vô lậu. Nay được thấy Thế Tôn, an ổn thành Phật đạo. Chúng con được lợi lành, khen mừng, rất hoan hỷ. Chúng sanh thường khổ não, lừa dối không thầy dạy, chẳng biết đạo dứt khổ, chẳng biết cầu giải thoát. Đêm dài, tăng đường ác, tổn giảm các thiện chúng, từ tối vào trong tối, mãi chẳng nghe tên Phật. Nay Phật đắc tối thượng, đạo an ổn vô lậu. Hàng trời người chúng con, vì được lợi lớn nhất. Cho nên đều đánh lễ, quy mạng vô thượng tôn).

Nếu xét theo ý nghĩa biểu pháp, mười sáu vị vương tử chính là Bát Chánh Đạo tự hành, hóa độ người khác.

7.1.2.1.1.5. Thỉnh chuyển pháp luân

²⁷² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trí Tích là tích tụ vạn đức; do vậy, gọi là Trí Tích. Hơn nữa, nhằm tương ứng cái tâm tu nhân với sự giác ngộ khi đắc quả, cho nên cha tên là Trí Thắng, con là Trí Tích”.

²⁷³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Năm căn chẳng duyên theo trần cảnh bên ngoài, cho nên chân tay bất động. Tám thức đã lìa nội nhiễm, cho nên thường tĩnh lặng. Chữ Đạm Phạ có cùng ý nghĩa với chữ “đạm bạc”, đều có nghĩa là điềm tĩnh vô vi”.

(Kinh) Nhĩ thời, thập lục vương tử kệ tán Phật dĩ, khuyến thỉnh Thế Tôn chuyển u pháp luân, hàm tác thị ngôn: “Thế Tôn thuyết pháp, đa sở an ổn, lân mãn nhiều ích chư thiên, nhân dân”. Trùng thuyết kệ ngôn: - Thế hùng vô đẳng luân, bách phước tự trang nghiêm, đắc vô thượng trí huệ. Nguyên vị thế gian thuyết, độ thoát u ngã đẳng, cập chư chúng sanh loại, vị phân biệt hiển thị, linh đắc thị trí huệ. Nhược ngã đẳng đắc Phật, chúng sanh diệt phục nhiên. Thế Tôn tri chúng sanh, thâm tâm chỉ sở niệm, diệt tri sở hành đạo. Hựu tri trí huệ lực, dục lạc cập tu phước, túc mạng sở hạnh nghiệp, Thế Tôn tất tri dĩ, đương chuyển vô thượng luân.

(經)爾時，十六王子偈讚佛已，勸請世尊轉於法輪，咸作是言：「世尊說法，多所安隱，憐愍饒益，諸天，人民」。重說偈言：世雄無等倫，百福自莊嚴，得無上智慧。願為世間說，度脫於我等，及諸眾生類，為分別顯示，令得是智慧。若我等得佛，眾生亦復然。世尊知眾生，深心之所念，亦知所行道。又知智慧力，欲樂及修福，宿命所行業，世尊悉知己，當轉無上輪」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười sáu vương tử nói kệ tán Phật xong, khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân, đều nói như thế này: “Đức Thế Tôn thuyết pháp, [khiến cho chúng sanh] được nhiều an ổn, Ngài thương xót, tạo lợi ích cho chư thiên, nhân dân”. Lại nói kệ rằng: - Đẳng Thế Hùng khôn sánh, trăm phước tự trang nghiêm, đắc trí huệ vô thượng²⁷⁴. Nguyên vì thế gian nói, hòng độ thoát chúng con, và các loài chúng sanh, mà phân biệt, hiển thị, khiến đắc trí huệ ấy. Nếu chúng con thành Phật, chúng sanh cũng giống vậy. Thế Tôn biết chúng sanh, ý niệm trong thâm tâm, cũng biết đạo họ hành. Lại biết sức trí huệ, ưa muốn và tu phước, nghiệp gây tạo đời trước, Thế Tôn đều biết trọn, hãy chuyển vô thượng luân).

²⁷⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là tán thán đức Phật trí huệ và phước đức đều trọn vẹn. Tu năm độ trước trong Lục Độ là phước, tu độ cuối cùng (Bát Nhã) là huệ. Phước trọn đủ nên nói là Trăm. Huệ trọn đủ nên nói là Vô Thượng”.

Đã nói “*linh đặc thị trí huệ*” (khiến cho đạt được trí huệ ấy), lại nói “*nhược ngã đẳng đặc Phật*” (nếu chúng con được thành Phật), lại kết thúc bằng câu “*đương chuyển vô thượng luân*” (hãy nên chuyển pháp luân vô thượng). Hãy nên biết [những lời ấy] nhằm thỉnh cầu mãn tự giáo, như Phật Hoa Nghiêm trong hiện thời.

Phần thứ nhất, “nói về chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật” đã xong.

7.1.2.1.1.2. Phạm vương từ mười phương đến thỉnh pháp

7.1.2.1.1.2.1. Oai quang chiếu thấu khiến họ rung động

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Đại Thông Trí Thắng Phật đặc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, thập phương các ngũ bách vạn ức chư Phật thế giới, lục chủng chấn động. Kỳ quốc trung gian u minh chi xứ, nhật, nguyệt oai quang sở bất năng chiếu, nhi giai đại minh. Kỳ trung chúng sanh, các đặc tương kiến, hàm tác thị ngôn: “Thử trung vân hà hốt sanh chúng sanh?” Hựu kỳ quốc giới, chư thiên cung điện nãi chí Phạm cung, lục chủng chấn động, đại quang phổ chiếu, biến mãn thế giới, thắng chư thiên quang.

(經)佛告諸比丘：「大通智勝佛得阿耨多羅三藐三菩提時，十方各五百萬億諸佛世界，六種震動。其國中間幽冥之處，日月威光所不能照，而皆大明。其中眾生，各得相見，咸作是言：「此中云何忽生眾生？」又其國界，諸天宮殿乃至梵宮，六種震動，大光普照，徧滿世界，勝諸天光。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Khi Đại Thông Trí Thắng Phật đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong mười phương, mỗi phương đều có năm trăm vạn ức²⁷⁵ thế giới của chư Phật, sáu thứ chấn động. Chỗ tối tăm trong các cõi ấy²⁷⁶, oai quang của mặt trời, mặt trăng

²⁷⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Năm trăm vạn ức là nói đến chúng sanh trong năm đường”.

²⁷⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chỗ tối tăm trong cõi ấy chính là trong núi Thiết Vi, tức chốn địa ngục”.

chẳng thể chiếu thấu, thấy đều sáng bừng. Chúng sanh trong ấy đều trông thấy nhau, đều nói lời này: “Trong đây có sao bỗng sanh ra chúng sanh?” Lại nữa, trong quốc giới ấy, cung điện của chư thiên cho đến cung điện của Phạm thiên, sáu thứ chấn động, quang minh to lớn chiếu khắp, trọn khắp thế giới, vượt xa quang minh của chư thiên).

Lúc đức Phật giáng thân, lúc Ngài sơ sanh, lúc Ngài thành đạo, tự nhiên thế giới chấn động, quang minh to lớn chiếu trọn khắp, nhưng kẻ hữu duyên ở phương khác dầu xa xôi cũng nhận biết. Kẻ vô duyên dầu ở gần vẫn chẳng biết. Xét theo quán tâm để giải thích ý nghĩa “*hốt sanh chúng sanh*” (bỗng sanh ra chúng sanh): Tâm tánh vốn tịnh, do bị Âm, Nhập, Giới che lấp, cho nên tối tăm. Nếu tu Quán Huệ, lý bản tánh hiển hiện. Lại nữa, hai quả núi là Nhị Đế, chính giữa đó là Trung Đạo. Mặt trời, mặt trăng là nói đến nhị trí (Quyền Trí và Thật Trí), Phật quang là Trung Đạo. Trí quang (quang minh trí huệ) vô phân biệt chiếu rỗng rang, rạng ngời Tam Đế vốn có.

7.1.2.1.1.2.2. Phạm vương đến thỉnh pháp

7.1.2.1.1.2.2.1. Phương Đông

7.1.2.1.1.2.2.1.1. Thấy điềm lành bèn kinh hãi

(Kinh) Nhữ thời, Đông phương ngũ bách vạn ức chư quốc độ trung Phạm thiên cung điện, quang minh chiếu diệu, bội u thường minh. Chư Phạm thiên vương các tác thị niệm: “Kim giả cung điện quang minh, tích sở vị hữu, dĩ hà nhân duyên nhi hiện thử tướng?”

(經)爾時，東方五百萬億諸國土中梵天宮殿，光明照耀，倍於常明。諸梵天王各作是念：「今者宮殿光明，昔所未有，以何因緣而現此相？」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, cung điện của Phạm Thiên trong năm trăm vạn ức các quốc độ ở phương Đông được quang minh chiếu sáng rực, gấp bội ánh sáng thường ngày. Các Phạm thiên vương đều nghĩ như thế này: “Nay cung điện sáng ngời từ xưa chưa có, do nhân duyên gì mà hiện tướng này?”)

7.1.2.1.1.2.2.1.2. Hỏi han lẫn nhau để quyết nghị

(Kinh) *Thị thời, chư Phạm thiên vương, tức các tương nghệ, cộng nghị thử sự. Thời bỉ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh Cứu Nhất Thiết, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng chư cung điện, quang minh tích vị hữu, thử thị hà nhân duyên? Nghi các cộng cầu chi, vị đại đức thiên sanh? Vì Phật xuất thế gian? Nhi thử đại quang minh, biến chiếu u thập phương.*

(經)是時，諸梵天王，即各相詣，共議此事。時彼眾中，有一大梵天王，名救一切，為諸梵眾，而說偈言：「我等諸宮殿，光明昔未有，此是何因緣？宜各共求之，為大德天生？為佛出世間？而此大光明，徧照於十方」。

(Kinh: Khi đó, các Phạm thiên vương liền đến gặp nhau để cùng bàn chuyện này. Lúc ấy, trong đại chúng có một vị đại Phạm thiên vương tên là Cứu Nhất Thiết (Sarvasattvatrātar) vì các vị Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Cung điện của chúng ta, quang minh xưa chưa có, đây là nhân duyên gì? Hãy nên cùng tìm kiếm, là trời đức lớn sanh? Hay Phật hiện thế gian? Quang minh lớn như thế, chiếu trọn khắp mười phương).

7.1.2.1.1.2.2.1.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) *Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức quốc độ chư Phạm thiên vương, dĩ cung điện câu²⁷⁷, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Tây phương, suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.*

(經)爾時，五百萬億國土諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣西方，推尋是相，見大通智勝如來，處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、

²⁷⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chư thiên đi đến đâu, cung điện theo sát thân họ. Vì thế nói là dĩ cung điện câu”.

緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, các vị Phạm thiên vương trong năm trăm vạn ức quốc độ cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng đến phương Tây tìm kiếm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi trên tòa sư tử dưới cội Bồ Đề²⁷⁸ nơi đạo tràng. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.1.4. Tam nghiệp cúng dường

(*Kinh*) Tức thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp. Tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Kỳ sở tán hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Kỳ Bồ Đề thụ cao thập do-tuần. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bĩ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp xử”. Thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thế Tôn thậm hy hữu, nan khả đắc trị ngộ, cụ vô lượng công đức, năng cứu hộ nhất thiết. Thiên nhân chi đại sư, ai mãn ư thế gian. Thập phương chư chúng sanh, phổ giai mong nhiều ích. Ngã đẳng sở tùng lai, ngũ bách vạn ức quốc, xả thân Thiền Định lạc, vị cúng dường Phật cố. Ngã đẳng tiên thế phước, cung điện thậm nghiêm sức, kim dĩ phụng Thế Tôn, duy nguyện ai nạp thọ.

(*經*) 卽時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝。卽以天華而散佛上。其所散華如須彌山，并以供養佛菩提樹。其菩提樹高十由旬。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍饒益我等。所獻宮殿，願垂納處」。時，諸梵

²⁷⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Cây Bồ Đề vốn là cây Tát Bát La (Pippala). Do Phật ngồi dưới cội cây ấy mà thành Chánh Giác, cho nên gọi là Bồ Đề thụ, dịch nghĩa là Giác Thụ, hay Đạo Thụ”.

天王卽於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「世尊甚希有，難可得值遇，具無量功德，能救護一切。天人之大師，哀愍於世間。十方諸眾生，普皆蒙饒益。我等所從來，五百萬億國，捨深禪定樂，為供養佛故。我等先世福，宮殿甚嚴飾，今以奉世尊，惟願哀納受」。

(Kinh: Ngay khi đó, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên Phật. Hoa được rải như núi Tu Di, cũng dùng [hoa đó] để cúng dường cội Bồ Đề của Phật. Cây Bồ Đề cao mười do-tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, nói như thế này: “Kính mong thương xót, tạo lợi ích cho chúng con. Xin hãy rủ lòng thu nhận, ngự trong cung điện dâng lên này”. Khi đó, các Phạm thiên vương liền ở trước đức Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn rất hy hữu, khó thể gặp gỡ được. Đủ vô lượng công đức, cứu, che chở hết thảy. Đáng đại sư trời người, thương xót khắp thế gian. Chúng sanh trong mười phương, đều trọn hưởng lợi ích. Chúng con từ năm trăm, vạn ức quốc độ đến, bỏ vui Thiền Định sâu, vì để cúng dường Phật. Chúng con phước đời trước, cung điện rất trang nghiêm, nay dâng lên Thế Tôn, kính mong thương nhận lấy).

Hỏi: - Phạm thiên tuôn mưa hoa như núi Tu Di. Cây [Bồ Đề] và tòa [sư tử] đều thấp hơn, tương trạng ấy là như thế nào?

Đáp: - Chuyện chẳng thể nghĩ bàn, đôi bên cũng chẳng trở ngại nhau!

7.1.2.1.1.2.2.1.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển u pháp luân, độ thoát chúng sanh, khai Niết Bàn đạo”. Thời, chư Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Hùng Lương Túc Tôn, duy nguyện diễn thuyết pháp, dĩ đại từ bi lực, độ khổ não chúng sanh.

(經)爾時，諸梵天王偈讚佛已，各作是言：「惟願世尊轉於法輪，度脫眾生，開涅槃道」。時，諸梵天王一心同聲，而說偈言：「世雄兩足尊，惟願演說法，以大慈悲力，度苦惱眾生」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, ai nấy nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, độ thoát chúng sanh, mở đường Niết Bàn”. Khi đó, các Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh mà nói kệ rằng: - Thế Hùng Lương Túc Tôn, kính mong diễn nói pháp, dùng sức đại từ bi, độ chúng sanh khổ não).

Đã nói “độ chúng sanh khổ não” tức là thỉnh bán tự giáo, như tại Lộc Uyển trong đời này!

7.1.2.1.1.2.2.1.6. Như Lai im lặng hứa khả

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時，大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng chấp thuận).

Nghi thức thọ thỉnh của chư Phật, đương nhiên đều là im lặng hứa khả, vì tùy thuận quy tắc của các vị Phật trong quá khứ, vì khiến cho chúng sanh tôn trọng, khát ngưỡng, vì chẳng giống như phàm phu, ngoại đạo, vì có thể khiến cho người tận mắt trông thấy sẽ sanh tâm duy trì đạo.

Phần thứ nhất, phương Đông [thỉnh pháp] đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.2. Phương Đông Nam

7.1.2.1.1.2.2.2.1. Thấy tướng lành kinh hải

(Kinh) Hựu chư tỳ-kheo! Đông Nam phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, các tự kiến cung điện, quang minh chiếu diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng dục, sanh hy hữu tâm.

(經)又諸比丘！東南方五百萬億國土諸大梵王，各自見宮殿，光明照曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lại này các tỳ-kheo! Các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương Đông Nam đều tự thấy cung điện quang minh chiếu sáng ngời xua kia chưa từng có, hoan hỷ, hớn hở, sanh lòng hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.2. Hỏi lẫn nhau để quyết nghị

(Kinh) Tức các tương nghê, cộng nghị thử sự. Thời bĩ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Đại Bi, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị sự hà nhân duyên, nhi hiện như thử tướng? Ngã đẳng chư cung điện, quang minh tích vị hữu, vì đại đức thiên sanh? Vì Phật xuất thế gian? Vị tằng kiến thử tướng, đương cộng nhất tâm cầu, quá thiên vạn ức độ, tầm quang cộng suy chi. Đa thị Phật xuất thế, độ thoát khổ chúng sanh.

(經)即各相詣，共議此事。時，彼眾中，有一大梵天王，名曰大悲，為諸梵眾，而說偈言：「是事何因緣，而現如此相？我等諸宮殿，光明昔未有，為大德天生？為佛出世間？未曾見此相，當共一心求，過千萬億土，尋光共推之。多是佛出世，度脫苦眾生」。

(Kinh: Mỗi vị đều đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này. Khi đó, trong đại chúng đó, có một vị đại Phạm thiên vương, tên là Đại Bi (Adhimātrakāruṇika), vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Chuyện này nhân duyên gì, mà hiện tướng như vậy? Cung điện của chúng ta, sáng sủa chưa từng có, là trời đại đức sanh? Hay là Phật xuất thế? Chưa từng thấy tướng này, hãy nên nhất tâm tìm, qua ngàn vạn ức cõi, theo quang minh cùng tìm. Phần nhiều Phật xuất thế, độ chúng sanh thoát khổ).

7.1.2.1.1.2.2.2.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Tây Bắc phương, suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử ư đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣西北方，推尋是相，見大通智勝如來，處於道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, ai nấy đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng đến phương Tây Bắc tìm tòi tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự dưới cội Bồ Đề nơi đạo tràng, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.2.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp, tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bỉ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp thọ”. Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thánh chúa thiên trung vương, Ca Lãng Tần Già thanh²⁷⁹, ai mãn chúng sanh giả, ngã đẳng kim kính lễ. Thế Tôn

²⁷⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật được mười pháp giới tôn trọng, vì được coi là chúa của các vị thánh, là vua trong chư thiên. Do vậy nói ‘thánh chúa, thiên trung vương’. Ca Lãng Tần Già là tên một loại chim sống tại Tuyết Sơn, tiếng hót cực hay, du dương, hòa nhã. Loài chim này từ khi còn nằm trong trứng đã biết hót. Vì thế dùng tiếng loài chim này để sánh ví âm thanh thuyết pháp vi diệu của đức Phật”.

thậm hy hữu, cứu viễn nãi nhất hiện. Nhất bách bát thập kiếp, không quá vô hữu Phật. Tam ác đạo sung mãn, chư thiên chúng giảm thiểu. Kim Phật xuất u thế, vị chúng sanh tác nhân, thế gian sở quý thú, cứu hộ u nhất thiết. Vì chúng sanh chi phụ, ai mãn nhiều ích giả. Ngã đẳng tức phước khánh. Kim đắc trị Thế Tôn.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝，即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納受」。爾時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「聖主天中王，迦陵頻伽聲，哀愍眾生者，我等今敬禮。世尊甚希有，久遠乃一現。一百八十劫，空過無有佛。三惡道充滿，諸天眾減少。今佛出於世，為眾生作眼，世間所歸趣，救護於一切。為眾生之父，哀愍饒益者，我等宿福慶，今得值世尊」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thấu nhận, ngự trong cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thánh chúa thiên trung vương, tiếng Ca Lăng Tần Già, đáng thương xót chúng sanh, chúng con nay kính lễ. Thế Tôn rất hy hữu, lâu xa hiện một lần. Một trăm tám mươi kiếp, luống qua chẳng có Phật. Ba ác đạo đầy đầy, các chúng trời giảm thiểu. Nay Phật hiện trong đời, làm mắt cho chúng sanh²⁸⁰, chỗ thế gian hướng về, cứu giúp cho hết thấy. Làm cha của chúng sanh, đáng thương xót, lợi ích, chúng con nhờ phước xưa, nay được gặp Thế Tôn).

²⁸⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chúng sanh mù lòa, tăm tối, đánh mất chánh kiến, ở trong đêm dài sanh tử, chẳng biết thoát ra. Đức Phật hướng dẫn họ thoát khỏi, vì thế nói Ngài làm mắt cho chúng sanh”.

7.1.2.1.1.2.2.2.5. *Thỉnh chuyển pháp luân*

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn ai mãn nhất thiết, chuyển u pháp luân, độ thoát chúng sanh”. Thời, chư Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại thánh chuyển pháp luân, hiển thị chư pháp tướng, độ khổ não chúng sanh, linh đắc đại hoan hỷ. Chúng sanh văn thử pháp, đắc đạo nhược sanh thiên. Chư ác đạo giảm thiểu, nhân thiện giả tăng ích.

(經)爾時，諸梵天王偈讚佛已，各作是言：「惟願世尊哀愍一切，轉於法輪，度脫眾生」。時，諸梵天王一心同聲，而說偈言：「大聖轉法輪，顯示諸法相，度苦惱眾生，令得大歡喜。眾生聞此法，得道若生天。諸惡道減少，忍善者增益」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn thương xót hết thảy, chuyển pháp luân độ thoát chúng sanh”. Khi đó, các Phạm thiên vương một dạ đồng thanh, nói kệ rằng: - Đại thánh chuyển pháp luân, hiển thị các pháp tướng, độ chúng sanh khổ não, khiến được hoan hỷ lớn. Chúng sanh nghe pháp này, đắc đạo hoặc sanh thiên. Các đường ác giảm bớt, người nhân thiện tăng thêm).

Đây cũng là thỉnh bán tự giáo giống như trong phần trước.

7.1.2.1.1.2.2.2.6. *Như Lai yên lặng hứa khả*

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時，大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai im lặng chấp thuận).

Phần thứ hai, phương Đông Nam đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.3. Phương Nam

7.1.2.1.1.2.2.3.1. Thấy tướng lành kinh hãi

(Kinh) Hựu chư tỳ-kheo! Nam phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, các tự kiến cung điện quang minh chiếu diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng được, sanh hy hữu tâm.

(經)又諸比丘！南方五百萬億國土諸大梵王，各自見宮殿光明照曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lại này các tỳ-kheo! Các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương Nam, đều tự thấy cung điện được quang minh chiếu sáng ngời, xưa kia chưa có, hoan hỷ, hớn hờ, sanh tâm hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.3.2. Hỏi nhau để quyết nghị

(Kinh) Tức các tương nghê, cộng nghị thử sự: “Dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng cung điện hữu thử quang diệu?” Nhi bỉ chúng trung, hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Diệu Pháp, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đẳng chư cung điện, quang minh thậm oai diệu. Thử phi vô nhân duyên, thị tương nghị cầu chi. Quá u bách thiên kiếp, vị tăng kiến thị tướng, vị đại đức thiên sanh? Vi Phật xuất thế gian?

(經)即各相詣，共議此事：「以何因緣，我等宮殿有此光曜？」而彼眾中，有一大梵天王，名曰妙法，為諸梵眾，而說偈言：「我等諸宮殿，光明甚威曜。此非無因緣，是相宜求之。過於百千劫，未曾見是相，為大德天生？為佛出世間？」

(Kinh: Mỗi vị liền đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này: “Do nhân duyên nào, cung điện của chúng ta sáng ngời như thế?” Nhưng trong đại chúng ấy, có một đại Phạm thiên vương tên là Diệu Pháp (Sudharma), vì các vị Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Cung điện của chúng ta, quang minh rất oai diệu, chẳng phải không nhân duyên, hãy

nên tìm kiếm xem. Trải qua trăm ngàn kiếp, chưa từng thấy tướng này, là trời đức lớn sanh? Hay Phật hiện thế gian?)

7.1.2.1.1.2.2.3.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, thịnh chư thiên hoa, cộng nghệ Bắc phương suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣北方推尋是相，見大通智勝如來處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng tới phương Bắc dò tìm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.3.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiễu bách thiên táp, tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bĩ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp thọ”. Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thế Tôn thậm nan kiến, phá chư phiền não

giả, quá bách tam thập kiếp, kim nãi đắc nhất kiến. Chư cơ khát chúng sanh, dĩ pháp vũ sung mãn. Tích sở vị tăng đồ, vô lượng trí huệ giả, như Ưu Đàm Bát hoa, kim nhật nãi trị ngộ. Ngã đẳng chư cung điện, môn quang cố nghiêm sức. Thế Tôn đại từ mẫn, duy nguyện thù nạp thọ.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝，即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納受」。爾時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「世尊甚難見，破諸煩惱者，過百三十劫，今乃得一見。諸饑渴眾生，以法雨充滿。昔所未曾覩，無量智慧者，如優曇鉢華，今日乃值遇。我等諸宮殿，蒙光故嚴飾。世尊大慈愍，惟願垂納受」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thu nhận cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Thế Tôn rất khó thấy, đáng phá các phiền não. Trải trăm ba mươi kiếp, nay mới gặp một lần. Các chúng sanh đói khát, dùng mưa pháp sung mãn. Xưa kia chưa từng thấy, đáng vô lượng trí huệ, như hoa Ưu Đàm Bát, ngày nay được gặp gỡ. Cung điện của chúng con, được quang minh trang nghiêm. Thế Tôn đại từ mẫn, mong rủ lòng tiếp nhận).

7.1.2.1.1.2.2.3.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, chư Phạm thiên vương kệ tán Phật dĩ, các tác thị ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển ư pháp luân, linh nhất thiết thế gian chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn, giai hoạch an ổn, nhi đắc độ thoát”. Thời, chư Phạm thiên vương, nhất tâm đồng thanh,

dĩ kệ tụng viết: - Duy nguyện thiên nhân tôn, chuyển vô thượng pháp luân, kích vu đại pháp cổ, nhi xuy đại pháp loa, phổ vũ đại pháp vũ, độ vô lượng chúng sanh. Ngã đẳng hàm quy thỉnh, đương diễn thâm viển âm.

(經)爾時, 諸梵天王偈讚佛已, 各作是言: 「惟願世尊轉於法輪, 令一切世間諸天、魔、梵、沙門、婆羅門, 皆獲安隱, 而得度脫」。時, 諸梵天王, 一心同聲, 以偈頌曰: 「惟願天人尊, 轉無上法輪, 擊于大法鼓, 而吹大法螺, 普雨大法雨, 度無量眾生。我等咸歸請, 當演深遠音」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều nói như thế này: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, khiến cho hết thấy chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều được an ổn để được độ thoát”. Khi đó, các Phạm thiên vương nhất tâm đồng thanh, dùng kệ tụng nói: “Kính mong thiên nhân tôn, chuyển vô thượng pháp luân, giống hồi trống đại pháp, và thổi ốc pháp lớn, tuôn khắp mưa pháp lớn, độ vô lượng chúng sanh. Chúng con đều quy thỉnh, xin diễn tiếng sâu xa”).

Đã nói “vô thượng pháp luân”. Lại nói “đại pháp cổ, đại pháp loa” tức là đối với bán giáo mà nói rõ câu thỉnh mãn giáo, như Phương Đẳng trong hiện thời.

7.1.2.1.1.2.2.3.6. Như Lai yên lặng hứa khả

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên hứa chi.

(經)爾時, 大通智勝如來默然許之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai yên lặng hứa khả).

Phần thứ ba, phương Nam đã xong.

7.1.2.1.1.2.2.4. Nêu chung sáu phương kia

(Kinh) Tây Nam phương nãi chí hạ phương, diệc phục như thị.

(經)西南方乃至下方，亦復如是。

(Kinh: Phương Tây Nam cho đến phương dưới cũng giống như thế).

Liệt kê Phạm vương thuộc mười phương. Trong kinh Chánh Pháp Hoa, trước hết nói phương Tây, kế đến là bốn góc (bốn phương bàng), rồi đến phương trên và phương dưới, hoàn toàn tùy theo ý của dịch giả, chẳng rõ thứ tự trong bản gốc tiếng Phạn như thế nào!

7.1.2.1.1.2.2.5. Phương trên

7.1.2.1.1.2.2.5.1. Thấy tướng lành kinh hải

Mười phương thỉnh cầu đã xong, đức Thế Tôn liền nói. Cho nên chẳng yên lặng hứa khả.

(Kinh) Nhĩ thời, thượng phương ngũ bách vạn ức quốc độ chư đại Phạm vương, giai tất tự đồ sở chỉ cung điện, quang minh oai diệu, tích sở vị hữu, hoan hỷ, dũng dục, sanh hy hữu tâm.

(經)爾時，上方五百萬億國土諸大梵王，皆悉自覩所止宮殿，光明威曜，昔所未有，歡喜，踴躍，生希有心。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các đại Phạm vương trong năm trăm vạn ức quốc độ ở phương trên, thấy đều tự thấy cung điện mình đang ở quang minh oai mãnh, sáng ngời, xưa kia chưa có, đều hoan hỷ, hớn hở, sanh tâm hy hữu).

7.1.2.1.1.2.2.5.2. Hỏi nhau để quyết nghị

(Kinh) Tức các tương nghệ, cộng nghị thử sự: “Dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng cung điện hữu tư quang minh?” Thời, bỉ chúng trung hữu nhất đại Phạm thiên vương, danh viết Thi Khí, vị chư Phạm chúng, nhi thuyết kệ ngôn: - Kim dĩ hà nhân duyên, ngã đẳng chư cung điện. Oai đức quang minh diệu, nghiêm sức vị tăng hữu? Như thị chi diệu tướng, tích sở vị văn kiến. Vi đại đức thiên sanh? Vi Phật xuất thế gian?

(經)即各相詣，共議此事：「以何因緣，我等宮殿有斯光明？」。時，彼眾中有一大梵天王，名曰尸棄，為諸梵眾，而說偈言：「今以何因緣，我等諸宮殿。威德光明曜，嚴飾未曾有？如是之妙相，昔所未聞見。為大德天生？為佛出世間？」

(Kinh: Mỗi vị liền đến gặp nhau, cùng bàn chuyện này: “Do nhân duyên nào mà cung điện của chúng ta có quang minh này?” Khi đó, trong đại chúng có một vị đại Phạm thiên vương tên là Thi Khí (Śikhin), vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng: - Nay do nhân duyên nào, cung điện của chúng ta, quang minh oai đức diệu, trang nghiêm chưa từng có? Diệu tướng như thế đó, xưa chưa được thấy, nghe. Là trời đại đức sanh? Hay là Phật xuất thế?)

7.1.2.1.1.2.2.5.3. Dò theo quang minh thấy Phật

(Kinh) Nhữ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, dữ cung điện câu, các dĩ y kích, tịnh chư thiên hoa, cộng nghị hạ phương suy tầm thị tướng, kiến Đại Thông Trí Thắng Như Lai, xử vu đạo tràng Bồ Đề thụ hạ, tọa sư tử tòa. Chư thiên, long vương, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, cung kính vi nhiễu, cập kiến thập lục vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，與宮殿俱，各以衣祴，盛諸天華，共詣下方推尋是相，見大通智勝如來，處于道場菩提樹下，坐師子座。諸天、龍王、乾闥婆、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，恭敬圍繞，及見十六王子請佛轉法輪。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương cùng với cung điện, mỗi vị đều dùng lẵng hoa đựng các hoa trời, cùng tới phương Bắc dò tìm tướng ấy, thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngự nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề, ngồi trên tòa sư tử. Chư thiên, long

vuông, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... cung kính vây quanh, và thấy mười sáu vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân).

7.1.2.1.1.2.2.5.4. Tam nghiệp cúng dường

(Kinh) Thời, chư Phạm thiên vương đầu diện lễ Phật, nhiều bách thiên táp. Tức dĩ thiên hoa nhi tán Phật thượng. Sở tán chi hoa như Tu Di sơn, tịnh dĩ cúng dường Phật Bồ Đề thụ. Hoa cúng dường dĩ, các dĩ cung điện phụng thượng bỉ Phật, nhi tác thị ngôn: “Duy kiến ai mãn, nhiều ích ngã đẳng. Sở hiến cung điện, nguyện thù nạp xử”. Thời, chư Phạm thiên vương tức ư Phật tiền, nhất tâm đồng thanh, dĩ kệ tụng viết: - Thiện tai kiến chư Phật, cứu thế chi thánh tôn, năng ư tam giới ngục, miễn xuất chư chúng sanh. Phổ trí thiên nhân tôn, ai mãn quần manh loại, năng khai cam lộ môn, quảng độ ư nhất thiết. Ư tích vô lượng kiếp, không quá vô hữu Phật. Thế Tôn vị xuất thời, thập phương thường ám minh. Tam ác đạo tăng trưởng, A Tu La diệc thịnh, chư thiên chúng chuyển giảm. Tử đa đạo ác đạo, bất tùng Phật văn pháp, thường hành bất thiện sự. Sắc lực cập trí huệ, tư đẳng giai giảm thiểu. Tội nghiệp nhân duyên cố, thất lạc cập lạc tướng, trụ ư tà kiến pháp, bất thức thiện nghi tắc. Bất mộng Phật sở hóa, thường đạo ư ác đạo. Phật vị thế gian nhân, cứu viễn thời nãi xuất. Ai mãn chư chúng sanh, cố hiện ư thế gian. Siêu xuất thành Chánh Giác. Ngã đẳng thậm hân khánh, cập dư nhất thiết chúng, hỷ thán vị tăng hữu. Ngã đẳng chư cung điện, mộng quang cố nghiêm sức. Kim dĩ phụng Thế Tôn, duy thù ai nạp thọ. Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất thiết, ngã đẳng dữ chúng sanh, giai cộng thành Phật đạo.

(經)時，諸梵天王頭面禮佛，繞百千匝。即以天華而散佛上。所散之華如須彌山，并以供養佛菩提樹。華供養已，各以宮殿奉上彼佛，而作是言：「惟見哀愍，饒益我等。所獻宮殿，願垂納處」。時，諸梵天王即於佛前，一心同聲，以偈頌曰：「善哉見諸佛，救世之聖尊，能於三界獄，勉出諸眾生。普智天人尊，哀愍群萌類，能開甘露

門，廣度於一切。於昔無量劫，空過無有佛。世尊未出時，十方常闇暝。三惡道增長，阿修羅亦盛，諸天眾轉減。死多墮惡道，不從佛聞法，常行不善事。色力及智慧，斯等皆減少。罪業因緣故，失樂及樂想，住於邪見法，不識善儀則。不蒙佛所化，常墮於惡道。佛為世間眼，久遠時乃出。哀愍諸眾生，故現於世間。超出成正覺。我等甚欣慶，及餘一切眾，喜歎未曾有。我等諸宮殿，蒙光故嚴飾。今以奉世尊，惟垂哀納受。願以此功德，普及於一切，我等與眾生，皆共成佛道」。

(Kinh: Lúc ấy, các Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng, liền dùng hoa trời rải lên đức Phật. Hoa đã rải như núi Tu Di, và cũng dùng [hoa ấy] để cúng dường cây Bồ Đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật ấy, mà nói như thế này: “Kính mong thương xót, lợi ích chúng con. Kính mong thân nhận, ngự trong cung điện đã dâng hiến”. Lúc đó, các Phạm thiên vương liền ở trước Phật, một dạ đồng thanh, dùng kệ tụng rằng: - Lành thay thấy chư Phật, đáng thánh chuyên cứu đời, hay trong ngục tam giới, cứu thoát các chúng sanh. Thiên nhân tôn²⁸¹ trí khắp, thương xót loài quần sanh, hay mở cửa cam lộ, rộng độ hết tất cả. Xưa trong vô lượng kiếp, luống qua chẳng có Phật. Thế Tôn chưa xuất thế, mười phương thường tối tăm. Ba ác đạo tăng trưởng, A Tu La cũng đông, các chúng trời giảm bớt. Chết thường đọa đường ác. Chẳng theo Phật nghe pháp, thường làm chuyện chẳng lành. Sắc lực và trí huệ, các thứ đều giảm ít. Do nhân duyên tội nghiệp, mất lạc và lạc tướng. Trụ trong pháp tà kiến, chẳng biết thiện nghi tắc. Chẳng được Phật hóa độ, thường đọa trong nẻo ác. Phật là mắt thế gian, lâu xa mới xuất hiện. Thương xót các chúng sanh, nên hiện trong thế gian. Siêu việt thành Chánh Giác. Chúng con rất vui mừng, và hết thấy chúng khác, mừng khen chưa từ có! Cung điện của chúng con, được quang minh trang hoàng. Nay dâng lên Thế

²⁸¹ “Thiên nhân tôn” là đáng được trời lẫn người đều tôn kính.

Tôn, xin rủ lòng *thương nhận*. Nguyên đem công đức này, *hướng về khắp hết thấy, chúng con và chúng sanh, đều cùng thành Phật đạo*).

Trong đoạn trước, phương Đông Nam nói “*một trăm tám mươi kiếp luống qua chẳng có Phật*”; phương Nam nói “*một trăm ba mươi kiếp mới được thấy Phật*”. Nay nói “*xưa kia vô lượng kiếp luống qua chẳng có Phật*”. Cơ duyên bất đồng, cho nên thấy Phật gần hay xa như thế đó. Được quang minh chiếu đến bèn cùng nhau nhóm họp, há ngẫu nhiên ư? Dùng cớ để suy ra kim, lý chẳng hai nẻo! Hễ thấy, hễ nghe, đều thuận theo mà cảm ứng. Người nghe pháp hãy nên tưởng hân hạnh, khó gặp như thế nào!

7.1.2.1.1.2.2.5.5. Thỉnh chuyển pháp luân

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách vạn ức chư Phạm thiên vương, kệ tán Phật dĩ, các bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn chuyển u pháp luân, đa sở an ổn, đa sở độ thoát”. Thời, chư Phạm thiên vương nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn chuyển pháp luân, kích cam lộ pháp cổ, độ khổ não chúng sanh, khai thị Niết Bàn đạo. Duy nguyện thọ ngã thỉnh, dĩ đại vi diệu âm, ai mãn nhi phu diễn, vô lượng kiếp tập pháp.

(經)爾時，五百萬億諸梵天王，偈讚佛已，各白佛言：「惟願世尊轉於法輪，多所安隱，多所度脫」。時，諸梵天王而說偈言：「世尊轉法輪，擊甘露法鼓，度苦惱眾生，開示涅槃道。惟願受我請，以大微妙音，哀愍而敷演，無量劫習法」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vạn ức các Phạm thiên vương nói kệ tán Phật xong, đều bạch cùng đức Phật rằng: “Kính mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nhiều an ổn, nhiều độ thoát”. Khi đó, các Phạm thiên vương bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn chuyển pháp luân, giống trống pháp cam lộ, độ chúng sanh khổ não, khai thị đạo Niết Bàn. Mong nhận lời con thỉnh, dùng tiếng vi diệu lớn, thương xót mà diễn bày, pháp tu vô lượng kiếp).

Đã nói “*dĩ đại vi diệu âm, phu diễn vô lượng kiếp tập pháp*” (dùng âm thanh vi diệu to lớn để diễn bày pháp tu tập trong vô lượng kiếp). Lại nói “*độ khổ chúng sanh*” v.v... tức là cầu thỉnh mãn giáo kèm thêm bán giáo, như Bát Nhã trong hiện thời. Nhưng pháp đạo của chư Phật giống nhau, chẳng nên thỉnh riêng lẻ. Như nay đức Phật từ đầu tới cuối, chuyển trọn vẹn pháp luân ngũ vị (sữa, lạc, sanh tô, thực tô, đề hồ), mỗi mỗi đều là tương ứng với lời thỉnh của Phạm vương. Đức Phật kia cũng nên như thế, nay để nói cho tiện, kinh văn ghi mười sáu vương tử thoát đầu thỉnh Hoa Nghiêm, cho đến [các vị Phạm vương thuộc] phương trên thỉnh Bát Nhã. Sau đó, mười sáu vị vương tử thỉnh Pháp Hoa, lớp lang rành rành, xưa và nay nhất trí.

Phần thứ nhất, “nguyên do kết duyên” đã xong.

7.1.2.1.2. Nguyên do gần

Do Phật tiếp nhận lời thỉnh cầu bèn thuyết pháp; vì thế, lại nhắc lại chuyện kết duyên. Kinh văn được chia thành hai phần: Một, chuyển bán tự pháp luân; hai, chuyển pháp luân phế bán tự, nêu ra mãn tự.

7.1.2.1.2.1. Thọ thỉnh

(Kinh) Nhĩ thời, Đại Thông Trí Thắng Như Lai thọ thập phương chư Phạm thiên vương, cập thập lục vương tử thỉnh.

(經)爾時，大通智勝如來受十方諸梵天王，及十六王子請。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Đại Thông Trí Thắng Như Lai tiếp nhận lời thỉnh của các vị Phạm thiên vương từ mười phương và mười sáu vị vương tử).

7.1.2.1.2.2. Chuyển pháp luân

Ở đây, phải nói tam thừa giống như kinh văn trong phẩm Tự, nhưng nay chẳng nói, chính là vì luận theo phương diện kết duyên, khai hiển v.v... cho hạ căn mà lược đi chẳng nhắc tới Lục Độ. Lại nữa, đức Phật ấy thành đạo, ắt cũng diễn nói Đại Hoa Nghiêm, nhưng do đó chẳng phải là nguyên do chánh yếu để kết duyên, cho nên lược đi chẳng nói.

Kinh văn được chia thành hai phần: Một, nói về Tứ Đế. Hai, nói về mười hai nhân duyên.

7.1.2.1.2.2.1. Nói về Tứ Đế

(Kinh) Tức thời tam chuyển thập nhị hành pháp luân, nhược sa-môn, Bà-la-môn, nhược thiên, ma, Phạm, cập dư thế gian sở bất năng chuyển, vị thị Khổ, thị Khổ Tập, thị Khổ Diệt, thị Khổ Diệt Đạo.

(經)即時三轉十二行法輪，若沙門、婆羅門，若天、魔、梵，及餘世間所不能轉，謂是苦，是苦集，是苦滅，是苦滅道。

(Kinh: Lập tức ba lượt chuyển pháp luân mười hai hành, dù sa-môn, Bà-la-môn, hay thiên, ma, Phạm, và những kẻ khác trong thế gian đều chẳng thể chuyển, tức là Khổ, là Khổ Tập, là Khổ Diệt, là Khổ Diệt Đạo).

“Tam chuyển”: Một là Thị Chuyển, hai là Khuyển Chuyển, ba là Chứng Chuyển.

1) Thị Chuyển (chuyển pháp luân bằng cách chỉ bày): Tức là nói “đây là Khổ”, tức quả báo trong hai mươi lăm Hữu thuộc tam giới, đều là pháp sanh tử khổ sở. Lạc là Hoại Khổ. Khổ là Khổ Khổ. Chẳng khổ chẳng lạc là Hành Khổ. Thật sự là khổ, chẳng thể khiến cho [chúng sanh] an vui. Đây là Khổ Tập, tức Kiến Tư phiền não thuộc tam giới, và ba nghiệp “hữu lậu thiện, bất thiện, bất động”, đích xác là cái nhân chuốc khổ, chẳng còn cái nhân nào khác! Đây là Khổ Diệt, tức là diệt Kiến Tư, cho nên hữu lậu diệt. Do hữu lậu diệt nên sanh tử diệt. Chỉ có nơi ấy là chỗ tịch tĩnh, an ổn, chẳng có nơi nào khác! Đây là Khổ Diệt Đạo. Do Giới sanh ra Định, do Định phát Huệ. Nương vào Tứ Niệm Xứ, trọn đủ ba mươi bảy đạo phẩm, nhập tam thoát môn²⁸². Đó là đạo diệt Khổ, chẳng còn đạo nào khác.

²⁸² Tam thoát môn (ba cửa giải thoát, Trīni Vimoksa-mukhāni) tức Không môn (Śūnyatā), Vô Tướng môn (Animitta), và Vô Nguyên môn (Apranihita, còn gọi là Vô Tác, Vô Dục).

2) Khuyên Chuyển (chuyển pháp luân bằng cách khuyên răn): Đây là Khổ, các người nên biết. Đây là Tập, các người nên đoạn. Đây là Diệt, các người nên chứng. Đây là Đạo, các người nên tu.

3) Chứng Chuyển (chuyển pháp luân bằng chứng nhập): Đây là Khổ, ta đã biết, chẳng còn gì phải biết nữa. Đây là Tập, ta đã đoạn, chẳng còn phải đoạn gì nữa. Đây là Diệt, ta đã chứng, chẳng còn chứng chi khác. Đây là Đạo, ta đã tu, chẳng còn tu gì nữa.

Vì sao tam chuyển? Chư Phật thuyết pháp, pháp trở thành ba là do chúng sanh có ba loại căn cơ (thượng, trung, hạ), vì sanh khởi Tam Huê “Văn, Tư, Tu”, vì sanh Tam Đạo “Kiến, Tu, Vô Học”.

“Mười hai hành”: Một là xét theo giáo, hai là xét theo hạnh. Xét theo giáo, tức là Thị, Khuyển, Chứng (ba lần bốn thành mười hai, tức là Tứ Đế được chuyển ba lần sẽ thành mười hai Đế). Xét theo hạnh, tam chuyển đều sanh ra “*nhãn, trí, minh, giác*”, tức: Khổ Pháp Nhãn là mắt (nhãn), Khổ Pháp Trí là trí, Khổ Loại Nhãn là minh, Khổ Loại Trí là giác. Ba đế kia (Tập, Diệt, Đạo) cũng thế. Do vậy thành mười sáu tâm (Tứ Đế, mỗi Đế đều có nhãn, trí, minh, giác, cho nên thành mười sáu tâm). Người thuộc ba loại căn cơ đều có mười sáu tâm; do vậy, thành bốn mươi tám hạnh. Lại xét theo một Đế bèn gọi là “*mười hai hạnh*”. Mười hai đế là giáo pháp luân. Mười hai hạnh là hành pháp luân. Mười hai Đế trong giáo là năng chuyển (chủ thể có thể chuyển), mười hai điều thuộc hạnh là sở chuyển (cái được chuyển). Giáo luân thì năng chuyển chỉ có một là Quyền Trí. Sở chuyển thì có mười hai giáo. Đối với hành pháp luân thì “giáo để có thể chuyển” (năng chuyển chỉ giáo) gồm mười hai môn. Sở chuyển hạnh cũng có mười hai điều. Hoặc chung cho cả ba loại căn cơ, hoặc chỉ xét theo một loại căn cơ; nay là xét theo Kiến Đế Đạo. Hàng lợi căn trong tam thừa nghe Thị Chuyển, ai nấy đều sanh “*nhãn, trí, minh, giác*”. Do nói gộp chung ba loại căn cơ, nên nói là “*mười hai hành*”. “*Luân*” là chuyển, tức đem các pháp môn đã ngộ trong tâm Phật chuyển sang tâm người khác. Vì thế nói là Luân. Luân lại có nghĩa là “*nghe*”. Chúng sanh nghe giáo khởi hạnh, phá tan các Hoặc. Vì thế gọi là Luân.

Sa-môn chẳng nghe, còn chẳng thể biết, huống hồ có thể chuyển ư? Bích Chi Phật tuy ngộ, miệng chẳng thể nói. Bà-la-môn tuy nghe danh tự, khó hiểu lý này. Thiên, ma, Phạm thiên v.v... cũng thế. Vì thế nói là “*sở bất năng chuyển*” (chẳng thể chuyển). Nhưng Tứ Đế thông Đại, Tiểu, và Thiên, Viên, tức là “*sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác*” [Tứ Đế]. Tùy theo trí thấu hiểu, mỗi mỗi khác biệt. Đại lược như trong

phần Huyền Nghĩa đã nói kinh Hoa Nghiêm có phẩm Tứ Thánh Đê do ngài Văn Thù nương vào thần lực của Phật mà tuyên thuyết, há có nên phán định [Tứ Đê] chỉ thuộc vào pháp Thanh Văn ư?

7.1.2.1.2.2.2. Mười hai nhân duyên

(Kinh) Cập quảng thuyết thập nhị nhân duyên pháp: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử, ưu bi khổ não. Vô Minh diệt tắc Hành diệt. Hành diệt tắc Thức diệt. Thức diệt tắc Danh Sắc diệt. Danh Sắc diệt tắc Lục Nhập diệt. Lục Nhập diệt tắc Xúc diệt. Xúc diệt tắc Thọ diệt. Thọ diệt tắc Ái diệt. Ái diệt tắc Thủ diệt. Thủ diệt tắc Hữu diệt. Hữu diệt tắc Sanh diệt. Sanh diệt tắc Lão, Tử, ưu bi khổ não diệt.

(經)及廣說十二因緣法：無明緣行，行緣識，識緣名色，名色緣六入，六入緣觸，觸緣受，受緣愛，愛緣取，取緣有，有緣生，生緣老死憂悲苦惱。無明滅則行滅。行滅則識滅。識滅則名色滅。名色滅則六入滅。六入滅則觸滅。觸滅則受滅。受滅則愛滅。愛滅則取滅。取滅則有滅。有滅則生滅。生滅則老死憂悲苦惱滅。

(Kinh: Và nói rộng pháp mười hai nhân duyên (Dvādaśāiga Pratityasamutpāda): Vô Minh (Avidyā) duyên Hành (Saṃskāra), Hành duyên Thức (Vijñāna), Thức duyên Danh Sắc (Nāmarūpa), Danh Sắc duyên Lục Nhập (Saḍāyatana), Lục Nhập duyên Xúc (Sparśa), Xúc duyên Thọ (Vedanā), Thọ duyên Ái (Tṛṣṇā), Ái duyên Thủ (Upādāna), Thủ duyên Hữu (Bhava), Hữu duyên Sanh (Jāti), Sanh duyên Lão Tử (Jarāmarāṇa), ưu bi khổ não. Vô Minh diệt thì Hành diệt. Hành diệt thì Thức diệt. Thức diệt thì Danh Sắc diệt. Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt. Lục Nhập diệt thì Xúc diệt. Xúc diệt thì Thọ diệt. Thọ diệt thì Ái diệt. Ái diệt thì Thủ diệt. Thủ diệt thì Hữu diệt. Hữu diệt thì Sanh diệt. Sanh diệt thì Lão Tử, ưu bi khổ não diệt).

“*Cập quang thuyết*” (Và nói rộng) tức là nói mười hai nhân duyên, vẫn là nói Tứ Đế theo biệt tướng. Năm chi Vô Minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu vẫn là Tập Đế. Bảy chi kia vẫn là Khổ Đế. Vô Minh diệt thì Hành diệt, cho đến già chết diệt, vẫn là Diệt Đế. Cái trí quán nhân duyên chính là Đạo Đế. Vì thế nói “*cập quang thuyết*”. Mười hai pháp ấy cũng thông Đại, Tiểu, Thiên, Viên, tức là tư nghị sanh diệt, tư nghị bất sanh diệt, bất tư nghị sanh diệt, bất tư nghị bất sanh diệt, đại lược như trong phần Huyền Nghĩa đã nói. Trong kinh Hoa Nghiêm, Lục Địa Bồ Tát có mười loại quan sát mười hai nhân duyên, thành tựu Bát Nhã Vô Phân Biệt Trí, há có nên phán định [mười hai nhân duyên] chỉ thuộc vào pháp của Bích Chi Phật? Nay lại nương theo Duy Thức, trình bày đại lược tướng tư nghị sanh diệt.

- Một, Vô Minh tức là phát nghiệp vô minh (cái vô minh có thể đẩy khởi nghiệp), tức là sự ngu muội đối với dị thực quả²⁸³, chẳng hiểu thiện hay ác đều nhất định có quả báo, và ngu muội đối với nghĩa chân thật, tức là do chẳng hiểu tam giới là khổ, không, cho nên có thể phát khởi cái nghiệp chiêu cảm sanh tử. Tuy sân, mạn v.v... đều có thể phát khởi nghiệp, nhưng Vô Minh là chủ yếu. Vì thế, riêng nói đến nó.

- Hai, Hành chính là ba thứ hữu lậu nghiệp thiện, ác, bất động (chẳng thiện chẳng ác) do vô minh phát khởi, có thể cảm vởi dị thực quả thật sự trong tương lai. Hai chi này (Vô Minh và Hành) được gọi là Năng Dẫn Chi (chi có thể dẫn khởi).

- Ba, Thức: Do Vô Minh và Hành làm cái có thể dẫn khởi, mà tạo thành cái được dẫn khởi là chủng tử của tổng báo trong tương lai,

- Bốn, Danh Sắc: Do có thức chủng tử của tổng báo, sẽ trọn đủ chủng tử của Ca La La²⁸⁴ v.v... khi vừa thọ sanh trong tương lai. Bốn Âm Thọ, Tướng, Hành, Thức là Danh, Sắc Âm là Sắc.

²⁸³ Dị Thực Quả (Vipāka-phala) chính là quả báo chiêu cảm bởi dị thực nhân. Có nhiều cách giải thích, nhưng phổ biến nhất: Dị Thực Quả chính là quả báo sẽ chín muồi không cùng thời với nhân. Chẳng hạn như tạo nghiệp lành hay ác trong hiện thời, sẽ chiêu cảm cái quả sướng hay khổ trong tương lai, cái quả ấy được gọi là Dị Thực Quả.

²⁸⁴ Ca La La (Kalala), còn phiên âm là Yết La Lam, Yết Lạt Lam, Yết La La v.v... dịch nghĩa là Ngưng Hoạt, Tập Uế v.v... Tức là thứ do tinh của cha và trứng của mẹ kết hợp thành, khởi điểm của sự thọ thân, thuộc vào giai đoạn bảy ngày đầu tiên khi trứng của mẹ được thụ tinh từ cha. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa giảng: “*Yết La Lam, cựu dịch là Ca La La, phương này dịch là Hòa Hợp, hoặc Ngưng Hoạt, do thứ bất tịnh của cha mẹ hòa hợp, như mật, như lạc, ngưng đọng thành một giọt. Trong vòng bảy ngày cần thai, ngưng đọng như chất lạc*”.

- Năm, Lục Nhập: Đã có chủng tử của Thức và Danh Sắc, sẽ trọn đủ chủng tử của Lục Xứ trong tương lai, [Lục Xứ] tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

- Sáu, Xúc: Đã có chủng tử của Thức, Danh Sắc, và Lục Nhập, sẽ trọn đủ chủng tử Xúc Tâm Sở khi sáu căn tiếp xúc cảnh trong tương lai.

- Bảy, Thọ: Đã có chủng tử của Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, và Xúc, sẽ trọn đủ chủng tử của ba thứ Thọ Tâm Sở (Khổ, Lạc, Xả) khi lãnh nạp các cảnh thuận, nghịch v.v... trong tương lai.

Năm chi này (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ) đều được gọi là Sở Dẫn Chi. Do Vô Minh chẳng phát khởi dẫn nghiệp thì thôi; hễ đã phát khởi dẫn nghiệp, lẽ đương nhiên là dẫn khởi năm thứ chủng tử ấy, chẳng mất, chẳng hoại. Do vậy, chúng được gọi là Sở Dẫn Chi.

- Tám, Ái: Do từ Vô Minh và Hành đã dẫn khởi năm thứ chủng tử như Thức v.v... được thành tựu trong tương lai. Lại do mê sự mà vô minh, chẳng hiểu cảnh là hư vọng, đối với những điều được cảm thọ mà làm lạc nẩy sanh tham ái! Tuy ở trong nghịch cảnh, cũng khởi sân v.v... nhưng ái tập (tập khí Ái) như nước, có khả năng nhuận sanh (tăng trưởng tham ái) mạnh nhất. Vì thế, riêng nói đến nó.

- Chín, Thủ: Do Ái, theo đuổi cảnh giới yêu mến bằng đủ mọi cách, sanh đắm nhiễm sâu đậm.

- Mười, Hữu: Do từ Ái và Thủ dấy khởi nghiệp lực, nhiều lượt vun bồi Thức v.v... Do chủng tử của năm chi, chủng tử được vun bồi bèn nẩy sanh mầm móng của Hữu, chắc chắn sẽ cảm dị thực quả báo trong tương lai.

Ba chi này (Ái, Thủ, Hữu) được gọi là Năng Sanh Chi.

- Mười một, Sanh tức là cái mầm của hậu hữu (thân trong đời sau). Nó đã thành tựu, hễ xả cuộc đời này bèn sanh vào đời kia.

- Mười hai, Lão Tử: Đã sanh, sẽ dần dần biến đổi suy vi, được gọi là Lão. Rốt cuộc quy vào vô thường thì gọi là Tử²⁸⁵.

²⁸⁵ Đúng như Tổ đã nói, tùy theo từng giáo, từng tông mà Thập Nhị Nhân Duyên được giải thích theo các mức độ khác nhau, nhưng đối với những kẻ sơ cơ độn căn như mặt nhân thì Thập Nhị Nhân Duyên [giải thích theo Duy Thức] khá khó hiểu. Nhận thấy lời giảng của pháp sư Phổ Hành tương đối đơn giản dễ hiểu, chúng tôi xin trích lục như sau: “*Vô Minh duyên Hành: Hết thấy Hoặc chương phiền não trong quá khứ được gọi là Vô Minh. Hết thấy các nghiệp thiện ác đã tạo tác được gọi là Hành. Do vì mê hoặc mà tạo nghiệp, nên nói là ‘Vô Minh duyên Hành’. Một niệm đầu thai trong hiện tại được gọi là Thức. Cái Thức ấy do nghiệp lực trong quá khứ*

Hai chi này (Sanh và Lão Tử) được gọi là Sở Sanh Chi. Mười chi trước là nhân, cùng thuộc về hiện tại. Hai chi sau cùng là quả, riêng xét theo vị lai. Do mười chi của đời trước, cảm vờ sanh tử trong đời này. Do mười chi trong đời này, lại cảm sanh tử trong đời sau. Nhân quả ba đời, luân hồi không dứt. Vì thế gọi là tướng Thập Nhị Duyên Sanh, tức là Khổ Đế và Tập Đế được nói rộng. Nếu chán ghét già chết, hãy biết lão và tử là do sanh mà có. Kế đó liền chán sanh, biết Sanh do Hữu mà có. Biết Hữu do Thủ, biết Thủ do Ái. Ái có nhân là Thọ, Xúc là nhân của Thọ. Xúc có nhân là Lục Nhập. Lục Nhập có nhân là Danh Sắc. Danh Sắc do Thức mà có, Thức do Hành mà có, Hành do Vô Minh mà có. Vô Minh chỉ vì điên đảo, vọng tưởng mà có, chẳng còn do chi khác.

Chánh niệm quán sát, chẳng ngu làm đối với dị thực quả. Tin sâu đậm “làm ác sẽ mắc họa ương, làm lành được vui”, chẳng ngu làm đối với nghĩa chân thật. Tin sâu “ở trong tam giới là khổ, thoát khỏi tam giới là lạc”. Đó gọi là trí quán nhân duyên. Do bởi trí ấy, Vô Minh bèn diệt. Vô Minh diệt thì Hành diệt, cho đến già, chết, ưu bi, khổ não đều diệt. Do đó gọi là Diệt Tướng của mười hai nhân duyên, tức là Đạo Đế và Diệt Đế được nói rộng. Liệu giản ý nghĩa của mười hai chi cũng có nhiều môn, do ở đây chẳng cần thiết lắm, cho nên không sao lục trọn vẹn. Phần Đoạn sanh tử đã là như thế, Biến Dịch sanh tử cũng có tướng duyên sanh và duyên diệt. Phần Đoạn gồm mười hai món, tức là tư nghi

lời kéo đến, cho nên nói là ‘Hành duyên Thức’. Ngũ Ấm ở trong thai, Sắc Ấm có hình tướng, bốn Ấm kia chỉ có tên gọi, nên gọi là Danh. Gọi gộp chung Ngũ Ấm là Danh Sắc. Cái Danh Sắc ấy do Thức [của người đầu thai] nắm giữ tinh huyết của cha mẹ mà thành, cho nên gọi là ‘Thức duyên Danh Sắc’. Sáu căn nơi Sắc Ấm là chỗ để các trần tiến nhập (sáu căn tiếp xúc sáu trần), nên gọi là Lục Nhập. Do Lục Nhập mà Danh Sắc tăng trưởng thành hình; cho nên nói là ‘Danh Sắc duyên Lục Nhập’. Sau khi đã ra khỏi thai, sáu căn có thể tiếp xúc ngoại cảnh, nên nói ‘Lục Nhập duyên Xúc’. Do Xúc làm duyên, sanh khởi Thọ (cảm nhận) đối với khổ lạc hay chẳng khổ chẳng lạc, nên nói là ‘Xúc duyên Thọ’. Do Thọ làm duyên, sanh ý tưởng ưa thích cảnh lạc, chán lìa cảnh khổ, nên gọi là ‘Thọ duyên Ái’. Do Ái làm duyên, tâm truy cầu cảnh ham muốn, chấp giữ chẳng bỏ, nên gọi là ‘Ái duyên Thủ’. Do Thủ làm duyên, tạo các nghiệp thiện hay ác hữu lậu, chắc chắn sanh ra các thứ quả báo trong tam giới nơi đời vị lai, nên nói là ‘Thủ duyên Hữu’. Do cái Hữu mang tánh chất quyết định trong đời này, sẽ sanh trong lục đạo thuộc đời sau, cho nên nói ‘Hữu duyên Sanh’. Do sanh thân biến đổi, hư hoại, cho nên mới có già, chết, ưu bi khổ não. Vì thế nói là ‘Sanh duyên Lão Tử, ưu bi khổ não’. Vô Minh và Hành là cái nhân trong quá khứ. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc và Thọ là cái quả trong hiện tại. Ái, Thủ, Hữu là cái nhân trong hiện tại. Sanh và Lão Tử là cái quả trong vị lai”. Đây là cách giải thích theo giáo nghĩa A Hàm.

sanh diệt. Nếu thấu đạt các pháp ấy chính là Không, sẽ là tư nghị bất sanh diệt. Biến Dịch sanh tử gồm mười hai món, tức là bất tư nghị sanh diệt. Nếu thấu đạt chúng chính là Trung, thì chính là bất tư nghị bất sanh diệt.

Lại nữa, nếu ngộ bất tư nghị bất sanh diệt, thì mười hai món Phần Đoạn sanh tử cũng chính là bất tư nghị bất sanh diệt. Vì thế nói: “*Hoặc chính là Bát Nhã, nghiệp chính là Giải Thoát, Khổ chính là Pháp Thân. Đương xứ (ngay nơi ấy) thanh tịnh, đương xứ tự tại, đương xứ rốt ráo*”. Một thứ đã thanh tịnh thì hết thấy đều thanh tịnh. Một thứ tự tại thì hết thấy đều tự tại. Một thứ rốt ráo thì hết thấy đều rốt ráo.

Phần thứ hai, “chuyển pháp luân” đã xong!

7.1.2.1.2.3. Nghe pháp đặc đạo

(Kinh) Phật ở thiên nhân đại chúng chỉ trung thuyết thị pháp thời, lục bách vạn ức na-do-tha nhân dĩ bất thọ nhất thiết pháp cố, nhi u chư lậu tâm đắc giải thoát, giai đắc thâm diệu Thiên Định, tam minh, lục thông, cụ bát giải thoát. Đệ nhị, đệ tam, đệ tứ thuyết pháp thời, thiên vạn ức Hằng hà sa na-do-tha đẳng chúng sanh diệt dĩ bất thọ nhất thiết pháp cố, nhi u chư lậu tâm đắc giải thoát. Tùng thị dĩ hậu, chư Thanh Văn chúng vô lượng vô biên bất khả xưng số.

(經)佛於天人大眾之中說是法時，六百萬億那由他人以不受一切法故，而於諸漏心得解脫，皆得深妙禪定，三明，六通，具八解脫。第二，第三，第四說法時，千萬億恆河沙那由他等眾生亦以不受一切法故，而於諸漏心得解脫。從是已後，諸聲聞眾無量無邊不可稱數。

(Kinh: Lúc đức Phật ở giữa đại chúng trời người nói pháp ấy, sáu trăm vạn ức na-do-tha người do chẳng thọ hết thấy các pháp, bèn đối với các lậu, tâm được giải thoát, đều đạt được Thiên Định sâu mầu, tam minh, lục thông, trọn tám món giải thoát. Khi thuyết pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, ngàn vạn ức Hằng hà sa na-do-tha v.v... chúng sanh cũng do chẳng thọ hết thấy các pháp mà đối với các lậu, tâm được giải thoát. Từ đây trở đi, các vị Thanh Văn vô lượng vô biên chẳng thể tính kể).

“*Bất thọ nhất thiết pháp*” (Chẳng thọ hết thấy các pháp) tức là chẳng thọ Tứ Kiến²⁸⁶, chứng Sơ Quả. “*Ư chư lậu tâm đắc giải thoát*” (Đối với các lậu, tâm được giải thoát) tức là thoát khỏi các trói buộc bởi Kiến Tư Hoặc, đã chứng Vô Học. “*Thâm diệu Thiền Định*”: Quán luyện, huân tu các món Thiền đều được giải thoát.

Hỏi: - Tứ Đế, mười hai nhân duyên đã chung khắp cho tứ giáo, [vậy thì] cũng có người [do nghe Đại Thông Trí Thắng Phật nói Tứ Đế, mười hai nhân duyên mà] chứng Đại pháp hay không?

Đáp: - Chẳng hạn như Phật Thích Ca thoát đầu nói Tam Quy Ngũ Giới, còn có tám vạn chư thiên ngũ Vô Sanh Nhân. Phật Phật đạo đồng, lẽ nào vị Phật ấy (Đại Thông Trí Thắng Phật) chẳng giống như vậy? Kinh văn ở đây chú trọng lược thuật nguyên do kết duyên, rảnh đâu đề trần thuật các lợi ích bí mật, bất định v.v... thuở xa xưa?

Phần thứ nhất, “chuyển bán tự pháp luân” đã xong.

7.1.2.2. Chuyển pháp luân phế bán giáo, nêu rõ mãn giáo

7.1.2.2.1. Các con xuất gia

(Kinh) Nhĩ thời, thập lục vương tử, giai dĩ đồng tử xuất gia nhi vi sa-di, chư căn thông lợi, trí huệ minh liễu, dĩ tăng cúng dường bách thiên vạn ức chư Phật, tịnh tu phạm hạnh, cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，十六王子，皆以童子出家而為沙彌，諸根通利，智慧明了，已曾供養百千萬億諸佛，淨修梵行，求阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười sáu vương tử đều là đồng tử xuất gia làm sa-di, các căn thông suốt, nhạy bén, trí huệ sáng tỏ, đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức chư Phật, tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

²⁸⁶ Tứ Kiến là bốn cách kiến giải đối với sự vật: “Nhất, di, thường, phi thường”. Tức là đối với sự vật khác nhau, chúng ta nghĩ chúng là một hoặc giống nhau (đó là Nhất), chúng hoàn toàn khác nhau (đó là Di), chúng thường tồn tại vĩnh hằng (đó là Thường), chúng chẳng bền chắc, sẽ bị diệt mất (đó là Phi Thường).

“Chư căn thông lợi” (Các căn thông suốt, nhạy bén) tức là sáu căn thanh tịnh. Hơn nữa, sáu căn dùng lẫn cho nhau gọi là Thông; chứng cảnh giới của Phật là Lợi. “Trí huệ minh liễu” chính là khai thị ngộ nhập (thoạt đầu, xét theo địa vị Tương Tự để giải thích. Kế đó, dựa theo địa vị Phân Chứng để giải thích).

7.1.2.2.2. Thỉnh pháp

(Kinh) Câu bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị chư vô lượng thiên vạn ức đại đức Thanh Văn giai dĩ thành tựu. Thế Tôn diệc đương vị ngã đẳng thuyết A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Ngã đẳng văn dĩ, giai cộng tu học. Thế Tôn! Ngã đẳng chí nguyện Như Lai tri kiến, thâm tâm sở niệm, Phật tự chứng tri.

(經)俱白佛言：「世尊！是諸無量千萬億大德聲聞皆已成就。世尊亦當為我等說阿耨多羅三藐三菩提法。我等聞已，皆共修學。世尊！我等志願如來知見，深心所念，佛自證知」。

(Kinh: Đều bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vô lượng ngàn vạn ức đại đức Thanh Văn đây đều đã thành tựu, Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng con nghe rồi, đều cùng tu học. Bạch Thế Tôn! Chúng con chí nguyện tri kiến của Như Lai, thâm tâm nghĩ tưởng, Phật tự chứng biết).

Thoạt đầu, đức Phật ấy nói pháp viên đôn. Các con đều đã trọn đủ công đức Đại Thừa, thương xót các phương tiện (tức bảy loại căn cơ, thường gọi là “bảy phương tiện”), lại thỉnh Phật khai Quyền hiển Thật. “Thanh Văn giai dĩ thành tựu” (Thanh Văn đều đã thành tựu) nói rõ đã trừ chướng, căn cơ [Đại Thừa] đã dậy động. Do vậy, [các vương tử sa-di] vì họ thỉnh cầu. “Ngã đẳng chí nguyện Như Lai tri kiến giả” (Chúng con chí nguyện tri kiến của Như Lai): Kinh Pháp Hoa chỉ nói về tri kiến của Phật, chỉ dốc chí vào đó. Đây chính là phần kinh văn thỉnh cầu mãn tự, phệ trừ bán tự vậy!

7.1.2.2.3. Những người được dẫn theo cũng xuất gia

(Kinh) Nhĩ thời, Chuyển Luân Thánh Vương sở tương chúng trung bát vạn ức nhân, kiến thập lục vương tử xuất gia, diệc cầu xuất gia. Vương tức thỉnh hứa.

(經)爾時，轉輪聖王所將眾中八萬億人，見十六王子出家，亦求出家。王即聽許。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tám vạn ức người trong số những người do Chuyển Luân Thánh Vương dẫn tới, thấy mười sáu vương tử xuất gia, cũng xin xuất gia. Vua liền chấp thuận).

7.1.2.2.4. Đức Phật chấp thuận lời thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, bỉ Phật thọ sa-di thỉnh, quá nhị vạn kiếp dĩ, nãi ư tứ chúng chi trung thuyết thị Đại Thừa kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Thuyết thị kinh dĩ, thập lục sa-di vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, giai cộng thọ trì, phúng tụng thông lợi.

(經)爾時，彼佛受沙彌請，過二萬劫已，乃於四眾之中說是大乘經，名妙法蓮華教菩薩法佛所護念。說是經已，十六沙彌為阿耨多羅三藐三菩提故，皆共受持，諷誦通利。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật nhận lời thỉnh của các sa-di, sau hai vạn kiếp, bèn vì tứ chúng nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh ấy rồi, mười sáu sa-di vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều cùng thọ trì, phúng tụng²⁸⁷ thông suốt).

“Quá nhị vạn kiếp” (Qua hai vạn kiếp): Ban bố tam thừa đã lâu, chẳng để cho khoảng giữa vô sự; đối ứng với ý nghĩa trong Trùng Tụng thuộc phần sau, [sẽ biết là trước khi nói kinh Pháp Hoa, Đại Thông Trí Thắng Như Lai] ắt nói Phương Đẳng, Bát Nhã. Kệ tụng ghi: “Thuyết Lục Ba La Mật, cập chư thần thông sự” (Nói sáu Ba La Mật và các

²⁸⁷ Phúng (諷) là đối trước kinh bản để đọc ra tiếng, Tụng (誦) là đọc thuộc lòng, không cần kinh bản.

chuyện thần thông). Bát Nhã là hạnh, thần thông là Sự. Các kinh Phương Đẳng phần nhiều nói về chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Kệ tụng còn nói: “*Phân biệt chân thật pháp*”, ngụ ý kinh Đại Phẩm giảng về Thật Tướng Bát Nhã.

7.1.2.2.5. Đại chúng khi ấy có người hiểu, có người chẳng hiểu

(Kinh) *Thuyết thị kinh thời, thập lục Bồ Tát sa-di giai tất tín thọ. Thanh Văn chúng trung, diệc hữu tín giải. Kỳ dư chúng sanh thiên vạn ức chủng giai sanh nghi hoặc.*

(經)說是經時，十六菩薩沙彌皆悉信受。聲聞眾中，亦有信解。其餘眾生千萬億種皆生疑惑。

(Kinh: *Lúc nói kinh ấy, mười sáu vị Bồ Tát sa-di thấy đều tin nhận. Trong các vị Thanh Văn, cũng có người tin hiểu. Ngàn vạn ức loại chúng sanh khác đều sanh nghi hoặc).*

Tin nhận thì sẽ có thể hoằng truyền, lưu thông; tin hiểu sẽ có thể nhập Thật. Ngờ vực, chẳng hiểu có đến ngàn vạn ức người, tức là những kẻ kết duyên Pháp Hoa với mười sáu vị vương tử.

Hỏi: - Từ khi Phật chấp thuận lời thỉnh cầu cho tới nay đã qua hai vạn kiếp rồi, vì lẽ nào mười sáu vị vương tử vẫn chẳng tiến lên thọ Cụ Túc Giới, vẫn gọi là sa-di? Đã là sa-di, sao lại gọi là Bồ Tát?

Đáp: - Mười sáu vị vương tử vốn là Bồ Tát, do sót sáng học Đại Thừa, chẳng rảnh để tiến nhập Cụ Túc Giới, từ đầu đến cuối hiện thân đồng tử. Sa-di được thọ Bồ Tát đại giới chính là quy củ thường hằng của chư Phật, sao đáng để khởi nghi? Dầu thọ đại giới, địa vị vẫn là sa-di, chưa hề tiếm việt địa vị tỳ-kheo, rối loạn bản thể trụ trì Tăng Bảo! Chẳng hạn như đại thánh Văn Thù [trong] hết thấy [oai nghi] đi ngồi đều nương ngài Ma Ha Ca Diếp, đã có kinh văn rõ ràng, chỉ do người ta chẳng suy xét đó thôi!

Hỏi: - Ngàn vạn ức người đã chẳng thể hiểu, sao không khiến cho họ lui ra như năm ngàn người [trong hội Pháp Hoa của Thích Ca Mâu Ni Phật]? Sao không dời họ sang cõi Phật ở phương khác [như khi hiện bảo tháp, thuyết thọ mạng của Như Lai] để họ đến nỗi nảy sanh nghi hoặc?

Đáp: - Dầu sanh nghi thì cũng trở thành Kết Duyên Chúng; vì thế, chẳng dời họ đi. Nếu [là kẻ] sanh lòng hủy báng, sẽ đọa khổ, cho nên

cần phải trực xuất họ. Tức là khi vị Phật hiện tại (Phật Thích Ca) nói Pháp Hoa, đảm bảo chẳng có kẻ sanh nghi!

7.1.2.2.6. Thời tiết

(Kinh) Phật thuyết thị kinh, ư bát thiên kiếp vị tăng hưu phế.

(經)佛說是經，於八千劫未曾休廢。

(Kinh: Đức Phật nói kinh này trong tám ngàn kiếp, chưa từng nghỉ ngơi, phế bỏ).

Hỏi: - Tương truyền Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa chỉ tám năm, đã khó tin rồi. Khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bồn thì phải nói chẳng ngại phiền! Đức Phật kia trong tám ngàn kiếp chưa từng nghỉ ngơi, phế trừ, chẳng biết Ngài nói những gì vậy?

Đáp: - Chỉ bốn chữ “*khai Quyền, hiển Thật*”, giả sử nói trong Hằng hà sa kiếp cũng chẳng cùng tận, huống hồ chỉ tám ngàn kiếp, hoặc chỉ tám năm ư? Và nữa, Thật Tướng của các pháp [được diễn tả] bằng mấy câu, nghĩa lý đã mênh mông, bao gồm thấu triệt trọn hết ba pháp “*tánh tu, nhân quả, ngang dọc*” trong bách giới Thiên Như chẳng còn sót gì, có thể diễn nói đến cùng tận đời vị lai, huống hồ khai Tịch hiển Bồn nói trọn vẹn chuyện chẳng thể nghĩ bàn trong bao kiếp vời vợi ư? Lại như các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, dùng các loại pháp tán thán của Bồ Tát để tán thán đức Phật suốt năm mươi tiểu kiếp. Khi chư Phật hiện thân lực, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, liền [hiện tướng ấy] trọn đủ trăm ngàn năm. Sao lại dùng cái tâm phàm phu để toan suy lường pháp vi diệu rất sâu của Như Lai ư?

7.1.2.2.7. Nói xong nhập Định

(Kinh) Thuyết thị kinh dĩ, tức nhập tĩnh thất, trụ ư Thiên Định bát vạn tứ thiên kiếp.

(經)說是經已，即入靜室，住於禪定八萬四千劫。

(Kinh: Nói kinh ấy xong, liền vào tĩnh thất, trụ trong Thiên Định tám vạn bốn ngàn kiếp).

Đây chính là nguyên do gần của chuyện kết duyên. Do Phật nhập Định, những người nghi hoặc không có chỗ nào để thưa hỏi. Mười sáu vị vương tử vì những kẻ chẳng hiểu mà giảng lại kinh này. Kinh văn nói rõ

chỗ nhập Định, tức là “*tĩnh thất*”. “*Chánh nhập Định*” tức là trụ trong Thiền Định. Thời gian nhập Định là tám vạn bốn ngàn kiếp; nhưng tâm chư Phật không lúc nào chẳng Định, há có xuất nhập? Chỉ vì cơ duyên của đại chúng thuở ấy ở nơi mười sáu người con, cho nên đối với chừng hạn của việc kết duyên phải nên ấn định thời hạn như thế.

Phần thứ nhất, “nguyên do kết duyên” đã xong.

7.1.3. Chánh kết duyên

7.1.3.1 Kết duyên cho Pháp Thuyết Châu

7.1.3.1.1. Kết duyên với Phật và Bồ Tát trong quá khứ

7.1.3.1.1.1. [Mười sáu Sa-di Bồ Tát] giảng lại kinh hồng lợi ích chúng sanh

(Kinh) Thị thời, thập lục Bồ Tát sa-di tri Phật nhập thất, tịch nhiên Thiền Định, các thăng pháp tòa, diệc ư bát vạn tứ thiên kiếp, vị tứ bộ chúng quảng thuyết phân biệt Diệu Pháp Hoa kinh. Nhất nhất giai độ lục bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chúng sanh, thị giáo lợi hỷ, linh phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)是時，十六菩薩沙彌知佛入室，寂然禪定，各升法座，亦於八萬四千劫，為四部眾廣說分別妙法華經。一一皆度六百萬億那由他恆河沙等眾生，示教利喜，令發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Khi đó, mười sáu vị Bồ Tát sa-di biết Phật nhập thất, lặng lẽ Thiền Định, đều lên pháp tòa, cũng trong tám vạn bốn ngàn kiếp, vì bốn bộ chúng rộng nói phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mỗi vị đều độ chúng sanh nhiều như số cát trong sáu trăm vạn ức na-do-tha sông Hằng, chỉ dạy khiến cho họ được lợi ích, hoan hỷ, khiến cho họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Sa-di thăng tòa [thuyết pháp]; không chỉ mười sáu vị Bồ Tát là như thế, ngay như trong Tỳ Ni Tạng hiện thời cũng có kinh văn ghi chép rõ rệt, chú trọng nơi giải, chứ không phải tuổi tác. “*Linh phát đại Bồ Đề tâm*” (Khiến cho họ phát tâm đại Bồ Đề) thì gọi là Độ. Thệ nguyện sẽ thành Phật là đã vượt xa thế gian, tức là ý nghĩa “*độ bảy loại phương tiện đạt đến bờ kia*”.

7.1.3.1.1.2. Đức Phật xuất Định, khen ngợi

7.1.3.1.1.2.1. Xưng tán

(Kinh) Đại Thông Trí Thắng Phật quá bát vạn tứ thiên kiếp dĩ, từng tam-muội khởi, vãng nghệ pháp tòa, an tường nhi tọa, phổ cáo đại chúng: - Thị thập lục Bồ Tát sa-di thậm vi hy hữu, chư căn thông lợi, trí huệ minh liễu, dĩ tăng cúng dường vô lượng thiên vạn ức số chư Phật, u chư Phật sở, thường tu Phạm hạnh, thọ trì Phật trí, khai thị chúng sanh, linh nhập kỳ trung.

(經)大通智勝佛過八萬四千劫已，從三昧起，往詣法座，安詳而坐，普告大眾：「是十六菩薩沙彌甚為希有，諸根通利，智慧明了，已曾供養無量千萬億數諸佛，於諸佛所，常修梵行，受持佛智，開示眾生，令入其中。

(Kinh: Đại Thông Trí Thắng Phật qua khởi tám vạn bốn ngàn kiếp, từ tam-muội dậy, đi đến pháp tòa, ngồi an tường, bảo khắp các đại chúng: - Mười sáu Bồ Tát sa-di này rất hy hữu, các căn thông suốt, lanh lợi, trí huệ sáng tỏ, đã từng cúng dường vô lượng ngàn vạn ức chư Phật, ở nơi chư Phật thường tu Phạm hạnh, thọ trì Phật trí, khai thị chúng sanh khiến họ nhập vào trong ấy).

7.1.3.1.1.2.2. Khuyên hãy đích thân tin tưởng

(Kinh) Nhữ đẳng giai đương sở sở thân cận, nhi cúng dường chi. Sở dĩ giả hà? Nhược Thanh Văn, Bích Chi Phật, cập chư Bồ Tát năng tín thị thập lục Bồ Tát sở thuyết kinh pháp, thọ trì bất hủy giả, giai đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Như Lai chi huệ.

(經)汝等皆當數數親近，而供養之。所以者何？若聲聞、辟支佛，及諸菩薩能信是十六菩薩所說經法，受持不毀者，皆當得阿耨多羅三藐三菩提如來之慧」。

(Kinh: Các ông hãy nên nhiều lượt thân cận để cúng dường. Vì có sao vậy? Nếu Thanh Văn, Bích Chi Phật, và các Bồ Tát có thể tin kinh

pháp do mười sáu vị Bồ Tát ấy nói, thọ trì, chẳng hủy báng, sẽ đều đạt được trí huệ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai).

Đây là phần kinh văn thọ ký u huyền của vị cổ Phật.

Phần thứ nhất, “cùng kết duyên với cổ Phật, Bồ Tát” đã xong.

7.1.3.1.2. Gặp gỡ trong khoảng giữa²⁸⁸

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Thị thập lục Bồ Tát thường nhạo thuyết thị Diệu Pháp Liên Hoa kinh, nhất nhất Bồ Tát sở hóa lục bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng chúng sanh, thể thể sở sanh dữ Bồ Tát câu, từng kỳ văn pháp, tất giai tín giải. Dĩ thử nhân duyên, đắc trị tứ vạn ức chư Phật Thế Tôn vu kim bất tận.

(經)佛告諸比丘：「是十六菩薩常樂說是妙法蓮華經，一一菩薩所化六百萬億那由他恆河沙等眾生，世世所生與菩薩俱，從其聞法，悉皆信解。以此因緣，得值四萬億諸佛世尊于今不盡。

(Kinh: Phật bảo các tỳ-kheo: - Mười sáu vị Bồ Tát ấy thường ra thích nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, mỗi vị Bồ Tát giáo hóa sáu trăm vạn ức na-do-tha Hằng hà sa chúng sanh, họ đời đời thường sanh cùng với các Bồ Tát, theo các Ngài nghe pháp, thấy đều tín giải. Do nhân duyên ấy, được gặp bốn vạn ức chư Phật Thế Tôn tới nay chẳng tận).

Gặp gỡ có ba loại:

- Một là từ thuở đầu thường thọ lãnh Đại Thừa, trong khoảng giữa đều đã thành tựu, chẳng đợi đến ngày nay.

- Hai là người thoát đầu thọ lãnh Đại Thừa, giữa chừng thoái thất Đại Thừa, tiếp đó tu Tiểu pháp. Hạng người này do khoảng giữa chưa tận (chưa đoạn tuyệt thiện căn Đại Thừa), đến nay vẫn gặp đại giáo.

- Ba là chỉ nói theo người gặp gỡ Tiểu Thừa, chẳng luận người gặp Đại pháp. Hoặc là thoát đầu tuy thọ Đại Thừa, sau khi thoái thất bèn chẳng có căn cơ, cho nên trong khoảng giữa chưa đắc độ, tới nay cũng chẳng tận (thiện căn đắc độ bởi Đại Thừa chẳng tận), cho đến sau khi

²⁸⁸ Nói trong “khoảng giữa” tức là khoảng thời gian sau khi mười sáu vị sa-di Bồ Tát nói kinh Pháp Hoa cho đến trước khi các Ngài thành Phật ở mười phương.

Phật diệt độ bèn đắc đạo (hạng người này do thoát đầu khi nghe Tiểu pháp bèn kết duyên ban đầu, trong khoảng giữa lại chỉ tu tập Tiểu pháp. Nay gặp các vương tử. Hơn nữa, có kẻ thoát đầu nghe Tiểu pháp, nay thấy trong giáo pháp một đời của Phật Thích Ca có phán định hàng Thanh Văn chưa phát tâm, liền phán đoán những người ấy sẽ vĩnh viễn diệt độ (nhập Thiên Chân Niết Bàn), chẳng phát [tâm Đại Thừa]. Đó là vì chẳng biết sự giáo hóa dài lâu của Như Lai).

Hỏi: - Từ số kiếp nhiều bằng số vi trần như trên đây cho tới nay mới chứng đắc A La Hán, cho nên biết Vô Sanh Pháp Nhẫn há dễ đạt được!

Đáp: - Có thể nói là đại thánh (tức đức Phật) thiện xảo nương theo Tứ Tất Đàn mà nói như thế. Hoặc nói là Phật đạo dài lâu, hoặc nói Phật đạo dễ đạt được, hoặc tùy theo lòng ham muốn của thế gian, hoặc vì phát sanh điều thiện trong quá khứ, nhằm đối trị kẻ chán sợ đạo dài lâu mà nói ngắn ngủi, hoặc đối với kẻ có ý tưởng coi đạo là dễ dàng, bèn nói [thời gian tu đạo] dài lâu. Do nghe nói [thời gian tu đạo] dài hay ngắn mà họ được nhập Đệ Nhất Nghĩa. Hãy nên biết: Nói “*trải qua kiếp số như thế cho tới nay mới đắc La Hán*” chính là quyền hành Tứ Tất Đàn, dẫn khởi các Thật hạnh, hòng khiến cho họ nhập đạo. Lại nữa, Lý không có dài hay ngắn, dài hay ngắn là do căn cơ, sao không dốc sức tự mình siêng gắng, cần gì phải luận định thời gian người khác tu tập dài hay ngắn?

7.1.3.1.3. Ngày nay vẫn nói kinh Pháp Hoa

7.1.3.1.3.1. Trước hết kết lại để dung hội xưa và nay

7.1.3.1.3.1. Tổng kết về thầy xưa và nay

(Kính) Chư tỳ-kheo! Ngã kim ngữ nhữ, bỉ Phật đệ tử thập lục sa-di, kim giai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư thập phương quốc độ, hiện tại thuyết pháp, hữu vô lượng bách thiên vạn ức Bồ Tát, Thanh Văn dĩ vi quyến thuộc. Kỳ nhĩ sa-di Đông phương tác Phật: Nhất danh A Súc tại Hoan Hỷ quốc, nhĩ danh Tu Di Đảnh. Đông Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Sư Tử Âm, nhĩ danh Sư Tử Tướng. Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Hư Không Trụ, nhĩ danh Thường Diệt. Tây Nam phương nhĩ Phật: Nhất danh Đế Tướng, nhĩ danh Phạm Tướng. Tây phương nhĩ Phật: Nhất danh A Di Đà, nhĩ danh Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Tây Bắc phương nhĩ Phật: Nhất danh Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Thần Thông, nhĩ danh

Tu Di Tướng. Bắc phương nhị Phật: Nhất danh Vân Tụ Tại, nhị danh Vân Tụ Tại Vương. Đông Bắc phương Phật danh Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy. Độ thập lục, ngã Thích Ca Mâu Ni Phật, ở Sa Bà quốc độ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！我今語汝，彼佛弟子十六沙彌，今皆得阿耨多羅三藐三菩提，於十方國土，現在說法，有無量百千萬億菩薩、聲聞以為眷屬。其二沙彌東方作佛：一名阿閼在歡喜國，二名須彌頂。東南方二佛：一名師子音，二名師子相。南方二佛：一名虛空住，二名常滅。西南方二佛：一名帝相，二名梵相。西方二佛：一名阿彌陀，二名度一切世間苦惱。西北方二佛：一名多摩羅跋旃檀香神通，二名須彌相。北方二佛：一名雲自在，二名雲自在王。東北方佛名壞一切世間怖畏。第十六，我釋迦牟尼佛，於娑婆國土成阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Này các tỳ-kheo! Ta nay bảo các ông, mười sáu sa-di đệ tử của đức Phật ấy, nay đều đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nay đang thuyết pháp trong các cõi nước ở mười phương, có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ Tát và Thanh Văn làm quyến thuộc. Hai sa-di làm Phật ở phương Đông, vị thứ nhất là A Súc (Akṣobhya) ở nước Hoan Hỷ (Abhirati), vị thứ hai tên là Tu Di Đảnh (Merukūṭa). Hai vị Phật ở phương Đông Nam, vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm (Simhaghoṣa), vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng (Simhādhvaja). Phương Nam hai vị Phật, vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ (Ākāśapratiṣṭhita), vị thứ hai tên là Thường Diệt (Nityaparinirvṛta). Phương Tây Nam hai vị Phật, vị thứ nhất tên là Đế Tướng (Indradhvaja), vị thứ hai tên là Phạm Tướng (Brahmadhvaja). Phương Tây hai vị Phật, vị thứ nhất tên là A Di Đà (Amitāyus), vị thứ hai tên Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não (Sarvalokadhātūpadravodvega-pratyuttīrṇa). Phương Tây Bắc hai vị Phật, vị thứ nhất tên Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông (Tāmālapatracandanagandhābhijñā), vị thứ hai tên Tu Di Tướng (Merukalpa). Phương Bắc hai vị Phật, vị thứ nhất tên Vân Tụ Tại (Meghasvaradīpa),

vị thứ hai tên Vân Tự Tại Vương (Meghasvararāja). Phật ở phương Đông Bắc tên là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy (Sarvalokabhayacchambhitatvavidhvamsanakara). Vị Phật thứ mười sáu là ta, Thích Ca Mâu Ni Phật (Śākyamuni), ở trong cõi Sa Bà (Sahālokā) thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác)²⁸⁹.

Mười sáu vị sa-di là cỏ, thành Phật ở tám phương là kim. A Súc được phương này dịch là Vô Động.

7.1.3.1.3.2. Dung hội đệ tử xưa và nay

²⁸⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “A Súc nói đầy đủ là A Súc Bệ, còn dịch là Bất Động. Phương Đông thuộc quẻ Chấn [theo kinh Dịch], đứng đầu các sự chấn động. Phật có thể ở trong động mà bất động; vì thế gọi là A Súc. Hoan Hỷ quốc chính là Diệu Hỷ tịnh độ ở phương Đông. Phật tròn đủ vạn đức, cao vượt tất cả muôn vật, vì thế gọi là Tu Di Đảnh. Phật thuyết pháp vô úy như sư tử rống. Vì thế tên là Sư Tử Âm. Cưỡi chỉ, biểu lộ thần thái oai nghiêm như sư tử, chẳng giận mà tự uy. Vì thế tên là Sư Tử Tướng. Xa lìa các cõi, trụ trong pháp tánh Không, cho nên gọi là Hư Không Trụ. Thường là sanh diệt, vắng lặng, dứt bật các phiền não. Vì thế tên là Thường Diệt. Phật có oai đức tôn nghiêm, như đế vương trong thế gian. Vì thế tên là Đế Tướng. Phạm hạnh thanh tịnh, nên tên là Phạm Tướng. Kinh Di Đà nói: ‘Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi nước. Vì thế tên là A Di Đà’. Lại nói: ‘Thọ mạng của đức Phật và nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Vì thế tên là A Di Đà’. Phật dùng đại bi độ người khác, độ trọn hết các hữu tình, nên tên là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Đa Ma La Bát dịch nghĩa là Tánh Vô Cấu Hiền, [là từ ngữ] hình dung hương Chiên Đàn. Thần thông của Phật có thể độ chúng sanh, lìa phiền não cấu, đạt được thanh tịnh. Do vậy gọi là Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Thần Thông. Tướng hảo trang nghiêm, ví như Tu Di. Vì thế gọi là Tu Di Tướng. Phật tâm vô tư, diệu hạnh vô trụ, ví như mây phình ra hoặc co lại tự tại, che rợp hết thấy, nên gọi là Vân Tự Tại. Thánh đức lưu hành, phủ trùm nhân dân như vua trong thế gian, nên gọi là Vân Tự Tại Vương. Nỗi khổ do già, bệnh, chết là chuyện đáng sợ hãi trong thế gian. Phật độ hữu tình lìa khỏi nỗi khổ ấy, đạt được an ổn. Do vậy tên là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bồ Úy. Thích Ca dịch là Năng Nhân, Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Quyền trí lợi lạc chúng sanh, nhuận trạch muôn loài, cho nên gọi là Năng Nhân. Đó chính là diệu dụng nơi Ứng Thân. Thật trí chứng Lý, lìa ngôn từ, dứt bật hình tướng, cho nên nói là Tịch Mặc. Đó chính là Pháp Thân Lý Thể. Quyền chính là Thật, Thật chính là Quyền, Thể lẫn Dụng đều viên dung. Vì thế gọi là Thích Ca Mâu Ni. Sa Bà được phương này dịch là Nhẫn Độ, có hai nghĩa: Một, như sách Pháp Hoa Văn Cú giảng: ‘Chúng sanh cõi ấy an trụ trong Thập Ác, chẳng chịu xuất ly. Do tánh chất của nhân loại mà đặt tên quốc độ. Vì thế gọi là Kham Nhẫn. Hai, như sách Pháp Hoa Huyền Tân chép: ‘Tiếng Phạn là Sách Ha, phương này dịch là Kham Nhẫn, các hàng Bồ Tát khi làm chuyện lợi lạc, bị nhiều ghen ghét, các nỗi khổ não hại, các Ngài đều có thể chịu đựng nhọc nhằn, khổ sở. Do vậy mà gọi tên quốc độ như thế. [Phiên âm là] Sa Bà tức là bị sai ngoa”.

7.1.3.1.3.2.1. Vốn kết duyên to lớn

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Ngã đẳng vi sa-di thời, các các giáo hóa vô lượng bách thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chúng sanh, từng ngã văn pháp, vị A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)諸比丘！我等為沙彌時，各各教化無量百千萬億恆河沙等眾生，從我聞法，為阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Chúng ta khi làm sa-di, mỗi người đều giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa chúng sanh theo chúng ta nghe pháp vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây là nói về lúc mới nghe pháp, đều vì Vô Thượng Bồ Đề. Đó gọi là “tam thừa sơ tâm đều chẳng ngu muội nơi pháp”. Nhưng từ đây trở đi, có thoái chuyển và bất thoái, khiến cho người được giải thoát có trước sau sai khác!

7.1.3.1.3.2.2. Giải trừ mọi nghi đối với những người hiện thời vẫn trụ nơi địa vị Thanh Văn

(Kinh) Thử chư chúng sanh vu kim hữu trụ Thanh Văn địa giả, ngã thường giáo hóa A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị chư nhân đẳng, ưng dĩ thị pháp tiệm nhập Phật đạo. Sở dĩ giả hà? Như Lai trí huệ nan tín, nan giải.

(經)此諸眾生于今有住聲聞地者，我常教化阿耨多羅三藐三菩提。是諸人等，應以是法漸入佛道。所以者何？如來智慧難信，難解。

(Kinh: Các chúng sanh ấy tới nay có người trụ trong địa vị Thanh Văn, ta thường giáo hóa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những người ấy đáng nên dùng pháp này để dần dần nhập Phật đạo. Vì có sao vậy? Trí huệ của Như Lai khó tin, khó hiểu).

Trước hết nói rõ các chúng sanh ấy vào thời Đại Thông [Trí Thắng] Phật đã theo ta nghe pháp, chính là vì Vô Thượng Bồ Đề. Có sao cho đến nay vẫn có người còn trụ trong địa vị Thanh Văn? Giải rằng: Ta

thường dùng Vô Thượng Bồ Đề để giáo hóa, nhưng do [căn cơ của] những người ấy đáng nên dùng pháp Quyền Tiếu để khiến cho họ dần dần nhập Phật đạo. Lại có kẻ nghi: “Những người ấy vì lẽ nào đáng nên dùng pháp đó để dần dần tiến nhập?” Giải rằng: Ấy là vì trí huệ của Như Lai khó tin, khó hiểu.

7.1.3.1.3.2.3. Tổng kết dung hội xưa nay

(Kinh) Nhữ thời, sở hóa vô lượng Hằng hà sa đẳng chúng sanh giả, nhữ đẳng chư tỳ-kheo, cập ngã diệt độ hậu, vị lai thế trung Thanh Văn đệ tử thị dã.

(經)爾時，所化無量恆河沙等眾生者，汝等諸比丘，及我滅度後，未來世中聲聞弟子是也。

(Kinh: Thuở đó, vô lượng Hằng hà sa chúng sanh được giáo hóa chính là hàng tỳ-kheo các ông, và các đệ tử Thanh Văn trong đời vị lai sau khi ta diệt độ).

Nói “nhữ đẳng chư tỳ-kheo” (hàng tỳ-kheo các ông) tức là kết lại, dung hội những người trụ trong địa vị Thanh Văn xưa lẫn nay, và các đệ tử Thanh Văn sau khi ta diệt độ, tức là kết lại ý nghĩa “xưa nay bất tận” trong hiện thời (tức ý nghĩa được nêu ra trong kinh này).

7.1.3.1.3.2.4. Giải trừ mối nghi cho các đệ tử trong vị lai

(Kinh) Ngã diệt độ hậu, phục hữu đệ tử bất văn thị kinh, bất tri, bất giác Bồ Tát sở hành, tự ư sở đắc công đức sanh diệt độ tướng, đương nhập Niết Bàn. Ngã ư dư quốc tác Phật, cánh hữu dị danh. Thị nhân tuy sanh diệt độ chi tướng, nhập ư Niết Bàn, nhi ư bỉ độ cầu Phật trí huệ, đắc văn thị kinh, duy dĩ Phật thừa nhi đắc diệt độ, cánh vô dư thừa, trừ chư Như Lai phương tiện thuyết pháp.

(經)我滅度後，復有弟子不聞是經，不知，不覺菩薩所行，自於所得功德生滅度想，當入涅槃。我於餘國作佛，更有異名。是人雖生滅度之想，入於涅槃，而於彼土求

佛智慧，得聞是經，唯以佛乘而得滅度，更無餘乘，除諸如來方便說法。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, lại có đệ tử chẳng nghe kinh này, chẳng biết, chẳng hay sở hành của Bồ Tát, đối với công đức do chính mình đạt được tự sanh ý tưởng diệt độ, sẽ nhập Niết Bàn. Ta làm Phật ở nước khác, bèn có danh hiệu khác. Người ấy tuy sanh ý tưởng diệt độ, nhập Niết Bàn, nhưng cầu trí huệ của Phật trong cõi ấy, được nghe kinh này, chỉ dùng Phật thừa để được diệt độ, chẳng có thừa nào khác, trừ các vị Như Lai phương tiện thuyết pháp).

Có kẻ ngờ rằng: Thanh Văn trong hiện thời được nghe đức Phật nói Pháp Hoa, khai hiển, ngộ nhập, tức là hạng người kết duyên. Kẻ trong đời vị lai chẳng nghe Pháp Hoa mà nhập diệt độ, há có thể bỏ Tiểu pháp để nhập Nhất Thừa hay chẳng? Giải rằng: Tuy họ sanh ý tưởng nhập Niết Bàn, vẫn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, thọ thân Biên Dịch. Ta (Phật Thích Ca) sẽ ở trong cõi đó, ắt vẫn vì họ nói kinh này, ắt khiến cho họ nhập đạo Nhất Thừa. “*Chẳng còn thừa nào khác, trừ phi các đức Như Lai phương tiện thuyết pháp*” chính là để đoạn nghi. Ba thừa là phương tiện mà giả nói, thật ra chắc chắn chẳng có tam thừa!

Phần thứ nhất, “kết lại chuyện dung hội xưa nay” đã xong.

7.1.3.1.3.3. Chỉ rõ “vẫn nói kinh Pháp Hoa”

7.1.3.1.3.3.1. Do đúng thời nên nói

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Nhược Như Lai tự tri Niết Bàn thời đáo, chúng hựu thanh tịnh, tín giải kiên cố, liễu đạt Không pháp, thâm nhập Thiền Định, tiện tập chư Bồ Tát cập Thanh Văn chúng, vị thuyết thị kinh. Thế gian vô hữu Nhị Thừa nhi đắc diệt độ, duy nhất Phật thừa đắc diệt độ nhĩ.

(經)諸比丘！若如來自知涅槃時到，眾又清淨，信解堅固，了達空法，深入禪定，便集諸菩薩及聲聞眾，為說是經。世間無有二乘而得滅度，唯一佛乘得滅度耳。

(Kinh: Nay các tỳ-kheo! Nếu Như Lai tự biết lúc nhập Niết Bàn đã đến, đại chúng lại thanh tịnh, tín giải kiên cố, liễu đạt pháp Không, thâm

nhập Thiền Định, liền nhóm họp các vị Bồ Tát và hàng Thanh Văn, vì họ nói kinh này. Thế gian chẳng có hai thừa để được diệt độ, chỉ có một Phật Thừa để được diệt độ mà thôi!)

“*Niết Bàn thời đáo*” (Lúc nhập Niết Bàn đã đến): Chư Phật xuất thế, lúc hóa đạo sắp hoàn tất, như Ca Diếp Phật, Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật v.v... nói kinh này xong, liền nhập Niết Bàn. Trong kinh này, Phật Thích Ca cũng tuyên xưng chẳng lâu sau Ngài sẽ nhập diệt. Vì vậy, kinh này là lời tuyên xưng cùng cực tối hậu. “*Chúng thanh tịnh*” tức là Đoạn Đức thành tựu. “*Tín*” tức là bốn thứ bất hoại tín²⁹⁰. “*Giải*” là vô lậu chánh giải, liễu đạt pháp Không, chứng Chân Đế, đều tức là Trí Đức thành tựu. Trí Đức và Đoạn Đức đã lập, lại còn “*thâm nhập Thiền Định*”, đủ hai món giải thoát, kham nghe đại giáo, có thể tin nhận. Lại nữa, chúng thanh tịnh đạt được lợi ích nơi Tam Tạng giáo, thoát khỏi nạn nhà lửa. Người tín giải kiên cố sẽ đạt được lợi ích nơi giáo pháp Phương Đẳng, tâm dần dần tin tưởng, thấu hiểu. Người “*liễu đạt Không pháp*” đạt được lợi ích nơi giáo pháp Bát Nhã, có thể dạy lại cho người khác. “*Tập chư Bồ Tát*” (Nhóm họp các Bồ Tát) tức là “*hội thân tộc*” (tụ họp thân tộc) [như trong thí dụ thuộc phẩm Tín Giải]. “*Cập Thanh Văn chúng*” (Và hàng Thanh Văn) tức là “*mạng kỳ tử*” (sai con mình). Giả sử thời Niết Bàn đã đến, nhưng đại chúng chẳng thanh tịnh, vẫn chẳng thể nói kinh này. Như Đa Bảo Như Lai do trong hiện đời chẳng có cơ duyên, chẳng thể nói kinh Pháp Hoa. Vì thế, Ngài lưu lại tháp chứa đựng toàn thân, thế sau khi diệt độ sẽ làm chứng khắp nơi!

7.1.3.1.3.3.2. Giải thích ý nghĩa vì sao trước đó mở ra ba thừa

(Kinh) Tỳ-kheo đương tri: Như Lai phương tiện thâm nhập chúng sanh chỉ tánh, tri kỳ chí nhạo Tiểu pháp, thâm trước ngũ dục, vị thị đẳng cố, thuyết ư Niết Bàn. Thị nhân nhược văn, tắc tiện tín thọ.

²⁹⁰ Tứ Bất Hoại Tín (Catvāro-aveccappasāda), còn gọi là Tứ Kiên Tín (bốn niềm tin kiên cố), tức là tin vào Phật, Pháp, Tăng và Giới kiên cố, không gì có thể phá hoại được.

(經)比丘當知：如來方便深入眾生之性，知其志樂小法，深著五欲，為是等故，說於涅槃。是人若聞，則便信受。

(Kinh: Tỳ-kheo hãy nên biết: Như Lai phương tiện thâm nhập tánh của chúng sanh, biết họ dốc chí, ưa thích Tiểu pháp, chấp sâu ngũ dục, vì hạng người ấy mà nói Niết Bàn. Kẻ đó nếu được nghe, sẽ liền tin nhận).

Nếu thật sự chẳng có Nhị Thừa để được diệt độ, có sao trước kia Như Lai nói Quyền giáo? Giải rằng: Như Lai hiểu rõ chúng sanh có tánh ham ưa Tiểu pháp, chấp trước ngũ trần, bị che lấp bởi ngũ trước. Vì thế, trước hết nói tam thừa, khiến cho họ phá trước, thoát nạn. Sau đó nói Nhất Thừa.

Phần thứ nhất, “kết duyên nơi Pháp Thuyết Châu” đã xong.

7.1.3.2. Kết duyên nơi Thí Thuyết Châu

7.1.3.2.1. Lập thí dụ

7.1.3.2.1.1. Thí dụ về người dẫn đường

(Kinh) Thí như ngũ bách do-tuần hiểm nạn ác đạo, khoáng tuyệt vô nhân, bố úy chi xứ. Nhược hữu đa chúng dục quá thử đạo, chí trân bảo xứ, hữu nhất đạo sư²⁹¹, thông huệ minh đạt, thiện tri hiểm đạo thông tắc chi tướng.

(經)譬如五百由旬險難惡道，曠絕無人，怖畏之處。若有多眾欲過此道，至珍寶處。有一導師，聰慧明達，善知險道通塞之相。

(Kinh: Ví như con đường ác hiểm nạn [dài] năm trăm do-tuần, hoang vu, trọn chẳng có người, là chỗ đáng sợ hãi. Nếu có nhiều người muốn đi qua con đường đó để tới chỗ có trân bảo, có một người dẫn đường, thông minh, trí huệ, sáng suốt, thấu đạt, khéo biết tướng thông hay tắc nơi đường hiểm).

²⁹¹ Chữ Đạo (導) ở đây có nghĩa là hướng dẫn, dẫn đường.

“*Ngũ bách do-tuần*” (Năm trăm do-tuần): Nếu xét theo quả báo, sẽ tách chỗ Đồng Cư Phần Đoạn thành ba trăm, chỗ Phương Tiện Biến Dịch thành bốn trăm, chỗ Thật Báo Biến Dịch là năm trăm. Nếu xét theo phiền não, Kiến Tư thuộc tam giới là ba trăm, Trần Sa là bốn trăm, Vô Minh là năm trăm. Nhập Không Quán, có thể vượt qua ba trăm. Nhập Giả Quán, có thể vượt qua bốn trăm. Nhập Trung Quán, có thể vượt qua năm trăm.

“*Hiểm nạn ác đạo*” (Đường ác nguy hiểm, lắm tai nạn) ví như nhân quả sanh tử. Phần Đoạn và Biến Dịch chính là hiểm nạn nơi quả. Kiến Tư ngũ trụ chính là hiểm nạn nơi nhân. Do nhân quả ấy mà nói là “*ác đạo*”. Đường có hai loại: Một là tuy hoang vắng, nhưng người có thể nương vào đó. Hai là hoang vắng, không có ai có thể nương cậy. Ví như trong sanh tử có Niết Bàn, trong phiền não có Bồ Đề, tuy hoang vắng nhưng có người có thể nương vào. Nếu sanh tử phiền não chẳng có Niết Bàn và Bồ Đề, trong thuốc chẳng có bệnh, trong bệnh chẳng có thuốc thì là chỗ hoang vắng đáng sợ, trọn chẳng có người! (Biệt Giáo và Viên Giáo chẳng phải là hoang vu, có người. Nhị Thừa trong Thông Giáo thì hoang vu nhưng có người. Nhị Thừa trong Tam Tạng hoang vu, chẳng có người. Do vậy, vì hạng người ấy mà lập bày cách giáo hóa).

“*Nhược hữu đa chúng*” (Nếu có nhiều chúng sanh) ví như các chúng sanh tuy được các vương tử giáo hóa nhưng chưa giải thoát. “*Dục quá thử đạo chí trân bảo xứ*” (Muốn vượt qua đường ấy để tới chỗ có trân bảo): Ví như phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. “*Hữu nhất đạo sư*” (Có một người hướng dẫn): Ví như vị vương tử thứ mười sáu (tiền thân của Phật Thích Ca)²⁹². Tai thanh tịnh là Thông, ý thanh tịnh là Huệ, mắt thanh tịnh là Minh. Các căn khác thanh tịnh là Đạt. Nói tóm lại, chính là sáu căn thanh tịnh. Lại nữa, Huệ chính là nhất tâm tam trí. Minh chính là trọn đủ năm loại mắt. Hơn nữa, Tam Minh là Minh, Thập Lực là Đạt. “*Thiện tri hiểm đạo thông tắc chi tướng*” (Khéo biết tướng thông tắc nơi đường hiểm): Tuy là đường hiểm có tắc và thông²⁹³, hễ đầy đủ phương tiện thì tắc thành thông. Thiếu thiện xảo thì thông thành tắc. Tư lương, khí giới, can đảm, hiểu biết, dũng lực, đều cần phải trọn đủ. Đối với cỏ nước nơi con đường trước mặt, đều cần phải am hiểu!

²⁹² Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Phật đạo bất nhị, nên nói là Nhất. Có thể hướng dẫn chúng sanh thoát mê nhập ngộ, nên nói là đạo sư*”.

²⁹³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Khế lý là Thông, trái lý là Tắc*”.

7.1.3.2.1.2. *Thí dụ về sự dẫn đường*

7.1.3.2.1.3.1. *Thí dụ về những người được hướng dẫn*

(Kinh) Tương đạo chúng nhân, dục quá thử nạn.

(經)將導眾人，欲過此難。

(Kinh: Hướng dẫn mọi người muốn vượt qua [con đường] hiểm nạn ấy)²⁹⁴.

Sánh ví những người vốn kết duyên nhưng chưa được giải thoát. Duyên ấy chẳng mất, bèn được người dẫn đường dắt dìu.

7.1.3.2.1.3.2. *Thí dụ về sự lười nhác, thoái thất giữa đường*

7.1.3.2.1.3.1. *Thoái thất Đại Thừa*

(Kinh) Sở tương nhân chúng, trung lộ giải thoái, bạch đạo sư ngôn: “Ngã đẳng bì cực, nhi phục bố úy, bất năng phục tấn. Tiền lộ do viễn, kim dục thoái hoàn”.

(經)所將人眾，中路懈退，白導師言：「我等疲極，而復怖畏，不能復進。前路猶遠，今欲退還」。

(Kinh: Những người được dẫn dắt, nửa đường lười nhác, lui sụt, thưa cùng người dẫn đường: “Chúng tôi mệt mỏi tột bậc, lại còn sợ hãi, chẳng thể tiến lên nữa. Đường phía trước còn xa, nay muốn lui về”).

“Trung lộ” chẳng phải là nửa đường, chỉ là coi “phát tâm là khởi đầu, thành Phật là kết thúc”. Giữa hai chặng ấy mà dấy lòng thoái chuyển; vì thế gọi là “trung lộ”. “Bạch đạo sư”: Đại cơ (căn cơ Đại Thừa) đã thoái thất, Tiểu cơ sẽ sanh. Dùng điều này để ngẫm cảm vò lòng từ bi của Pháp Thân, có ý nghĩa như “bạch”. “Bì cực” (Mệt mỏi tột bậc): Ví như thiện căn mỏng manh, bị vô minh che lấp. “Bố úy” (Sợ hãi) ví như ghét sợ sanh tử. “Tiền lộ do viễn” (Đường phía trước còn xa): Ví như Tam Hoặc khó đoạn do thiếu dũng lực Đại Thừa; vì thế “bì cực” (mệt mỏi tột cùng). Do thiếu lòng can đảm, tư lương và khí giới

²⁹⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Những người được dắt dìu chính là những người được hóa độ bởi mười sáu vị vương tử. Có thể mong cầu Phật đạo, xa lìa hai thứ chết, thì gọi là ‘dục quá thử nạn’ (muốn vượt qua nạn ấy)”.

Đại Thừa; cho nên sợ hãi. Do chẳng am hiểu cỏ nước trong con đường phía trước; vì vậy nói “tiền lộ do viên”.

7.1.3.2.1.3.2. Tiếp dẫn bằng Tiểu Thừa

7.1.3.2.1.3.2.1. Lập phương tiện giáo hóa

(Kinh) Đạo sư đa chư phương tiện, nhi tác thị niệm: “Thử đẳng khả mãn, vân hà xả đại trân bảo, nhi dục thoái hoàn?” Tác thị niệm dĩ, dĩ phương tiện lực, ư hiểm đạo trung, quá tam bách do-tuần, hóa tác nhất thành, cáo chúng nhân ngôn: “Nhữ đẳng vật bố, mạc đắc thoái hoàn. Kim thử đại thành, khả ư trung chỉ, tùy ý sở tác. Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn. Nhược năng tiền chí bảo sở, diệt khả đắc khứ”.

(經)導師多諸方便，而作是念：「此等可慰，云何捨大珍寶，而欲退還？」作是念已，以方便力，於險道中，過三百由旬，化作一城，告眾人言：「汝等勿怖，莫得退還。今此大城，可於中止，隨意所作。若入是城，快得安隱。若能前至寶所，亦可得去」。

(Kinh: Người hướng dẫn có nhiều phương tiện, nghĩ như thế này: “Những kẻ này đáng thương, sao lại bỏ trân bảo to lớn mà muốn lui về?” Nghĩ như thế xong, dùng sức phương tiện ở giữa đường hiểm, qua khỏi ba trăm do-tuần²⁹⁵, hóa hiện một cái thành, bảo mọi người rằng: “Các người chớ sợ, đừng nên lui về. Nay thành lớn này, có thể nghỉ lại trong đó, tùy ý mà làm²⁹⁶. Nếu vào thành này, sẽ được vui sướng, an ổn²⁹⁷. Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có thể đi được”)²⁹⁸.

²⁹⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Đây là thí dụ về sự lập bày giáo pháp. Vì để giải quyết Phần Đoạn sanh tử, thoát lìa tam giới, cho nên nói ‘quá ba trăm do-tuần’. Giả nói diệt độ, nhưng thật ra chẳng diệt độ, nên nói là hóa tác (biến hóa)”.

²⁹⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tùy thuận ý muốn của những người căn cơ Tiểu Thừa để họ tu tập, sanh ý tưởng diệt độ, cho nên nói là tùy ý sở tác”.

²⁹⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nếu nhập Niết Bàn, sanh tử đã giải quyết xong. Vì thế nói: - Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn”.

²⁹⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Nếu phát Bồ Đề tâm, cũng có thể chứng đắc Phật quả. Do đó nói: Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có thể đi được”.

“*Đa chư phương tiện*” (Có nhiều phương tiện): Ví như Quyền Trí của Như Lai có thể suy tính pháp hóa độ thích hợp. “*Thử đẳng khả mẫn*” (Bọn này đáng thương): Biết họ chẳng có căn cơ Đại Thừa. “*Hóa tác nhất thành*” (Hóa hiện một tòa thành): Biết có thể dùng Tiểu Thừa để tiếp dẫn họ. “*Nhữ đẳng vật bố, mạc đắc thoái hoàn*” (Các người đừng sợ, đừng nên lui về), tức là khuyên họ hãy tiến lên trước, sánh ví Khuyển Chuyên. “*Kim thử đại thành khả ư trung chỉ, tùy ý sở tác*” (Nay tòa thành lớn này, có thể nghỉ lại trong đó, tùy ý mà làm), tức là chỉ bày “thành có thể ở”, ví như Thị Chuyên. “*Nhược nhập thị thành, khoái đắc an ổn*” (Nếu vào thành này, sẽ vui sướng, an ổn), tức là tán thán công đức của cái thành, ví như Chứng Chuyên. “*Nhược năng tiền chí bảo sở, diệt khả đắc khứ*” (Nếu có thể tiến lên trước đến chỗ có của báu thì cũng có đến được): Nay trước khi đức Phật khai hiện, do chẳng thể chỉ rõ, cho nên nói lời ấy. Nếu luận định theo sự ngầm nghe, sẽ chẳng trở ngại. Nếu luận theo túc thế, phải nên có lời ấy. Vì sao? Các vương tử đã biết ý tưởng lui sụt của bọn họ, liền giáo hóa rằng: “Nếu các người sợ sanh tử, hãy giữ lấy Niết Bàn, sau đây mới hành đại đạo thì cũng tùy ý các người!” Lại nữa, sau khi đã khai Quyền hiển Thật, [đối với những người ấy], sẽ bèn nói [Nhất Thừa], như các vị giữ lấy quả La Hán trong hội Niết Bàn đều là ý nghĩa ấy.

7.1.3.2.1.3.2.2. Hoan hỷ tiến vào

(*Kinh*) *Thị thời, bì cực chi chúng tâm đại hoan hỷ, thán vị tăng hữu: “Ngã đẳng kim giả miễn tư ác đạo, khoái đắc an ổn”. Ư thị, chúng nhân tiền nhập hóa thành, sanh dĩ độ tưởng, sanh an ổn tưởng.*

(經)是時，疲極之眾心大歡喜，歎未曾有：「我等今者免斯惡道，快得安隱」。於是，眾人前入化城，生已度想，生安隱想。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, những kẻ mệt mỏi tội bậc tâm rất hoan hỷ, khen là chưa từng có: “Chúng ta nay thoát khỏi đường dữ này, vui sướng an ổn”. Khi đó, mọi người tiến vào cái thành đã được biến hóa ấy, sanh ý tưởng đã đắc độ, sanh ý tưởng an ổn).

“Đại hoan hỷ” ví như Văn Huệ. “Thán vị tăng hữu” (Khen là chưa từng có), ví như địa vị Noãn. “Miễn ác đạo” (Tránh thoát đường ác) ví như địa vị Đảnh. “Khoái an ổn” (Vui sướng an ổn) ví như địa vị Nhẫn. “Tiền nhập hóa thành” (Tiền lên trước, vào trong hóa thành) ví như địa vị Kiến Đê. “Dĩ độ tướng” (Có ý tưởng đã diệt độ) ví như đạt được tận trí. “An ổn tướng” ví như đắc Vô Sanh Trí. Lại nữa, “dĩ độ tướng” ví như trọn đủ Trí Đức, “an ổn tướng” ví như chứng Đoạn Đức.

Phần thứ hai, “nửa đường lười mỗi, lui sụt” đã xong.

7.1.3.2.1.3.2.3. Thí dụ về diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu

(Kinh) Nhữ thời, đạo sư tri thử nhân chúng ký đắc chỉ tức, vô phục bì quyện, tức diệt hóa thành, ngữ chúng nhân ngôn: “Nhữ đẳng khứ lai, bảo xứ tại cận. Hướng giả đại thành, ngã sở hóa tác, vị chỉ tức nhĩ”.

(經)爾時，導師知此人眾既得止息，無復疲倦，即滅化城，語眾人言：「汝等去來，寶處在近。向者大城，我所化作，為止息耳」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, người hướng dẫn biết mọi người đã được nghỉ ngơi, chẳng còn mệt mỏi, liền diệt hóa thành, bảo mọi người rằng: “Các người hãy tiến lên, chỗ có của báu gần đây. Thành lớn trước đó do ta biến hóa ra để nghỉ ngơi vậy”).

“Ký đắc chỉ tức” (Đã được nghỉ ngơi) ví như thoát nạn. “Vô phục bì quyện” (Chẳng còn mệt mỏi) ví như căn cơ Đại Thừa đã phát khởi. “Bảo xứ tại cận” (Chỗ có của báu ở gần đây) ví như hiển Thật. Thành lớn được biến hóa, ví như phé Quyền. “Bảo sở” có hai nghĩa:

- Nếu xét rốt ráo, coi cực quả là bảo sở, như kinh văn trong phần trước đã nói: “Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp).

- Nếu xét theo sự tiến nhập một phần, sẽ coi Sơ Phát Tâm Trụ là bảo sở. Như kinh văn trong phần trước đã nói: “Vô thượng bảo tự, bất cầu tự đắc” (Khỏi báu vô thượng chẳng cầu mà tự đạt được). Lại nói: “Đắc Phật pháp phần, như Phật tử sở ưng đắc giả, giai dĩ đắc chi” (Có

phần trong Phật pháp, như những gì Phật tử đáng nên đạt được thì con đã đều đạt được).

Hỏi: - Vì sao [kinh này] “*khai tam, hiển nhất*” đến năm chỗ, có gì khác biệt?

Đáp: - Luận định chung thì chẳng khác! Nhưng luận định riêng thì có sai khác. Phẩm Phương Tiện là dựa theo giáo để khai tam hiển nhất. Kinh văn chép: “*Như Lai dẫn dĩ nhất Phật thừa, cố vị chúng sanh thuyết pháp, vô hữu dư thừa, nhược nhị, nhược tam*” (Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, vì thế, cho nên vì chúng sanh thuyết pháp, chẳng có thừa nào khác, dù hai hay ba). Trong thí dụ nhà lửa [thuộc phẩm Thí Dụ], dựa theo hạnh để khai tam hiển nhất. “Xe” có ý nghĩa chuyên chở. Chuyên chở là sánh ví hạ nh. Kinh văn chép: “*Các thừa đại xa, du vu tứ phương, hy hý khoái lạc*” (Đều cưỡi cỗ xe lớn, dạo chơi bốn phương, đùa giỡn vui sướng). Phẩm Tín Giải thì dựa theo người để khai tam hiển nhất, quy kết, dung hội kẻ làm thuê chính là con ông trưởng giả. Kinh văn chép: “*Ngã đẳng tích lai chân thị Phật tử*” (Chúng con từ trước đã thật sự là con Phật). Phẩm Dược Thảo, xét theo sai biệt và không sai biệt để nói rõ Quyền và Thật hòng chẳng chấp lầy. Nhưng chúng sanh không biết, Phật khiến cho họ biết. Nếu biết bảy loại phương tiện thì chính là biết Quyền. Cùng nương vào một lý chẳng sai biệt, tức là biết Thật. Sai biệt mà chẳng sai biệt, chẳng sai biệt mà sai biệt, khiến cho họ biết ý ấy, trọn chẳng nói có một, hay không có một (Nhất Thừa). Đó là dựa hai trí thuộc Tự Hành Quyền Thật để thuận theo ý của chính mình để nói. Vì thế, Phật có thể biết, nhưng chúng sanh không biết, cũng thông với phần trước và phần sau, [dựa theo chuyện] biết hay chẳng biết để nói về Quyền và Thật. Nay [thí dụ] hóa thành chính là dựa theo Lý để khai tam hiển nhất. Bảo sở và hóa thành chính là hai lý Đại Thừa và Tiểu Thừa. Phá trừ Quyền lý Nhị Thừa để hiển chân thật nhất lý của Như Lai. Trong kinh văn thuộc phần sau, năm trăm [vị Thanh Văn] lãnh nhận, giải ngộ, nêu ra thí dụ viên châu trong chéo áo, cũng là dựa theo Lý. Đây là một mực dựa theo văn tướng (tướng trạng trong kinh văn) để nói, nhưng mỗi đoạn kinh văn đều có đủ Tứ Nhất (Lý Nhất, Giáo Nhất, Nhân Nhất, Hạnh Nhất), hoàn toàn là điều Như Lai có thể biết, chứ chúng sanh chẳng biết! Nếu biết thì chính là đã “*khai tri kiến của Phật*”.

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

7.1.3.2.2. Đối ứng thí dụ với pháp

7.1.3.2.2.1. Phần kết hợp chánh yếu

7.1.3.2.2.1.1. Kết hợp thí dụ “người dẫn đường” với pháp

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Như Lai diệt phục như thị, kim vị nhữ đẳng tác đại đạo sư, tri chư sanh tử phiền não ác đạo, hiểm nạn trường viễn, ưng khứ, ưng độ.

(經)諸比丘！如來亦復如是，今為汝等作大導師，知諸生死煩惱惡道，險難長遠，應去應度。

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Như Lai cũng giống như thế, nay làm đại đạo sư cho các ông, biết đường ác sanh tử phiền não, hiểm nạn dài xa, đáng nên vượt qua).

“Như Lai” tương ứng với “đạo sư” (người dẫn đường) [trong thí dụ]. “Nhữ đẳng” (Các ông) tương ứng với “chúng đa” (nhiều người) [trong thí dụ “hóa thành”]. “Sanh tử” tương ứng với “hiểm nạn” nơi quả. “Phiền não” tương ứng với “hiểm nạn” nơi cái nhân. “Trường viễn” (Dài lâu) tương ứng với “ngũ bách do-tuần” (năm trăm do tuần). “Ưng khứ, ưng độ” (Hãy nên vượt qua) tương ứng với “tri thông tác chi tướng” (biết tướng thông tác), và cũng tương ứng với “dục chí bảo sở” (muôn đến chỗ có của báu).

7.1.3.2.2.1.2. Kết hợp thí dụ “dẫn dắt” với pháp

(Kinh) Nhược chúng sanh dẫn văn nhất Phật thừa giả, tắc bất dục kiến Phật, bất dục thân cận, tiện tác thị niệm: “Phật đạo trường viễn, cứu thọ cần khổ, nãi khả đắc thành”. Phật tri thị tâm khiếp nhược hạ liệt, dĩ phương tiện lực, nhi ư trung đạo, vị chỉ tức cố, thuyết nhị Niết Bàn. Nhược chúng sanh trụ ư nhị địa, Như Lai nhĩ thời, tức tiện vị thuyết: “Nhữ đẳng sở tác vị biện, nhữ sở trụ địa cận ư Phật huệ, đương quán sát, trừ lượng, sở đắc Niết Bàn phi chân thật dã, dẫn thị Như Lai phương tiện chi lực, ư nhất Phật thừa, phân biệt thuyết tam”.

(經)若眾生但聞一佛乘者，則不欲見佛，不欲親近，便作是念：「佛道長遠，久受勤苦，乃可得成」。佛知是心怯弱下劣，以方便力，而於中道，為止息故，說二涅槃。

若眾生住於二地，如來爾時，即便為說：「汝等所作未辦，汝所住地近於佛慧，當觀察，籌量，所得涅槃非真實也，但是如來方便之力，於一佛乘，分別說三」。

(*Kinh: Nếu chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa, sẽ chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn thân cận, sẽ nghĩ như thế này: “Phật đạo dài lâu, phải chịu siêng khổ lâu dài thì mới có thể được thành tựu”. Phật biết tâm họ khiếp nhược, hèn kém, bèn dùng sức phương tiện, ở giữa đường, nói ra hai loại Niết Bàn để họ nghỉ ngơi. Nếu chúng sanh trụ trong nhị địa, khi đó, Như Lai liền bảo họ: “Việc làm (việc tu tập) của các ông chưa xong, địa vị các ông đang trụ gần với Phật huệ. Hãy nên quan sát, suy lường Niết Bàn mà các ông đã đắc chẳng phải là chân thật, chỉ là do sức phương tiện của Như Lai từ trong một Phật thừa mà phân biệt nói thành ba”).*

Ba chữ “*nhược chúng sanh*” (nếu chúng sanh) tương ứng với “*tương nhân chúng*” (dẫn mọi người) trong thí dụ. Từ “*dẫn văn nhất Phật thừa*” (chỉ nghe một Phật thừa) cho đến “*nãi khả đắc thành*” (mới có thể được thành tựu) tương ứng với thí dụ “*giữa đường lười nhác, thoái thất*”. Từ “*Phật tri thị tâm*” (Phật biết tâm ấy) cho tới “*thuyết nhị Niết Bàn*” (nói hai loại Niết Bàn) ứng hợp với thí dụ “*biến hóa một cái thành*”, mang ý nghĩa “*đã ra khỏi Đồng Cư, nhưng chưa đạt tới Thật Báo*”. Ở trong khoảng giữa ấy thì gọi là “*trung đạo*”. Hữu Dư và Vô Dư thì gọi là “*nhị Niết Bàn*”, đó cũng là sở chứng của hai hạng Thanh Văn và Duyên Giác. Từ “*nhược chúng sanh trụ u nhị địa*” (nếu chúng sanh trụ nơi hai địa vị [Thanh Văn và Duyên Giác]) trở đi, ứng hợp với thí dụ “*diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu*”.

Phần thứ nhất, “kết hợp [thí dụ] với pháp” đã xong.

7.1.3.2.2.2. Nhắc lại thí dụ để kết hợp chặt chẽ với pháp

(*Kinh*) *Như bỉ đạo sư, vị chỉ tức cố, hóa tác đại thành. Ký tri tức dĩ, nhị cáo chi ngôn: “Bảo xứ tại cận, thử thành phi thật, ngã hóa tác nhĩ”.*

(經)如彼導師，為止息故，化作大城。既知息已，而告之言：「寶處在近。此城非實。我化作耳」。

(Kinh: Như người dẫn đường kia, vì nghỉ ngơi bèn hóa ra một tòa thành lớn. Đã biết [mọi người] nghỉ xong, bèn bảo rằng: “Chỗ có của báu gần đây, thành này chẳng thật, do ta hóa ra đó thôi”).

Hóa ra thành lớn tương ứng khít khao với chuyện thực thi tam thừa. “*Bảo xứ tại cận*” (Chỗ có của báu ở gần đây) ứng hợp với chuyện hiển nhất (hiển thị Nhất Thừa).

Phần thứ nhất, “trần thuật cận kề” đã xong.

7.2. Trùng tụng

7.2.1. Trùng tụng nguyên do kết duyên

7.2.1.1. Trùng tụng nguyên do xa

7.2.1.1.1. Trùng tụng chuyện Đại Thông Trí Thắng thành Phật

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Đại Thông Trí Thắng Phật, thập kiếp tọa đạo tràng, Phật pháp bất hiện tiền, bất đắc thành Phật đạo. Chư thiên thần, long vương, A Tu La đẳng chúng, thường vũ ư thiên hoa, dĩ cúng dường bỉ Phật. Chư thiên kích thiên cổ, tịnh tác chúng kỹ nhạc. Hương phong xuy ỷ hoa, cánh vũ tân hảo giả. Quá thập tiểu kiếp dĩ, nãi đắc thành Phật đạo. Chư thiên cập thế nhân, tâm giai hoài dĩng dục. Bỉ Phật thập lục tử, giai dĩ kỳ quyến thuộc, thiên vạn ức vi nhiều, câu hành chí Phật sở. Đầu diện lễ Phật túc, nhi thỉnh chuyển pháp luân. Thánh sư tử pháp vũ, sung ngã cập nhất thiết.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「大通智勝佛，十劫坐道場，佛法不現前，不得成佛道。諸天神龍王，阿修羅等眾，常雨於天華，以供養彼佛。諸天擊天鼓，并作眾伎樂。香風吹萎華，更雨新好者。過十小劫已，乃得成佛道。諸天及世人，心皆懷踴躍。彼佛十六子，皆與其眷屬，千萬億圍繞，俱行至佛所。頭面禮佛足，而請轉法輪。聖師子法雨，充我及一切。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đại Thông Trí Thắng Phật, mười kiếp ngồi đạo tràng,

Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng được thành Phật đạo. Các thiên thần, long vương, chúng A Tu La thấy, thường tuôn mưa hoa trời, để cúng dường Phật ấy. Chư thiên gióng trống trời, và tấu các kỹ nhạc. Gió thơm cuốn hoa héo, lại mưa hoa mới đẹp. Đã qua mười kiếp rồi, bèn được thành Phật đạo. Chư thiên và người đời, đều ôm lòng hớn hởi. Mười sáu người con Phật, cùng với quyến thuộc mình, ngàn vạn ức vây quanh, đều đi tới chỗ Phật. Đầu mặt lễ chân Phật, để thỉnh chuyển pháp luân: - Thánh sư tử mưa pháp, lợi con và hết thấy).

Ba bài kệ đầu, trùng tụng chuyện thứ hai [trong thí dụ, tức là] chuyện trước khi [Đại Thông Trí Thắng Phật] thành đạo. Bài kệ kế tiếp, trùng tụng chuyện thứ ba, tức là chuyện khi Ngài đã thành đạo. Bài tụng thứ năm trùng tụng chuyện thỉnh chuyển pháp luân và chuyện thứ tư là “quyến thuộc cúng dường”. Lược đi không trùng tụng chuyện thứ nhất là “thọ mạng của Phật dài lâu”.

7.2.1.1.2. Trùng tụng mười phương Phạm vương thỉnh pháp

7.2.1.1.2.1. Trùng tụng chuyện oai quang chiếu rọi, chấn động Phạm cung

(Kinh) Thế Tôn thậm nan trị, cứu viễn thời nhất hiện, vị giác ngộ quần sanh, chấn động u nhất thiết.

(經)世尊甚難值，久遠時一現，為覺悟群生，震動於一切。

(Kinh: Thế Tôn rất khó gặp, đã lâu xa mới hiện, vì giác ngộ quần sanh, bèn chấn động hết thấy).

7.2.1.1.2.2. Trùng tụng chuyện Phạm vương đến cầu thỉnh

(Kinh) Đông phương chư thế giới, ngũ bách vạn ức quốc, Phạm cung điện quang diệu, tích sở vị tăng hữu. Chư Phạm kiến thử tướng, tầm lai chí Phật sở, tán hoa dĩ cúng dường, tịnh phụng thượng cung điện. Chư Phật chuyển pháp luân, dĩ kệ nhi tán thán. Phật tri thời vị chí, thọ thỉnh, mặc nhiên tọa. Tam phương, cập tứ duy, thượng hạ diệc phục nhĩ. Tán hoa, phụng cung điện, thỉnh Phật chuyển pháp

luân. Thế Tôn thậm nan trị, nguyện dĩ bốn từ bi, quảng khai cam lộ môn, chuyển vô thượng pháp luân.

(經)東方諸世界，五百萬億國，梵宮殿光曜，昔所未曾有。諸梵見此相，尋來至佛所，散華以供養，并奉上宮殿。諸佛轉法輪，以偈而讚歎。佛知時未至，受請默然坐。三方及四維，上下亦復爾。散華奉宮殿，請佛轉法輪。

世尊甚難值，願以本慈悲，廣開甘露門，轉無上法輪。

(Kinh: Phương Đông các thế giới, năm trăm vạn ức cõi, cung Phạm thiên chói ngời, xưa kia chưa từng có. Phạm thiên thấy tướng ấy, tìm đến chỗ đức Phật. Rải hoa để cúng dường, và dâng lên cung điện. Chư Phật chuyển pháp luân, dùng kệ để tán thán. Phật biết chưa tới lúc, nhận thỉnh, ngồi yên lặng. Ba phương và bốn góc, trên dưới cũng như thế. Rải hoa, dâng cung điện, thỉnh Phật chuyển pháp luân. Thế Tôn rất khó gặp, nguyện rủ lòng từ bi, mở rộng cửa cam lộ, chuyển pháp luân vô thượng).

Ba bài kệ đầu tiên trùng tụng phương Đông; hai bài kệ sau, trùng tụng chung chín phương.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nguyên do xa” đã xong.

7.2.1.2. Trùng tụng nguyên do gần

7.2.1.2.1. Trùng tụng chuyển bán tự pháp luân

(Kinh) Vô lượng huệ Thế Tôn, thọ bĩ chúng nhân thỉnh, vị tuyên chủng chủng pháp, Tứ Đế, thập nhị duyên, Vô Minh chí lão tử, giai tùng sanh duyên hữu. Như thị chúng quá hoạn, như đẳng ưng đương tri. Tuyên sướng thị pháp thời, lục bách vạn ức cai, đắc tận chư khổ tế, giai thành A La Hán. Đề nghị thuyết pháp thời, thiên vạn Hằng sa chúng, ư chư pháp bất thọ, diệt đắc A La Hán. Tùng thị hậu đắc đạo, kỳ số vô hữu lượng, vạn ức kiếp toán số, bất năng đắc kỳ biên.

(經)無量慧世尊，受彼眾人請，為宣種種法，四諦十二緣，無明至老死，皆從生緣有。如是眾過患，汝等應當

**知。宣暢是法時，六百萬億垓，得盡諸苦際，皆成阿羅漢。
。第二說法時，千萬恆沙眾，於諸法不受，亦得阿羅漢。
從是後得道，其數無有量，萬億劫算數，不能得其邊。**

(Kinh: Thế Tôn vô lượng huệ, nhận lời mọi người thỉnh, tuyên nói các loại pháp, Từ Đế, mười hai duyên: Vô Minh đến lão tử, từ sanh duyên mà có. Các lỗi hại như thế, các người hãy nên biết. Lúc tuyên dương pháp ấy, sáu trăm vạn ức cai²⁹⁹, hết sạch các nỗi khổ, đều thành A La Hán. Hội thuyết pháp thứ hai, ngàn vạn Hàng sa chúng, đối các pháp chẳng thọ, cũng thành A La Hán. Từ sau đó đặc đạo, số lượng chẳng ngần mé, vạn ức kiếp tính toán, chẳng biết nỗi chừng hạn).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng chuyện Phật thọ thỉnh. Nửa phần sau bài kệ, trùng tụng chuyện chuyển pháp luân. Ba bài kệ sau đó, trùng tụng chuyện nghe pháp đặc đạo. Nói “Vô Minh chí lão tử, giai tùng sanh duyên hữu”, tức là nói Vô Minh là sanh duyên của Hành, Hành là sanh duyên của Thức, cho đến Sanh là sanh duyên của Lão, Tử. Biết lỗi hại của chúng thì hãy nên dùng sức quán trí để diệt Vô Minh. Do cái này diệt cho nên cái kia diệt.

²⁹⁹ Cai (垓) theo cách tính đếm của Trung Hoa cổ, chính là một vạn vạn (đây là cách hiểu con số nhỏ nhất). Từ điển Khang Hy giảng: “Mười triệu là một Kinh, mười Kinh là một Cai”. Theo thuật toán thời cổ, các con số lớn tại Trung Hoa là Vạn, Ưc, Triệu, Kinh, Cai, Tỷ, Nhượng, Câu, Giản, Chánh, Tái. Các con số này lại có bốn cách tính:

- Hạ số: Mỗi số sau gấp 10 lần số trước. Như vậy, một Vạn là mười ngàn, một Ưc là mười vạn, một Triệu là một trăm vạn, một Kinh là một ngàn vạn, một Cai là một vạn vạn...

- Vạn tân: Tức là mỗi số sau bằng một vạn lần số trước, tức là một Vạn là mười ngàn, một Ưc là một Vạn Vạn, một Triệu là một vạn vạn vạn, một Kinh là một vạn vạn vạn vạn, một Cai là một vạn vạn vạn vạn vạn (10^{20})...

- Trung số: Một Ưc là một vạn vạn, sau đó, kể từ Ưc, mỗi số sau đó là một vạn vạn lần số trước. Do vậy, một Triệu là một vạn vạn vạn vạn (10^{16}). Bởi vậy, một Cai là 10^{32} (sau số 1 là 32 con số 0)...

- Thượng số: Mỗi số sau là lũy thừa hai của số trước. Một Vạn là mười ngàn, một Ưc là một vạn vạn, một Triệu là một vạn vạn vạn vạn (10^{16}), một Kinh là 10^{32} , một Cai là 10^{64} .

Không rõ ở đây dùng Cai theo ý nghĩa nào.

7.2.1.2.2. Trùng tụng chuyển pháp luân phế bán giáo, nói mãn giáo

(Kinh) Thời thập lục vương tử, xuất gia tác sa-di, giai cộng thỉnh bĩ Phật, diễn thuyết Đại Thừa pháp: “Ngã đẳng cập doanh tụng, giai đương thành Phật đạo. Nguyên đắc như Thế Tôn, huệ nhân đệ nhất tịnh”. Phật tri đồng tử tâm, tức thể chỉ sở hành, dĩ vô lượng nhân duyên, chủng chủng chư thí dụ, thuyết Lục Ba La Mật, cập chư thần thông sự, phân biệt chân thật pháp. Bồ Tát sở hành đạo, thuyết thị Pháp Hoa kinh, như Hằng hà sa kệ. Bĩ Phật thuyết kinh dĩ, tinh thất nhập Thiền Định, nhất tâm nhất xứ tọa, bát vạn tứ thiên kiếp.

(經)時十六王子，出家作沙彌，皆共請彼佛，演說大乘。乘法：「我等及營從，皆當成佛道。願得如世尊，慧眼第一淨」。佛知童子心，宿世之所行，以無量因緣，種種諸譬喻，說六波羅蜜，及諸神通事，分別真實法。菩薩所行道，說是法華經，如恆河沙偈。彼佛說經已，靜室入禪定，一心一處坐，八萬四千劫。

(Kinh: Mười sáu vương tử ấy, xuất gia làm sa-di, đều cùng thỉnh Phật ấy, diễn nói pháp Đại Thừa: “Chúng con và quyến thuộc, sẽ đều thành Phật đạo. Nguyên được như Thế Tôn, huệ nhân sạch bậc nhất”. Phật biết tâm đồng tử, các hạnh trong đời trước, dùng vô lượng nhân duyên, cùng các thứ thí dụ, nói Lục Ba La Mật, và các chuyện thần thông, phân biệt pháp chân thật. Đạo Bồ Tát đã hành, nói kinh Pháp Hoa này, kệ như cát sông Hằng. Phật ấy nói kinh xong, tinh thất nhập Thiền Định, nhất tâm ngồi một chỗ³⁰⁰, tám vạn bốn ngàn kiếp).

Hai câu đầu, trùng tụng chuyện thứ nhất “các con xuất gia”. Sáu câu kế tiếp, trùng tụng chuyện thứ hai là “thỉnh pháp”. Lược đi, chẳng trùng tụng chuyện thứ ba, tức “những người được dẫn theo cũng xuất gia”, chỉ dùng hai chữ “doanh tụng” (những kẻ đi theo) để bao gồm. Hai

³⁰⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Quán Tam Đế viên dung, tâm chẳng duyên theo điều nào khác, cho nên nói là ‘nhất tâm’. Sáu căn và sáu trần hợp thành mười hai xứ. Do căn và trần cùng mất, nên gọi là Nhất Xứ. Lại nữa, ý nghiệp bất động là nhất tâm, thân nghiệp bất động là nhất xứ”.

bài kệ từ chữ “*Phật tri*” (Phật biết) trở đi, trùng tụng chuyện thứ tư, “[Đại Thông Trí Thắng Phật] thọ thỉnh (chấp thuận lời thỉnh cầu chuyển pháp luân của đại chúng) trong hai vạn kiếp”. Trước hết, nói Phương Đăng, Bát Nhã. Hai câu kệ tiếp, trùng tụng “chấp nhận lời thỉnh, nói kinh Pháp Hoa”. Lược đi không trùng tụng chuyện thứ năm “có kẻ hiểu và chẳng hiểu” và chuyện thứ sáu là “thời tiết” (thời gian nói kinh bao lâu). Bài kệ cuối cùng trùng tụng chuyện thứ bảy “nói xong liền nhập Định”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nguyên do kết duyên” đã xong.

7.2.2. Trùng tụng chuyện kết duyên

7.2.2.1. Trùng tụng pháp thuyết

7.2.2.1.1. Trùng tụng chuyện cùng nhau kết duyên từ xưa

(Kinh) Thị chư sa-di đẳng, tri Phật Thiên vị xuất, vị vô lượng ức chúng, thuyết Phật vô thượng huệ. Các các tọa pháp tòa, thuyết thị Đại Thừa kinh. Ư Phật yển tịch hậu, tuyên dương trợ pháp hóa. Nhất nhất sa-di đẳng, sở độ chư chúng sanh, hữu lục bách vạn ức, Hằng hà sa đẳng chúng.

(經)是諸沙彌等，知佛禪未出，為無量億眾，說佛無上慧。各各坐法座，說是大乘經。於佛宴寂後，宣揚助法化。——沙彌等，所度諸眾生，有六百萬億，恆河沙等 眾

。

(Kinh: Các vị sa-di ấy, biết Phật chưa xuất Thiên, vì vô lượng ức chúng, nói Phật vô thượng huệ. Mỗi vị ngồi pháp tòa, nói kinh Đại Thừa này. Sau khi Phật xả Thiên, tuyên dương giúp pháp hóa. Mỗi một vị sa-di, hóa độ các chúng sanh, có sáu trăm vạn ức, đông như cát sông Hằng).

7.2.2.1.2. Trùng tụng chuyện gặp gỡ trong khoảng giữa

(Kinh) Bỉ Phật diệt độ hậu, thị chư văn pháp giả, tại tại chư Phật độ, thường dữ sư câu sanh.

(經)彼佛滅度後，是諸聞法者，在在諸佛土，常與師俱生。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, những người nghe pháp ấy, trong khắp các cõi Phật, thường sanh cùng với thầy).

7.2.2.1.3. Trùng tụng hiện thời vẫn nói Pháp Hoa

7.2.2.1.3.1. Dung hội xưa nay

(Kinh) Thị thập lục sa-di, cụ túc hành Phật đạo, kim hiện tại thập phương, các đắc thành Chánh Giác. Nhĩ thời, văn pháp giả, các tại chư Phật sở. Kỳ hữu trụ Thanh Văn, tiêm giáo dĩ Phật đạo. Ngã tại thập lục số, tăng diệc vị nhữ thuyết. Thị cố dĩ phương tiện, dẫn nhữ thú Phật huệ.

(經)是十六沙彌，具足行佛道，今現在十方，各得成正覺。爾時聞法者，各在諸佛所。其有住聲聞，漸教以佛道。我在十六數，曾亦為汝說。是故以方便，引汝趣佛 慧

。

(Kinh: Mười sáu sa-di ấy, hành Phật đạo trọn đủ, nay đang ở mười phương, đều được thành Chánh Giác. Lúc đó, người nghe pháp, đều ở chỗ chư Phật. Có người trụ Thanh Văn, dần dần dạy Phật đạo. Ta thuộc số mười sáu, cũng từng vì ông nói. Vì thế, dùng phương tiện, dẫn ông nhập Phật huệ).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng chuyện xưa và nay của thầy (mười sáu vị vương tử). Bài kệ thứ hai, chỉ trùng tụng đệ tử xưa và nay trong hiện tại. Lược đi chẳng trùng tụng các đệ tử trong vị lai.

7.2.2.1.3.2. Nêu rõ “vẫn nói Pháp Hoa”

(Kinh) Dĩ thị bốn nhân duyên, kim thuyết Pháp Hoa kinh, linh nhữ nhập Phật đạo, thậm vật hoài kinh cụ.

(經)以是本因緣，今說法華經，令汝入佛道，慎勿懷驚懼。

(Kinh: Do bởi nhân duyên ấy, nay nói kinh Pháp Hoa, khiến ông nhập Phật đạo, cẩn thận, đừng kinh sợ).

Chỉ trùng tụng “do đúng thời nên nói”, lược đi không trùng tụng giải thích ý nghĩa “mở ra ba thừa”.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Pháp Thuyết” đã xong.

7.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết

7.2.2.2.1. Lập thí dụ

7.2.2.2.1.1. Trùng tụng thí dụ về người hướng dẫn

(Kinh) Thí như hiểm ác đạo, huýnh tuyệt đa độc thú, hựu phục vô thủy thảo, nhân sở bố úy xứ. Vô số thiên vạn chúng, dục quá thử hiểm đạo. Kỳ lộ thậm khoáng viễn, kinh ngũ bách do-tuần. Thời hữu nhất đạo sư, cường thức hữu trí huệ, minh liễu tâm quyết định, tại hiểm tế chúng nạn.

(經)譬如險惡道，迴絕多毒獸，又復無水草，人所怖畏處。無數千萬眾，欲過此險道。其路甚曠遠，經五百由旬。時有一導師，強識有智慧，明了心決定，在險濟眾 難

。

(Kinh: Ví như đường hiểm ác, hoang vắng, nhiều thú độc, lại chẳng có nước, cỏ, là chỗ người sợ hãi. Vô số ngàn vạn người, muốn vượt đường hiểm ấy. Đường ấy rất dài xa, trải năm trăm do-tuần. Có một vị dẫn đường, hiểu rộng, có trí huệ, sáng suốt, tâm quyết định, cứu nạn trong chốn hiểm).

Phân Trường Hàng nói “khoáng tuyệt, vô nhân” (hoang vu, không có người), nay kệ tụng nói “huýnh tuyệt đa độc thú” (hoang vắng, nhiều thú độc). “Người” là sánh ví Bồ Đề Niết Bàn, “thú” là sánh ví phiền não sanh tử.

Thú đã nhiều lại có độc, chính là vì căn cơ Tiểu Thừa Kiên Tu Hoặc nặng nề, ngũ trược chướng sâu đậm, chẳng thể đi trên đường thẳng to lớn. “*Nước*” là sánh ví Thiên Định, “*thảo*” sánh ví trí huệ. Hai câu từ chữ “*cường thức*” (hiều rộng) trở đi, trùng tụng ý “*thông huệ minh đạt*”. Câu “*tại hiểm*” trùng tụng ý khéo biết tướng thông tắc của đường hiểm. Những điều khác dễ hiểu!

7.2.2.2.1.2. Trùng tụng thí dụ những người được hướng dẫn

7.2.2.2.1.2.1. Trùng tụng những người được hướng dẫn giữa đường lười nhác, lui sụt

7.2.2.2.1.2.1.1. Trùng tụng chuyện mọi người thoái thất Đại Thừa

(Kinh) Chúng nhân giai bì quyện, nhi bạch đạo sư ngôn: “Ngã đẳng kim đồn pháp, ư thử dục thoái hoàn”.

(經)眾人皆疲倦，而白導師言：「我等今頓乏，於此欲退還」。

(Kinh: Mọi người đều mệt mỏi, thưa cùng người hướng dẫn: “Chúng tôi nay kiệt quệ, do vậy muốn lui về”).

7.2.2.2.1.2.1.2. Trùng tụng người hướng dẫn dùng Tiểu pháp để tiếp dẫn

7.2.2.2.1.2.1.2.1. Lập phương tiện để hóa độ

(Kinh) Đạo sư tác thị niệm: “Thử bối thậm khả mãn, như hà dục thoái hoàn, nhi thất đại trân bảo?” Tầm thời tư phương tiện, đương thiết thần thông lực, hóa tác đại thành quách, trang nghiêm chư xá trạch. Châu táp hữu viên lâm, cừ lưu cập dục trì. Trùng môn, cao lâu các. Nam nữ giai sung mãn. Tức tác thị hóa dĩ, ủy chúng ngôn vật cụ: “Nhữ đẳng nhập thử thành, các khả tùy sở nhạo”.

(經)導師作是念：「此輩甚可慙，如何欲退還，而失大珍寶？」尋時思方便，當設神通力，化作大城郭，莊嚴諸舍宅。周匝有園林，渠流及浴池。重門高樓閣。男女皆充滿。卽作是化已，慰眾言勿懼：「汝等入此城，各可隨所樂」。

(Kinh: Người dẫn đường nghĩ rằng: “Bọn này rất đáng thương, có sao muốn lui về, đánh mất trân bảo lớn?” Lập tức nghĩ phương tiện, nên dùng sức thần thông, hóa ra thành quách lớn, trang nghiêm các nhà cửa. Chung quanh có vườn rừng. Khe suối và ao tắm. Cửa nhiều tầng, lầu cao. Nam nữ đều đông đảo. Biến hóa như thế xong, an ủi bảo đừng sợ: “Các người vào thành này, đều thuận lòng ưa thích”).

Trong là thành, ngoài là quách, ví như hai loại Niết Bàn Hữu Dư và Vô Dư. “Xá” ví như sanh duyên từ bi của Nhị Thừa, “trạch” ví như sanh không trí cảnh của Nhị Thừa. “Viên lâm” (Vườn rừng) ví như rừng pháp tổng trì vô lậu của Nhị Thừa. “Cử lưu” (Khe suối) ví như Cửu Thử Đệ Định. “Dục trì” (Ao tắm) ví như bát giải thoát. “Trùng môn” (Cửa nhiều tầng) ví như ba cửa tam-muội “Không, Vô Tướng, Vô Nguyên”, cũng sánh ví trùng Không tam-muội của Nhị Thừa, tức là Sanh Không và Pháp Không, cho đến vô nguyên cũng chẳng nguyên (chẳng giống với Nhị Không của Đại Thừa). “Cao lâu các” (Lầu gác cao) ví như Tận Trí và Vô Sanh Trí vượt khỏi tam giới. “Nam” ví như trí huệ, “nữ” ví như Thiền Định.

Giải thích theo quán tâm, trí thể trọn đủ như thành, thiện pháp trọn đủ như quách. Tất Cánh Không là “xá trạch”. Tánh có đủ vạn hạnh là “viên lâm”. Chín loại đại Thiên là “cử lưu, dục trì”. Sanh Không và Pháp Không là “trùng môn”. Nhất tâm tam trí là “cao lâu các”. Trục thiện có thể trở thành tự hành, như nam có thể làm chủ gia đình. Từ bi có thể hóa độ người khác bên ngoài, như nữ thì kết hôn với người ngoài (giải thích sự giáo hóa theo sự quán tâm thì cũng thông bốn giáo, nay chỉ xét theo Viên Giáo).

7.2.2.2.1.2.2. Trùng tụng sự hoan hỷ tiến nhập

(Kinh) Chư nhân ký nhập thành, tâm giai đại hoan hỷ, giai sanh an ổn tưởng, tự vị dĩ đắc độ.

(經)諸人既入城，心皆大歡喜，皆生安隱想，自謂已得度。

(Kinh: Mọi người đã vào thành, tâm đều hoan hỷ lớn, sanh ý tưởng an ổn, tự cho đã đắc độ).

Phần thứ nhất, trùng tụng “người được hướng dẫn giữa đường lười nhác, thoái thất” đã xong.

7.2.2.2.1.3. Trùng tụng diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu

(Kinh) Đạo sư tri tức dĩ, tập chúng nhi cáo ngôn: “Nhữ đẳng đương tiền tiến, thử thị hóa thành nhĩ. Ngã kiến nhữ bì cực, trung lộ dục thoái hoàn. Cố dĩ phương tiện lực, quyền hóa tác thử thành. Nhữ kim cần tinh tấn, đương cộng chí bảo sở”.

(經)導師知息已，集眾而告言：「汝等當前進，此是化城耳。我見汝疲極，中路欲退還。故以方便力，權化作此城。汝今勤精進，當共至寶所」。

(Kinh: Người hướng dẫn đã biết, nhóm chúng để bảo rằng: “Các người nên tiến lên, đây là hóa thành thôi. Ta thấy người mệt mỏi, giữa đường muốn lui về. Nên dùng sức phương tiện, quyền biến hóa thành này. Người nay siêng tinh tấn, nên cùng đến chỗ báu”).

Phần thứ nhất, trùng tụng “lập thí dụ” đã xong.

7.2.2.2.2. Trùng tụng nhằm kết hợp thí dụ với pháp

7.2.2.2.2.1. Phần kết hợp chánh yếu

7.2.2.2.2.1.1. Trùng tụng kết hợp thí dụ “người hướng dẫn” với pháp

(Kinh) Ngã diệc phục như thị, vi nhất thiết đạo sư.

(經)我亦復如是，為一切導師。

(Kinh: Ta cũng giống như thế, đạo sư của hết thầy).

7.2.2.2.2.1.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ “hướng dẫn” với pháp

(Kinh) Kiến chư cầu đạo giả, trung lộ nhi giải phế, bất năng độ sanh tử, phiền não chư hiểm đạo. Cố dĩ phương tiện lực, vị tức thuyết Niết Bàn. Ngôn nhữ đẳng khổ diệt, sở tác giai dĩ biện. Ký tri đáo Niết Bàn, giai đắc A La Hán, nhĩ nãi tập đại chúng, vị thuyết chân thật pháp: Chư Phật phương tiện lực, phân biệt thuyết tam thừa, duy hữu nhất Phật thừa, tức xứ cố thuyết nhị. Kim vị nhữ thuyết thật, nhữ sở

đắc phi diệt, vị Phật nhất thiết trí, đương phát đại tinh tấn. Nhữ chứng Nhất Thiết Trí, Thập Lực đẳng Phật pháp, cụ tam thập nhị tướng, nãi thị chân thật diệt.

(經)見諸求道者，中路而懈廢，不能度生死，煩惱諸險道。故以方便力，為息說涅槃。言汝等苦滅，所作皆已辦。既知到涅槃，皆得阿羅漢，爾乃集大眾，為說真實法：「諸佛方便力，分別說三乘，唯有一佛乘，息處故說二。今為汝說實，汝所得非滅，為佛一切智，當發大精進。汝證一切智，十力等佛法，具三十二相，乃是真實滅」。

(Kinh: Thấy các người cầu đạo, giữa đường bèn lười bỏ, chẳng thể vượt sanh tử, các đường hiểm phiền não. Nên dùng sức phương tiện, vì nghỉ nói Niết Bàn. Nói “các người diệt khổ, việc làm đã hoàn thành”. Đã biết đến Niết Bàn, đều đắc A La Hán, bèn nhóm họp đại chúng, giảng nói pháp chân thật: - Sức phương tiện chư Phật, phân biệt nói tam thừa. Chỉ có một Phật thừa, do nghỉ nên nói hai. Nay vì người nói thật, sở đắc chẳng phải diệt, vì Phật Nhất Thiết Trí, hãy phát tinh tấn lớn. Người chứng Nhất Thiết Trí, Thập Lực, các Phật pháp, đủ ba mươi hai tướng, mới là diệt chân thật).

Câu thứ nhất, trùng tụng pháp tương ứng với những người được hướng dẫn. Ba câu kế, trùng tụng pháp tương ứng với thí dụ “giữa đường lười nhác, lui sụt”. Bài kệ kế đó trùng tụng pháp tương ứng với thí dụ “diệt hóa thành, dẫn đến chỗ có của báu”. “Tam thừa” là xét theo các Quyền hạnh có thể dẫn đến [Quyền lý]. “Hai” tức là Quyền lý được [các Quyền hạnh] dẫn đến, chính là Hữu Dư và Vô Dư [Niết Bàn], mà cũng là hai thứ quả chứng của Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thiết Trí là Bát Nhã. “Ba mươi hai tướng” là Pháp Thân. “Chân thật diệt” là giải thoát. Tam Đức chẳng dọc, chẳng ngang, tức là tạng bí mật của Như Lai. Lại nữa, Nhất Thiết Trí chính là Thức trong pháp tánh. Thập Lực v.v... chính là Thọ, Tưởng, Hành trong pháp tánh. “Ba mươi hai tướng” chính là Sắc trong pháp tánh, đạt được “thường, lạc, ngã, tịnh” rốt ráo nơi Ngũ Âm trong pháp tánh, cho đến hết đời vị lai chẳng sanh, chẳng diệt. Vì thế

gọi là “*chân thật diệt*”. Há giống như so đo hư vọng và hồi đoạn của Nhị Thừa, vẫn phải hứng chịu Biến Dịch sanh tử ư?

Phần thứ nhất, “phần kết hợp chánh yếu pháp với thí dụ” đã xong!

7.2.2.2.2. Trùng tụng nhắc lại thí dụ để kết hợp với pháp

(Kinh) Chư Phật chỉ đạo sư, vị tức thuyết Niết Bàn. Ký tri thị tức dĩ, dẫn nhập ư Phật huệ.

(經)諸佛之導師，為息說涅槃。既知是息已，引入於佛慧」。

(Kinh: Chư Phật là đạo sư, vì nghỉ nói Niết Bàn. Đã biết là nghỉ rồi, dẫn nhập vào Phật huệ).

Hai câu đầu, kết hợp với pháp khít khao chuyện thực hiện Quyền. Hai câu kế đó, kết hợp khít khao với pháp chuyện hiển Thật.

Phần thứ ba, nói nhân duyên trong Nhân Duyên Thuyết Châu đã xong. Giải thích phẩm Hóa Thành Dụ cũng xong; kế đó, giải thích phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký.

8. Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký Phẩm Đệ Bát

五百弟子受記品第八

Phẩm thứ tám: Năm trăm đệ tử được thọ ký

Phẩm này thọ ký cho một ngàn hai trăm vị, nhưng chỉ nêu ra năm trăm vị. Năm trăm vị được thọ ký cùng một danh hiệu, năm trăm vị ấy thừa trình sự lãnh giải.

*** Nhân duyên thuyết châu: Thọ ký cho hạ căn**

Phẩm này thọ ký cho một ngàn hai trăm vị, phẩm sau là phẩm Thọ Học Vô Học Ký, thọ ký cho hai ngàn vị.

8.1. Thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử

8.1.1. Thọ ký cho Mãn Từ Tử

8.1.1.1. Trần thuật ngài Mãn Từ Tử lặng yên lãnh ngộ

8.1.1.1.1. Trần thuật Ngài tự lãnh ngộ, hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử từ Phật văn thí trí huệ phương tiện, tùy nghi thuyết pháp. Hữu văn thọ chư đại đệ tử A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký, phục văn tức thể nhân duyên chi sự, phục văn chư Phật hữu đại tự tại thần thông chi lực, đắc vị tăng hữu, tâm tịnh, dũng dục, tức từng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, khước trụ nhất diện, chiêm ngưỡng tôn nhan, mục bất tàm xả.

(經)爾時，富樓那彌多羅尼子從佛聞是智慧方便，隨宜說法。又聞授諸大弟子阿耨多羅三藐三菩提記，復聞宿世因緣之事，復聞諸佛有自在神通之力，得未曾有，心淨，踊躍，即從座起，到於佛前，頭面禮足，卻住一面，瞻仰尊顏，目不暫捨。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Pūrṇa Maitrāyaṇīputra) từ đức Phật nghe phương tiện trí huệ ấy, tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp. Lại nghe thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các đại đệ tử, lại nghe chuyện nhân duyên trong đời trước, lại nghe chư Phật có sức thần thông đại tự tại, đạt được điều chưa từng có, tâm thanh tịnh, hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đứng qua một bên, chiêm ngưỡng tôn nhan, mắt chẳng tàm rời).

Trước hết, trần thuật nguyên do đạt được giải ngộ có bốn điều:

- Một, do nghe “khai tam, hiển nhất” trong Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu. [Nhắc đến] “trí huệ” là lãnh ngộ chuyện “hiển Thật” tại hai chỗ. Nói “phương tiện tùy nghi” là lãnh ngộ “khai Quyền” tại hai chỗ.

- Hai, nghe ngài Xá Lợi Phất và năm vị đại đệ tử v.v... được thọ ký, các vị đại đệ tử liền lãnh ngộ “khai Quyền”. Thọ ký Bồ Đề tức là lãnh ngộ “hiển Thật”.

- Ba, lại nghe nhân duyên trong đời trước. Trước kia đã dạy đạo vô thượng, tới nay vẫn còn nói Pháp Hoa. Đó là “hiển Thật”. “Thường dĩ sư câu sanh, tiêm giáo dĩ Phật đạo” (Thường sanh cùng với thầy, dần dần dùng Phật đạo để dạy) chính là “khai Quyền”.

- Bốn, lại nghe sức thần thông đại tự tại. Quán chuyện xa xôi trước kia giống như ngay trong hiện tại. Quyền biến lập ra hóa thành, giống như người hướng dẫn kia, cũng đều trọn đủ hai nghĩa Quyền và Thật.

Kể đó, trần thuật sự nội giải (sự hiểu biết trong tâm) và hoan hỷ. “*Đắc vị tăng hữu*” (Đạt được điều chưa từng có): Trước kia, do chưa được nghe khai Hiển, tới nay mới được nghe. “*Tâm tịnh*”: Trừ Niết Bàn ái, phá Vô Minh Hoặc. “*Dũng được*” (Hón hờ): Khai tri kiến của Phật, hoan hỷ, vui sướng to lớn. Sau đó, trần thuật lòng cung kính được thể hiện ra ngoài như trong chánh kinh đã miêu tả.

Nếu xét theo Bốn Tích, đó chính là vui mừng trước các Thật hạnh. Quán tâm thì như trong phần trước đã nói.

8.1.1.1.2. Trần thuật Ngài im lặng suy nghĩ, lãnh ngộ

(Kinh) Nhi tác thị niệm: “Thế Tôn thậm kỳ đặc, sở vi hy hữu, tùy thuận thế gian nhược can chủng tánh, dĩ phương tiện tri kiến nhi vị thuyết pháp, bạt xuất chúng sanh xứ xứ tham trước. Ngã đẳng u Phật công đức, ngôn bất năng tuyên. Duy Phật Thế Tôn năng tri ngã đẳng thâm tâm bốn nguyện”.

(經)而作是念：「世尊甚奇特，所為希有，隨順世間若干種性，以方便知見而為說法，拔出眾生處處貪著。我等於佛功德，言不能宣。唯佛世尊能知我等深心本願」

。

(Kinh: Mà nghĩ như thế này: - Đức Thế Tôn rất đặc biệt lạ lùng, việc làm hiếm có, tùy thuận bao nhiêu chủng tánh trong thế gian, dùng phương tiện tri kiến để thuyết pháp, cứu vớt chúng sanh khỏi các chỗ tham đắm. Chúng con đối với công đức của Phật chẳng thể dùng ngôn ngữ để tuyên nói được. Chỉ có Phật Thế Tôn có thể biết bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con).

Kinh văn có hai ý:

- Một, thâm suy nghĩ lãnh ngộ.
- Kể đó, từ “*duy Phật Thế Tôn*” (chỉ Phật Thế Tôn) trở đi, [hàm ý] thâm cầu thỉnh [đức Phật sẽ] nêu rõ Tích và thọ ký.

Hỏi: - Những vị lãnh ngộ trong hai châu trước (Pháp Thuyết Châu và Thí Thuyết Châu) đều thừa trình sự lãnh ngộ, nay sao [ngài Phú Lô Na] lại thăm nghĩ?

Đáp: - Trước đó là vì hạ căn chưa ngộ, đối với Sự tu (tu hành nơi phương diện sự tướng), cần phải nói rõ để khuyến nhủ, nhằm đả động [hàng hạ căn chưa ngộ sẽ phát tâm]. Nay hạ căn đã ngộ, chẳng cần phải khuyến nhủ, đả động. Vì thế, nghĩ thăm (đó là Thế Giới Tất Đàn). Hơn nữa, trong các phần trước, chỉ lãnh nhận, giải ngộ, chẳng cầu nêu rõ [sự thị hiện tu tập] nơi Tích, dầu có nói ra cũng không có vấn đề gì. Nay thì vừa tín giải, vừa cầu “phát Tích” (nêu rõ sự tu tập nơi Tích), do lãnh nhận, tín giải, cho nên suy nghĩ; do tránh chúng sanh chê gièm, cho nên “*thăm lặng*”. Im lặng suy nghĩ là [cách cư xử] thích đáng (đó là Đối Trị Tất Đàn). Hơn nữa, thăm suy nghĩ để lãnh nhận, tín giải chính là sự lãnh nhận tín giải to tát, như ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cật) im lặng [khi được Văn Thù Bồ Tát hỏi về pháp môn Bất Nhị]; đó chính là chân thật nhập pháp môn Bất Nhị (đấy là Vị Nhân Tất Đàn). Lại nữa, Quyền Thật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nói năng, chẳng suy nghĩ, thế mà lại vừa nói vừa suy nghĩ. Do chẳng nói mà nói, cho nên trong phần trước dùng lời lẽ để trần thuật sự lãnh nhập tín giải. Do chẳng suy nghĩ mà suy nghĩ, cho nên nay thăm suy nghĩ để lãnh nhận, tín giải (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Hỏi: - Trong phần trước, vì lẽ nào chẳng cầu nêu rõ Tích?

Đáp: - Vì hạ căn chưa ngộ. Nay hạ căn đã hiểu, chuyện thuộc về quyền biến hóa hiện đã đầy đủ. Nếu hạ căn được nêu rõ Tích, sẽ biết trung căn và thượng căn cũng là Quyền. Nếu “*phát Tích*” trước cho thượng căn và trung căn, ắt sẽ chẳng thuận tiện cho hạ căn.

“*Thế Tôn thậm kỳ đặc, sở vi hy hữu*” (Đức Thế Tôn rất lạ lùng, đặc biệt, việc làm hy hữu): Lãnh ngộ Thật Trí. “*Tùy thuận thế gian nhược can chủng tánh, nhi vị thuyết pháp*” (Tùy thuận bao nhiêu chủng tánh trong thế gian mà vì họ thuyết pháp): Lãnh ngộ Quyền Trí. Đó chính là ngộ ý nghĩa “*khai hiển*” (khai tam, hiển nhất) trong phương tiện. “*Bạt xuất chúng sanh xứ xứ tham trước*” (Cứu vớt chúng sanh khỏi các chỗ đắm chấp): Lãnh ngộ ý nghĩa “*khai hiển*” trong nhà lửa. “*Ngã đẳng u Phật công đức, ngôn bất năng tuyên*” (Chúng con đối với công đức của Phật chẳng thể tuyên nói): Lãnh ngộ ý nghĩa “*Như Lai lại có vô lượng công đức*” v.v... trong phẩm Dược Thảo Dụ. Trong lời thỉnh cầu phát Tích, [hàm ý] chúng con đều nghĩ thỉnh [cầu đức Phật] nêu bày Tích của mọi người. “*Thâm tâm*” tức là bồn hoài giúp Phật tuyên dương, giáo hóa suốt ba đời. “*Bổn nguyện*” vốn cầu Vô Thượng Đại Bồ

Đề. Do thâm tâm, cho nên cần phải nêu bày Tích. Do bốn nguyện, cho nên cần được thọ ký.

Phần thứ nhất, “trần thuật sự im lặng lãnh nhận tín giải” đã xong.

8.1.1.2. Như Lai trần thuật và thọ ký

8.1.1.2.1. Trường Hàng

8.1.1.2.1.1. Trần thuật Bốn Tích

8.1.1.2.1.1.1. Nêu rõ các chuyện nhân hạnh thuộc Tích [của ngài Phú Lô Na] trong thời đức Phật Thích Ca

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nhữ đẳng kiến thị Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử phủ? Ngã thường xưng kỳ u thuyết pháp nhân trung, tối vi đệ nhất, diệc thường tán kỳ chủng chủng công đức, tinh cần hộ trì, trợ tuyên ngã pháp, năng u tứ chúng thị giáo lợi hỷ, cụ túc giải thích Phật chỉ chánh pháp, nhi đại nhiều ích đồng phạm hạnh giả. Tự xả Như Lai, vô năng tận kỳ ngôn luận chi biện.

(經)爾時，佛告諸比丘：「汝等見是富樓那彌多羅尼子不？我常稱其於說法人中，最為第一，亦常歎其種種功德，精勤護持，助宣我法，能於四眾示教利喜，具足解釋佛之正法，而大饒益同梵行者。自捨如來，無能盡其言論之辯。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị tỳ-kheo: - Các ông thấy ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đây chăng? Ta thường ca ngợi ông ta là bậc nhất trong những người thuyết pháp, cũng thường tán thán các thứ công đức của ông ta, siêng năng chuyên ròng hộ trì, giúp đỡ tuyên dương pháp của ta, có thể chỉ dạy khiến cho tứ chúng được lợi lạc, hoan hỷ, giải thích trọn vẹn chánh pháp của Phật, tạo lợi ích to lớn cho những người cùng hạnh thanh tịnh. Ngoài trừ Như Lai, không ai có thể thấu hiểu cùng tận biện tài ngôn luận của ông ta).

Nêu bày bằng cách nói “nhữ đẳng” (các ông) là có hai ý:

- Một, có thấy hạnh Tiểu Thừa nơi Tích của ông ta hay không?
- Hai, có thấy công đức nơi Bốn của ông ta hay không?

Mọi người chỉ thấy nơi Tích, ông ta là Thanh Văn, chẳng thể biết nơi Bồn, ông ta chính là Bồ Tát. Vì thế [đức Phật] nói “*kiến phủ*” (thấy hay không)? Từ “*ngã thường xưng kỳ*” (ta thường ca ngợi ông ta) trở đi, nêu ra Tích của ông ta. Nơi Tích thì ngài Phú Lô Na là bậc nhất trong các vị thuyết pháp. Nếu chẳng có cái gốc Pháp Thân màu nhiệm, sẽ chẳng có gì để thị hiện dấu tích thù thắng bậc nhất. Đó là nêu ra Tích để hiển lộ Bồn. Từ “*diệc thường tán kỳ*” (cũng thường tán thán ông ta) trở đi, nêu ra Bồn. Nơi Bồn, phước huệ vạn hạnh trang nghiêm; vì thế nói là “*chủng chủng*” (các thứ). Nơi Bồn, đã có các thứ công đức, có sao nơi Tích chỉ là Nhị Thừa? Đây chính là nêu ra Bồn để làm rõ Tích.

Từ “*tinh cần hộ trì*” (siêng rông hộ trì) trở đi là giải thích Bồn và Tích. “*Trợ tuyên ngã pháp*” (Giúp tuyên dương pháp của ta) tức là nơi Tích, giúp Phật tuyên dương pháp bán mãn. Trong Tam Tạng thì Tích là ngộ Tứ Chân Đế (Tứ Thánh Đế). Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị lạc [trong ngũ vị]. Nơi Tích thì trong thời Phương Đẳng, thị hiện hứng chịu bài xích, quả trách. Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị sanh tô. Nơi Tích, tiếp nhận Bát Nhã, chuyển giáo Bồ Tát. Đó là hộ trì, giúp tuyên dương pháp thuộc vị thực tô. Nơi Tích, trong thời Pháp Hoa, do tam châu (Pháp Thuyết, Thí Thuyết, Nhân Duyên Thuyết) mà đắc ngộ. Đó là hộ trì, giúp đỡ tuyên dương pháp thuộc vị đề hồ. Trọn vẹn công đức Quyền và Thật, nơi Tích thì dấy lên ngũ vị, chính là giúp Phật điều phục, thuần thực chúng sanh hành theo Thật. Vì thế nói “*diệc thường tán kỳ chủng chủng công đức*” (cũng thường tán thán các thứ công đức của ông ta). “*Năng ư tứ chúng thị giáo lợi hỷ*” (Có thể chỉ dạy khiến cho tứ chúng được lợi lạc, hoan hỷ) chính là trần thuật nơi Tích, giúp Phật tuyên dương pháp môn bán tự. “*Cụ túc giải thích Phật chỉ chánh pháp*” (Giải thích trọn vẹn chánh pháp của Phật): Trần thuật nơi Tích, ngài Phú Lô Na giúp đỡ tuyên dương pháp môn bán tự. “*Nhi đại nhiều ích đồng phạm hạnh*” (Mà tạo lợi ích to lớn cho những người cùng hạnh thanh tịnh) chính là giúp Phật tạo lợi ích cho các đệ tử bán giáo và mãn giáo. “*Tự xả Như Lai*” tức là những người thấp hơn Diệu Giác, sẽ đều chẳng thể biết [công đức của hàng Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn]. Đây chính là trần thuật công đức nơi Bồn.

8.1.1.2.1.1.2. Xét theo đời quá khứ để hiển thị bốn hạnh của Ngài

(Kinh) Nhữ đẳng vật vị Phú Lô Na dẫn năng hộ trì, trợ tuyên

ngã pháp, diệt u quá khứ cửu thập ức chư Phật sở, hộ trì, trợ tuyên Phật chỉ chánh pháp. Ư bỉ thuyết pháp nhân trung, diệt tối đệ nhất. Hựu u chư Phật sở thuyết Không pháp, minh liễu, thông đạt, đắc tứ vô ngại trí, thường năng thâm đế, thanh tịnh thuyết pháp, vô hữu nghi hoặc, cụ túc Bồ Tát thần thông chi lực. Tùy kỳ thọ mạng, thường tu phạm hạnh. Bỉ Phật thể nhân, hàm giai vị chi thật thị Thanh Văn, nhi Phú Lô Na dĩ tư phương tiện, nhiều ích vô lượng bách thiên chúng sanh. Hựu hóa vô lượng A-tăng-kỳ nhân, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vị tịnh Phật độ cố, thường tác Phật sự, giáo hóa chúng sanh.

(經)汝等勿謂富樓那但能護持，助宣我法，亦於過去九十億諸佛所，護持，助宣佛之正法。於彼說法人中，亦最第一。又於諸佛所說空法，明了，通達，得四無礙智，常能審諦，清淨說法，無有疑惑，具足菩薩神通之力。隨其壽命，常修梵行。彼佛世人，咸皆謂之實是聲聞，而富樓那以斯方便，饒益無量百千眾生。又化無量阿僧祇人，令立阿耨多羅三藐三菩提。為淨佛土故，常作佛事，教化眾生。

(Kinh: Các ông đừng cho rằng Phú Lô Na chỉ có thể hộ trì, giúp tuyên dương pháp của ta! Ông ta cũng ở nơi chín mươi ức vị Phật trong quá khứ, hộ trì, giúp tuyên dương chánh pháp của Phật. Trong các người thuyết pháp thuở đó, cũng là bậc nhất. Lại còn đối với pháp Không do chư Phật đã nói, đều hiểu rõ, thông đạt, đạt được tứ vô ngại trí, thường hay suy nghĩ chắc chắn, thuyết pháp thanh tịnh, chẳng có ngờ vực, trọn đủ sức thần thông của Bồ Tát. Tùy theo thọ mạng, thường tu phạm hạnh. Người đời nơi các đức Phật kia đều cho rằng ông ta thật sự là Thanh Văn, nhưng Phú Lô Na dùng phương tiện đó để lợi lạc vô lượng trăm ngàn chúng sanh. Lại còn giáo hóa vô lượng A-tăng-kỳ người, khiến họ trụ vững nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thanh tịnh cõi Phật, thường làm Phật sự, giáo hóa chúng sanh).

Hiện Bồn gồm hai nghĩa: Một là viễn Bồn, hai là cận Bồn. Viễn Bồn thăm thẳm, xa vời, khó thể tin tưởng. Vì thế, lược đi chẳng trần thuật, chỉ nói cận Bồn là chín mươi ức vị Phật. Có Túc Mạng Trí, sẽ có thể biết cận Bồn. Vì thế, nêu chuyện gần để chứng thực chuyện xa. Trong phần kinh văn nói về chín mươi ức Phật, nói cận kề [ngài Phú Lô Na] giúp Phật tuyên dương giáo pháp Quyền và Thật, điều phục chúng sanh.

“*Hộ trì trợ tuyên Phật chỉ chánh pháp*” (Hộ trì, giúp tuyên dương chánh pháp của Phật) tức là nêu chung “*Quyền và Thật đều là chánh pháp*”. “*Hựu ư Không pháp minh liễu*” (Lại còn đối với pháp Không bèn hiểu rõ): Nói riêng, giúp đỡ tuyên dương chính là vì Thật mà thực hiện Quyền, biết rõ Tích Không (thấu hiểu cái Không bằng cách phân tích, chia chẻ) chính là từ Đề Nhất Nghĩa Không mà kiến lập sai biệt, sử dụng [giáo pháp thuộc] ba vị A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã. “*Bỉ Phật thế nhân hàm giai vị chi thật thị Thanh Văn*” (Người đời trong thuở các đức Phật đó đều cho rằng [Phú Lô Na] thật sự là Thanh Văn): Thuở ấy, chưa nêu rõ Tích, chỉ nói Tam Tạng là thật chứng. Thời Phương Đẳng, [hàng Nhị Thừa] bị quở trách; thời Bát Nhã thì được [Phật lực] gia bị, được [đức Phật] sai bảo nói pháp [cho hàng Bồ Tát], [người đời] trọn chẳng biết Ngài là bậc đại Bồ Tát. “*Hựu hóa vô lượng linh lập Bồ Đề*” (Lại còn giáo hóa vô lượng [chúng sanh], khiến cho họ trụ vững nơi Bồ Đề): Tức là nói riêng về chuyện khai Quyền hiển Thật, giống như vị đề-hồ của thời Pháp Hoa trong hiện thời. Nhưng ở chỗ quá khứ chư Phật, há Ngài cũng chẳng giúp [chư Phật] tuyên dương các pháp bán, đơn, mãn v.v.. ư?

Chỉ vì đức Phật hiện tại (Phật Thích Ca) xuất hiện trong đời ngũ trước, [thuận theo cơ nghi], đáng phải nên dẫn dắt, thực hiện các việc giáo hóa bằng cách “*khai, phé, dung hội*” v.v... Vì thế, đều nói theo những điều cùng loại, chẳng hạn như quang minh chiếu qua phương Đông, ngài Văn Thù trần thuật chuyện xưa, há có phương cách nào khác? [Đấy chính là] dẫn khởi những biện pháp cùng loại vậy. Lại nữa, [dùng các pháp] đơn bán, đơn mãn để giáo hóa chẳng khó! Thực hiện “*khai, phé, dung hội*” thì mới trọn hết sự mầu nhiệm “*ứng theo bệnh mà cho thuốc*” của Như Lai.

8.1.1.2.1.1.3. Xét theo sự tu nhân của tam thế chư Phật

(Kinh) Chư tỳ-kheo! Phú Lâu Na diệc ư thất Phật thuyết pháp nhân trung, nhi đắc đệ nhất. Kim ư ngã sở thuyết pháp nhân trung, diệc vi đệ nhất. Ư Hiền Kiếp trung đương lai chư Phật thuyết pháp nhân trung, diệc phục đệ nhất, nhi giai hộ trì, trợ tuyên Phật pháp, diệc ư vị lai hộ trì, trợ tuyên vô lượng vô biên chư Phật chi pháp, giáo hóa nhiều ích vô lượng chúng sanh, linh lập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị tịnh Phật độ cố, thường cần tinh tấn, giáo hóa chúng sanh.

**(經)諸比丘！富樓那亦於七佛說法人中，而得第一。
今於我所說法人中，亦為第一。於賢劫中當來諸佛說法人中，亦復第一，而皆護持，助宣佛法，亦於未來護持，助宣無量無邊諸佛之法，教化饒益無量眾生，令立阿耨多羅三藐三菩提，為淨佛土故，常勤精進，教化眾生。**

(Kinh: Đây các tỳ-kheo! Phú Lâu Na cũng là bậc nhất trong những người thuyết pháp thời bảy đức Phật. Nay trong các người thuyết pháp của ta, cũng là bậc nhất. Trong số các người thuyết pháp của đương lai chư Phật trong Hiền Kiếp, cũng là bậc nhất, đều hộ trì, giúp tuyên dương Phật pháp, cũng trong vị lai hộ trì, giúp tuyên dương pháp của vô lượng vô biên chư Phật, giáo hóa, lợi lạc vô lượng chúng sanh, khiến cho họ trụ vững nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì thanh tịnh cõi Phật, thường siêng năng, tinh tấn giáo hóa chúng sanh).

Cũng phỏng theo trên đây mà giúp tuyên dương các pháp bán tự và mãn tự thuộc ngũ vị, lợi ích Đại, Tiểu.

Phần thứ nhất, “trần thuật Bốn Tích” đã xong.

8.1.1.2.1.2. Truyền trao thọ ký

8.1.1.2.1.2.1. Nêu rõ nhân viên, quả mãn

(Kinh) Tiệm tiệm cụ túc Bồ Tát chi đạo, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đương ư thử độ, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hiệu viết Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)漸漸具足菩薩之道，過無量阿僧祇劫，當於此土，得阿耨多羅三藐三菩提，號曰法明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Dần dần trọn đủ đạo Bồ Tát, sau vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sẽ ở trong cõi này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Pháp Minh³⁰¹ (Dharmaprabhāsa) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh徧 Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Câu thứ nhất, nhắc lại ý nhân viên (cái nhân đã viên mãn) trong phần trước. Từ chữ “*quá vô lượng*” (sau vô lượng) trở đi, nói rõ cái quả đã viên mãn.

8.1.1.2.1.2.2. Quốc độ rộng lớn, thanh tịnh

8.1.1.2.1.2.2.1. Quốc độ to lớn, trang nghiêm thanh tịnh

(Kinh) Kỳ Phật dĩ Hằng hà sa đẳng tam thiên đại thiên thế giới vi nhất Phật độ. Thất bảo vi địa, địa bình như chưởng, vô hữu sơn, lăng,谿,澗,溝,壑. 七寶臺觀, 殊勝其中. 諸天宮殿近處虛空, 人天交接, 兩得相見.

(經)其佛以恆河沙等三千大千世界為一佛土。七寶為地，地平如掌，無有山，陵，谿，澗，溝，壑。七寶臺觀，充滿其中。諸天宮殿近處虛空，人天交接，兩得相見。

(Kinh: Vị Phật ấy dùng các tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng làm thành một Phật độ. Bảy báu làm đất, đất phẳng như lòng bàn tay, không có núi, gò, khe, suối, rạch, ngòi. Viện, đài bằng bảy

³⁰¹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật trong lúc tu nhân đã hiểu rõ, thông đạt pháp của chư Phật. Từ cái nhân mà lập danh cho cái quả, vì thế hiệu là Pháp Minh”.

báu đầy ắp trong đó. Cung điện của chư thiên ở gần trên hư không, trời người giao tiếp, đôi bên trông thấy nhau).

“Địa bình như chưởng” (Đất bằng phẳng như lòng bàn tay): Có người nói: “Đáy biển có đá gọi là Chưởng. Đá ấy không có chỗ nào to bằng một vi trần mà chẳng bằng phẳng”. Có người nói: “Kinh Hiền Kiếp nói rõ [“bình như chưởng”] tức là như lòng bàn tay của đức Phật, chẳng phải là nói tới lòng bàn tay của con người”.

8.1.1.2.1.2.2.2. Thuần là thiện đạo

(Kinh) Vô chư ác đạo, diệt vô nữ nhân. Nhất thiết chúng sanh giai dĩ hóa sanh, vô hữu dâm dục.

(經)無諸惡道，亦無女人。一切眾生皆以化生，無有淫欲。

(Kinh: Không có các ác đạo, cũng chẳng có nữ nhân. Hết thấy chúng sanh đều là hóa sanh, chẳng có dâm dục).

Có nữ nhân mà chẳng có ác đạo, như cõi của A Súc Phật: Tuy có nữ nhân mà chẳng có chuyện thuộc nữ giới. Nay thì ác đạo và nữ nhân đều chẳng có thì như cõi A Di Đà, thanh tịnh bậc nhất.

8.1.1.2.1.2.2.3. Trời, người phước huệ trọn đủ

(Kinh) Đắc đại thần thông. Thân xuất quang minh, phi hành tự tại. Chí niệm kiên cố, tinh tấn, trí huệ. Phổ giai kim sắc, tam thập nhị tướng, nhi tự trang nghiêm. Kỳ quốc chúng sanh, thường dĩ nhĩ thực: Nhất giả, pháp hỷ thực. Nhị giả, Thiên duyệt thực.

(經)得大神通。身出光明，飛行自在。志念堅固，精進，智慧。普皆金色，三十二相，而自莊嚴。其國眾生，常以二食：一者、法喜食。二者、禪悅食。

(Kinh: Đạt được thần thông to lớn. Thân tỏa quang minh, bay đi tự tại. Chí niệm kiên cố, tinh tấn, trí huệ. [Người trong cõi ấy, thân] đều là sắc vàng, ba mươi hai tướng để tự trang nghiêm. Chúng sanh trong

cõi ấy thường dùng hai món ăn: Một là pháp hỷ thực, hai là Thiên duyệt thực).

Nghe Pháp hoan hỷ vun bồi huệ mạng thì gọi là “*pháp hỷ thực*”. Nhập Thiên vui sướng, dùng điều này để gìn giữ Pháp Thân, thì gọi là “*Thiên duyệt thực*”, chẳng cần thức ăn phần đoạn!

8.1.1.2.1.2.2.4. Số lượng Bồ Tát và Thanh Văn rất nhiều

(Kinh) Hữu vô lượng A-tăng-kỳ thiên vạn ức na-do-tha chư Bồ Tát chúng đắc đại thần thông, tứ vô ngại trí, thiện năng giáo hóa chúng sanh chi loại. Kỳ Thanh Văn chúng toán số giáo kế sở bất năng tri, giai đắc cụ túc Lục Thông, Tam Minh, cập Bát Giải Thoát.

(經)有無量阿僧祇千萬億那由他諸菩薩眾得大神通，四無礙智，善能教化眾生之類。其聲聞眾算數校計所不能知，皆得具足六通，三明，及八解脫。

(Kinh: Có vô lượng A-tăng-kỳ ngàn vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát đắc đại thần thông, tứ vô ngại trí, khéo có thể giáo hóa các loài chúng sanh. Tính toán, so sánh, tính đếm, đều chẳng thể biết số lượng các vị Thanh Văn. Các Ngài đều trọn đủ Lục Thông, Tam Minh, và Bát Giải Thoát).

8.1.1.2.1.2.2.5. Tổng kết sự trang nghiêm

(Kinh) Kỳ Phật quốc độ, hữu như thị đẳng vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu.

(經)其佛國土，有如是等無量功德莊嚴成就。

(Kinh: Cõi Phật ấy có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế đó).

Phần thứ hai, “nói rõ quốc độ rộng lớn, thanh tịnh” đã xong.

8.1.1.2.1.2.3. Tên gọi của kiếp và quốc độ

(Kinh) Kiếp danh Bảo Minh, quốc danh Thiện Tịnh.

(經)劫名寶明，國名善淨。

(Kinh: Kiếp tên là Bảo Minh (Ratnāvabhāsa), cõi tên là Thiện Tịnh - Suvisuddha)³⁰².

8.1.1.2.1.2.4. Thọ mạng của Phật và thời gian chánh pháp trụ thế

(Kinh) Kỳ Phật thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, pháp trụ thậm cửu.

(經)其佛壽命無量阿僧祇劫，法住甚久。

(Kinh: Thọ mạng của đức Phật ấy là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, Phật pháp trụ thế rất lâu).

8.1.1.2.1.2.5. Sau khi Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi

(Kinh) Phật diệt độ hậu, khởi thất bảo tháp biến mãn kỳ quốc.

(經)佛滅度後，起七寶塔徧滿其國」。

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, dựng tháp bảy báu trọn khắp cả nước).

Phần thứ hai, phần kinh văn Trường Hàng trần thuật sự thọ ký của Như Lai đã xong.

8.1.1.2.2. Trùng tụng

8.1.1.2.2.1. Trùng tụng nêu bày Tích

8.1.1.2.2.1.1. Nêu chung Tích của các Thanh Văn

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Chư tỳ-kheo để thính! Phật tử sở hành đạo, thiện học phương tiện cố, bất khả đắc tư nghị. Tri chúng nhạo Tiểu pháp, nhi úy đại trí. Thị cố chư Bồ Tát, tác Thanh Văn, Duyên Giác, dĩ vô số phương tiện, hóa chư chúng sanh loại. Tự thuyết thị Thanh Văn, khứ

³⁰² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Chúng sanh thọ ấy thân tỏa ra quang minh, thân tướng của toàn thể mọi người đều là sắc vàng ròng. Vì thế, kiếp có tên là Bảo Minh. Do chẳng có ba ác đạo, mà cũng chẳng có dâm dục, cho nên quốc độ có tên là Thiện Tịnh”.

Phật đạo thậm viễn, độ thoát vô lượng chúng, giai tất đắc thành tựu. Tuy tiểu dục giải đãi, tiệm đương linh tác Phật. Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh Văn. Thiếu dục, yếm sanh tử, thật tự tịnh Phật độ. Thị chúng hữu tam độc, hựu hiện tà kiến tướng. Ngã độ tử như thị, phương tiện độ chúng sanh. Nhược ngã cụ túc thuyết, chúng chúng hóa hiện sự, chúng sanh văn thị giả, tâm tắc hoài nghi hoặc.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「諸比丘諦聽！佛子所行道，善學方便故，不可得思議。知眾樂小法，而畏於大智。是故諸菩薩，作聲聞緣覺，以無數方便，化諸眾生類。自說是聲聞，去佛道甚遠，度脫無量眾，皆悉得成就。雖小欲懈怠，漸當令作佛。內秘菩薩行，外現是聲聞。少欲厭生死，實自淨佛土。示眾有三毒，又現邪見相。我弟子如是，方便度眾生。若我具足說，種種化現事，眾生聞是者，心則懷疑惑。」

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Các tỳ-kheo lắng nghe! Đạo Phật tử đã hành, do khéo học phương tiện, chẳng thể nghĩ bàn được. Biết chúng thích Tiểu pháp, nhưng sợ hãi đại trí. Vì thế, các Bồ Tát, làm Thanh Văn, Duyên Giác, dùng vô số phương tiện, giáo hóa các chúng sanh. Tự nói là Thanh Văn, cách Phật đạo rất xa, độ thoát vô lượng chúng, thấy đều được thành tựu. Tuy tiểu dục, lười nhác, dần dần sẽ thành Phật. Trong ngàm hành Bồ Tát, ngoài thị hiện Thanh Văn. Thiếu dục, chán sanh tử, thật ra tịnh cõi Phật. Thị hiện có tam độc, lại hiện tướng tà kiến. Độ tử ta như thế, phương tiện độ chúng sanh. Nếu ta nói đầy đủ, các chuyện họ hóa hiện, chúng sanh nghe như thế, sẽ ôm lòng nghi hoặc).

“Tiểu dục” tức là chuyên chú, ưa thích Tiểu Thừa. “Giải đãi” (Lười nhác) tức là chẳng cầu Đại Thừa. “Thị chúng hữu tam độc” (Thị hiện cho đại chúng thấy chính mình có tam độc): Không chỉ thị hiện làm Thanh Văn, mà còn thị hiện là tam độc phàm phu và tà kiến ngoại đạo. Lại như ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) thị hiện sân, ngài Nan Đà thị hiện tham, ngài Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) thị hiện si v.v...

8.1.1.2.2.1.2. Trùng tụng nêu bày Tích của ngài Phú Lô Na

(Kinh) Kim thử Phú Lô Na, ư tích thiên ức Phật, cần tu sở hành đạo, tuyên hộ chư Phật pháp, vị cầu vô thượng huệ, nhi ư chư Phật sở, hiện cư đệ tử thượng, đa văn, hữu trí huệ. Sở thuyết vô sở úy, năng linh chúng hoan hỷ, vị tăng hữu bì quyên, nhi dĩ trợ Phật sự. Dĩ độ đại thần thông, cụ tứ vô ngại trí, tri chư căn lợi độn, thường thuyết thanh tịnh pháp. Diễn sướng như thị nghĩa, giáo chư thiên ức chúng, linh trụ Đại Thừa pháp, nhi tự tịnh Phật độ. Vị lai diệc cúng dường, vô lượng vô số Phật, hộ trợ tuyên chánh pháp, diệc tự tịnh Phật độ. Thường dĩ chư phương tiện, thuyết pháp vô sở úy, độ bất khả kể chúng, thành tựu Nhất Thiết Trí.

(經)今此富樓那，於昔千億佛，勤修所行道，宣護諸佛法，為求無上慧，而於諸佛所，現居弟子上，多聞有智慧。所說無所畏，能令眾歡喜，未曾有疲倦，而以助佛事。已度大神通，具四無礙智，知諸根利鈍，常說清淨法。演暢如是義，教諸千億眾，令住大乘法，而自淨佛土。未來亦供養，無量無數佛，護助宣正法，亦自淨佛土。常以諸方便，說法無所畏，度不可計眾，成就一切智。

(Kinh: Nay Phú Lô Na đây, xưa nơi ngàn ức Phật, siêng tu đạo đã hành. Nói, hộ trì Phật pháp, vì cầu vô thượng huệ, bèn ở nơi chư Phật, hiện thân phận đệ tử, đa văn, có trí huệ. Nói năng không sợ hãi, hay khiến chúng hoan hỷ, chưa hề có mệt mỏi, để giúp hành Phật sự. Đã đắc đại thần thông, đủ tứ vô ngại trí³⁰³, biết các căn lợi độn, thường nói pháp thanh tịnh. Diễn bày nghĩa như thế, dạy ngàn ức đại chúng, khiến

³⁰³ Tứ vô ngại trí tức là tứ biện tài gồm:

- Pháp vô ngại: Đối với giáo pháp chẳng vướng mắc, diễn nói thông đạt đúng lý, khéo cơ.
- Nghĩa vô ngại: Thông hiểu giáo nghĩa và nghĩa lý chẳng vướng mắc.
- Từ vô ngại: Thông đạt ngôn từ lẫn các ngôn ngữ địa phương, có thể diễn nói pháp bằng đủ mọi cách vô ngại.
- Nhạo thuyết vô ngại: Diễn nói vô ngại, không chán mệt, không lười mỏi.

trụ pháp Đại Thừa, tự thanh tịnh cõi Phật. Vị lai cũng cúng dường, vô lượng vô số Phật, hộ trì, giúp nói pháp, cũng tự tịnh cõi Phật. Thường dùng các phương tiện, thuyết pháp không sợ hãi, độ chẳng tính kể chúng, thành tựu Nhất Thiết Trí).

Năm bài kệ đầu nhằm trùng tụng hiển Bỏn theo quá khứ. Hai bài kệ sau, xét theo hạnh nhân trong thời vị lai Phật để trùng tụng. Lược đi không trùng tụng hiện tại Phật và bảy vị Phật.

Phần thứ nhất, “trùng tụng nêu bày Tích” đã xong.

8.1.1.2.2.2. Trùng tụng thọ ký

Lược đi, không trùng tụng thọ mạng của Phật, thời gian Phật pháp trụ thế, và sau khi Phật diệt độ, đại chúng dựng tháp.

8.1.1.2.2.2.1. Trùng tụng nhân viên quả mãn

(Kinh) Cúng dường chư Như Lai, hộ trì pháp bảo tạng. Kỳ hậu đắc thành Phật, hiệu danh viết Pháp Minh.

(經)供養諸如來，護持法寶藏。其後得成佛，號名曰法明。

(Kinh: Cúng dường các Như Lai, hộ trì pháp bảo tạng. Sau đó, được thành Phật, danh hiệu là Pháp Minh).

8.1.1.2.2.2.2. Trùng tụng tên của quốc độ và kiếp

(Kinh) Kỳ quốc danh Thiện Tịnh, thất bảo sở hợp thành. Kiếp danh vi Bảo Minh.

(經)其國名善淨，七寶所合成。劫名為寶明。

(Kinh: Quốc độ tên Thiện Tịnh, do bảy báu hợp thành. Kiếp tên là Bảo Minh).

8.1.1.2.2.2.3. Trùng tụng quốc độ rộng lớn, thanh tịnh

(Kinh) Bồ Tát chúng thậm đa, kỳ số vô lượng ức, giai độ đại thần thông, oai đức lực cụ túc, sung mãn kỳ quốc độ. Thanh Văn diệt

vô số. Tam Minh, Bát Giải Thoát, đắc tứ vô ngại trí. Dĩ thị đẳng vi tăng. Kỳ quốc chư chúng sanh, thâm dục giai dĩ đoạn, thuần nhất biến hóa sanh, cụ tướng trang nghiêm thân. Pháp hỷ, Thiền duyệt thực, cánh vô dư thực tướng. Vô hữu chư nữ nhân, diệt vô chư ác đạo. Phú Lâu Na tỳ-kheo, công đức tất thành mãn, đương đắc tư Tịnh Độ, hiện thánh chúng thậm đa. Như thị vô lượng sự, ngã kim dẫn lược thuyết.

(經)菩薩眾甚多，其數無量億，皆度大神通，威德力具足，充滿其國土。聲聞亦無數。三明八解脫，得四無礙智。以是等為僧。其國諸眾生，淫欲皆已斷，純一變化生，具相莊嚴身。法喜禪悅食，更無餘食想。無有諸女人，亦無諸惡道。富樓那比丘，功德悉成滿，當得斯淨土，賢聖眾甚多。如是無量事，我今但略說」。

(Kinh: Hàng Bồ Tát rất đông, số đến vô lượng ức, đều đắc đại thần thông, sức oai đức trọn đủ, đầy ấp quốc độ ấy. Thanh Văn cũng vô số. Tam Minh, Bát Giải Thoát, đắc tứ vô ngại trí. Hạng như thế làm tăng. Các chúng sanh cõi ấy, đều đã đoạn thâm dục, thuần nhất là hóa sanh. Thân đủ tướng trang nghiêm, pháp hỷ, Thiền duyệt thực, chẳng nghĩ ăn gì khác. Chẳng có các nữ nhân, cũng chẳng có ác đạo. Tỳ-kheo Phú Lâu Na, công đức đều thành mãn, sẽ được Tịnh Độ ấy, bậc hiện thánh rất đông. Vô lượng chuyện như thế, ta nay chỉ nói lược).

Phần thứ nhất, thọ ký Mãn Từ Tử đã xong.

8.1.2. Thọ ký một ngàn hai trăm vị

8.1.2. 1. [Các vị La Hán] nghĩ thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, thiên nhị bách A La Hán tâm tự tại giả, tác thị niệm: “Ngã đẳng hoan hỷ, đắc vị tăng hữu. Nhược Thế Tôn các kiến thọ ký như dư đại đệ tử giả, bất diệt khoái hồ?”

(經)爾時，千二百阿羅漢心自在者，作是念：「我等歡喜得未曾有。若世尊各見授記如餘大弟子者，不亦快乎？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, một ngàn hai trăm vị A La Hán là những vị tâm được tự tại, nghĩ như thế này: “Chúng ta hoan hỷ, được điều chưa từng có. Nếu đức Thế Tôn thọ ký cho từng người như các vị đại đệ tử khác, cũng chẳng vui sướng lắm ư?”)

8.1.2.2. Trao thọ ký

8.1.2.2.1. Trường Hàng

8.1.2.2.1.1. Thọ ký chung cho một ngàn hai trăm vị

(Kinh) Phật tri thủ đẳng tâm chi sở niệm, cáo Ma Ha Ca Diếp: - Thị thiên nhị bách A La Hán, ngã kim đương hiện tiền thứ đệ dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

(經)佛知此等心之所念，告摩訶迦葉：「是千二百阿羅漢，我今當現前次第與授阿耨多羅三藐三菩提記。」

(Kinh: Phật biết điều họ suy nghĩ trong tâm, bảo ngài Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa): - Một ngàn hai trăm A La Hán đây, ta sẽ hiện tiền theo thứ tự thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho họ).

8.1.2.2.1.2. Thọ ký riêng cho Kiều Trần Như

(Kinh) Ư thủ chúng trung, ngã đại đệ tử Kiều Trần Như tỳ-kheo, đương cúng dường lục vạn nhị thiên ức Phật. Nhiên hậu, đắc thành vi Phật, hiệu viết Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)於此眾中，我大弟子憍陳如比丘，當供養六萬二

千億佛。然後，得成為佛，號曰普明如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Trong các vị này, đại đệ tử của ta là tỳ-kheo Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya) sẽ cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Phật. Sau đó, được thành Phật, hiệu là Phổ Minh (Samantaprabha) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Ngài Kiều Trần Như đắc độ trước hết, làm bậc Thượng Tọa trong tăng chúng. Cho nên Ngài được thọ ký riêng.

8.1.2.2.1.3. Thọ ký riêng cho năm trăm vị La Hán

(Kinh) Kỳ ngũ bách A La Hán: Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nậu Lâu Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà đẳng, giai đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tận đồng nhất hiệu, danh viết Phổ Minh.

(經)其五百阿羅漢：優樓頻螺迦葉、伽耶迦葉、那提迦葉、迦留陀夷、優陀夷、阿菴樓陀、離婆多、劫賓那、薄拘羅、周陀、莎伽陀等，皆當得阿耨多羅三藐三菩提，盡同一號，名曰普明」。

(Kinh: Năm trăm vị A La Hán: Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp (Uruvilva-kāśyapa), Già Da Ca Diếp (Gayākāśyapa), Na Đề Ca Diếp (Nadīkāśyapa), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Ưu Đà Di (Udāyin), A Nậu Lâu Đà (Anirudha), Ly Bà Đa (Revata), Kiếp Tân Na (Kapphina), Bạc Câu La (Bakkula), Châu Đà (Cūḍa), Sa Già Đà (Svāgata) v.v... đều sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều có cùng một danh hiệu là Phổ Minh).

Ca Lưu Đà Di, phương này dịch là Hắc Quang. Sau khi đức Phật thành đạo, phụ vương sai Ngài đến thỉnh Phật. Đức Phật liền dạy Ngài xuất gia. Theo kinh Bảo Tích, Ngài chính là bậc “*thiện lai*”³⁰⁴ đắc đạo, dùng sức thần thông, chuyển hóa phụ vương. Theo phần Tỳ Ni trong kinh A Hàm, Ngài là một trong Lục Quân tỳ-kheo. Tuy đã xuất gia, vẫn phạm rất nhiều lỗi. Tuổi ngoài bảy mươi mới được điều phục, chứng A La Hán. Ngài khuyến hóa bậc nhất. Ngài hóa độ vợ chồng đều thấy đạo chân thật số đến một ngàn gia đình. Vì thế, biết căn cơ Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa sở kiến đều khác biệt như thế, há chỉ có thân mật của đức Phật là chẳng thể nghĩ bàn, mà thân mật của các vị đại đệ tử cũng đều là chẳng thể nghĩ bàn!

Ưu Đà Di, còn gọi là Ưu Ba Ly, còn phiên âm là Ô Ba Ly, [phiên âm khác biệt là do đọc] âm tiếng Phạn nặng hay nhẹ, Ngài trì luật bậc nhất. Châu Đà, phương này dịch là Đại Lộ, chứng A La Hán, có thể trì Tam Tạng, làm bậc đại pháp sư, tức là tên của người anh. Sa Già Đà, phương này dịch là Tiểu Đạo, còn dịch là Kế Đạo, tức là tên người em. Người anh truyền cho em một câu kệ, suốt một trăm ngày, [người em] chẳng thể tụng thuộc. Anh đuổi khỏi tăng phòng, đức Phật đích thân dạy sáu chữ “*ngã phát trần, ngã trừ cấu*” (ta phủi bụi, ta trừ dơ), Ngài nhớ phần trước thì quên phần sau, nhớ phần sau liền quên phần trước. Đức Phật dạy Ngài điều hòa hơi thở, mới chứng thánh quả, trọn vẹn đại thần lực, hàng phục độc hỏa long.

Khi liệt kê thánh chúng trong phần trước (trong phẩm Tự), không nêu tên bốn vị tôn giả ấy, nên nay giải thích. Trong phần ấy, lại còn liệt kê các vị Kiều Phạm Ba Đề, Tất Lăng Già Bà Tha, Ma Ha Câu Hy La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, năm vị ấy đều không được thọ ký riêng, hoặc là phần tiếng Phạn chưa truyền đến [Trung Hoa], hoặc là nói gộp chung trong năm trăm người, hoặc một ngàn hai trăm người.

Phần văn Trường Hàng đã xong.

8.1.2.2.2. Kệ tụng

8.1.2.2.2.1. Trùng tụng chuyện thọ ký cho ngài Kiều Trần Như và năm trăm A La Hán

³⁰⁴ Tức là bậc tỳ-kheo khi cầu xuất gia, đức Phật bèn nói “*thiện lai tỳ-kheo*”, vị ấy liền râu tóc tự rụng, y ca-sa khoác trên thân. Khi râu tóc rụng, phiền não cũng rơi rớt, tối thiểu là chứng Sơ Quả.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Kiều Trần Như tỳ-kheo, đương kiến vô lượng Phật. Quá A-tăng-kỳ kiếp, nãi thành Đẳng Chánh Giác, thường phóng đại quang minh, cụ túc chư thần thông. Danh văn biến thập phương, nhất thiết chi sở kính. Thường thuyết vô thượng đạo. Cổ hiệu vi Phổ Minh. Kỳ quốc độ thanh tịnh, Bồ Tát giai dũng mãnh, hàm thăng diệu lâu các. Du chư thập phương quốc, dĩ vô thượng cúng cụ, phụng hiến ư chư Phật. Tác thị cúng dường dĩ, tâm hoài đại hoan hỷ. Tu du hoàn bốn quốc, hữu như thị thần lực. Phật thọ lục vạn kiếp, Chánh Pháp trụ bội thọ, Tượng Pháp phục bội thị. Pháp diệt, thiên nhân ưu. Kỳ ngũ bách tỳ-kheo, thứ đệ đương tác Phật, đồng hiệu viết Phổ Minh, chuyển thứ nhi thọ ký: “Ngã diệt độ chi hậu, mỗi giáp đương tác Phật, kỳ sở hóa thế gian, diệc như ngã kim nhật. Quốc độ chi nghiêm tịnh, cập chư thần thông lực. Bồ Tát, Thanh Văn chúng, Chánh Pháp cập Tượng Pháp, thọ mạng kiếp đa thiểu, giai như thượng sở thuyết”.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「憍陳如比丘，當見無量佛。過阿僧祇劫，乃成等正覺，常放大光明，具足諸神通。名聞徧十方，一切之所敬。常說無上道。故號為普明。其國土清淨，菩薩皆勇猛，咸升妙樓閣。遊諸十方國，以無上供具，奉獻於諸佛。作是供養已，心懷大歡喜。須臾還本國，有如是神力。佛壽六萬劫，正法住倍壽，像法復倍是。法滅天人憂。其五百比丘，次第當作佛，同號曰普明，轉次而授記：「我滅度之後，某甲當作佛，其所化世間，亦如我今日。國土之嚴淨，及諸神通力。菩薩聲聞眾，正法及像法，壽命劫多少，皆如上所說」。

。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: - Tỳ-kheo Kiều Trần Như, sẽ thấy vô lượng Phật. Sau A-tăng-kỳ kiếp, bèn thành Đẳng Chánh Giác, thường phóng quang minh lớn, trọn đủ các thần thông. Tiếng tăm rền mười phương, được hết thấy

tôn kính. Thường nói đạo vô thượng; vì thế, hiệu Phổ Minh. Quốc độ ấy thanh tịnh, Bồ Tát đều dùng mãnh, đều lên diệu lâu các. Đạo chơi mười phương cõi, dùng đồ cúng vô thượng, dâng hiến lên chư Phật. Cúng dường như thế xong, ôm lòng hoan hỷ lớn. Khoảnh khắc về nước mình, có thần lực như thế. Phật thọ sáu vạn kiếp, Chánh Pháp dài gấp đôi, Tượng Pháp gấp đôi đó. Pháp diệt, trời người buồn. Năm trăm vị tỳ-kheo, theo thứ tự thành Phật, cùng hiệu là Phổ Minh, lần lượt thọ ký nhau: “Sau khi ta diệt độ, ông đó sẽ thành Phật, giáo hóa trong thế gian, cũng như ta ngày nay. Cõi trang nghiêm, thanh tịnh, và các sức thần thông. Hàng Bồ Tát, Thanh Văn, Chánh Pháp và Tượng Pháp, thọ mạng bao nhiêu kiếp, đều như trên đã nói”).

Phần Trường Hàng nói đại lược, kệ tụng nói chi tiết. Trước hết, trong phần trùng tụng ngài Kiều Trần Như được thọ ký, hai câu đầu nói về hạnh nhân. Hai bài kệ kế đó nói về đắc quả. Hai bài kệ rưỡi kế đó nói cõi nước thanh tịnh. Câu kệ đó nói về thọ mạng của Phật. Hai câu kệ tiếp nói về Chánh Pháp và Tượng Pháp. Câu kệ đó, “*pháp diệt thiên nhân ưu*” (pháp diệt, trời người buồn) kết lại phần trước để dẫn khởi phần sau. Ba bài kệ rưỡi kế đó trùng tụng chuyện thọ ký cho năm trăm vị tỳ-kheo.

8.1.2.2.2. Trùng tụng chuyện thọ ký chung cho hết thầy Thanh Văn

(Kinh) Ca Diếp nhữ dĩ tri, ngũ bách tự tại giả, dư chư Thanh Văn chúng, diệt đương phục như thị. Kỳ bất tại thử hội, nhữ đương vị tuyên thuyết.

(經)迦葉汝已知，五百自在者，餘諸聲聞眾，亦當復如是。其不在此會，汝當為宣說」。

(Kinh: Ca Diếp ông đã biết, năm trăm vị tự tại, cùng các Thanh Văn khác, cũng sẽ giống như thế. Ai vắng mặt hội này, ông nên tuyên thuyết cho).

“*Dư chư Thanh Văn*” (Các Thanh Văn khác) tức là một ngàn hai trăm người. Đã thọ ký cho năm trăm vị, còn lại bảy trăm vị, và nói chung hết thầy các Thanh Văn, cũng như các vị không hiện diện trong hội này. Bất luận có mặt hay không, đều được thọ ký như nhau.

Trong phần thọ ký một ngàn hai trăm vị, phần thứ hai là thọ ký đã xong.

8.1.2.3. Lãnh nhận tín giải

8.1.2.3.1. Trường Hàng

8.1.2.3.1.1. Người kết tập kinh trần thuật sự hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, ngũ bách A La Hán ư Phật tiền đắc thọ ký dĩ, hoan hỷ, dũng dục, tức tùng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, hối quá tự trách.

(經)爾時，五百阿羅漢於佛前得受記已，歡喜，踊躍，即從座起，到於佛前，頭面禮足，悔過自責。

(Kinh: Lúc bấy giờ, năm trăm vị A La Hán ở trước Phật được thọ ký rồi, hoan hỷ, hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, hối lỗi, tự trách).

“Hoan hỷ, dũng dục” (Hoan hỷ, hớn hở) tức là mừng vì nay được tín giải. “Hối quá tự trách” (Hối lỗi, tự trách) vì hổ thẹn trước kia chẳng hiểu.

8.1.2.3.1.2. Trần thuật sự lãnh nhận tín giải

8.1.2.3.1.2.1. Pháp Thuyết

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng thường tác thị niệm, tự vị “dĩ đắc cứu cánh diệt độ”. Kim nãi tri chi như vô trí giả, sở dĩ giả hà? Ngã đẳng ưng đắc Như Lai trí huệ, nhi tiện tự dĩ tiểu trí vi túc.

(經)「世尊！我等常作是念，自謂「已得究竟滅度」。今乃知之如無智者，所以者何？我等應得如來智慧，而便自以小智為足。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con thường nghĩ thế này, tự cho là “đã đạt được diệt độ rốt ráo”, nay mới biết mình như kẻ vô trí. Vì có sao vậy? Chúng con đáng nên được trí huệ của Như Lai, mà lại coi tiểu trí là đủ).

“Tự vị dĩ đắc cứu cánh diệt độ” (Tự cho là đã đạt được diệt độ rất ráo): Tức là hồi hận, tự trách mình trước đó mê muội! Mừng vì nay mới ngộ, mới biết trước kia là tiểu trí, hoàn toàn giống như vô trí, cũng tự trách độn căn, chẳng thể sớm ngộ! Từ “sở dĩ giả hà” (vì có sao vậy) trở đi, giải thích ý nghĩa “vô trí”: Ngày nay mới biết chính mình đáng nên đạt được đại trí của Như Lai, nhưng trước kia cứ coi tiểu trí là đủ rồi, khư khư nơi Tiểu pháp, bỏ mất Đại pháp, há chẳng phải giống hệt kẻ vô trí ư?

8.1.2.3.1.2.2. Thí Thuyết

8.1.2.3.1.2.2.1. Lập thí dụ

8.1.2.3.1.2.2.1.1. Thí dụ về người say rượu

Ví như tự cho là diệt độ, coi tiểu trí là đủ.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.1. Thí dụ buộc châu

Trần thuật sự lãnh ngộ đối với chuyện “[mười sáu vị] vương tử kết duyên” trong phần trước.

(Kinh) Thế Tôn! Thí như hữu nhân, chí thân hữu gia, túy tửu nhi ngộa. Thị thời thân hữu quan sự đương hành, dĩ vô giá bảo châu hệ kỳ y lý, dữ chi nhi khứ.

(經)世尊！譬如有人，至親友家，醉酒而臥。是時親友官事當行，以無價寶珠繫其衣裏，與之而去。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ví như có người, đến nhà bạn thân, say rượu mà nằm. Khi đó, người bạn thân do có việc công phải đi, đem bảo châu vô giá buộc vào trong áo kẻ đó, tặng cho rồi ra đi).

“Hữu nhân” (Có người) tức là năm trăm vị [La Hán] ấy tự sánh ví. “Thân hữu” ví như mười sáu vị vương tử thuở trước. “Gia” (Nhà): Sánh ví giáo pháp Đại Thừa như nhà. “Túy tửu nhi ngộa” (Say rượu mà nằm): Ví như vô minh chưa từng tỉnh. Say có hai nghĩa:

- Một là say bết nhè, hoàn toàn chẳng hay biết. Ví như [do nghe] một câu, một kệ mà kết duyên, chưa từng nhập phẩm vị.

- Hai là say nhẹ, hơi mất tri giác, còn gọi là “*bất giác*”. Ví như có Văn Huệ đôi chút, thuộc giai đoạn đầu của Ngũ Phẩm, chưa dưng vào địa vị Tương Tự.

“*Quan sự đương hành*” (Có việc quan phải đi) ví như vương tử do căn cơ hưng khởi ở nơi khác, liền thuận theo cơ duyên mà tới ứng hiện, hoằng pháp hóa độ người khác, hoàn toàn chẳng phải là việc riêng. Vì thế nói là “*quan sự*” (việc quan, việc công). “*Vô giá bảo châu*” ví như báu Thật Tướng Chân Như Trí của Nhất Thừa. “*Hệ kỳ y lý*” (Buộc vào trong áo): Y ví như cái tâm tầm quý, nhẫn nhục và tín nhạo (tín tưởng, ưa thích) thuở đó. Do lúc nghe pháp mà sanh tín nhạo, được thành tựu chủng tử trí nguyện thuộc về liễu nhân.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.2. *Thí dụ say ngủ chẳng biết*

Lãnh ngộ chuyện giữa chừng thoái thất Đại Thừa.

(Kinh) *Kỳ nhân túy ngọa, đô bất giác tri.*

(經)其人醉臥，都不覺知。

(Kinh: *Người ấy say ngủ, trọn chẳng hay biết*).

Đây là sánh ví cái tâm vô minh nặng nề, trọn chẳng nhớ gì. [Nêu thí dụ này để trần thuật] sự lãnh ngộ đối với chuyện “giải đãi, thoái thất giữa chừng, chẳng tiếp nhận Đại pháp”.

8.1.2.3.1.2.2.1.1.3. *Thí dụ thức dậy bèn du hành*

Lãnh ngộ sự tiếp nhận Tiểu pháp trong phần trên.

(Kinh) *Khởi dĩ du hành, đáo u tha quốc, vị y thực cố, cần lực cầu sách, thậm đại gian nan. Nhược thiếu hữu sở đắc, tiện dĩ vi túc.*

(經)起已遊行，到於他國，為衣食故，勤力求索，甚大艱難。若少有所得，便以為足。

(Kinh: *[Kẻ đói] thức dậy ra đi, đến nước khác, vì cơm áo, ra sức tìm kiếm, hết sức gian nan*³⁰⁵. *Nếu đạt được chút ít, liền cho là đủ*).

“*Khởi dĩ du hành*” (Thức dậy, ra đi) ví như thiện căn sắp phát khởi, chán khổ, cầu lạc. “*Đáo ư tha quốc*” (Tới nước khác) ví như vô minh che lấp kiến giải, chẳng biết hướng đến bốn quốc Đại Thừa. “*Y thực*” (Cơm áo) ví như chánh đạo và trợ đạo. “*Cầu sách gian nan*” (Tìm kiếm nhọc nhằn) ví như lúc chưa nhập chánh pháp, rồng tuếch, chẳng có chứng đắc. “*Đắc thiểu vi túc*” (Được chút ít cho là đủ): Ví như nương vào Quyền giáo để tu hành, đạt được cái quả Tiểu Thừa, đây chính là lãnh ngộ “*trong khoảng trung gian đã tiếp nhận Tiểu pháp*”.

Thí dụ thứ nhất, “say sưa ngủ mất” đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.1.2. Thí dụ “được bạn thân giác ngộ”

Lãnh ngộ ý trong phần trước “*do nhân duyên ấy, nay nói kinh Pháp Hoa, bình đẳng ban cho các con cỗ xe trâu trắng lớn*”.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.1. Quở trách

(Kinh) *Ư hậu, thân hữu hội ngộ kiến chi, nhi tác thị ngôn: - Đốt tai trượng phu! Hà vị y thực, nãi chí như thị?*

(經)於後，親友會遇見之，而作是言：「咄哉丈夫！何為衣食，乃至如是？」

(Kinh: *Sau đây, người bạn thân gặp lại, bèn nói như thế này: - Ôi chao anh kia! Sao lại vì cơm áo mà đến nỗi như thế?*)

“*Hội ngộ kiến chi*” ví như căn cơ Đại Thừa đã phát động. “*Đốt tai*” (Ôi chao) là lời quở trách, ví như do đây động chấp trước bèn sanh nghi. Trong tam châu đều có ý này. Trong Pháp Thuyết Châu có nói:

³⁰⁵ Pháp sư Phổ Hành giảng: “*Sánh ví như bỏ Đại Thừa, tu Tiểu Thừa. Do căn cơ Tiểu Thừa đầy động nên tu hành Tiểu Thừa. Vì thế nói ‘khởi dĩ du hành’.* Cõi Đại Thừa là ‘bốn quốc’, Tiểu Thừa là ‘tha quốc’ (nước khác). Mê muội đối với Đại bèn chấp Tiểu, nên nói là ‘đáo ư tha quốc’ (đến nước khác). Niết Bàn của Tiểu Thừa ví như cơm áo. Vì cầu Niết Bàn, siêng gắng đoạn Kiến Tư, cho nên nói vì cơm áo mà ra sức tìm kiếm. Đạo Tiểu Thừa hẹp hòi, cho nên nói ‘hết sức gian nan’. Hễ đạt được quả vị Tiểu Thừa, đã cho là đủ”.

“Ngã linh thoát khổ phược” (Ta khiến cho kẻ đó thoát khỏi sự khổ trôi buộc) v.v... Trong Thí Thuyết Châu nói “ngã tiên bắt ngôn giai vị Tam Bồ Đề da?” (trước đó, ta chẳng nói điều gì Chánh Giác ư?) Trong Nhân Duyên Châu nói: “Túc thế nhân duyên, ngã kim đương thuyết” (Nhân duyên đời trước, ta điều sẽ nói). Đây đều là những lời quả trách.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.2. Chỉ ra bảo châu

(Kinh) Ngã tích dục linh nhữ đắc an lạc, ngũ dục tự tứ, u mô niên nhật nguyệt, dĩ vô giá bảo châu hệ nhữ y lý, kim cố hiện tại, nhi nhữ bất tri, cần khổ, ưu não dĩ cầu tự hoạt, thậm vi si dã.

(經)我昔欲令汝得安樂，五欲自恣，於某年日月，以無價寶珠繫汝衣裏，今故現在，而汝不知，勤苦，憂惱以求自活，甚為癡也。

(Kinh: Xưa kia, tôi muốn cho anh được yên vui, vui thỏa ngũ dục, vào ngày, tháng, năm đó đã đem bảo châu vô giá cột vào trong áo của anh, nay vẫn còn đó, nhưng anh không biết, cứ vất vả, lo buồn để cầu tự nuôi sống, hết sức si dại).

“An lạc” ví như Vô Thượng Đại Niết Bàn. “Ngũ dục tự tứ” (Vui thỏa ngũ dục) ví như thọ dụng chân thật Đại Thừa xứng tánh, như ngũ trần thù thắng, nhiệm mầu được nói đến trong cõi Thật Báo, có thể khiến cho ngài Ca Diếp đứng dậy múa may. “Mô niên nhật nguyệt” (Ngày tháng năm nào đó) ví như khi giảng lại kinh Pháp Hoa trong thời Đại Thông Trí Thắng Phật. “Kim cố hiện tại” (Nay vẫn đang còn đó) ví như hiện Thật. Trong phần Pháp Thuyết Châu, nói rộng năm loại Phật, hoặc “bình đẳng ban cho cỗ xe lớn” trong phần Thí Thuyết Châu, [hoặc nêu rõ những chuyện đã nói] trong phần Nhân Duyên Châu, vẫn là vì nói Đại Thừa. Đây đều là ý nghĩa “chỉ bày bảo châu”.

8.1.2.3.1.2.2.1.2.3. Khuyến đổi châu

(Kinh) Nhữ kim khả dĩ thử bảo mậu dịch sở tu, thường khả như ý, vô sở phạp đoản.

(經)汝今可以此寶貿易所須，常可如意，無所乏短」。

(Kinh: Nay anh có thể đem viên bảo châu này đổi lấy thứ cần dùng, sẽ thường được vừa ý, chẳng bị thiếu thốn).

Châu tuy giá trị vô lượng, vẫn cần phải đổi chác thì mới hữu dụng. Ví như người nội giải liễu nhân đầu đạt đến mức rốt ráo, ắt cần phải đổi lấy một cách thể hiện khác, nhờ vào “một điều đã hiểu, hết thấy đều hiểu” trước đó để đổi lấy “hành một điều, hết thấy đều hành”. Bản thể của châu chẳng cạn kiệt, đổi chác cũng vô cùng tận. Vì thế, cần phải càng nghe càng tu thì mới hiển lộ công dụng của chất báu. Như đạt được châu Ma Ni trong kinh Hoa Nghiêm, mười loại giới mài [khiến cho bảo châu] trong suốt thì mới có thể tuôn ra các báu. Giải và hạnh tương xứng thì mới kham tiếp nhận Phật thọ ký. Từ đây trở đi, ắt có “áo” Tịch Diệt Nhân, “cơm” Thủ Lăng Nghiêm, tự hành, hóa tha vô lượng các báu, thuộc vào địa vị vô công dụng, đôi bên chẳng cùng tận. Vì thế nói: “*Thường khả như ý, vô sở pháp đoản*” (Sẽ thường được như ý, chẳng bị thiếu thốn). Trong Pháp Thuyết Châu, ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) được thọ ký. Trong Thí Thuyết Châu, bốn vị (Ma Ha Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ma Ha Ca Chiên Diên, Mục Kiền Liên) được thọ ký. Trong Nhân Duyên Châu, hai ngàn vị [Thanh Văn] được thọ ký, đều chính là ý nghĩa “*khuyên đổi châu*”.

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.2. Kết hợp thí dụ với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.1. Kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.1.1. Kết hợp thí dụ “buộc châu” với pháp

(Kinh) *Phật diệt như thị. Vi Bồ Tát thời, giáo hóa ngã đẳng, linh phát Nhất Thiết Trí tâm.*

(經)佛亦如是。為菩薩時，教化我等，令發一切智 心

。

(Kinh: Đức Phật cũng giống như thế. Khi Ngài làm Bồ Tát, đã giáo hóa chúng con, khiến phát tâm Nhất Thiết Trí).

8.1.2.3.1.2.2.2.1.2. Kết hợp thí dụ “say sưa nằm ngủ chẳng hay biết” với pháp

(Kinh) *Nhi tâm phế vong, bất tri bất giác.*

(經)而尋廢忘，不知不覺。

(Kinh: Nhưng [chúng con] liền quên mất, chẳng biết, chẳng hay).

8.1.2.3.1.2.2.2.1.3. Kết hợp thí dụ “tĩnh dậy, lang thang, cầu được chút ít đã cho là đủ” với pháp

(Kinh) Ký đắc A La Hán đạo, tự vị diệt độ, tư sanh gian nan, đắc thiểu vi túc.

(經)既得阿羅漢道，自謂滅度，資生艱難，得少為足

◦

(Kinh: Đã đắc đạo A La Hán, tự cho là đã diệt độ, vất vả kiếm sống, được chút ít đã cho là đủ).

Do vất vả sanh tồn trong tam giới; vì thế, đối với tiêu quả tự cho là đủ, nhưng chẳng có pháp tài công đức Đại Thừa, tức là vẫn kiếm sống gian nan.

Phần thứ nhất, kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp đã xong.

8.1.2.3.1.2.2.2.2. Kết hợp thí dụ “được thân hữu giác ngộ” với pháp

8.1.2.3.1.2.2.2.2.1. Kết hợp thí dụ “quở trách” với pháp

(Kinh) Nhất thiết trí nguyện do tại bất thất. Kim giả Thế Tôn giác ngộ ngã đẳng, tác như thị ngôn: “Chư tỳ-kheo! Nhữ đẳng sở đắc phi cứu cánh diệt”.

(經)一切智願猶在不失。今者世尊覺悟我等，作如是言：「諸比丘！汝等所得非究竟滅。」

(Kinh: Hết thấy trí nguyện vẫn còn, chẳng mất, nay đức Thế Tôn giác ngộ chúng con, nói như thế này: - Các tỳ-kheo! Điều các thầy đạt được chẳng phải là diệt rốt ráo).

8.1.2.3.1.2.2.2.2.2. Kết hợp thí dụ “chỉ bày châu” với pháp

(Kinh) Ngã cứu linh nhữ đẳng chúng Phật thiện căn. Dĩ phương tiện cố, thị Niết Bàn tướng, nhi nhữ vị vi thật đắc diệt độ.

(經)我久令汝等種佛善根。以方便故，示涅槃相，而汝謂為實得滅度」。

(Kinh: Từ lâu, ta đã khiến cho các thầy gieo thiện căn của Phật. Do vì phương tiện, mà chỉ bày tướng Niết Bàn, nhưng các thầy lại cho là thật sự được diệt độ).

8.1.2.3.1.2.2.2.3. Kết hợp thí dụ “khuyên đôi châu” với pháp

(Kinh) Thế Tôn! Ngã kim nãi tri thật thị Bồ Tát, đắc thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký. Dĩ thị nhân duyên, thậm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu.

(經)世尊！我今乃知實是菩薩，得受阿耨多羅三藐三菩提記。以是因緣，甚大歡喜，得未曾有」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết [chính mình] thật sự là Bồ Tát, được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên ấy, hết sức hoan hỷ, đạt được điều chưa từng có).

Trong phần lãnh ngộ tín giải, tiểu đoạn thứ nhất là Trường Hàng đã xong.

8.1.2.3.2. Kệ Tụng

8.1.2.3.2.1. Trùng tụng sự lãnh nhận tín giải trong tâm

(Kinh) Nhĩ thời, A Nhã Kiều Trần Như đảnh, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã đảnh văn vô thượng, an ổn thọ ký thanh, hoan hỷ vị tăng hữu. Lễ vô lượng trí Phật, kim ư Thế Tôn tiền, tự hồi chư quá cũu.

**(經)爾時，阿若憍陳如等，欲重宣此義，而說偈言：
「我等聞無上，安隱授記聲，歡喜未曾有。禮無量智佛，
今於世尊前，自悔諸過咎。**

(Kinh: Lúc bấy giờ, các vị như A Nhã Kiều Trần Như muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Con nghe tiếng vô thượng, an ổn nói

thọ ký, hoan hỷ chưa từng có. Lễ Phật vô lượng trí, nay đối trước Thế Tôn, tự hối các lầm lỗi).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng niềm hoan hỷ do thấu hiểu. Nửa bài kệ kế tiếp trùng tụng sự hối lỗi, tự trách.

8.1.2.3.2.2. Trùng tụng nhằm trần thuật sự lãnh nhận tín giải của chính mình

8.1.2.3.2.2.1. Trùng tụng Pháp Thuyết

(Kinh) U' vô lượng Phật bảo, đắc thiếu Niết Bàn phần, như vô trí ngu nhân, tiện tự dĩ vì túc.

(經)於無量佛寶，得少涅槃分，如無智愚人，便自以為足。

(Kinh: Nơi vô lượng Phật bảo, được chút phần Niết Bàn, như kẻ ngu vô trí, liền tự cho là đủ).

8.1.2.3.2.2.2. Trùng tụng Thí Thuyết

8.1.2.3.2.2.2.1. Trùng tụng lập thí dụ

8.1.2.3.2.2.2.1.1. Trùng tụng thí dụ say rượu

(Kinh) Thí như bần cùng nhân, vãng chí thân hữu gia. Kỳ gia thậm đại phú, cụ thiết chư hào thiện. Dĩ vô giá bảo châu, hệ trước nội y lý, mặc dữ nhi xả khứ. Thời ngộ bất giác tri, thị nhân ký dĩ khởi, du hành nghệ tha quốc. Cầu y thực tự tế, tư sanh thậm gian nan. Đắc thiếu tiện vì túc, cánh bất nguyện hảo giả. Bất giác nội y lý, hữu vô giá bảo châu.

(經)譬如貧窮人，往至親友家。其家甚大富，具設諸肴膳。以無價寶珠，繫著內衣裏，默與而捨去。時臥不覺知，是人既已起，遊行詣他國。求衣食自濟，資生甚艱難。得少便為足，更不願好者。不覺內衣裏，有無價寶珠。

(Kinh: Ví như kẻ bần cùng, tìm đến nhà bạn thân. Nhà ấy rất giàu có, bày đủ các món ngon. Đem bảo châu vô giá, cột vào trong áo lót, ngầm cho rồi rồi đi. Kẻ ấy ngủ chẳng biết, ngủ rồi bèn thức dậy, lang

thang sang nước khác. Cầu áo com nuôi thân, kiếm sống rất nhọc nhằn, được một ít đã đủ, chẳng mong tốt lành hơn. Chẳng biết trong áo lót, có vô giá bảo châu).

Bảy câu đầu trùng tụng thí dụ “buộc châu”. Câu thứ tám, trùng tụng thí dụ say sưa ngủ mất, chẳng hay biết. Hai bài kệ sau cùng, trùng tụng thí dụ người ấy thức dậy, đi lang thang. Phạm phu chẳng có Tu Đức, gọi là “*bần cùng nhân*”. Chư Phật Bồ Tát có cùng một tâm tánh với chúng sanh, được gọi là “*thân hữu*”. Trọn đủ các thứ công đức Quyền và Thật, gọi là “*đại phú*”. Các giáo pháp phương tiện được gọi là “*hào thiện*” (cỗ bàn ngon lành). Lý Đôn Giáo Nhất Thừa viên đốn gọi là “*bảo châu*”. Hồ thẹn, nhẩn nhục gọi là “*ngoại y*”. Tâm tin tưởng, ưa thích gọi là “*nội y*”. Lúc mới kết duyên, trọn đủ hai lớp áo. Thoái thất Đại Thừa, đọa vào chôn ác, tức là chẳng có ngoại y. Nếu xét theo hiện thời chẳng có lòng tin tưởng, ưa thích, thì nội y cũng chẳng có, nhưng chủng tử vẫn còn, chỉ là bị áo che lấp, chẳng phải là hoàn toàn không có! Những điều khác dễ hiểu!

8.1.2.3.2.2.1.2. Trùng tụng thí dụ thân hữu giác ngộ

(Kinh) Dữ châu chi thân hữu, hậu kiến thử bần nhân, khổ thiết trách chi dĩ, thị dĩ sở hệ châu. Bần nhân kiến thử châu, kỳ tâm đại hoan hỷ, phú hữu chư tài vật, ngũ dục nhi tự túc.

(經)與珠之親友，後見此貧人，苦切責之已，示以所繫珠。貧人見此珠，其心大歡喜，富有諸財物，五欲而自恣。

(Kinh: Thân hữu cho châu ấy, sau gặp gã nghèo đó, xỉ vả, trách móc xong, chỉ bày châu trong áo. Gã nghèo thấy châu ấy, tâm hẳn rất hoan hỷ, các tài vật giàu có, thỏa thích hưởng ngũ dục).

Phần thứ nhất, “lập thí dụ” đã xong.

8.1.2.3.2.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

8.1.2.3.2.2.2.2.1. Trùng tụng kết hợp thí dụ “say rượu” với pháp

(Kinh) Ngã đẳng diệt như thị, Thế Tôn ư trường dạ, thường mãn kiến giáo hóa, linh chủng vô thượng nguyện. Ngã đẳng vô trí cố, bất giác diệt bất tri, đắc thiểu Niết Bàn phần, tự túc bất cầu dư.

(經)我等亦如是，世尊於長夜，常慙見教化，令種無上願。我等無智故，不覺亦不知，得少涅槃分，自足不求餘。

(Kinh: Chúng con cũng như thế, Thế Tôn trong đêm dài, thường xót thương giáo hóa, khiến gieo vô thượng nguyện. Chúng con do vô trí, chẳng hay cũng chẳng biết, được chút phần Niết Bàn, tự đủ, chẳng cầu khác).

Bài kệ thứ nhất, trùng tụng kết hợp thí dụ “buộc châu” với pháp. Nửa bài kệ kế tiếp, trùng tụng thí dụ “say rượu ngủ mê không biết” với pháp. Nửa bài kệ sau trùng tụng thí dụ “tỉnh dậy, đi lang thang, được chút ít đã cho là đủ” với pháp.

8.1.2.3.2.2.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ “giác ngộ” với pháp

(Kinh) Kim Phật giác ngộ ngã, ngôn “phi thật diệt độ, đắc Phật vô thượng huệ, nhĩ nãi vi chân diệt”. Ngã kim tùng Phật văn, thọ ký trang nghiêm sự, cập chuyển thứ thọ quyết, thân tâm biến hoan hỷ.

(經)今佛覺悟我，言「非實滅度，得佛無上慧，爾乃為真滅」。我今從佛聞，授記莊嚴事，及轉次授決，身心徧歡喜」。

(Kinh: Nay Phật giác ngộ con, nói “chẳng thật diệt độ, đắc Phật vô thượng huệ, thì mới là thật diệt”. Nay con từ Phật nghe, chuyển thọ ký trang nghiêm, và lần lượt thọ ký, thân tâm khắp hoan hỷ).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng thí dụ “quở trách” với pháp. Nửa bài kệ kế tiếp, trùng tụng kết hợp thí dụ “chỉ bày bảo châu” với pháp. Bài kệ cuối cùng, trùng tụng kết hợp thí dụ “khuyên đổi châu” với pháp.

Thọ ký cho một ngàn hai trăm vị [A La Hán] đã xong. Giải thích phẩm Ngũ Bách Đề Tử Thọ Ký cũng đã xong; kể đó, giải thích phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký.

9. Thọ Học Vô Học Nhân Ký Phẩm Đề Cửu

授學無學人記品第九

Phẩm thứ chín: Thọ ký cho bậc hữu học và vô học

Nghiên cứu lẽ Chân, đoạn Hoặc, hâm mộ, mong cầu kiến giải thù thắng, thì gọi là Học, tức Tam Quả Tứ Hướng chân vô lậu huệ. Chân cùng, Hoặc tận, kiến giải thù thắng đã tột cùng, chẳng còn học nữa, thì gọi là Vô Học, tức là quả A La Hán (Học và Vô Học khác biệt, tức Thế Giới Tất Đàn. Nghiên cứu lẽ Chân tức là Vị Nhân Tất Đàn. Đoạn Hoặc tức Đối Trị Tất Đàn. “Chân cùng, Hoặc tận” tức là Đề Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, dùng cách phân tích các pháp để thấu hiểu lẽ Chân thì gọi là Học. Hoặc (phiền não) hết sạch, thấu triệt cùng tận lẽ Chân thì gọi là Vô Học; đó là ý nghĩa [Vô Học] trong Tam Tạng. Dùng Thế pháp (Thế Không Quán) để thấu hiểu lẽ Chân thì gọi là Học. Vô chân, vô Hoặc thì gọi là Vô Học. Đó là ý nghĩa trong Thông Giáo. Từ cạn đến sâu thì là Học, Thông Hoặc và Biệt Hoặc đều hết, thấu đạt tột cùng Quyền lý và Thật lý thì là Vô Học. Đó là ý nghĩa trong Biệt Giáo. Học hỏi, nghiên ngầm Như Lai Tạng, [đó chính là] hữu học mà vô học. Đối với Pháp Tánh Thật Tướng, chẳng phải là học, chẳng phải là vô học, tuy học mà vô học; đó là ý nghĩa trong Viên Giáo. Hai ngàn vị này hoặc là Học, hoặc là Vô Học, đều là bậc nhất, cùng lúc được thọ ký cùng một danh hiệu. Vì thế, lập riêng thành một phẩm.

Xét theo Bốn Tích, nơi Tích, ngài A Nan là bậc Hữu Học. Nơi Tích, La Hầu La là bậc Vô Học, nhưng nơi Bốn địa [cả hai vị] đều chẳng thể nghĩ bàn. Dùng điều này để suy lường hai ngàn vị kia, mỗi vị cũng đều phải có Bốn và Tích!

Xét theo quán tâm, bốn địa vị từ Danh Tự cho tới Phần Chứng được gọi là Học. Riêng địa vị Cứu Cánh được gọi là Vô Học. Địa vị Lý Túc chẳng phải Học, chẳng phải Vô Học. Lại nữa, Lục Túc đều chẳng phải là Học, chẳng phải Vô Học. Từ Phần Chứng trở đi, tuy là Học mà Vô Học. Lại nữa, Lý Túc có thể học mà vô học, cho đến Cứu Cánh cũng là học mà vô học.

9.1. Thọ ký hai ngàn người

9.1.1. thỉnh cầu thọ ký

9.1.1.1. Hai vị thỉnh cầu

9.1.1.1.1. Thăm nghĩ thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, A Nan, La Hầu La nhi tác thị niệm: “Ngã đẳng mỗi tự tư duy, thiết đắc thọ ký, bất diệc khoái hồ?”

(經)爾時，阿難、羅睺羅而作是念：「我等每自思惟，設得授記，不亦快乎？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài A Nan và La Hầu nghĩ như thế này: “Chúng ta thường tư duy, nếu được thọ ký cũng chẳng vui sướng lắm ư?”)

9.1.1.1.2. Thốt lời thỉnh cầu

9.1.1.1.2.1. Dẫn lệ [Thanh Văn được thọ ký để thỉnh cầu]

(Kinh) Tức tùng tòa khởi, đáo ư Phật tiền, đầu diện lễ túc, câu bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng ư thử, diệc ưng hữu phần, duy hữu Như Lai, ngã đẳng sở quy.

**(經)即從座起，到於佛前，頭面禮足，俱白佛言：
「世尊！我等於此，亦應有分，唯有如來，我等所歸。**

(Kinh: Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ chân Phật, đều bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con đối với chuyện này, cũng phải nên có phần, chỉ có Như Lai là chỗ nương về cho chúng con).

9.1.1.1.2.2. Dẫn điều mong mỏi [của đại chúng để thỉnh cầu được thọ ký]

(Kinh) Hựu ngã đẳng vi nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La sở kiến tri thức. A Nan thường vi thị giả, hộ trì pháp tạng. La Hầu La thị Phật chi tử. Nhược Phật kiến thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký giả, ngã nguyện ký mãn, chúng vọng diệc túc.

(經)又我等為一切世間天、人、阿修羅所見知識。阿難常為侍者，護持法藏。羅睺羅是佛之子。若佛見授阿耨多羅三藐三菩提記者，我願既滿，眾望亦足」。

(Kinh: Chúng con lại được hết thầy trời, người, A Tu La trong thế gian coi là bậc tri thức. A Nan thường làm thị giả, hộ trì pháp tạng. La Hầu La là con của Phật. Phật thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nguyện của con được thỏa, mà điều mong mỏi của đại chúng cũng trọn vẹn).

Xét theo đại chúng đã được liệt kê trước đó, hai vị này đều là bậc được nhiều người hay biết. Nay hai ngàn vị Hữu Học và Vô Học cùng được thọ ký là vì để dẫn khởi Thật, vì Tứ Tất Đàn.

Phần thứ nhất, “hai vị thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

9.1.1.2. Kế đó, hai ngàn vị thỉnh cầu

(Kinh) Nhĩ thời, học vô học Thanh Văn đệ tử nhị thiên nhân, giai tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, đáo ư Phật tiền, nhất tâm hiệp chưởng, chiêm ngưỡng Thế Tôn, như A Nan, La Hầu La sở nguyện, trụ lập nhất diện.

(經)爾時，學無學聲聞弟子二千人，皆從座起，偏袒右肩，到於佛前，一心合掌，瞻仰世尊，如阿難、羅睺羅所願，住立一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hai ngàn vị đệ tử Thanh Văn học và vô học, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, đến trước đức Phật, nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng Thế Tôn, nguyện giống như A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một bên).

Chỉ có ý nghĩa dẫn theo thể lệ (tức hàng Thanh Văn được thọ ký), chẳng dẫn điều mong mỏi. Vì thế, chỉ thâm niệm cầu thỉnh, chẳng thốt ra lời.

Phần thứ nhất, “thỉnh cầu thọ ký” đã xong.

9.1.2. Thọ ký

9.1.2.1. Thọ ký cho hai vị

9.1.2.1.1. Thọ ký A Nan

9.1.2.1.1.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo A Nan: - Nhữ u lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đương cúng dường lục thập nhị ức chư Phật, hộ trì pháp tạng. Nhiên hậu, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giáo hóa nhị thập thiên vạn ức Hằng hà sa chư Bồ Tát đẳng, linh thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Quốc danh Thường Lập Thắng Phan. Kỳ độ thanh tịnh, lưu ly vi địa. Kiếp danh Diệu Âm Biến Mãn. Kỳ Phật thọ mạng, vô lượng thiên vạn ức A-tăng-kỳ kiếp. Nhược nhân u thiên vạn ức vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trung toán số, giáo kế, bất năng đắc tri. Chánh Pháp trụ thế bội u thọ mạng. Tượng Pháp trụ thế, phục bội Chánh Pháp. A Nan! Thị Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Phật, vị thập phương vô lượng thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chư Phật Như Lai sở cộng tán thán, xưng kỳ công đức.

(經)爾時，佛告阿難：「汝於來世，當得作佛，號山海慧自在通王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，當供養六十二億諸佛，護持法藏。然後，得阿耨多羅三藐三菩提，教化二十千萬億恆河沙諸菩薩等，令成阿耨多羅三藐三菩提。國名常立勝幡。其土清淨，琉璃為地。劫名妙音徧滿。其佛壽命，無量千萬億阿僧祇劫。若人於千萬億無量阿僧祇劫中算數，校計，不能得知。正法住世，倍於壽命。像法住世，復倍正法。阿難！是山海慧自在通王佛，為十方無量千萬億恆河沙等諸佛如來所共讚歎，稱其功德」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông trong đời mai sau, sẽ được làm Phật, hiệu là *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương*³⁰⁶ (*Sāgaradhara-buddhivikrīḍitarājābhijñā*) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức chư Phật, hộ trì pháp tạng. Sau đấy, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giáo hóa hai mươi ngàn vạn ức Hằng hà sa các vị Bồ Tát, khiến họ đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi nước tên là *Thường Lập Thắng Phan* (*Avanāmita-vaijayantā*)³⁰⁷. Cõi ấy thanh tịnh, lưu ly làm đất. Kiếp tên *Diệu Âm Biến Mãn* (*Manojñāśabdābhi-garjita*)³⁰⁸. Đức Phật ấy có thọ mạng đến vô lượng ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp. Nếu có kẻ trong ngàn vạn ức vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tính toán, so, đếm, vẫn chẳng thể biết [con số ấy]. Chánh Pháp trụ thế gấp bội thọ mạng. Tượng Pháp trụ thế lại gấp bội Chánh Pháp. Này A Nan! Vị *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Phật* ấy được mười phương vô lượng ngàn vạn ức chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng cùng tán thán, ca ngợi công đức của Ngài).

9.1.2.1.1.2. Trùng tụng

(Kinh) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã kim tăng trung thuyết, A Nan trì pháp giả, đương cúng dường chư Phật, nhiên hậu thành Chánh Giác. Hiệu viết Sơn Hải Huệ, Tụ Tại Thông Vương Phật. Kỳ quốc độ thanh tịnh, danh Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa chư Bồ Tát, kỳ số như Hằng sa. Phật hữu đại oai đức, danh văn mãn thập phương. Thọ mạng vô hữu lượng. Dĩ mãn chúng sanh cố, Chánh Pháp trụ bội thọ, Tượng Pháp*

³⁰⁶ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Ngài A Nan do cái nhân đa văn, hộ trì pháp tạng, cảm vời quả đức trí huệ cao sâu, ví như non cao, biển thẳm. Thân thông tự tại, là vua của các pháp, cho nên khi thành Phật có đức hiệu là *Son Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương*”.

³⁰⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Phật dùng chánh pháp để duy trì cõi đời, được cõi đời quy ngưỡng, như lập cột phan nơi phạm sát (tự viện), nhằm biểu lộ dấu tích thù thắng, khiến cho hết thấy đều quy kính. Vì thế, dùng danh xưng ấy (*Thường Lập Thắng Phan*) để đặt tên cho quốc độ”.

³⁰⁸ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Pháp âm vi diệu, tùy thời ứng hợp căn cơ, trọn khắp pháp giới, cho nên dùng danh hiệu ấy (*Diệu Âm Biến Mãn*) để đặt tên cho thời kiếp”.

phục bội thị, như Hằng hà sa đẵng. Vô số chư chúng sanh, u thử Phật pháp trung, chủng Phật đạo nhân duyên.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我今僧中說，阿難持法者，當供養諸佛，然後成正覺。號曰山海慧，自在通王佛。其國土清淨，名常立勝幡。教化諸菩薩，其數如恆沙。佛有大威德，名聞滿十方。壽命無有量。以愍眾生故，正法住倍壽，像法復倍是，如恆河沙等。無數諸眾生，於此佛法中，種佛道因緣」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nay ta nói trong tăng, A Nan người trì pháp, sẽ cúng dường chư Phật, sau đó thành Chánh Giác. Hiệu là Sơn Hải Huệ, Tự Tại Thông Vương Phật. Cõi nước ấy thanh tịnh, tên Thường Lập Thắng Phan. Giáo hóa các Bồ Tát, số như cát sông Hằng. Phật có oai đức lớn, danh rền khắp mười phương. Thọ mạng chẳng hạn lượng. Vì thương xót chúng sanh, Chánh Pháp gấp bội thọ, Tượng Pháp gấp bội đó, nhiều như cát sông Hằng. Vô số các chúng sanh, ở trong Phật pháp ấy, gieo nhân duyên Phật đạo).

9.1.2.1.1.3. Các vị tân phát ý sanh nghi

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung tân phát ý Bồ Tát bát thiên nhân, hàm tác thị niệm: “Ngã đẵng thượng bất văn chư đại Bồ Tát đắc như thị ký. Hữu hà nhân duyên, nhi chư Thanh Văn đắc như thị quyết?”

(經)爾時，會中新發意菩薩八千人，咸作是念：「我等尚不聞諸大菩薩得如是記。有何因緣，而諸聲聞得如是決？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tám ngàn người thuộc hàng tân phát ý Bồ Tát trong hội, đều nghĩ như thế này: “Chúng ta còn chưa nghe các vị đại Bồ Tát được thọ ký như thế. Do có nhân duyên nào mà các Thanh Văn được thọ ký như thế?”)

9.1.2.1.1.4. Như Lai giải trừ mối nghi

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri chư Bồ Tát tâm chi sở niệm, nhi cáo chi viết: - Chư thiện nam tử! Ngã dĩ A Nan đẳng, ư Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo đa văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố, ngã dĩ đắc thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu chư Bồ Tát chúng. Kỳ bốn nguyện như thị, cố hoạch tư ký.

(經)爾時，世尊知諸菩薩心之所念，而告之曰：「諸善男子！我與阿難等，於空王佛所，同時發阿耨多羅三藐三菩提心。阿難常樂多聞，我常勤精進。是故，我已得成阿耨多羅三藐三菩提，而阿難護持我法，亦護將來諸佛法藏，教化成就諸菩薩眾。其本願如是，故獲斯記」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết suy nghĩ của các vị Bồ Tát, bèn bảo rằng: - Các thiện nam tử! Ta cùng A Nan v.v... ở chỗ Không Vương (Dharma-gaganābhyudgatarāja)³⁰⁹ Phật, cùng lúc phát tâm Vô

³⁰⁹ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Tát Cánh Không là vua của chư Phật. Phật hành Tát Cánh Không, cho nên hiệu là Không Vương Phật. Do vậy, Trí Độ Luận viết: ‘Tánh Không là hạnh của Bồ Tát, Tát Cánh Không là hạnh của Phật’. Vị Phật này còn được nhắc đến trong các kinh. Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm có nói Phật Thích Ca còn tu nhân, từng làm vương tử Thiện Phục con của vua Thắng Quang. Do phát tâm tu Bồ Tát hạnh, vương tử xin vua cha phế trừ nhà tử. Năm trăm vị đại thần kịch liệt phản đối. Vương tử vẫn khẳng khái đòi thả tội nhân. Cuối cùng trước sức ép của các đại thần, vua Thắng Quang hạ lệnh xử tử Thiện Phục. Trên đường đến đài hành hình, Thiện Phục được nghe Pháp Luân Âm Hư Không Đẳng Vương Như Lai dạy môn giải thoát sanh thiện căn, liền theo Phật xuất gia. Phật thọ ký: ‘Đời sau ông sẽ gặp Pháp Không Vương Như Lai để thừa sự, cúng dường. Sau đó, cũng sẽ gặp Không Vương Như Lai để thừa sự cúng dường’. Trong phần hai mươi lăm pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Hóa Đầu Kim Cang Ô Sô Sắt Ma (Uế Tích Kim Cang) trần thuật nhân địa, cho biết: Ngài nhiều ức kiếp lâu xa trước kia, tánh nhiều tham dục, có Phật xuất thế, tên là Không Vương Như Lai, dạy Ngài lỗi hại của tham dục, và dạy phép quán các đốt xương trong thân, biến đổi lửa dâm thành lửa trí huệ. Ngài nói: ‘Con do sức của Hóa Quang tam-muội mà thành A La Hán, tâm phát đại nguyện, chư Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, thân cận chế phục ma oán. Phật hỏi pháp Viên Thông, con quán kỹ noãn xúc (cảm giác ấm nóng) nơi

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nan thường chuộng đa văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì thế, ta đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn A Nan hộ trì pháp của ta, cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa hồng thành tựu các vị Bồ Tát. Bốn nguyện như thế, cho nên được thọ ký như thế).

9.1.2.1.1.5. A Nan trần thuật, tán thán

(Kinh) A Nan diện ư Phật tiền, tự văn thọ ký, cập quốc độ trang nghiêm, sở nguyện cụ túc, tâm đại hoan hỷ, đắc vị tăng hữu. Tức thời, ức niệm quá khứ vô lượng thiên vạn ức chư Phật pháp tạng, thông đạt vô ngại như kim sở văn, diệt thức bốn nguyện. Nhĩ thời, A Nan nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn thậm hy hữu, linh ngã niệm quá khứ, vô lượng chư Phật pháp, như kim nhật sở văn. Ngã kim vô phục nghi, an trụ ư Phật đạo. Phương tiện vi thị giả, hộ trì chư Phật pháp.

(經)阿難面於佛前，自聞授記，及國土莊嚴，所願具足，心大歡喜，得未曾有。即時，憶念過去無量千萬億諸佛法藏，通達無礙如今所聞，亦識本願。爾時，阿難而說偈言：「世尊甚希有，令我念過去，無量諸佛法，如今日所聞。我今無復疑，安住於佛道。方便為侍者，護持諸佛法」。

(Kinh: A Nan đối trước đức Phật, tự nghe thọ ký, và cõi nước trang nghiêm, sở nguyện trọn đủ, tâm hoan hỷ to lớn, đạt được điều chưa từng có. Ngay lập tức, nghĩ nhớ pháp tạng của quá khứ vô lượng ngàn vạn ức chư Phật, thông đạt vô ngại như nghe trong hiện thời, và cũng biết bốn nguyện. Khi đó, ngài A Nan bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn rất hy hữu, khiến con nhớ quá khứ, vô lượng các Phật pháp, như ngày nay được nghe. Con nay chẳng còn nghi, an trụ trong Phật đạo. Phương tiện làm thị giả, hộ trì các Phật pháp).

thân tâm lưu thông vô ngại, các lậu liên tiêu, sanh đại bảo diệm (ngọn lửa báu lớn), chứng Vô Thượng Giác. Đó là đệ nhất'. Ngoài ra các kinh Yếu Hành Xả Thân và Quán Phật Tam Muội Hải đều có nhắc đến Không Vương Phật. Do sợ rườm rà, không trích lục vào đây".

Phần thứ nhất, “thọ ký cho A Nan” đã xong.

9.1.2.1.2. Thọ ký La Hầu La

9.1.2.1.2.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo La Hầu La: - Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đương cúng dường thập thế giới vi trần đẳng số chư Phật Như Lai, thường vị chư Phật nhi tác trưởng tử, do như kim dã. Thị Đạo Thất Bảo Hoa Phật, quốc độ trang nghiêm, thọ mạng kiếp số, sở hóa đệ tử, Chánh Pháp, Tượng Pháp diệc như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai vô dị, diệc vị thử Phật nhi tác trưởng tử. Quá thị dĩ hậu, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，佛告羅睺羅：「汝於來世，當得作佛，號蹈七寶華如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。當供養十世界微塵等數諸佛如來，常為諸佛而作長子，猶如今也。是蹈七寶華佛，國土莊嚴，壽命劫數，所化弟子，正法，像法亦如山海慧自在通王如來無異，亦為此佛而作長子。過是已後，當得阿耨多羅三藐三菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài La Hầu La: - Ông trong đời tương lai, sẽ được thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa (Saptaratnapadmavikrama)³¹⁰ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sẽ cúng dường chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần trong mười thế giới, thường làm con

³¹⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Trí Độ Luận dùng bảy loại hoa để sánh ví Thất Giác Chi. Nay dùng hoa để biểu thị diệu hạnh, từ hạnh mà nêu rõ cái quả, cho nên gọi là Đạo Thất Bảo Hoa”.

trưởng của chư Phật giống như hiện thời. Quốc độ của vị Đạo Thất Bảo Hoa Phật ấy trang nghiêm, thọ mạng, kiếp số, các đệ tử được giáo hóa, Chánh Pháp, Tượng Pháp cũng giống như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai chẳng khác, cũng làm trưởng tử cho vị Phật ấy. Từ đó về sau, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

9.1.2.1.2.2. Trùng Tụng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã vi Thái Tử thời, La Hầu vi trưởng tử. Ngã kim thành Phật đạo, thọ pháp vi pháp tử. Ư vị lai thế trung, kiến vô lượng ức Phật, giai vi kỳ trưởng tử. Nhất tâm cầu Phật đạo. La Hầu La mật hạnh, duy ngã năng tri chi. Hiện vi ngã trưởng tử, dĩ thị chư chúng sanh, vô lượng ức thiên vạn, công đức bất khả số. An trụ ư Phật pháp, dĩ cầu vô thượng đạo.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我為太子時，羅睺為長子。我今成佛道，受法為法子。於未來世中，見無量億佛，皆為其長子。一心求佛道。羅睺羅密行，唯我能知之。現為我長子，以示諸眾生，無量億千萬，功德不可數。安住於佛法，以求無上道」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Khi ta làm Thái Tử, La Hầu làm con trưởng. Ta nay thành Phật đạo, thọ pháp làm pháp tử. Ở trong đời vị lai, thấy vô lượng ức Phật, làm con trưởng các Ngài. Nhất tâm cầu Phật đạo. Mật hạnh La Hầu La, chỉ ta có thể biết. Hiện làm con trưởng ta, để chỉ dạy chúng sanh, vô lượng ức ngàn vạn, công đức chẳng thể tính. An trụ trong Phật pháp, để cầu vô thượng đạo).

Phần thứ nhất, “thọ ký cho hai vị” đã xong.

9.1.2.2. Kế đó, thọ ký cho hai ngàn vị

9.1.2.2.1. Trường Hàng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn kiến Học Vô Học nhị thiên nhân, kỳ ý nhu nhuyển, tịch nhiên thanh tịnh, nhất tâm quán Phật. Phật cáo A Nan: “Nhữ kiến thị Học Vô Học nhị thiên nhân phủ?” “Dụy nhiên dĩ kiến!” “A Nan! Thị chư nhân đẳng, đương cúng dường ngũ thập thế giới vi trần số chư Phật Như Lai, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Mạt hậu, đồng thời ư thập phương quốc, các đắc thành Phật, giai đồng nhất hiệu, danh viết Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng nhất kiếp, quốc độ trang nghiêm, Thanh Văn, Bồ Tát, Chánh Pháp, Tượng Pháp, giai tất đồng đẳng”.

(經)爾時，世尊見學無學二千人，其意柔輒，寂然清淨，一心觀佛。佛告阿難：「汝見是學無學二千人不？」

「唯然已見！」「阿難！是諸人等，當供養五十世界微塵數諸佛如來，恭敬，尊重，護持法藏。末後，同時於十方國，各得成佛，皆同一號，名曰寶相如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。壽命一劫，國土莊嚴，聲聞、菩薩，正法，像法，皆悉同等」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thấy Học và Vô Học hai ngàn người, tâm ý nhu nhuyển, vắng lặng, thanh tịnh, nhất tâm quán Phật. Đức Phật bảo A Nan: “Ông có thấy hai ngàn vị Học Vô Học này hay không?” “Thưa vâng, con đã thấy”. “Này A Nan! Những người này sẽ cúng dường chư Phật Như Lai nhiều như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Cuối cùng, đồng thời ở các cõi nước trong mười phương, đều được thành Phật, đều cùng một hiệu, tên là Bảo Tướng (Ratnaketurāja) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng một kiếp, quốc độ trang nghiêm, Thanh Văn, Bồ Tát, Chánh Pháp, Tượng Pháp thấy đều như nhau”).

9.1.2.2.2. Trùng tụng

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thị nhị thiên Thanh Văn, kim ư ngã tiền trụ, tất giai dĩ thọ ký, vị lai đương thành Phật. Sở cúng dường chư Phật, như thượng thuyết trần số, hộ trì kỳ pháp tạng. Hậu đương thành Chánh Giác, các ư thập phương quốc, tất đồng nhất danh hiệu, câu thời tọa đạo tràng, dĩ chứng vô thượng huệ, giai danh vi Bảo Tướng. Quốc độ cập đệ tử, Chánh Pháp dĩ Tượng Pháp, tất đẳng vô hữu dị. Hàm dĩ chư thần thông, độ thập phương chúng sanh, danh văn phổ châu biến, tiệp nhập ư Niết Bàn.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「是二千聲聞，今於我前住，悉皆與授記，未來當成佛。所供養諸佛，如上說塵數，護持其法藏。後當成正覺，各於十方國，悉同一名號，俱時坐道場，以證無上慧，皆名為寶相。國土及弟子，正法與像法，悉等無有異。咸以諸神通，度十方眾生，名聞普周徧，漸入於涅槃」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Hai ngàn Thanh Văn này, nay đứng ở trước ta, thấy đều được thọ ký, mai sau sẽ thành Phật. Họ cúng dường chư Phật, như trần số đã nói. Hộ trì Phật pháp tạng. Sau đó, thành Chánh Giác, đều trong mười phương cõi, đều cùng một danh hiệu, cùng lúc đến đạo tràng, để chứng vô thượng huệ, đều tên là Bảo Tướng. Quốc độ và đệ tử, Chánh Pháp và Tượng Pháp, đều như nhau chẳng khác. Dùng các thần thông, độ mười phương chúng sanh, tiếng tăm trọn rền khắp, dần tiến nhập Niết Bàn).

9.1.2.2.3. Được thọ ký hoan hỷ

(Kinh) Nhĩ thời, học vô học nhị thiên nhân, văn Phật thọ ký, hoan hỷ, dũng dục, nhi thuyết kệ ngôn: - Thế Tôn huệ đẳng minh, ngã văn thọ ký âm, tâm hoan hỷ sung mãn, như cam lộ kiến quán.

(經)爾時，學無學二千人，聞佛授記，歡喜，踊躍，而說偈言：「世尊慧燈明，我聞授記音，心歡喜充滿，如甘露見灌」。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, hai ngàn vị học vô học nghe đức Phật thọ ký, hoan hỷ, hớn hởi, bèn nói kệ rằng: - Thế Tôn đèn huệ sáng, con nghe tiếng thọ ký, tâm hoan hỷ tràn đầy, như được rưới cam lộ*).

Phần thứ hai, chánh thuyết của Tích Môn đã xong.

Giải thích phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký đã xong; kế tiếp sẽ giải thích phẩm Pháp Sư.

10. Pháp Sư Phẩm Đệ Thập

法師品第十

Phẩm thứ mười: Pháp Sư

Phẩm này nêu ra năm loại pháp sư: Một là thọ trì, hai là đọc, ba là tụng, bốn là giải nói, năm là biên chép. Đại Luận nói sáu loại pháp sư:

- Một, do tín lực nên Thọ.
- Hai, do niệm lực nên Trì.
- Ba, do xem kinh văn nên Đọc.
- Bốn, chẳng quên là Tụng.
- Năm, tuyên truyền là nói.
- Sáu, kinh sách của thánh nhân khó hiểu, cần phải giải thích.

Nay kinh này gộp chung Thọ và Trì thành một, gộp chung Giải và Thuyết thành một, cho nên Biên Chép trở thành điều thứ năm. Nếu luận định riêng biệt, bốn điều kia là tự hành, còn giải nói (Giải Thuyết) nhằm hóa độ người khác. Nếu luận định chung, nếu chính mình vâng theo năm pháp đó, sẽ gọi là “*tự hành pháp sư*”. Dạy người khác năm pháp thì gọi là “*hóa tha pháp sư*”. Vì sao nói như vậy? “*Pháp*” là khuôn phép. “*Sư*” là bậc thầy dạy bảo. Pháp tuy có thể noi theo, nhưng tự nó vốn chẳng thể tự hoàng truyền. Được lưu truyền là do con người. Năm loại người thông kinh (lưu truyền kinh điển) đều được gọi là Sư. Nêu ra pháp để thành tựu tự hạnh, đều lấy diệu pháp làm thầy. Tôn diệu pháp làm thầy, tự hạnh thành tựu; vì thế gọi là Pháp Sư.

Lại có năm loại người có thể dùng diệu pháp để dạy bảo họ. Vì thế, nêu ra pháp hòng đặt tên cho thầy, cho nên gọi là Pháp Sư. Dù là pháp để tự uốn nắn mình, hay là pháp để đào luyện người khác, đều được gọi là Pháp Sư Phẩm. Đây là giải thích theo Nhân Duyên (Tự hành và hóa độ người khác bất đồng, tức là Thế Giới Tất Đàn. Tự hạnh thành tựu tức là Sanh Thiện Tất Đàn. Hóa độ người khác trừ ác chính là Đối Trị Tất Đàn. Mình và người đều cùng đạt được thì gọi là Pháp Sư, chính là Độ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, mỗi giáo trong bốn giáo đều có “chủ thể diễn nói” (năng thuyết) và “pháp được diễn nói” (sở thuyết), đều được gọi là Pháp. Mỗi giáo đều luận định tự hành và hóa độ người khác, đều được gọi là Sư. Nay chỉ luận theo Viên Giáo, thì là năm loại [pháp sư] trong Viên Giáo. Nếu nói theo cách rút gọn, thì gộp năm loại thành bốn loại, tức là Tứ An Lạc Hạnh như sẽ được nói trong phần sau. Lại gom thành ba loại thì là ba nghiệp:

- Thọ trì là ý nghiệp.
- Đọc tụng, diễn nói là khẩu nghiệp.
- Biên chép là thân nghiệp.

Luận định riêng biệt thì khẩu nghiệp là hóa độ người khác, còn thân nghiệp và ý nghiệp là tự hành. Luận định chung thì tự uốn nắn ba nghiệp chính là tự hành pháp sư. Dùng tam nghiệp [làm gương] để răn dạy chính là hóa tha pháp sư. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư. Lại là ba môn:

- Hành năm pháp ấy để huân tu chính mình, tức là phước đức môn.
- Hoằng truyền, tuyên dương năm pháp hòng lợi ích người khác rộng lớn, tức là hóa tha môn.
- Tự tu hay lợi ích người khác đều tùy thuận giáo pháp của đức Phật, chính là báo ân môn.

Luận định riêng thì tự tu và báo ân gọi là tự hành. Tạo ích lợi người khác chính là hóa tha. Luận định chung thì tự uốn nắn và uốn nắn người khác, đều gọi là pháp sư. Vì thế nói là phẩm Pháp Sư.

Lại còn là Tam Quỹ (三軌, ba thứ khuôn phép):

- Đọc tụng và biên chép là ngoại hạnh, tức áo của Như Lai.
- Thọ trì là nội hạnh, tức tòa của Như Lai.
- Giải nói hòng lợi ích người khác, chính là nhà của Như Lai.

Luận định riêng thì “nhà” chính là đào tạo người khác, áo và tòa là tự đào luyện chính mình. Luận định chung, từ bi che chở chúng sanh, lợi ích rộng lớn quy về chính mình, gọi là “*như thất*” (giống như nhà). Ngăn che điều ác của kẻ khác, chướng ngại điều xấu xa của chính mình, được gọi là Y. An tâm nơi Không thì mới có thể an người khác. An người khác và an chính mình thì gọi là Tòa. Đây chính là dùng ba pháp để tự uốn nắn mình, cũng gọi là Pháp Sư. Lợi lạc chúng sanh ắt dùng “*từ bi nhập thất*” làm đầu, ắt kèm thêm dùng nhẫn nhục làm nền tảng. Giúp đỡ người khác, ắt lấy “quên chính mình” làm gốc. Có thể hành ba pháp ấy, đại giáo sẽ được tuyên dương, thông truyền, kham làm bậc y chỉ cho thế gian. Vì thế, gọi là Pháp Sư Phẩm.

Lại gom thành hai, tức là tự hành và hóa tha, điều này dễ biết. Lại rút gọn thành một, tức là Như Lai hạnh trọn đủ hết thấy các hạnh. Luận định chung thì Bi dẹp trừ hết thấy các khổ, tức là các nỗi khổ trong bốn đường, tam giới, Nhị Thừa và Bồ Tát. Lòng Từ ban vui cho hết thấy, tức là các niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn thường trụ v.v... Áo “*nhu hòa*” ngăn che hết thấy các điều xấu xa, tức là các điều xấu xa như tứ trụ, vô tri, vô minh v.v... “*Không tòa*” quên hết thấy các tướng, tức là hữu tướng, vô tướng, phi hữu phi vô tướng. Luận định riêng thì từ bi sanh ra hết thấy điều thiện, nhu hòa ngăn che hết thấy điều ác, Không tòa quét sạch hết thấy các tướng. Lại nữa, Từ và Nhẫn lập hết thấy phước đức, Không tòa thành tựu hết thấy trí huệ. Trí huệ là mắt, phước đức là chân. Lại nữa, từ bi thắng hết thấy Thanh Văn và Duyên Giác, nhu hòa thắng hết thấy phàm phu, ngoại đạo. Không tòa thắng các hạng Bồ Tát Tích, Thế, Thiên v.v...

Lại nữa, từ bi phá thiên ma, nhu hòa phá Âm ma, Không phá phiền não ma và tử ma. Lại nữa, do Từ và Nhẫn nên có thể hỏi. Do Không tòa nên có thể đáp, trọn đủ hai thứ trang nghiêm. Lại nữa, do quán Không nên có thể hỏi. Do Từ và Nhẫn nên có thể đáp. Lại nữa, do Từ và Nhẫn cho nên có thể gieo, có thể lập, có thể bồi đắp. Do Không Huệ cho nên có thể cày, có thể phá, có thể hướng dẫn. Lại nữa, do từ bi cho nên há có gì ngăn cách. Do nhu hòa nên há có gì trở ngại? Do Không tòa nên há có gì tranh giành? Vì thế, kinh dạy: “*Nhất thiết thiện pháp, từ vi căn bản, nhẫn nhục đệ nhất đạo, vô tướng tối thượng*” (Hết thấy các thiện pháp, lấy lòng Từ làm căn bản. Nhẫn nhục đạo bậc nhất, vô tướng tối thượng). Vô tướng chính là các pháp Không. Nếu luận theo hạnh trong Viên Giáo, sẽ nói chẳng thể tận, [luận định] chi tiết thì như

Nhất Tâm Ngũ Hạnh trong phần Huyền Nghĩa đã thâm nhiếp hết thấy các hạnh.

Hỏi: - Vì sao dựa theo ba pháp để giải thích Pháp Sư?

Đáp: - Nếu một mực luận định theo mặt Sự, ắt cần phải đăng đường, y phục tề chỉnh, ngồi nơi tòa rồi mới có thể phô diễn, hoàng dương. Vì thế, dựa theo ba pháp. Nếu gộp chung Sự và Lý để luận định, mê hoặc chẳng ra ngoài ba loại:

- Một là do khổ quả mà dấy Hoặc, ắt cần dùng từ bi để dẹp khổ, ban vui.

- Hai là do kết nghiệp mà khởi Hoặc, cần phải dùng nhu hòa và nhẫn nhục để xa lìa.

- Ba là dựa theo đế lý mà khởi Hoặc, cần phải dùng Pháp Không để liễu đạt (hai loại đầu thuộc về Sự, loại cuối thuộc về Lý. Lý và Sự đều là cảnh bị mê).

Nếu chỉ xét theo Lý, do mê Chân nên đọa khổ, cần phải dùng Từ Bi môn. Do mê Tục nên chìm đắm trong Không, hưởng lạc, cần phải dùng Hòa Nhẫn môn (nhu hòa và nhẫn nhục). Do mê Trung nên trở thành trí chướng, cần phải dùng Pháp Không môn. Bốn Tích và quán tâm có thể hiểu.

*** Phần lưu thông của Tích Môn**

Năm phẩm kinh không chỉ tạo lợi ích phủ rợp thuở ấy, mà còn nhuần thấm tận đời vị lai:

- Một là phẩm Pháp Sư.

- Hai là phẩm Bảo Tháp, đều nêu rõ: Hoàng truyền kinh có công đức sâu thẳm, phước nặng, lợi ích rộng lớn.

- Ba là phẩm Đề Bà Đạt Đa, dẫn chuyện hoàng kinh thuở xa xưa, khiến cho mình lẫn người đều được lợi ích, hòng chứng minh công đức sâu nặng.

- Bốn là phẩm Trì, tám vạn Đại Sĩ nhẫn lực thành tựu, hoàng kinh trong cõi này. Những người mới được thọ ký, hoàng kinh trong cõi khác.

- Năm là phẩm An Lạc Hạnh, ngoại phạm sơ tâm vui thích phước thù thắng ấy, thấy Thanh Văn sợ hãi, nghe Bồ Tát bị xua đuổi, làm nhục, nghĩ mình sức kém, vô ích cho mình lẫn người, liền sanh tâm thoái thất. Vì hạng người ấy, đức Phật nói An Lạc Hạnh để họ nương theo đó mà hoàng pháp, chẳng lo nguy khổ.

Lại nữa, trong phẩm Pháp Sư, đức Thích Ca tự nói công đức và phước đức của việc hoằng kinh, truyền dạy tìm kiếm người [phát nguyện] lưu thông. Trong phẩm Bảo Tháp, Đa Bảo Phật và phân thân [của Phật Thích Ca] vừa chứng minh vừa tán trợ, khuyên nhủ, tìm kiếm người lưu thông (vì chứng minh kinh Pháp Hoa mà tháp báu hiện tới. Phân thân [của Phật Thích Ca] do giúp mở tháp báu mà tụ tập).

10.1. Khen ngợi người có thể trì pháp

10.1.1. Nói rõ các đệ tử thọ lãnh đạo pháp có công sâu, phước nặng

10.1.1.1. Đệ tử thời đức Phật tại thế

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhân Dược Vương Bồ Tát, cáo bát vạn Đại Sĩ: - Dược Vương! Nhữ kiến thị đại chúng trung, vô lượng chư thiên, long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân dữ phi nhân, cập tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cầu Thanh Văn giả, cầu Bích Chi Phật giả, cầu Phật đạo giả, như thị đẳng loại, hàm ư Phật tiền, văn Diệu Pháp Hoa Kinh nhất kệ, nhất cú, nãi chí nhất niệm tùy hỷ giả, ngã giai dữ thọ ký đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)爾時，世尊因藥王菩薩，告八萬大士：「藥王！

汝見是大眾中，無量諸天、龍王、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人與非人、及比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，求聲聞者，求辟支佛者，求佛道者，如是等類，咸於佛前，聞妙法華經一偈，一句，乃至一念隨喜者，我皆與授記當得阿耨多羅三藐三菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn do nói với Dược Vương (Bhaiṣajyarāja) Bồ Tát mà bảo tám vạn Đại Sĩ: - Nay Dược Vương! Ông thấy trong đại chúng đây, vô lượng chư thiên, long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và chẳng phải người, cùng với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là kẻ cầu Thanh Văn, kẻ cầu Bích Chi Phật, là kẻ cầu Phật đạo, các loại như thế đều ở trước Phật nghe một bài kệ, hoặc một câu kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến một niệm tùy hỷ, ta đều thọ ký [người ấy] sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

“Nhân” là nhờ vào. “Cáo”: Bảo trọn khắp. Dược Vương Bồ Tát³¹¹ vị pháp thiêu thân. Tám vạn Đại Sĩ nhẫn lực sâu chắc, cho nên nay lưu truyền diệu pháp. Trước hết, do nói với Dược Vương mà bảo trọn khắp tám vạn [Bồ Tát], mong họ sẽ siêng ròng hộ trì, giúp đỡ tuyên dương. Từ câu “*nhữ kiến thị đại chúng đẳng*” (ông thấy đại chúng này hay chẳng) trở đi là thọ ký trọn khắp. Không chỉ riêng Thân Tử, mà còn có bốn vị, Mãn Từ Tử, năm trăm Thanh Văn, và một ngàn, hai ngàn vị Thanh Văn được thọ ký đâu nhé, mà người cầu tam thừa trong tám bộ bốn chúng chỉ nghe một kệ hoặc một câu, nhất niệm tùy hỷ, đều được thành Phật, quyết định chẳng nghi ngờ! Vì thế, nay đều vì họ mà thọ ký trọn khắp.

“*Nhất kệ, nhất cú*” (Một kệ, một câu): Nêu ra ít để sánh ví nhiều. “*Nhất niệm tùy hỷ*”: Nêu cạn để suy ra sâu. Được nghe bất luận bài kệ nào, câu kinh nào, chỉ cần sao cho ý nghĩa ứng hợp với Quyền, Thật,

³¹¹ Dược Vương Bồ Tát là một trong hai mươi lăm vị đại Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau này, Ngài sẽ thành Phật, có hiệu là Tịnh Nhân Như Lai. Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát, trong quá khứ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp trước, có một quốc độ tên là Huyền Thắng Phan. Trong cõi ấy, có Phật xuất thế hiệu là Lưu Ly Quang Chiếu Như Lai. Sau khi đức Phật ấy nhập Niết Bàn, trong thời Tượng Pháp có tỷ-kheo Nhật Tạng, thông minh, đa trí, vì đại chúng rộng nói Đại Thừa. Trong thính chúng, có trưởng giả Tinh Tú Quang nghe kinh Đại Thừa Bình Đẳng Đại Huệ, trong tâm mười phần hoan hỷ, dùng dược thảo tốt lành tại Tuyết Sơn dâng cúng tỷ-kheo Nhật Tạng và chúng tăng, phát nguyện hồi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề. Ngài lại phát nguyện, nếu chúng sanh nghe tên Ngài sẽ trừ bệnh khổ. Lúc đó, em trai của trưởng giả tên là Nguyệt Quang cũng bắt chước anh, dâng thuốc tốt lành lên tỷ-kheo Nhật Tạng và chúng tăng, cũng phát đại Bồ Đề tâm, nguyện được thành Phật. Khi ấy, đại chúng đều cùng tán thán trưởng giả Tinh Tú Quang là bậc dược vương, gọi Nguyệt Quang là dược thượng (bậc đứng đầu về thuốc). Do vậy, hai Ngài thường dùng danh xưng Dược Vương và Dược Thượng để tu hành. Trong kinh Pháp Hoa, có riêng hai phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự và Diệu Trang Nghiêm Vương Bồn Sự trần thuật nhân hạnh của hai Ngài. Có thuyết nói hai vị Nhật Quang và Nguyệt Quang Bồ Tát (thị giả của Phật Dược Sư chính là Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát). Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát cao mười hai do-tuần, thân kim sắc, đủ ba mươi hai tướng đại nhân và tám mươi tùy hình hảo chẳng khác gì Ứng Thân Phật. Trên nhục kế có mười bốn viên châu Ma Ni. Mỗi viên châu có mười bốn cạnh, mỗi cạnh có mười bốn đóa hoa để trang nghiêm mào trời. Trong mào trời có mười phương Phật và các vị Bồ Tát, đều hiện bóng trong các bảo châu. Giữa hai chân mày của Ngài có tướng bạch lưu ly, từ các đầu ngón tay thường tuôn ra mưa bảy báu.

Bổn, Tích, Thập Diệu, Tứ Nhất v.v... thì công và phước đều là như thế. [Ở đây, nói tới] tùy hỷ thì chẳng bàn tới đọc tụng hay tu hành, chỉ cốt sao có thể trong một niệm tâm, hiểu sâu đậm “khai Quyền, hiển Thật”, tức là Lý vốn chẳng Quyền, chẳng Thật. Cho nên có thể Quyền, có thể Thật, Quyền và Thật chẳng hai, Sự và Lý viên dung, tánh có đủ phiên nào mà có thể biết tạng bí mật của Như Lai! Lại còn ngay trong một niệm tâm, rộng hiểu hết thấy tâm và hết thấy pháp đều là Phật pháp chẳng có chướng ngại. Nếu muốn phân biệt, sẽ biện thuyết vô cùng. Pháp đã là như thế, người cũng là như thế. Trong kinh văn thuộc phần sau, ngài Thường Bất Khinh thọ ký tứ chúng, chính là vì đã lãnh hội ý này vậy. Do đó, Đại Kinh nói: “*Ninh nguyện thiếu văn, đa giải nghĩa vị*” (Nguyện thà ít nghe để hiểu được nghĩa vị nhiều hơn). Nghĩa này đến phần sau, khi giải thích phẩm Tùy Hỷ Công Đức sẽ lại nói.

10.1.1.2. Đệ tử sau khi đức Phật nhập diệt

(Kinh) Phật cáo Dược Vương: - Hữu Như Lai diệt độ chi hậu, nhược hữu nhân văn Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ, nhất cú, nhất niệm tùy hỷ giả, ngã diệc dữ thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

(經)佛告藥王：「又如來滅度之後，若有人聞妙法華經，乃至一偈，一句，一念隨喜者，我亦與授阿耨多羅三藐三菩提記。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Dược Vương: - Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thậm chí một bài kệ, một câu, [mà sanh] một niệm tùy hỷ, ta cũng thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho người ấy).

Sau khi Phật diệt độ, nghe kinh tùy hỷ, công và phước ấy giống hệt như khi đức Phật tại thế. Cho nên cũng cùng được thọ ký.

Phần thứ nhất, “nói rõ các đệ tử bẩm thọ đạo pháp có công sâu phước nặng” đã xong.

10.1.2. Nói rõ Pháp sư dạy đạo công sâu, phước nặng

10.1.2.1. Trường Hàng

Phần này chia thành Biệt Minh và Tổng Minh. “*Biệt*” là [căn cơ của mỗi] người có thượng, hạ; thời có hiện tại và vị lai. “*Tổng*” là bất luận thượng hạ, hoặc hiện tại, vị lai, đều nêu rõ: “*Trái nghịch sẽ mắc tội, tùy thuận bèn được phước*”.

10.1.2.1.1. Biệt minh

10.1.2.1.1.1. Nói về đời hiện tại

Đều là dựa theo địa vị của phàm phu để phán định.

10.1.2.1.1.1.1. Nói về pháp sư thuộc hạ phẩm

(Kính) Nhược phục hữu nhân thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả Diệu Pháp Hoa Kinh, nãi chí nhất kệ, ư thử kinh quyển, kính thị như Phật, chủng chủng cúng dường, hoa, hương, anh lạc, mặt hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nãi chí hiệp chuông cung kính.

(經)若復有人受持，讀誦，解說，書寫妙法華經，乃至一偈，於此經卷，敬視如佛，種種供養，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，技樂，乃至合掌恭敬。

(Kính: Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thậm chí một bài kệ, đối với quyển kinh này, coi tôn kính như Phật, cúng dường bằng các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, cho đến chấp tay cung kính).

Trước hết, nói về tướng trạng của pháp sư thuộc hạ phẩm: Một là thọ trì, hai là đọc, ba là tụng, bốn là giải nói, năm là biên chép, tức là năm loại pháp sư. Một là hoa, hai là hương, ba là chuỗi ngọc, bốn là hương bột, năm là hương bôi, sáu là hương đốt, bảy là lọng lụa, tràng phan, tám là y phục, chín là kỹ nhạc, mười là chấp tay, tức mười thứ cúng dường.

(Kinh) Dược Vương đương tri: Thị chư nhân đẳng dĩ tăng cúng dường thập vạn ức Phật. Ư chư Phật sở, thành tựu đại nguyện, mãn chúng sanh cố, sanh thử nhân gian. Dược Vương! Nhược hữu nhân vấn hà đẳng chúng sanh ư vị lai thế đương đắc tác Phật? Ưng thị thị chư nhân đẳng, ư vị lai thế, tất đắc tác Phật. Hà dĩ cố? Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư Pháp Hoa kinh, nãi chí nhất cú, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, thư tả, chũng chũng cúng dường kinh quyển, hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, hiệp chưởng cung kính, thị nhân nhất thiết thế gian sở ưng chiêm phụng, ưng dĩ Như Lai cúng dường nhi cúng dường chi. Đương tri thử nhân thị đại Bồ Tát, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ai mãn chúng sanh, nguyện sanh thử gian, quảng diễn, phân biệt Diệu Pháp Hoa Kinh.

(經)藥王當知：是諸人等已曾供養十萬億佛。於諸佛所，成就大願，愍眾生故，生此人間。藥王！若有人問何等眾生於未來世當得作佛？應示是諸人等，於未來世，必得作佛。何以故？若善男子，善女人於法華經，乃至一句，受持，讀誦，解說，書寫，種種供養經卷，華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，技樂，合掌恭敬，是人一切世間所應瞻奉，應以如來供養而供養之。當知此人是大菩薩，成就阿耨多羅三藐三菩提，哀愍眾生，願生此間，廣演分別妙法華經。

(Kinh: Dược Vương hãy nên biết: Những người ấy đã từng cúng dường mười vạn ức Phật. Ở nơi chư Phật, đã thành tựu đại nguyện, vì thương xót chúng sanh, mà sanh trong nhân gian này. Nay Dược Vương! Nếu có kẻ hỏi hạng chúng sanh như thế nào trong đời vị lai sẽ được thành Phật? Hãy nên chỉ bày hạng người ấy trong đời vị lai, ắt được làm Phật. Vì lẽ nào? Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân đối với kinh Pháp Hoa, thậm chí đối với một câu mà thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, cúng dường quyển kinh bằng các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, chấp tay

cung kính, người ấy đáng nên được hết thấy thế gian chiêm ngưỡng, phụng sự, đáng nên dùng sự cúng dường Như Lai để cúng dường người ấy. Hãy nên biết người ấy là bậc đại Bồ Tát thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thương xót chúng sanh, nguyện sanh vào cõi này để rộng diễn, phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

Đoạn này nói cặn kẽ công đức và phước báo của pháp sư thuộc hạ phẩm. Từ câu “*đã từng cúng dường*” (đã từng cúng dường) trở đi, nói về cái nhân sâu xa trước đó. Từ “*mẫn chúng sanh cố*” (vì thương xót chúng sanh) trở đi, nói tới công đức to lớn trong hiện thời. Từ “*nhược hữu nhân vấn*” (nếu có kẻ hỏi) trở đi, nói tới quả báo sâu dày trong vị lai.

10.1.2.1.1.2. Nói về pháp sư thuộc thượng phẩm

(Kinh) Hà hướng tận năng thọ trì chủng chủng cúng dường giả. Dục Vương đương tri: Thị nhân tự xả thanh tịnh nghiệp báo, ư ngã diệt độ hậu, mẫn chúng sanh cố, sanh ư ác thế, quảng diễn thử kinh.

(經)何況盡能受持種種供養者。藥王當知：是人自捨清淨業報，於我滅度後，愍眾生故，生於惡世，廣演此 經

•

(Kinh: Hướng hồ có thể tận sức thọ trì, cúng dường các thứ. Dục Vương hãy nên biết: Người ấy tự xả nghiệp báo thanh tịnh, sau khi ta diệt độ, vì thương xót chúng sanh, mà sanh trong đời ác để rộng diễn kinh này).

Trước hết, nêu ra tướng trạng của vị pháp sư thượng phẩm. Từ “*Dục Vương đương tri*” (Dục Vương hãy nên biết) trở đi, nói đại lược công đức và phước báo của vị pháp sư thượng phẩm. Do bị nguyện dẫn dắt, vẫn là quyền thuộc sanh bởi nghiệp, chưa phải là do thần thông ứng hiện thác sanh. Nguyện kèm theo nghiệp, nói cặn kẽ thì như trong phần Quyền Thuộc Diệu thuộc Huyền Nghĩa.

Phần thứ nhất, “nói về đời hiện tại” đã xong.

10.1.2.1.1. 2. Nói về đời tương lai

10.1.2.1.1. 2.1. Pháp sư thuộc hạ phẩm

(Kinh) Nhược thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, ngã diệt độ hậu, năng thiết vị nhất nhân thuyết Pháp Hoa kinh, nãi chí nhất cú, đương tri thị nhân tắc Như Lai sứ, Như Lai sở khiến hành Như Lai sự.

(經)若是善男子，善女人，我滅度後，能竊為一人說法華經，乃至一句，當知是人則如來使，如來所遣行如來事。

(Kinh: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau khi ta diệt độ, có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa, thậm chí chỉ một câu, hãy nên biết người ấy là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến làm chuyện của Như Lai).

“Thiết vị nhất nhân” (Riêng vì một người): Nói đến mức cùng cực nhằm mô tả sự giáo hóa rất ít! “Nãi chí nhất cú” (Thậm chí một câu): Nói tới mức cùng cực nhằm mô tả sự cải biến rất ít. Ấy là vì có trí huệ nhưng chưa đa văn, chưa kham diễn giảng rộng rãi trước đại chúng. Đó là nói tới tướng trạng của pháp sư hạ phẩm. Nhưng kinh này đúng như trí mà nói, nói đúng như lý. Nay hành nhân nương vào giáo pháp như thế để tuyên nói đúng như lý. Vì thế, [người ấy] chính là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến. Lại nữa, như trí chiếu như lý chính là Sự; nay hành nhân nương vào như giáo để hành như lý. Vì thế, đó là “hành Như Lai sự”. Lại nữa, “dùng như trí để giáo hóa chúng sanh là Sự”; nay hành nhân có tâm đại bi, có thể đem lý Chân Như trong kinh này nói với người khác, khiến cho họ được lợi ích. Vì thế, gọi là “hành Như Lai sự”. Đây là nói về công đức và phước báo của vị pháp sư thuộc hạ phẩm.

Giải thích theo quán tâm, trí tâm quán cảnh, cảnh tức là Chân Như. Cảnh đưa đến bèn phát sanh trí. Trí là do Như sai khiến. “Như Lai sở khiến” (Như Lai sai khiến): Quán trí do Như mà có. “Hành Như Lai sự” (Làm chuyện của Như Lai): Trải qua hết thấy các pháp, không gì chẳng phải là Chân Như, Chân Như chính là Phật sự.

10.1.2.1.1. 2.2. Pháp sư thuộc thượng phẩm

(Kinh) Hà huống ư đại chúng trung, quảng vị nhân thuyết.

(經)何況於大眾中，廣為人說。

(Kinh: Huống hồ ở trong đại chúng, rộng vì người khác nói).

Do riêng vì một người [mà công đức còn to lớn như thế], huống hồ khắp vì đại chúng. Thậm chí [chỉ diễn nói] một câu [mà công đức còn to tát như thế], huống hồ nói rộng! Đây là tướng trạng của pháp sư thượng phẩm, công đức và phước báo to lớn, chẳng thể diễn tả để biết được.

Phần thứ nhất, tức “phần Biệt Minh” đã xong.

10.1.2.1.2. Nói chung về các pháp sư thuộc thượng phẩm và hạ phẩm trong hiện tại hay vị lai

Trái nghịch sẽ mắc tội, thuận tùng sẽ được phước.

(Kinh) Dục Vương! Nhược hữu ác nhân, dĩ bất thiện tâm, u nhất kiếp trung, hiện u Phật tiền thường hủy mạ Phật. Kỳ tội thượng khinh, nhược nhân dĩ nhất ác ngôn, hủy tư tại gia, xuất gia độc tụng Pháp Hoa kinh giả, kỳ tội thậm trọng.

(經)藥王！若有惡人，以不善心，於一劫中，現於佛前常毀罵佛。其罪尚輕，若人以一惡言，毀訾在家，出家讀誦法華經者，其罪甚重。

(Kinh: Nay Dục Vương! Nếu có kẻ ác dùng tâm bất thiện, trong một kiếp, đối trước đức Phật thường hủy báng, chửi rửa Phật, tội ấy còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời ác hủy báng, chê bai người tại gia hay xuất gia độc tụng kinh Pháp Hoa, tội ấy rất nặng).

Đoạn này trước hết nói rõ “trái nghịch sẽ mắc tội”. Phàm tội phước nặng hay nhẹ, có lúc luận theo điển³¹², có lúc luận theo tâm, hoặc luận theo tổn hại hay lợi ích có nặng hay nhẹ. Ở đây, kinh xét theo tổn hại và lợi ích nặng hay nhẹ. Ví như kẻ ác do cái tâm bất thiện, tức là cái tâm đã nặng nề, hiện tiền chửi Phật, “điển” lại tôn quý. Suốt một kiếp thường chửi, tức là nghiệp lại lâu dài, thế mà nói [tội nghiệp ấy] “vẫn

³¹² “Diễn” tức là phước điển. Phước điển lại chia thành bi điển và kính điển. Kính điển là như Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, thánh nhân thế gian và xuất thế gian, cha mẹ, trưởng bối, người có ân với ta v.v... Bi điển là những người đáng thương xót cứu vớt, nói rộng là các chúng sanh trong ác đạo hoặc còn đang luân hồi.

còn nhẹ”, chẳng phải có nghĩa là quả báo của cái tội ấy nhẹ nhàng, chỉ là tội ấy chẳng nặng nề bằng tội hủy báng, chê bai người đọc tụng kinh Pháp Hoa! Vì sao vậy? Đức Phật đã chứng bình đẳng đại từ, luôn sanh tâm bi mẫn đối với kẻ ác. Kẻ ác lại chẳng thể bức bách, nã hại Ngài. Vì thế, kẻ đó chửi rửa thì thoát đầu ví như đem lễ vật tặng cho người khác, người ta chẳng nhận, đành tự ôm họa trở về, đọa lạc trong tam đồ trăm ngàn ức kiếp. Rốt cuộc ví như đánh chửi Chiên Đàn, vẫn nhuốm mùi thơm, đâm ra được Phật giáo hóa, rốt cuộc được thành tựu nhân duyên xuất thế. Nay sơ tâm hành nhân đọc tụng Pháp Hoa, nhẫn lực chưa thành tựu, dễ bị thoái thất. Nếu thốt lời hủy báng, chê gièm, trở ngại chuyện thù thắng, sẽ là đoạn Phật chủng, tổn hại rất sâu! Vì thế, tội ấy rất nặng.

(Kinh) Dược Vương! Kỳ hữu độc tụng Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân, dĩ Phật trang nghiêm nhi tự trang nghiêm, tắc vi Như Lai kiên sở hà đảm. Kỳ sở chí phương, ưng tùy hướng lễ. Nhất tâm hiệp chưởng, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán. Hoa, hương, anh lạc, mật hương, đồ hương, thiêu hương, tăng cái, tràng phan, y phục, hào soạn, tác chư kỹ nhạc, nhân trung thượng cúng nhi cúng dường chi. Ưng trì thiên bảo nhi dĩ tán chi. Thiên thượng bảo tự, ưng dĩ phụng hiến. Sở dĩ giả hà? Thị nhân hoan hỷ thuyết pháp, tu du văn chi, tức đắc cứu cánh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố.

(經)藥王！其有讀誦法華經者，當知是人，以佛莊嚴而自莊嚴，則為如來肩所荷擔。其所至方，應隨向禮。一心合掌，恭敬供養，尊重，讚歎。華，香，瓔珞，末香，塗香，燒香，繒蓋，幢幡，衣服，肴饌，作諸技樂，人中上供而供養之。應持天寶而以散之。天上寶聚，應以奉獻。所以者何？是人歡喜說法，須臾聞之，即得究竟阿耨多羅三藐三菩提故」。

(Kinh: Nay Dược Vương! Nếu có người đọc tụng kinh Pháp Hoa, hãy nên biết người ấy dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm, được Như Lai công vác trên vai. Người đó đến đâu, hãy nên hướng về đó làm lễ, nhất tâm chấp tay, cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương bôi, hương đốt,

lọng lựa, tràng phan, y phục, thức ăn ngon quý, tấu các kỹ nhạc, dùng vật cúng bậc thượng trong loài người để cúng dường. Hãy nên cầm bấu cõi trời để rải lên. Hãy nên dùng khối báu trên trời dâng lên. Vì có sao vậy? Người ấy hoan hỷ thuyết pháp, nghe trong khoảnh khắc, liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo).

Kể đó, nói rõ “tùy thuận sẽ được phước”. Phật dùng Định và Huệ để trang nghiêm. Người ấy có thể tu Định Huệ, vì thế nói “*đĩ Phật trang nghiêm nhi tự trang nghiêm*” (dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm). Đặt trên lưng là Hà (荷, cõng), đặt trên vai là Đảm (擔, gánh). Tu cái Thể của Pháp Thân “chẳng Quyền, chẳng Thật”, tức là “*vi Như Lai hà*” (được Như Lai cõng). Có đủ tác dụng của hai trí có thể Quyền, có thể Thật, tức là “*Như Lai đảm*”. “*Kỳ sở chí phương, ưng tùy hướng lễ*” (Người ấy tới nơi đâu đều nên hướng về đó làm lễ): Người ấy hướng tới đâu đều tương ứng với Thật Tướng, đều có thể kính thuận. Thuận chính là Hướng. Kính tức là Lễ. Kính mà thuận theo, và đầy khởi cúng dường. “*Ưng trì thiên bảo*” (Hãy nên cầm bấu trời): Nêu lên những điều nặng nề để biết những điều nhẹ nhàng. Báu trên cõi trời còn phải nên dâng cúng, huống hồ chỉ là các vật cúng trong nhân gian ư? Từ “*sở dĩ giả hà*” (vì có sao) trở đi, giải thích ý nghĩa [vì sao] hãy nên lễ, hãy nên cúng. “*Tu du đắc cứu cánh*” (Trong khoảnh khắc liền được rốt ráo): Do có thể hiển lộ trọn vẹn rốt ráo diệu lý. Vẫn cần phải phân biệt, thoát đầu từ Danh Tự cho đến Cứu Cánh, cho đến rốt ráo Cứu Cánh.

Trong phần nói về công sâu phước nặng của vị thầy dạy đạo, phần Trường Hàng đã xong.

10.1.2.2. Kệ tụng

10.1.2.2.1. Khuyên nhủ tự hành lợi tha

(Kính) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Nhược dục trụ Phật đạo, thành tựu Tự Nhiên Trí, thường đương cần cúng dường, thọ trì Pháp Hoa giả. Kỳ hữu dục tât đắc, Nhất Thiết Chủng Trí huệ, đương thọ trì thị kinh, tịnh cúng dường trì giả.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「若欲住佛道，成就自然智，常當勤供養，受持法華者。其有欲疾得，一切種智慧，當受持是經，并供養持者。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Nếu muốn trụ Phật đạo, thành tựu Tự Nhiên Trí³¹³, thường nên siêng cúng dường, người thọ trì Pháp Hoa. Nếu mong mau đạt được, Nhất Thiết Chúng Trí huệ, nên thọ trì kinh này, và cúng dường người trì).

10.1.2.2.2. Trùng tụng hai nghĩa Biệt và Tổng

10.1.2.2.2.1. Trùng tụng Biệt Minh

10.1.2.2.2.1.1. Trùng tụng đời này

(Kinh) Nhược hữu năng thọ trì, Diệu Pháp Hoa kinh giả, đương tri Phật sở sứ, mãn niệm chư chúng sanh. Chư hữu năng thọ trì, Diệu Pháp Hoa kinh giả, xả u thanh tịnh độ, mãn chúng cố sanh tử. Đương tri như thị nhân, tự tại sở dục sanh, năng u thử ác thế, quảng thuyết vô thượng pháp. Ứng dĩ thiên hoa hương, cập thiên bảo y phục, thiên thượng diệu bảo tỳ, cúng dường thuyết pháp giả.

(經)若有能受持，妙法華經者，當知佛所使，愍念諸眾生。諸有能受持，妙法華經者，捨於清淨土，愍眾故生此。當知如是人，自在所欲生，能於此惡世，廣說無上法。應以天華香，及天寶衣服，天上妙寶聚，供養說法者。

(Kinh: Nếu có người thọ trì, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hãy biết là Phật sứ, nghĩ thương các chúng sanh. Những ai hay thọ trì, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã bỏ cõi thanh tịnh, thương chúng mà sanh đây. Nên biết người như vậy, chỗ sanh về tự tại, có thể trong đời ác, rộng nói pháp vô thượng. Hãy dùng hoa hương trời, y phục báu cõi trời, khối diệu bảo trên trời, cúng dường người thuyết pháp).

³¹³ Tự Nhiên Trí còn gọi là Vô Sư Trí, Vô Công Dụng Trí, đều là tên gọi khác của Nhất Thiết Chúng Trí.

Hai câu đầu trùng tụng pháp sư hạ phẩm. Hai câu kế đó, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư hạ phẩm. Hai câu kế đó trùng tụng pháp sư thượng phẩm. Mười câu sau đó, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư thượng phẩm.

10.1.2.2.1.2. Trùng tụng đời vị lai

(Kinh) Ngô diệt hậu ác thế, năng trì thị kinh giả, đương hiệp chưởng lễ kính, như cúng dường Thế Tôn. Thượng soạn, chúng cam mỹ, cập chủng chủng y phục, cúng dường thị Phật tử, ký đắc tu du văn. Nhược năng ư hậu thế, thọ trì thị kinh giả, ngã khiển tại nhân trung, hành ư Như Lai sự.

(經)吾滅後惡世，能持是經者，當合掌禮敬，如供養世尊。上饌眾甘美，及種種衣服，供養是佛子，冀得須臾聞。若能於後世，受持是經者，我遣在人中，行於如來 事

。

(Kinh: Đời ác, ta nhập diệt, với người trì kinh này, nên chấp tay lễ kính, như cúng dường Thế Tôn. Đồ ngon ngọt tuyệt diệu, và các thứ y phục, cúng dường Phật tử ấy, mong nghe trong khoảnh khắc! Nếu ai trong đời sau, thọ trì bản kinh này, ta sai trong nhân gian, thực hiện chuyện Như Lai).

Hai câu đầu tiên, trùng tụng pháp sư thượng phẩm. Sáu câu kế tiếp, nói về công đức và phước báo thượng phẩm (Trường Hàng chẳng nói, nay trong kệ tụng bèn có). Hai câu kế tiếp, trùng tụng pháp sư hạ phẩm. Hai câu sau cùng, trùng tụng công đức và phước báo của pháp sư hạ phẩm.

Phần thứ nhất, “trùng tụng Biệt Minh” đã xong.

10.1.2.2.2. Trùng tụng Tổng Minh

(Kinh) Nhược ư nhất kiếp trung, thường hoài bất thiện tâm, tác sắc nhi mạ Phật, hoạch vô lượng trọng tội. Kỳ hữu độc tụng trì, thị Pháp Hoa kinh giả, tu du gia ác ngôn, kỳ tội phục quá bỉ. Hữu nhân cầu Phật đạo, nhi ư nhất kiếp trung, hiệp chưởng tại ngã tiền, dĩ vô số

kệ tán. Do thị tán Phật cố, đắc vô lượng công đức. Thán mỹ trì kinh giả, kỳ phước phục quá bỉ! Ư bát thập ức kiếp, dĩ tối diệu sắc thanh, cập dĩ hương, vị, xúc, cúng dường trì kinh giả. Như thị cúng dường dĩ, nhược đắc tu du văn, tác ưng tự hân khánh, ngã kim hoạch đại lợi.

(經)若於一劫中，常懷不善心，作色而罵佛，獲無量重罪。其有讀誦持，是法華經者，須臾加惡言，其罪復過彼。有人求佛道，而於一劫中，合掌在我前，以無數偈讚。由是讚佛故，得無量功德。歎美持經者，其福復過彼。於八十億劫，以最妙色聲，及與香味觸，供養持經者。如是供養已，若得須臾間，則應自欣慶，我今獲大利。

(Kinh: Nếu ở trong một kiếp, thường ôm lòng chẳng lành, dõ mặt chửi mắng Phật, mắc vô lượng tội nặng. Đối người đọc, tụng, trì, bộ kinh Pháp Hoa này, khoảnh khắc buông lời ác, tội ấy còn hơn thế! Có người cầu Phật đạo, bèn ở trong một kiếp, chấp tay đối trước ta, dùng vô số kệ tán. Do vì tán thán Phật, được vô lượng công đức. Ca ngợi người trì kinh, phước ấy lại hơn đó! Trong tám mươi ức kiếp, dùng sắc, thanh đẹp nhất, cùng với hương, vị, xúc, cúng dường người trì kinh. Cúng dường như thế xong, nếu được nghe giây lát, hãy nên tự vui mừng, ta nay được lợi lớn).

Hai bài kệ đầu tiên, trùng trùng ý “kẻ trái nghịch mắc tội”. Bốn bài kệ sau đó trùng tụng ý “thuận theo thì được phước”. Công đức tán Phật cố nhiên là vô lượng. Phật chẳng do được tán thán mà tăng tán. Nếu tán thán người trì kinh Pháp Hoa, kinh điển ở nơi đâu, nơi đó có Phật, công đức giống hệt như nhau. Lại còn khiến cho người trì kinh ấy sẽ từ đó mà tăng tán, cho nên phước thù thắng gấp bội.

Phần thứ hai, “trùng tụng hai ý nghĩa Biệt và Tổng” đã xong.

10.1.2.2.3. Kết lại, tán thán kinh là bậc nhất

(Kinh) Được Vương kim cáo nhữ, ngã sở thuyết chư kinh, nhi ư thử kinh trung, Pháp Hoa tối đệ nhất.

(經)藥王今告汝，我所說諸經，而於此經中，法華最第一」。

(Kinh: Được Vương nay bảo ông, các kinh do ta nói, nhưng trong các kinh ấy, Pháp Hoa tốt bậc nhất).

“Thử kinh trung” (Trong các kinh ấy), tức là giống như “thử chư kinh trung”, tức là nêu chung các kinh được nói trong suốt một đời giáo hóa [của đức Phật], bắt đầu từ Hoa Nghiêm cho tới kết cục là kinh Niết Bàn. Các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng đều được xưng tụng là “lời dạy bậc nhất”. Nhưng đó là bậc nhất tương đối, chẳng bằng kinh này là bậc nhất dứt tuyệt đối đãi. Do vậy gọi là “tối đệ nhất” (đệ nhất tuyệt đối).

Phần thứ nhất, “khen ngợi người có thể trì pháp” đã xong.

10.2. Khen ngợi pháp được trì và dạy phương cách lưu thông

10.2.1. Trường Hàng

10.2.1.1. Tán thán kinh pháp

10.2.1.1.1. Xét theo pháp mà tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phục cáo Được Vương Bồ Tát Ma Ha Tát: - Ngã sở thuyết kinh điển, vô lượng thiên vạn ức, dĩ thuyết, kim thuyết, đương thuyết, nhi ư kỳ trung, thử Pháp Hoa kinh, tối vi nan tín, nan giải. Được Vương! Thử kinh thị chư Phật bí yếu chi tạng, bất khả phân bố, vọng thọ dữ nhân, chư Phật Thế Tôn chi sở thủ hộ. Tùng tích dĩ lai, vị tăng hiển thuyết. Nhĩ thử kinh giả, Như Lai hiện tại, do đa oán tật, huống diệt độ hậu.

(經)爾時，佛復告藥王菩薩摩訶薩：「我所說經典，無量千萬億，已說，今說，當說，而於其中，此法華經，最為難信，難解。藥王！此經是諸佛秘要之藏，不可分布，妄授與人，諸佛世尊之所守護。從昔已來，未曾顯說。而此經者，如來現在，猶多怨嫉，況滅度後。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật lại bảo Được Vương Bồ Tát Ma Ha Tát: - Kinh điển do ta đã nói vô lượng ngàn vạn ức, đã nói, đang nói, sẽ nói, nhưng trong số đó, kinh Pháp Hoa này khó tin, khó hiểu nhất. Nay Được Vương! Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, chẳng thể lưu

truyền, tùy tiện trao cho người khác, [kinh này] được chư Phật Thế Tôn thủ hộ. Từ xưa đến nay, chưa từng nói rõ. Nhưng kinh này khi Như Lai tại thế mà còn có nhiều kẻ oán ghét, hướng hồ sau khi Phật diệt độ).

“*Dĩ thuyết*” (Đã nói): Chỉ các giáo pháp Tiệm Đốn từ thời Bát Nhã trở về trước. “*Kim thuyết*” (Nay nói): Chỉ kinh Vô Lượng Nghĩa trong cùng một pháp hội này. “*Đương thuyết*” (Sẽ nói): Chỉ kinh Đại Niết Bàn. Các kinh Đốn Tiệm như Bát Nhã v.v... đều kèm theo phương tiện, dễ tin tưởng. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói “*một sanh ra vô lượng*”, chưa nói “*vô lượng quy hoàn một*”, cũng dễ tin tưởng. Nay kinh Pháp Hoa, luận về pháp, thì hết thầy sai biệt, dung thông quy nhất. Luận về người, thì Bản và Tích của thầy và trò đều rất lâu xa. Hai môn ấy (pháp và nhân) đều trái ngược với trước kia, [cho nên] khó tin, khó hiểu, là chuyện khó khăn bậc nhất. Hễ đã nói Pháp Hoa thì kinh Niết Bàn là chuyện về sau, sẽ dễ tin tưởng được.

“*Bí yếu chi tạng*” (Tạng bí mật, trọng yếu): Ẩn đi chẳng nói, thì gọi là Bí. Tóm giữ hết thầy các pháp, thì gọi là Yếu. Chân Như Thật Tướng bao trùm không gì ra ngoài được, thì gọi là Tạng. “*Bất khả phân bố*” (Chẳng thể lưu truyền), tức là do diệu pháp khó tin, chỉ có người trí sâu thì mới có thể trao truyền; [lầm lạc truyền trao cho] kẻ vô trí, sẽ càng thêm tội. Vì thế “*bất khả vọng thọ*” (chẳng thể tùy tiện truyền dạy). “*Tùng tích dĩ lai, vị tăng hiển thuyết*” (Từ trước tới nay, chưa từng nói rõ): Trong Tam Tạng, chẳng nói “*Nhị Thừa thành Phật*”, cũng chẳng nói rõ Bản Tích của thầy và trò. Phương Đẳng, Bát Nhã tuy nói lý Thật Tướng Như Lai Tạng, vẫn chẳng nói “*ngũ thừa thành Phật*”, mà cũng chẳng chỉ ra Tích, hiển lộ Bản, các kinh Đốn và Tiệm đều chẳng dung hội. Vì thế, gọi là Bí. Kinh này nói trọn vẹn các bí pháp trước kia, tức là “*khai bí mật tạng*”, mà cũng chính là bí mật tạng. Tạng bí mật ấy, xưa kia là vì một loại chúng sanh căn cơ đã chín muồi, tuy có mật thuyết, nhưng hơn bốn mươi năm, chưa từng nói rõ ràng, rành rẽ! “*Do đa oán tật*” (Còn có nhiều kẻ oán ghét): Như năm ngàn người lui về! Thuở đức Phật tại thế mà còn như thế, huống hồ đời vị lai, đương nhiên là càng khó giáo hóa!

10.2.1.1.2. Xét theo người mà tán thán

(*Kinh*) **Được Vương đương tri: Như Lai diệt hậu, kỳ năng thư tri, độc tụng, cúng dường, vị tha nhân thuyết giả, Như Lai tắc vị dĩ y**

phủ chi, hựu vị tha phương hiện tại chư Phật chi sở hộ niệm. Thị nhân hữu đại tín lực, cập chí nguyện lực, chư thiện căn lực. Đương tri thị nhân dữ Như Lai cộng túc, tắc vi Như Lai thủ ma kỳ đầu.

(經)藥王當知：如來滅後，其能書持，讀誦，供養，為他人說者，如來則為以衣覆之，又為他方現在諸佛之所護念。是人有大信力，及志願力，諸善根力。當知是人與如來共宿，則為如來手摩其頭。

(Kinh: Dược Vương nên biết: Sau khi Như Lai diệt độ, ai có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, vì người khác nói, Như Lai sẽ dùng y phủ lên người ấy. [Người ấy] lại được chư Phật hiện tại trong các phương khác hộ niệm. Người ấy có đại tín lực và chí nguyện lực, các sức thiện căn. Hãy nên biết người ấy ở cùng chỗ với Như Lai, được Như Lai xoa đầu).

Pháp này ở nơi người, người bèn tôn quý. “*Như Lai y phủ*” (Y của Như Lai che trùm) tức là coi tu học đại nhân là Y. “*Chư Phật hộ niệm*”: Thật Tướng là Phật, Thật Trí là con. Tôn sùng Thật Tướng, sẽ phát sanh Thật Trí; đó chính là “*chư Phật sở hộ niệm*” (được chư Phật hộ niệm). Tứ bất hoại tín trong Viên Giáo là đại tín lực. Tứ Hoằng Thệ trong Viên Giáo là chí nguyện lực. Đại trí viên diệu là thiện căn lực. Tín chính là tin vào Lý, Lý chính là Pháp Thân. “*Chí nguyện*” là lập hạnh, hạnh tức là giải thoát. Thiện căn rễ vững, khó động, tức là Bát Nhã. Hãy nên biết ba lực (đại tín lực, chí nguyện lực và thiện căn lực) tức là tam đức bí tạng. Sơ tâm nương vào đây, chẳng khác gì Phật. Vì thế, “*dữ Như Lai cộng túc*” (cùng ở một chỗ với Phật).

Lại nữa, tín lực tu Tất Cánh Không Như Lai Trí, Như Lai ngụ nơi nhà Tất Cánh Không, người ấy cũng học Tất Cánh Không. Vì thế, cùng ở chung với Như Lai. Dùng chí nguyện lực và thiện căn lực để tự hành Quyền Thật hòng cơ cảm. Cơ cảm gọi là Đầu. Như Lai dùng hai trí Hóa Tha Quyền Thật làm tay, để khai phát cái “đầu” Tự Hành Quyền Thật của người ấy, cảm ứng đạo giao; vì thế nói là “*ma đầu*” (xoa đầu). “*Xoa đầu*” tức là thọ ký.

10.2.1.1.3. Xét theo xứ mà tán thán

(Kinh) Dược Vương! Tại tại xứ xứ, nhược thuyết, nhược đọc, nhược tụng, nhược thư, nhược kinh quyển sở trụ xứ, giai ưng khởi thất bảo tháp, cực linh cao quảng, nghiêm sức, bất tu phục an xá-lợi. Sở dĩ giả hà? Thử trung dĩ hữu Như Lai toàn thân. Thử tháp ưng dĩ nhất thiết hoa, hương, anh lạc, tăng cái, tràng phan, kỹ nhạc, ca tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nhược hữu nhân đắc kiến thử tháp lễ bái, cúng dường, đương tri thị đẳng giai cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)藥王！在在處處，若說，若讀，若誦，若書，若經卷所住處，皆應起七寶塔，極令高廣，嚴飾，不須復安舍利。所以者何？此中已有如來全身。此塔應以一切華，香，瓔珞，繒蓋，幢幡，技樂，歌頌，供養，恭敬，尊重，讚歎。若有人得見此塔禮拜，供養，當知是等皆近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay Dược Vương! Nơi nơi chốn chốn, dù nói, dù đọc, dù tụng, dù viết, hễ chỗ nào có kinh quyển, đều nên dựng tháp bảy báu, sao cho tốt bậc cao rộng, trang hoàng lộng lẫy, chẳng cần đặt xá-lợi. Vì lẽ nào vậy? Trong ấy đã có toàn thân của Như Lai. Đối với tháp ấy, hãy nên dùng hết thấy hoa, hương, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỹ nhạc để ca tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nếu có ai được thấy tháp ấy mà lễ bái, cúng dường, hãy nên biết những người như thế đều đã gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Pháp này ở chỗ nào, chỗ đó bèn tôn quý. Phàm chỗ Phật giáng sanh, chỗ đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ nhập Niết Bàn, đều nên dựng tháp. Kinh này là chỗ sanh của Pháp Thân, là nơi chốn để đắc đạo, là chánh thể của pháp luân, là hang Đại Niết Bàn. Vì thế, phải nên dựng tháp cúng dường. “Bất tu phục an xá-lợi” (Chẳng cần đặt xá-lợi): Thích Luận viết: “Xương nát là sanh thân xá-lợi. Kinh quyển là Pháp Thân xá-lợi”. “Dĩ hữu Như Lai toàn thân” (Đã có toàn thân của Như Lai): Sanh thân xá-lợi có nát vụn và có toàn thân. Nát vụn như [xá-lợi của] Phật Thích Ca. Toàn thân như Phật Đa Bảo. Pháp Thân xá lợi cũng có nát vụn và toàn thể. Các giáo pháp phương tiện là nát vụn. Pháp Hoa Nhất Thiết

là toàn thể (xét theo tứ giáo ngũ thời, hoặc thuần là nát vụn, chẳng có toàn thể, hoặc nát vụn một nửa, chỉ có Pháp Hoa là thuần toàn thể).

10.2.1.1.4. Xét theo cái nhân mà tán thán

(Kinh) Dược Vương! Đa hữu nhân tại gia, xuất gia hành Bồ Tát đạo, nhược bất năng đắc kiến, văn, đọc, tụng, thư, trì, cúng dường thị Pháp Hoa kinh giả, đương tri thị nhân vị thiện hành Bồ Tát đạo. Nhược hữu đắc văn thị kinh điển giả, nãi năng thiện hành Bồ Tát chi đạo.

(經)藥王！多有人在家，出家行菩薩道，若不能得見，聞，讀，誦，書，持，供養是法華經者，當知是人未善行菩薩道。若有得聞是經典者，乃能善行菩薩之道。

(Kinh: Nay Dược Vương! Có nhiều người tại gia hay xuất gia hành Bồ Tát đạo, nếu chẳng thể thấy, nghe, đọc, tụng, viết, trì kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người đó chưa khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu có ai được nghe kinh điển này, có thể biết người đó khéo hành đạo Bồ Tát).

Các kinh khác kèm thêm cái nhân phương tiện, nên gọi là Chuyết Độ (độ bằng cách vụng về). Kinh này hiển lộ viên nhân (cái nhân viên mãn), nghe hiểu viên nhân thì mới gọi là Xảo Độ. Xảo Độ là “khéo hành” (Đại Luận coi tất cả các môn thuộc Đại Thừa đều là xảo, kinh này riêng coi Nhất Thật là xảo).

10.2.1.1.5. Xét theo quả mà tán thán

10.2.1.1.5.1. Cận quả

(Kinh) Kỳ hữu chúng sanh cầu Phật đạo giả, nhược kiến, nhược văn thị Pháp Hoa kinh, văn dĩ tín giải, thọ trì giả, đương tri thị nhân đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)其有眾生求佛道者，若見，若聞是法華經，聞已信解，受持者，當知是人得近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nếu có chúng sanh cầu Phật đạo, mà được thấy hay nghe kinh Pháp Hoa này, nghe rồi tin hiểu, thọ trì, hãy nên biết người ấy được gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

A Nậu Bồ Đề (Anuttara-samyak-sambodhi) có hai nghĩa:

- Một là sơ tâm Bồ Đề, tức Sơ Trụ trong Viên Giáo.
- Hai là hậu tâm Bồ Đề, tức Diệu Giác cực quả (Phật quả).

Nay nói “gần” thì tức là gần với Sơ Trụ Bồ Đề. Trong phần trước tán thán dựa theo cái nhân, tu cái nhân Thông hay Biệt, tức là “chưa khéo”, còn cách xa Viên quả. Nếu tu viên nhân, tức là “*khéo hành*”, sẽ gần với Viên quả. Nay dùng Như Thật Trí của Viên Giáo làm nhân, lại còn dùng đó làm quả. Đạo tiền Chân Như tuy có ba cái nhân, cùng gọi là Chánh Nhân. (Lý Tức) Trung Đạo Chân Như cũng có ba cái nhân, cùng gọi là Duyên Nhân. (Danh Tự Tức, Quán Hạnh Tức, Tương Tự Tức) cũng gọi là Liễu Nhân. (Phân Chứng Tức) đạo hậu Chân Như, cũng chỉ là ba pháp, đổi tên thành Viên quả (Cứu Cánh Tức). Vì thế, kinh Phổ Hiền Quán nói: “*Đại Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng thị. Đại Thừa quả giả, diệc chư pháp Thật Tướng thị*” (Cái nhân của Đại Thừa là Thật Tướng của các pháp. Cái quả của Đại Thừa cũng là Thật Tướng của các pháp). Thích Luận nói: “*Sơ quán Thật Tướng gọi là Nhân. Quán xong gọi là Quả*”. Luận theo Lý, Chân Như Thật Tướng chẳng được coi là nhân quả, cũng chẳng phải là trước sau. Nay xét theo sự tu hành, bèn có trước sau và nhân quả!

10.2.1.1.5.2. Lập thí dụ

(Kinh) Dược Vương! Thí như hữu nhân khát pháp tu thủy, ư bỉ cao nguyên, xuyên tạc cầu chi, do kiến càn thổ, tri thủy thượng viễn. Thi công bất dĩ, chuyển kiến thấp thổ, toại tiệm chí nê, kỳ tâm quyết định tri thủy tất cận.

(經)藥王！譬如有人渴乏須水，於彼高原，穿鑿求之，猶見乾土，知水尚遠。施功不已，轉見濕土，遂漸至泥，其心決定知水必近。

(Kinh: Nay Dược Vương! Ví như có người do khát mà tìm nước. Ở chốn cao nguyên đào bới để tìm, vẫn thấy đất khô, biết nước còn xa.

Ra sức chẳng ngừng, dần dần thấy đất ướt, rồi dần dần đến bùn, tâm biết quyết định ắt đã gần đến nước).

Giải thích đoạn này chia làm hai: Một là xét theo quán môn, hai là xét theo giáo môn.

1) Quán môn: Tâm chúng sanh có đủ các phiền não thì gọi là “cao nguyên”. Tu tập quán trí là “xuyên quật” (穿掘, đào bới; chánh kinh ghi là “xuyên tạc”, 穿鑿), mới chứng Lý vị như đạt được nước trong. Xét theo Thông Quán, Càn Huệ Địa³¹⁴ như “càn thổ” (đất khô), Tánh địa như “thấp thổ nê” (đất bùn ướt). Kiến Đế là đạt được nước trong. Xét theo Biệt Quán, từ Giả nhập Không, chỉ thấy Không, chẳng thấy Bát Không. Đoạn Tứ Trụ Hoặc như đào bới đất khô. “Khứ thủy thượng viễn” (Cách nước còn xa): Từ Không nhập Giả, trước hết biết chẳng phải Giả, nay biết là chẳng phải Không. Do hai phép Quán ấy, được nhập Trung Đạo. Có thể chế phục vô minh, dần dần thấy đất ướt, [biết là] đã gần nước rồi. Nếu viên quán Trung Đạo, “chẳng phải Không, chẳng phải Giả” mà chiếu Không lẫn Giả. Tứ Trụ đã tận, vô minh đã chế phục, đã đạt được tương tự viên giải nơi Trung Đạo. Vì thế nói “*như tiệm chí nê*” (như dần dần đạt tới bùn). Nếu nhập Sơ Trụ, phát khởi sự hiểu biết thật sự đối với Trung, liền phá vô minh, như bùn lắng xuống, liền thấy Trung Đạo, như có được nước trong. Vì thế, Pháp Hoa Luận viết: “*Hãy nên biết thứ tự của nước Phật Tánh*”.

2) Xét theo giáo môn, đất ví như kinh giáo, nước ví như Trung Đạo. Giáo điển nói Trung Đạo như đất chứa nước. Tam Tạng chưa nói Trung Đạo, giống như đất khô. Phương Đẳng và Bát Nhã phương tiện nói kèm thêm Trung Đạo, giống như đất ướt. Pháp Hoa thẳng thừng nói hiển lộ Trung Đạo, giống như bùn. Do giáo pháp Pháp Hoa mà sanh Văn, Tư, Tu, tức là ngộ Trung Đạo, thật sự thấy Phật tánh, phát sanh chân huệ, chẳng còn dựa vào kinh văn, như có được nước trong, chẳng còn thấy tướng đất. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Sơ phát tâm thời, tiện thành Chánh Giác, thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ*” (Khi vừa mới phát tâm liền thành Chánh Giác, thành tựu thân trí huệ, chẳng do ai khác mà ngộ).

10.2.1.1.5.3. Kết hợp thí dụ với pháp

³¹⁴ Càn Huệ Địa (Śukla-giòṇvidarśanā-bhūmi) tức là Sơ Địa trong Thập Địa.

(Kinh) Bồ Tát diệc phục như thị. Nhược vị văn, vị giải, vị năng tu tập thị Pháp Hoa kinh, đương tri thị nhân khứ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thượng viên. Nhược đắc văn, giải, tư duy, tu tập, tất tri đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)菩薩亦復如是。若未聞，未解，未能修習是法華經，當知是人去阿耨多羅三藐三菩提尚遠。若得聞，解，思惟，修習，必知得近阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Bồ Tát cũng giống như thế. Nếu chưa nghe, chưa hiểu, chưa thể tu tập kinh Pháp Hoa này, hãy nên biết người ấy còn cách xa Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu được nghe, hiểu, tư duy, tu tập, tất biết vị ấy đã gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Nơi Pháp Hoa được nghe Văn, Tư, Tu, tức là Tam Huệ trong Viên Giáo thì mới có thể gần với quả, chẳng phải là Tam Huệ trong các giáo pháp khô khan hay âm uớt v.v...

10.2.1.1.5.4. Giải thích cận quả

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Bồ Tát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai thuộc thử kinh. Thử kinh khai phương tiện môn, thị chân thật tướng. Thị Pháp Hoa kinh tạng, thâm cố u viễn, vô nhân năng đáo. Kim Phật giáo hóa thành tựu Bồ Tát, nhi vị khai thị.

(經)所以者何？一切菩薩阿耨多羅三藐三菩提，皆屬此經。此經開方便門，示真實相。是法華經藏，深固幽遠，無人能到。今佛教化成就菩薩，而為開示。

(Kinh: Vì có sao vậy? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thảy Bồ Tát đều thuộc vào kinh này. Kinh này mở ra môn phương tiện, chỉ bày tướng chân thật. Kinh tạng Pháp Hoa này sâu xa, u viễn, không ai có thể thấu đạt được. Nay Phật do giáo hóa thành tựu Bồ Tát mà vì họ khai thị).

“**Nhất thiết Bồ Tát**” (Hết thầy Bồ Tát) là nói tới Quyền nhân (cái nhân quyền biến). A Nậu Bồ Đề là nói tới các Quyền quả. Quyền nhân và Quyền quả đều thuộc về kinh này. Như các thứ đất khô, ướm v.v... đều nung vào nước. “*Khai phương tiện môn, thị chân thật tướng*” (Mở ra cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật): Trước kia chẳng nói, nay đều nói. Trước kia nói hai phép Quán làm phương tiện môn, nay đều khai, tức là chân thật, há còn là môn? Xưa kia nói phương tiện Tiểu Thừa và quả Tiểu Thừa. Quả Tiểu Thừa còn chẳng phải là Thật Tướng, huống hồ phương tiện Tiểu Thừa mà được coi là môn ư? Nay đều mở ra, tức là Thật Tướng. “*Nhữ đẳng sở hành thị Bồ Tát đạo*” (Những gì các ông đã hành đều là Bồ Tát đạo), giải quyết xong xuôi pháp Thanh Văn. Kinh này là vua trong các kinh, cho đến các ngôn ngữ khiến cho cõi đời bình trị, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... trước kia có bao giờ nói những thứ đó đều là phương tiện? Nay đều khơi mở, [chỉ rõ] chúng chính là Thật Tướng, chẳng hề trái nghịch, đều khiến cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật. Mỗi sắc, mỗi hương, không gì chẳng phải là Phật pháp. Dù là môn hay chẳng phải môn, thầy đều khơi mở, chỉ bày tướng chân thật, hiển lộ tánh thủy của Phật. Nếu chẳng mở ra, tức là “*sâu chắc, u viễn, không ai có thể đạt đến được*”. Nhưng nay đã mở, tức là được thấy nước, chẳng có đất khô khan!

10.2.1.1.5.5. Loại trừ phi quả

(Kinh) Dược Vương! Nhược hữu Bồ Tát văn thị Pháp Hoa kinh, kinh nghi, bố úy, đương tri thị vi tân phát ý Bồ Tát. Nhược Thanh Văn nhân, văn thị kinh, kinh nghi, bố úy, đương tri thị vi tăng thượng mạn giả.

(經)藥王！若有菩薩聞是法華經，驚疑，怖畏，當知是為新發意菩薩。若聲聞人，聞是經，驚疑，怖畏，當知是為增上慢者。

(Kinh: Đây Dược Vương! Nếu có Bồ Tát nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi, hãy nên biết đó là Bồ Tát vừa mới phát ý. Nếu hàng Thanh Văn nghe kinh này mà kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi, hãy nên biết đó là kẻ tăng thượng mạn).

Tân phát ý Bồ Tát, tăng thượng mạn Thanh Văn đã kinh hoảng, ngờ vực, sợ hãi đối với kinh này, đều là đất khô, còn chưa phải là đất ướt, huống hồ có thể thấy nước ư?

Phần thứ nhất, “tán thán kinh pháp” đã xong.

10.2.1.2. Chỉ bày phương pháp

10.2.1.2.1. Thẳng thừng nêu bày phương pháp

10.2.1.2.1.1. Nêu bày đề mục

(Kinh) Dược Vương! Nhục hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, Như Lai diệt hậu, dục vị tứ chúng thuyết thị Pháp Hoa kinh giả, vân hà ưng thuyết? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân nhập Như Lai thất, trước Như Lai y, tọa Như Lai tòa, nhĩ nãi ưng vị tứ chúng quảng thuyết tư kinh.

(經)藥王！若有善男子，善女人，如來滅後，欲為四眾說是法華經者，云何應說？是善男子，善女人入如來室，著如來衣，坐如來座，爾乃應為四眾廣說斯經。

(Kinh: Nay Dược Vương! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau khi Như Lai diệt độ, muốn vì tứ chúng nói kinh Pháp Hoa này, hãy nên nói như thế nào? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai rồi thì mới nên vì tứ chúng rộng nói kinh này).

10.2.1.2.1.2. Giải thích

(Kinh) Như Lai thất giả, nhất thiết chúng sanh trung đại từ bi tâm thị. Như Lai y giả, nhu hòa nhẫn nhục tâm thị. Như Lai tòa giả, nhất thiết pháp không thị.

(經)如來室者，一切眾生中大慈悲心是。如來衣者，柔和忍辱心是。如來座者，一切法空是。

(Kinh: Nhà Như Lai là tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sanh. Áo Như Lai là tâm nhu hòa, nhẫn nhục. Tòa của Như Lai là hết thấy pháp Không).

“Đại từ bi thất”: Nếu là đồng thể thì chính là Pháp Thân. Nếu tiếp độ chúng sanh, sẽ chính là Giải Thoát. Có thể khiến cho chúng sanh hiểu đồng thể, tức là Bát Nhã. “Áo nhu hòa, nhẫn nhục”: Nếu xét theo cái được che phủ thì là Pháp Thân. Nếu xét theo cái có thể che phủ hồng trang nghiêm thân thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo chuyện hòa quang lợi vật thì chính là Giải Thoát. “Tòa pháp không” nếu có thể ngồi thì chính là Bát Nhã. Nếu xét theo cái được ngồi thì là Pháp Thân. Thân và tòa ngăm xúng hợp thì là Giải Thoát. Lại nữa, đại từ an lạc tức là Tư Thành Quỹ (資成軌, khuôn phép giúp cho thành tựu). Nhu hòa chế phục sân, đoạn Hoặc, tức Quán Chiếu Quỹ (觀照軌). Ngồi nơi tòa tức Chân Tánh Quỹ (真性軌). Trong phẩm An Lạc Hạnh còn nói rộng ba pháp này. Trong phần trước đã nói “dùng sự trang nghiêm của Phật [để tự trang nghiêm]”, lại nói “dùng y để che phủ”, chính là tấm y này. Trong phần trước nói “Như Lai dùng vai để gánh vác”, lại nói “dùng tay xoa đầu”, tức là tòa này. Trong phần trước nói “ở cùng chỗ với Như Lai” tức là cái nhà này.

10.2.1.2.1.3. Khuyên tu

(Kinh) An trụ thị trung, nhiên hậu, dĩ bất giải đãi tâm, vị chư Bồ Tát cập tứ chúng, quảng thuyết thị Pháp Hoa kinh.

(經)安住是中，然後，以不懈怠心，為諸菩薩及四眾，廣說是法華經。

(Kinh: An trụ trong ấy, sau đó, dùng cái tâm chẳng lười nhác, vì các Bồ Tát và tứ chúng rộng nói kinh Pháp Hoa này).

Đã khuyên an trụ trong ba pháp, còn khuyên tâm chẳng lười nhác, sau đó mới rộng nói. Vì thế, biết dùng điều này để thúc giục kẻ quán hạnh sơ tâm đạt tới địa vị Tương Tự, tùy ý diệu âm trọn khắp tam thiên, chẳng đợi khuyên nhủ.

Phần thứ nhất, “nói về phương pháp” đã xong.

10.2.1.2.2. Nêu ra năm thứ lợi ích

(Kinh) Dược Vương! Ngã ư dư quốc, khiến hóa nhân vị kỳ tập thính pháp chúng, diệc khiến hóa tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thính kỳ thuyết pháp. Thị chư hóa nhân, văn pháp tín thọ, tùy thuận bất nghịch. Nhược thuyết pháp giả, tại không nhàn xứ, ngã thời quảng khiến thiên, long, quỷ thần, Càn Thát Bà, A Tu La đẳng thính kỳ thuyết pháp. Ngã tuy tại dị quốc thời, thời linh thuyết pháp giả đắc kiến ngã thân. Nhược ư thử kinh vong thất cú độc, ngã hoàn vị thuyết, linh đắc cụ túc.

(經)藥王！我於餘國，遣化人為其集聽法眾，亦遣化比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷聽其說法。是諸化人，聞法信受，隨順不逆。若說法者，在空閑處。我時廣遣天、龍、鬼神、乾闥婆、阿修羅等聽其說法。我雖在異國時，時令說法者得見我身。若於此經忘失句讀，我還為說，令得具足」。

(Kinh: Đây Dược Vương! Ta ở nước khác sai hóa nhân nhóm họp làm đại chúng nghe pháp cho người ấy, cũng sai hóa tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nghe người ấy thuyết pháp. Các hóa nhân ấy nghe pháp, tin nhận, tùy thuận chẳng trái nghịch. Nếu người thuyết pháp ở chỗ thanh vắng, khi đó, ta rộng sai trời, rồng, quỷ thần, Càn Thát Bà, A Tu La v.v... nghe người ấy thuyết pháp. Ta tuy ở nước khác, vẫn luôn khiến cho người thuyết pháp được thấy thân ta. Nếu người ấy quên mất câu nào trong kinh này, ta còn nói cho [người ấy] khiến cho được đầy đủ).

Nếu [người giảng nói Pháp Hoa là kẻ] sơ tâm chưa thuần, [đức Phật] chỉ có thể sai khiến hóa nhân [đến làm nghe pháp], chưa thể sai hóa tứ chúng bát bộ. Nếu [người thuyết pháp] trông thấy, sẽ cậy vào đó mà tự cao, thương tổn đến đạo. Vì thế, chẳng thể khiến cho người ấy trông thấy. Nếu tâm [người thuyết Pháp Hoa] chẳng y lại, chấp trước, sẽ được thấy Phật, lại còn đạt được tổng trì, chứng lợi ích to lớn, hướng hò [trông thấy] trời, rồng v.v... [đến nghe pháp] ư?

Phần thứ hai, kinh văn Trường Hàng tán thán kinh pháp và chỉ dạy phương pháp đã xong.

10.2.2. Kệ tụng

10.2.2.1. Tổng khuyến

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Dục xả chư giải đãi, ưng đương thính thử kinh. Thử kinh nan đắc văn, tín thọ giả diệt nan.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「欲捨諸懈怠，應當聽此經。此經難得聞，信受者亦難。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Muốn bỏ các giải đãi, hãy nên nghe kinh này. Kinh này khó được nghe, người tin nhận cũng khó).

10.2.2.2. Trùng tụng phần Trường Hàng

10.2.2.2.1. Chỉ trùng tụng sự tán thán dựa theo quả

10.2.2.2.1.1. Trùng tụng lập thí dụ

Lược đi không trùng tụng [các ý nghĩa] cận quả, giải thích cận quả và loại trừ nhân tố chẳng phải quả.

(Kinh) Như nhân khát tu thủy, xuyên tạc ư cao nguyên, do kiến càn tảo thổ, tri khứ thủy thượng viễn. Tiệm kiến thấp thổ nê, quyết định tri cận thủy.

(經)如人渴須水，穿鑿於高原，猶見乾燥土，知去水尚遠。漸見濕土泥，決定知近水。

(Kinh: Như người khát cần nước, đào bới nơi cao nguyên, vẫn thấy đất khô ráo, biết cách nước còn xa. Dần dần thấy đất bùn, biết chắc gần nước).

10.2.2.2.1.2. Trùng tụng kết hợp thí dụ với pháp

(Kinh) Dục Vương như đương tri: Như thị chư nhân đẳng, bất văn Pháp Hoa kinh, khứ Phật trí thậm viễn. Nhược văn thị thâm kinh, quyết liễu Thanh Văn pháp. Thị chư kinh chi vương, văn dĩ để tư duy. Đương tri thử nhân đẳng, cận ư Phật trí huệ.

(經)藥王汝當知：如是諸人等，不聞法華經，去佛智甚遠。若聞是深經，決了聲聞法。是諸經之王，聞已諦思惟。當知此人等，近於佛智慧。

(Kinh: Dược Vương hãy nên biết: Những người như thế đó, chẳng nghe kinh Pháp Hoa, cách Phật trí rất xa. Nếu nghe kinh sâu này, hiểu rõ pháp Thanh Văn. Kinh này vua các kinh, nghe rồi suy nghĩ kỹ. Hãy nên biết người ấy, gần với trí huệ Phật).

Phần thứ nhất, “chỉ xét theo quả để trùng tụng phần tán thán” đã xong.

10.2.2.2.2. Trùng tụng phương pháp

10.2.2.2.2.1. Nói thẳng vào phương pháp

(Kinh) Nhược nhân thuyết thử kinh, ưng nhập Như Lai thất, trước ư Như Lai y, nhi tọa Như Lai tòa, xử chúng vô sở úy, quảng vị phân biệt thuyết. Đại từ bi vi thất, nhu hòa nhẫn nhục y. Chư pháp Không vi tòa, xử thử vi thuyết pháp. Nhược thuyết thử kinh thời, hữu nhân ác khẩu mạ, như đao, trượng, ngỗ, thạch, niệm Phật cố ưng nhẫn.

(經)若人說此經，應入如來室，著於如來衣，而坐如來座，處眾無所畏，廣為分別說。大慈悲為室，柔和忍辱衣。諸法空為座，處此為說法。若說此經時，有人惡口罵，如刀杖瓦石，念佛故應忍。

(Kinh: Nếu người nói kinh này, nên vào nhà Như Lai, mặc áo của Như Lai, ngồi nơi tòa Như Lai, trong chúng không sợ hãi, vì họ rộng phân biệt. Đại từ bi làm nhà, áo nhu hòa nhẫn nhục. Các pháp Không làm tòa, ngự nơi đó thuyết pháp. Nếu lúc nói kinh này, có người ác khẩu chửi, dùng đao, gậy, ngỗ, đá, do niệm Phật nên nhẫn).

Nửa bài kệ đầu trùng tụng nêu các đề mục. Bài kệ kế tiếp trùng tụng lời giải thích. Bài kệ cuối cùng trùng tụng khuyên tu.

10.2.2.2.2. Trùng tụng năm thứ lợi ích

(Kinh) Ngã thiên vạn ức độ, hiện tịnh kiên cố thân, ư vô lượng ức kiếp, vị chúng sanh thuyết pháp.

(經)我千萬億土，現淨堅固身，於無量億劫，為眾生說法。

(Kinh: Trong ngàn vạn ức cõi, ta hiện thân chắc sạch, trong vô lượng ức kiếp, vì chúng sanh thuyết pháp).

Đoạn này nêu chung Như Lai dùng năm chuyện để lợi ích. Chính là do Ứng Thân trọn khắp mười phương, [cho nên] có thể thực hiện năm sự để thủ hộ hành nhân.

(Kinh) Nhược ngã diệt độ hậu, năng thuyết thử kinh giả, ngã khiến hóa tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cập thanh tịnh nam nữ, cúng dường ư pháp sư.

(經)若我滅度後，能說此經者，我遣化四眾，比丘比丘尼，及清淨士女，供養於法師。

(Kinh: Sau khi ta diệt độ, ai hay nói kinh này, ta sai hóa tứ chúng, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, và nam nữ thanh tịnh, cúng dường cho pháp sư).

Trùng tụng chuyện thứ hai là sai khiến tứ chúng.

(Kinh) Dẫn đạo chư chúng sanh, tập chi linh thánh pháp. Nhược nhân dục gia ác, đao, trượng, cập ngỗa thạch, tắc khiến biến hóa nhân, vị chi tác vệ hộ.

(經)引導諸眾生，集之令聽法。若人欲加惡，刀杖及瓦石，則遣變化人，為之作衛護。

(Kinh: Hướng dẫn các chúng sanh, tụ tập để nghe pháp. Nếu có kẻ toan hại, dùng đao, gậy, ngói, đá, liền sai người biến hóa, đến bảo vệ pháp sư).

Trùng tụng chuyện thứ nhất: Sai khiến người biến hóa.

(Kinh) Nhược thuyết pháp chi nhân, độc tại không nhàn xứ, tịch mịch vô nhân thanh. Độc tụng thử kinh điển, ngã nhĩ thời vị hiện, thanh tịnh quang minh thân. Nhược vong thất chương cú, vị thuyết linh thông lợi.

(經)若說法之人，獨在空閑處，寂寞無人聲。讀誦此經典，我爾時為現，清淨光明身。若忘失章句，為說令通利。

(Kinh: Nếu như người thuyết pháp, ở riêng nơi thanh vắng, vắng vẻ, không tiếng người. Đọc tụng kinh điển này, lúc ấy ta bèn hiện, thân quang minh thanh tịnh. Nếu quên mất chương cú, sẽ nói khiến thông suốt).

Trùng tụng chuyện thứ năm: Ban cho tổng trì.

(Kinh) Nhược nhân cụ thị đức, hoặc vị tứ chúng thuyết, không xử độc tụng kinh, giai đắc kiến ngã thân.

(經)若人具是德，或為四眾說，空處讀誦經，皆得見我身。

(Kinh: Nếu người đủ đức ấy, hoặc vì tứ chúng nói, thanh vắng đọc tụng kinh, đều được thấy thân ta).

Trùng tụng chuyện thứ tư: Khiến cho thấy Phật. “Cụ thị đức” (Đủ các đức ấy) tức là nói đến ba đức “nhà, áo, tòa”.

(Kinh) Nhược nhân tại không nhàn, ngã khiển thiên, long vương, Dạ Xoa, quỷ thần đẳng, vì tác thánh pháp chúng. Thị nhân nhạo thuyết pháp, phân biệt vô quái ngại, chư Phật hộ niệm cố, năng linh đại chúng hỷ.

(經)若人在空閑，我遣天龍王，夜叉鬼神等，為作聽法眾。是人樂說法，分別無罣礙，諸佛護念故，能令大眾喜。

(**Kinh:** Nếu ai nơi thanh vắng, ta sai trời, long vương, Dạ Xoa, các quỷ thần, đều làm người nghe pháp. Người ấy thích thuyết pháp, phân biệt không vướng mắc, do chừa Phật hộ niệm, khiến đại chúng hoan hỷ).

Trùng tụng chuyện thứ ba: Sai khiến tám bộ.

Phần thứ hai, “trùng tụng kinh văn Trường Hàng” đã xong.

10.2.2.3. Kết lại lời khuyên

(**Kinh**) *Nhược thân cận pháp sư, tốc đắc Bồ Tát đạo, tùy thuận thị sư học, đắc kiến hằng sa Phật.*

(經)若親近法師，速得菩薩道，隨順是師學，得見恆沙佛。

(**Kinh:** Nếu thân cận pháp sư, mau đắc Bồ Tát đạo. Tùy thuận theo thầy học, được thấy hằng sa Phật).

Phẩm Pháp Sư đã xong.

11. Kiến Bảo Tháp Phẩm Đệ Thập Nhất

見寶塔品第十一

Phẩm thứ mười một: Kiến Bảo Tháp

“Tháp” nói đủ là Tháp Bà (塔婆, Stūpa), hoặc là Thâu Bà (偷婆), tân dịch là Tốt Đồ Ba (宰堵波), phương này dịch là Phương Phần (方墳, mộ vuông), còn dịch là Linh Miếu (靈廟, miếu thiêng), cũng dịch là Cao Hiển (高顯, cao rạng), cũng dịch là Phù Đồ (浮圖)³¹⁵. Có chứa xá-lợi thì gọi là Tháp, không có xá-lợi thì gọi là Chi Đề (支提, Caitya). Xá-lợi (Śarīra) lại còn luận định là toàn thân hay nát vụn. Như Phật Thích Ca

³¹⁵ Phù Đồ vốn là cách phiên âm xưa của chữ Buddha trong thời kỳ đầu dịch kinh. Trong các bản dịch cổ, chữ Phật được phiên âm là Phật Đồ, Phù Đà, Phù Đồ, Bội Đồ v.v... từ đời Tùy - Đường trở đi, luôn phiên âm thống nhất là Phật Đà hay Phật. Tháp thờ Phật thoát đầu thường được gọi là Phù Đồ Tháp rồi dần dần chữ Tháp bị rơi mất, dân gian vẫn quen gọi tháp thờ Phật là Phù Đồ.

nát thân thành tám học xá-lợi. Về sau, vua A Dục (Asoka) tạo tám vạn bốn ngàn tháp báu để cúng dường tròn khắp các danh sơn trong thiên hạ. Cho đến nay, xá-lợi toàn thân của Phật Đa Bảo chẳng tiêu tan; vì thế, chỉ có một tháp.

Lại nữa, theo Luật Tạng, có bốn chỗ để dựng tháp: Chỗ Phật đản sanh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ Phật chuyển pháp luân, và chỗ Phật nhập Niết Bàn. Nay tam thân của chư Phật đều sanh từ Thật Tướng Pháp Hoa, chư Phật ngồi đạo tràng ở đó, chư Phật chuyển pháp luân tại đó, chư Phật bát Niết Bàn tại đó. Chỉ riêng kinh Pháp Hoa này chính là bốn tòa tháp của tam thể Phật. Phật quá khứ đã ngự tại đó, Phật hiện tại đều cùng ngự tại đó, Phật vị lai cũng thế. Tháp này xuất hiện nhằm nêu tỏ chuyện ấy, tứ chúng đều trông thấy; vì thế gọi là phẩm Kiến Bảo Tháp (thấy tháp báu; đó là giải thích theo Thế Giới Tất Đàn).

Kinh Anh Lạc nói: *“Cúng dường nhất Phật xá-lợi, khởi tháp mãn tứ thiên hạ, bất như cúng dường Như Lai sanh thân, do sắc thân hữu xá-lợi cố. Hữu khởi tháp mãn đại thiên cúng dường sắc thân, bất như cúng dường Pháp Thân, do Pháp Thân hữu sắc thân cố”* (Cúng dường xá-lợi của một vị Phật, dựng tháp tròn khắp tứ thiên hạ, chẳng bằng cúng dường sanh thân (sắc thân tại thế) của Như Lai, do sắc thân có xá-lợi. Lại dựng tháp tròn khắp đại thiên thế giới để cúng dường sắc thân, chẳng bằng cúng dường Pháp Thân, do Pháp Thân có sắc thân). Hãy nên biết: Thấy sắc chẳng sánh bằng nghe kinh, do từ nghe kinh mà có Pháp Thân. Kinh có Thiên hay Viên, tức là Pháp Thân toàn vẹn hay nát vụn, công đức khác nhau. Nay kinh này thuần diễn nói Viên lý, tức là Pháp Thân toàn vẹn. Vì thế, trì kinh có công đức sâu xa, có sức hoằng truyền, tuyên dương to lớn. Tháp của Phật Đa Bảo từ dưới đất vọt lên để chứng minh chuyện này. Tứ chúng đều trông thấy; do đó nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (Đó là Vị Nhân Tất Đàn).

Tam châu thuyết pháp đã xong, [tháp báu] từ dưới đất vọt lên, phát ra âm thanh to lớn, lại còn tán thán *“lành thay”*. Xét theo sự thành tựu nơi Thật để nói thì là *“chứng tiền”* (chứng thực những điều đã nói trước đó). Vì để mở tháp, cần phải nhóm họp phân thân. Đã mở tháp rồi, [Phật Thích Ca] vào tháp cùng ngồi, dùng tiếng to lớn bảo tròn khắp, triệu vời các đệ tử nơi Bốn. Do [đại chúng] đều nghi [các vị Bồ Tát] từ dưới đất vọt lên, [đức Phật] mới nói rõ thọ lượng, lần lượt nêu ra nguyên do, tức là *“thỉnh hậu”*. Chính vì *“chứng tiền”* mà *“thỉnh hậu”*. Từ dưới đất vọt lên, tứ chúng đều trông thấy. Vì thế nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (đó là Đối Trị Tất Đàn).

Phật Đa Bảo thị hiện diệt độ, toàn thân xá-lợi nghiêm nghiêm chẳng tan. Lại nghe Ngài (Phật Đa Bảo) nói, tức là “*diệt mà chẳng diệt*”, có thể biểu thị Pháp Thân. Đức Thích Ca vào tháp, hai thân (thân của Phật Đa Bảo và thân Phật Thích Ca) tương xứng. Như và Trí tương xứng với cảnh, có thể biểu thị Báo Thân. Phân thân [của Phật Thích Ca] vân tập (nhóm lại cuộn cuộn như mây đùn), có thể biểu thị Ứng Thân. Tam thân của tam thế Phật chẳng phải là một hay khác, khiến cho tứ chúng trông thấy. Vì thế nói là phẩm Kiến Bảo Tháp (đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Tháp xuất hiện có hai ý:

- Một, phát ra âm thanh để “*chứng tiền*”. Tam châu thuyết pháp, công đức do lưu thông đều là chân thật, chẳng giống các lời đàm luận nói kèm thêm hoặc đối ứng. Đó chính là xét theo giáo nghĩa.

- Hai, vì mở tháp mà phát khởi cho phần sau. Tiếng nói thấu triệt phương dưới, triệu vời các đệ tử nơi Bôn, nói rõ sự trường thọ, nhanh chóng phá tan mối nghi [Phật Thích Ca mới chỉ] thành Phật trong thời gian gần đây nơi Tịch Diệt Đạo Tràng. Đây chính là ý nghĩa xét theo Bôn Tích.

Lại nữa, tháp từ thuở xa xôi từ dưới đất vọt ra, tỏ lộ sức thần thông tự tại, hiển lộ đời quá khứ đã từng lợi ích chúng sanh. Phát ra âm thanh to lớn, hiển lộ sức Sư Tử Phấn Tấn³¹⁶, hiển hiện chuyện “*khai Quyền, hiển Thật*” trong hiện tại nơi mười phương. Ngài (Phật Đa Bảo) có đại thệ nguyện “*nếu vị lai chư Phật nói kinh này, tháp báu của ta sẽ đều tới đó để chứng minh*”, tỏ lộ sức oai mãnh thế lực to lớn, hiển lộ vị lai thường trụ bất diệt.

Giải thích theo quán tâm, nương theo kinh đề tu Quán, tương ứng với Pháp Thân, ắt thấu hiểu cảnh và trí. Như tháp hiện đến chứng minh kinh, cảnh và trí đã hiểu, sẽ là đại báo viên mãn. Như Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo ngồi chung một tòa, do vì đại báo viên mãn, sẽ tùy cơ xuất hiện, ứng hóa. Như phân thân đều tụ tập, do Đa Bảo Phật xuất hiện, Phật ba đời đều hiển lộ. Do trì kinh liền trọn đủ ba thân. Kinh Phổ Hiền

³¹⁶ Theo nghĩa thông thường, Phấn Tấn là trạng thái tinh thần phấn chấn, mạnh mẽ, hành động nhanh chóng, mạnh mẽ, hùng tráng. Giải thích về Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, ông Đinh Phước Bảo viết: “*Khi sư tử phấn tấn, các căn đều căng ra, lông trên thân dựng lên, hiện tướng trạng oai vũ, phấn nộ, gào rống. Phật nhập môn tam-muội này, chân động thân đại bi pháp giới, mở toang đại bi môn căn, hiện oai thế tương ứng căn cơ, khiến cho hàng ngoại đạo, Tiểu Thừa đều khiếp phục. Vì thế gọi là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội*”.

Quán³¹⁷ chép: “*Phật tam chủng thân từng Phương Đẳng sanh*” (Ba loại thân của Phật sanh từ Phương Đẳng) chính là nghĩa này.

11.1. Trường Hàng

11.1.1. [Tháp báu của] Phật Đa Bảo vọt lên, hiện ra

11.1.1.1. Tháp hiện tướng

(Kinh) Nhĩ thời, Phật tiền hữu thất bảo tháp, cao ngũ bách do-tuần, tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần, từng địa dũng xuất, trụ tại không trung. Chủng chủng bảo vật nhi trang hiệu chi, ngũ thiên lan thuần, khám thất thiên vạn, vô số tràng phan dĩ vi nghiêm sức, thùy bảo anh lạc. Bảo linh vạn ức nhi huyền kỳ thượng. Tứ diện giai xuất Đa Ma La Bát Chiên Đàn chi hương, sung biến thế giới. Kỳ chư phan, cái, dĩ kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, thất bảo hợp thành, cao chí Tứ Thiên Vương cung.

(經)爾時，佛前有七寶塔，高五百由旬，縱廣二百五十由旬，從地涌出，住在空中。種種寶物而莊校之，五千欄楯，龕室千萬，無數幢幡以為嚴飾，垂寶瓔珞。寶鈴萬億而懸其上。四面皆出多摩羅跋栴檀之香，充徧世界。其諸幡，蓋，以金，銀，琉璃，磑磑，碼瑙，真珠，玫瑰，七寶合成，高至四天王宮。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trước đức Phật có tháp bảy báu cao năm trăm do-tuần (yojanas), ngang dọc mỗi bề hai trăm năm mươi do-tuần, từ dưới đất vọt ra, trụ trong không trung. Các thứ vật báu để trang điểm. Năm ngàn lan can, ngàn vạn khám thất³¹⁸. Vô số tràng phan dùng để

³¹⁷ Bộ kinh này có tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Phổ Hiền Bồ Tát Hành Pháp, là một trong ba bộ kinh trọng yếu để lập cước của tông Thiên Thai (kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, và kinh Phổ Hiền Hành Pháp). Kinh này do ngài Đàm Ma Mật Đa dịch sang tiếng Hán vào năm Nguyên Gia nguyên niên đời Lưu Tống (424). Kinh giới thiệu pháp quán Phổ Hiền Bồ Tát và cách tu tập Pháp Hoa tam-muội.

³¹⁸ Khám là danh từ để gọi chung các cấu trúc nhỏ để thờ Phật, thần thánh, hay tổ tiên, có thể hiểu đại lược như trang thờ của người Việt. “*Khám thất*” thường là các ô lõm khắc vào trong tường, vách của một kiến trúc (như tháp, chùa, miếu) để thờ

trang hoàng. Treo rủ các chuỗi ngọc báu, vạn ức linh báu treo trên đó. Bốn mặt đều tỏa ra mùi hương Đa Ma La Bát Chiên Đàn, đầy khắp thế giới. Các phan, lọng do vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân châu, mai khô, bảy báu hợp thành, cao đến cung điện của Tứ Thiên Vương).

Bảy báu biểu thị Thất Giác, Thất Thánh Pháp Tài trong Tánh Đức. “Tháp” biểu thị cảnh Thật Tướng, là chỗ Pháp Thân nương vào (bốn giáo, mỗi giáo đều luận định Thất Giác, Thất Tài, nay chỉ luận theo Viên Giáo. Nơi địa vị tu nhân cũng có Thất Giác, Thất Tài, nay chỉ xét theo cực quả. Thất Giác, Thất Tài đều do tu được; nay nói rõ “toàn tánh khởi tu, toàn tu hiển tánh”. Vì thế là vô tác Tánh Đức).

“Cao ngũ bách do-tuần” (Cao năm trăm do-tuần) là cao hai vạn dặm, theo chiều dọc biểu thị vạn hạnh nơi cái nhân, là vạn đức nơi cái quả. “Tung quảng nhị bách ngũ thập do-tuần” (Ngang dọc mỗi bề là hai trăm năm mươi do-tuần): Tức là một vạn dặm, theo chiều ngang, biểu thị vạn thiện trang nghiêm. “Đất” biểu thị vô minh tâm địa, “không” (không gian) biểu thị Đệ Nhất Nghĩa Không. Dùng “không có gì để phá” mà phá đất vô minh. Dùng vô sở trụ (chẳng trụ vào đâu) để trụ trong Đệ Nhất Nghĩa Không. Vì thế nói “tùng địa dũng xuất” (từ trong đất vọt ra).

“Trụ tại không trung” (Trụ trong hư không) cũng nhằm “chứng tiền, khởi hậu”. Người thuộc bảy phương tiện chưa khai Tạng lý, bị vô minh ẩn lấp, như tháp ở trong đất. Nay nghe “khai tam, hiển nhất” trong tam châu khai tri kiến của Phật, hiển lộ Pháp Thân như tháp vọt lên hư không. Đấy chính là “chứng tiền”. Tu đắc Pháp Thân, đã rành rẽ từ lâu. Như tháp ở trên hư không, không ai có thể mở được, biểu thị nơi bốn địa đã thành tựu từ lâu, nhưng mọi người chẳng biết. Nếu nêu bày Tích, hiển lộ Bản, sẽ liễu đạt chẳng nghi. Đấy chính là “khởi hậu” (phát khởi cho phần sau, tức là mở đầu phần Bản Môn). Như tháp từ đất hiện ra, biểu thị Pháp Thân hiển hiện, vừa giống vừa khác với các kinh. Bồ Tát hiển lộ Pháp Thân thì đồng; Nhị Thừa hiển lộ Pháp Thân thì dị (khác). Như tháp ở trên hư không, mở cửa tháp bên thấy Phật, biểu thị “tỏ bày Tích, hiển lộ Bản”, vĩnh viễn khác với các kinh! Như tháp đến “chứng tiền”, sự đã rành rành, cho nên chẳng cần phải nghi nữa! Tháp đến “khởi hậu”, ngầm có ý ấy, nhưng mọi người chẳng biết!

Phật, Bồ Tát, thường được trang trí, điêu khắc như một cung điện nhỏ hay một điện đường nhỏ.

“*Chủng chủng bảo vật*” (Các thứ vật báu) biểu thị sử dụng rất nhiều thứ Định và Huệ để trang nghiêm. “*Lan thuần*” (Lan can) biểu thị Tổng Trì. “*Khám thất*” biểu thị vô lượng từ bi thất, và cũng biểu thị vô lượng Không xá (nhà Không). “*Tràng phan*” biểu thị tướng thần thông thù thắng. “*Thùy chur anh lạc*” (Treo rủ các chuỗi ngọc) biểu thị công đức thuộc Giới, Định, Huệ, Đà La Ni nơi bốn mươi địa vị. Trên là trang nghiêm Pháp Thân, dưới là tiếp độ chúng sanh. “*Bảo linh*” (Linh báu) biểu thị bát âm³¹⁹, tứ biện tài. “*Tứ diện xuất hương*” (Bốn phía tỏa mùi thơm) biểu thị gió đạo Vô Tác Tứ Đế thổi qua, tỏa ngát hương Tứ Đức. “*Thất bảo phan cái cao chí Tứ Thiên Vương cung*” (Phan, lọng bảy báu cao tới cung điện của bốn thiên vương), biểu thị thần thông từ lực, đều do Thất Giác và Thất Tài trong Tánh Đức tạo thành, đều thâu tột cùng tận lý Vô Tác Tứ Đế.

11.1.1.2. Chư thiên cúng dường

(Kinh) Tam thập tam thiên vũ thiên Mạn Đà La hoa cúng dường bảo tháp. Dư chư thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thất Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng thiên vạn ức chúng, dĩ nhất thiết hoa, hương, anh lạc, phan, cái, kỹ nhạc, cúng dường bảo tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán.

³¹⁹ Bát âm ở đây là tám loại âm thanh của đức Phật:

- 1) Cực hảo âm: Do Phật đức rộng lớn, âm thanh cực tốt đẹp, khiến người người được nghe đều nhập đường lành.
- 2) Nhu nhuyễn âm: Tiếng nói mềm mọng, dịu dàng, khiến cho người nghe vui sướng, đều bỏ tâm ương ngạnh, tự nhiên tuân hành luật hạnh.
- 3) Hòa thích âm: Phật ngữ trong lý Trung Đạo, vì thế âm thanh có thể khiến cho người nghe được điều phục, dịu dàng, tự hiểu lý.
- 4) Tôn huệ âm: Người nghe thấy Phật nói sẽ tôn trọng, trí thông hiểu, tỏ ngộ.
- 5) Bất nữ âm: Âm thanh chẳng ảo lả, mà hùng tráng, khiến cho người nghe trấn định, sanh lòng kính ngưỡng.
- 6) Bất ngộ âm: Phật trí viên minh, chiếu liễu chẳng sai lầm, khiến cho người nghe ai nấy đạt được chánh kiến.
- 7) Thâm viễn âm: Phật trí thâu đạt Chân Tế, hạnh vị cực cao, âm thanh thâu triệt mười phương, khiến cho kẻ ở gần chẳng nghe to, kẻ ở xa chẳng nghe nhỏ, nghe xong đều chứng nhập lý rất sâu.
- 8) Bất kiệt âm: Như Lai cực quả nguyện hạnh vô tận, trụ trong pháp tạng vô tận. Vì thế, âm thanh thao thao bất tận, âm vang chẳng cạn kiệt, khiến cho người nghe lãnh hội ngay ý nghĩa, đạt được cái quả thường trụ, thấy rõ thứ tự trong pháp giới.

(經)三十三天雨天曼陀羅華供養寶塔。餘諸天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等千萬億眾，以一切華，香，瓔珞，幡，蓋，伎樂，供養寶塔，恭敬，尊重，讚歎。

(Kinh: Trời Tam Thập Tam (trời Dao Lợi) mưa hoa Mạn Đà La (Māṇḍārava) cúng dường tháp báu. Các vị trời khác, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... ngàn vạn ức người, dùng hết thấy các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, phan, lọng, kỹ nhạc để cúng dường tháp báu, cung kính, tôn trọng, tán thán).

Giải thích theo phương diện sự tướng thì dễ hiểu. Lại xét theo Lý, Tam Thập Tam Thiên biểu thị ba mươi địa vị thuộc Trụ, Hạnh, Hồi Hướng. Thập Địa là một, Đẳng Giác là một nữa, Diệu Giác là một nữa, gộp chung thành ba mươi ba, cùng nương vào cảnh Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa. “*Vũ thiên Mạn Đà La hoa*” (Tuôn mưa hoa Mạn Đà La cõi trời): Sơ tâm cũng trọn đủ công đức thuộc bốn mươi hai địa vị, hậu tâm cũng thế, đều dùng tất cả nhân hoa thuộc bốn mươi địa vị quy hướng Pháp Thân. Từ “*du chư thiên long*” (các trời, rồng khác) trở đi là biểu thị nội phạm, ngoại phạm v.v... cũng nương vào Thật Tướng, hướng theo quả đề tu hành cái nhân.

11.1.1.3. Phật Đa Bảo xưng dương, tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, bảo tháp trung xuất đại âm thanh, thán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn năng dĩ bình đẳng đại huệ giáo Bồ Tát pháp Phật sở hộ niệm Diệu Pháp Hoa kinh, vị đại chúng thuyết. Như thị! Như thị! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, như sở thuyết giả, giai thị chân thật”.

(經)爾時，寶塔中出大音聲，歎言：「善哉！善哉！釋迦牟尼世尊能以平等大慧教菩薩法佛所護念妙法華經，

為大眾說。如是！如是！釋迦牟尼世尊，如所說者，皆是真實」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong tháp báu phát ra âm thanh lớn, khen rằng: - Lành thay! Lành thay! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn có thể đem kinh Diệu Pháp Liên Hoa là pháp đại huệ bình đẳng để dạy các Bồ Tát, được chư Phật hộ niệm mà vì đại chúng nói. Đúng như thế! Đúng như thế! Như những lời Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đã nói đều là chân thật).

“Thiện tai! Thiện tai” (Lành thay! Lành thay): Tán thán khế lý, khế cơ. “Bình đẳng” có hai nghĩa:

- Một, pháp bình đẳng, tức lý Trung Đạo.

- Hai, chúng sanh bình đẳng: Hết thảy chúng sanh đều cùng đạt được Phật huệ.

“Đại” giống như ý nghĩa “cao quảng” trong phần trước. “*Như thị, như thị*”: Một, đúng như pháp tánh thật lý. Hai, đúng như căn tánh của chúng sanh. Vì thế, đều là chân thật. Đây chính là chứng minh “*khai Quyền, hiển Thật*” trong phần trước là chân thật, chẳng dối!

11.1.1.4. Đại chúng trong thuở ấy kinh nghi

(Kinh) Nhĩ thời, tứ chúng kiến đại bảo tháp trụ tại không trung. Hựu văn tháp trung sở xuất âm thanh, giai đắc pháp hỷ, quái vị tăng hữu, tùng tòa nhi khởi, cung kính, hiệp chưởng, khước trụ nhất diện.

(經)爾時，四眾見大寶塔住在空中。又聞塔中所出音聲，皆得法喜，怪未曾有，從座而起，恭敬，合掌，卻住一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tứ chúng thấy tháp báu lớn trụ trong hư không. Lại nghe trong tháp phát ra âm thanh, đều được pháp hỷ, cảm thấy lạ lùng chưa từng có, từ chỗ ngồi đứng lên, cung kính chấp tay rồi đứng qua một phía).

“Giai đặc pháp hỷ” (Đều được pháp hỷ): Tỏ rõ họ đã lãnh ngộ “chứng tiền”. “Quái vị tăng hữu, khởi trụ nhất diện” (Lạ lòng chưa từng có, đứng dậy, đứng qua một phía) ngầm giúp cho “khởi hậu”.

11.1.1.5. Ngài Đại Nhạo Thuyết thừa hỏi

(Kinh) Nhĩ thời, hữu Bồ Tát Ma Ha Tát danh Đại Nhạo Thuyết, tri nhất thiết thế gian thiên, nhân, A Tu La đẳng tâm chí sở nghi, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Dĩ hà nhân duyên hữu thử bảo tháp tùng địa dũng xuất. Hựu ư kỳ trung phát thị âm thanh?

(經)爾時，有菩薩摩訶薩名大樂說，知一切世間天、人、阿修羅等心之所疑，而白佛言：「世尊！以何因緣有此寶塔從地涌出。又於其中發是音聲？」

(Kinh: Lúc đó, có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Đại Nhạo Thuyết (Mahāpratibhāna) biết điều nghi trong tâm của hết thấy trời, người, A Tu La v.v... trong thế gian, bèn bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp báu này từ dưới đất vọt lên, lại từ trong đó phát ra âm thanh ấy?)

Dựa theo ý trong lời đáp thuộc phần sau thì lời hỏi cũng có ba ý:

- Một, hỏi do đâu mà có tháp ấy?
- Hai, hỏi do nguyên cớ nào mà tháp ấy từ đất vọt ra?
- Ba, do nguyên nhân nào phát ra âm thanh ấy?

11.1.1.6. Như Lai giải đáp

11.1.1.6.1. Giải đáp vì sao [tháp báu] vọt ra

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát: - Thử bảo tháp trung, hữu Như Lai toàn thân. Nãi vãng quá khứ, Đông phương vô lượng thiên vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, quốc danh Bảo Tịnh. Bỉ trung hữu Phật, hiệu viết Đa Bảo. Kỳ Phật hành Bồ Tát đạo thời, tác đại thệ nguyện: “Nhuộc ngã thành Phật, diệt độ chi hậu, ư thập phương quốc độ, hữu thuyết Pháp Hoa kinh xứ, ngã chi tháp miếu vị thính thị kinh cổ, dũng hiện kỳ tiền, vị tác chứng minh, tán ngôn thiện tai!”

(經)爾時，佛告大樂說菩薩：「此寶塔中，有如來全身。乃往過去，東方無量千萬億阿僧祇世界，國名寶淨。彼中有佛，號曰多寶。其佛行菩薩道時，作大誓願：「若我成佛，滅度之後，於十方國土，有說法華經處，我之塔廟為聽是經故，涌現其前，為作證明，讚言善哉！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát: - Trong tháp báu này, có toàn thân của Như Lai. Trong đời quá khứ, qua khỏi vô lượng ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới ở phương Đông, có cõi nước tên là Bảo Tịnh (Ratnavisuddha)³²⁰. Trong ấy có Phật, hiệu là Đa Bảo (Prabhūtaratna). Vị Phật ấy khi hành Bồ Tát đạo, đã phát ra thệ nguyện to lớn: “Nếu ta thành Phật, sau khi diệt độ, sẽ ở trong mười phương quốc độ, chỗ nào có nói kinh Pháp Hoa, tháp miếu của ta sẽ vì nghe kinh ấy mà vọt lên, hiện ra trước đó để chứng minh, khen ngợi lành thay!”)

Đây là nói rõ tháp báu vì chứng minh kinh Pháp Hoa cho nên từ đất vọt ra.

Hỏi: - Trước đó đã nói “từ đất vọt lên”, nay nói là phương Đông là vì lẽ nào?

Đáp: - Nói “phương Đông” là nói đến bốn duyên, “vọt hiện ra” là trần thuật nguyện xưa, chẳng hề mâu thuẫn. Nếu xét theo sự biểu pháp, phương Đông đứng đầu các phương. Vì thế, biểu thị sự mở đầu. “Từ đất vọt lên” nhằm biểu thị sự hiển lộ.

11.1.1.6.2. Giải đáp do nhân duyên nào mà có tháp

Do đức Phật ấy căn dặn, dạy [đại chúng] tạo tháp ấy.

(Kinh) Bửi Phật thành đạo dĩ, lâm diệt độ thời, u thiên nhân đại chúng trung, cáo chư tỳ-kheo: - Ngã diệt độ hậu, dục cúng dường ngã toàn thân giả, ưng khởi nhất đại tháp.

³²⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Thế giới do bảy báu hợp thành, thanh tịnh vô cấu, nên gọi là Bảo Tịnh”.

(經)彼佛成道已，臨滅度時，於天人大眾中，告諸比丘：「我滅度後，欲供養我全身者，應起一大塔」。

(Kinh: Đức Phật ấy đã thành đạo, khi sắp diệt độ, đã ở giữa đại chúng trời, người, bảo các tỳ-kheo: - Sau khi ta diệt độ, muốn cúng dường toàn thân của ta, hãy nên dựng một tháp lớn).

11.1.1.6.3. Giải đáp vì sao phát ra âm thanh ấy: Do có thần thông và bốn nguyện

(Kinh) Kỳ Phật dĩ thần thông nguyện lực, thập phương thế giới tại tại xứ xứ, nhược hữu thuyết Pháp Hoa kinh giả, bỉ chi bảo tháp giai dũng xuất kỳ tiền, toàn thân tại u tháp trung, tán ngôn: “Thiện tai, thiện tai!” Đại Nhạo Thuyết! Kim Đa Bảo Như Lai tháp văn thuyết Pháp Hoa kinh cổ, tùng địa dũng xuất, tán ngôn “thiện tai, thiện tai”.

(經)其佛以神通願力，十方世界在在處處，若有說法華經者，彼之寶塔皆涌出其前，全身在於塔中，讚言：「善哉，善哉！」大樂說！今多寶如來塔聞說法華經故，從地涌出，讚言「善哉，善哉」。

(Kinh: Vị Phật ấy do thần thông nguyện lực, nơi nơi chốn chốn trong mười phương thế giới, nếu [chỗ nào] có nói kinh Pháp Hoa, tháp báu ấy sẽ vọt lên, hiện ra trước đó, toàn thân [của Đa Bảo Như Lai] ở trong tháp, khen ngợi: “Lành thay, lành thay!” Nay Đại Nhạo Thuyết! Nay tháp của Đa Bảo Như Lai do nghe nói kinh Pháp Hoa bèn từ đất vọt lên, khen rằng “lành thay, lành thay”).

Thích Luận nói “Phật Đa Bảo do chẳng thể thuyết pháp mà diệt độ”. Nam Nhạc đại sư (Huệ Tư đại sư) nói: “Vị Phật ấy bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo chính là người được giáo hóa, sao lại nói Ngài hoàn toàn chẳng thuyết pháp? Hãy nên hiểu là Ngài chỉ có thể nói tam thừa, chẳng thể hiển thị Nhất Thừa. Vì thế [Thích Luận nói Ngài] chẳng thể thuyết pháp”. Do bởi nghĩa ấy, tuy đã diệt độ, nhưng nơi nơi chốn chốn, hễ chỗ nào nói kinh Pháp Hoa, Ngài đều tùy hỷ, chứng minh.

Hỏi: - Mười phương thế giới, há chẳng có vị Phật nào khác chẳng thể khai tam hiển nhất ư? Nếu chẳng thể khai hiển, thì đều phải nên phát nguyện, sao lại riêng mình Phật Đa Bảo? Nếu chẳng phát nguyện, Phật đạo bất đồng! Nếu đã phát nguyện, đều phải nên đến nghe kinh. Hơn nữa, chư Phật giáo hóa đều phải soi xét căn cơ từ trước, há đợi tới khi thành Phật rồi mới biết là chẳng thể khai tam hiển nhất ư?

Đáp: - Đồng và bất đồng, khai và chẳng khai, có nguyện hay chẳng có nguyện, đều là tùy duyên. Nếu phải nên có nguyện, sẽ đều hiện đến [chứng minh] trọn hết, cần gì phải lo các Ngài chẳng nhóm họp? Sau đó mới phát nguyện cũng là do soi xét căn cơ!

Phần thứ nhất, “nói về chuyện [tháp báu của] Phật Đa Bảo vọt hiện ra” đã xong.

11.1.2. Phân thân [của Phật Thích Ca] từ xa nhóm họp

11.1.2.1. Ngài Đại Nhạo Thuyết thỉnh cầu được thấy Phật Đa Bảo

(Kinh) Thị thời, Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát dĩ Như Lai thần lực cố, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng nguyện dục kiến thử Phật thân.

(經)是時，大樂說菩薩以如來神力故，白佛言：「世尊！我等願欲見此佛身」。

(Kinh: Khi đó, Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát do thần lực của Như Lai, bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được thấy thân của đức Phật ấy).

Muốn mở tháp, cần phải nhóm họp [các phân thân của đức] Phật. Nhóm họp chư Phật, sẽ phước chúc. Phước chúc bèn triệu vời [các vị Bồ Tát ở] phương dưới. Từ phương dưới hiện ra, tức là phải nên “*khai cận, hiển viễn*” (chỉ bày thọ mạng ngắn ngủi trong hiện thời là thị hiện, chứ thọ mạng của Như Lai thật sự rất lâu xa). Đây chính là nguyên do của sự vân tập to lớn. Vì thế, Như Lai dùng thần lực khiến cho [ngài Đại Nhạo Thuyết] thưa hỏi³²¹.

11.1.2.2. Nói rõ phải nên nhóm họp các phân thân

³²¹ Pháp sư Phổ Hành chú giải: “Phật Đa Bảo hiện tháp, không chỉ nhằm chứng minh kinh Pháp Hoa, mà còn vì hiển thị Pháp Thân bất diệt. Do vậy, ngài Đại Nhạo Thuyết muốn thấy Phật Đa Bảo, cũng là vì đã biết Pháp Thân bất diệt”.

(Kinh) Phật cáo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát: - Thị Đa Bảo Phật hữu thâm trọng nguyện: “Nhược ngã bảo tháp, vị thính Pháp Hoa kinh cổ, xuất u chư Phật tiền thời, kỳ hữu dục dĩ ngã thân thị tứ chúng giả, bỉ Phật phân thân chư Phật tại u thập phương thế giới thuyết pháp, tận hoàn tập nhất xứ, nhiên hậu, ngã thân nãi xuất hiện nhĩ”. Đại Nhạo Thuyết! Ngã phân thân chư Phật tại u thập phương thế giới thuyết pháp giả, kim ưng đương tập.

(經)佛告大樂說菩薩摩訶薩：「是多寶佛有深重願：

「若我寶塔，為聽法華經故，出於諸佛前時，其有欲以我身示四眾者，彼佛分身諸佛在於十方世界說法，盡還集一處，然後，我身乃出現耳」。大樂說！我分身諸佛在於十方世界說法者，今應當集」。

(Kinh: Đức Phật bảo Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma Ha Tát: - Vị Đa Bảo Phật này có nguyện sâu nặng: “Nếu tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà xuất hiện trước chư Phật, nếu vị nào muốn chỉ bày thân ta cho tứ chúng thì phân thân chư Phật của vị Phật ấy đang thuyết pháp trong mười phương thế giới đều phải nhóm họp trọn hết về một chỗ, sau đó, thân ta mới xuất hiện”. Đây Đại Nhạo Thuyết! Phân thân chư Phật của ta đang thuyết pháp trong mười phương thế giới nay phải nên nhóm họp).

Cần phải nhóm họp các phân thân thì mới có thể mở tháp, đây chính là ngầm nêu bày công đức nơi Bốn địa. Rễ sâu, ắt cành sum suê. Nguồn xa, ắt dòng chảy sẽ dài. Phân thân đã theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Bốn địa há chẳng theo chiều dọc vượt khỏi kiếp số nhiều như vi trần!

11.1.2.3. Ngài Đại Nhạo Thuyết thỉnh cầu phân thân [của đức Phật] nhóm họp

(Kinh) Đại Nhạo Thuyết bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đẳng diệc nguyện dục kiến Thế Tôn phân thân chư Phật, lễ bái, cúng dường.

(經)大樂說白佛言：「世尊！我等亦願欲見世尊分身諸佛，禮拜，供養」。

(Kinh: Ngài Đại Nhạo Thuyết bạch cùng đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn thấy phân thân chư Phật của đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dường).

11.1.2.4. Phóng quang chiếu thấu phương xa để triệu tập

(Kinh) Nhĩ thời, Phật phóng bạch hào nhất quang, tức kiến Đông phương ngũ bách vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng quốc độ chư Phật. Bĩ chư quốc độ, giai dĩ pha ly vi địa, bảo thụ, bảo y dĩ vi trang nghiêm. Vô số thiên vạn ức Bồ Tát sung mãn kỳ trung, biến trướng bảo mạn, bảo võng phú thượng. Bĩ quốc chư Phật dĩ đại diệu âm nhi thuyết chư pháp, cập kiến vô lượng thiên vạn ức Bồ Tát biến mãn chư quốc, vị chúng thuyết pháp. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, bạch hào tướng quang sở chiếu chi xứ, diệc phục như thị.

(經)爾時，佛放白毫一光，即見東方五百萬億那由他恆河沙等國土諸佛。彼諸國土，皆以玻璃為地，寶樹，寶衣以為莊嚴。無數千萬億菩薩充滿其中，徧張寶幔，寶網覆上。彼國諸佛以大妙音而說諸法，及見無量千萬億菩薩徧滿諸國，為眾說法。南，西，北方，四維，上，下，白毫相光所照之處，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật phóng một tia sáng từ bạch hào, liền thấy chư Phật trong các quốc độ ở phương Đông số nhiều như cát trong năm trăm vạn ức na-do-tha (nayutas) sông Hằng. Các quốc độ đó đều dùng pha lê làm đất, cây báu và y báu để trang nghiêm. Vô số ngàn vạn ức Bồ Tát đầy ấp trong đó. Màn báu treo khắp, lưới báu phủ lên trên. Chư Phật trong các cõi ấy dùng âm thanh màu nhiệm to lớn để nói các pháp. Và thấy vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát đầy khắp cõi ấy, vì đại chúng thuyết pháp. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, chỗ nào

được quang minh từ tướng bạch hào chiếu đến cũng đều giống như vậy).

Phân thân chư Phật phần lớn ngự tại tịnh độ, chỉ có Sa Bà này là uế độ. Đức Phật [Thích Ca] có thể nói kinh Pháp Hoa trong Sa Bà uế độ, đó là điều khó nhất trong các điều khó khăn. Nhưng do vì ở trong cõi uế độ này, cho nên ắt cần phải vì Thật mà thực hiện Quyền. Lại do thực hiện Quyền, cho nên ắt cần phải khai Quyền hiển Thật. Bởi lẽ, hiển Thật thì mới phơi bày trọn vẹn sự khéo nhiệm nơi cách lập bày giáo hóa của Như Lai, nguyên khởi và kết quả từ đầu đến cuối được phơi bày không gì chẳng trọn hết. Có thể nói là “*sen trở từ bùn lầy*”. Lại cũng nên biết: [Nói đến] đức Phật Thích Ca trong cõi này tức là nói “chư Phật là phân thân”, [thị hiện thành] Phật trong mỗi cõi. Lại cũng có nghĩa là nói chư Phật và Phật Thích Ca là phân thân [của Pháp Thân Phật]. Nói kinh Pháp Hoa trong cõi này, chư Phật đã vân tập, đều bày tỏ ý muốn mở tháp. Trong các cõi, nơi nào có nói kinh Pháp Hoa, chư Phật và Phật Thích Ca cũng ắt cùng tới đó tỏ ý muốn mở tháp. Đó là tịnh uế giao xen lẫn nhau, dung thông lẫn nhau, khách và chủ rành rành, năng và sở chẳng hai. Đây là tông chỉ Thật Tướng của Nhất Thừa, là cốt lõi của “pháp giới vô ngại” rạng ngời nơi thấy nghe vậy!

11.1.2.5. Chư Phật cùng đến

(Kinh) Nhữ thời, thập phương chư Phật các cáo chúng Bồ Tát ngôn: “Thiện nam tử! Ngã kim ưng vãng Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật sở, tịnh cúng dường Đa Bảo Như Lai bảo tháp”.

(經)爾時，十方諸佛各告眾菩薩言：「善男子！我今應往娑婆世界釋迦牟尼佛所，并供養多寶如來寶塔」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, mười phương chư Phật, mỗi vị đều bảo hàng Bồ Tát rằng: “Thiện nam tử! Nay ta nên đến chỗ của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, và cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai”).

11.1.2.6. Nghiêm tịnh quốc giới

11.1.2.6.1. Biến đổi cõi Sa Bà

(Kinh) Thời, Sa Bà thế giới tức biến thành tịnh, lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Hoàng kim vi thành, dĩ giới bát đạo. Vô chư tụ lạc, thôn doanh, thành ấp, đại hải, giang, hà, sơn, xuyên, lâm tảo. Thiêu đại bảo hương, Mạn Đà La hoa biến bố kỳ địa. Dĩ bảo vông mạn la phú kỳ thượng. Huyền chư bảo linh. Duy lưu thử hội chúng, dĩ chư thiên nhân, trí u tha độ. Thị thời, chư Phật các tương nhất đại Bồ Tát dĩ vi thị giả, chí Sa Bà thế giới, các đáu bảo thụ hạ. Nhất nhất bảo thụ, cao ngũ bách do-tuần. Chi, điệp, hoa, quả, thứ đệ trang nghiêm. Chư bảo thụ hạ, giai hữu sư tử tòa, cao ngũ do-tuần. Diệc dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi. Nhĩ thời, chư Phật các u kỳ tòa, kết già phu tọa. Như thị triển chuyển, biến mãn tam thiên đại thiên thế giới, nhi u Thích Ca Mâu Ni Phật nhất phương sở phân chi thân, do cố vị tận.

(經)時，娑婆世界即變清淨，琉璃為地，寶樹莊嚴。黃金為繩，以界八道。無諸聚落，村營，城邑，大海，江河，山，川，林藪。燒大寶香，曼陀羅華徧布其地。以寶網幔羅覆其上。懸諸寶鈴。唯留此會眾，移諸天人，置於他土。是時，諸佛各將一大菩薩以為侍者，至娑婆世界，各到寶樹下。一一寶樹，高五百由旬。枝，葉，華，果，次第莊嚴。諸寶樹下，皆有師子之座，高五由旬。亦以大寶而校飾之。爾時，諸佛各於其座，結跏趺坐。如是展轉，徧滿三千大千世界，而於釋迦牟尼佛一方所分之身，猶故未盡。

(Kinh: Khi đó, thế giới Sa Bà liền biến thành thanh tịnh: Lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Vàng ròng làm dây để phân ranh đường thông sang tám phương. Chẳng có làng xóm, thôn xã, doanh trại, thành, ấp, biển cả, sông ngòi, núi, sông, rừng rú. Đốt hương báu lớn, hoa Mạn Đà La phủ khắp mặt đất. Dùng màn lưới báu phủ lên trên. Treo các linh báu. Chỉ để lại đại chúng trong hội này, dời các trời, người đặt sang cõi khác. Khi đó, chư Phật mỗi vị dẫn theo một vị đại Bồ Tát làm thị giả, tới thế giới Sa Bà, mỗi vị đến dưới cội cây báu. Mỗi cây báu cao năm trăm do-tuần, cành, lá, hoa, quả, theo thứ tự trang nghiêm. Dưới các cây

báu đều có tòa sư tử, cao năm do-tuần, cũng dùng chất báu lớn để tô điểm. Lúc bấy giờ, chư Phật đều ngồi xếp bằng trên tòa ấy. Lần lượt như vậy trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhưng phân thân của Thích Ca Mâu Ni trong một phương vẫn chưa hết được)³²².

11.1.2.6.2. Ở mỗi phương trong tám phương đều biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi

(Kinh) Thời, Thích Ca Mâu Ni Phật dục dung thọ sở phân thân chư Phật cổ, bát phương các cánh biến nhị bách vạn ức na-do-tha quốc, giai linh thanh tịnh. Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập A Tu La. Hựu di chư thiên nhân trí u tha độ. Sở hóa chi quốc, diệc dĩ lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Thụ cao ngũ bách do-tuần, chi, diệp, hoa, quả thứ đệ nghiêm sức. Thụ hạ giai hữu bảo sư tử tòa, cao ngũ do-tuần. Chủng chủng chư bảo, dĩ vi trang hiệu. Diệc vô đại hải, giang, hà, cập Mục Chân Lô Đà sơn, Ma Ha Mục Chân Lô Đà sơn, Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Tu Di sơn đẳng chư sơn vương, thông vi nhất Phật quốc độ, bảo địa bình chánh. Bảo giao lộ mạn biến phú kỳ thượng. Huyền chư phan cái, thiêu đại bảo hương. Chư thiên bảo hoa biến bố kỳ địa.

(經)時，釋迦牟尼佛欲容受所分身諸佛故，八方各更變二百萬億那由他國，皆令清淨。無有地獄，餓鬼，畜生，及阿修羅。又移諸天人置於他土。所化之國，亦以琉璃為地，寶樹莊嚴。樹高五百由旬，枝，葉，華，果次第嚴飾。樹下皆有寶師子座，高五由旬。種種諸寶，以為莊校。亦無大海，江，河，及目真鄰陀山，摩訶目真鄰陀山，

³²² Pháp sư Phổ Hành giảng: “Lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm nhằm phá tình kiến chấp trước mê tịnh của chúng sanh. Nói ‘lưu ly làm đất...’ là nói tướng cõi đất trang nghiêm. Nói ‘chẳng có làng xóm...’ là ẩn tàng tướng mạo của cõi Sa Bà. Nhưng Sa Bà tuy ẩn mà chẳng diệt, Tịnh Độ tuy hiển mà chẳng tăng. Chẳng tăng, chẳng giảm, nhiễm và tịnh thật sự là một tướng. Nói ‘đốt hương báu lớn...’ là nói đến quả đức trang nghiêm, hiển thị diệu hạnh nơi nhân địa. Thiêu đại bảo hương chính là nghe pháp trong khi tu nhân, treo các linh báu chính là thuyết pháp vô ngại. Chư Phật đến thế giới Sa Bà biểu thị hoàn Tịch về Bản. Nói ‘như thị triển chuyển’ hàm nghĩa thế giới có cùng tận, nhưng Chân Như vô tận”.

鐵圍山，大鐵圍山，須彌山等諸山王，通為一佛國土，寶地平正。寶交露幔徧覆其上。懸諸幡蓋，燒大寶香。諸天寶華徧布其地。

(Kinh: Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật muốn dung nạp phân thân chư Phật, ở mỗi phương trong tám phương, lại biến hiện hai trăm vạn ức na-do-tha quốc độ, đều khiến cho [các cõi ấy] thanh tịnh. Chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và A Tu La. Lại dõ trời, người, đặt sang cõi khác. Cõi được biến hóa cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do-tuần, cành, lá, hoa, quả theo thứ tự trang nghiêm đẹp đẽ. Dưới mỗi cây, đều có tòa sư tử báu, cao năm do-tuần. Các thứ món báu dùng để trang hoàng. Cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, và núi Muc Chân Lân Đà (Mucilinda)³²³, núi Ma Ha Muc Chân Lân Đà (Mahā-mucilinda), núi Thiết Vi (Cakravāḍa), núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di (Sumeru) v.v... các núi chúa. Thông thoáng làm một cõi Phật, đất báu bằng phẳng, các màn báu giăng xen, phủ lên trên. Treo các phan, lọng, thiêu hương báu lớn. Hoa báu của chư thiên phủ khắp mặt đất).

11.1.2.6.3. Lại biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi ở mỗi phương trong tám phương

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật vị chư Phật đương lai tọa cố, phục ư bát phương, các cánh biến nhị bách vạn ức na-do-tha quốc, giai linh thanh tịnh. Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập A Tu La. Hựu di chư thiên nhân trí ư tha độ. Sở hóa chi quốc, diệc dĩ lưu ly vi địa, bảo thụ trang nghiêm. Thụ cao ngũ bách do-tuần. Chi, diệp, hoa, quả, thứ đệ trang nghiêm. Thụ hạ giai hữu bảo sư tử tòa, cao

³²³ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Mục Chân Lân Đà là tên của một long vương. Núi ấy là nơi long vương đó cư ngụ, cho nên núi được đặt tên theo long vương. Tòa núi sắt vây quanh một tiểu thế giới được gọi là núi Thiết Vi. Núi sắt vây quanh một tam thiên đại thiên thế giới thì được gọi là Đại Thiết Vi”. Chính long vương Mục Chân Lân Đà (còn phiên âm là Mục Chi Lân Đà) đã dùng thân làm tòa và dùng chín cái đầu để làm lọng che mưa cho Phật Thích Ca khi Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề tư duy hồng đức đạo. Do chuyện này, các chùa theo truyền thống Nam Tông thường đắp tượng hình rắn hổ mang chín đầu châu hai bên lối vào chánh điện, cũng như tượng Phật ngồi Thiền trên mình rắn chín đầu.

ngũ do-tuần. Diệc dĩ đại bảo nhi hiệu sức chi. Diệc vô đại hải, giang, hà, cập Mục Chân Lô Đà sơn, Ma Ha Mục Chân Lô Đà sơn, Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, Tu Di sơn đẳng chư sơn vương, thông vi nhất Phật quốc độ. Bảo địa bình chánh, bảo giao lộ mạn biến phú kỳ thượng, huyền chư phan cái, thiêu đại bảo hương. Chư thiên bảo hoa biến bố kỳ địa. Nhĩ thời, Đông phương Thích Ca Mâu Ni Phật sở phân chi thân, bách thiên vạn ức na-do-tha Hằng hà sa đẳng quốc độ trung chư Phật, các các thuyết pháp, lai tập ư thử. Như thị thứ đệ, thập phương chư Phật giai tất lai tập, tọa ư bát phương. Nhĩ thời, nhất nhất phương, tứ bách vạn ức na-do-tha quốc độ, chư Phật Như Lai biến mãn kỳ trung.

(經)釋迦牟尼佛為諸佛當來坐故，復於八方，各更變二百萬億那由他國，皆令清淨。無有地獄，餓鬼，畜生，及阿修羅。又移諸天人置於他土。所化之國，亦以琉璃為地，寶樹莊嚴。樹高五百由旬。枝，葉，華，果次第莊嚴。樹下皆有寶師子座，高五由旬。亦以大寶而校飾之。亦無大海，江，河，及目真鄰陀山，摩訶目真鄰陀山，鐵圍山，大鐵圍山，須彌山等諸山王，通為一佛國土。寶地平正，寶交露幔徧覆其上，懸諸幡蓋，燒大寶香。諸天寶華徧布其地。爾時，東方釋迦牟尼佛所分之身，百千萬億那由他恆河沙等國土中諸佛，各各說法，來集於此。如是次第，十方諸佛皆悉來集，坐於八方。爾時，一一方，四百萬億那由他國土，諸佛如來徧滿其中。

(Kinh: Thích Ca Mâu Ni Phật vì chư Phật sẽ đến ngôi, lại trong tám phương, nơi mỗi phương đều biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi, đều khiến cho thanh tịnh. Chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và A Tu La. Lại dời các trời, người, đặt sang cõi khác. Cõi nước được hóa ra cũng dùng lưu ly làm đất. Cây báu trang nghiêm, cây cao năm trăm do-tuần. Cành, lá, hoa, quả theo thứ tự trang nghiêm. Dưới mỗi cây đều có

tòa sư tử báu, cao năm do-tuần, cũng dùng chất báu lớn để trang hoàng. Cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, và núi Mục Chân Lân Đà, núi Ma Ha Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di v.v... các núi chúa, thông thoáng thành một cõi Phật. Đất báu bằng phẳng, các màn báu giăng xen, phủ lên trên. Treo các phan, lọng, đốt các hương báu lớn. Hoa báu của chư thiên phủ khắp mặt đất. Lúc bấy giờ, chư Phật là phân thân của Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương Đông trong các cõi nước nhiều như số cát trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha sông Hằng, mỗi vị đều thuyết pháp, đến tụ họp ở nơi đây. Theo thứ tự như thế, mười phương chư Phật đều tới nhóm họp, ngòai ở tám phương. Lúc bấy giờ, nơi mỗi phương có bốn trăm vạn ức na-do-tha quốc độ, chư Phật Như Lai đầy ắp trong đó).

Ba lượt biến hóa cõi nước thanh tịnh, chính là vì tam-muội. Tam-muội có ba thứ: Lần đầu tiên, biến đổi cõi Sa Bà là do bói xả lực, có thể biến ược thành tịnh. Kế đó, nơi mỗi phương trong tám phương, đều có hai trăm vạn ức na-do-tha cõi. Đó là thắng xứ lực, chuyển biến tự tại. Lần thứ ba là trong tám phương, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức na-do-tha cõi, chính là do mười món Nhất Thiết Xứ Lực, trọn khắp vô ngại.

Lại nữa, phép biến hóa thứ nhất biểu thị trừ sạch Kiến Tư. Lần biến hóa thứ hai, biểu thị trừ sạch Trần Sa. Lần biến hóa thứ ba, biểu thị trừ sạch vô minh.

Hỏi: - Trong kinh Hoa Nghiêm, mười phương chư Phật, Bồ Tát có cùng danh hiệu đến chứng minh pháp môn đã nói, chỉ nói trọn khắp mười phương, chẳng nói biến hiện ược hay tịnh, nhằm hiển thị “*tịnh và ược bình đẳng, tịnh và ược chẳng có tánh*”. Lại còn hiển thị “*tự tha chẳng ngăn cách, lớn nhỏ vô ngại*”. Nay biến ược thành tịnh, tức là tịnh và ược chưa quên. Dời các trời người [sang cõi khác], tức là tự và tha ngăn cách. Muốn dung nạp phân thân bèn biến thêm cõi nước, tức là lớn nhỏ rành rành tồn tại, há chẳng sánh bằng Hoa Nghiêm ư?

Đáp: - Thần thông được vận dụng trong các kinh, bất luận nhiều, ít, rộng, hẹp, cốt sao phù hợp căn cơ, hiển lộ Lý. Hoa Nghiêm riêng tương ứng với căn cơ to lớn, hiển thị thắng thường viên lý. Vì thế, cảnh giới thần lực vừa nhiều, vừa rộng, chẳng phải là chuyện khó khăn! Nay kinh này khai Tiểu để thành tự Đại, từ ngay Thiên mà nói đến Viên, như phá kẻ giấc hùng mạnh; cho nên là hy hữu. Huống hồ nếu tịnh và ược là tánh có thật, sao có thể biến ược thành tịnh? Nếu tự và tha thật sự có ngăn cách, há có thể bị an ổn dời đi ư? Nếu lớn và nhỏ thật sự có ngăn

ngai, sao có thể thông thoáng thành một cõi nước? Hãy nên biết dung thông tuyệt đối sự tướng “tịnh, uế, đây, kia, lớn, nhỏ” để hiển Lý, có khác gì môn Sự Lý Vô Ngai? Chẳng hoại sự tướng “tịnh, uế, đây, kia, lớn, nhỏ” để hiển lý “chẳng tịnh, chẳng uế, chẳng kia, chẳng đây, chẳng lớn, chẳng nhỏ”. Tuy hiển thị lý “chẳng tịnh, chẳng uế, chẳng kia, chẳng đây, chẳng lớn, chẳng nhỏ”, nhưng “tịnh, uế, kia, đây, lớn, nhỏ” nơi Sự vẫn rành rành. Đây chính là Sự Sự Vô Ngai môn! Vì thế, nếu xét theo đại huệ bình đẳng thì đối với Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, chớ nên xằng bậy so đo hơn kém. Nếu xét theo “*khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bốn*” thì chỉ riêng Pháp Hoa có công năng ấy. Người khéo đọc kinh, quý ở chỗ thấu đạt Thể, Tông, Dụng, Tướng, chớ nên uổng công dùng các dấu vết nơi sự tướng để xằng bậy so đo, phê phán, đèn nổi đối với đại pháp của Như Lai một đấng tán thán, đấng khác lại hủy báng, giống như ca ngợi Đế Thích mà hủy báng Kiều Thi Ca³²⁴!

Hỏi: - Ba lượt biến hóa cõi nước thanh tịnh, phải nên là do sức Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, sao lại coi đó là Thiên thuộc sự tướng của Tiểu Thừa?

Đáp: - Bối Xả của Tiểu Thừa chỉ có thể biến hóa trong một tiểu thiên thế giới. Thắng Xứ chỉ có thể biến hóa trong một trung thiên thế giới. Mười món Nhất Thiết Xứ chỉ có thể biến hóa trong một đại thiên thế giới. Nay khai Quyền hiển Thật thì Thiên thuộc vào sự tướng của Tiểu Thừa chính là Thủ Lăng Nghiêm. Vì thế, tuy xếp vào Tiểu Thừa, nhưng lực dụng là Đại Thừa.

Hỏi: - Nếu là như vậy, tùy ý [sử dụng] một môn tam-muội sẽ có thể biến hóa ba lượt, cần gì phải nhất định dùng ba môn tam-muội?

Đáp: - Cũng chính vì chẳng hoại giả danh của các pháp.

³²⁴ Kiều Thi Ca (Kausika) là tên gọi khác của Đế Thích, còn được phiên âm là Kiều Chi Ca. Theo quyển bốn mươi sáu của Đại Trí Độ Luận: Xưa kia, Đế Thích làm Bà-la-môn trong xứ Ma Già Đà (Ma Kiệt Đà), có họ là Kiều Thi Ca, tên là Ma Già. Do nhân duyên ấy, khi thuyết pháp, đôi lúc đức Phật vẫn gọi Đế Thích là Kiều Thi Ca. Trong thuở ấy, Bà-la-môn Ma Già Kiều Thi Ca cùng với ba mươi hai người cùng tu trí huệ và phước đức, cho nên khi mạng chung, họ đều sanh vào tầng trời thứ hai. Ma Già làm thiên chúa (tức Đạo Lợi thiên vương), ba mươi hai người kia làm phụ thần (quan lại phù tá). Do có ba mươi ba người cầm đầu, cho nên cõi trời ấy mới có danh xưng là Đạo Lợi (Trāyastriṃśa, Tam Thập Tam Thiên). Đế Thích cùng với Phạm Vương là hai vị thần hộ pháp chủ yếu của Phật giáo, cho nên có nhiều nơi tạc tượng hai vị này châu hầu bên Phật.

Hỏi: - Như ba loại tam-muội của Tiểu Thừa chẳng thể phá trọn khắp Tam Hoặc. Nếu chẳng thể phá trọn khắp Tam Hoặc, vậy thì ba loại tam-muội của Phật quả chẳng nên phá Hoặc theo thứ tự?

Đáp: - Thủ Lăng Nghiêm đã là Sự từ ngay nơi Lý, sẽ tự có thể mỗi mỗi đều phá Tam Hoặc trọn vẹn. Nay chỉ xét theo tam-muội để luận định công dụng. Lại còn xét theo điều được biểu thị, cho nên nói là “phá Hoặc”. Công dụng thuộc nơi Phật, còn cái được biểu thị thuộc về căn cơ. Căn cơ thì tuy đối với ba loại căn đã phá Tam Hoặc, nhưng về sau vẫn phải phá lần nữa.

Phần thứ sáu, “nghiêm tịnh quốc giới” đã xong.

11.1.2.7. Tổ ý mong muốn mở tháp

11.1.2.7.1. Chư Phật [sai thị giả] thưa hỏi, nêu bày ý muốn

(Kinh) Thị thời, chư Phật các tại bảo thụ hạ, tọa sư tử tòa, giai khiển thị giả vấn tán³²⁵ Thích Ca Mâu Ni Phật, các tề bảo hoa mãn cú, nhi cáo chi ngôn: - Thiện nam tử! Nhữ vãng nghệ Kỳ Xà Quật sơn Thích Ca Mâu Ni Phật sở, như ngã từ viết: “Thiếu bệnh, thiếu não, khí lực an lạc, cập Bồ Tát, Thanh Văn chúng tát an ổn phủ?” Dĩ thử bảo hoa tán Phật cúng dường, nhi tác thị ngôn: “Bỉ mỗ giáp Phật dữ dục khai thử bảo tháp”. Chư Phật khiển sứ, diệc phục như thị.

(經)是時，諸佛各在寶樹下，坐師子座，皆遣侍者問訊釋迦牟尼佛，各齎寶華滿掬，而告之言：「善男子！汝往詣耆闍崛山釋迦牟尼佛所，如我辭曰：「少病，少惱，氣力安樂，及菩薩、聲聞眾悉安隱不？」以此寶華散佛供

³²⁵ Hiện thời, trong Phật môn, khi nói “vấn tán”, thường được hiểu là “chấp tay cúi đầu xá trước khi đánh lễ”, nhưng nghĩa gốc của Vấn Tán là hỏi thăm để tỏ lòng quan tâm. Nay gọi xá trước khi đánh lễ là Vấn Tán vẫn hàm nghĩa, khi đối trước Phật, Bồ Tát, tôn đức, xá trước khi lễ giống như một biểu hiện quan tâm thăm hỏi trước khi đánh lễ. Sách Thích Thị Yếu Lãm chép: “Thiên Trúc có chín nghi thức tỏ lòng cung kính”. Tây Vực Ký chép kỹ càng hơn: “Nghi thức tỏ lòng tôn kính tại Thiên Trúc có chín cách: Một là thốt lời thưa hỏi, hai là cúi đầu tỏ lòng tôn kính, ba là khể cúi đầu, vòng tay giơ lên cao, bốn là chấp tay, năm là khụy gối, sáu là quỳ thẳng, bảy là áp khụy tay sát đất, tám là năm vóc đều chạm đất, chín là năm vóc ép sát đất”.

養，而作是言：「彼某甲佛與欲開此寶塔」。諸佛遣使，亦復如是」。

(Kinh: Khi đó, chư Phật, mỗi vị ở dưới cây báu, ngồi trên tòa sư tử, đều sai thị giả đến thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, đều trao cho [mỗi thị giả] một vốc đầy hoa báu, bảo rằng: “Này thiện nam tử! Ông nên sang chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật ở núi Kỳ Xà Quật, thưa lời ta rằng: ‘Ít bệnh, ít não, khí lực an vui³²⁶, và đại chúng Bồ Tát, Thanh Văn, có đều được an ổn hay chăng?’ Dùng hoa báu này rải lên Phật để cúng dường, mà nói như thế này: ‘Vị Phật có danh hiệu là... tỏ ý mong mở tháp báu’. Chư Phật sai thị giả đều giống như thế).

Chư Phật cùng nêu bày ý muốn mong mở tháp, giống như cách tác pháp nêu bày ý muốn trong tạng chúng. Nhóm họp đông đảo, tỏ rõ bao nhiêu vị Phật đều nêu rõ ý muốn. Kinh Đại Phẩm cũng nói một ngàn vị Phật cùng thuyết Bát Nhã, nhưng đều chẳng nói các Ngài chính là phân thân của Phật Thích Ca. Chuẩn theo kinh này, phải nên hiểu là phân thân. Do các Ngài kèm theo phương tiện, cho nên chẳng nói rõ! Trong kinh này, không chỉ là số lượng nhiều, mà còn nói thẳng thừng là phân thân đều đến tỏ ý muốn [Phật Thích Ca mở tháp báu].

11.1.2.7.2. Phật Thích Ca mở tháp

³²⁶ Đây là cách hỏi thăm thông thường giữa Phật với Phật, Bồ Tát đối với Phật, đệ tử thưa hỏi Phật, Phật hỏi các vị tỳ-kheo, chư tăng hoặc Phật tử hỏi thăm nhau như thường thấy chép trong các kinh luật luận, chẳng hạn như kinh Ma Ha Bát Nhã, kinh Duy Ma Cật, kinh Pháp Hoa, Tứ Phần Luật, kinh Tạp A Hàm, Ngũ Phần Luật, Du Già Sư Địa Luận, Đại Trí Độ Luận, Ma Ha Tăng Kỳ Luật v.v... Đại Trí Độ Luận quyển mười giải thích vì sao “vấn tẩn” Phật, người khác cũng hỏi Ngài ít bệnh, ít não như sau: “Phật tuy là Nhất Thiết Trí, nhưng tùy thuận pháp thế gian, người đời thăm hỏi Phật cũng hỏi han: Phật ở trong nhân gian, thọ pháp của nhân gian, nóng, lạnh, sanh tử giống như con người, cho nên cách thăm hỏi cũng giống như thế”. Luận còn giảng thêm: “Có hai cách vấn tẩn, hỏi han về thân và hỏi han về tâm. Hỏi ít bệnh, ít não, đi lại nhanh nhẹn, và khí lực, tức là hỏi han về thân. Nếu nói an lạc hay chăng, thì là hỏi han về tâm. Các thứ bệnh trong ngoài, gọi là thân bệnh. Các thứ phiền não như dâm dục, sân khuể, ghen ghét, keo tham, ưu sầu, sợ hãi v.v... là tâm bệnh. Đối với mỗi thứ bệnh đều hỏi han, cho nên nói ‘ít bệnh, ít não, đi đứng nhanh nhẹn, khí lực an lạc hay chăng?’” Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật, người được hỏi cũng trả lời: “Nhân giả ít bệnh, ít não, đi đường có mệt mỏi, nhọc nhằn hay không?”

(Kinh) Nhĩ thời, Thích Ca Mâu Ni Phật kiến sở phân thân Phật tất dĩ lai tập, các các tọa sư tử chi tòa, giai văn chư Phật dữ dục đồng khai bảo tháp, tức tùng tòa khởi, trụ hư không trung. Nhất thiết tứ chúng, khởi lập hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật. Ư thị, Thích Ca Mâu Ni Phật dĩ hữu chỉ khai thất bảo tháp hộ, xuất đại âm thanh như khước quan thược, khai đại thành môn.

(經)爾時，釋迦牟尼佛見所分身佛悉已來集，各各坐於師子之座，皆聞諸佛與欲同開寶塔，即從座起，住虛空中。一切四眾，起立合掌，一心觀佛。於是，釋迦牟尼佛以右指開七寶塔戶，出大音聲如卻關鑰，開大城門。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật thấy phân thân của Ngài đều đã nhóm đến, mỗi vị đều ngồi nơi tòa sư tử, đều nghe chư Phật tỏ ý muốn cùng mở tháp báu, liền từ tòa đứng dậy, đứng trong hư không. Hết thấy tứ chúng đứng dậy, chắp tay, nhất tâm quán Phật. Khi đó, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng ngón tay phải mở cửa tháp bảy báu, vang ra âm thanh lớn như tháo chốt khóa, mở cửa thành lớn).

Dùng ngón tay bên phải để mở, biểu thị dùng Quyền. “Mở tháp” biểu thị khai Quyền. “Thấy Phật” biểu thị hiển lộ Thật, tức là “chứng tiền”. Lại còn sẽ “khai hậu”. Vì thế, “như tháo chốt khóa” biểu thị trừ chướng. “Mở cửa thành lớn” ngầm biểu thị khai Tịch.

11.1.2.7.3. Tứ chúng đều cùng thấy nghe

(Kinh) Tức thời, nhất thiết chúng hội giai kiến Đa Bảo Như Lai, ư bảo tháp trung tọa sư tử tòa, toàn thân bất tán, như nhập Thiền Định. Hựu văn kỳ ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Thích Ca Mâu Ni Phật khoái thuyết thị Pháp Hoa kinh. Ngã vị thánh thị kinh cổ, nhi lai chí thử”. Nhĩ thời, tứ chúng đẳng kiến quá khứ vô lượng thiên vạn ức kiếp diệt độ Phật thuyết như thị ngôn ‘thán vị tăng hữu’, dĩ thiên bảo hoa tụ, tán Đa Bảo Phật cập Thích Ca Mâu Ni Phật thượng.

(經)即時，一切眾會皆見多寶如來，於寶塔中坐師子座，全身不散，如入禪定。又聞其言：「善哉！善哉！釋

迦牟尼佛快說是法華經。我為聽是經故，而來至此」。爾時，四眾等見過去無量千萬億劫滅度佛說如是言「歎未曾有」，以天寶華聚，散多寶佛及釋迦牟尼佛上。

(Kinh: Ngay khi đó, hết thấy đại chúng trong hội đều thấy Đa Bảo Như Lai ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu, toàn thân chẳng tan hoại, như nhập Thiền Định. Lại nghe Ngài nói: “Lành thay! Lành thay! Thích Ca Mâu Ni Phật vui sướng nói kinh Pháp Hoa này. Ta vì nghe kinh này, cho nên đến nơi đây”. Lúc bấy giờ, tứ chúng đều thấy quá khứ chư Phật đã diệt độ trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp đều nói như thế, bèn than là “chưa từng có”, dùng đồng hoa trời rải lên Đa Bảo Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật).

11.1.2.7.4. Hai vị Phật chia tòa cùng ngồi

(Kinh) Nhữ thời, Đa Bảo Phật ở bảo tháp trung, phân bán tòa dữ Thích Ca Mâu Ni Phật, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật khả tợu thử tòa”. Tức thời, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập kỳ tháp trung, tọa kỳ bán tòa, kết già phu tọa.

(經)爾時，多寶佛於寶塔中，分半座與釋迦牟尼佛，而作是言：「釋迦牟尼佛可就此座」。即時，釋迦牟尼佛入其塔中，坐其半座，結跏趺坐。

(Kinh: Lúc đó, Đa Bảo Phật ở trong tháp báu, chia nửa tòa cho Thích Ca Mâu Ni Phật, mà nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể đến ngồi trên tòa này”. Ngay khi ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật vào trong tháp đó, ngồi xếp bằng trên nửa tòa ấy)³²⁷.

11.1.2.7.5. Tứ chúng thỉnh cầu được gia bị ngự lên hư không

³²⁷ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Điều này có hai ý nghĩa:

- Một, hiển thị chư Phật đạo đồng, chẳng hai mà hai, tuy hai mà chẳng hai.
- Hai, nhằm phá trừ chấp trước Phật Thích Ca có sanh diệt. Vì thế, dùng chuyện Đa Bảo Phật tuy diệt mà chẳng diệt, chẳng diệt mà thị hiện diệt độ, nhằm hiển thị Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng sanh mà sanh, sanh mà chẳng sanh”.

(Kinh) Nhĩ thời, đại chúng kiến nhị Như Lai tại thất bảo tháp trung, sư tử tòa thượng, kết già phu tọa, các tác thị niệm: “Phật tòa cao viễn, duy nguyện Như Lai dĩ thần thông lực, linh ngã đẳng bối, câu xử hư không”. Tức thời, Thích Ca Mâu Ni Phật dĩ thần thông lực, tiếp chư đại chúng giai tại hư không.

(經)爾時，大眾見二如來在七寶塔中，師子座上，結跏趺坐，各作是念：「佛坐高遠，惟願如來以神通力，令我等輩，俱處虛空」。即時，釋迦牟尼佛以神通力，接諸大眾皆在虛空。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng thấy hai vị Như Lai ngồi xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, đều nghĩ như thế này: “Tòa Phật cao xa, kính mong Như Lai dùng sức thần thông, khiến cho chúng con đều ở trên hư không”. Ngay lập tức, Thích Ca Mâu Ni dùng sức thần thông đưa các đại chúng đều lên hư không).

Hỏi: - Đại chúng đều ở trên hư không, có sao phân thân vẫn ở dưới đất?

Đáp: - Đại chúng lúc đó đã nghe phần Khai Quyền thuộc Tích Môn, mới vào cõi Thường Tịch Quang. Vì thế, dùng hư không để biểu thị. Phân thân thị hiện Tích, mỗi vị đều có quốc độ để giáo hóa, cho nên ở trên đất để biểu thị. Lại nữa, không lâu nữa, Phật Thích Ca sẽ hiện Bản, trước hết cũng dùng chuyện ở trên hư không để biểu thị. Mỗi đảng đều có lý do riêng, chớ nên ngờ vực!

Phần thứ hai, “nói về các phân thân từ xa đến nhóm họp” đã xong.

11.1.3. Phật Thích Ca xướng lời tuyên mộ

(Kinh) Dĩ đại âm thanh, phổ cáo tứ chúng: - Thùy năng ư thử Sa Bà quốc độ, quảng thuyết Diệu Pháp Hoa kinh, kim chánh thị thời. Như Lai bất cửu đương nhập Niết Bàn, Phật dục dĩ thử Diệu Pháp Hoa kinh phó chúc hữu tại.

(經)以大音聲，普告四眾：「誰能於此娑婆國土，廣說妙法華經，今正是時。如來不久當入涅槃，佛欲以此妙法華經付囑有在」。

(Kinh: Dùng âm thanh to lớn, bảo khắp bốn chúng: “Ai có thể ở trong quốc độ Sa Bà, rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì nay chính là đúng lúc. Như Lai chẳng lâu sau sẽ nhập Niết Bàn. Phật mong sẽ có người để phó chúc [lưu thông] kinh Diệu Pháp Liên Hoa này”).

- Một, tuyên mộ ai có thể rộng nói? Tức là [tuyên mộ người hoằng dương] trong cõi Sa Bà.

- Hai, đã tới lúc phó chúc, tức là Ngài sẽ nhập Niết Bàn.

- Ba, có người để Ngài phó chúc. Điều này lại có hai ý:

1) Một, nói về người được phó chúc ở gần, tức là nói đến tám vạn đại sĩ thuộc phần đầu phẩm Pháp Sư, hai vạn đại Bồ Tát trong phẩm Trì, và tám mươi vạn ức na-do-tha các vị Bồ Tát do đức Thế Tôn trông thấy.

2) Hai là nói tới người phó chúc ở xa, tức là nói tới các vị đệ tử thuộc Bốn địa sẽ từ dưới đất vọt lên. Đức Phật dạy họ lưu thông [kinh Pháp Hoa] khắp chốn, lại còn phát khởi [sự thật về] thọ lượng.

Phần thứ nhất, văn Trường Hàng đã xong.

11.2. Kệ tụng

11.2.1. Trùng tụng về Phật Đa Bảo

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thánh chúa Thế Tôn, tuy cứu diệt độ, tại bảo tháp trung, thượng vị pháp lai. Chư nhân vân hà, bất cần vị pháp? Thử Phật diệt độ, vô vương sở kiếp, xú xú thính pháp, dĩ nan ngộ cố. Bĩ Phật bốn nguyện: “Ngã diệt độ hậu, tại tại sở trụ, thường vị thính pháp”.

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「聖主世尊，雖久滅度，在寶塔中，尚為法來。諸人云何，不勤為法？此佛滅度，無央數劫，處處聽法，以難遇故。彼佛本願：「我滅度後，在在所住，常為聽法」。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Đức thánh chúa Thế Tôn, tuy diệt độ đã lâu, ngự trong tòa tháp báu, còn vì pháp mà đến. Các người bởi có nào, chẳng vì pháp siêng gắng? Vị Phật ấy diệt độ, đã vô ương số kiếp, nghe pháp tại khắp nơi, vì pháp này khó gặp. Phật ấy có bốn nguyện: “Sau khi ta diệt độ, trụ ở khắp các nơi, thường vì để nghe pháp”).

11.2.2. Trùng tụng phân thân

(**Kinh**) *Hựu ngã phân thân, vô lượng chư Phật, như Hằng sa đẳng, lai dục thính pháp, cập kiến diệt độ, Đa Bảo Như Lai. Các xả diệu độ, cập đệ tử chúng. Thiên, nhân, long thần, chư cúng dường sự, linh pháp cứu trụ; cố lai chí thử. Vị tọa chư Phật, dĩ thần thông lực, dĩ vô lượng chúng, linh quốc thanh tịnh. Chư Phật các các, nghệ bảo thụ hạ, như thanh tịnh trì, liên hoa trang nghiêm. Kỳ bảo thụ hạ, chư sư tử tòa, Phật tọa kỳ thượng, quang minh nghiêm sức, như dạ ám trung, nhiên đại cự hỏa. Thân xuất diệu hương, biến thập phương quốc. Chúng sanh môn huân, hỷ bất tự thắng. Thí như đại phong, xuy tiểu thụ chi. Dĩ thị phương tiện, linh pháp cứu trụ.*

(**經**)又我分身，無量諸佛，如恆沙等，來欲聽法，及見滅度，多寶如來。各捨妙土，及弟子眾，天人龍神，諸供養事，令法久住，故來至此。為坐諸佛，以神通力，移無量眾，令國清淨。諸佛各各，詣寶樹下，如清淨池，蓮華莊嚴。其寶樹下，諸師子座，佛坐其上，光明嚴飾，如夜闇中，然大炬火。身出妙香，徧十方國。眾生蒙熏，喜不自勝。譬如大風，吹小樹枝。以是方便，令法久住。

(**Kinh:** Ta lại còn phân thân, thành vô lượng chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, nhóm tới muốn nghe pháp, và thấy Phật diệt độ, là Đa Bảo Như Lai. Mỗi vị bỏ cõi diệu, và các hàng đệ tử, trời, người, rồng, các thần, cùng các sự cúng dường, khiến pháp trụ dài lâu. Vì thế đến nơi đây. Để chư Phật an tọa, ta dùng sức thần thông, dời đi vô lượng chúng, khiến cõi nước thanh tịnh. Chư Phật mỗi vị đều, đến ngồi dưới cây báu, như ao nước thanh tịnh, trang nghiêm bằng hoa sen. Dưới các cội cây

Điều Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

báu, có các tòa sư tử, Phật ngồi trên tòa ấy, dùng quang minh trang nghiêm, như trong đêm tối tăm, thấp bó đuốc to lớn. Thân tỏa hương nhiệm màu, trọn khắp mười phương cõi. Chúng sanh được xông ướp, vui mừng khôn ngăn nổi! Ví như trận gió lớn, thổi qua cành cây nhỏ. Dùng phương tiện như thế, khiến pháp trụ dài lâu).

Trong phần trên, chánh kinh nói các phân thân từ phương xa nhóm họp gồm bảy đoạn kinh văn.

Nay kệ tụng rất giản lược. Ba bài kệ đầu, trùng tụng ý nghĩa của đoạn kinh thứ hai nói tới các ứng thân nhóm họp, nghĩa đã kiêm ý thứ nhất là [Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát] thỉnh cầu, mong được thấy Đa Bảo Phật, và [phân thân của Phật Thích Ca] ba lượt nhóm họp để cầu thỉnh [Phật Thích Ca mở tháp]. Bài kệ kế đó trùng tụng chuyện trang nghiêm thanh tịnh quốc giới. Bốn bài kệ rưỡi sau đó trùng tụng chuyện chư Phật cùng đến.

11.2.3. Trùng tụng sự phó chúc

11.2.3.1. Nêu ra tam thế Phật để khuyên lưu thông

11.2.3.1.1. Tuyển mộ tìm kiếm người để phó chúc [hộ trì, hoằng truyền kinh này]

(Kinh) Cáo chư đại chúng: Ngã diệt độ hậu, thùy năng hộ trì, độc thuyết tư kinh, kim ư Phật tiền, tự thuyết thệ ngôn.

(經)告諸大眾：我滅度後，誰能護持，讀說斯經，今於佛前，自說誓言。

(Kinh: Bảo cùng các đại chúng: Sau khi ta diệt độ, ai có thể hộ trì, đọc, diễn nói kinh này, nay hãy đối trước Phật, tự nói lời thệ nguyện).

11.2.3.1.2. Nêu ra ba loại Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) để khuyên trì kinh

(Kinh) Kỳ Đa Bảo Phật, tuy cửu diệt độ, dĩ đại thệ nguyện, nhi sư tử hống. Đa Bảo Như Lai, cập dữ ngã thân, sở tập hóa Phật, đương tri thử ý. Chư Phật tử đẳng, thùy năng hộ pháp, đương phát đại nguyện, linh đắc cửu trụ.

(經)其多寶佛，雖久滅度，以大誓願，而師子吼。多寶如來，及與我身，所集化佛，當知此意。諸佛子等，誰能護法，當發大願，令得久住。

(Kinh: Vị Phật Đa Bảo ấy, tuy diệt độ đã lâu, do bởi đại thệ nguyện, bèn hiện sư tử hống. Đức Đa Bảo Như Lai, cùng với các hóa Phật, do chính ta phân thân, thấy đều cùng nhóm lại. Hãy nên biết ý ấy. Hỡi các vị Phật tử, ai có thể hộ pháp, hãy nên phát đại nguyện, khiến pháp trụ dài lâu).

11.2.3.1.3. Giải thích ý nghĩa khuyên lớn

(Kinh) Kỳ hữu năng hộ, thử kinh pháp giả, tắc vi cúng dường, ngã cập Đa Bảo. Thử Đa Bảo Phật, xử ư bảo tháp, thường du thập phương. Vị thị kinh cổ, diệt phục cúng dường, chư lai hóa Phật, trang nghiêm quang sức. Chư thế giới giả, nhược thuyết thử kinh, tắc vi kiến ngã, Đa Bảo Như Lai, cập chư hóa Phật.

(經)其有能護，此經法者，則為供養，我及多寶。此多寶佛，處於寶塔，常遊十方。為是經故，亦復供養，諸來化佛，莊嚴光飾。諸世界者，若說此經，則為見我，多寶如來，及諸化佛。

(Kinh: Nếu là người có thể, hộ trì kinh pháp này, tức là đã cúng dường, ta và Phật Đa Bảo. Vị Phật Đa Bảo này, ngự trong tòa tháp báu, thường dạo chơi mười phương. Do vì bộ kinh này, cũng sẽ lại cúng dường, các hóa Phật nhóm đến, trang nghiêm bằng quang minh. Ở trong các thế giới, nếu diễn nói kinh này, tức là sẽ thấy ta, và Đa Bảo Như Lai, cùng với các hóa Phật).

Có thể hộ trì kinh tức là cúng dường tam thế Phật. Nếu nói kinh này, tức là thấy trọn tam thế Phật. Vì thế, giải thích ý nghĩa khuyên lớn.

Phần thứ nhất, “nêu ra tam thế Phật để khuyên lưu thông” đã xong.

11.2.3.2. Nêu ra pháp khó trì để khuyên lưu thông

11.2.3.2.1. Nêu ra lời khuyên

11.2.3.2.1.1. Khuyên răn

(Kinh) Chư thiện nam tử, các đế tư duy. Thử vi nan sự, nghi phát đại nguyện.

(經)諸善男子，各諦思惟。此為難事，宜發大願。

(Kinh: Hồi các thiện nam tử, hãy tư duy chắc thật. Đây là chuyện khó khăn, hãy nên phát đại nguyện).

11.2.3.2.1.2. Nêu ra sự khó trì để khuyên lớn

(Kinh) Chư dư kinh điển, số như Hằng sa. Tuy thuyết thử đẳng, vị túc vi nan. Nhược tiếp Tu Di, trịch trí tha phương, vô số Phật độ, diệt vị vi nan. Nhược dĩ túc chỉ, động đại thiên giới, viễn trịch tha quốc, diệt vị vi nan. Nhược lập Hữu Đảnh, vị chúng diễn thuyết, vô lượng dư kinh, diệt vị vi nan. Nhược Phật diệt hậu, ư ác thế trung, năng thuyết thử kinh, thị tắc vi nan. Giả sử hữu nhân, thủ bả hư không, nhi dĩ du hành, diệt vị vi nan. Ư ngã diệt hậu, nhược tự thọ trì, nhược sử nhân thọ, thị tắc vi nan. Nhược dĩ đại địa, trí túc giáp thượng, thăng ư Phạm Thiên, diệt vị vi nan. Phật diệt độ hậu, ư ác thế trung, tam độ thử kinh, thị tắc vi nan. Giả sử kiếp thiêu, đảm phụ càn thảo, nhập trung bất thiêu, diệt vị vi nan. Ngã diệt độ hậu, nhược trì thử kinh, vị nhất nhân thuyết, thị tắc vi nan. Nhược trì bát vạn, tứ thiên pháp tạng, thập nhị bộ kinh, vị nhân diễn thuyết, linh chư thánh giả, đắc lục thần thông. Tuy năng như thị, diệt vị vi nan. Ư ngã diệt hậu, thánh thọ thử kinh, vấn kỳ nghĩa thú, thị tắc vi nan. Nhược nhân thuyết pháp, linh thiên vạn ức, vô lượng vô số, Hằng sa chúng sanh, đắc A La Hán, cụ lục thần thông. Tuy hữu thị ích, diệt vị vi nan. Ư ngã diệt hậu, nhược năng phụng trì, như tư kinh điển, thị tắc vi nan.

(經)諸餘經典，數如恆沙。雖說此等，未足為難。若接須彌，擲置他方，無數佛土，亦未為難。若以足指，動大千界，遠擲他國，亦未為難。若立有頂，為眾演說，無量餘經，亦未為難。若佛滅後，於惡世中，能說此經，是

則為難。假使有人，手把虛空，而以遊行，亦未為難。於我滅後，若自書持，若使人書，是則為難。若以大地，置足甲上，升於梵天，亦未為難。佛滅度後，於惡世中，暫讀此經，是則為難。假使劫燒，擔負乾草，入中不燒，亦未為難。我滅度後，若持此經，為一人說，是則為難。若持八萬，四千法藏，十二部經，為人演說，令諸聽者，得六神通。雖能如是，亦未為難。於我滅後，聽受此經，問其義趣，是則為難。若人說法，令千萬億，無量無數，恆沙眾生，得阿羅漢，具六神通。雖有是益，亦未為難。於我滅後，若能奉持，如斯經典，是則為難。

(Kinh: Các bộ kinh điển khác, số như cát sông Hằng, tuy nói các kinh ấy, chưa đáng gọi là khó. Hoặc đỡ lấy Tu Di, đem quăng sang phương khác, vô số các cõi Phật, vẫn chẳng phải là khó. Nếu lấy ngón chân động, cả đại thiên thế giới, hát sang nước xa khác, vẫn chưa phải là khó. Nếu đứng trên Hữu Đảnh³²⁸, vì đại chúng diễn thuyết, vô lượng các kinh khác, vẫn chưa phải là khó. Nếu Phật đã diệt độ, ở trong đời ác trước, có thể nói kinh này, đây chính là khó khăn. Giả sử có một người, tay nắm lấy hư không, để cầm đi du hành, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu tự mình chép, trì, hoặc khiến người khác chép, đó chính là khó khăn. Nếu đem cả đại địa, đặt trên móng ngón chân, vượt lên cõi Phạm Thiên, vẫn chưa phải là khó. Sau khi Phật diệt độ, ở trong cõi đời ác, tạm đọc bộ kinh này, đó chính là khó khăn. Giả sử kiếp hỏa đốt, gánh một gánh cỏ khô, vào trong lửa chẳng cháy, vẫn chưa đáng là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu phụng trì kinh này, vì một người mà nói, đó chính là khó khăn. Nếu phụng trì tám vạn, bốn ngàn thứ pháp tạng, gồm mười hai bộ kinh, vì người khác diễn nói, khiến cho các thánh chúng, đắc sáu

³²⁸ Hữu Đảnh (Akaniṣṭha) còn gọi là A Ca Nị Trá thiên, dịch nghĩa là Sắc Cứu Cánh Thiên, tức là tầng trời cao nhất trong Sắc Giới. Đây là tầng trời cao nhất mà chúng sanh trong đó còn có hình sắc, cho nên còn gọi là Hữu Đảnh (tốt cùng của cõi hữu hình).

món thần thông, tuy làm được như thế, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nghe nhận bộ kinh này, hỏi han các nghĩa thú, đó chính là khó khăn. Nếu có người thuyết pháp, khiến cho ngàn vạn ức, vô lượng và vô số, Hằng sa các chúng sanh, đều đắc A La Hán, trọn đủ sáu thần thông. Tuy hữu ích như thế, vẫn chưa phải là khó. Sau khi ta diệt độ, nếu có thể phụng trì, kinh điển như thế này, đó chính là khó khăn).

Tám vạn bốn ngàn pháp tạng, mười hai bộ kinh đều thông Đại và Tiểu. Hoàng dương, lưu thông các giáo thuộc bốn vị trước (sữa, lạc, sanh tô, thực tô), đều kèm theo phương tiện. Vì thế, vẫn là dễ dàng. Do trì và nói kinh này chính là thuận nêu ra Nhất Thật, cho nên khó khăn gấp bội!

11.2.3.2.1.3. Giải thích ý nghĩa khó trì

(Kinh) Ngã vị Phật đạo, ư vô lượng độ, từng thí chí kim, quảng thuyết chư kinh, nhi ư kỳ trung, thử kinh đệ nhất. Nhược hữu năng trì, tắc trì Phật thân.

(經)我為佛道，於無量土，從始至今，廣說諸經，而於其中，此經第一。若有能持，則持佛身。

(Kinh: Ta chính vì Phật đạo, trong vô lượng cõi nước, từ đầu cho tới nay, rộng nói các kinh điển, nhưng trong các kinh ấy, kinh này là bậc nhất. Nếu ai có thể trì, chính là trì thân Phật).

Không chỉ hơn bốn mươi năm trong cõi này, chưa từng nói rõ rệt, mà ngay cả trong vô lượng cõi, từ đầu cho tới nay, tuy nói rất nhiều kinh, [các kinh ấy] vẫn chẳng đàm luận sâu xa ý Phật như kinh này. Ba thứ Thê, Tông, Dụng của kinh này, ba thứ “áo, tòa, nhà” chính là tam thân của Phật. Có thể trì kinh này chính là trì thân Phật, ý ấy há dễ dàng ư?

Phần thứ nhất, “nêu ra lời khuyên” đã xong.

11.2.3.2.2. Giải thích ý khuyên lớn

11.2.3.2.2.1. Nhắc lại ý tuyển mộ người trì kinh

(Kinh) Chư thiện nam tử! Ư ngã diệt hậu, thùy năng thọ trì, độc tụng thử kinh, kim ư Phật tiền, tự thuyết thệ ngôn.

(經)諸善男子！於我滅後，誰能受持，讀誦此經，今於佛前，自說誓言。

(Kinh: Nay các thiện nam tử! Sau khi ta diệt độ, ai có thể thọ trì, đọc tụng bộ kinh này, nay hãy đối trước Phật, tự thốt lời thệ nguyện).

11.2.3.2.2. Có thể trì kinh khó trì thì sẽ được chư Phật hoan hỷ tán thán

(Kinh) Thử kinh nan trì, nhược tạm trì giả, ngã tắc hoan hỷ, chư Phật diệc nhiên. Như thị chi nhân, chư Phật sở tán.

(經)此經難持，若暫持者，我則歡喜，諸佛亦然。如是之人，諸佛所歎。

(Kinh: Kinh này khó thể trì, nếu có kẻ tạm trì, thì ta sẽ hoan hỷ, chư Phật cũng như thế. Người làm được như thế, được chư Phật khen ngợi).

11.2.3.2.2.3. Chỉ rõ đó chính là thành tựu hạnh thù thắng “tự hành, hóa độ người khác”

(Kinh) Thị tắc dũng mãnh, thị tắc tinh tấn, thị danh trì giới, hành đầu đà giả, tắc vi tât đắc, vô thượng Phật đạo. Năng ư lai thế, độc trì thử kinh, thị chân Phật tử, trụ thuần thiện địa.

(經)是則勇猛，是則精進，是名持戒，行頭陀者，則為疾得，無上佛道。能於來世，讀持此經，是真佛子，住淳善地。

(Kinh: Đây chính là dũng mãnh, đây chính là tinh tấn, đây gọi là trì giới, là người hành đầu đà, sẽ nhanh chóng đạt được, Phật đạo quả vô thượng. Có thể trong tương lai, đọc, tụng trì kinh này, thì là chân Phật tử, trụ địa vị thuần thiện).

Đây chính là tự hành hạnh thù thắng.

(Kinh) Phật diệt độ hậu, năng giải kỳ nghĩa, thị chư thiên nhân, thế gian chi nhân, ư khứng úy thế, năng tu du thuyết. Nhất thiết thiên nhân, giai ưng cúng dường.

**(經)佛滅度後，能解其義，是諸天人，世間之眼，於
恐懼世，能須臾說。一切天人，皆應供養」。**

(Kinh: Sau khi Phật diệt độ, có thể hiểu nghĩa này, các hàng trời người ấy, là mắt của thế gian, ở trong đời kinh sợ, diễn nói trong khoảnh khắc. Hết thấy các trời người, nên cúng dường người ấy).

Đây là hạnh hóa độ người khác thù thắng. Phẩm Kiến Bảo Tháp đã xong.

12. Đề Bà Đạt Đa Phẩm Đệ Thập Nhị

提婆達多品第十二

Phẩm mười hai: Đề Bà Đạt Đa

Đề Bà Đạt Đa (Devadatta)³²⁹ còn gọi là Đạt Đâu, cũng gọi là Điều Đạt, phương này dịch là Thiên Nhiệt, do Ngài ứng hiện thực hành ba chuyện ác nghịch. Cho nên khi Ngài sanh ra, tâm của trời lẫn người đều nóng nảy. Vì thế, đặt tên như thế. Đó là giải thích theo Nhân Duyên (Hỏi: - Người ác ra đời, sao gọi là cảm ứng? Đáp: - Khiến cho vô lượng người chẳng dám tạo ác, [tức là] cũng trọn đủ Tứ Tất Đàn. Người trông thấy [Đề Bà Đạt Đa do tạo ác, chuốc lấy ác quả] sẽ mừng rỡ chính mình chẳng làm; đó chính là Thế Giới Tất Đàn. Chẳng tạo [ác nghiệp], sẽ sanh

³²⁹ Kinh sách còn phiên âm tên vị này thành Đề Bà Đạt Đâu, Đế Bà Đạt Đa, Địa Bà Đạt Đa, Địa Bà Đạt Đâu, Điều Bà Đạt Đa v.v... Nếu dịch nghĩa thì ngoài Thiên Nhiệt, còn được dịch thành Thiên Thọ (trời truyền trao) và Thiên Dữ (trời trao cho). Vị này là con của Học Phạn Vương (Dronodana, em của Tịnh Phạn Vương), là anh ruột của ngài A Nan. Do vậy, Ngài chính là em họ bên nội của đức Phật. Từ bé, khi cùng học tập nghệ thuật, vũ thuật, Đề Bà Đạt Đa đã luôn tranh chấp với thái tử Tất Đạt Đa. Sau khi Phật thành đạo, bèn theo đức Phật xuất gia, thiện tâm tu hành suốt mười hai năm, siêng gắng chẳng lười nhác. Sau đó, vì không đắc thánh quả, bèn thoái chuyển, dần dần nảy sanh ác niệm, muốn học thần thông để cầu lợi dưỡng. Do không được Phật chấp thuận, ông ta bèn lén gạt ngài Thập Lực Ca Diếp học được thần thông. Sau đó, thị hiện thần thông, lôi cuốn vua A Xà Thế tin tưởng cúng dường. Sau đó, thị hiện chia rẽ tăng đoàn, cũng như nhiều lần toan hãm hại hoặc sát hại Phật.

điều lành, tức là Vị Nhân Tất Đàn. Chẳng làm ác, tức là Đối Trị Tất Đàn. Không có chuyện chướng ngại chứng quả, tức là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn).

Xét theo giáo, trong ba giáo trước, nghịch chỉ là nghịch, nay tuy nghịch mà thuận; đó chính là ý nghĩa trong Viên Giáo.

Xét theo Bốn Tích, Bốn địa thanh lương, chúng sanh phiền não. Vì thế, Bồ Tát thị hiện nóng bức, có cùng bệnh hạnh đề độ thoát họ. Đại Kinh chép: “*Đề Bà Đạt Đa tất bất phá tạng*” (Đề Bà Đạt Đa ắt chẳng phá hoại tạng đoàn). Kinh Báo Ân chép: “*Nhược hữu nhân ngôn Đề Bà Đạt Đa thật thị ác nhân, nhập A Tỳ ngục giả, vô hữu thị xứ*” (Nếu có kẻ nói Đề Bà Đạt Đa thật sự là kẻ ác, là kẻ vào địa ngục A Tỳ, chẳng có lẽ ấy!) Kinh Đại Vân nói: “*Đề Bà Đạt Đa bất khả tư nghị, sở hữu hạnh nghiệp đồng ư Như Lai*” (Đề Bà Đạt Đa chẳng thể nghĩ bàn, tất cả hạnh nghiệp giống như Như Lai).

Xét theo quán tâm, rốt ráo đoạn các tướng khác nhau do các Âm hòa hợp và tích tập, thì gọi là “*phá tạng*”. Rốt ráo đoạn chủng tử tập khí của các Sở thì gọi là “*hại A La Hán*”. Rốt ráo đoạn các thứ ô nhiễm thuộc bảy loại thức thân phiền não sở tri thì gọi là “*ác tâm khiến cho thân Phật chảy máu*” (trích từ quyển thứ ba của kinh Lăng Già). Ngài La Thập dịch kinh xong, cung nhân xin đem phẩm này ấn tàng, vùng Giang Đông chỉ truyền hai mươi bảy phẩm. Đời Lương có Mãn pháp sư giảng kinh một trăm lượt, thiêu thân tại quận Trường Sa, Sư đem phẩm này đặt trước phẩm Trì. Nam Nhạc đại sư cũng đặt phẩm này sau phẩm Kiến Bảo Tháp. Về sau, tôi thấy cựu bản tại Trường An, mới biết hai vị đã thấu đạt sâu xa ý kinh.

Duyên do của phẩm thứ ba trong phần Lưu Thông của Tích Môn: Dẫn gương xưa hoàng truyền kinh [hòng chứng minh] lợi ích do truyền bá càng chẳng sai lầm. Nay nói tới sự tuyên dương, giáo hóa, nhằm dùng sự việc để chứng nghiệm chẳng hư dối. Nêu chuyện trước để khuyên lớn trong hiện tại, khiến cho kinh được lưu thông. Kinh văn chia thành hai phần:

- Một, xưa kia Đạt Đa lưu thông kinh, Phật Thích Ca thành đạo.
- Hai, hiện thời, ngài Văn Thù lưu thông kinh, long nữ thành

Phật.

Vâng nhận giáo pháp mà còn [thành tựu] như thế, huống hồ đồ công tuyên dương, lưu thông, lợi ích há chẳng to lớn ư? Vì thế, Đạt Đa được thọ ký, đối với ngài Văn Thù [tuy kinh không nói Ngài được thọ ký], nhưng có thể suy ra ý đó!

12.1. Đạt Đa lưu thông kinh, Phật Thích Ca thành đạo

12.1.1. Tướng trạng thầy trò trì kinh thuở trước

12.1.1.1. Trường Hàng

12.1.1.1.1. Thời tiết cầu pháp sư

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát, cập thiên nhân tứ chúng: - Ngô ư quá khứ vô lượng kiếp trung cầu Pháp Hoa kinh, vô hữu giải quyet.

(經)爾時，佛告諸菩薩，及天人四眾：「吾於過去無量劫中求法華經，無有懈倦。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát và tứ chúng trời, người: - Ta trong vô lượng kiếp quá khứ cầu kinh Pháp Hoa chẳng hề lười nhác, mệt mỏi).

12.1.1.1.2. Trần thuật chuyện cầu pháp

12.1.1.1.2.1. Phát nguyện

(Kinh) Ư đa kiếp trung, thường tác quốc vương, phát nguyện cầu ư Vô Thượng Bồ Đề, tâm bất thoái chuyển.

(經)於多劫中，常作國王，發願求於無上菩提，心不退轉。

(Kinh: Trong nhiều kiếp, thường làm quốc vương, phát nguyện cầu Vô Thượng Bồ Đề, tâm chẳng thoái chuyển).

12.1.1.1.2.2. Tu hành

12.1.1.1.2.2.1. Mong muốn viên mãn Đàn Na [Ba La Mật], siêng năng hành bố thí

(Kinh) Vị dục mãn túc Lục Ba La Mật, cần hành bố thí, tâm vô lận tích. Tượng, mã, thất trân, quốc thành, thê tử, nô tỳ, bộc tòng, dầu, mực, tủy, não, thân nhục, thủ, túc, bất tích khu mạng.

(經)為欲滿足六波羅蜜，勤行佈施，心無慍惜。象，馬，七珍，國城，妻子，奴婢，僕從，頭，目，髓，腦，身肉，手，足，不惜軀命。

(Kinh: Vì muốn viên mãn Lục Ba La Mật, siêng hành bố thí, tâm chẳng keo tiếc. Voi, ngựa, bảy báu, quốc thành, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, đầu, mắt, tủy, não, trên thân, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng).

12.1.1.1.2.2. Vì viên mãn Bát Nhã, siêng năng cầu diệu pháp

(Kinh) Thời thế nhân dân, thọ mạng vô lượng. Vị ư pháp cố, quyền xử quốc vị, ủy chánh Thái Tử, kích cổ, tuyên lệnh tứ phương cầu pháp: “Thùy năng vị ngã thuyết Đại Thừa giả, ngô đương chung thân cung cấp tâu sử”.

(經)時世人民，壽命無量。為於法故，捐捨國位，委政太子，擊鼓，宣令四方求法：「誰能為我說大乘者，吾當終身供給走使」。

(Kinh: Nhân dân thọ ỷ thọ mạng vô lượng. Nhà vua vì pháp, vứt bỏ ngôi vua, giao việc triều chánh cho Thái Tử, đánh trống, tuyên bố mạng lệnh cầu pháp bốn phương: “Ai có thể vì ta nói pháp Đại Thừa, ta sẽ suốt đời làm kẻ hầu hạ cho người đó”).

Phần thứ hai, “nói về chuyện cầu pháp” đã xong.

12.1.1.1.3. Cầu được pháp sư

(Kinh) Thời, hữu tiên nhân lai bạch vương ngôn: - Ngã hữu Đại Thừa, danh Diệu Pháp Hoa kinh. Nhược bất vì ngã, đương vị tuyên thuyết.

(經)時，有仙人來白王言：「我有大乘，名妙法華經。若不違我，當為宣說」。

(**Kinh:** Khi ấy, có tiên nhân đến bạch với vua rằng: - Ta có pháp Đại Thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng trái nghịch ta, ta sẽ vì nhà vua tuyên nói).

12.1.1.1.4. Nhận lãnh pháp, phụng hành

(**Kinh**) *Vương văn tiên ngôn, hoan hỷ, dũng dục, tức tùy tiên nhân, cung cấp sở tu: Thải quả, cấp thủy, thập tân, thiết thực, nãi chí dĩ thân nhi vi sàng tòa, thân tâm vô quyện. Ư thời phụng sự, kinh ư thiên tuế, vị ư pháp cố, tình cần cấp thị, linh vô sở pháp.*

(經)王聞仙言，歡喜，踊躍，即隨仙人，供給所須：采果，汲水，拾薪，設食，乃至以身而為牀，座，身心無倦。於時奉事，經於千歲，為於法故，精勤給侍，令無所乏」。

(**Kinh:** Nhà vua nghe tiên nhân nói, hoan hỷ, hớn hởi, liền theo tiên nhân cung cấp những thứ cần dùng: Hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu ăn, cho đến dùng thân làm giường, tòa, thân tâm chẳng mệt mỏi. Khi đó, nhà vua phụng sự trải qua một ngàn năm, do vì pháp, siêng rông hầu hạ, khiến cho tiên nhân chẳng thiếu thốn).

Phản văn Trường Hàng đã xong.

12.1.1.2. Kệ Tụng

12.1.1.2.1. Trùng tụng thời tiết và cầu chánh pháp

(**Kinh**) *Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Ngã niệm quá khứ kiếp, vị cầu đại pháp cố. Tuy tác thế quốc vương, bất tham ngũ dục lạc, chùy chung cáo tứ phương, thù hữu đại pháp giả, nhược vị ngã giải thuyết, thân đương vi nô bộc.*

(經)爾時，世尊欲重宣此義，而說偈言：「我念過去劫，為求大法故。雖作世國王，不貪五欲樂，椎鐘告四方，誰有大法者，若為我解說，身當為奴僕。

(**Kinh:** Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ta nhớ kiếp quá khứ, vì mong cầu đại pháp. Tuy làm vua

trong đời, chẳng tham vui ngũ dục, gõ chuông báo bốn phương, hễ ai có đại pháp, nếu vì ta giải nói, ta sẽ làm nô bộc).

12.1.1.2.2. Trùng tụng cầu được pháp sư

(Kinh) Thời hữu A Tư tiên, lai bạch ư đại vương: “Ngã hữu vi diệu pháp, thế gian sở hy hữu. Nhược năng tu hành giả, ngô đương vị nhữ thuyết”.

(經)時有阿私仙，來白於大王：「我有微妙法，世間所希有。若能修行者，吾當為汝說」。

(Kinh: Khi đó, A Tư tiên (Asita)³³⁰, đến bạch cùng đại vương: - Ta có pháp vi diệu, hiếm có trong thế gian. Nếu có thể tu hành, ta sẽ vì vua nói).

12.1.1.2.3. Trùng tụng chuyện thọ pháp, phụng hành

(Kinh) Thời vương văn tiên ngôn, tâm sanh đại hỷ duyệt, tức tiệp tùy tiên nhân, cung cấp ư sở tu, thái tân cập quả lỏa, tùy thời cung kính dũ. Tình tồn diệu pháp cố, thân tâm vô giải quệ, phổ vị chư chúng sanh, cần cầu ư đại pháp.

(經)時王聞仙言，心生大喜悅，即便隨仙人，供給於所須，采薪及果蓏，隨時恭敬與。情存妙法故，身心無懈倦，普為諸眾生，勤求於大法。

(Kinh: Lúc vua nghe tiên nói, tâm sanh đại hoan hỷ, liền đi theo tiên nhân, cung phụng các nhu cầu, dẫn củi, hái quả, củ, luôn cung kính đưa cho. Do tâm vì diệu pháp, thân tâm chẳng lười, mệt, vì khắp các chúng sanh, siêng cầu đắc đại pháp).

12.1.1.2.4. Kết lại lời chứng minh để khuyến tín

³³⁰ Pháp sư Phổ Hành giảng: “A Tư dịch nghĩa là Vô Tỷ Doan Chánh (doan chánh không ai sánh bằng), do hình mạo và pháp của vị tiên nhân này doan chánh không ai bằng, cho nên có tên như thế”.

(Kinh) Diệc bất vị kỷ thân, cập dĩ ngũ dục lạc, cố vi đại quốc vương. Cần cầu hoạch thử pháp, toại trí đắc thành Phật. Kim cố vị nhữ thuyết.

(經)亦不為己身，及以五欲樂，故為大國王。勤求獲此法，遂致得成佛。今故為汝說」。

(Kinh: Cũng chẳng vì chính mình, chẳng vì năm dục lạc, mà làm đại quốc vương. Siêng cầu đắc pháp này, vì thế được thành Phật. Nên nay vì ông nói).

Phần thứ nhất, “tướng trạng thầy trò trì kinh thuở trước” đã xong.

12.1.2. Kết lại, dung hội xưa và nay

12.1.2.1. Kết lại để dung hội

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Nhĩ thời, vương giả tắc ngã thân thị. Thời tiên nhân giả, kim Đề Bà Đạt Đa thị.

(經)佛告諸比丘：「爾時，王者則我身是。時仙人者，今提婆達多是。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Nhà vua thuở đó là thân ta. Tiên nhân khi ấy nay là Đề Bà Đạt Đa).

12.1.2. Chỉ rõ thầy lẫn trò công đức và phước báo đều viên mãn

12.1.2.1. Nói rõ đệ tử nhân tròn quả vẹn

(Kinh) Do Đề Bà Đạt Đa thiện tri thức cố, linh ngã cụ túc Lục Ba La Mật, từ, bi, hỷ, xả.

(經)由提婆達多善知識故，令我具足六波羅蜜，慈，悲，喜，捨。

(Kinh: Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa khiến cho ta trọn đủ Lục Ba La Mật, từ, bi, hỷ, xả).

Đây là trước hết nói về cái nhân viên mãn.

Hỏi: - Đề Bà Đạt Đa đòi đòi là kẻ oán của đức Phật, có sao nói là thiện tri thức?

Đáp: - Nhập Đại Thừa Luận nói: “*Nếu là kẻ oán, sao có thể đòi đòi gặp gỡ? Như hai người đi đường, mỗi người hướng về Đông, hoặc tiến về Tây khác nhau, từng bước cách xa, há trở thành bạn u?*”

Ý nghĩa của Lục Độ rất nhiều, nay chỉ nói đại lược. Như Đại Luận nói: “*Xả y báo và chánh báo gọi là Đản (bố thí). Phòng ngừa bảy chi³³¹ gọi là Giới. Bị chửi mắng chẳng đáp trả là Nhẫn. Làm mọi việc [đều hoàn tất] từ đầu đến cuối là Tinh Tấn. Tứ Thiên Bát Định là Thiên. Tùy thuộc vào địa vị mà chấm dứt đua tranh thì là Bát Nhã*”. Lại còn gom Thập Thiện thành Lục Độ: Từ “chẳng giết chóc” cho đến “chẳng nói dối” là Đản (bố thí). Chẳng nói đôi chiều là Thi La (giới). Chẳng ác khẩu là Nhẫn. Chẳng nói thêu dệt là Tấn (Tinh Tấn). Chẳng tham và sân là Thiên. Chẳng tà kiến là Bát Nhã. Lại nữa, kinh Bồ Tát Thiện Giới quyển thứ mười chép: “*Lục Ba La Mật hữu tam chủng: Nhất, đối trị, vị xan, ó, sân, đãi, loạn, si. Nhị, tương sanh, vị xả gia trì giới, ngũ nhục tu nhẫn, nhẫn dĩ tinh tấn, tấn dĩ điều ngũ căn, căn điều tri pháp giới. Tam, quả báo, vị đại phú nhiều tài, chư căn cụ túc, dung sắc đoan chánh, hữu đại oai lực, thọ mạng an khang, biện tài vô ngại*” (Lục Ba La Mật có ba loại: Một là đối trị, tức là [đối trị] keo kiệt, ghét bỏ, giận dữ, lừa nhác, tán loạn, si mê. Hai là sanh ra nhau, tức là do bỏ nhà (xuất gia) bèn trì giới, gặp nhục bèn tu nhẫn, do đã nhẫn nên tinh tấn, do đã tinh tấn nên điều phục năm căn, do đã điều phục các căn nên biết pháp giới. Ba là quả báo, tức là giàu to, lăm của, các căn đầy đủ, dung mạo và hình sắc đoan chánh, có oai lực lớn, sống lâu, an ổn, khỏe mạnh, biện tài vô ngại). Các kinh khác lại nói: Quả báo của Thí là giàu, quả báo của Giới là [sanh trong] đường lành. Quả báo của Nhẫn là đoan chánh. Quả báo của Tinh Tấn là thần thông. Quả báo của Thiên là sanh lên trời. Quả báo của Huệ là phá phiền não. Những điều giống như thế đều là tướng trạng của Lục Độ được nói trong Tam Tạng.

Nếu ba sự “người thí”, “người nhận”, và “tài vật” [dùng để bố thí] đều là Không thì gọi là Đản. Chẳng thấy trì giới hay phạm giới, gọi là Giới. Người có thể nhẫn và điều phải nhẫn đều chẳng thể được thì gọi là Nhẫn. Thân tâm bất động gọi là Tinh Tấn. Chẳng loạn, chẳng đắm chấp Thiên vị thì gọi là Thiên. Chẳng phải trí, chẳng phải ngu thì gọi là Bát

³³¹ “*Bảy chi*” được nói ở đây chính là ba điều ác nơi thân (giết, trộm, dâm) và bốn điều ác nơi miệng (nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói lời thô ác).

Nhã. Những cách giải thích theo kiểu như vậy chính là tướng trạng của Lục Độ theo Thông Giáo.

Nếu nói Đàn có mười điều lợi:

- Một là điều phục Xan phiền não (phiền não keo tham).
- Hai là bỏ cái tâm tiếp nối.
- Ba là khiến cho chúng sanh đều cùng có của cải.
- Bốn là sanh trong nhà giàu có, quyền thế.
- Năm là sanh tâm bố thí hiện tiền.
- Sáu là tứ chúng yêu thích.
- Bảy là ở trong đại chúng chẳng khiếm nhược, sợ hãi.
- Tám là danh xưng thù thắng trọn khắp.
- Chín là tay chân mềm mại.
- Mười là sẽ đến đạo tràng, luôn gặp gỡ thiện tri thức.

Giới có mười điều lợi:

- Một là viên mãn Nhất Thiết Trí.
- Hai là học giống như Phật.
- Ba là chẳng hủy báng bậc trí.
- Bốn là thệ nguyện chẳng lui sụt.
- Năm là an trụ trong chánh hạnh.
- Sáu là dứt bỏ sanh tử.
- Bảy là hâm mộ, ưa thích Niết Bàn.
- Tám là đạt được cái tâm chẳng trói buộc.
- Chín là đạt được tam-muội thù thắng.
- Mười là chẳng thiếu tín tài.

Nhẫn có mười điều lợi:

- Các điều một, hai, ba, bốn chính là lửa, đao, chất độc, nước đều chẳng thể làm hại.

- Năm là được phi nhân bảo vệ.
- Sáu là thân tướng trang nghiêm.
- Bảy là đóng chặt đường ác.
- Tám là sanh lên Phạm Thiên.
- Chín là ngày đêm thường an ổn.
- Mười là thân chẳng lìa hỷ lạc.

Tinh Tấn có mười điều lợi:

- Một là kẻ khác chẳng thể chiết phục.
- Hai là được Phật nhiếp thọ.
- Ba là được phi nhân hộ vệ.
- Bốn là nghe pháp chẳng quên.

- Năm là [pháp] chưa nghe sẽ có thể được nghe.
- Sáu là tăng trưởng biện tài.
- Bảy là đạt được tam-muội tánh.
- Tám là ít bệnh tật phiền não.
- Chín là ăn liền có thể tiêu³³².
- Mười là tăng trưởng như hoa Ưu Bát (Utpala, hoa sen xanh).

Thiền có mười điều lợi:

- Một là an trụ nghi thức.
- Hai là hành cảnh giới của lòng Từ.
- Ba là chẳng bút rút, hối hận.
- Bốn là thủ hộ các căn.
- Năm là đạt được niềm vui chẳng ăn (tức chẳng cần ăn uống vì

trụ trong Thiền Duyệt Thực).

- Sáu là lìa ái dục.
- Bảy là tu Thiền bất không.
- Tám là giải thoát khỏi lưới rập của ma.
- Chín là an trụ trong cảnh Phật.
- Mười là giải thoát thành thực.

Bát Nhã có mười điều lợi:

- Một là chẳng giữ lấy tướng Thí.
- Hai là chẳng nương vào Giới.
- Ba là chẳng trụ trong Nhẫn lực.
- Bốn là chẳng lìa thân tâm tinh tấn.
- Năm là Thiền chẳng trụ vào đâu.
- Sáu là ma chẳng thể nhiễu loạn.
- Bảy là ngôn luận của kẻ khác chẳng thể lay động.
- Tám là thấu đạt tận đáy sanh tử.
- Chín là đầy lòng Từ tăng thượng.
- Mười là chẳng thích địa vị Nhị Thừa.

Lại còn có bốn sự phải nên tu Đàn:

- Một là phá keo tham.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề.

³³² Ở đây, “*tiêu*” nên hiểu theo nghĩa “có thể kham lãnh thọ sự cúng dường của đại chúng”, giống như câu kệ trong nghi thức Quán Đường “*tán tâm tạp thọai, tín thí nan tiêu*” (tâm tán loạn, chuyện gẫu, đồ cúng dường của tín thí sẽ khó tiêu).

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

- Ba là tự mình lẫn người khác đều đạt được lợi ích. Khi sắp thí, khi đang thí, khi đã thí xong đều hoan hỷ thì gọi là tự lợi. Trừ đói khát cho kẻ khác thì gọi là lợi tha.

- Bốn là đạt được đại thiện quả trong đời sau, tức là tôn quý, tài sản phong phú.

Có bốn sự hãy nên trì giới:

- Một là tự tu thiện pháp diệt ác giới.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là ngủ an ổn, tỉnh giác an ổn, chẳng hối hận, chẳng có tâm hại chúng sanh.
- Bốn là mai sau sẽ được hưởng sự vui sướng nơi nhân, thiên, Niết Bàn.

Có bốn sự hãy nên tu nhẫn:

- Một là trừ khử chẳng nhẫn.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là đôi bên đều xa lìa nỗi sợ hãi, đời sau chẳng sân, quyến thuộc chẳng hoại, chẳng chịu khổ não.
- Bốn là đạt được niềm vui nhân, thiên, Niết Bàn.

Có bốn sự hãy nên tu tinh tấn:

- Một là phá giải đãi.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là tăng thêm thiện pháp tức là tự lợi, chẳng nào hại người khác thì chính là lợi tha.

- Bốn là sau đó sẽ đắc đại lực, đạt đến Bồ Đề.

Có bốn sự phải nên tu Thiền:

- Một là phá loạn tâm.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là thân tâm tịch tĩnh, đó là tự lợi. Chẳng nào hại chúng sanh là lợi tha.

- Bốn là về sau sẽ được thân thanh tịnh, an ổn đắc Niết Bàn.

Có bốn sự phải nên tu Bát Nhã:

- Một là phá vô minh.
- Hai là trang nghiêm Bồ Đề nhiếp thọ chúng sanh.
- Ba là trí huệ tự vui sướng, đó là tự lợi. Có thể dạy chúng sanh là lợi tha.

- Bốn là có thể phá hoại phiền não và trí chướng. Đó là đại quả.

Các cách nói giống như thế đều là tướng trạng của Lục Độ được nói trong Biệt Giáo.

Kinh Nguyệt Tạng quyển thứ nhất nói: “*Nhược chúng sanh duy y độc tụng, cầu Bồ Đề, thị nhân vị trước thể tục, thượng bất điều kỳ phiên não, hà năng điều tha? Thị nhân trước tạt đồ, danh lợi, phú quý, cao tâm tự thị, khinh mạn, hủy tha, thượng bất đắc Dục Giới thiện căn, hướng Sắc, Vô Sắc thiện căn? Hướng Nhị Thừa Bồ Đề? Hướng Vô Thượng Bồ Đề? Như tinh hỏa bất năng càn hải, khẩu khí bất năng động sơn, ngẫu ty bất năng xúng nhạc. Đương tri thể tục bất năng mãn Bồ Đề, hà đẳng thị Đệ Nhất Nghĩa? Vị tạo nhất thiết phước sự, cập tu thân, tu tâm, tu huệ, dĩ Đệ Nhất Nghĩa huân tu, tắc tốc mãn Lục Ba La Mật. Nhược hành, nhược tọa, xả phan duyên tướng, thị Đàn. Xả phan duyên bất phạm, thị Thi. Ư cảnh giới, bất sanh sang vu, thị Sạn. Bất xả ư lý, thị Tinh Tấn. Ư sự trung bất phóng dật, thị Thiền. Ư chư pháp thể tánh vô sanh, thị Bát Nhã. Phục thứ ư Ám xả, thị Đàn. Bất kế niệm Ám, thị Thi. Ư Ám vô ngã tướng, thị Sạn. Ư Ám khởi oán tướng, thị Tấn. Ư Ám bất xí nhiên, thị Thiền. Ư Ám tạt cánh khí, thị Bát Nhã. Ư giới xả, thị Đàn. Ư giới bất nhiều trước, thị Thi. Ư giới xả nhân duyên, thị Sạn. Ư giới sở sở xả, thị Tấn. Ư giới bất khởi phát, thị Thiền. Ư giới như huyền tướng, thị Bát Nhã. Như thị đẳng thị danh Đệ Nhất Nghĩa Đế thiện xảo phương tiện thậm thâm pháp yếu, năng mãn Lục Ba La Mật. Dĩ thử pháp tự vi, vi tha, tam thế Bồ Tát tất tu thị pháp thành Bồ Đề cố, phi thể tục dã. Thử pháp năng tức chúng sanh phiên não đạo, khổ đạo, an trí Bồ Đề đạo*” (Nếu chúng sanh chỉ nương vào đọc tụng để cầu Bồ Đề, người ấy vì chấp trước thể tục, còn chẳng thể điều phục phiên não của chính mình, sao có thể điều phục người khác? Kẻ đó chấp trước ghen ghét, danh lợi, phú quý, tâm cao ngạo, tự cho là đúng, khinh mạn, hủy báng người khác, còn chẳng đạt được thiện căn trong Dục Giới, hướng hồ thiện căn trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới ư? Hướng hồ Nhị Thừa Bồ Đề ư? Hướng hồ Vô Thượng Bồ Đề ư? Như đóm lửa chẳng thể khô cạn biển, một hơi thổi chẳng thể lay động núi, sợi tơ từ ngó sen chẳng thể cân quả núi. Hãy nên biết thể tục chẳng thể viên mãn Bồ Đề. Những gì là Đệ Nhất Nghĩa? Chính là tạo hết thảy phước sự, và tu thân, tu tâm, tu huệ, dùng Đệ Nhất Nghĩa để huân tu, sẽ mau chóng viên mãn Lục Ba La Mật. Dù đi, dù ngồi, đều bỏ ý tưởng nắm níu, đó là Đàn Na (Bố Thí). Bỏ nắm níu chẳng phạm thì là Thi La (Giới). Đối với cảnh giới, chẳng sanh đau ngứa, là Sạn Đề (Nhẫn). Chẳng xả lìa bỏ, đó là Tinh Tấn. Chẳng buông lung nơi Sự, là Thiền. Đối với các pháp [thấu hiểu] thể tánh vô sanh, thì là Bát Nhã. Lại còn xả Ám là Đàn. Chẳng so đo, nghĩ tới Ám là Thi La. Đối với Ám, tưởng là vô ngã, chính là Sạn Đề. Đối với Ám, tưởng như oán

cừu thì là Tinh Tấn. Chẳng khiến cho Âm lưng lầy thì là Thiên. Rốt ráo bỏ Âm thì là Bát Nhã. Đối với Giới bèn xả là Đàn. Chẳng nhiễu loạn, ô trược Giới thì là Thi La. Xả nhân duyên nơi Giới thì là Sạn Đề. Đối với Giới nhiều lượt xả thì là Tinh Tấn. Đối với Giới, chẳng dấy động, phát khởi thì là Thiên. Tưởng Giới như huyền thì là Bát Nhã. Những điều như thế gọi là pháp yếu phương tiện thiện xảo rất sâu trong Đệ Nhất Nghĩa Đế, có thể toàn vẹn Lục Ba La Mật. Dùng các pháp ấy để tự hành, hành cho người khác, Bồ Tát trong ba đời đều do tu pháp này mà thành Bồ Đề, chẳng phải là pháp thế tục. Pháp này có thể dứt phiền não đạo và khổ đạo cho chúng sanh, an trí họ nơi Bồ Đề đạo).

Kinh Hoa Nghiêm lại nói Thất Địa Bồ Tát trong mỗi niệm đều trọn đủ mười Ba La Mật. Hãy nên biết các địa đều là “niệm nào cũng đều trọn đủ”; chỉ vì dạy bảo thích đáng, cho nên tới Thất Địa mới nói. Những cách nói giống như thế chính là tướng trạng của Lục Độ trong Viên Giáo. Nay nói đến nhân hạnh của Phật Thích Ca, cần phải biết nơi Tích, Ngài thị hiện bốn tướng, nhưng nơi Bốn thì chỉ hành Viên. Kế đó, từ, bi, hỷ, xả, mỗi pháp đều có sanh duyên, pháp duyên, và vô duyên, ba loại bất đồng. Tam Tạng là sanh duyên, Nhị Thừa chỉ có thể điều phục chính mình, chỉ có thể thâm nhiếp vào Định học. Bồ Tát vì độ hết thảy, riêng tu tứ vô lượng tâm. Nếu quả vị thành tựu, sẽ được gọi là “đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả”.

Pháp duyên trong Thông Giáo thì tam thừa đều cùng tu, nhưng nơi Tích thì tự lợi và lợi tha cách biệt. Biệt Giáo thì theo thứ tự tu ba món. Viên Giáo thì nhất tâm trọn đủ, nơi Tích là bốn, nhưng nơi Bốn chỉ là một. Phỏng theo Lục Độ trong đoạn trước, sẽ có thể biết.

(Kinh) Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tử ma kim sắc, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Nhiếp Pháp, thập bát bất cộng, thần thông, đạo lực, thành Đẳng Chánh Giác, quảng độ chúng sanh.

(經)三十二相，八十種好，紫磨金色，十力，四無所畏，四攝法，十八不共，神通，道力，成等正覺，廣度眾生。

(Kinh: Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, sắc vàng tía được giới mài, Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tứ Nhiếp Pháp, mười tám món bất cộng, thần thông, đạo lực, thành Đẳng Chánh Giác, rộng độ chúng sanh).

Kể đó, đoạn này nói đến cái quả đã viên mãn. Ba mươi hai tướng được nói chi tiết trong Pháp Giới Thứ Độ Sơ Môn³³³ và Pháp Số v.v... Sách Pháp Hoa Văn Cú cũng nêu đại lược, ở đây chẳng phiên trích lục. Tam Tạng coi tinh tấn và trì giới là căn bản của [ba mươi hai] tướng. Nếu chẳng trì giới thì còn chẳng thể đạt được thân trời người, huống hồ thân tướng của Phật! Thông Giáo coi Không và Vô Sanh là căn bản của các tướng. Biệt Giáo coi Đạo Chung Trí là căn bản của các tướng. Viên Giáo coi Thật Tướng là căn bản của các tướng. Nay nghe Pháp Hoa khiến cho ta trọn đủ, tức là xứng tánh mà phát khởi để đạt được, cũng là do nơi Tích đã tu ba món [căn bản của các tướng] trước đó. Tám mươi thứ hảo, Thập Lực, thần thông v.v... như sách Pháp Số đã nói cặn kẽ. Phỏng theo trên đây, sẽ biết trong tứ giáo, mỗi giáo đều có tướng trạng bất đồng. Sau đó, đều kết quy vào Viên tông.

(Kinh) Giai nhân Đề Bà Đạt Đa thiện tri thức cố.

(經)皆因提婆達多善知識故」。

(Kinh: Điều do Đề Bà Đạt Đa làm thiện tri thức).

Điều này kết lại điều chứng minh “do lưu thông kinh mà đạt được lợi ích”.

Phần thứ nhất, “đệ tử nhân tròn quả vẹn” đã xong.

12.1.2.2. Nói rõ pháp sư sẽ thành tựu diệu quả

12.1.2.2.1. Thành tựu chánh quả

(Kinh) Cáo chư tứ chúng: - Đề Bà Đạt Đa khước hậu quá vô lượng kiếp, đương đắc thành Phật, hiệu viết Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới danh Thiên Đạo.

³³³ Pháp Giới Thứ Độ Sơ Môn là tác phẩm do ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư) biên soạn, thường được gọi tắt là Pháp Giới Thứ Độ, nói về các danh tướng và giáo nghĩa trong A Tỳ Đàm. Đồng thời, Tổ còn luận định mức độ cặn sâu của các giáo để hướng dẫn hành nhân tu tập Tam Quán theo thứ tự, bao gồm sáu mươi môn kể từ Danh Sắc cho tới Tứ Niệm Xứ.

(經)告諸四眾：「提婆達多卻後過無量劫，當得成佛，號曰天王如來、應供、正徧知、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。世界名天道。」

(Kinh: Bảo tứ chúng: - Đề Bà Đạt Đa trong vô lượng kiếp sau, sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương (Devarāja) Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Thiên Đạo - Devasopānā).

Nơi nhân tên là Thiên Nhiệt, nơi quả hiệu là Thiên Vương, nước tên là Thiên Đạo, đều là do triệt ngộ Đề Nhất Nghĩa Thiên trong Tánh Đức, chẳng nghịch, chẳng thuận, mà là nghịch, là thuận. Chẳng nghịch mà nghịch chẳng thể nghĩ bàn. Chính từ nghịch mà thuận, cho nên gọi là Thiên Nhiệt. Chẳng thuận mà thuận, sự thuận ấy chẳng thể nghĩ bàn. Gom nghịch thành thuận, cho nên tên là Thiên Vương. Hành phi đạo mà thông đạt Phật đạo, cho nên gọi là Thiên Đạo.

Hỏi: - Trong Tỳ Ni Tạng nói rõ Điều Đạt khi sắp vào địa ngục, đã đạt được Vô Căn Tín, miệng xưng Nam-mô, chưa kịp xưng chữ Phật, thân liền hãm đọa. Đức Phật thọ ký sau ba kiếp, [Đề Bà Đạt Đa] sẽ hết tội, thoát khỏi địa ngục, sanh làm người, sẽ đạt được quả vị Bích Chi Phật, hiệu là Nam Mô. Đã ngộ đạo, ôm bát khát thực, khi mới vừa xin được thức ăn, do Túc Mạng Thông, tự quán túc hạnh, biết là do sức thiện căn vì xưng Nam-mô khi lâm chung, hổ thẹn chẳng thọ thực, bèn diệt độ, sao lại rất khác với sự thọ ký trong kinh này?

Đáp: - Du hý thần thông, phổ môn thị hiện, ba mươi hai ứng hiện của chư đại Bồ Tát, trọn đủ các thân trong mười pháp giới, trọn khắp pháp giới đến tột cùng vị lai. Chẳng hạn như chuyện của Ương Quật Ma La, Tát Giá Ni Kiền, Ca Lưu Đà Di v.v... căn cơ Đại, Tiểu Thừa, đều do đạt được một phần Ba La Mật của Như Lai. Nếu biết ý này, sẽ biết đức Thích Ca đã thành Phật từ lâu xa, nhưng vẫn thị hiện hành nhân hạnh nơi Đại Thông Trí Thắng Phật, Oai Âm Vương Phật v.v... cho đến trong phẩm này nêu chuyện Ngài cầu pháp, được Phật Nhiên Đăng thọ ký, mỗi mỗi không gì chẳng phải là phương tiện quyền biến khéo léo thị hiện dấu tích hồng lợi sanh, là phương tiện ân cần xưng dương, tán thán, đều có nguyên do vậy!

12.1.2.2.2. Nói về người được hóa độ

(Kinh) Thời, Thiên Vương Phật trụ thế nhị thập trung kiếp, quảng vị chúng sanh thuyết u diệu pháp. Hằng hà sa chúng sanh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sanh phát Duyên Giác tâm. Hằng hà sa chúng sanh phát vô thượng đạo tâm, đắc Vô Sanh Nhẫn, chí bất thoái chuyển.

(經)時，天王佛住世二十中劫，廣為眾生說於妙法。

恆河沙眾生得阿羅漢果，無量眾生發緣覺心。恆河沙眾生發無上道心，得無生忍，至不退轉。

(Kinh: Khi đó, Thiên Vương Phật trụ thế hai mươi trung kiếp, rộng vì chúng sanh nói diệu pháp. Hằng hà sa chúng sanh đắc quả A La Hán, vô lượng chúng sanh phát tâm Duyên Giác. Hằng hà sa chúng sanh phát vô thượng đạo tâm, đắc Vô Sanh Nhẫn, cho đến chẳng thoái chuyển).

12.1.2.2.3. Lợi ích sau khi diệt độ

(Kinh) Thời, Thiên Vương Phật bát Niết Bàn hậu, chánh pháp trụ thế nhị thập trung kiếp, toàn thân xá-lợi khởi thất bảo tháp, cao lục thập do-tuần, tung quảng tứ thập do-tuần. Chư thiên, nhân dân tất dĩ tạt hoa, mật hương, thiêu hương, đồ hương, y phục, anh lạc, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, ca tụng, lễ bái, cúng dường thất bảo diệu tháp. Vô lượng chúng sanh đắc A La Hán quả, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật. Bất khả tư nghị chúng sanh phát Bồ Đề tâm, chí bất thoái chuyển.

(經)時，天王佛般涅槃後，正法住世二十中劫，全身舍利起七寶塔，高六十由旬，縱廣四十由旬。諸天人民，悉以雜華，末香，燒香，塗香，衣服，瓔珞，幢幡，寶蓋，技樂，歌頌，禮拜，供養七寶妙塔。無量眾生得阿羅漢

果，無量眾生悟辟支佛。不可思議眾生發菩提心，至不退轉」。

(Kinh: Thuở ấy, sau khi Thiên Vương Phật bát Niết Bàn, chánh pháp trụ thế hai mươi trung kiếp, dựng tháp bảy báu thờ toàn thân xá-lợi, cao sáu mươi do-tuần, ngang dọc mỗi bề bốn mươi do-tuần. Chư thiên, nhân dân đều dùng các thứ hoa, hương bột, hương đốt, hương bôi, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc để ca tụng, lễ bái, cúng dường diệu tháp bảy báu. Vô lượng chúng sanh đắc quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật. Chẳng thể nghĩ bàn chúng sanh phát Bồ Đề tâm cho đến chẳng thoái chuyển).

Phần thứ hai, “kết lại, dung hội cổ kim” đã xong.

12.1.3. Khuyến tín

(Kinh) Phật cáo chư tỳ-kheo: - Vị lai thế trung, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn Diệu Pháp Hoa kinh Đề Bà Đạt Đa phẩm, tịnh tâm tín kính, bất sanh nghi hoặc giả, bất đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sanh thập phương Phật tiền. Sở sanh chi xứ thường văn thử kinh. Nhược sanh nhân thiên trung, thọ thắng diệu lạc. Nhược tại Phật tiền, liên hoa hóa sanh.

(經)佛告諸比丘：「未來世中，若有善男子，善女人聞妙法華經提婆達多品，淨心信敬，不生疑惑者，不墮地獄，餓鬼，畜生，生十方佛前。所生之處常聞此經。若生人天中，受勝妙樂。若在佛前，蓮華化生」。

(Kinh: Đức Phật bảo các tỳ-kheo: - Trong đời vị lai, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa của kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà tịnh tâm tin tưởng, kính trọng, chẳng sanh ngờ vực, sẽ chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, sẽ sanh trước chư Phật trong mười phương. Ở nơi sanh về, thường nghe kinh này. Nếu sanh trong trời, người, sẽ hưởng lạc thù thắng, mầu nhiệm. Nếu sanh trước chư Phật, sẽ là hóa sanh trong hoa sen).

“*Tịnh tâm tín kính*”: Chẳng làm lạc nấy sanh phiền não đối với dấu tích thị hiện thiện ác thì gọi là “*tịnh tâm*”. Biết rõ đời đời thị hiện làm kẻ oán chính là lò rèn để thành tựu “*thành Phật*” to lớn, thì gọi là Tín. Đối với kẻ oán cừu, bức não, có thể khởi lên ý tưởng “*đó là thiện tri thức chân thật*” thì gọi là Kính. Liễu đạt chuông do gõ mà ngân vang, đao do được mài mà sắc bén, vàng do nung luyện bền tinh ròng, hoa mai do trời lạnh mà ngát hương, chỉ quan tâm đến lợi ích, chẳng màng những điều sai trái khác, như con bú sữa, chẳng chê mẹ xấu xí. Như người hái quả, chẳng hiểm cạnh cây cong queo, đó là “*bất sanh nghi hoặc*” (chẳng sanh lòng ngờ vực). Như thế mới là Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, mới có thể vĩnh viễn lìa tam đồ, thường phụng sự chư Phật, luôn nghe diệu pháp, liên hoa hóa sanh.

Phần thứ nhất, “*Đạt Đa lưu thông kinh thuở trước, Phật Thích Ca thành đạo*” đã xong.

12.2. Hiện thời, ngài Văn Thù lưu thông kinh, long nữ thành Phật

12.2.1. Nói về chuyện lưu thông kinh

12.2.1.1. Trí Tích Bồ Tát thỉnh [Đa Bảo Phật] lui về

(*Kinh*) *Ư thời, hạ phương Đa Bảo Thế Tôn sở tùng Bồ Tát, danh viết Trí Tích, bạch Đa Bảo Phật đương hoàn bản độ.*

(經)於時，下方多寶世尊所從菩薩，名曰智積，白多寶佛當還本土。

(*Kinh*: *Khi đó, vị Bồ Tát đi theo Đa Bảo Thế Tôn ở phương dưới tên là Trí Tích (Prajñākūṭa) bạch Đa Bảo Phật hãy nên trở về cõi mình*).

Hỏi: - Đa Bảo Phật đã thị hiện nhập diệt, sao lại có Bồ Tát đi theo Ngài?

Đáp: - Ất hẳn là người cúng dường, hầu cận tháp của Phật Đa Bảo trong cõi đó, có thể vận dụng thần thông nguyện lực đi theo tháp báu tới nghe kinh các nơi, mà cũng do thần lực của Đa Bảo Như Lai dẫn khởi, nhiếp thọ.

12.2.1.2. Phật Thích Ca ngăn cản

(Kinh) Thích Ca Mâu Ni Phật cáo Trí Tích viết: - Thiện nam tử! Thả đãi tu du, thử hữu Bồ Tát danh Văn Thù Sư Lợi, khả dĩ tương kiến, luận thuyết diệu pháp, khả hoàn bốn thổ.

(經)釋迦牟尼佛告智積曰：「善男子！且待須臾，此有菩薩名文殊師利，可與相見，論說妙法，可還本土」。

(Kinh: Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Trí Tích rằng: - Nay thiện nam tử! Hãy chờ giây lát, nơi đây có Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, ông có thể gặp gỡ, luận nói diệu pháp rồi hãy trở về cõi mình).

Ý của ngài Trí Tích cho rằng tháp của Đa Bảo Phật chỉ vì chúng mình kinh mà xuất hiện. Nay phần khuyên lơn chúng sanh lưu thông đã xong, cho nên thỉnh Phật trở về. Phật Thích Ca thì do Tích Môn đã xong, Bốn Môn chưa nêu bày, cho nên mượn ngài Văn Thù làm có để lưu Phật Đa Bảo lại. Mật ý của Phật, Bồ Tát chẳng biết được!

12.2.1.3. Ngài Văn Thù liền đến

(Kinh) Nhĩ thời, Văn Thù Sư Lợi tọa thiên diệp liên hoa, đại như xa luân, câu lai Bồ Tát diệp tọa bảo liên hoa, tùng u đại hải Sa Kiệt La long cung, tự nhiên dũng xuất, trụ hư không trung, nghệ Linh Thứu sơn, tùng liên hoa hạ, chí u Phật sở, đầu diện kính lễ nhị Thế Tôn túc. Tu kính dĩ tất, vãng Trí Tích sở, cộng tương úy vấn, khước tọa nhất diện.

(經)爾時，文殊師利坐千葉蓮華，大如車輪，俱來菩薩亦坐寶蓮華，從於大海娑竭羅龍宮，自然涌出，住虛空中，詣靈鷲山，從蓮華下，至於佛所，頭面敬禮二世尊足。修敬已畢，往智積所，共相慰問，卻坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen ngàn cánh, to như bánh xe, các Bồ Tát cùng đến với Ngài cũng ngồi trên hoa sen báu, từ cung rồng Sa Kiệt La (Sāgara)³³⁴ trong biển cả, tự nhiên vọt ra, trụ trong hư không, tới núi Linh Thứu (Gṛdhrakūṭa), từ hoa sen bước

³³⁴ Pháp sư Phổ Hành giảng: “Sa Kiệt La dịch nghĩa là Hàm Hải (biển nước mặn) ở ngoài phía rặng Kim Sơn thứ bảy [bao quanh núi Tu Di]. Rồng sống ở đó, nên gọi là long cung”.

xuống, đến chỗ đức Phật, đầu mặt kính lễ dưới chân hai đức Thế Tôn. Tu kính xong xuôi, qua chỗ ngài Trí Tích, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi qua một bên).

Hỏi: - Trong phẩm Tự có nói ngài Văn Thù hiện diện trong pháp hội, nay sao lại từ biển xuất hiện?

Đáp: - Có ba nghĩa:

- Một, chẳng rời khỏi hội này, giáo hóa chúng sanh trong biển. Thánh cảnh ẩn hiển, phạm phu chẳng thể suy lường được!

- Hai, trong phẩm Tự, sau khi Ngài đã tạo lợi ích xong, lúc Ngài rời đi, há ắt chẳng biết rõ ư? Khi Ngài đến thì lợi ích to lớn mới sanh, cùng với đại chúng từ biển mà đến.

- Ba, Phạm văn rất rộng, truyền dịch [sang tiếng Hán] rất đại lược. Trong bản ấy (nguyên bản bằng tiếng Phạn), không chừng có chép lúc Ngài rời khỏi hội. Chẳng hạn như phẩm Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm³³⁵ v.v...

Hỏi: - Ngoài tam thiên, đều có bốn trăm vạn ức na-do-tha cõi [do Phật Thích Ca biến hóa ra, các cõi ấy đều] chẳng có biển cả. Vì sao vẫn nói ngài Văn Thù từ biển đến?

Đáp: - Giải thích theo sự tương mà còn chẳng thể nói rõ rệt được, huống hồ [bàn luận] chuyện chẳng thể nghĩ bàn ư! Nay dùng ba nghĩa để đã thông:

- Một, đã dời trời, người [sang cõi khác] và biến hóa biển cả, nay do sức thần thông, từ chốn xa xôi đã dời đi đó mà đến, đương nhiên là chẳng bị xa xôi ngăn trở.

- Hai, dầu đại chúng đã được dời đi, nhưng cung rồng bất động. Rồng cho là bất động, nhưng chỗ họ ở đã biến đổi. Do từ chỗ “biển nhưng chẳng biến” mà đến, có gì là không được?

- Ba, kẻ chẳng có duyên bị dời đi, người có duyên thì nay mới đến. Núi, sông chẳng thể nghĩ bàn rành rành mà khiến cho đại chúng chẳng thấy, chỉ là biến Kiến (cái Thấy bị biến đổi), chẳng phải là cái Thế biến đổi. Ngài Văn Thù đã chẳng khởi mà đến, cõi ấy cũng chính là uế

³³⁵ Trong kinh Hoa Nghiêm, vừa mở đầu, Văn Thù Bồ Tát đã hiện diện và Ngài giảng nói mấy phẩm liên về công hạnh của hàng Thập Tín Bồ Tát, chẳng hạn như phẩm Tịnh Hạnh. Nhưng đến phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử lại cầu pháp với ngài Văn Thù tại rừng Thệ Đa (tức vườn Kỳ Đà), có sáu ngàn vị tỷ-kheo tùy tùng Bồ Tát. Đồng tử được Bồ Tát dạy đi tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức, tức là Bồ Tát có đến dự và rời pháp hội.

mà tịnh. Vì thế, kinh Tịnh Danh nói “*di trí tha độ, độ bất sử nhân hữu vãng lai tướng*” (dời đặt sang cõi khác đều chẳng khiến cho mọi người có tướng đến đi); ở đây tuy khiến cho có tướng đến đi, nhưng vốn chẳng dời. Vì thế, phải nên biết là đối với căn cơ hữu duyên, cõi nước biến đổi, đại chúng được dời đi, nhưng vẫn đến. Kẻ vô duyên dẫu cõi nước trở lại như cũ, đại chúng tìm đến [pháp hội này để nghe kinh Pháp Hoa], nhưng kẻ đó (kẻ vô duyên) chẳng đến.

Do vậy, lý tuy chẳng động, nhưng chuyện biến hóa tuân theo nề nếp, cho nên khiến cho [mọi người] được thấy khác nhau. Qua lại khác thời, quy cách ứng hóa của Bồ Tát còn là như thế, há Phật lập cách biến hóa giống như phàm phu ư?

Hỏi: - Chẳng khởi mà qua tới, sao lại nói là “đến”?

Đáp: - Thị hiện cho đại chúng đây kia biết công lực của kinh, biết đến lợi ích do lãnh thọ giáo pháp. Vì thế, cần phải nói là “đến”. Chẳng qua mà qua, không đến mà đến, đều vì lợi lạc chúng sanh, cần gì phải cần vặn điều này? Vì thế biết là tuy nói “dời khỏi cõi này”, nhưng nơi cõi khác chưa chắc đã thấy đến! Cõi kia chẳng thấy đến, cõi này chẳng thấy đi. Chẳng đến, chẳng đi, nhưng chuyện dời đi rành rành. Như trong kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật), Như Lai ấn ngón chân xuống đất, khi đó, đại chúng tự thấy [chính mình] ngồi trên hoa sen báu, mà cõi nước vẫn là uế độ như cũ.

12.2.1.4. Trí Tích hỏi han

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát vấn Văn Thù Sư Lợi: - Nhân vãng long cung, sở hóa chúng sanh kỳ số kỷ hà?

(經)智積菩薩問文殊師利：「仁往龍宮，所化眾生其數幾何？」

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi: - Nhân giả qua long cung, hóa độ chúng sanh số lượng là bao nhiêu?)

12.2.1.5. Ngài Văn Thù giải đáp

12.2.1.5.1. Trả lời: Lợi ích rất nhiều

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Kỳ số vô lượng, bất khả xưng kể, phi khẩu sở tuyên, phi tâm sở trắc. Thả đãi tu du, tự đương chứng tri.

(經)文殊師利言：「其數無量，不可稱計，非口所宣，非心所測。且待須臾，自當證知」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Số ấy vô lượng, chẳng thể tính kể, miệng chẳng thể nói được, tâm chẳng thể lường được. Hãy chờ giây lát, sẽ tự chứng biết).

12.2.1.5.2. Kể được lợi ích đều nhóm đến chứng thực

(Kinh) Sở ngôn vị cánh, vô số Bồ Tát tọa bảo liên hoa, từng hải dũng xuất, nghệ Linh Thứu sơn, trụ tại hư không. Thử chư Bồ Tát giai thị Văn Thù Sư Lợi chi sở hóa độ, cụ Bồ Tát hạnh, giai cộng luận thuyết Lục Ba La Mật. Bốn Thanh Văn nhân tại hư không trung thuyết Thanh Văn hạnh, kim giai tu hành Đại Thừa Không nghĩa.

(經)所言未竟，無數菩薩坐寶蓮華，從海涌出，詣靈鷲山，住在虛空。此諸菩薩皆是文殊師利之所化度，具菩薩行，皆共論說六波羅蜜。本聲聞人在虛空中說聲聞行，今皆修行大乘空義。

(Kinh: Nói chưa xong, vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu từ biển vọt ra, tới núi Linh Thứu, trụ trong hư không. Các vị Bồ Tát ấy đều do ngài Văn Thù Sư Lợi hóa độ, trọn đủ Bồ Tát hạnh, đều cùng luận bàn Lục Ba La Mật. Những vị vốn là Thanh Văn ở trong hư không, nói hạnh Thanh Văn, nay đều tu hành không nghĩa của Đại Thừa).

Vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu, có hai loại:

- Một là những vị vốn phát tâm Đại Thừa.
- Hai là những vị vốn là Thanh Văn, nay được ngài Văn Thù giáo hóa, cùng quy vào Nhất Thật.

“Đại Thừa Không nghĩa” chính là Thật Tướng của các pháp.

12.2.1.5.3. Ngài Văn Thù kết lại lợi ích

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi vị Trí Tích viết: - U' hải giáo hóa, kỳ sự như thị.

(經)文殊師利謂智積曰：「於海教化，其事如是」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi bảo ngài Trí Tích: - Chuyện giáo hóa trong biển là như thế đó).

12.2.1.5.4. Ngài Trí Tích nói kệ tán thán

(Kinh) Nhĩ thời, Trí Tích Bồ Tát dĩ kệ tán viết: - Đại trí đức dũng kiện, hóa độ vô lượng chúng. Kim thử chư đại hội, cập ngã giai dĩ kiến, diễn sướng Thật Tướng nghĩa, khai xiển Nhất Thừa pháp, quảng đạo chư chúng sanh, linh tốc thành Bồ Đề.

(經)爾時，智積菩薩以偈讚曰：「大智德勇健，化度無量眾。今此諸大會，及我皆已見，演暢實相義，開闡一乘法，廣導諸眾生，令速成菩提」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Trí Tích Bồ Tát dùng kệ tán thán rằng: - Đại trí đức mạnh mẽ, hóa độ vô lượng người. Nay trong các đại hội, tôi đều đã trông thấy, diễn bày nghĩa Thật Tướng, khai xiển pháp Nhất Thừa, rộng hướng dẫn chúng sanh, khiến mau thành Bồ Đề).

Phần thứ nhất, “nói về chuyện lưu thông” kinh đã xong.

12.2.2. Giảng về lợi ích

12.2.2.1. Ngài Văn Thù tự trần thuật

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Ngã ư hải trung, duy thường tuyên thuyết Diệu Pháp Hoa kinh.

(經)文殊師利言：「我於海中，唯常宣說妙法華 經」

。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Tôi ở trong biển chỉ thường tuyên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

12.2.2.2. Ngài Trí Tích hỏi han

(Kinh) Trí Tích vấn Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Thử kinh thậm thâm vi diệu, chư kinh trung bảo, thế sở hy hữu, phá hữu chúng sanh cần gia tinh tấn, tu hành thử kinh, tốc đắc Phật phủ?

(經)智積問文殊師利言：「此經甚深微妙，諸經中寶，世所希有，頗有眾生勤加精進，修行此經，速得佛不？」

(Kinh: Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: - Kinh ấy rất sâu vi diệu, là của báu trong các kinh, hiếm có trong cõi đời, há có chúng sanh nào siêng năng, ra sức tinh tấn tu hành kinh này, mau chóng thành Phật hay không?)

12.2.2.3. Văn Thù trả lời

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi ngôn: - Hữu Sa Kiệt La long vương nữ, niên thử bát tuế, trí huệ lợi căn, thiện tri chúng sanh chư căn hạnh nghiệp, đắc Đà La Ni. Chư Phật sở thuyết thậm thâm bí tạng, tất năng thọ trì, thâm nhập Thiền Định, liễu đạt chư pháp. U' sát-na khoảnh, phát Bồ Đề tâm, đắc bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, từ niệm chúng sanh, do như xích tử, công đức cụ túc. Tâm niệm khẩu diễn, vi diệu quảng đại, từ bi nhân nhượng, chí ý hòa nhã, năng chí Bồ Đề.

(經)文殊師利言：「有娑竭羅龍王女，年始八歲，智慧利根，善知眾生諸根行業，得陀羅尼。諸佛所說甚深秘藏，悉能受持，深入禪定，了達諸法。於剎那頃，發菩提心，得不退轉，辯才無礙，慈念眾生，猶如赤子，功德具足。心念口演，微妙廣大，慈悲仁讓，志意和雅，能至菩提」。

(Kinh: Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: - Có con gái của vua rồng Sa Kiệt La mới tám tuổi, trí huệ lợi căn, khéo biết các căn và hạnh nghiệp của chúng sanh, đắc Đà La Ni. Tạng bí mật rất sâu do chư Phật đã nói,

đều có thể thọ trì, thâm nhập Thiền Định, liễu đạt các pháp. Trong khoảng sát-na, phát Bồ Đề tâm, đắc bất thoái chuyển, biện tài vô ngại, từ bi nghĩ thương chúng sanh khác nào con đò. Công đức đầy đủ, tâm nghĩ, miệng nói, vì diệu rộng lớn, từ bi, nhân từ, nhường nhịn, chí ý hòa nhã, có thể đạt tới Bồ Đề).

Trí huệ khéo biết chúng sanh, tổng trì có thể thọ lãnh Phật tạng, đều là viên huệ. Thâm nhập Thiền Định, liễu đạt các pháp chính là viên định. Do Định Huệ bình đẳng, cho nên có thể trong khoảng sát-na phát Bồ Đề tâm.

Nói “ngộ Vô Sanh mới thấy sát-na” chính là Sát Na Tể tam-muội. Thông đạt sát-na ấy vô sanh, vô tánh, nhanh chóng nhập pháp giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là “giới nhĩ hữu tâm, tam thiên cụ túc” (vừa mới nảy chút tâm, tam thiên đại thiên thế giới đã trọn đủ). Tam thiên tức Không, đạt được Vị Bất Thoái. Tam thiên tức Giả, đạt được Hạnh Bất Thoái. Tam thiên tức Trung, đạt được Niệm Bất Thoái. Biết rõ chẳng ngang, chẳng dọc, cùng chiều ngang lẫn dọc, cho nên biện tài vô ngại, tự ngộ tâm tánh và chư Phật giống nhau, nghĩ thương xót chúng sanh đồng thể vẫn đang mê. Vì thế “từ niệm do như xích tử” (từ bi nghĩ tưởng ví như con đò). Đã có thể trên ứng hợp chư Phật, dưới là giống như chúng sanh. Cho nên công đức trọn đủ, có thể đạt tới Bồ Đề. Bốn câu kể từ “tâm niệm, khẩu diễn” (tâm nghĩ, miệng nói) đều nhằm tán thán Viên hạnh.

12.2.2.4. Ngài Trí Tích do chấp Biệt Giáo bèn nghi ngờ

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát ngôn: - Ngã kiến Thích Ca Như Lai u vô lượng kiếp nan hành khổ hạnh, tích công lũy đức, cầu Bồ Đề đạo, vị tăng chỉ tức. Quán tam thiên đại thiên thế giới, nãi chí vô hữu như giới tử húa, phi thị Bồ Tát xả thân mạng xứ vị chúng sanh cố. Nhiên hậu nãi đắc thành Bồ Đề đạo, bất tín thử nữ u tu du khoảnh tiện thành Chánh Giác.

(經)智積菩薩言：「我見釋迦如來於無量劫難行苦行，積功累德，求菩提道，未曾止息。觀三千大千世界，乃至無有如芥子許，非是菩薩捨身命處為眾生故。然後乃得成菩提道，不信此女於須臾頃便成正覺」。

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát nói: - Tôi thấy Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp hành khổ hạnh khó làm, tích lũy công đức để cầu Bồ Đề đạo chưa từng ngưng dứt. Xem cả tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào to bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh. Sau đấy Ngài mới được thành đạo Bồ Đề, chẳng tin cô gái này trong khoảnh khắc sẽ liền thành Chánh Giác).

Trí Tích theo hầu bảo tháp, chuyên chứng minh kinh Viên Giác, há có nên chẳng tin? Đây chính là Ngài vì chúng sanh mà nêu bày mỗi nghi. Phật Thích Ca khổ hạnh, thị hiện Tích giống với Biệt Giáo, đó chính là phương tiện quyền biến để hóa độ kẻ khác. Long nữ phát tâm liền ngự lên Bát Thoái, tức là tự hành Thật (đây chỉ là đối ứng với Thiên mà coi là Quyền, coi Viên là Thật). “Tu du” (Khoảnh khắc, giây lát) tức là “sát-na khoảnh” (trong khoảng sát-na) trong câu trước đó. Nhưng Quyền và Thật chẳng hai, Lý và Sự dung thông lẫn nhau. Phật Thích Ca thị hiện dấu tích hành trọn khắp các chuyện khó khăn, nhưng trước đó Ngài đã chứng Viên lý từ lâu. Long nữ thị hiện phát tâm trong sát-na, ắt cũng tích lũy tư lương rất lâu, hướng vô lượng kiếp ư? Giải rằng: Vốn là nhất niệm, chỉ trong khoảnh khắc, tánh trọn đủ mười đời xưa nay. Như tiên nhân Cù Mục³³⁶ nắm tay Thiện Tài, trong vòng một niệm, [Thiện Tài] trải khắp số kiếp như số vi trần trong một cõi nước để thừa sự chư Phật, hành Bồ Tát đạo. Lý tánh bất động, Phật sự rành rành. Nếu bảo Biệt Giáo một mực thuộc về Sự, Viên Giáo một mực thuộc về Lý, thì Lý và Sự tách rời, vẫn đọa vào chấp trước Biên Kiến. Sự chẳng có Lý thì dùng gì để tự lập? Lý chẳng có Sự thì dùng gì để tự phô bày? Nguyên người đọc kinh hãy suy xét!

³³⁶ Cù Mục tiên nhân gọi đầy đủ là Tỳ Mục Cù Sa tiên nhân (Bhīṣmottara-nirghoṣa) là vị thiện tri thức thứ tám trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Theo lời dạy của ưu-bà-di Hưu Xả (Ashā), Thiện Tài đồng tử đến nước Na Lại Tổ, tìm được vị tiên nhân này trong một khu rừng lớn. Tiên nhân có hơn một vạn đồ chúng. Tiên nhân cho biết Ngài đã đắc Bồ Tát Vô Thắng Tràng Giải Thoát pháp môn. Tiên nhân dùng tay xoa đầu Thiện Tài, rồi cầm tay Thiện Tài. Thiện Tài liền nhập tam-muội, thấy đạo tràng của chư Phật trong mười phương thế giới, thấy các cõi ấy, thấy tướng hảo trang nghiêm của chư Phật, đồng thời nghe hết thảy chư Phật đồng thời thuyết pháp, nghe hiểu, tin nhận từng câu từng chữ chẳng sót v.v... Đồng thời, trải trần số kiếp, vào các cõi Phật, phụng sự chư Phật, hành Bồ Tát đạo, thâm nhập Tỳ Lô Giá Na Tạng tam-muội...

12.2.2.5. Long nữ nêu bày Viên Giáo để cởi gỡ mối nghi

(Kinh) Ngôn luận vị ngật, thời, long vương nữ hốt hiện ư tiền, đầu diện lễ kính, khước trụ nhất diện, dĩ kệ tán viết: “Thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương. Vì diệu tịnh Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị. Dĩ bát thập chủng hảo, dụng trang nghiêm Pháp Thân. Thiên nhân sở đối ngưỡng, long thần hàm cung kính. Nhất thiết chúng sanh loại, vô bất tông phụng giả. Hựu văn thành Bồ Đề, duy Phật đương chứng tri. Ngã xiển Đại Thừa giáo, độ thoát khổ chúng sanh”.

(經)言論未訖，時，龍王女忽現於前，頭面禮敬，卻住一面，以偈讚曰：「深達罪福相，徧照於十方。微妙淨法身，具相三十二。以八十種好，用莊嚴法身。天人所戴仰，龍神咸恭敬。一切眾生類，無不宗奉者。又聞成菩提，唯佛當證知。我聞大乘教，度脫苦眾生」。

(Kinh: Bàn nói chưa xong, khi đó, con gái của long vương bỗng hiện ra trước mặt, đầu mặt lễ kính, đứng lui qua một bên, dùng kệ tán thán [đức Phật] rằng: “Hiểu sâu tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương. Pháp Thân sạch vì diệu, đủ ba mươi hai tướng, dùng tám mươi thứ hảo, để trang nghiêm Pháp Thân. Trời, người đều kính ngưỡng, long thần cùng cung kính. Hết thấy loài chúng sanh, không ai chẳng sùng phụng. Lại nghe thành Bồ Đề, chỉ Phật sẽ chứng biết. Con xiển giáo Đại Thừa, độ thoát chúng sanh khổ”).

Đây là do long nữ trì kinh mà được hiểu. Vì thế, lưu loát tán Phật, chính là nêu rõ Viên Giáo hòng tháo gỡ mối nghi. Hai bài kệ rưới đầu tiên, tán thán đức Phật đã nêu bày Viên Giáo. Bài kệ sau đó là dẫn chứng để cởi gỡ mối nghi. Thoạt đầu nói “thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương” (liều đạt sâu xa tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương): Tướng tội phước chỉ là tướng mười pháp giới. Tam đồ là tội, nhân thiên là phước. Hữu lậu là tội, vô lậu là phước. Thiên Không là tội, xuất Giả là phước. Nhị Biên là tội, Trung Đạo là phước. Đản Trung (chỉ chấp vào Trung) là tội, viên Trung là phước. Đã nêu ra tướng của mười pháp giới, vậy thì Tánh, Thể, cho đến Quả Báo, không gì chẳng được gồm thâu trọn vẹn. Tướng tội phước của mười pháp giới v.v... đều là

các pháp sanh bởi nhân duyên. Ngay nơi bản thể chính là Không, là Giả, là Trung. Tam Tạng chỉ thấu đạt một câu nhân duyên, chiếu sáu pháp giới chứ không chiếu mười. Thấu đạt chẳng sâu, chẳng chiếu trọn khắp. Thông Giáo chỉ thấu đạt nhân duyên của sáu pháp giới chính là Không, nhưng thấu đạt cũng chẳng sâu, chiếu cũng chẳng trọn khắp. Biệt Giáo thấu đạt theo thứ tự, và cũng chiếu theo thứ tự, vẫn chẳng thể gọi “*thấu đạt sâu xa, chiếu trọn khắp*”. Chỉ có người thuộc Viên Giáo biết rõ một niệm hiện tiền theo chiều dọc tốt cùng tận đáy của Tam Đế, theo chiều ngang tốt cùng bờ mé của mười pháp giới, chẳng Đế nào không phải là mười pháp giới, tức là theo chiều dọc mà chẳng phải là chiều dọc. Không pháp giới nào chẳng phải là Tam Đế, tức là theo chiều ngang mà chẳng phải chiều ngang. Chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, mà vừa ngang, vừa dọc. Do đó, nói: “*Thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương*” (Thấu đạt sâu xa tướng tội phước, chiếu trọn khắp mười phương). Lại gồm thân ngang và dọc, cùng gọi là Tánh Đức. Tánh Đức chẳng phải ngang, chẳng phải dọc, do các phàm thánh thường bình đẳng. Lại nói là chiều ngang, nắm vững tánh thành tu, cần phải hiểu rõ Lục Tức. Tu cũng chẳng phải là ngang, chẳng phải là dọc, do pháp vô vi mà có sai biệt. Lại nói là dọc, Lý ở ngay nơi mê, thấu đạt mà chẳng thấu đạt, chiếu mà chẳng chiếu, danh tự đã mất, được gọi là “*đạt chiếu*”. Khi đã rốt ráo, thấu đạt bèn sâu nhất, chiếu bèn trọn khắp nhất. Nay tán thán Phật đức rốt ráo, vì thế nói “*thâm đạt tội phước tướng, biến chiếu ư thập phương*”.

“*Vì diệu tịnh Pháp Thân*”: Tam thiên tức Giả, nên là Vi. Tam thiên tức Trung, nên Diệu. Tam thiên tức Không, nên Tịnh. Tam đức chẳng ngang dọc, chẳng cùng nhau hay tách biệt; đó chính là Pháp Thân do chư Phật đã chứng. Pháp Thân vô tướng, không gì chẳng phải là tướng. Thật Tướng là cội gốc của tướng hải trong Đại Thừa và Tiểu Thừa. Vì thế, trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi tướng thứ hảo. Mỗi tướng hảo đều chính là pháp giới, Pháp Thân vốn trọn đủ, lại dùng để trang nghiêm Pháp Thân. Đó gọi là “*toàn tánh thành tu, toàn tu hiển tánh*”.

Bốn câu từ “*thiên nhân*” trở đi dễ hiểu. Lại nữa, “*văn thành Bồ Đề*” (nghe thành tựu Bồ Đề) nhắc lại ý nghĩa ngài Văn Thù ca ngợi long nữ “*trong khoảng sát-na có thể đạt tới Bồ Đề*” trong phần trên. “*Duy Phật đương chứng tri*” (Chỉ có Phật sẽ chứng biết): Dẫn Phật để làm chứng, nhằm tháo gỡ mọi nghi của ngài Trí Tịch. “*Ngã văn Đại Thừa giáo, độ thoát khổ chúng sanh*” (Con nghe giáo pháp Đại Thừa, độ cho

chúng sanh đang khổ sở được giải thoát) nhằm tỏ lộ ý nghĩa: Không lâu sau, [long nữ] sẽ qua thế giới Vô Cấu ở phương Nam, thành Đẳng Chánh Giác, chuyển đại pháp luân!

12.2.2.6. Ngài Thân Tử do chấp vào Tam Tạng Quyền Giáo bèn cất vấn

(Kinh) Thời, Xá Lợi Phất ngữ long nữ ngôn: - Nhữ vị bất cửu đắc vô thượng đạo, thị sự nan tín. Sở dĩ giả hà? Nữ thân cấu uế, phi thị pháp khí, vân hà năng đắc Vô Thượng Bồ Đề? Phật đạo huyền khoáng, kinh vô lượng kiếp cần khổ tích hạnh, cụ tu chư độ, nhiên hậu nãi thành. Hựu, nữ nhân thân do hữu ngũ chướng: Nhất giả, bất đắc tác Phạm thiên vương. Nhị giả, Đế Thích. Tam giả, ma vương. Tứ giả, Chuyển Luân Thánh Vương. Ngũ giả, Phật thân. Vân hà nữ thân tốc đắc thành Phật?

(經)時，舍利弗語龍女言：「汝謂不久得無上道，是事難信。所以者何？女身垢穢，非是法器，云何能得無上菩提？佛道懸曠，經無量劫勤苦積行，具修諸度，然後乃成。又，女人身猶有五障：一者、不得作梵天王。二者、帝釋。三者、魔王。四者、轉輪聖王。五者、佛身。云何女身速得成佛？」

(Kinh: Khi đó, ngài Xá Lợi Phất nói với long nữ rằng: - Người nói không lâu sẽ đắc vô thượng đạo, chuyện ấy khó tin. Vì lẽ nào vậy? Thân nữ cấu uế, chẳng phải là pháp khí, sao có thể đắc Vô Thượng Bồ Đề? Phật đạo lâu xa, phải trải qua vô lượng kiếp siêng khổ tích lũy công hạnh, tu trọn các Độ rồi mới thành tựu. Lại nữa, thân nữ nhân còn có năm chướng: Một, chẳng thể làm Phạm thiên vương, hai là [chẳng thể làm] Đế Thích, ba là [chẳng thể làm] ma vương, bốn là [chẳng thể làm] Chuyển Luân Thánh Vương, năm là [chẳng thể làm] thân Phật. Lẽ nào thân nữ nhanh chóng thành Phật cho được?)

Trong kinh Tịnh Danh, Thân Tử từng vấn đáp với thiên nữ, đã biết rõ nam nữ chẳng có tướng nhất định, huống nay Ngài đã đắc ngộ ngay

trong châu đầu tiên (Pháp Thuyết Châu), dự vào địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo, sở chứng tương đồng với long nữ, há thật sự có chuyện bắt bẻ này ư? Đây cũng là vì lợi ích chúng sanh mà nêu lời cật vấn ấy!

12.2.2.7. Long nữ dùng Nhất Thật để trừ nghi

(Kinh) Nhĩ thời, long nữ hữu nhất bảo châu, giá trị tam thiên đại thiên thế giới, trì dĩ thượng Phật, Phật tức thọ chi. Long nữ vị Trí Tích Bồ Tát, tôn giả Xá Lợi Phất ngôn: “Ngã hiến bảo châu, Thế Tôn nạp thọ, thị sự tât phủ?” Đáp ngôn: “Thậm tât”. Nữ ngôn: “Dĩ như thần lực quán ngã thành Phật, phục tốc ư thử!”

(經)爾時，龍女有一寶珠，價值三千大千世界，持以上佛，佛即受之。龍女謂智積菩薩，尊者舍利弗言：「我獻寶珠，世尊納受，是事疾不？」答言：「甚疾」。女言：「以汝神力觀我成佛，復速於此！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, long nữ có một viên bảo châu, giá trị bằng tam thiên đại thế giới, cầm dâng lên Phật. Đức Phật liền nhận lấy. Long nữ bảo Trí Tích Bồ Tát và tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi dâng bảo châu, đức Thế Tôn tiếp nhận, chuyện ấy có nhanh chóng hay không?” Đáp rằng: “Rất nhanh”. Cô ta bảo: “Hãy dùng thần lực của các vị để quán tôi thành Phật còn nhanh hơn thế!”)

“Bảo châu” biểu thị tu tập viên nhân. “Dâng lên Phật”: Biểu thị do cái nhân quyết đạt được cái quả. “Phật tức thọ chi” (Phật liền nhận lấy): Biểu thị đạt được cái quả rất nhanh. Giải thích theo quán tâm thì Thi Giác là bảo châu, Bồn Giác là Phật. Thi Giác xứng hợp Bồn Giác, tức là dùng châu dâng lên Phật, Phật liền nhận thấy.

(Kinh) Đương thời chúng hội giai kiến long nữ hốt nhiên chi gian, biến thành nam tử, cụ Bồ Tát hạnh, tức vãng Nam phương Vô Cấu thế giới, tọa bảo liên hoa, thành Đăng Chánh Giác, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, phổ vị thập phương nhất thiết chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.

(經)當時眾會皆見龍女忽然之間，變成男子，具菩薩行，即往南方無垢世界，坐寶蓮華，成等正覺，三十二相，八十種好，普為十方一切眾生演說妙法。

(Kinh: Chúng hội khi ấy đều thấy long nữ bỗng dung biến thành nam tử, trọn đủ hạnh Bồ Tát, liền qua thế giới Vô Cấu (Vimalā) ở phương Nam, ngồi trên hoa sen báu, thành Đẳng Chánh Giác, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, khắp vì hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới diễn nói diệu pháp).

Hỏi: - Thai kinh (kinh Bồ Tát Xử Thai) nói: “Ma, Phạm, Thích, nữ, giai bất xả thân, bất thọ thân, tất ư hiện thân đắc thành Phật” (Ma, Phạm, Đế Thích, nữ nhân đều chẳng xả thân, chẳng thọ thân, đều từ ngay trong thân hiện tại mà được thành Phật). Nay [long nữ] biến thành nam tử rồi mới thành Phật, Quyền Thật như thế nào?

Đáp: - Thai Kinh nói đến chuyện thành Phật nơi thân hiện tại là nói theo khía cạnh tự hành phá Vô Minh Hoặc, đó là Thật. Kinh này nói “*biến thành nam tử*” tức là nói theo khía cạnh hóa độ người khác, thị hiện tám tướng thành đạo, tức là Quyền. Cần phải biết: Nương theo giáo pháp viên đốn để tu diệu hạnh, đích xác có thể ngay lập tức thành Phật. Vì thế nói: “*Pháp tánh như đại hải, bất thuyết hữu thị phi. Phàm phu, hiền thánh nhân, bình đẳng vô cao hạ. Duy tại tâm cầu diệt, thủ chứng như phản chưởng*” (Pháp tánh như biển cả, chẳng nói có đúng sai. Phàm phu, bậc hiền thánh, bình đẳng, chẳng cao thấp. Cốt sao tâm cầu diệt, chứng đắc như lật tay). Do vì hành theo Thật rất nhanh chóng, cho nên dùng Quyền hạnh để thị hiện chứng minh sự thành tựu, khiến cho kẻ khác tin sâu, chẳng nghi.

Hỏi: - Nữ biến thành nam liền ngồi nơi đạo tràng, đã chẳng có các tướng giáng thân [nhập thai mẹ], ở trong thai, xuất gia v.v... Sao gọi là tám tướng thành đạo?

Đáp: - Cõi tịnh hay uế khác biệt, tám tướng việc gì phải hoàn toàn giống hệt như nhau! Hơn nữa, Pháp Thân thị hiện chẳng thể nghĩ bàn. Trong cõi này, tự thấy biến nữ thành nam, cõi kia từ đầu đến cuối vẫn thấy tám tướng cũng chẳng hề không thể!

Hỏi: - Các vị như Xá Lợi Phất v.v... đã dựa vào Sơ Trụ của Viên Giáo, cũng có thể [thị hiện] tám tướng thành Phật, vì lẽ nào [đức Phật]

thọ ký [các vị ấy] phải trong bao kiếp rộng lớn mai sau [mới được thành Phật]?

Đáp: - Tự hành theo Thật, ắt sở chứng xét theo Lý sẽ như nhau. Hóa độ người khác tuân theo Quyền, ắt vì căn cơ của chúng sanh [mà thị hiện sự tướng] khác nhau! Huống hồ các vị đại đệ tử toàn là Pháp Thân ứng hiện, thị hiện dấu tích ở các chỗ đều khác nhau? Sao dám biết chắc Ngài chẳng thị hiện thành Phật ở cõi khác ư?

Hỏi: - Giả sử các vị như Xá Lợi Phất v.v... đều đã thành Phật ở thế giới khác, vì sao lại thị hiện được thọ ký trong cõi này?

Đáp: - Thọ ký ở nơi đây hòng khiến cho chúng sanh thấy nghe, sẽ kết duyên trong mai sau, khiến cho họ đắc độ trong vị lai. Như thế thì theo chiều ngang tròn khắp mười phương, theo chiều dọc sẽ nhiều lượt chẳng ngớt rộng độ chúng sanh. Chúng sanh giới vẫn chẳng thể tận, há có thể dùng cái tâm tình kiến so đo để suy lường đại sự pháp giới ư?

12.2.2.8. Đại chúng thuở đó thấy nghe bèn đạt được lợi ích

(Kinh) Nhĩ thời, Sa Bà thế giới Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhân dữ phi nhân, giai dao kiến bỉ long nữ thành Phật, phổ vị thời hội nhân thiên thuyết pháp, tâm đại hoan hỷ, tất dao kính lễ. (Bỉ độ) vô lượng chúng sanh văn pháp giải ngộ, đắc bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sanh đắc thọ đạo ký. Vô Cấu thế giới lục phản chấn động. Sa Bà thế giới tam thiên chúng sanh trụ Bất Thoái địa, tam thiên chúng sanh phát Bồ Đề tâm nhi đắc thọ ký.

(經)爾時，娑婆世界菩薩、聲聞、天龍八部、人與非人，皆遙見彼龍女成佛，普為時會人天說法，心大歡喜，悉遙敬禮。（彼土）無量眾生聞法解悟，得不退轉。無量眾生得受道記。無垢世界六反震動。娑婆世界三千眾生住不退地。三千眾生發菩提心而得受記。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhân và phi nhân trong thế giới Sa Bà đều từ xa thấy cô long nữ ấy thành Phật, khắp vì trời người trong hội thuở ấy thuyết pháp, tâm đại hoan hỷ, đều vọng bái kính lễ. Vô lượng chúng sanh (trong cõi ấy) nghe pháp giải ngộ, đắc bất thoái chuyển. Vô lượng chúng sanh thọ đạo ký. Thế giới Vô

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa - Quyển 1

Cầu chấn động sáu lượt. Ba ngàn chúng sanh trong thế giới Sa Bà trụ địa vị bất thoái, ba ngàn chúng sanh phát tâm Bồ Đề bèn được thọ ký).

Trước hết nói “*dao kiến, dao văn*” (thấy từ xa, nghe từ xa); vì thế “*dao kính lễ*” (hướng đến phương xa kính lễ). Kế đó, nói rõ cõi ấy được lợi ích, sau đó nói cõi này được lợi ích. Vì phương Nam duyên đã chín muồi, đáng nên dùng tám tướng thành Phật. Cõi này duyên mỏng, chỉ dùng [thân phận] long nữ để giáo hóa, đều là từ Thể khởi Dụng, do sức của Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội mà đạt được, thân và hết thấy các thân đều có thể tùy nghi thị hiện.

12.2.2.9. Trí Tích và Thân Tử im lặng tin nhận

(Kinh) Trí Tích Bồ Tát cập Xá Lợi Phất, nhất thiết hội chúng, mặc nhiên tín thọ.

(經)智積菩薩及舍利弗，一切眾會，默然信受。

(Kinh: Trí Tích Bồ Tát và Xá Lợi Phất, hết thấy đại chúng trong hội đều im lặng tin nhận).

Phẩm Đề Bà Đạt Đa đã xong.

**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa
Quyển 1 hết**



“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”